

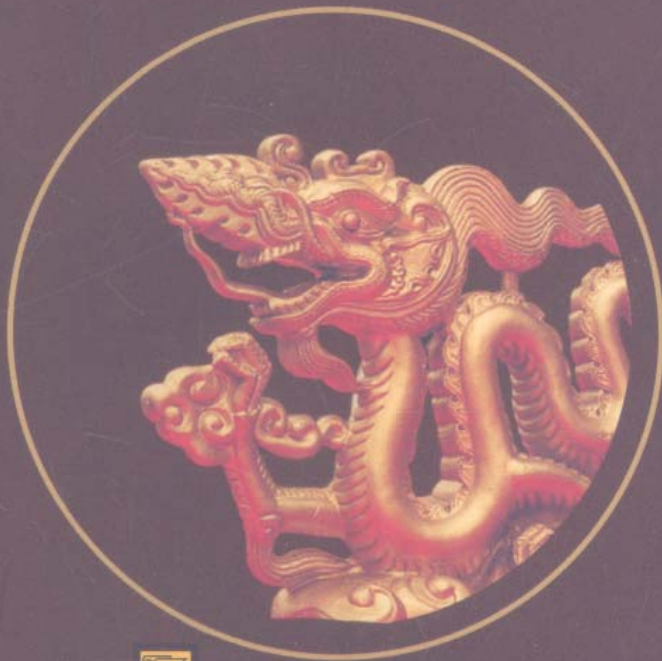


HOÀNG QUỐC HẢI

CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

4



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ



CON ĐƯỜNG
ĐỊNH MỆNH

Copyright©Hoàng Quốc Hải

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng độc quyền quyền tác giả giữa chi nhánh Công ty cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Vạn Niên tại Hà Nội (VanNien book) và tác giả.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng internet, kể cả lấy các ý tưởng từ trong tác phẩm này để sáng tác mà không được sự cho phép bằng văn bản của VanNien book là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của VanNien book và tác giả.



HOÀNG QUỐC HẢI

CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

4



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

Có thì có tự mây may
Không thì cả thế gian này cũng không
Vàng trắng vàng vạc in sông
Chớ nên chấp trước có không mà lầm

Thiền sư Từ Đạo Hạnh

SƠ GIẢN PHẢ HỆ NHÀ LÝ

Thái tổ Lý Công Uẩn lên ngôi năm 1010, băng năm 1028.

THÁI TỔ LÝ CÔNG UẨN SINH CÁC CON:

- Lý Phật Mã còn có tên là Đức Chính nối ngôi, miếu hiệu là Lý Thái tông.
- Dực Thánh vương
- Khai Quốc vương
- Đông Chinh vương
- Vũ Đức vương

LÝ THÁI TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Nhật Tôn. Nhật Tôn nối ngôi miếu hiệu là Lý Thánh tông.
- Lý Nhật Trung

LÝ THÁNH TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Càn Đức. Càn Đức nối ngôi miếu hiệu là Lý Nhân tông.
- Minh Nhân vương

LÝ NHÂN TÔNG (không có con phải lấy con của người em trong họ là Sùng Hiền hầu Lý Dương Hoán, lập làm hoàng thái tử và cho nối ngôi).

Dương Hoán lên ngôi lấy miếu hiệu là Lý Thần tông.

LÝ THẦN TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Thiên Lộc- tuy sinh trước nhưng là con người nàng hầu nên không được lập.
- Lý Thiên Tộ được nối ngôi, miếu hiệu là Lý Anh tông.

LÝ ANH TÔNG SINH CÁC CON:

- Lý Long Xưởng
 - Lý Long Cán
- Long Xưởng làm rối cương thường không được lập. Em là Long Cán được nối ngôi , miếu hiệu là Lý Cao tông.

LÝ CAO TÔNG SINH CÁC CON:

- Hoàng thái tử Sảm, nối ngôi miếu hiệu là Huệ tông.
- Hoàng tử Thẩm

HUỆ TÔNG SINH CÁC CON:

- Công chúa Thuận Thiên
- Công chúa Chiêu Thánh

I

Nhà vua vừa tắt thở, hai quan Tả, Hữu vũ vệ lập tức hạ lệnh nội bắt xuất, ngoại bắt nhập và cấp báo ngay cho Thái sư Lý Đạo Thành, Thiếu úy Lý Thường Kiệt.

Ba quan ngự y cũng bị giữ lại trong một phòng biệt lập có quân canh cẩn mật.

Quân Tùỵ long đứng án ngữ tại hai cổng tiền hậu, võ khí lăm lăm trong tay, lại mấy đội quân Tứ sương thay nhau tuần sát quanh tường thành cung điện.

Hai quan Tả, Hữu vũ vệ đích thân đứng canh hai đầu long sàng nơi nhà vua đang yên nghỉ, và ngoài hành lang có thêm một đô quân cảnh giới.

Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt, hai vị quan văn võ đầu triều và cũng là hai người thân cận nhất của nhà vua có mặt dường như cùng một lúc. Hai ông cho đòi ba vị thái y đến trước long sàng. Thái sư hỏi:

-Trước phút lâm chung hoàng thượng có di ngôn

lại với các ông điều gì không?

Quan Ngự y cục liền nói:

- Thưa quan Thái sư, suốt nửa tuần trăng hoàng thượng đã bỏ ăn và không nói một lời. Thực ra thì ngài không còn đủ sức để vận động ngọc thể. Các thái y trong Thái y cục chúng tôi đã nhiều lần cùng nhau chẩn trị và nghị bàn, nhưng tất cả đều bó tay. Chúng tôi chỉ cầm cự bằng cách phục sâm cho hoàng thượng.

Lý Thường Kiệt lại hỏi:

- Từ ngày hoàng thượng đổ bệnh, các thái y có nghe nhà vua nói đến di chiếu hoặc một điều gì gần giống như vậy ?

- Dạ chúng tôi chưa từng nghe thấy điều đó. Và lại mỗi khi người của Thái y cục thăm bệnh hoàng thượng, đều có các quan bên Khu mật viện và Tả, Hữu vũ vệ đồng giám sát.

Sau đó thái y cục trình ra một cuốn sổ thăm bệnh, chẩn mạch, cùng các loại thuốc uống hàng ngày do những ai chẩn mạch, bốc thuốc, kể cả người giám sát đều phải kí xác nhận vào phần cuối, và ở mỗi trang đều có đóng dấu giáp lai.

Trong khi Thái sư Lý Đạo Thành , thiếu úy Lý Thường Kiệt kiểm xét lại từng ngày, từng giờ từ khi nhà vua lâm bệnh thì các thái y ngồi riêng ra một góc. Tâm trạng các thái y lúc này thật là bối rối. Họ đều tự biết được tuyến vào Viện thái y hoặc vào Thái y cục, Ngự y

cục đầu phải là việc dễ. Bởi ngoài cái tài cái đức ra còn phải có thế lực, phải có người tiến cử thì mới có cơ may trở thành ngự y. Một khi đã trở thành ngự y lại chữa trị cho vua và các hoàng tử, công chúa khỏi bệnh thì tiếng tăm sẽ nổi khắp kinh thành. Một bước trở nên danh tiếng, âm vang đồn khắp bốn cõi, chỉ sợ không có sức cứu nhân độ thế; nhưng rủi bệnh ngày một trầm kha và chẳng may dẫn tới tử vong thì chẳng một ai chịu xét đến sức chống đỡ của người bệnh không còn, và chính người đó đã mắc phải một căn bệnh nan y mà sức người không thể cứu chữa nổi, trái lại ngay lập tức bậc danh y đó bị tống giam vào ngục thất với đòn roi tra khảo và bị gán cho đủ thứ âm mưu, tội đồ. Ôi chao thân phận một ngự y, dù là bậc thần y trong ngự y cục thì vẫn cứ là nơm nớp như cá nằm trên thớt. Chữa bệnh cho vua, nguy hiểm chẳng khác gì trị bệnh cho hổ báo. Tuy vậy, thế gian vẫn lắm kẻ háo danh cứ mon men cậy cục, kể cả lay lục để có thể tiến thân vào chốn cung đình, cũng tức là đem thân vào chốn hang hùm nọc rắn mà không tự biết.

Thái sư Lý Đạo Thành là người rất rành về y lý và cả dược lý, nên ông thấy việc chẩn mạch và bốc thuốc chữa trị của các ngự y không có gì sai sót. Và lại nếu có một ngự y nào muốn đưa ra bài thuốc mới đều phải thông qua một hội đồng các ngự y, đôi khi còn mời cả các danh y trong nước về tham vấn.

Lý Thường Kiệt có đọc hiểu nhưng ông không rành về y thuật. Tuy nhiên, ông lại nắm rất vững các bài thuốc nhằm giải cứu các vết đả thương do kẻ thù ra đòn hiểm. Dừng lại ở một đơn thuốc có vài vị mang tính công phạt, ông liền hỏi Lý Đạo Thành:

- Bẩm Thái sư, tôi hơi ngờ ngợ mấy vị thuốc này.

Lý Đạo Thành liếc nhanh cả toa thuốc, rồi ông lật mở trang chẩn mạch ngay trước và sau đó, đoạn ông chậm rãi đáp lời:

- Kính bẩm quan Thiếu úy, đúng đây là những vị thuốc có tính công phạt như quan ông nói, nhưng nó cần thiết. Hoàng thượng hôm trước đau tức ngực, đờm ngánng cổ gây khó thở, chướng bụng; ngài uống xong thang thuốc này ngày hôm sau đã tiêu đờm, bớt đau vùng ngực, bụng mềm, có cảm giác muốn ăn.

Sau một vài giây đắn đo, Thái sư nhìn thẳng vào Lý Thường Kiệt, ông chậm rãi:

- Bẩm quan ông, về đường y thuật, tôi đã xem kỹ, các thái y không có một sai sót nào. Song tôi vẫn băn khoăn, rõ ràng là các thái y không tìm ra được một bệnh gì của hoàng thượng cả. Chỉ là mệt, cảm. Vâng, tất cả các lần chẩn mạch và kê đơn bốc thuốc đều chỉ cho ta thấy nhà vua không mắc một bệnh nào trầm trọng. Tôi và cả quan ông, nhất là quan ông, chúng ta đều gần gũi hoàng thượng và đều biết ngài là một người mạnh khỏe, một bậc vua sáng với những võ công chói lọi. Mới cách

đây vài năm, vào mùa hạ năm Kỷ Dậu (1069), tôi nghe nói trong một tiệc yến tại cung vua Chiêm Thành hoàng thượng còn tự mình múa khiên, đánh cầu.

- Đúng thế! Đúng thế! - Lý Thường Kiệt xác nhận.
- Tôi được gần gũi hầu hạ hoàng thượng từ tuổi niên thiếu đến tuổi tráng niên, xem ra sức khỏe của ngài vào bậc siêu quần. Có thể nói, ngài sử dụng dao đánh tới cả trăm hiệp, đường dao không hề di lệch một phân, tay dao vẫn mềm mại uyển chuyển.

- Đúng như quan ông nói, tôi còn nhận thấy từ khi đánh thắng Chiêm Thành, Chế Củ phải nộp ba châu, lại được cả nhà sư Thảo Đường, hoàng thượng vui lắm. Chính hoàng thượng đã nghe pháp và thuận theo Thảo Đường lập ra thiền phái Thảo Đường thu hút nhiều bậc trí huệ cùng tham gia.

Ngừng lại giây lát, Thái sư nói tiếp: - Dùng một cái hoàng thượng đổ bệnh.

- Phải, tôi nghe nói sau đợt hạn hán kéo dài, nhà vua buồn lắm. Thường Kiệt đáp. - Tiếp đến mưa trắng trời, thế là ngài nhiễm lạnh rồi ủ bệnh.

- Có điều hơi lạ thưa quan ông, - Thái sư nói một cách dè dặt, - từ khi nhà vua ngã bệnh là ngài không một lần ra thiết triều, cũng không có một lần tiếp xúc hoặc giao phó công việc cho các cận thần. Hóa nên bây giờ nhà vua đã băng mà không nhận được ý tứ của ngài di ngôn hoặc di chiếu. Lại nữa, không hiểu vào lúc nào

hoàng thượng đã xuống chiếu cho hữu ty rằng ai vào làm hành lang tả hữu của quan Chức đô thì phạt tám mươi trượng.

Lý Thường Kiệt có vẻ suy tư, đoạn ông nói:

- Quan Thái sư có thấy điều gì đáng ngờ trong cái chết của hoàng thượng ?

- Ấy chết, sao quan Thiếu úy lại nghĩ ra cái ý đó. Tôi chỉ lấy làm tiếc, vua ta là bậc anh minh, nhân ái và cao thượng. Người nối được đức nghiệp của các tiên đế, có chí mở mang bờ cõi, làm cho dân được yên thịnh, nước được phú cường, phía bắc nhà Tống phải nể trọng, phía nam thì Chiêm Thành phải quy phục; tiếc quá một bậc minh quân ý chí cương dũng, sức lực đang tráng kiện thế mà nửa đường đứt đoạn. Nhưng thôi, than vãn mà làm chi, thiết tưởng tôi và quan ông nên cấp kỳ triệu các quan có trách vụ cùng các viên tả hữu vũ vệ, đô thái giám vào xét hỏi xem trong thời gian hoàng thượng dưỡng bệnh người có viết hoặc ủy thác cho ai viết di chiếu, hoặc giả người có khẩu dụ điều gì.

- Nền như vậy. - Lý Thường Kiệt đáp.

Một lát sau đã thấy có mặt quan Khu mật sứ, quan Đô hộ phủ sĩ sư, hai viên Tả, Hữu vũ vệ, viên Đô thái giám. Lại cho gọi các quan ngự y đã hầu thuốc thang nhà vua cho tới phút lâm chung.

Vào việc, Thái sư Lý Đạo Thành nói:

- Tôi và quan Thiếu úy cho triệu các ông tới đây

có một việc tối hệ trọng. Đó là hoàng thượng băng mà không hề có một vị đại thần tâm phúc nào được ở bên người, ngay trước đó cả tháng khi nhà vua còn đang tỉnh táo cũng không một cận thần nào được vờ. Tôi cũng có đôi lần tới châu, nhưng qua các thái giám bẩm báo đều không được hoàng thượng gia ân.

Nay có đông đủ các quan, gồm những người đứng đầu các cơ quan then máy, vậy đô thái giám Đỗ Khánh Thập, ông là người toàn quyền coi sóc và giám sát việc hầu hạ hoàng thượng từ ngày phát bệnh tới phút lâm chung. Vậy có thể nào ông khá tường trình lại cho các quan được rõ. Các quan có quyền hỏi tất cả các ông về những điều cần hỏi.

Thái sư vừa nói xong, Đỗ Khánh Thập liền đứng phất dậy, y vội nhả miếng bã trầu ra cầm trên tay rồi vút toẹt xuống thêm điện, đưa tay áo thụng lên quệt ngang miệng rồi nhỏ phì phì vụn bã trầu xuống chân, y chạy lên vài bước, những bước đi lệt bệt như vệt bầu, nhưng y lại đánh mông, uốn lưng vắn vẹo như rắn trườn, đoạn y lên tiếng:

- Khởi bẩm chư vị các quan, - giọng y the thé khàn khàn, nên người nghe phải vừa nghe vừa đoán. - Khởi bẩm các quan, - y nhắc lại, - từ trước hoàng thượng đã tuyên chỉ, khi nào người se mình rồng thì cấm tiết không cho một ai vào bẩm tâu điều gì hết, ngoại trừ quốc biến. Hóa nên chính hoàng thượng cho đòi, cho triệu ai thì

người ấy mới được vào. Hoặc giả hoàng thượng có biệt đãi các bậc quốc sư, tăng thống cũng là tự hoàng thượng gia ân. Còn việc hầu hạ, cung phụng hoàng thượng trong lúc se mình rỗng thì từ thời Thái tổ cao hoàng đế triều ta đã giao hẳn cho Ty thái giám coi sóc. Thế thì các quan không được vào chầu hoàng thượng trong suốt thời gian ngài se mình rỗng là đúng quy chế của hoàng triều rồi, xin các quan nhớ giùm cho.

Quan Khu mật sứ vốn là người nghiêm khắc lại thường có ác cảm với đám thái giám liền hỏi:

- Các quan không hỏi dò thái giám về những gì đã có trong triều điển, mà chỉ muốn biết trong thời gian hoàng thượng lâm bệnh có những ai được ân mệnh vào chầu, vào mấy lần, mỗi lần bao lâu, đó thái giám phải trình cho rõ, đem sổ sách ra đối chiếu chứ việc hệ trọng này không được phép khẩu thoại.

Quan Đô hộ phủ sĩ sư cũng phụ họa:

- Quan Khu mật sứ nói chí phải, đó thái giám khá tường trình cho minh bạch.

Đó thái giám bị các quan vào hàng đầu triều vặn hỏi, hẳn là chột dạ. Nhưng không ai dò đọc được điều gì trên gương mặt ông ta. Bởi ông có gương mặt hơi kỳ dị lại được phủ bởi nước da màu bùn. Và nữa, đôi mắt mỗi khi nói nó cứ hấp ha hấp háy, nhất là khi ông ngược nhìn ai thì trông đen dờng như nó lặn hết vào da thịt, chỉ còn trơ một màu đùng đục như nước gạo với

những tia máu chẳng chịt như rễ si. Ở những người bình thường ta nhìn thấy trên hai hố mắt là cặp lông mày, nhưng với đô thái giám Đỗ Khánh Thập nó chỉ là hai đường sống trâu nhẵn thín, lại nữa, cả lông mi của ông ta cũng trụi hết. Điều mọi người có thể nhìn thấy sự lo lắng trong ông ta là cái đầu hơi cúi xuống, chứ không giương mắt ếch nhìn thẳng vào mặt mọi người vẻ như giễu cợt, như khinh thị, như thách thức, ấy là thói quen thường thấy của lũ thái giám được nhà vua cùng các hoàng hậu, hoàng phi tin cẩn, nuông chiều.

Đỗ Khánh Thập hát hàm ra lệnh cho viên phó đô thái giám ngồi đối diện:

- Dem sổ sách ra đây trình các quan.

Viên phó đô thái giám liền đứng bật dậy như vừa giẫm phải tổ ong đất. Ông ta vội lùi vào trong hậu tẩm bê ra một chiếc tráp gỗ mun đen bóng, bản lề bằng đồng đỏ mắt cua được khóa bằng chiếc khóa đồng có then ngang.

Đô thái giám không đỡ lấy tráp mà thò tay vào túi lần tìm chìa khóa và lấy ra một cuốn sổ bìa màu cánh gián, hai tay nâng lên đưa cho Thái sư Lý Đạo Thành.

Thái sư liền chuyển cho quan Trung thư thị lang đọc. Trung thư thị lang lật mở từng trang, dò tìm ngày tháng.

- Ngày... giờ... tháng... Thái sư xin vào vấn an...
Hoàng thượng khước từ...

- Ngày... giờ... tháng... Hoàng hậu xin vào vấn an... Hoàng thượng pháy tay khước từ...

- Ngày... giờ... tháng... Thần phi xin vào vấn an... Hoàng thượng cho vời vào ở chơi chừng một canh giờ. Lúc thần phi cáo lui (vì nhà vua đã mệt) hoàng thượng thượng dụ rằng: "Lần sau vào nhớ mang theo Càn Đức, ta nhớ con, nhớ hoàng thái tử..."

- Ngày... giờ... tháng... Hoàng thái hậu từ cung Diên Phúc tới vấn an... Hoàng thượng sai đô thái giám ra lạy tạ và nói rằng khi nào người khỏe sẽ tới bái yết mẫu hậu. Xin mẫu hậu đừng nhọc lòng đi lại nữa kéo hoàng nhi con mang tội bất hiếu...

Hoàng thái hậu nhỏ lệ hồi cung.

- Ngày... giờ... tháng... Thần phi mang theo hoàng thái tử Càn Đức vào vấn an... Hoàng thượng vui lắm, ngài ân cần hỏi han về học hành, về sức khỏe của hoàng nhi. Nhà vua căn dặn thần phi phải chăm sóc việc học hành của hoàng thái tử và nói các ông sư phó phải giữ nghiêm việc học... Chừng hơn một canh giờ thần phi cùng hoàng thái tử về điện Động Tiên.

- Ngày... giờ... tháng... Hoàng đệ Phụng Càn vương xin vào vấn an... Hoàng thượng hẹn khi sức khỏe hồi phục.

- Ngày... giờ... tháng... Thiên tử nghĩa đệ, Thiếu úy Lý Thường Kiệt xin vào vấn an... Hoàng thượng dụ: Cho vào. Lý Thường Kiệt tâu báo về việc Lý Kế

Nguyên sang nhà Tống báo tin ta đánh thắng Chiêm Thành vì nghịch mệnh. Nhưng khi mới tới Ung Châu, Lý Kế Nguyên liền dụng phải Tô Giàm mới được bổ về nhậm châu này chừng hai tháng.

Hoàng thượng ngăn lại hỏi:

- Có phải Tô Giàm là viên tướng, viên châu mục đã từng dụng với Nùng Trí Cao hồi năm Nhâm Thìn (1052) đó không?

- Tâu, chính hần. Hần đòi Lý Kế Nguyên phải trao trả dân hần bị bắt, mà thực ra là một số tên trong quân tướng Tống cùng một số dân quan mà ta biết chắc là những kẻ hay xúi dân man ta sang đầu nhà Tống, ta nhất quyết không trả. Lý Kế Nguyên nói việc ông ta sang Biện Kinh là vào châu Tống Thần tông để báo tiếp và dâng quà chiến lợi phẩm. Tô Giàm giận tái mặt đi rồi nói: “Lại như năm Giáp Dần (1014) An Nam các người cũng đem cống chiến lợi phẩm bằng một trăm con ngựa Hồ làm khuấy đảo cả Trung Nguyên lên chứ gì?”. Và rồi y nhất quyết ngăn không cho Lý Kế Nguyên tới Biện Kinh. Tâu bệ hạ, tuy nhiên Lý công tử vẫn tìm cách móc nối được với người của ta đặt tại bên Tống suốt một dải từ Quảng Tây, Quảng Đông tới Phúc Kiến, Triết Giang, Giang Tô và cả Biện Kinh. Hợp tin tức các nơi lại đều thấy rằng đám biên quan dù những kẻ đã hoặc đang trị nhậm vùng Quảng Tây, Quảng Đông như Đỗ Kỳ, Tướng Thành Du, Phan Bội, Tiêu Chú, Tô Giàm... tất thấy đều

tâu về Biện Kinh khuyên Tống Thần tông nên đánh ta.

Nhà vua lại giơ tay lên ngắt lời quan Thiếu úy:

- Ta linh cảm việc này từ lâu, như ta đã nói với khanh và Thái sư Lý Đạo Thành. Phải liệu sớm đi kéo lại hối dấy. Vua chỉ nói thế rồi nhắm mắt lim dim ngủ.

Thiếu úy Lý Thường Kiệt ngồi một lúc nữa rồi về.

- Ngày... giờ... tháng... Dương hoàng hậu từ điện Nguyệt Minh tới vấn an hoàng thượng, vẫn không được vào.

Hoàng hậu quát thét chửi rửa thậm tệ:

- Lũ thái giám chết trương kia các người thù oán gì ta mà không tâu báo để ta vào thăm hoàng thượng. Ta đã đi tới ba bốn lần rồi, mà vẫn không được vào. Các người có âm mưu gì định ám toán hoàng thượng chăng.

Chửi rửa chán rồi, Dương hoàng hậu lại nói ngọt. Vẫn không được vào. Hoàng hậu bực tức nghiêng răng lên kiêu, nước mắt chảy giàn giụa...

Những chuyện như thế cứ diễn đi diễn lại tới nhàm chán. Trong thâm tâm ai cũng hơi ngờ vực rằng sao ngoài mấy người kia ra hoàng thượng không chịu cho một ai vào gặp mặt, dù người ấy là vợ tào khang, dù người ấy là mẹ đẻ ra mình hoặc là em ruột của mình. Và nữa, có điều gì đe dọa mà nhà vua phải hạ chiếu phạt tám chục trượng nếu ai chỉ đi nhằm vào hành lang

của tả hữu quan Chức đô.

Bọn thái giám ma giáo, chúng ghi chép tinh vi đến mức không một ai có thể khe được một lỗi nhỏ, dù người đó có là Khu mật viện chánh chưởng, hoặc Đô hộ phủ sĩ sư. Chính sự chặt chẽ này lại là đầu mối cho sự ngờ vực. Tuy nhiên lúc này không ai dám nói ra, vì rằng hoàng thượng chết còn nằm đó. Và lại, tất cả đều do bệnh của hoàng thượng, lũ thái giám chỉ biết hầu hạ và thừa hành.

Nếu để kéo dài tình trạng này sẽ là bất lợi, Thái sư Lý Đạo Thành bèn xướng xuất:

- Hoàng thượng vốn là bậc anh minh, việc gì cũng đều tính trước cả, không nhẽ người lại không để lại di chiếu. Trước anh linh người, chúng thần xin phép được lục tìm trong điện Hội Tiên này.

Lý Thường Kiệt bèn hỏi lại:

- Nếu tìm không thấy thì sao?

- Bẩm Thiếu úy, - Lý Đạo Thành nhẹ nhàng đáp lời, - nếu chúng ta tìm mà không thấy di chiếu, có nghĩa là không có, vì hoàng thượng không viết hoặc không kịp viết.

Quan Khu mật sứ chánh chưởng và quan Đô hộ phủ sĩ sư được cử ra giám sát việc lục tìm di chiếu.

Trong khi đó tại điện Diên Phúc, điện Nguyệt Minh thì Linh Cảm Mai thái hậu và Dương hoàng hậu

vẫn chưa hay biết điều gì đã xảy ra với con trai mình, với chồng mình. Ngay cả các hoàng thúc và hoàng đệ của nhà vua dù có biết tin nhưng trong cung chưa phát tang thì cũng không được phép lai vãng. Luật lệ khắt khe là thế đấy. Lúc này thì quyền lực là tối thượng mọi thứ tình cảm khác chỉ là xa xỉ bọt bèo.

Trái lại, trong điện Động Tiên, bà thần phi Ý Lan dáng bỗng chồn đầy lo âu, bà hết đứng lại ngồi, lại chạy ra chạy vào ngóng chờ tin tức từ điện Hội Tiên. Trong đầu óc Ý Lan lúc này hết sức mông lung. Chao ôi, bao nhiêu việc không nghĩ mà sao nó cứ hiện ra trong đầu óc. Ví như hồi Thái tổ băng, hoàng thái tử đã lập, di chiếu đã có, thế mà ba vương còn nổi dậy toan hạ độc thủ tiêu đế cướp ngôi. Ngày ấy tiên đế đã là bậc cân quốc, từng đánh bắc dẹp nam, trong tay có biết bao quân quyền. Ấy thế mà còn suýt bị... Ôi chao, mẹ con ta bây giờ góa bụa, cút cô; con còn thơ dại, mới sáu tuổi đầu, mẹ cũng chưa tới ba chục tuổi, chẳng có thế lực nào mà tựa, chỉ tin vào những cái miệng mỏng dính của mấy tên thái giám. Chẳng biết chúng có đưa được con ta lên ngai vàng hay lại để các hoàng đệ tranh giành với cháu rồi đưa mẹ con ta lên đoạn đầu đài.

Nghĩ về Đỗ Khánh Thập và đám giám quan, có lúc Ý Lan đã tin họ tới tám chín phần. Nhưng nhiều lúc không khỏi ngờ vực tới mức chỉ thấy khinh ghét họ chứ chẳng có một mảy lông tin nào đặt vào nơi họ. Nhất

là từ khi hoàng thượng lâm bệnh, mọi thứ cứ u u minh minh, Ý Lan có cảm nhận như lũ này đang âm mưu một việc gì ghê gớm lắm, tởm lợm lắm. Chẳng biết luật lệ hoàng gia đặt ra từ đời nào mà chồng ốm, vợ không được vào thăm nom, săn sóc, đến nỗi ta muốn cho các con thường ngày vào vấn an cha nó cũng không được. Đúng là luật lệ như vậy hay lũ thái giám lộng hành. Nếu quyền bính vào tay ta, ắt ta phải chém hết bọn quyền gian ác hiểm này, ta phải bãi bỏ trước hết cái điều luật vô cảm này.

Sau cơn giận dữ là nỗi lo sợ dai dẳng. Thần phi cũng được báo tin riêng rằng giờ này các quan đang lục soát điện Hội Tiên xem hoàng thượng có di chiếu để lại và ngài đã cất vào đâu đó. Đỗ Khánh Thập cũng ngầm báo cho Ý Lan yên tâm rằng: “Không có một chữ nào của hoàng thượng để lại đâu. Nhất định hoàng thái tử Càn Đức sẽ được lập nội trong ngày hôm nay”. Nghe cái tin rí tai nói thắm ấy quả có làm cho Ý Lan yên tâm hơn. Thần phi liền cho đòi đám cung nữ đến căn dặn: “Trong những ngày này các người không được ra khỏi cung, không được nửa bước rời hoàng thái tử và ta. Bất kể có điều gì hơi khác lạ phải lập tức hô hoán cấm quân ngay”.

Từ ngày trở lại thăm quê, Ý Lan đã tự mình tuyển lựa đám thiếu nữ từ các trang ấp trong hương mình suốt từ Ghênh tới Sủi được đúng ba mươi sáu người, phân

làm sáu nhóm, mỗi nhóm lại chọn ra một người để coi sóc công việc cho nhóm của mình. Những thiếu nữ này khi nhập cung phải học hành phép tắc quy củ trong cung, học lễ nghi giao tiếp, học cách hầu hạ... Riêng mười hai thiếu nữ xinh xắn và mạnh khỏe nhất cho vào phục vụ hoàng thái tử và hoàng tử tức là hai anh em Càn Đức. Điều khác thường là các cô gái này đều được học các môn võ thuật cơ bản để bảo vệ hoàng hậu và các hoàng nhi trong lúc có biến.

Lại nói các quan cho lục xét các nơi trong điện Hội Tiên mà không tìm thấy một tờ một chữ nào gọi là di chiếu của nhà vua. Vì vậy Thái sư Lý Đạo Thành bèn nhóm họp các quan mà nói rằng:

- Tiên đế băng không để lại di chiếu, nhưng ngôi Đông cung đã lập từ ngày thái tử mới được sinh ra, theo diên lệ, triều thần cứ thế mà tôn phò lên ngôi báu. Vậy ý các quan thế nào ?

Các quan đều cho lời của Thái sư là hợp với sở nguyện của tiên đế, vậy còn gì mà phải bàn nữa.

- Sao lại không phải bàn. Quan Thiếu úy Lý Thường Kiệt bèn lên tiếng. Việc tôn Đông cung lên ngôi thiên tử như ý quan Thái sư vừa nêu là hữu lý. Nhưng vua còn nhỏ, việc nước nhiều điều hệ trọng, ta phải tính sao đây?

Các quan im lặng cả, nhiều cặp mắt hướng về Thái sư Lý Đạo Thành như chờ đợi ông sẽ có cao kiến nhằm gỡ bỏ được các khó khăn mắc vướng. Sự thật

trong nước từ hoàng thượng đến các bậc trọng thần, ngay cả các bậc tăng thống, đạo lục đều tin ông là bậc trí huệ có tài nội trị. Ông nổi tiếng là người tinh thông tam giáo, riêng về nho học ông được tôn vào hàng trí giá. Điều đáng nói hơn cả là ông quân bình được giữa sức tri và sức hành chứ không phải là hạng hủ nho chỉ nhuyền văn, bẻm mép.

Thái sư đang lắng nghe và cả quan sát, đôi mắt ông nghiêm nghị, vầng trán hằn sâu ba nếp nhăn như những con sóng dồn dập lúc triều cường, hai bên thái dương ông các đường gân nổi gợn và nơi huyết đạo cứ giật giật chứng tỏ ông đang suy nghĩ căng thẳng, lung lắm. Ông nhẹ đưa hai tay lên nắm lại vành mũ, rờ rờ lên hai chiếc cánh chuồn xem có cân xứng rồi xốc lại cổ áo, đoạn ông nói:

- Thưa các quan, tiên đế chẳng may thất lộc. Vua nói còn thơ ấu, việc nước sẽ bội phần khó khăn. Biết đâu nhà Tống chẳng nhân cơ hội này mà nhòm ngó núi sông ta. Sinh thời tiên đế đã nhiều lần nhắc lại di ngôn của các đức Thái tổ, Thái tông rằng: "Một tắc đất, một tắc núi, tắc sông của tổ phụ cũng không được phép để lọt vào tay quân thù". Người cũng nhiều lần răn dạy chúng ta: "Chẳng may nước nhỏ lại ở sát nách một nước khổng lồ, lúc nào họ cũng lăm le nuốt chúng ta. Và đã có cả hơn một ngàn năm bị trị, đất nước tưởng đến tiêu vong thế mà lại gương đây được quật ngã cả người

khổng lồ để đứng vững dưới cỡi trời này, nhưng chớ quên mối nhục ngàn năm...". Những di ngôn ấy tưởng có thể coi là di chiếu để các thế hệ con cháu điều hành đất nước, giữ gìn đất nước. Cứ theo như ý quan thiếu úy, tôi nghĩ triều thần đi rước ngay hoàng thái tử về cung để lên ngôi nối dòng đại thống trước anh linh của tiên đế. Đương nhiên là phải mời cả chánh cung là mẹ chính và thân phi là mẹ sinh của Đông cung về chứng kiến. Ngừng lời giây lát, nhìn lại sắc mặt các đồng liệt xem họ có còn muốn nghe; đoạn Thái sư nói tiếp: - Tuy nhiên, để điều hành việc nước, giúp nhà vua khi chưa đến tuổi trưởng thành, ta nên cử ra bốn người có đức độ, có tài cán, có khí tiết được triều quan và dân nước mến mộ vào Hội đồng chấp chính. Và để cho đúng pháp độ, mọi việc vẫn phải nghị bàn nơi triều chính, nhà vua vẫn ngự trên ngai vàng ra lời phán quyết cuối cùng. Khi vua quyết, mọi sự coi như đã an bài. Để việc nhà vua quyết hay bãi bỏ không rơi vào nhầm lẫn, phải có người giúp vua. Ai sẽ gánh vác việc này? Đó là Dương thái hậu. Dương thái hậu tuy không phải là mẹ sinh, nhưng là mẹ chính của nhà vua, nên theo đúng lễ nghi triều điển bà phải giữ quyền buông rèm thính chính¹. Vì vậy việc nào

1 Các triều đại phong kiến theo chế độ cha truyền con nối. Nhà vua tuy nhỏ tuổi nhưng vẫn có quyền phán quyết. Giúp việc đó chính là người mẹ ngồi phía sau ngai vàng buông rèm để nghe triều đình bàn chính sự, rồi nhắc con việc gì nên quyết việc gì nên bãi. Để giúp thái hậu điều hành, triều thần lập ra Hội đồng chấp chính như Lý Đạo Thành đề xuất.

chuẩn quyết hay bãi bỏ, Hội đồng chấp chính phải tâu báo trước để thái hậu biết mà nhắc cho hoàng thượng khỏi rơi vào lúng túng.

Thái sư vừa dứt lời, các quan đều cho đó là các việc chính đáng cần phải làm ngay.

Quan Trung thư thị lang bèn lên tiếng:

- Thưa, nếu các quan tòng thuận với các điều mà Thái sư vừa xướng xuất, tôi xin mạn phép được nêu phương danh bốn vị vào Hội đồng chấp chính.

Nhìn khắp một lượt, không thấy có ai phản bác, Trung thư thị lang đồng dặc tuyên danh:

- Một là Thái sư Lý Đạo Thành giữ quyền tế chấp.

- Hai là Thiếu úy Lý Thường Kiệt đặc trách việc binh bị và giữ quyền thái phó.

- Ba là Khu mật sứ chánh chương Mai Trung Thứ giữ việc nội chính.

- Bốn là Đô hộ phủ sĩ sư Ngụy Trọng Hòa giữ quyền tư pháp.

Đây là bốn vị đứng đầu bốn cơ quan then máy trọng yếu nhất của quốc gia, chư liệt vị nếu không cho lời xướng xuất của tôi là ngông cuồng thì xin cùng cứu xét.

Các quan đều cho sự xướng xuất của quan Trung thư thị lang là hết sức công minh. Vì thế việc sớm thành. Ngay lập tức kiệu phái đi rước hoàng thái tử Càn Đức cùng Dương thái hậu và Lê thái phi về điện Hội Tiên.

Hoàng thái tử Càn Đức được quần thần tôn phò lên ngôi báu ngay trước linh cữu và anh linh của vua cha. Tính ra vua sinh tháng giêng năm Bính Ngọ (1066), nay lên ngôi vào tháng giêng năm Nhâm Tý (1072) vừa tròn sáu tuổi.

Ngày hôm sau, vua ra điện Thiên An thiết triều, đình thần dâng tôn hiệu là: Hiến thiên, thể đạo, thánh văn, thần vũ, sùng nhân, ý nghĩa, thuần thánh, minh hiếu hoàng đế.

Vua nghe nó rầm rối đến đau cả đầu mà chẳng hiểu nó là cái gì. Quần thần vừa ý tứ giảng giải vừa gạn hỏi xem thánh thượng có đẹp lòng không, nhà vua bèn quay lại phía sau hỏi:

- Mẫu hậu, con phải làm gì bây giờ?

Bà Thượng Dương ở phía sau rèm nhắc khẽ:

- Con giờ cây hốt đang cầm trong tay lên rồi nói: Y tấu.

Càn Đức làm đúng như lời mẹ. Triều thần hô:

- Vạn tuế!

- Vạn vạn tuế!

Có điều rằng khi nói xong nhà vua vẫn cứ giơ cao cây hốt, quần thần ngơ ngác không biết vua còn định phán điều gì.

Ai đó ở phía sau nhắc: “Thái hậu nói nhà vua hạ cây hốt xuống”.

Dương thái hậu giật mình vội nói nhỏ:

- Sao con không hạ cây hốt xuống mà cứ giơ lên mãi làm gì cho mỗi tay.

- Mẫu hậu có bảo con nói xong rồi hạ cây hốt xuống đâu. Ở nhà, mẫu hậu chẳng dặn con, bảo nói gì mới được nói, bảo làm gì mới được làm cơ mà.

Các quan ngồi gần có người nghe thấy vừa đau lòng vừa bấm bụng mà cười.

Các quan bàn bạc tâu báo xin phong hoàng hậu Thượng Dương làm hoàng thái hậu, thần phi Ý Lan làm hoàng thái phi. Các vị trong hội đồng chấp chính vẫn giữ các chức như Trung thư thị lang đã xướng xuất, riêng Lý Thường Kiệt được thăng làm Kiểm hiệu thái úy nắm hết cả nội binh, ngoại binh.

Nhân vua mới đăng quang, hoàng thái hậu Thượng Dương cho sách lập một người họ Mai làm hoàng hậu. Hoàng thái phi Ý Lan cũng cho lập ngay một người con gái họ Lê làm hoàng hậu.

Nhà vua chuẩn tấu xong quay lại hỏi hai bà mẹ:

- Mỗi mẹ bảo con phải lập một đứa họ Mai một đứa họ Lê ấy để làm gì vậy?

Cả hai bà đều cười và nói nhỏ:

- Lớn lên con sẽ biết.

- Ừ ừ con muốn biết ngay bây giờ cơ.

- Không được, để về nhà mẹ nói, cho bãi triều đi,

- Ý Lan nghiêm khắc nhìn con.

Nhà vua vội giơ cao cây kim hốt lên quá đầu và

nói thật to:

- Bãi châu!

Các quan hô:

- Thiên tuế!

- Hoàng thượng thiên tuế!

Mọi người lục tục kéo nhau ra về.

Nhà vua được đám cung nữ ùa ra đón vào tiện điện¹. Máy ả làm kiệu bằng tay (nhà vua thích kiệu loại này hơn là kiệu có đòn khiêng cao lêu đêu, tâm lý trẻ con chắc là sợ ngã) đưa nhà vua vào trong nhà. Vừa đặt chân xuống thềm, vua liền lột chiếc mũ rộng như một chiếc nồi rang vứt bịch xuống nền nhà, một viên hồng ngọc văng ra, vua chộp lấy giơ thẳng cánh ném ra ngoài thềm lại đá vào chiếc mũ nhưng vương đôi hia vừa rộng vừa cao quá đầu gối nên mất đà, vua ngã vật xuống sàn. Vừa tức vừa đau vua bật khóc, đúng lúc Ý Lan và Thượng Dương bước vào.

Thấy mẹ, Càn Đức giầy đành dạch, đôi hia càn cọ vào chân, nhà vua khóc to và kêu: “Đau quá! Đau quá!”

Mấy cung nữ xúm vào tháo hia. Thái phi nâng con dậy, mặt bà hơi cau lại vì thương con.

Thái hậu đặt tay lên vai Càn Đức nói nựng:

- Hoàng nhi nín đi con, làm vua cả một nước con còn chưa bằng lòng sao mà khóc.

¹ Ngõ nhà làm cho vua nghỉ tạm trước hoặc sau khi thiết triều.

Càn Đức nằm gọn trong lòng mẹ càng tức liền nói:

- Con không thích làm vua đâu. Ngồi cả ngày trên ghế vừa đau đầu vừa đau chân. Bên dưới thì một lũ thuần các ông già cứ nhai trầu bồm bồm, nom mà kinh mà khiếp. Từ mai mẹ hoặc mẫu hậu ai làm vua thì làm, con không thích chơi cái trò ấy nữa đâu.

- Sao bữa trước ở nhà con thích, - Ý Lan thân mật hỏi con.

- Cơ mà hôm ấy mấy đứa chơi với nhau có một lúc thôi, hôm nay phải chơi suốt từ sáng đến giờ ai mà chịu được. Từ mai con không chơi trò làm vua nữa đâu.

Bà Thượng Dương nghiêm sắc mặt nói:

- Con là vua của một nước, đã ngồi lên chiếc ngai vàng đó thì không được coi mình là đứa trẻ nít nữa. Con có đủ quyền hành sai khiến thiên hạ, muốn làm gì được nấy, muốn cho ai sống thì được sống, muốn bắt ai chết, người đó phải chết.

Thái hậu bế xốc Càn Đức từ trong lòng Ý Lan đặt ngai ngay ngắn lên chiếc ghế có tay vịn tựa như chiếc ngai vàng rồi bà nghiêm dặn:

- Ngày mai nghỉ châu, nhưng các phiên châu sau con vẫn phải ngồi như hôm nay. Vài ngày nữa sẽ có mũ, áo, đai, hia vừa với khổ người của con.

Đoạn quay về phía Ý Lan bà nói: - Thái phi, nàng phải dạy con cho nghiêm cẩn.

Rồi bà lên kiệu về thẳng điện Diên Phúc ra mắt

lão Thái thái, chính là mẹ chồng bà.

Tội nghiệp Mai Thái thái cho đến lúc này vẫn chưa biết con trai mình đã chết. Từ bữa nghe tin vua Thánh tông ngọc thể bất an, bà tới thăm nhưng quân cấm vệ và lũ thái giám không cho vào, lòng uất nghẹn bà trở về cung. Cũng từ bữa ấy bà như người thất thần rồi sinh ra lú lẫn nhớ nhớ quên quên.

Nhìn mẹ chồng trong dáng tiều tụy vô hồn, bà Thượng Dương dần lòng nói:

- Mẫu hậu! Mẫu hậu ơi nhà vua băng rồi.

Lão Thái thái vẫn chăm chú nhìn vào chiếc hộp trầu mở nắp, dường như cụ không nghe và không thấy chi hết.

Thái hậu Thượng Dương cảm thấy thương xót cho tuổi già cô đơn của người mẹ chồng sống suốt cuộc đời giản dị, nhân ái, thân ở ngôi cao mà lòng trải khắp bốn phương, chia xót với những thân phận thấp hèn ở cả những nơi thôn cùng xóm vắng. Chẳng nhẽ ngôi vị của một bậc Thái thái hậu mà lại đến nông nổi này ư. Xúc động trào dâng, nước mắt tuôn chảy hai hàng làm hoen cả gương mặt sáng như gương của bà. Thượng Dương quỳ trước lão Thái thái miệng nói như gào lên:

- Mẫu hậu! Mẫu hậu ơi nhà vua băng hà rồi, chồng con chết rồi.

Một cái gì đó như bùng thức từ trong sâu thẳm ký ức khiến lão Thái thái nhìn thẳng vào đôi dòng lệ của

Dương thái hậu và hỏi:

- Dương hoàng hậu, con vừa nói ai chết đó? Làm sao mà con phải khóc?

Bà Thượng Dương lấy vạt áo lau khô nước mắt rồi nhìn lão Thái thái nói dần từng tiếng:

- Hoàng thượng băng rồi, mẫu hậu có biết không?

- Hoàng thượng nào băng? - Lão Thái thái tròn xoe mắt hỏi lại.

- Hoàng thượng Lý Nhật Tôn chồng con chứ còn ai nữa.

- Thảo nào hôm qua mẹ vào điện Hội Tiên thăm, lính nó đẩy ra đấy. Nhật Tôn chết thật rồi sao? An táng chưa cho mẹ đến viếng nhà vua có được không?

Lão Thái thái dường như đã chết từ mấy lần đến viếng thăm con mà không được vào. Nay Thượng Dương dù có đánh thức được vài ký ức trong bà tựa như dựng dậy một xác chết thôi chứ bà có ý thức được điều gì đâu. Thật ra mọi chuyện trong cuộc đời gần bảy mươi năm với bà cũng như là chuyện của ngày hôm qua thôi. Tất cả đều là hôm qua.

Nán ngồi với lão Thái thái một lúc rồi thái hậu lại lên kiệu về thẳng điện Nguyệt Minh cũng tức là cung Thượng Dương.

Nghĩ ngợi một lát nhưng hình ảnh lão Thái thái cứ hiện lên như mách bảo bà một điều gì đó. Thái hậu cho

gọi mấy viên thái giám vẫn hầu hạ trong cung hỏi:

- Các người có biết gì về những ngày đau yếu của hoàng thượng không?

Mọi người đều trả lời rằng họ không hề biết hoàng thượng đau yếu như thế nào.

- Ta nghi trong cái chết của hoàng thượng có điều gì uẩn khúc.

Lão thái giám đã hầu hạ trong cung đến hơn bốn mươi năm, lão là một thái giám bẩm sinh được đưa vào cung hầu hạ, có bản tính thật thà và trung thành với chủ chẳng khác chi loài khuyển mã. Bất hạnh cho lão có bộ mặt không ưa nhìn lại cũng không biết nói lời đường mật, tức là không biết xu nịnh, thành thử chủ thì không tin dùng mà liêu cũng ghét. Lão nghèo lắm. Nghèo vì không hà hiếp hoặc không lừa dối các cung nữ để lấy bạc. Nghèo vì không được bề trên gán gũ sai khiến nên không có bạc thưởng.

Thấy các thái giám khác đã lui ra ngoài cả, lão lân la đến gần Dương thái hậu khẽ nói:

- Tâu, điều thái hậu vừa nói về hoàng thượng hệ trọng lắm đấy; con nghĩ thái hậu nên giữ kín kéo lại liên lụy. Hoàng thượng băng thì mọi việc không như trước nữa đâu. Chính con cũng lo lắm, nếu thái hậu cho con quy cố hương để an dưỡng tuổi già thì con đội ơn lắm lắm.

Nhận ra con người như một thứ đồ bỏ này nói lời tâm huyết, lại có vẻ hối hoảng xin trở về cố hương,

thái hậu bỗng giật mình. Bà cũng không biết rồi những gì nữa sẽ xảy ra sau cái chết của nhà vua. Bà gắng hỏi người thái giám già:

- Ta hỏi thật, có điều gì nguy cho ông và khó cho ta, ông nói đúng thì ta cho ông bạc tiền, bỗng lộc mà hồi hưu nghỉ dưỡng.

- Tâu, thái hậu nhân từ tha tội cho con, con chỉ cảm được chứ con không biết được điều gì cả. Thái hậu biết đấy, các bậc bề trên và ngay cả các cung nữ đều ghét con vì con có bộ mặt xấu xí. Các thái giám cũng ghét con vì con nghèo không ai chơi với con hết. Dạ nghèo vì con không dọa nạt, không lừa phỉnh các cung nữ để lấy tiền.

Dường như đã hiểu ra điều người thái giám xấu xí đến nỗi chẳng bao giờ một người xinh đẹp, quyền thế như Thượng Dương lại vời đến và sai bảo. Ông ta như một ngón tay thứ sáu của một bàn tay năm ngón. Đến nỗi không ai nhớ tên ông ta vì cứ lớp lớp người thay nhau hầu hạ, khi được cất nhắc lại ra đi thì thoắt chồn quan trường, còn ông ta vẫn như một cái bóng, lầm lũi như một thứ đồ vật biết đi và biết làm những công việc có người sai bảo.

Hắn là thái hậu đã động lòng và nghĩ lại, bà hỏi:

- Vậy, chớ tên người là gì, ta vô tâm quá nên không nhớ được.

- Tâu thái hậu có lòng đoái hỏi. Quả thật tới lúc

này con cũng không còn nhớ tên mình nữa. Giá có ai chịu khó lục tra trong sổ bộ của chi hậu cục hẳn có tên con. Con chỉ nhớ con được đưa vào hầu hạ trong cung từ năm tám tuổi. Năm mười tuổi thì Thái tổ triều ta băng. Dạ cái tên bây giờ mọi người đặt cho con là Thừa ạ. Vâng thì các bậc bề trên cũng như các đồng liêu đều cho con là đồ thừa, đồ bỏ.

Động lòng trắc ẩn, thái hậu thở dài và hỏi tiếp:

- Có đúng là người muốn về hay có kẻ nào đe dọa gì mà người sợ nên xin về?

- Muốn tâu thái hậu nhân từ, quả là con muốn về và cũng là con sợ nữa, nhưng không có ai đe dọa gì con đâu ạ.

- Thế thì người sợ thật chứ không phải sợ bóng sợ gió cái gì, - thái hậu đã có ý hơi gắt.

-Dạ, muốn tâu con sợ thật chứ không phải là bóng gió. Thôi thì con cứ nói thẳng điều con cảm nhận kéo thái hậu lại bảo con quanh co giả dối.

- Người nói thẳng ra đi, ta đang nghe đây. Thái hậu nhìn quanh quất các góc xó trong cung điện. - Chỉ có ta với nhà người thôi không có kẻ nào rình mò nghe ngóng đâu mà sợ.

- Vâng ạ, con cũng thấy thế. Dạ, thực tình con người thấy trong gió phảng phất mùi máu tanh. Dạ đúng cái năm con mười tuổi tức là năm Mậu Thìn trước khi xảy

ra loạn Tam vương¹ con cũng nghĩ thấy cái mùi này. Tâu, không thể sai được ạ. Con suốt đời ăn chay, cho tận bây giờ con vẫn ăn chay, con không có tơ hào sắc dục, cả đời con không giết hại một sinh vật nào nên trời cho con được cái khúu giác, cả cái linh giác minh nên con tự phân biệt được sự dục trong nhân thế.

- Vậy theo người, cuộc đổ máu ấy sắp xảy ra chưa?

- Tâu, chưa thể diễn ra ngày một ngày hai được, nhưng nhất định nó sẽ đến, còn như nó đến vào lúc nào thì con không thể biết trước.

- Được, ngày mai ta sẽ ban cho người một trăm lạng bạc, năm đĩnh vàng, cấp cho người hai chục mẫu ruộng tại cố hương để người về dưỡng già.

Lão Thừa khấu đầu lễ đủ năm lễ rồi nói:

- Con đội ơn hoàng thái hậu nhân từ đã ban cho con cuộc sống, lại cho con bạc vàng, ruộng đất. - Y cảm động ứa nước mắt.

- Có điều gì người cần nói với ta nữa không?

- Dạ, - thái giám hạ thấp giọng như người nói thầm, - hoàng thái hậu nên canh chừng quan đô giám Đỗ Khánh Thập, y chính là con chó ngao, con rắn độc

¹ Năm Mậu Thìn (1028) khi Thái tổ Lý Công Uẩn vừa tạ thế, các con thứ là Đông Chinh, Dực Thánh và Vũ Đức nổi lên định giết người anh cả là Lý Phật Mã để tranh ngôi nước. Cuộc nổi loạn ấy sử gọi là "loạn Tam vương". Tuy nhiên, Phật Mã dẹp được và lên ngôi vua, tức Lý Thái tông.

hai đầu đó.

Lão Thừa lại cúi lạy, lau sạch nước mắt y lui về cung thái giám. Và ngay ngày hôm sau thái hậu sai Trung thư sảnh làm mọi việc để y sớm được quy cố hương.

Đêm ấy Dương thái hậu trần trọc mãi không ngủ được. Thoạt tiên bà kiểm xét tư cách Đỗ Khánh Thập. Đúng là mấy năm nay y luôn tìm cách lánh mặt ta. Có nhẽ bắt đầu từ việc ta cất hẳn không cho y hưởng khoản lộc nhỏ hàng tháng bởi y dám hỗn hào cãi lại ta. Thảo nào vài viên thái giám cùng mấy đứa cung nữ bên Lan cung cũng nói ta nên canh chừng tên Đỗ Khánh Thập. Ta thấy y hay thậm thụt bên Lan cung và cả bên dinh Thái úy Lý Thường Kiệt. Có nhẽ y núp bóng Ý Lan từ mấy năm nay để đón lõng khi thăng bé Càn Đức lên ngôi, y có chỗ tiến thân. Thì ra thế, y đã kéo bè kết cánh từ mấy năm nay mà ta không để ý. Không phải không có người mách bảo, nhưng ta vẫn cho Ý Lan là con bé quê mùa một bước lên bậc mẫu nghi. Thì nó cũng chỉ là con nhà quê cung đình thôi chứ mưu chước gì đâu. Vậy là ta đã lầm. Con nhà quê này dám cả gan léo ngoi cạnh ta thính chính sau rèm hôm nay. Lại khi ta lập con bé họ Mai làm hoàng hậu, ngay lập tức nó lập thêm con bé họ Lê. Con này thật táo gan. Vậy chớ nó dựa vào ai, dựa vào thế lực nào mà dám nhờn mặt ta. Lý Thường Kiệt chằng? Ta không tin, vì Thường Kiệt gắn bó với

hoàng thượng từ thời niên thiếu, được tiên đế ưu trọng cất nhắc cho làm hoàng môn quan từ năm hai mươi tuổi, lại ban quốc tính. Tới nay Thường Kiệt cũng là một hoạn quan độc nhất vô nhị vừa được ban quốc tính, vừa được ban tặng chức tước vào hàng đệ nhất phẩm, lại được vương phu ta nhận làm thiên tử nghĩa đệ. Ta cũng trọng tài năng và nhân cách của Thường Kiệt, nên các việc phong tặng đó khi nhà vua có ý thăm dò, ta đều nói tốt cho Thường Kiệt cả. Chẳng nhẽ Thường Kiệt dám đứng về phía Ý Lan chống lại ta chăng. Kể cũng lạ thật, ngay thái sư Lý Đạo Thành là bậc tể chấp, tính người cương trực, thượng tôn lễ luật mà giữa chốn triều trung lại làm ngơ không đàn hoặc các việc làm xác xược của con nhà quê léo hánh này sao. Được rồi, ngày mai ta sẽ triệu Thái sư đến và buộc ông phải làm rõ việc này chứ không thể để cho chúng nó làm rối nát kỷ cương.

II

Từ sau bữa thiết triều trở về, tâm trạng cậu bé Càn Đức trở nên cau có khó chịu, cậu luôn quát tháo đám cung nữ mỗi khi họ làm sai ý mình. Có lúc cậu đã hét:

- Tao thì giết chết chúng mày. Bây giờ tao có quyền rồi, đứa nào làm trái ý tao là tao giết hết.

Đám cung nữ sợ xanh xám cả mặt mày. Vì họ biết nhà vua có cái quyền ấy thật. Từ đó họ trở nên lấm lét, ý tứ nhưng cũng có phần xa lánh nhà vua.

Không có người gần gũi chơi bời, nhà vua càng trở nên khó tính. Nhiều lúc Càn Đức một mình đi tha thân trong vườn ngự uyển, hái hoa, bắt bướm, bới đất bắt dế, các cung nữ theo hầu chỉ rón rén đi cách nhà vua dăm bảy bước chân để không gây sự quẫn chân cho cậu bé, lại khi có việc gì Càn Đức cần sai gọi thì họ có mặt ngay lập tức, hoặc khi có điều gì nguy hiểm như giẫm phải tổ kiến, đập phải tổ ong hoặc chạy quá đà vấp ngã thì các cung nữ sẽ có mặt kịp thời để giải cứu mọi điều

rắc rối mà vua nhỏ gặp phải.

Có lúc các cung nữ đứng xa xem nhà vua đang say đắm ngắm khóm bạch mẫu đơn mà mỗi bông đều trắng toát, có dáng hình khum khum như một đĩa xôi trắng đơm đầy, mùi hương thơm dịu ngọt, bướm ong kéo về hút mật từng đàn. Nom bầy bướm, bầy ong hỗn nhiên bay lượn hoặc đậu xuống khóm hoa nào, bông hoa nào là tùy nó chọn lựa không có con nào bị cầm bắt, bị chèn ép, nhà vua ao ước có bầy bạn mà chơi đùa mà nhảy nhót nghịch ngợm như mấy con ong, con bướm kia. Nhà vua cảm nhận ra một điều rằng mình hoàn toàn bị cầm bắt. Ăn thì chán ơi là chán, biết bao nhiêu thứ đồ ăn, kẻ này nài ép một tí, kẻ kia nài ép một tí; chỉ mỗi thứ một tí thôi mà bụng lúc nào cũng căng tròn. Ngay cả việc đi chơi cũng thế, mình đã quát đuổi chúng nó mà nó vẫn không chịu rút xéo cứ vòng trong vòng ngoài vây hãm thế này thôi. Lại cả cái việc đi ỉa đi đái chúng cũng sẵn sẵn đón đón:

- Bệ hạ đã “buồn tè” chưa?

- Bệ hạ đã “buồn ị” chưa?

Rồi chúng xúm vào nâng áo tụt quần mình ra thật là dơ dáy. Nhưng đáng ghét nhất là cái chuyện người lớn cứ bắt mình phải làm vua. Thì mẫu hậu bắt chứ còn ai nữa. Mẹ thì chẳng bắt mình phải khổ sở đến thế đâu. Cái mũ đội đầu thì rậm ơ là rậm, rộng ơ là rộng, đầu vừa nghiêng đi mũ đã quay tròn, mẫu hậu ngồi sau rèm

dã vội rít lên: “không được cựa quậy, mũ đã lệch rồi, phải ngồi ngay lên chứ”. Áo thì dài rộng mà nặng đến chết người, cứ như bị chui vào trong một cái bẫy. Nhưng khổ nhất vẫn là đôi hia. Cách gì thì mình cũng không xỏ chân vào hia mà tự đi được. Tức là mặc các thứ áo mũ đó, đi cái thứ hia đó thì không thể nhúc nhích đi đâu được. Cho nên có ai hỏi ta ở đời ghét nhất cái gì, thời ta phải nói ngay rằng: - Ghét nhất là người ta bắt mình phải làm vua. Ước gì mình không phải làm vua và được thỏa chí vui chơi với những đứa cùng trang lứa như loài bướm, loài ong kia kia.

Trong khi Càn Đức căm ghét vì người ta bắt mình phải làm vua thì mẹ cậu, hoàng thái phi Ý Lan lại ảm ức vì mình để ra vua mà quyền bính lại sang tay người khác. Ý Lan bèn cho triệu thái giám Đỗ Khánh Thập vào cung.

Đỗ Khánh Thập vừa ló mặt vào đã bị thái phi mắng:

- Ông có nói gì với Lý Thái úy không mà để bà ta lộng hành như vậy. Khi ta sai kê ghế ngồi sau rèm, bà ta liền lên mặt nặng lời: -“Phận em là thứ phi, sao có quyền nghe việc triều chính”. Ta không thèm đáp lại, cũng không rời hoàng thượng. Lại đến lúc bà ta tự xưng xuất lập người con gái họ Mai làm hoàng hậu thì ta không chịu nổi. Người có biết họ Mai là họ nào không. Chính là họ của lão Thái thái đấy. Thanh thiên

bạch nhật giữa triều đình mà họ dám công nhiên kéo bè kết cánh, người có biết không, Lý Thái úy có biết không?

- Tâu, việc ấy thì ai cũng rõ cả.

- Chính vì thế mà ngay lập tức ta phải lập người con gái họ Lê để giữ cái thế quân bình.

- Dạ, hoàng thái phi thật là anh minh, nhanh trí.

- Người sang đây có đem theo điều gì từ chính thái úy không.

- Chính vì việc đó mà thần sang đây.

- Vậy chớ nếu không có sự sai khiến của Thái úy Lý Thường Kiệt mà ta triệu thì người không đến chứ gì?

- Tâu, đâu có thế. Thần sang châu thái phi là vì cả hai lệnh đó.

Tâu, Thái úy có nhờ khuyên hoàng thái phi phải hết sức kiên nhẫn và kiềm thúc để kẻ kia lộ rõ hình tích ra đã. Việc Dương thái hậu lập người họ Mai chính là bà muốn lấy lòng lão Thái thái. Nhưng lão Thái thái tuổi cao, đã lú lẫn, vả lại bà cũng không có thế lực gì, việc đó không đáng ngại.

- Thế còn việc bà ta liên kết bè đảng với ông Thái sư thì sao, người có nói lại cho Thái úy rõ không?

- Tâu, thần thường nhắc đi nhắc lại chuyện đó để lưu tâm Thái úy. Thực ra thần còn nói thà phụ người

mà đi trước một bước cho chắc ăn, còn hơn để đến khi người phụ ta thì hối cũng không kịp nữa.

- Phải, người nghĩ thế là chín chắn đấy. Vậy ý Thái úy ra sao?

- Tâu, Thái úy nói: -Thái sư không nắm binh quyền nhưng cái thế của ông trong triều khá lớn. Nhất là người trong nước yêu quý ông ta lắm, gần đây ông ta vừa lập miếu Văn thờ Khổng Tử, lại sắp mở khoa thi Minh kinh chọn hiền tài, nên kẻ sĩ trong nước trọng ông ta lắm. Nay chưa có cơ gì mà hạ ông ta xuống, sợ loạn mất.

Thái úy nhắc lệnh bà cứ yên tâm, binh quyền ở trong tay ông, kẻ nào nhúc nhích làm phản ông sẽ chém rơi đầu.

- Nhưng người về nói với Thái úy rằng ta không chịu được cái thứ phách lối của bà ta. Ta là mẹ vua, ta không muốn chia sẻ quyền hành với ai cả. Nếu Thái úy tận lực giúp ta việc này thì quyền Thái tử, ấn nguyên nhung không thuộc về ông còn thuộc về ai. Cả khanh nữa, công lao của khanh bấy lâu để thường ta không cần nhắc sao.

- Tạ ân hoàng thái phi, thần sẽ tâu lại ý chỉ của hoàng thái phi để thái úy rõ.

Ngập ngừng giây lát, đô thái giám xun xoe gãi đầu gãi tai, cuối cùng y khai khẩu:

- Tâu, thần lưu ý hoàng thái phi một việc mà thái phi chớ coi thường. Tức là không để cho hoàng

thượng gần gũi Dương thái hậu, trái lại phải thổi vào lòng hoàng thượng một thứ tình cảm thù hận, căm ghét Dương thái hậu, kíp đến khi có ai đàn hoặc rồi khép tội bà thì hoàng thượng với tâm lý trẻ thơ, lúc ấy sẽ y tấu ngay tức thì.

- Ta hiểu! Ta hiểu! Các việc ấy người không phải dạy ta. Điều ta quan tâm lúc này là Thái úy Lý Thường Kiệt có nhớ lời gửi gắm của tiên đế không?

Đô thái giám ngạc nhiên hỏi lại:

- Tâu, tiên đế gửi gắm việc gì ạ?

- Không phải việc gì người cũng được biết, cứ về nói lại thái úy điều ta hỏi.

- Tuân chỉ.

Lại nói Thái sư Lý Đạo Thành sau buổi châu đầu tiên dưới thời vua mới làm ông thất vọng. Thất vọng không phải lỗi tự nhà vua mà bởi hai người mẹ. Ông hết sức ngạc nhiên rằng Hội đồng chấp chính đã đồng lòng chỉ mời một bà mẫu nghi thiên hạ tức Dương thái hậu ngồi sau rèm nghe việc nước, giúp vua nhỏ. Vậy mà thái phi Ý Lan lại dám leo lên cùng ngồi. Rồi khi thấy bà Thượng Dương lập cho vua mới một hoàng hậu người họ Mai, thì ngay lập tức bà hoàng thái phi cũng lập thêm một bà họ Lê nữa cho vua nhỏ. Thế là hai bà ăn miếng trả miếng nhau giữa chốn triều trung thật chẳng khác gì sự ghen tuông tầm thường của mấy người nông phu, mấy đứa ngư phụ. Ta thật đau lòng. Ta ngờ

rằng đây không chỉ là sự ghen tuông mà là sự tranh chấp quyền lực có tính toán, trong đó chứa đựng sự bất tường. Bởi ta lại cũng ngờ rằng có một thế lực nào đứng sau bà thái phi, nên bà mới dám hợm mình đến như vậy. Kiểm lại bản chất của hai người đàn bà này, nhằm cắt nghĩa sự tranh chấp đến táo tợn của bà hoàng thái phi rồi sẽ đưa ra bàn bạc trong Hội đồng chấp chính, ngõ hầu làm sáng rõ kỷ cương chốn triều đình không để cho quan nhờn, dân nản, kẻ thù dòm ngó vào tận ruột gan mình.

Về thái hậu Thượng Dương, bà thuộc dòng dõi phú gia, tổ tiên nhiều đời là những người có học và có đạo; bà cũng là người có học, tuy học thức không cao, nhưng đủ chữ để đọc sách của Phật của Thánh và hiểu được nghĩa lý của kinh, truyện. Bản chất nhu hòa lại có giáo dục, có nhan sắc chim sa cá lặn nên được tiến cung và ngay lập tức được lập làm chánh cung. Nhà vua yêu say đắm, nhưng nỗi bất hạnh của bà là thuận sinh được hoàng nữ. Vì thế sau này nhà vua thừa lui tới cung Thượng Dương, tình yêu hầu phai nhạt, nhưng bản tính đoan chính bà tìm sự khuây lãng nơi cửa Phật, nên rất chăm lễ bái và lui tới chốn danh lam. Mặc dù vậy, bà vẫn cai quản hậu cung không có gì sơ khoáng. Ngay cả khi nhà vua tìm được bà Ý Lan và bà này sinh được hoàng nam, thì bà Thượng Dương coi các hoàng tử như chính con mình chứ không có sự ghen tức nhỏ nhen hoặc có mưu toan gì mờ ám. Xem như thế đủ biết bà là

người có đức hạnh và biết cư xử.

Lại nói về bà Ý Lan, cũng xuất thân từ một gia đình có học, bản thân cũng được học hành chút ít. Nỗi bất hạnh của bà này là cha mẹ mất sớm, tuổi thơ cực nhọc, khó nghèo nên có nhiều ám ức với cuộc đời. Kịp đến khi được vua vời vào cung thì bà bộc lộ một bản năng hiếu học với tấm lòng mộ Phật, sùng kính Phật, thiên hướng về sự huyền bí hơn là tìm ra nhẽ đục trong của giáo lý. Vì vậy, ta ngờ rằng bà đến với đạo Phật từ tấm lòng ngu tín chứ chưa đạt tới mức trí tín. Tuy vậy vẫn còn hơn nhiều kẻ vô đạo, chúng chẳng tin một điều gì trên cõi đời này, vì vậy chúng dễ ngã sa vào các tội ác vì sự mê mờ và chúng chỉ tin vào sức mạnh bạo tàn.

Ý Lan được nhà vua sủng ái lại sinh được hoàng nam, và chỉ sau một ngày, tức là nhà vua biết cái sinh linh nhỏ bé ấy còn sống và có đầy đủ cửu khiếu¹ liền được lập làm hoàng thái tử thời bà Ý Lan biết chắc mình sẽ là mẹ của vua nối. Tới khi nhà vua đi chinh phạt Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069) trao quyền lưu thủ kinh sư cho bà thì tiếng tăm của bà nổi như điều gặp gió. Ta ngờ từ ngày đó đã manh nha có một thế lực gây dựng thanh thế cho bà nhưng chúng giấu mặt sau những bức màn đen không hé mở, chứ thực ngày đó điều hành mọi công việc đất nước vẫn do phủ thái sư

¹Cửu khiếu tức là chín cái lỗ trong các bộ phận của cơ thể gồm: hai mắt, hai lỗ tai, hai lỗ mũi, mồm, lỗ tiểu tiện, lỗ đại tiện, ý nói loài động vật đã tiến hóa.

mà cơ quan của nó là trung thư sảnh. Bà ta chỉ có việc lấy bạc vàng của kho nhà nước đem đi tặng biếu hoặc cúng dâng các chùa, quán và bố thí cho người nghèo, để lấy lòng giới tăng thống, đạo thống cùng dân chúng chứ thực tình bà không có làm việc gì gọi là canh cải đất nước. Nói cho đúng bà ta cũng chẳng biết việc gì để mà làm.

Cho tới nay dường như bà đã làm tất cả, kể cả sự liêu lĩnh để đoạt lấy quyền lực vào tay mình. Vì rằng, có quyền lực rồi sẽ có tất cả. Thế mới biết ở đời không có loại bầy nào lại dụ được con người vào tròng một cách đầy hứng khởi và tận lực dán thân như cái bầy quyền lực.

Về hai con người này tựa như hai đứa trẻ, một đứa được sinh vào cửa cực quyền, cực quý, một đứa được sinh vào cửa cực nghèo với cái hèn luôn là bạn đồng hành chí cốt. Đứa trẻ con nhà giàu nó thờ ơ với mọi thứ từ của cải tới quyền uy, cho nên mọi thứ trong tay nó đều như nhau cả, đều bình thường cả. Trái lại đứa trẻ con nhà nghèo được bất cứ một thứ gì dù là của cải hay quyền lực, một khi đã vào tay nó thì nó đem cả tính mạng ra để giữ lấy. Hoàng thái hậu Thượng Dương và hoàng thái phi Ý Lan tựa như hai đứa trẻ được sinh ra từ những hoàn cảnh khác nhau như vậy.

Nhẽ ra không có sự ra đi đột ngột của vua Lý Thánh tông thì Thái sư đã rảnh tay lo cho việc thi đại

khoa sắp tới, kể cả lo việc mở quốc tử viện đón các hoàng tử, hoàng tôn cùng con cháu các đại thần vào học. Thế nhưng ông đã phải lún sâu vào các công việc triều chính nhỏ bé song nó lại vô cùng rối rắm và phức tạp đến chết người này.

Nghĩ suy của Thái sư đang bị quẩn vào những việc mà ngài không mấy yêu thích nhưng lại không thể tránh né, bất chợt công tử Lý Kế Nguyên mà thực chất là nghĩa tử ào vào thăm cha. Ai cũng biết Lý Kế Nguyên chỉ là con nuôi của Lý Đạo Thành, nhưng được ông coi như con đẻ, lại được hấp thụ một nền giáo dục cao. Tới nay trong gia đình Lý Đạo Thành cũng như trong tình cảm Lý Kế Nguyên không hề có sự phân biệt nhỏ nào giữa nghĩa tử với đích tử. Lý Kế Nguyên vốn vờ nói:

- Trình cha, con đã về.

- Vậy chớ con từ đâu về?

- Thưa cha từ biên ải về ạ.

- Tình hình vẫn được yên ổn chứ con?

- Thưa cha trước mắt còn tạm yên.

- Ta nghe Tống Thần tông với Vương An Thạch vua tôi tâm đắc nhau lắm, nhưng chuyện đánh Đại Việt ta, họ đã đồng lòng chưa?

- Thưa cha, cựu phái còn mạnh lắm, nên Vương An Thạch chưa thể ra tay ngay được.

- Nhưng đã có Thần tông hậu thuẫn, ta chắc thể

nào Vương An Thạch cũng thực hiện được mưu đồ của ông ta. Việc này sinh thời tiên đế đã tiên lượng được, người đã bàn kỹ với ta và thái úy Lý Thường Kiệt.

- Thưa cha, việc ấy xảy ra lâu chưa ạ?

- Ngay từ sau khi đánh Chiêm Thành trở về. Người nói đánh Chiêm Thành là để phá thế hợp tung của nhà Tống. Và để chuẩn bị đánh trả cuộc xâm lăng sắp tới của Tống Thần tông, Vương An Thạch.

- Thưa cha, nhà vua quả có tầm nhìn xa rộng. Qua những tin tức con thu lượm được từ nhiều nguồn, thời việc nhà Tống xâm lăng Đại Việt là điều không tránh khỏi. Nhưng có lẽ nó chưa thể xảy ra trong thời gian gần được, bởi mọi sự họ còn đang bàn bạc, vừa bàn bạc vừa chuẩn bị quân lương.

- Ta rất đau lòng vì hoàng thượng đột ngột ra đi, mọi việc trở nên dang dở. Vậy chớ con đã trình lên thái úy các tin tức con vừa nhận được cũng như công việc con quan sát trên biên thù chưa?

- Dạ, sau khi con vấn an cha xong, con sẽ sang dinh Thái úy

- Cha nghe nói Thái úy giao cho con trọng trách trông coi thúy binh miền đông hải?

- Thưa cha, hải binh miền đông hải hiện đang khuyết một người đứng đầu, chẳng là từ cuối năm ngoái Đông hải hải binh đô tổng quản Trần Quang Minh có đơn xin từ nhiệm như cha đã biết, vì ông trên sáu mươi

lăm tuổi rồi, Thái úy định trao chức độ đó cho con. Con đã hai ba lần từ khước mà ông chưa nghe. Vậy con xin ý cha dạy bảo.

- Trước hết cha phải nói đó là nhiệm vụ tối quan trọng. Miền đông hải chính là cái áo giáp của Đại Việt ta đó. Nếu hải binh ta mạnh, tướng ta tài giỏi có thể chặn giặc từ đây, giữ gìn an toàn cho đất đai, sông núi, người và của của ta trong nội địa, không cho chúng đặt bàn chân nhơ bẩn lên đất ta. Cha không thể khuyên con nhận hay không nhận việc này. Mà con phải tự xét có đủ sức gánh vác công việc này không đã. Nếu đủ sức mà chối từ có nghĩa là sợ việc khó, việc hiểm nguy, đó không phải là cách hành xử của bậc trượng phu; song tài đức không đủ mà cứ ráng nhận thời đó là kẻ tiểu nhân háo danh dẫn tới sự nguy hại khó có thể lường trước được, vì rằng khi giặc đến biết xoay xỏa làm sao. Vận mệnh đất nước khi nước có giặc nằm trong tay các tướng lĩnh cầm quân. Cha xem đây là việc hệ trọng bậc nhất, con đã từng làm tướng, nên tự lượng sức mình, cha không có điều gì phải nói thêm nữa.

Lý Kế Nguyên có vẻ ngập ngừng một lát rồi mạnh dạn hỏi:

- Thưa cha, từ biên ải con nghe nói buổi thiết triều đầu tiên của vua mới đã có sự tranh chấp ra mặt giữa hoàng thái hậu và hoàng thái phi, chẳng hay việc đó đúng sai thế nào ạ?

Thái sư hơi biến sắc mặt hỏi lại:

- Con nghe chuyện này từ biên ải, vậy con thử lượng định xem liệu người Tống hiện thời đã biết chưa?

- Con nghĩ họ biết cả rồi, bởi họ theo dõi ta rất ngặt, nhất là mỗi khi bên ta có sự thay đổi ngôi vị, họ chỉ nhằm nếu nội bộ ta rối nát là họ nhảy vào liền.

- Đó cũng chính là điều làm cha lo nhất vì môi hở ắt răng sẽ lạnh, cho nên không gì bằng nội bộ phải hòa hợp từ trên xuống dưới thì kẻ địch mới không có khe lối chui vào.

- Thưa cha, con nghe người ta đồn nhiều điều khiến con lo lắng.

- Là những chuyện gì vậy con?

- Cha cho phép con được nói lại những tin đồn, cũng có thể do một số người hiếu sự vẽ ra, lại cũng có thể do gián điệp nhà Tống phao lên nhằm chia rẽ nội bộ ta.

- Con nói thử ta nghe, dù nó từ nguồn nào cũng phải biết còn lo mà hàn gắn lại nếu quả như nó có nứt rạn.

- Thưa cha, họ nói thế nào cũng có cuộc đổ máu vì sự tranh giành quyền lực giữa hai bà thái phi và thái hậu. Chẳng biết hai vị quan đầu triều ý nói cha và Thái úy Thường Kiệt và Hội đồng chấp chính có cản ngăn được hay lại chia thành phe đảng kinh chống nhau thì nguy cho nước.

- Dưới con mắt của mọi người thì triều đình hiện nay đã có sự rạn nứt rồi. Song việc chia phe đảng kinh chống nhau thì cha không tin. Bởi cha không khi nào lại đem lòng kia khác. Còn như Thái úy Lý Thường Kiệt, cha vẫn tin ông ta tuy xuất thân từ thái giám song là một người có nhân cách, có thể nói là một đáng trọng phu, một người quân tử. Hơn nữa, nhà Lý đã tạo dựng cho ông ta và đem lại cho ông ta tất thảy: danh vọng, sự nghiệp, tới nay có thể nói là lẫy lừng và ông cũng đang ở tuổi sung mãn. Hoàng thượng, tức là tiên đế lại nhận ông vào hoàng tộc và phong cho ông là thiên tử nghĩa đệ. Cái tình nhà vua xử như thế, cái ân nhà vua ban như thế, nay vua vừa nằm xuống chưa héo cái cỏ, chưa nở hòn đất chẳng lẽ ông đã quay quắt ư? Không, cha không tin điều xấu ấy sẽ xảy ra. Thôi con cứ về phủ đi và lo liệu công việc cho thật tốt.

- Cha cho con nói nốt điều con băn khoăn.

- Cha nghe đây.

- Thưa cha, vạn nhất điều mọi người không dự cảm mà nó vẫn cứ xảy ra thì làm thế nào ạ?

- Đúng là cha không tính tới điều đó. Con nói khiến cha giật mình. Bởi suốt mấy chục năm qua kể từ khi nhà Lý được nước tới nay, đời nào cũng là vua tôi một lòng, triều đình thân dân, vì vậy người dân đã bớt đói khổ, thế nước ngày một hưng lên.

Thái sư buông một hơi thở dài như muốn xua

đi những điều bất hạnh, rồi ông tiếp. - Thế nước đang lên, tiên đế vội vã ra đi thật không đúng lúc. Bây giờ vua nối còn thơ ấu, nếu quyền hành rơi vào tay dân bà và lũ thái giám chắc là sẽ rối nát và cũng không thể tránh được sự thôn tính của nhà Tống. Con đường phía trước thật là hiểm nguy, chẳng biết mọi người có nhận ra không. Cha sẽ cố gắng hết sức mình để các điều xấu không xảy ra. Vạn nhất không ngăn được thì đó là vận nước thôi. Cha khuyên con bất cứ rơi vào cảnh ngộ nào cũng phải lấy quốc gia, dân tộc làm trọng, chớ có manh động mà gây thảm họa cho nước, để tiếng trách chê cho hậu thế.

- Dạ, con xin tuân lời cha, mong cha bảo trọng. - Lý Kế Nguyên cúi đầu vái lạy cha và ra đi với gương mặt đượm buồn.

Từ khi xảy ra cuộc tranh chấp giữa thái hậu và thái phi, các phiên châu thừa dân, điện Thiên An vắng ngắt, chỉ có phủ thái úy là nườm nượp người ra vào, nhiều nhất vẫn là các quan thái giám. Nhà Lý không ưu trọng hoạn quan, nhưng vì đã có Lý Thường Kiệt được cất nhắc vào hàng nhất phẩm nên các thái giám đều lấy làm hãnh diện, đều coi Lý Thường Kiệt là người thành đạt nhất, là tấm gương sáng của các quan giám và tất cả bọn họ đang hy vọng thời cơ tiến thân của họ đang mở ra.

Lý Thường Kiệt đương nhiên không thể xua đuổi

họ, bởi họ có xin xỏ gì đâu, có cầu cạnh gì đâu, chẳng qua là cùng hội cùng thuyền. Lý Thường Kiệt không thể khinh rẻ họ, không thể liệt họ vào hạng nhân cách hạ đẳng, bởi nói cho cùng thì ông có hơn gì họ, cũng là loại hoại thân cầu danh với nhau cả. Vì vậy Lý Thường Kiệt giữ thái độ trung dung, nghĩa là không xua đuổi họ, cũng không thân mật gần gũi họ. Tuy vậy, trong thâm tâm ông vẫn tự coi mình là người có phẩm giá cao quý. Chẳng gì cũng là hậu duệ của Ngô vương, một vị hoàng đế mở ra thời đại trung hưng cho Đại Việt, rửa mối hận ngàn năm Bắc thuộc. Một dòng dõi như thế, sao ta lại có thể ngang hàng với các người. Đương nhiên, ta cũng chỉ là một giám quan, điều đó ta không cãi với các người được. Nhưng ta phải tự yêm vì có mệnh của hoàng thượng, tức là hoàng thượng cầu ta chứ không phải như lũ các người phải tự yêm để cầu cạnh tiến thân. Nhân cách là ở chỗ đó, bị lậu là ở chỗ đó.

Quả là có sự khác biệt như Lý Thường Kiệt tự nghĩ, song giới nho sĩ và các quan vào loại có học vấn cao vẫn coi thường nhân cách họ, vẫn tặc lưỡi gọi bọn họ là: “Lũ thái giám”. Có người còn gọi với vẻ khinh miệt: “Lũ quan hoạn”.

Bữa nọ nhân lúc vắng người, đô thái giám Đỗ Khánh Thập lén vào dinh thái úy xin được nói điều cơ mật. Ý chấp nối tất cả mọi việc kể từ khi Ý Lan được giao làm lưu thủ kinh sư tới tận ngày nay.

Với sự hoài nghi, Lý Thường Kiệt liền hỏi:

- Thái sư là bậc có nhân cách cao thượng, đô thái giám có điều gì mắc mớ với ông hoặc giả về bổng lộc, hoặc muốn có một chức quan trong triều cứ nói thẳng, ta có thể bàn bạc với Thái sư để giúp ông được.

Làm ra vẻ khổ đau, Đỗ Khánh Thập phân bua:

- Mong Thái úy hiểu giùm cho, nếu Đỗ Khánh Thập này có dính dáng chuyện tư riêng vào đây thì sẽ chết không toàn thây. Hạ cấp xuất thân từ tầng lớp hạ đẳng, kiếm ăn cùng với lũ du thủ du thực, cuộc đời tưởng không bao giờ còn ngóc đầu lên được nữa. May có dịp nhà vua tuyển thái giám, hạ cấp đã làm tất cả để được vào cung. Khi vào cung đem hết lòng khuyến mã hầu hạ, hoàng thượng thương tình cất nhắc cho làm đến đô thái giám. Ngoài đời chẳng ai biết mình, nhưng trong chốn hậu cung thì tự tay mình cũng được coi sóc khối người. Hàm thì vua ban cho tới hàng tứ phẩm, ngang cả trung thư thị lang. Thử hỏi hạ cấp còn dám đòi hỏi gì hơn thế nữa. Chẳng qua hạ cấp lo là lo cho Thái úy mà thôi.

- Ta làm gì khiến ông phải lo cho ta?

- Hạ cấp thân hèn mọn được như thế này kể cũng đã là quá phận mình rồi. Nhưng Thái úy vốn dòng dõi đế vương, nay được vua yêu thăng vào hàng nhất phẩm lại ban quốc tính, công danh sự nghiệp như thế là đệ nhất thiên hạ, nếu thái úy không để ý đến quyền làm

mẹ chính đáng của hoàng thái phi mà nhất thời đứng về phía Thái sư và hoàng thái hậu mà xử ức thái phi, e rằng khi nhà vua đến tuổi trưởng thành, tự mình cầm quyền binh, nhà vua nghĩ lại thấy mình là con bất hiếu. Chắc hẳn ngài sẽ ân hận, vì tình mẫu tử thiêng liêng lắm. Và rồi ngài nổi cơn thịnh nộ sẽ ra tay trừng trị những ai đã đẩy ngài vào con đường chống lại người đã sinh dưỡng mình. Thử hỏi lúc ấy thành tan nát vỡ lấy gì đảm bảo cho sự nghiệp của thái úy đây. Nói thực, ngay đến sinh mệnh cũng khó vẹn toàn. Thế là lòng trung của Thái úy trải thờ ba triều vua bỗng chốc hóa thành cát bụi.

Than ôi! Đô thái giám đưa tay lên dụi mắt tựa như ông lo cho thái úy đến đau lòng. Ông vờ đứng dậy cáo lui, rồi làm như sực nhớ:

- Xin Thái úy tha lỗi, suýt nữa thì hạ cấp đắc tội với hoàng thái phi.

- Có điều gì vậy, đô thái giám mau nói ta nghe?

- Dạ, hoàng thái phi có nói hạ cấp nhấn giùm Thái úy rằng ngài có nhớ sinh thời tiên đế ký thác điều gì với Thái úy tại điện Thiên Khánh không?

Ý Lan nhắc lại điều đó khiến Lý Thường Kiệt lạnh cả sống lưng, ông có cảm nhận như Lý Thánh tông đang hiện về, ngài đang ngự trên đầu ông và quở trách.

Giây lâu định thần, Lý Thường Kiệt liền đáp:

- Ông về tâu lại với hoàng thái phi: Thường Kiệt này đã hứa với tiên đế thì dù non mòn biển cạn lời hứa

áy cũng không dễ gì thay đổi được.

Đỗ Khánh Thập về rồi, Lý Thường Kiệt vào nhà hậu đường đóng cửa nghỉ về những điều đô thái giám vừa nói. Chấp nối lại, ông thấy có phần đúng. Rằng tại sao trong việc buông rèm thính chính, Thái sư lại gạt hoàng thái phi ra ngoài. Rằng tại sao nhà vua mới có sáu tuổi, hoàng thái hậu đã lập chánh cung. Tại sao các quan trong các dòng họ nhiều người có con gái hiền thực mà thái hậu không đoái tới, lại đi lập người con gái họ Mai. Mai thị tuổi lớn gấp ba lần hoàng thượng, nhan sắc lại chẳng có gì hơn đời, còn đức hạnh chưa có thể đo lường được. Lập Mai thị, Thái hậu bán đi một mũi tên nhằm trúng hai đích. Thứ nhất là lấy lòng Mai Thái thái. Trước đây anh của lão Thái thái là Mai Mạnh Minh đã từng giữ chức Khu mật viện chánh chưởng dưới triều Lý Thái tông. Mạnh Minh đã hồi hưu từ lâu, nhưng tay chân và ảnh hưởng của ông còn đầy triều Thánh tông. Thái sư Lý Đạo Thành do Thánh tông cất nhắc. Lão Thái thái lại là mẹ sinh của Thánh tông, vậy bà muốn gì Thái sư chẳng phải vâng phục. Suy ra thái hậu Thượng Dương mới là người mưu lược. Hóa ra ta đã nhầm, từ trước ta vẫn cho bà là người nhân hậu, người vô tâm, chỉ ưa hưởng nhàn chứ không cần sự rắc rối. Chao ôi lòng người thật khó lường thay. Ngẫm nghĩ một lát, Lý Thường Kiệt òa vỡ một chân lý. Thì ra lòng người tựa như một thế trận. Trong thế trận cái nơi không có gì đáng ngờ nhất có khi lại là nơi nguy hiểm nhất. Chẳng

hạn như trong trận Xích Bích, Tào Tháo đại bại phải chạy bộ qua đường Hoa Dong là một đường núi hẻm ít người biết đến, thế mà lại gặp Quan Vân Trường, suýt nữa thì mất mạng. Lý Thường Kiệt cứ miên viễn với những suy tưởng bỗng có quân hầu vào bẩm:

- Thái sư xin được diện kiến Thái úy.

- Người ra thưa lại với thái sư, có việc gấp trên bắc thù, ta phải lên đó từ đêm qua rồi.

Thái sư Lý Đạo Thành quay về và tự hỏi: – Chẳng hay bắc thù có điều gì cần gấp vậy. Hay là Tống triều đánh hơi thấy nội bộ ta chia lòng, nên họ sắp động binh. Nếu thế thì nguy lắm. Về phủ, ông cho triệu thỉnh Khu mật sứ chánh chương Mai Trung Thứ; Đó hộ phủ sĩ sư Ngụy Trọng Hòa là những người trọng Hội đồng chấp chính.

Mọi người tề tựu đầy đủ, Thái sư nói:

- Tôi thân sang phủ Thái úy định bàn với ông ấy mấy việc trước khi nhóm họp Hội đồng chấp chính. Nhưng Thái úy có việc trên bắc thù phải lên đó từ khi đêm.

Mấy người bàn bạc quanh quẩn chuyện phải can gián, phải dàn xếp giữa thái phi và thái hậu, kéo mỗi bất hòa bùng nổ, nội bộ lại chia bè chia đảng thì tránh sao khỏi kẻ thù nhìn vào tận ruột gan mình.

Hai vị kia trong Hội đồng chấp chính đều đồng lòng xin thái sư vì sự an nguy của xã tắc, hãy đem hết

sức mình can gián hoàng thái hậu và hoàng thái phi không nên để sự việc đi xa hơn nữa.

Khu mật sử chánh chương Mai Trung Thứ còn nói thêm:

- Thái sư được cả triều đình và dân nước kính trọng, ngài hãy làm hết sức mình đi, cả triều đình sẽ đứng phía sau ngài.

- Đa tạ các đồng僚 đã gửi lòng tin vào kẻ lão nhược này. Nhưng tôi cũng nói thực, nếu Hội đồng chấp chính cùng đồng tâm nhất trí thì tiếng nói mới có giá trị, các bà hoàng thái hậu, hoàng thái phi mới chịu nghe. Biết thế, nên tôi mới sang phủ Thái úy định bàn các việc phải hiệp tác. Tiếc quá, thái úy ra đi không để lại điều gì cho chúng ta. Nay quân quyền đều ở trong tay Thái úy, nếu không có nhờ của ông thì khó mà can gián được.

Lý Đạo Thành lại dậm thêm một tiếng: Tiếc quá! Và ông buông một hơi thở dài, tựa như ông đã thấm mệt và có dự cảm như mình bị cô đơn.

Khu mật sử lại để vào:

- Trong việc này tôi linh cảm thấy Thái úy như có ý ngãng ra. Vì sao tôi nói vậy? Là bởi các quan trong triều đã đồng lòng cử bốn người trong Hội đồng chấp chính coi sóc việc nước, giúp vua nhỏ, thế mà từ bữa ấy thái úy không nhòm ngó gì đến, không cùng nhau bàn bạc. Việc cử hoàng thái hậu Thượng Dương ngồi sau

rèm thính chính là đúng kỷ cương lễ luật, đã được cả Hội đồng chấp thuận. Dùng một cái lại xuất hiện hoàng thái phi cũng lấp ló sau rèm. Thật không còn ra thể thống gì. Nếu Hội đồng chấp chính đồng tâm nhất trí, việc ấy sao có thể xảy ra được. Nói thực với Thái sư và quan Đô hộ phủ sĩ sư, tôi nghĩ Thái úy có điều gì không được tỏ sáng, không được minh bạch.

Quan Đô hộ phủ sĩ sư lên tiếng:

- Tôi cũng có ý nghĩ như quan Khu mật sứ. Thôi việc này ta không bàn sâu nữa, chờ ngày một ngày hai Thái úy về, ta sẽ hỏi cho ra nhẽ. Nhưng đúng như nhờ Thái sư nói, nếu chúng ta chia lòng, sẽ là cơ hội cho kẻ thù tìm cách chia rẽ nội bộ ta hoặc thôn tính nước ta. Tôi nghĩ, trong lúc này không nên nghi kỵ nhau mà phải hợp quần. Chỉ hợp quần mới có sức mạnh. Trong khi chờ Thái úy về, có nhẽ thái sư cứ nên có sở can gián trước đi. Thái sư là người đức cao vọng trọng, không nhẽ hai bà hoàng lại không nghe.

Thái sư đã lần lượt gửi tới ba đạo sớ cho mỗi bà hoàng. Hoàng thái phi không một lời phúc đáp. Hoàng thái hậu thì sau mỗi lần ông gửi sớ tâu, bà đều triệu ông đến để bàn bạc. Mọi việc do Thái sư xướng xuất đều được thái hậu chấp thuận. Có điều rằng công việc triều chính vẫn bê trễ mà hoàng thượng thì không ra coi châu, bởi nhẽ hoàng thái phi lúc thì nói hoàng thượng ầm đầu, lúc lại bảo phải chờ Lý Thái úy đi kinh dinh

bắc thù về xem có việc gì hệ trọng thì bàn luôn thể.

Thấm thoát đã sang tháng tư, hoàng thượng có dụ cho các đình thần rằng sáng mồng tám tháng tư này nhà vua dự lễ tắm Phật ở chùa Vạn Tuế xong thì đầu giờ Thìn sẽ thiết triều.

Đúng giờ, các quan tể tỵ đông đủ, quan chức nào ngồi vào hàng lối ấy.

Sát ngai vàng bên hữu, Thái sư Lý Đạo Thành mũ áo tể chính, tay cầm sẵn cây hốt ngà, mặt hướng về phía ngai vàng chờ hoàng thượng tới. Bên tả, ghé Thái úy vẫn đang bỏ trống. Ít lâu nay Lý Thường Kiệt không xuất hiện. Người nói ông đi kinh dinh vùng ải bắc, người ngờ ông đang ẩn mình trong phủ, đang mưu toan điều gì khó hiểu. Phía sau ngai vàng là bức màn the hoàng thái hậu Thượng Dương đã ngồi tể chính, tuy ngoài bốn chục tuổi, nom bà vẫn duyên dáng ưa nhìn, cặp mắt sáng, nước da mịn hồng như trứng gà bóc, đôi môi đỏ như tô son, hai hàm răng đều tăm tắp trắng như những hạt ngô nếp, cặp má bầu bầu, gương mặt bà rục rờ như một tấm gương sáng. Trời phú cho bà một thứ nhan sắc tự nhiên không cần bất cứ loại đồ trang sức nào, ngay cả son phấn trang điểm bà cũng không dùng. Cái mà hoàng thái hậu chuộng nhất chỉ có bạch kỳ nam được chế tác tinh vi để xông một cách kín đáo vào khăn áo, nên đứng gần bà, người ta có cảm giác cái thứ hương thơm quý phái kia được toát ra từ da thịt và

từ hơi thở của bà.

Chính cái nhan sắc trời phú và cách trang điểm kín đáo ấy của bà, nên vua Thánh tông hết lòng sủng ái. Chỉ tới khi nổi bất hạnh đến với bà là bà Ý Lan nhập cung và sinh được hoàng nam cho nhà vua. Dường như cái định mệnh đã an bài khiến bà chỉ sinh được thuần hoàng nữ. Từ khi Càn Đức chào đời và được lập ngôi thái tử ngay tức khắc, Dương hoàng hậu tự biết tiếng chuông định mệnh đã điểm. Bà chợt nhận ra tới một lúc nào đó thì nhan sắc của người đàn bà dù kiều diễm đến đâu cũng hoàn toàn nhạt nhẽo vô duyên nếu nó không đem lại sự nối dài cánh tay quyền lực của người chồng nữa. Biết vậy, bà an phận thủ thường, chấp nhận Ý Lan và coi Càn Đức như chính con đẻ của mình. Điều đó cả nhà vua và Ý Lan đều biết. Trớ trêu thay, người cầm cân nảy mực cho cả hoàng gia và quốc gia lại đột ngột ra đi không để lại một di ngôn, di chiếu hoặc một lời răn dạy nào.

Bây giờ theo đúng lễ luật, phép tắc thì bà ngồi đây để nói lại, đúng ra là nhắc vai cho hoàng thượng quyết các việc lớn, cái việc nhỏ ấy của cả quốc gia đã được Hội đồng chấp chính bàn bạc. Việc chỉ đơn giản có thể thôi chứ bà có tranh ngôi đoạt thứ gì với mẹ con Càn Đức đâu.

Dương thái hậu cứ ngồi sau rèm chờ Càn Đức về thiết triều, ruột nóng sôi sùng sục như một bể sôi.

Bà không hiểu có điều gì sắp xảy ra mà người cứ bần thần, mắt hoa đầu nhức.

Chừng cuối giờ Thìn, trống chiêng âm ĩ, kiệu của hoàng thượng dừng trước thềm điện Thiên An. Theo sau là bốn đô quân hổ bôn và Thái úy Lý Thường Kiệt xuất hiện, ông oai nghiêm trong bộ võ phục với mũ đầu mâu, ông bước đi hùng dũng mắt không rời hoàng thượng một ly. Nhà vua bước đi giữa hai hàng bá quan văn võ quỳ rạp miệng hô:

- Hoàng thượng thiên tuế!
- Hoàng thượng thiên thiên tuế!

Lý Thường Kiệt vẫn bước đi sau vua Càn Đức mà không cả cúi chào đáp lễ các quan.

Hai viên thái giám đỡ nhà vua ngồi lên ngai vàng. Bữa nay nhà vua đã có mũ, hia và y phục vừa vặn với khuôn khổ người mình, nom nhà vua có phần sinh động hơn. Vua vừa an tọa, Lý Thường Kiệt ngồi vào ghế thái úy kê thấp hơn ghế Thái sư một bậc.

Lý Đạo Thành đứng lên vái nhà vua hai vái, lại hướng về phía thái úy vái chào một vái theo cái lễ tương kính. Nhưng Lý Thường Kiệt không vái đáp lễ cũng không nhúc nhích, ông đưa mắt nhìn khắp lượt các triều quan.

Chờ các quan ngồi yên ổn, nhà vua hươu cây kim hốt rồi phán gọi:

- Trung thư thị lang! - Nhà vua lấy cây hốt vẩy vẩy hai ba lần. - Trung thư thị lang lên đây!

Quan Trung thư thị lang vội lập cập cúi người leo lên bậc tam cấp, tới gần ngai vàng, ông phủ phục lạy vua hai lạy:

- Muôn tâu bệ hạ, thần chờ sai khiến.

Nhà vua cúi xuống móc trong tay áo thụng ra một phong giấy dó ngoài vẽ những áng mây bay, chia ra phía trước và nói:

- Khanh tuyên đọc chiếu này!

Trung thư thị lang hai tay đỡ lấy tờ chiếu, miệng nói lớn:

- Thần xin phụng đọc.

Rồi ông cất cao giọng đọc thông thả từng lời cho mọi người đều nghe thấy.

Thái ninh nguyên niên¹, tứ nguyệt, bát nhật Hoàng đế chiếu viết:

Trẫm mới lên ngôi, đức mỏng nên trong triều xảy ra nhiều sự lộn xộn.

Tuân mệnh trời, theo lòng người, trẫm sắp xếp lại một số quan cấp và công việc trong triều như sau:

- Một là huyền chức Khu mật viện chánh chủ簿 của Mai Trung Thứ, vì Thứ không hoàn thành trách vụ.

Xét Thứ là con nhà dòng dõi trải nhiều đời làm tôi

¹ Niên hiệu đầu tiên của triều Lý Nhân tông từ 1072 đến 1075. Lý Nhân tông cải niên hiệu 12 lần. Câu trên có nghĩa là: “Niên hiệu Thái ninh năm thứ nhất, ngày tám tháng tư, Hoàng đế chiếu rằng”.

triều đình, có công với nước, tội chưa đáng chết, tình cũng nên thương vậy tha cho về nguyên quán.

Cả triều đình sững sờ không hiểu quan Khu mật sứ chánh chương mắc tội gì. Hơn nữa ông lại là một trong bốn cột trụ của triều đình trong Hội đồng chấp chính.

Mai Trung Thứ không còn tin ở tai mình nữa. Tuy vậy, ông vẫn bước ra khỏi ban hương về phía ngai vàng phủ phục xuống, lễ hai lễ và nói:

- Tạ ơn hoàng thượng tha tội chết. Nói xong, ông hạ mũ, cởi áo đặt trước ban rồi lúi thủi bước ra khỏi điện Thiên An.

Thái sư Lý Đạo Thành đã nhận ra một âm mưu và kẻ chủ mưu, ông tiên liệu sớm muộn sẽ đến lượt mình, mặc dù vậy ông vẫn bước ra khỏi ban vái hoàng thượng hai vái rồi can:

- Tâu thánh thượng anh minh đèn giới soi xét, quan Khu mật sứ chánh chương vô tội, đây chỉ là sự xúc xiểm, thần là Tể tướng nên biết rõ thực hư những người đứng đầu các cơ quan then máy.

Hoàng thái hậu Thượng Dương ở phía sau rèm cũng lên tiếng:

- Hoàng nhi, con nói lại đi. - Khu mật viện chánh chương Mai Trung Thứ vô tội, cho phục chức. Nói đi con!

Các quan ở bên dưới cũng nhao nhao xin nói. Càn Đức lúng túng, lại có vẻ như hốt hoảng nữa.

Thấy tình thế lâm vào cảnh bất lợi, Lý Thường

Kiệt bèn vái vua rồi lớn tiếng:

- Vậy là không còn thể thống nữa sao? Chiếu vua ban chưa đọc hết các ông đã chặn lại. Các ông có thấy hành vi đó là phạm tội khi quân không.

Triều hội trở lại im phăng phắc.

Lý Thường Kiệt hát hàm cho Trung thư thị lang:

- Nếu lời chiếu còn thì ông phải đọc tiếp đi chứ.

Nhìn vào hàng chữ như nó đang nhảy múa, Trung thư thị lang không còn tin vào mắt mình nữa. Đầu óc ông trở nên tối tăm, mù mẫm.

Định thần trong giây lát, ông lại đọc:

- Hai là giáng chức Thái sư Lý Đạo Thành xuống hàng thị lang, chuyển về bộ binh.

Cả triều đình xôn xao, các quan đều nói:

- Thái sư vô tội! Xin hoàng thượng xét lại!

- Thái sư vô tội!

- Thái sư vô tội!

Trước sức phản ứng dữ dội của triều quan, nhà vua sợ quá cúi gầm mặt xuống.

Lý Đạo Thành liền đứng lên vái nhà vua rồi quay lại vái các quan.

- Đa tạ các quan. Đây là ý của hoàng thượng. Xin các quan yên lặng cho tôi nhận mệnh. Lý Đạo Thành phục xuống lễ Càn Đức hai lễ, ông liếc nhìn Lý Thường Kiệt như ngẫm hiểu mọi sự, đoạn ông cởi áo gấp lại rồi

đặt chiếc mũ thái sư lên trên rồi bỏ vào trong chiếc thái sư y¹, lại vái nhà vua một vái rồi nói:

- Tạ ơn hoàng thượng.

Sau đó ông đi về khu vực dành cho các quan trong hàng thị lang, rồi ngược nhìn về phía ngai vàng như mong có một sự thay đổi.

Quan Trung thư thị lang tuy đã cố trấn tĩnh nhưng tay ông cứ mỗi lúc mỗi run lấy bẫy. Như một kẻ mộng du, ông đọc mà không biết chữ nghĩa nói gì.

- *Ba là bãi chức hoàng thái hậu của Dương thị, tạm giam để kê cứu tội trạng.*

Nghe đến đây bà Dương thái hậu ngã lăn ra chết ngất. Triều quan ai cũng động lòng.

Binh bộ thị lang Lý Đạo Thành bước ra khỏi ban:

- Tâu bệ hạ, thần xin liêu chết can bệ hạ không được làm việc phạm thượng tày trời này. Kỷ cương phép nước loạn đảo hết cả rồi, xin bệ hạ lấy nước làm trọng.

Thái úy Lý Thường Kiệt nghiêm khắc nhìn Trung thư thị lang và nhắc:

- Ông phải đọc một mạch cho hết lời chiếu rồi mới được dừng.

Lại đọc:

- *Bốn là thăng hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu giúp trăm coi việc triều chính, bởi Linh nhân là*

1 Ghế của thái sư

người khoan nhân đức độ, có công sinh thành ra trăm lại đốc lòng thờ tiên đế.

- Năm là thăng Thái úy Lý Thường Kiệt vào hàng Tể chấp đứng đầu hai ban văn võ, giúp trăm trong công cuộc trị bình và giữ yên bờ cõi.

Lý Thường Kiệt nhìn về phía nhà vua rồi ông quỳ xuống lạy hai lạy và nói:

- Tạ ơn hoàng thượng ban trọng ân.

Trung thư thị lang thấy mình đã đọc hết lời chiếu, chỉ còn hai chữ cuối cùng, ông đọc to như người hét.

- Khâm thử!

Nhà vua giật bắn mình vội hô:

- Bãi châu! - Dường như ông được dặn trước, khi nào nghe thấy hai chữ “khâm thử” phải lập tức cho bãi châu ngay.

Các quan ra về lòng đầy tức giận. Nhưng rồi các quan nhận ra ngay thủ phạm đã gây ra biến cố này, bởi bốn phương tám hướng chỗ nào cũng lúc nhúc quân cấm vệ, quân hổ bôn.

Từ bữa Dương thái hậu bị giam vào biệt cung, tất cả cung nữ trong điện Nguyệt Minh gồm bảy mươi hai người đều ngơ ngác như rấn mất đầu, mọi công việc trong cung đều ngưng lại. Họ họp nhau bàn cách làm thế nào để cứu được Dương thái hậu.

Một người đã đứng tuổi và cũng có chút chữ nghĩa thường được thái hậu tin cẩn đứng lên nói:

- Chúng ta hầu hạ thái hậu trong bấy nhiêu năm, thái hậu chưa có bạc dãi một ai trong chị em chúng ta. Nay chủ bị hại mà chúng ta cứ yên phận sao đành?

Một cung nữ khác lên tiếng:

- Chị Trà My nói rất đúng. Nhưng chúng ta biết làm gì đây? Chúng em sẵn lòng cứu thái hậu, nếu có phải chết cũng không quản ngại. Làm gì đây chị Trà My?

Một cung nữ khác lại nói:

- Ngồi cao như hoàng thái hậu, còn trên cả vua nữa, bỗng chốc bị tống giam nơi ngục thất, chúng ta thân bèo bọt sinh mệnh như con ong cái kiến, cứu mình còn chẳng xong, tôi chẳng dám lạm bàn đến việc cứu thái hậu. Nhưng nếu cần chết để thái hậu được trở về ngôi vị xưa, tôi sẵn lòng.

Như sực nhớ ra mẹo gì đó, một cung nữ đứng phắt dậy nói:

- Chị Trà My ơi, các chị ơi, sao chúng ta không sang điện Diên Phúc cầu kiến lão Thái thái.

- Ủ phải đấy, mọi người ùa nói theo rồi tất cả bảy mươi hai cung nữ đều kéo nhau sang điện Diên Phúc.

Lại nói lão Thái thái từ ngày biết tin Thánh tông băng, tâm thần bà trở nên bất định cứ nhớ nhớ quên quên. Thường các việc từ những ngày xa xưa, bà kể vanh vách, cứ như là chuyện vừa xảy ra cách đây có vài ngày thôi. Những lúc ấy, gương mặt bà tươi như

một cánh hoa vừa nở, chẳng ai dám tin bà đang có bệnh trọng trong người. Tuy nhiên, đối với các việc mới xảy ra gần đây, đã chứng kiến từ hồi còn khỏe mạnh, bà đều không thể nhớ. Ngay bữa ăn hằng ngày cũng thế. Có khi vừa ăn xong, bà đã la lối chửi mắng đấm người hầu bỏ đói mấy ngày nay không được miếng gì vào bụng. Có khi đồ ăn vừa bung lên, bà hấy đổ tất cả và quất mắng sao bắt bà ăn uống suốt ngày, mặc dù từ sớm bà chưa ăn uống gì.

Tâm thần lão Thái thái bất định là vậy, nhưng khi nghe Trà My và các cung nữ vừa khóc vừa kể về việc Dương thái hậu vào điện Thiên An, ngồi sau rèm chờ nhà vua đến thiết triều như mọi khi. Rồi khi hoàng thượng tới thì ngài đưa ra một bản thủ chiếu, và sai quan Trung thư thị lang đọc. Trong đó có lệnh bắt giam hoàng thái hậu. Khi đã nghe và hiểu được câu chuyện lão Thái thái không cầm được nước mắt, bà khóc và sai nội thị đi triệu Lý Đạo Thành.

Chừng nửa canh giờ Lý Đạo Thành lập cập ra mắt lão Thái thái.

Lúc này bà hoàn toàn tỉnh táo, bà phẩy tay miễn lễ, chỉ vào chiếc ghế gần nhất, bà bảo:

- Ông ngồi đây cho ta hỏi. - Vậy chứ Dương thái hậu có tội gì mà nhà vua sai bắt giam để tra xét. Ông là Tế tướng, việc như thế sao ông không nỡ can gián. Ta hỏi ông, kẻ nào sắp đặt mưu gian này chứ Càn Đức

một thằng bé sáu, bảy tuổi nó biết gì. Xui một thằng bé miệng còn hơi sữa bắt giam mẹ mình. Đây là việc làm đại thất đức. Ông phải tìm ra kẻ chủ mưu rồi chém bêu đầu để răn chúng, nếu không thì nước loạn mất.

Lý Đạo Thành rất đau lòng, ông đã toan giấu mọi sự để lão Thái thái bớt xót đau, nhưng đã đến nước này, ông đành nói thật:

- Kính bẩm lão Thái thái, thần đã bị biếm xuống hàng thị lang rồi, nên can gián chẳng có ai nghe. Dạ, trước đó thần cũng đã có sớ can các bà thái phi, thái hậu, lại can hoàng thượng ngay trong buổi thiết triều. Nhưng ngài không nghe và cho bãi châu ngay.

Tâu, hiện nay thống lĩnh cả hai ban văn võ đều nằm trong tay Lý Thường Kiệt. Mấy tháng trước đây, ông được thăng từ thiếu úy lên thái úy, nay lại vừa được thăng quyền Tế chấp, tức là Thái sư coi cả việc binh lẫn việc dân.

- Vậy chớ hoàng thái hậu bị bắt giam để tra xét, tức là chưa biết thái hậu có tội gì. Hoàng thái phi đã bị bắt tạm giam chưa? Chưa à. Sao bất công thế, nhà vua có hai mẹ, đã bắt thì phải bắt cả hai chứ. Bắt cả ta nữa chứ bởi ta là mẹ chồng mà không biết dạy các nàng dâu. Đồ nghiệt súc, vua chúa gì nó. Ta thấy tiên quân và các tiên đế nhà Lý đều là đệ tử Phật, ai cũng có lòng hiếu đạo, hiếu thiện, hiếu lễ và thương dân, sao lại nảy nòi ra đứa hôn quân này, kẻ nào đứng sau nó?

- Tâu lão Thái thái, người nên bảo trọng. Trong lúc này mà nói những điều đó nguy hiểm lắm ạ.

- Ông sợ chết à? - Lão Thái thái cất tiếng cười giòn tan, cứ như có ma quỷ ám vào ngài - Ta lại mong được chết. Chồng chết, con chết, cháu thì bất nhân, thử hỏi ta sống làm gì. Mà lúc nãy ta hỏi ông, hoàng thái phi đã bị hoàng thượng tống giam chưa, sao ông không nói. Mọi người định giấu ta chăng?

- Tâu, hoàng thượng thăng hoàng thái phi làm Linh nhân hoàng thái hậu tham dự triều chính.

Lão Thái thái rùng mình biến sắc mặt:

- Thôi chết, đàn bà mà tham dự triều chính tức là gà mái gáy gở rồi. Lúc nãy ông bảo Lý Thường Kiệt được thăng chức gì?

- Tâu, Lý Thiệu úy được thăng Thái úy nắm trọn việc binh, lại được thăng chức Thái sư nữa ạ.

- Hông rồi! Việc nước hông rồi. Một con hái dâu tham dự triều chính, một thằng quan hoạn nắm hết binh quyền, nắm hết chính quyền. Loạn! Loạn to rồi! Nhà Lý hông rồi!

Lão Thái thái bật khóc hu hu, lại bật cười khanh khách. Từ đó bà xé hết áo quần, không chịu ăn uống, cứ đi lang thang trong cung, gào khóc và chửi bới.

Chẳng hy vọng gì vào lão Thái thái già nua, bệnh tật, mất hết quyền uy, bảy mươi hai cung nữ lại về điện

Nguyệt Minh lấy các thứ áo quần, đồ ăn uống đem vào nơi giam giữ cho Dương thái hậu. Tuy nhiên, họ không biết bà bị giam cầm ở nơi đâu. Hỏi các quan tả hữu vũ vệ họ đều không biết. Lại quay sang hỏi quan Độ hộ phủ sĩ sư Ngụy Trọng Hòa.

Ngụy Trọng Hòa đáp:

- Chỉ những người có tội, qua xét xử đã thành án thì ta mới biết rõ nơi giam cầm. Còn như Dương thái hậu bị tạm giam ở đâu thì ta không thể biết.

Bảy mươi hai cung nữ thương hoàng thái hậu bị giam cầm khổ sở, họ bức giận vì không có ai chỉ cho họ nơi thái hậu bị cầm tù nên họ vừa đi vừa la hét:

- Dương thái hậu vô tội!

- Dương thái hậu vô tội!

Chẳng ai bảo ai, thuận chân họ đã tới trước điện Tuyên Đức, nơi có nhà vua và Linh nhân thái hậu ngự, họ lại đồng thanh hô:

- Dương thái hậu vô tội!

- Dương thái hậu vô tội!

Những tiếng hô to lọt vào tai Càn Đức. Nhà vua hé cửa lầu nhìn xuống thấy đám đông cung nữ cứ quần quanh ngoài hàng rào cung điện và vẫn một mực hô vang:

- Dương thái hậu vô tội!...

Nhà vua nhớ lại các sự việc trên điện Thiên An kể từ khi ngài đưa cho viên trung thư thị lang tuyên

đọc. Cái mảnh giấy đó nó làm xáo trộn tất cả. Càn Đức nhớ lúc đó phía sau ngai vàng có tiếng mẫu hậu gọi: “Hoàng nhi, con nói lại đi -Khu mật viện chánh chương Mai Trung Thứ vô tội, cho phục chức. Nói đi con!”. Lúc ấy ta đã định nói theo lời mẫu hậu. Lại nghĩ mẹ dặn kỹ lắm, rằng không được nói bất cứ một điều gì. Chỉ khi nào nghe thấy hai tiếng “Khâm thủ!” thì giờ cao cây kim hốt lên và nói: “Bãi châu!”. Thật ra hôm ấy cái lão gì dấy hét thật to hai tiếng “Khâm thủ!” làm ta giật bắn cả người, nên nói luôn: “Bãi châu!” mà không kịp giờ cây hốt lên.

Vẫn những tiếng hô:

- Dương thái hậu vô tội!
- Dương thái hậu vô tội!

Điều đó làm Càn Đức băn khoăn tự hỏi: “Vậy chứ mẫu hậu ta có tội gì mà phải bắt giam”. Nhà vua bèn chạy đi tìm mẹ. Gặp Linh nhân thái hậu đang nói gì với đô thái giám vẻ nghiêm trọng lắm.

Thấy nhà vua đến, đô thái giám Đỗ Khánh Thập bèn đứng lên vái hai vái. Còn Linh nhân lại hỏi:

- Hoàng nhi, có việc gì thế con?
- Nhiều người bảo mẫu hậu vô tội, sao mẹ lại bảo mẫu hậu có tội.

Ỗ Lan nghiêm mặt hỏi Càn Đức:

- Ai bảo con là bà ấy vô tội?

- Mẹ lên lầu ngó xuống mà xem, cung nữ đứng chật đường đang réo gọi: “Dương thái hậu vô tội” kia kia.

Ý Lan đi theo Càn Đức, chứng kiến tận mắt đám cung nữ mà bà cho là vô lễ, đáng tội chết. Mặt bà tím đen lại vì giận. Bà gọi đô thái giám lại và ban lệnh:

- Người sang Phủ Thái úy hoặc Phủ Thái sư nói: Ta ra lệnh tống giam tất cả lũ cung nữ trong cung Thượng Dương lại.

Bà rút một chiếc lệnh bài trao cho Đỗ Khánh Thập.

Đỗ Khánh Thập lên ra lối cổng sau. Một lát đã có tới bốn đội kỵ binh đến lùa cả bảy mươi hai cung nữ vào nhà ngục.

Cuộc tranh giành quyền lực của Ý Lan được âm mưu từ lâu do lũ thái giám sắp đặt và tới phút chót lại được Lý Thường Kiệt hậu thuẫn.

Lý Đạo Thành tuy đã bị biếm hết quyền hành nhưng ảnh hưởng của ông trong triều và trong dân chúng là cực lớn. Lưới thám sát của Lý Thường Kiệt tung đi nghe ngóng dò tìm trong giới quan lại và trong các phố phường làng quê về việc Lý Đạo Thành bị biếm, Dương thái hậu và bảy mươi hai cung nữ của bà bị tống giam nơi ngục thất, đã gây bất bình trong giới quan trường và phần nộ trong dân chúng. Tin tức từ khắp nơi đưa về đã khiến Lý Thường Kiệt lo lắng, nhưng chưa tìm được phương sách đối phó. Kiểm cơ bắt Lý Đạo Thành đưa

vào ngục thất, có lúc ông đã nghĩ đến. Song ông lại sợ sẽ có một số quan lại cầm đầu cho dân chúng nổi dậy chống lại ông. Và khi ấy, không gì có thể ngăn được Tống Thân tông và Vương An Thạch xua quân sang xâm lược nước ta.

Dù có đánh đuổi được ngoại xâm, thì lịch sử cũng lên án ông là kẻ đã cuốn đất nước vào vòng binh lửa. Chỉ nghĩ tới điều đó thôi Lý Thường Kiệt đã thấy run sợ. Bây giờ ông đang ở thế cưỡi hổ, quyền tối thượng đã thuộc về Linh nhân, nếu trái ý, bà ta có thể thu lại tất cả quyền hành và tống ngay cả ta vào ngục thất.

Bữa nọ Linh nhân cho vời Lý Thường Kiệt vào điện Long An bàn việc nước.

Thường Kiệt vừa tới, Linh nhân liền phán:

- Ta muốn Lý Đạo Thành phải đi khỏi Thăng Long để ta còn rảnh tay làm vài việc lớn. Nếu không, ông ta cứ lải nhải đầu têu chuyện can gián mãi. Sợ của ông ta và các quan chất cả đồng kia kia. Nhìn thẳng vào gương mặt hơi tối của Lý Thường Kiệt, bà hỏi: -Liệu ông có kế gì giúp ta chăng?

Thật ra Lý Thường Kiệt cũng đang nghĩ tới điều đó. Nghĩa là phải bắt Lý Đạo Thành ra khỏi Thăng Long, nếu không cái uy của ông ấy trùm lên cả triều đình, trùm lên cả thiên hạ thì ta không thể sai khiến được ai nữa. Nay Linh nhân hỏi tới, âu cũng là cơ hội mượn tay bà mà đẩy Lý Đạo Thành đi xa. Một kế vừa

lóc ở trong dầu, Lý Thường Kiệt bèn thưa:

- Tâu hoàng thái hậu, người thật là cao kiến. Thần có một mẹo nhỏ dâng thái hậu - Đó là Lý Đạo Thành thường hay can gián lý sự, làm trở ngại đến công việc của bề trên. Chi bằng tương kế tựu kế, hoàng thượng phong cho ông ta chức Gián nghị đại phu rồi cho đi coi một châu nào đấy.

- Hay! Kế của ông hay lắm! - Ý Lan reo lên. - Khỏe can thì cho giữ luôn chức ấy mà can. Nhưng ông bảo cho ông ta đi coi một châu là châu nào đây. Châu nào cũng được, nhưng phải thật xa Thăng Long.

- Tâu thái hậu, nếu xa Thăng Long nhất chỉ có châu Nghệ An.

- Thì cho ông ta đi Nghệ An.

Sớm hôm sau Lý Đạo Thành được chiếu vua nhận chức gián nghị đại phu đi coi châu Nghệ An, phải thu xếp đi nhiệm sở nội trong ba ngày và không cần phải tâu báo gì trước khi đi.

Cầm tờ chiếu trong tay, Lý Đạo Thành không một chút ngạc nhiên và ông không lo sợ gì cho chính mình, trái lại ông lo cho thế nước sẽ đi vào rối nát và nhất định nhà Tống sẽ không bỏ qua cơ hội xâm lăng nước ta một lần nữa. Ông không trách ai mà chỉ trách mình, vì quá tin người nên dẫn tới lầm người. Một cô gái quê chất phác mộ Phật và hiếu học lại biết giữ lễ, khăng khăng đòi làm lễ bái sư trước khi được ta nhận dạy về

các yếu ước của nho gia. Lại cũng làm lễ bái sư với Tăng thống Lâm Huệ Sinh là một bậc thánh tăng. Với những người thầy tử tế, học theo chính đạo, lại ở bên cạnh Thánh tông một bậc vua ái nhân, hiếu thiện hiếm thấy tưởng như sẽ cải hóa được người đàn bà này trở thành bậc mẫu nghi thiên hạ đích thực. Ai dè mười năm qua là mười năm áp ú và mưu toan đoạt lấy quyền lực từ một cô gái quê chân chất. Phải chăng cuộc sống vương giả và những quyền uy tự thân nó đã làm hư hỏng một con người.

Lại còn Ngô Tuấn, có lúc ta đã nghĩ y là Thường Kiệt thật, ta đã coi y như một bậc chính nhân quân tử, thế mà cũng bị vật dục làm lóa mờ nhãn giới của y. Vậy là ta đã lầm. Rốt cuộc y cũng chỉ là một kẻ hám danh vọng, khát khao quyền lực. Có lẽ vậy y mới dám hủy hoại cả tấm thân do cha mẹ tác thành, hủy hoại cả mối lương duyên do người chồng của bà cô là Tạ Đức đem y từ một đứa trẻ mồ côi về nhà mình nuôi dạy, khi lớn lên lại đem cháu gái mình là Tạ Thuần Khanh gả cho. Một con người đã không hiếu kính mẹ cha, không quý yêu nguồn sống gia đình, không thủy chung tình chồng vợ, không coi trọng cả bản thân mình, tự nó đã nói lên tất cả. Ta vì quá tin nên bỏ qua không xét đến khúc nhôi này nên ta bị nhầm, tới nay hiểu ra thì đã muộn.

Lý Đạo Thành giũ bỏ mọi nỗi đấng cay đắng ra đi cho nhẹ nhõm. Ông nói với vợ:

- Hoàng thượng cho ta vào coi sóc châu Nghệ An, mọi việc ở nhà phu nhân thay ta quán xuyến. Nếu Kế Nguyên có từ Đông hải về thăm nhà, phu nhân nói con phải sớm quay về nhiệm sở, và ta cấm không được vào Nghệ An thăm ta. Phu nhân nhớ nhắc con, nược bằng không nghe lời ta sẽ nguy hiểm cho cả hai cha con. Không, ta không cần cần dặn gì phu nhân hết, các việc trong nhà từ trước phu nhân đã làm thế nào, nay cứ thế mà làm. Sớm mai ta sẽ xuống thuyền đem theo mấy đĩa hầu cũ. Ta chỉ chọn đem đi một ít sách đọc. Vào trong đó, công việc của một châu cũng không nhiều lắm, chắc sẽ có thì giờ rảnh để coi sách. Phu nhân soạn sửa cho thầy trò ta ít thức ăn đi đường, bộ đồ trà cùng ít trà ta vẫn thường uống. Rượu à, chớ có đưa rượu xuống thuyền, lỡ bọn chúng uống say, đường xa, sóng nước mệnh mông biết đâu mà lường.

Phu nhân bảo ta viết thư để lại cho Kế Nguyên ư? Trong lúc rối ren này để lại một bút tích lỡ rơi vào tay kẻ xấu chúng có thể biến cái ý ngay thành gian, tai họa đưa đến khôn lường. Cổ kim đã từng xảy ra biết bao vụ án văn tự, chung quy đều do lòng thù hận gây nên. Bởi vậy ta sẽ không để thư cho con, phu nhân cũng dặn con phải nghe lời ta, rằng không được thư từ cho bất kỳ ai, kể cả ta.

Bao lâu sau khi ta đi phu nhân có thể vào thăm à? Không cần đâu. Ta vào trong đó công việc hẳn không

có gì vất vả. Từ một nước xuống một châu, chắc không có gì khó khăn nếu không có ai cản trở. Việc đi lại thăm hỏi ta lúc này là chưa nên, vả lại ta nói thật, ta đi chuyến này không dài lắm đâu mà phu nhân e ngại. Người ta cốt ta đi khỏi Thăng Long để họ rảnh tay làm một số việc mà nếu có mặt ta, ắt sẽ bị ta cản trở. Phu nhân cứ cai quản việc nhà tốt thôi coi như phu nhân đã săn sóc ta hoàn hảo lắm rồi, thôi ta đi, mọi sự ở nhà ta trông cậy nơi phu nhân.

Nói xong, thầy tư quan gián nghị đại phu Lý Đạo Thành ung dung xuống thuyền. Vây là ông không cần tới ba ngày để rời khỏi kinh thành mà chỉ sau một ngày thụ chiếu, ông đã lên đường đi nhiệm sở.

Tới nơi, ông họp tất cả các quan chức trong châu hỏi han tình hình an ninh dân sự. Ông tìm hỏi rất kỹ về nạn cho vay nặng lãi, nạn bán lúa non mùa giáp hạt và những vùng nào dân còn đói. Trong đầu ông đã hình dung ra các kế sách điều hòa những chuyện bất công, ngô hầu đem lại phần nào phúc hạnh cho những người nghèo khổ. Tiếp đó ông cho gọi viên đô tổng quản trong châu tháp tùng ông đi kiểm xét các vùng dân cư ven biển, những nơi thường bị quân Chiêm Thành từ biển bất ngờ đổ bộ vào cướp phá. Ông sai lập các trạm báo động liên hoàn ban ngày bằng khói, ban đêm bằng lửa cứ hai mươi lăm dặm lập một trạm, ngoài ra còn hình thức báo động phối hợp bằng hiệu trống đại lược.

Xong các việc ông về miếu Vương Thánh làm lễ ra mắt, kể như là sự hiện diện của tân quan từ triều đình phái về. Ông lập viện Địa tạng ngay trong miếu, đặt tượng Phật và vị hiệu của Lý Thánh tông để sớm hôm thờ phụng.

Lý Đạo Thành dư biết các việc ông làm nơi trị sở mới này nhất nhất đều có kẻ theo dõi và tâu báo về triều. Do vậy, mỗi việc ông làm đều minh bạch và cho phép các quan trong hạt được tham dự bàn bạc, rồi tùy việc tùy người mà ông giao cho họ tự làm. Hóa nên mọi việc đều phơi ra trước thanh thiên bạch nhật, giả dụ có kẻ nào muốn xuyên tạc cũng không được.

Lại nói sau khi Lý Đạo Thành bị cất chức Thái sư, lấy chức tả Giám nghị đại phu ra coi châu Nghệ An, và ông rời Thăng Long chỉ sau một ngày nhận chiếu. Ông không gặp gỡ chia tay với bất cứ một đồng僚 hoặc với một người bạn nào.

Lý Đạo Thành liệu mình can ngăn một số việc làm khuất tất cả nhà vua mà kỳ thực là của Linh nhân thái hậu Ý Lan có Lý Thường Kiệt hậu thuẫn, nên ông bị biếm chức Thái sư và phái lấy chức Tả giám nghị đại phu đi trấn tại một châu cực nam của đất nước, ai cũng cho đây là sự đối phó rất khôn hài của phe cánh bà Ý Lan. Bởi lẽ, ra Nghệ An ông sẽ được tha hồ mà can gián, nhưng can ai và can cái gì nữa ở miền đất biên viễn này.

Tướng đưa Lý Đạo Thành đi khỏi Thăng Long thì mọi việc sẽ trở nên yên ổn, ai dè một làn sóng ngầm phản kháng đang nổi lên trong dân chúng và giới sĩ phu. Những ca vè, đồng dao về Thái sư Lý Đạo Thành bị biếm, Thượng Dương thái hậu cùng bảy mươi hai cung nữ bị biệt giam nơi ngục tối, Lý Thường Kiệt một tay nắm cả chức Thái tử và Thái úy được trẻ hát khắp chợ cùng quê.

Quân thám đi dò xét các nơi về tâu báo khiến cả Ý Lan và Lý Thường Kiệt đều lo ngại.

Linh nhân thái hậu bần khoản hỏi Lý Thường Kiệt:

- Việc đã đến thế này thái tử tính sao? Ta nghĩ nếu không sớm dẹp được những chuyện âm ỉ, cứ dè nọ loang mãi ra trong dân trở thành việc lớn khó lường.

- Tâu thái hậu, chính thần cũng rất lo điều đó. Nhưng dẹp được lời trẻ hát đồng dao là điều không thể đem sức ra mà làm được. Thần được biết gần cuối đời Lê Ngọa triều cũng xuất hiện đồng dao ứng vào lời trẻ hát. Lê Long Đình đã cho quân đi tróc nã khắp nước, giết không biết bao nhiêu là trẻ nhỏ, nhưng cuối cùng ngôi nước lại về tay nhà Lý.

Thường Kiệt bốp trán suy nghĩ có vẻ lung lăm. Đoạn ông nói tiếp:

- Tâu thái hậu việc này phải cân nhắc kỹ kẻo sai một ly đi một dặm. Thái hậu cho thư thư khi nào tìm được diệu kế thần sẽ dâng ngay.

Mặt Ý Lan đanh lại, bà toan nói một điều gì đó để bày tỏ sự thất vọng nhưng bà đã kịp kìm nén; chợt lại mỉm cười, bà nói:

- Ta mong sớm được nghe diệu kế của quan Thái tể.

Nói xong bà phẩy tay cho Thường Kiệt lui còn bà quay vào hậu điện.

Lý Thường Kiệt ra về cùng với nỗi lo canh cánh. Và ông cũng đã nhận ra một Ý Lan khác. Tức là bà Ý Lan đã mang hình hài của Linh nhân thái hậu, một người đã biết chớp thời cơ để đoạt lấy quyền lực vào tay. Và bây giờ bà đã biết cách sử dụng nó để bảo vệ chính cái thứ quyền lực mà bà vừa thâu tóm được. Thường Kiệt vừa ý thức được về một Ý Lan khác khiến ông lo sợ là có lý. Vì rằng cái gương Lý Đạo Thành còn sờ sờ ra đó. Một con người như thế, nếu Thánh tông không sớm mất, kẻ nào dám động đến một chiếc lông chân của ông ta. Ngay cả bà Thượng Dương cũng vậy. Thượng Dương đúng là một bậc mẫu nghi thiên hạ. Nhưng cái tội của bà là cản trở con đường tham vọng của Ý Lan.

Trong lúc lộn xộn, ta nhất thời bị đẩy vào phe cánh với Ý Lan, ta vẫn ngỡ rằng chỉ là chuyện ghen tức đàn bà thôi, dần dần sẽ tìm cách gỡ ra. Nhưng ta đã lầm. Người đàn bà này khôn ngoan đến quỷ quyệt, mưu mô đến thâm hiểm lại ủ bọc trong cái vỏ đại khờ, còn tham vọng cũng chẳng thua gì Võ Tắc Thiên nhà đại Đường. Nỗi lo thứ hai của Thường Kiệt là kẻ sĩ và dân

chúng đều coi những việc làm của triều đình vừa qua là mờ ám, bất tường. Lòng bi phẫn được thể hiện qua lời đồng dao trẻ hát. Ta đã từng trải nên thấy được mối hiểm nguy đang rình rập. Trái lại, Linh nhân do tuổi trẻ hiếu thắng, lại vừa thâu tóm được quyền lực tối thượng trong tay, làm sao mà lay chuyển được bà ta, thức tỉnh được bà ta. Điều đáng sợ nhất đối với ta trong lúc này là phương bác dò biết được nội tình mà họ động binh, sẽ đẩy nước ta vào một tình thế bất lợi.

Suy cho cùng thì triều đình phe đảng, dân chúng chia lòng, cũng tức là ta tự mời gọi nước địch tới mà chiếm lấy.

Lý Thường Kiệt nhớ lại những năm trước vào các dịp vua tôi luận bàn quốc sự thì từ Thái tông đến Thánh tông đều nhắc đến mối hận ngàn năm Bắc thuộc, và trong suốt cuộc đời cả hai vua cùng tận lực xây đắp cho Đại Việt trở nên một quốc gia hùng cường.

Muốn nói gì thì nói, hiện nay vua thì thơ đại, Linh nhân dù sao cũng vẫn là một người đàn bà xuất thân què mùa, lại góa bụa nữa, chức thái tể¹ nằm trọn trong tay ta, vạn nhất để xảy ra cái họa vong quốc thì ta là người đầu tiên lịch sử xét đến. Trăm tội không thuộc về ta còn thuộc về ai nữa. Lý Thường Kiệt rùng mình như có một luồng

1 Thái tể tức là thái úy và tể tướng. Tể tướng coi quyền hành pháp, tương đương thủ tướng ngày nay. Thái úy coi về việc binh, tương đương bộ trưởng quốc phòng kiêm tổng tư lệnh ngày nay.

khí lạnh buốt xuyên suốt từ đỉnh đầu tới từng đốt sống lưng, ông đang lo chuyện gỡ rối cho thế nước.

Hoàng thái hậu Thượng Dương bị giam trong biệt cung đã ba ngày bị bỏ đói, bỏ khát. Nằm trong lãnh cung thái hậu hồi nhớ từ lúc viên Trung thư thị lang tuyên đọc chiếu của Càn Đức: *"Bãi chức hoàng thái hậu của Dương thị, tạm giam để kê cứu tội trạng"*. Nghe đến đây thì ta ngất đi bất tỉnh. Nhưng trước đó ta còn nghe như là: *"Huyền chức khu mật viện chánh chuồng Mai Trung Thứ cho về nguyên quán"*. Hình như lúc ấy ta có khăn khoản gọi: *"-Hoàng nhi, con nói lại đi - Khu mật viện chánh chuồng Mai Trung Thứ vô tội, cho phục chức - Nói đi con!"*. Ta lại giục. Nhưng Càn Đức không động cựa, dường như không nghe được lời ta nói, không được nghe, không được làm theo bất cứ một điều gì mẫu hậu nói ở phía sau. Đang lúc ta định xé màn đứng ra trước ngai vàng mà thét bảo trước bá quan đây là sự lộng hành, phản phúc thì Thường Kiệt khiến Trung thư thị lang đọc tiếp lời chiếu. Chiếu rằng: *"Giáng chức thái sư của Lý Đạo Thành"* xuống hàng thị lang, chuyển về bộ binh". Ta còn đang bàng hoàng không hiểu được kẻ nào dám cả gan gây cuộc tạo phản này thì lại nghe: - *"Bãi chức thái hậu của Dương thị, tạm giam để kê cứu tội trạng"*. Như thế có nghĩa rằng chúng chưa ghép được ta vào tội gì dù là tội vu cáo, nhưng chúng phải vội vã bắt ta ngay. Cũng vội vã bãi chức, hạ chức những người tai mất đầu triều, và quyền uy cuối cùng quy về cho một mình viên hoạn

quan Ngô Tuấn mà vương phu ta đã ưu ái ban cho y cái ân sủng là thiên tử nghĩa đệ, còn trước đó vương phu thì ban cho y quốc tính, cho y đổi tên Ngô Tuấn thành Lý Thường Kiệt. Để rồi Lý Thường Kiệt cùng con nhà quê hái dâu chui vào làm loạn cả triều chính. Vương phu, vương phu ơi thế là cả vua cha và chồng con đều làm người rồi. Liệu có phải đây là hồi chuông báo tử đầu tiên cho triều đại nhà Lý, được gióng lên từ những kẻ thụ hưởng ân sủng nhiều nhất của nhà Lý.

Suốt ba ngày đêm âm thầm trong ngục tối, không một chút ánh sáng le lói, nên chẳng biết lúc nào là ngày, lúc nào là đêm. Đang từ trên đỉnh cao tốt vời của cuộc sống vương giả, nay tụt xuống đáy địa ngục, miếng cơm không, hớp nước cũng không, thuần một mùi hôi thối, ẩm mốc, gián và chuột quấy đảo kinh tởm đến rợn người. Dương thái hậu đã làm tất cả mọi việc từ kêu gào, đập cửa, chửi bới, la hét... rốt cục lại chỉ mình nghe được tiếng mình dội lại từ vách tường đá tối om. Bây giờ thì thái hậu không đủ sức kêu gào nữa, cũng không thấy đói thấy khát nữa, mà chút sức tàn còn lại bà để chống đỡ với lũ chuột. Buổi mới vào mệt quá ngủ thiếp đi, lũ chuột cắn tan mũi hài, gặm toét cá mồi dầu ngón chân. Với thái hậu lúc này không nỗi sợ hãi nào bằng sợ lũ chuột.

III

Từ sau vụ bắt giam Dương thái hậu giữa triều đình, việc triều chính hầu như bê trễ. Các cơ quan như Trung thư sảnh, các đài, viện tuy vẫn tiếp tục làm việc nhưng bao phủ một không khí chán chường, uể oải.

Phủ Thái sư do Lý Thường Kiệt điều hành, nhưng công việc ông vẫn giao cho Trung thư thị lang làm còn phần lớn thời gian ông dành coi sóc Phủ Thái úy.

Nhà vua và Linh nhân thái hậu chuyên về ngự tại cung Tuyên Đức. Hằng ngày có việc gì cần tâu báo các quan đều lui tới cung Tuyên Đức.

Khắp kinh thành vẫn bao phủ một không khí nặng nề, không chỗ nào không thấy quân lính di lại tuần tra ngày cũng như đêm. Tuy vậy, nơi này nơi khác như góc chợ, hè phố, bến dò hoặc dăm bảy trẻ chăn trâu chụm đầu lại vừa chơi trò bịt mắt bắt dê hoặc một trò gì đấy và chúng hát đồng dao.

Nhưng lời đồng dao trẻ hát gây khó chịu cho những ai đã nhúng tay vào sự biến. Tuy nhiên Lý Thường Kiệt vẫn không cho lệnh cấm, trên thực tế không một chính quyền nào có thể cấm nòi trẻ hát đồng dao. Và nữa, ông cũng không gây bất cứ gì thêm nữa.

Trong khi đó Linh nhân thái hậu lại muốn đem vụ Dương thái hậu ra xử để chóng vánh nhờ đi một bó gai rào lấp con đường đi thẳng tới quyền lực của bà. Đã đôi lần Linh nhân gọi thái tử vào hỏi:

- Ta muốn đưa ra xử vụ Dương thị, ý ông thế nào?

Lý Thường Kiệt nhướng cặp lông mày dài đã có nhiều sợi bạc, ông ném cái nhìn ra ngoài trời như là một sự băng quơ, ông nói:

- Tâu thái hậu chưa thể làm như thế, tức là chưa đưa ra xử được.

- Vì sao lại chưa xử được, - Linh nhân hỏi.

- Tâu, hôm bắt Dương thái hậu...

- Dương thị, ông nhầm rồi. Ta không bắt Dương thái hậu mà ta bắt Dương thị. Nào, ông nói vì sao ta chưa đưa ra xử được.

- Tâu thái hậu, hôm bắt Dương thị lời chiếu có đoạn: "Bãi chức hoàng thái hậu của Dương thị, tạm giam để kê cứu tội trạng". Chiếu nói như vậy tức là chưa ghép Dương thị vào tội nào được hoặc giả Dương thị không có tội. Nay việc kê cứu tội trạng của Dương

thị chưa xong tuy thần có giao cho bên Đô hộ phủ sĩ sư làm việc đó, nhưng họ nói vẫn chưa tìm ra tội trạng. Dạ, muôn tâu không thể cứ đem ra toà xử mà chưa ghép người bị xử vào tội gì. Dạ luật hình của triều ta ban hành từ năm Nhâm Ngọ (1042) có ghi rõ: “Chỉ được bắt bỏ tù người ta khi phải có đủ bằng cứ về việc người đó phạm tội và phải được đưa ra toà xét xử công bằng”. Tâu hoàng thái hậu ngay cả việc tù nhân đã thành án rồi mà sinh thời tiên đế cũng còn rất băn khoăn rằng có người lương thiện vì không biết luật mà vô tình phạm phải, có người bị kẻ xấu xui giục mà mắc vào vòng lao lý, có người do kẻ khác cố tình kéo vào tròng mà không biết mình phạm tội, vì thế mà tiên đế đã nhất loạt khoan giảm một bậc cho tất cả những người phạm tội. Vì vậy ta phải rất thận trọng kéo mát lòng dân và kẻ sĩ.

Linh nhân nhìn chăm chặp vào gương mặt lạnh tanh của Thường Kiệt, bà thở dài rồi buông lửng một câu:

- Ta tưởng trao cho ông quyền thái tế... - Ý Lan toan nói điều gì lại kịp dừng. Trong đầu bà vừa nảy ra một mưu kế gì đó, lấy lại vẻ mặt khả ái và với giọng ấm áp, bà nói:

- Nay ông Thái tế, có một điều hệ trọng bậc nhất bấy lâu nay ta chưa kịp bàn với ông. Ta nghĩ lại rồi, việc của Dương thị cứ để cho bên Đô hộ phủ sĩ sư tiếp tục công việc. Dù sao đây cũng là việc nhỏ mà sự an nguy của thế nước mới là việc lớn. Ta nghe từ xưa cứ hề

nước mình có sự thay đổi hoặc có biến cố gì thì người Trung Hoa hay nhòm ngó, có cơ hội là họ đem quân sang xâm lấn. Gần đây nhất là năm Tân Tỵ (981) nhân nhà Lê thay nhà Đinh, Tống thái tông bèn cử binh sang đánh. May mà vận nước đang hưng nên quân Tống bị đánh đại bại.

Nhìn lại nước mình hiện nay, tiên đế vừa băng, vua nối còn nhỏ, rất có thể Tống Thần tông đang nhòm ngó núi sông ta. Vậy ta phiên Thái tử đi kinh dinh bắc thủy cho một chuyến, xem chỗ nào còn trống trải cần tăng thêm binh lực, rồi nghe ngóng động tĩnh phía bên kia.

Dừng lại giây lâu, Linh nhân thái hậu nhìn thẳng vào mắt Lý Thường Kiệt tỏ lòng tin tưởng - Chỉ Thái tử ra đi ta mới thật sự yên tâm, mọi việc ở triều ta lo được.

Ý Lan nói nhẹ nhàng nhưng Lý Thường Kiệt hiểu đây là một lời dụ, một chiếu chỉ không có cách nào trì hoãn bởi việc sai bảo của Linh nhân thái hậu là vô cùng hợp lý. Thường Kiệt bèn chấp tay vái:

- Thần tuân chỉ.

Như vậy Ý Lan không chỉ đoạt quyền chính của Dương thái hậu mà bà còn tự biến việc chính sang nhiếp chính, thực chất lúc này quyền chủ tử đất nước nằm trong tay bà, dưới bà là Lý Thường Kiệt giữ quyền Thái tử.

Sớm hôm sau Lý Thường Kiệt vừa ra khỏi kinh thành, đô thái giám Đỗ Khánh Thập đã thập thò ngoài

cửa cung Tuyên Đức. Vừa nhác thấy Ý Lan, Khánh Thập đã nhăn nhó sụp lạy. Linh nhân hỏi luôn:

- Khanh vào châu có việc gì tâu báo đây?

- Thần linh cảm thấy thái hậu có việc lớn sắp sai bảo nên thần vào châu trước để thái hậu đỡ phải gọi.

Linh nhân thái hậu lạnh lùng đáp:

- Người đúng là một con cáo thành tinh. Vậy người thử nói việc ta sai là việc gì, nếu ăn nói hàm hồ bậy bạ chắc ta không thể không trị tội.

Khánh Thập sụp lạy:

- Quan thái tể di khỏi kinh thành sớm nay, tức là thái hậu đã diêu được con mãnh hổ phải ly sơn. Chắc thái hậu không muốn ai cản trở việc mình làm. Thần xin nói, nếu thái hậu không sớm ra tay sẽ phải ân hận. Bởi theo thần Thái tể Lý Thường Kiệt không còn giữ được lòng hăng hái như lúc đầu khởi sự mà ông đã có sự phân tâm.

Linh nhân thờ dài:

- Ta biết thế, biết Thường Kiệt đã có sự phân tâm. Ta ép ông ta đưa vụ Dương thị ra xử. Ông ta nói chiếu nhà vua ban: "Tạm giam để kê cứu tội trạng". Như vậy là mới chỉ nghi có tội chứ chưa có tội gì rõ ràng. Phủ đô hộ không thể xử người vô tội được. Ta cũng muốn kéo ông ta ra khỏi kinh thành để làm vụ này cho xong sớm, thế nhưng chưa biết ghép Dương thị vào tội gì.

- Trời ơi thái hậu, sao người thật thà làm vậy. Chỉ riêng việc nhà vua không hài lòng cho tống giam cũng là trọng tội rồi. Còn tội gì nữa, tội khi mạn quốc vương. Tội không phải là mẹ đẻ mà cứ ngồi sau rèm làm rối trí nhà vua khi đang thiết triều. Có thể tuyên hàng trăm thứ tội, cũng có thể chẳng cần tuyên bất cứ một tội nào, chỉ cần có lệnh bài vua sai giết, thế là xong. Gương mặt Đỗ Khánh Thập vênh lên như là y vừa dâng cho thái hậu một diệu kế.

Quá vậy, Linh nhân thái hậu thở phào nhẹ nhõm và bà ra lệnh:

- lát nữa ta sẽ ban lệnh chỉ. Bây giờ có mấy việc người phải lo liệu trước: - Một là sớm mai phải cho bà ta và bảy mươi hai kẻ kia ăn uống một bữa thật ngon. Chiều mai phải dìm chết tất cả bọn họ trong nước. Trước khi dìm mới cho bà ta biết bà ta có tất cả đám thị nữ hầu cận được ta gia ân cho theo để hầu hạ bà ta dưới tuổi vàng. Đêm mai phải đem bà ta chôn cạnh lăng tiên đế, còn bảy mươi hai đứa kia thì chôn gần bà ta. Đêm nay người sai ngục thất cho bà ta ăn uống, tắm rửa thay xiêm y, rồi hỏi bà ta có muốn xin với ta điều gì trước khi chết.

Nói xong Linh nhân thái hậu Ý Lan xĩa cho Đỗ Khánh Thập một lệnh bài.

Cầm lệnh bài trong tay, Thập phân vân hỏi:

- Tâu thái hậu, hai nơi giam cầm biệt lập mà có

một lệnh bài thôi ạ.

Linh nhân nguýt lườm Đỗ Khánh Thập rồi phán:

- Có phải người đi hai nơi cùng một lúc đâu mà đòi hai lệnh bài.

Lại nói bà thái hậu Thượng Dương bị giam cầm trong ngục tối, tuy chưa bị đánh đập tra tấn, nhưng thân quyền quý, đài các nay phải sống chung với gián, chuột còn khùng khiếp hơn cả ngàn lần bị đòn roi tra khảo. Bà đã toan tuyệt thực chỉ uống nước cầm hơi cho nó lả dần rồi chết. Trên thực tế bà đã làm như vậy, rủi vì ngục lại có kẻ thiện tâm hoặc đã có hàm ơn với bà, hoặc có ai đó đã dút lót cho ngục lại, nên thay vì cho bà uống nước lã, họ đã cho bà uống thuận nước sâm. Với bà, nước nào cũng chỉ là nước thôi, vì bà đã dùng quá nhiều những sơn hào hải vị, những thứ nước đại bổ dưỡng nên chẳng thể phân biệt được. Vậy là bà cứ uống, càng uống càng thấy trong người tỉnh táo và cũng chẳng có cảm giác thèm ăn nữa, mặc dù bà chưa ăn một thứ gì từ khi vào ngục thất, bởi không khí ẩm mốc, hôi thối và chuột bọ khiến bà lúc nào cũng thấy kinh tởm, thực tình bà muốn chết đi còn hơn phải sống trong bản thiu.

Ngục lại cho năm ngục nữ dẫn bà Thượng Dương đi tắm theo lệnh của Linh nhân thái hậu Ý Lan. Đây là một đặc ân để bà Thượng Dương khỏi mang tâm trạng bức bối vì bản thiu trước khi đi vào cõi chết.

Bà Thượng Dương được ra khỏi nhà ngục vào lúc

nhập nhạong tối. Vừa nhìn vào ngọn nến bà vội nhắm mắt lại vì chói chang như nhìn thẳng vào mặt trời giữa trưa hè vậy. Bà không thể tự mình đứng dậy mà đi được, bởi mười đầu ngón chân bà đã bị chuột gặm toe toét máu. Hai ngực nữ diu hai bên, các nang phải nín thở do mùi hôi tanh từ thái hậu Thượng Dương toát ra. Dầu tóc bà bù rồi xoa xươi phủ kín cả khuôn mặt. Xiêm y tả tơi, mỗi bước chuyển động làm cho những mảnh vải rách tua tủa lật ngược lật xuôi để phơi ra những mảng cơ thể nhem nhuốc của bà hoàng.

Các ngực nữ dẫn hoàng thái hậu Thượng Dương vào một phòng tắm đã xông hương, nước nóng có xúc thêm dầu thơm khiến cánh mũi của Thượng Dương phập phồng. Bà nghi ngờ hỏi:

- Các người đưa ta vào chốn nào đây, thực hay là mơ đây?

- Đây là thực chứ không phải mơ đâu thưa bà, - một ngực nữ đáp và y nói thêm, - chúng tôi hầu bà theo lệnh của bề trên. Bây giờ bà được tắm tấp, thay xiêm y.

- Vậy chờ tắm xong rồi các người có đưa ta trở lại cung Nguyệt Minh không?

- Chúng tôi chỉ biết hầu bà tắm, sau đó chúng tôi không được biết. Vào cảnh ngộ bà, tốt nhất là không nên hỏi. Và lại chúng tôi chỉ là những ngực nữ, sao mà biết được công việc của các bề trên.

Từ đó bà Thượng Dương không nói thêm một lời

và ngoan ngoãn như một đứa trẻ.

Thoạt tiên các ngục nữ lột bỏ những mảnh xiêm y rơi tả trên mình bà và ném nó ra ngoài thêm. Họ dội nước và kỳ cọ qua loa cho bà, khi những cái bản vừa theo những bàn tay với nước xối trôi đi, để lộ ra một thân hình kiều diễm. Các ngục nữ tuy còn rất trẻ, chưa nàng nào có chồng nhưng khi nhìn thấy một lỏa thể ngọc ngà hiện ra trong ánh nến mờ ảo, các nàng cũng đều phải thốt lên:

- Đẹp quá! Bà đẹp quá!

Họ dìu bà bước vào trong bồn tắm có nước nóng vừa đủ ấm và cùng nhau tắm tấp kì cọ cho bà. Đứa gọi dầu, đứa nâng niu từng kẽ ngón chân ngón tay. Họ kỳ mơn man từng mảng thân thể từ ngoài vào trong, từ chỗ lộ trần như tay chân, vai, bụng đến chỗ thật kín đáo của cơ thể bà. Tất cả các bàn tay của các ngục nữ đều nương nhẹ tế vi, dường như họ có cùng một cảm giác họ đang nâng đỡ trong tay một tuyệt phẩm của hóa công nên họ rất trân trọng.

Quá thật với thân phận của các ngục nữ, họ không được biết bà là ai và vì sao một con người đẹp mà mỏng mảnh như một tấm kính pha lê này lại mắc vào vòng lao lý.

Tắm xong, họ lấy khăn khô thấm hết nước trên đầu tóc và lau nhẹ trên cơ thể bà. Trước bạch lạp một thân trần lồ lộ non mềm như một đứa trẻ thơ, họ lấy

xiêm y mặc vào cho bà, nom bà rục rờ như một đóa hoa hồng vừa khai nở. Đôi bàn chân chuột gặm nham nhờ vẫn còn đau buốt không thể đi hài được, các ngực nữ lấy vải mỏng bọc gọn lại cho bà.

Tắm tấp xong lại có người đến đón bà vào một phòng ăn đã bày sẵn. Tuy không sang quý như cung Thượng Dương, nhưng các món ăn với cách thức bày biện sạch sẽ đẹp mắt, kê ra trong cánh ngõ của bà lúc này cũng là tạm được.

Một lát sau có viên thái giám ló mặt vào, giọng the thé:

- Linh nhân hoàng thái hậu gia ân cho bà đấy, được tắm tấp sạch sẽ, lại được ăn ngon, sao bà không ăn đi, thân tù lại còn muốn gì nữa nào. Không ăn thôi cho quân nó dọn sạch đi lại đỏi rã họng ra đấy.

Giọng nói hỗn xược của tên thái giám mà bà vẫn liệt bợn này vào hàng khuyến mã. Ấy là nói về vai về hầu hạ thôi chứ bợn này sao bằng lũ chó, ngựa được. Bởi chó, ngựa chúng trung thành với chủ tới mức không tiếc cả mạng sống khi phải bảo vệ chủ, còn lũ này thay thầy đổi chủ là chuyện thường hằng, cái duy nhất mà chúng trung thành đến không tiếc cả mạng sống, ấy là lợi và danh.

Biết hoàn cảnh đã thay đổi, chẳng còn gì có thể sai khiến được lũ này ngoài tiền bạc. Nghĩ vậy bà liền nói:

- Viên thái giám kia, người có muốn giàu có không

thì lại đây cho ta hỏi.

Thái giám nhìn hoàng thái hậu Thượng Dương với vẻ khinh miệt và ném về phía bà một điệu cười mỉa mai rồi y nói:

- Phách lối vừa vừa thôi, lột truồng bà ra cũng chẳng tìm thấy một vẩy bạc, thế mà còn định mặc cả bán mua cái gì đây?

- Lão kia, có phải người tên là Cùi không?

- Phải, chính ta đấy! Ta là Cùi thì đã sao nào.

- Lão giám Cùi kia, người sắp xuống lỗ rồi mà vẫn ngu như thời trai trẻ được nhận vào cung. Cửa nả của ta, châu báu của ta, một bà hoàng như ta, ta để trong kho, để trong cung, ta chôn giấu trong nhà những người thân, có phải như bọn hạ tiện các người có dăm ba đĩnh bạc, một hai nén vàng lúc nào cũng vắn chặt trong vành khóa, trong cặp quần, khư khư như một tên ăn cắp. Nói cho người hay, nếu người tử tế, ta chỉ cho một nơi chôn giấu nhỏ nhất và người chỉ cần có một phần trăm trong số đó cũng nhiều hơn cả mấy chục lần người ki cốp suốt cuộc đời làm thái giám với bao nhiêu mưu mẹo thâm hiểm và đều cáng để ăn cướp, ăn chặn của mấy đứa cung nữ quê mùa; tiền bạc người có được còn nhờ vào sự nịnh hót, tâng bốc các người trong hoàng gia để lấy thưởng.

Lại đến lượt bà Thượng Dương ném vào mặt thái giám một cái nhìn khinh bỉ. Rồi bà nói:

- Ta còn lạ gì lũ thái giám đê tiện các người.

Giám Cùi cười hềnh hếch lấy lòng, mắt y lăm la lăm lét nhìn trước nhìn sau không thấy có ai, y liền sụp lạy:

- Trẫm lạy hoàng thái hậu nhân từ, con thân phận tôi tớ, bề trên bắt làm thế nào con phải làm theo, chứ lòng con lúc nào cũng chỉ thờ có hoàng thái hậu mà thôi. Xin thái hậu thương tình chỉ cho con một chỗ con đào thì con xin cắn có đền ơn thái hậu suốt cuộc đời con, kiếp sau con xin làm chó để giữ nhà, giữ cửa cho thái hậu.

- Được, ta sẽ chỉ cho người chỗ đào của, nhưng người phải khai thực các điều ta hỏi.

- Tâu, con xin tuân chỉ.

- Vậy chớ mâm cơm kia có thuốc độc không?

- Thái hậu Thượng Dương chỉ về phía mâm cơm bày la liệt những đồ sơn hào hải vị.

- Tâu, thái hậu chớ có ăn - kịch độc đấy.

- Người đến đây ngoài việc dụ ta ăn thuốc độc còn có việc gì nữa không?

- Con phải khích cho thái hậu phát cuồng nộ lên mà chửi bới đức vua, chửi bới Linh nhân thái hậu, lúc ấy án ngục lại sẽ ùa vào lập bằng chứng tội trạng rồi đưa ra xử về tội mạ lị quốc vương.

- Nhưng nếu việc đó không xảy ra thì sao, chúng nó sẽ làm gì ta?

- Tâu, điều ấy thì sao con được biết ạ. Dạ, thái hậu nhân từ có ban cho con ít của nả như người nói thì chỉ chỗ cho con ngay đi kẻo án ngục lại họ sắp vào đấy.

Bà Thượng Dương hơi cau vừng trán, trong đầu óc bà vừa lóe một ý tưởng, bà nói, giọng thì thầm:

- Ta không tiếc người, đến lúc này còn tiếc làm gì. Ta chắc là chúng sẽ tìm mọi cách ám hại ta. Song nếu cho người cũng phải giữ cho người được an toàn tính mạng, nếu không của sẽ hại người đấy. Vậy người cứ chịu khó di lại đây để ta nhớ lại xem cho người ở chỗ nào kín đáo, không có kẻ ngó dòm được. Vì ta sai chôn cất ở nhiều nơi, bây giờ rối trí quá chưa nhớ lại được. Nhìn thẳng vào mắt lão Cùi, bà Thượng Dương gắng hỏi - Người hiểu ý ta chứ?

- Tâu, tâu thái hậu con hiểu, nhưng thái hậu nghĩ mau đi nhé, con sẽ tìm cách gặp lại người.

Vừa lúc đó án ngục lại và theo sau là mấy người tông sự bước vào. Thái giám lui ra ngoài. Án ngục lại ngồi ghế đối diện với thái hậu và hỏi:

- Dương thị, bà có biết bà có tội gì không?

Thật ra trong đời chưa bao giờ thái hậu lại nghĩ rằng mình bị đẩy vào cảnh ngộ này. Bà cũng không ân hận vì đã đối xử tử tế với cô bé hái dâu từ khi nó mới được nhập cung. Thì ta cùng với nhà vua đi lễ chùa quán bốn phương cầu tìm người hiền đức cho hoàng thượng để kiếm kẻ nối dòng đại thống, và đã đưa được

thị từ hương Thổ Lỗi về đây chứ còn ai nữa. Tới khi thị sinh được Càn Đức thì không chỉ hoàng thượng mà ta cũng hết đời vui mừng. Nào có ai ngờ hoàng thượng vừa băng lại xảy ra cơ sự này. Bây giờ nếu ta có hối cũng đã muộn rồi. Ta thật không ngờ con bé hái dâu làng Thổ Lỗi lại ghê gớm vậy. Cho dù nó có mưu toan gì đi nữa, nếu không có viên hoạn quan Lý Thường Kiệt đứng phía sau, sao nó quật ngã được thái sư Lý Đạo Thành và ta để làm rối loạn cả vương triều.

Án ngục lại hỏi không thấy Thượng Dương đáp lời, y liền hối thúc:

- Dương thị, ta hỏi bà có biết bà mắc tội gì không?

Dương thái hậu nhìn thẳng vào mặt án ngục lại rồi với vẻ bình thản bà nói:

- Ta tưởng ông cũng là người có học, sao ông còn hỏi ta điều ngu xuẩn đó. Ta chắc ông thừa biết những kẻ hại ta chỉ nhằm leo tới quyền cao tột đỉnh. Nếu hỏi ta có tội gì thì cả triều đình này, cả nước này đều phải thừa nhận rằng ta vô tội, nhưng đúng là ta có lỗi. Lỗi thứ nhất là ta đã tán dương để tiên đế nhận Ngô Tuấn làm thiên tử nghĩa đệ và ban tước lộc cho y quá ưu hậu, lỗi thứ hai là ta đã dễ dãi chấp nhận Ý Lan, nuông chiều thị mà không đưa nó vào khuôn phép. Do vậy, ta đã nuôi dưỡng thị như nuôi dưỡng một con rắn độc mà không tự biết, hóa nên mới có nghịch lý này.

Án ngục lại tự mình dã hiểu sự việc đúng như bà Thượng Dương phan phui, nhưng biết nói với thái hậu thế nào đây. Cố ghép bà vào một cái tội không có thật, đó là một nền pháp lý đê tiện và nó đi ngược lại với bộ Hình thư ban hành năm Nhâm Ngọ (1042) dựa trên tính công bằng và nhân ái mà Lý Thái tông luôn chỉ dụ trong suốt mấy năm soạn thảo. Điều đó càng thể hiện cái đức của nhà Lý; tới nay chỉ vì chuyện gà mái gáy gờ mà phải bẻ cong cán cân công lý chẳng. Như là một sự tự hổ thẹn, án ngục lại nhìn Dương thái hậu với vẻ cảm thông pha phần kính trọng, ông hỏi:

- Cảnh ngộ này thật khó xử cho những người có lương tri, nghe nói từ ngày bị lâm vào cảnh này thái hậu không chịu ăn mà chỉ uống nước cầm hơi; nhìn về phía mâm cơm, án ngục lại quay hỏi Dương thái hậu – Dù sao thì thái hậu cũng nên ăn một chút để giữ sức.

- Ta không sợ chết, nhưng ta quyết không chết vì miếng ăn.

- Sao lại có thể chết vì những thứ thức ăn ngon kia?

- Người không thấy đó là một cái bẫy tinh khôn và ác độc của con bé hái dâu sao. Thị muốn giết ta mà tránh được tiếng ác. Rằng ta chết vì bạo bệnh.

Suy nghĩ giây lâu, Dương hậu nhẹ nhàng nói với án ngục lại:

- Ta biết sớm muộn thì con bé hái dâu cũng sẽ giết ta. Tình thế đến nước này rồi nên việc ta không có mặt

trên cõi đời càng sớm càng tốt. Về phía ta không thể làm gì khác được, một khi thị đã có Lý Thường Kiệt thì sức mạnh thuộc về y, pháp luật là của y. Thì án ngục lại như người, hỏi còn tiền đế, nhà vua coi người như là một tấm gương phản chiếu về lòng trung thực và sự công bằng. Vậy mà bây giờ người lại vờ hỏi về tội trạng của ta, trong khi thâm tâm người vẫn định nhìn ta bị hàm oan, ta là người vô tội. Người thấy chưa, nếu kẻ nắm giữ vận nước làm điều mờ ám thì quốc gia sẽ rơi vào rối loạn. Điều ta lo sợ nhất lúc này không phải vì con bé hái dâu sẽ giết ta, mà ta lo nhân cơ hội nội tình nước ta bị phân rã mà nhà Tống sẽ nhảy vào xâu xé. Người có thấy đó là một mối lo lớn không?

- Dạ, đúng vậy! Ngoại xâm luôn là mối lo cho cả nước, lệnh bà quả là người sáng suốt.

- Ông còn lỡm ta sao. Nếu ta sáng suốt chẳng bị con bé hái dâu cướp hết quyền hành và mạng sống chỉ còn tính từng giờ. Ta nghe nói thị đã bắt tất cả bảy bảy mươi hai cung nữ của ta, tống vào ngục thật cả rồi, và lão thái thái tức Mai thái hậu, bà mẹ chồng ta chứ còn ai, cũng bị thị bỏ đói, tới nay chắc mẹ ta đã chết khô chết cứng trong cung Diên Phúc rồi. Thật ra phải gọi đó là cung "Vô Phúc" mới đúng.

Dương thái hậu hé một nụ cười nửa miệng khiến gương mặt bà méo xệch đi và tự nhiên nước cứ trào ra từ hai bên khóe mắt.

Đưa giải áo lên chấm hai dòng lệ hoen, Dương thái hậu nói như phân bua – Ta không đủ nước mắt để khóc vì cái ác cái đối lừa phản phúc lên ngôi, mà ta khóc vì thương bà cụ. Quả thật trong đời, ngoài mẹ ta ra, ta chưa thấy một người nào lại phúc hậu nhân từ như bà mẹ chồng ta... Bỗng nhiên Dương thái hậu như bực giận một cái gì đó, bà liền cúi án ngục lại:

- Ông ra khỏi đây ngay. Ta không trò chuyện gì với ông nữa. Về nói con yêu tinh có muốn giết ta thì giết ngay đêm nay đi, ta không muốn sống thêm một khắc nào nữa.

Sau đó Dương thái hậu được đưa về nhốt trong một căn phòng rộng rãi, sạch sẽ nhưng không có đồ đạc, giường chiếu hoặc bất cứ một thứ vật dụng gì khiến người bị giam có thể dùng làm vật tự sát thương được.

Dương thái hậu lần sờ mãi mới thấy vách tường, bà gượng ngồi tựa lưng vào tường, đôi chân duỗi dài muốn tìm một cảm giác thoải mái để nghỉ ngơi, nhưng đôi bàn chân bà, nơi các ngón chân bị chuột gặm tuy không mưng mủ, song nó vẫn chưa kịp lên da non, nên mỗi khi vận động lại đau như xé ruột.

Nuốt đau vào trong và không nghĩ ngợi về bất cứ một điều gì kể cả cái chết, mong tìm lại một chút yên tĩnh trong lòng để yên nghỉ, và biết đâu chẳng là những thời khắc cuối cùng của đời ta. Quả nhiên trong đầu Dương hậu trở nên nhẹ bẫng và gợn như bà đã thiếp đi.

Trong mơ bà thấy lại bảy mươi hai cung nữ, bà đếm đi đếm lại không thiếu một gương mặt nào. Bà thầm khen những người này đều có lòng trung với chủ. Nhưng kỳ lạ, người nào cũng trắng toát và tóc dài phủ kín từng gương mặt. Nhìn kỹ, họ tựa các hình nhân được đắp bằng sáp, rồi bỗng chốc máu từ trong người họ phụt ra lênh lánh nhuộm đỏ hết cả thân xác họ. Và chó, xung quanh họ là những con chó ngao hung dữ, mồm chúng há rộng, những chiếc răng nhọn hoắt, những chiếc lưỡi đỏ lòm, chúng không sủa mà con nào con ấy cũng gừ gừ cái miệng như là chúng sắp nhảy xổ vào mình mà nhay rứt mà cắn xé. Bỗng nhiên cả đàn chó hung dữ ào lên, bà hốt hoảng thét:

- Cứu ta với! Cứu ta với!

- Ta đến cứu người đây!

Nghe như có tiếng người nói. Dương hậu bưng mắt thấy ánh sáng chan hòa và trước mặt bà là Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan.

- Sao người dám vào nơi ở của ta! Dương hậu quát hỏi.

- Ta nghe có tiếng người kêu nên đến cứu, hóa lại là người.

- Ta mơ thấy đàn chó ngao các người hãm hại nên kêu trong mơ, hóa ra người rình mò ta cả trong giấc ngủ. Lũ dê tiện.

- Ta truyền cho người phải nói năng lễ độ, nếu

không ngực tốt sẽ và người không còn một cái răng nào ở trong miệng đâu.

- Ta không sợ điều đó, nhưng ta không còn hơi sức nào để cãi vã với người nữa. Người đến gặp ta có việc gì hoặc người muốn làm gì ta thì nói đi, làm đi.

Không gian yên tĩnh, gian phòng rộng thênh thang chỉ có tiếng lửa nhen reo và tiếng tim đập gấp của hai người đàn bà là thù địch của nhau. Họ nhìn nhau căng thẳng như lửa sắp bật ra từ những hố mắt kia.

Bống Linh nhân thái hậu Ý Lan nhoẻn cười, gương mặt trở nên mềm mại, tươi tắn, bà cất giọng nói với vẻ ôn hòa của một người gần như là có giáo dục chứ không căng thẳng, chát chúa như lúc hai người mới gặp nhau.

- Chị Thượng Dương, tôi đến vấn an chị lần cuối. Và nói thực, tình thế đã đến nước này thì chị em ta không thể cùng chung sống, cùng tồn tại, cho nên một trong hai chúng ta phải ra đi. Phải chết!

Nói đến hai tiếng "phải chết", Ý Lan liếc nhìn xem gương mặt Thượng Dương có gì thay đổi, có gì hoảng hốt - điều mà Ý Lan chờ đợi.

Trái lại Dương hậu nở một nụ cười rất tươi. Ta có cảm giác như bà vừa nghe lời tán tụng hoặc một lời chúc tốt lành vậy. Bà lướt nhìn gương mặt vô cảm của Ý Lan rồi nói:

- Quả thật ta không còn đủ sức để rửa sả người nữa, và khi ta chợt nhận ra người là một con rắn độc thì

đã quá muộn. Ta không hiểu có phải Lê Thị Khiết – con bé nhà quê hái dâu hương Thổ Lỗi, chính là kẻ giống lên hồi chuông báo tử cho triều đại nhà Lý ta vốn được coi là thuần tử không. Ta mong rằng cái chết của ta chính là sự cảnh tỉnh cho các triều đại sau này phải dè chừng bọn khố rách áo ôm mỗi khi tuyển lựa hoặc trao cho nó trọng trách gì. Bởi lũ tào tợn bất nhân này một khi chúng đã bầu được vào một mảnh giáp quyền lực thì chúng có thể làm được mọi việc ở trên đời để chiếm trọn chiếc áo giáp ấy. Còn nghĩa khí ư, đó là điều xa xỉ đối với chúng.

Ý Lan kiên nhẫn ngồi nghe, lòng lạnh tanh. Khi thấy Thượng Dương ngừng lời, bèn lên tiếng:

- Ta gia ân cho bà được nói bất cứ điều gì trước khi bà phải chết. Ta nghe cả những lời nguyện rủa và những gì bà nói giống như là đạo lý. Nhưng bà phải biết điều, chớ làm cơn thịnh nộ của ta nổi lên bất chợt, bà sẽ không được nói nữa mà còn bị rút lưỡi, bị ngồi bàn chông hoặc lưỡi cày nung đỏ. Nào bà nói đi, ta sẵn lòng nghe. Bởi ngoài các lời chửi rủa, ta chắc sẽ có đôi điều có ích, vì rằng với người sắp chết sẽ nói ra điều tâm huyết nhất, cũng như con chim trước khi chết thường cất giọng hót thật hay.

- Ta không hoài hờn nghe lời tán tụng hoặc bài bác của người, bà Thượng Dương nói với giọng kẻ cả. - Này cô Khiết, phúc bẩy mươi đời của nhà cô thu gom lại để

cho cô được vào triều hầu hạ chồng ta, lại sinh được hoàng nam để kế vị. Nhưng cô đã tiêu tán trong giây lát chỉ bởi lòng tham không giới hạn, để nắm lấy quyền hành tối thượng. Nhưng cô phải biết ở đời phúc cũng chính là họa đấy, được đấy cũng chính là mất đấy. Có thể cô không tin ta nhưng hãy cứ suy ngẫm. Nhân đây ta nói để cô biết mà đề phòng. Sở dĩ ta phải nói là bởi ta thương tiên đế và vì đế nghiệp của nhà chông. Hiện nay cô dựa vào Thường Kiệt cũng tức là dựa vào sức mạnh bạo tàn để tiếm quyền. Nay mai công việc yên ổn rồi, Càn Đức đủ lòng đủ cánh rồi, thì phải đẩy Lý Thường Kiệt ra khỏi Thăng Long, phải tước bỏ bớt quyền lực của y đi thời mới khống chế được y. Cứ để quyền lực trong tay một cường thần nắm giữ mãi, tất có ngày sinh biến. Nhưng nếu vô cơ mà bãi bỏ hoặc giết hại một người lương đồng ắt là nước sẽ suy vong. Sinh thời tiên đế thường lo cái họa nhà Tống, nay ta cũng đang nghĩ thấy mùi quân Tống sắp tràn sang. Vậy cô phải mở to mắt ra mà nhìn thế sự, phải mời Lý Đạo Thành về phục chức cho ông ta, Thường Kiệt không phải là người có tài nội trị, nhưng ngoài mặt trận, y là một tướng thao lược. Đây không phải lời của ta, mà chính tiên đế thường nói vậy, ta chỉ nhắc lại. Thêm nữa, nếu để cho vật đục làm mờ nhòa đầu óc khiến nước mất nhà tan thời lịch sử sẽ coi người là một tên phản quốc, tội ác ấy, vết nhơ ấy nghìn đời cũng không gỡ bỏ được đâu. Ta vì cả tin và thương người nên sa cơ mắc nạn bởi tay một đứa què

mùa nham hiểm. Người dùng tướng tội ác tà trời này được giấu gói trong chuyện ghen tuông mong được đời sau nương nhẹ. Chỉ kẻ ngu khờ mới tin đây là chuyện ghen tuông hay ghen tức. Không phải thế đâu cô ả ơi, máu ghen thường sinh mù quáng hay sa vào các việc tâm thường, vụn vặt; đặng này là mưu toan soán đoạt hẳn hoi nên được toan tính tinh vi, kết liên thành đảng thành bè từ ngày còn tiên đế, và các người che giấu được cả tiên đế, thử hỏi làm sao ta thoát được nhanh vượt các người.

Dương hậu đột ngột dừng lời, hai tay nắm hai đầu bàn chân, hai hàm răng nghiến chặt, chắc bà đang chống lại cơn đau. Một lát bà ném về phía Ý Lan một cái nhìn khinh bỉ và nói dần từng tiếng:

- Ở đời gieo trồng cái gì thì gặt hái cái đó, người sẽ bị dọa tới a tăng thì kiếp cũng chưa hồ dễ đã trả xong tội ác.

Dứt lời, Dương hậu gục xuống, dường như bà đã kiệt sức.

Lòng trống như đá, Ý Lan bước ra khỏi phòng vừa hay đô thái giám Đỗ Khánh Thập đã chực sẵn phía cửa ngoài. Y sẵn đón:

- Tâu hoàng thái hậu, chúng thần đang chờ thánh ý.
- Cứ thế mà làm, ý ta đã quyết.
- Nói xong Ý Lan bước lên kiệu.

Tin Dương thái hậu và bảy mươi hai cung nữ bị

chôn sống theo lăng mộ Lý Thánh tông làm chấn động cả kinh thành Thăng Long. Người nói Dương thái hậu bị trói tay, chôn đứng cạnh lăng tiên đế, còn bảy mươi hai cung nữ cũng bị chôn lấp. Người khác lại nói cả Dương thái hậu và bảy mươi hai cung nữ đều bị chìm chết trong nước rồi mới đem chôn cạnh lăng tiên đế. Dù bằng cách nào thì người ta cũng giết một lúc bảy mươi ba mạng người trong đó có dương kim hoàng thái hậu.

Tin đó loang khắp kinh thành, khắp phường phố và đến tai các vị tăng thống, các thiền sư các đạo sĩ nơi các chùa, quán. Tin đó loang ra khắp nước.

Người ta quy tội ác này cho Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan và cả Lý Thường Kiệt, mặc dù sự giết người này xảy ra trong lúc ông đang đi kinh dinh miền biên ải.

Các chùa, quán trong kinh thành hết thầy đều giống chuông cầu nguyện cho các oan hồn siêu thoát.

Suốt mấy ngày liền đường phố không người đi lại, chợ búa không họp, dò giang không chở, kinh thành Thăng Long như cũng bị chôn sống.

Đệ tử vào báo tin Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan vừa giết bảy mươi ba nhân mạng trong đó có Dương thái hậu, tăng thống Lâm Huệ Sinh không tin ở tai mình. Thiền sư vẫy gọi đệ tử lại hỏi một lần nữa cho rõ. Khi biết đó là sự thật, thiền sư hoàn toàn kinh ngạc về người đàn bà này. Nhớ lại bữa bà ta đến chùa làm lễ bái sư rồi qua các buổi học hành, tham vấn đều biểu lộ một cái

tâm thiện, tâm nhân ái, cầu tiến. Ngay cả khi nhà vua đi chinh phạt Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069), trao lại cho bà ta quyền lưu thủ kinh sư, càng thể hiện cái tâm hòa ái qua các việc làm với giáo hội và với dân chúng, nhiều người đã gọi bà ta là Bồ tát, là Phật nữ.

Đạo xảy ra nghịch lý giữa chốn triều trung, ta tưởng chỉ đến thế là cùng và chờ họ tỉnh tâm hồi hướng. Thế mà họ lại dẫn sâu vào tội ác. Đúng là ở đời không có chất men nào làm cho con người hư hỏng và sa đọa nhanh như chất men quyền lực.

Thiền sư lên thư phòng vén tay áo cà sa lấy bút viết:

“Ta nể, vì vua Thái tông hai ba lần triệu thỉnh, sau Thánh tông lại cố nín giữ. Hai vị hoàng đế đều thể hiện được tâm thành của một đại đệ tử Phật. Ta cũng hết lòng giúp hai vua lo toan về đường Phật sự, chặn dất lương dân.

Cái duyên của ta với triều đình tới nay đã dứt vì sự tàn sát khủng khiếp này. Liệu có phải cái ác đã chính thức lên ngôi.

Ta khuyên các người hãy sớm tỉnh ngộ, quay lại là bờ đấy. Nếu cứ gieo mãi nhân ác thời không thể tránh khỏi điều dữ, phải đọa nhiều kiếp để trả nghiệp này.

Ta nhắc thêm một lần nữa: “Quay lại là bờ đấy! ». Hãy mau quay lại với thiện tâm vốn có của mình.

Vĩnh biệt các người!

Vĩnh biệt chốn phù du, ta về núi!”

Tăng thống liền sai viên quản thủ chùa Vạn Tuế đem sổ sách ra để ông xem xét từng chương mục. Tiền nhà nước cấp, của nả thập phương cúng dâng, các khoản chi tiêu, tiền, vàng, bạc hiện còn, các đồ thờ tự quý báu, các bảo vật của chùa... Tất cả đều rành rõ, thiền sư sai lập làm hai bản, ông và người quản thủ chùa cùng ký, ông lấy đi một bản, còn một bản lưu tại chùa.

Lúc đến, thiền sư chỉ đem theo hai bộ quần áo, một bộ mặc trên người, một bộ xếp trong tay nải, nay ra đi, sư cũng chỉ đem có vậy.

Viên quản thủ chùa Vạn Tuế nài nỉ sư đem theo những bộ áo lễ, những đồ trân bảo do thập phương cúng dâng.

- Con sẽ đưa tất cả những thứ này cùng mấy người khiêng gánh đưa thầy về tận chốn sơn lâm, vì bậc đức con không giữ được thầy nên con đành...

Thiền sư nghiêm sắc mặt nói:

- Người tu hành không có gì là riêng tư cả, những đồ thiên hạ cúng dâng là cúng vào chùa, cũng có nghĩa là cúng dâng Tam bảo, trong đó có phần để nuôi sư. Nay ta ra khỏi chùa mà đem theo những thứ đó sao, người khác cất đi cho khuất mắt ta, không nói nhiều.

- Đệ tử xin tuân lời thầy. Viên quản thủ nói xong liền sai những người chấp tác khiêng các thứ vào kho. Loay hoay một lát, viên quản thủ chấp tay vái thiền sư:

- Bạch thầy con có điều xin nói.

- Người cứ nói, ta đang nghe đây.

- Bạch thầy, khi thầy về nhậm chức quốc sư, con còn nhỏ. Nhưng con được biết là vua Lý Thái tông hai ba lần cầu thầy mới xuống núi, kíp khi nhà vua băng thầy lại toan về núi, nhưng vua kế là Lý Thánh tông cố nài giữ nên thầy mới nán lại. Việc này thì con được biết. Nay thầy đi chẳng nhẽ lại không có lời với triều đình sao.

- Con nói rất phải, nhưng ta đến và đi đều phân minh cả. Ta đến do Thái tông mời, Thái tông băng, tiếp đó Thánh tông lên ngôi lại cố nài níu mời giữ ta ; nay Thánh tông băng vua nối còn thơ ấu không biết gì đã đành, nhưng người nhiếp chính không những không mời mà lại còn có hành vi tàn ác và bất hiếu. Tàn ác vì cùng một lúc giết chết bảy mươi ba sinh mạng trong đó có bà Dương thái hậu; bất hiếu là bỏ mặc bà mẹ chồng tức bà Mai thái thái hậu chết khô, chết đói trong cung Diên Phúc. Cho nên việc ta đi là đúng lúc. - Như sự nhớ, thiền sư Lâm Huệ Sinh chỉ vào lá thư người viết để trên bàn - Đó, ta chỉ để lại vài lời như vậy cho tất cả và không cho riêng ai. Thôi ta đi!

Nói xong thiền sư cầm lấy cây thiền trượng, đệ tử đỡ chiếc tay nải bước theo thầy.

Viên quản thủ và tăng chúng chùa Vạn Tuế lưu luyến tiễn thầy ra khỏi kinh thành chừng một dặm rồi quay lại.

Lý Thường Kiệt sau nửa tuần trăng đi kinh dinh

bắc thuyền vừa về tới Thăng Long được tin Linh nhân thái hậu Ý Lan đã làm một chuyện động trời, ông đau lòng thốt lên:

- Nguy to rồi! Nguy to rồi!

Hỏi tả hữu, hỏi Khu mật viện ông được biết cặn kẽ mọi việc đã xảy ra trong thời gian ông đi vắng. Điều đáng lo nhất hiện nay trên bắc thuyền nhà Tống đang rục rịch động binh mà ở Thăng Long kẻ sĩ không ngừng công kích triều đình bằng những ca vè, đồng dao; giới tăng đạo bắt đầu xa lánh. Tăng thống Lâm Huệ Sinh là người đạo cao đức trọng cũng bỏ kinh thành, bỏ chức quốc sư ra đi trong niềm bực giận. Giới quan lại trong ngoài triều vẫn hướng về Lý Đạo Thành, họ không chỉ oán Linh nhân thái hậu Ý Lan mà còn oán cả ta. Họ cho rằng sở dĩ Ý Lan dám lộng hành là do có ta đồng lõa, che chắn.

Lý Thường Kiệt thật sự lo sợ với tình trạng hiện nay trên dưới không đồng lòng, nhân thế kẻ thù có thể tiến đánh. Nếu giặc vào trong lúc này thật khó bề chống đỡ. Vạn nhất điều đó xảy ra thì chính ta là người có tội lớn nhất với tiên đế, có tội lớn nhất với giang sơn nòi giống. Ông thật sự hối hận với những việc làm có tính đồng lõa với Ý Lan. Dường như suốt cả đêm Lý Thường Kiệt trần trọc tìm cách để gỡ thế bí này. Mãi tới gà gáy tàn canh ông mới chợp được mắt và khi mặt trời vừa lên ông đã tề chỉnh mũ áo tới thẳng cung Tuyên Đức xin được vào chầu Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan.

Linh nhân bắt ông chờ khá lâu. Trong khi chờ đợi, ông thấy người đàn bà này cũng vào loại đáo để, gian hùng. Chỉ riêng việc bà sai ta đi kinh dinh biên ải để rảnh tay hành sự một cách quyết liệt và tàn bạo như vậy, chứng tỏ bà cũng là hạng người cơ mưu xảo trá chẳng kém cạnh gì Võ Tắc Thiên.

Ta vì nể tình tiên đế coi là nghĩa đệ, nên nhận lời bảo trọng cho mẹ con Ý Lan, nhưng nếu bà ta định thoán ngôi nhà Lý, chắc ta phải vì tiên đế mà ra tay. Lý Thường Kiệt xoa hai bàn tay chai cứng vào nhau, trong đầu thầm nghĩ: “Ta mong sự việc sẽ không diễn tiến theo chiều hướng xấu”.

Một lát sau Ý Lan từ hành lang đi vào đại sảnh. Bà đội mũ thái hậu, mặc hồng bào, đi đứng uy nghi chững chạc, đội nữ binh mười người theo sau hộ vệ. Lấp ló ngoài hành lang có tới mấy chục quân hổ bôn cứ đi đi lại lại kiêu diêu võ giương oai khiến quân gian tế dù có manh tâm cũng không dám động thủ.

Vừa trông thấy Lý Thường Kiệt, Ý Lan đã đơn đá hỏi trước:

- Thái tể đã về, chẳng hay ông có được mạnh khỏe?

Lý Thường Kiệt vội quỳ xuống đáp lễ:

- Tâu hoàng thái hậu, thần mới về xin được vào vấn an.

- Miễn lễ! Miễn lễ! Từ nay ông không phải quỳ lạy. Ông vừa giữ chức thái tể vừa lớn tuổi, ta miễn lễ.

- Đa tạ hoàng thái hậu ban trọng ân.

Sau một tuần trà, Ý Lan hỏi phủ đầu:

- Ông mới về chắc có nghe vụ án vừa xảy ra?

- Thần được nghe từ chốn biên thù.

- Vậy chớ nó mọc cánh bay đi sao?

- Dạ đúng vậy. Thần được biết từ nguồn tin gián điệp của ta từ bên Tống hỏi về xem thực hư thế nào. Người mình trên đất Tống lại sợ nó phao tin đồn nhằm nhằm làm cho nội bộ ta nghi kỵ lẫn nhau. Chính thần cũng bán tín bán nghi, mãi tối qua về tới Thăng Long mới biết đó là sự thật.

Ý Lan hơi biến sắc mặt, bà chiêu một ngụm nước để lấy lại sự bình tâm rồi nói:

- Ông biết đấy, bà ta thật quá quái, ta không chịu nổi. Đành phải xuống tay để mọi sự quy về một mối.

Cùng một lúc giết chết bảy mươi ba người vô tội trong đó có bà chánh cung hoàng thái hậu mà bà ta cứ thản nhiên như không, nghĩ vậy Lý Thường Kiệt tự nhủ: Chính ta cũng phải đề phòng kẻ bà ta thấy có gì cản trở lại “xuống tay” lúc nào không biết.

Ý Lan cố ý quan sát gương mặt quan thái tử nhưng không thấy có gì biến đổi. Và chờ đã lâu cũng không thấy Lý Thường Kiệt lên tiếng. Bà đành phải hỏi:

- Ông nghe ngóng binh tình thế nào?

Cân nhắc mãi, Lý Thường Kiệt buộc phải nói thẳng:

- Hoàng hậu đi một nước cờ làm nghiêng lệch thế nước.

Vẻ không hài lòng Ý Lan nhíu mày hỏi lại:

- Ta không hiểu ý ông.

- Thái hậu cho phép thần nói hết sự thật.

- Ông cứ nói, ta sẵn lòng nghe đây.

- Từ xưa tới nay Bắc quốc luôn nhằm khi nước ta có sự biến gì là mưu toan xâm lấn. Ví như năm Tân Ty (981) Lê Hoàn thoán ngôi nhà Đinh, Tống Thái tông bèn đưa quân sang mưu cướp nước ta. May mà vận nước ta đang hưng, các bậc đại trí như Đỗ Pháp Thuận, Vạn Hạnh giúp mưu, Lê Hoàn đánh thắng quân Tống, giữ yên bờ cõi.

Nay thánh triều ta chẳng may tiên quân thất lạc, vua nối còn nhỏ cũng là cái cơ cho nhà Tống ngó dòm, lúc ấy nội bộ ta vững như bàn thạch họ chỉ sang điều tang và phong vua mới, nhưng không quên dò xét nội tình ta. Kịp đến khi ta làm cuộc chính biến tống giam Dương thái hậu, biếm chức Lý Đạo Thành sai coi châu Nghệ An thì ở Biện Kinh vua tôi Tống thần tông đã bàn ngay việc thôn tính Giao Chỉ. Vì vậy gián điệp nhà Tống vào Thăng Long dưới nhiều dạng vẻ khác nhau: nhà buôn, thầy thuốc, thầy địa lý, đi tìm người Đại Việt hợp tác mở trường dạy học, đặt đại lý kim hoàn, đồ sứ, hàng tơ lụa... Nhưng từ vụ hành quyết bảy mươi ba người thì nhà Tống đổi hẳn chính sách, họ ra sức lúng

bắt dân đánh cá của ta thường trà trộn với người Tống để dò xét tình hình. Các cơ sở buôn bán của ta ở Quảng Châu, Hàng Châu, Khai Phong... thường có kẻ theo dõi suốt ngày đêm, một vài nơi đã bị lục soát. Quân thủy, quân bộ được tăng cường đến Quảng Châu, Ung Châu, Quế Châu... đất nước đang thật sự bị đe dọa, trong khi đó tại triều đình các quan khảng tảng, lo ngại; kẻ sĩ trong nước âm thầm phản kháng, dân chúng khắp nước đang lo sợ, nghe ngóng... - Lý Thường Kiệt nén giấu hơi thở dài nhìn Ý Lan, ông tiếp với giọng trầm buồn: - Đất nước ta đang từ thế thượng phong bỗng chốc rơi vào nguy kịch.

Ý Lan tái mặt, vẻ hết hoảng:

- Ông bảo ta phải làm gì bây giờ?

Lý Thường Kiệt không trả lời điều Ý Lan hỏi mà nói sang chuyện khác:

- Sinh thời tiên đế luôn lo cái họa nhà Tống, năm Kỷ Dậu (1069) chinh phạt Chiêm Thành là để rảnh tay đối phó với nhà Tống. Điều tiên đế dự liệu quả không sai.

Ý Lan sốt ruột lại giục:

- Ông bảo ta phải làm gì bây giờ?

Nhìn thẳng vào gương mặt buồn lo của Ý Lan, Lý Thường Kiệt chậm rãi:

- Gỡ thế bí cho nước, sức một người sao làm nổi. Thái hậu cho thư thả một vài hôm để thân còn bàn với các quan. Nhân đây thân xin nói thật - một khi kẻ sĩ

quay mặt, người trong nước chia lòng chính là cơ hội cho kẻ thù xâm lấn. Kế gì thì kế, nếu không quy tụ được lòng người thì khó mà vực được thế nước hưng lên. Thần sẽ gắng hết sức mình, thái hậu cũng nghĩ xem có mưu gì gỡ được thế bí này không.

Suốt mấy ngày trời Lý Thường Kiệt loay hoay, có lúc ông đã cảm thấy ân hận vì nghe theo Ý Lan làm xáo trộn, làm ngược đảo lên tất cả. Thế nước từ chỗ vững như bàn thạch bỗng chốc trở nên chao đảo, chung chiêng. Nếu không sớm định được lòng người, cố kết được nhân tâm thì không có cách gì giữ được nước. Muốn giữ được lòng dân trước hết phải hóa giải được sự nghi kỵ của các quan trong bộ máy triều đình, từ đó dần dần lấy lại lòng tin của kẻ sĩ. Kẻ sĩ một khi họ đã nổi giận, họ có thể dễ dàng truyền sự phẫn nộ của họ cho dân chúng, và đó là điều nguy hại nhất.

Bỗng nhiên Lý Thường Kiệt nghĩ về Lý Đạo Thành, một bậc trọng thần trí tuệ hơn đời, sức coi một nước đầy xuống coi một châu, việc làm như thế của triều đình khiến các quan bất bình, kẻ sĩ cũng bất bình. Như có một điều gì đó thật diệu kỳ, đầu óc ông chợt như sáng ra, một ý vụt nảy: Hay ta mời Lý Đạo Thành về triều cùng bàn việc nước. Chợt lại sợ Ý Lan không chấp thuận. Không, không thể nhân nhượng bà ta trong lúc này được. Muốn gì thì gì phải lấy nước làm trọng. Lý Thường Kiệt tự thấy không còn con đường nào khác, ông bèn cho triệu Lý Kế Nguyên sang Phủ Thái úy bàn

công việc.

Lại nói về Lý Kế Nguyên, sau khi Đông hải đô tổng quản Trần Quang Minh được hồi hưu, triều đình cho Nguyên lấy chức đó, lại cho nắm một đường dây gián điệp lập trên đất Tống.

Sau cuộc chinh phạt Chiêm Thành đại thắng năm Kỷ Dậu (1069), sang năm Canh Tuất (1070) triều đình sai Lý Kế Nguyên sang Tống báo thắng trận và biểu quà chiến lợi phẩm lên Tống Thần tông, nhưng chỉ đi tới Ung Châu thì người Tống không cho vào, không nhận chuyển quà, chuyển biểu của vua ta. Vậy là Lý Kế Nguyên không tự mình sang đất Tống nắm lại các đầu mối đã cài cắm để dò la tin tức quân quyền và cũng không có cơ hội vào châu vua Tống để quan sát sắc diện cả triều Tống. Kịp đến vụ hạ chức Tể tướng Lý Đạo Thành và cho ông lấy chức tả gián nghị đại phu ra coi châu Nghệ An thì Lý Kế Nguyên cũng bị giữ lại Thăng Long để chờ cất nhắc. Tuy không bị cất chức nhưng trên thực tế Lý Kế Nguyên ở đứng chứ không được sai khiến vào việc gì. Cũng còn một nhẽ nữa, rằng Linh nhân thái hậu Ý Lan ngại cho ông về vùng đông hải, chẳng may ông chạy sang đầu nhà Tống thì lại thêm mối lo cho nước.

Trong những ngày ở Thăng Long để tránh nghi ngờ và cũng tránh hiểm họa, ông không có giao du với bất kỳ ai mà chỉ ở nhà đọc sách, nghiền ngẫm binh thư. Nay bỗng nhiên Thái úy cho triệu, chẳng biết việc lành hay dữ đây. Thôi thì chỉ có hai điều xảy ra: một là cát

hai là hung. Lý Kế Nguyên tặc lưỡi – Cát hoặc hung với ta lúc này thì cũng như nhau cả thôi. Nghĩ vậy ông vận bộ đồ nho sĩ, tức là vận chiếc áo dài thanh cát, quần chiếc khăn vành dây bằng nhiễu lam trùm lên búi tóc, chân đi dép da trâu, ông thủng thẳng vào Phú Thái úy ra mắt Lý Thường Kiệt.

Nhìn Lý Kế Nguyên thanh thản với sắc phục nho sĩ, Lý Thường Kiệt biết người này có ý khinh bạc, coi công danh phú quý như cỏ rác, với hạng người này, ngoài nhân nghĩa thì không gì có thể chinh phục được họ.

Với vẻ tự nhún, Lý Thường Kiệt đơn đả hỏi:

- Tướng quân vẫn mạnh khỏe chứ? Ta vừa đi kinh dinh bắc thù về, lâu không gặp thấy nhớ tướng quân nên sai người mời đến đàm đạo.

Lý Kế Nguyên liền đứng dậy vái hai vái:

- Đa tạ quan Thái tể hạ cố.

- Ta được Linh nhân hoàng thái hậu sai đi kinh dinh biên ải, lúc về thấy xảy ra chuyện đau lòng, chẳng hay tướng quân có biết người ta đồn đại việc này ra sao?

- Bẩm quan Thái tể từ khi cha của hạ cấp vào châu Nghệ An, hạ cấp được gọi về ở dừng tại Thăng Long, hạ cấp chỉ đọc sách thôi chứ tuyệt nhiên không có giao du gì nên không biết đã có gì xảy ra và cũng không nghe được các tin đồn, xin quan thái tể tha tội.

Nghe giọng nói của Lý Kế Nguyên, quan Thái tể biết người này đang có ý giữ mình và ngầm oán trách.

Lý Thường Kiệt tìm cách xoa dịu, bởi ông muốn Lý Kế Nguyên hợp lực cùng ông để gỡ rối nước cờ thời cuộc. Tự rót nước mời Lý Kế Nguyên rồi ông nói:

- Tướng quân giận ta là có lý. Tướng quân thân trọng giữ mình trong thời gian qua đều có lý cả. Nhưng việc xảy ra trong triều vừa qua ta không thể đổ lỗi cho ai được, đương nhiên ta phải chịu trách nhiệm. Bây giờ ta muốn tướng quân hợp tác để hóa giải những rắc rối vướng và cùng nhau lo việc lớn quốc gia, chẳng hay ý tướng quân thế nào? - Lý Thường Kiệt gắng hỏi và nhìn xoáy vào Lý Kế Nguyên chờ lời đáp.

- Bẩm quan Thái tử, hạ cấp chỉ là một viên tướng nhỏ ở một vùng biển đảo biên thùy như ếch ngồi đáy giếng, đến dự nghị còn chẳng dám sao có thể dự bàn, xin quan thái tử rộng lượng.

- Ta thực bụng cầu kiến sao tướng quân cứ khách khí.

Lý Kế Nguyên giật mình tự nghĩ: "Có thể ông thực bụng hại cha con ta nhưng chưa hại nổi, nay muốn dụ ta vào tròng chứ gì."

Thấy Lý Kế Nguyên trầm mặc suy tư, biết người này còn nghi ngại, Lý Thường Kiệt sai bày tiệc rượu. Trước khi vào tiệc, Lý Thường Kiệt nói:

- Ta vốn họ Ngô chứ không phải họ Lý. Nhưng có mối thâm tình với tiên đế nên ngài nhận làm thiên tử nghĩa đệ, trước đó Thái tông gọi vào châu lại ban quốc tính, nên ta cải thành họ vua. Như vậy ta với tướng

quân tuy không đồng tông mà là đồng tộc. Có nhiều điều mà lúc thường chắc không đủ can đảm để nói. Vậy bữa nay ta mượn rượu để tiếp công tử, cũng mượn rượu để giao tình với công tử, đành rằng ta với công tử là nội tộc, là bà con vong niên với nhau. Những điều ta nói trong tiệc rượu có thể công tử không tin, nhưng ta thực lòng bởi ta có thiện tâm.

Lý Kế Nguyên không thể không cảm động về cách thức tiếp đón và cư xử của Lý Thường Kiệt, nhưng không vì thế chàng đã dám tin ngay những gì vị thái tử này bộc bạch. Muốn nói gì thì nói, chứ việc làm mang tính áp chế cả triều đình, tự ý cách chức, hạ chức và lưu đầy các quan từ nhất phẩm trở xuống mà không chỉ ra được lỗi lầm hoặc tội trạng của họ là việc làm bất minh mang tính bè đảng. Đây là dấu hiệu suy thoái của một thể chế. Trống trơn hơn và tàn ác hơn là bắt giam đương kim hoàng thái hậu đang lúc bà ngồi sau rèm thính chính giữa buổi thiết triều, tiếp đó là giết cả bà và bảy mươi hai cung nữ của bà nhưng cũng không chỉ ra được bất cứ một tội trạng nào. Bất nhân bất nghĩa hơn nữa là bỏ mặc lão thái thái tức bà nội của đương kim hoàng thượng phải chết khô chết đói trong cung Diên Phúc mà người Thăng Long gọi là "cung Vô Phúc". Cá chuối tội ác có tính toán của một bè đảng nhằm cướp đoạt quyền hành về tay mình mà chỉ là chuyện bồng bột đàn bà, chuyện ghen tức đòi được xác lập quyền làm mẹ thì là điều thậm vô lý. Cứ cho rằng bà Ý Lan đàn bà bồng bột

nhưng nếu không có ông Thái úy nắm binh hùng tướng mạnh đồng lõa thì dù có tham vọng đến mấy bà Linh nhân thái hậu cũng không dám hỗn hào ngạo ngược với các bậc trọng thần, các bậc tể thần, không dám giết bậy cùng lúc tới hơn bảy chục mạng người vô tội.

Lý Kế Nguyên vừa nghe ông Thái tể phân trần, chàng vừa suy tư theo những gì chàng nhận biết để củng cố sự hoài nghi về tư cách quan lớn đầu triều của Lý Thường Kiệt. Càng nghĩ chàng càng thấy lòng kính trọng đối với một vị tướng mà chàng đã từng suy tôn là một thần tượng bị lung lay. Càng nghe ông nói chàng càng thấy đây là một con người giả dối một cách chân thực và chàng tự nhủ lòng: - Đừng có tin những lời ngon ngọt này mà có khi phải ôm hận suốt đời.

Lý Thường Kiệt cứ nói những điều ông thấy cần phải nói. Bởi nói ra được những điều kết uất ở trong lòng sẽ giải toả được phần nào phiền não. Không hiểu sao ông nói tất cả những mưu toan của Ý Lan từ khi còn manh nha tới khi trở thành ý thức và rất quyết liệt. Xem ra không phải là không có mưu kế. Ông ngờ có một kẻ hoặc một số kẻ đã đứng phía sau Ý Lan và hối thúc bà làm mọi việc. Cuối cùng ông nói: - Trong vụ này không phải ta là người chỉ vô tình để bà Ý Lan lợi dụng, mà phải nói ta có phần đồng lõa. Và trước hết ta phải chịu trách nhiệm với lịch sử. Nhẽ ra, nếu ta tôn trọng và bảo vệ Hội đồng giám quốc thì sẽ không có chuyện lộng hành, không có chuyện soán đoạt và tội ác cũng không

thể xảy ra. Đó là một trọng tội đối với ta mà không gì có thể biện minh được.

Lý Thường Kiệt hạ thấp giọng gần như một sự thì thầm: Công tử, những điều ta nói với công tử thuần là sự thật cả, ta không mong để được sự cảm thông hồng giảm nhẹ lỗi lầm đâu. Trong việc này ta vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm. Ta bộc bạch với công tử cũng như bộc bạch với người thân để rồi ta muốn nói điều gan ruột sau đây. Rằng ta muốn đưa cha của công tử trở về triều, phải phục chức lại cho ông. Ông coi sóc việc nội trị, ta coi sóc việc quân lữ. Công tử cũng phải trở lại Vân Đồn coi sóc quân thù cho ta. Ngay cả lưới gián điệp đặt bên nước Tống cũng phải hối thúc công việc chứ không thể cầm chừng. Công tử nên biết, nhà Tống đang lăm le xâm lăng Đại Việt. Phải lấy quốc gia làm trọng. Nếu ta và cha của công tử cùng nhau hoà hợp thì người trong nước không chia lòng nữa, kẻ thù vì thế không thể lợi dụng vào chỗ yếu của ta được. Ta biết công tử chưa thực tin ta, nhưng đây là điều gan ruột. Sau đây ta muốn công tử đi cho một chuyến, vào Nghệ An thừa lại với phụ thân những điều ta vừa nói. Rồi triều đình sẽ có mệnh vào sau. Ta chắc vì đại cuộc, bậc lão thần trượng nghĩa như cha của công tử sẽ không cố chấp. Cũng là điểm trời còn tựa, Linh nhân đẩy ta đi kinh dinh biên viễn để ở nhà bà ta thực hiện mưu đồ. Chính lên biên thủy ta mới thấy đầy đủ các âm mưu của nhà Tống. Việc sắp tới chắc bà Linh nhân không để gì

dã nghe ta. Nhưng đây là việc nước, là thế nước không kẻ nào có quyền đặt mình cao hơn lợi ích quốc gia và sự sống còn của nòi giống.

Tiệc rượu đã tàn từ lâu. Trăng khuya đã soi chéch qua song cửa sổ. Bốn bề im ắng chỉ có tiếng lửa nén thỉnh thoảng lại bùng reo và những dòng nến đỏ cứ chảy dài mãi xuống theo thân nến nhưng những dòng huyết lệ.

Kề sát mang tai Lý Kế Nguyên, Lý Thường Kiệt nói dần từng tiếng:

- Công tử cứ giữ lại điều nghi ngờ ở trong lòng, nhưng sớm mai công tử phải vào Nghệ An thưa chuyện lại với phụ thân như ta vừa dặn. Sau đó phải tức tốc về ngay để ra Vân Đồn nhiệm sở. Công tử phải đi ngựa mới nhanh được. Có thể đem theo vài gia nhân hoặc ta cho quân đi hộ vệ công tử.

Lý Thường Kiệt với tay mở chiếc hộp ngà lấy ra một tấm thẻ trao cho Lý Kế Nguyên - Đây là hỏa bài, công tử cầm đi, lỡ có việc gì cần sai khiến dọc đường.

Tiền Lý Kế Nguyên ra khỏi phủ, Lý Thường Kiệt về phòng, ông ngủ một giấc thật ngon đến tận trưa hôm sau.

IV

Đô thái giám Đỗ Khánh Thập tự nhiên thấy mọi người tôn sùng mình thì dương dương tự đắc. Chỉ riêng cái chức đô thái giám đứng đầu các hàng giám thừa vừa hầu hạ vua và các hoàng hậu hoàng phi vừa cai quản đám cung nữ và các chi hậu cục cũng đã được mọi người nể trọng rồi. Đằng này Đỗ Khánh Thập còn có cái thế của Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan nữa thì quyền nghiêng thiên hạ. Các quan đầu triều, nhất là bọn người nho học thì khinh các quan giám ra mặt. Ngay Lý Thường Kiệt tuy cũng là một kẻ xuất thân tự cung hình được vua yêu nên quan chức chẳng kém ai, bây giờ thì quyền hành ông ta chỉ đứng sau có mỗi một người, thế mà ông ta cũng khảng tắng coi thường lũ thái giám. Nhưng bây giờ gió đã đổi chiều rồi, mọi sự đã đổi khác rồi, nhiều kẻ đã quay ra nịnh bợ cầu cạnh

các quan giám.

Bữa nọ, các quan giám có máu mặt bèn rủ nhau mua quà cáp, đến dinh đô thái giám chúc mừng.

Đỗ Khánh Thập sai gia nhân thu đồ lễ, kê biên vào sổ. Nhắm đọc trên tờ giấy ghi đồ lễ lại nhìn tận mặt từng người, với vẻ trịch thượng của kẻ bề trên, Đỗ Khánh Thập hỏi:

- Tự nhiên các ông đem đồ lễ đến chúc mừng ta, vậy chớ chúc mừng cái gì nào?

Lão Mộc chấp tay vái đô thái giám một cái rồi nói:

- Thưa, nhờ có bác chúng em mới được mát lòng mát dạ, mở mày mở mặt.

Lão Thước vốn ít nói nhưng thâm thúy, lão bảo:

- Đô thái giám tài giỏi thì đã đành. Ngay việc ông đứng đầu ty thái giám đã nói lên điều đó. Nhưng tài giỏi của ông còn ở chỗ đại sự quốc gia cũng ở nơi mưu mẹo của ông mà ra. Ông đã biến sơ thành thân, biến nguy thành an, chuyển bại thành thắng. Chỉ đứng phía sau thôi mà làm được như vậy hèn gì thiên hạ chẳng phục sát đất. Nhưng cứ như ý tôi, nhân đà này đô thái giám phải đòi mình có địa vị nơi triều đình, điều hành công việc trên phương diện quốc gia, chứ không thể cứ ẩn tàng mãi trong chốn hậu cung (ý nói núp sau váy các bà), có khác chi áo gấm đi đêm.

Lý Thái úy cũng là một thái giám tham chính, sao

đô thái giám của chúng ta lại không tham chính được. Hiện nay Lý đại nhân vừa làm Thái sư vừa làm Thái úy, chân Thái phó đang khuyết, sao đô thái giám không xin lấy. Ông có tham chính, có ở vị thế cao, ông mới lôi kéo được lũ tôi vào chức này chức nọ. Có như thế mới tạo được vây cánh. Có vây cánh rồi mới có thế lực. Khi đã có thế lực rồi còn kẻ nào dám coi thường các thái giám chúng ta nữa nào.

Lão giám chợt có khuôn mặt góm guốc, cứ mỗi lần sắp nói lão nhắm tịt con mắt chợt, miệng méo đi và một bên má hấn cứ giạt bình bịch tới cả chục lần rồi hấn mới há được miệng ra nói, hấn bảo:

- Đô thái giám mà làm được như lão Thước nói, ta sợ thiên hạ lại đổ xô đi cung hình, các lò tinh thân lại chả mọc lên như nấm. Ta cũng nói thật, con đường tồn tại của các thái giám, danh giá của các thái giám có được mọi người kính sợ hay không đều ở chỗ các thái giám có trở thành vây cánh hay không, có trở thành một thế lực hay không. Cái nhẽ ấy lão Thước đã bày tỏ, theo ta đó phải xem như một kế sách của nhà giám chúng ta, mà người biến được nó thành sự thực chắc chỉ có đô thái giám Đỗ Khánh Thập mà thôi.

Lão Mục nghe các giám khác nói như có vẻ sáng ra, lão nhìn Đỗ Khánh Thập như chiêm ngưỡng chân dung của một vị thánh. Giây lâu hấn nói:

- Chúng em là một lũ tối dạ, đô đại huynh phải

truyền cho chúng em cái mảnh làm thế nào cho chủ tin, tin rồi lại phải khiến cho chủ phải nghe theo mình, muốn cho đứa nào sống thì được sống, bắt đứa nào chết ắt phải chết, cắt đặt ai ở địa vị nào là ở yên địa vị đó, lại lấy đi lúc nào cũng ở như mình cả, thế nhưng quyền biến lại ở tay người khác. Cứ như thế ân thì mình được hưởng, oán thì bề trên của mình phải chịu. Đó, đại huynh có truyền cho chúng em thì trước hết huynh phải nói cách thức đã làm để huynh có được một thứ quyền lực vô biên như ngày nay.

Nghe bọn thuộc cấp, bọn đàn em ca tụng, Đỗ Khánh Thập lấy làm đắc ý, lão bật cười khanh khách, tiếng cười nghe lạnh sắc như tiếng gươm chém vào các đồ đồng đồ sắt. Các thái giám thường làm lì, thường âm thầm hầu hạ hoặc canh chừng trong tĩnh lặng không bao giờ ta bắt gặp được tiếng cười của họ. Nay Đỗ Khánh Thập xỏ ra một điệu cười cũng có thể xem như đây là một điềm triệu. Điềm triệu ấy lành dữ ra sao còn phải chờ khi nó hiển lộ. Biết đâu chẳng phải là thời điểm của các thái giám đã đến. Lý Thường Kiệt đã leo đến ghế thái sư chẳng là một điềm triệu sao. Và đây cũng là một địa vị vô tiền khoáng hậu mà các thái giám các đời đều lấy làm hãnh diện.

Sau điệu cười khác thường đó, đô thái giám Đỗ Khánh Thập nói giọng rầu rầu:

- Các ông biết, chúng ta thiệt thòi đủ thứ. Cái đức

lớn trời cho con người là cái tính. Phân biệt thành hai loài đực cái là ở giống vật; giống người gọi là nam nữ. Nam dương nữ âm kết giao lại sẽ sinh ra con cái nối dõi tông đường. Chúng ta chịu cái thiệt đầu tiên ấy là tính người. Trở trêu thay, ta vào cung lại chuyên hầu hạ cái việc kết giao giữa hai tính âm dương ấy. Cho nên công việc của chúng ta bị giới quan lại trong triều coi là một thứ bí lậu, dám nho học thì cũng coi thường ta. Để rửa cái hận này, cái mối nhục này, ta đã âm thầm mài nanh giữa vuốt trong bóng tối suốt mấy chục năm.

Các anh em bảo ta truyền nghề. Nghề của chúng ta thật đơn giản, quy về chỉ có tám chữ vàng: *Nịnh hót - Dối trá - Lừa gạt - Xúc xiểm*. Chắc trong chúng ta, ai cũng làm như vậy cả thôi, nhưng nói như lão Mục là phải làm cho chủ tin, rồi lại khiến được chủ phải nghe theo mình. Đạt được như vậy thì sức tri với sức hành đã tới mức quán thông, thiên hạ không ở trong tay mình còn trong tay ai nữa.

Đồ thái giám nhìn mọi người rồi nói với vé dắc thẳng:

- Đây các anh em, muốn nói gì thì nói, con người ta phải có chí lớn và phải nắm bắt được cái thời. Trong kinh Dịch coi thời là chìa khóa vạn năng giúp người ta thành đạt. Ta kể chuyện này của bản thân mình để các anh em tham bác. Các anh em đều biết việc hành lạc của hoàng thượng với ai là như ở tay chúng ta. Hoàng

thượng chỉ có một mà hoàng hậu tới năm sáu bà, hoàng phi cũng cả chục, lại cung nữ biết bao nhiêu nữa. Trong các bà, kể cả chánh cung đều muốn được ân ái cặp kè, thỏa mãn dục tình chỉ là điều ước nhỏ, điều các bà ôm ấp là sinh được hoàng nam, được lập làm hoàng thái tử. Chính cái điều đó khiến các bà chiều lư thái giám chúng ta, muốn xin xỏ cái gì cũng được, muốn nhờ vả cái gì cũng được. Bởi sự sắp đặt ân ái, đến nhà vua cũng phải phụ thuộc vào chúng ta. Ví như vua muốn ân ái với một phi nào hoặc một cung nữ nào mà vua loáng thoáng nhớ, nhưng các người này không chạy cửa chúng ta, thời chúng ta tâu lại, nhẹ ra là nó đang kỳ kinh nguyệt, mà ta ghét thì ta bảo nó mới có bệnh. Nói dài dòng thế để dẫn tới việc bà Thượng Dương đã trắng trợn cất cái khoản tiền bà hứa cho ta hàng tháng. Không những thế còn làm nhục ta trước mọi người. Thế là ta nuôi chí trả thù. Và ta đã bám lấy bà Ý Lan từ khi bà mới mang thai đương kim hoàng thượng bây giờ có một tháng. Chuyện này không thể nói ra trước mọi người được, chỉ biết ngay cả Thái sư Lý Đạo Thành vì bệnh bà Thượng Dương nên cũng bị hất.

- Việc ta phò bà Ý Lan từ khi bà mới chỉ là thân phi, mọi quyền biến chốn hậu cung đều do một tay bà hoàng hậu Thượng Dương chi phối. Việc làm ấy của ta coi như ta chớp được cái thời từ khi nó mới manh nha. Ý các ông còn muốn các quan giám tham chính, chắc là không khó, nhưng để ta phải lựa thời thế đã.

Các viên thái giám chưa bao giờ thấy mình có giá như lúc này. Tất cả bọn họ đều đồng lòng tôn Đồ Khánh Thập là bậc siêu đẳng, là ân sư của họ.

Lại nói Lý Kế Nguyên đi theo ngựa trạm, cứ năm chục dặm lại đổi ngựa, thế mà cũng phải đi suốt ba ngày mới tới châu Nghệ An.

Lý Kế Nguyên vừa ra mắt phụ thân, Lý Đạo Thành đã vội hỏi:

- Bà Linh nhân thái hậu Ý Lan hay ông thái tổ Lý Thường Kiệt sai con đi triệu cha về kinh? Việc nước bề bối lắm phải không con? Sao ta nghe nói bên Tống đang chuẩn bị đánh Giao Chỉ gấp lắm. Nhưng thôi, ta muốn biết mẹ con và các việc trong nhà có ổn không?

- Dạ thưa cha, vắng cha, mẹ con tuy có vất vả hơn nhưng mọi việc vẫn bình thường, mẹ con và anh em chúng con vẫn khỏe. Vắng cha nên nhà mình ít khách lắm ạ. Còn con, từ ngày bị triệu hồi về kinh để ở đứng, con tuyệt nhiên không có giao du với ai cả.

- Để tránh tai vạ, con phòng thân thế là phải. Còn như con nói vắng cha, mẹ con vất vả hơn là không đúng. Chính là cha ở nhà mẹ mới vất vả. Phần hầu cha, phần hầu khách mệt lắm chứ con.

Con đi gấp thế chắc có việc hệ trọng, ta vào chuyện đi.

Lý Kế Nguyên thuật lại toàn bộ cuộc hội kiến với Lý Thường Kiệt trong một tiệc rượu bất thường và cả

những điều ông ta bộc bạch.

Nghe con nói mọi nhẽ dục trong mà Lý Thường Kiệt đã bày tỏ, Lý Đạo Thành hỏi con:

- Ta chắc nội trị đang rối. Các quan khảng tằng chia lòng, kẻ sĩ quay mặt làm ngơ, ngoài biên thùy nhà Tống đang tăng sức quân nên Thường Kiệt lo cho thế nước. Thực vậy, nếu không có chuyện người Tống đe dọa ắt Thường Kiệt sẽ làm già với các quan và bất chấp kẻ sĩ.

- Thưa cha, nếu hoàng thượng có chiếu triệu cha về, phục chức Thái sử như cũ, ý cha thế nào?

- Đã có chiếu thì không thể kháng mệnh được. Ta phải về chứ. Giữa lúc thế nước chao đảo, mỗi người phải có trách phận chứ con, bây giờ không phải là lúc chọn việc. Còn về chức tước, con đừng mơ người ta lại trao cho cha chức thái sử như cũ. Nếu như vậy Linh nhân Ý Lan lại thừa nhận bà đã sai ư? Không làm gì có chuyện bề trên dám nhận mình có sai lầm. Chỉ các bậc thánh nhân mới có cái dũng ấy thôi con ạ. Vả lại Lý Thường Kiệt không phải ông ta không ham hố quyền lực được thâu tóm vào trong tay mình. Nếu không, đã không có sự thỏa hiệp giữa ông ta với bà Linh nhân thái hậu Ý Lan để cùng nhúng tay vào tội ác như bản. Theo cha, đây là một vết đen khó xóa trong sự nghiệp của hai con người này.

- Thưa cha, thế còn việc ông Thái úy sai con ra

giữ chức Hải binh đông hải đô tổng quản cùng các việc chuẩn bị để kháng Tống thì sao? Liệu con có nên nhận hay nên từ?

- Về việc binh, cha vẫn tin vào tài thao lược của Thái úy Lý Thường Kiệt. Việc hoạch định chiến lược, chỉ huy quân lữ ở nước ta hiện nay chưa có ai theo được ông ta. Cho nên, ông ta sai con cầm quân là trên phương diện thối nước, trên phương diện cứu nước chứ không phải ông ta có tị hiềm với cha. Con nên kháng khái nhận lấy trách nhiệm đó. Con thu xếp để sớm mai lên đường. Cha không có thư từ gì đâu. Ông ta nhờ con khẩu truyền, ta cũng nhờ con khẩu đáp, rằng ta gián nghị đại phu, châu mục châu Nghệ An Lý Đạo Thành là người của triều đình, cho nên sẽ tuân phục khi triều đình có mệnh sai khiến.

Lý Kế Nguyên trở lại Thăng Long ra mắt Lý Thường Kiệt, chàng nói lại ý của cha mình. Thường Kiệt mừng lắm. Sai chàng sớm trở lại vùng đông hải. Lại sai đồn đốc các loại gián điệp sang Tống lấy tin tức, kể cả những gián điệp nằm vùng.

Lý Kế Nguyên đi rồi, Lý Thường Kiệt liền sang cung Tuyên Đức gặp Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan.

Vừa vào tới cổng đã thấy Càn Đức vận chiếc áo đỏ đi tung tăng giữa đám nữ tì. Càn Đức năm nay đã tám tuổi, nom cái dáng hao hao giống cha hồi nhỏ. Thường Kiệt chợt nhớ tuổi thơ của mình từng gắn bó với cha

của Càn Đức như thế nào. Có nhẽ khi hai người đến với nhau, ta ở tuổi Càn Đức bây giờ, còn Thánh tông lúc ấy mới bốn, năm tuổi thì phải. Ký ức đưa Thường Kiệt trôi về cuộc nhân duyên với Tạ Thuần Khanh, và giọt máu của ta như nàng báo tin, nếu đậu ra thì bây giờ đứa bé cũng trên ba chục tuổi rồi.

Bữa gặp một thiếu niên ngoài trang Vân Đồn, thoảng trông y giống ta như bóc xác. Vậy mà cậu bé lại biến mất và từ đó ta không thể dò tìm được tung tích. Có một cái gì đấy chạy trong huyết quản làm toàn cơ thể nóng hừng hực và Lý Thường Kiệt không cưỡng lại được nỗi nhớ Thuần Khanh và lòng thương cảm đối với giọt máu của ông.

Thấy Thường Kiệt tới, Linh nhân thái hậu vội ra tiếp với vẻ niềm nở, và lần này bà ăn vận cũng thật là giản dị. Tóc búi cao sau gáy, cài chiếc trâm ngà, áo dài cổ chéo khếp tà màu lam sẫm, chân đi hài gấm, trên người không đeo một thứ đồ trang sức nào. Ý Lan vội hỏi:

- Quan Thái tể đã tìm ra được diệu kế gì chưa? Từ bữa nghe ông nói, ta lo quá. Ai dè chỉ một nước cờ nhỏ khiến chông chênh thế nước.

Thấy Ý Lan có vẻ lo lắng, Lý Thường Kiệt bồi thêm:

- Thái hậu nên biết ở vào vị thế của thái hậu tựa như người tướng cờ. Trong một bàn cờ người tướng không chỉ điều khiển số quân bên mình, mà phải biết được ý đồ của người tướng bên kia từ khi họ đặt ngón

tay lên một quân nào đó. Có phán đoán được tham vọng của đối phương, mình mới có đối sách ngăn chặn không cho nó khai triển thế trận. Đánh cờ còn thế, trị nước khó hơn nhiều. Bởi mỗi hành vi của người quân trưởng không chỉ ảnh hưởng tới mọi mặt trong nước mình mà còn lọt vào mắt các nước lân bang, nước địch lại càng dõi theo ta chặt chẽ hơn nữa. Điều gì ta sơ hở là họ nhân cơ hội khoét sâu vào làm ta lúng túng, yếu suy. Khi ta phải đối phó nhiều mặt, ấy là lúc họ cất quân sang xâm lược. Các triều đại Trung Hoa đối với nước ta từ cổ đại tới giờ luôn như vậy. Bữa trước thần đã tâu với thái hậu về mưu đồ của nhà Tống và người trong nước chia lòng.

Lý Thường Kiệt ngừng lời. Ông khép mắt ngồi yên như một pho tượng mù. Ý Lan càng sốt ruột. Lát sau mở mắt, ông trót để rơi một giọt lệ. Giọng ngùi ngùi ông nói:

- Thần luôn thấy tiên đế hiện về, người lo cho thế nước. Có lúc người nói: "Suốt cuộc đời ta không lúc nào không lo cho nước cho dân. Thác đi ta còn ân hận rằng khi còn sống nhẽ ra phải làm được hơn thế nữa". Tiên đế đúng là một bậc thánh quân. Ra trận tự mình đi trước xông pha vào nơi nguy hiểm. Ăn uống thì kiệm cần, còn tự mình cày ruộng trồng lúa lấy gạo đồ xôi dâng cúng tổ tiên, cũng là làm gương cho thiên hạ. Thương đến cả những người tù tội, không biết có đúng họ mắc tội hay

hàm oan, mùa đông rét mướt còn sai phát chăn, áo cho ăn ngày hai bữa cơm và nhất loạt khoan giảm một bậc tội trạng của họ. Tiên đế mất đi để lại cho ta một đất nước hùng mạnh và giàu có. Nếu nay nước có mệnh hệ nào thì biết nói với người sao đây?

Lời nói của Thường Kiệt như xoáy sâu vào những ký ức cao thượng của nhà vua đối với Ý Lan, bà oà khóc nước nỡ.

Thường Kiệt cứ mặc cho bà khóc, biết đâu nước mất chẳng làm trong lại một tâm hồn đang mờ nhòe bởi những tham vọng mê cuồng. Lát sau không còn tiếng khóc mà chỉ còn tiếng nấc.

Ý Lan nói xẵng:

- Ông tàn nhẫn thế. Thấy ta khóc mà không được một lời an ủi.

- Tâu, chỉ có làm vững lại thế nước mới có thể an ủi được hoàng thái hậu, còn những lời hay ý đẹp cũng tựa như một thứ phấn hoa phù phiếm, nào có ích chi.

- Vậy chớ làm thế nào để vững lại thế nước, ông nói ta nghe.

- Thần dù có xương xuất mà thái hậu không ân chuẩn cũng khó bề thực thi.

- Tình hình đất nước như cháy nhà từ hai đầu mà ông cứ còn đứng đĩnh, sao ông biết ta không ân chuẩn.

- Nếu định được cái tâm của người trong nước

trong đó có tầng lớp nho sĩ, đạo sĩ... và làm cho họ tin vào triều đình thì việc đối phó với quân Tống, thần có thể đảm đương được.

- Ông nói thế có nghĩa là ông đang cần một người làm việc nội trị để ông chuyên việc quân lữ.

- Tâu, đúng như vậy.

- Người đó là ai, ông nói thử ta nghe.

- Tâu, ngoài Lý Đạo Thành không ai gánh nổi việc đó trong lúc này. Đạo Thành rất được các quan trong ngoài triều nể trọng. Ông ta là người nho học tinh thuần, kẻ sĩ trong nước coi ông ta là bậc trưởng thượng. Nếu thái hậu cho Lý Đạo Thành trở lại triều chấp chính lập tức thế nước trở lại cân bằng, nhà Tống dù có mưu toan cũng chưa thể đem quân sang ta ngay được.

- Ông nói thế có nghĩa nhất thiết phải đưa Lý Đạo Thành trở lại chấp chính.

- Tâu thái hậu, tình thế buộc ta phải làm như vậy.

- Liệu ai có thể thay được ông ta không?

- Không, Không ai có thể thay Lý Đạo Thành để quy tụ các quan và kẻ sĩ trong nước được. Ngay các bậc lão thần đã trí sĩ cũng đang có sự về triều đòi phải phục chức cho Lý Đạo Thành.

- Ông nói vậy, tức là lại trả lại ông ta chức Thái sư.

- Tâu, tất cả đều vì tình thế của đất nước, mong thái hậu tính kỹ đi, thần không còn kế sách nào hay hơn

nữa đâu.

- Vì nước, ai chẳng biết thế, nhưng ông cũng phải giữ thể diện cho ta nữa chứ.

- Tâu thái hậu, thế người tướng thần thôi giữ chức Thái sư dễ dàng lắm sao. Thà như trước chỉ làm Thái úy chuyên coi việc quân lại đi một nhẽ. Bấy giờ nhận chức Thái sư rồi, lại thôi giữ chức đó, chẳng làm trò cười cho thiên hạ sao.

Tâu, thần đã xét suy cạn nhẽ, trong lúc này phải thượng tôn lợi ích quốc gia, mọi chuyện khác đều có thể dẹp bỏ. Phải dẹp bỏ.

- Thôi được, ông hãy thư cho ta một hai ngày nữa.

Lý Thường Kiệt im lặng, ông trầm nghĩ: Chỉ sợ người Tống họ không chờ ta thôi.

Dường như Linh nhân Ý Lan đọc được ý nghĩ của ông. Bà nói:

- Ta chắc vài ngày quân Tống cũng chưa kịp sang đâu.

Lý Thường Kiệt ra về, Ý Lan thấy hụt hẫng nếu như phải chấp nhận đưa Lý Đạo Thành về giữ ngôi Thái sư, chắc thiên hạ sẽ cười ta là đồ đàn bà nông nổi. Nhưng Thường Kiệt vốn là một tay phách lực nắm hết quân quyền mà còn phải nhả ghế Thái sư ra, đủ biết thế nước đang bị chung chiêng đến mức nào, đủ biết Lý Đạo Thành là người có ảnh hưởng to lớn trong quan

giới, trong sĩ giới và dân chúng cả nước như thế nào. Công bằng mà nói, ông ta chỉ làm những điều mà ông ta cho là đúng chứ thực ông cũng không có ý đồ ngấm hại ta. Và lại sinh thời tiên đế cũng hết lời khen ngợi Lý Đạo Thành, cho ông ta là người có đức độ, có học vấn tinh thuần và có tài quy tụ sĩ giới, còn về đường cai trị thì coi ông là đệ nhất. Ý Lan tự nghĩ: “Giả dụ bây giờ ta có dùng lại Lý Đạo Thành cũng hợp với ý của tiên đế, vì chính tiên đế đã cất ông vào ngôi vị này”.

Ý Lan có thói quen mỗi khi có điều gì mắc rồi thường cầu xin Phật Đà hoặc tham vấn các bậc đạo cao đức trọng. Lần này bà muốn đến cầu kiến bậc thánh tăng ở chùa Vạn Tuế, ấy là Tăng thống Lâm Huệ Sinh.

Tới nơi mới biết thiền sư đã bỏ chùa đi từ lâu. Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan liền hỏi mấy vị sư thường trụ rằng Đại sư ra đi có nhắn lại điều gì không.

Các sư ngơ ngác hỏi nhau đều xác nhận Đại sư không có nhắn lại điều gì.

Linh nhân hoàng thái hậu có vẻ băn khoăn khó hiểu vì sao quốc sư ra đi không để lại một lời, trong khi triều đình rất trọng thị ngài.

Bỗng một vị tăng thưa với Linh nhân, để ông thử hỏi lại người quản thủ chùa Vạn Tuế xem có biết gì thêm không.

Một lát sau viên quản thủ đệ trình tờ kê biên tài sản của chùa Vạn Tuế trước khi sư đến và sau khi sư

di. So sánh khối tài sản của chùa, Ý Lan tỏ ra kinh ngạc vì đức độ của quốc sư nên thập phương cúng dàng cho chùa Vạn Tuế có giá trị gấp cả trăm lần trước khi sư về trụ. Lại nữa sư không đem theo bất cứ một thứ của cải gì ngoài hai bộ quần áo như hồi sư đến.

Sau đó viên quản thủ còn trình ra một tờ giấy có bút tích của thiền sư.

Ý Lan đỡ lấy tờ giấy và hỏi:

- Tăng thống có dặn lại thư này ngài gửi cho ai không?

- Tâu hoàng thái hậu, người dặn rằng người "chỉ để lại vài lời cho tất cả và không cho riêng ai". Tâu những lời ấy đều có trong tờ giấy mà thái hậu đang cầm đó.

Ý Lan mở tờ giấy ra đọc. Càng đọc, mặt bà càng tái xanh tái xám.

Ý Lan bỏ lá thư vào trong tay áo thụng rồi lên kiệu về cung. Bà thật sự sợ hãi vì bậc thánh tăng đã nói rõ vì sao ngài bỏ triều đình mà đi: "*Cái duyên của ta với triều đình tới nay đã dứt vì sự tàn sát, khủng khiếp này*". Không những thế, quốc sư còn lên án: "*Liệu có phải cái ác đã chính thức lên ngôi*".

Điều Ý Lan sợ nhất là giáo hội lạnh nhạt với triều đình. Người trong nước chia lòng, giáo hội ruồng bỏ thì triều đình sống với ai.

Đọc đi đọc lại cả chục lần, Ý Lan nhận ra một điều: “Thầy giận ta, nhưng thầy vẫn còn thương. Vì vậy thầy mới khuyên: *Hãy sớm tỉnh ngộ, quay đầu lại là bờ đấy!* Thầy luôn nhắc nhở: *Quay đầu lại là bờ đấy!*”

Khi người đến với triều đình hơi khó khăn, vì phải nhiều phen triệu thỉnh người mới chịu xuống núi. Khi người rời bỏ triều đình, ném lại sau mình chức quốc sư thật thanh thản nhẹ nhàng không một máy may vương bận: “*Vĩnh biệt chốn phù du, ta về núi!*”.

Còn một điều quốc sư cảnh báo, Ý Lan mới thật sợ hãi, ấy là nghiệp báo: “*Nếu cứ gieo mãi nhân ác thời không thể tránh khỏi điều dữ, phải đọa nhiều kiếp để trả nghiệp này*”.

Ý Lan nhớ khi còn là cô gái hái dâu, cuộc đời biết bao khổ ải, đã từng xin trước Phật Đà và ngài đã bố thí nên mới được vào cung, mới sinh được hoàng nam.

Ý Lan vẫn tự hẹn phải suốt đời làm theo nghiệp thiện để đền công ơn Phật tổ, thế mà bỗng chốc phạm một trong năm điều răn cấm quan trọng nhất là “giới sát”. Đứng ta là kẻ bội bạc rồi, biết sám hối sao đây. Nhớ lời quốc sư Lâm Huệ Sinh để lại: “*Quay lại là bờ đấy!*”. Thôi được, ta sẽ nghe Thường Kiệt, phục chức cho Lý Đạo Thành cũng tức là “quay lại” để thấy bờ.

Cũng từ bữa ấy, lời cảnh báo của vị thánh tăng luôn ám ảnh trong đầu óc bà hoàng thái hậu Ý Lan: “*Nếu cứ gieo mãi nhân ác thời không thể tránh khỏi*

điều dữ, phải đoạ nhiều kiếp để trả nghiệp này”.

Nếu cứ theo như thuyết nhân quả, ta sai giết bảy mươi ba người là ta sẽ gieo nhân ác, ta phải nhận quả ác, tức là ta phải trả nghiệp bằng bảy mươi ba kiếp luân hồi đầy đoạ. Chao ôi chỉ một phút lầm lạc bởi sân hận che mờ mà muôn đời khó gỡ. Ta phải làm gì đây? Thánh tăng đã hai ba lần răn dạy: “Quay lại là bờ”. Cũng có nghĩa là biết ăn năn sám hối thì còn có thể trả nghiệp ngay trong quăng đời này. Nhưng thế nào là sám hối, thế nào là ăn năn, có nhẽ ta phải nhờ một bậc cao tăng chỉ dẫn.

Trả nghiệp là việc lâu dài, nhưng trước mắt có bao nhiêu việc lớn phải làm, thuận những việc quốc gia trọng đại mà ta thì thân phận dân bà chỉ nhờ đoạt được ngôi cao nên quyền bính trong một nước thuộc về mẹ con ta. Nhưng ta cũng phải thú nhận rằng quyền lực nó khiến ta trở nên tài đảm, quyền lực nó làm cho ta sáng giá chứ thực ta chẳng sáng suốt gì. Thử hỏi, sức ta làm thế nào để thu phục người trong nước, thu phục kẻ sĩ; sức ta sao có thể đối phó được với mưu mô quỷ quyết của người Tống đây.

Suy đi nghĩ lại Ý Lan chợt nhận ra: “Một bậc thánh đế như vương phu ta mà còn phải dựa vào Lý Đạo Thành để làm việc nội trị, việc ngoại giao, và dựa vào Lý Thường Kiệt để trông coi việc quân lữ.” Thử hỏi ta tài cán gì có thể vượt được vương phu ta mà định bỏ

một trong hai người ấy.

Lý Thường Kiệt đã tự thấy mình không thể cáng đáng được cả hai việc và ông ta quả quyết không ai thay thế được Lý Đạo Thành. Còn ta, có nhẽ ta phải nghe theo lời dạy của quốc sư Lâm Huệ Sinh: “Quay lại là bờ”. Ta phục thiện. Từ nay ta phục thiện để nuôi dưỡng cái tâm cho Càn Đức trở thành bậc minh vương. Phải chăng đó cũng là cách ta sám hối.

Nghe tin Lý Đạo Thành thụ chiếu đã từ Nghệ An về tới Thăng Long, Lý Thường Kiệt mừng lắm liền đến nhà riêng của Đạo Thành đàm đạo.

Ông tỏ ra rất vui mừng khi thấy Lý Đạo Thành vẫn khỏe và dường như cũng không có vẻ để tâm đến các việc xáo trộn vừa qua. Thường Kiệt lên tiếng trước:

- Đại nhân đúng là bậc nho quân tử, nay hoàng thượng có mệnh triệu ngài về Thăng Long để hoàn lại ngôi tướng quốc.

- Ấy chết, quan Thái tử sao ngài lại nói vậy. Tôi phụng mệnh về triều, hoàng thượng có thể sai tôi làm bất cứ việc gì tôi sẵn lòng tuân chỉ. Còn như chức thái sư và thái úy đã thu về một mối cho tiện sự điều hành đất nước, ta không nên xáo trộn làm gì.

- Đại nhân đừng bận tâm đến những gì đã xảy ra trong thời gian qua đã làm tổn thương đến ngài và một số các quan. Việc này đang làm ảnh hưởng không tốt đến người trong nước, hơn hết trong giới quan lại trong

ngoài triều và sĩ phu đều tỏ nổi bất bình. Tôi là tướng võ chỉ quen đánh dẹp. Nhưng việc này lại không thể cất quân mà đánh được. Thử hỏi đánh ai bây giờ. Đây là việc của người cầm quyền đại chính. Đây là việc phải đánh vào lòng người thì mới quy tụ được nhân tâm. Tôi đã tính kỹ rồi. Việc cầm đại chính phi ngài ra trong lúc này không ai thay thế được.

- Tình hình trong nước cũng như mưu đồ của nhà Tống chắc đại nhân không lạ. Tôi nghĩ, chúng ta phải bắt tay vào công việc ngay, nếu không sẽ muộn mất, nếu không ta sẽ phải hối đấy.

- Xin thưa với quan thái tử, tôi coi công danh ở đời chỉ là chuyện phù du không kể gì được mất, mà chỉ lo đến sự tồn vong của đất nước mà thôi. Tôi xin phụng quân mệnh, xin giúp quan thái tử điều hành nền đại chính, nhưng trở về ngôi thái sư, nếu hoàng thượng có ân mệnh tôi cũng xin khước từ. Quả thật tuổi tôi đã cao, không thể cang đáng được ngôi tướng quốc trong lúc này, nhưng tôi sẽ không từ nan bất cứ việc gì, miễn sao hưng lại được thế nước.

Nghe những lời nói cao thượng thốt ra từ đáy lòng của bậc chính nhân quân tử, Lý Thường Kiệt hết nỗi cảm động và vô cùng kính trọng. Trong đáy sâu lòng mình ông tự lấy làm hổ thẹn. Ông đứng dậy vái Lý Đạo Thành một vái và nói:

- Xin đại nhân nhận ở Thường Kiệt này một lễ.

Lý Đạo Thành thấy khó xử bèn đứng lên vai đáp lễ.

Lý Thường Kiệt đem thuật các chuyện khi gặp Lý Đạo Thành cho Ý Lan nghe.

Ý Lan tỏ vẻ mừng rỡ:

- Nếu Lý Đạo Thành thực bụng, nhân cách ông ta thật đáng trọng. Chẳng nhẽ ông không muốn trở lại ngôi tướng quốc ư? - Bà hỏi Lý Thường Kiệt và có ý chờ ông trả lời.

Thường Kiệt liền đáp:

- Tâu, ông ta là người ứng xử tế vi lắm, thần chắc ông ấy muốn giữ thể diện cho hoàng thái hậu và cho cả thần nữa.

- Vậy ta nên xử thế nào cho phải đây, ông đã trù liệu việc này chưa.

- Tâu, thần dự nghĩ nhà vua nên có mệnh cho Lý Đạo Thành giữ chức "*Thái phó bình chương quân quốc trọng sự*", nghĩa là ông ta làm Thái phó nhưng dự bàn các việc quan trọng của nước, cả việc dân lẫn việc binh. Tiếng rằng ông giữ chức Thái phó, nhưng thần sẽ trả lại hết trọng trách của nền đại chính cho ông ấy như hồi ông thụ chức thái sư, còn thần sẽ rảnh tay lo việc quân để đối phó với nhà Tống nay mai.

- Ta xem việc này xuôi thuận đấy, ông cho bèn Trung thư sanh thảo chiếu đi để hoàng thượng ký.

Tin Lý Đạo Thành trở lại nắm quyền đại chính

khiến xôn xao cả trong ngoài triều. Tin bay khắp nước làm nức lòng mọi người.

Trở lại Phủ Thái sư và Trung thư sảnh nắm lại công việc, các quan dưới quyền ai cũng hể hả và sẵn lòng đem hết sức mình ra cung phụng cho công việc, khắc phục sự bê trễ do tréo ngoe bởi một ông quan võ điều khiển cả một nền hành chính được xây dựng và ngày càng hoàn bị trên sáu chục năm qua. Sự áp đặt tùy tiện theo lệnh của một người thay vì sự cai trị theo pháp độ quy về bộ Hình thư được ban hành từ năm Nhâm Ngọ (1042), khiến trật tự xã hội vừa căng thẳng ngột ngạt vừa rối rít tít mù không còn ra thể thống gì nữa.

Sau một thời gian đưa được nền hành chính trở về như cũ, dân trong nước thấy dễ thở lại phấn chấn trở lại các công việc nông tang, Lý Đạo Thành liền xin nhà vua ban chiếu cho kẻ sĩ trong nước chuẩn bị sang mùa xuân Ất Mão (1075) triều đình mở khoa thi Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường.

Chiếu vua ban ra làm nức lòng kẻ sĩ trong cả nước. Bởi ai cũng nghĩ sau khi lập miếu thờ Khổng Tử và nhà quốc tử viện năm Canh tuất (1070) chỉ một vài năm sau triều đình sẽ mở khoa thi, thế mà kẻ sĩ chờ đến mỗi cả mất, nay việc đó mới trở thành sự thực. Ai cũng nghĩ đó là điềm lành cho nước. Và dường như người ta cũng quên dần sự biến năm Quý Sửu (1073).

Triều đình lại ban chiếu, giao các việc về tổ chức

thi cử, tuyển chọn nhân tài cho quan thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành đảm trách. Quan bình chương có toàn quyền thực thi mà không cần phải tâu báo việc mình phải làm.

Lý Đạo Thành phân ra từng đầu việc cho các cơ quan Trung thư sảnh phải lo liệu. Nơi lo tìm địa điểm lập trường thi, nơi lo chỗ ăn ở cho thí sinh và gia nhân theo hầu về trọ. Lại lo mời người chấm thi, người ra đề thi... Chao ôi hàng trăm đầu việc, việc nào cũng chỉ mới bắt đầu. Nước ta đây là lần đầu tiên mở khoa thi tuyển chọn nhân tài cho nước, Lý Đạo Thành muốn khoa thi đầu tiên này phải hết sức thận trọng, chu đáo để làm khuôn thước cho các khoa thi sau này.

Vì chưa có tiền lệ, nên chưa có khuôn mẫu, Lý Đạo Thành buộc phải tham chiếu cách thức tổ chức thi của người Trung Hoa. Người Trung Hoa đã mở cuộc thi đại khoa từ đời nhà Đường, họ đi trước ta tới hơn ba trăm năm rồi. Nhà Tống là thịnh thời của thi cử, họ chọn được quá nhiều người đỗ đại khoa nhưng quá thiếu bậc chân tài; vì thế nước Tống mới bị nước Liêu, nước Hạ là những nước nhỏ bé hơn xâm lấn. Chỗ bất túc ấy của người Tống, Đại Việt ta phải tránh. Nhớ lại hồi khánh thành Văn miếu, vua Thánh tông đã từng răn: “Sau này có mở ra các khoa thi kén người tài phải hết sức thận trọng, chớ để diễn ra cái nạn “cử học thịnh mà thánh học vong”. Nhời cảnh tỉnh ấy của tiên quân, có nhẽ phải

cảnh báo ngay từ khoa thi đầu tiên này.

Lại nói chiếu vua ban, triều đình mở khoa thi chọn người tài vào mùa xuân năm Ất Mão về tới làng quê, kể cả nơi thôn cùng xóm vắng thì những người có chữ đọc được, thấy đều hồ hởi. Nhiều người nghĩ từ nay nhân tài đã có cửa để tiến thân. Tuy vậy, người có chữ thì nhiều, nhưng người có tài vượt lên cả chữ nghĩa lại chẳng có mấy.

Lại nói Sĩ Thoại đang ngồi dạy học có học trò vào thưa: “Chiếu vua ban sang năm triều đình mở khoa thi Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường” dán ở chùa làng.

Thầy liền cho học trò nghỉ sớm, ra thẳng chùa đọc lời chiếu. Vậy là tháng hai sang năm đã thi. Người muốn dự thi phải đỗ tam trường rồi mới được nộp đơn. Lại nữa các thí sinh phải lên các châu, quận khai báo sớm để các nơi còn gửi danh sách về Thăng Long trước tháng mười năm Giáp Dần (1074). Nơi nào gửi sau ngày đó coi như đã bị loại.

Nguyễn Sĩ Thoại đọc đi đọc lại tới cả chục lần, nhập tâm không sót một chữ rồi anh về nhà lấy tay nải đến thẳng nhà Lê Văn Thịnh báo tin.

Vừa tới đầu làng Đông Cứu đã thấy nhiều khóa sinh đi về phía xóm nhà Lê Văn Thịnh, Sĩ Thoại rào bước đuổi theo. Hỏi ra mới biết đây là các khoá sinh ở Thăng Long, các đàn anh của họ xưa đều là học trò của

thầy đồ làng Đông Cứu, tức thầy Lê Minh Quang cha dè của Lê Văn Thịnh, nay đến lượt họ về xin được Lê Văn Thịnh kèm dạy trước khi bước vào cuộc đua tài.

Vừa bước vào sân đã thấy tiếng nói ồn ào từ trong nhà vang ra. Chợt trông thấy Sĩ Thoại, Lê Văn Thịnh ào ra sân đón bạn. Hai người vái nhau rồi tay nắm tay bước vào nhà.

Sĩ Thoại nói vừa biết tin vội sang mách bạn, không ngờ bạn đã biết trước.

Lê Văn Thịnh phân bua:

- Đệ đâu có biết, chính các huynh đệ này từ Thăng Long, từ các nơi vừa kéo về tới đây báo tin và uống chưa xong một tuần trà. Nhìn Sĩ Thoại, Lê Văn Thịnh mỉm cười hỏi tiếp: - Chắc huynh sang rủ đệ cùng lên Thăng Long ứng thí chứ gì. Chuyến này chắc huynh phải thủ khoa.

- Muốn ăn gấp bó cho người, - Sĩ Thoại vừa cười vừa đáp lời.

Trong đám khách của Lê Văn Thịnh có một người đã lớn tuổi, trạc ngoài năm mươi, ông đứng dậy xin nói:

- Thưa các quý hữu, tôi vốn ở Thăng Long, là học trò của thầy ta đây từ khóa đầu, các anh em mới lớn, ít người biết tôi. Hồi đó, thầy dạy anh em chúng tôi ở các lớp cao, nhằm đón triều đình mở khoa thi, kén người tài. Nhưng nhà nước cứ dề dứ mãi, lớp chúng tôi nhiều người đã quy tiên, số còn lại như bọn tôi thì chữ thầy

cũng trả thầy gần hết.

Một câu hỏi cắt ngang:

- Vậy chữ lần này tiên sinh có ra ứng thí?

Người kia vuốt râu cười vui vẻ và đáp:

- Thưa các quý hữu, tôi đã bảo chữ thầy trả thầy gần hết rồi. Sở dĩ tôi vẫn tìm đến nhà thầy là vì biết chú Thịnh đây là thần đồng, đã từng nằm phơi bộ Mạnh Tử vì sợ sách ở trong bụng bị mốc từ hồi chú ấy mới có tám tuổi. Và lần này thế nào chú ấy cũng ra thi. Chắc là chú Thịnh sẽ đỗ đầu thôi. Chú Thịnh thì chẳng cần phải ôn luyện làm gì. Vì vậy, tôi có thằng con cũng vờ vẽ đôi chữ, lại cũng muốn tham gia trường ốc kỳ này. Nên tôi dẫn cháu đến xin chú cho ít chữ vương vãi để cháu so tài với thiên hạ. Nói xong, ông chỉ vào cậu bé ngồi cạnh, nom cậu bé có vẻ khôi ngô tuấn tú, nhưng mặt còn búng ra sữa, chắc chỉ mười bảy mười tám tuổi.

Thấy ông khách dẫn con từ Thăng Long về xin học thầy Thịnh, các anh em khác có người cũng là học trò của cụ đồ Đông Cứu (tức cụ thân sinh ra Lê Văn Thịnh), cũng có người đang theo học thầy đồ Thịnh, lại cũng có nhiều người từ các nơi xa về xin thầy đồ Thịnh dạy cho để vững tâm ra ứng thí.

Mọi người gần như đồng thanh nói:

- Xin thầy bố thí.

Lê Văn Thịnh tuy nổi tiếng là thần đồng từ nhỏ nay lại đang là thầy đồ cũng nổi tiếng chẳng kém thời thần

đồng, chàng trai hai mươi tám tuổi này có vẻ như ngưỡng ngưỡng trước lời cầu kiến của mọi người. Chàng nói:

- Anh em quá tin vào tôi chứ thực tôi cũng chỉ là một khóa sinh như anh em chứ có hơn gì. Việc thi cử đại khoa cũng là lần đầu cả. Nhưng anh em đã có lòng, tôi xin nhận lời, tuy vậy một mình tôi e không làm nổi mà lớp ta lại đông, vậy tôi xin mời đại huynh tôi đây (Thịnh chỉ tay về phía Sĩ Thoại) để anh giúp cho. Anh chính là học trò xuất sắc của cha tôi. Sinh thời cha tôi hy vọng ở anh nhiều hơn là tôi.

Sĩ Thoại từ chối mãi không được, đành phải nhận lời và nói:

- Thực tình tôi cũng như anh em mà thôi. Có nhẽ tất cả chúng ta đều hy vọng ở anh Thịnh. Tuy vậy, tôi có mấy người học trò cùng mấy người bạn nữa học hành tạm được và cũng đã đỗ qua tam trường xin được sang học cùng với anh em.

Lê Văn Thịnh liền đỡ lời:

- Vậy thì tốt quá, anh em ta cùng hợp lực. Nhưng có một điều tôi phải xin ý kiến anh em, nhân có bác cả từ Thăng Long đưa cháu về học cùng chúng ta, bác cho chúng em một lời khuyên. Lê Văn Thịnh ngừng lời nhìn khắp mặt anh em, lại nói: - Bề học mênh mông mà thời gian từ nay đến cuối năm chỉ còn bốn tháng, không thể nói lại đem kinh sách ra mà học được. Ăn tết xong chắc mọi người phải lo ngay việc về kinh để sang đầu tháng

hai dĩa phải nhập trường thi rồi. Vậy ta nên bàn xem nên học thể nào cho có lợi nhất, trước hết xin ý kiến bác cả cùng các anh em.

Người học trò già của cụ đồ Gủ lấy làm cảm động trước lời lẽ khiêm nhường của Lê Văn Thịnh, ông nói:

- Tôi tuổi cao, từ lâu chỉ lo việc gia đình mà không có thời gian ngó đến sách vở, nên chữ của thầy trả thầy, kinh của thánh trả thánh cả rồi. Chú Thịnh khiêm nhường quá, tài học của chú cả nước đều biết, nay lại có thêm chú Sĩ Thoại thì còn lo gì nữa. Tôi cứ gửi cháu ở đây cho nó theo các chú. Trước hết để cháu học cái đạo làm người đã. Còn như việc thi cử chẳng biết thế nào mà nói trước được, học tài thi phận, có phúc mới có phận. Tui nhiên tôi xin nhắc lại lời thầy dặn khi làm văn bài. Hội ấy thầy cứ hi vọng chẳng chóng thì chầy, triều đình ắt phải mở đại khoa để kén nhân tài. Thầy bảo người xưa từng nói: "Làm chính trị mà không cốt ở nhân tài, chế độ mà không nhờ ở hậu thánh, thì mọi việc đều còn là cầu thả, trị hiệu và phong hoá đâu đã được là thịnh, văn vật và điển chương đâu đã được là đủ..." Thầy bảo việc thi cử chẳng chóng thì chầy, ai ngờ nó lại chầy quá, mãi bây giờ mới có đại khoa, thành thử lũ chúng tôi bị lỡ mà đời thầy cũng chưa được nhìn thấy cái sự thầy trông đợi. Lại nói thầy dặn: "Làm văn cốt ở hùng hồn điển nhã, không được dùng các ngôn từ phù phiếm, hiểm hóc, khó hiểu. Nếu khoa trường hiểm

hóc khiến các viên đăng lục¹ có thể chép sai, khiến bài văn của mình trở nên thất cách. Cho dù viên đăng lục có chép đúng thì cũng làm cho các quan nội khảo² khó chịu. Bài văn vì thế có thể từ “ưu” bị giáng xuống “thứ” ngay lập tức. Quan thứ nhất đã cho “thứ” thì quan thứ hai chấm, nếu là người có lương tâm và độ lượng cũng chỉ nâng lên hạng “bình” nếu không muốn nói là số.

Về thể văn sách là biểu hiện tài năng của từng người được thể hiện bằng đường lối thông qua ngôn từ. Cho nên phải trình bày cho mạch lạc, lý tình minh bạch, sau trước hài hòa. Cái quý nhất khi người ta hỏi nhằm gỡ rối một thế nước thì mình phải trình ra được kế sách. Nhưng kế sách đưa ra phải khả dụng chứ đừng có vu khoát mông lung”.

Nói xong ông nhìn khắp một lượt rồi dắt cậu con trai đến chỗ Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại, ông nói

1 Đăng lục: Chép lại bài làm của thí sinh cho quan trường chấm để không nhân ra mặt chữ của người quen.

2 Nội khảo là quan chấm thi. Việc thi cử ngày xưa rất nghiêm ngặt. Sau khi sĩ tử làm xong bài bỏ vào trong ống quyển rồi nộp cho quan thu quyển. Người này trao lại ống quyển cho quan đi phong dán. Viên đi phong viết chữ rồi dán tên của sĩ tử vào ống quyển. Xong lại trao cho viên soạn tư hiệu. Quan soạn tư hiệu đánh số hiệu vào ống quyển rồi trao cho quan đăng lục để chép lại bài làm của sĩ tử. Viết xong trao cho viên đối đọc. Viên đối đọc, do một người đọc bản vừa chép, một người dò theo bản chính. Viên đối đọc thấy không có sai sót gì mới trao các ống quyển sang cho thí viện, từ đó mới đưa quyển cho quan nội khảo chấm. Thường là hai người chấm một bài. Nhưng các quan đều ở riêng biệt và quan chấm sau không biết số điểm của quan chấm trước.

với Thịnh:

- Chú là con thầy, chú và anh em chúng tôi đây (ông chỉ vào Nguyễn Sĩ Thoại) người trước người sau đều học thầy cả, chúng ta là anh em đồng môn. Nay tôi đem thằng con để gửi hai chú. Nhờ hai chú dạy cho cháu nên người. Dù là chỉ mấy tháng cũng là nghĩa thầy trò. Kia, con bái thầy đi.

Cậu con trai lễ phép đến trước Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại vái mỗi người ba vái.

Ông bố lại nói thêm:

- Cháu tên là Hoàng Minh Tú, năm nay tròn mười bảy tuổi. Nhà tôi sinh bảy đứa, mỗi thằng út này là trai. May mà cháu cũng chịu khó học hành.

Nói xong, ông đứng lên chào mọi người. Trước khi ra về còn dặn lại con:

- Thầy đã gửi con vào cửa hai chú. Con phải coi chú như cha, gắng học hành cho tốt, bao giờ chú cho về nghỉ tết mới được về.

Ông ra đi cũng tự nhiên khi ông đến. Các anh em lại quay vào bàn chuyện học hành ôn luyện.

Sĩ Thoại nói:

- Lời thầy dặn mà bác trưởng, cha của Hoàng Minh Tú vừa nhắc lại, chúng ta phải coi đó là phương sách bất di bất dịch để làm bài và chấm bài trong thời gian chúng ta ôn luyện. Còn học, như kỳ thi này nói là thi Minh kinh bác sĩ, có nghĩa là đòi hỏi các sĩ nhân phải

có kiến văn uyên bác. Tức là mục tiêu của kỳ thi nhằm vào tuyển chọn các tài năng đích thực. Cho nên mới nói là phải làm sáng rõ luận lý của kinh sách. Kinh sách là những tín điều mang tính chân lý do các bậc thánh học trước tác. Nhưng trước khi được tôn vinh vào hàng thánh nhân, các bậc đó cũng là những thường nhân. Cho nên những điều được viết ra đó, phần lớn là đặc ý và khả dụng, song cũng không ít điều chỉ đặc ý mà không khả dụng. Người bình văn phải tinh táo đưa các điểm đó ra ánh sáng với thái độ kính cẩn và thận trọng. Bởi một khi dụng vào những tín điều ấy chẳng khác gì dụng vào núi Thái Sơn, do đó phải thận trọng. Song không thể chúng ta không có chủ kiến của người thời nay. Do vậy vừa phải có lòng kính cẩn đối với các bậc thánh nhân và các trước tác của họ, song lại phải có tinh thần phá chấp. Chính bậc á thánh Mạnh Tử đã từng răn đương thời và hậu thế rằng: “Tín tận thư như vô thư”. Có nghĩa rằng tận tín vào những điều sách nói thà không đọc sách còn hơn. Tức là người xưa khuyên chúng ta không nên tin theo một cách mù quáng.

Nguyễn Sĩ Thoại ngừng lời, anh nhìn khắp cử tọa rồi nói tiếp:

- Nhân nhắc lại nhờ thầy răn khi làm bài và nhân cái tên của khoa thi do triều đình đặt ra, tôi mạo muội đưa vài ý nhỏ, xin các anh em, chúng ta góp nhặt ý kiến của nhau xong thì bắt tay vào ôn, có phải không anh Thịnh?

Lê Văn Thịnh mỉm cười và tiếp lời:

- Có nhẽ nội dung chúng ta cần ôn luyện đúng như anh Sĩ Thoại vừa nói. Và phương cách làm văn bài không ngoài cái ý mà lúc sinh thời thầy tôi đã truyền đạt cho các học trò. Vì vậy công việc của chúng ta lúc này là bình văn, cũng tức là làm sáng rõ ý nghĩa các kinh văn. Việc này thật không dễ, bởi nó đòi hỏi tới hàng núi kiến thức.

Nhân đây tôi nói thêm vì có anh em hỏi kỳ thi này là thi các kinh văn của Nho giáo hay thi cả các kinh văn của Phật, Lão nữa. Xin nói rằng tên của khoa thi đã minh định: “thi Minh kinh bác sĩ và nho học tam trường”, như thế đủ biết kỳ thi này là kén tài năng từ cửa Khổng¹ và chỉ có Khổng học thôi.

Gộp cả bạn bè và học trò của Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại được gần ba chục người hằng ngày cùng nhau ôn luyện. Gọi là cùng nhau ôn luyện chứ thực là Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại xứng đáng là bậc thầy cho tất cả. Nguyễn Sĩ Thoại thì chắc chắn, minh xác còn Lê Văn Thịnh thì tinh tế, siêu việt.

Có một điều bất ngờ trong đám thầy và trò ấy là cậu bé Hoàng Minh Tú lại nổi lên như một ngôi sao. Lúc đầu cậu còn rụt rè bẽn lẽn, nhưng được hai thầy coi

¹ Cửa Khổng: Ngụ ý nói về đạo Nho do Khổng Tử là người hoàn thiện học thuyết Nho giáo.

như con em trong nhà dìu dắt nâng đỡ, nên cậu vượt qua được mặc cảm mình chỉ là một đứa trẻ mới lớn, học vấn học lực đều còn non nớt như tuổi đời bấy bót để tham gia ngày càng mạnh dạn hơn. Cậu học được cách diễn giải gãy gọn, mạch lạc với lời lẽ khiêm cung khiến mọi người đều mến, đều gần gũi săn sóc như một cậu em, một đứa cháu, thậm chí coi cậu như một đứa con ngoan - một người tài. Phái nói, mọi người đều chăm sóc đều dồn góp kiến thức cho Hoàng Minh Tú vì vậy cậu trưởng thành từng ngày.

Không khí học hành ôn luyện ngày càng sôi động, mọi người cảm thấy gắn bó với nhau như người trong một nhà. Càng học, trong đám anh em bè bạn, lúc đầu xưng hô tùy ý, nhưng sau mọi người đều nhận ra hai người chủ đạo trong công cuộc ôn luyện là Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại xứng đáng là bậc thầy của mọi người. Vì vậy, họ nhất đán tôn vinh hai người và chỉ hai người ấy là thầy với cái cố "nhất tự vi sư, bán tự vi sư".

Mặc dù Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại một mực chối từ, nhất là mỗi khi những người lớn tuổi trong đó có người là bạn đồng lứa gọi bằng thầy thì hai người đều ngượng, mặt đỏ rần lên.

Không khí học hành ôn luyện đang lên cao thì tết đến, buộc họ phải nghỉ. Đúng ngày hai mươi hai tháng chạp, mọi người cùng Lê Văn Thịnh lau dọn bàn thờ,

sửa sang lễ vật để cúng thầy đồ Gù, tức thầy Lê Minh Quang, người sinh thành ra Lê Văn Thịnh.

Cúng thầy xong, anh em ăn uống chia tay ai về nhà nấy để lo việc cúng Táo quân vào ngày hôm sau và soạn sửa cho lễ tết.

Khoa thi năm Ất Mão (1075), trường thi Thăng Long tập hợp cá nước được hơn một trăm sĩ tử hợp cách vào phòng thi.

Triều đình chú trọng kén được người thực tài, thực xuất chúng nên ra đề bài khá cao, chấm rất ngặt, chọn ra được hơn hai chục người, nhưng khi vào đình đối¹ thì chỉ còn lấy đậu được có bảy người, Lê Văn Thịnh đứng đầu bảng, năm ấy ông mới hai mươi chín tuổi. Trong số các người đỗ còn có Nguyễn Sĩ Thoại và Hoàng Minh Tú. Sĩ Thoại ba mươi ba tuổi, Hoàng Minh Tú vừa bước vào tuổi mười tám, là người trẻ nhất trong các bậc đỗ đại khoa khoa Minh kinh năm Ất Mão.

1 Đình đối: Tư như thi vấn đáp ngày nay. Thường những khoa thi chọn các tài năng xuất chúng mới có đình đối. Nhà vua trực tiếp ra đề hoặc hỏi từng người phải trả lời tại chỗ. Trường hợp khoa thi này vua Nhân tông mới chín tuổi, nên công việc đều do Lý Đạo Thành đảm nhiệm.

V

Được tin người đỗ đầu khoa thi này lại là Lê Văn Thịnh và người đỗ ưu là Nguyễn Sĩ Thoại, Ý Lan mừng lắm. Hóa ra thuần người quen cũ. Sĩ Thoại là người làng, học trò yêu của ông đồ Lê Trung Lương, chính là cụ thân sinh ra Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan. Còn cha của Lê Văn Thịnh là cụ đồ làng Gủ, tức làng Đông Cứu, cụ Lê Minh Quang là bạn thân của cha ta.

Lòng phấn chấn lạ lùng, Linh nhân hoàng thái hậu sai triệu Lê Văn Thịnh và Nguyễn Sĩ Thoại vào lầu Bát giác điện Thiên Khánh để bà diện kiến.

Buổi đón tiếp diễn ra thật giản dị mà chân tình. Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan không đội mũ thái hậu mà búi tóc, cài trâm ngà, mặc yếm cổ xẻ, áo dài màu thiên thanh, chân đi hài gấm. Cả tầng lầu bát giác trang hoàng những bức tranh về cuộc đời đức Phật. Thoạt tiên là cảnh hoàng tử Siddhattha (Tất - Đạt - Đa) gặp một người ốm ở phía đông kinh thành. Bức thứ hai mô tả

cảnh hoàng tử rời bỏ hoàng cung đi tìm chân lý, ấy là lúc Siddhattha đứng nhìn theo người hầu Channa chán nản ngồi trên lưng con tuấn mã quay trở lại hoàng cung, còn thái tử đang hướng tới một khu rừng rậm nơi có nhiều cao sĩ ẩn tu. Bức thứ ba vẽ cảnh Siddhattha chấm dứt cuộc đời tu khổ hạnh. Bức thứ tư tả cảnh Phật thành đạo dưới gốc cây Bồ đề.

Cả căn phòng được xông xạ mùi thơm sực nức. Phía dưới mỗi bức tranh nơi sát chân tường kê một chiếc bàn chân quỳ nhỏ như chiếc mâm gong trên bầy máy quyển kinh Phật.

Giữa căn phòng rộng trải thảm đỏ, tám chiếc bàn chân quỳ kê thành một vòng tròn, mỗi bàn lại có một vương phẩm bọc gấm màu vàng làm đôn ngồi.

Linh nhân hoàng thái hậu vừa bước chân vào phòng thì quân canh vội bấm khách đã tới. Với vẻ niềm nở, hoàng thái hậu bước ra bậc thềm đón khách.

Vừa trông thấy Linh nhân hoàng thái hậu Nguyễn Sĩ Thoại và Lê Văn Thịnh đã vội quỳ tâu:

- Vâng mệnh hoàng thượng, chúng thần có mặt, kính chúc hoàng thái hậu vạn an.

Ỗ Lan mỉm cười nhẹ nhàng:

- Vê vời. Không có lễ vua tôi nào ở đây hết, anh Sĩ Thoại, anh Thịnh các anh còn nhớ tôi không; nghe tin các anh đỗ tôi vui quá. Thế là bỏ công thầy tôi; thầy anh Thịnh dạy đỗ, tiếc là các cụ đã qua đời. Sao các anh

giỏi thế, tôi nghe bên Hàn lâm viện nói các đề thi ra khó lắm kia mà. Lại còn chuyện đình đối nữa. Có phải ông thái phó Lý Đạo Thành hỏi đình đối không. Ông ấy khó tính lắm đấy.

- Dạ, quan thái phó là bậc đạo cao đức trọng học vấn tinh thuần, dù người đậu, người trượt đều tâm phục khẩu phục cả, xin hoàng thái hậu yên tâm, Lê Văn Thịnh mở lời.

- Đã báo ta là bà con, là chỗ tình thân cố cựu lại cứ giữ lễ làm cho nó cách biệt xa vời quá. Ý anh Sĩ Thoại thế nào. Nói thật các anh, tôi mãi mãi biết ơn thầy anh Thịnh, từ khi mẹ tôi mất, bác bên nhà hay qua lại an ủi thầy tôi, đôi khi tôi còn thấy bác cho cá anh Thịnh đi theo. Hồi ấy tôi đã nghe loáng thoáng anh Thịnh học giỏi lắm. Lần thầy tôi sang thăm bác bên nhà bắt gặp anh nằm gọn trong chiếc nong ở sân sau phanh áo để phơi bộ Mạnh Tử sợ nó mốc, suýt ăn đòn. Thầy tôi về cứ khoe mãi. Cụ báo: “Thằng bé ấy nếu gặp thời đắc dụng ắt vào hàng kinh bang tế thế”.

Còn anh Sĩ Thoại, tôi không thể nào quên được lòng tốt của hai bác và anh đối với gia đình nhà tôi, kể cả khi cha mẹ tôi đã qua đời. Nhớ cách đây sáu năm, khi tiên đế cầm quân viễn chinh chinh phạt Chiêm Thành, người sai tôi giữ quyền lưu thủ kinh sư, tôi có ghé thăm quê, thăm hai bác, lại qua bên Đông Cứu thăm cụ thân sinh anh Thịnh; hồi ấy cũng đã được gặp

các anh nhưng chưa nói được điều gì đã phải vội vã ra đi. Nghe nói bác mất cách đây đã ba bốn năm rồi phải không anh Thịnh?

- Tàu, hoàng thái hậu, phụ thân tôi qua đời đã bốn năm rồi ạ.

- Nghe các anh tàu tàu bầm bầm tôi thấy nó xa vời cách biệt thế nào ấy, hay các anh không coi tôi là người thân nữa, - Ý Lan nói giọng chân tình và bà có ý hơi buồn.

Nguyễn Sĩ Thoại bèn lên tiếng:

- Tàu, chúng tôi không bao giờ quên được những ký ức xưa cũ, nhất là tấm lòng của thầy đối với tôi, thầy coi tôi như con ruột của thầy. Tôi nhớ bữa thầy dẫn tôi sang xin học thầy anh Thịnh, tôi buồn đến phát khóc, năn nỉ xin thầy cho ở lại học trường của thầy. Thầy đã nghiêm khắc mắng tôi: "Vì tương lai của con, ta mới ký thác con cho bạn ta dạy giùm chứ. Sao ta không muốn con ở gần đỡ đần ta coi sóc các lớp nhỏ". Nhưng tình thân là chuyện riêng giữa chúng tôi với hoàng thái hậu không ai tước bỏ được. Còn như lễ vua tôi phải tôn trọng, phải cẩn trọng bởi đó không chỉ là lễ mà còn là phép nước. Hoàng thái hậu có thể vì tình nghĩa cũ mà gia ân cho chúng tôi, song nếu có người đàn hặc cáo giác, tới lúc đó pháp luật lại chẳng dung tha.

Lê Văn Thịnh cũng nói thêm vào:

- Thực tình em vẫn muốn gọi chị là chị Khiết như

xưa kia em vẫn theo thầy em sang thăm hai bác. Vì em nhớ chị hơn em hai tuổi, còn anh Sĩ Thoại lại hơn chị hai tuổi. Nhưng đó là chuyện xa xưa, ta coi như chuyện cổ tích thôi. Nay vì tình thế đã khác, vị thế cũng khác, nhất thiết phải giữ lễ quân thần đúng như anh Sĩ Thoại vừa nói. Nếu không, lữ thân sẽ bị khệp vào tội có học mà không biết giữ lễ, phải đuổi về nhà làm thứ dân và suốt đời không được triều đình bổ dụng.

Nghe Lê Văn Thịnh gọi Linh nhân hoàng thái hậu là “chị Khiết” cái tên cũ của Ý Lan thời thơ ấu, Nguyễn Sĩ Thoại sờn cả tóc gáy, anh đưa mắt nhắc Thịnh không được khinh xuất. Trái lại, Ý Lan nghe Lê Văn Thịnh gọi là chị, lại gọi tên từ tấm bé cha mẹ đặt cho, mắt bà sáng lên, bà cười vui thích thú. Nhưng nghe cả hai người phân giải cuối cùng Ý Lan cũng phải thừa nhận:

- Thôi được, anh Thoại và cậu Thịnh đã nói vậy thì tôi nghe vậy, nhưng quả thực trong lòng tôi không muốn có sự phân biệt. Nhân đây tôi nói trước, hai người nay mai sẽ được bổ dụng, nhưng làm gì thì làm chứ tôi chọn thủ khoa Lê Văn Thịnh làm sư phó cho nhà vua rồi đấy.

- Thần tuân chỉ, đa tạ hoàng thái hậu đã ban hồng ân, - Lê Văn Thịnh vừa vái vừa nói.

Sau cuộc gặp lại những người thân vừa vượt qua cửa ải khó gấp ngàn lần cá vượt Vũ môn, bà Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan như trẻ lại, bà cười nói hồn nhiên

như chưa hề có chuyện Lý Thánh tông qua đời, cũng như chưa hề có chuyện bà xuống tay tàn bạo khiến bảy mươi ba người thiệt mạng trong đó có Thượng Dương hoàng thái hậu.

Lại nói Thái sư Lý Đạo Thành được triều đình triệu hồi từ châu Nghệ An về Thăng Long, lại ban chức Thái phó bình chương quân quốc trọng sự. Tức là ông đứng dưới quyền của Lý Thường Kiệt. Thường Kiệt hiện đang giữ hai chức đứng đầu hai ban văn võ là Thái sư và Thái úy.

Tuy vậy, theo như chiếu mệnh thì ông được toàn quyền tham gia bàn bạc các việc quan trọng của nước, kể cả việc binh nhung.

Lý Thường Kiệt tự biết các quan trong triều không phục mình, nhất là các quan văn và giới nho học trong nước, vì vậy ông chỉ giữ hờ chức thái sư vì thể diện, còn các quyền về nội trị ông giao hết cho Thái phó Lý Đạo Thành điều hành. Tiếng rằng giữ quyền Tướng quốc, nhưng ít khi Lý Thường Kiệt ra vào Phủ Thái sư.

Lý Đạo Thành từ khi lo tổ chức được khoa thi Minh kinh bác sĩ và lấy đỗ được mấy vị chân tài, tiếng tăm ông lại nổi khắp nước. Tuy lấy đỗ ít, song đây là lần đầu, khoa thi đầu tiên Lý Đạo Thành muốn làm chặt chẽ để kén các bậc chân tài làm gương cho các bước đi kế tiếp.

Kẻ sĩ trong nước thấy mình đang có cơ hội tiến

thân, vì vậy cái khí thế học hành trong cả nước trở nên sôi động. Số người được kén vào quốc học viện trước đây chỉ lác đác vài chục, nay đã lên con số trăm và vẫn còn đang tuyển chọn.

Phải nói từ sau khi Lý Đạo Thành trở lại chấp chính và từ sau khoa thi, tình hình trong nước đã đi vào ổn định, lòng dân có phần phấn chấn tự hào, và dường như mọi người cũng cho qua nếu không muốn nói là đã lãng quên vụ án Ý Lan giết bảy mươi ba người vô tội.

Triều đình bắt đầu bổ dụng các vị tân khoa. Nguyễn Sĩ Thoại được bổ làm Khu mật sứ đưa về Khu mật viện. Lê Văn Thịnh được bổ chức tư phó vào cung hầu giảng cho vua học. Ít lâu sau Lê Văn Thịnh lại xin cho Hoàng Minh Tú được nhận chức phụ giảng trong nhà Quốc học viện.

Buổi đầu tiên vào hầu giảng nhà vua, Lê Văn Thịnh tiếp xúc với một cậu bé mười tuổi có thân hình mảnh khảnh nước da xanh lợt. Nom tướng mạo thì ra đáng lắm. Mắt sáng, trán cao, tay dài với những ngón thon thon như búp măng. Thầy chưa dạy mà chỉ xem các sách vở nhà vua đã học. Sau đó ông tìm hiểu các sở thích của nhà vua. Vua thích nhất là chơi đế chơi, cậu dẫn thầy giáo cho xem hăm đế chơi mà cậu vẫn giấu mẫu hậu; thích đá cầu, cũng thích thả diều sáo, nhưng cậu chỉ chơi được loại diều nhỏ đeo sáo còi. Cậu thích lớn lên sẽ chơi loại diều to với sáo công thả ngoài trời

suốt đêm trắng. Cứ ba bốn chiếc diều như vậy thả lên trong đêm khuya nghe như cả một dàn nhạc trời đang hòa tấu.

Sư phó Lê Văn Thịnh nói với vua nhỏ:

- Bệ hạ hãy bắt ra hai con đế chọi hay nhất thử cho nó chọi xem có hay không.

Nhà vua lúi húi vào góc nhà lôi ra hai chiếc hộp tre và tự tay bắt ra hai con đế chọi.

Vua tôi, thầy trò ngồi xem đế chọi một lúc lâu Lê Văn Thịnh liền đứng dậy nói:

- Bệ hạ nom đây, xem thần ra những thế võ có giống võ của nhà đế chọi không nhé.

Lê Văn Thịnh lúc thì lắc lư tay chân mềm mại, lúc lại gồng người đi từng miếng y hệt mấy con đế chọi nhau. Nhà vua thích quá reo to:

- Đúng quá! Đúng quá! Đúng võ đế đấy.

- Bệ hạ có muốn học võ dê, thần xin được truyền dạy.

- Ông dạy ta thật nhé, ta thích học võ hơn là học sách, cứ nhai nhái nhai nhái đến buồn ngủ mất.

Sau buổi đầu làm quen, Lê Văn Thịnh đã quyến nhà vua ham thích võ thuật, cơ thể nhà vua dần săn chắc, ăn uống ngon miệng chứ không bị đám a hoàn tì nữ phải nài ép.

Phần nhiều thời gian học võ ngoài vườn thượng uyển hoặc dưới tán rợp của những cây vả, cây nhãn

hoặc cây thị. Khi ngồi nghỉ sau mấy bài luyện võ, Lê Văn Thịnh lại nói về thân thể sự nghiệp của các bậc thánh nho rồi dẫn vào bài học, thầy trò bàn bạc hỏi han thật là thích thú, tới khi vào nhà học theo sách, thuần những thứ thầy đã gợi mở lúc học võ ngoài trời, nhà vua trở nên mạnh dạn và tiếp nhận bài học một cách dễ dàng, hứng thú. Sau một tháng hầu giảng, Lê Văn Thịnh đã cho nhà vua xem các trận đá đế, đá gà và khi đấu nhau rồi ông soạn thành các bài “đế quyền”, “kê quyền”, “hầu quyền” để dạy vua.

Nhà vua thích thú hỏi:

- Thầy giáo à, vậy ta phải học võ từ các loài vật sao?
- Tâu, đúng như vậy.
- Thế thì loài vật giỏi hơn loài người à?

Lê Văn Thịnh cười vui:

- Tâu, loài vật đánh nhau là chúng tự vệ theo thói quen bản năng của từng giống loài. Nhưng chúng chỉ có bằng ấy miếng thịt, lần nào đánh nhau cũng lại giở các miếng cũ ra dùng lại chứ chúng không có khả năng để tăng thêm sức mạnh cho chính nó. Trái lại loài người đứng đầu muôn loài, vì có trí tuệ nên biết thu dụng không chỉ những điều hay của đồng loại, mà còn biết khai thác cả bản năng tự nhiên của loài vật để làm tăng thêm sức mạnh cho mình nữa. Bệ hạ chẳng thấy cái bài “đế quyền”, “kê quyền”, “hầu quyền” có thể công thủ vừa mềm mại, uyển chuyển vừa có khả năng khống chế

đổi phương lợi hại đến mức nào. Việc đó chỉ loài người mới làm được thôi.

Nhà vua gật đầu khen:

- Ông thầy nói đúng quá. Càn Đức đâu có biết nhiều như thầy.

Nhà vua trở nên quyển luyện thầy học, không chỉ thích học võ mà còn ham học văn nữa. Bây giờ không chỉ học thụ động mà còn biết hỏi nữa. Hỏi trong bài học, hỏi ra ngoài bài học.

Chỉ sau ba tháng học hành với thầy Lê Văn Thịnh, nhà vua đã trở thành một con người khác. Thân hình vạm vỡ hẳn ra, cao vống lên, ăn nói chững chạc chứ không éo lá theo cung cách của đám nữ tì, đám cung nữ nữa.

Lê Văn Thịnh không chỉ là người kiêm thông văn võ mà ông còn là bậc quán thông. Ông từng nói với Linh nhân hoàng thái hậu phải đào tạo nhà vua trở thành bậc văn võ toàn tài, lầu thông tam giáo¹, cửu lưu². Có như thế nhà vua mới thu nạp được hiền tài, mới sử dụng được nhân tài vào việc ích quốc lợi dân, mới đưa đất nước từ yên thịnh lên cường thịnh.

1 Tam giáo là ba dòng đạo: Phật, Nho, Lão.

2 Cửu lưu là chín học phái của Trung Hoa cổ đại gồm: Nho gia, Đạo gia, Pháp gia, Âm dương gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Danh gia, Nông gia, Tạp gia.

Linh nhân hoàng thái hậu hoàn toàn tin tưởng và giao phó việc huấn hõ nhà vua cho sứ phó Lê Văn Thịnh.

Khấp kinh thành bàn tán râm ran chuyện đô thái giám Đỗ Khánh Thập cùng bè đảng họp bàn sắp đưa hàng loạt các thái giám vào nắm các cơ quan then máy. Tin ấy lại được người đời bàn tán thêm vào, rằng Lý Thường Kiệt vốn là một thái giám, nay đứng đầu hai ban văn võ lại tự mình cầm quân thì việc ông ta lật triều đình dễ như trở bàn tay.

Tin đồn ấy không chỉ đến tai Lý Thường Kiệt mà Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan còn được tường trình đầy đủ buổi các thái giám đến chúc tụng tại dinh đô thái giám Đỗ Khánh Thập, những ai nói gì, Khánh Thập nói gì, tất thấy đều đến tai bà hết.

Linh nhân thái hậu giật mình kinh sợ về sự lợi hại, cả sự nguy hiểm của con cáo già này. Thì ra chỉ vì Thượng Dương cất tiền thưởng cho y mà y thù hằn rắp tâm làm hại. Ý Lan nhớ khi mới vào triều đều hết sức canh chừng lũ thái giám, vì bà được cảnh tỉnh từ thời thơ ấu qua các câu chuyện kể về lũ người này. Lớn lên đọc các sách truyện Trung Hoa càng thấy kinh tởm lũ họ. Bà nhớ lại và xâu chuỗi lại bắt đầu từ khi mang thai Càn Đức, Đỗ Khánh Thập đã mon men tới. Nhất từ khi sinh được Càn Đức thì sự tận tâm của y khiến ta cảm động, và những thành kiến về đám thái giám dần được

giữ bỏ. Ngay việc đem ta đến với Lý Thường Kiệt cũng là do mưu của y đấy chứ. Từng việc, từng việc nhớ lại đều có bàn tay y len lỏi. Nay y công khai các việc tà trời đó ra với lũ thái giám lại hứa hẹn sẽ đưa chúng vào các cơ quan then máy quốc gia.

Như vậy là y đã từ thao túng chuyển sang lộng hành. Chắc y coi ta như lá bài trong tay nên mới dám khinh xuất làm vậy.

Tên này thật là táo tợn và cũng thật là nguy hiểm.

Ngẫm nghĩ giây lát Ý Lan không khỏi kinh sợ vì rằng Đỗ Khánh Thập đã mưu toan điều hành ta, sử dụng ta chứ không cam chịu là kẻ bề tôi tông phục nữa. Chỉ vì vài nén bạc thưởng mà y bán chủ, nay nếu được giá cao thì y ngại gì không bán ta. Và lại việc này nếu vỡ lở thì danh dự ta khó toàn, ngay cả Lý Thường Kiệt cũng khó tránh. Nghĩ vậy, bà cho triệu gấp quan Thái tử vào cung.

Lý Thường Kiệt vừa vái lạy, Ý Lan đã vội hỏi:

- Ông biết cả kinh thành đồn âm lên về chuyện đô thái giám Đỗ Khánh Thập rồi chứ?

- Tâu, thần có nghe và đã cho người đi giám xét.

- Hư thực thế nào, ông nói lại ta nghe.

- Tâu, gần đúng như nhời đồn đại.

Hai người đều im lặng và cùng tự thấy mình có dính líu vào các điều mờ ám, nếu cứ để nó loang ra thì

danh tính sẽ bị bôi nhọ trát bắn.

Phá vỡ sự im lặng, Ý Lan hỏi:

- Ông thấy thế nào?

Lý Thường Kiệt đáp luôn:

- Tâu, Đỗ Khánh Thập đáng tội chết.

- Ta y theo lời ông. Phải giết nó càng sớm càng tốt.

Vậy là trong thâm tâm hai người trước khi gặp nhau, họ đã có chủ ý phải trừ khử Đỗ Khánh Thập.

- Tâu, xin thái hậu cho ý chỉ, ghép y vào tội nào?

- Điều ấy sao ông còn phải hỏi. Tội hợp bè đảng mưu phản nghịch chứ còn tội gì nữa.

- Hoàng thái hậu thật là sáng suốt. Nhưng chỉ giết một mình Đỗ Khánh Thập hay giết cả lũ chúng.

- Ông nên biết, nếu bây giờ giết hết lũ chúng sẽ gây chấn động nhân tâm cả nước. Giết một thằng Thập để làm gương răn lũ chúng thôi.

- Tâu, cho y hưởng án treo cổ hay án chém ạ?

- Tứ mã phanh thây, để “sát nhất nhân vạn nhân cụ”¹.

- Tâu hoàng thái hậu, theo bộ Hình thư năm Nhâm Ngọ (1042) thời các việc hành hình man rợ ấy đều không có. Tâu, nó đã được bãi bỏ từ thời đức Thái tổ triều ta.

- Ông không lo, ta sẽ nói giùm hoàng thượng gia

¹ Giết một đứa, để hàng vạn đứa khác phải khiếp sợ

ân cho Đỗ Khánh Thập. Và cũng là để ứng với lời y thề thốt: “Nếu thần ăn ở hai lòng sẽ nhận cái chết không toàn thây”.

Việc hành hình man rợ đô thái giám Đỗ Khánh Thập tuy có làm cho lũ thái giám khiếp nhược, nhưng lại bùng lên một tin dữ khác, rằng giết Đỗ Khánh Thập là nhằm bịt đầu mối, che giấu tội ác.

Nhờ đôn sẽ động lại sẽ âm ỉ mãi nếu các điều xấu cứ luôn được tiếp diễn. Cũng may mà triều đình đã biết dừng lại, tức là những người có manh tâm đã biết dừng lại, và đang dần đi vào con đường chính đạo mà khoa thi vừa rồi là một bước đi hợp lòng dân, được lòng kẻ sĩ.

Điều hết sức bất ngờ là Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành vừa nhận được thư gửi từ thành Ung Châu nhà Tống. Đó là thư của Từ Bá Tường, một nhà đại khoa bảng, đỗ tiến sĩ từ thời Tống Nhân tông nhưng không được trọng dụng. Lý Đạo Thành không tự tiện mở thư mà ông đưa trình Lý Thường Kiệt.

Mọi người cứ tưởng rằng Lý Đạo Thành là bậc quốc sĩ đang giữ chức Thái sư đầu triều tụt xuống hàng Thái phó, đứng sau Lý Thường Kiệt là một võ tướng lại xuất thân hàng quan thị thì vị tất ông đã chịu tòng phục, và vì thế mà không thành tâm cộng sự.

Gặp ai nói vậy, Lý Đạo Thành chỉ cười nhạt – Ta

sinh ra không phải chỉ để làm quan đầu triều. Vì thế khi ở ngôi tướng quốc nắm quyền đại chính của cả nước, ta không hãnh diện coi đó là niềm hiên vinh, lại khi bị giáng xuống hàng thị lang rồi đi coi một châu Nghệ An bé tẹo, ta cũng không lấy đó làm điều sỉ nhục. Theo ta, con người chỉ nhục khi ở chức mà không xứng chức, ở địa vị được giao mà không làm tròn trách phận được giao, một đời hành hoá là một đời hại nước, hại dân thời đó mới là mối nhục để đời.

Lý Thường Kiệt dỡ lá thư từ tay Lý Đạo Thành, ông ngắm nghĩa nét chữ, thoáng chút phân vân rồi hỏi:

- Xin tiên sinh thứ lỗi, chẳng hay quan hệ giữa tiên sinh với người này thế nào? Tôi thấy cái tên hơi quen quen. Hình như ông ta cũng là người có chân khoa bảng thì phải.

Lý Đạo Thành chau vầng trán như cố nhớ lại sự việc bắt nguồn từ đâu. Một lát ông nói:

- Khoảng giữa năm Canh Tý (1060) châu mục Lạng Châu là phò mã Thân Thiệu Thái đem binh vào huyện Như Ngao nhà Tống để bắt bọn người trong châu bị người Tống dụ dỗ chạy sang đất Tống. Nhân chuyện đó bắt cả một số dân Tống, lại bắt cả trâu bò lừa ngựa của họ đưa về, bắt luôn cả viên chỉ huy sứ Dương Bảo Tài đưa về nước. Cuối năm đó phía nhà Tống mới ta sang Ung Châu thương nghị. Tiên đế cử viên ngoại lang Phí Gia Hựu cầm đầu phái bộ Đại Việt. Khi Bùi Gia Hựu trở

về có đưa tôi bức thư làm quen của Từ Bá Tường. Ông ta người đất Mân (Phúc Kiến) đỗ Tiến sĩ, làm một chức quan nhỏ ở Ung Châu. Tôi có trình lại tiên đế. Người dụ bảo: “Khanh cứ giữ lấy mối quan hệ biết đâu chẳng có khi cần đến người này”.

- Mười lăm năm qua tôi và ông ta cũng có đôi lần thư từ thăm hỏi nhau, có cả làm thơ tặng nhau gọi là một chút giao tình chứ thực hai bên cũng không có nhờ vả gì nhau. Thư từ gửi cho nhau đều qua các sứ đoàn của ta đi về. Mỗi lần nhận thư của ông ta, tôi đều có trình lên hoàng thượng. Nhà vua ngự lãm xong tôi đều lưu trong nhà tàng thư của Khu mật viện, nếu quan thái tử muốn xem chắc cũng dễ tìm.

Trước sự phân giải minh bạch của Lý Đạo Thành khiến Lý Thường Kiệt trở nên khó xử, cử chỉ ông hơi lúng túng, ông nói:

- Tôi vụng về thô lỗ xin tiên sinh tha lỗi. Tôi có biết sơ qua về con người này, cả sự ông ta bất như ý với triều đình vì không được trọng dụng. Nên tôi chỉ muốn biết quan hệ của tiên sinh với ông ta để nếu có thể được, tôi muốn thông qua Từ Bá Tường để biết rõ nội tình triều đình Tống. Và cũng muốn biết việc Tống Thần tông và Vương An Thạch sắp đánh Đại Việt là tin thật hay chỉ là một sự hóa mu để dò thăm thái độ của ta.

- Tôi không để ý đến những việc ấy, xin quan Thái tử chớ băn khoăn. Tốt nhất ngài cứ bóc thư xem ông ta nói gì.

- Đây là thư riêng của tiên sinh, Thường Kiệt này đâu dám xâm phạm. Nói xong, Lý Thường Kiệt trao lại lá thư cho Lý Đạo Thành.

Lý Đạo Thành đỡ lấy lá thư và nói:

- Từ Bá Tường gửi thư này cho tôi, nhưng nó không phải là của riêng tôi, nhất là trong lúc có tin nhà Tống sắp đánh ta. Vậy tôi xin bóc thư trước quan Thái tể và ta cùng đọc.

Nói xong Lý Đạo Thành liền xé mép phong thư lấy ra một tờ giấy viết tới vài trăm chữ. Lý Đạo Thành đọc nhanh rồi đưa cho Lý Thường Kiệt.

Càng đọc gương mặt Lý Thường Kiệt càng tươi tỉnh. Bỗng ông reo:

- Trời giúp ta! Tiên sinh ơi thật là trời giúp ta! Người của ta từ bên đó đưa tin về, nhà Tống đang dồn quân về Quảng Châu, Ung Châu ngày đêm luyện tập quân thủy, quân bộ, có dấu hiệu sẽ đánh Đại Việt. Tôi đang cho người đi kiểm xét tin này thì Từ Bá Tường khuyên ta: *"Không nên ngồi chờ người ta đến đánh mình. Sao không đánh trước đi để giành thế chủ động"*. Từ Bá Tường quả có con mắt của một bậc trí tướng. Chính tôi cũng toan tính việc này.

- Tiên sinh, còn điều này liệu ta có thể tin Từ Bá Tường được không. Tiên sinh nhìn đây. Lý Thường Kiệt chỉ vào hàng chữ: *"Lúc nào quân Đại Việt sang đánh, Bá Tường này xin làm nội ứng"*.

Lý Đạo Thành có vẻ băn khoăn, một lát sau ông chậm rãi:

- Nói thật với quan Thái tử, tôi không tin nhân cách con người này. Nếu dùng ông ta cứ lấy lợi mà nhử, nhưng phải cẩn trọng lắm, một khi vì lợi, y dám bán cả Tổ quốc thì không một việc đê tiện nào y không làm được.

- Tiên sinh dạy chí phải, hầu hết những người Tống làm gián điệp cho ta đều vì lợi, tôi chưa gặp ai vì nghĩa mà giúp ta. Tôi đang gắng tìm xem từ trước tới nay những người Tống vì lợi giúp ta xem có ai hai mang để lừa ta không, vẫn chưa tìm thấy. Còn như Từ Bá Tường viết thư này liệu có phải ông ta vì nghĩa lớn chăng?

- Chẳng phải thế đâu thưa quan ông, nếu ông ta chỉ báo tin Tống triều đang hội quân đánh ta, nên đề phòng thì tôi tin ông ta vì nghĩa. Nhưng ông ta lại nói, nếu ta đánh sang thì ông ta sẵn sàng làm nội ứng thì đâu còn vì nghĩa nữa mà vì lợi đấy.

- Những điều ông ta viết trong thư, theo tiên sinh, đó là thực hay là hư. Bởi trong binh pháp hư hư thực thực khó tin lắm.

- Cứ như ngu ý của kẻ què hèn này thì thư ấy ta có thể tin Từ Bá Tường đến tám chín phần.

- Tiên sinh nói vậy còn một hai phần đáng ngờ ấy là ở chỗ nào?

- Là cái chỗ hư hư thực thực trong binh pháp như

quan thái tử vừa nói đó.

- Đa tạ, lời dạy của tiên sinh làm tôi tỉnh ngộ. Nhân đây tôi xin nói mọi việc có quan hệ đến thế nước để tiên sinh nắm được, rồi ta cùng bàn bạc để đi đến quyết sách đúng đắn.

Lý Đạo Thành từ sau vụ thái hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ bị bức hại, ông luôn có ý đề phòng. Nhân Lý Thường Kiệt chỉ muốn bàn trong hai người rồi đi đến quyết sách, ông hơi ngờ, nên nói luôn:

- Bàn các việc trọng đại có liên quan đến thế nước rồi đi đến quyết sách, sao quan thái tử không mời Linh nhân hoàng thái hậu đến cùng nghe.

- Tiên sinh còn lạ gì, hiện Linh nhân hoàng thái hậu đang giữ quyền nhiếp chính, nắm ngôi chủ tử nhưng nếu để bà nghe các việc sợ bà rồi trí sẽ làm hỏng việc lớn.

Lý Đạo Thành giật mình tự nghĩ: “Trước ta cứ nghĩ vụ án Thượng Dương là do ông ta bị cuốn vào, song bằng vào những điều ông vừa nói thời có thể nghĩ, ông ta là kẻ chủ mưu”.

Thấy Lý Đạo Thành vẫn có ý lắng nghe, Lý Thường Kiệt nói tiếp:

- Tôi phải nói thật với tiên sinh, người Tống sắp đánh ta đến nơi rồi đấy. Hiện nay các chợ biên thùy họ đã cấm không cho người Tống đem hàng sang bán hoặc mua hàng của các thương lái bên ta. Cũng cấm luôn cả người của ta sang bên đó mua hàng hoặc bán hàng. Các

thuyền đánh cá của người mình đánh ở ven biển Trung Hoa thường đem cá vào sâu đất liền bán rồi thu lượm tin tức, nay họ cấm không cho vào nội địa mà chỉ được phép bán cá ngay trên bên. Lại mới đây Lý công tử có thư cấp báo từ Vân Đồn về, người Tống đang tụ binh ở Lương Quảng, thủy binh, bộ binh tập thành ráo riết lắm. Số quân đông tới trên mười vạn, lương thực chở về Ung Châu suốt ngày đêm. Còn ở Quảng Châu, hiệu thuốc Quảng Minh Đường quy tụ các đầu mối tin tức của ta bị lục soát. May mà chúng không thu giữ được một tang vật gì làm bằng chứng. Nhưng số bạc chúng cướp đi mất hơn một ngàn thỏi, lại giữ Quảng tiên sinh mất một ngày đêm. Sau chúng biết tiên sinh là bạn của Âu Dương Tu, lại vì tiên sinh từng chữa bệnh cho các nhân vật nổi tiếng của người Tống nên chúng cũng ngại.

Nghe danh Quảng tiên sinh và Âu Dương Tu, Lý Đạo Thành tươi tỉnh hẳn lên, ông nói:

- Cũng may chúng không tìm được manh mối tung tích Quảng tiên sinh là người Đại Việt. Kể cũng khó vì tiên sinh học rộng, y lý, được lý vào hàng thượng thừa, tư thế ung dung, nói năng đĩnh đạc lại kết thân được với nhiều bậc danh sĩ người Tống nên vỏ bọc dày lắm. Nghe danh Âu Dương Tu không một người Tống nào không kính trọng... Lý Đạo Thành thầm nhớ dưới thời Tống Nhân tông (1033 - 1063) Tể tướng Phạm Trọng Yêm là người chủ trương canh cải xã hội bị đám cự

phái làm khó, sau ông phải từ chức, Hàn Kỳ biện hộ cho Phạm Trọng Yêm cũng bị biếm. Triều đình nhiều người ám ức mà không dám lên tiếng, duy có quan Gián nghị đại phu Âu Dương Tu dâng sớ lên Tống Nhân tông cáo giác rằng: "Từ xưa tới nay, kẻ xấu hãm hại người tốt đều vu cáo họ bè nọ đáng kia, chuyên quyền độc đoán. Phạm Trọng Yêm là tài năng đích thực của quốc gia thế mà vô cớ bị bãi nhiệm. Nếu nhà vua tin theo lời kẻ xấu mà bãi truất hiền tài thì chỉ khiến cho chúng dương dương tự đắc, kẻ thù vui mừng, còn thế nước vì vậy mà yếu suy..." Thâm nhớ lại các việc mà chỉ danh sĩ Âu Dương Tu mới đủ dũng khí nói ra. Và đó cũng là điều mà Lý Đạo Thành tâm đắc. Tuy nhiên, nể mặt Lý Thường Kiệt vì đã biết phục thiện nên ông cố nén ghim ở trong lòng. Và ông lái câu chuyện về hương cũ: - Thật ra nhà Tống trước sau cũng xâm lược ta không nằm ngoài dự liệu của tiên đế. Chắc quan Thái tử còn nhớ, hồi năm Kỷ Dậu (1069) tiên đế thân chinh phạt Chiêm, người đã nói: - Đánh Chiêm Thành là để rảnh tay đối phó với nhà Tống. Vì Tống xúi giục Chiêm Thành cầm chân ta ở mặt nam để Tống dễ bề nuốt ta. Trước đó tiên đế có sai tôi tổ chức một lưới gián điệp dân sự chìm sâu vào đất Tống. Tôi có sai huấn dạy một số người giả làm sư tăng, phần đông họ có học vấn lại có nghề, cả chữ nghĩa, tiếng tăm đều thông thạo nên đưa vào các chùa lớn bên đó cũng không khó. Và lại các bậc danh tăng thường được triều đình trọng thị, nên việc ra vào kinh

thành diện kiến vua quan không có gì trở ngại. Các nhà sư của ta thường được gài vào làm đệ tử của các đại lão hoà thượng, nên tiếp cận được các nguồn tin quan trọng. Cách đây mấy năm tôi đã giao hết các đầu mối sang Phú Thái úy, chẳng hiểu các đầu mối đó nay có còn dùng được nữa không.

Nghe Lý Đạo Thành hỏi lại đôi điều, Lý Thường Kiệt nhớ các đầu mối gián điệp được Phú Thái sư cài cắm tới nay vẫn nguyên vẹn, chưa hề bị người Tống phát giác một đầu mối nào. Và tin tức họ lấy về thường là chính xác và có giá trị cao. Thế mới biết Lý Đạo Thành là bậc trí nhân đã làm việc gì là chắc việc đó. Ngay cả cuộc thi Minh kinh bác sĩ vừa rồi, nếu không là ông ta giữ vai chủ khảo, khó mang lại thành tựu và tiếng tăm trong giới sĩ phu như vậy.

Lý Thường Kiệt liền bắt vào ý của Lý Đạo Thành:

- Thưa tiên sinh, tuy thu về một đầu mối quản thú, nhưng tôi vẫn để hai hệ thống cho nó rộng đường thu lượm tin tức. Duy nhất hiện nay chỉ có các nhà sư là người Tống chưa ngờ vực tới, nên vừa rồi tôi lại đưa sang vài chục người nữa. Tiên sinh vừa nhắc cái ý tiên đế có tiên lượng việc người Tống trước sau cũng đánh ta. Quả tiên đế là bậc thượng tri. Nay việc đó đang đến gần. Tôi định bàn với tiên sinh về kế sách chống giặc. Một là ta chuẩn bị lực lượng thật đầy đủ, sẵn sàng đợi giặc đến lúc nào, đánh lúc đó. Hai là cũng lực lượng ta

chuẩn bị đó, thay vì chờ giặc đến mới đánh, ta chủ động đánh giặc ngay trên đất của chúng. Vậy theo tiên sinh nên như thế nào thì hơn.

Lý Đạo Thành niêm nở đáp lời:

- Quan Thái tổ trong cầm quyền đại chính, ngoài coi sự lữ sao lại hỏi kẻ chưa bao giờ chỉ huy quân thứ. Việc này theo tôi phải cân nhắc kỹ lắm. Tôi chỉ xin nói về tầm ảnh hưởng của nó hơn là nói về nó. Tức là chiến tranh. Chiến tranh là một hạ sách, chỉ khi nào không có thể cứu vãn được bằng các giải pháp khác mới phải dùng đến chiến tranh. Giữa lúc này ta với Trung Hoa ví như hai người bạn đang chán nhau, đang có bất đồng sâu sắc, thể hiện một tình bạn tồi. Nhưng nếu chiến tranh nổ ra dù là bên nào châm ngòi trước đều biến thành kẻ thù của nhau, giết nhau, phá nhau không thương tiếc. Và nhân dân cả hai nước là những người đầu tiên phải gánh chịu mọi bất hạnh do chiến tranh đem lại. Cho nên, theo tôi thà duy trì một tình bạn tồi còn hơn trở thành kẻ thù của nhau. Hơn nữa châm ngòi cho cuộc chiến thì dễ chứ kết thúc nó lại không dễ đâu, không theo ý riêng mình được đâu.

Ngừng lời, Lý Đạo Thành nhìn ra ngoài trời lát phát mưa. cơn mưa mùa hạ bỗng ào đến nhanh như chớp. Mưa ào ào, gió đánh vật vờ mấy cành nhẵn dẻo quẹo, gió bẻ mấy cành khế giòn lác rắc gãy. Đột ngột gió ngừng, mưa tạnh, bầu trời quang quẻ xanh lại màu

xanh bình dị. Cơn mưa chợt đến chợt đi tựa như một cô gái đồng danh khó tính đã gieo vào lòng Lý Đạo Thành một nỗi buồn khó tả.

Ông chậm rãi: Nếu vạn bất đắc dĩ không thể cản được cuộc chiến nổ ra thì ta có hai hình thức lựa chọn như quan thái tử đã nói. - Mắt lim dim như người vừa nhập thiền, Lý Đạo Thành nói tiếp. - Chiến tranh nổ ra thuộc về đất bên nào, thì dân bên ấy chịu thiệt hại nhiều nhất. Tuy nhiên, một khi đã đem quân qua đất địch, quân viễn chinh phải hội được mấy điều:

- Một là việc cất quân phải dựa trên chính nghĩa bảo vệ giang san nòi giống khiến cho sĩ khí thêm hăng hái, phấn khích, sẵn sàng dấn thân vào chốn nguy họa để lập công.

- Hai là sức quân mình phải mạnh, phai o thê áp đảo so với quân địch.

- Ba là quân đi phải thần tốc.

- Bốn là đánh vào chỗ địch không ngờ nhất.

- Năm là tướng với quân phải có tình yêu thương như cha con, chia ngọt sẻ bùi, phải biết quý máu xương sĩ tốt.

- Sáu là khi quân đi xa, hậu phương phải thật sự yên ổn.

- Bảy là sau khi đã đạt được mục tiêu chinh phạt phải nhanh chóng rút về, chớ có ham đi sâu vào đất

giặc, e rằng sẽ không có đường về.

Lý Đạo Thành nhìn sâu vào mắt Lý Thường Kiệt lại nói:

- Một bậc trí tướng như ngài, tôi mạo muội nói các điều trên khác nào một người dốt khoe chữ, mong được đại xá.

- Ô không, không phải vậy đâu thưa tiên sinh. Bất cứ một người làm tướng nào cũng biết được các điều tiên sinh vừa dạy. Nhưng đưa các điều đó vào trong trận mạc để giành chiến thắng thì không phải người tướng nào cũng làm được. Trong bảy điều tiên sinh nhắc nhở, Thường Kiệt này có thể làm được sáu điều. Duy có một điều Thường Kiệt bó tay, nhưng nếu không làm được điều đó thì cũng không dám đem quân đi xa.

- Điều gì vậy quan Thái tể, chẳng qua tôi cũng chỉ là một thứ cao đàm khoát luận thôi, xin đừng chấp với người già vừa lú lẫn lại vừa lảm lời, - Lý Đạo Thành nói và ông có phần lúng túng.

- Không phải vậy đâu tiên sinh, ngài là hiện thân của bậc nho giả chân chính, ngài cũng là tấm gương của một bậc nhân giả để người trong nước soi vào. Vừa rồi ngài có đưa ra bảy việc bảo đảm cho một đoàn quân viễn chinh giành được chiến thắng. Tôi xin bảo đảm làm được sáu điều, duy có một điều quan yếu vào bậc nhất phải nhờ vào tài đức của tiên sinh, nếu ngài nhân giúp cho chúng ta mới có thể bàn đến việc đưa quân ra

khỏi côi hoặc chỉ chờ giặc ở biên thù. Ấy là việc thứ sáu ngài vừa nêu: “*Khi quân đi xa, ở hậu phương phải thật sự yên ổn*”.

- Quan Thái tể đánh giá tôi quá cao khiến tôi thêm tổn thọ. Nếu Linh nhân hoàng thái hậu và quan Thái tể không cho người già là đồ bỏ mà giao trọng trách, tôi đâu dám từ nan, chỉ có điều làm được tới đâu là còn nhờ vào hồng phúc của nước ta và cái đức của hoàng thượng chứ quả thực tôi không có tài cán gì cả.

- Vậy thì tiên sinh nhận ở Thường Kiệt này một lễ.

Nói xong, Lý Thường Kiệt liền đứng dậy vái Lý Đạo Thành một vái.

Lập tức Lý Đạo Thành vái đáp lễ.

Lý Thường Kiệt nói thêm:

- Quyền đại chính từ nay hoàn toàn thuộc về tiên sinh, xin đừng nghi kỵ nhau nữa, có như vậy Thường Kiệt tôi mới rảnh tay đối phó với quân Tống.

Từ bữa ấy Lý Thường Kiệt ráo riết lấy các đại hoàng nam đã được rèn tập thuần thực lập thành từng đò, từng quân, lại dồn các quân đã huấn hễ quen thạo đưa dần ra bắc thù. Quân thủy cũng dồn về Vân Đồn đóng giữ, hàng ngày tập luyện và đôi khi cho cả một hải đoàn gồm hàng trăm thuyền lớn nhỏ căng buồm chạy thẳng ra vùng Vĩnh An, tới tận Mũi Ngọc rồi mới quay lại. Đáng kể còn có đội tượng binh gần một trăm thốt voi với gần ba ngàn quân chuyên dùng vào việc

công phá thành trì.

Lý Thường Kiệt đang hăm hở lo việc kháng Tống thì có tin cấp báo từ nam thù: “Chiêm Thành đi đường bẻ đổ quân lên bờ cướp phá châu Nghệ An”.

Lý Thường Kiệt liền sai tướng chạy ngựa lưu tinh vào Thanh Hóa lấy năm ngàn quân tăng viện cho Nghệ An, phải dẹp bằng được quân Chiêm để giữ yên nam thù. Viên đại tướng vừa vào tới Thanh Hóa thì được tin quân Chiêm đã bị đánh tan và tháo chạy ra biển.

Lý Thường Kiệt lại sai tướng đi dụ bảo đầu lĩnh các man động như Lưu Kỷ ở Quảng Nguyên, Hoàng Kim Mãn ở Môn Châu, phò mã Thân Cảnh Phúc ở Lạng Châu, Vi Thủ An ở Tô Mậu... phải lo chấn chỉnh binh bị, lương thảo, khí giới túc trực ngày đêm phòng quân Tống bất ngờ đánh sang.

VI

Thái Diên Khánh làm quan ở đất hoạt xem xét, kê cứu chính sách “Ngụ binh ư nông” của nhà Lý chia quân đội làm hai loại: chính binh và phiên binh, xét thấy có nhiều điều hay, có thể ứng dụng cho binh Tống, ông bèn viết thành sách, gọi là An Nam hành binh quân pháp. Trong đó nói về mọi mặt từ nguồn binh lực dồi dào ít tốn kém đến chế độ tập luyện và hành binh tác chiến cùng các khí cụ chiến tranh. Ông lưu ý đến việc nước Tống hiện dùng chế độ chính binh quá đông, gây tốn kém vô vàn cho quốc khố, và người dân thì khổ vì cái nạn phải đi lính, khổ vì phải đóng thuế nuôi quân. Sách ấy biên chép thành từng chương mục, phân ra từng môn loại rồi đem dâng lên vua Thần tông.

Tống Thần tông xem xong lấy làm đẹp ý, lập tức ban khen cho Thái Diên Khánh. Lại nhân việc vừa triệu Vương An Thạch từ Giang Ninh về để trao cho ông chức Tể tướng, nhà vua liền đưa cho Vương An Thạch

và nói:

- Khanh xem có phải vì việc tổ chức binh bị như thế này nên nước Nam mạnh không?

Vương An Thạch liếc mắt lướt qua mấy chương rồi nói:

- Nam man học đòi, bệ hạ khỏi bận tâm.

- Khanh chớ coi thường tứ di¹. Hiện nay Tây Nhung tạm lắng vì hằng năm ta cho nó một khoản lớn lụa và bạc nén nên Tây Hạ mới chịu yên. Còn như Bắc địch (nước Liêu) hiện đang gây khó khăn cho triều đình, vì vậy trăm mới phải triệu khanh về.

- Tâu, thế “Minh ước Thiên Uyên” có còn giá trị không? - Vương An Thạch hỏi.

- Sao không còn giá trị. Mỗi năm ta vẫn phải cho nước Liêu hai mươi vạn tấm lụa và mười vạn lạng bạc chứ có ít đâu.

- Minh ước đã xác định, hằng năm triều Tống cung cấp đủ số lụa và bạc trên thì nước Liêu không được quấy rối biên thùi hoặc sách nhiễu gì thêm.

- Vậy tâu bệ hạ, bọn chó Liêu ấy hiện đòi ta cái gì?

- Khanh thử nghĩ xem ngoài tiền bạc và đất đai ra chúng còn cần gì nữa. Hiện chúng đang đòi ta phải cắt

¹ Cách nói ngao man của giới phong kiến Trung Hoa xưa. Chúng coi các dân tộc ngoài Trung Quốc đều là “di”, “địch”, là man di, mọi rợ. Bởi chữ “man” có bộ trũng, chữ “địch” có bộ khuyển. Cũng tức là chúng coi các dân tộc khác như sâu bọ, chó má.

thêm cho chúng bảy trăm dặm đất Hà Đông. Ta khó nghĩ quá nên triệu khanh về. Theo khanh nên như thế nào. Nhưng ta nói trước hiện nay bắc thù, nam thù đều gay gắt, cứ như cảnh nhà cháy từ hai đầu nên phải lo chữa cháy đã. Còn như biện pháp với tân pháp của khanh nghe thì hay nhưng sao khi làm lại vấp nhiều thế. Hãy tạm gác lại những điều khanh tâm đắc mà lo cứu nước trước đi.

Vừa chân ướt chân ráo về triều đình đã nghe sặc mùi cự phái, Vương An Thạch cảm thấy vương chân quá. Ta phải làm một cái gì đó để có cơ thực hiện nền tân chính. Chỉ có Tân chính mới đưa nước nhà ra khỏi cơn suy thoái. Nhà vua, nói cho cùng cũng là một người cải cách nửa vời, đang làm chớm có kết quả thì bọn hoàng tộc, bọn thủ cựu rầm rầm phản đối làm rung động cả triều đình, thế là bà Tào thái thái cùng bà Cao thái hậu là bà và mẹ vua đều khóc lóc đòi nhà vua phải đình chỉ tân pháp của ta, buộc lòng, ta phải trở về Giang Ninh. Mới qua tám tháng lại triệu ta từ Giang Ninh về triều, vậy là thời cơ sắp đến với ta hay nguy cơ đang rình rập ta đây. Vương An Thạch hỏi thẳng nhà vua:

- Tâu, hoàng thượng đã có quyết sách gì chưa?

- Chưa! Triều đình bàn nát nước, kẻ bảo cứ đại binh đánh Liêu, đòi đất cũ, không tu cống. Kẻ lại bảo nước Liêu đang mạnh, chưa thể đánh được, nếu không thêm cho nó bảy trăm dặm, coi chừng sẽ mất tới bảy

ngàn dặm cũng nên. Vì thế ta mới triệu khanh về xem khanh có cao kiến gì nói thử ta nghe. Nhưng việc này không trì hoãn được nữa đâu, sứ Liêu nằm lì tại Biện Kinh cứ giục ta từng ngày.

- Tâu bệ hạ, việc này phải cân nhắc kỹ. Giữa Liêu với Giao Chỉ hai nước ấy, nước nào mạnh hơn.

- Sao khanh còn phải hỏi ta điều đó. Tất nhiên là Liêu mạnh hơn Giao Chỉ rồi.

- Vậy thời ta phải giảng hòa với Liêu để rảnh tay trị Giao Chỉ. Đáng tiếc, hồi Càn Đức mới lên, nước nó tranh giành rối loạn, thần nói đây là thời cơ đánh An Nam nhưng bệ hạ lại không nghe để đến bây giờ mang họa.

- Nhưng nhiều người can ta Giao Chỉ nhỏ như cái bàn tay không đáng đánh. Mà đánh chưa chắc đã lấy được. Dù lấy được chưa chắc đã giữ được, vì giống dân ấy hung hãn không từng phục thiên triều, còn khí hậu thì lam chướng. Nghe nói quanh năm mây mù, giữ trưa con không nhìn ro mặt trời, chim bay còn đụng vào nhau rơi xuống mặt đất. Một nước như vậy khanh bảo chiếm lấy để làm gì.

- Những kẻ can bệ hạ như vậy chỉ là lũ bẻm mép trong xó nhà, nhát như cáy. Nếu nó quả không đáng chiếm sao từ đời Tần, Hán, Tùy, Đường đã bắt nó nội thuộc.

- Theo ý khanh nên xử thế nào với Bắc Liêu và Giao Chỉ?

- Thần nghĩ, hiện thời ta chưa bại được nước Liêu

nên cứ phải hòa với nó, bệ hạ cứ cắt cho nó dải đất bảy trăm dặm mà nó đòi để yên mặt bắc, rảnh tay đối phó mặt nam.

Tống Thần tông thờ dài:

- Lại bảy trăm dặm nữa, nó chẳng mất mát máu xương gì, tự nhiên lại nộp cho nó nhiều đất thế. Nó cứ ngoạm mãi thế này, Trung Nguyên hết đất mất.

- Bệ hạ muốn lấy thì phải cho đi đã. Lần này ta đánh lấy Giao Chỉ, nếu thuận ra đánh đốc sang Chiêm Thành, Chân Lạp. Khi đã xong mặt nam, thanh thế triều Tống khắc nổi, uy danh lừng bốn cõi, bệ hạ không cần đánh; Liêu, Hạ tự khắc phải xưng thần, xin nộp lại tất cả đất đai mà chúng đã hỗn hào xâm phạm. Biên giới nhà Triệu Tống ít ra cũng phải khôi phục như thời thịnh Đường.

Tống Thần tông tuổi trẻ, ôm ấp chí lớn lại được tế tướng Vương An Thạch nuôi vỗ cho ước mơ bá đạo khác nào hổ mọc thêm cánh, nhà vua vui mừng nói:

- Vậy Khanh cứ thế mà làm, lần này ta không để cho kẻ nào cản trở nữa.

Tống Thần tông và Vương An Thạch đang âm mưu “hòa Liêu bại Việt” thì tình hình biên giới hai nước ngày một căng thẳng. Thảm Khi coi Quế Châu vì chậm đốc thúc việc binh ở Quảng Tây để triều đình trừ liệu đánh Đại Việt, vì vậy Tống Thần tông cho đổi Thảm Khi đi coi Đàm Châu mà đưa Lưu Di về thay. Lưu Di vừa về thay Thảm Khi đã tăng cường bắt lính, cứ ba đình bắt

một. Như vậy trai tráng từ mười tám đến bốn mươi lăm tuổi có một phần ba số người là lính. Mọi sắc thuế ở các vùng Tả, Hữu giang trước kia thu bằng tiền nay đều phải nộp bằng thóc gạo để dồn chứa vào các kho quân lương.

Lưu Di cũng tiếp tục chính sách ngăn sông cấm chợ không cho người Đại Việt sang mua bán hàng hóa còn nghiêm ngặt hơn thời của Thẩm Khi trước kia. Di ráo riết đóng chiến hạm, còn dùng cả thuyền chở muối cho quân thủy tập trận.

Về phía ta, Lý Thường Kiệt sai các đầu mục người man như phò mã Thân Cảnh Phúc ở Lạng Châu, Lưu Kỳ ở Quảng Nguyên, Vi Thủ An, Hoàng Kim Mãn... ở các châu Tô Mậu và Môn Châu đem quân áp sát biên thủy hằng ngày tập trận hoặc diễu binh thị uy.

Trong khi đó Lý Thường Kiệt phái Phụng Càn vương Lý Nhật Trung ra Vĩnh An để nghe động tĩnh. Lại đưa quân bộ ra tăng cường cho Vĩnh An, còn Lý Kế Nguyên với toàn bộ chiến thuyền và hơn ba vạn quân thủy phải ém cho kín ở Vân Đồn, ban ngày án binh bất động, thủy trận chỉ tập về đêm.

Một dải nam thủy từ Vĩnh An đến Quảng Nguyên, quân Đại Việt tập trung dày đặc dường như chỉ chờ có lệnh là tràn qua đất Tống, quan coi Ung Châu là Tô Giàn nhận thấy tình hình có vẻ nghiêm trọng bèn cấp báo với Lưu Di và xin Lưu Di phải bỏ ngay ba việc để

hạ nhiệt biên thùỵ. Thứ nhất là bỏ việc tập quân thủy, bộ; thứ nhì là đình chỉ ngay việc đóng chiến thuyền; thứ ba là bãi bỏ việc cấm chợ.

Lưu Di không những không nghe mà còn gửi thư mắng Tô Giàm là bàn nhảm và cấm Giàm không được nghị bàn gì thêm về chuyện biên sự nữa.

Thổ binh do các đầu mục của ta cầm đầu thay nhau quấy rối biên thùỵ. Thoạt đầu là Lưu Kỷ ở Quảng Nguyên đầu tháng năm năm Ất Mão (1075) đem ba ngàn quân đánh qua châu Quy Hóa trên đất Tống, khiến Tống phải điều quân từ các nơi về hỗ trợ Quy Hóa, nhưng Lưu Kỷ đánh xong đã rút quân về ngay.

Trung tuần tháng chín Vi Thủ An đem bảy trăm quân từ châu Tô Mậu tiến đánh châu Cổ Vạn, người Tống hầu như không chống cự nổi. Lại nói các châu mục khi đem quân đánh sang đất Tống thường kéo theo cả phu phen gồm người già, đàn bà trẻ con để hôi của. Vì thế dù lượng quân ít ỏi chỉ dăm bảy trăm tới dăm ba ngàn, nhưng số người đi theo đông gấp tới mấy lần, đi tới đâu thì hò reo ầm ĩ khiến binh Tống và cả dân chúng nước Tống đều hoảng loạn bỏ chạy.

Đây mới chỉ là các trận đánh thăm dò, quân ta đánh chiếm xong lại rút. Người Tống cũng cho đây là các đầu lĩnh đưa thổ binh sang đánh để hôi của chứ chưa thể có chiến tranh giữa hai nước. Vì vậy một tháng rưỡi sau tin tức về tới Biện Kinh, nghe xong Tống Thần tông còn răn

các biên quan biên tướng chơ có làm căng chuyện biên thù với Giao Chỉ. Bởi lúc này triều Tống vừa cất đất hòa hoãn xong với người Liêu. Việc toan tính đánh Đại Việt còn dang nhen nhóm. Tống Thần tông và Vương An Thạch đã tính kỹ nước cờ Giao Chỉ, tức đánh là phải chắc thắng chứ không để tái diễn chuyện đau lòng năm Tân Ty¹ (981) dưới triều Tống Thái tông nữa.

Tống Thần tông còn dụ bảo các biên quan Quảng Tây phải lo giúp đỡ những người đã chết trong trận Cổ Vạn. Cấp tiền tuất hoặc dựng lại nhà cửa cho những người có công.

Ngay Lưu Di, một biên quan được Tống Thần tông sai về coi Quế Châu và để chuẩn bị cho cuộc xâm lăng Đại Việt cũng không nghĩ rằng chiến tranh sắp nổ ra. Vì đầu tháng mười, y còn xin triều đình thêm bốn vạn quan tiền nữa để mua thêm lương thực đưa về trữ tại thành Ung Châu.

Lý Kế Nguyên thu thập được các tin tức trên mau chóng chuyển về Thăng Long cho Thái uy Lý Thường Kiệt.

1 Đây là trận thua nhục nhã của triều Tống. Lê Hoàn vừa lên ngôi, Tống Thái tông cử đại binh sang đánh. Lê Hoàn tự mình làm tướng, chia quân đón các ngã đánh hai quân Tống. Các danh tướng như Hầu Nhân Báo, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Lưu Trừng đều bị giết ở Chi Lăng, Tây Kết, Bạch Đằng. Riêng Quách Quân Biện, Triệu Phung Huân bị bắt đưa về Trường Yên trị tội.

Lý Thường Kiệt đem các nguồn tin đã thu thập được ra so đo. Ông thấy mưu toan đánh Đại Việt của vua tôi Tống Thần tông, Vương An Thạch đã rõ ràng. Việc chuẩn bị binh lực và quân lương đang gấp gáp. Ngay việc Thần tông dụ bảo các biên quan biên tướng Tống không nên làm căng biên sự chính là nhằm làm cho Đại Việt lơ là việc biên cảnh. Hoặc như Tống Thần tông ghi công và đáp nghĩa những người có công mà chết hoặc bị thiệt hại gia sản trong trận Cổ Vạn, nhằm nêu gương tiết nghĩa để khuyến khích họ hăng hái trong các việc tương tự sau này. Và cũng là tỏ ý triều đình biết tất cả, triều đình không quên công của một ai. Tất cả các việc đó, theo Lý Thường Kiệt đều nhằm vào cuộc xâm lăng Đại Việt sắp tới. Trong đầu óc ông đã chín muồi một trận tập kích táo bạo với quy mô lớn để phá tan tiềm lực của kẻ thù trước khi chúng kịp đem binh ấy ra khỏi cõi. Càng suy ngẫm lời thư gọi mở của Từ Bá Tường: *"Trước khi người có bụng cướp mình thì chi bằng mình đánh trước đi"* càng thôi thúc Lý Thường Kiệt phải sớm ra tay. Tuy Từ Bá Tường chỉ là một kẻ bất mãn như Lý Đạo Thành nói, nhưng lời lẽ này là lời le của một bậc trí tướng.

Thấy rằng mình không thể tự ý đem cả mây vạn quân ra khỏi cõi làm một cuộc viễn chinh, Lý Thường Kiệt liền bàn trước với Linh nhân hoàng thái hậu.

Nghe xong, thái hậu tỏ ra lo lắng và với vẻ băn

khoãn bà hỏi lại:

- Ta chỉ sợ mình là nước nhỏ, đánh lỗ không thắng được họ thì sao?

- Thần đã tính mọi nhẽ, xin thái hậu cứ yên tâm. Nếu không chắc thắng, thần đâu dám liều lĩnh đem quân vào đất địch. Thần xin mang sinh mệnh thần ra cam kết cho cuộc chinh phạt này. Và lại, đây là cơ hội lớn, đang khi kẻ địch không ngờ và chưa có phòng bị. Nếu đánh vào lúc này vừa bảo đảm toàn thắng vừa đỡ tốn máu xương sĩ tốt. Nhược bằng bỏ qua cơ hội này để người Tống kéo quân vào đất mình, thì thiệt hại không biết đâu mà lường.

- Vạn bất đắc dĩ không còn cách chọn lựa nào khác thì quyền thái tử nằm trong tay, ông cứ quyết đi, nhẽ nào ta và hoàng thượng lại không hậu thuẫn.

Ngưng lại giây lát và một nét buồn phẳng phất trên gương mặt thái hậu. Linh nhân khẽ nói:

- Chớ để di họa cho đất nước, ông biết đấy, dù sao ta vẫn là đàn bà mà hoàng thượng lại còn nhỏ, mọi việc ta đều trông cậy nơi ông.

Lý Thường Kiệt vái Linh nhân hai vái và nói:

- Thần quyết không phụ lòng tin của hoàng thái hậu và hoàng thượng.

Mọi chuyện hầu như đã được Ý Lan chấp thuận. Mấy bữa sau Lý Thường Kiệt liền cho triều đình thai

pho binh chương quân quốc trong sử Ly Đạo Thành, Phụng Càn Vương Lý Nhật Trung. Lại mời cả Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan và vua Nhân tông cùng tham dự. Nhà vua đi còn kéo theo cả thầy học của mình là sư phó Lê Văn Thịnh. Ngoài ra còn một số tướng lĩnh dưới quyền Lý Thường Kiệt cũng được mời tham dự.

Công việc được bàn bạc trong phòng kín của điện Thiên An.

Lý Thường Kiệt tâu báo tất cả âm mưu thôn tính Đại Việt của vua tôi Tống Thần tông và các việc họ đang chuẩn bị để sớm nhất cũng vào cuối năm Ất Mão (1075) này, còn muộn nhất là vào giữa năm Bính Thìn (1076) họ sẽ khởi sự. Sau đó ông nói rõ phía Đại Việt đã sẵn sàng như thế nào.

Tiếp đó Lý Đạo Thành còn nói thêm về nội tình nước Tống:

- Nước Tống thời Tống Thái tông khá dĩ còn là một nước mạnh, thế mà xâm lăng Đại Việt đã bị Lê Hoàn đánh cho không còn mảnh giáp. Nước Tống hiện nay là một nước mà tình trạng của nó có thể ví như một ngôi nhà cổ, nom bề ngoài vẫn hào nhoáng bắt mắt, kỳ thực kèo cột rui mè cửa rá thấy đều một ruỗng, chỉ một cơn gió nhẹ tràn qua là sụp đổ.

Nước Tống suốt mấy chục năm nay khổ về nước Liêu ở phía bắc, nước Hạ ở phía tây. Hai nước này luôn xâm phạm lãnh thổ Trung nguyên. Cứ mỗi lần chiến tranh

nổ ra ở phía tây hoặc phía bắc mà người Tống muốn kết thúc đều phải cất đất giáng hoà và hằng năm phải cống vật phẩm như chè, lụa, bạc nén nhiều vô kể. Nước Tống hiện nay kinh tế kiệt quệ, quân lính rệu rã bạc nhược, nội tình chia rẽ, nó không còn là một nước mạnh.

Phái cách tân muốn cải cách đất nước bằng con đường biến pháp. Nhưng phái thủ cựu chống lại kịch liệt. Tế tướng Phạm Trọng Yêm bị truất chức vì dùng tân pháp. Vương An Thạch khi chưa làm tể tướng cũng đã một lần bị biếm chức vì dùng biến pháp. Mặc dù hai ông này đều được cả Tống Nhân tông và Tống Thần tông hậu thuẫn. Nay Vương An Thạch nhân cơ hội được Tống Thần tông vời về làm tể tướng, muốn có một công trạng lớn lao để ra oai với cựu phái, không những thế còn định gây thanh thế để ép Liêu, Hạ. Vì vậy đánh Đại Việt là để bảo tồn sinh mệnh chính trị của Vương An Thạch. Nói cho cùng đây là nước bạc cuối đời của ông ta mà kết cục sẽ là thảm bại, nhục nhã. Vì rằng: “Thuận thiên giả tồn. Nghịch thiên giả vong”.

Nghe Lý Đạo Thành nói hay quá nhưng chưa hiểu hết, vua Nhân tông níu tay Lê Văn Thịnh rồi ghé tai hỏi nhỏ:

- Ông thầy giảng ta nghe, thái phó nói gì mà hay thế.

Lê Văn Thịnh cảm thấy vui mừng, vì những chuyện quốc gia trọng sự này nằm ngoài tầm nghĩ hiểu của một cậu bé mười tuổi. Ấy vậy mà nhà vua đã biết lắng nghe, đã biết tìm hiểu. Đó chẳng là phúc cho nước nhà sao. Lê

Văn Thịnh nói lại chỉ đề vua dù nghe.

- Tâu bệ hạ, ông bình chương nói về nội tình nước Tống rất đúng. Ông tiên đoán về sự nghiệp của tể tướng Vương An Thạch chắc cũng không sai. Còn như hai câu ông nói chữ đó là của bậc á thánh Mạnh Tử, nghĩa là: “Làm theo đúng mệnh trời, tức là đúng với Đạo thì tốt, thì tồn tại. Còn như làm trái mệnh trời, tức trái Đạo ắt sẽ hỏng việc, sẽ không tồn tại nữa”.

- Không tồn tại tức là biến mất, là chết chứ gì. -
Vua hỏi.

- Tâu, đúng thế đấy ạ.

Sau đó còn một vài người nữa nói cũng không ra ngoài cái ý mà Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành đã nói.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung có ý chốt việc bàn bạc lại, ông nói:

- Việc nhà Tống mưu xâm chiếm nước ta đã rõ, nhưng còn việc ta chống lại sự xâm chiếm ấy thái úy lo đến đâu rồi, liệu ta đã sẵn sàng đi trước họ một bước chưa. Ta nghĩ, trong chiến tranh bất ngờ là một nhân tố quan trọng không kém so với thực lực. Bối theo các tin tức mà thái úy thu lượm được thì nhà Tống chỉ tính việc họ đánh ta chứ không hề nghĩ đến việc ta đánh họ. Theo ta, đây là một lợi thế, thái úy cũng không nên bỏ qua.

Nghe Phụng Càn vương nói, Lý Thường Kiệt bỗng giật mình: – Không thể coi thường kiến thức của người này được. Cũng đúng thôi, mười hai tuổi Phụng Càn

vương đã tham gia cầm quân dẹp giặc, mười lăm tuổi đã được trao quyền lưu thủ kinh sư. Đúng là Lý Thái tông đã đào tạo các con của người đều trở thành những tướng lĩnh phi phàm.

Lý Thường Kiệt bèn tâu báo lại các việc ông đã chuẩn bị xong chỉ chờ bề trên ân chuẩn.

Cứ xem cách chuẩn bị, dù biết người này đã toan tính kỹ càng, những điều ta vừa nói thì Thường Kiệt đã chủ trương, nghĩ vậy Phụng Càn vương liền nói:

- Cứ xem cung cách thái úy đã tiến hành, ta chắc ông định dùng cái sách “tiên phát”. Nếu gấp rút càng sớm càng tốt, ta xin tình nguyện đi theo cánh quân thủy của ông.

Đoạn Lý Nhật Trung quay sang Ý Lan nói:

- Tâu Linh nhân hoàng thái hậu, xin Linh nhân và hoàng thượng gia ân để Lý Thái úy sớm khởi sự.

Nghe Phụng Càn vương nói, vua Càn Đức lấy làm thích thú liền phán:

- Mẫu hậu, chú Nhật Trung nói đúng đấy. Con bằng lòng, mẫu hậu cũng bằng lòng cho thái úy đánh Tống ngay đi. Con chúa ghét cái bọn cứ hay đi bắt nạt người ta.

Nghe vua nhỏ nói, mọi người đều cười vui vẻ.

Linh nhân thái hậu nhìn Càn Đức mỉm cười, bà nói:

- Ta bằng lòng cho thái úy toàn quyền lo liệu việc

này, va như thê hoàng thượng cũng đã có khẩu chiếu. Tuy nhiên ta phải nói thêm: - Vua thì còn nhỏ, ta là phận đàn bà, đây là việc hệ trọng có liên quan đến sự mất còn của một đất nước, các ông được giao trọng trách chớ có coi thường. Các ông phải tính toán kỹ càng sự tới sự lui để hễ đã ra quân là phải thủ thắng, chớ có coi thường kẻ địch mà mất cả chì lẫn chài thì tội các ông lớn lắm đấy.

Lý Thường Kiệt vội đứng lên vái Ý Lan và Càn Đức mỗi người hai vái:

- Thần tuân chỉ. - Đoạn ông quay ra nói nhỏ với Nhật Trung:

- Vương biết hết cả ruột gan của Thường Kiệt, phen này xin kính vương cùng đi để được nghe dạy bảo.

- Ta sẽ theo quân để phụ tá cho ông.

- Đâu dám, xin vương đi để được nghe thần mưu, diệu kế của vương.

Khi Linh nhân và nhà vua đã hồi cung, mọi người đều ra về chỉ còn lại ba người: Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành và thái tể Lý Thường Kiệt.

Hắn Thường Kiệt muốn nói thêm một điều gì, biết ý Lý Đạo Thành lên tiếng:

- Quan Thái tể cứ yên lòng cầm quân ra trận, việc trong nước tôi sẽ cùng các quan chung lo. Kể cả việc

huy động nhân lực vật lực, tài lực cho công cuộc Bắc phạt. Tôi chắc cuộc Bắc phạt này sẽ là một kỳ tích vô tiền khoáng hậu, buộc người Trung Hoa phải ghi vào sử sách và phải tôn trọng quốc gia Đại Việt chứ không phải xứ Nam man như họ thường kỳ thị. Tuy nhiên, tôi cũng lưu ý quan thái tể rằng Vương An Thạch là một bậc kỳ tài trong văn giới Trung Hoa, một người có ý chí, có phách lực mang tâm huyết ra khôi phục địa vị nước Trung Hoa; Tống Thần tông cũng là vị vua cầu tiến, cho nên họ không dễ gì cam chịu thất bại. Bởi thế, ngay từ bây giờ quan thái tể phải trù liệu kế sách nghênh đón đại binh Tống đi là vừa. Một lần nữa tôi xin nhắc lại, quan thái tể cứ yên tâm vào trận, cả nước sẽ đứng sau ngài, đứng sau binh sĩ.

Lý Thường Kiệt rưng rưng cảm động nắm lấy bàn tay xương xương của Lý Đạo Thành và nói:

- Thường Kiệt này vô cùng biết ơn tiên sinh, thế nước có hưng lên được là nhờ các bậc lão thần lương đồng như tiên sinh. Xin hứa với tiên sinh, tôi dù da ngựa bọc thây cũng chỉ có tham vọng làm rạng danh nòi giống Đại Việt.

Hai người mới hơn một năm trước còn là kinh địch với nhau, nay đã thực tâm hóa giải. Trong việc cư xử này Lý Đạo Thành quả là cao thượng, còn Lý Thường Kiệt tỏ lòng chân thành. Phụng Càn vương cảm thấy an tâm vì nội tình đã yên vững. Ông hỏi Lý Thường Kiệt:

- Khi nào ta có thể theo chân ông lên đường?

Lý Thường Kiệt bèn mở tấm bản đồ trải ra mặt chiếu và nói:

- Nhân có vương và tiên sinh, Thường Kiệt tôi xin nói về dự tính của mình để mong được chỉ giáo.

- Nói đoạn ông lấy que trở vào thành Ung Châu. - Nếu đánh Đại Việt, quân bộ và lương thảo, người Tống sẽ tập trung ở đây. Vậy Ung Châu là cứ điểm. Từ Ung Châu có nhiều đường vào đất ta, nhưng đi nẻo Bằng Tường là gần nhất, dễ đi nhất.

Còn nếu địch đi đường thủy thì hai cửa bè này vào nước ta là gần nhất, - ông lấy que chỉ vào hai điểm có tên Khâm Châu, Liêm Châu. Để hai người nhìn rõ các địa điểm trên bản đồ. Lý Thường Kiệt nói tiếp. - Tôi dự định tập kích vào ba cứ điểm tiêu diệt tiềm lực mà người Tống dành để tiến công ta. Vì rằng quân Tống vào đất ta, nhất định chúng sẽ đi theo hai đường thủy bộ. Chẳng hay vương và tiên sinh có điều gì dạy bảo.

- Đó là diệu kế. Phụng Càn vương nói. - Nhưng phải giữ được bí mật và bất ngờ thì mới thủ thắng, nếu không sẽ bất lợi vì quân ta phải đi xa.

Lý Đạo Thành mỉm cười:

- Việc của tôi là ở hậu phương. Tôi chờ tin báo tiếp, chờ ngày khai hoàn của các đại nhân.

- Bao giờ thì khai chiến? - Phụng Càn vương hỏi.

Cương mặt Lý Thường Kiệt bỗng căng ra, có vẻ ông không muốn tiết lộ điều cơ mật. Nhưng ông đã phải nói, vì người hỏi lại là Phụng Càn vương, thúc phụ của đương kim hoàng thượng. Ông nói rất khẽ:

- Bấm giờ Tí ngày kia khởi sự mặt bộ. Các châu mục từ Vinh An đến Quảng Nguyên đầu giờ Thân ngày mai sẽ nhận được lệnh.

- Thế thì người Tống chỉ đánh gia đây là một cuộc quá rối, không hơn, - Phụng Càn vương nói.

Lý Thường Kiệt mỉm cười:

- Dạ, nếu thế thì tôi lửa được người Tống.

- Ta hiểu! Ta hiểu cao ý của ông, hiểu kế của ông rồi. Vậy nếu ông cho ta theo thì bao giờ lên đường?

- Nếu vậy thì phiền vương lên đường ngay đêm nay. Vương nên đi ngựa cho nhanh, đến thẳng Vân Đồn, ở đó hải đông đô tổng quản Lý Kế Nguyên đang chờ vương. Và lại lần trước đi kiểm xét và đốc thúc, vương đã rõ cả rồi.

Trước ngày khởi sự Lý Thường Kiệt đã cho sứ đi dụ bảo các châu mục ở các châu từ Quảng Nguyên đến Vinh An khi nào đánh vào các trại Tống phải đánh quyết liệt, đánh như vũ bão khiến quân Tống trở tay không kịp. Và những của cải đòi lại được cũng như chiếm đoạt được của người Tống, kể cả đất đai mới chiếm đều cho các tướng sở hữu không phải nộp bất cứ một thứ gì về triều đình. Vì vậy các châu lĩnh đều hào hứng chuẩn bị

rất chu dao cho ngày tổng tiến công, đích đến là thành Ung Châu. Ngoài số quân có sẵn, các châu mục còn cho gọi hết trai tráng nhập ngũ. Các người già nếu ai còn đủ sức kê cả đàn bà, trẻ nhỏ đều cho theo quân sang đất Tống hôi của. Các kho khí giới được mở ra phân phát từ cung nỏ đến giáo mac, trường thương, mã tấu, đoản đao... ai biết sử dụng loại nào được phát loại đó. Nếu võ khí trong kho hết thì người dân phải tự chế lấy mà dùng như câu liêm, thiết lĩnh hoặc gậy tre. Tên tẩm độc chỉ phát cho các đơn vị tinh nhuệ và chỉ được dùng ở nơi quân Tống ngoan cố chống lại, nghiêm cấm không được dùng tên tẩm độc bắn vào người dân.

Dúng ngày giờ quy ước quân Việt do các tù trưởng là các châu mục nhất tề đánh sang các trại quân Tống. Vì quân đã ém trong các cánh rừng đối diện với các trại binh Tống, nên pháo lệnh vừa phát, quân đã ào qua các đường biên. Nhiều trại quân Tống đã bị vây chặt bốn bề ngay từ khi chưa phát lệnh.

Lưu Kỷ chiếm giữ vùng Quảng Nguyên đất rộng, dân đông của cái dãi dào nuôi một đội quân mạnh có tới dăm, bảy ngàn người. Nhận mệnh của triều đình phối hợp với các tướng ở các châu khác sẽ đem quân đánh thẳng vào thành Ung Châu, Lưu Kỷ lập mưu lần này sẽ chiếm trọn vùng Tả Giang. Vì thế Lưu Kỷ cho hết quân ra khỏi trại, khi đánh qua đất Tống, đuổi hết các châu mục bên đó rồi cho người chiếm giữ luôn các đồn

trại của người Tống.

Phái nói quân Việt án ngữ một dải đất biên thùỳ dài gần bốn trăm dặm chạy suốt từ Quảng Nguyên¹ đến Vĩnh An².

Trong số các châu mục có cường binh ngoài Lưu Kỷ ở Quảng Nguyên còn phái kể đến phò mã Thân Cảnh Phúc. Thân Cảnh Phúc nhiều đời ăn lộc nhà Lý, là con Thân Thiệu Thái với công chúa Bình Dương, phò mã cai quản cả một vùng Quang Lang³ rộng lớn. Quân binh của Thân Thiệu Thái tinh nhuệ không kém quân binh của triều đình đã làm cho các biên quan nhà Tống nhiều phen chao đảo.

Hai châu mục là Thân Cảnh Phúc và Lưu Kỷ đốc hết quân bản bộ sang đánh Tống, lại có thêm các châu mục Hoàng Kim Mãn ở Môn Châu⁴, châu mục Vi Thủ An ở châu Tô Mậu⁵ đốc hết quân mã sang đánh các châu trại của nhà Tống suốt một dải biên địa chạy dài mấy trăm dặm được chốt bởi các trại Hoàng Sơn, Thái Bình, Vĩnh Bình, Cổ Vạn... đều là những tiền đồn che chắn cho thành Ung Châu.

1 Vùng Cao Bằng ngày nay.

2 Vùng Hải Ninh (Móng Cái) ngày nay.

3 Quang Lang gồm Ôn Châu và Lạng Châu, gồm đất tỉnh Lạng Sơn và một phần Bắc Giang ngày nay.

4 Môn Châu tức vùng đất Đông Khê (Bắc Kạn) ngày nay.

5 Tô Mậu tương đương vùng đất Đình Lập, Bình Liêu ngày nay.

Hai cánh quân của tướng Lưu Kỳ giữ Quảng Nguyên và Hoàng Kim Mãn giữ Môn Châu phối hợp từ hai phía đánh kẹp chặt trại Hoàng Sơn¹ vào trong vòng vây. Quân Tống lúc đầu chống trả mãnh liệt, nhưng tinh thần xuống dần và vừa cầm cự vừa chờ quân cứu viện. Quân Việt càng lúc càng thắt chặt vòng vây. Chứa trại Hoàng Sơn là Lâm Mậu Thắng trùng tên độc của quân Việt chết tại trận. Số quân còn sống sót đều ra hàng. Chúng bị tước khí giới và bị bắt chia về cho các đội dân binh làm phu khuân vác, kẻ nào chống lại bị chém đầu răn chúng. Vì thế số tù binh này đều răm rắp nghe lệnh quân Việt sai bảo.

Phò mã Thân Cảnh Phúc đốc hết quân bản bộ đánh chiếm châu Tây Bình, Châu Lộc dường như không gặp phải sự chống cự nào.

Tướng Tông Dẫn đánh chiếm trại Vĩnh Bình². Quân Tống thấy quân Việt đông gấp bội lại có cả tượng binh tham chiến liền hốt hoảng bỏ chạy. Các tướng Tống như quản hạt Vĩnh Bình là Tô Tá, quản hạt trại Thái Bình là Ngũ Cử, giám áp trại Thái Bình là Quách Vĩnh Nguyên đều không giữ được trại và đều bị quân Việt giết chết.

Lực lượng quân Tống chốt giữ biên thùỳ nhằm cản bước tiến của quân Đại Việt từ vòng ngoài, bỗng chốc

1 Hoàng Sơn tức Điện Châu thuộc tỉnh Quảng Tây của nhà Tống.

2 Vĩnh Bình gồm đất châu Tư Minh, Bằng Tường (thuộc Quảng Tây nước Tống).

bị bóc sạch bởi các tù trưởng người man đứng đầu các châu từ Quảng Nguyên đến Tô Mậu đem quân bán bộ tiêu diệt dễ dàng. Và các đạo quân ấy đều tiến thẳng về Ung Châu như đi vào chỗ không người.

Dân chúng Tống lúc đầu sợ quân Việt tàn sát nên chạy nháo nhác. Sau thấy việc đó không xảy ra họ đều ở lại hàng quân Việt. Sở dĩ dân Tống không ủng hộ quân Tống, không chạy theo quân Tống là bởi từ mấy năm nay Lưu Di về thay Thẩm Khi, chính sách bóc lột còn tệ hơn cả Thẩm Khi khi trước. Y vừa tăng mức thuế vừa tăng sắc thuế vơ vét dân đến kiệt quệ. Ngay những thứ thuế của giới thương buôn trước đây đều đóng bằng tiền, nay nhất loạt thu bằng thóc gạo. Dân Quảng Tây nhất là các dân man động mấy năm liền mất mùa nên càng lao đao. Hơn nữa, chế độ bắt lính, bắt phu cũng nghiệt ngã khiến dân oán mà không theo về quan quân nhà Tống nữa.

Quân Việt đánh thẳng vào ba con đường chính dẫn tới Ung Châu xuất phát từ Quảng Nguyên, Quang Lang, Tô Mậu khiến người Tống nghĩ rằng quân Đại Việt đánh Tống chỉ đi theo đường bộ nên họ dồn quân ra cản quân Đại Việt. Thế nhưng khi gần tiếp cận với quân Đại Việt, quân Tống chưa giao tranh đã bỏ chạy.

Vậy là tả dực của quân Đại Việt chỉ gồm quân các sách động, duy cánh quân do Tông Đản chỉ huy tràn qua trại Vinh Bình để tiến về thành Ung Châu là có

quân triều đình phối hợp.

Trong khi tá dực của quân ta đang tiến về thành Ung Châu thì hữu dực của ta do Lý Thường Kiệt chỉ huy lại đi đường biển tiến thẳng vào cửa biển Khâm Châu, Lý Kế Nguyên và Phụng Càn vương Lý Nhật Trung dẫn đại đội binh thuyền đánh thẳng vào cửa biển Liêm Châu.

Thuận gió, quân ta giông buồm từ Vĩnh An (Móng Cái) tới Khâm Châu chỉ mất hai ngày đường.

Lại nói tướng giữ Khâm Châu là Trần Vĩnh Thái vốn người điềm đạm, bình tĩnh nhưng chủ quan tự phụ.

Cách đây hơn chục năm thủy quân Đại Việt đã đưa đội khinh thuyền vào tập kích hải cảng này rồi rút đi êm nhẹ, triều đình sai Trần Vĩnh Thái về trấn tại đây. Hơn chục năm dưới quyền coi sóc của Trần Vĩnh Thái, cảng Khâm Châu không xảy ra một sự biến nào. Trần Vĩnh Thái cứ ngày ngày uống rượu, đêm đêm kê cao gối ngủ, việc canh phòng ngày một sơ sài, quân tập luyện càng biếng trễ.

Nghe tin quân Đại Việt đang đánh mạnh phía Quảng Tây, có người đến mách bảo:

- Tướng quân phải đề phòng, lũ quân Giao Chỉ đến đánh bất ngờ.

Trần Vĩnh Thái xuy một tiếng rồi khoát tay nói:

- Giao Chỉ là đám giặc cỏ chỉ dám chạy bộ sang cướp vặt phía Quảng Tây thôi. Nên nhớ đây là Quảng

Đông, chúng muốn vào đây phải có quân thủy mạnh, có hạm thuyền lớn mới có thể vượt bể được. Cho dù chúng có cả hai thứ đó, dám mon men tới đây đã bị tiêu diệt từ xa. Ông vênh mặt cười với vẻ kiêu hãnh.

- Thực tình ta mong quân Giao Chỉ tới để cho nó một trận no đòn, cũng là một trò cho quân ta giải khuây mà dân chúng lại tận mắt thấy hải binh nhà đại Tống hùng mạnh như thế nào.

Người báo tin sau khi nghe Trần Vĩnh Thái nói, không những tin tưởng mà còn tự hào về binh lực nước nhà, liền vui vẻ ra về.

Lại hôm sau, cả mấy chục người dân sống ven bờ biển hốt hải chạy vào bẫm:

- Dân đánh cá trông thấy thuyền Giao Chỉ giương buồm rợp biển đang tiến vào vịnh Khâm Châu xin tướng quân lo cự địch.

Đúng lúc quân vừa bày xong tiệc rượu, Trương Vĩnh Thái thủng thẳng đáp:

- Các người cứ về đi, việc quân dân có đó. Ta đang bày tiệc rượu để thết quân Giao Chỉ đây.

Mấy người thất vọng ra về. Gần tới bờ biển đã thấy thuyền quân Đại Việt đang lao vào bến đông như lá tre. Họ kinh hoàng tháo chạy.

Trong khi đó tại dinh quân Trần Vĩnh Thái vẫn thản nhiên chè chén.

Quân Đại Việt đột nhập vào trong thành bắt gọn Trần Vĩnh Thái và bộ hạ, chiếm toàn bộ cảng Khâm Châu cùng các kho tàng quân dụng và lương thực của cải mà không tổn một mũi tên một giọt máu nào.

Làm chủ Khâm Châu xong quân chiến thắng giết tất cả những kẻ cầm đầu ở đây gồm Trần Vĩnh Thái là đô tổng quản cùng các viên giám áp là Văn Lương, Ngô Phúc; các viên chỉ huy sứ là Tống Đạo và Đinh Toại; viên tuần kiểm Dương Cẩn và viên giám thuế Âu Dương Dẫn.

Tiếp đó quân Đại Việt phá tan các cơ sở hậu cần của Khâm Châu, nơi quân Tống định dùng làm căn cứ xuất phát đánh vào nước ta.

Người Trung Hoa vốn giàu tính hài hước, vì thế sau này dân Khâm Châu mới tô tượng Trần Vĩnh Thái và đưa vào thờ ở miếu Thành hoàng.

Vĩnh Thái được triều đình truy phong hàm Thừa chỉ. Và thay vì mắng ai có đầu óc ngu si dần dộn, dân trong vùng chỉ kêu người ấy là “Trần Thừa chỉ”. Cũng có kẻ hiểu sự tôn ông là “bạc ngu tướng kiệt xuất”.

Dược tin Khâm Châu đã mất nên cảng Liêm Châu chinh bị quân sĩ dễ nghênh chiến với quân Đại Việt. Nói rằng sẵn sàng nghênh chiến nhưng quân Tống tinh thần sa sút, lại nghe đồn thủy binh Đại Việt xuất quỷ nhập thần, quen thạo biển cả như quân Chiêm Thành còn không phải là đối thủ của quân Đại Việt thì quân

Tống làm sao đương nổi. Cái gương Khâm Châu sờ sờ, đô tổng quản Trần Vĩnh Thái nghe tin quân Đại Việt sắp vào bến, uống chưa hết chén rượu đã bị bắt rồi, thế thì Liêm Châu sao cự nổi. Cái cơ thua đã bày sẵn trong lòng binh tướng Tống. Vì thế quân Đại Việt tiến vào Liêm Châu có bị quân Tống kháng cự nhưng rất yếu ớt.

Sự thật Lỗ Khánh Tôn cùng bộ tướng của ông ở Liêm Châu sao địch nổi các tướng hùng sói như Lý Kế Nguyên lại được Phụng Càn vương Lý Nhật Trung đi theo giám hộ. Vì vậy chỉ sau chốc lát giao tranh quân Tống đã đầu hàng. Cùng bị chém với Lỗ Khánh Tôn còn có giám áp Chu Tông Thích, chỉ huy sứ Ngô Tôn Lập và tri huyện Hợp Phố là Lương Sử.

Cũng như ở Khâm Châu, quân Việt lấy đi những gì có thể lấy, ngoài ra còn phá tan các cơ sở hậu cần của Liêm Châu. Thế là Lý Thường Kiệt đã phát huy triệt để binh lực sở trường của mình là quân thủy, hành quân thần tốc, táo bạo đánh vào chỗ địch không ngờ nhất nên đã thu được chiến thắng hoàn hảo, bảo toàn nguyên vẹn lực lượng để tiến về Ung Châu.

Kiểm điểm hai mũi quân thủy tiến đánh hai cảng lớn Khâm Châu, Liêm Châu đều thu được thắng lợi ngoài cả sự mong muốn, nhất là không tổn hại đến máu xương binh sĩ, quân còn dư sức tiến về Ung Châu.

Quân thủy của ta khởi từ Vĩnh An, qua hai ngày đã đến Khâm, Liêm nhanh chóng đánh bại quân Tống

chiếm lấy căn cứ. Quân chưa sút mẻ, sức vẫn dồi dào Lý Thường Kiệt cho binh nghỉ lại một ngày chỉnh đốn binh bị lại sẽ lên đường.

Ông phát lệnh, đạo quân vừa chiếm Khâm Châu (do Lý Thường Kiệt chỉ huy) sẽ tiến vào nội địa, nhằm phía Ung Châu trực chỉ, đạo quân chiếm Liêm Châu do Lý Kế Nguyên phục trách có Phụng Càn vương giam hộ sẽ tiến quân về hướng đông bắc chiếm lấy châu Bạch, châu Dung lập thành trận thế phòng quân địch từ phía đông tới cứu viện cho Ung Châu.

Ông cũng được cấp báo từ cánh tả dực, các tướng Lưu Ký, Tôn Dẫn, Hoàng Kim Mãn, Thân Cảnh Phúc, Vi Thủ An đang tiến quân vào đất Tống với thế chẻ tre, nay mai sẽ tới chân thành Ung Châu.

Quân tả dực xuất phát trước năm ngày, quân hữu dực tuy đi sau nhưng chỉ hai ngày đã cập cảng Khâm, Liêm và lại đường từ Khâm, Liêm về Ung Châu gần hơn các cánh quân bộ tới sáu, bảy chục dặm. Vì thế cả hai cánh tả hữu dực sẽ gặp nhau để cùng tiến đánh Ung Châu trong một vài ngày tới.

Lại nói việc tổ chức thông tin và việc thông tin tức của người Tống hết sức chậm chạp, mặc nhiên đóng góp rất lớn vào thất bại của quân Tống. Ví như Lý Thường Kiệt đã chiếm Khâm Châu từ ngày hai mươi tháng mười một mà đến mồng sáu tháng mười hai, ty kinh lược Quảng Tây đóng ở Quế Châu mới được tin báo: “Người

Giao chi hợp quân ở Triều Dương (tức châu Vĩnh An) sắp sửa đi hai đường vào cướp". Và đúng một tháng sau khi Khâm Châu bị mất, triều đình nhà Tống mới nhận được tin. Ba ngày sau lại có tin Liêm Châu cũng mất khiến vua tởn nhà Tống và cả triều đình náo động. Tống Thần tông vội vã xuống chiếu cho quan quân ở Quảng Tây phải cố thủ giữ thành.

Thế là hai cửa bể quan yếu dùng làm căn cứ xuất phát tiến đánh An Nam đã bị quân Đại Việt chiếm trọn. Vua Tống đồ rằng binh Tống mỏng và yếu không giữ được tất cả các thành trì, nên hạ chiếu, dụ bảo "*hãy dồn quân lại giữ mấy chỗ hiểm yếu thôi*".

Hôm sau nghĩ lại, Tống Thần tông lại xuống chiếu, dụ bảo: "*Các tướng đã bỏ thành trì nay phải về đồn trú trở lại, nếu không dân chúng sẽ rối sợ*".

Cứ xem các chiếu ban ra liên tiếp trong mấy ngày với các nội dung bất nhất, ắt người thụ chiếu không biết bằng cách nào mà thực hiện mệnh vua. Như thế đủ biết người rối sợ đầu tiên lại chính là vua Tống.

Người thứ hai tuy không rối trí được như Tống Thần tông nhưng lại uất. Uất đến hộc máu tươi, ấy là tể tướng Vương An Thạch. Ông ta mưu thôn tính Đại Việt để làm cái vốn thi hành biến pháp, vừa uy hiếp cự phái vừa uy hiếp Liêu, Hạ. Thế nhưng Đại Việt đã đi trước ông ta một bước khiến ông ta trở thành trò cười cho cự phái. Và biết đâu những rúi ro, những tai họa

chẳng đua nhau xóc tới.

Với lòng căm uất thể không đội trời chung với kẻ đã đẩy mình vào ngõ cụt, Vương An Thạch liền bàn với vua Tống:

- Bệ hạ trừ liệu việc này ra sao?

- Khanh là Tể tướng, nhẽ ra khanh phải trừ liệu việc này không xảy ra trên đất của thiên tử chứ. Ta đã chuẩn tấu mưu đánh Đại Việt của khanh từ năm ngoái, vậy mà khanh cứ trừ trừ để Lý Thường Kiệt cướp mất thời cơ. Nếu không mau chóng đuổi giặc ra khỏi cõi thì không chỉ miền nam rối loạn mà miền bắc, miền tây sẽ bị Liêu, Hạ quấy rầy, thể diện thiên triều còn ra cái gì nữa.

- Thần muốn đánh Đại Việt từ khi Nhật Tôn mới mất, thẳng nhóc Càn Đức lên ngôi, nước nó rối loạn, thế nhưng bệ hạ lại gạt di. Năm ngoái chủ trương đánh Đại Việt nhưng lũ ăn hại Thẩm Khi ở Quảng Tây cứ trừ trừ, thần đã xin bệ hạ đuổi nó về Dàm Châu. Bệ hạ lại cho Lưu Di về thay. Tên này vô mưu, đối với dân man thì hà khắc quá. Chuẩn bị đánh Giao Chi lại lộ liễu quá. Nào là cấm chợ biên thù không cho dân Giao Chi qua lại mua bán. Nào là xẻ gỗ, đóng thuyền phơi ra trước thanh thiên bạch nhật, nào là tróc nã dân đinh cứ ba người bắt một vào lính, nào thuốc khóa nặng nề, quân lính thì tập thủy, tập bộ triển miên, dên cả thuyền chài, thuyền muối cũng trưng dụng cho quân thủy tập tành, thử hỏi bọn do thám Giao Chi có phải một lũ mù đầu mà che

bị đứt mất nó.

Vua tôi đang cãi nhau thì có quân trạm của ti kinh lược Quang Nam tây lộ¹ dâng biểu xin triều đình cấp khẩn cho hai vạn quân tinh nhuệ, ba ngàn con ngựa chiến và một tháng lương cùng mười viên sứ thần đi theo quân.

Tổng Thần tông liền đưa tờ biểu cho Vương An Thạch và dặn:

- Khanh làm gấp việc này kéo Quảng Tây trông đợi. Nhìn Vương An Thạch, vua lại hỏi:

- Việc Giao Chỉ khanh tính sao?

- Tàu, trước hết phải đuổi nó ra khỏi cõi dã. Tội Càn Đức lớn lắm, mai đây thân quyết bắt Càn Đức về cầm tù, bắt Lý Thường Kiệt về lột da, tòng xẻo, lãng miếu nhà nó không thể để cho nguyên vẹn, dân nó cũng không thể để cho sống yên, bắt cả nước nó phải dền tội.

Trong khi vua tôi Tổng Thần tông đang bàn việc tiếp viện cho mặt trận Quảng Tây thì Lý Thường Kiệt đã phát lời "lộ bố"² và quân đã tiến từ Khâm Châu về hội sư với Tôn Đản để đánh thành Ung Châu.

¹ Quang Nam tây lộ là tỉnh Quảng Tây. Quảng Nam đông lộ là tỉnh Quảng Đông.

² Lộ bố: lời tuyên cáo trên đường hành binh của Lý Thường Kiệt nhằm giải thích với dân Trung Quốc việc ông buộc phải đem quân vào nước họ.

Lời "lộ bố" viết rằng: "Có một số dân man Giao Chỉ nghe lời xúi giục của biên quan Trung Quốc nổi lên làm phản rồi trốn sang Trung Quốc. Các quan lại Trung Quốc đã dung nạp và giấu đi. Ta đã khiến sứ sang tố giác các việc ấy, nhưng quan coi Quế Châu là Lưu Di không chịu tra lời. Ta lại sai sứ vượt bể sang tố cáo với Quảng Châu. Quan coi Quảng Châu cũng không chịu tâu báo về Biện Kinh. Cục chẳng dā quân ta mới phải tới đây đuổi bắt đám dân trốn ấy và nhân thế cứu người dân Trung Quốc thoát khỏi cái họa thanh miêu¹, trợ địch² "

Lý Thường Kiệt cho yết lời lộ bố trên khắp các nẻo đường hành binh. Dân chúng Trung Hoa thấy lạ xúm lại xem. Có người biết chữ đọc lên, thấy đều hò reo sung sướng. Bởi họ đang rất khổ sở về cái họa thanh miêu, trợ địch. Vì vậy dân chúng không những không chống lại hoặc bỏ chạy mà còn thân thiện, thậm chí giúp đỡ quân Đại Việt như chỉ đường, ủng hộ nước non, hoa quả.

Khi Lý Thường Kiệt dẫn quân tới Ung Châu thì Tôn Đản đã tới trước ông hai ngày. Quân Tôn Đản đã tỏa ra bao vây thành Ung Châu và đưa thư thách đánh.

Lý Thường Kiệt vừa hội quân vây thành, vừa chia quân đi các ngả, chặn đánh quân triều đình đến tiếp viện.

1 Triều đình cho dân vay khi lúa còn non. Lúa chín được gặt về, dân trả lãi cho nhà nước theo quy định.

2 Người đi làm tạp dịch theo nghĩa vụ, có thể nộp tiền để được ở nhà. Các việc trên đều là tăn pháp của Vương An Thạch.

Trong khi cánh quân của Lý Thường Kiệt từ Khâm Châu tiến thẳng về phía tây để vào Ung Châu thì cánh quân của Lý Kế Nguyên ở Liêm Châu lại tiến chéch sang phía đông bắc để chặn quân tiếp viện từ phía đông. Đoàn quân ấy bắt tám ngàn người vừa lính ra hàng vừa thổ định khiêng vác các chiến lợi phẩm do quân ta thu được đem xuống thuyền.

Trên đường hành binh Lý Kế Nguyên cho quân chiếm châu Bạch, giết chết viên tuần kiểm Thẩm Tông Cổ cùng liêu thuộc. Lại chiếm Châu Dung, giết viên đô tuần kiểm coi hai châu Bạch và Dung là Phan Nhược Cốc, các chỉ huy sứ là Vương Đạt và Tào Quang cũng đều tử trận.

Tại Biện Kinh, vua tôi nhà Tống lúng túng, làm đủ mọi việc nhưng tất cả đều rối tung lên. Nhà vua xuống chiếu cách chức Lưu Di, sai Thạch Giám tới thay coi Quế Châu và làm kinh lược sứ Quảng Tây. Lại sai mua lúa gạo và bắt lính tại Ung Châu và các vùng xung quanh Ung Châu, trong khi đó thành Ung Châu đã bị quân Việt vây kín, các vùng phụ cận dân cũng sợ mà bỏ đi.

Tống Thần tông sai lựa tuyển trai tráng dũng mãnh trong các châu quận tập hợp lại cứ năm ngàn người lập một chi huy, dạy võ nghệ và đặt tên là "Tân Đằng Hải" đưa về Quế Châu để giúp Quảng Tây ngăn giặc.

Tể tướng Vương An Thạch còn được tin Lý Thường Kiệt phát lời "lộ bố" chỉ trích nền tân chính của ông nên

rất căm giận. An Thạch còn xin Tống Thần tông đem quân Hà Bắc xuống để tăng cường binh lực cho Quảng Tây, đưa đạo quân “Mười chín” xuống Đàm Châu, điều quân hai lộ Kinh, Hồ và cả đạo quân Ba lăm chặn các ngã đường quân Đại Việt có thể tiến lên phía bắc hoặc thuận theo đường biển đánh vào sườn phía đông. Vương An Thạch toan huy động đại quân sang đánh Đại Việt vì đã dám xâm phạm oai danh của thiên tử.

Tống Thần tông không những không ngăn mà còn gọi viên dũng tướng đang trấn tây thù là viên ngoại lang lại bộ Triệu Tiết sai làm An Nam đạo hành doanh mã bộ quân đô tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ, và kiêm chức Quảng Nam tây lộ an phủ sứ. Yên Đạt, một viên mãnh tướng từng dưới quyền Triệu Tiết làm Phó Đô tổng quản và hoạn quan Lý Hiến làm Phó An phủ sứ dưới quyền Triệu Tiết. Tất cả nhằm chuẩn bị cho việc chinh phạt Đại Việt sắp tới.

Lại nói Tô Giàm, quan giữ thành Ung Châu khi nghe tin quân Giao Chỉ tràn sang rất đông, thế khó chống cự, dân chúng hoang mang, quan quân bối rối. Tô Giàm cho họp bộ tướng lại nói: “Thành Ung Châu tuy ít quân nhưng thuận quân tinh nhuệ, thành cao, hào sâu thế vững như bàn thạch, nếu ta cố thủ giữ thành, quân kia chưa chắc đã làm gì được. Vả lại Ung Châu cách Quế Châu không xa, chỉ hơn chục ngày đường, ta sẽ cho người đi cầu viện binh, các tướng hãy kiên tâm hợp sức cùng ta nhân sức quân lên thì thành Ung Châu

này sẽ có cái thế nhất nhân địch vạn”.

Được khích lệ, các tướng đều tỏ lòng trung dũng quyết tâm sống chết với thành. Tô Giàm mừng lắm, sai kiểm điểm binh lính trong thành gồm cấm binh và cả quân già yếu, tất cả chưa được ba ngàn quân. Ông lại viết thư cho người chạy ngựa lưu tinh sang Quế Châu cầu viện.

Thành Ung Châu có tới non mười vạn dân, nghe tin quân giặc sắp đánh, thấy đều hoang mang sợ hãi, lại được những tin đồn về sức mạnh của quân Đại Việt thật là ghê gớm. Họ đến như thiên binh đổ bộ từ trên trời xuống. Đô tổng quản Khâm Châu là Trần Vĩnh Thái nghe tin hải binh Đại Việt đang từ ngoài khơi tiến vào bến trong lúc ông đang sai dọn tiệc rượu, thế mà rượu chưa kịp uống thành đã mất, đô tổng quản cùng toàn bộ quân sĩ đều bị bắt gọn và bị giết.

Đã thế, gián điệp của Đại Việt trà trộn trong dân chúng, lúc lúc lại kín kín hở hở rỉ tai người này người khác rằng quân Giao Chỉ đã tiến đến đâu, đến đâu và chỉ còn cách Ung Châu mình có vài chục dặm thôi, liệu mà chạy đi. Tin cứ truyền từ tai người này sang tai người khác, chẳng mấy chốc cả thành Ung Châu đều biết. Dân chúng sợ hãi đạp lên nhau mà chạy.

Tô Giàm thấy tinh thần quân dân đều nao núng, nếu không định được cái tâm của đám đông dân chúng, để họ tháo chạy hỗn loạn khắp bốn cửa thành, khiến

quân thú hoang mang thì người Giao Chi chưa đánh, thành đã mất.

Vì vậy, ông liền họp dân chúng lại nói cho mọi người rõ: “Lương thực trong kho có thể đủ nuôi dân thành Ung Châu này được ba tháng. Ta sẽ mở kho lương để mọi người được thấy. Võ khí của ta cũng còn chật ních các kho, đủ trang bị cho một đội quân năm vạn người. Bơi đây la kho vo khi triều đình dư trư sắp danh Giao Chi, đều thuộc ưu hạng ca.

Bây giờ chỉ cần dân chúng bình tĩnh, dàn ông trẻ, khỏe mạnh thành các đội dũng binh, cứ một trăm người phiên thành một đô, ta sẽ cho người huấn dạy để rồi sát cánh với quân giữ thành. Các người khác không đủ sức theo quân cũng phiên chế thành các đội. Các đội đó lại chia ra loại nào có thể tiếp ứng được cho quân khi cần. Còn các loại khác thì làm công việc hậu cần như xay lúa, giã gạo, nấu cơm, nấu nước, đưa ra trận chiến hào cho các quân ứng trực, đưa các những binh sĩ bị thương, bị chết về phía sau... Cứ như thế, muôn người như một thì quân kia làm gì nổi ta. Vả lại quân Giao Chi thuộc vùng sông hồ chỉ quen đánh thủy, không thạo đánh thành, mà thành Ung Châu là một trong những thành trì kiên cố vào bậc nhất của nhà đại Tống, thử hỏi ta còn sợ gì. Hiện thời chúng ta như những chiếc đua vút tản mạn. Mỗi chiếc dĩa riêng rẽ thì sức đưa trẻ lên năm cũng be gãy được, nhưng khi chụm lại thành bó thì

dại lực sĩ cũng phải khoanh tay thúc thú.”

Vừa nói Tô Giàm vừa đưa tay làm ví dụ, mỗi chiếc đũa, ông giơ một ngón tay, một bó đũa, ông chụm hai bàn tay đan chéo giữa các ngón nom như một bức tường thành có hàng rào sắt nhọn hoắt chia về hai phía. Lướt nhìn dân chúng, thấy hàng ngàn cặp mắt đang hướng về mình, Tô Giàm liền cao giọng: – Ta thề cùng sống chết với các người! Ta thề cũng sống chết với thành Ung Châu này.

Nói đoạn, Tô Giàm cho gọi vợ con và gia thuộc từ trong hậu đường ra, rồi ông chỉ vào từng người trong gia đình cho dân chúng thấy. Và ông nói: - Nếu không giữ được thành trong khi giặc còn chưa tới, sao ta không cho người nhà ta đi khỏi Ung Châu lánh nạn.

Dường như dân chúng đã tin vào người giữ thành. Họ hò reo:

- Đô tổng quán, chúng tôi tin vào ngài! Chúng tôi thề cùng ngài đập tan quân Giao Chỉ.

Chỉ vào thiếu phụ, Tô Giàm nói:

- Đây là con dâu ta.

Lại chỉ vào hai cậu con trai khôi ngô tuấn tú tuổi chừng mười bốn, mười lăm :

- Đây là hai cháu nội ta. Chồng và cha chúng nó chính là đô chỉ huy sứ Tứ Nguyên làm việc ở Quế Châu. Cả gia đình nó về thăm ta, Tô Tứ Nguyên mới đi khỏi

Ung Châu hai ngày để vợ con ở lại chơi với ông bà. Nó có quyền đưa con trở lại Quế Châu mà không một ai dám chê trách, nhưng con ta đã để gia đình nó ở lại với ta. Vậy nếu không tin Ung Châu vững như bàn thạch, sao ta không cho con ta đưa vợ con nó ra khỏi thành?

Nói xong ông ngừng nhìn đám đông dân chúng như muốn họ phải trả lời ông.

Bỗng một rừng cánh tay đưa lên với tiếng hò reo như vỡ thành:

- Đô tổng quản, chúng tôi tin ở ngài. Ngài đúng là bậc phụ mẫu đã thân giáo chúng tôi.

Thật vậy, Tô Giàm đúng là một bậc thân giáo. Ông không cho vợ con ra khỏi thành đã đi một nhẽ, ngay con trai ông đưa vợ con về thăm cha mẹ, ông cũng chỉ cho Tử Nguyên trở lại nhiệm sở và bắt phải để vợ con lại Ung Châu. Bởi ông ý thức rằng trong lúc Ung Châu đang bị quân thù đe dọa mà người giữ thành lại cho vợ con đi khỏi, chắc ông sẽ ở lại với một khung thành trống rỗng bởi dân chúng sẽ theo gương vợ con ông mà bỏ thành đi hết.

Đúng lúc ấy quân vào bắm vừa bắt được một kẻ định bỏ trốn khỏi thành. Tô Giàm sai dẫn vào. Nhìn tận mặt kẻ bị gông trói kia, Tô Giàm lớn tiếng quát:

- Địch Tích, ta không ngờ kẻ hèn nhát đầu tiên bị rơi đầu lại chính là ngươi. Dù ngươi có ở trong quân đã lâu và ta cũng cất nhắc cho ngươi chức tới đại hiệu.

Nhưng trong quân ta không dung kẻ hèn nhát! Thành Ung Châu này không dung kẻ hèn nhát!

Với vẻ ngậm ngùi nhưng kiên quyết, Tô Giàm hạ lệnh:

- Đao phủ hãy chém tên phản bội.

Lưỡi dao sáng lóe vừa giơ lên mọi người chỉ còn trông thấy một dòng máu đỏ phụt từ cổ kẻ tử tội vì hèn nhát.

Dân chúng lại hò reo:

- Tô đại nhân, chúng tôi tin ở ngài!

- Thề cùng sống chết với ngài!

Tô Giàm biết ông đã thu phục được lòng người. Vì thế ông tin rằng mình có thể giữ được thành.

Từ đó không còn một ai nghĩ đến chuyện bỏ trốn, khí thế quyết chiến của quân dân trong thành cao ngất.

Lại nói khi Tôn Dản đưa thư thách đánh. Tô Giàm phê lại bằng lời lẽ lẩn tránh nhưng cao ngạo:

“Quân kia hãy chờ ngày nộp mạng”!

VII

Quân ta vây thành còn ở vòng ngoài, hằng ngày Tô Giàm mở cổng thành cho những đội du binh tinh nhuệ luồn qua những cánh rừng hoặc làng mạc để do thám quân ta. Đêm xuống có khi chúng lên vào tập kích bất ngờ rồi bỏ chạy, hoặc gây ra những đám cháy gần quân doanh của ta. Chúng cũng dò tìm các kho lương của quân ta, mong triệt lương ắt quân ta phải sớm rút về.

Nhưng Lý Thường Kiệt đã dập tắt ngay các mẹo nhỏ kia của quân Tống và vòng vây ngày một khép chặt. Tô Giàm không còn dám khinh suất đưa quân ra khỏi thành giữa ban ngày nữa. Y thành lập một đội cảm tử quân một trăm người võ nghệ cao cường có thể vừa lội sông vừa bắn cung hoặc lặn sâu đục thuyền giặc, cũng có thể vượt tường cao vào trại giặc thăm dò, sức một người lính cảm tử có thể đánh bại năm bảy người khỏe mạnh. Đội quân ấy lại thông thạo địa hình, núi non, rừng rậm, sông suối, ngòi lạch, làng mạc trong

vùng Ung Châu không chỗ nào là không biết.

Đội quân này thường chèo thuyền đi dọc sông Ung Giang đón đánh những cánh quân nhỏ của quân ta. Có lần chúng còn dùng tên độc bắn vào mắt voi, giết chết mấy thớt voi trận của ta, chúng cũng lên phục bắn chết trước sau hai đô tướng của quân ta.

Đội cảm tử của Tô Giàm tuy nhỏ nhưng vô cùng lợi hại, gây cản trở cho quân Đại Việt khá nhiều. Lý Thường Kiệt sai Lý Kế Nguyên phải diệt gọn đám du binh này để quân ta siết chặt vòng vây hơn nữa.

Lý Kế Nguyên cho quân thám phục ở hai bờ Ung Giang theo dõi hành tung và cung cách hoạt động của nó.

Khi đã nắm chắc phương cách hành động cũng chỗ mạnh, chỗ yếu của nó, Lý Kế Nguyên lập trận địa mai phục rồi cho một đội khinh thuyền năm chiếc cùng với một đô quân tám chục người cứ điểu qua điểu lại trên sông nửa như tìm kiếm một cái gì, nửa như lạc đường.

Thấy mỗi ngon, quân Tống quyết không bỏ lỡ. Từ thượng lưu chúng ào xuống, thuyền nhẹ, xuôi nước lại thuận những dũng sĩ thay nhau chèo, thuyền cứ lao vun vút như tên bắn. Chẳng mấy chốc đã gần đuổi kịp thuyền quân Đại Việt. Hai bên đều nằm trong tầm tên bắn của nhau.

Bỗng thuyền quân Đại Việt quay mũi đối diện với với thuyền quân Tống. Và từ hai bên mép nước, các

thuyền phục dã gỡ bỏ cây cỏ hoá trang xông ra hò reo và đuổi theo thuyền giặc.

Thuyền Tống quay mũi tháo chạy. Quân ta chỉ hò reo và đuổi cầm chừng. Thuyền quân Tống chạy được hơn mười dặm lại trông thấy phía trước mặt, thuyền quân Đại Việt đang từ thượng lưu lao xuống. Đúng lúc ấy cả phía trước, phía sau quân Đại Việt đều hò reo dậy đất và tên bắn vãi ra như mưa. Chợt nhìn thấy một lạch ngòi, thuyền quân Tống bèn ngoặt vào. Thuyền đi được vài dặm thì mắc cạn, chúng bỏ thuyền đổ quân lên bờ trốn chạy. Nhưng quân Đại Việt đã chờ sẵn. Đám dưng sĩ Tống vừa mệt mỏi vừa hoảng loạn, cách chống cự duy nhất của chúng là giơ tay chịu trời.

Từ sau thất bại đó, quân Tống dường như đóng chặt cổng thành chờ viện binh.

Lý Thường Kiệt cho quân siết chặt vòng vây áp sát bốn mặt thành. Dân chúng Ung Châu đã vào hết trong thành. Thành Ung Châu là một thành lớn có sức chứa tới năm vạn quân, năm ngàn ngựa chiến, kho lương thảo đủ dùng cho người, ngựa tới cả tháng, có cả bãi tập, hồ nước. Ấy là nói về sức chứa của thành. Chứ thực trong lúc này nó chỉ có chứa tới ba ngàn quân là lính thường binh. Nhưng tình thế cấp bách lại được đô tổng quản Tô Giàm là người yêu nước vừa có tâm vừa có tài nên đã tâm phục được cả gân chực vạn dân cùng ở lại giữ thành. Vì vậy dân binh tự vũ trang lúc này đã lên

đến cả vạn người, phiên chế thành từng đô, sát cánh với quân thú của triều đình cùng chống cự.

Bờ thành xây kiên cố, mặt ngoài đá học xếp khít gần tới ba sải tay, giữa chèn đất thịt, đầm nén chặt cứng, mặt trong lại chèn đá học như mặt ngoài. Mặt trong thoải mặt ngoài thẳng đứng cao tới ba chục sải tay. Mặt thành rộng hai xe có thể tránh nhau. Bao quanh chân thành là một hào nước rộng chừng ba trượng¹, nước mấp mé bờ thì sâu tới sáu thước², con hào này ăn thông ra sông Ung Giang. Mùa nước nổi quân thúy có thể theo thuyền từ chân thành ra Ung Giang tập trận. Ngay cả vạn chuyển lương thảo thuyền cũng có thể theo đường thủy vào sát chân cầu mà chuyển bốc hàng lên bờ.

Bốn cổng thành theo bốn hướng chính: đông, tây, nam, bắc nối với bờ bằng bốn cây cầu đá. Mặt cầu rộng hai xe tránh nhau dễ dàng. Cầu có sức tải cả vạn cân không hề suy chuyển. Trên bốn cổng thành là bốn chòi canh, bốn góc thành cung lập bông chòi canh. Quân đi tuần tiêu trên mặt thanh suốt ngày đêm. Ở mỗi chòi canh luôn có một đô quân túc trực, còn một đô quân chia làm đôi đi về hai phía mặt thành, tới khoảng giữa hai chòi canh, quân hai chòi gặp nhau thì quay lại.

Trước khi quân Đại Việt khép vòng vây, Tô Giàn

1 Đơn vị đo lường cổ của Trung Hoa. Một trượng tương đương 7 mét.

2 Một thước, xấp xỉ 40 cm.

đã cho phá cả bốn cây cầu. Những phiến đá lát cầu vắn đổ xuống hào nằm chát đống ngổn ngang. Cầu chỉ còn trơ lại những cột đá chỉ chít nom như những chiếc chông khổng lồ.

Con hào chỉ trở nên một vũ khí khi nó có giá trị phòng thủ vào mùa nước lớn. Nay là mùa khô, nước sông Ung Giang khi lên cao nhất cũng chỉ đầy nước trong hào dâng lên độ hơn một thước, người lội qua dễ dàng, những chỗ nông, nước chỉ ngập bàn chân.

Lý Kế Nguyên đã chọn ngày nước kiệt cho quân đắp chặn ngay chỗ cửa Ung Giang nên mặt hào đã khô tới đáy. Và bốn cây cầu đổ cũng được quân ta lấp đầy đất lại được các cột cầu làm lối cho nên đường, người và xe cộ đi lại như đi trên mặt đường bộ. Như vậy là quân Đại Việt đã biến con hào và các cây cầu phòng thủ của quân Tống trở nên vô dụng.

Lý Thường Kiệt đã cho quân công phá cả bốn cổng thành bằng cách dựng những cột như cột đu rồi dùng chèo chặc treo cây gỗ cứng to một vòng tay người ôm không xuể, quân lính thay nhau đẩy cây gỗ thúc mạnh vào cánh cổng thành suốt mấy ngày đêm nhưng canh công vẫn không hề suy chuyển.

Lại nói cổng thành Ung Châu được cấu trúc đặc biệt vững chắc. Cánh cổng được ghép bằng những phiến gỗ cứng như gỗ trai, gỗ đinh, gỗ lim mỗi phiến dày tới hai gang tay, phía trên phía dưới cánh cổng đều ăn vào

một giờ thẳng như một dương trục, nó được di chuyển bởi hệ thống bánh xe bằng gỗ trên một ranh trục sắt. Đóng mở đều phải dùng hệ thống tời quay. Mỗi cổng có năm lớp cửa như vậy.

Thấy quân địch tới mấy ngày liền mà các cổng đều vẫn trơ như đá, Tôn Đản chợt nghĩ đến việc dùng sức voi. Ông liền đi tìm chủ tướng xin được làm thử. Nghe xong Lý Thường Kiệt sai làm ngay.

Tôn Đản bèn sai nài voi cho hai con voi khỏe lấy voi cùng nâng một cây gỗ cứng và cứ thế thúc vào cánh cổng. Chỉ một vài lần đẩy, voi đã làm thành thạo. Chẳng mấy chốc cả bốn cổng thành Ung Châu đã có tám đôi voi thúc phá ầm ầm.

Quân trong thành hỗn loạn, tướng như các cổng sắp bị phá toang. Tô Giàm mặc áo giáp leo lên mặt thành nhìn rõ những con voi Giao Chỉ to lớn thường đưa sang cống thiên triều cũng giống những con voi này đây. Biết sức mạnh và sự tinh khôn của giống voi Giao Chỉ đã được thuần hóa, Tô Giàm không khỏi lo lắng; ông cho triệu các tướng vào trung quân bàn thảo. Vào đề, Giàm nói:

- Quân Giao Chỉ hãm thành tới nay đã được hai mươi ngày mà chưa làm gì nổi ta. Nay chúng cho voi phá cửa thành, ta sợ sức voi thúc những cây gỗ lớn như vậy cánh cổng rồi sẽ bật ra mất. Các tướng xem có cách nào đuổi được lũ voi kia ra khỏi cổng thành không.

Một tướng nói:

- Bẩm chủ tướng da voi dày lắm, tên xuyên không thủng. Điểm yếu nhất của loài voi là hai hố mắt, hai lỗ tai. Nhưng tai voi lại cụp xuống nên không thể dùng tên bắn vào lỗ tai nó được. Vậy là chỉ có hai hố mắt có thể sai các cung thủ thiện xạ dùng tên tâm độc bắn thẳng vào may ra diệt được nó.

Một người khác lại nói:

- Bẩm chủ tướng, đối với con voi lợi hại nhất là cái vòi của nó. Toàn bộ sức mạnh của nó đều thể hiện qua chiếc vòi. Vòi voi có thể hút nước rồi phun ngã cả hàng quân. Vòi voi có thể vờ ra xa ôm lấy thân người rồi siết mạnh cho xương cốt gãy vụn, sau đó tung lên cao để rơi xuống đất và dùng chân giày đập cho nát vụn. Tuy nhiên cái vòi cũng là điểm yếu nhất của voi. Nếu ta chặt được vòi nó thì con voi kia chẳng khác một con trâu nhà.

Lại một người khác lên tiếng:

- Ông nói vậy là chỉ khi ta đối trận với nó. Bây giờ nó đang chúi đầu vào công, chỉ hở lưng và đuôi phía sau. Vậy làm thế nào ở trên mặt thành mà bắn được vào mắt, chém được vào vòi nó.

Như rơi vào chỗ bí, mọi người đều yên lặng. Lát sau Tô Giàm mới lên tiếng:

- Theo ta cứ lấy dầu lạc, dầu vừng đổ đầy các chảo lớn nấu sôi cả ngày đêm cho nó thật nóng rồi cùng lúc

đổ thứ cả chục chảo dầu sôi lên lưng một hai con xem sao. Ta nghĩ dù tê, tương được coi là vật linh nhưng nó vẫn cứ là con vật. Còn da nào cho vào chảo mỡ sôi cũng phải chín. Nếu quả da voi chịu được dầu sôi thì dầu ấy chảy xuống mắt, xuống tai, xuống vòi của nó những bộ phận rất dễ tổn thương chắc nó phải lông lên mà bỏ chạy. Hãy cứ thử xem.

Các tướng đều đồng lòng làm thử. Mọi việc được bắt tay vào ngay. Để đánh lừa quân địch, Tô Giàm cho nổi lửa tối vài chục điểm trên khắp mặt thành, trong đó có bốn cổng thành. Tuy nhiên chỉ có cổng thành phía bắc là có đun dầu.

Chiều hôm sau nhằm lúc mặt trời gác núi, mặt thành vẫn còn nom rõ đường đi lối lại nhưng dưới chân thành đã sẫm tối. Đúng lúc đó tại cổng thành phía bắc, dầu sôi đổ liên tiếp hết chảo nọ đến chảo kia xuống mình bốn con voi đang kiên nhẫn thúc những cây gỗ to vào cổng thành. Tự nhiên có tiếng voi gậm rống lên một hồi rồi im bặt. Đêm ấy cả bốn cổng thành đều im vắng. Và cũng từ hôm ấy quân Giao Chỉ không dùng voi phá cửa thành nữa.

Một chiến thắng bất ngờ, Tô Giàm lấy đó làm món quà để động viên khí thế chiến đấu cho quân dân trong thành. Quá nhiên ai nấy có phần tự tin vào mình hơn.

Tuy nhiên cuối năm trời không mưa, nước các giếng đã bắt đầu cạn vì dân kéo vào trong thành với

số lượng đông gấp hơn mười lần số quân đóng tại chỗ. Lương thực bắt đầu phải phân phát hạn chế, bệnh tật cũng gia tăng, lác đác đã có dăm ba người chết, Tô Giàm đang nóng lòng chờ viện binh tới cứu.

Sau hơn hai mươi ngày vừa vây hãm vừa công thành không có kết quả, quân địch trong thành vẫn chưa có biểu hiện nao núng, Lý Thường Kiệt thấy nóng lòng. Ông bèn triệu các tướng về trung quân thương nghị. Ông nói:

- Quân ta đánh từ biên thùy đến Ung Châu, quãng đường gần năm trăm dặm chỉ mất hơn mười ngày, thế như chẻ tre, quân Tống không dám chống cự. Thế mà chỉ một thành Ung Châu này với dăm ngàn lính, sáu bảy vạn dân nó giam chân đại quân ta đã hơn hai chục ngày. Các tướng có kế gì phá thành hãy mau bày tỏ.

- Bẩm quan Thái úy, bởi giặc hèn nhất núp trong thành chờ nếu nó lộ mặt ra dây thì fôn Dãn này đã vùi xác chúng từ lâu rồi.

- Cái đó ai cũng biết cả, - Lý Thường Kiệt nhắc khéo. - Bây giờ ta đang muốn hỏi kế đánh thành.

Suy tính giây lâu, Lý Kế Nguyên xin nói:

- Bẩm thái úy, ta mới chỉ tiêu diệt được quân ngoại vi và hãm thành thôi chứ chưa gây cho Tô Giàm tổn thất nặng nề. Tô Giàm đóng chặt cửa thành không dám ra đánh nhau bên ngoài là bởi lực lượng của y quá yếu, nay y dựa vào thế thành cao hào sâu thủ hiểm để chờ

ngoại viện. Chắc chắn bằng mọi cách y đã thông đạt được với Quế Châu hoặc Quảng Châu.

Tiểu tướng thiên nghi, tại sao ta không nổi thang để đưa quân lên mặt thành. Dành rằng việc đó là nguy hiểm nhưng không thể không làm.

Thân Cảnh Phúc nói tiếp:

- Bấm quan thái úy, tiểu tướng nghi rằng phải đánh thành gấp chứ không nên dừng quân ở đây quá lâu. Đó là điều thất lợi, nhược bằng quân Tống dùng Ung Châu làm mối như để kìm chân quân Đại Việt, trong khi đó họ đưa đại quân đánh thẳng sang đất ta thời đó sẽ là mối nguy vì trong ngoài ta không ứng cứu cho nhau được.

Mấy ngày nay Lý Thường Kiệt lo ngại chính điều này, nay lại từ miệng Thân Cảnh Phúc nói ra khiến ông thêm bức xúc. Ông đã tung quân do thám đi khắp nơi xem Biên Kinh đã rục rịch gì chưa, hoặc giả Quế Châu, Quảng Châu có đưa binh đến cứu Ung Châu để biết đường đối phó. Lý Thường Kiệt liền nói:

- Không phải người Tống không biết điều Cảnh Phúc vừa nói, cũng không phải ta bỏ quên điều đó trong phương lược của ta. Có điều rằng người Tống làm gì cũng chậm chạp. Hiện nay Biên Kinh đang bàn cãi. Vậy thì còn lâu họ mới khởi binh được. Ta đã hẹn, nội trong hai chục ngày nữa phải san Ung Châu thành bình địa trước khi ta hồi quân.

Lưu Kỷ, tướng sừng sỏ vùng Quảng Nguyên từng làm kinh hoàng các biên quan, biên tướng Tống, và ông ta có đội binh mạnh không kém Thân Cảnh Phúc bèn lên tiếng:

- Bẩm chủ tướng, thằng giặc già Tô Giàm này đang chọc tức Lưu Kỷ đây. Xin chủ tướng cho tôi năm ngàn tù binh bắt từ Khâm, Liêm để tôi huấn dạy chúng một ngày, bắt chúng phải leo lên mặt thành ném hỏa hổ đốt cháy doanh trại Tô Giàm, may mà đốt được kho lương nó thì chỉ trong ba ngày nó phải ra hàng. Vâng, nếu gặp quân Giàm trên mặt thành tất chúng phải đánh lại. Không, bọn này dân Quảng Đông, đối với Quảng Tây, chúng nó ngôn ngữ bất đồng chẳng sợ dụ nhau hàng đâu. Trong khi chúng nó hỗn chiến thì quân tôi sẽ trèo lên chiếm mặt thành, nếu đánh nó núng thì tôi cho quân xuống chiếm lấy một cổng thành rồi mở toang ra cho đại quân tiến vào. Dạ, mười ngày hôm nay nhàn rồi, tôi cho quân làm được mấy ngàn chiếc thang mây rồi, cứ nối vào nhau mà bắc lên mặt thành. Trận này bất ngờ, tôi chắc Tô Giàm dù có quý quyết đề phòng cũng không lường hết được đâu. Đánh rằng đánh nhau là phải chết. Mà có chết thì chúng nó giết lẫn nhau thôi. Xin chủ tướng cứ cho tôi đánh thử, nếu không thắng cũng không thua đâu. Dừng ngại.

Nghe Lưu Kỷ nói mọi người vừa nghi ngờ vừa tin tưởng. Tướng Hoàng Kim Mãn cũng phụ họa:

- Xin quan Thái úy cho tôi được đem binh phối hợp với quan châu mục Quảng Nguyên đánh thành.

Các tướng lĩnh, các đầu mục tranh nhau nói, tranh nhau hợp sức đánh thành. Ai cũng tỏ ra hăng hái, không có ý nào bàn lùi.

Lý Thường Kiệt đi về phía Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, khẽ nói:

- Bản tướng muốn được nghe vương chỉ giáo.

Lý Nhật Trung cười xòa:

- Ta tin rằng ông đã có chủ kiến đúng đắn, cứ thế mà làm. Lấy việc trước soi việc sau, không coi thường kế mưu của người dưới, tiên vương và cả vương huynh ta đều theo đường lối đó chưa thấy việc nào hỏng, trận nào thua.

Ngẫm nghĩ giây lâu, Phụng Càn vương lại tiếp:

- Mọi việc ta thấy ông đều tiên lượng được cả, chỉ xin nhắc lại vài điều nhỏ trong binh pháp. Tức là đã xuất quân ra khỏi cõi thì phải tốc chiến, tốc thắng và khi mục tiêu đã đạt được bảy tám phần thì nên quay về. Bởi trong cái thế công của Thái úy là dễ thủ như chủ trương “tiên phát chế nhân” chớ đâu có tham vọng chiếm đoạt đất đai đối với người Tống. Và lại quân càng đi xa nguồn nuôi dưỡng của dân chúng càng khó khăn.

Lý Thường Kiệt vòng tay đáp lễ:

- Đa tạ vương đã cho những lời răn bố ích.

Trong khi các tướng lo chuẩn bị đánh thành thì Lý Thường Kiệt sai Lý Kế Nguyên đem năm ngàn quân đi chặn đánh quân tiếp viện. Ông dặn dò Lý Kế Nguyên:

- Ta được tin đô giám Trương Thủ Tiết theo lệnh Lưu Di ở Quế Châu đã đem binh tới cứu Ung Châu chỉ còn cách Ung Châu chừng hơn trăm dặm, tướng quân đem binh đến trước mai phục.

Nói đoạn ông mở tấm bản đồ ra cho Lý Kế Nguyên nhận đường:

- Đây là Ung Châu, nơi ta đang vây Tô Giám, đây là ải Côn Lôn có quân đồn đóng. Đây là Tân Châu. Côn Lôn quan nằm trên đường từ Tân Châu đến Ung Châu, cách Ung Châu khoảng tám mươi dặm. Tướng quân liệu tìm địa hình mai phục, nếu quân Tống bị đánh bất ngờ, dù chung có số quân áp đảo, ta chắc chúng cũng quy hàng ngay.

Nhìn ngắm viên tướng trẻ giữa chiến trường xa trong những ngày áp tết, Lý Thường Kiệt chạnh nhớ đến giọt máu lưu lạc mà cậu bé chợt gặp trong ngày chợ phiên ngoài trang Vân Đồn năm nào, ông vẫn cứ dính dính câu bé đó là con ông, chắc cũng trạc tuổi Kế Nguyên.

Đột nhiên Lý Thường Kiệt hỏi:

- Chẳng hay công tử cảm tình con gì vậy?

- Dạ thưa, tiểu tướng cảm tình con rộng ạ.

Lý Thường Kiệt trầm nghĩ, thằng con ta cũng tuổi

Canh Thìn, năm nay ba mươi sáu tuổi. Sang năm là đúng ba giáp. Vừa ngậm ngùi nhớ con, vừa cảm thông với binh sĩ nổi xa nhà ngày giáp tết đến. Như chàng công tử đây con nhà thế phiệt, mái ấm dể huề... Thái úy không dám đi đến cùng những ý nghĩ miên man. Chợt ông hỏi:

- Công tử có biết hôm nay là ngày bao nhiêu tháng chạp không?

Lý Kế Nguyên cười phô ca hai hàm răng trắng và cặp má có hai núm đồng tiền, nom mới dễ thương làm sao. Chàng có vóc dáng như một thư sinh, một nho sĩ hơn là một vị tướng. Chàng khẽ đáp:

- Bẩm Thái úy, cháu cũng không nhớ nữa. - Chàng buột miệng xưng hô như vậy và cảm thấy mình uỷ mị.

Nhưng Thái úy lại hết sức xúc động, cố ghìm nén tình cảm, Lý Thường Kiệt nhẹ nhàng nói:

- Công tử ham lập công quên cả ngày tháng. Hôm nay là hai mươi bảy tháng chạp rồi. Nếu ở nhà chắc công tử đã phải về lau dọn đồ thờ, trang hoàng nhà cửa lo đón Tết cho song thân. Chẳng hay tướng công có cái nhã thú chơi loại hoa cây cảnh nào không.

- Dạ thưa, cha cháu thì tết nào cũng chỉ chuồng có một cội chi mai và một bình thủy tiên thôi ạ. Nhưng thủy tiên cha cháu tự gọt lấy và cứ đúng giao thừa thì nụ đầu tiên hé nở. Sáng mồng một tết đã có dăm bảy bông nở, hương tỏa ngào ngạt.

- Vậy thì tướng công vừa có tâm hồn của một thi sĩ vừa có tâm hồn của một đạo sĩ.

- Dạ, Thái úy quá khen cha cháu.

Thái úy chuyển giọng có phần hơi nghiêm:

- Ta hỏi thật tướng quân, Tết nhất phải xa nhà binh sĩ có oán ta lắm không. Họ có nhớ nhà không? Tướng quân có nhớ nhà không?

- Dạ thưa, ở các đô khác tiểu tướng không được biết, nhưng các đô quân do tiểu tướng quản nhiệm thì không có chuyện nhớ nhà hoặc oán thán gì cả. Bởi quân ra trận mà cứ hồ hởi như đi trải hội, đánh đâu thắng đó, vào đất giặc như vào chỗ không người, binh sĩ lấy làm tự hào lắm đấy ạ. Nhiều người còn nói nhờ có chủ tướng là bậc kiệt kiệt nên Đại Việt ta mới rửa được mối hận ngàn năm Bắc thuộc, mới chấm dứt được cái hoạ lấy thịt đè người, họ muốn danh ta lúc nào thì đánh. Nay Đại Việt đường đường chính chính đem quân sang trách phạt với lời "lộ bố" rõ ràng khiến dân Tống còn cảm phục mà theo giúp, còn binh Tống thì không dám chống cự, run sợ bỏ chạy hoặc đầu hàng, tướng đó cũng là mối nhục ngàn năm cho thiên triều. Dạ, vì thế mà sức quân ta được nhân lên gấp bội, còn oán thán nổi gì.

- Vậy thì ta yên tâm. Bao giờ tướng quân có thể lên đường diệt viện.

- Bẩm, tiểu tướng có thể lên đường ngay đêm nay nhằm đến trước giặc, chiếm địa hình, lập trận địa mai

phục chờ giặc đến.

- Tướng quân còn trẻ mà nắm vững binh pháp khiến ta yên tâm. Chúc tướng quân lập được nhiều công trạng trong cuộc binh Tống hiểm hoi này. Tướng quân nên nhớ, lịch sử chỉ cho ta một cơ hội, bỏ lỡ là mang trọng tội với quốc dân và muôn đời sau còn tiếc nuối. Đại Việt ta có rạng danh cũng bởi vận hội này, tướng quân ráng lập công.

Nói xong Lý Thường Kiệt trao cho Lý Kế Nguyên lá cờ lệnh.

Cầm lá cờ lệnh trong tay, Lý Kế Nguyên vái chào chủ tướng rồi lui gót trở lại quân doanh.

Công cuộc chuẩn bị đánh thành đang gấp rút hoàn tất. Nhưng chòi cao để quan sát vào trong thành được cấp tốc dựng trong đêm tối. Những cây thang buộc nối vào nhau ốp sát tường thành. Những hỏa hổ, những đồ dẫn chất cháy đều sắp sẵn và chia vê cho các đội quân công thành.

Từ mờ sáng các máy bắn đá của ta đã tới tấp nã đạn vào trong thành, nơi trại giặc đóng san sát. Nhiều viên đạn đá buộc theo bụi nhụi diêm tiêu làm bùng lên những đám cháy.

Quân ta thúc trống, nổi tù và, hét loa gọi hàng làm náo động xung quanh thành Ung Châu.

Trong thành mỗi lúc mỗi lúc càng có thêm nhiều đám cháy. Dân binh lẫn xả vào chữa cháy. Binh lính

vẫn ở yên vị trí chiến đấu. Ấy là do Tô Giàm đã lường trước mà sắp xếp. Tuy nhiên, ngọn lửa vẫn cứ bùng lên mỗi lúc một cao hơn, và các đám cháy cũng nhiều thêm khiến cả quân, dân đều nao núng.

Nhằm lúc quân trong thành đang rối, quân thu trên mặt thành cũng hướng vào các đám cháy mà lo lắng. Không lo lắng sao được, nhà cửa cháy hết, lương thảo cháy hết, khí giới cháy hết, lấy gì mà nuôi nhau, sức dẫu mà giữ thành. Đúng lúc đó ta bắn như vãi tên độc lên đám lính trên mặt thành làm chúng chết la liệt rồi cho các tù binh leo lên mặt thành đánh áp lá cà với quân Tống. Sau đó quân ta lũ lượt leo lên tiếp ứng. Cuộc kịch chiến trên mặt thành vô cùng khốc liệt và đẫm máu. Đám tù binh Tống, cho mặc binh phục Việt nên quân Tống lao vào chém giết không tiếc tay. Những tù binh ấy buộc phải chống cự vì mạng sống của chính họ. Do đó họ lao vào nhau để cướp lấy một chỗ đứng dù chỉ vừa đặt một bàn chân. Mặt thành tuy hai xe có thể tránh nhau, nhưng lúc này chật cứng những bàn chân, và người nào cũng gồng mình lên để đẩy kẻ thù xuống chân thành.

Quân ta đã chiếm được một đoạn mặt thành, dùng nỏ liên châu¹ bắn về hai phía quân Tống, nhưng lại bị

1 Nỏ liên châu bắn được nhiều mũi tên cùng một lúc.

quân Tống ở dưới mặt đất dùng cung thần ti¹ bắn lên.

Vũ khí hai bên đều lợi hại, số người chết nằm ngổn ngang. Đoạn mặt thành quân Đại Việt chiếm được lại không có lối xuống chân thành nên họ mở đường máu đánh dồn về hai phía.

Quân Đại Việt lại cho voi đến thúc bốn cửa thành. Và tiếp tục cho người treo thang lên tiếp ứng.

Quân Tống cũng quyết giữ không cho quân Việt chiếm được lối xuống chân thành. Họ đưa người lên tiếp ứng đông kín mặt thành. Tính ra họ đưa được mười người lên mặt thành thì quân Đại Việt mới đưa được một người. Vì rằng đường lên của họ là những bậc thang bám vào đất rất vững chắc, còn đường lên của quân Đại Việt là những chiếc thang dây nối dài không vững. Đó còn chưa kể thang bắc vào khu vực quân Tống chiếm giữ thì mười người lên chưa chắc đã được một người đặt chân vào mặt thành. Tuy vậy cuộc chiến diễn ra cũng vô cùng ác liệt. Lúc đầu do sơ hở để quân Việt lên được mặt thành, khiến quân Tống bị diệt khá nhiều. Sau quân Tống đưa đội quân quyết tử lên đánh chiếm lại đẩy quân Việt rơi xuống chân thành chết ngổn ngang lớp nọ đè lên lớp kia. Ngay cả voi dưới chân thành cũng bị đầu sỏ đổ vào chết tới bảy tám thớt. Tính ra đánh nhau từ giờ dần tới giờ thân quân Việt chết hơn tám ngàn người

¹ Cung thần ti cũng bắn được nhiều mũi tên cùng một lúc.

trong đó có năm ngàn tù binh người Tống. Phía quân Tống cả binh lính và dân thường chết hơn một vạn. Cháy mất hơn hai ngàn học lúa, một kho quân trang vài chục trại lính và hơn một trăm nóc nhà dân.

Không khí tang tóc trùm phủ khắp thành Ung Châu, song không vì thế mà dân chúng trở nên hoảng loạn như những ngày đầu nghe tin quân Giao Chi sắp đánh tới. Nỗi căm hận được giấu kín ở trong lòng, dù con mất cha mẹ; cha mẹ mất con cái; vợ chồng mất nhau; nhà cháy tan hoang; cửa cải mất sạch, nhưng họ lặng lẽ đi đào hố chôn chung. Mỗi hố có thể vùi từ một trăm đến vài ba trăm xác người chết. Thành Ung Châu không có một tiếng khóc, họ dồn sức lực còn lại vào việc củng cố thành trì, vận chuyển đá và cung tên lên mặt thành. Muôn người như một, họ quyết tử chiến.

Gió lạnh đột ngột từ phương bắc tràn về. Mưa bụi lay phây làm cho cái rét trở nên buốt giá. Lính Tống phong phanh vài manh áo vải, đêm nằm chỉ có chiếu cói đắp trùm với vài mảnh bao tải. Tuy vậy họ vẫn còn sung sướng hơn người dân trong thành Ung Châu này. Tô Giàm sau khi coi sóc mọi việc chôn cất và đốc thúc canh phòng, cánh giới ông mới trở lại trung quân cũng vừa lúc trống điểm canh ba.

Ngồi trước đĩa đèn dầu lạc đang leo lét cháy, Tô Giàm giật mình kinh hãi không hiểu tại sao đã hơn hai chục ngày bị vây hãm mà không thấy Quế Châu đem

binh đến cứu. Lương trước được cảnh quân thù vây hãm, nên khi quân chúng còn ở xa, ta đã có thư xin viện binh gửi Lưu Di, quan coi Quế Châu. Trong thư cầu viện ta đã nói hết mọi nhẽ. Và ta cũng hứa quyết giữ thành chờ viện binh chứ không để mất thành vào tay quân Giao Chỉ. Chẳng nhẽ Lưu Di không biết thực lực của thành Ung Châu sao? Chẳng nhẽ Ung Châu không thuộc Quế Châu?

Để mất Ung Châu là mối nhục cho nhà đại Tống. Mang danh thiên triều mà để tử di bất nạt. Hết bắc Liêu lại đến tây Hạ bằm nát nước Trung Hoa ra từng mảnh nhỏ. Có đời thườ nào Trung Nguyên lại phải triều cống cho Liêu, Hạ hằng năm. Mới đây Liêu còn đòi bảy trăm dặm đất Hà Đông, thiên tử phải dứt ruột ra cho nó. Nay lại đến lượt Giao Chỉ đánh vỡ mặt thiên triều. Gần một tháng quân Giao Chỉ đánh sang mà quân triều đình vẫn án binh bất động. Ta chẳng hiểu người ta đồn đại Vương An Thạch là bậc kinh bang tế thế, giữ quyền tướng quốc mà để đất nước thế này ư. Đành rằng Ung Châu dân không quá mười vạn, lính không quá năm ngàn, nhưng nó là bộ mặt của Trung Quốc ở phía nam. Nó lại đang là cứ điểm để triều đình sửa soạn đánh An Nam. Thế mà nó bị bỏ rơi. Càng nghĩ, Tô Giàm càng thấy ngậm ngùi cho đất nước, tự nhiên hai khóc mắt ông cay cay rồi nước mắt cứ thế ứa ra. Và như có một cái gì đó lay động từ đáy sâu tâm tưởng tựa như lòng tự tôn dân tộc chợt bừng thức trong ông. Tô Giàm lấy tay áo thụng gạt

nước mắt. Và ông nói ra thành lời, như là một sự tự hứa hẹn với thiên liêng sông núi – Ung Châu không thể mất! Nước Trung Hoa vĩ đại không thể mất!

Lập tức ông ngồi vào án lấy giấy bút viết thư cầu viện. Lần này không gửi về Quế Châu nữa. Vì Quế Châu tới Ung Châu phải mất mười bốn ngày đường. Ông gửi thư về Tân Châu cho đệ điểm Tống Cầu là bạn ông đang coi châu ấy. Vả lại Tân Châu ở cách Ung Châu không xa, chỉ hai ngày đường là tới được. Viết xong, ông lấy nến vò vào tờ thư để quân có thể giấu kín trong miệng mà không sợ thấm nước, nhòe chữ. Loại thư như thế này đời trước gọi là “lạp thư”.

Tô Giàn chọn một trong số những người trong đội quân quyết tử gan dạ nhất, mưu trí nhất và thông tỏ đường đi lối lại để giao việc. Người này phải mặc đồ hóa trang để lẩn vào bóng đêm. Cũng may, mấy ngày áp tết trời lạnh, đêm sương xuống trắng trời, cách ba bước không nhìn rõ mặt nhau. Buổi sớm, mãi tới giờ tị sương mới tan loãng, ánh mặt trời mới dọi được xuống mặt đất. Vào lúc sương đêm đậm đặc nhất, trên thành buộc dây thả thừ một vài vật xuống phía chân thành thăm dò, không thấy động tĩnh gì. Vài ba lần như thế rồi trên thành mới thả người thật xuống.

Quá thật ba ngày sau người lính dũng cảm kia đã thoát được vòng vây trùng trùng điệp điệp của quân Đại Việt để ra mắt viên đệ điểm Tống Cầu.

Đọc thư xong Tống Cầu đã khóc như một đứa trẻ. Tống Cầu khóc thương cho bạn bị vây khốn hay khóc cho nước Tống bạc nhược bởi vua quan ươn hèn. Tống Cầu chuyển thư cho Trương Thủ Tiết và giục y tiến binh.

Lại nói về đô giám Trương Thủ Tiết. Khi quan coi Quế Châu là Lưu Di nhận được thư cầu viện của Tô Giàm bèn cử ngay đô giám Trương Thủ Tiết dẫn năm ngàn quân bản bộ đi cứu nguy cho Ung Châu. Lại dặn có thể lấy thêm quân ở các châu, quân dọc đường.

Trương Thủ Tiết dẫn quân đi, nhưng nghe nói quân Đại Việt vừa mưu trí, dũng mãnh vừa đông hơn gấp cả chục lần quân Tống nên có ý trù trừ. Nhẽ ra phải tiến theo đường thiên lý thẳng về Ung Châu cho nhanh thì y lại đem quân đi vòng theo đường Quý Châu để tới Tân Châu rồi đồn trú tại trại Khang Hòa để nghe ngóng khả năng chống đỡ của Tô Giàm và sức công phá của quân Đại Việt.

Bị Tống Cầu thúc ép lên đường, Trương Thủ Tiết bèn dời binh đến cửa ải Côn Lôn, định đồn đóng ở đó nghe ngóng thêm động tĩnh chiến trường.

Khốn thay cho Trương Thủ Tiết, y có ngờ đâu Lý Kế Nguyên đã mai phục sẵn chỉ chờ y dẫn xác tới.

Bị đánh bất ngờ, quân Tống hốt hoảng tháo chạy, phần lớn không chạy kịp đã đầu hàng quân Đại Việt. Trương Thủ Tiết cũng bị chết trong đám loạn quân.

Lý Kế Nguyên thu quân và bắt thêm mấy ngàn

tù binh về ra mắt Lý Thường Kiệt, và đó là món quà đầu xuân của vị tướng trẻ dâng lên chủ tướng vào ngày mừng bốn tết năm Bính Thìn (1076).

Lý Kế Nguyên lập công xuất sắc như một thứ men nồng kích thích các tướng sĩ xin với chủ tướng sớm cho hạ thành Ung Châu.

Lý Thường Kiệt đem rượu chiến lợi phẩm lấy được từ kho của Trần Vĩnh Thái ở Khâm Châu ra thết các tướng, ông nói:

- Trong quân vốn cấm uống rượu, nhưng hôm nay mừng xuân, mừng tướng quân Lý Kế Nguyên vừa diệt và bắt sống toàn bộ đội quân cứu viện của Trương Thủ Tiết ở cửa quan Côn Lôn, ta mời các tướng mỗi người một bát rượu. Chẳng biết nó có quý không nhưng thấy quân bầm: Trần Vĩnh Thái có một kho rượu. Ta ghé nhìn thấy chữ đề ngoài kho là: "Bò Đào mỹ tửu", ta sai lấy xuống thuyền năm vò. Bữa nay cho mở một vò mời các tướng, còn bốn vò nữa chờ san phẳng thành Ung Châu xong, ta sẽ đem hết ra khao tất cả tướng sĩ.

Lý Thường Kiệt lòng đầy hứng khởi, nhìn khắp lượt các tướng, ông nâng bát rượu lên ngang mày nói:

- Mời các tướng cạn chén. Uống xong ta bàn kế đánh thành.

Uống xong Hoàng Kim Mãn giơ chiếc bát không lên cao nói:

- Bầm chủ tướng rượu ngon lắm, xứng danh là mỹ

tứ. Mặt tướng chỉ muốn hạ thành ngay đêm nay để được uống tiếp.

Mọi người cười vui vẻ.

Lý Thường Kiệt lại nói:

- Ta đem quân sang đây, mục đích là hạ thành trì của nó, phá tan các cơ sở của quân thủy, quân bộ mà từ đó nó định làm nơi xuất phát đánh ta. Hôm nay là ngày mừng bảy tháng giêng, quân ta vây thành từ hai mươi tháng chạp. Tính ra đúng hai mươi bảy ngày ròng. Ta đã dùng tên tẩm độc giết chết nhiều quân nó trên mặt thành, ta cũng đổ quân lên mặt thành đánh với quân nó đến người cuối cùng, lại dùng cả nỏ liên châu, máy bắn đá, bắn cả chất cháy vào đốt trại quân nó, cho voi thúc cống thành nó, triệt nguồn nước sông Uông khiến hào nó cạn kiệt, trong thành đang khốn đốn vì nước. Nghĩa là ta đã làm tất cả các việc cần làm cho việc đánh thành, gây cho nó thiệt hại khá nhiều, nhưng quân ta cũng tổn thất tới mấy ngàn người, hơn chục thớt voi chiến bị chết, vũ khí bị cháy cũng không ít. Tổn thất lớn nhất là ta có tới năm vị đô tướng bị thiệt mạng. Vậy mà ta vẫn chưa hạ được thành của nó; không phải vì quân nó mạnh mà bởi thành nó vững, nó lại cố kết được nhân tâm bách tính trong thành, kể ra Tô Giàn cũng là một tay tướng giỏi; khác với các đô tướng và quân binh mà ta đã tiêu diệt trên năm trăm dặm đường. Hầu hết bọn họ đều hèn nhất, mới nghe tiếng quân ta đã chạy, mới chớm

giao tranh dã hàng, duy có Tô Giàm là gan góc chống lại. Ta thề sẽ bắt Tô Giàm, băm xác nó làm trăm mảnh để trị tội nó làm khó quân ta; sau đó ta sẽ cho tế nó đủ ba tuần rượu để khen nó, vì nó là một dũng tướng, tướng có tài và đã gan góc chống lại đại binh ta.

Nhìn lại mọi người, Lý Thường Kiệt gạn hỏi:

- Ta muốn nghe kế của các ông, nhưng kế gì thì kế cũng không được phép hoang huyễn máu xương của sĩ tốt.

Phò mã Thân Cảnh Phúc đang thì thầm bàn bạc với Lưu Kỷ, nghe chủ tướng hỏi kế đánh thành, ông nói:

- Chắc Thái úy đã có dự mưu, và cũng đã thực hành một vài phương cách đánh. Nhưng kẻ địch cố tình hưu chiến chờ viện binh. Phải nói Tô Giàm là một tướng lì lợm. Theo thiên ý của mặt tướng, nếu ta có kế chiếm đóng lâu dài đất họ, thì chẳng cần đánh, chỉ để một số quân nhỏ vây hãm rồi thỉnh thoảng bắn tên lửa cùng đồ dẫn cháy như nhựa thông, diêm tiêu vào đốt dần nhà cửa, kho tàng của họ, chỉ trong vòng một tháng nữa nếu không kéo nhau ra hàng thì cũng chết đói, chết khát hết mà thôi. Song vì mục tiêu của ta chỉ chinh phạt là chính, cho nên không thể ở lâu trên đất địch. Mà muốn hạ được thành nó ta lại chưa tìm được lối vào. Mặt tướng xin dâng một kế nhỏ. Tức là chất củi kín bốn công thành xong rồi tưới dầu vào mà đốt. Dù gỗ lim khó cháy nhưng nó không thể không cháy với chất dẫn lửa như vậy. Nó ba lần cửa thì ta đốt đủ ba lần, nó năm lần cửa

thì ta đốt đủ năm lần, có họa là núi đá cũng phải sứt, đá cũng hóa thành vôi. Xin chủ tướng cứ cho làm thử.

Các tướng xôn xao đều cho đó là một cao kiến.

Lý Thường Kiệt còn đang cân nhắc chợt nhìn thấy Phụng Càn vương đang nghiêng tai nghe Vi Thủ An bày tỏ một điều gì đó, ông bèn tới nơi, cung tay trước Lý Nhật Trung hỏi:

- Bẩm, vương có cao kiến xin cho Thường Kiệt này và chư tướng được nghe.

- Vi Thủ An đang bàn nếu đốt cháy được cửa thành thì quân ta lao ván ào vào, chỉ cần một cổng là quá đủ. Thái úy thử xem mưu của phò mã liệu có dùng được không. Còn ta lại có một ý khác xin cung hiến. Chẳng là bữa trước ta có đi vòng con hào bao quanh chân thành, thấy nước cạn phơi tới đáy, bùn đã khô nê, hẳn là thái úy cho lấp cửa sông từ đạo trước. Ta nghĩ tại sao không bắt tù binh cho đất, cát vào các bao tải, xếp thành những con đê mà leo lên thành. Quân đã leo được lên thành thì đánh mà giành lấy lối xuống rồi mở cổng thành đón quân ngoài vào có hơn không.

Lý Thường Kiệt liền đứng thẳng người dậy vái Phụng Càn vương hai vái:

- Thực là một kỳ mưu, đa tạ vương. Ông lập tức cho bàn bạc việc thực hiện lối đánh thành này.

Cách dùng tù binh làm phu đắp thành như sau: - Cứ mười tên tù binh sắp thành một dây. Mỗi tên đều bị

buộc một sợi dây vào cổ tay trái. Mười cổ tay ấy trong vào một sợi dây dài, cứ cổ tay nọ cách cổ tay kia là ba sải tay, đầu dây do một người lính của ta nắm giữ. Bất cứ một biểu hiện nào có vẻ chống lại quan quân đều bị chém ngay lập tức mà không cần phải tâu báo lên cấp trên.

Tù binh vốn đã chết hụt đều như gà phải cáo nên nhất nhất tuân theo không một kẻ nào dám chống lại. Công việc diễn ra suốt ngày đêm. Nom những con người nhỏ bé công từng bao cát tấp vào chân thành cao với với, ta có cảm giác như xem một đàn kiến tha từng hạt cát đi xây tổ.

Cả binh lính và tù binh đều cần mẫn làm việc trong im lặng, ngày cũng như đêm không hề gây ra tiếng động nào đáng kể. Trong khi đó, đội quân thiện xạ lúc nào cũng cung nỏ nhằm bắn bất cứ kẻ nào lấp ló trên mặt thành. Vì vậy mà hàng vạn người làm việc ở bên ngoài nhưng trong thành không hề biết họ đang bị thông lọng siết dần vào cổ họng. Hai con đường thoai thoải như hai con đê áp sát vào tường thành từ hai hướng bắc, nam cứ cao dần, cao dần. Con đường hình thành từ các bao đất, cát ấy có cả mồ hôi và máu của đoàn quân chinh phục và xương thịt của kẻ bị chinh phục.

Giữa lúc thành Ung Châu sắp đi vào tử nạn thì tại Biện Kinh triều đình còn tranh cãi việc đánh hay chưa đánh Đại Việt.

Lý Thần tông giục Vương An Thạch:

- Việc cứu Ung Châu như thế nào, sao ta chưa thấy triều đình động binh.

- Tâu, Lưu Di coi Quế Châu vừa có biểu tâu về, hấn đã cử đô giám Trương Thủ Tiết đem năm ngàn tinh binh đi cứu Ung Châu rồi, trên đường đi y còn được lấy thêm quân ở các châu, quận.

- Liệu có giữ được Ung Châu không?

- Bệ hạ lo gì, thành Ung Châu, kiên cố như vậy, giặc cỏ Giao Chỉ sao hạ được, vả lại nay mai ta cử đại binh sang đánh Giao Chỉ, nhân nước nó bỏ không, thừa cơ ta đánh úp khắc nhất Lý Thường Kiệt trong vòng vây mà bắt sống để trị tội.

- Sao không làm sớm đi?

- Thần muốn làm từ khi Nhật Tôn chết, Càn Đức lên ngôi, nước nó lộn xộn, bệ hạ lại bảo nhân nước nó có tang mà đánh không hợp nhân nghĩa, cái cơ ấy không thuận, bây giờ bệ hạ lại giục.

- Bây giờ khác, bây giờ ta cầm quân nhân nghĩa đi hỏi tội kẻ bề tôi nghịch mệnh dám xâm phạm bờ cõi của thiên tử, khanh mau thảo chiếu. Ta muốn triệu Triệu Tiết và rút bớt quân phía bắc về đánh Giao Chỉ, khanh khá trừ liệu.

Wang An Thạch chỉ chờ có vậy, và sẵn lòng căm giận Lý Thường Kiệt đã góp phần phá hoại nền tân

chính của ông, kể cả lời “lộ bố” ngạo mạn, nên ông tiết lòng thù hận lên đầu ngọn bút với lời văn thật là mạnh mẽ trong “Giao Chi chiếu”:

“...An Nam nghịch đạo, dám đem quân xâm phạm nước của thiên tử, tàn sát lương dân, tội không thể dung tha.

Thiên triều phái binh trách phạt, thật có danh nghĩa.

Chúa nước Nam là Càn Đức, tuổi còn thơ dại, hoạn quan Lý Thường Kiệt càn rỡ tiếm quyền, mọi việc trong ngoài đều do nó chủ trương. Quân dân Giao Chi hãy nổi dậy bất kể phản nghịch ấy nộp cho thiên tử trị tội, ắt được trọng thưởng, nước sẽ được yên.

Càn Đức còn nhỏ, việc làm loạn không phải tự người gây ra. Ngày nào tới châu, thiên tử sẽ tha thứ cho, lại ban phong tước lộc như cha người ngày trước.

Nay trẫm sai Triệu Tiết làm An Nam đạo hành doanh mã bộ quân đô tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ, Lý Hiến làm An Nam phủ phó sứ, Yên Đạt làm phó đô tổng quản. Các người hãy cất quân thủy lục, hành binh thần tốc. Trời đang tỏ muốn giúp, người cũng rõ lòng gian, nên đều căm giận quân địch ác.

Chiếu cho quân Giao Chi hay: khi thấy quân thiên triều đến chớ có chống cự mà hãy mau mau quy hàng, sẽ được thiên tử mông ân ”

Chiếu ấy ban ra, triều đình còn tiếp tục tranh cãi. Có người nói: “Triệu Tiết là tướng hùm sói đang trấn tây thù, nếu rút khỏi chắc quân Tây Hạ lại tràn sang,

càng làm cho thế nước lâm nguy.”

Người khác nói: “Nếu Tây Hạ quấy nhiễu tây thù, thử hỏi bắc thù nước Liêu há chịu ngồi yên, bệ hạ nên suy xét kéo lại tứ phương thụ địch.”

Lại có người nói: “Trăm tội chỉ tại Vương An Thạch. Ông ta vừa được tái triệu giữ ngôi tể tướng đã nộp ngay bảy trăm dặm đất Hà Đông cho nước Liêu. Nay lại gây rắc rối biên sự chốn nam thù khiến Giao Chỉ sợ bị xâm lăng nên đánh trước nước thiên tử. Tài cán gì mà làm khổ dân hại nước đến thế, bệ hạ cứ trị tội ông ta, mọi việc khắc trở lại bình thường.”

Được thế, cựu phái nhao nhao phản đối Vương An Thạch làm cho Tống Thần tông càng thêm bối rối.

Lại nói quân Việt gấp gấp chuẩn bị hạ thành Ung Châu, nhờ mấy ngày trời rét đậm lại có sa mù dày đặc nên quân Nam đắp tường bậc thang để leo lên mặt thành mà quân Tống không hề hay biết. Nghe tiếng động âm âm phía ngoài, người Tống đoán chừng quân Đại Việt đang rậm rịch lui binh.

Sợ bị lừa, Tô Giàm cấm quân sĩ không được khinh xuất, trái lại phải tăng cường canh gác, tuần phòng. Tô Giàm vẫn tin thành Ung Châu là bất khả chinh phục và quân cứu viện thế nào Tống Cầu cũng xoay xỏa được. Tuy nhiên, Tô Giàm không khỏi lo lắng vì quân trong thành đã xuống sức. Khẩu phần ăn của binh lính đã cắt giảm xuống chỉ còn một bữa cơm một bữa cháo, còn dân

chúng chỉ được mỗi người ba bát cháo một ngày, người già cả ốm đau mới được ăn cơm; nước uống cũng phải phân chia vì nhiều giếng đã cạn lại lâu ngày không có mưa. Trong thành di bất cứ về hướng nào cũng phảng phất mùi xú ối, Tô Giâm còn lo lắng nếu có dịch bệnh thì khó có thể chống được, vì nước uống, nước dội tẩy ối còn chẳng có, lấy đâu ra thuốc.

Vào một buổi sớm sương mù trắng xóa, cách vài bước chân đã không nhìn thấy mặt nhau. Quân Đại Việt di theo hai con đường xếp bao tải đất thoải thoải leo lên mặt thành. Vừa chớm lên mặt thành, tất cả đều dùng chất dẫn cháy bắn xuống trại quân Tống. Từ bốn phía doanh trại, kho tàng đều bốc cháy. Quân Tống hốt hoảng khi biết quân Giao Chỉ đã chiếm được mặt thành, đã mở toang hai cửa nam, bắc cho quân ủa vào. Lúc này chỉ có số ít dân chúng già yếu di chữa cháy, còn tất cả mọi người đều hợp lực với binh sĩ ra sức đánh lại quân Đại Việt.

Hai bên đánh nhau từ giờ dần đến giờ tị, giành giật từng tấc đất, từng góc tường, từng căn nhà, từng gốc cây... Quân Việt cố chiếm lấy, quân Tống cố đẩy ra.

Sau giờ Ngọ thì tất cả các loại cung, nỏ đều không thể dùng được nữa bởi hai bên đã cận chiến chỉ có thể dùng giáo, mác, mã tấu, gươm, đao và đoản đao, kẻ cả gậy gộc, thiết lĩnh... và tay không xông vào đâm, đá, vật... cào, cấu, cắn... Họ tựa như những con mãnh thú

đánh nhau đến cùng, một sống một chết. Chỉ có tiếng gào thét, tiếng chửi bới tục tằn, có máu đỏ, người chết chứ không có cảnh kêu khóc, van lạy hoặc đầu hàng.

Quân Đại Việt do đi xa, dồn nén lâu ngày, phải đối phó với sự chống trả ngoan cố của quân dân thành Ung Châu, lại có tin hạ xong thành chủ tướng sẽ cho rút quân về Đại Việt khao thưởng và cho ăn tết muộn, vì thế họ vừa dồn trút lòng căm giận vừa hy vọng sớm trở về đoàn tụ nên họ đánh quân Tống với sức mạnh quỷ khốc thần sầu. Phải nói tinh thần quân lính Đại Việt vẫn còn phấn chấn sau một chuỗi chiến thắng nối dài trên đường hành binh, và nữa sức lực họ vẫn còn đang sung mãn. Trái lại quân Tống ở trong thành sức lực đã xuống, lại sống trong không khí ngột ngạt vô vọng, với họ chỉ có một con đường phải giết chết quân thù, nếu không sẽ bị quân thù giết chết. Bởi vậy sức chống trả của quân Tống là sức chống trả của con thú bị săn đuổi đến bước đường cùng, vì vậy họ đánh trả quân Đại Việt hết sức quyết liệt và vô cùng khốc liệt. Thêm vào đó Tô Giàm còn ruổi ngựa đi hết chỗ nọ chỗ kia để động viên tinh thần binh sĩ, tự ông chỉ huy một đội quân phần lớn là những người đã bị thương ra chống lại quân thù. Thấy tình thế bất lợi không thể chống trả thêm được, ông nói: "Ta quyết không chịu chết về tay giặc." Ông quát ngựa trở về dinh đem người nhà kể cả vợ con và các cháu gồm ba mươi sáu người giết chết rồi kéo xác xuống hầm. Ông cho xếp củi thiêu xác rồi chui vào hầm

tự sát bên những người thân.

Quân dân thành Ung Châu thấy Tô Giàm là người nghĩa khí nên noi gương ông chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, không một ai chịu hàng.

Quân Đại Việt mở toang cả bốn cổng thành, quân kéo vào đông như kiến. Lúc này quân và dân thành Ung Châu nếu ai còn sống sót cũng không đủ sức chống cự nữa.

Lý Thường Kiệt sai quân tìm bắt Tô Giàm để băm xác và tế ông ta đủ ba tuần rượu như đã hứa. Nhưng dân bị bắt khai rằng Tô Giàm đã giết tất cả người nhà và tự giết mình rồi thiêu cháy. Nay cả thành Ung Châu không chỗ nào là không có đám cháy nên không biết đâu mà tìm.

Lý Thường Kiệt tức giận vung gươm chém rụng mấy đầu người vừa tra hỏi. Quân lính coi đó như là hiệu lệnh của chủ tướng, nên họ hung hãn lòng sục giết bất cứ một người Tống nào mà họ tìm được. Không khí tàn sát cực kỳ tàn bạo. Những đầu người rớt như sung rụng, những thân người đổ ngổn ngang như những thân cây chuối bị bão quật, máu đỏ chảy tràn mặt đất.

Về cuộc tàn sát man rợ này các sách sử của người Tống chép rằng: “Quân Lý sắp đầu người thành từng đống, mỗi đống 100 đầu mà cả thảy có 580 đống”.

Không hiểu tính xác thực của sử liệu Trung Hoa tới mức nào, bởi người Trung Hoa thường có lối nói khoa đại. Nhưng đây rõ ràng là một tội ác không thể

biện minh. Tuy nhiên, nó lại có nguồn gốc thù hận rất sâu xa. Rằng tổ tiên của người Tống hiện nay từng thống trị An Nam với chính sách tàn bạo kéo dài tới hơn một ngàn năm đen tối suốt từ Tần, Hán đến Ngũ Quý qua Đường và đầu đời Bắc Tống lại kéo quân sang đánh Lê Hoàn.

Và những căn cứ Lý Thường Kiệt vừa đánh dẹp, lại chính là những căn cứ mà nhà Tống đang chuẩn bị làm nơi xuất phát sang xâm lăng Đại Việt một lần nữa.

Cuộc phá bỏ các nguyên nhân xâm lăng của người Tống cũng chính là nguyên nhân thúc đẩy cuộc xâm lăng ấy. Vậy là xâm lăng và chống xâm lăng cứ cật hai dân tộc vào vòng xoáy bạo lực như một thứ định mệnh khắc nghiệt. Có lẽ oán cừu này chỉ có thể hóa giải được bằng cách người Trung Hoa phải từ bỏ mưu đồ xâm lăng Đại Việt, người Đại Việt sẽ không còn cảm hứng chống xâm lăng ắt hẳn sẽ không còn chiến tranh và thù hận nữa.

VIII

Hạ xong thành Ung Châu, Lý Thường Kiệt bắt tù binh phá tan nhưng cơ sở luyện quân như bãi tập, trường bắn, trường đua, tàu ngựa, kho tàng, trại lính... Và cả những cổng thành, những đoạn tường thành xung yếu đều bị đánh sập; lại sai lấy đá lấp sông Ung Giang gây ách tắc, bê trễ cho việc vận chuyển, giao thương và cả việc khôi phục thành Ung Châu sau này, quân Tống sẽ gặp vô vàn khó khăn.

Sau đó ông cho mở tiệc khao binh sĩ. Trước ba quân Lý Thường Kiệt nói:

- Hỡi anh em binh sĩ! Nhờ phúc ấm của nước Đại Việt, nhờ hồng phúc của mọi người, đoàn quân viễn chinh của ta đã mau chóng chinh phục và đập đổ tất cả những cơ sở mà người Tống chủ trương làm nơi xuất phát cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Chiến công của mọi người rất lớn. Lớn tới mức ta không thể lường trước được mọi ảnh hưởng của nó.

Nhưng hay xem đây mới là bước khởi đầu của công cuộc kinh chống quân Tống xâm lược của toàn thể dân tộc ta.

Hãy xem bữa tiệc này mới chỉ là tiểu yến, ta thay mặt hoàng thượng ủy lạo công sức của mọi người, đại yến sẽ mở ở Thăng Long sau khi đại quân kéo về làm lễ hiến phù trước anh linh của các tiên đế.

Hôm nay còn bốn vò mỹ tửu quân ta chiếm được trong kho rượu của Trần Vĩnh Thái khi ta đoạt căn cứ hải binh Khâm Châu. Các hỏa thực hãy phân chia sao cho bất cứ một người nào trong đoàn quân Bắc phạt cũng được uống dù chỉ là một hớp nhỏ.

Lý Thường Kiệt tự bê một bát rượu đầy tới trước Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, tay nâng bát rượu, miệng nói:

- Nhờ có vương nằm gai nếm mật, chia dấng sẻ bùi động viên tinh thần binh sĩ, lai bày kế cho đánh thành đỡ tổn hao xương máu sĩ tốt, công của vương thật là lớn lao khôn kể xiết, Thường Kiệt tôi xin thay mặt ba quân cảm tạ vương.

Phụng Càn vương đỡ lấy bát rượu, ông quay về phía đông đảo sĩ tốt nói:

- Làm nên công trạng lẫy lừng này là do các binh sĩ đang có mặt ở đây cùng biết bao sinh mạng của các tướng sĩ đã anh dũng bỏ mình trên đường dẫn Đại Việt ta lên đài son chói lọi. Công trạng ấy còn thuộc về các

vị đầu mục các châu như Thân Cảnh Phúc, Lưu Kỳ, Vi Thủ An, Tôn Dán, Hoàng Kim Mãn cùng các binh sĩ dưới quyền đã chiến đấu không mệt mỏi, giáng cho kẻ thù những đòn sấm sét khiến cứ hễ nghe tiếng quân ta, là binh Tống đã tháo chạy hoặc quy hàng.

Vương ngừng lời quay nhìn Lý Thường Kiệt, với giọng hồ hởi, vương nói:

- Nhưng trên hết phải kể đến tài năng trác việt của thái úy, vị thống soái đã dẫn cả đoàn quân đi đòi lại thế diện quốc gia bị ngoại bang đánh cắp. Bởi vậy ta không lấy tư cách gì mà dám nhận phần cả bát rượu đầy, trong khi gần sáu vạn người mới chỉ có bốn vò. Do đó, ta muốn chia sẻ với các tướng mỗi người một ngụm, không phân biệt tuổi tác lớn nhỏ, vị thế trên dưới mà cứ thuận chiều theo vòng tay phải của ta, các tướng có chấp nhận không?

Các tướng thấy đều hoan hỷ. Phụng Càn vương đưa bát rượu lên môi khê nhấp rồi chuyển qua viên tướng trẻ Lý Kế Nguyên đứng cạnh. Lý Kế Nguyên truyền cho Thân Cảnh Phúc, Cảnh Phúc truyền cho Lưu Kỳ...

Tiệc yến trở nên sôi động vì tính hòa đồng, và không một người lính nào không được một ngụm rượu mừng công.

Trước khi tiệc tan, Lý Thường Kiệt nói:

- Ta không muốn nhọc sức tướng sĩ làm gì. Nhưng

vì người Tống chuẩn bị đánh ta lớn quá. Tướng sĩ đã tận mắt thấy các thành Ung, Khâm, Liêm đã bị quân ta phá, các trại Vĩnh Bình – Thái Bình, Thiên Long, Cổ Vạn giáp biên thủy bị ta đốt đều là những nơi tích chứa lương thảo, vũ khí, huấn luyện quân mã thủy bộ nhằm đánh ta.

Mục tiêu của ta nhằm phá tiềm lực xâm lăng của họ chứ không phải chiếm nước họ. Mọi việc đã hoàn tất. Ta hạ lệnh lui quân về nước. Các tướng dẫn quân đi có trách nhiệm dẫn quân về. Đề phòng quân giặc đánh lên, các tướng phải chú ý cử tướng tinh thông đoạn hậu. Trong quân của các đầu mục có đem theo người nhà hoặc dân chúng di hồi của. Tất cả những gì lấy được của giặc, ta cho các vị đầu mục tự quyền phân chia. Tuy nhiên, các tù binh và cả dân chúng Trung Hoa mà các đầu mục bắt theo mang vác chiến cụ, lương thực và các đồ chiến lợi phẩm, sau khi về nước, các vị phải trả tất cả những người ấy về Thăng Long cho triều đình quản lý. Bởi nhẽ, nếu các vị để lại biên thù thì trước sau họ cũng trốn mất. Không những mất người mà cơ sở của các vị còn bị bại lộ nữa.

Các đạo quân Đại Việt rút về nước rất trật tự, kỷ cương, quân Tống không dám truy đuổi, còn dân Tống tại các vùng có chiến sự vẫn chưa hoàn hồn, họ vẫn ẩn nấp trong núi rừng vì sợ quân An Nam còn quay lại.

Nghe tin đại quân chiến thắng trở về, quan thái

phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành liền vào điện Long An tâu báo việc khải hoàn với Linh Nhân hoàng thái hậu Ý Lan và nhà vua. Đoạn ông xin:

- Thái hậu và hoàng thượng gia ân cho dân chúng kinh thành chãng đèn, kết hoa dọc các đường lớn để chào mừng quân ta đại thắng trở về. Cũng xin thái hậu và hoàng thượng ấn định cho ngày làm lễ hiến phù ở nhà thái miếu.

Nghe nói quân ta thắng trận trở về, nhà vua thích lắm. Lại nghe nói làm “lễ hiến phù” hơi lạ tai. Vua bèn hỏi:

- Ông Bình chương¹ à, “lễ hiến phù” là lễ gì, sao ta chưa nghe ai nói.

- Tâu bệ hạ, - Lý Đạo Thành nói. - Theo điển lệ mỗi khi ban sư trở về, viên đại tướng cầm đầu đoàn quân phải vào nhà Thái miếu làm lễ, tế cáo tổ tiên về việc thắng trận. Trong lễ đó ngoài các vật hiến tế, cỗ bàn còn phải dâng lên ban thờ các vị tiên đế một số đồ chiến lợi phẩm, phải cho tù binh điếu qua và chém đầu một vài tên có tội ác hoặc ngoan cố chống lại quân ta. Chém tù lấy huyết của nó bôi vào các đồ binh khí trong giá binh khí để thờ nhằm tôn vinh sức mạnh của quân ta.

1 Không gọi tên, chỉ gọi chức vụ để tỏ lòng kính trọng. Bình chương ở đây là nói rút gọn từ: Bình chương quân quốc trọng sự, chức của Thái phó Lý Đạo Thành.

Nhà vua rụt cổ lại và lắc đầu quấy quậy:

- Làm lễ tế cáo tổ tiên thì được. Chém tù thì không được.

- Tâu bệ hạ đây là điển lệ do các tiên đế đặt ra, hậu thế phải tuân theo ạ.

Nhà vua vẫn lắc đầu:

- Đã báo không giết người nữa. Người ta đã thua mình rồi, bắt người ta về đây cầm tù là được, chứ giết người đã thua thì còn vẻ vang gì. Và nữa, bữa trước ngài Thảo Dương giảng pháp cho ta có nói về “ngũ giới”. Người đã theo Phật là không được sát sinh. Giống vật còn chẳng giết nữa, sao lại đi giết người.

Thấy nhà vua khăng khăng muốn phá bỏ một điển lệ và làm giảm tính uy nghiêm của lễ hiến phù, Linh Nhân hoàng thái hậu Ý Lan liền răn:

- Hoàng nhi, con mới mười một tuổi đầu, sao hiểu được cao ý của các tiên đế đã bày xếp. Nếu con muốn canh cái thật sự, bây giờ con phải chịu khó học, và phải biết tuân thủ các định chế có sẵn. Tới khi con lớn, con đủ trí lực lèo lái con thuyền quốc gia, tức là công nghiệp trị quốc của con đã sáng rõ, lúc ấy con canh cái, ắt mọi người sẽ theo con.

Lý Đạo Thành liền đỡ lời:

- Tâu hoàng thái hậu, bản tính của hoàng thượng hiền lương lại được các bậc thiên sư nuôi vỗ bằng con

đường tác thiện, nên chẳng lẽ hiền phù sắp tới ta không giết tù binh nữa. Thần trộm nghĩ, việc ta đánh vỡ mặt nhà Tống đã gây cho họ lòng căm tức, nay ta lại giết tù binh nữa là si nhục họ tới hai lần, vì thế oán cừu càng chồng chất. Xin thái hậu nghĩ lại. Biết đâu thiện ý của hoàng thượng lại chẳng là một cao ý có lợi cho việc bang giao sau này.

- Thôi được, ta nghe ông.

Đoạn thái hậu quay ra khuyên nhà vua:

- Hoàng nhi, con nên hiểu không phải làm vua là cứ tự ý muốn làm gì thì làm đâu nhé, mà mỗi việc làm đều phải suy tính, phải cân nhắc, nếu nó không phát xuất từ việc lợi dân, lợi nước phải lập tức thôi ngay. Vua là phải tiêu biểu cho ý chí và quyền lợi của muôn dân, chứ không có nghĩa rằng vua chỉ biết làm theo ý thích của riêng mình, coi đất nước là của riêng mình, tự tiện chiếm đoạt mọi thứ của dân, đẩy đất nước vào con đường lầm than, trì bế. Nếu vậy thì dân không coi vua là vua của mình nữa. Hoàng thái hậu nhìn nhà vua với vẻ nghiêm khắc, bà nhấn giọng. - Hoàng nhi, con nghe mẫu hậu nói gì chứ!

Nhà vua vòng tay khép nép:

- Dạ, con xin tuân lời mẫu hậu giáo huấn.

Lại nói quân ta đánh sang đất Tống, phá tan các sào huyệt Tống Thần tông cho chuẩn bị để xâm lăng Đại Việt, sau đó đã rút quân về nước thế mà ở Biện

Kinh, vua tôi nhà Tống vẫn còn đang cãi nhau về việc cử tướng nam chinh. Ấy là nhiều người phản đối hoạn quan Lý Hiến được cử làm an phủ phó sứ Quảng Nam tây lộ dưới quyền Triệu Tiết. Họ sợ giẫm lại vết xe đổ đời nhà Đường, giao việc nước cho hoạn quan. Vả lại Lý Hiến quen tính tôi tớ ở cấm đình sao biết được việc ngoài mà điều hành.

Cuối cùng Tống Thần tông phải chấp nhận và hỏi Triệu Tiết:

- Nếu Lý Hiến không đi thì ai thay?

Tiết đáp:

- Quách Quỳ có thể thay được. Quỳ từng là một tướng lão luyện về biên sự.

Vua Tống nghe theo và dặn các tướng:

- Nghe nói vùng khe, động có nhiều của quý. Sau khi bình được Giao Chỉ, hãy đặt thành quận, huyện như nội địa mà cai trị và lúc ấy hãy sung công của cải như mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng...

Ấy là chủ trương của vua tôi nhà Tống khi bình Lý Thường Kiệt còn vây Ung Châu, họ định điều quân gấp để đánh sang Đại Việt, cắt đứt đường về của viên dũng tướng này. Thế nhưng họ bàn cãi mãi chẳng xong thì được tin Ung Châu thất thủ, Lý Thường Kiệt đã rút quân về thì họ lại bàn đến một cuộc xâm lăng đại quy mô, thu tiêu nước Đại Việt và biến nước ấy thành quận, huyện của người Tống rồi mới tiến hành vơ vét của cải.

Lý Thường Kiệt dẫn đoàn quân chiến thắng trở về theo hai đường thủy, bộ.

Đại quân thủy vẫn đóng lại ở châu Vĩnh An, chủ yếu là ở Vân Đồn, Lý Kế Nguyên chỉ dẫn một bộ phận nhỏ gồm hai hạm thuyền với hơn một ngàn quân đi theo dòng Đông kênh vào cửa Bạch Đằng lên Lục Đầu giang rồi ngược về Thăng Long báo tiếp.

Lý Thường Kiệt đưa đại quân bộ qua nẻo Bằng Tường vào Lạng Giang rồi theo đường thiên lý về Thăng Long.

Dân chúng kinh kỳ đứng chật bến Triều Đông, và các nẻo đường quân đi. Kinh thành sặc sỡ sắc cờ hoa. Cờ Đại Việt, cờ ngũ hành, phướn Phật, đèn lồng, đèn kéo quân giăng mắc khắp các nơi. Quân đi trong tiếng hò reo dậy đất của dân chúng xen với tiếng pháo nổ giòn, tiếng công, tiếng trống âm vang như trời đất chuyển động lúc giao mùa.

Quân thường binh đi trước, oai nghiêm dũng mãnh bước sau lá đại kỳ màu vàng thêu hai chữ Đại Việt màu đỏ. Tiếp sau là quân điền binh¹, đó là những chàng trai trẻ trong độ tuổi mười tám, đôi mươi tức là các hoàng nam và đại hoàng nam được nhà nước chăm sóc và đăng ký trong các sổ bộ không sót một người nào.

1 Điền binh là những người nông phu trong độ tuổi từ 18 đến 45, mỗi năm luyện tập từ một đến hai tháng. Khi có chiến tranh nhưng người này được gọi nhập ngũ và trở thành các đơn vị chiến đấu.

Những chàng lính trẻ má còn đậm lông tơ, môi đỏ như môi con gái, cười phô cả hai hàm răng trắng, mới từ chiến trường về mà xem cung cách nhàn nhã như người đi dạo phố!

Đoàn quân rầm rập tiến vào sân Long Trì. Lễ đài được dựng từ mạn phía bắc nhìn xuôi về hướng nam. Trước lễ đài dựng lá quốc kỳ Đại Việt, bên cạnh là cờ Phật màu vàng, thêu chữ Vạn màu đen.

Chân lễ đài là bậc tam cấp. Thấp dưới chân cột cờ là một dải thảm đỏ chia sân Long Trì thành hai nửa cân đối. Hai bên mép thảm cắm hai hàng cờ ngũ hành¹ viền duôi nheo.

Quân vào đông đủ, hàng ngũ tề chỉnh, phường bát âm cử khúc khải hoàn nhộn nhịp.

Trên lễ đài các đại thần đứng thành hai ban văn võ.

Ngai vàng đặt phía trước, hai chiếc lọng đỏ do bốn cấm vệ quân đứng che cho chiếc ngai thiên tử. Chếch bên hữu ngai vàng là một chiếc ngai phủ gấm đại hồng cũng được che bằng hai chiếc tán đỏ.

Phía sau ngai vàng chừng năm bước chân và sát với chỗ các đại thần đứng châu là một hàng ghế dành cho các bậc lão thần tuổi từ bảy, tám mươi. Ân điển này

1 Ngũ hành là năm phương: đông – tây – nam - bắc và trung cung (chính giữa), cũng là năm màu sắc: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen đồng thời là 5 loại vật chất cấu tạo nên vũ trụ gồm: kim, mộc, thổ, thủy, hỏa, thổ.

nhà vua mới ban từ năm Giáp Dần (1074), dễ tỏ lòng ưu trọng của hoàng thượng khi các bậc cố lão vào châu được đem theo gậy chống, không phải quỳ lạy, không phải đứng hoặc ngồi bệt xuống sàn mà được ngồi ghế.

Ghế kê tới mười lăm mười sáu chiếc nhưng mới chỉ có bảy, tám cụ, mũ trùm kín đầu, râu trắng như cước dài tới ngực, các cụ đều mặc áo dài bông trùm lên áo đại thần.

Tháng hai trời rét ngọt, tuy không còn buốt giá như các tháng một, tháng chạp, trai trẻ có thể chỉ mặc một bộ đồ mỏng nhưng với người già lại ngồi giữa sân Long Trì lộng gió nên các cụ được chiếu cố.

Đoàn múa kỳ lân nổi trống rồi diễu từ cuối sân lên múa trước khán đài, chào mừng đoàn quân chiến thắng trở về.

Phường múa lân biểu diễn võ nghệ thật cao cường. Hai tay đao nhảy bổ vào chém đầu lân. Con lân cúi đầu xuống và nhẹ nhàng lùi lại, hai thanh đao chém vào nhau tóe lửa. Mấy chú điền binh đứng trong hàng quân chộp chộp mắt đầy vẻ thích thú. Hai tráng sĩ lại lia đao quét dưới chân con kỳ lân. Kỳ lân bèn nhảy phốc đứng mỗi chân lên một vai của các dũng sĩ, đầu nghên lên lắc lắc vẻ như chào các đại thần trên lễ đài, lại quay bốn phía chào các chiến binh rồi đi vào phía sau lễ đài.

Bỗng một hồi tù và rúc vang, chiêng trống thúc, pháo nổ ran, nhạc thiều nổi, kiệu vua và kiệu hoàng

thái hậu đã vào tới dải thảm đỏ.

Tiếng hô vang động cả kinh thành:

- Hoàng thượng vạn tuế!

Hoàng thái hậu vạn tuế!

...Vạn, vạn tuế!!!

Hai hàng quân tùy long di theo hai giá kiệu. Kiệu hạ dưới chân lễ đài. Hai viên tả hữu kim ngô vệ thượng tướng quân vội đỡ nhà vua xuống kiệu và dìu hoàng thượng lên lễ đài. Hai viên Tả, Hữu vũ vệ tướng quân đứng sát kiệu của Linh nhân hoàng thái hậu, coi sóc cho đám thị nữ đỡ bà xuống kiệu và nâng áo theo bà lên lễ đài.

Nhà vua ngự ngai vàng.

Hoàng thái hậu ngự cỗ ngai phủ vóc đại hồng.

Các quan cung đứng dậy vái chào hoàng thái hậu và nhà vua.

Quan thái tử Lý Thường Kiệt, vị thống soái trong cuộc viễn chinh phạt Tống cùng một số tướng lĩnh đại diện cho đoàn quân chiến thắng bước vào thảm đỏ tiến về phía lễ đài.

Lý Thường Kiệt đội mũ đầu mâu, áo chên tay, ngực thêu hổ phù tựa như mảnh giáp hộ tâm, ngoài khoác nhung phục màu đen, chân đi hia thêu đôi bạch xà, sườn bên tả đeo thanh trường kiếm, tay tả cầm cờ tiết, tay hữu cầm lưỡi phủ việt là những thứ tượng trưng cho quyền uy

tối thượng được vua ban trước lúc xuất chinh.

Các Phó Đô tướng quân, Vệ thượng tướng quân và tướng quân chừng hơn chục người đều vận võ phục đi theo sau vị chủ tướng.

Các tướng tới chân lễ đài thì dừng lại, nhạc tấu. Các tướng đồng thanh hô:

- Kính chúc hoàng thái hậu vạn an!

Kính chúc hoàng thái hậu thiên tuế!

Kính chúc hoàng thượng vạn an!

Kính chúc hoàng thượng vạn tuế!...

Đô đại nguyên súy Lý Thường Kiệt vòng hai tay, lập tức cờ tiết và lưỡi phủ việt chụm lại, ông nói:

- Tâu hoàng thái hậu, tâu hoàng thượng, vâng mệnh bệ trên xuất chinh phạt Tống, nhờ hồng phúc của bệ hạ, quân ta đã đánh chiếm và phá tan các đồn ải, thành quách kho tàng, bên bãi mà người Tống tích chứa lương thảo, khí cụ, quân cơ định làm nơi xuất phát xâm lăng Đại Việt.

Chúng thần tiêu diệt nhiều binh tướng Tống, bắt tù binh Tống cùng nhiều chiến lợi phẩm khác đưa về nước nhưng trước hết dâng lên Linh nhân hoàng thái hậu và hoàng đế bệ hạ ấn triệu của các thành Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu mà quân ta thu được sau khi đã hạ thành, chém tướng địch.

Lý Thường Kiệt vừa dứt lời thì hai viên đô tướng

bê hai chiếc khay đồng trên đó dề ấn triện dâng lên nhà vua và thái hậu.

Vua Càn Đức cầm chiếc ấn của thành Ung Châu xem với vẻ thích thú. Đương nhiên nhà vua chưa biết nói gì giữa không khí thiêng liêng trọng đại này.

Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan đỡ lấy mấy chiếc ấn rồi đặt luôn xuống kỹ. Bà nói:

- Thay mặt hoàng thượng và nhân danh nhiếp chính, ta có nhời khen ngợi quan thái tể, chư tướng cùng ba quân đã trung dũng kiên cường, tận lòng báo quốc làm rạng danh nhà nước Đại Việt.

Linh nhân vừa ngừng lời, tiếng hô đáp trả của ba quân vang dội:

- Tạ ân hoàng thái hậu!

- Tạ ân hoàng thái hậu!

Bất chợt Linh nhân quay lại phía sau nhằm chỗ Lý Đạo Thành, bà nói:

- Lão thần đây, - bà vừa nói vừa chỉ vào Lý Đạo Thành. - Thái phó bình chương quân quốc trọng sự thay mặt triều đình sẽ có nhời với ba quân tướng sĩ.

Lý Đạo Thành sửng sốt không hiểu vì sao bà Ý Lan lại ban cho ta đặc ân này. Ông lúng túng đứng dậy vái Linh nhân hai vái, giọng run run vì xúc động:

- Tạ ơn hoàng thái hậu ban trọng ân!

Bỗng Lý Đạo Thành đứng thẳng lưng, hai tay đưa

lên chỉnh lại chiếc mũ phốc đầu, các ngón tay cứ rờ nắn về hai phía cánh chuồn, sau lại rờ vào đai áo rồi lấy năm đầu ngón tay chải bộ râu bạc trắng dài tới ngực. Tính ông vốn tinh tế cẩn trọng, về việc lễ nghi, y phục và ngôn từ đã thành nếp từ tuổi niên thiếu.

Ông đứng ra mé lẽ dài vái Linh Nhân và nhà vua mỗi người hai vái. Quay lại vái các đại thần một vái, nhìn xuống sân Long Trì vái tướng sĩ một vái.

Lúc này Lý Thường Kiệt đã trở về ngồi hàng nhất phẩm trong các hàng ghé đại thần. Nghĩa là mình ông ngồi ở hàng ghé đầu. Các tướng dưới quyền Lý Thường Kiệt đã về lại đội ngũ.

Đứng mé lẽ dài Lý Đạo Thành cảm thấy lúng túng không biết nên nói điều gì đây. Nhưng người quyền cao chức trọng nhất đều có mặt ở đây, vậy ta nói cái gì mới được chứ. Thoáng lát phân vân rồi ông cất giọng:

- Hoàng thái hậu cho phép tôi được nói đôi lời với chư vị tướng lĩnh cùng anh em binh sĩ. Thay mặt triều đình tôi hoan hỉ chúc mừng đoàn quân viễn chinh - những người anh hùng chân chính của nước Đại Việt vừa chiến thắng trở về. Có thể nói đây là một chiến công vô tiền khoáng hậu trong lịch sử nước nhà. Từ chiến công này buộc nhà Tống phải thừa nhận có một nước Đại Việt hùng cường đang tồn tại song hành với Tống triều chứ không phải là “quận Giao Chỉ” hoặc “xứ An Nam” như họ vẫn xách mé gọi nước ta.

Lý Đạo Thành vừa ngừng lời cả một khối quân sĩ hàng vạn người hò reo sung sướng. Bỗng có một ai đó hô to:

- Đại Việt hùng cường!

Thế là cả vạn tiếng hô theo:

- Đại Việt hùng cường!...

Lý Đạo Thành vẫy vẫy hai bàn tay già nua về phía các tướng sĩ:

- Chư vị tướng lĩnh cùng anh em binh sĩ, Chư vị không lường trước được rằng lịch sử dân tộc sẽ tôn vinh công cuộc Bắc phạt lần này lớn lao đến mức nào đâu. Nay mai hoàng thái hậu nhiếp chính và hoàng thượng sẽ thết đại yến và ban khen chư vị. Tôi phải nói ngay để chư vị an tâm rằng từ ngày chư vị xuất chinh tới nay, đất nước ta vẫn yên bình, mùa màng năm nay chắc lại bội thu. Nhưng có một điều tôi phải nói trước, chư vị chưa thể nghỉ ngơi dài lâu được đâu, phải lo tính chống quân xâm lược nhà Tống ngay từ bây giờ đi, nếu không sẽ muộn mất, nếu giặc Tống lại xâm lăng nước ta.

Chúc chư vị tướng lĩnh và anh em binh sĩ sức khỏe đề lập chiến công vang dội hơn nữa.

Bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành vừa dứt lời tiếng reo vui của binh sĩ lại nổi lên như sấm.

Công cuộc Bắc phạt của triều đình do Lý Thường Kiệt xướng xuất và tự mình làm thống soái, đánh vào

đất giặc như đánh vào chỗ không người, thế như chẻ tre đã phá tan âm mưu giặc khiến vua tôi Tống Thần tông hoảng sợ. Uy danh Đại Việt trở nên lẫy lừng. Các nước phía nam như Chiêm Thành, Chân Lạp trước đây nghe sứ Tống dụ dỗ xúi giục định câu kết với nhà Tống quấy phá ta ở mặt nam, nay cũng án binh bất động và đều cử sứ đến Thăng Long cống nạp như một nước phiên thần. Ấy là họ đến thăm dò, nếu mạnh thật thì họ quy phục, bằng không thì giữ mối quan hệ cầm chừng, có thời cơ lại vào cướp phá.

Trái lại ở trong nước, nhất là ở Thăng Long với chiến công vừa lập dường như dân chúng cũng nguôi dần vụ câu kết giữa thần phi Ý Lan với Thiếu úy Lý Thường Kiệt trong việc giết hoàng thái hậu Thương Dương cùng bảy mươi hai cung nữ và hạ bệ thái sư Lý Đạo Thành. Ngay cả giới sĩ phu và giáo hội Phật giáo cũng cho qua, bởi không có ai gợi lại hoặc bàn tán về các lỗi lầm cũng như các tội ác do phe đảng Ý Lan – Lý Thường Kiệt gây ra nữa.

Tinh thần tự cường dân tộc do Lý Thường Kiệt thổi bùng lên được nhen nhóm từ đời Lý Thái tổ, Thái tông. Sang đời Thánh tông chuẩn bị đến phút chót thì nhà vua ra đi đột ngột, may thay Lý Thường Kiệt đã thực hiện xuất sắc ý đồ của các tiên đế.

Giới sĩ phu nhiều người còn làm thơ ngợi ca Lý Thường Kiệt như một bậc anh hùng cái thế. Trong đám

sĩ phu và nho thần còn bàn tán về nguồn gốc của ông. Họ bảo: “Lý Thường Kiệt chính là Ngô Tuấn. Ngô Tuấn con Ngô An Ngữ, dòng dõi Ngô tiên chúa (Ngô Quyền), đúng là hổ phụ sinh hổ tử.”

Có người lại bảo: “Không phải Ngô Tuấn là con Ngô An Ngữ mà là con Ngô Ích Vệ.”

Người khác cười xòa bảo: “Không phải cãi nhau nữa, hai tên ấy là một. Vì cha ông làm quan võ dưới triều Thái tông, chức Sung ban lang tướng hàm Vũ vệ nên có tên ấy.”

Các văn gia, sử gia gọi lại những chiến công ông tham gia đánh dẹp mà Thái tông cho theo từ thuở ông mới mười sáu tuổi. Và cái chí làm tướng đi xa vạn dặm lập công như Vệ Thanh¹, Hoắc Khứ² đã được Ngô Tuấn bộc lộ với chồng của cô ruột là Tạ Đức. Được chú khen là người có chí, bố công nuôi dạy sau lại gả cháu gái cho. Nay công tích ấy xem ra Thường Kiệt cũng chẳng thua kém gì hai vị tướng nhà Hán kia nếu không nói là còn hơn thế nữa.

Lại có lần Thái phó Lý Đạo Thành đến giảng dạy ở nhà Thái học, nghe các giám sinh bàn bạc về chiến công phạt Tống của Thái úy Lý Thường Kiệt với vẻ hào

1 Vệ Thanh danh tướng nhà Hán, bảy lần đánh Hung nô, lập công lẫy lừng.

2 Hoắc Khứ tức Hoắc Khứ Bênh, con của em gái Vệ Thanh cũng nhiều lần đánh Hung nô, lập công lớn

hứng và mãn nguyện.

Một người nói:

- Nước ta đánh nhau với nước Tàu kể cũng đã nhiều phen ngoài Lý Nam Đế¹ ra phải kể đến chiến công của Ngô Tiên chúa đánh tan quân Nam Hán, giết Lưu Hoảng Tháo mở ra thời kỳ tự chủ cho nước nhà, dứt được cái họa nội thuộc nước Tàu. Đó là công mở nước không gì so sánh được. Lại năm Tân tị (981) hoang dã Lê Hoàn đánh cho quân Tống đại bại. Chém tướng giặc là Hầu Nhân Bảo ở ai lũy Chi Lăng, đuổi bọn Trần Khâm Tộ, Lưu Trường phá vỡ ô đầu máu chảy về nước, bắt Quách Quân Biện, Tôn Toàn Hưng về Hoa Lư cầm tù mãi sau mới trao trả khiến Tống Thái tông phải ngậm bồ hòn làm ngọt mà công nhận Lê triều, lại phong Lê Hoàn chức kiêm hiệu thái úy.

- Thật ra đây đều là những võ công hiển hách, nhưng đều là quân giặc kéo đến, ta bắt buộc phải đánh lại để bảo vệ đất nước, giành quyền sống. Còn như lần Bắc phạt này dường dường chính chính giương cờ nghĩa kéo đại quân thủy bộ đánh vỗ mặt quân địch ngay trong sào huyệt nó, mà lại đánh đâu thắng đó, không một tướng nào địch nổi, không một thành nào không bị

¹ Lý Nam Đế tên thật Lý Bôn người phủ Long Hưng (Thái Bình) là nhà hào kiệt, ghét bọn thái thú nhà Lương là Tiêu Tư tàn ác. Ông nổi lên giết bọn quan cai trị hà khắc tự lập làm vua, xưng là Nam Việt đế, đổi niên hiệu là Thiên Đức, lấy quốc hiệu là Vạn Xuân, làm vua được bảy năm (541 - 547).

hạ. Các trại Thái Bình, Vĩnh Bình, Thiên Long, Cổ Vạn... bị quân ta bóc bóc như bóc vỏ chuối chín. Các thành Khâm Châu, Liêm Châu lần lượt qui hàng. Thành Ung Châu ngoan cố chống lại rồi cũng bị tiêu diệt sạch sành sanh. Lúc đánh thì thần tốc, ke địch không kịp trở tay, không chông cự nổi; lúc rút quân về kẻ địch không dám đuổi theo, chặc chắn sau cuộc viễn chinh Bắc phạt này, từ nay người Trung Hoa hẳn phải tôn trọng Đại Việt, phải nhìn nhận Đại Việt khác đi, không còn dám ngạo mạn, hống hách như xưa nữa.

Giám sinh khác nói lời:

- Quý hữu luận công như vậy thật là thỏa đáng, tôi cũng nghĩ như thế là món nợ hơn ngàn năm nước ta bị nội thuộc nước Tàu và bị người Tàu đô hộ, tới nay mới đòi lại được một cách sòng phẳng. Ngừng lại giây lát rồi giám sinh này lại nói: - Tôi chắc nghìn sau lịch sử sẽ còn nhắc đến cuộc Bắc phạt này, và tên tuổi của thái úy sẽ cùng tồn tại với sông núi nước Nam ta mãi mãi.

Một giám sinh khác thủ thi:

- Tôi cứ nghĩ, giá như sau cuộc xung đột này, hai nước đi vào thương thảo rồi hóa giải để từ nay không thù hận nhau nữa, không coi nhau như kẻ tử thù nữa, không còn chiến tranh với nhau nữa mà cùng tạo lập một tình láng giềng thân thiện như tình huynh đệ - tương lân tương kính, tức là tôn trọng lẫn nhau; làm được như vậy mới là thượng sách, mới là thượng trí.

Ngồi tại phòng quan Tư nghiệp chờ đến giờ vào giảng dạy, nghe đám học trò đàm đạo, phẩm bình về chiến tích, về công trạng hoa giải cứu thù, Lý Đạo Thành biết đám học trò của ông đã trưởng thành. Ông liền sửa lại mũ áo, bước vào giảng đường.

Giọng trầm tĩnh, thái độ thân ái, tư thế đường bệ, quan Thái phó nói:

- Các trò, ta đang học thiên đệ nhất sách Luận ngữ. Bữa trước học đến đoạn nào các trò nhắc lại để ta cùng bàn thảo.

Một giám sinh ngồi ở phía trên mặt mũi sáng sủa đưa hai tay lên sửa cúc áo và nói:

- Thưa thầy con xin đọc:

- *Học nhi đệ nhất thiên.*

... Hữu Tử viết: Lễ chi dụng, hòa vi quý. Tiên vương chi đạo, tư vi mỹ, tiêu đại do chi. Hữu sở bất hành: tri hoà nhi hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành giả...

- Thôi được, - Lý Đạo Thành nói, - hãy dừng tại đó, con cắt nghĩa để anh em cùng nghe.

Giám sinh lại nói:

- Thưa thầy, ông Hữu Tử nói rằng: "Trong việc giữ lễ phải lấy niềm hoà khí làm quý trọng. Đạo của các vị vua chúa ngày xưa sở dĩ tốt là ở chỗ đó, từ những việc lớn cho chí những việc nhỏ, các ngài đều lấy tinh thần

hoà khí mà phổ vào lễ.

- Tuy nhiên cũng có việc chẳng nên làm, ví như lấy hòa làm quý thế rồi mọi việc chỉ dùng hòa mà không dùng lễ để kiềm chế, như vậy sẽ trở nên xuề xòa, phóng túng. Đó là việc chẳng nên làm...

- Trò giải nghĩa như thế là sát với kinh văn. - Nhìn khắp lượt đám học trò thông tuệ, Lý Đạo Thành vui lắm, ông giảng tiếp. - Đây là thánh nhân dạy về phép ứng xử trong mọi mối quan hệ xã hội như giữa vua chúa với bầy tôi, giữa bầy tôi với vua chúa; giữa vua chúa với dân thường; giữa dân thường với nhau, tức là giữa trên với dưới, dưới với trên. Rộng ra nữa là giữa các bậc quân vương với nhau, cũng tức là quan hệ giữa quốc gia này với quốc gia khác; tất cả đều phải lấy hòa làm trọng.

- Sở dĩ trong nhà được yên, trong nước được yên, giữa các quốc gia với nhau được yên đều phải giữ được hòa khí trong mọi mối quan hệ. Tuy nhiên, thánh nhân lại khuyên rằng nếu chỉ thượng tôn chữ hòa mà không lấy lễ mà điều tiết sẽ dẫn tới sự suồng sã không còn giữ được tính nghiêm cần nữa, vì vậy sẽ mất đi cái ý nghĩa của đạo hòa..."

Lý Đạo Thành ngưng nhìn các giám sinh, ông căn dặn:

- Đây chỉ là vài điều ta gợi, trưởng tràng điều hành cho mọi người cùng trao đổi các kiến giải của mình về

lời dạy của thánh nhân.

Sau đó ông trao lớp học lại cho quan phụ giảng điều hành.

Lại nói về việc học của Càn Đức, sau khi Lê Văn Thịnh đỗ đầu khoa minh kinh bác sĩ, Linh Nhân hoàng thái hậu Ý Lan cho triệu vào cung dạy dỗ nhà vua. Lê Văn Thịnh có phép dạy trẻ thật là kỳ lạ khiến cho trẻ có thể học được trong lúc chơi. Vì vậy nhà vua trở nên chăm chỉ học hành. Không chỉ thích học võ vì tính hiếu kỳ của trẻ con, mà nhà vua còn say sưa học văn, tự mình tìm sách trong nhà tàng thư để học.

Do chịu tập tành và hiếu động lại được nuôi nấng chu đáo, nhà vua lớn rất nhanh, mới mười một tuổi mà cao lớn vạm vỡ như trẻ mười lăm mười sáu tuổi. Điều đáng nói ở Càn Đức là trí tuệ sớm được khai mở nên nhận biết các điều về đạo nghĩa cũng mau chóng, đôi khi chưa học mà lý giải rõ ràng như người đã tóm thâu được chân lý, hơn nữa, nhà vua dường như có cái tâm thiện bẩm sinh: không nghĩ về điều ác, tránh không đọc các sách có những cảnh chém giết. Hay hỏi thầy về các điều trong sách cũng như những việc ngoài đời.

Thỉnh thoảng Linh nhân hoàng thái hậu có hỏi Càn Đức về sự học, thấy con ứng đáp trôi chảy, thái hậu mừng lắm. Về dường nho học xem ra đã vững vàng. Thái hậu bèn hỏi Lê Văn Thịnh:

- Sư phó dạy dỗ thế nào mà mới có một năm trời

sức học của nhà vua đã rộng đến thế.

- Tâu hoàng thái hậu, hoàng thượng có nguồn tâm hư tĩnh nên tiếp nhận đạo học nhanh lắm. Vả lại cái trí của bệ hạ không phải là trí của người bình thường, nên học một biết mười, thần ngờ rằng bản thân hoàng thượng còn có trí vô sư nữa.

- Ta không hiểu điều ông nói. - Ý Lan mỉm cười. - Thông thường di học là phải có thầy, trí tuệ phát triển được đều phải nhờ thầy. Dân gian thường nói: "Không thầy đố mày làm nên". Thế thì cái trí vô sư ấy là trí gì, nó ở trong tay ta hay ở ngoài ta.

- Tâu, trí vô sư là nhờ tự học mà có. Nhưng quan trọng hơn là người ấy tự nhận biết được sự vật, kể cả những sự vật khó khăn phức tạp phải một đời trải nghiệm và phải có trí tuệ mới nhận biết được. Thế nhưng chưa qua trải nghiệm, chưa đạt tới trí lực thông sáng mà vẫn nhận biết được, ấy là phần trí tuệ đã tu tập và tích lũy được từ các kiếp trước, nay có cơ hội thời các chủng tử tiền kiếp tự nhiên được đánh thức.

- Tâu, đó là một vốn quý, một báu vật không gì có thể so sánh được. Vì vậy đấng Giác ngộ mới dạy rằng: "Vô sư trí vi tôn".

Bà Ý Lan vui lắm, lại hỏi:

- Ông là người thông Nho mà cũng hiểu Phật. Nhà Lý ta gốc ở Phật, các tiên đế cũng chỉ dùng Nho làm phương tiện để học Phật. Không chỉ ta thấy mà các quan

cũng thấy từ khi hoàng thượng được ông dạy bảo, sức học tăng tiến không ngờ mà sức lực cũng rắn chắc và lớn vững lên. Vậy là nhà vua đã tìm được ở ông một người thầy kiêm thông văn võ, lai co phương pháp huấn giảng khác thường. Ta co nhờ khen.

- Đa tạ hoàng thái hậu có nhờ khen, thần xin gắng sức để hoàng thượng trở thành một bậc minh quân, một bậc lương tướng.

- Ấy cũng là đường lối huấn giáo của các tiên đế xưa đối với con cái. Chắc ông biết các hoàng tử đều là những tướng tài. Ngay các hoàng đệ của Thánh tông cũng vậy. Vừa đây Phụng Càn vương tham gia phạt Tống, mưu kế như thần. Các hoàng thúc Hoằng Chân, Chiêu Văn mỗi người đều có một đội thủy quân tới vài nghìn người tinh tuyển và tinh luyện khá thuần thực. Cho nên việc ông huấn hồ cho hoàng thượng trở nên văn võ toàn tài thì tiên đế ở dưới suối vàng cũng được mát dạ.

Ý Lan nhìn Lê Văn Thịnh với vẻ biết ơn, bà tâm sự:

- Nhân đây ta cũng tiết lộ một điều để quan sư phó biết: Sinh thời tiên đế đã nhiều lần nhắc ta, phải dạy cho các con trở thành tướng giỏi, để khi nắm quyền đại thống, vua phải tự nắm lấy việc quân, tự mình sai bảo. Nếu vua hèn kém, việc quân lọt vào tay các cường thần thì vua chỉ là chiếc bù nhìn nằm trong tay bầy tôi, nó để lúc nào, lật lúc nào là tùy nó, tựa như Hán Hiến

để với Tào Tháo.

- Tâu, tiên đế thật sáng suốt. Gương các đời xưa là vậy đó.

- Nhưng có một điều này ta cần cầu kiến ông.

- Xin hoàng thái hậu cứ dụ bảo.

- Trước khi nói điều đó, ta phải ôn lại một chút về mối quan hệ giữa ta với ông. Tức là cha ta và cha ông là hai người bạn chí thiết. Hai nhà qua lại thăm viếng thân tình. Ta và ông cùng Sĩ Thoại tình như anh chị em. Nhờ hồng phúc tổ tiên nay lại được cùng vào triều. Ông là người có tài văn học cả nước chẳng ai theo nổi. Lý Đạo Thành chẳng nói làm gì. Ông ấy đã là bậc thầy của các vị, ai còn không biết. Ta nói đây là nói lớp trẻ kia. Trở lại việc ta muốn cầu kiến ông, ấy là sự học của Càn Đức. Hiện nay về đường nho học thì khỏi phải nói, nhưng còn đường Phật học thì sao. Nước ta lại lấy Phật giáo làm quốc đạo, thế mà nhà vua chỉ chuyên nhất về nho học. Vì thế các bậc tăng thống, quốc sư, cả đạo sư nữa đều mong mỗi hoàng thượng được giáo huấn thêm về đường Phật, Lão. Bởi vậy bên cạnh ông, ta muốn tìm một thầy dạy Phật cho Càn Đức. Ông là người quan hệ rộng trong cả ba giới Nho - Phật - Lão, liệu ông có tìm giúp ta được một ông thầy không.

Nghe hoàng thái hậu Ý Lan tâm tình, Lê Văn Thịnh vừa cảm động vừa khó nghĩ. Thì ra các việc làm của ta nhất nhất không qua mắt được giáo hội. Điều lo ngại

của các vị chính là sợ ta dẫn dắt hoàng thượng vào con đường triết nho để rồi Phật không còn được vị trí độc tôn nữa.

Suy nghĩ giây lâu Lê Văn Thịnh liền đáp:

- Tâu hoàng thái hậu người mà thái hậu cần tìm chính là con của trung thư viên ngoại lang Lý Hoài Tố, đã từng hầu học với hoàng thượng mấy năm trước, hai người rất mến nhau, hoàng thượng đã cho biệt hiệu là Hoài Tín. Mấy năm nay Hoài Tín đi theo học thiền sư Quảng Trí ở chùa Quán Đính, đặc pháp được trao truyền tâm ấn, thường đeo bình bát đi vân du hoàng pháp nổi tiếng chốn sa môn. Tuổi tuy còn ít, Hoài Tín sinh năm Sùng hưng đại bảo thứ nhất tức năm Canh Dần (1052), hơn hoàng thượng đúng mười bốn tuổi, người này tâm tuệ sáng láng có khả năng khai minh, khai thị cho người khác thật phi phàm. Nếu người này chịu xuống núi ắt hoàng thượng vui lắm, vì trước đây hai người đã có tình bạn.

Ý Lan niêm nở:

- Người này ta biết. Hoài Tín có nhiều tướng quý, thông tuệ khác thường, hợp với Càn Đức lắm. Được, ta sẽ cho triệu thỉnh, nếu đại sư không nhận lời xuống núi, đích thân ta và nhà vua sẽ đi triệu.

Ý Lan nhìn ra ngoài trời như nhìn vào cõi mơ hồ, bà nói như tự nói với lòng mình:

- Thực ra ta cũng biết thiền sư Quảng Trí, mấy năm nay ta vẫn đến cửa ngài tham vấn, được sư chỉ dẫn

đến chỗ rớt ráo của đạo thiền. Ngài đúng là một bậc túc thiền, tiếc rằng tuổi cao quá nên không còn sức vân du hoằng pháp. Tuy vậy các quan trong triều vẫn trèo non lội suối đến tham vấn khá đông, trong đó có công bộ Đoàn Văn Khâm có duyên được sư tâm truyền cho nhiều điều sở đắc.

Qua những buổi trò chuyện với quan sư phó Lê Văn Thịnh, càng ngày hoàng thái hậu càng thấy mến phục con người này. Tài trí, thông tuệ lại có khả năng truyền thụ kiến thức cho học trò thật là khác thường, càng ngày trò càng mến thầy, mà kiến thức thì vẫn vô kiêm thông.

Về cung rồi mà hình ảnh Lê Văn Thịnh vẫn không dứt khỏi óc não, bà tự nghĩ - chẳng nhẽ người tài năng như vậy mà chỉ làm mỗi việc gõ đầu trẻ sao. Phải cho ông ta một công việc, một chức vị nào đấy để ông ta bộc lộ được chân tài.

Đỗ đầu một khoa thi lớn lại là thầy học của nhà vua, suốt một năm qua ai cũng khen ông ta có khiếu năng đặc biệt trong việc truyền thụ kiến thức, nhà vua tiến bộ trông thấy, thế nhưng không một người nào nữ khai khẩu xin hoàng thượng thăng cho ông ta một chức vị nào đấy để ông ta thi thố tài năng. Người này theo ta là người tài cao chí lớn, nếu được tin dùng sẽ là người đủ sức kinh bang tế thế.

Với hai người bạn và cũng coi như là chỗ bà con

như Nguyễn Sĩ Thoại và Lê Văn Thịnh, Ý Lan luôn nghĩ tới họ từ khi còn là ái phi, là thần phi của Lý Thánh tông, nhưng chưa có cơ hội giúp họ. Nay qua kỳ thi Minh kinh, họ đã bộc lộ được tài năng hơn người nên đã được cất nhắc. Đó là sự cất nhắc công bằng chứ chẳng có chút vị tình nào cả. Riêng Lê Văn Thịnh, tiếng rằng đỗ đầu nhưng vẫn còn ẩn bóng Càn Đức với cương vị một người thầy. Ý Lan muốn ban thưởng cho Lê Văn Thịnh một chức vị nào đấy trong triều để làm bậc thang tiến thân. Với cương vị nhiếp chính, ta muốn đặt Thịnh vào chỗ nào mà chẳng được. Nhưng việc đó có khi lại làm hại Lê Văn Thịnh hơn là giúp ông ta. Chi bằng cứ đưa ra bàn thảo trước triều đình để các quan cân nhắc thì sự tôn vinh ấy mọi người mới tâm phục.

Tướng rằng làm được điều tốt điều thiện, lương tâm bình ổn thì đêm về sẽ ngủ ngon, ai dè cứ trần trọc mãi giấc ngủ vẫn không tới. Và khi vừa chớp mắt, ác mộng lại chập chờn, hình ảnh Thượng Dương với những lời nói cuối cùng trước khi bà phải xuống mồ: “ Sinh thời tiên đế thương lo cái họa nhà Tống, nay ta cũng nghĩ thấy mùi quân Tống sắp tràn sang. Nếu để cho vật dục làm mờ nhòa đầu óc khiến nước mất nhà tan thời lịch sử sẽ coi người như một tên phản phúc, tội ác ấy, vết nhơ ấy nghìn đời cũng không gỡ bỏ được đâu ”

Ý Lan tự nhủ: “Chị Thượng Dương ơi, em nghe chị, không để mất nước được đâu. Bằng giá nào cũng phải lấy

mức làm trọng, phải giữ lấy nước. Chị tha thứ cho em ". Lại thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn. Lại nghe văng vẳng bảy mươi hai cung nữ đứng ngoài hàng rào điện Tuyên Đức réo gọi: "Dương Thái hậu vô tội! Dương Thái hậu vô tội!... Trả mạng chúng ta đây! Trả mạng chúng ta đây!..." Và Thượng Dương lại hiện về, mắt nhìn ta như tóe lửa, giọng nói căng thẳng, chát chúa: " Ta vì cả tin và thương người nên sa cơ mắc nạn bởi tay một đứa quê mùa nham hiểm. Người đừng tưởng tội ác tày trời này được giấu gói trong chuyện ghen tuông mong được đời sau nương nhẹ. Chỉ kẻ ngu khờ mới tin đây là chuyện ghen tuông hay ghen tức. Không phải thế đâu cô ả ơi, máu ghen thường sinh mù quáng hay sa vào các việc tầm thường, vụn vặt; dằng này là mưu toan soán đoạt hẳn hoi, nên được toan tính tinh vi, kết liên thành đảng thành bè từ ngày còn tiên đế, và các người che giấu được cả tiên đế, thử hỏi làm sao ta thoát được nanh vuốt các người".

Ý Lan co rúm người lại thú nhận: "Chị Thượng Dương ơi, chị đã vạch đúng tim đen của em thời em xin nhận. Quả là em cũng chỉ muốn người đời cho đây là chuyện ghen tuông mù quáng nên dễ bỏ qua. Chị đã biết, nên em cũng nói thật. Khi vào cung em trong trắng đại khờ như chị biết đấy. Chỉ từ khi em có thai Càn Đức, tên đô thái giám Đỗ Khánh Thập ra vào ton hót. Sự kết liên tướng như vô tình, tướng như cơ hờ giữa em với thái úy Lý Thường Kiệt là do Khánh Thập móc nối, và khi cần thi y thúc đẩy. Phải nói, cả em lẫn Thường Kiệt đều

vô tình, nhưng vì ham hố quyền lực mà câu kết. Khi đã quá đà thì không dừng lại được nữa. Chợt nhận ra, em đã sai giết Đỗ Khánh Thập không cho nó toàn thây. Nhưng tiếc rằng chị cũng không còn nữa...". Ý Lan ôm mặt khóc hu hu như một đứa trẻ bị đòn.

Thượng Dương dõng dạc nói: "*Này cô Khiết, tội của cô còn nặng hơn Đỗ Khánh Thập nhiều. Cô xảo quyệt lắm. Cô và Thường Kiệt giết tên Thập là để bịt đầu mối chứ không phải lương tâm cô thức tỉnh. Bảy mươi ba người chúng tôi hằng ngày vẫn trì tụng xin Phật độ cho siêu thoát và giải được nỗi hăm oan này. Cô sẽ bị đọa, bị luân hồi đúng bảy mươi ba kiếp từ sâu bọ đến các loài rắn rết rồi mới được lên làm kiếp trâu, bò, chó, ngựa. Cô nhờ Phật độ cho phước ấm viên thành, thế mà không thấu nghiệp nhân quả. Có ai hại cô đâu, chính cô tự hại mình đó". Nói xong Thượng Dương biến thành ánh hào quang vụt biến đi. Ý Lan giật mình thức giấc, trán đầm mồ hôi.*

Ý Lan không dám đi nằm nữa, bà rất sợ đêm tối. Tự mình thấp bạch lạp và lại lần tìm lưu bút của Tăng thống Lâm Huệ Sinh ra đọc.

"...Cái duyên của ta với triều đình tới nay đã dứt vì sự tàn sát khủng khiếp này. Liệu có phải cái ác đã chính thức lên ngôi.

Ta khuyên các người hãy sớm tỉnh ngộ, quay đầu lại là bờ đáy. Nếu cứ gico mãi nhân ác thời không thể tránh khỏi điều dữ, phải đọa nhiều kiếp để trả nghiệp này.

Ta nhắc thêm một lần nữa: “Quay đầu lại là bờ đấy!”

Hãy mau quay lại với thiện tâm vốn có của mình.

Vĩnh biệt các người!

Vĩnh biệt chốn phù du ta về núi!”

Tay cầm tờ giấy mà lòng run sợ. Rõ ràng tăng thống răn ta nếu cứ gieo mãi nhân ác phải đọa nhiều kiếp để trả nghiệp. Vừa rồi Thượng Dương cũng bảo ta phải đọa bảy mươi ba kiếp luân hồi từ sâu bọ rắn rết rồi mới được lên làm kiếp trâu bò chó ngựa.

Ỗ Lan chấp tay lạy đủ mười phương Phật xin được giải thoát. Bà đã xám hối nhiều lần trước cửa Phật Đà, đã lập đàn thí thực, đã phóng sinh, đã xây chùa, tạc tượng vậy mà tâm vẫn chưa thôi xao động.

Ỗ Lan nhớ đã mấy lần cho người lên núi xin được gặp thiền sư Lâm Huệ Sinh và xin được sám hối. Nhưng đệ tử của sư đều không cho gặp, nói rằng sư đã nhập thất. Và mới đây ngài đã viên tịch. Điều đó càng làm cho Ỗ Lan thêm ân hận.

Nhiều đêm liền Linh nhân hoàng thái hậu vò võ thức trắng và miên man trong hoảng loạn. Cho tới một ngày không còn chịu đựng được nữa bà tìm lên sơn tự gặp thiền sư Quảng Trí.

Quảng Trí là bậc cao tăng, đương thời các thế gia, các đại thần thường đến tham vấn.

Vừa trông thấy Linh nhân hoàng thái hậu, sư đã hỏi:

- Bản tăng đã lánh chốn phồn hoa vào xó núi mặc

áo vá, ăn quả rừng, uống nước suối ban cùng có cây muông thú, nơi đây không có gì hấp dẫn người đời, cứ sao thái hậu còn cất công tìm đến.

Bà Linh nhân thái hậu sụp lạy:

- Bạch thầy, chốn kinh kỳ phồn hoa nhưng lắm bụi, mà mỗi hạt bụi lại là một tội ác của thế gian chung góp lại, xin hòa thượng mở lòng cứu con.

Nom sắc diện bề ngoài của bà thái hậu quá là suy sụp, tiều tụy, thiền sư Quảng Trí biết trong lòng bà đang có điều gì bất ổn. Hẳn là vụ giết bà Thượng Dương cùng bảy mươi hai cung nữ năm Quý Sửu (1073) đây. Nghĩ vậy, sư liền hỏi:

- Sự bất an trong lòng thái hậu là bởi có nhiều hồn oan đang lên tiếng đòi mạng. Các hồn oan sẽ không để cho lệnh bà được an tịnh nghỉ ngơi đâu.

- Vậy nhờ đại sư trấn yểm trừ đi có được không?

- Họ đang nhao nhao phản bác đây này. Vả lại nếu nhúng vào tội ác hoặc dung dưỡng sự bất công, phép Phật sẽ mất thiêng ngay. Thái hậu đã gây ra tội ác nhẽ ra phải sám hối thì lại đi tìm một tội ác khác. Cứ như thế này sẽ không bao giờ gỡ bỏ được đâu. Vậy là bấy lâu thái hậu vẫn đi theo con đường cũ.

Ngưng lại giây lâu rồi thiền sư chậm rãi:

- Ta nghe nói thái hậu cũng là một Phật tử, nên nhớ rằng Phật không dung dưỡng tội ác, càng nên biết Phật không bao giờ là đồng minh của tội ác. Có tội thì

phải sám hối, phải trả nghiệp.

- Bạch hòa thượng, con phải làm gì đây?

- Lệnh bà phải bỏ con đường cũ, phải quay đầu lại đi trên con đường mới. Đi theo đường cũ là tìm về bến mê, quay lại đi trên đường mới là đi tới bờ giác. Cứ quay lại đi, quay lại là bờ đấy.

- Vậy làm thế nào giải được nghiệp chướng này, xin đại sư chỉ dẫn.

- Việc này hơi khó đấy, chính người tạo nhân ác. Và bây giờ bảy mươi hai cung nữ đó, đứng đầu là thái hậu Thượng Dương hằng ngày họ cầu nguyện Phật Đà đòi được trả nghiệp. Cái cộng lực của bảy mươi ba người ấy lớn lắm, không phép nào có thể chuyển lay được. Ấy là chưa kể lão thái thái họ Mai cũng thác oan vì bị bỏ dối, nhưng bà tha cho vì bà có tâm tuệ nên đã ra khỏi cõi dục giới rồi. Chắc hoàng thái hậu nhớ tích xưa Mục Kiều Liên muốn cứu mẹ là bà Thanh Đề phạm nhiều tội ác, Kiều Liên xin Phật giúp. Phật đáp: - Ta không thể cứu được, nhưng ta mách cho ông cách cứu mẹ. Nhân có khoa an cư kết hạ, các sư tăng về kết hạ đông tới ngàn người, ông nên tìm chút đồ thanh tâm cúng dâng rồi xin chư vị hiệp lực kêu cầu may ra thì giải cứu được.

Mục Kiều Liên nghe lời Phật dạy, sắp sửa đồ lễ cúng dâng. Quả nhiên các sư tăng nhất tâm dành lễ kêu cầu suốt mấy ngày đêm nên bà Thanh Đề được chuyển nghiệp, thoát khỏi tội sa mấy tầng địa ngục.

Nay nếu quá hoàng thái hậu muốn trả nghiệp cũng phải lập đàn tràng mời các sư tăng về cầu cúng. Nhưng việc cúng cầu ấy chỉ linh ứng khi bản thân thái hậu phải đoạn tuyệt với mọi hành vi có dính dáng đến điều bất thiện, hằng ngày phải sám hối trước Phật Đà và phải nghĩ điều thiện, làm việc thiện dần dần tạo nghiệp thiện. Nếu làm đúng như vậy lo gì thái hậu không cập bến giác. Quay đầu lại là bờ. Phật dạy ta thế đó. Nếu đã nhất tâm hồi hướng thì lo gì không giải được nghiệp.

Thiền sư khép mắt ngồi lắng chân tâm như khi ngài nhập định.

Linh nhân thái hậu khép nép đợi chờ.

Một lát với cử chỉ linh hoạt, sư nói:

- Thí chủ nên nhớ cái cộng lực của đông đảo sư tăng nhất tâm tụng niệm sẽ tạo quá phúc cho thí chủ lớn lắm. Nhưng nhất thiết thái hậu phải thật lòng sám hối, phải gan góc vượt mọi chướng ngại trên đường đi tới nghiệp thiện. Thái hậu phải luôn nhớ một điều rằng làm trăm việc thiện lớn vẫn là nhỏ, nhưng chỉ làm một việc ác nhỏ đã là lớn rồi.

Nghe thiền sư dẫn dụ con đường giải trừ tội ác, Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan cảm như mình sắp được lột xác, gương mặt bà tươi tỉnh hẳn lên, linh hoạt hẳn lên. Bà nói:

- Kính bạch đại sư, con thật tâm sám hối, thật tâm đi theo nghiệp thiện như đại sư chỉ dạy. Vậy con nhờ

đại sư thiết lập đàn tràng cho con sám hối ngay tại sơn tự của đại sư có được không ạ.

Thiền sư Quảng Trí mỉm cười, giọng ấm áp như hàm chứa cả sự an tịnh và phước báu cho người nghe:

- Thí chủ chớ nôn nóng, cái thiện phải tích chứa dần dần ví như một trái cây, trái bưởi chẳng hạn, khi hoa kết nhụy đậu được thành quả, thì cái quả ấy nó mới chỉ bằng đầu tăm thôi, trái ngày tháng và cả sự chăm bón nó mới lớn dần, lớn dần... Nghiệp thiện là thế đó. Chỉ có cái ác mới nhanh mạnh và có sức tàn bạo như cuồng phong. Cái ác tuy đến nhanh như cuồng phong nhưng nó lại có rễ bên sâu chắc. Vì vậy tẩy trừ nó là phải tỉnh thức, phải kiên nhẫn, phải tích chứa nội lực và cũng còn phải dũng cảm nữa. Thái hậu nên nhớ việc thí thực hoặc cúng dàng Tam bảo, việc cứu người sa cơ lỡ vận... đó chỉ là những việc thiện thôi chứ chưa phải nghiệp thiện. Muốn tu theo nghiệp thiện phải tu theo đường của Tứ diệu đế¹ và Bát chính đạo². Đó là con đường dài lâu không thể nói trong lúc Thái hậu đang nóng lòng trả nghiệp.

- Dạ, đúng như đại sư dạy đó ạ. Vậy đại sư có thể bố thí cho con một đàn tràng như đại sư nói và lập ngay tại sơn tự này rồi triệu sư tăng bốn phương về được

1 Tứ diệu đế gồm có: Khổ đế; Tập đế; Diệt đế; Đạo đế.

2 Bát chính đạo gồm có: Chính kiến; Chính tư duy; Chính ngữ; Chính mệnh; Chính nghiệp; Chính tinh tiến; Chính định; Chính niệm. Đây là những điều cơ bản để nhập môn tu Phật.

không ạ.

- Ta đã nói thái hậu việc này không thể nôn nóng. Thái hậu phải cột cái tâm lại đứng cho nó nhiều loạn. Và ngay từ bây giờ phải quên các tội lỗi đã làm mà chỉ nghĩ đến điều thiện, hành theo nghiệp thiện. Khi nào duyên khởi ắt sẽ có cơ may trá nghiệp.

Việc lập một đàn tràng quy mô lớn như thế, sơn tự ta sao đủ sức chứa. Vài mái lều cỏ, đường đi lại chỉ là một lối mòn đặt vừa hai bàn chân. Và lại, nếu lấy quyền uy mà chiêu tập sư tăng về, việc ấy thái hậu thừa sức làm, nhưng không đem lại phước đức công quả. Hơn nữa tốn nhiều công của lắm. Sao bằng chờ khóa hạ sắp tới, sư tăng cả nước về Thăng Long kiết hạ, thí chủ cứ đến bày tỏ với vị Yết ma hoặc vị Giáo thụ trong hội đồng truyền giới để xin cúng dàng sư tăng, sau xin lập đàn giải nghiệp. Nếu được các ngài hoan hỷ, việc chắc thành tựu. Chớ dùng quyền uy mà ép thì đàn có thể lập nhưng chỉ rước thêm họa vào thân.

Nói xong thiền sư khép mắt ngồi theo thế kiết già. Linh nhân thái hậu biết cuộc tham vấn của bà và cuộc pháp thoại của đại sư đã mãn. Ý Lan sụp lạy rồi đi giật lùi ra sân, bà sai thị nữ đem lễ đặt trước Tam bảo một trăm nén bạc, mười nén vàng rồi trở lui. Từ ấy lòng bà an nhiên, thanh thản chờ khóa hạ.

IX

Từ sau lễ hiến phù¹ uy danh của Lý Thường Kiệt cùng các tướng tham gia phạt Tống lây lừng khắp trong triều, khắp nước. Ai cũng lấy làm hãnh diện về dòng giống mình, đất nước mình. Thế nước nổi tới mức người dân hết lòng tin vào triều đình, sẵn sàng cho chồng, con sung quân hoặc làm bất cứ việc gì triều đình sai khiến.

Dân chúng hường thôn nhiều nơi mở hội mừng quân ta thắng lớn. Khắp nơi từ quán sá, chợ búa, trường học, đền miếu đến cả những ca lâu, tửu quán... không nơi nào không bàn tán, bình phẩm về tài cán của Lý Thường Kiệt và sức chiến đấu ngoan cường của quân ta. Thậm chí có người nói quân ta thiện xảo về mọi mặt, quân Tống thua là phải. Có kẻ ngông ngạo còn nói quân

¹ Lễ diễn ra ở nhà thái miếu, báo cáo việc thắng trận với các liệt tổ, sau đó chém tù binh. Lễ năm nay không chém tù binh vì hoàng thượng không ưa cảnh giết chóc.

ta vô địch, tiếc rằng Thái úy đô tổng quản cho rút quân sớm quá, nếu không cứ tiến một lèo đến Biện Kinh bắt Tống Thần tông, Vương An Thạch về trị tội để rửa mối hận ngàn năm Bắc thuộc.

Lý Đạo Thành cho người đi nghe ngóng binh tình khắp trong nước. Tin tức thu về vừa phấn khích vừa lo âu. Phấn khích bởi thế nước đã hưng, dân chúng khắp nơi đều hướng về triều đình gửi gắm niềm tin. Còn lo âu là bởi từ quân đến dân đã nảy sinh sự kiêu căng tự phụ, coi thường địch.

Lý Thường Kiệt không phải không biết điều đó, ông đang lo uồn nấn sự việc lệch lạc nảy sinh sự kiêu mạn bắt đầu từ các đô tướng, các đầu mục người man rồi sau đó lan ra binh lính.

Lại quân thám tử Biện Kinh, Quảng Châu, Quế Châu đều nói triều Tống đang gấp gấp chuẩn bị binh lực đánh Giao Chỉ lớn lắm. Điều cá quân, tướng từ phía bắc về. Họ cũng tung nhiều quân thám vào nội địa ta, móc nối với các thương nhân người Tống đang buôn bán ở Vân Đồn và cả Thăng Long để dò la tin tức. Và họ có cả một âm mưu lôi kéo các thủ lĩnh người man vùng khe động nhằm phá thế phên giậu của ta. Vì vậy việc chống lại các mưu toan của người Tống cũng là một cản ngại trong cuộc đấu trí trước khi đấu lực với họ.

Nhân cơ hội đánh vào Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu, ta bắt được nhiều sứ sãi của họ, thu lấy các

giấy tờ tùy thân mà chính quyền nhà Tống cấp cho họ cùng các bằng sắc trong hàng giáo phẩm, nay ta tuyên mộ một số người có học vấn, biết nói tiếng Quảng Đông, Quảng Tây, Phúc Kiến... cho học qua các kiến thức về Phật, cách tu tập của từng môn phái rồi cạo đầu, mặc áo nhà sư và dùng các giấy tờ ấy để vào đất Tống. Sau đó đóng các vai vân du tầm sư học đạo. Cũng có người đi khất thực. Có người xin vào tu trong các chùa lớn của Biện Kinh, Hàng Châu, Quế Châu, Quảng Châu, Phúc Châu, Kim Lăng...

Ta cũng cho dân đánh cá ven biển trà trộn với dân chài người Tống, vừa lấy tin tức về quân thủy của họ qua đám ngư phủ nghèo. Với các ngư phủ đói ngheo cứ thả cho họ mấy đồng tiền mua được dăm ba đấu gạo thì muốn hỏi họ cái gì cũng được, muốn tới đâu họ sẵn sàng dẫn đi, sẵn sàng che giấu ta khi cần, miễn họ được ăn no. Dân đánh cá của ta lại theo người của họ đem cá vào sâu nội địa bán để thông tin tức với các gián điệp nằm vùng.

Ngay các sông Tả, Hữu giang và Tây Giang các thuyền buôn của ta giả làm thuyền Tống mang giấy thông hành và cả giấy thông thân cước sắc¹ do Tống cấp, vẫn cứ ngược xuôi giăng mắc bán buôn cập bến nọ bến kia để bán, mua mà người Tống đâu có biết.

¹ Đây là loại giấy tùy thân do chính quyền hương thôn cấp, tương đương như chứng minh nhân dân bây giờ.

Lý Thường Kiệt dự liệu phải chống trả một cuộc xâm lăng đại qui mô của triều Tống không chỉ nhằm trả thù rửa hận mà họ còn mưu toan chiếm hẳn nước ta. Gần đây Tống Thân tông từng nói với Vương An Thạch và các tướng: “Sau khi bình được Giao Châu sẽ đặt châu huyện như ở nội địa.”

Lý Thường Kiệt tự biết cuộc phạt Tống vừa qua chỉ là một bước phòng thủ từ xa nhằm ngăn chặn một cuộc xâm lăng không cho nó nổ ra sớm hơn trong khi ta chưa sẵn sàng. Vì vậy, muốn đánh bại cuộc xâm lăng này có ba việc phải làm gấp:

Một là phải cố kết được lòng dân, phải làm cho mọi người thấy được dã tâm xâm lược của nhà Tống.

Hai là phải tăng sức quân, phải có kế sách công thủ rõ ràng.

Ba là vua tôi phải đồng lòng, triều đình phải là cột trụ, phải nhất thống trong hết thảy mọi phương sách và kế mưu đánh giặc.

Lý Thường Kiệt nghĩ phải có một cuộc nghị ban chống giặc gồm những người chủ chốt của triều đình để tìm kế chống giặc, ông bèn đến cung Tuyên Đức gặp Linh nhân hoàng thái hậu. Nghe Lý Thường Kiệt trần tình mọi việc xong, Ý Lan nói:

- Phạt Tống vừa mới dây công của ông lớn lắm, cá nước biết ơn ông, uy danh của ông trùm thiên hạ. Ta nghe ngóng trong các giới, kể cả nho sĩ và dân chúng

hiện nay đều nhất đán qui về triều đình chứ không còn sự chia lòng như các năm trước. Đám nho sĩ cứ khăng khăng rằng: “Cổ kim truyền vi võ công đệ nhất”¹ Ta mừng cho ông. Mừng cho vận nước. - Ý Lan kể lè khúc nhôi bấy lâu nay đầu óc mông lung, ăn ngủ thất thương lại hay gặp ác mộng khi đêm về. Và vừa qua bà có lên sơn tự cầu kiến thiền sư Quảng Trí chùa Quán Đính, núi Không Lộ, được sư chỉ giáo nhiều điều tâm đắc nên tâm thân đạo này đã an định.

Nghe nói sư Quảng Trí, Lý Thường Kiệt liền nhường mắt lộ vẻ vui mừng:

- Thân có biết vị tăng này. Đó là một bậc cao tăng mà giới sa môn thường gọi là Hàn Sơn, Thập Đắc tái thế. Dạ tâu đó là hai vị cao tăng nổi tiếng đời nhà Đường. Nếu hoàng thái hậu được vị này chỉ dẫn mà nghiêm cẩn làm theo chắc là diệu dụng lắm. Thân có đôi lần được tiếp kiến ngài Quảng Trí. Phải thừa nhận mỗi lần được hầu chuyện sư là mỗi lần được khai ngộ.

Triều ta các quan lui tới cầu kiến ngài Quảng Trí cũng nhiều, nhưng chỉ có công bộ Đoàn Văn Khâm là người tri kỷ. Chính Đoàn Khâm đã có thơ tán thán ngài Quảng Trí.

- À ra vậy, thế mà ta không được biết. Chẳng hay ông có còn nhớ bài nào của Đoàn công bộ tán thán ngài

¹ Nghĩa là xưa nay truyền tụng trận ấy là đệ nhất võ công.

Quảng Trí.

- Tâu, công bộ Đoàn Khâm xướng họa với ngài Quảng Trí thì nhiều, nhưng thần là võ tướng, đầu óc lúc nào cũng chỉ có quân quyền trận mạc nên không nhét vào đâu được, duy có một bài tứ tuyệt mà thần tâm đắc nên thuộc ngay, xin đọc để hoàng thái hậu ngự lãm.

- Tâu, đây là bài thơ tặng ngài Quảng Trí chứ không phải thơ xướng họa. Dạ nguyên văn như sau:

Trụ tích nguy phong bãi lục trần,

Mặc cư ảo mộng vấn phù vân.

Ân cần vô kế tham Trưng, Thập,

Sách bạn trăm anh tại lộ quân¹.

Nghe xong Linh nhân Ý Lan cúi đầu trầm mặc.
Một lát bà bảo Lý Thường Kiệt:

- Ông đọc lại cho ta nghe một lần nữa.

Nghe lần thứ hai bà nói:

- Ta không ngờ Đoàn công bộ còn là một nhà thơ. Thơ ông không chỉ khắc họa được chân dung mà còn vẽ được cả cái thân của thiền sư Quảng Trí.

Ta nghe nói Quảng Trí đắc pháp với Thiền Lão Thiền Ông. Chính tổ nội² của Càn Đức cũng thường lui

1 *Chống gậy non cao rũ bụi đời.*

Nằm trong mộng huyễn ngắm mây trôi.

Ân cần khôn khéo theo Trưng, Thập,

Trót vướng bầy cò lớp mũ dai.

(Ngô Tất Tố dịch)

2 Tổ nội của Càn Đức (Lý Nhân tông) tức là Lý Thái tông (Lý Phát Mã).

tới tham vấn các yếu chỉ của đạo thiền với Thiền Lão Thiền Ông, mà Càn Đức hiện đang học Phật với đại sư Hoài Tín; mà Hoài Tín lại đặc pháp với thiền sư Quảng Trí. Cho nên vừa qua ta đến cầu kiến ngài Quảng Trí chắc cũng là cơ duyên cả.

Sực nhớ Lý Thường Kiệt đến xin ý chỉ về việc bàn bạc kế mưu phòng chống cuộc xâm lăng sắp tới của nhà Tống, bà Ý Lan nói:

- Ông mới đưa quân về chưa được một tuần¹, sao không nghỉ ngơi đi đã. Nói nhà Tống xâm lăng là nói phòng xa thôi chứ quân Tống làm sao đã góc đầu dậy được.

Lý Thường Kiệt tỏ vẻ kinh ngạc:

- Thần trộm nghĩ việc chống quân Tống bây giờ mới đặt ra đã là muộn. Nếu không mau chống bắt tay vào chuẩn bị kháng Tống từ lúc này thần sợ không kịp.

Được thái hậu và hoàng thượng uỷ mệnh, thần đã cho khao quân, còn việc thưởng thì cho quân tự bình chọn rồi sẽ có thưởng công thích đáng nhằm khích lệ ba quân sau này. Các binh sĩ tử trận đều đã có chế độ tiền tuất đưa đến từng nhà, lại cất cho ruộng đất hương khói. Dạ việc này quan Thái phó Lý Đạo Thành sai làm chu đáo lắm. Sắp tới tăng thống cùng giáo hội Phật giáo sẽ lập đàn cầu siêu cho các binh sĩ đã bỏ mình vì nước

¹ Tháng âm lịch có ba tuần: thượng, trung, hạ; mỗi tuần có mười ngày.

trong cuộc viễn chinh phạt Tống. Mọi việc đều phải làm trong tình thế cấp bách, bây giờ chưa thể nghỉ ngơi được, thần mong hoàng thái hậu gia ân.

Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan mặt hơi biến sắc hỏi:

- Tình hình nghiêm trọng đến thế ư. Liệu có phải do việc ta đem quân sang đánh họ nên mới có cuộc trả thù rửa hận này không?

- Tâu, đúng như vậy.

- Nếu thế thì đánh họ làm gì để bây giờ phải lo?

- Tâu, tình thế bất buộc, nếu ta không đánh họ, thời họ đã đánh ta bằng chính các lực lượng do từ năm ngoái rồi. Ta không còn cách lựa chọn nào khác, trong khi họ không ngờ thời ta đánh, vừa phá được tiềm lực họ khiến họ suy yếu, và làm chậm quá trình xâm lăng của họ. Nhưng cái lớn hơn là dòn phu đầu đó khiến triều đình nhà Tống phải thận trọng mỗi khi tính chuyện xâm lăng Đại Việt, và chính nó làm giảm thêm sĩ khí nhà Tống vốn đã bạc nhược.

- Việc nghị bàn thế nào ông cứ dùng quyền tể tướng, quyền thái úy mà tuyên triệu, hai ban văn võ đều trong tay ông, sao còn phải hỏi ta nữa.

- Tâu hoàng thái hậu, đây là việc có quan hệ đến sinh mệnh quốc gia, hoàng thái hậu đang giữ quyền nhiếp chính, thần sao dám tự tiện.

- Việc đã gấp thế, ông thấy cần làm thì làm ngay đi.

Lý Thường Kiệt đứng dậy vai Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan hai vái:

- Tạ ân hoàng thái hậu, thần xin tuân chỉ.

Ba ngày sau Lý Thường Kiệt bí mật họp nhóm một hội đồng tối cao nhằm hoạch định đường lối cho công cuộc chống quân xâm lược nhà Tống sắp tới.

Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan, vua Nhân tông (Càn Đức), Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành, công bộ Đoàn Văn Khâm, khu mật viện chánh chương Mai Trung Thứ (mới được phục chức, ông bị huyền chức trong sự biến năm Quý Sửu (1073), chiêu thảo sứ Hải đông đô tổng quản Lý Kế Nguyên, thượng phụ Hoằng Chân, hoàng thúc Phụng Càn vương...

Các tướng Lý Thường Hiến, viên ngoại lang Đào Tông Nguyên, phò mã đô úy Thân Cảnh Phúc cùng nhiều tướng lĩnh khác. Sư phó Lê Văn Thịnh được nhà vua ưu ái cho theo.

Mở đầu quan Thái tử Lý Thường Kiệt nói những nguyên cơ buộc nước ta phải làm cuộc viễn chinh Bắc phạt.

Đây là một việc làm bất đắc dĩ, bởi ai cũng biết rằng chiến tranh chẳng đem lại lợi lộc gì, dù thắng hay bại cũng đều mất người hại của. Chúng ta muốn sống yên ổn, hòa hiếu nhưng vua tôi nhà Tống không để chúng ta yên. Ngừng một lát, ông lại tiếp:

- Triều đình nhà Tống vừa ngạo mạn vừa hỗn xược lại vừa ngu hèn nữa. Đối với Liêu, Hạ ở phía bắc, phía tây họ cúc cung tận tụy, tu cống thường năm. Vừa rồi chuẩn bị đánh ta, nhà Tống còn phải cất bảy trăm dặm đất Hà Đông cho nước Liêu để cầu lấy sự yên ổn mặt bắc, rảnh tay đánh Đại Việt ta. Trong khi Tống Thần tông còn băn khoăn vì mất đất và vì mối nhục quốc thể thì tể tướng Vương An Thạch vội trấn tĩnh nhà vua và cả triều đình: “Nếu muốn lấy, trước hết phải cho đi đã. Sau khi dẹp xong Giao Chỉ, đại binh ta đánh thẳng sang Chiêm Thành, Chân Lạp. Sự thực phương nam có Giao Chỉ ngáng chân ta thôi chứ hai nước kia sao dám chống cự lại binh thiên triều. Diệt xong Giao Chỉ, Chiêm Thành, Chân Lạp, uy thế nhà Tống khắc nổi. Bọn Liêu, Hạ sẽ tự lui quân, trả đất và tu cống, chịu cho Biện Kinh sai khiến như một phiên thần. Như vậy, ta chỉ bắn một mũi tên mà trúng tới ba, bốn đích”.

Tống Thần tông và cả triều đình đều tin vào Vương An Thạch. Vua Tống còn hăm hở: “Nghe nói châu Quảng Nguyên có nhiều mỏ vàng, bạc. Dẹp xong Giao Chỉ, hãy cứ chia đặt thành quận huyện để cai trị đã, sau đó mới tiến hành việc khai mỏ và lấy các đồ quý hiếm của nó.”

Lý Thường Kiệt ngừng lời và ông như cố kìm nén lại một sự bức giận đang dâng trào, ông nói dần từng tiếng:

- Tàu hoàng thái hậu, tàu hoàng thượng, thừa chủ

vị, tham vọng của vua tôi Tống Thần tông với Đại Việt ta là không gì cản nổi. Cứ xem cung cách họ chủ trương thời việc thôn tính Đại Việt là lẽ sống còn của họ.

Bởi vậy, chống lại sự thôn tính ấy cũng là lẽ sống còn của cả nước ta. Theo binh pháp, đánh vào chỗ giặc không ngờ trong thời điểm bất ngờ, chắc thắng! Chúng ta đã làm đúng như vậy trong cuộc phạt Tống năm ngoái và đã thu thắng lợi hoàn toàn.

Binh pháp lại nói: Dụ địch ra khỏi hang ổ nó mà đánh, chắc thắng! Thời cơ đó sắp đến. Nhưng muốn chắc thắng ta phải có kế phá giặc thật hoàn hảo. Vậy Thường Kiệt tôi xin bệ trên và chư vị chỉ cho kế sách.

Mọi người đang nhìn nhau để chờ xem ai là người sẽ nói trước, hoặc là các dấng thân vương, hoặc là quan thái phó Lý Đạo Thành, hoặc là các đô tướng. Thế nhưng mọi người đều sửng sốt khi thấy nhà vua cầm cây kim hốt giờ cao quá đầu, cử chỉ đó có nghĩa là nhà vua sắp ban thánh ý. Đúng vậy, ngài nói:

- Ta nghe ông sư phó dạy, đất nước được tạo dựng cả mấy ngàn năm thuần bằng công sức và máu xương của nòi giống Lạc - Hồng, do vậy, các tiên đế đều có di ngôn phải giữ lấy từng tấc đất, từng ngọn cỏ lá cây của núi sông ta. Bây giờ kẻ thù đang định cướp thì phải đánh mà giữ lấy. Ta tuổi còn niên thiếu, sức còn non, trí cũng chưa được khai mở. Cho nên công cuộc giữ nước này ta tựa vào các ông. Phải đánh cho quân thù táng

dờm kinh hồn, để mỗi khi nghe đến hai chữ Đại Việt là chúng phải rùng mình, sờn gáy.

Ngừng lời, vị vua nhỏ nhìn khắp lượt gương mặt các đại thần thân tín. Và với vẻ xúc động, nhà vua nói tiếp:

- Thế nước có vững mạnh hay không, dân tộc ta có trường cửu hay không là ở cuộc đọ sức này. Các ông là rường cột của nước, hãy bàn thảo rồi cùng mẫu hậu ta đoan quyết.

Các quan hết thầy đều xúc động xem lời nói của vị vua nhỏ như lời sông núi, như hồn tiên tổ hiện về ứng vào ngài, chứ thực một cậu bé mười một tuổi sao đã biết được các tri kiến sâu rộng dường ấy. Đành rằng nhà vua được một người thầy siêu việt như Lê Văn Thịnh huấn hõ.

Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan giật mình vì những lời nói cứng cỏi của con. Bà hết nhìn Càn Đức lại nhìn Lê Văn Thịnh như một sự thăm biết ơn. Đoạn bà nói:

- Ta không ngờ hoàng thượng lại sớm trưởng thành như vậy. Những lời hoàng thượng vừa nói, thực ra là mệnh vua. Vậy các ông cứ bàn thảo để thực hiện được như thế tức là công cuộc chống xâm lược Tống, bảo vệ đất nước ắt thành tựu.

Hoàng thái hậu nói xong, không khí vẫn im phăng phắc, một sự nặng nề đe triu như chiến tranh đã sắp nổ ra.

Lý Đạo Thành cảm như ông có trách phận phải lên tiếng, ông nói:

- Hoàng thái hậu và hoàng thượng đã có chỉ dụ rõ ràng, chúng ta là cột trụ của nước phải bàn cho thấu đáo. Cuộc chiến tranh này là không thể tránh được, đúng như quan thái tể đã nói. Tôi nhớ, sinh thời tiên đế cũng đã lưỡng trước. Cuộc chinh phạt Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069), tiên đế từng răn: “Đánh Chiêm Thành là để phá thế hợp tung của nhà Tống. Họ đang dụ Chiêm Thành đánh ta ở mặt nam để họ đánh ta ở mặt bắc, kéo ta vào một thế trận trường sa lưỡng đầu thụ địch. Ta đánh Chiêm Thành để diệt cái mầm họa phương nam, rảnh tay đối phó với phương bắc. Việc nhà Tống đánh ta là không tránh khỏi, cho nên phải chuẩn bị đối phó từ bây giờ”.

Vậy là việc tiên đế dự liệu đã dần dần hiển lộ. Tuy nhiên cuộc kháng Tống lần này khác với cuộc phạt Tống mới đây, bởi không bên nào còn giữ được điều gì bất ngờ nữa. Và cả hai bên đều ở thế chủ động. Nó tựa như một ván cờ, mỗi bên đều lừa bên kia vào thế của mình để mà hãm rồi sau đó mới chém xe, diệt pháo, công chiếu quyết liệt... dồn đối phương vào tử địa.

Cuộc kháng Tống lần này phải huy động hết thảy các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực của cả nước, nhằm cung ứng cho công cuộc kinh chống xâm lăng đến thắng lợi hoàn toàn. Vì vậy, xin hoàng thượng sớm cho ban

hành một đạo hịch vạch rõ âm mưu thôn tính Đại Việt của nhà Tống, nhằm khơi dậy lòng yêu nước căm thù giặc dã tích chứa nhiều đời trong dân ta.

Sao cho sự nghiệp chống giặc, giữ nước này không có ai đứng ngoài cuộc, đúng với câu: “Quốc gia hữu sự thất phu hữu trách”¹. Và nữa, từ voi, ngựa, chim, chó đến rừng núi, sông suối, ao hồ, biển cả, không nơi nào, không vật nào, không người nào không là các nghĩa binh chống giặc, không là mồ chôn quân giặc. Lại nữa ngay từ bây giờ phải hoạch định chính sách đối với binh sĩ tham gia đánh giặc giữ nước. Trước hết, nhà có một con trai thì miễn sung quân. Trong độ tuổi sung quân nhưng có con nhỏ, cha mẹ, ông bà già yếu phải nuôi cũng được miễn. Khi vào trận, ai dũng cảm đánh giặc mà thọ tử, ngoài tiền tuất còn được cấp thêm ruộng đất để con cháu nối đời hương khói; ai bị thương mà thành phế nhân, nhà nước có chế độ nuôi dưỡng hoặc cấp ruộng cho người nhà cày cấy rồi tự nuôi dưỡng. Các liệt sĩ được nêu gương, được ghi vào sổ vàng của nước để dân nước đời đời biết ơn mà con cháu lấy đó làm tự hào. Lại nữa cũng có chính sách tôn vinh người đóng góp của cải, gia sản cùng các tài năng mưu kế trong công cuộc chống giặc, giữ nước đồng thời nghiêm trị kẻ phản nước theo giặc. Tất thấy các việc đại loại như trên

¹ Ý nói khi Tổ quốc lâm nguy thì cả đến người hen kem nhất cũng phải có trách nhiệm cứu nước.

nếu được trở thành quốc sách, thì phải sớm có ân chiếu của hoàng thượng ban ra, để mỗi người dân trong nước đều hiểu rõ trách phận của mình đối với non sông đất nước. Và cũng để họ biết việc nên làm, việc phải làm và việc không được phép làm trong công cuộc kinh chống ngoại xâm.

Lý Đạo Thành nói xong liền cúi đầu vái Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan, vái nhà vua rồi ông ngồi thu mình lại như là để lắng nghe.

Lý Thường Kiệt khi nghe nhà vua nói, ông mừng thầm và tự nhủ: “Đúng là long phụ sinh long tử, ta nhớ thuở niên thiếu, Thánh tông cũng thường bộc lộ khẩu khí của bậc đế vương như thế này”. Lại khi nghe Lý Đạo Thành nói, thường Kiệt thầm phục: “Ông ta đúng là một bậc sĩ quân tử, khoan nhân, đại độ, không chấp nê. Con người thật là sáng suốt, luôn lấy quốc gia, nòi giống làm quyền lợi tối thượng. Cứ mỗi lần nghe ông nói, người ngu thêm sáng, người trí thêm tinh, người mê tỉnh thức. Tiếc thay...”. Dường như Lý Thường Kiệt có phần ân hận cái cung cách ông đã về hòa với bà Ý Lan làm nên sự biến năm Quý Sửu (1073). Thật ra, có con ai yêu nước hơn ông ta. Con ai thiết tha vì nền văn hiến Đại Việt như ông ta. Mong sao nước nhà có được những người hiền như ông ta để nêu gương đạo hạnh cho đời.

Sau những lời nói được xem như là kế sách của

Lý Đạo Thành, không khí lại rơi vào tĩnh lặng. Nói cho cùng, đây là việc nước, cực kỳ quan trọng, mỗi lời nói đều phải cân nhắc, các quan còn phải nghĩ suy cho chín, nên có dè dặt cũng là chuyện bình thường.

Lâu vẫn chưa có người nói, Lý Thường Kiệt bèn lên tiếng:

- Để trừ liệu cho một cuộc chống xâm lăng, quan bình chương đã đưa ra các chính sách khả dụng. Tôi cũng nghĩ rằng hoàng thượng nên sớm ban bố một đạo hịch nhằm khích lệ tinh thần muôn dân và tăng cường sĩ khí. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều loại công việc chúng ta nên bàn kỹ và thực thi cấp kỳ, tôi muốn được nghe nhiều tham góp của các quan.

Lý Thường Kiệt vừa dứt lời, Phụng Càn vương bèn lên tiếng:

- Đúng như lời ông Bình chương nói, tôi đã từng nghe nhiều lần tiên đế nói việc nhà Tống sẽ xâm lăng nước ta. Vì vậy sinh thời tiên đế gấp rút lo trước mọi việc có thể lo như tăng cường lực lượng cho bắc thù, củng cố đội quân thủy, mở thêm các xưởng đóng chiến hạm cho hải binh, hoặc việc chinh phạt Chiêm Thành là phá thế ỷ dốc của Tống Thần tông. Bởi vậy cuộc phạt Tống vừa qua cũng là làm chậm bước tiến của quân xâm lăng, và tiêu hao lực lượng nó, cũng gây một đòn cản nã, nếu nó tỉnh thức thì nó không liều lĩnh xâm phạm bờ cõi nước ta nữa. Nhưng xem ra, việc ta đánh

Ung, Khâm, Liêm vẫn chưa phá được mưu đồ nhà Tống, do vậy, nếu có ai nói rằng “vì ta đánh nó, nên nó mới đánh ta”. Nói như vậy là mắc mưu giặc, là không nhận ra ý đồ lang sói của các triều đại Trung Hoa. Suốt từ Tần, Hán tới nay, không một triều đại nào họ không nhòm ngó núi sông ta. Mưu toan của chúng là thôn tính đất đai ta, chia nhỏ nước ta thành quận, huyện của Trung Hoa; đồng hoá dân ta thành dân Hán. Hơn một ngàn năm chúng dò hộ nước ta, âm mưu đó vẫn không thực hiện được, ngay cả thời kỳ chúng mạnh nhất như nhà Hán nhà Đường. Thế mà bây giờ, nội bộ chúng thì hục hặc, các nước mà chúng coi là nhung, địch dã nổi lên bắt nạt lại nước Tống, buộc nhà Tống phải thường niên triều cống. Để có thể rảnh tay đánh ta, Tống Thần tông vừa phải cắt thêm bảy trăm dặm đất Hà Đông cho nước Liêu.

Phụng Càn vương dẫn giọng với vé giễu cợt – ngay cả khi nước Trung Hoa ốm yếu bệnh tật trầm kha như hiện nay, ngay cả bản thân nó dang cơ nguy cơ không tồn tại, thế mà nó vẫn còn cố dốc sức tàn vào cuộc chiến với tất cả sự liều lĩnh mù quáng như một kẻ đánh nước bạc cháy túi.

Vừa rồi hoàng thượng có khẩu dụ một điều thật là chí lý rằng: “Phải đánh cho quân thù táng đờm kinh hồn, để mỗi khi nghe đến hai chữ Đại Việt là chúng phải rùng mình, sờn gáy”. Thiết tưởng đối với các bậc tướng

cầm quân không còn một mệnh lệnh nào cao hơn thế nữa, và đó cũng lại là một ân mệnh nữa. Mặc dù vậy chúng ta còn rất nhiều việc phải làm. Vì vậy phải bàn ngay, phải quyết ngay, bởi ở đây thuần những người nắm giữ quyền lực cao nhất nước, không điều gì có liên quan đến việc cứu nước mà không được xét đến.

Phụng Càn vương vừa ngừng lời, hoàng tử Hoằng Chân bèn lên tiếng. Hoằng Chân là con út của vua Lý Thái tông, về vai vế là bậc thượng phụ của đương kim hoàng thượng Càn Đức (Lý Nhân tông). Vương nói:

- Phụ vương ta xưa thường răn dạy: - Muốn giữ được nước thì phải có binh mạnh. Muốn có binh mạnh thì phải nuôi dân được no ấm. Muốn dân được no ấm thì phải khuyến khích sự cấy trồng, giảm nhẹ tô thuế, phu phen tạp dịch. Người khuyến dân như thế nào là người tự mình làm trước. Ví như người tự cày ruộng lấy gạo đồ xôi dâng cúng tổ tiên trong các ngày giỗ chạp, tết lễ. Chính người khởi xướng ra việc trồng dâu, chăn tằm và người dạy cho cung nữ biết cách dệt gấm. Và bây giờ nghề dệt gấm đã trở thành một nghề phổ cập trong dân. Gấm của ta không những đủ dùng cho hàng ngũ quan lại, mà còn bán nhiều cho người ngoại quốc qua thương cảng Vân Đồn. Cũng từ đó ta không phải mua gấm của người Tống nữa. Người còn buộc con cái như chúng ta không chỉ học thi thư lễ nghĩa văn bài mà còn phải học võ, phải biết cầm quân. Đương nhiên bản

thân người: cầm, kỳ, thi, hoạ không món nào là không thông hiểu. Ngoài ra, ngài còn là một vị tướng giỏi, cầm quân bình bắc đẹp nam. Rõ ràng ngài là bậc thân giáo siêu việt. Ta được thừa hưởng sự nghiêm huấn nên cũng võ vẽ nghiệp binh. Tuổi tuy ngoai năm mươi nhưng ta vẫn tham gia luyện tập với đám điền binh. Phủ vương của ta có một đội điền binh hơn hai ngàn quân, đánh bộ đánh thủy đều được cả. Thủy có đủ thuyền bè, bộ có voi, ngựa, xe cộ. Các loại khí cụ trong quân của ta đang dùng tương đương với khí cụ của quân triều đình. Ta tự nguyện xung quân và xin đặt dưới quyền sai khiến của ông thái úy.

Lời nói của bậc thượng phụ vừa chân thực vừa khiêm nhường khiến mọi người cảm động.

Quan Thái tử Lý Thường Kiệt đứng lên vái vương hai vái rồi nói:

- Đa tạ vương đã hết lòng vì nước. Vương quá là một tấm gương sáng, thử hỏi thiên hạ còn ai dám không theo. Do vậy, công cuộc kháng Tống lần này ắt đạt thành tựu rực rỡ.

Lý Thường Kiệt đưa mắt nhìn khắp lượt, như thúc giục các quan hiến kế.

Quan Công bộ Đoàn Văn Khâm nói:

- Quân hai bên đánh nhau đòi hỏi nhiều thứ vừa ràng buộc, vừa phối hợp để giành chiến thắng, nhưng điều đầu tiên cần nói tới là tinh thần binh sĩ rồi mới đến

binh khí. Về binh khí, hiện nay quân ta và quân Tống là ngang nhau. Ta hơn họ về thúy binh, họ hơn ta về kỵ binh. Nghe nói, họ đã điều cả tướng và quân từ các mặt trận phía bắc, phía tây về. Kỵ binh của họ thuộc loại khá thiện chiến. Nhưng lũ kỵ binh ấy mà sang ta chỉ có sa lầy mà chết.

Đoàn Văn Khâm lại tiếp:

- Nghe nói họ còn có máy bắn đá, có cung thần tí cũng lợi hại lắm. Bù lại, ta có tượng binh, hải binh mà họ dù có mơ cũng chẳng được. Đoàn Văn Khâm mỉm cười: Thật ra điều quan trọng quyết định sự thắng bại lại ở cách sử dụng binh khí. Bộ công sẽ bằng mọi cách cung cấp đầy đủ binh khí cho toàn quân, chỉ xin quan thái úy cho biết cụ thể số lượng của mỗi chủng loại. Và loại nào cần gấp. Lại cũng cần biết tổng số diễn binh mà ta cần huy động là bao nhiêu, số dự bị là bao nhiêu để bên công bộ lo sản xuất các đồ binh khí cho kịp. Nhân đây cũng xin các đô tướng cho biết, liệu nỗ liên châu của ta với cung thần tí của người Tống, loại nào ưu việt hơn. Nếu nỗ liên châu của ta hơn thì sẽ nâng cao kỹ xảo chế tác hơn nữa, ngược lại nếu cung thần tí hơn thì ta lấy mẫu của họ cải đổi đi cho tiện rồi chế tác cho quân dùng.

Quan công bộ vừa ngừng lời, phò mã Thân Cảnh Phúc nói luôn, ông không có thói quen tâu báo, thưa gửi:

- Cuộc phạt Tống vừa qua, quân ta thắng lớn. Công

đầu thuộc về quân của triều đình. Nhưng chớ nên xem nhẹ công lao của các đội quân phen giậu nằm sát biên thùỵ, trấn một dải dài mấy trăm dặm trải từ Quảng Nguyên đến Vĩnh An. Đó là đầu mục ở các châu như Lưu Kỷ ở Quảng Nguyên, Hoàng Kim Mãn, Sầm Khánh Tân ở Môn Châu, Vi Thủ An ở Tô Mâu, Tống Đan ở Quang Lang...

Đối diện với bên kia biên ải là các trại lớn của quân Tống án ngữ các huyết đạo giao thông như Hoàn Sơn, Thái Bình, Vĩnh Bình, Cổ Vạn, Thiên Long... Ấy thế mà chỉ trong chốc lát từ khi tràn qua biên ải, quân của các đầu mục đã nhổ phăng các trại giặc, nếu chúng chưa kịp đầu hàng lập tức bị giết hoặc bị bắt. Binh uy tràn di như nước lũ, người Tống khiếp sợ.

Nay lại sắp có chiến tranh với nhà Tống, nếu triều đình vẫn cố kết được các tướng phen giậu kia, ta có thể cản giặc ngay từ biên thùỵ. Nếu chẳng may giặc dụ dỗ mua chuộc được họ thì phen giậu trống trải, phía trước ta chỗ nào cũng là giặc cả, cuộc kháng Tống chắc là vất vả lắm đấy.

Phò mã ngừng lời như là để cân nhắc trước khi nói tiếp:

- Tôi nghe nói Tống Thần tông sai các tướng mưu lược quý quyết cùng nhiều tiền bạc đi dụ dỗ các tướng khê động của ta, vua Tống còn sai đem cả bằng sắc lưu không để phong chức tước cho các tướng mới chiêu dụ

được. Việc này triều đình nên xem xét và có kế sách hữu hiệu để đối phó cấp kỳ kéo người Tống sẽ nhanh chân hơn ta đấy.

Nghe phò mã nói, nhiều người giật mình vì sức nhìn xa thấy rộng của ông. Nhưng cũng có người cho rằng ông đánh giá nhà Tống hơi cao. Bởi sau trận đòn vừa qua, Tống có đánh trả ta cũng chỉ là vớt vát sĩ diện, chứ sức đâu mà trải ra như vậy. Và lại các đầu mục người man đã theo triều đình từ lâu, vừa qua lại lập công lớn, của nả thu vét được cũng nhiều, triều đình không những cho tất cả mà còn thưởng thêm. Như thế có nghĩa rằng họ cố kết với triều đình càng sâu thì người Tống càng căm giận, bởi vậy Tống sẽ tìm cách trả thù hơn là mua chuộc.

Viên ngoại lang Đào Tông Nguyên nghe phò mã Thân Cảnh Phúc nói rất hợp ý mình, ông liền phụ họa:

- Tâu hoàng thái hậu, tâu hoàng thượng, thừa chư liệt vị. Nhời tâu của phò mã chính là những nhời gan ruột. Cái giá của các vị đầu mục ở đây lớn hơn nhiều bản thân họ. Vì sao vậy? Vì rằng sau họ là quân quyền, là đất đai, là rừng quý, là mỏ bạc, mỏ vàng mà vua Tống thèm đến nhỏ rãi. Phải nói rằng các vùng đất do các đầu mục của hai bên nắm giữ, phần nhiều còn là đất ki mi. Tức là chưa thuộc hẳn về bên nào. Có nghĩa rằng triều đình chưa áp đặt được sự cai trị. Cho nên mỗi bên đều đánh dẹp. Dẹp xong lại dỗ họ, cho họ tự quản để họ thần phục.

Khi họ đã thần phục triều đình thì đất đai của họ đương nhiên là quốc thổ. Nhà Tống và các triều đại trước họ đều nhận rằng vùng nay là lãnh thổ Trung Quốc, nhưng dân ấy chưa bao giờ phục tùng họ, cũng chưa có quan cai trị nào của Trung Quốc ở đó cả. Cho nên năm Giáp Dần (1014) các thủ lĩnh vùng Tá, Hữu giang là Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí tập hợp hai mươi vạn quân ô hợp toan đánh chiếm Quảng Tây để chia nhau lập quốc, Tống Chân tông bèn sai sứ đến phong tước rồi dụ: “Khởi binh đánh Giao Chi. Giao Chi yếu lắm. Triều đình sẽ chu cấp lương thảo, lừa ngựa, khí giới. Bình xong Giao Chi, triều đình cho thêm đất mà chia nhau lập quốc”. Thế là hai đầu mục kia liền kéo đại binh đóng đồn ở trại Kim Hoa đất Quảng Nguyên.

Thái tổ triều ta sai Dực Thánh vương cùng các tướng mạnh dạn đánh tan quân giặc, chém hơn một vạn thủ cấp, giết chết Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí, bắt hơn năm vạn ngựa chiến, thu không biết bao nhiêu khí giới, lương thực. Người có công lớn trong vụ đánh dẹp này là châu mục Hoàng Ân Vinh. Bởi nghe phía bên kia rục rịch, Ân Vinh kịp tâu báo về triều và kiên quyết không nghe theo giặc dụ dỗ. Đức Thái tổ triều ta đã ban nhiều đặc ân cho viên châu mục này. Lại tiếp sang đời Thái tông của bản triều vào năm Tân Tỵ (1041) có mẹ con Nùng Trí Cao làm phản, vua sai tướng đánh dẹp, bắt được mẹ con Nùng Trí Cao giải về Thăng Long. Sau một thời gian phủ dụ, không những Nùng

Trí Cao không bị giết, lại được tha tội, cho về giữ châu Quảng Nguyên như cũ, còn phụ cho nó cả bốn động là động Lợi Hoả, động Bình, động An, động Bà và châu Tư Lang; sau vua lại gia phong hàm Thái bảo. Việc ấy đương thời nhiều người kêu nhà vua nhân quá hóa nhu, đáng nhẽ phải giết mẹ con Nùng Trí Cao đi mới dung.

Cách nhìn đó, suy cho cùng là thiên cận, là biết một mà chẳng biết hai. Nếu như triều đình giết Trí Cao ấy sẽ có Trí Cao khác chống lại. Họ đâu biết rằng vua ta thả hổ về rừng là để hổ giữ rừng cho vua. Xét các việc sau này Nùng Trí Cao đánh Ung Châu, uy hiếp Quảng Châu làm rung động cả Tống triều khiến Tống Nhân tông phải triệu Dịch Thanh đang kinh chống Tây Hạ cấp tốc về nam thuỳ đối phó với Nùng Trí Cao, Nùng Trí Cao đâu bị Dịch Thanh đánh bại nhưng đất đai do y quản lĩnh vẫn thuộc về non sông Đại Việt mà nhà Tống thì lao đao.

Rõ ràng chính sách cố kết các tù trưởng, các đầu mục người man là nhất quán từ Thái tổ cao hoàng đế triều ta tới tận ngày nay. Vì vậy cố kết họ để thành phen giậu như nhời phò mã đô uy, chính là đường lối giữ nước, xin được xem trọng.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung phụ họa thêm:

- Quá đúng như ông viên ngoại lang vừa nói - Phụ vương tôi tha Nùng Trí Cao chính là nổi bực xúc về mở mang cương thổ. Bởi trong thời đó, Tả, Hữu giang vẫn

còn là đất cơ mi. Và trong cuộc kháng Tống sắp tới, chính sách phân giậu phải trở thành quốc sách, thời chúng ta mới bớt khó khăn, xin triều đình dừng sên kiệm việc gia phong tước vị cho họ. Chẳng thấy Nùng Trí Cao đã được phong tới Thái bảo đó sao. Lại cũng không nên sên kiệm tiền bạc với họ nữa. Thì ta đã chẳng khai các mỏ vàng, mỏ bạc ở Quảng Nguyên bấy lâu nay đó sao? Các mỏ ấy trước đây chẳng nằm trong đất của họ Nùng sao?

Tiếp đó các quan chuyển sang bàn thảo về huy động nhân tài, vật lực cho cuộc chiến.

Cuối cùng Lý Thường Kiệt nói:

- Đa tạ các quan đã cho các phương lược chống giặc trên nhiều bình diện. Tuy nhiên, có một điều tôi hết sức lưu ý các quan, rằng nhà Tống hiện nay, mọi tiềm lực của nó đều suy yếu. Nhưng là yếu so với chính nó thôi, chứ so với ta, nó còn mạnh lắm đấy. Vì vậy, không được xem thường binh lực Tống và kế mưu hiểm độc của người Tống.

Sau đây, tôi xin phác họa đôi điều về phương lược kháng Tống.

Các diễn binh tuổi từ mười tám đến ba mươi lăm phải tập trung ngay để luyện tập và bổ dụng vào đội thường binh. Sau tuổi ba mươi lăm vẫn phải luyện tập như thường, khi cần sẽ gọi đến.

Các diễn binh sau tuổi ba lăm đến bốn lăm cùng

các nam giới từ bốn mươi lăm đến năm lăm tuổi đều phải tập trung đi đào đắp hào, lũy chống giặc.

Sông Như Nguyệt (sông Cầu) và bờ nam sẽ là hào lũy chống giặc. Cả phòng tuyến này chạy dài từ chân núi Tam Đảo đoạn từ sông Cà Lồ xuôi xuống Vạn Xuân (Lục Đầu Giang - Phả Lại).

Các sắc quân như bộ binh, thủy binh, tượng binh, kỵ binh sẽ được phân chế lại và bắt đầu ngay việc tập luyện, kể cả việc phục kích, tập kích, công thành, thủy chiến... Nếu thế giặc mạnh chưa đánh đuổi chúng được từ biên thùý, sẽ chỉ thả cho nó vào tới bờ bắc sông Như Nguyệt là khóa chân chúng tại đó cho tới khi chúng phải rút về hoặc phải dẫu hàng hoặc bị tiêu diệt hết.

Thường Kiệt tôi xin hứa với hoàng thái hậu và hoàng thượng cùng chư liệt vị không cho giặc qua sông Như Nguyệt và nhất thiết chúng không có đường vào Thăng Long. Nếu giặc chỉ trả đòn vì sĩ diện rồi rút mau thì nó còn ít đũa sống sót. Nếu nó ham chiến ở lại đất ta, sau một năm sẽ không còn mống nào dề trở về đất Tống nữa.

X

Tháng ba, thời tiết giao mùa khi nóng khi lạnh thất thường. Dù trời nắng cũng chưa gắt chói như cái nắng nóng mùa hạ, dù rét, cũng chỉ là cái rét se se cuối mùa chứ không buốt giá như hồi trộng đông.

Buổi sớm sương phủ trắng trời một màu đục như sữa, núi rừng, đồng ruộng, thôn ấp đều chìm trong sương. Tiếng chó sủa, tiếng bò rống, tiếng gà cục tác xen với tiếng trẻ khóc, tiếng người gọi nhau í ới báo hiệu trời đã sáng bạch, mặt trời đã lên. Nhưng cả mặt trời cũng chưa xuyên thủng được màn sương mà chiếu sáng cho nhân gian.

Bỗng một hồi ba tiếng trống dội ra từ một ngôi làng nào đó. Và như làn sấm nổ dây chuyền, tiếng trống chuyền từ làng này sang làng khác òa vỡ ra khắp bốn phương tám hướng. Dân tử trong các hương ấp túa ra thuần những trai trẻ, những người đàn ông khỏe mạnh. Người nào người ấy vác mai, cuốc, dao phát, quang

gánh, đòn khiêng... Mỗi làng đi gọn vào một toán, người đi đầu vác lá cờ hiệu đề tên làng mình. Mỗi hương có nhiều làng. Có hương gồm tới cả chục làng. Lá cờ của hương to hơn cờ của làng và trên nền vải viết tên của hương mình nhằm phân biệt người của hương này với hương khác. Tất cả những đoàn người ấy đều hướng về phía bờ nam sông Như Nguyệt mà đi tới.

Sông Như Nguyệt mùa này nước trong xanh, dòng nước lững lờ trôi giữa hai bờ xanh ngắt lúa, ngô nom như người khách bộ hành lãng đãng du xuân. Bờ bắc sông thoải thoải, rừng mọc tràn tới mép sông, bờ nam nhiều đoạn dựng đứng như tường thành.

Một toán kỵ binh đi khảo sát độ nông sâu của dòng sông, cứ cho ngựa đi nước kiệu độ non một dặm thì họ dừng lại giương cung bắn thẳng xuống lòng sông, một loáng các mũi tên đều lần lượt nổi lên hết, chứng tỏ dòng sông sâu, người và ngựa khó có thể lội qua được.

Khi các đoàn người từ các hương áp lũ lượt tới bờ nam sông Như Nguyệt, họ tìm gặp các đô tướng để giao quân và nhận việc.

Đô tướng là những người có nhiệm vụ chỉ dẫn công việc đắp lũy cản giặc cho dân phu. Họ cắt ra từng đoạn chia cho từng hương một. Tùy theo hương lớn nhỏ, số người nhiều hay ít mà chia công việc.

Phía nam sông Như Nguyệt, có cái thuận là bờ rất cao và dốc, nếu không phải chỗ có bến bãi, thuyền

dù có áp sát vẫn không thể đỡ người lên bờ được. Lợi dụng địa thế tự nhiên này, Lý Thường Kiệt dùng luôn dòng sông làm hào chắn giặc, còn bờ sông sẽ được tôn cao làm bức tường thành. Mặt tường thành sẽ đắp có bề rộng ba chục bước chân, người và xe cộ có thể đi lại tránh nhau dễ dàng. Phía trong đắp chân rộng và thoải rồi thu dần lại. Phía ngoài, tức phía tiếp giáp với dòng sông, sẽ đắp thẳng đứng, chân thành dùng cọc tre và rào gai làm kè. Công việc mới bắt tay vào ngày đầu, dân phu còn bở ngỡ, mọi thứ còn ngổn ngang, khó khăn bề bộn mà đường thành lại dài tới cả trăm dặm, phải tôn chiều cao so với mặt nước sông lúc xuống thấp nhất là mười bảy sải tay, tức là cao hơn bốn trượng để giặc không từ mặt nước sông mà leo lên bờ được.

Các đô tướng coi sóc việc đắp thành giám sát rất nghiêm từ việc đào đất. Đất chỉ được lấy tại các chân ruộng cách xa chân thành hai trăm năm chục bước chân. Dợt một mới chỉ đắp cao già một phần ba để cho đất lún, sụt thật chặt rồi dợt hai, dợt ba mới lên cho đủ kích cỡ.

Phu phen các lộ kéo về ngày một đông, người ken kit mặt đất, cờ cắm rợp trời, tiếng hò tiếng hát cứ vang dội suốt ngày, tiếng chiêng hiệu, tiếng trống thúc vừa rón rảng vừa inh ỏi. Cả nước đổ sức vào chiến lũy để ngăn giặc. Các làng phía bên bờ bắc đã chuyển dân của cải và các đồ đặc quý sang gửi người quen bên phía bờ nam. Nhà nào có máu mặt thì đưa hẳn con nhỏ và cha

mẹ già yếu về tận Thăng Long tạm lánh.

Mấy trăm ngàn người thay nhau làm việc trên một tuyến trường thành dài cả trăm dặm lúc nào cũng náo nức đông vui như ngày hội. Họ làm việc vô cùng mệt nhọc, mồ hôi đầm mình. Mỗi người chỉ đóng một manh khố nâu che kín phần hạ bộ, trên vai lót một mảnh vi buồm đan bằng cối, họ vác một khuôn đất vuông vức mỗi chiều độ hai gang tay và chiều cao dầy một tháp mai. Những thỏi đất đào từ các ô ruộng trũng nằm cách xa chân trường thành dưới chân dốc, chuyển từ vai người nọ sang vai người kia tới vài chục lần mới lên tới đỉnh mặt bờ sông mà người ta gọi là tường thành ấy rồi lại chuyển xuống mép nước đắp vào phía trong kê bằng tre đực và rào gai. Công phu khó nhọc như vậy nhưng không một ai hé răng kêu khổ, không có một dân phu nào bỏ trốn. Bởi ai cũng hiểu rằng nếu không cản được giặc, không đánh đuổi được nó, nước mất ắt nhà tan, và người người sẽ phải làm nô lệ cho ngoại bang. Vì vậy cái trường lũy tại bờ nam sông Như Nguyệt cứ cao lên từng ngày. Và người từ các nơi cứ ùn ùn kéo về kíp sau thay cho kíp trước. Không chỉ có việc xây ải lũy ngăn giặc ở bờ nam sông Như Nguyệt là rộn rã mà khắp trong cả nước, đâu đâu cũng thấy các diễn binh luyện tập. Các chủng quân của triều đình cũng luyện tập căng thẳng tựa như giặc sắp tràn vào cõi. Các đô tướng thay nhau lên vùng ải bắc kiểm tra việc bố trí binh lực và nghe ngóng địch tình. Các cầu đường nơi nào cần tu bổ

thì tu bổ, nơi nào cần phá bỏ không cho giặc đi qua thì phá bỏ. Ngay các ụ đất cắm biển báo nơi các ngã ba, ngã tư cho người qua đường nhận biết từ năm Nhâm Ngọ (1042) nay nhất loạt đều tu bổ lại.

Mấy ngày nay thái úy Lý Thường Kiệt cùng một số bộ tướng đi khảo sát khoáng năm mươi dặm phía bờ bắc sông Như Nguyệt xem những nơi nào giặc có thể đóng quân, những đường sá, sông suối nào giặc sẽ dùng vào việc lập phòng tuyến, ta có thể cản trở trước bằng cách ngăn lấp hoặc đưa dân đi, biến cả một vùng vườn không nhà trống thành vùng đất chết đối với kẻ thù.

Sau đó thái úy và các đô tướng tùy tùng lại ruổi ngựa lên biên ải. Lý Thường Kiệt ghim cương cho ngựa đi chậm lại, ông chờ Lý Kế Nguyên đi tới. Hai ngựa thong dong, ông hỏi Lý Kế Nguyên:

- Bữa Trước Thân Cảnh Phúc, Đào Tông Nguyên nói nhiều đến việc nhà Tống sẽ mua chuộc các đầu mục người man làm trống trái phên giậu của ta, chiếm đất của ta, theo tướng quân liệu người Tống có làm được việc đó không?

- Bẩm Thái úy, việc đó tiểu tướng cũng cho là việc sống còn của ta. Ta có giữ được đất biên thù hay không là ở chỗ các thủ lĩnh người man có trung thành với triều đình hay không. Ta có lấn thêm được đất họ hay không cũng lại thuộc về điều ta có uy hiếp và mua chuộc được các thủ lĩnh người man ở bên kia hay không.

Bởi vậy việc năm Tân Tỵ (1041) vua Thái tông triều ta tha chết cho Nùng Trí Cao lại cho phục chức cũ, cho thêm bốn động để nó ăn lộc, sau còn gọi về triều ban hàm Thái bảo, phải nói đó là chính sách mẫu mực trong việc củng cố phên giậu. Nếu xem các việc sau này Nùng Trí Cao làm với nhà Tống mới thấy tiền nhân thật là sáng suốt.

- Tướng quân đã thấy phía Tống rục rịch gì chưa?

- Bẩm Thái úy, người Trung Quốc vốn lắm mưu nhiều kế, nếu họ nói họ sắp đánh vào chỗ nào đó, chỗ ấy chắc yên. Còn chỗ nào họ giả bộ làm lơ, chính là nơi họ đang ráo riết chuẩn bị đánh. Xét hết thấy vùng bắc thùỵ của ta hiện nay dường như họ đang làm lơ, khiến ta dễ có cảm giác nhầm lẫn mà coi đó như là một thứ biên thùỵ huynh đệ.

- Chính ta cũng đang thấy thế. Và lại sau trận phạt Tống của ta, Tống Thần tông có hỏi Vương An Thạch vì sao Giao Chỉ dám làm một việc táo tợn dường ấy mà chúng đi về đều trót lọt; thời gian không chỉ dăm ba ngày. Riêng thành Ung Châu đã kéo dài tới hơn bốn mươi ngày. Vì sao vậy? Có phải vì nước Tống yếu tới mức sợ cả Giao Chỉ như sợ Liêu không?

Vương An Thạch trả lời vua Tống:

- Sở dĩ Giao Chỉ làm được như thế là bởi nguyên do:

Các đầu lĩnh của man Giao Chỉ đều nắm cường binh, đều trung thành với vua nó. Còn các đầu lĩnh của

man Tống lại bị bên nó mua chuộc, nên đã trót theo nó.

Nó dùng nhiều gián điệp tung cả vào trong nội địa dò la ta, nên nhất cử nhất động của ta nó đều biết.

Nó đánh ta bất ngờ quá.

- Vậy ta có thể đánh thắng nó, có thể lấy được nước nó không? - Vua Tống hỏi.

Vương An Thạch lại đáp:

- Tâu, những việc ta đang làm là dễ thực hiện mong muốn của bệ hạ. Nhưng bằng mọi cách, thần sẽ phá thế phen giậu của nó. Những tên lợi hại cầm cương binh như Lưu Kỳ, Hoàng Kim Mãn, Vi Thủ An nhất thiết phải trở thành người của ta, do ta sai bảo.

- Khanh di nước cờ ấy là phải. Đối với đám người man chủ yếu đem lợi ra mà dụ chúng. Sau lợi là các chức tước. Cứ cho chúng các thức thật to nhưng chỉ là hư chức, hư quyền, còn lộc thì không nên hạn chế. Ta tiếc trước đây đã đỡ được Nùng Tông Dán về theo, thế mà lại để Giao Chỉ nó dụ lại mất. Khanh phải xem xét đám đầu lĩnh người man bên Giao Chỉ, kẻ nào lợi hại mà không dụ được nó theo thì phải sớm trừ khử nó đi.

Lý Thường Kiệt ngửa mặt nhìn trời. Bầu trời cao vợi vợi nhưng rừng núi che khuất mắt tầm nhìn nên bị thu hẹp như một vòm hang lớn. Ông quay lại hỏi Lý Kế Nguyên:

- Tướng quân nghĩ thế nào về những lời vua tôi

Vương An Thạch bàn nhau?

- Bẩm Thái úy, Vương An Thạch nói về sự thua của người Tống là xác đáng. Còn Tống Thần tông nhận xét về các thủ lĩnh người man quả không sai. Một khi kẻ thù đã tinh ngộ, đã nhận ra chỗ yếu của nó, chắc nó sẽ biết cách chinh bị. Cho nên cuộc kháng Tống lần này không chỉ là cuộc đấu lực mà còn là cuộc đấu trí khốc liệt.

- Tướng quân nói chí phải. Bởi ta và Tống hai bên quá hiểu nhau. Sinh thời đức Thái tông đã từng nói: “Ta và Trung Hoa là hai kẻ thù tri kỷ. Ta là nước nhỏ, nên ta phải nhún, phải lui một chút. Nhún chứ không nhún để cho họ bóp; lui chứ không lui để cho họ lấn lướt. Trung Hoa không phải không biết điều đó. Và lại dưới gầm trời không phải chỉ dành riêng cho nước lớn tồn tại. Cũng như trong rừng không chỉ có hổ được độc quyền sinh sống, mà nó còn là nơi sinh sống của muôn loài từ sâu bọ, đến tê, tượng và chim chóc, côn trùng, thảo mộc... Đại Việt ta tuy là một nước nhỏ, nhưng cái thiên mệnh trời ban cho ta lại không nhỏ. Mảnh giang sơn này đã thấm máu cha ông từ ngàn đời, dù chỉ một tấc núi, một thước sông cũng không được phép để lọt vào tay quân thù; kẻ nào làm hao hụt núi sông, chính nó là kẻ thù của cả dân tộc, kẻ thù muôn đời của lịch sử”.

Lý Thường Kiệt liếc nhìn thấy gương mặt người tướng trẻ bưng bưng sắc khí. Ông có cảm giác các di ngôn của đức Lý Thái tông đã hăm lên bầu máu anh

hùng trong cơ thể Lý Kế Nguyên.

Bỗng Lý Thường Kiệt hạ giọng, như một lời thăm thì tâm sự:

- Câu di ngôn ta vừa kê lại, ta nhớ đã được nghe từ chính miệng đức Thái tông nói không biết bao nhiêu lần cho các triều quan nghe. Nhiều hơn cả là các vương, binh lính và ngay cả thần dân cũng được nghe lời huấn dạy này mà nay nó trở thành một di ngôn bất hủ.

Đi thêm vài sải ngựa, Lý Thường Kiệt bèn hỏi:

- Theo tướng quân, trong số các đầu mục người man của ta ai là người đáng ngờ nhất, ai là người đáng tin nhất.

- Bẩm Thái úy, người đáng tin nhất thì ai cũng biết rồi, ấy là phò mã Thân Cảnh Phúc. Còn người đáng ngờ nhất hiện nay là Lưu Kỳ. Trước có Nùng Tông Đán theo Tống, ta đã dụ lại được, nay Tống lại dụ mất rồi.

- Dạ, Lưu Kỳ là một đầu lĩnh lợi hại, y lại nắm cường binh. Trước khi đánh Tống, y có năm ngàn quân chiến đấu thiện xảo. Sau khi đánh Tống, y có thêm người, thêm của, chắc y không chịu ở yên. Dạ, cũng như Nùng Trí Cao ngày trước, dù triều đình có nuôi vỗ, y không đánh lại triều đình thì y đánh nhà Tống, tiến xưng và lập quốc riêng.

- Vậy chứ tướng quân có cách nào cố kết được những đầu mục này để phên giậu ta thêm vững?

- Bẩm Thái úy, những người này cứ bèn nào mạnh thì họ theo, có lợi thì họ theo chứ thực họ không trung thành với ai cả. Giả dụ bây giờ ta có ban cho họ nhiều lợi lộc, nhưng khi quân Tống tràn vào, thấy Tống mạnh họ lại theo Tống liền. Cho nên cố kết họ bằng huyết thống như các tiên đế đã làm là thượng sách.

- Triều đình quá biết việc này nhưng không phải cứ đem các công chúa, quận chúa mà gả bừa được đâu. Bởi nhẽ những kẻ chưa tiến hoá thì lòng tham, sân của nó còn lớn hơn cả đại dương, chẳng huyết thống nào ràng trói được lòng tham của nó.

- Bẩm Thái úy, đúng như vậy.

- Tất nhiên ta sẽ làm mọi cách để níu giữ họ. Chuyển đi này ta có đem theo cả sắc phong và chiếu dụ vinh danh cho từng người. Mai đây ta sẽ triệu họ về và cho xem các đội quân hùng mạnh của triều đình như tượng binh, thủy binh, lại cho xem các tay thiện xạ bắn nổ liền châu, và cho xem các loại binh khí mới để củng cố lòng tin cho họ.

- Bẩm, Thái úy thật là sáng suốt.

- Ta chẳng sáng láng gì đâu, nhưng tình thế không thể không dùng họ. Phải bằng mọi cách níu giữ họ lại làm phen giậu che chắn cho quân triều đình ở phía sau. Ngay cả thời bình cũng thế thôi. Song cái gương Nàng Trí Cao, Nàng Tông Đản ta sao quên được. Đúng như tướng quân nói, kháng Tống lần này không chỉ là cuộc

đấu lực mà chính là cuộc đấu trí giữa ta và giặc.

Lại nói về phía nhà Tống, khi quân ta còn đang vây thành Ung Châu, Vương An Thạch đã bàn với vua Tống nên cử đại binh đánh thẳng sang Giao Chi, cắt đứt đường về của Lý Thường Kiệt. An Thạch nói:

- Khi đại quân ta tiến vào Thăng Long, lại để mấy cánh quân chặn các lối biên thủy, rồi phao tin quân ta đã bình xong Giao Chi, giặc ắt phải bỏ việc vây thành Ung Châu mà rút quân về cứu nguy cho chủ nó. Lúc ấy Tô Giàn sẽ mở công thành đem quân đuổi đánh nó. Chạy tới biên thủy nó lại bị sức cản của quân ta, thế là giặc Kiệt nằm trong vòng vây của quân Tống, và sẽ bị bắt hoặc bị giết trong sớm tối. Chỉ có cách đó mới giải vây được cho Ung Châu và bình được Giao Chi.

Tống Thần tông gật đầu:

- Kế ấy dùng được, nhưng ta sợ chùng chình thì giặc phá mất thành Ung Châu trước khi quân ta kịp đến cứu.

- Theo thần, Ung Châu là một thành kiên cố, Tô Giàn lại là một tướng mưu lược, giặc chưa thể phá được thành ấy.

Trong khi vua tôi Tống Thần tông đang bàn kế giải vây thành Ung Châu, đánh lấy nước An Nam thì tin bay về: "Thành Ung Châu đã bị triệt hạ, năm vạn binh lính và dân thường bị giết, tướng giữ thành là Tô Giàn cùng toàn thể gia đình mấy chục người đều thọ tử, quân An

Nam đã rút hết về đất nó mà không có ai truy đuổi”.

Tin như sét đánh, không khí tang tóc trùm phủ lên triều đình Tống Thần tông nhưng nhà vua vẫn còn đủ tỉnh táo dụ rằng:

- Cấm các quan không được loan tin quân ta thất trận ra ngoài. Nhất là Liêu, Hạ biết tin này thì biên thùy phía bắc, phía tây rơi vào thất lợi, còn dân chúng thì hoang mang, hoảng sợ.

Họ đang toan tính điều quân các lộ Kinh Hồ, Mân Triết, Quảng Đông, Quảng Tây... và điều các tướng lão luyện biên sự từ các mặt trận phía tây, phía bắc về đánh cho quân An Nam một đòn trời giáng. Và sau khi đã thôn tính xong Giao Chỉ sẽ uy hiếp Chiêm Thành, Chân Lạp buộc hai nước này phải qui phục thiên triều. Ấy thế mà dùng một cái thành Ung Châu thất thủ. Lý Thường Kiệt phá thành, lấp sông, thu hết binh khí trong kho, lấy hoặc đốt hết các kho lương, kho cỏ rồi rút đi một cách êm xuôi.

Nỗi hận này vua tôi nhà Tống không chịu nổi.

Tống Thần tông buồn rầu hỏi các cận thần:

- Các khanh là chân tay thân tín của ta, các khanh cũng là óc não của ta. Vương An Thạch, vừa là Tể tướng vừa là học giả. Ngô Sung, khanh là bậc tể thần cùng với Vương An Thạch đều là trụ cột của triều đình. Tô Tử Nguyên, khanh là trưởng tử của lão tướng Tô Giàn đã nêu gương trung dũng. Tiếc thương cha khanh đã xá

thân vì nước, ta đau buồn đến bỏ ăn. Ta cũng phong tặng cha khanh chức Phục quốc công, Tiết độ sứ và ban tên thụy là Trung Dũng cùng các lợi quyền khác. Việc này khanh đã biết, nay ta nói lại để triều quan đều biết, rằng ta tôn trọng người có tài, tôn vinh người tận trung báo quốc để trong ngoài lấy đó làm gương.

Với vẻ đau buồn đến nghẹn tắc, Tống Thần tông chậm rãi : - Chư khanh, nước Trung Hoa mệnh mông là thế, của nhiều, người lắm, nhân tài không bao giờ thiếu. Nhiều bậc tài năng trùm thiên hạ trở thành thánh học của muôn đời, thử hỏi có nước nào so được với Trung Hoa. Thế mà nay phía bắc thì nước Liêu chèn ép, phía tây thì nước Hạ gây rối. Nay lại đến phía nam, Giao Chỉ đất đai chỉ bằng cái mắt muối, người thì một dùm thê mà nó giương oai được với thiên triều. Thua Giao Chỉ là mối quốc nhục, các khanh có nhận ra điều đó không. Các khanh có thấy mối nhục của nước là của chính mình không. Xét ra, ta không có bạc đãi một ai cả. Ai có mưu lạ, kế hay đều được dùng. Vương An Thạch đã bị biếm mà ta còn mời về giữ ngôi Tế tướng.

Tống Thần tông ngừng lại giây lát, nhà vua nói với vẻ quả quyết:

- Giao Chỉ từng nội thuộc Trung Hoa tới hơn ngàn năm. Chúng chỉ mới tự chủ được hơn một trăm năm nay, nhưng vẫn chịu phận là nước phiên thần, vẫn thường niên triều cống và chịu mệnh thiên tử. Thế mà

nay chúng dám hỗn hào xâm phạm đất đai thiên triều, giết hại lương dân, phá nát thành Ung Châu là cửa ngõ phía nam kiên cố của ta. Nếu không trừng phạt nó thì còn gì uy danh của trẫm, còn gì là sức mạnh của thiên triều. Chư khanh hãy nghe mệnh ta, bắt lấy giặc Kiệt để ta băm nó làm muôn mảnh cho hả giận. Phải thu lại đất Giao Châu chia nó thành quận huyện. Việc đó nước Đại Tống có thể làm được không, các khanh khá nói cho trẫm hay.

Thần làm Tể tướng mà để nước rơi vào thảm cảnh này, Vương An Thạch cảm như mình là người có lỗi lớn. Tuy vậy, để giữ thể diện với đồng僚 ông vẫn nói cứng:

- Tâu bệ hạ, đánh Giao Chỉ không phải là việc khó. Khi chúng kéo binh sang cướp ba châu Ung, Khâm, Liêm quân gồm có sáu vạn. Nhưng đấy là chúng xua cả dân chúng đi theo đề hôi của. Nghe nói nhà có năm, sáu người thì chỉ để một người già yếu ở lại. Như thế, quân nó giỏi lắm cũng chỉ trên sáu ngàn tên. Nếu quân cả nước nó gộp lại, bất quá chỉ vài vạn tên. Việc đánh Giao Chỉ là việc trong tầm tay có thể đánh lấy lúc nào cũng được, thần xin trù liệu, sẽ sớm tâu lên để bệ hạ ngự duyệt.

Ngô Sung liền phản bác:

- Dẫu có thể đánh được, nhưng khó có thể giữ được.

Wương An Thạch cãi lại:

- Đã đánh lấy được ắt sẽ giữ được.

Ngô Sung nói luôn:

- Dù có giữ được cũng vô ích. Trung Quốc đã giữ Giao Chỉ trong tay tới hơn một ngàn năm, thử hỏi nó đã đem lại ích lợi gì cho nước Trung Hoa?

Đoạn Ngô Sung quay ra nói với nhà vua:

- Tàu bệ hạ, việc đánh An Nam phải cân nhắc kỹ. Vạn nhất cất quân đi mà không thắng được thì nước Tống sẽ bị Liêu, Hạ ép đến tận cùng. Mới đây Giao Chỉ đánh cướp ba châu Ung, Khiêm, Liêm là bởi ta chuẩn bị đánh họ dềnh dàng quá, lộ liễu quá. Nào là bồng dưng ngăn biên cấm chợ không cho người nước họ sang buôn bán. Nào là tích lũy lương thảo, khí giới đầy ắp các kho sát biên thủy. Nào là tập quân thủy, quân bộ rầm rập hết ngày nọ sang ngày kia, đến cả thuyền chài cũng trưng dụng làm thuyền chiến để diễn tập. Chính vì họ thấy nước họ có nguy cơ bị ta đánh, nên họ chớp thời cơ đánh ta trước. Và họ đã thắng oanh liệt.

Với vẻ thất vọng, Ngô Sung than vãn:

- Một nước sản sinh biết bao binh pháp gia kiệt xuất mà để thua vì bị đánh bất ngờ. Nay nếu ta đem quân sang đánh nước họ lại một phen trúng kế "điều hổ ly sơn". *Binh pháp Tôn Tử* chẳng từng nói: "Dụ địch ra khỏi hang ổ nó mà đánh, chắc thắng". Điều sơ đẳng của nghiệp làm tướng là muốn đánh giặc phải đề phòng giặc đánh ta; thế mà các tướng Tống lại không hiểu điều đó. Quân chưa đánh đã hàng, tướng thì không thông

nghiệp làm tướng. Tâu bệ hạ, tình trạng này lo giữ nhà còn khó sao đã tính đến việc lấy nước của người ta.

Những lời nói trung thực của Ngô Sung làm Tống Thần tông không hài lòng:

- Khanh nói thế chẳng hoá ra nước Tống sợ Giao Chỉ sao? Nước Tống đã hèn yếu đến mức đó sao? Ta không nghĩ như khanh. Ta để các khanh bàn bạc cho rộng đường trù hoạch, nhưng đánh Giao Chỉ là để bảo tồn thiên uy của nhà đại Tống, ý ta đã quyết.

Nghe những lời Ngô Sung chỉ trích, Vương An Thạch cũng không giữ được bình tĩnh nữa, giọng nói của ông rất căng thẳng:

- Ông thái phó không phải dạy khôn ta. Tất cả những việc ta làm trước khi khai triển đều có tâu báo hoàng thượng, nếu hoàng thượng chưa cho thánh ý thì không một việc nào được làm cả. Nếu ông còn nhiều lời, ta sẽ hặc ông trước hoàng thượng.

- Nếu ông hặc ta trước hoàng thượng thì toàn thể quốc dân sẽ hặc tội ông. – Ngô Sung vặc lại.

Lời qua tiếng lại kẻ nói nên đánh, người nói không nên đánh. Chung quy phe chủ chiến ít hơn phe chủ hoà, nhưng đã có Tống Thần tông và Vương An Thạch cùng đứng về phe ấy.

Cuối cùng vua Tống phán:

- Tể tướng trù liệu kế đánh Giao Chỉ để có thể

sớm khởi binh. Nên điều một số tướng lão luyện biên sự từ phía bắc, phía tây về cầm quân. Theo ta nên dùng đội kỵ binh mạnh, quân Giao Chỉ cậy có ưu thế về thủy binh, nhưng chúng không thể đánh lại được với kỵ binh của ta. Nghe nói năm Quý Tỵ (1053) tướng Địch Thanh sở dĩ thắng được Nùng Trí Cao là nhờ có kỵ binh đánh vu hồi.

Được Tống Thần tông bênh che, Tể tướng Vương An Thạch rảnh tay mưu tính cuộc xâm lăng Đại Việt.

Trở lại chiến tuyến sông Như Nguyệt, sau hơn ba tháng với hàng trăm ngàn người rải ra trên một tuyến đê dài tới hơn trăm dặm nay đã hình thành một bức tường thành sừng sững nhìn hút tầm mắt nom hùng vĩ như một dãy núi chạy miên man đến tận chân trời. Nếu đứng dưới bên sông ngược nhìn lên mới thấy bức tường thành thật là vĩ đại. Tường dựng đứng từ mép nước lên tới mặt thành cao hơn bốn trượng, quân ở dưới thuyền hay bè mảng không có cách gì trèo lên mặt thành được. Ấy là chưa kể quân trên mặt thành dễ dàng chia cung tên bắn xuống hoặc lăn gạch đá xuống, hoặc ném hoả hổ, hoặc đổ dầu sôi xuống đám quân trên mặt sông.

Thật ra tường thành kiên cố nhất chỉ có đoạn từ bến đò sông Như Nguyệt¹ toả về hai bên tả, hữu mỗi

¹ Bến đò sông Như Nguyệt về phía bắc tương đương với xã Mai Thượng huyện Hiệp Hoà, Bắc Ninh ngày nay.

bên chừng ba chục dặm. Bến dò sông Như Nguyệt là đường thiên lý quân Tống phải đi từ Ải Nam quan qua đây về Thăng Long. Cách bến nam sông Như Nguyệt vài chục dặm là tôn miếu, lăng mộ các vua nhà Lý. Lại đi thêm vài chục dặm nữa thì tới bờ sông Cái. Qua sông là vào Thăng Long. Đây là hai nơi nếu quân Tống tràn vào, bằng mọi cách chúng sẽ cố chiếm lấy. Đây cũng là nơi linh địa, là nã tử của Đại Việt không thể để cho giặc đặt gót chân như bản vào đó được.

Đạo này Lý Thường Kiệt luôn có mặt ở Phủ Thái úy để nhận tin tức từ các nơi báo về, kể cả tin tức do các gián điệp ta đặt trên đất Tống. Ông làm việc căng thẳng suốt ngày đêm. Đôi khi ra khỏi Thăng Long vài ngày là đi thị sát tuyển phòng thủ, đi kiểm xét các chủng quân tập luyện, đi phủ dụ các đô quân mới lập. Nghĩa là Lý Thường Kiệt chỉ chuyên nhất việc quân lữ, còn như việc đại chính ông đã trao toàn quyền cho Lý Đạo Thành, vì vậy ít khi ông lui tới Phủ Thái sư. Mặc dù trên thực tế ông được nhiếp chính Ý Lan trao quyền Thái tử và Lý Đạo Thành được triệu từ Nghệ An về giữ chức Thái phó. Nhờ có Lý Đạo Thành nguyên là Tế tướng từ thời Lý Thánh tông mới chấp chính. Ông được các triều quan và giới sĩ phu, tăng, đạo trong cả nước nể trọng. Bởi các chính sách của ông trước sau đều hướng vào việc khai dân trí, định dân tâm. Suốt mấy chục năm ông vật lộn trong việc mở mang sự học, lập Văn miếu thờ Khổng Tử và đã mở được khoa thi Minh kinh bác sĩ đầu tiên

để chọn nhân tài cho nước. Ông đúng là bậc chân nho, lo trước cái lo cho thiên hạ và cũng là người liêm khiết và thương dân vào bậc nhất. Không phải vì cái tài ấy, cái đức ấy và tấm lòng cao thượng ấy mà ông được mọi người yêu mến cả đời.

Những kẻ ham hố quyền lực, lợi dụng quyền lực để hà hiếp dân, tức là những kẻ sâu dân một nước, chúng ghét ông như đào đất đổ đi, và coi ông như kẻ thù bất cộng đới thiên.

Nay nền độc lập của nước nhà đang bị quân thù dọa nạt xâm lăng, ông đem lời hiệu triệu của nhà vua đi khắp nước kêu gọi mọi người chung sức chung lòng đem cả của cải và tính mạng ra để giữ nước. Dân nghe theo lời kêu gọi của triều đình; vì thế trên các công trường phòng thủ đất nước hằng trăm ngàn người thay nhau làm việc quần quật suốt ngày đêm. Trên các bãi tập cả chục vạn người đầu quân tập luyện sà sã, không quản mệt nhọc, nắng mưa, nóng lạnh. Thế nước xem ra còn hơn cả thời kỳ quân ta chinh phạt nhà Tống.

Lý Thường Kiệt không thể không biết đến uy đức của Lý Đạo Thành được dân nước và kẻ sĩ kính trọng. Ngay cả với ông, từ sau cuộc phạt Tống, lòng dân và cả kẻ sĩ cũng hướng về. Rõ ràng trong nước lúc này đều gửi trọn niềm tin vào hai người: một cầm đại chính, một nắm quân lữ. Chính vì thế mà Lý Thường Kiệt yên tâm xông pha khi ở hậu cứ thoát dã biên thủy. Gắn sáu chục

tuổi nhưng ông có thể suốt ngày ngồi trên lưng ngựa, suốt ngày quân thảo dạy quân thao luyện. Nơi thao trường bãi tập, ông ăn, ngủ cùng những điền binh mới nhập ngũ. Ông săn sóc hỏi han gia cảnh từng người với tấm lòng cha con chứ không có sự cách xa phân biệt, khiến người lính gần ông mà vẫn giữ lòng yêu kính.

Bà Ý Lan từ khi trừ khử được bà Thượng Dương và những người bà nghi là cùng phe cánh đã khôn khéo dựa vào Lý Thường Kiệt để thu tóm mọi quyền lực trong tay. Tới khi nắm được quyền lực rồi lại đâm lo. Lo vì phải trả nghiệp, vì đã gây ra tội ác. Giới tăng, đạo lạnh nhạt với bà. Tăng thống Lâm Huệ Sinh trước khi bỏ đi còn để lại lời cảnh báo. Tất cả những việc đó khiến bà lo âu. Trong nước đã trải qua một thời kỳ rối loạn, lòng dân chia lìa. Kịp khi triệu Lý Đạo Thành từ Nghệ An ra nắm quyền đại chính, Lý Thường Kiệt viễn chinh phạt Tống thắng lợi vang dội, thế nước lại nổi, lòng dân lại quy tụ về triều đình bà mới thực an tâm. Thế nhưng trong lòng lúc nào cũng canh cánh lo mối lo trả nghiệp. Lo cả cho vương nghiệp của Càn Đức mai này, nếu như con bà cũng bị liên lụy thì sao. Rõ ràng là mưu mô sắp đặt từ Lý Thường Kiệt và từ bà mà ra, nhưng tuyên cáo tố cáo Thượng Dương vào ngục thất, rồi lại sai giết cả Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ thì từ miệng nhà vua ban ra. Tức là bà đã tạo nghiệp ác cho đứa con bảy tuổi. Nỗi băn khoăn day dứt ấy cứ bám riết lấy đầu óc và tâm trí bà cho tới khi gặp được thiên

sư Quảng Trí để cầu kiến.

Sau những lời chỉ dẫn của sư, Ý Lan cảm như bà đã được khai ngộ. Và bà mong sao cho chóng tới ngày lễ Vu lan bần để bà được đại sám hối. Vì vậy, từ ngày khai hạ tại chùa Khai Quốc, cứ một tháng đôi lần vào gần các ngày sóc¹, ngày vọng² bà tự mình đem các đồ thí thực đến dâng cúng các sư tăng. Lần nào vị Yết Ma tức vị thiền sư đạo cao đức trọng được tăng chúng tôn vinh để phụ trách khoá hạ, kể cả làm giảng sư nữa cũng hoan hỷ tiếp nhận. Và lần nào bà cũng mở lòng đón nhận những lời khai ngộ của đại lão.

Việc chăm đi lại và dâng cúng thực phẩm cùng với tấm lòng thành kính của Linh nhân thái hậu Ý Lan dường như đã gây được thiện cảm với các sư tăng trong khoá hạ. Vì rằng một khi người ta hành ác nhưng đã quyết tâm đoạn diệt với cái ác để hướng về nghiệp thiện, thì không một nhà tu hành chân chính nào lại không cố vũ cho họ.

Với Phật thì một sát na trước đây kẻ hành ác mang tâm quỷ, nhưng một sát na sau đó kẻ ấy tỉnh giác mà hành thiện thì Phật coi người đó có tâm thiện, tức tâm Phật.

Ngay vị Giáo Thụ là một thiền sư rất nghiêm khắc cũng nhận định rằng: “Linh nhân thực tâm hối cải.” Và

1 Sóc là ngày mừng một theo lịch âm.

2 Vọng là ngày rằm theo lịch âm

ngài còn dạy thêm: “Phải nhờ vào định lực của chư tăng thanh tịnh mới sớm giải thoát được cho các oan hồn đang chông chất oán giận, do đó mới hoá giải được ác nghiệp cho lệnh bà”. Từ đấy hoàng thái hậu cũng bớt được phần nào nỗi sợ hãi. Do đó, lễ Vu lan bốn sắp tới, nhiếp chính Ý Lan gặp nhiều thuận lợi.

Tuy nhiên, có một điều bà không thể không để tâm tới, đó là công cuộc chuẩn bị kháng Tống của cả nước đang hết sức dồn dập. Bây giờ đang là tháng sáu, Ý Lan muốn triệu Lý Thường Kiệt và một vài vị trọng thần khác đi đôn đốc, uỷ lạo thần dân của bà đang ngày đêm đào hào, đắp lũy cũng như các chính binh, các điền binh hằng ngày đang đổ mồ hôi, thậm chí cả máu trên bãi tập. Ý Lan muốn hoàn tất việc này trong tháng sáu, để sang tháng bảy bà chuyên tâm vào lễ Vu lan. Thế nhưng Lý Thường Kiệt đã lại vừa đi kinh dinh vùng nam thủy. Vì vậy bà sai triệu quan Thái phó Lý Đạo Thành, quan Công bộ Đoàn Văn Khâm, thượng phụ Hoằng Chân cùng với nhà vua và Lê Văn Thịnh lập thành một đoàn đi uỷ lạo dân phu và binh sĩ. Lại sai mời cả vị tể tướng và thiền sư Hoài Tín cùng đi.

Nhiếp chính Ý Lan sai Phủ Thái sử trừ hoạch cho chuyến đi này kể cả những nơi ghé thăm và quà cáp uỷ lạo.

Để tránh sự ngó dòm của những kẻ ngoại gián, đoàn uỷ lạo đi trên ba con thuyền ván cỡ nhỏ. Đi trước

là thuyền hộ giá, đi giữa là thuyền thái hậu nhiếp chính Ý Lan, vua Nhân tông và sư phó Lê Văn Thịnh, thuyền thứ ba có Lý Đạo Thành, hoàng tử Hoàng Chân, thiền sư Hoài Tín và vị hữu nhai tể tướng. Mỗi thuyền còn chở theo một ít quà cáp gọi là lộc của triều đình.

Các thuyền đều không có trang hoàng bất cứ một thứ đồ nghi trượng nào hết. Từ thái hậu đến nhà vua và các quan trong đoàn đều vận sắc phục dân thường ngoại trừ thiền sư Hoài Tín và quan Hữu nhai tể tướng vận quần áo nhà sư, nhưng cũng chỉ nâu sồng giản dị chứ không vận áo cà sa màu vàng, không đội mũ cánh sen.

Thuyền khởi lúc đầu giờ Dần từ cửa Giang khẩu tới giữa giờ Mùi thì cập bến đò Như Nguyệt. Tại mặt sông, ngược nhìn lên bờ cao với vợ, vách thành dựng đứng. Nhìn lên thượng lưu, ngó xuống hạ lưu bức tường thành trái dài như một dãy núi chạy song song với dòng sông hút cả tầm mắt tưởng như là vô tận. Sông Như Nguyệt mùa khô hanh cũng sâu tới hơn một trượng, vào mùa mưa lũ, nước sông dâng tới gần ba trượng chảy xiết như ném lao.

Neo thuyền, quân Tù long hộ giá nhiếp chính Ý Lan và nhà vua lên bờ. Các quan lục tục theo sau.

Viên đô thống coi sóc việc đắp tường thành phòng thủ thân xuống bến đò nghênh đón bà nhiếp chính, nhà vua và các mệnh quan vào ngôi lều dựng tạm để có nơi

chốn làm việc hằng ngày. Không có bàn ghế, giường phản, chỉ duy nhất có một mảng sàn vừa là chỗ làm việc, vừa là nơi ăn ngủ nên ông ta rất loay hoay.

- Thân thật vô lễ, xin hoàng thái hậu và bệ hạ cùng các quan tha tội. Vì thân không được biết trước nên không kịp chuẩn bị làm lễ cung nghinh.

Linh nhân hoàng thái hậu cười xoà:

- Ta đã cải trang cho tai mắt kẻ thù không thấy được sao lại còn báo trước. Ông đa lễ quá, đây là nơi công trường chứ không phải công đường. Ta chỉ muốn biết cái công trình phòng thủ kỳ vĩ này của quan Thái úy đến bao giờ thì xong. Mà sao đang công việc thế này mà Thái úy lại vào nam thù làm gì.

Viên đô thống cứ tình thực tâu báo:

- Bẩm hoàng thái hậu và hoàng thượng, công trình căn bản đã hoàn tất. Nay chỉ còn tu bổ những chỗ bị sụt, lún sau mưa. Dạ quan Thái úy đi kiểm xét nam thù có mấy việc. Thứ nhất đưa thêm dân vào ở trong ba châu mà Chế Củ dâng để chuộc mạng sống. Đưa thêm quân vừa tăng cường cho lực lượng nam thù, phòng quân Chiêm nghe theo sự dụ dỗ và xúi bẩy của người Tống mà tràn sang cướp phá.

Việc thứ hai quan Thái úy cần làm là đại duyệt hai quân thủy bộ tại nam thù, nhằm răn đe người Chiêm chớ có khinh xuất mà gây hấn với Đại Việt. Việc nữa là kiểm kê hộ tịch xem số dân trong mấy năm qua có tăng

lên hay giảm xuống, bởi nghe nói có nhiều người đã bỏ quê mới; trở về quê cũ. Nay ngài vào chắc có chính sách ưu đãi để an dân. Dạ, tâu đó là ngài cho hạ cấp được biết các việc ngài sẽ làm ở trong miền đất mới chinh phục. Còn hạ cấp được giao cho phái làm thật kỹ tuyền đề mà cũng là ải lũy phòng thủ này.

- Ông cho ta biết cái trường thành này phải dùng hết bao nhiêu vạn dân phu? - Hoàng thái hậu hỏi.

- Tâu cứ như trong sổ bộ ghi chép đã qua điểm diện từng ngày, thì mỗi ngày có hai mươi vạn dân phu đào đắp rải từ thượng lưu xuống hạ lưu dài hơn một trăm dặm. Số người ấy do các lộ, các châu, quận luân phiên nhau đưa đến. Mỗi ngày hai mươi vạn người làm ròng rã trong ba tháng, vị chi là chín mươi ngày, tính ra mất khoảng mười tám triệu ngày công, ấy là chưa kể công tu bổ. Dạ, trên mặt thành hiện nay cứ ba dặm lại có một đội dân phu năm mươi người ứng trực đề tu bổ. Bởi nay vào đầu mùa mưa, cứ sau vài trận mưa thế nào cũng có đôi chỗ lún sụt hoặc sạt lở phải bồi đắp ngay lập tức.

Hoàng thái hậu tỏ vẻ kinh ngạc về sức người bỏ ra trong một thời gian chỉ có ba tháng để tạo dựng một thành lũy chống giặc sừng sững như một dãy núi. Bà nói:

- Đúng là chỉ có sức dân mới làm nên công trình vĩ đại này. Vậy chớ trong thời gian dân phu đi đào đắp ải lũy, nhà nước có cấp phát tiền gạo gì cho họ không?

- Tâu, dân tự đem lương thực của nhà đi ăn.
- Dân phu đi trong kỳ hạn bao lâu?
- Tâu, cứ nửa tháng một lần các nơi lại đưa người lên thay phiên.

- Trong thời gian làm việc nặng nhọc này có nhiều người ốm không? Có ai bị chết vì tai nạn không.

- Tâu, người ốm thì không thể nào tránh khỏi. Nhưng công trình làm vào mùa xuân, tránh được cái rét, cái nóng nên số người ốm do cảm mạo, nghỉ việc một đôi ngày lác đác vẫn có. Còn số người chết do tai nạn như dàn bà sa xuống thùng đấu chết đuối vì không biết bơi, người đóng cọc dưới mép sông, đất trên đê trượt xuống đê chết hoặc đang vác đất nặng bị chuột rút lăn xuống sông cùng các tai nạn khác, cộng tất thảy là bảy mươi ba người.

Nghe con số bảy mươi ba người chết, Linh nhân Ý Lan bỗng biến sắc mặt. Lặng người đi một lúc lâu sau bà lại hỏi:

- Vậy chớ số người bị thương tích gãy chân gãy tay có nhiều không.

- Tâu hoàng thái hậu, số người bị thương trong khi làm việc như đứt chân đứt tay không phải nghỉ việc xảy ra như cơm bữa. Còn số người mang cố tật như gãy chân, gãy tay hoặc mất một vài ngón chân, ngón tay tất thảy là hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy người.

- Những người chết, những người mang thương tật, các ông có bồi hoàn gì cho người ta không?

- Tâu, chắc là có đấy ạ.

Linh nhân dò bưng mặt đã toan nổi giận thì thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành liền tâu:

- Bẩm hoàng thái hậu, việc này triều đình đã có chính sách đầy đủ. Ví như ai bị chết trong khi làm việc thì được cấp số tiền tuất tương đương với năm chục lượng bạc cùng với ba sào ruộng công điền cho người nhà hương khói. Ai bị tai nạn tùy theo nặng nhẹ đều được cấp tiền, còn như người bị tàn phế thì cấp cho ba chục lượng bạc với năm sào ruộng công điền, lại được miễn tô thuế suốt đời.

Thái hậu có vẻ hài lòng, bà quay sang nói với vị tăng thống:

- Cả bấy nhiêu người chết mà chưa có một lễ cầu siêu, ông Hữu nhai lo làm sớm việc này đi kéo các linh hồn chưa được siêu thoát lại oán triều đình đấy.

Đoạn thái hậu quay về phía thiền sư Hoài Tín với vẻ cung kính bà hỏi:

- Xin trưởng lão cho biết lễ cầu siêu nên lập ngay tại đây hay đưa về Thăng Long?

Sư đáp:

- Hoàng thái hậu đã có tâm như thế thì nên lập trai đàn ngay trên trường lũy này, ngay trên mặt sông

này là tốt nhất.

- Xin trưởng lão cho biết nên lập trai đàn vào thời gian nào là thích hợp.

- Nay đã là hạ tuần tháng sáu, nếu Thái úy về kịp thì nên lập trai đàn vào dịp lễ Vu lan là tốt nhất thưa hoàng thái hậu.

Bà Ý Lan thăm nghĩ, đúng dịp lễ Vu lan bốn là kết thúc ba tháng an cư kết hạ của chư tăng, ta đã có nhờ xin các vị giúp cho một đại lễ cầu siêu, sám hối, thầy Yết Ma và thầy Giáo Thụ đã hoan hỉ nhận lời.

Như đọc được nổi bản khoản của bà Ý Lan, thiền sư Hoài Tín liền nói:

- Hoàng thái hậu khỏi bản khoản, Thái úy là người đứng đầu công trình phòng thủ này, thái úy phải chịu trách nhiệm với cả người sống và người chết. Vì vậy, Thái úy sẽ là người chủ đàn tràng. Cho nên trong dịp trai đàn đó, hoàng thái hậu không cần có mặt cũng được.

Được đại sư gỡ bỏ mối lo, hoàng thái hậu Ý Lan hồ hởi đáp:

- Đa tạ trưởng lão có nhờ chỉ giáo.

Nghe mọi người trò chuyện bỗng nhiên nhà vua có vẻ xúc động, ngài phán:

- Dân chúng cả nước đem sức đắp nên thành lũy này xiết bao khó nhọc, lại cả đồng người chết, người mang thương tật suốt đời, sao không tha tô thuế cho

dân trong năm nay mầu hậu.

Bất chợt nhà vua đưa ra một ý lớn ngoài dự liệu khiến bà Ý Lan nhiếp chính hơi bối rối.

- Hoàng nhi, việc này lớn lắm có nhẽ phải bàn trong triều đình đã rồi mới quyết định được.

Lý Đạo Thành liền tâu:

- Bẩm hoàng thái hậu, hoàng thượng quả có tâm thiện. Nghe thấy dân vất vả cực nhọc liền nghĩ đến việc đền bù nuôi vỗ. Lòng vua thương dân như con ấy chính là phúc hạnh của nước Đại Việt ta. Nhưng tâu bệ hạ quốc khố và cả ngân khố nước ta hiện nay chưa thể làm được điều đó. Vì rằng mấy năm nay chi tiêu cho việc quân lớn quá. Nay lại đang chuẩn bị cho cuộc kháng Tống, bao nhiêu tiền của sẽ phải dồn hết cho công việc cứu nước. Vì thế hàng triệu dân phu đi xây đắp ải lũy đều phải đem của nhà đi ăn, may mà dân ta yêu nước nên sẵn lòng hợp tác với triều đình.

Hoàng tử Hoàng Chân bèn lên tiếng:

- Ta nghe nói năm trước đánh Tống thu được nhiều của cải lắm kia mà, sao không đem ra mà tiêu cho dân đỡ khổ.

Lý Đạo Thành mỉm cười đáp:

- Bẩm, quân ta quả là thu được nhiều thứ, nhưng thuần là khí giới và lương thảo chứ có gì quý giá đâu. Nước Tống hiện nay là nước nghèo xơ nghèo xác, thành

Ung Châu bị quân ta vây bốn chục ngày mà đã có cả ngàn người chết đói. Cho nên những thứ ta thu được rất ít giá trị, duy có hầm rượu của Trần Vĩnh Thái Đô tổng quản thành Khâm Châu là có giá, nhưng Thái úy cũng chỉ cho lấy vài vò để khao quân.

Nghe quan Thái phó nói, mọi người đều cười vui vẻ. Viên Đô thống với vẻ hơi bẽn lễn nói:

- Tâu, ải lũy này là một công trình phòng thủ hi hữu, xin hoàng thái hậu và bệ hạ cùng chư vị ra xem xét.

Đứng trên mặt trường thành nhìn xuống dòng sông sâu hun hút tưởng đến chóng cả mặt.

Là những người am tường về binh pháp, hoàng tử Hoằng Chân và Lê Văn Thịnh đều tấm tắc khen.

Hoằng Chân nói:

- Biến dòng sông thành một con hào lớn, biến bờ sông thành ải lũy phòng thủ, phi con mắt của những binh gia bậc thầy không có ai có thể nhìn ra được.

- Dạ đúng như vậy - Lê Văn Thịnh tiếp lời và ông nói thêm:

- Thành lũy dài hơn trăm dặm nhưng thực tế chỉ có vài ba chục dặm trong khu vực trung lộ này là có giá trị chiến lược cao. Chiến trường sẽ diễn ra ác liệt quanh khu vực này.

- Phải, xem ra ông sư phó cũng có con mắt của một binh gia lớn đấy. Phía thượng lưu tiếp giáp với vùng

Tam Đảo rừng núi trùng trùng điệp điệp quân giặc lọt vào đó khi ra được, trăm đứa chỉ còn được một hai, nói chi kéo được đại binh vào Thăng Long. Còn như phía hạ lưu ở khu vực Vạn Xuân¹ kia, giặc lấp ló mép sông đã bị hải binh ta đìm chết. Chung qui chúng chỉ có bộ binh, kỵ binh buộc phải qua đoạn này mà vào Thăng Long.

Nhìn lên thượng lưu, nhìn xuống hạ lưu, ngó xuống lòng sông, ném cái nhìn sang bờ bắc, hoàng tử Hoằng Chân bỗng cười lớn. Ngừng tiếng cười một lát, ông nói:

- Cuộc độ sức này vui đáo để. Nếu ta giam chân giặc ở bờ bắc được một năm thì không cần đánh nó cũng phải rút. Vì sao à? Vì nội tình nước họ dở lắm. Nội bộ đã không yên rồi. Lại còn Liêu ở phía bắc, Hạ ở phía tây, nó mà biết đại quân Tống bị giam chân ở đây thì lập tức nó sẽ xua quân vào lấn Trung nguyên. Cho nên nếu Tống có đánh ta lần này là vừa đánh vừa lo đấy. Nuốt hận mà đánh để vượt vát sĩ diện thiên triều thôi chứ ăn nhằm gì.

- Bẩm, hoàng tử nói rất đúng. Vì vậy Thái úy lấy con sông này, ải lũy này để cầm chân giặc là thượng sách. Giặc chỉ đứng ở bờ bắc ngó nhìn vào Thăng Long, thềm đến nhỏ rãi cũng không có cách gì vượt qua sông được.

¹ Vạn Xuân tên cũ chỉ khu Lạc đầu giang tức vùng Vạn Kiếp, thuộc Phú Lai huyện Chí Linh ngày nay.

Nghe hai người đàm đạo điều nào cũng lọt tai cả, Lý Đạo Thành thầm khen Lê Văn Thịnh đúng là bậc túc nho, thực học, thực tài. Con người này mà giữ quyền Tể chấp ắt có nhiều canh cải làm cho quốc gia hưng vượng được đây.

Bà Ý Lan nhìn xuống bờ sông thấy còn một vài bến đò thuyền có thể cập bến đổ người lên dễ dàng bèn nói:

- Ta thấy đắp xuôi đắp ngược nom thật là hùng vĩ mà vẫn để các bến đò ngang kia cho giặc đổ quân, hay là Thái úy mở ra mấy chỗ đón lõng quân giặc.

Mọi người ồ lên cười vui vẻ.

Viên dó thống liền thưa:

- Tâu hoàng thái hậu, giặc còn ở xa ngoài cõi, hãy để tạm cho dân thông thương xuôi ngược. Khi nào người mình cài cắm ở bên kia báo về giặc đã tập trung quân thì lập tức các bến sông này sẽ được xây lấp kín thuận bằng đá hộc, giặc đến chỉ có thấp hương mà vái chứ sao có thể sang sông.

Thấy mọi người đàm đạo thật là hay ho, nghe ra vẫn thấp thoáng cái ý tự phụ coi thường địch, quan Bình chương Lý Đạo Thành bèn lên tiếng:

- Thành dù cao, hào dù sâu cũng chỉ là cái phương tiện cho ta giữ nước chứ bản thân các thứ đó chỉ có tác dụng khi ta có tướng giỏi, mưu lược giỏi, lại được quân binh trí dũng nữa, thì đúng như ông Đồ tướng vừa nói: Giặc chỉ có thấp hương mà vái. Tuy nhiên nếu tướng tự

phụ coi thường giặc, quân chiến đấu nhát hèn thì mọi thứ thành cao hào sâu đều trở nên vô dụng cả.

Lịch sử nước ta đã để lại bài học nó thần và My Châu mắc mưu Trọng Thủy thật là đau đớn. Nay muốn thắng giặc, ta phải luôn coi nó là kẻ địch mạnh mà phòng bị. Khi lâm chiến, nếu quả nó yếu thì chỉ một trận là ta quét sạch, nhược bằng nó là kẻ địch mạnh thì ta đã sẵn sàng. Mong chư vị truyền dạy cho quân chí khí kiên cường, quyết đánh đuổi sao cho không còn một tên quân xâm lăng nào trên mảnh giang sơn gấm vóc này thời đó mới chính là thượng sách chống xâm lăng.

Lại nói Lý Thường Kiệt vào kinh dinh nam thủy, là do ông được Lý Đạo Thành cho biết số dân di vào khai khẩn miền ba châu Địa Lý, Bố Chánh, Minh Linh mười phần đã bỏ trốn mất ba bốn. Sợ phen giặc nam thủy trống trải, ông bèn sức cho các an phủ sứ hai châu Thanh Hoá, Nghệ An phải cấp tốc đưa người vào.

Tới nơi, Lý Thường Kiệt tập hợp dân chúng lại phủ dụ. Cho họ mặc sức khai phá đất đai, vừa được làm chủ đất ấy, vừa không phải nộp bất cứ một khoản tô thuế nào trong vòng hai mươi năm. Sáu sắc thuế¹ khai thác các nguồn lợi từ rừng và biển đặt ra từ đời Thái tổ, nay vẫn áp dụng cho cả nước, riêng ba châu mới quy về

1. 1 - Trầm hương. 2 - Ngà voi. 3 - Sừng tê. 4 - Ngọc trai. 5 - Đồi mồi. 6 - Muối.

đều được miễn hết, dù rằng vùng này nổi tiếng về trầm hương vừa nhiều vừa tốt, không chỉ có hồng trầm mà còn có cả bạch trầm. Hồng trầm ngoài Vân Đồn thương lái ngoại quốc mua ngang giá vàng. Cứ một cân hồng trầm đổi lấy một cân vàng, hai cân bạch trầm đổi ba cân vàng.

An dân xong, ông cho đại duyệt cả quân thủy lẫn quân bộ và có mời hai vị tổng trấn của hai Châu Ô, Châu Lý của Chiêm Thành tới duyệt. Sau đó lại thiết yến.

Trong bữa tiệc ông tỏ ra thân mật chuyện trò với hai vị khách Chiêm thật là cởi mở. Bỗng nhiên Lý Thường Kiệt hỏi Samthi, vị tổng trấn của Châu Ô:

- Quốc vương của quý quốc vẫn mạnh giỏi chứ?

Samthi vui vẻ đáp:

- Đa tạ, quốc vương tôi vẫn bình an.

Lại quay sang hỏi Radmady tổng trấn Châu Lý:

- Năm trước Đại Việt chúng tôi đem binh chinh phạt nhà Tống, hẳn bèn Chiêm quốc các ông có biết.

Hai tổng trấn có ý sợ hãi, như co rúm người lại, ông nọ nhìn ông kia rồi cùng đáp:

- Dạ chúng tôi có được biết.

Nhà Tống đã sai sứ sang Chiêm Thành xui các ông cất binh đánh mặt nam nước chúng tôi, còn họ đánh mặt bắc, thu phục xong Đại Việt, Tống triều và Chiêm quốc sẽ chia đôi nước tôi, thế mà chờ mãi chẳng thấy

quý quốc động binh.

Radmady mạnh dạn nói:

- Đâu dám! Đâu dám thế! Nước các ông mạnh đến người Tống còn chẳng địch lại được, Champa chúng tôi là nước nhỏ an phận thôi.

Samthi cũng nói:

- Việc vua Tống xúi quốc vương tôi đánh Đại Việt, tôi cũng có nghe nói. Nhưng chúng tôi đại gì nghe họ để đem trứng chọi với đá.

- Thế còn việc một số người Chiêm vì luyến nhớ quê hương xin ở lại vùng đất cũ, chúng tôi cho phép, họ đã an cư tới cả chục năm nay, tại sao thỉnh thoảng các ông lại cho người sang xúi giục họ làm loạn. Nhân đây tôi cảnh báo các ông phải từ bỏ ngay cái trò ném đá giấu tay ấy đi, nếu không tôi sẽ đuổi hết họ về Chiêm chứ quyết không dung dưỡng họ nữa.

Hai quan tổng trấn không chối cũng không nhận các điều mà Thái úy Lý Thường Kiệt răn đe, nhưng đều chột dạ. Bởi họ hiểu Lý Thường Kiệt đã nói là làm và ông ta làm đến cùng. Họ cũng được biết chính Lý Thường Kiệt đã truy đuổi và bắt cho bằng được quốc vương của họ là Rudravarman III (tức Chế Củ) vào mùa hè năm Kỷ Dậu (1069). Để được tha mạng Rudravarman III đã dâng ba châu Địa Lý, Bố Chánh, Minh Linh cho nhà Lý.

Đất đai Champa bị co hẹp lại là bởi những cuộc

gây chiến nhỏ nhoi của giới tướng lĩnh Chiêm Thành để Đại Việt có cơ cất quân đánh lại. Hai quan tổng trấn tỉnh thoảng lại liếc nhìn bộ dạng Lý Thường Kiệt, và thực tình họ cũng có hơi lo lắng. Chắc chắn những sự việc này sẽ đến tai vua Chiêm.

Từ nam thủy trở về Thăng Long, Lý Thường Kiệt vội vào tâu báo mọi việc với nhiếp chính Ý Lan, bàn bạc với Thái phó Lý Đạo Thành, và không kịp nghỉ ngơi lấy một ngày, ông vội vã lên ngay tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt và đi kiểm xét suốt cả chiều dài hơn trăm dặm. Với ông, mọi việc đều gấp gấp cứ như là chiến tranh sắp nổ ra ngay ngày mai.

XI

Tổng Thần tông và Tề tướng Vương An Thạch cử hai viên biên tướng sừng sỏ trấn vùng tây bắc Trung Quốc là Quách Quỷ và Triệu Tiết làm tướng nam chinh. Quách Quỷ được phong làm chiêu thảo sứ, Triệu Tiết làm chiêu thảo phó sứ.

Quách Quỷ xin nhà vua cho đem theo toàn bộ quân, tướng dưới quyền từ miền bắc về, vua Tống bằng lòng. Vậy là trong đội quân chinh thảo An Nam có chín tướng, mỗi tướng chỉ huy năm ngàn quân chính binh thiện chiến. Còn năm vạn năm ngàn quân nữa thì mộ tại các tỉnh phía nam. Trong số mười vạn quân ấy có một vạn ngựa cùng là một vạn kỵ binh lấy từ phương bắc.

Triệu Tiết được vua dụ lo về lương thảo, y xin vua Tống cho mộ hai mươi vạn dân làm phu binh để vận chuyển quân lương.

Về quân bộ và quân kỵ người Tống dễ thống nhất, nhưng về quân thủy thì họ còn bàn cãi.

Dương Tùng Tiên được bổ làm chức Chiêu trạo đô giám thuộc An Nam đạo hành doanh.

Tô Tử Nguyên được bổ làm tuần kiểm coi dọc bờ biển miền nam - trưởng tử của Tô Giàm người đã chết theo thành Ung Châu khi Lý Thường Kiệt hạ thành này,

Dương Tùng Tiên dâng kế: “Cho thuyền mạo hiểm vượt đại dương vào sâu góc tây nam, quành sau lưng giặc, đánh vào chỗ giặc không ngờ, và nhân đó đem binh dụ Chiêm Thành, Chân Lạp cùng giúp đánh”.

Tống Thần tông khen là kế hay nên tiến hành gấp. Nhưng người Tống lúc đó không có các chiến thuyền lớn vượt đại dương mà chỉ có những thuyền mảnh nhỏ, thủy thủ không quen thạo đường biển. Thành thử kế thì hay mà rốt cuộc chỉ là lời nói suông.

Còn Tô Tử Nguyên thì bắt các thuyền chài miền duyên hải phải kê kiểm theo chủ hộ và chỉ được làm ăn quanh quần trong các khu vực quy định để khi nào đại binh xuất phát thì theo thủy quân.

Triều Bồ Chí là một văn thần, thấy các triều quan sôi nổi tranh biện về việc đánh hay không đánh Giao Chỉ, cũng dâng sớ phân giải. Về thủy binh, Bồ Chí nói: “Quân Tống nhất sống, hơi có gió đã sợ rồi, không biết sẽ chiến đấu làm sao? Người Giao Chỉ vốn giỏi thủy chiến. Từ xưa đã truyền lại rằng người Việt lặn xuống nước đội thuyền lên lật úp. Đỗ Mục còn nói chúng có kẻ đi chìm dưới đáy bể năm mươi dặm mà không thở.

Vả nay thuyền buôn thường gặp giặc bể, bị chúng lặn dưới nước đục thuyền...”

Tuy Triều Bồ Chí nói hơi thái quá về thủy binh Đại Việt nhưng cũng đủ làm nản lòng Tống Thần tông. Nhà vua bèn bãi kế của Dương Tùng Tiên. Binh sắp khởi mà triều đình vẫn cãi nhau như đám mỡ trâu.

Lẽ bộ thị lang Vương Thiệu đã tranh biện kịch liệt. Ông phản đối việc gây binh đao làm hao tổn sức dân, thiệt hại sức người sức của không biết đâu mà lường, trong khi các tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc, Phúc Kiến, Giang Tô mất mùa dân đang bị đói. Ông công kích tới mức Vương An Thạch ghét không còn muốn nhìn mặt.

Lão thần Phú Bật tuy hồi hưu đã lâu nhưng không yên tâm trước tình hình đất nước cũng có sở can. Lời lẽ thật là ôn nhu: “Tôi về ở chốn cỏ gianh không biết đến nhân sự. Mới đây nghe quân Nam man phạm cõi, gieo hoạ cho lương Quảng. Hiện dân nhiều vùng đang mất mùa, nên tha tô thuế để giúp dân yên ổn đời sống. Đợi khi mùa màng khá rồi hãy lo việc đánh Giao Chi. Bệ hạ dụ cho Quách Quỳ tới lương Quảng xét định kỹ càng về việc công thủ thế nào rồi tâu về. Nếu có thể đánh được thì đi. Nếu không thì nên liệu cách khác để cho toàn danh vọng của vương sư...”

Tể thần Vương Sung cũng không thuận ý nam chinh, cãi nhau tay đôi với Vương An Thạch trước mặt Tống Thần tông.

Dại loại phe chủ hoà thì đông, lời can gián thì nhiều nhưng Tống Thần tông đều bỏ ngoài tai và ông còn thúc giục Tế tướng Vương An Thạch mau mau khởi sự.

Tống Thần tông không chỉ là vị vua trẻ có nhiều tham vọng mà ông còn tỏ ra là một vị vua có khiếu năng nắm bắt rất rõ tài đức của từng người trong triều, cũng như ông thuộc cả tâm lý từng vị tướng ngoài biên. Ví như với Quách Quy là một người chặt chẽ, kỹ tính nhưng keo kiệt, ông ban hẳn cho một nghìn lượng bạc, một nghìn tấm lụa khi vừa trao cho Quy chức An Nam chiêu thảo sứ giữ quyền Đô tổng quản tức Tống chỉ huy quân viễn chinh.

Trong việc chiêu dụ dân khê động khi quân Lý Thường Kiệt đánh sang, họ đã bỏ Tống theo Lý, Thần tông căn dặn Quách Quy: “Hễ dùng thổ dân, có đưa thực lợi mới sai được chúng. Chớ nên chỉ dùng lời mật ngọt mà thôi. Người sẽ mộ vài nghìn thổ dân mạnh bạo, chọn tướng dữ tợn để cai quản rồi sai chúng đi ép các dân động. Bảo những dân ấy rằng: đại binh ta sắp tới sẽ qua vùng chúng; đứa nào theo ta thì được thưởng, không theo sẽ bị giết. Nếu chúng quả không theo, hãy giết đi vài ba họ để thị uy. Lúc binh uy đã có, ta sẽ bắt đầu ép Hữu giang, rồi ép Tả giang. Sau khi hai đạo đó theo ta rồi, ta sẽ đánh vào sào huyệt Lưu Kỳ ở Quảng Nguyên không khó nữa”.

Sau đó Tống Thần tông còn dặn Triệu Tiết trong

việc phóng tài hoá thu kê động, vì sợ Quách Quỷ tính bủn xỉn mà làm hỏng việc lớn: “Quách Quỷ tính hà tiện. Khanh nên dụ y rằng triều đình không sợ tốn phí đâu”.

Xem thế đủ biết Tống Thần tông chủ mưu đánh Đại Việt từ lâu và ông ta nghiên cứu mọi mặt rất kỹ.

Lý Thường Kiệt đang đi kiểm tra tuyến phòng thủ sông Như Nguyệt thì nhận được thư cấp báo do quân thám của ta từ Trung Quốc chuyển về. Thư nói: “Quách Quỷ đã bắt đầu cho chuyển quân xuống phía nam. Nghe chúng kháo nhau sẽ đóng quân tại thành Ung Châu, vì Ung Châu vừa sửa xong. Triệu Tiết lo việc quân lương, hiện y còn đôn đốc ráo riết, nhưng dân các tỉnh Kinh, Hồ, Giang Đông, Giang Tây, Hồ Nam, Hồ Bắc đang bị đói nên việc thu gom lúa gạo rất khó khăn. Nếu quân lương chưa đủ, chắc chắn Quách Quỷ không dám cho quân ra khỏi cõi. Vì vậy chưa biết đích xác khi nào thì quân Tống xâm nhập cõi bờ ta”.

Kiểm tra mấy chục dặm, Lý Thường Kiệt rất hài lòng với công trình phòng thủ vĩ đại này. Trong khi ông đang ruổi ngựa ngược về phía thượng lưu nơi ngã ba sông Cà Lồ với sông Phú Lương, tức là đoạn thượng nguồn của sông Như Nguyệt, lại nhận được thư cấp báo:

“Tống Thần tông cử Yên Đạt làm Phó Đô tổng quản cho Quách Quỷ. Yên Đạt là một võ tướng cơ mưu, dũng lược khét tiếng, từng làm phó ở dưới trướng Quách Quỷ. Tống Thần tông còn cử Đào Bất coi thành Ung Châu.

Bật là một văn quan có chân Tiến sĩ, nhưng rất giỏi việc quân lữ và mưu mô thủ đoạn khôn lường. Nay Quách Quì cử Đào Bật đặc trách việc dụ dỗ, mua chuộc hoặc tiêu diệt các tù trưởng, động trưởng hoặc châu mục nhằm làm tan rã phen giặc của ta.

Xin chủ tướng cố kết chặt chẽ các châu mục như hồi ta đánh Ung – Khâm – Liêm”.

Đọc đi đọc lại bức mật thư, Lý Thường Kiệt rất hài lòng về những tin tức quý báu này. Ông quá hiểu vai trò phen dậu của các thủ lĩnh người man. Trong cuộc phạt Tống năm trước, những thủ lĩnh người man này cùng với binh tướng của họ góp tới nửa phần chiến thắng. Và trong cuộc kháng Tống sắp tới, nếu các châu mục này vẫn trung thành với triều đình thời ta đủ sức cản giặc từ biên thủy. Hoặc cũng có thể thả cho giặc tràn vào cõi để tản binh lực chúng ra, rồi quân triều đình phía trước, quân các đầu mục phía sau, kẹp quân Tống vào giữa mà đánh. Nếu được như vậy thì việc bại Tống không mấy khó khăn. Trái lại, nếu giặc lôi kéo được các đầu mục của ta khiến biên cương trống trải, thì cuộc chiến sẽ trở nên rất cam go. Phòng điều xấu nhất có thể xảy ra, cho nên ta mới lập trường lũy này để ngăn giặc. Dù quân Tống có cánh cũng không cách nào vào được Thăng Long.

Gấp tờ mật thư bỏ trong túi gấm, Lý Thường Kiệt thâm nghĩ: “Cuộc đấu trí đã bắt đầu”.

Lập tức Lý Thường Kiệt quay ngựa phóng nước đại về hướng hạ lưu. Ngựa sỏi được chừng ba bốn chục dặm, ông ghìm cương quan sát phía bờ bắc, nơi có bến dò sông Như Nguyệt. Nhìn sâu mãi vào phía trong, qua những cánh rừng mấp mô, những xóm trại thưa thớt dân cư, những khoảnh ruộng bằng phẳng, ông trầm nghĩ: “Hắn Quách Quỳ sẽ lập đại bản doanh ở đây, nếu như hắn vượt qua được hai tuyến phòng thủ của ta. Và phần lớn quân kỵ chúng cũng sẽ đồn đóng tại đây. Vì nếu vượt được khúc sông này, chúng sẽ xua cả vạn kỵ binh qua sông tiến thẳng về Thăng Long chỉ trong vài canh giờ”.

Lý Thường Kiệt lặng lẽ thả nước kiệu cho ngựa đi xuôi về hạ lưu, phía chân dãy núi Nham Biên. Các tướng tùy tùng cũng lặng lẽ cho ngựa theo sau và như để tôn trọng mạch suy tư của chủ tướng, không một ai bàn bạc hoặc lên tiếng chuyện trò.

Khi tới chân dãy núi Nham Biên, Lý Thường Kiệt dừng ngựa nhìn quanh quất. Hết nhìn mặt sông lại nhìn tường thành. Thành ở đây không cao như khu vực bến dò sông Như Nguyệt, nhưng lại có cọc tre và rào gai ken dày đến một cánh chim sẻ cũng khó qua. Nhìn xuống chân thành đồng lúa bát ngát xen những cánh rừng, những trái núi đột khởi, ông tự nghĩ: “Nếu không vượt được đoạn trên hoặc dưới bến dò sông Như Nguyệt thì đoạn này giặc sẽ tìm kế sang sông. Vì nếu sang được

sông, chúng len lỏi qua các làng rồi băng về phía Thăng Long bằng nhiều ngã.

Ngồi trên mình ngựa nhìn xuôi về Vạn Xuân, nơi sáu dòng sông quy tụ, đường chia nhiều ngã, trong đó có ngã xuôi tới Bạch Đằng ra tận Vân Đồn. Hẳn là giặc không thể không tính tới con đường này. Vả lại từ Lục Đầu giang lại có nhiều ngã đổ quân về Thăng Long. Trong đầu óc vị lão tướng đang hình thành một thế trận và những địa hình chiến lược.

Trở về Thăng Long, Thái úy Lý Thường Kiệt đóng cửa dinh ba ngày, tự giam mình ở trong phòng nghĩ kế phá giặc. Ông nghiên cứu rất kỹ những mật thư do ngoại gián của ta gửi từ Trung Hoa về. Kể cả những nguồn tin thu thập ngoài lề như chợ búa, hàng quán, những ca lâu, tửu quán nơi các quan lớn, quan bé và các Đô tướng Tổng thường lui tới mà ngoại gián của ta cài cắm được người hoặc qua lại dò la tin tức.

Ông đang đòi ngoại gián phải sớm đưa thêm tin tức về các tướng đầu não của giặc như Quách Quỳ, Triệu Tiết và Đào Bất. Ngoài các tài năng cầm quân của họ, còn phải biết cả tính nết của họ, nguồn gốc xuất thân của họ, kể cả sở trường sở đoản của họ nữa. Ông cũng đòi được biết chín tướng cầm đầu chín đạo quân kia là những tướng nào. Kể cả quân lính của họ, phần đông là người vùng nào. Bởi cái yếu nhất trong hàng ngũ quân Tổng là ngôn ngữ bất đồng.

Lên xong kết hoạch phá giặc, Lý Thường Kiệt bèn triệu các tướng về bàn bạc và cũng là giao nhiệm vụ cho từng người, từng chùng quân.

Điểm diện ta thấy các hoàng tử Lý Nhật Trung, Hoàng Chân¹, Chiêu Văn², chiêu thảo sứ hải binh đô tổng quản Lý Kế Nguyên, đô thống Lý Thường Hiến cùng một số tướng dưới quyền của thái úy. Các viên tả vũ vệ, hữu vũ vệ cũng được triệu đến dự. Ngoài ra còn một người khôi ngô dĩnh đạc ngồi bên hữu Lý Thường Kiệt chưa thấy xuất hiện ở Thăng Long.

Khai mào, quan Thái úy đô tổng quản điểm mục từng người. Sau rốt tới người lạ mặt, Thái úy quay ra hỏi hai vị hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn có biết người này là ai không.

Các vị chú mục nhìn người lạ một lúc lâu sau rồi hoàng tử Chiêu Văn chậm rãi:

- Ta nom vị này hao hao gương mặt hoàng thúc Uy Minh vương Lý Nhật Quang, Thái tổ cho lưu trấn châu

1 Hoàng Chân và Chiêu Văn là hai hoàng tử con út và áp út của vua Lý Thái tông. Đương nhiên họ là em ruột của vua Lý Thánh tông (Nhật Tôn) và là em của Lý Nhật Trung.

2 Uy Minh hầu Lý Nhật Quang là hoàng tử thứ tám của Lý Thái tổ (Công Uẩn) được ra phu trấn châu Hoan từ năm mười tám tuổi. Sau ông có công trong việc chuẩn bị quân lương cho Lý Thái tông đánh Chiêm Thành nên được thăng tước vương và được trọng dụng.

Uy Minh vương Lý Nhật Quang là em ruột của Lý Thái tông. Các hoàng tử Lý Nhật Trung, Hoàng Chân, Chiêu Văn lại là con của Lý Thái tông và Lý Hoài Hương là con của Lý Nhật Quang, đương nhiên họ là anh em thúc bá.

Hoan, tới năm Tân Ty (1041) thì phụ vương ta thăng bổ ông làm tri châu Nghệ An. Nguyên là châu Hoan mới đổi thành châu Nghệ An từ năm Bính Tý (1036). Nếu vị này là con của Uy Minh vương thì với chúng ta đây là anh em thúc bá.

Người kia bèn đứng dậy vái các hoàng tử mỗi người hai vái, lại cúi đầu xá mọi người rồi nói:

- Vương huynh quả là có nhân quan cốt nhục. Đúng như vương huynh nói, đệ là con út, nên phụ thân thương đặt cho cái tên là Hoài Hương để luôn nhớ về quê cha đất tổ nơi làng Cổ Pháp, hương Dịch Bảng. Đệ hiện làm một chức quan nhỏ trong quân, trấn nam thủy. Nhân quan thái tể đi kinh dinh mạn nam bắt gặp, người hỏi chuyện biết gốc gác rồi cho theo về Thăng Long. Ngài bảo giặc Tống sắp vào cõi nên có nhiều việc cần sai bảo. Đệ tự nghĩ như người xưa thường răn: “Quốc gia hữu sự thất phu hữu trách” nên đành bỏ vợ con lại Nghệ An để về Thăng Long đầu quân.

Mọi người đều ô lên vui vẻ, mừng cho các hoàng thân đã nhận được anh em.

Chờ cho mọi người an toạ xong, Lý Thường Kiệt liền bố cáo về mọi mặt ta chuẩn bị kháng Tống như thế nào, nhân dân nô nức đầu quân, các chủng quân đang khổ luyện ra sao. Đặc biệt dân phu tự nguyện đem của nhà di ăn, mỗi ngày trên công trường làm việc có tới hơn hai trăm ngàn người, đào đắp một trường thành,

một chiến lũy dài hơn một trăm dặm mà chỉ trong vòng ba tháng. Đại loại ông nói thế nước đã nổi, tinh thần yêu nước trong dân chúng đang cao.

Về phía quân Tống, ông nói tất cả những gì người Tống đã chuẩn bị đánh ta. Ông lưu ý mọi người đây không chỉ là trận đánh báo thù như nhiều người thường nghĩ, mà đích thực nó là một cuộc xâm lăng được Tống Thần tông và Vương An Thạch ấp ủ từ lâu. Nếu như không có chuyện bắc phạt của quân ta, phá tan các cơ sở hậu cần, quân nhu tại ba châu Ung, Khâm, Liêm hồi năm trước thì Tống sẽ bất ngờ đánh ta với quy mô lớn, và cuộc chiến chắc đã xảy ra cách đây một năm rồi.

Công cuộc bắc phạt của ta có làm cho lực lượng Tống suy yếu, tinh thần quân sĩ Tống hoang mang, nhưng chính vì thế đánh ta lần này, vua Tống thuận đem quân và tướng trấn bắc thủy và tây thủy nước họ về. Vì rằng những tướng và quân ấy đã dày dạn chiến trường, lại chưa nếm đòn quân Đại Việt, nên khí thế còn hung hăng.

Lý Thường Kiệt sai căng lên một tấm bản đồ, trong đó ông dự liệu các đường tiến binh của quân Tống và trận địa bố phòng của quân ta.

Tay cầm chiếc que, ông chỉ vào thành Ung Châu và nói:

- Toàn bộ quân Tống sẽ kéo về tập trung ở đây. Hiện chúng đang trên đường chuyển quân. Năm vạn

năm nghìn quân phương nam, bốn vạn năm nghìn quân phương bắc trong đó có một vạn kỵ binh đang trên đường chuyển quân. Tất cả đều hội quân ở thành Ung Châu trước khi chúng tràn vào nước ta.

Chiếc que lại dịch về phía hai cửa biển Khâm Châu, Liêm Châu:

- Thuỷ quân dịch ở hai nơi này có khoảng hai vạn quân đồn trú. Tướng chỉ huy quân bộ và quân kỵ là hai biên tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết từng dày dạn trong việc đối đầu với quân Liêu, quân Hạ. Trong đó Quách Quỳ kinh chống với quân Liêu ở phía bắc. Triệu Tiết đã từng giúp Tể tướng Phạm Trọng Yêm ngăn quân Tây Hạ. Lại thêm Đào Bật là tướng dưới quyền của Quách Quỳ cũng đi theo, được vua Tống cho làm Phó Đô tổng quản. Đào Bật là Tiến sĩ xuất thân, nhưng là một tướng cơ mưu quý quý. Triệu Tiết cũng là một Tiến sĩ xuất thân.

Quách Quỳ, Triệu Tiết thường bất hoà vì không phục nhau. Trong đó Vương Sung bênh Quách Quỳ, Vương An Thạch bênh Triệu Tiết, mà Vương Sung với Vương An Thạch cũng bất hoà. Vương Sung chủ hoà, An Thạch chủ chiến.

Vì vậy Tống Thần tông bổ Quách Quỳ làm An Nam chiêu thảo sứ đô tổng quản, tức là y toàn quyền chịu trách nhiệm và kiêm tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh. Còn Triệu Tiết được phong làm An Nam chiêu thảo phó sứ đặc trách việc đồn đốc cung cấp quân lương.

Triệu Tiết vốn là một viên dũng tướng nổi danh trên chiến trường ngàn quân Tây Hạ nay phải giữ chức đốc thúc quân lương nên ngậm bất mãn.

Dựa vào các tỉnh miền nam mất mùa, dân đang đói, nên việc thu gom lương thực của y khá chậm chạp. Cho nên quân phía bắc dù có về tới Ung Châu nhưng chưa biết khi nào chúng mới khởi binh vào cõi ta được, vì còn phải chờ lương của Triệu Tiết.

Việc quân giặc chùng chình do tướng giặc bất hoà càng có lợi cho ta thêm được thời gian chuẩn bị đối phó.

Ngừng một lát, Lý Thường Kiệt lại chỉ lên bản đồ.

- Quân phía bắc, phía tây đều kéo về tập hợp tại Biện Kinh, trước hết để lấy thanh thế và làm áp lực với phe chủ hoà. Sau đó chúng sẽ tiến theo đường qua Ngạc Châu, Đàm Châu rồi tiến thẳng về đóng tại Ung Châu. Quân phía nam thì tập trung ở Kinh Hồ tiến theo đường Thiều Châu rồi về Quảng Châu xuống thuyền đi đường biển, sau đó lên bộ về tập kết với quân miền bắc. Còn Khâm Châu, Liêm Châu đã có sẵn quân thủy đóng tại đó.

Giặc sẽ tiến vào nước ta theo ba hướng: Một là từ Tư Minh chúng kéo thẳng sang Quảng Nguyên rồi đi đường tắt qua Môn Châu¹ mà về Thăng Long; hai là chúng dịch quân xuống Bằng Tường qua trại Vĩnh Bình rồi vào đất ta ở Quang Lang, lại từ Quang Lang mà vào

¹ Tức là đường qua Bắc Cạn, Thái Nguyên ngày nay.

Lạng Châu rời theo đường thiên lý qua Lạng Giang và từ đó về Thăng Long. Đường thứ ba là giặc có thể đi theo đường thủy xuất phát từ Khâm Châu, Liêm Châu vào chiếm Vĩnh An rồi theo dòng Đông Kênh¹ mà đổ quân lên bộ. Đây là con đường chuyển quân quá dài và đầy hiểm trở, khó hội với các cánh quân tiến theo đường Quảng Nguyên và Quang Lang. Nhưng còn một cánh nữa là chúng có thể tiến thẳng vào cửa bể Vân Dồn mà vào sông Bạch Đằng rồi tiến về Lục Đầu giang thì rất dễ hội quân với hai cánh quân bộ.

Lý Thường Kiệt dừng xem các tướng còn có điều gì bổ cứu.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung liền nói:

- Ta xem Thái úy đô tổng quản là người giỏi binh pháp và rất am tường địa lý, quân Tống không còn đường nào khác để vào đất ta ngoài ba con đường đó. Bây giờ xin Thái úy cho nghe kế bố phòng cửa quân ta.

Phụng Càn vương vừa dứt lời thì quân vào bắm:

- Hoàng thượng giá lâm!

Mọi người nhìn ra cửa đã thấy nhà vua và Lê Văn Thịnh bước vào.

Lý Thường Kiệt liền nói:

- Tâu hoàng thượng, chúng thần đang bàn kế phá giặc. Định bàn xong sẽ tâu lên nhiếp chính hoàng thái

¹ Có lẽ là sông Tiên Yên ngày nay.

hậu và bệ hạ ngự duyệt.

- Biết rồi! Biết rồi! - Nhà vua nói : Các ông cứ bàn, đây là việc trọng yếu quốc gia ngoài tầm nghĩ hiểu của ta. Nhưng từ những dự bàn lần trước, ta luôn vấn hỏi ông sư phó về việc binh. Ta xem ra ông am hiểu nhiều lắm, thật chẳng khác một tướng từng trải, vậy ta đề cử ông với ông thái tử. Thực tình ông sư phó không muốn đâu, nhưng ta thấy không nên bỏ phí người tài có phải không các ông. Nói xong nhà vua để Lê Văn Thịnh ở lại, ngài tự mình ra kiệu về cung.

Mọi người nài mời vua cùng dự, nhà vua vừa nói vừa bước ra cửa:

- Ta về để các ông bàn cho tiện.

Ai nấy đều quay nhìn Lê Văn Thịnh vẻ như thăm dò, bởi ngoài việc ông giỏi kinh sách văn bài, khéo dạy vua chóng hiểu biết thì chưa thấy ông có biểu hiện gì khác để mọi người có thể tâm phục nữa.

Biết ý các quan, Lê Văn Thịnh từ tốn nói:

- Bẩm quan thái tử, bẩm các vương cùng chư tướng, Văn Thịnh tôi vốn là học trò nên xem việc đọc kinh sách cũng có phần dồi dào, nhưng kiến thức không ngoài sách vở, đôi khi hoàng thượng đòi hầu giảng cũng thuận chuyện sách vở cả, nghe lọt tai thì ngài khen chứ thực đã kinh qua gì đâu mà dám tham bàn cùng các bậc đã lão luyện chiến trường.

Lời nói khiêm cung của Lê Văn Thịnh khiến mọi

người tự nhiên có cảm tình với ông, thậm chí có phần yêu mến và muốn gần gũi nữa.

Lý Thường Kiệt nói ngay:

- Ông sư phó quá khiêm nhường, tôi nghe các bậc khanh sĩ trong nước nói Đại Việt ta am hiểu nho học ngoài quan bình chương Lý Đạo Thành ra thì ông là đệ nhất đó. Sư phó nhún mình nói chỉ là học trò thôi, thì Khổng Minh chẳng là học trò sao, ông chỉ ngồi trong lều cỏ đọc sách mà nắm cả thiên hạ ở trong tay. Khi vừa rời lều cỏ giúp Lưu Bị lập tức trở thành một đệ nhất binh gia của nước Tàu thời Tam quốc. Cho nên chữ nghĩa là trí tuệ, là mưu lược, không ai dám xem thường. Vả lại hoàng thượng đích thân tiến cử không thể không coi trọng. Được ông cộng sự là đại hạnh.

Lời quan Thái tử khiến mọi người yên tâm về sự có mặt của Lê Văn Thịnh.

Lý Thường Kiệt lại nói tiếp:

- Tôi xin tường trình về kế sách của quân mình: Ta đánh quân địch từ ngoài vào, tức là ta giữ thế nhân chủ. Lợi thế của ta là dựa vào rừng núi dày đặc, đèo ải hiểm trở, sông ngòi chằng chịt vừa rộng vừa sâu. Địa thế ấy hạn chế tối đa kỵ binh giặc, cũng hoàn toàn bất lợi cho lính du mục phương bắc rất ghét sông nước.

- Tuyển đầu giáp biên thủy quân tá dực có Lưu Kỳ với đội cường binh trên năm ngàn quân. Dưới quyền thống lĩnh của Lưu Kỳ còn có nhiều tì tướng kiệt kiệt

thuộc dòng dõi Nùng Trí Cao, Nùng Tông Đán. Rất tiếc là gần đây Nùng Tông Đán đã bị người Tống dụ bắt và giặc đã đưa Tông Đán vào sâu Trung nguyên để trao cho một chức quan không có thực quyền. Nhưng các con của Tông Đán vẫn giữ các động Lô Hoả, Vật Ác, Vật Dương và dưới sự kiểm chế của Lưu Kỳ. Các tướng thuộc dòng Nùng Trí Cao có Nùng Sĩ Trung thủ lĩnh động Lũng Định. Các tướng ấy không chỉ giữ đất của mình mà còn uy hiếp hậu phương và đường tiếp tế của quân Tống.

Về cánh hữu dự trấn mặt bờ biển châu Vĩnh An vào tới trang Vân Đồn ngăn không cho thuỷ quân giặc qua cửa Bạch Đằng ngược Lục Đầu giang ở Vạn Xuân để hội với quân bộ của chúng. Cánh hữu dự này do Chiêu thảo sứ hải binh đô đốc Lý Kế Nguyên đảm trách.

Trung quân thì do phò mã Thân Cảnh Phúc trong tay có đội cường binh và nhiều thủ túc kiệt kiệt.

Thân Cảnh Phúc đóng quân ở động Giáp¹ để khống chế hai hiểm ải là Quyết Lý và Giáp Khẩu (Chi Lăng). Bên tả có Sầm Khánh Tân, Nùng Thuận Linh và Hoàng Kim Mãn giữ Môn Châu² và đường qua Bình Gia đến Phú Lương³, bên hữu có Vi Thủ An giữ châu Tô Mậu⁴

1 Động Giáp ở phía nam Lạng Châu, quê hương của Thân Cảnh Phúc.

2 Môn Châu là vùng Đông Khê thuộc Bắc Cạn ngày nay.

3 Phú Lương tức vùng Thái Nguyên ngày nay.

4 Tô Mậu tức Na Dương, Đình Lập thuộc Quảng Ninh ngày nay.

và đường từ Tư Lang đến Lạng Châu.

Lý Thường Kiệt chỉ vào từng địa danh trên bản đồ cho các tướng nhận rõ. Ngừng một lát, ông lại tiếp: – Đó là tuyến đầu cản giặc, nếu như các châu mục và các đầu lĩnh vẫn trung thành và kiên cường như hồi quân ta đánh Ung Châu thì tuyến phen giậu này có thể làm chậm bước tiến của quân Tống và gây thiệt hại cho chúng khá nhiều. Lợi hại nhất là chặn đường tiếp lương của giặc.

Tuyến phòng thủ thứ hai có thể đặt nhiều đội quân mạnh cản giặc ngay trước trại Vĩnh Bình của người Tống đến thẳng sông Như Nguyệt trong đó có những trạm quân phục liên hoàn nhưng quan yếu nhất vẫn là hai ải Quyết Lý và Giáp Khẩu.

Nếu thế giặc mạnh vượt qua được hai tuyến trên thì phòng tuyến bờ nam sông Như Nguyệt sẽ là nơi quyết đấu giữa ta và giặc.

Lý Thường Kiệt lấy que kéo một đường trên bản đồ từ ngã ba sông Cà Lồ xuống tận chân dãy núi Nham Biền. Ông nói: - Tuyến phòng thủ này ngót hai trăm dặm lấy sông Như Nguyệt làm hào, và cả một tuyến như dãy trường thành này làm lũy để cản giặc. Tuy nhiên chỉ có ba nơi xung yếu nhất mà địch có thể đóng đại doanh và dùng nó để vượt sông án ngữ trên một cung đường dài khoảng tám chục dặm.

Đoạn thứ nhất, ông chỉ đầu que vào chỗ đánh dấu

bến dò Như Nguyệt, đoạn thứ hai ông nhấn vào chỗ có tên đê Tam Giang, nơi có đền thờ hai vị thánh Trương Hồng, Trương Hát, đoạn thứ ba là phía chân dãy núi Nham Biền, ở đây lòng sông hẹp, giữa sông lại có lèn đá, giặc có thể bắc cầu phao qua sông.

Ngừng lại giây lát ông chỉ vào địa danh Vạn Xuân (Lục Đầu giang) và nói đây là vị trí then chốt cực kỳ quan trọng. Từ đây có thể ngược lên sông Đào Hoa (sông Thương) hoặc lên sông Lục Nam, hoặc vào sông Như Nguyệt (sông Cầu), hoặc tới sông Thiên Đức (sông Duống) hoặc xuôi xuống cửa biển Bạch Đằng để ra Vân Đồn quanh về Vĩnh An. Nếu ta giữ được con đường thủy này thì không cho quân bộ quân thủy giặc tiếp ứng được với nhau, do đó sức mạnh của quân thù giảm đi đáng kể. Và như vậy thì quân bộ, quân kỵ của giặc sẽ bị quân ta cầm giữ bên bờ bắc, cho tới khi chúng phải bỏ cuộc tháo chạy, nếu không sẽ bị quân ta tiêu diệt.

Thái úy nhìn mọi người trong giây lát rồi với vẻ quả quyết: - Nếu giặc quý quyết mua chuộc được các đầu mục miền biên địa, phen giậu ta trồng trái, giặc có thể phá vỡ tuyến một, tuyến hai của ta. Nhưng còn tuyến ba tức tuyến sông Như Nguyệt này cùng với Vạn Xuân, Vân Đồn bằng mọi giá ta phải quyết giữ. Trong tình thế nước Tống hiện nay, nếu ta cầm cự và giam chân giặc được một năm thì không cần đánh chúng cũng phải bỏ cuộc mà tháo chạy về nước.

Ông đặt chiếc que xuống kỹ rồi xoa hai tay nói:

- Vậy là tôi đã trình xong phương lược chiến trường ta và Tống, xin được chư vị bỏ cứu rồi sau đó sẽ cử tướng trấn giữ.

Trong khi Lý Thường Kiệt trình bày phương lược kháng Tống, mọi người đều chú ý lắng nghe và hiểu rất rõ ý đồ của quan thái úy đô tổng quản.

Không phải chờ đợi lâu la gì, Phụng Càn vương Lý Nhật Trung liền hỏi:

- Đường sá các tỉnh phía nam của Trung Hoa chúng ta thuộc như các đường sinh đạo, trí đạo và các gò mội tinh, kim tinh, thái âm, thái dương ở trong lòng bàn tay mình vậy. Bởi thế khi đánh Ung, Khâm, Liêm ta chẳng cần người Tống dẫn đường.

- Cũng như vậy, người Tống chẳng lạ lắm gì đường sá của chúng ta. Ấy là chưa kể họ đặt ngoại gián ở xứ ta khá nhiều. Cho nên hai cửa ải Quyết Lý và Giáp Khẩu của chúng ta có thể lợi hại vô cùng. Đặc biệt là ải Giáp Khẩu có cái thế nhất nhân địch vạn. Quan Thái úy đô tổng quản đặt phục binh tại hai nơi này khá nhiều nhằm úp quân Tống một mé lưới to. Thế nhưng Quách Quỳ không phải là tướng dễ bị lừa. Tôi không chắc y đã cho đại binh đi đường này, đành rằng đây là con đường chính, đường ngắn nhất để về Thăng Long. Tôi ngờ rằng y sẽ cho đại quân đi đường tắt để bọc sau hai cửa ải nguy hiểm này mà hướng về phía tây rồi băng

qua dãy núi Bắc Sơn men theo một con đường hẹp giữa núi đồi, khe, lạch và rừng rậm rất khó đi để tiến sâu vào đất ta.

Các tùy viên của Lý Thường Kiệt ghi không sót một lời nào của Phụng Càn vương, nhưng chính Thái úy cũng mở sổ và tự mình ghi vắn tắt tất cả các ý chính của mọi người chứng tỏ ông là tướng cầu thị.

Sau Phụng Càn vương, hai tướng tả hữu vũ vệ đều hỏi:

- Bẩm quan Thái tể, trong kế sách kháng Tống của ngài, Thăng Long dường như bỏ ngõ.

Lý Thường Kiệt mỉm cười. Các quan đều ồ lên khiến hai vị tướng này ngượng đến đỏ mặt.

Vì là chuyện đơn giản nên Lý Thường Kiệt nói luôn:

- Trách phận của các ông là giữ gìn an ninh cho kinh thành, còn hộ giá đã có quân tùy long. Ông nhìn mọi người cười vui: - Đúng là Thăng Long bỏ ngõ, nhưng chúng ta phòng thủ như thế này, giặc đi lối nào để vào Thăng Long!

Để lấy lại không khí nghiêm trang, hoàng tử Hoằng Chân đặt câu hỏi:

- Ta thấy ông Thái tể sử dụng lực lượng quân thủy quá mạnh, hình như ông có chủ định đè bẹp thủy quân nhà Tống và không cho chúng hội quân được với nhau. Một khi quân thủy của chúng không vào được đất ta

thì quân bộ của chúng bị lơ lửng ở bờ bắc sông Như Nguyệt, tiến lên không được, lui về thì nhục quốc thể, ở lâu thì thiếu lương, ta chẳng cần đánh cứ mùa hè thiêu đốt, mưa nắng thất thường chúng sẽ lăn ra ốm rồi chết dần chết mòn. Có phải vì thế mà ông bảo giặc không trụ nổi một năm trên đất ta.

Tiếp đó hoàng tử Chiêu Văn lại nói:

- Thấy nói quân Tống vào cõi ta lần này có một vạn quân kỵ với hơn một vạn ngựa nòi Hồ. Lũ quân kỵ này lợi hại lắm, nếu để chúng phát tác được sở trường thì từ kỵ binh chúng sẽ biến thành kỳ binh, gây khó cho ta không ít. Cho nên phải lập kế biến lũ ngựa này thành một đàn bò nhốt chuồng để thịt dần thôi.

Cách nói khôi hài của hoàng tử Chiêu Văn khiến không khí trở nên cởi mở.

Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên tiếp lời:

- Bẩm quan Thái tử và chư tôn liệt vị, điều tôi quan ngại nhất là tuyển phen giậu mà quan Thái tử xếp vào tuyển một để ngăn giặc. Quan ngại ở chỗ các vị châu mục này rất hay dao động, thấy lợi liền quên nghĩa. Mà hiện nay nhà Tống đang phóng tài hoá để thu các dầu mục của ta. Có thể họ nhận của cải tiền bạc của nhà Tống mà vẫn án binh bất động chưa theo Tống. Nhưng nếu khi Tống đem đại binh tràn qua vừa dụ vừa ép họ, họ liền theo Tống. Nếu như ta mất lực lượng này là một thiệt hại không nhỏ. Vậy xin chủ tướng và chư vị có kế

gì để neo giữ họ lại với ta được không. Tôi vẫn tiếc họ nhưng không dám đặt trọn niềm tin vào họ. Nùng Tông Dán theo ta đánh Ung Châu đã thể hiện là một viên tướng trí dũng song toàn. Ta vừa tôn vinh vừa ưu đãi mọi thứ, bỗng chốc y đã phản ta, quy Tống. Cho nên thiên ý của tôi không mấy tin tưởng nơi tuyển một.

Hoàng tử Chiêu Văn cũng lên tiếng:

- Tôi cho rằng Phụng Càn vương có lý khi nói bọn Quách Quỷ không đại gì mà đem đại quân qua hai ải Quyết Lý và Giáp Khẩu, liệu ta có nên ém một cánh quân trên những nẻo đường tắt mà chặn giặc không.

I.ý Thường Hiến một viên tướng ít lời nhất cũng lên tiếng:

- Tôi chắc rằng chủ tướng đặt trọng tâm cuộc kháng Tống lần này nằm ở phòng tuyến ba, còn như hai phòng tuyến kia nhằm tản sức giặc ra mà tiêu hao nó được phần nào hay phần đó.

Cuộc bàn thảo đang sôi nổi thì có một nhà sư bước vào. Theo thói quen các bậc thiền sư vốn được từ triều đình đến dân chúng kính trọng nên mọi người đều mở lời chào:

- A di đà Phật!

Nhà sư mặc chiếc áo dài nâu, quần nâu, đầu đội khăn nâu che kín cả hai vành tai và sụp xuống tới lông mày. Sư có dáng người nhanh mạnh, cặp mắt sắc nhìn đảo khắp một lượt rồi đáp:

- A di đà Phật! Có phải các quan đang bàn kế kháng Tống không? - Bản tǎng có tin cấp báo đây.

Nghe giọng nói quen quen mọi người chưa nhận ra là ai thì Lý Nhật Trung nói luôn:

- Lý Hiến Minh, có phải đệ vừa ở Biện Kinh về không? Tin tức có gì nói mau. Bị lộ rồi hay sao mà về sớm thế ?

Thấy Lý Hiến Minh xuất hiện đột ngột Lý Thường Kiệt nghĩ đến tình hình có thể xấu chǎng. Những người đưọc cử sang Tống do thám kẻ cả lưới ngoại gián bị người Tống phát giác rồi chǎng. Ông khê hỏi Lý Hiến Minh:

- Sao vương về bất ngờ thế ?

- Người Tống chuẩn bị đánh ta gấp lắm. Vương An Thạch vừa buộc phải từ chức Tể tướng rồi.

- Vậy chớ ai thay y? - Lý Thường Kiệt hỏi.

- Ngô Sung thay Vương An Thạch, Vương Khuê kế chân Ngô Sung.

- Thế nhưng các vị này thuộc phe chủ hoà, vậy họ có làm thay đổi đưọc gì không?

- Chắc là không. Vì quân đã về hội ở thành Ung Châu rồi. Và lại Tống Thần tông hung hǎng quyết đánh. Sớ dĩ tôi phải về là thấy một số kẻ theo dõi hơi gắt. Lại thấy chiến tranh sắp khai cuộc, chậm sẽ không có đường về.

- Vương có qua Ung Châu, Bằng Tường không? -

Lý Thường Kiệt lại hỏi.

- Không, nếu đi đường đó chắc bị quân Tống bắt giữ rồi. Tôi phải từ Biện Kinh xuống Lâm An (Hàng Châu) rồi xuống thuyền buôn của người Trảo Oa về thương cảng Vân Đồn, lại chuyển qua thuyền buôn của người mình về đây.

- Mọi chuyện sâu nông tôi sẽ trình quan thái tế sau, bây giờ nói qua vài điều để mọi người được biết.

- Bốn vạn năm ngàn quân miền bắc đến Ung Châu, vừa đi đường xa mệt nhọc, vừa gặp các đồ ăn miền nam lạ miệng ăn nhiều, rồi thời tiết miền nam nóng ẩm, quân ốm hàng loạt. Hiện số quân miền bắc chết vì ốm, và ốm lại do ăn uống và thời khí, số bỏ mạng đã lên tới gần năm ngàn tên rồi. Tống Thần tông cũng bối rối hạ chiếu phải thuốc thang săn sóc, đưa cả thầy thuốc giỏi từ Biện Kinh về, vẫn không ngăn được cái chết. Ai đời nhà vua phải xuống chiếu: "Cấm quân miền bắc không được ăn đồ sống". Thì tiết canh với gỏi cá chẳng là đồ sống sao? Thuốc thang không khỏi, vua Tống lại xuống chiếu tìm thầy cúng cao tay về cúng tại Ung Châu đấy. Trước đó vua Tống đã sai quan lễ viện là Trịnh Ứng tế cáo thần núi Nam Nhạc ở phía nam hồ Động Đình và Trần Đồng tế thần bể Nam Hải ở Quảng Châu để báo việc Tống sắp xuất quân xuống miền nam.

Lý Hiến Minh tưởng mình chỉ kể chuyện vui, nhưng đó là những tin tức tối cần cho Lý Thường Kiệt

và các tướng. Từ lúc vương có mặt với bộ áo nhà sư đã làm mọi người ngạc nhiên, được nghe vương kể chuyện mọi người mới vỡ lẽ vương cải dạng thành nhà sư sang Tống để làm việc nước.

Lý Hiến Minh là em kế của Lý Nhật Trung. Vương học nhiều nhưng tính tình nghịch. Khi thì vào động tu tiên theo các đạo sĩ của đạo Lão. Khi lại vào chùa theo các thiền sư tu Phật. Khi bỏ cả Phật, Lão tiêu dao bầu rượu túi thơ nay đây mai đó như một kẻ mộng du. Sau cuộc phạt Tống, Lý Thường Kiệt tuyển một số người trong đó có người đóng giả nhà sư để vào Tống dò la, Lý Hiến Minh tình nguyện nhập Tống. Bởi ông không chỉ thông hiểu tam giáo, uyên thâm Hán học mà còn nói được vài ba thứ ngôn ngữ chính của Trung Hoa. Ông là người dễ hoà nhập lại có tài thuyết khách. Ông không tham gia công việc triều chính nên hành trạng không mấy ai để ý. Vì vậy quan Thái tử Lý Thường Kiệt chấp nhận cho ông vào Tống.

Mọi người ít nhiều đều đã bày tỏ chính kiến, duy có quan sư phó Lê Văn Thịnh vẫn yên lặng lắng nghe, ai nấy đều nhìn về phía ông dường như là một sự mời mọc. Biết ý, Lê Văn Thịnh liền nói:

- Thưa quan Thái tử, thưa các vương cùng các vị tướng, việc lập thành ba phòng tuyến, tôi chắc quan thái tử đã có chủ đích. Đó là tàn mông quân giặc ra mà đánh thì dễ đánh hơn là để chúng co cụm thành một

khối, lại có kỵ binh thiện chiến tiếp ứng. Phò trương sức mạnh và đánh nhanh thắng nhanh, đều là mơ ước của bất cứ đội quân xâm lược nào. Nếu ta tránh được điều đó, tức là ta hạn chế sở trường của giặc. Quân giặc từ phương bắc tới, ưu thế của chúng là chiến trường rộng, địa hình bằng phẳng, khô ráo để chúng thi thố sở trường của quân bộ và quân kỵ. Vậy tại sao ta không kéo nó về miền sông nước để phát huy sở trường đánh thủy của người phương nam và đồn lũy ngựa của chúng xuống đầm lầy mà đánh. Chính phòng tuyến sông Như Nguyệt là để phát huy sở trường của ta và buộc quân thù phải bộc lộ sở đoản của nó. Còn như đánh giặc trên đất nước ta, ta cứ thông thả lựa có thời cơ thì đánh, mặc cho giặc nôn nóng thế nào chúng cũng mắc sai lầm.

- Quan Thái tổ là một binh gia lão luyện, tôi không dám tham góp điều gì. Duy có một việc tôi muốn lưu ý rằng, quân giặc từ miền bắc Trung Hoa sang gặp cái gì chúng cũng lạ lẫm, cũng sợ hãi. Vả lại quê hương chúng biên biệt xa, tâm lý nhớ nhà và sợ chết lúc nào cũng đeo đẳng. Vậy tại sao ta không tìm cách làm nản lòng binh sĩ giặc, làm tê liệt tinh thần chiến đấu của chúng tựa như tiếng địch của Trương Lương đã làm tan rã cả một đội quân thiện chiến của Sở Bá vương Hạng Võ.

Mọi người hết sức kinh ngạc về kiến văn cũng như tài năng của Lê Văn Thịnh, dường như chỉ bộc lộ qua vài lời nói, mọi người đã có vẻ tâm phục.

Lý Thường Kiệt rất lấy làm sung sướng, ông nói:

- Hoàng thượng đề cử quan sứ phó tham gia luận bàn việc quân quả là ngài có con mắt tinh đời. Tôi xem điều ông sứ phó vừa nói như là một kế bại giặc, xin ông lưu ý nghiên ngẫm để chỉ ra một số điều cụ thể cần làm. Nhân đây tôi xin được phép thay mặt hoàng thái hậu nhiếp chính và hoàng thượng cử ông kiêm chức Bình bộ thị lang. Việc hầu giảng hoàng thượng ông sẽ kiểm tìm trong thiên hạ thêm vài người phụ giúp.

Ai nấy đều tâm phục khẩu phục cả quan Thái tử lẫn quan sứ phó Lê Văn Thịnh.

Đoạn Lý Thường Kiệt nói lại đôi lời tiếp nhận ý các quan đã tham góp. Sau đó ông nói thêm : - Đặc trấn Vạn Xuân để kìm chân Quách Quỳ, Triệu Tiết không cho chúng qua sông xin hai vương Hoằng Chân, Chiêu Văn đảm trách cho.

Còn Phụng Càn vương và hoà thượng, vừa nói ông vừa chỉ tay về phía hoàng tử Lý Hiển Minh, xin mời ở đại bản doanh để được vấn kế.

Ai cũng thấy sự điều hành của Lý Thường Kiệt là hợp lý, đủ chứng tỏ ông là một tướng tài, một trụ cột vững chắc của nhà nước Đại Việt.

XII

Sau lễ cầu siêu sám hối trong dịp Vu lan bồn, Linh Nhân hoàng thái hậu nhiếp chính Ý Lan cảm như vừa được lột xác, như lại được sinh ra lần thứ hai, tâm trí bà đã được giải thoát khỏi sự ám ảnh nặng nề sau vụ bức tử bảy mươi ba nhân mạng để đoạt quyền nhiếp chính.

Bây giờ bà không phải lo âu gì về cái vị thế quyền lực nữa. Vị thế của bà vững như bàn thạch. Toàn quyền về quân lữ quy về một tay Lý Thường Kiệt. Lại chính ông ta nắm quyền tể tướng tuy việc đại chính đã trao trọn cho Lý Đạo Thành. Lý Đạo Thành trước sau vẫn là một người trung hậu, mực thước, ông ta không luy ai, không gây bè kết cánh lại được giới sĩ phu trọng nề. Nhất thời ông có làm ta phật ý, nhưng nay mọi sự đều đã qua. Chính ông không chấp ta mà ta thì chỉ muốn hưởng về tương lai mà tu lấy nghiệp thiện. Còn Càn Đức thì ta quá yên tâm, dường như trời phú cho con ta có được cái đầu mẫn nhuệ và cả tấm lòng hiếu thiện

như vua cha vậy. Âu đó cũng là cái phúc của họ Lý, ta có bốn phận phải vun trồng. Còn Đức lại có được người thầy siêu việt như Lê Văn Thịnh dẫn dắt, chắc con ta sẽ trở thành đáng minh quân. Vua tôi ấy, thầy trò ấy lo gì đất nước không giàu thịnh, dân chúng không được sống trong cảnh thái bình an lạc. Ngặt vì ta lại không tránh được một cuộc chiến tranh do nhà Tống áp đặt. Nếu chiến cuộc nổ ra không biết bao nhiêu sinh linh phải thiệt mạng, bao nhiêu đàn bà phải ở goá, bao nhiêu trẻ thơ phải sống cô cút. Bà đang nghĩ đến những thân phận bất hạnh sau cuộc chiến. Tuy vậy, trong lúc này Linh nhân hoàng thái hậu đi kinh dinh, uỷ lạo khắp nước. Nơi bà ghé thăm viếng những diễn binh đang tập luyện để có đủ kỹ năng thiện xảo bổ sung cho chính binh ; có khi lại ghé các vùng quê khuất lấp, dân chúng còn nghèo đói, bà sai mở cửa kho cứu trợ vào những ngày giáp hạt, lại cho dựng lập chùa chiền dù chỉ là cột tre, mái rạ, tường đất. Làm được những việc đó bà thấy yên tâm.

Nhưng yên tâm hơn cả là gặp được các bậc cao tăng khai ngộ cho như thiền sư Quảng Trí ở núi Không Lộ, tuy thuộc dòng dõi thế phật mà không màng công danh thế tục, lánh đời vào núi mặc áo vá ăn quả cây, kết bạn với các sơn tăng bàn đến chỗ rốt ráo của đạo thiền. Chính sư Quảng Trí bày cho bà làm lễ đại sám hối trong dịp Vu lan bồn. Còn sư Bản Tịch thì khai sáng cho bà cái nghĩa của tu tập hữu vô, đốn tiệm. Đại sư

Hoài Tín và Chân Không kiên nhẫn hoá giải cho bà cái nghĩa của thiện ác, tạo nghiệp và trả nghiệp. Chính các bậc thiện sư chứ không ai khác đã giải thoát cho bà về cái hư vô huyền hoặc của quyền lực thế gian. Và chỉ cho bà nhận biết, quyền lực thế gian mà hành theo đạo nghĩa thì là phúc, là duyên lành tạo ra nghiệp thiện; nhưng quyền lực ấy mà hung hiểm tác ác sẽ tạo ra ác nghiệp, sẽ bị đày vào chốn ngạ quỷ và phải trả nghiệp tới a tăng tì kiếp.

Dù sao bà cũng không thể mãi theo chân các bậc thiện sư đi nghe pháp và hành thiền được, bởi bà vẫn còn bị cái lý của thế gian ràng buộc, con bà còn quá nhỏ để tự mình nắm lấy vương quyền.

Vừa rồi bà được Lý Thường Kiệt tâu báo về việc thăng bổ Lê Văn Thịnh vào chức Binh bộ thị lang. Điều đó không chỉ làm cho bà mà Càn Đức (Lý Nhân tông) cũng rất hài lòng. Nói sao cho hết công sức của Lê Văn Thịnh đã dụng tâm rèn dạy cho nhà vua. Ngoài chữ nghĩa trong kinh sách, còn là sự tâm truyền tâm về đạo trị bình mà nhà vua tiếp nhận từ con người có tài kinh bang tế thế kia.

Anh Sĩ Thoại từ khi về Khu mật viện thỉnh thoảng có ghé tâu báo đôi việc, nhưng cái chính là anh nói về việc đất nước phải tạo ra được nhiều người tài đức, và phải tận dụng được tài năng của những người đã được triều đình thu nạp, thường lần nào anh cũng nói về Lê

Văn Thịnh. Nay đích thân nhà vua tiến cử và ngay lập tức Lý Thường Kiệt đưa về làm việc dưới quyền của ông ta, thật đúng như điều anh Sĩ Thoại mong muốn.

Lại nói vua Tống sau khi thấy quân phương bắc về Ung Châu chết nhiều, thuốc thang không bớt, bèn triệu các pháp sư cao tay trong nước về cúng trừ tà, trừ dịch, may thay trời trở lạnh, bệnh tật bớt hẳn, không còn người chết nữa. Vua lấy làm mừng lắm, cho rằng Trời, Thần đều giúp việc nam chinh.

Nhưng nếu quân miền bắc coi khí lạnh về được dễ chịu thì quân miền nam lại co ro vì thiếu áo ấm.

Quách Quỳ thấy tình thế có thể tiến binh được, một mặt sai Đào Bật là quan coi Ung Châu đã từng có kinh nghiệm chiêu dụ dân khê động bỏ chạy tứ tán vào rừng sau trận quân Đại Việt đánh vào Ung – Khâm – Liêm đã trở về quê cũ làm ăn. Đào Bật cũng gọi được các tù trưởng miền Tả, Hữu giang đã từng theo Giao Chỉ đánh lại quan quân Tống trở về tập hợp dân khê động rồi phiên thành quân ngũ, cứ 500 dân binh sẽ cử ra một tướng. Triều đình phát tiền, phát gạo lại miễn tha hết các loại tô thuế. Vậy là Đào Bật đã biến được một vùng trống trải dân chúng từ trước vẫn là dân ki mi, nay trở thành phen giậu đáng tin. Vì lẽ đó, Quách Quỳ sai Đào Bật đem tiền bạc và hơn bốn mươi bằng sắc đóng dấu sẵn do vua Tống cấp để đi chiêu dụ các tù trưởng của Đại Việt như: Lưu Kỷ, Hoàng Kim Mãn, Sầm Khánh

Tân, Vi Thủ An và cả phò mã Thân Cảnh Phúc.

Một mặt Quách Quỳ xin với tể tướng Ngô Sung cho tiến binh vào đất Giao Chỉ. Ngô Sung nói hãy đưa quân áp sát biên thủy và tạm đóng lại đó để nghe ngóng tình hình, bởi có tin người Giao Chỉ sắp đưa quân thủy vào đánh tập hậu sau khi đại quân đi khỏi thành Ung Châu.

Bởi thế Quách Quỳ đưa quân lên đóng tại vùng Tư Minh thuộc trại Vĩnh Bình trực tiếp uy hiếp các châu Quảng Nguyên, Môn, Tô Mậu và Quang Lang của ta.

Quách Quỳ đang định tiến quân vào Đại Việt theo ba đường tức là đường Quảng Nguyên, đường Lạng Châu và đường thủy qua sông Bạch Đằng.

Quân Tống vẫn nghĩ có thể tiến đánh áp đảo quân thủy của ta để vào sâu nội địa, bởi vì từ tháng bảy, tướng Tống là Nhâm Khi đã bất ngờ cho quân đánh úp trại Ngọc Sơn¹ thuộc châu Vĩnh An² và y cho neo đậu thuyền bè tại đó. Thế nhưng bất ngờ bị Lý Kế Nguyên tập kích đánh Nhâm Khi phải bỏ quân tháo chạy.

Lý Kế Nguyên lại cho người phao tin trong đám dân chài người Tống rằng khi nào quân Tống vượt biên ái tràn sang Đại Việt thì quân Đại Việt sẽ băng qua đường

1 Ngọc Sơn tức Mũi Ngọc hồi đó còn là một hòn đảo, nó là điểm bắt đầu của hệ thống biển đảo của Đại Việt thời Lý - Trần. Mũi Ngọc nay thuộc thị xã Móng Cái.

2 Châu Vĩnh An đời Lý chính là tỉnh Hải Ninh cũ, nay thuộc Quảng Ninh.

biển mà vào đất Tống để đánh tập hậu quân Tống.

Tể tướng Ngô Sung nhận được tin này một mặt cho quân đi thám sát, mặt khác dặn Quách Quỷ hãy cứ áp sát quân tại biên thủy chưa tiến vội. Vì vậy Quách Quỷ phải ém quân tại chỗ tới bảy mươi ngày.

Đánh giá rất cao vai trò của Lưu Kỷ tại vùng Quảng Nguyên, và lại trong tay y có đội cường binh đã từng làm cho quân Tống kinh hoàng, vì vậy Lý Thường Kiệt đã tự mình lên tận Quảng Nguyên ban thưởng tiền bạc và chức tước cho Lưu Kỷ và bàn kế đánh quân Tống thật là chi tiết.

Lưu Kỷ cũng được triệu về Thăng Long để vinh danh, lại cho tiền bạc chi tiêu thoải sức, được xem các đền đài, chùa quán, cung điện... Tới đâu y cũng được niềm nở tiếp đón như một thượng khách. Lưu Kỷ không ngờ mình được triều đình biệt đãi như vậy nên hứa quyết kháng Tống đến cùng.

Cho tới gần cuối năm Bính Thìn (1076) tức là khi chiến tranh sắp nổ ra, Hoàng Kim Mãn giữ Môn Châu¹ còn về triều tâu báo công việc phòng chống quân Tống của châu mình, và y còn xin Lý Thường Kiệt cấp cho một số nỗ liên châu. Y không đi theo đường thiên lý mà đi theo đường tắt qua núi non hiểm trở vòng xuống phía núi Bắc Sơn lại băng đường hẻm ra phía sau các ải Quyết Lý và Giáp Khẩu.

¹ Môn Châu tức là vùng Đông Khê, thuộc Bắc Cạn ngày nay.

Sau Hoàng Kim Mãn lại đến Vi Thủ An giữ Tô Mậu¹ cũng đi đường tắt ra Vĩnh An, lại tới chào Chiêu thảo sứ hải binh đô tổng quản Lý Kế Nguyên rồi y mới vòng về đường sông Đông Kinh và lấy ngựa trạm để về Thăng Long.

Trong thời gian vài ngày ở với Lý Kế Nguyên, y dò hỏi ý đồ quân ta có dùng hải binh để đánh vào sau lưng địch không.

Lý Kế Nguyên không trả lời mà cho y đi xem một số hạm thuyền lớn và chỉ cho y thấy chiến thuyền của ta san sát từ Vĩnh An về tới Vân Đồn với sức chở tới năm vạn quân gồm cả lương thực, nước uống có thể đánh nhau hàng tháng ngoài biển khơi không sợ thiếu lương, cũng chẳng ngại gió to sóng lớn.

Cho y xem xong một số lực lượng, Lý Kế Nguyên lại bày đại tiệc thết y.

Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên hỏi:

- Ông thấy hải binh của quân ta thế nào?

- Úi a, lớn lắm. Năm trước đánh Khâm Châu, Liêm Châu tướng quân có dùng loại chiến thuyền này không.

- Đánh Khâm, Liêm hồi ấy thuyền cũ như Nhật Quang, Kim Phượng đóng từ thời tiền đế Lý Thái tông kia. Bây giờ thuyền mới, mà ông cũng chỉ mới

¹ Tô Mậu tức là vùng Na Dương, Đình Lập, nay thuộc tỉnh Lạng Sơn.

được xem loại vừa và nhỏ thôi, loại lớn, tức là hạm đội ta phải giấu kín vào trong các khe kéo kẻ địch dò la biết được thời lúc xuất quân đâu còn là sự bất ngờ nữa.

- Thảo nào tôi nghe người Tống nói, khi quân Tống vào đất ta thì hải binh ta sẽ đổ quân sang đất Tống đánh bọc hậu, có đúng không?

- Đúng là như vậy.

- Việc binh phải kín nhem, sao tướng quân lại khinh suất vậy.

- Ông biết một mà chẳng biết hai. Người Trung Hoa có truyền thống đa nghi. Đã gọi là “đa nghi như Tào Tháo”. Một khi mình nói huych toẹt ra như vậy thì họ nghĩ chẳng bao giờ mình đánh họ bằng kế đó.

- Nhưng nếu họ đề phòng thì sao, tướng quân nên biết mưu mẹo Trung Hoa là đệ nhất gầm trời đấy.

- Sao ta không biết điều đó. Nếu quả người Tống có phòng bị thì hải binh Tống đâu phải là địch thủ của ta. Vài trăm chiếc thuyền màn nhỏ, vài nghìn chiếc thuyền cá trụng dụng của dân chài làm lính, làm thuyền chiến, hạm đội của ta chỉ cho một vài chiếc đâm thẳng vào đám thuyền lá tre kia thì có khác gì đàn hổ quần với bầy dê. Hải binh là thế mạnh sở trường của Đại Việt, tại sao ta không dùng vào việc đánh giặc.

Vì Thủ An lắc đầu quày quật:

- Khiếp quá! Khiếp quá! Phen này quân Tống lại

đại bại mất thôi.

- Ta nói để ông hay, ta còn biết hiện nay quân Tống đang đốn gỗ, xẻ ván, đóng thuyền ở những đâu những đâu. Ta chắc họ đóng xong thuyền vừa kịp chở các xác chết của hải binh họ vớt được trên mặt biển sau khi giao chiến với hải binh ta. Nhưng quân Tống sẽ không đại bại như ông tưởng. - Lý Kế Nguyên nói và mỉm cười nhìn Vi Thủ An.

- Bẩm tướng quân sao lại thế ạ?

- Nếu quân Tống không vào đất ta thì ta vào đất họ làm gì?

- Năm ngoái đánh Ung - Khâm - Liêm ta chẳng vào đất họ đó sao?

- Theo quân nhập Tống mà ông chẳng thấy ba thành đó tích chứa những gì để chuẩn bị đánh ta sao.

- Quả có thể, nếu năm ngoái mình không đánh họ thì họ cũng đánh mình rồi.

Vi Thủ An vô cùng thích thú và bày tỏ niềm tin:

- Nếu không được tận mắt thấy sức mạnh của quân ta, hẳn tôi chưa dám tin vào triều đình, vì rằng quân Tống áp sát biên thủy, binh lực lớn lắm. Chỉ một vạn con ngựa Hồ mỗi con to cao gấp hai lần con nghé của ta nó thả vào cũng đủ quân nát châu Tô Mậu của tôi chứ chưa nói tới đám kỵ binh thần tốc của nó. Cứ gọi là nó vừa cưỡi ngựa phi nước đại vừa ngoái lại bắn quân

địch ở phía sau, bách phát bách trúng.

Vi Thủ An vừa đi khỏi, các tướng tâm phúc đều hỏi Lý Kế Nguyên:

- Sao chủ tướng lại cho Vi Thủ An đi xem hải đội của ta, rồi còn nói cho y biết chủ đích của ta, ngộ lỡ nó theo giặc thì sao.

- Ta nói điều tuyệt mật này các ông phải để dạ, nếu tiết lộ thì quân pháp ắt không tha. Bởi ta tung tin nếu quân Tống vào đất ta, lập tức thủy quân ta sẽ vào Tống bằng đường biển mà tập hậu nó. Vì thế mà nó phải đóng quân ở Bằng Tường nghe ngóng từ mấy tháng nay rồi. Các ông thử nghĩ lính từ phương bắc về đây hết ốm lại chết như rạ, lại nằm chờ trước cửa ngõ nước địch, tin tức thì tù mù, chúng sẽ hoang mang sợ sệt biết chừng nào. Trong khi quân ta thì khoẻ mạnh chủ động chờ quân giặc tới là xông ra đánh liền. Quân nó càng chờ lâu càng nản, quân ta càng chờ lâu càng nung nấu ý chí giết giặc.

- Ấy cũng bởi ta chỉ tin Vi Thủ An trung thành có một hai phần thôi, còn tám chín phần ta ngờ y sẽ theo giặc. Vì rằng quân Tống đóng một lực lượng lớn như vậy áp sát biên thủy, chúng lung lạc các đầu mục bên ta dữ lắm. Vả lại đám người man này cứ bên nào mạnh là họ theo, bên nào nhử cho họ nhiều lợi là họ theo. Ta nói vậy thế nào cũng đến tai Quách Quý, đến tai Ngô Sung và cả vua Tống nữa. Đành rằng không phải ta nói

thế là phía bên kia bãi chiến, nhưng ít ra cũng lung lạc chúng trong kế sách tiến binh.

Mọi người đều khen:

- Quả là chủ tướng đi nước cờ cao.

Ít lâu sau nhà Tống cử đến một lực lượng hải binh khá đông đảo, thuyền bè san sát, cờ xí rợp trời neo đậu áp sát bờ bể gần như là đối lũy với hải binh ta. Hai bên chỉ cách nhau một dải nước hẹp chừng vài chục dặm biên do tướng Dương Tùng Tiên thống lĩnh.

Quách Quỳ, Triệu Tiết đều là những tướng từng trải biên sự, dù Ngô Sung có trù trừ chưa muốn tiến quân cũng không vì thế mà họ chịu đóng quân như là một sự nghỉ ngơi. Hằng ngày họ cho quân điểu đi điểu lại sát mép biên thủy, đôi khi lán sang cả đất ta để thăm dò.

Họ cũng được Đào Bất báo lại là việc dụ dỗ mua chuộc và cả lung lạc các tù trưởng dường như không có mấy kết quả. Lưu Kỷ từ chối thẳng thừng, thậm chí còn nạt: “Các ông không nhớ chúng tôi đánh các thành Ung – Khiêm – Liêm thế nào ư. Các ông tưởng tôi sợ sức mạnh của quân Tống à, Lưu Kỷ này đang mong đối mặt với Quách Quỳ, Triệu Tiết đây”. Còn Vi Thủ An, Hoàng Kim Mãn thì nhận lời lấp lửng. Chúng hứa lúc này chỉ có thể thông báo tin tức quân Lý, khi nào đại quân sang thì sẽ theo. Nhưng lũ này đòi bạc nhiều lắm, bao nhiêu đối với chúng cũng ít. Với Thân Cảnh Phúc, không những Phúc không tiếp mà còn dọa giết.

Quách Quỳ bèn gọi phó tướng Yên Đạt đến nói: “Quảng Nguyên là cố hòng của Giao Chỉ; có binh giáp mạnh do Lưu Ký cầm cường binh trấn giữ ở đó. Lưu Ký cũng là đứa chủ mưu cướp Ung Châu, nếu không diệt được nó, khi ta vào sâu đất giặc sẽ bị đánh cả mặt trước, mặt sau”.

Biết ý chủ tướng, Yên Đạt sai một tướng giỏi dưới quyền là Tu Kỳ đem năm ngàn quân vào vây đánh Quảng Nguyên.

Lưu Ký đem quân cự địch, lại có cả Hoàng Lục Phần cũng là tay hào kiệt trong vùng bắc Quảng Nguyên đứng lên hô hào dân gian tự vũ trang phối hợp với quân của Lưu Ký chống giặc.

Quân Tống tuy đông nhưng bị quân của Lưu Ký và cả dân binh của Hoàng Lục Phần chống đánh quyết liệt, khiến cho tiền quân của Yên Đạt lâm nguy.

Yên Đạt phải tung hậu quân có cả quân kỵ bọc lót mới giải cứu được cho Tu Kỳ, nhưng quân Tống vừa bị chết vừa bị bắt khá nhiều.

Yên Đạt biết nếu dùng sức khó có thể bắt được Lưu Ký, bởi bốn mặt, mặt nào cũng bị rừng rậm che khuất. Khí hậu lam chướng quân dễ bị ốm, đóng lại thì không có lương thực mà ăn.

Yên Đạt bèn cho người vào các khe, động tung tin Lưu Ký ba ngày nữa sẽ ra hàng quân Tống. Lại cho người đem quà cáp đến biếu tặng các động trưởng kẻ

cả bạc nén, rất là hậu hĩnh, rồi cho quân đi điểu lại cứ như là đất này đã thuộc về người Tống rồi. Thấy thế, các khe động tướng thật đều ra hàng quân Tống.

Lưu Kỳ thấy các khe động đã theo Tống hết, sợ mình bị cô lập, thế là ba ngày sau cũng ra hàng Yên Đạt.

Lừa được con hùm xám, Yên Đạt, Quách Quỳ không chỉ được năm ngàn cường binh của Lưu Kỳ mà còn giải toả được cả ba ngàn quân mới bị Lưu Kỳ bắt mấy ngày trước đó. Quách Quỳ sai đưa ngay Lưu Kỳ và cả gia đình vợ con y về Biện Kinh.

Tình thế trở nên có lợi cho quân Tống, Quách Quỳ bàn với Triệu Tiết phải cùng lúc tiến theo ba đường mà vào Thăng Long đập đổ thành trì nước nó, bắt Càn Đức vào châu thiên tử, bắt giặc Kiệt xả nó làm trăm mảnh cho há giận.

Ba đường tiến vào Đại Việt theo Quách Quỳ là đường Quảng Nguyên, đường Lạng Châu và đường thủy qua cửa Bạch Đằng.

Sau khi đã thu phục được Lưu Kỳ, quân Tống chiếm trọn châu Quảng Nguyên không gặp một sự chống trả nào. Và trung tuần tháng chạp năm Bính Thìn (đầu năm 1077) Quách Quỳ đem đại quân qua biên ải mà vào nước ta. Quân Tống lấy các châu Tô Mậu và Môn Châu một cách dễ dàng vì các châu mục Hoàng Kim Mãn, Sầm Khánh Tân, Vi Thủ An đã ngầm hàng quân Tống từ trước, đúng như nhận định của Lý Kế Nguyên.

Duy có mặt Quang Lang, quân Tống bị quân của phò mã Thân Cảnh Phúc đánh trả quyết liệt trước ải Quyết Lý. Quách Quỳ sai các tướng Yên Đạt, Trương Thế Cự tiến đánh. Tu Kỳ đã quen giao chiến với quân của Lưu Kỳ tại mặt trận Quảng Nguyên được cử làm tướng tiên phong. Mặc dù quân Tống đông nhưng gặp đội tượng binh hùng hậu của Thân Cảnh Phúc và các cung thủ thiện xạ, khiến quân Tống chết nhiều mà không thể nhúc nhích lên được.

Trong khi một vạn quân triều đình đóng tại vùng Hạ Liên¹ để hỗ trợ cho mặt trận Quảng Nguyên, một số khác phối hợp với quân của phò mã Thân Cảnh Phúc, nhưng Hoàng Kim Mãn đã đầu hàng quân Tống, liền dẫn quân địch đi theo đường tắt để tránh các mũi phục kích của quân ta. Kế cả y dẫn một đội quân lớn đi tránh ải Giáp Khẩu tiến về hướng tây vượt qua dãy núi Bắc Sơn để xuống đồng bằng bám theo đường thiên lý. Đúng như dự đoán của Phụng Càn vương Lý Nhật Trung. Tuy nhiên Lý Thường Kiệt cũng có để lại dây một ít quân canh giữ, chứ thực tình ông cũng không ngờ Quách Quỳ dám mạo hiểm như vậy.

Tướng tiên phong Tu Kỳ gặp quân phục của ta, y bị đánh trả quyết liệt, giành giật nhau từng mớ núi. Nhưng vì quân địch với số lượng áp đảo, cuối cùng

¹ Thuộc Ngân Sơn, Bắc Can ngày nay.

chúng cũng giành được đường đi. Tại Quang Lang, Thân Cảnh Phúc tổ chức quân dân đánh trả giặc rất kiên cường, gây cho chúng nhiều thiệt hại, ngặt vì cuộc chiến đấu không cân sức, nên ông đã cho quân chia làm nhiều ngả rút vào rừng sâu để sau này đánh tập kích, vào sau lưng địch, hoặc phục đánh quân tải lương.

Vậy là tuyến một, tuyến hai của quân ta nhanh chóng bị quân Tống chọc thủng, tuy nhiên thiệt hại về binh lực của hai bên chưa đáng kể.

Quách Quỳ, Triệu Tiết kéo đại quân về tới sông Như Nguyệt thì bị chặn lại, bởi con sông là một hào sâu không chỗ nào người ngựa có thể lội qua được, hơn nữa bờ sông phía Nam là một vách thành dựng đứng cao hơn mặt sông tới bốn, năm trượng lại có giậu tre và rào gai kiên cố.

Đúng như Lý Thường Kiệt đã dự đoán, quân Tống đóng quân tại hai vị trí vừa có điểm cao vừa có khu vực đất đai bằng phẳng bên bờ bắc sông Như Nguyệt. Đó là chỗ bến dò sông Như Nguyệt¹ và đối diện với đền thánh Tam Giang². Trong đó Triệu Tiết đóng quân về phía tây tức bến dò sông Như Nguyệt; Quách Quỳ đóng quân về phía đông tức chỗ đối diện với đền Thánh Tam Giang.

1 Bến dò sông Như Nguyệt phía bờ bắc tương ứng với xã Mai Thượng, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

2 Đối diện với đền Thánh Tam Giang tương ứng với bến Thị Cầu tức cầu Thi Cầu, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

Quách Quỳ không cho xây dựng thành lũy mà đóng rải quân cách bờ sông từ trên một dặm. Hai căn cứ của hai viên chánh phó tướng này cùng nằm trên một chiến tuyến nhưng cách xa nhau khoảng gần sáu chục dặm. Quân Tống đặt các trạm canh dày đặc để có thể thông tin cho nhau dễ dàng.

Vì phá vỡ hai tuyến phòng thủ của quân Đại Việt không gây thiệt hại nhiều cho quân Tống, nên từ khi vượt qua biên ải đến lúc tràn tới bờ bắc sông Như Nguyệt chúng chỉ đi mất hơn mười ngày. Tại đây Quách Quỳ, Triệu Tiết cho quân nghỉ ngơi chờ quân thủy của Dương Tùng Tiên tiến vào Vạn Xuân rồi đem chiến thuyền vào Như Nguyệt để chờ đại quân qua sông mà tiến vào đập đổ Thăng Long.

Lại nói quân Đại Việt sau khi tuyến biên thủy bị mau chóng chọc thủng do các đầu mục bị quân Tống mua chuộc hoặc bị lừa nên biên cương trở nên trống trải, giặc giành ngay được lợi thế.

Thân Cảnh Phúc chia nhỏ lực lượng rút vào rừng sâu để đánh sau lưng địch. Một vạn quân Lý Thường Kiệt cho phục ở ải Giáp Khẩu bị giặc bọc phía sau lưng và bỏ qua không giao chiến đã đi theo đường tắt về Lục Đầu giang phối hợp với lực lượng thủy binh của hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn.

Hoàng Chân, Chiêu Văn trong tay lúc này đang có một vạn quân, vừa quân của phủ binh hai ông vừa quân

của triều đình do Thái úy đô tổng quản Lý Thường Kiệt bổ sung cho. Như vậy lực lượng quân ta hiện trấn tại Lục Đầu giang là hai vạn quân thủy bộ.

Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên thống lĩnh gần hai vạn thủy quân trấn tại Vĩnh An, nhưng chủ lực đóng tại Vân Đồn nhằm chặn cứng đường biển không cho giặc qua tuyến sông Mang để vào cửa Bạch Đằng ngược sông Đồn Sơn mà về Lục Đầu giang tiếp ứng cho quân bộ, quân kỵ của Quách Quỳ, Triệu Tiết.

Sau khi Lý Kế Nguyên đã chiếm lại được Ngọc Sơn chỉ để lại một lực lượng nhỏ để dụ địch.

Dương Tùng Tiên thấy thủy binh Đại Việt quá mỏng, lại biết quân bộ, quân kỵ lúc này đã vào sâu đất giặc nên cho thủy binh sang đánh trại Ngọc Sơn. Quân ta vừa đánh vừa rút chạy. Dương Tùng Tiên tung thêm chiến thuyền truy đuổi vào tới cửa sông Mang thì không thấy thuyền tàu của quân Đại Việt đâu nữa.

Quân Tống tướng quân Việt sợ hãi di ải nấp liền thúc quân tiến sâu vào. Càng vào sâu càng thấy cả ngàn hòn đảo với cả trăm con đường khuất lấp sau các khe núi.

Tuy có hoang mang nhưng tuyệt nhiên không thấy một bóng thuyền nào của quân Việt, Dương Tùng Tiên sai tướng đốc quân tiến nhanh hơn nữa.

Bỗng nhiên một tiếng nổ ầm vang như tiếng sét, rồi chiến thuyền của quân Việt xuất hiện nhiều như lá tre, khoá đầu, khoá đuôi và đánh tạt cả hai bên sườn

các chiến thuyền giặc. Thuyền giặc bị dồn vón lại không quay trở được. Quân ta vừa áp mạn đánh hỗn chiến sập lá cà với giặc dấy chúng xuống nước, hoặc chỗ nào thuyền giặc vón lại không nhúc nhích được thì dùng hoả tiễn bùi nhùi đốt cháy. Giặc chết nhiều không xiết kể. Dương Tùng Tiên nhờ các tì tướng mở đường máu tháo chạy ra biển khơi, may gặp hạm thuyền của Tô Tử Nguyên cảnh giới ven biển cứu được.

Phó tướng của Dương Tùng Tiên là Hoà Mãn vẫn chốt quân lại giữ Ngọc Sơn.

Dương Tùng Tiên thất trận trở về lại vợ vét thêm quân, thu gom thuyền bè. Bởi y biết trong đất Giao Chỉ sông ngòi quanh co chỗ nào cũng có, nếu không có quân thuỷ trợ giúp thì quân bộ khó mà tiến thẳng được về Thăng Long.

Đại quân Tống làm chủ cả một vùng rộng lớn từ biên thủy về giáp sông Như Nguyệt, tất cả đều háo hức sang sông. Vì chỉ có từ bờ nam sông Như Nguyệt mới là đồng bằng phì nhiêu, mới có thể vợ vét được lương thực nuôi quân. Và cũng từ bờ nam sông Như Nguyệt mới có đường thiên lý về Cổ Pháp, nơi có lăng mộ các vua nhà Lý, thêm vài chục dặm nữa là tới Thăng Long sào huyệt của quân thù. Nhưng Quách Quỳ mong đến mỗi mắt cũng không thấy Dương Tùng Tiên đem được thủy quân vào trợ chiến.

Quách Quỳ cũng đã tính kế vượt sông, vì quân

dóng trên bờ bắc đã qua một tháng rồi mà vẫn án binh bất động, sợ ở lâu sinh biến. Y đã quan sát kỹ, tuy nước sông không lớn nhưng sông sâu, quân của y phần đông dân miền bắc chỉ quen sải ngựa trên thảo nguyên chứ không biết bơi lội. Và đối ngạn, phía bờ nam quân Đại Việt đã đắp một dãy trường thành thẳng đứng cao vời vợi, lại thêm cọc tre, rào gai tua tủa. Sát mép tường thành biết bao chiến thuyền gọn nhẹ, cung thủ, giáo mác sẵn sàng chỉ một bóng người tới gần bờ sông, mép nước đã bị hàng trăm mũi tên ào ào từ bên bờ nam bắn tới. Vậy làm cách nào để có thể qua sông? Gần đây lại có tin các đoàn tuân tải lương thường bị quân của Thân Cảnh Phúc phục đánh, chúng không chỉ cướp và đốt lương thực mà còn đốt cả cỏ ngựa nữa. Giữa mùa hanh khô, cỏ tươi không có, cỏ khô đem từ phương bắc về còn tốn kém hơn cả lúa gạo lấy từ các tỉnh miền nam. Đã thế, Triệu Tiết lại chỉ bàn ngang.

Sở dĩ Triệu Tiết tỏ ra bất phục Quách Quỳ là bởi y xuất thân tiến sĩ, giữ chức viên ngoại lang bộ lại đã từng coi Điện Châu (Thiểm Tây) và trước khi điều Quách Quỳ về, vua Tống đã từng cử y làm An Nam chiêu thảo sứ đô tổng quản. Sau Tống Thần tông lại nghe Ngô Sung cử Quách Quỳ giữ chức chánh, Triệu Tiết giữ chức phó. Triệu Tiết vốn được Tống đế Vương An Thạch trọng dụng, nay Vương An Thạch đã mất chức cho nên Quách Quỳ có ý tự phụ.

Về phía quân ta, sau khi đã mất tuyến một, tuyến hai, Lý Thường Kiệt vẫn bảo toàn được lực lượng và bố trí quân nhằm khống chế các địa điểm mà quân Tống có thể vượt sông. Đại bản doanh của Lý Thường Kiệt đặt tại khu vực núi Thất Diệu, cách bờ nam sông Như Nguyệt khoảng hơn chục dặm. Bản doanh thứ hai có các mưu sĩ tham gia đặt tại Cổ Pháp, nơi quê hương của dòng họ Lý và có lăng mộ của các vị vua đầu triều. Linh Nhân hoàng thái hậu và vua Càn Đức (Lý Nhân tông) cùng các cơ quan đầu não vẫn yên vị tại Thăng Long. Phố xá vẫn buôn bán sầm uất. Duy có các làng nằm sát bờ nam sông Như Nguyệt, người già, trẻ nhỏ đã di tản sâu vào trong những nhà cửa cho quân đội đồn trú. Trai tráng phần nhiều đã đầu quân. Những người đứng tuổi lập thành các đội dân binh giúp vào việc giữ gìn an ninh làng xóm và vận chuyển lương thực, nấu cơm hoặc đem cơm cho các đô quân đang ứng trực ngoài bờ sông.

Mọi việc trong triều, nhiếp chính Ý Lan trao toàn quyền cho Thái phó Lý Đạo Thành điều hành, bà theo sát Lý Thường Kiệt trong việc chỉ huy quân lữ. Nhà vua cùng sư phó Binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh lúc thì ở Cổ Pháp khi thì lên Thất Diệu, thi thoảng có về Thăng Long.

Trong một cuộc nghị sự, Lý Thường Kiệt thông báo nhanh về lực lượng quân Tống đóng tại bờ bắc sông Như Nguyệt và khả năng đối phó của quân ta.

Bà Ý Lan bèn quay lại hỏi Đoàn Văn Khâm:

- Vậy chiến cụ hai bên giữa quân ta và quân Tống bên nào hơn?

Công bộ liền đáp:

- Theo chỗ thần đã cho quân khảo sát và thực tế quân Tống đã dùng thì khí cụ của hai bên ngang nhau. Đại loại cung tên, giáo mác, đao, kiếm... thì cũng thế cả. Bên họ có cung thần tí, bên ta có nỏ liên châu là loại cung nỏ bắn được nhiều mũi tên một lúc. Họ có máy bắn đá, ta cũng có máy bắn đá. Họ có kỵ binh, ta có tượng binh. Thủy binh của ta khá mạnh, hiện nay thủy binh của họ đang bị tướng Lý Kế Nguyên chặn lại từ châu Vĩnh An, từ cửa Vân Đồn. Quân Tống phải cùm lại bên bờ bắc là bởi chúng chưa tìm được cách vượt sông.

Ngừng một lát, nhìn vào cây hốt ngà, quan Công bộ nói thêm:

- Tàu hoàng thái hậu, thật ra quân Tống còn có hoá tiễn là loại khí cụ dẫn lửa để đốt cháy kho tàng, doanh trại đối phương khá lợi hại. Nhưng bên ta cũng có loại tên diêm tiêu bụi nhùi bắn thẳng vào những nơi nào mình cần đốt cháy, mà sự tiện dụng còn hơn cả hoá tiễn của quân Tống.

Ý Lan suy nghĩ giây lát rồi hỏi lại Lý Thường Kiệt:

- Ta nghe nói quân giặc từ xa đến đang mệt nhọc lại không quen thung thỏ, tại sao ông không dùng sức nhàn của quân ta mà đánh kẻ địch từ xa mới đến.

Lý Thường Kiệt cười thắm: “Bà này chắc mới đọc được vài chương trong binh pháp Tôn Vũ đã vội lên

mặt dạy ta”.

Tuy nhiên, ông bình tĩnh giảng giải:

- Tâu, quả binh pháp có dạy như vậy. Nhưng tình thế quân địch lại không phải vậy. Vì rằng quân Tống đã đóng tại Tư Minh áp sát biên thùy nước ta trên bảy mươi ngày. Ngoài nội tình nước họ phe này phe nọ không cần nói đến thì trong ngân ấy thời gian Quách Quý vừa cho quân miền bắc quen với thủy thổ miền nam, vừa là thời gian để dưỡng sức quân và chúng sẽ dạy nhau rất kỹ về đường đi lối lại trong vùng đất mà chúng sẽ tới. Khi quân Tống vượt biên thùy vào đất ta, sự giao tranh không đáng kể, các thiệt hại của của quân Tống chưa có gì làm cho chúng phải sợ hãi, trái lại, tinh thần binh sĩ chúng đang hăng hái cương cường chỉ mong quân ta đến để dọ sức. Và lại trước khi xuất quân, Tống Thần tông đã căn dặn Quách Quý rất kỹ: “Bình Giao Chỉ là việc không thể dừng. Song ta vẫn áy náy mạn bắc thùy, tây thùy nếu người Liêu, người Hạ biết ta rút bớt lực lượng ắt sẽ lợi dụng sơ hở mà vào quấy Trung Nguyên. Vậy khanh trừ tính mọi việc sao cho có thể xong sớm mà quay về”.

- Tâu, như thế đủ biết giặc Tống đánh ta nhưng lại rất sợ Bắc Liêu và Tây Hạ, cho nên chúng muốn đánh nhanh thắng nhanh. Vậy theo kế của thần là cứ giam chân quân nó ở bờ bắc rồi nhằm sơ hở của nó mà đánh thì chắc thắng.

Bà Ý Lan tươi cười nói:

- À ra thế. Ta đọc sách nói vậy, nhưng thực tế lại không phải vậy, ông một đời làm tướng từng trải trận mạc nhiều phen, thấy cần phải làm thế nào thì cứ thế mà làm. Việc quân, ta chỉ tham bàn để biết chứ không thể quyết.

Lời nói của nhiếp chính Ý Lan khiến Lý Thường Kiệt và các tướng đều mát lòng. Ai cũng khen bà là người hiểu biết nhưng lại cầu thị.

- Vậy chớ quan Thái tử đô tổng quản có biết chắc số lượng quân giặc là bao nhiêu không, ta chỉ nghe nói quân giặc nhiều không đếm xuể, mà cũng đúng thôi, nước Tàu lớn lắm kia mà. Bà Ý Lan hỏi và cũng có phần hơi băn khoăn.

Lý Thường Kiệt dường như đã thuộc nằm lòng về lực lượng quân thù, ông nói:

- Tâu, theo số lượng vua Tống ban chiếu điều động cũng như ngoại gián của ta dò biết báo về, thì quân Tống kéo vào cõi bờ ta có mười vạn bộ binh và kỵ binh cùng một vạn con ngựa chiến. Tức là chúng có một vạn kỵ binh. Để đảm bảo lương thực cho quân, có cho ngựa và khí cụ chiến tranh cho đội quân trên, vua Tống đã cho điều động ba chục vạn phu vận chuyển lấy từ lương Quảng, nhưng thực tế chỉ bắt được hai chục vạn binh phu. Ngoài ra người Tống còn một đội thủy binh hơn hai vạn quân sẽ tiến vào nội địa ta để cùng nhau phối hợp.

- Tâu, nước Tống tuy lớn nhưng không phải họ muốn đưa ra khỏi cõi bao nhiêu quân cũng được. Vì

việc tổ chức quân đội là tốn kém vào bậc nhất, hơn nữa các tỉnh miền nam Trung Quốc mấy vụ liền mất mùa, dân đang đói. Ngay cả việc bảo đảm lương thực cho đám quân này người Tống cũng đã khốn đốn rồi. Bởi vậy hoàng thái hậu cứ cho phép thần nhả nha tim sơ hở của địch. Bởi ta càng nhả nha địch càng nôn nóng, mà đã nôn nóng thì tránh sao khỏi sơ hở, lầm lạc.

Linh nhân Ý Lan cười vui vẻ:

- Nghe ông Thái tử nói khiến ta hết đổi yên tâm, liệu có thể kê cao gối mà ngủ khi được không.

- Tâu, được lắm ạ. Nhưng nếu thi thoả hoàng thái hậu gia ân ghé thăm binh sĩ thì tinh thần chiến đấu trong quân chắc sẽ lên cao lắm.

- Ta không ngại đi, chỉ ngại vướng chân các ông. Còn nếu như sự có mặt của ta là cần thiết thì ngay đến sinh tử ta cũng coi như nhau cả thôi. Nhất định ta sẽ có mặt với các ông để động viên sĩ khí.

Về phía quân Tống, như đã ước từ Ung Châu, quân bộ, quân kỵ khởi từ trước, sau đó Dương Tùng Tiên sẽ đưa quân thủy đánh chiếm Vĩnh An, đoạt lấy đường sông Mang mà qua cửa ải Vân Đồn để tiến vào cửa Bạch Đằng, rồi từ đó ngược Lục Đầu giang để hội với quân bộ quân kỵ cùng tiến, thế mà chờ mãi chẳng thấy tăm hơi.

Giữa lúc ấy thì Hoàng Kim Mãn một viên tướng man đã bị quân Tống mua chuộc, y đem Môn Châu dâng cho giặc và cũng chính y đã dẫn đường cho Quách

Quỳ đưa đại quân vòng tránh các ải Quyết Lý, Giáp Khẩu là các hiểm địa quân ta có đặt phục binh nghênh địch để tiến thẳng về bắc ngạn sông Như Nguyệt. Nay y lại hiến kế cho tướng Miêu Lý là thủ hạ của Quách Quỳ rằng: “Quân Lý sợ oai của hùng binh thiên triều đi trốn hết rồi, tại sao các ông không vượt sông về thẳng Thăng Long. Có đường đi tắt gần lắm, tôi sẽ dẫn đại quân đi cho”.

Miêu Lý bèn đem Hoàng Kim Mãn đến dinh Quách Quỳ nói lại điều y đã nói.

Quách Quỳ bèn mở bản đồ ra hỏi:

- Nếu vượt sông thì vượt ở quãng nào? Vượt bằng cách nào? Và đường đi tắt là đường nào?

Hoàng Kim Mãn bèn chỉ vào quãng bến đò sông Như Nguyệt nói:

- Bẩm tướng quân, ta nên bắc phù kiều (cầu phao) ngay chỗ này cho quân vượt sông. Gần đây có rừng bương, một loại tre thân to mà ruột rỗng ghép với nhau thành từng mảng, các mảng lại nối với nhau thành cầu, quân có thể đi trên phù kiều dễ như đi trên mặt đất. Sang qua sông không đi về hướng đông theo đường thiên lý, bởi ở đó có thể có quân Lý mai phục canh giữ, mà ta đi men theo bờ của sông Cái tức sông Nhĩ Hà về thẳng tới hồ Dâm Đàm, từ Dâm Đàm quân ta xông vào diệt Thiên An bắt sống mẹ con Càn Đức.

- Mẹ con Càn Đức đã ở trong tay tướng quân rồi, Lý Thường Kiệt ắt phải ra hàng chứ còn trốn chạy

dằng nào.

- Bất Càn Đức vào châu thiên tử. Điều Lý Thường Kiệt vẽ cho thiên tử trị y cái tội dám đem quân vào phá nát ba châu Ung – Khâm – Liêm chẳng phải là sứ mệnh của quan An Nam đạo hành doanh mã bộ quân đô tổng quản kinh lược chiêu thảo sứ đó sao.

Nghe viên hàng tướng nói có lý, hơn nữa không thấy một dấu hiệu nào về sự hoạt động của quân Đại Việt, Quách Quỳ miễn cưỡng chấp nhận kế này.

Lập tức hàng ngàn binh phu tràn vào rừng chặt cây đóng bè. Quân Tống đang tù cẳng, nghe nói sắp vượt sông vào Thăng Long hết thảy chúng đều thích thú. Vì rừng đóng quân ở vùng nghèo nàn, trước sau chỉ có rừng mấy núi, dân bỏ đi hết, đến cọng rau, con cá cũng không có mà ăn. Nhất là bọn lính miền nam phải ăn đồ rau muối, thịt ướp vừa thiếu mỡ vừa thiếu quần áo ấm suốt ngày cứ ben khoen bên đống lửa than.

Phù kiều bắc tới nửa sông, chờ khi nào quân sắp qua sẽ nối sát bờ nam.

Việc quân Tống chặt tre làm phù kiều soạn sửa vượt sông không qua được mắt quân do thám của ta.

Lý Thường Kiệt và bộ tướng đi thám sát thấy ngoài bến Như Nguyệt ra, các nơi đều hết sức yên tĩnh. Ông ngờ bọn Quách Quỳ, Triệu Tiết nghi binh, chúng giương tây, nhưng có thể chúng lại kích đông chãng. Đêm, ông cho đội quân thám tinh nhẹ sang hẳn bờ bắc, lần sâu vào các cánh rừng xem có thấy quân Tống đóng thuyền

hoặc ghép bè cất giấu trong đó không.

Quân về bả không thấy một dấu hiệu nào quân Tống nghi binh.

Tuy vậy, ông vẫn cho quân phục những nơi mà quân Tống có thể liều lĩnh vượt sông. Lại sai Lý Thường Hiến dẫn ba ngàn quân xuống tiếp ứng cho hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn đang trấn giữ Lục Đầu giang, nhất quyết không cho thuỷ binh giặc lọt vào để chúng có thể đưa nhau sang sông.

Vào một đêm hạ huyền, vừa chập tối quân Tống đã nổi xong phù kiêu và ào ạt đưa nhau qua sông.

Đám vượt sông ấy do tướng tiên phong Miêu Lý dẫn đầu, Vương Tiễn đoạn hậu, Hoàng Kim Mãn đưa đường.

Quân Tống qua sông rất nhanh, lên đến bờ sông là chúng nối đuôi nhau chạy theo đường tắt mà Hoàng Kim Mãn đã thuộc nằm lòng.

Khi chúng lên bờ được chừng năm, sáu ngàn tên, quân ta ở hai bên tả hữu đánh ập vào cất đuôi của chúng. Giặc không lên được bờ nữa mà quân ta thì trùng trùng điệp điệp, Vương Tiễn thấy thế sợ quân ta dùng luôn cầu phao ấy mà qua bờ bắc, thế là y hạ lệnh chặt đứt cầu phao. Trong khi đó, đám quân sang sông bị đánh chặn đầu, chặn đuôi và bị tạt cả hai bên sườn. Chúng tháo chạy lung tung trong đêm tối, vừa bị bắt vừa bị giết gần hết, đứa nào tìm được đến bờ sông thì cầu phao không còn nữa. Viện binh Tống phải đưa bè sang tiếp cứu nhưng bị quân ta đánh rất quá, nhất là các

máy bắn đá và nỏ liên châu khiến quân dưới sông chết gần hết và chúng cũng không dám sang cứu nhau nữa.

Tướng Miêu Lý may được Hoàng Kim Mãn dẫn đi trong đêm tối, chúng vượt qua ngã ba Xà tức là ngã ba giữa đoạn thượng nguồn sông Như Nguyệt gặp sông Cà Lồ rồi luôn rừng mà về.

Trận đầu quân Tống thất bại, nhưng lực lượng của chúng vẫn còn hùng hậu.

Sau thất bại đó Quách Quỳ kết tội Miêu Lý trái lệnh sẽ chờ xét xử sau.

Tiếng đồn thất trận loang khắp trong quân Tống khiến chúng càng hoang mang, nhất là đám quân miền bắc, người ngựa đều không hợp thủy thổ, ăn uống thì kham khổ, lại thêm nỗi nhớ nước nhớ nhà. Nỗi buồn khổ và hãi sợ đè trĩu lên tâm trí quân viễn chinh. Lại nữa cái chết luôn rình rập, ra khỏi doanh trại là gặp thần chết bám đuổi.

Tất cả những tâm trạng đó của lính tráng, Quách Quỳ, Triệu Tiết đều biết. Và qua thất bại táo bạo vượt sông, Quách Quỳ không hy vọng chọc thủng được phòng tuyến của Đại Việt một cách bất ngờ nữa, đành ngồi giữ vững doanh trại chờ Dương Tùng Tiên đem quân thủy tới đón qua sông.

XIII

Dương Tùng Tiên đã tập trung hết sức mạnh của quân thủy mà nước Tống hiện có trong tay, và mỗi lần tiến đánh lại mỗi lần đổi phương cách đánh, vậy mà tới lần thứ năm vẫn chưa chọc thủng được đám quân thủy của Đại Việt để vào sâu đất liền tiếp ứng cho quân bộ, quân kỵ của Quách Quy, Triệu Tiết như kế hoạch ban đầu đã định.

Không những không chọc thủng được phòng tuyến quân thủy Đại Việt mà mỗi lần tiến công là mỗi lần thiệt hại cơ man nào là tàu thuyền cùng binh sĩ.

Nhâm Khỉ liền bàn với Dương Tùng Tiên chọn thuyền tốt, kén người thông thạo đường biển cho chuyển đi tít tận ngoài biển xa để vào dụ Chiêm Thành đem quân đánh Đại Việt.

Sứ nhà Tống cưỡi sóng đập gió vào tận kinh đô Chiêm quốc thông báo rằng: “Đại quân Tống đang đánh

cho người Việt khốn đốn. Nếu Chiêm Thành không cử binh đánh Đại Việt, một khi bị quân Tống dồn đuổi, quân Việt tràn sang đất Chiêm, liệu Chiêm Thành có tự cứu mình được không. Chi bằng bây giờ Chiêm Thành cứ đánh trước để giành lại phần đất đai mà người Việt tự nhiên có, tức là phần đất ba châu của người Chiêm phải đem chuộc cho sinh mạng của quốc vương Đệ Củ¹”.

Nước Chiêm vừa sợ nước Tống vừa lo phần Đại Việt, nể lời nhà Tống, Chiêm Thành đem bảy ngàn quân án ngữ gần biên thủy phía bắc, chờ mãi chẳng thấy quân Tống làm được trò trống gì, người Chiêm vội rút quân về vì sợ người Việt trả thù.

Bất chước Yên Đạt dụ Lưu Kỷ bằng đòn tung tin lừa các các chủ Khê động rằng Kỷ đã ước ba ngày nữa ra hàng quân Tống, thế là các Khê động lục tục ra hàng quân Tống và cuối cùng cả Lưu Kỷ cũng hàng Tống mặc dù mới mấy ngày trước đó Lưu Kỷ đã đánh cho quân Tống khốn đốn và bắt sống cả ba ngàn quân Tống. Lần này Dương Tùng Tiên tung tin Lý Kế Nguyên sắp ra hàng quân Tống nhằm gây hoang mang, rối loạn trong hàng ngũ binh lính Việt. Mặt khác chúng cho gián điệp vào sâu trong nội địa ta loan tin đồn dập nhằm đến tai triều đình. Nếu triều đình bán tin bán nghi sẽ gây sức

1 Tên chính của vị vua Champa là Rudravarman III, người Việt gọi ông là Chế Củ; người Trung Hoa gọi là Dương Bốc Thị Lị Luật Đà Ban Ma Đê Bà (gọi tắt là Đệ Củ).

ép buộc Lý Thường Kiệt nếu không cách chức cũng cử tướng khác thay Lý Kế Nguyên.

Dương Tùng Tiên hy vọng, nếu tướng trấn hải khẩu không phải là Lý Kế Nguyên thì quân thủy Tống dư sức tràn vào bất cứ dòng sông nào trong nội địa của An Nam.

Quá nhiên chẳng mấy lúc tin đồn ngợp Thăng Long. Cứ người nọ ri tai hỏi người kia úp úp mở mở, kỳ thực là thông báo cho nhau. Đại loại, nghe nói Lý Kế Nguyên đã nhận lời sē ra hàng quân Tống. Vài bữa sau lại: Nghe nói chiêu thảo sứ hải binh đô tổng quản Lý Kế Nguyên đã đầu Tống...

Nhiếp chính Ý Lan nghe được tin này bà hết sức phân tâm. Bà thâm nghĩ, hay là nhân dịp này Lý Kế Nguyên đầu Tống để trả thù cho nghĩa phụ của y bị ta cắt chức năm Quý Sửu (1073). Nghĩ vậy bà liền tức tốc lên đại bản doanh Lý Thường Kiệt ở Thất Diệu Sơn. Ý Lan vào ngay trường hồ nói với Lý Thường Kiệt những điều bà nghĩ. Và hỏi:

Quan Thái tể đô tổng quản định khu xử việc này ra sao?

Rồi bà tự trả lời : – Tuy vậy nhưng chưa có bằng cứ gì, hay ta cứ gọi Lý Kế Nguyên về, điều tướng khác ra thay thế.

Lý Thường Kiệt thâm nghĩ: quân thù quá là thâm độc, đúng như Lý Kế Nguyên đã từng nói với ta khi đi

kinh dinh biên ải năm ngoái rằng: “Cuộc kháng Tống lần này không chỉ là một cuộc đấu lực mà chủ yếu là đấu trí”. Khen thay vị tướng trẻ này đã tiên liệu quá không sai.

Với cử chỉ điềm tĩnh, sau khi tiếp nhận các ý chỉ của bà nhiếp chính Ý Lan, Lý Thường Kiệt nói:

- Tâu nhiếp chính hoàng thái hậu, đây là mưu kế phản gián của giặc Tống. Chọn tướng trấn đông hải thần đã thử thách kỹ càng, đặt hết niềm tin vào họ. Chính Lý Kế Nguyên là một tướng siêu việt nên quân thủy Tống không nhúc nhích được một bước, khiến cho hai quân mã bộ của Quách Quỳ đang sống dở chết dở bên bắc ngạn sông Như Nguyệt. Nay nếu chỉ vì lời đồn của giặc mà thay tướng, e rằng ta đã mắc mưu giặc.

Tâu, nếu như không có Lý Kế Nguyên trấn đông hải khẩu, coi như thần bị chặt đứt mất một bên tay và thần không dám đảm bảo cuộc kháng Tống chắc thắng.

Nhìn thẳng vào gương mặt bà Ý Lan, Lý Thường Kiệt thoáng đọc được nỗi băn khoăn, ngờ vực đang dấy lên trong lòng bà. Chậm rãi, ông nói:

- Thần mạo phạm khuyên hoàng thái hậu nên quên hết sự biến năm Quý Sửu đi. Cả nước cũng đã quên rồi, bây giờ muôn lòng đều quy về cuộc kháng Tống. Còn như về phẩm cách của cha con Lý Đạo Thành, Lý Kế Nguyên thần có thể đoán chắc rằng lòng trung quân ái quốc của hai người này là tấm gương sáng không chỉ

của đời này mà thôi đâu.

Như được giải toả, gương mặt bà Ý Lan bừng sáng hẳn lên. Bà hỏi:

- Vậy phải làm thế nào để Lý Kế Nguyên biết triều đình vẫn đặt niềm tin vào ông ta?

- Đa tạ hoàng thái hậu sáng suốt. Quả là việc này đã đến tai thần từ ba ngày nay. Hôm qua thần mới sai quan binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh thảo chiếu kích lệ tinh thần kháng giặc của tướng sĩ thuỷ binh đông hải, để hoàng thái hậu nhiếp chính và hoàng thượng ngự duyệt, sau đó sẽ cho chạy ngựa trạm đem ra ngoài đó.

- Về phía thần, sẽ trao cho Lý Kế Nguyên cờ Nguyên súy thuỷ quân đô tổng quản và cho khao thưởng toàn bộ quân thuỷ ngoài đó một bữa, đương nhiên không được uống rượu bởi trong lúc đất nước đang có hoạ xâm lăng, quân uống say là điều tối kỵ.

Hoàng thái hậu nghiêm giọng và với vẻ như người hối lỗi, bà nói:

- Ta nông nổi và vẫn còn cố chấp mong ông bỏ lỗi cho ta. Quả các bậc đại lão hoà thượng đã khuyên ta phải xả bỏ hết thấy. Đây cũng là điều nhắc nhở ta phải kiên tâm đi vào giải thoát. Đột nhiên Ý Lan hỏi: - Chiếu đâu, ông đưa ta ký.

- Tâu, lát nữa binh bộ thị lang cùng hoàng thượng sẽ từ Cổ Pháp lên đây, Lê Văn Thịnh sẽ dâng chiếu để nhiếp chính ngự phê.

Linh nhân hoàng thái hậu vừa toan bước ra thì quan Bình chương Lý Đạo Thành đi vào trong trướng. Ông vái bà Linh nhân Ý Lan hai vái rồi xá Lý Thường Kiệt một xá và hỏi thăm sức khoẻ cả hai người.

Vừa an toạ, Lý Thường Kiệt hỏi ngay:

- Đại nhân có nghe ở Thăng Long người ta đồn Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên đã đầu quân Tống chưa?

- Có, tôi có nghe đồn đã dăm bảy hôm nay.

- Vậy chớ đại nhân có tin không?

- Có! Tôi tin vạn nhất quân Tống có thể lấy được đầu của Lý Kế Nguyên chứ chúng không thể lấy được lòng trung quân ái quốc của nó, cho dù nó chỉ là nghĩa tử của tôi.

Lý Thường Kiệt cất cao tiếng cười sáng khoái.

- Đa tạ đại nhân, chính tôi cũng nghĩ như ngài.

Thấy hai người có vẻ tâm đắc, bà Ý Lan mặt lửng đỏ. Chắc bà tự ngượng.

Lý Đạo Thành tiếp lời:

- Giặc dùng chiêu thức ly gián trong kế phản gián, điều đó không có gì là mới lạ. Trong lịch sử nước ta đã chẳng bị một đòn gián điệp do cha con Triệu Uý Đà, Trọng Thuỷ giả làm thông gia lừa nàng Mỵ Châu và Thục An Dương Vương lấy hết bí mật quốc gia của ta, khiến mất nước cách đây hơn một ngàn năm đó sao.

- Đúng thế! Đúng thế, năm ngoái Chiêu thảo sứ Lý

Kế Nguyên của ta cũng tung tin sang Tống, nếu quân Tống vượt biên thủy lấn vào cõi thì quân Việt sẽ bằng đường thủy băng qua Bắc quốc đánh bọc sau lưng quân Tống.

Người Tống chưa biết thực hư thế nào nhưng đã biết sức mạnh của quân thủy nước ta trong trận đánh bằng đường bể lấy Khâm Châu, Liêm Châu nên vội vã cử Tô Tử Nguyên con Tô Giàm làm đô tuần kiểm miền biên hải, còn Quách Quý phải dừng quân ở Tư Minh trên bảy mươi ngày rồi mới dám vào đất ta. Đó chẳng phải là kế dụng gián lừa địch thần kỳ sao. Nay Dương Tùng Tiên, Quách Quý toan làm tên học trò dốt của Lý Kế Nguyên thì lừa sao nổi thầy.

Và lại chỉ trong nay mai có chiếu thư khen của nhiếp chính hoàng thái hậu và hoàng thượng gửi cho Chiêu thảo sứ hải binh đô tổng quản cùng binh sĩ, và nữa tôi lại uỷ trao cờ nguyên súy và khao quân, chắc chắn người Tống sẽ bị tên và không dám dùng chiêu lừa cũ rích đó nữa.

Lý Thường Kiệt nói xong tỏ vẻ khoái chí cười sảng khoái (thường ông ít khi cười) khiến Lý Đạo Thành cũng hoà theo tiếng cười đầy thích thú.

Bà Ý Lan nghe hai người nói chuyện thầm khen họ là bậc cao minh, và tự thấy mình cần phải học hỏi nhiều thì mới có thể giúp được Càn Đức trong công cuộc trị nước.

Lý Thường Kiệt chợt hỏi Lý Đạo Thành:

- Đại nhân tuổi cao ra mặt trận e có điều nguy hiểm, nếu không có việc gì cần gấp lắm thì xin đại nhân bảo trọng.

Lý Đạo Thành cười vui, kể như là một sự thanh minh:

- Chẳng là có viên ngoại lang Kiều Văn Ứng ở trung thư sảnh muốn được lên quan sát mặt trận nhân mừng quân ta vừa đánh thắng trận quân Tống vượt sông Như Nguyệt, ông ấy rủ đi. Mục đích là lên mừng ngài, thế mà lại quên khuấy đi, nói thuận chuyện khác. Thế rồi vừa đi được một đoạn gặp đại sứ Hoài Tín, thấy nói chúng tôi lên đại bản doanh thăm vị thống soái, ngài bảo cho đi cùng. Trên đường đi, đại sứ đòi ghé Cổ Pháp thăm hoàng thượng. Được biết mọi người cùng lên thăm mặt trận, hoàng thượng nhất định đòi đi nhân thể.

Thấy nói có đại sứ Hoài Tín và cả Càn Đức cùng đi, bà Ý Lan vội hỏi:

- Vậy chớ, đại sứ và hoàng thượng bây giờ ở đâu?

- Tâu, các vị đang ở bên trại của Phụng Càn vương. Chẳng là vương trông thấy hoàng thượng và đại sứ bèn mời vào, còn thần xin kiếu để sang trung quân gặp quan thống soái.

- Dạ, nhân đây thần xin tâu báo về tình hình trong nước để hoàng thái hậu và quan Thái tử yên tâm. Đại đế cuộc kháng Tống hiện nay đang thu hút lòng dân. Muốn người, muốn nhà đều sẵn sàng đóng góp sức người sức của để đánh đuổi ngoại xâm. Nạn trộm cướp tự nhiên

mất hẳn. Trong hương ấp và ngay cả kinh thành mọi người đối với nhau đều có vẻ yêu thương gần gũi. Ai có hoạn nạn thì xóm giềng tìm đến giúp. Chính quyền từ hương thôn đến trấn, lộ và triều đình chỉ còn một việc là lo phục vụ cho đại quân quét sạch ngoại xâm.

Lý Đạo Thành mỉm cười với vẻ tự đắc: – Việc đại chính chưa bao giờ vất vả như lúc này, mà dân cũng chưa bao giờ thuận như lúc này.

Mọi việc kể như đã vãn, Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan bèn lên tiếng:

- Tất cả cùng sang trại Phụng Càn vương chào đại sư nhân thể.

Bên trại Phụng Càn vương mọi người đang cười nói râm ran thấy nhiếp chính Ý Lan và Thái tử Lý Thường Kiệt, bình chương quân quốc trọng sự thái phó Lý Đạo Thành bước vào, mọi người đều đứng dậy vái chào.

Bà Ý Lan đến trước sư Hoài Tín kính cẩn vái hai vái:

- A-di-dà Phật, trưởng lão cất công đi uỷ lạo binh sĩ ngoài mặt trận, thật quý hoá.

Thiền sư chấp tay vái đáp lễ:

- Hoàng thái hậu khỏi lo, nước có giặc đến Phật cũng chẳng yên tâm ngồi trên toà sen hướng chi là sư này. Và lại người lính suốt ngày đêm canh phòng trên chiến lũy, sự sống chết chỉ trong gang tấc họ còn chẳng lo hướng hồ ta chỉ có đi thăm hỏi.

Kể cũng lạ, thiền sư Hoài Tín tuổi còn rất trẻ, ngài sinh năm Nhâm Thìn (1052) nay là Đinh Ty (1077), tính ra mới có hai mươi sáu tuổi đời, còn tuổi đạo lại càng ít, thế mà trong giới sa môn đến cả các bậc túc thiền đạo cao đức trọng cũng rất là kính nể. Trong số những vị đang có mặt tại đây có nhẽ sư chỉ hơn tuổi nhà vua. Vua sinh năm Bính Ngọ (1066). Vua rất quý kính tài đức của sư, phong cho sư làm Hoài Tín đại sư, đứng đầu Giáo Nguyên thiền viện để truyền thụ tâm ấn vô tu vô chứng của Phật tổ. Lại ban chức Nhập nội đạo tràng Tử y đại sa môn, được dự bàn chính sự (quốc sư).

Một lát sau quan Bình bộ thị lang Lê Văn Thịnh cũng vào. Ông nâng tờ chiếu đã thảo sẵn dâng lên bà Ý Lan để nhiếp chính ngự duyệt.

Linh nhân hoàng thái hậu vừa xem xong thì Lê Văn Thịnh lại dâng cho vua Càn Đức châu phê.

Đang lúc đó Lý Hoài Hương từ ngoài ùa vào, nom vẻ mặt đang có điều gì vui hứng ở trong lòng.

Phụng Càn vương Lý Nhật Quang bèn hỏi:

- Có phải đệ vừa đi lấy cung bọn tù binh về không?

- Dạ đúng ạ.

Lý Thường Kiệt vui lắm, ông nói:

- Nhân có hoàng thái hậu và hoàng thượng cùng quốc sư và đông đảo các quan, tướng quân khai thác được điều gì cơ mật thì tâu báo ngay đi.

- Tâu, trước hết quan Thái tử có dặn phải khai thác xem chín viên tướng cầm đầu chín đạo quân phương bắc là những tướng nào, có đúng như ngoại gián của ta đã báo về hay chúng có thay đổi, hoặc còn có những tên nào nguy hiểm mà chúng giấu mặt chằng. Dạ, tiểu tướng xin đọc để quan thái tử đối chiếu.

Nói xong Lý Hoài Hương liền mở sổ ra đọc.

- Chín tướng đó họ tên như sau: Lý Hạo, Khúc Chấn, Ty Kỳ, Miêu Lý, Diêu Tư, Vương Tiến, Trương Thế Cự, Dịch Tường, Trương Chi Giám.

Dạ, đây là những tướng dưới quyền của Quách Quý đưa từ phương bắc về. Bọn này đều là tướng sừng sỏ dạn dày chiến tích chống nhau với Bắc Liêu và Tây Hạ. Trong đó Khúc Chấn, Vương Tiến, Miêu Lý, Tu Kỳ là những tướng cơ mưu linh lợi đánh phục kích, phản phục kích đều giỏi. Bọn họ có thể trong chốc lát biến kỵ binh thành kỵ binh khiến quân địch phải khốn đốn.

- Tốt! Tốt lắm! Lý Thường Kiệt khen. Phải nói ngoại gián của ta thật kỳ tài. Những mật thư đưa về không khác với lời khai của giặc.

Vậy còn gì nữa tướng quân cứ nói tự nhiên, Lý Thường Kiệt khẽ nhắc.

- Tâu, trong tướng giặc hiện nay có mấy điều lo. Thứ nhất lo quân thủy không vào được, hai quân mã bộ không có phương tiện trợ giúp qua sông thì không có cách gì đem quân vào Thăng Long được.

Mối lo thứ hai là việc tiếp tế quân lương không được đều đặn, một phần do binh phu bỏ trốn hoặc ốm chết dọc đường. Nhưng nguy hiểm nhất là đã có những đội quân xuất kỳ bất ý xông ra đánh chặn hoặc là cướp lương hoặc là đốt lương của chúng.

Mối lo thứ ba nếu việc chiến trường không quyết xong được trong mùa xuân mà kéo sang mùa hạ thì cực kỳ nguy hiểm. Giặc (ý nói quân ta) không cần đánh, chỉ cần thời tiết nóng ẩm thì đám người, ngựa phương bắc sẽ lăn ra ốm hết, trong khi lương thảo ngày một vơi cạn. Ngay đám ngựa phương bắc cũng chỉ thuận ăn cỏ khô chứ cỏ xứ này chúng không chịu ăn.

Mối lo thứ tư là trong lúc quân ốm, lương thiếu mà “giặc” đánh ào ạt hoặc đánh dai dẳng cũng khó có thể chống đỡ.

Tuy vậy tướng giặc chưa có tên nào nghĩ tới việc lui binh về nước.

- Vậy chớ còn dám quân chúng nó có nghĩ suy lo lắng gì không? Tướng quân có moi móc được điều gì trong tâm can óc não chúng không? - Lý Thường Kiệt lại gạn hỏi.

- Tâu, tâm trạng bọn này phức tạp lắm ạ, mà cũng dài dòng lắm chẳng biết hoàng thái hậu, hoàng thượng cùng các bậc bề trên có thì giờ để nghe không vì nó vụn vặt lắm, liệu có ích gì không.

- Sao đệ lại nói thế, Phụng Càn vương cự lại. Việc

quyết định thắng bại nơi chiến trường từ xưa tới nay đều quy công cho các vị tướng. Cái đó đúng. Tướng giỏi thì biết tiến, biết lui đúng lúc đỡ hao tổn máu xương sĩ tốt. Nhưng quyết định cho sự thắng bại nói cho cùng là thuộc về người lính chứ. Nếu họ không chấp hành đúng mệnh lệnh, nếu họ không chiến đấu thông minh và dũng cảm thì tướng giỏi đến mấy cũng bó tay. Vì vậy, ta phải biết rõ mọi điều mà đệ cho là vụn vặt ấy để khoét sâu vào nó, chưa biết chừng quân giặc tan rã lại ở những cái mà đôi khi ta cho là bình thường, thậm chí tầm thường.

- Phụng Càn vương nói thật là hữu lý. - Lê Văn Thịnh tiếp lời: - Chẳng hạn như thời Hán - Sở tranh hùng, quân Sở đi chinh chiến xa nước, xa nhà cứ biên biệt chẳng biết tương lai thế nào. Nắm được tâm trạng vô vọng của quân Sở, Trương Lương chỉ dùng tiếng tiêu thổi những khúc ca nước Sở khiến lòng nhớ nước, nhớ nhà thôi thúc. Và trước mắt họ chỉ còn là nước Sở, là quê hương. Thế là họ rú nhau bỏ ngũ. Bỏ ngũ hàng loạt để tìm về quê hương xứ sở. Vậy là quân Sở tan. Rõ ràng là vai trò của binh sĩ lớn lắm, chứ nói về tài làm tướng thì Lưu Bang (Hán Cao tổ) làm sao mà so được với Hạng Võ (Sở Bá vương).

- Quả như Binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh nói, vì thế đời sau đã có thi sĩ làm thơ ca ngợi tài năng của nghệ sĩ và sức mạnh của văn chương với khí văn thật

là hào sáng:

Kiếm kích có yên bao trận địa.

Văn chương cũng chuyển cả sơn hà.

Tài nhân danh sĩ ngàn thu trước.

Đuổi vạn hùng binh nửa khúc ca.

- Đúng thế! Đúng thế! Viên ngoại lang Kiều Văn Ứng tán thán. Xin Hoài Hương hầu cứ kể đi, chúng ta càng biết nhiều tâm trạng binh lính Tống càng tốt, nhất là sau trận khởi đầu thất bại của danh tướng Quách Quỳ.

Nhà vua thấy mọi người đều muốn biết các điều về binh lính Tống, ngài cũng phấn khích ban lời:

- Hoàng thúc! Hoàng thúc! Chú nói luôn đi nào.

Hoài Hương hầu vội đứng lên vái nhà vua:

- Thần xin tuân chỉ.

Rồi ông kể: - Tâm trạng lính miền nam, miền bắc của Tống đều giống nhau ở chỗ nhớ nước, nhớ nhà. Lính miền bắc thì chán ngấy chiến tranh lắm rồi. Có đứa nói, suốt bảy, tám chục năm nay từ cụ tôi, đến tôi rồi cha tôi, nay lại đến lượt tôi hết đánh nhau với quân Liêu ở phía bắc, lại đến quân Hạ ở phía tây, không đời nào trong nhà tôi không có người chết trận. Nay lại gọi về phương nam, quan trên nói bình Giao Chỉ nội trong một tháng là xong. Thế mà từ ngay đời miền bắc xuống miền nam tới nay đã tròn năm rồi. Vào đất Giao Chỉ đã quá hai tháng, mới đánh trận đầu, số quân vượt sông

vừa bị bắt vừa bị giết gần hết, chẳng biết có đũa nào trốn chạy được không.

Trong nội bộ chúng thì quân miền bắc khinh quân miền nam hèn, không biết cưỡi ngựa, còn cung thủ thì bách phát bách trật, háu ăn và ở bẩn, bất cứ chỗ nào chúng cũng khạc nhổ, chúng trò chuyện với nhau thì thô lỗ cục cằn, động một tí là chửi nhau, đánh nhau. Quân miền nam chê quân miền bắc chỉ bẻm mép, giỏi giang gì mà hết cồng tiền bạc, vãi vóc lại cồng cả đất đai cho quân Liêu, quân Hạ.

Cái khổ nhất của quân Tống là ngôn ngữ bất đồng, phong tục khác biệt nên hay xảy ra xích mích, dõ kỵ dẫn đến đánh nhau như cơm bữa.

Tâu chư vị bề trên, chuyện về bọn này thì dài lắm ạ. Có điều quân miền bắc hiện nay đang mắc bệnh buồn ngủ, chúng có thể ngủ bỏ cả ăn và mặc chúng sốt ngã nước nhiều lắm. Nhiều kẻ đã chết. Còn đám lính miền nam lại không ngủ được vì ở trong rừng khí hậu lạnh quá bởi chúng thiếu chăn, áo ấm. Đám quân miền nam thường mắc bệnh đau bụng, ỉa chảy hoặc kiết lỵ, một số khác bị ho tức ngực, đau đầu; có một số ít chân tay tê dại.

Tất cả bọn chúng đều cho là rừng nước ta có nhiều ma thiêng, chắc bị ma làm cho ốm hoặc ma quật chết. Ý nguyện của chúng đều muốn được cúng trừ tà, như hồi ở thành Ung Châu, chúng nó chết tới năm, sáu nghìn

đứa, vua Tống phải triệu thầy cúng cao tay về cúng, chúng mới không chết nữa.

Bọn chúng rất sợ đêm tối không dám đi ra khỏi chỗ ngủ vì sợ ma và rắn độc. Nhiều đứa bị rắn cắn chết, chúng kêu là rắn thần. Ban đêm chúng đi tuần tra phải ba bốn chục đứa, tức là phải kéo cả nửa đô quân chúng mới dám đi, còn dăm mười đứa thì chúng ngồi sây lưng lại với nhau, giáo mác chĩa ra ngoài...

Nghe Hoài Hương hầu kể xong, không khí chùng hẳn xuống, dường như mọi người đang nghĩ kế để trừ giặc.

Lý Thường Kiệt lên tiếng giục:

- Xin chớ vội cho nghe kế làm suy sụp tinh thần binh sĩ giặc.

Lý Đạo Thành xin nói:

- Giặc mới thua ta có một trận ở phòng tuyến này. Gợi thua là thua về thế thôi chứ lực chúng còn mạnh lắm. Tinh thần binh lính chúng tuy có hoang mang sa sút nhưng chưa suy sụp, chưa rối loạn. Giặc nhất định sẽ tìm cách qua sông để vào Thăng Long, không nhẽ chúng đem đại binh sang chỉ cốt chiếm lấy vài khoảng rừng của ta sao. Bằng cách nào khoét vào nỗi hãi sợ của binh lính nó, cho dù Quách Quy có thúc ép qua sông thì lũ lính này sẽ chỉ chiến đấu như những con rối giạt mà thôi.

Phụng Càn vương vờn vai đứng dậy nói to:

- Giời ơi! Thì tương kế tựu kế, chúng nó sợ ma, ta đem ma ra mà dọa nó chứ sao.

Mọi người cười ồ lên thật là vui vẻ.

Viên ngoại lang Kiều Văn Ứng nói:

- Phụng Càn vương nói như là thần xui nói. Vậy phải coi ý của vương như là một kế, xin chư liệt vị thử bàn xem.

Nói đến ma quái và thần linh, mọi người như có ý cầu đến Phật, vì vậy các con mắt đều đổ nhìn về nơi đại sư Hoài Tín.

Biết ý mọi người đang cầu kiến, sư nói:

- Đúng là Phật độ cho Đại Việt ta đánh giặc kiếm được máu xương. Đúng như Phụng Càn vương nói: “giặc sợ ma thì đem ma ra mà nạt chúng”. Nhân kế đó, theo ý bản tăng, đại bản doanh của ta đóng trong núi Thất Diệu, vậy sao ta không mượn oai thần Thất Diệu Sơn ra mà dọa giặc.

Nói xong, sư lại ngồi im lặng lắng nghe.

Mọi người không hiểu ý sư nói: “Mượn oai thần Thất Diệu Sơn” bằng cách nào. Vì thế không khí lại rơi vào im lặng.

Bỗng nhiếp chính Ý Lan lên tiếng:

- Bạch trưởng lão đã cho thánh ý, xin trưởng lão bố thí cho phương cách để làm, vì đây là việc thần chú đầu phải việc người.

- Tâu, đúng là việc thần nhưng người phải ra tay

làm mới được. Dương nhiên người nhà Phật không được phép nghĩ chứ chưa nói là làm ác. Tuy vậy, cả một bầu quỹ đông như kiến đến gieo rắc tội ác cho những người dân lương thiện thì nếu Phật có thị hiện, ngài cũng phải ra tay trừ bỏ cái ác. Việc ta tham góp với triều đình cũng bởi sự nuôi dưỡng điều thiện trừ bỏ điều ác.

Theo ta, việc làm này thật đơn giản. Hãy lấy nan tre đan bảy hình người tượng trưng cho bảy vị thần núi Thất Diệu. Các hình nhân này phải to và cao tới vài trượng, ngoài phát giấy trắng hoặc bọc vải trắng. Hai hốc mắt treo hai ngọn đèn bọc giấy đỏ như hai cục máu. Mỗi bên chân thần đặt một chiếc đòn ngang tựa như đòn gánh, khi thần di chuyển thì cho hai người khoẻ mạnh chui vào ống chân và chỉ việc kê vai vào chiếc đòn gánh đó mà gánh thần di. Để giữ cho hình thần được thẳng bằng thì từ phía trong ngực thần đặt một thanh giằng ngang và buộc hai sợi dây thừng về hai phía ống chân để hai người níu giữ. Vào những đêm trăng lu hoặc tối trời, cho đám tù binh Tống nấp vào những bụi rậm thật xa để nghe ngóng động tĩnh và chờ thần núi xuất hiện. Cứ cho chúng chờ đến mỗi mắt vài đêm, và luôn kể cho chúng nghe những chuyện ma quái kinh dị. Nhất là chuyện sơn thần núi Thất Diệu linh thiêng, dân trong vùng gặp những năm hạn hán, ôn dịch cầu thần ra tay là trời mưa như trút, dịch bệnh tiêu tan. Thần hay trừng phạt những kẻ ác. Cứ như thế, nhồi kỹ vào đầu bọn lính ngu si ấy về thần núi Thất Diệu trừ

ác. Cho đến một đêm tối trời thì bầy vị lừng lững như bầy trái núi xuất hiện, hai mắt thần đỏ như hai cục tiết dọi thẳng vào mắt lũ giặc. Có nhẽ đũa nào táo tợn nhất cũng phải ngất xỉu.

Lần lượt cho tất cả lũ tù binh đũa nào cũng được tận mắt nhìn thấy thần vài ba lần khi ở chỗ này, lúc ở chỗ khác. Sau đó thả chúng về các trại giặc. Đương nhiên chỉ thả bọn lính tốt không nguy hiểm cho ta. Vậy là chỉ vài ngày sau đó tin thần “Thất Diệu Sơn” sẽ được rỉ tai khắp trong quân Tống. Và các vị nên nhớ, sau khi thả chúng được ít ngày thì lại cho thần xuất hiện. Có đêm tối vài lần. Nhưng có khi nhiều đêm thần không xuất hiện. Suốt một dải dài bên bắc ngạn từ bến dò sông Như Nguyệt đến chân dãy núi Nham Biền đêm nào quân Tống chẳng thay phiên nhau tuần tra. Cuối cùng thưa các vị, việc tuần tra của quân Tống bên bắc ngạn chủ đích là rình xem thần “Thất Diệu Sơn” xuất hiện ở chỗ nào chứ không phải là cảnh giới quân Đại Việt nữa.

Mọi người nghe như uống lấy từng lời của đại sư về kế dùng thần linh để gây nổi khiếp nhược trong tinh thần binh lính giặc.

Lý Thường Kiệt rất tâm đắc cái kế đánh vào đầu óc u tối của quân thù. Ông đứng ra vái đại sư hai vái:

- Tạ ơn đại sư đã cho kế hay. Và ông ra lệnh:
- Quan Công bộ Đoàn Văn Khâm cùng quan Binh

bộ thị lang Lê Văn Thịnh sai quân làm ngay việc này.

Sau cuộc tấn công bất chợt bị thất bại ở bến dò Như Nguyệt, Quách Quỳ thấy không còn khả năng bắt ngờ chọc thủng phòng tuyến của Lý Thường Kiệt nữa, y bèn triệu phó tướng Yên Đạt và An Nam chinh thảo phó sứ Triệu Tiết đến bàn thảo kế tiến binh. Mở đầu Quách Quỳ nói:

- Cho tới nay vẫn chưa thấy bóng dáng quân thủy của Dương Tùng Tiên và Hoà Mãn đâu cả. Chắc bọn y đã bị tên tiểu tướng Lý Kế Nguyên ngăn trở. Vừa rồi ta cho tung tin Lý Kế Nguyên sắp ra đầu hàng nhằm cho chúng nó chia lòng. Không ngờ vua nó lại ban chiếu khen Lý Kế Nguyên cùng dám quân thủy. Lý Thường Kiệt còn trao cờ suý cho y và cho khao tất thủy quân thủy. Vậy là ta không lừa được nó như bọn Yên Đạt đã lừa Lưu Kỷ ở Quảng Nguyên. Chẳng nhẽ ta cứ phải chờ đợi Dương Tùng Tiên một cách vô vọng sao. Lúc sắp xuất quân, hoàng thượng còn khẩu dụ ta rằng: "Bình xong Giao Chỉ, chia thành quận huyện như trong nước, cử tướng ở lại cai quản rồi mau rút quân về lo chuyện bắc thủy. Ta vẫn không yên tâm với đám Liêu, Hạ".

- Thánh thượng lo làm vậy, nhưng hai quân thủy bộ tới nay vẫn chưa hội được với nhau, kế vạch ra ban đầu coi như đã hỏng. Ý ta muốn cho quân sang sông phá giặc, các ông tính sao.

Triệu Tiết ngoảnh mặt nhìn ra ngoài sông thấy

một bức thành sừng sững bên nam ngạn, biết ý quân Việt thủ hiểm chờ thời cơ, y vẫn đuổi theo các suy nghĩ tư riêng chứ không để ý đến việc Quách Quỳ cầu kiến.

Thấy Triệu Tiết làm thỉnh, Yên Đạt bèn lên tiếng:

- Chủ tướng định qua sông bằng cách nào? Nghe nói dưới Vạn Xuân¹ kia quân Việt tụ mấy vạn quân thủy, thuyền bè san sát.

- Ta định đóng bè lớn, mỗi chuyến có thể chở được năm, sáu trăm quân qua sông.

- Thế thì được, nhưng biết bao nhiêu bè cho đủ? Chỉ cần mười bè, một chuyến đã đủ được năm ngàn quân lên nam ngạn, lo gì.

Khúc Chấn, viên tì tướng của Quách Quỳ hỏi:

- Bè ta dang lơ lửng giữa sông mà giặc nã nỏ liên châu xuống thì làm thế nào.

- Quân đứng trên bè đầu lưng sát vào nhau, hàng ngoài cùng lảy mộc làm lá chắn che bịt tất cả. Quân trong hàng thì giơ mộc lên che đầu như một mái lợp.

Miêu Lý, Vương Tiến hai viên bại tướng đã ném đòn quân Việt không dám mở mồm nói gì, nhưng thầm nghĩ: "Chủ tướng chỉ tính đến việc mình tiến binh chứ không tính đến sức cản ghê gớm của giặc. Thành Ung Châu kiên cố là vậy mà còn bị hạ. Bữa trước ta đem

¹ Vạn Xuân tên gọi đời Lý. Lục Đầu giang hoặc Vạn Kiếp tên gọi đời Trần.

quân qua sông vừa bất ngờ vừa thần tốc, thế mà chỗ nào cũng dụng quân nó, không có viên hàng tướng Hoàng Kim Mãn ranh ma dẫn đường ắt cũng sa vào tay giặc rồi”.

Tu Ký hỏi:

- Chủ tướng định đưa sang nam ngạn bao nhiêu quân?

- Chừng một vạn. – Quý đáp.

- Có chở ngựa qua không? - Ký lại hỏi.

- Không, ta chỉ đưa một vạn quân sang chiếm lấy một đoạn vài chục dặm trường thành của nó, làm đầu cầu để nối bè làm cầu phao rồi đón hết mã, bộ sang sông.

- Nếu được thế thì đường vào Thăng Long gần lắm.

- Ta chưa vào Thăng Long vội mà phải đóng lại Cổ Pháp mấy ngày để khai quật mồ mả tổ tiên nhà Càn Đức cho hả giận.

- Tuỳ chủ tướng. Cứ như ý tôi Thăng Long phải là cái đích đầu tiên. Bất sống mẹ con Càn Đức đưa về Biện Kinh nộp chúa thượng chả hay hơn di bởi mấy ngôi mộ đất. Cũng chẳng biết đó là lăng mộ thật hay chỉ có vài cái quách rỗng. Cũng như mả Tào Tháo, hơn tám trăm năm nay có ai biết nó nằm ở đâu.

Chỉ có đám tì tướng lao xao, không thấy Triệu Tiết tham gia gì, Quách Quý nén lòng hỏi:

- Triệu tướng quân, ý ông thế nào?

Triệu Tiết nhìn thẳng vào mặt Quách Quỳ đáp:

- Hoàng thượng sai ông làm đô tổng quản, quyền trong tay, ông muốn quyết thế nào thì quyết sao còn phải hỏi tôi.

Quách Quỳ giận tím mặt không nói gì. Một lát như bất đắc dĩ Quỳ lại khai khẩu:

- Tình thế buộc ta phải tiến binh chứ không thể nằm chờ Dương Tùng Tiên dẫn quân thủy vào đây được nữa. Bối lương, thảo ngày càng với dần mà đường tiếp tế cũng ngày một khó khăn. Các cánh quân của Thân Cảnh Phúc, khi đại quân sang, nó lẩn trốn vào núi non hang động trong rừng già, nay nó chia ra phục kích, tập kích xuất quỷ nhập thần gây khó khăn và thiệt hại cho việc tải lương của quân ta nhiều lắm. Vậy các ông về cho quân tập riết đi, chớ ngại là vượt sông đánh chiếm trường thành, lũy ải, tựa như con sông này với bờ nam ngạn bên kia. Đội quân mở đường phải lo ngay việc làm bè chở quân. Ngừng lại giây lát như là một sự cân nhắc, Quách Quỳ nói tiếp: - Chắc các ông đều biết trong quân hiện đang xôn xao chuyện ma quỷ, thần linh, nếu không dẹp được thì quân lính trở nên bạc nhược, hèn yếu mất hết nhuệ khí, đánh chắc làm sao được nữa. Ta chắc đây là mưu gian quỷ quyết của giặc. Vậy từ nay trong quân cấm không được túm năm tụm ba bàn tán chuyện quỷ ma. Kẻ nào hay đầu têu đàm đạo, rình bắt quả tang chém đầu dăm bảy đứa để răn chúng đặng lấy

lại sĩ khí.

- Các ông về cho quân lo gấp công việc đi, trận đánh sắp đến gần rồi, lần này phải chắc thắng.

Các tướng đều có vẻ tin vào chủ tướng, riêng Miêu Lý, Vương Tiên vẫn ngăm nghi ngờ. Còn Triệu Tiết làm thỉnh lên ngựa về trại quân của mình.

Khi chỉ còn lại Yên Đạt, Quách Quỳ sai quân đem rượu ngon ra thết.

Vừa bê bát rượu hùm một hùm nhỏ, Yên Đạt vội đặt xuống mắt trợn ngược hỏi:

- Sao chủ tướng lại kiếm được rượu Thổ Phồn ở cái xứ quái quỷ này?

- Cứ uống đi đã. Dem theo được hũ rượu ngon, ta không nỡ uống một mình. Đây là rượu sinh tử đấy.

- Sao lại là rượu sinh tử? - Yên Đạt vội hỏi.

- Vây chớ ông có nhớ hồi ta và ông bị quân tây Hạ vây hãm không. Trận ấy tướng như là chết. Thế là ta phân cho ông đánh mở đường máu chạy ra ngoài, còn ta lại mở đường máu đánh vào trung quân của nó. Bởi quân nó mãi theo ông, nên đội quân quyết tử của ta xông thẳng vào bắt được nguyên帥 của nó. Thế là quân Tây Hạ đầu hàng. Trong doanh nó có nhiều thứ, ta cho quân lấy thả cửa, bảo chúng chỉ giữ lại cho ta mười hũ rượu ngon, uống hết chín hũ rồi. Ta chỉ lưu duy nhất có một hũ này để nhớ cái phong cách của người Hán

mình, khi gặp bí thì cứ xông thẳng vào tử địa ắt tìm ra sinh địa. Nay vì hoàng thượng và vì ông ta quyết mở nốt hũ cuối cùng.

Yên Đạt vội đứng lên vái Quách Quỷ một vái:

- Đa tạ chủ tướng đã xem tôi như một người tri kỷ. Vậy còn “vì hoàng thượng”, xin chủ tướng cho kẻ dưới này biết được ẩn ý.

Với vẻ mặt xúc động, dường như Quách Quỷ đang nhớ lại trọng ân của Tống Thần tông ban cho y.

- Nào có ẩn ý gì đâu, Quỷ đáp. Chẳng là trước khi xuất chinh, hoàng thượng gọi ta vào điện Thủy Cung cho ăn yến. Ông có biết, điện Thủy Cung kể như nhà riêng của hoàng thượng, đó chẳng là đặc ân sao. Sau đó vua ban cho ta cờ lệnh, kiếm báu và áo giáp. Hoàng thượng lại khẩu dụ những điều mà ngài kỳ vọng nhất và cũng lo lắng nhất như ban nãy ta nói với các ông đó.

Về ngậm ngùi Quách Quỷ nói tiếp: – Dem đại quân ra khỏi cõi, xiết bao tổn hao về người và của, thế mà lệnh vua trao mười phần chưa đạt được một hai, lòng ta lúc nào cũng như lửa đốt. Cho dù thân ta có xẻ làm trăm mảnh mà làm được lời vua tin cậy uỷ thác, ta chẳng chút bận tâm.

- Nhưng sao tôi thấy Chinh thảo phó sứ cũng là một tướng tài, từng trấn bắc thủy mà với công việc này ông lại có vẻ khảng tảng.

- Ôi, Triệu Tiết đang mang nặng trong lòng những

điều bất như ý. Trước hoàng thượng đã chọn ông ta làm An Nam đạo hành doanh mã bộ quân đô tổng quản, kinh lược chiêu thảo sứ còn kiêm chức Lương Quảng tây lộ sứ. Rồi sau hoàng thượng lại trao chức đó cho ta, rút ông ấy xuống làm phó của ta. Triệu Tiết thường tự phụ có chân tiến sĩ, từng xướng họa thi văn với Vương An Thạch và được tể tướng nâng đỡ. Nay An Thạch thất sủng phải bãi chức, do đó Tiết buồn. Ta thường nghe Tiết chê ta ít học, sở dĩ được cất nhắc chỉ vì anh ta có quân công nên ta mới được tập dụng.

- Nhưng hoàng thượng đã chẳng từng đánh giá chủ tướng ngang với Địch Thanh sao?

- Hoàng thượng vốn sáng suốt, điều đó ta biết. Nhưng người đời thường hay nhiều sự. Sức nhớ ra điều gì, Quách Quỳ ngừng lời nhìn ra ngoài trời, nắng chiều đã làm cho hàng cây nghiêng bóng, gió lay động chập như một đội quân ma nửa bước nửa dừng. Quỳ hạ giọng như thì thầm :

- Ông có nhớ ban nãy ta nói trong quân đang âm ỉ chuyện thần linh, ma quỷ và ta hạ lệnh cấm không được bàn tán. Tụ họp bàn tán chuyện ma quỷ sẽ bị chém đầu. Ông thấy chuyện đó thế nào. Trong quân ông có xôn xao không?

- Hạ cấp nói thật, đây là đất dữ, nếu chưa sang sông được thì phải chuyển vùng đóng quân, chứ ở đây mãi lòng quân sinh biến. Thú thật, thấy quân xôn xao hạ cấp

cũng lên phục dã nhìn thấy mấy lần bảy vị thần núi xuất hiện. Nghe nói đây là “Thất Diệu Sơn Thần”. Từng vào sinh ra tử đánh tây, dẹp bắc có khi bước qua hàng ngàn xác chết không sợ, thế mà nhìn thấy những cặp mắt thần sáng chói như sao, đỏ lôm như máu, người cứ tự nhiên bủn rủn không đứng dậy mà đi được nữa. Chủ tướng báo đến tôi còn sợ hoảng chi mấy tên lính tốt.

Quách Quỳ lắc đầu quày quạy:

- Chính ta cũng nhìn thấy thần xuất hiện mấy lần. Ta cũng có cảm giác như ông. Đất này linh lắm, xưa Cao Vương¹ đã trừ yểm khắp nơi, thấy nói xứ này có vùng núi Tản, sông Đà là tối linh đến Cao Vương cũng bó tay không dám đụng tới.

Quách Quỳ quay lại phía sau tường chỉ vào tấm bản đồ nói:

- Đây này, chỗ ngã ba giữa sông Nam Định² với sông Cà Lồ ngược về phía tây là chân dãy núi Tam Đảo châu về Tản Viên sơn đó. Ta ngờ thần Thất Diệu Sơn là phụ thần của Tản Viên Sơn lưu trấn ở phía đông để bảo vệ vùng đất này. Liệu quân ta có làm gì phạm đến mà

1 Đường Hàm Thông năm thứ 5 (864) Cao Biền được cử làm đô hộ tổng quân kinh lược chiêu thảo sứ, coi đất Giao Châu, trị sở đóng ở Đại La (sau là Thăng Long, nay là Hà Nội). Cao Biền giỏi về địa lý và thuật số. Y yểm hết các huyết đất thiêng kể cả Đại La của ta, trừ núi Tản, sông Đà y không dám đụng đến.

2 Người Tống gọi sông Như Nguyệt của ta là sông Nam Định.

các ngài ra oai.

- Chủ tướng, sự nghịch ngợm lếu láo của quân lính sao mà tránh khỏi. Có điều đất nào cũng có chủ cả. Hay là trước khi xuất quân ta biện hai cái lễ, một cúng về phía tây, một cúng về phía đông để tạ lỗi với thần, và cúng là để an lòng quân.

- Việc ông nói rất nên làm, nhưng trong quân kiếm đâu ra thầy cúng.

- Không cần, chủ tướng cứ lòng thành tự mình khấn đầu, thần linh khắc biết.

- Thôi được, ta nghe ông. Nhưng việc này phải hết sức kín nhem, nếu lộ ra lòng quân sinh biến mà giặc lại nhìn thấu tâm can mình là thất lợi lắm đấy. Ông về kiểm điểm trong quân, việc chuẩn bị phải chu đáo để ta còn tính ngày giờ khởi sự.

Lại nói Lý Kế Nguyên và quan quân dưới quyền nhận chiếu vua khen, nhận cờ suý của thái úy đô tổngquản Lý Thường Kiệt lại được khao quân. Lòng quân tràn đầy hứng khởi, hùng hực khí thế giết giặc, lập công.

Nhận chiếu vua và cờ suý, Lý Kế Nguyên biết triều đình tinh táo, đặt hết niềm tin vào ông, và đây còn là thông điệp ngầm báo cho người Tống: “Cái trò con nít ấy chẳng lừa nổi người Đại Việt đâu”.

Dương Tùng Tiên dạo này luôn cho quân khiêu chiến, đôi khi còn đưa thư thách đánh.

Lý Kế Nguyên sai tướng giữ vững các nơi hiểm yếu, quyết ngăn không cho một chiến thuyền nào của Tống có thể lọt qua các hải khẩu mà vào cửa sông của ta. Đúng như nhờ chủ soái Lý Thường Kiệt căn dặn khi phái ông ra trấn vùng hải đông: “Trận này tướng quân phải cản cho bằng được không cho quân thủy của Tống vào cội để ta rảnh tay đối phó với hai quân mã bộ của giặc”.

Vì vậy Lý Kế Nguyên tuy đã lấy lại được trại Ngọc Sơn, nhưng rồi ông tạm “nhường” cho giặc dê rút quân về thủ hiểm tại khu vực Vân Đồn và hải khẩu Bạch Đằng. Giặc chiếm lại trại Ngọc Sơn châu Vĩnh An và vùng cửa sông Đông Kênh¹ nhưng chúng không dám tiến theo đường ấy mà vào Vân Đồn, bởi lòng sông hẹp lại khuất khúc dễ bị chạm quân phục. Còn như dịch bỏ thuyền men theo đường bộ lại càng hiểm trở, vì rừng già ăn tận tới mép sông mép biển. Và như thế vẫn không đưa được chiến thuyền vào đón hai quân mã bộ của Quách Quỳ, Triệu Tiết tung hoành trong đất nước ta.

Dương Tùng Tiên hết sức lúng túng trong việc đánh bại quân thủy của ta để cướp đường vào sâu trong hải khẩu Bạch Đằng.

Lần này y lại gửi thư thách đánh. Lý Kế Nguyên

¹ Con sông ở phía cực đông nước ta, có chỗ hẹp như một dòng kênh nên người Tống gọi là sông Đông Kênh, ta gọi là sông Tiên Yên.

phê gọn một chữ sơn to tướng trùm hết lá thư: CHIẾN!
Và viết vài dòng chữ nhỏ ở góc cuối: *"Tôi đã tiếp đại nhân tới bầy trận rồi, trận nào đại nhân cũng "nhường" phần thắng cho tôi. Lần này mong đại nhân bảo trọng, tôi quyết không nương tay như các lần trước nữa đâu"*.

Nhận lời quyết đấu với giặc, Lý Kế Nguyên hội chư tướng lại bàn kế phá giặc. Từ tướng đến quân đều hăm hở chờ giặc đến và quyết phải làm một trận Xích Bích trong vùng biển Vân Đồn này. Vì thế bàn đi bàn lại, nơi nào phục quân trên núi, nơi nào phục thuyền trong các khe lạch, nơi nào đại quân ra cản khoá đầu, cắt đuôi... Không chỉ các tướng mà đến từng binh sĩ đều thuộc nằm lòng các vị trí chiến đấu và nhiệm vụ chiến đấu của mình.

Lý Kế Nguyên thừa biết lực lượng quân thủy của người Tống nghèo nàn. Gần đây mới đóng được vài chục chiếc thuyền mảnh đủ sức đi biển, phần đông là thuyền cũ ọp ẹp, các thuyền nhỏ đều trưng dụng của dân chài, lính cũng là những ngư binh được huấn luyện qua loa.

Đúng ngày giờ đã hẹn, Dương Tùng Tiên cho cả đoàn chiến thuyền giông buồm từ trại Ngọc Sơn tiến về phía Vân Đồn.

Quân ta cũng từ trong Cửa Đồi đi ra cỡ hơn một trăm chiến thuyền nhỏ nhẹ so với trùng trùng điệp điệp chiến thuyền Tống. Chiến hạm thuyền lớn của Tống

dầu mũi treo lá cờ đuôi nheo xanh có chữ “SUÝ” màu đỏ tươi. Trên đỉnh cột buồm treo lá đại kỳ màu vàng với hai chữ “ĐẠI TỔNG” màu đen. Ý chừng đây là thuyền chỉ huy của nguyên súy, nhưng chắc Dương Tùng Tiên không ở trên thuyền đó. Đi trước hạm thuyền có chừng hai chục thuyền mảnh trong đội tiên phong, và hai bên mạn thuyền là hai hàng thuyền chiến hộ vệ, theo sau là vô số kể các thuyền đánh cá của dân chài do quân Tống trưng dụng vào cuộc chiến. Sắp đối trận, quân Tống hò reo tưởng như đến vỡ họng, tiếng trống thúc và tiếng kèn nheo nhéo tan trong tiếng sóng, ta có cảm giác như cả nước Tống đều ào ra biển để lấn xâm Đại Việt.

Hai đoàn thuyền từ hai phía đối nghịch đang phăng phăng như sắp đâm vào nhau. Thủy thủ đều nhìn rõ mặt nhau. Thuyền đi đầu của ta chỉ căng một lá cờ Đại Việt trên đỉnh cột buồm, nó cũng vừa phải như những con thuyền đang lao vào thuyền giặc. Các thủy thủ của ta đều cởi trần, đóng khố. Đoán đao dắt vành khố, vai đeo cung, tên, tay cầm ngọn giáo nhọn.

Khi thuyền hai bên chỉ còn cách nhau vài trăm trượng bỗng các thuyền của ta đều vang lên tiếng tù và rồi tất cả đều quay mũi khiến giặc có cảm giác quân ta bỏ chạy. Thuyền quân ta quay lại Cửa Đồi. Giặc hò nhau đuổi. Gặp khi triều xuống, thuyền của ta nhỏ, tất cả đều hạ buồm dùng chèo tay nên thuyền vào khá dễ. Trái lại thuyền giặc lớn buồm chưa hạ kịp bị gió cản

và nước trong Cửa Đối đổ ra như thác tuôn từ trên cao xuống. Giặc quay trở mãi khi qua được Cửa Đối thì không thấy bóng dáng quân ta đâu nữa.

Quân Tống bảo nhau: “Giặc sợ đại quân nên bỏ trốn hết rồi. Thế là chúng cứ ung dung tiến vào sông Mang. Gọi là sông chứ thực ra là vùng biển đảo, đôi đoạn có những dãy núi chạy dài hai bên như hai vách thành, giữa là dòng nước. Hết những đoạn như thế lại đến những đảo đá lô nhô giữa mênh mông trời biển.

Thuyền giặc lữ lượt kéo vào sâu chừng vài chục dặm, bỗng có một tiếng nổ “ầm” như tiếng sấm. Tiếng nổ lan truyền như một hồi sấm rền rồi trước mặt quân địch, hiện ra đại hạm thuyền của ta, chặn lại, các khe núi thuyền quân ta từ đâu xuất hiện vừa chặn đầu vừa khoá đuôi quân giặc lại mà đánh.

Thuyền giặc không tiến lên được, không quay mũi được, chúng vón lại với nhau như một đàn kiến đang di chuyển thì gặp nước. Bốn phía quân Tống đều bị quân ta áp sát. Trong khi đó các cánh quân phục của ta từ các vách núi cứ ném hoả hổ hoặc bắn tên bụi nhùi diêm tiêm vào thuyền giặc.

Các thuyền nhỏ đưa quân ta len lách nhảy lên thuyền giặc đánh sập lá cà. Xa thì giáo đâm, gần thì đoản dao, rơi dao thì vật nhau rồi kéo chúng lăn xuống biển mà dìm chết.

Giặc tiến thoái đều không có đường, một số liều

chết mở đường máu luồn vào các khe núi rồi tháo chạy. Những thuyền giặc bị cắt đuôi không dám tiến vào mà lùi xa ngoài biển tìm đường chạy lại trại Ngọc Sơn.

Dòng sông Mang bỗng chốc biến thành dòng sông lửa. Giặc chết bao nhiêu không đếm xuể, thuyền giặc cháy bao nhiêu đấm bao nhiêu không nhớ được, chỉ biết quân ta bắt sống được hơn bảy trăm tên giặc và lôi về được hai mươi một chiến thuyền nguyên vẹn. Trong số giặc bị bắt có một vài tên đô tướng.

Chưa kịp tuyên dương công trạng, Lý Kế Nguyên chọn ba mươi tên giặc trong đó có hai viên đô tướng ở các hiệu thuyền khác nhau. Lại bóc lấy một số hiệu thuyền, sai quân giống tù binh đi suốt ngày đêm trên một đoàn thuyền năm chiếc về nộp cho chủ soái ở núi Thất Diệu.

Trong lá thư viết vội, Lý Kế Nguyên mở đầu: “Đội ơn hoàng thượng có chiếu khen và quan thái tử đô thống nguyên suý cho khao quân. Đông hải thủy quân vừa lập được chút công nhỏ ngoài mặt trận kính dâng hoàng đế bệ hạ và quan thái tử đô thống nguyên suý”.

Nhận thư và nhận tù binh cùng các đồ quân dụng, các bằng sắc, cờ hiệu thu được của thủy quân Tống, Lý Thường Kiệt vô cùng mãn nguyện. Ông thầm khen: “Lý Kế Nguyên biết hết gan ruột ta”.

Lập tức ông sai quân về Thăng Long mời nhiếp chính Linh nhân hoàng thái hậu, mời nhà vua cùng một

số đô tướng, các hoàng thân, hoàng thúc về Cổ Pháp để ông đem tù binh về tâu báo.

Chập tối, mọi người đã có mặt tại hương Cổ Pháp, trong khi chờ cho tù binh ăn uống, tẩm táp Lý Thường Kiệt thuật lại một trận thắng cực lớn vừa xảy ra tại Vân Đồn. Ông cũng nói giặc đang chuẩn bị gấp để đem quân qua sông.

Nhìn về phía Linh nhân Ý Lan rồi ông lặng lẽ dâng lá thư của Lý Kế Nguyên.

Đọc xong thư, hoàng thái hậu mỉm cười:

- Nghe trong thư nói có quà. Vậy quà đâu?

- Tâu, hoàng thái hậu chờ cho một lát. - Rồi ông quay ra hỏi: - Hoài Hương hầu đã tới chưa?

- Dạ, hầu đang ở ngoài này. - Có tiếng đáp.

Hoài Hương hầu vào trong nhà dẫn theo một đám tù binh ba mươi đứa. Vừa được ăn uống no nê, tẩm táp sạch sẽ lại không bị chửi mắng, đánh đập, nom mặt mũi bọn này thật là phơn phơ.

Mấy đô tướng áp giải tù binh ở mặt trận về, Lý Thường Kiệt cho ngồi gần Linh nhân Ý Lan và nhà vua. Đoạn ông bảo Lý Hoài Hương:

- Bây giờ hầu hỏi chuyện hai viên đô tướng, bắt nó thuật lại từ khi xuất phát tới lúc giao chiến, lúc bị bắt. Bảo nó có thể nào cứ nói thực như nó đã biết. Tuyệt nhiên hầu không cho nó biết danh vị mọi người ở đây.

Hoài Hương hầu rất giỏi chữ Hán lại thông thạo cả tiếng Tàu. Tiếng Quảng Đông, Quảng Tây ông đều nói được. Người Hán vì chinh phục nhiều dân tộc khác nhau, nên ngôn ngữ họ không thể thống nhất được, duy có chữ Hán được coi là văn tự chung của các tộc người trong đế chế Trung Hoa.

Hoài Hương hầu dịch lại các lời khai của mấy viên đô tướng Tống, có khi hỏi ngang sang vài tên lính. Chúng nói đến đâu Lý Thường Kiệt lại hỏi mấy viên đô tướng dưới quyền Lý Kế Nguyên, các vị đều gật đầu khen bọn này có trí nhớ và khai báo trung thực.

Sau đó ông sai đưa nhốt riêng chúng từng đứa một, cho chúng ăn uống tử tế và cấm không được đánh đập nhục mạ họ để còn dùng có việc.

Đô thống nguyên súy Lý Thường Kiệt giao cho đô tổng quản Lý Thường Hiến ngay ngày mai phải đưa ba chục tên tù binh này thả về hai trại Quách Quý, Triệu Tiết mỗi trại mười lăm tên, mỗi trại một viên đô tướng. Các đồ quân dụng, cờ, biển, bằng, sắc thu được của quân Tống cho hai bọn chia nhau đem về ra mắt chủ tướng.

Ông dặn thêm:

- Phải lấy loa đứng bên nam ngạn gọi sang bắc ngạn bảo chúng ra bờ sông nhận tù binh, quân ta không dùng bất cứ một hình thức gì để lừa chúng. Sau đó lại cho bọn này tự gọi sang bờ bắc nói rõ việc bị bắt và được thả. Phải hết sức cẩn thận đừng để chúng nghi

quân ta lừa nó khiến nó bắn chết bọn này ở giữa sông thì ta phí công lao lắm đấy.

Ông nhân mạnh:

- Đây là một đòn làm suy sụp tinh thần của binh tướng Tống, tuyệt nhiên không được phép làm cẩu thả.

Suy nghĩ giây lát Lý Thường Kiệt khuyên:

- Các người thả chúng ở mỗi nơi đều chia làm hai đợt. Cho bảy, tám đứa xuống một chiếc thuyền nan nhỏ để chúng tự chở nhau qua sông. Nếu tụi bên kia nó đã tin nhau thì bảo nó chở thuyền sang đón nốt nhau về. Nhớ, tên đô tướng được thả cho sang sông chuyển thứ hai.

Giao việc cặn kẽ, Lý Thường Kiệt vái chào Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan và vua Càn Đức, từ biệt mọi người ông nói:

- Thần phải lên ngay Thất Diệu, tình hình cấp bách lắm, giặc có thể sang sông bất kể sớm tối, xin hoàng thái hậu và bệ hạ bảo trọng.

Nói xong ông nhảy phắt lên mình ngựa, ra roi phi nước đại. Nom ông hơi béo, tuổi gần sáu mươi tướng như là chậm chạp, hoá ra ông vẫn khoẻ khoắn, chắc nịch.

Hôm sau, các tướng làm đúng như lời răn của Lý Thường Kiệt. Quách Quỳ, Triệu Tiết nghe tiếng loa phía nam ngạn gọi sang đều sai quân ra nghe ngóng. Quân về bẩm báo các việc, cả Quỳ và Tiết ở cách xa nhau tới năm sáu chục dặm mà cùng có cách ứng xử giống

nhau. Nghĩa là họ chấp nhận, chuyển thứ hai họ tự đưa thuyền sang đón nhau.

Cả Quách Qui và Triệu Tiết đều cho những tù binh vừa được thả về vào trung quân để hỏi riêng. Họ thuật hết các trận đánh từ trước tới nay như thế nào. "... Duy chỉ có trận đầu tiên vào tháng bảy năm ngoái, do tướng Nhâm Khi cầm đầu quân thủy của ta đánh vào trại Ngọc Sơn là thắng. Còn các trận về sau, trận nào quân ta cũng bại cả. Vừa rồi là trận thứ tám, phải nói là đại bại, chủ tướng Dương Tùng Tiên chẳng biết có chạy thoát hay đã chết trong đám loạn quân..."

Triệu Tiết nghe xong lặng người đi. Một lát như tỉnh trí lại, ông dặn mấy người kia: "Các người cứ quanh quẩn ở trong doanh của ta không được ra ngoài, không được xuống các đô quân, không được bép xép kể các chuyện như bọn người vừa kể với ta. Nếu các người hở chuyện này ra làm nản lòng quân, ta sẽ cắt đầu." - Nhớ chưa? - Triệu Tiết nhắc lại.

Bọn kia sợ hãi dạ ran rối rít.

Lại nói Quách Quy khi nghe đám quân thủy thuật trình từng trận đánh, trận nào quân Tống cũng thua, và trận mới đây nhất là thua đau nhất.

Nghe xong, mặt Quy tái tím. Y không nói cũng như không hỏi thêm điều gì.

Đuổi hết bọn kia ra ngoài trướng, Quách Quy nằm vật ra tấm phản mỏng kê trên hai tám niêng gậy guộc,

mặt y tím lạnh. Y trầm nghĩ, mọi chuyện đều úng tắc cả. Ta không ngờ Dương Tùng Tiên lại chỉ là một viên tướng giỏi đánh giặc ốm. Hoàng thượng đã chọn nhầm y. Thế là đám quân thủy coi như bỏ. Bỏ hẳn.

Quách Quỳ không dám thừa nhận tướng Giao Chỉ giỏi, quân Giao Chỉ kiên cường mà hẳn thường buông ra một câu rất ngạo mạn: “Giặc quý quyết”.

Viên đô trưởng và hơn chục tên lính bị Quách Quỳ đuổi ra, bọn này gặp được người đồng hương, hai bên hỏi thăm nhau mừng mừng tủi tủi. Một bên kể hết khúc nhôi về một chuỗi những trận thua và vì sao chúng lại được về đây. Một bên thì kể nỗi khổ bó buộc lại được về đây. Một bên thì kể nỗi khổ bó buộc ở trong xó rừng, chẳng biết ngày mai sẽ ra sao. Vui miệng chúng lại kể cho bọn thất trận nghe về “Thất Diệu Sơn Thần”. Rồi lại dặn rất kỹ: “Nhớ không được nói lại với ai đấy, lộ ra chủ tướng cắt đầu”.

Vì Quách Quỳ không có răn đe như Triệu Tiết, nên chuyện quân thủy vừa đại bại bay đi nhanh chóng như một vết dầu loang.

Quách Quỳ sai dẫn số bại binh sang đổi cho Triệu Tiết về lấy cung xem những lời khai của bọn này có đúng sự thật không.

Đám bại binh do Triệu Tiết mới tiếp nhận của Quách Quỳ, vì không có lời răn nên gặp đồng hương chúng cứ kể oang oang việc quân thủy đại bại ở Vân

Đồn. Trong khi Triệu Tiết lại tin rằng Quách Quỳ đã răn chúng. Thế là trong quân Quách Quỳ, Triệu Tiết cộm lên hai nỗi lo bất khả giải. Một là “Thất Diệu Sơn Thần” sẽ ra oai trừng phạt. Hai là quân thuỷ Tống bị quân Đại Việt đánh bại, nên hai quân mã bộ cứ mãi bị kìm chân ở xó rừng này chờ chết vì đói và bệnh tật, hoặc chờ quân Đại Việt đến đánh.

Nỗi lo sợ về tâm linh với tâm lý chán chường vô vọng như một làn sóng ngầm đang dâng lên trong hàng ngũ quân Tống.

Nghe trong quân xôn xao tin dữ, Yên Đạt vội vã đến gặp chủ tướng Quách Quỳ hỏi:

- Có chuyện quân thuỷ của ta vừa đại bại ở Vân Đồn, “giặc” bắt được quân ta đem về đây thả không?

- Có!

- Sao chủ tướng không cho Yên Đạt biết?

- Chúng thả ba mươi đứa, trại ta mười lăm đứa, trại chinh thảo phó sứ mười lăm đứa. Ta đã lấy lời khai của bọn này, vừa hôm qua cho dẫn sang để đổi cho Triệu Tiết, để xem bọn chúng có nói thật không hay chúng ra hàng “giặc”, rồi “giặc” lại dùng kế với ta. Định khớp cung xong, ta sẽ mời ông đến hội kiến.

Yên Đạt cố ghìm không hét lên, nhưng y giậm chân bình bịch:

- Giờ ơi! Thế là chủ tướng chỉ giấu được Yên Đạt này

thời chứ trong quân chỗ nào cũng xông vào tàn sát quân thủy của ta đại bại. Chuyện thần linh chưa qua lại đến chuyện bại trận, thuận điềm gỡ, gỡ bằng cách nào đây.

- Chết ta rồi, ta quên khuấy không cấm bọn kia không được mở miệng bép xép. Lỗi tại ta! Lỗi tại ta! Quách Quỳ luôn miệng tự xỉ vả.

Viên chủ tướng bóp trán và với vẻ mặt khổ đau, hấn nói:

- Chúng đem đến một tin bất ngờ quá làm ta choáng váng đến quên cả việc răn cấm mấy đứa bại binh.

Im lặng nặng nề bao trùm lên tướng hổ, hấn hai viên mãnh tướng này đang nghĩ kế yên lòng quân, nghĩ kế đánh bại “giặc” để bình xong Giao Chỉ trong thời gian ngắn còn rút về chống đỡ với quân Liêu, Hạ như chiếu dụ của Tống Thần tông ban trước lúc xuất chinh.

Bỗng Quách Quỳ ngừng nhìn viên phó tướng và với vẻ khó khăn, y nói:

- Phải cho quân qua sông. Phải có một trận thắng mới yên được lòng chúng. Các việc chuẩn bị vượt sông, ông chuẩn bị xong chưa ?

- Tất cả đã sẵn sàng chỉ chờ chủ tướng ra lệnh. Ngần ngần một lát, Yên Đạt lại nói như một sự than vãn - Giữa lúc lòng quân đang nản, liệu có đánh đấm được không.

- Ta tính kỹ rồi. Trận Miêu Lý sơ hở làm gảm sút uy thế quân ta một phần, “giặc Kiệt”¹ vì thế mà vênh

¹ Người Trung Hoa vốn ngạo mạn, họ chỉ gọi quân ta là “giặc”, Đê thống

vang. Nhưng trận Vương Tùng Tiên vừa đại bại tại Vân Đồn khiến “giặc” có phần chủ quan tự phụ coi thường ta. Vì thế trong lúc giặc đang hí hửng an hưởng chiến thắng, ta bất ngờ qua sông đánh áp đảo, chiếm lấy một khúc thành hào vài chục dặm. Thì giặc đắp bức thành kia chúng chẳng có ý định biến con sông này thành một con hào hiểm trở ngăn bước tiến của quân ta sao.

Khi chiếm được một phần nam ngạn, lập tức ta nối các bè lớn thành một chiếc đại phù kiều, rước toàn bộ quân ta sang sông. Ta bỏ qua đại bản doanh của “giặc Kiệt” ở Thất Diệu Sơn. Ta cũng nghe ông bỏ luôn cả châu Cổ Pháp mà cho đại quân tiến thẳng vào Thăng Long. Chỉ có đập đổ kinh thành nước nó, bắt vua nó thì mới có thể gọi là bình định được nước nó.

Nhìn thẳng vào gương mặt đầy lo âu của Yên Đạt, Quách Quỳ gặng hỏi:

- Ông thấy kế ấy có dùng được không?

Chú tướng thật là sáng suốt, trong tình thế hiện nay quả không có kế nào hay hơn.

Vẻ ngần ngừ, Yên Đạt hỏi:

- Liệu có làm lễ tạ thần linh trước khi xuất quân không?

- Có chứ. Ông xem trong quân có ai hiểu biết việc

lễ nghĩa, bảo họ sửa cho ta hai lễ. Một lễ đặt hương về phía tây để tạ "Tản Viên Sơn Thánh", một lễ đặt hương về phía đông để tạ "Thất Diệu Sơn Thần".

- Thôi được, tự ta sẽ khấn bái thần. Đúng như ông nói, cốt ở tâm thành.

- Thế còn ngày giờ xuất quân? - Yên Đạt hỏi.

- Đêm nay làm lễ tạ thần. Ngày mai cho quân nghỉ, cho chúng ăn uống đầy đủ. Ngày kia xuất quân. Giờ còn để ta phải xem lại sau khi đã tạ thần. Thôi ông về đi. Về mà chuẩn bị. - Quách Quỳ giục, nhưng chưa được hé lộ kế qua sông của ta đấy.

XIV

Sau trận đại bại của Dương Tùng Tiên ngoài Vân Đồn, Lý Thường Kiệt biết bọn Quách Quỳ không còn một hy vọng nào về quân thủy của chúng nữa. Và dù sống chết thì sớm muộn bọn chúng cũng phải vượt sông nhằm phá vỡ phòng tuyến của quân ta để tiến thẳng về Thăng Long.

Lý Thường Kiệt cũng toan chớp thời cơ trong khi giặc không ngờ ta vượt sông sang bắc ngạn thì ta đưa quân sang tập kích. Tuy vậy, sau khi xem xét kỹ cách lập doanh đồn của hai viên tướng này thật khó đánh. Chúng chia làm nhiều lớp. Mỗi lớp lại chia làm nhiều trại. Các trại dễ dàng ứng cứu cho nhau, các lớp với các trại hợp với nhau thành một thể liên hoàn rất khó đánh. Nếu không thông thạo địa hình, không biết tìm chế và khống chế giữa trại nọ với trại kia, lớp trong với lớp ngoài rất dễ lọt vào vòng vây của giặc.

Trong lúc Lý Thường Kiệt đang nghĩ kế đuổi giặc

thì quân thám về báo:

- Đệ ba tuần nay quân Tống vào rừng đốn hạ tre bương nhiều lắm. Đêm đêm chúng chuyển tre, gỗ ra bờ sông bí mật đóng thành bè rồi đem hạ xuống mép nước ở những đoạn rừng lan tới bờ sông rồi phủ cỏ tươi lên. Trông xa như một bè cỏ mọc lan từ triền sông ra mặt nước.

Nghe quân nói, Lý Thường Kiệt mừng lắm, đúng như ông dự đoán, giặc không thể kiên nhẫn hơn nữa và cũng không có cách nào khác cho giặc. Ông quay hỏi viên đô tướng đô thám sát:

- Vậy chờ người thấy quân Tống đã đóng được bao nhiêu bè rồi?

- Bẩm quan Đô thống nguyên suý, chúng đã giấu được bốn bè trên bờ sông rồi ạ.

- Bè có to, rộng không?

- Bẩm to lắm, hạ cấp đã cho quân lặn xuống đáy nước để dò xét. Bên dưới đáy là các cây gỗ to bằng bắp đùi ken lại với nhau, các lớp trên đều là tre bương kết lại phẳng như mặt sàn phần nổi trên mặt nước dày gần hai sải tay¹.

- Ta muốn biết bè rộng của nó khoảng bao nhiêu?

- Bẩm, nó rộng cỡ một sào ruộng.

- Người có thấy nó buộc cọc, lấp mái chèo ở cạnh bè chưa?

¹ Mỗi sải tay tương đương với 1 mét.

- Bẩm chưa. Chắc là quân giặc không dùng chèo dâu, chèo đi chậm lắm.

- Thế chúng dùng cách nào để sang sông?

- Bẩm sào ọ, đẩy sào nhanh hơn. Tháng giêng hai này chưa có mưa nguồn, nước sông chỗ mé bờ chỉ một sải tay thôi, giữa sông mới sâu đến ba sải tay. Mực nước ấy chắc là quân Tống đẩy sào.

- Chắc vậy, trong quân nó số người phương nam chiếm quá nửa, việc sông nước cũng lắm kẻ rành đấy, chớ coi thường chúng. Như sức nhớ ra điều gì, Lý Thường Kiệt lại hỏi viên đô tướng đô thám sát. – Nhưng các người có xem kỹ nơi các khe lạch hoặc ở ngay bìa rừng, giặc có giấu những bè nhỏ có thể bất ngờ khiêng xuống nước được không?

- Bẩm việc đó chúng con chưa gặp và cũng chưa nghĩ tới.

- Ngay đêm nay người phải cho quân đi thám. Chúng về lúc nào đến báo ta ngay lúc đó, bất kể ta thức hay đang lúc ngủ. Nhớ xem lại số bè lớn có thêm bè nào không, và bất kể có động tĩnh gì khác thường đều phải báo ngay cho ta.

Viên đô tướng vừa ra khỏi doanh, Lý Thường Kiệt liền đi lại phía tường, nơi treo tấm bản đồ phòng tuyến sông Như Nguyệt và suy nghĩ xem giặc sẽ vượt sông ở những quãng nào. Nhằm tính ở trong đầu xong, ông sai mời một số người trong Hội đồng hành doanh tới

trưởng hớ¹ nghị bàn.

Lát sau mọi người đã lục tục tới. Đang sắp bắt đầu thì Hoàng Chân vương cũng vừa bước vào.

Thấy đông đủ các vị trong Hội đồng hành doanh, Hoàng Chân bèn nói:

- Chắc chư vị sắp nghị bàn. Tôi không được triệu, nhưng vừa nghe nói ngoài Vân Đồn quân ta thắng lớn lắm. Tôi về đại bản doanh để mừng ông Đô thống nguyên súy và cũng nói ý nguyện của binh sĩ. Họ nói tôi về thưa với ông Đô thống nguyên súy rằng cung tên giáo mác của họ sắp mọc hết cả rồi.

Mọi người cười vỡ ra. Không khí cuộc bàn thảo trở nên vui vẻ, nhẹ nhàng.

Lý Thường Kiệt vào việc ngay:

- Vương về nói với quân sĩ cứ mài kiếm cho sắc, chuốt tên cho nhọn vào, sắp đánh lớn rồi.

Ông nhìn mọi người nói vui: - Nước mình có bao giờ thiếu giặc mà lo. Phía bắc thì ông bạn không lờ chẳng lúc nào, chẳng triều đại nào của họ lại bỏ qua chuyện thôn tính ta. Còn phía nam thì nước Chiêm Thành bé tẹo, nhưng cũng toan tính việc quấy rối hoặc gặm nhấm đất đai ta. Cho nên đánh giặc dường như là cái thiên

¹ Thời cổ nơi đóng đại bản doanh hoặc đại hành doanh (ngoài mặt trận) tức là nơi làm việc của Đô thống nguyên súy (tổng tư lệnh, tổng chỉ huy) thường được treo những tấm da hổ. Vì vậy từ "trưởng hớ" là để chỉ nơi đóng đại bản doanh của vị chỉ huy cao nhất.

chức trời phú cho người mình. Vì vậy Thánh Gióng mới có ba tuổi đã phải bước qua vành nôi đi đánh giặc.

Ngừng lời, nhìn mọi người và với vẻ nghiêm cần, Lý Thường Kiệt nói tiếp - Địch sắp tiến công ta nay mai. Rồi ông kể hiện tượng Quách Quỷ cho đóng bè, chuyển quân... Ông khẳng định: - Vừa rồi ta thả một ít tù binh bắt từ Vân Đồn. Chắc Quách Quỷ đã biết tình trạng vô vọng của quân thủy nhà Tống. Và y phải tự xoay sở. Quách Quỷ là một tướng mưu lược, y không chịu bó tay một cách dễ dàng đâu. Sau khi Địch Thanh mất, người Tống thường gọi Quách Quỷ là Địch Thanh của thời nay.

Nước Tống có ba danh tướng chống Liêu, Hạ là Quách Quỷ, Triệu Tiết, Yên Đạt, vua Tống đều cử sang đánh ta cả. Dù biết cuộc nam chinh lần này nước Tống coi nó quan trọng đến mức nào.

Việc ta triệt ngay cuộc vượt sông mạo hiểm của Miêu Lý, giữ vững phòng tuyến là rất đáng khen. Nhưng cũng cho thấy là giặc vẫn có thể chọc thủng được phòng tuyến của ta ở chỗ này hay chỗ khác. Và lại trận thua của Miêu Lý chưa làm cho lực lượng quân Tống suy yếu.

Tôi đoán chắc với mọi người rằng Quách Quỷ sắp vượt sông đánh ta. Nhưng y cho quân vượt ở đoạn nào, xin các vị cùng phán đoán. Nếu ta phán đoán đúng sẽ gây thiệt hại lớn cho giặc. Nếu ta phán đoán sai sẽ phải đối phó rất vất vả, tốn nhiều máu xương sĩ tốt. Nếu ta

giữ vững được phòng tuyến sông Như Nguyệt, cũng tức là ta đã chặn đứng được một trận lũ lớn và kiên nhẫn chờ nước rút dần, cá sẽ chết cạn, hoặc ta đủ lực thì cứ tòng thủy thả ngư, tức là theo nước mà đánh bắt cá thôi.

Ngẩng nhìn mọi người, Lý Thường Kiệt với vẻ khiêm nhường hỏi: – Xin các vị cho cao ý phá giặc.

Binh bộ thị Lang Lê Văn Thịnh xin nói:

- Mấy bữa nay quân thám của ta về báo rằng tướng Yên Đạt đem chừng một vạn quân mã bộ diễu qua diễu lại phía đối ngạn chân dãy núi Nham Biền. Đoạn ấy sông không sâu như đoạn trên, lòng sông cũng hẹp hơn, giữa sông lại nổi mấy cồn đá rất dễ cho việc bắc cầu phao cho quân qua sông. Nhưng tôi chắc giặc chỉ nghỉ binh chứ không vượt sông ở khúc này. Bởi mấy nhẽ sau:

Một là khu vực này rất gần Vạn Xuân, nếu có động Hoàng Chàn vương rất dễ vận động quân thủy lên đánh tạt sườn giặc. Hai nữa đây là khu vực đất đai bằng phẳng, quân bộ của ta sẽ mau chóng vận động đến bao vây. Ba nữa, nếu giặc có trụ đóng được ở đây cũng rất xa đường thiên lý, khó có thể tiến về Thăng Long được. Cho nên hành động diễu quân của Yên Đạt chỉ là kế đánh lạc hướng quân ta mà thôi, xin Đô thống nguyên suy cân nhắc.

Đoạn bến đò sông Như Nguyệt tôi chắc Triệu Tiết

không cho quân sang nữa, Phụng Càn vương Lý Nhật Trung nói. Bởi lẽ đồ quân lên nam ngạn giặc vẫn không dám đi theo triền sông, vì y thừa biết ở đây có nhiều cánh rừng rậm ăn lan tới mép nước, dễ gặp quân phục, mà bỏ triền sông tìm về đường thiên lý lại quá xa, quá nguy hiểm.

Lý Thường Hiến tiếp lời ngay:

- Ý của Phụng Càn vương và Binh bộ thị lang nói như thế có nghĩa rằng Quách Quỳ sẽ vượt sông ở ngay chỗ đền Thánh Tam Giang, ngay trước đại bản doanh của nó. Đây là những cao kiến, chủ tướng nên xem xét.

Hoàng Chân vương bèn lên tiếng:

- Trong chiến tranh nhiều khi cái không đáng ngờ lại trở thành cái ngờ nhất. Ví như khi Quách Quỳ đem đại quân vào cõi ta, ai dám nghĩ nó chọn con đường tắt với cơ man nào là đèo dốc, đường hẻm, rừng núi, suối khe để đưa quân về nẻo Bắc Sơn. Cho nên phải cân nhắc kỹ đoạn chân núi Nham Biền, bởi việc hư hư thực thực là rất khó lường. Ta đang hăm giặc di dân vào thế bất lợi, chớ vì một sơ hở nhỏ để giặc có thể đảo ngược được tình thế.

Lời nói của Hoàng Chân khiến Lý Thường Kiệt bừng thức trong việc bố trí binh lực hồi đầu cuộc chiến. Chính ông đánh giá Quách Quỳ không dám mạo hiểm cho đại quân qua nẻo đường tắt, vì thế ông chỉ đặt có vài ba trạm quân phục, mỗi trạm cũng chỉ có một, hai ngàn

quân nên không gây được tổn thất lớn cho giặc. Mặc dù trước đó Phụng Càn vương đã có ý nhắc nhở. Nay Hoàng Chân vương lại nhắc, nhất định ta phải thận trọng.

Thấy các ý đều tỏ sáng, Lý Thường Kiệt bèn quyết:

- Tôi cũng đồng một phán đoán với các vị, Quách Quỳ sẽ cho quân vượt sông ngay trước đại bản doanh của nó. Và có thể nó cho vượt ban ngày. Giặc không có thể cùng lúc cho quân vượt sông tại ba nơi khác nhau, bởi như thế binh lực bị chia nhỏ không còn đủ thế áp đảo quân ta, nên chúng dễ bị tiêu diệt. Tâm trạng Quách Quỳ hiện nay đang nôn nóng vào Thăng Long nên nó sẽ đánh một trận quyết liệt, nếu thắng y sẽ kéo hết thảy hai quân mã, bộ sang sông.

Trên toàn tuyến phòng thủ nam ngạn sông Như Nguyệt, tại những nơi hiểm yếu đều đã có lực lượng ứng trực trên mặt thành, và quân tiếp ứng cũng đóng cách đó chỉ một hai dặm. Nay phân các tướng đi trọng trấn các mặt trận như sau:

Đô tướng Lý Thường Hiến lấy thêm ba ngàn quân ngay đêm nay phải có mặt tại nơi đối ngạn với chân dãy núi Nham Biền.

Hoàng Chân vương sau đây về lại Vạn Xuân, nếu có hiệu lệnh phát ra từ nơi đô tướng Lý Thường Hiến, vương xuất ngay năm ngàn quân thủy lên tiếp ứng. Tuy theo diễn biến giữa ta và địch mà phát tín hiệu lấy thêm

quân thủy, bộ.

Phụng Càn vương lấy một ngàn quân kỵ đêm nay lên thẳng bờ nam bên dò Như Nguyệt, tất cả số quân hiện có trong vùng đều đặt dưới quyền sai khiến của vương. Số quân đó đủ sức cản hai vạn quân giặc qua sông.

Tôi, Lý Thường Kiệt thống lĩnh một vạn quân để đón Quách Quỳ cũng nội trong đêm nay phải có mặt trên ái lũy.

Tôi lưu ý các vị, ta ở trên cao đánh quân giặc dưới thấp phải dùng máy bắn đá, câu liêm, giáo dài, mã tấu, cung, nỏ, lao, ống sùy đồng, kể cả thông lọng quăng xuống trông lấy cổ giặc kéo lên như thể bắt chó vậy.

Nên nhớ khi giặc dùng bè chở quân qua sông nó đi rất chậm, bè lại lớn, quân đông, nếu tập trung máy bắn đá mà nã xuống thì diệu dụng vô cùng. Máy bắn đá kết hợp với cung, nỏ bắn xuống, lao phóng xuống, ống sùy đồng thổi xuống giặc chết chắc không ít đâu. Nếu có thời cơ cướp lấy bè của giặc không cho nó trở về bắc ngạn để chở quân sang.

Cử tướng, điểm binh xong, Lý Thường Kiệt quay ra nói với quan công bộ Đoàn Văn Khâm:

- Xin quan công bộ chuẩn bị ngay cho ba vạn tên diêm tiêu bùi nhùi. Lại gọi viên ngoại lang Kiêu Văn Ứng ra nói nhỏ: - Tôi sẽ cho quân dẫn ông lên vùng động Giám tìm Thân Cảnh Phúc. Ông truyền đạt cho phò mã biết tình hình dưới này đánh giặc như thế nào. Sau đó

bảo ông ta chia quân ra đánh phục kích ở nhiều điểm khác nhau, diệt thật nhiều đám dân binh tải lương thực và cỏ ngựa của giặc, nếu không thu được phải đốt ngay.

Xong đâu đó các tướng lập tức lên đường. Lý Thường Kiệt cho quân đem bản tấu về trình bà nhiếp chính Ý Lan và vua Càn Đức. Trong đó tâu báo việc: “Quân ta đang chuẩn bị đánh lớn, xin hoàng thái hậu và hoàng thượng về hắt Thăng Long, để dân chúng được thấy long nhan và các tướng yên tâm đánh giặc. Nội trong vài ngày tới sẽ có tin báo tiếp”. Liền đó ông lên ngựa ra thẳng chiến lũy trực tiếp kiểm tra việc bố trí binh lực và binh khí. Trong khi ông đang ruổi ngựa thì một vạn quân bổ sung đã vào các vị trí mà ông cho lệnh từ trước.

Đêm tối như mực, Lý Thường Kiệt đầu đội mũ râu dài, mình mặc áo giáp cùng các tướng lặng lẽ đi bộ trên mặt thành để quan sát động tĩnh. Dòng sông như một con hào đen kịt. Nhìn sang bắc ngạn, trại giặc im lìm, không một ánh lửa, không một tiếng động. Đi lên phía tây, ngoặt lại phía đông ước đến mười dặm đường tuyết không nghe thấy, không nhìn thấy một dấu hiệu gì từ phía trại giặc. Lòng sinh nghi, ông bỏ mũ áp tai xuống mặt đất, chỉ thấy tiếng trùng rỉ rả phía bờ nam ngạn. Đôi chỗ dưới chân thành phía trong đồng lập lòe một vài đốm lửa, chắc là những người lính gác đêm hút thuốc lào để chống cơn buồn ngủ. Nhẽ ra việc

dó phải cấm ngặt, nhưng vì đã có cả một dải tường lũy cao với với, bên bắc ngạn không thể nhìn thấy, nên ông cũng cho qua. Dừng lại một chỗ khá lâu, ông lắng nghe, lắng nhìn sang bắc ngạn, vẫn cứ im lìm như một vùng đất chết. Tuyệt nhiên không một tiếng chim kêu, không một tiếng thú gầm mà mùa này đang là mùa thú động hớn. Ông nghi quân Tống đang âm thầm dịch chuyển. Bằng linh giác của một người đã quá nửa cuộc đời cầm quân chinh chiến, ông cho rằng Quách Quỳ sẽ đem quân vượt sông đêm nay. Lập tức ông cho truyền lệnh tất cả quân sĩ trên toàn tuyến phải vào ngay vị trí sẵn sàng đánh địch vượt sông, và cấm ngặt việc gây tiếng động, việc đánh lửa hút thuốc lào dù trên mặt hay dưới chân thành.

Chừng nửa đêm quân thám từ bắc ngạn về bẩm:

- Giặc đang âm thầm chuyển quân ra sát bờ rừng, chỉ cách bờ sông chừng ba trăm bước chân.

Lý Thường Kiệt vội hỏi:

- Các người có biết hiện quân giặc có mấy chiếc bè?

- Bẩm , bảy chiếc cá tháy, thay vì bốn chiếc như cách đây ba ngày.

- Nếu khuôn khổ bè đúng như các người nói thì mỗi bè có thể chở được năm, sáu trăm quân. Ông cúi đầu nói nhỏ với viên đô tướng đô thám sát. – Người đi lo ngay cho ta một đội quân ngầm. Nhiệm vụ của nó là chờ khi bè giặc đổ quân sang nam ngạn xong, bên kia

bắc ngạn chúng sẽ kéo bè về đón quân sang tiếp. Nhằm khi nó kéo bè tới gần giữa sông thì chặt đứt dây cho bè quay ngang hoặc trôi xuôi. Để làm tốt việc này phải kén người bơi khoẻ, lặn lâu và phải có dao thật sắc.

- Tuân mệnh! - Viên đô tướng nói xong rồi vút đi ngay.

Chừng giữa giờ tí, bầu trời tự nhiên sáng hẳn ra một màu sáng đục và có vẻ ấm hơn. Sau đó bên bắc ngạn tiếng gà rừng gáy ran. Tiếng gà gáy cứ loang dần ra xa tí. Lý Thường Kiệt đoán đây là mật hiệu của giặc. Nhưng không hiểu đó là mật hiệu gì. Tiến công thì không phải rồi. Khi người Tàu tiến công, một là im ắng kiểu người ngậm tằm, ngựa bỏ nhạc, hai là kèn la trống thúc inh ỏi.

Ngửng nhìn trời thấy màu trắng mỗi lúc một đậm hơn như màu sữa. Ông vội "à" lên một tiếng nho nhỏ trong cổ họng và thảm như: Dấu hiệu này là sớm nay trời mù nặng. Ra thế, Quách Quỳ rành cả địa lý thời tiết phương nam. Ý đúng là một viên tướng tinh quái. Suýt nữa ta bị lừa.

Vậy ám hiệu kia là cái gì mới được chứ. Nếu không giải được nó ra thì có khác nào vịt nghe sấm. Thoáng lát lần gỡ, Lý Thường Kiệt giả định rằng Quách Quỳ định cho quân qua sông vào giờ tí. Chợt thấy thời tiết thay đổi. Quỳ muốn dựa vào thế sương mù thì tốt hơn. Dù sao nó cũng hợp với đám quân miền bắc, vì chúng

rất quen thạo đánh nhau trong cảnh trời mù hay trời có tuyết sa. Và cái ám hiệu kia chính là lệnh dừng qua sông ngay lập tức. Như thế có nghĩa là chúng sẽ qua sông vào lúc sáng sớm, khoảng đầu giờ dawn.

Phán đoán xong điều đó, ông thấy nhẹ cả người. Dù sao đó cũng mới chỉ là phán đoán theo ý mình, nhờ dịch lại bày ra một kế khác thì sao.

Lý Thường Kiệt đem điều bản khoản ấy ra nói với quan Binh bộ thị lang và Hoài Hương hầu.

Cả Lê Văn Thịnh và Lý Hoài Hương đều cho sự suy đoán của Đô thống nguyên suý là hợp lý.

Lệnh mới được truyền ngay trong quân: “Giặc có thể lợi dụng lúc trời mù cho quân vượt sông, tướng sĩ gắng quan sát kéo mắc mưu địch”.

Từ khi có lệnh mới, các viên đô tướng đốc chiến luôn đi lại kiểm tra đốc thúc các đô quân đang mai phục.

Một sự im lặng nặng nề trùm lên cả hai bên nam bắc ngạn. Càng gần sáng, sương mù càng dày đặc hơn, nam bắc ngạn đều chìm trong sương, sông Như Nguyệt bỗng dưng biến mất. Nham Biền, Thất Diệu, Tản Viên như loãng tan thành sương hết.

Quách Quỳ, Triệu Tiết cùng hàng chục vạn quân xâm lược Tống cũng mất tiêu cả rồi. Trời với đất hoà với nhau thành một rồi.

Đang giữa lúc tướng như cả vũ trụ đều mất tiêu thì

nghe được tiếng lịch kịch và tiếng thù thâm bên bắc ngạn.

Phía quân ta được lệnh đã sẵn sàng.

Tiếng rì rầm lúc một rõ hơn, rậm hơn. Bây giờ còn nghe rõ cả tiếng chân sào đạp tồm xuống nước và tiếng thân sào cọ sát vào bè nữa phát ra những âm thanh sần sạt. Nghe những thanh âm đó cũng đoán biết con bè đang ở chỗ nào trên mặt sông.

Bỗng một cơn gió nhẹ kéo đi cả một mảng sương dài, để lộ ra dòng sông đầy ắp những bè và quân Tống hiện ra lối nhỏ như những mảng nấm vừa mới mọc lên sau một trận mưa đêm.

Một tiếng nổ rền như sấm liền theo là tiếng tù và rúc, tiếng trống đồng thúc rộn rã phía bờ nam. Rồi hàng loạt các máy bắn đá¹ nhằm những con bè kền càng mà gieo xuống.

Quân Tống đứng trên bè mọc che trên đầu như một mái lợp nhằm chống đỡ tên và mũi lao trên bờ nam nã, phóng vào nhưng lại bị các viên đá nặng đánh bật mọc ra khiến các mũi tên từ cung, nỏ trên bờ nam vãi xuống như mưa. Quân Tống bị tiến công mãnh liệt, nhiều đứa đã bị trúng đá, trúng tên. Quân đông không xoay trở được. Nếu có dùng cung bắn trả cũng không

¹ Goi là máy, thực là sự lắp ráp thủ công gồm một cái cần, ở một đầu có bộ phận để những viên đạn bằng đá. Cần trướng lên rồi bắt làm cho đá ở đầu cần văng đi xa. Sức văng bất quá được dăm bảy chục mét.

nhìn thấy quân Việt từ trên bờ thành cao lút. Lúc này mù đã tan. Ánh sáng mặt trời chiếu khắp. Quân Tống chỉ muốn mau chóng cập được bờ mà đổ quân lên. Số quân chết trên mặt bè bị đồng bọn hất xuống sông để lấy chỗ cho đứa khác thế chân chống bè, hoặc bắn vu vơ lên mặt thành cho đỡ sợ. Quân Tống tuy chết nhiều nhưng vẫn gắng đẩy cho bè nhanh vào bờ. Đã có hai chiếc cập được vào sát bờ, nhưng không có chỗ lên. Vì bờ dựng đứng như một tường thành không có chỗ bấu bám. Quân giặc phải dựa vào bè đẩy nhau leo lên dùng dao dài chặt rào gai lấy chỗ bám vào các cọc tre. Nhưng rào và tre chẳng chịt dày đặc mấy lớp không sao chặt phá nổi. Chúng xua hết những đứa còn sống sót phải bám hết vào chân thành để những kẻ bên bắc ngạn kéo dây cho bè trở về để chờ tiếp quân sang. Khốn thay những đứa bám được vào chân thành chẳng khác những con nhái bén. Một tay cố bấu vào bất cứ một vật nào đó, còn tay kia chặt rào gai để ngoi lên. Vũ khí như cung nỏ thì khoác lên vai, đoản đao thì gài thắt lưng. Trong khi đó quân Việt ở trên cứ chia cung bắn thẳng xuống hoặc dùng câu liềm tròng vào gáy giặc mà giật như giật những trái dưa, trái bưởi. Nhiều người dùng thông lọng quăng chụp được vào cổ giặc rồi xúm kéo nó lên.

Trong số bảy chiếc bè trước sau chúng cũng gạt được hết quân ép sát vào bờ để còn lôi bè ngược về bắc ngạn. Nhưng chỉ có bốn chiếc cập bờ còn ba chiếc thì lênh đênh trôi về phía hạ lưu.

Quách Quỷ đã tìm mọi cách yểm trợ cho đám quân qua sông có thể lên bờ đánh chiếm lấy một chỗ làm vị trí đầu cầu như y dự định. Nhưng y quan sát thì việc đó không thể thực hiện được. Y cho điều cả máy bắn đá ra sát bờ sông rồi bắn sang. Nhưng sức văng của máy không qua được lòng sông.

Nhìn tình cảnh những đám quân thoi thóp bên nam ngạn, Quách Quỷ đành nuốt hận chứ không dám đưa quân sang tiếp.

Lữ lính còn đang ngắc ngoải kia muốn quay về bè thì không còn nữa. Đám quân miền bắc mà xuống nước là chết chìm ngay. Máy đưa miền nam cậy biết bơi vượt hết cả mọi thứ trên người rồi lóp ngóp bơi về bắc ngạn. Nhưng những cung thủ thiện xạ trên bờ nam không bỏ sót một đứa nào.

Con người khi bị đưa vào chỗ chết bao giờ nó cũng gắng tìm qua chỗ sống. Vì vậy cuối cùng nhiều tên giặc cũng thoát khỏi cái vách thành dựng đứng dày đặc rào gai và tre nhọn để vượt lên mặt thành, không phải chỉ dẫm ba đứa, mà lác dác cả chục dặm sông chúng cũng kéo nhau lên mặt thành được tới cả ngàn tên. Khi bò lên được tới mặt thành tất cả bọn chúng đều bị bắt ngay. Thực ra, chúng đem hết can trường để leo lên mặt thành mà đầu hàng may còn được sống, chứ làm gì còn vũ khí, làm gì còn sức lực để đánh nhau. Hơn nữa các tướng, các cấp chỉ huy của chúng hoặc chưa kịp sang

sông, hoặc đã trốn chạy theo bè khi vừa quay mũi. Vì rằng bọn tướng lĩnh quan cao bao giờ chúng cũng đánh hơi cái chết bén nhạy hơn bọn lính tráng ngu khờ.

Trận đánh diễn ra từ giờ dần đến cuối giờ ty thì kết thúc. Nắng tháng hai hoe hoe vàng đem cái ấm áp đến cho muôn loài sinh sôi. Hai bên bờ sông chợt vắng lặng, một sự vắng lặng đến hãi hùng. Nước sông Như Nguyệt vẫn lặng lẽ trôi xuôi. Dường như nó khước từ, nó không chịu làm chứng cho những gì xảy ra trong lòng nó vừa cách đây có mấy canh giờ. Bởi chứng nó là dòng nước của hiện tại chứ nó không phải là nước của chết chóc khi mai. Tuy nhiên, các ghềnh đá giữa sông quăng chân núi Nham Biền kia lại không thể khước từ bởi hàng ngàn xác giặc đang tụ kết thành bè giăng mắc tại đó.

Trên trời từng đàn chim ác là nối nhau bay về phía hạ lưu. Chúng vừa bay vừa thả ra những tiếng “quà” “quà” như những tiếng reo vui. Phái chãng đó là những tín hiệu phát đi cho đồng loại mau đến vùng đất có quà – vùng bãi mồi. Ôi cái giống ác điều háu ăn kia sao còn biết sẻ chia miếng ăn cho đồng loại!

Vừa về tới đại bản doanh, Lý Thường Kiệt sai Bình bộ thị lang Lê Văn Thịnh thảo chiếu về triều báo tin thắng trận.

Nhưng việc quan trọng nhất với ông lúc này là phân loại tù binh rồi lấy lời khai của chúng. Cả ngàn tù

binh, nếu chỉ có vài ba người xét hỏi thì đến mấy tháng cho xong, trong khi ông đòi hỏi phải biết ngay những gì mà ông chưa được biết về phía quân thù.

Lý Thường Kiệt đòi bất cứ một ai, nói được thứ tiếng miền nào của Trung Hoa đều tham gia vào việc xét hỏi tù binh. Nếu không nói được thì bút đàm với những tên biết chữ.

Vậy là ngoài Hoài Hương hầu, Lý Thường Kiệt còn cho triệu các thân vương như Lý Nhật Trung, Lý Hiến Minh, Chiêu Văn, Hoằng Chân, viên ngoại lang Kiều Văn Ứng, lang tướng Nguyễn Căn và Lê Văn Thịnh. Riêng Lê Văn Thịnh phải tập hợp tất cả lời khai của tù binh rồi đưa lại cho ông.

Trước khi vào việc, ông dặn mọi người phải tìm cho ra trong số tù binh này có những đứa nào chức tước tướng trở lên để mà khai thác. Còn mấy tên lính ngu khờ, hỏi qua mấy câu là biết ngay, khỏi mất thì giờ nhiều với chúng. Ông sai đưa tù binh vào sâu nội địa chứ không để chúng ở nơi giáp mặt trận được.

Khi phải rút một phần các tướng về làm công việc của những người thư ký, Lý Thường Kiệt lo trên mặt trận trống vắng, lỡ giặc bất ngờ đánh sang. Và lại trận thắng vừa qua trên thế nhân, lỡ binh sĩ đem lòng kiêu mạn. Vì vậy, ông phải quay lại chiến trường vừa căn dặn các tướng vừa ủy lạo binh sĩ. Ông cho quân một bữa ăn khao và cho thay phiên ứng trực để mọi người

thay nhau mà nghỉ cho lại sức.

Sau trận thua đau, Quách Quỳ rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Y nằm lì trong trường hổ nghê kế “phá giặc”.

Cũng từ sau trận thắng đo, các đô tướng bên nam ngạn thường cho thuyền nhỏ sang bắc ngạn khiêu khích.

Quách Quỳ sai tướng Diêu Tự đem tinh binh ra sát bờ sông hết sức ngăn cản, giữ không cho quân Việt lên bờ.

Quỳ sợ quân mình khinh suất lại mắc mưu kế quân Nam liền hạ lệnh cấm ngặt không được manh động qua nam ngạn. Và “ai bàn đánh sẽ bị chém đầu”.

Bữa nọ Quách Quỳ cho triệu các tướng về hỏi kế “phá giặc”.

Các tướng về đông đủ nhưng chẳng ai hiến được kế gì. Không khí nghị bàn thật là tẻ nhạt. Bọn Miêu Lý lần trước cho quân qua sông bị thua, Quách Quỳ khiển trách, đe sẽ trị tội sau. Lần này được triệu, hấn cứ chằm chập nhìn Quách Quỳ và chỉ muốn nói: “Chinh thảo chánh sử An Nam hành doanh đô tổng quản, lần này tự tay ông vạch kế hoạch đánh, tự ông chỉ huy. Ông nương quân nhiều hơn tôi, thua nhục nhã, vậy ai hạch tội ông đây?”. Ấm ức mà chỉ dám thăm thĩ ở trong lòng nên gương mặt Miêu Lý trở nên khó đăm đăm.

Thấy chẳng ai nói năng gì, sợ ngượng cho chủ tướng, Miêu Thi Trung – viên chuyên vận phó sứ Quảng Tây

bèn hiến bữa một kẻ: “Quân ta không có ý đánh, chắc giặc sẽ đi đường hém tới mong bất ngờ phá ta chăng. Ta cứ làm ra vẻ không phòng bị để dụ giặc đến. Nếu nó đến ta đánh cho thua, hãm vào thế cùng rồi nó mới chịu hàng”.

Phó tướng Yên Đạt cũng ngược nghịu bàn vào: “Đúng vậy. Ngay trong binh thư Tôn Vũ Tử cũng dạy: Như người tới đất mình lợi hơn tới đất người”. Vậy ta nên giả cách không phòng bị. Chúng ắt sẽ tới đánh ta”.

Đã định không nói, nhưng thấy bọn hạ cấp làm vừa lòng Quách Quý một cách đê tiện, Triệu Tiết hất hàm về phía Yên Đạt hỏi:

- Phó Đô tổng quản, ông ăn nói cái gì mà kỳ vậy. Hơn mười vạn tinh binh cùng hơn hai chục vạn binh phu nước Tống đến đây chẳng phải do quân Giao Chỉ dụ đến sao? Điều đó chính người Giao Chỉ đã làm trước ta rồi.

Lời nói đâm hông của Triệu Tiết khiến Quách Quý giận tím mặt. Chánh tướng lên tiếng dưới:

- Các tướng về trại!

Lại nói Lê Văn Thịnh cùng một số hoàng thân và quan cấp trong đoàn thâm vấn tù binh, họ đều là những bậc trí tuệ nên vào việc rất nhanh chóng. Trong đám binh lính Tống, một trăm đứa chỉ một hai đứa gọi là biết chữ. Bởi chúng đọc không vỡ hết mặt chữ, còn viết thì bất thành văn. Trong hơn một ngàn quân vừa bị bắt vừa

dầu hàng, lọc ra được năm đứa gọi là đô tướng. Đây là đô tướng cấp thấp nhất, chỉ coi một đô quân tám chục lính thôi.

Hộn tất cả các lời khai của quan của lính lại, binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh quy về có mấy điều:

- Một là từ quan đến lính Tống, tất cả đều đã nhìn thấy bảy vị thần núi Thất Diệu, hoặc nếu chưa được nhìn tận mắt cũng được nghe các bạn đồng ngũ kể lại. Các tướng nghe lính kháo nhau cũng lên nắp chờ xem thần xuất hiện. Biết là lính sợ “Thất Diệu Sơn Thần” nên Quách Quỳ đã ra lệnh cấm không được bàn tán về chuyện này. Ai không tuân sẽ bị chém đầu. Kỳ thực, Quỳ chưa giết một người nào tuy họ vẫn bàn tán xôn xao, bởi chính Quách Quỳ cũng sợ thần trách phạt.

Trước khi khởi sự dõ quân sang đánh nam ngạn sông Như Nguyệt, Quách Quỳ đã cho sửa hai lễ thật hậu, một lễ đặt quay về hướng tây để tạ “Tản Viên Sơn Thánh”, một lễ đặt quay về hướng đông để tạ “Thất Diệu Sơn Thần”. Hấn chỉ xin thánh, thần cho được bình an. Bởi hấn phải thân chinh là theo chiếu của thiên tử sai đi.

Hai là lòng quân rất nản, nhất là từ sau khi Đại Việt thả các tù binh Tống bắt được từ Vân Đồn. Vậy là hai mặt quân thủy bộ cùng thua và đều bị quân Đại Việt ngăn không ứng cứu cho nhau được. Vì vậy họ không tin rằng trong cuộc chiến này quân Tống sẽ thắng. Nhất

là đám binh lính và binh phu Lương Quảng năm trước đã từng chứng kiến sức mạnh của quân Đại Việt, nên họ cũng nản.

Ba là chánh phó chinh thảo sứ Quách Quỷ và Triệu Tiết đang bắt hoà ngày một sâu sắc. Triệu Tiết chỉ cốt giữ mình chứ không tham gia bàn bạc hiến kế.

Ngoài ra về tâm lý chán chường, nhớ quê, nhớ nước, bất hoà giữa quân miền bắc với quân miền nam cùng các thứ khác, đều như lần trước Hoài Hương hầu lấy lời khai tử bọn lính Tống bị bắt đã nói đủ cả rồi. Có điều rằng những yếu khuyết trong hàng ngũ quân Tống chỉ ngày càng tăng thôi chứ không thể giảm thiểu.

Đọc xong bản yếu thuật các lời khai của tù binh Tống, quan Đô thống nguyên súy nở nụ cười mãn nguyện. Lý Thường Kiệt tự nhủ: "Phải nhân đà này mà đánh cho quân thù tan rã cả về ý chí và binh lực để nhanh chóng đuổi chúng ra khỏi cõi". Đoạn, ông quay hỏi Lê Văn Thịnh:

- Binh bộ thị lang, theo ông kế sách tiếp theo trong công cuộc đuổi giặc này ta nên làm thế nào.

- Bẩm tình cảnh này chẳng riêng gì binh sĩ Tống vô vọng mà chính Quách Quỷ cũng đang rối. Quân thù đang ở vào thế thủ để nghe ngóng rồi tìm cơ hội xoay chuyển tình thế. Càng ở lâu đất ta, giặc càng lâm vào khốn đốn.

Duy có một điều thưa quan Thái tể, theo tôi, ta nên

khoét thật sâu, đó là hầu hết binh lính Tống đều nhút nhát sợ ma làm, sợ thánh vật. Nhất là hồi năm ngoái ở Ung Châu, quân miền bắc kéo về ồm la liệt, chết hơn năm ngàn tên, thuốc men đủ thứ không khỏi. Sau vua Tống sai triệu các thầy cúng cao tay về cúng ma, trừ tà, trừ dịch, tự nhiên chúng không chết nữa, nên chúng có lòng tận tìn vào ma, vào thần. Hiện nay, chúng lại tận mắt nhìn thấy “Thất Diệu Sơn Thần” và chúng hết lòng kính sợ. Theo tôi, nếu giữ được tuyệt mật việc thần linh xuất hiện, và rồi khoét sâu vào tâm trạng đang hoang mang của chúng nó thì ta có thể làm cho quân Tống tan rã từ trong tim, trong óc còn sức dẫu mà chống lại quân ta nữa.

Lý Thường Kiệt choàng đứng dậy với vẻ thích thú, ông nói:

- Lý của ông hay lắm. Nhưng ông phải giúp ta biến nó thành kế sách. Ta hiểu ý ông rồi. Đây có thể xem như một đội quân vô hình nhưng có sức mạnh tàn phá sinh lực quân thù một cách ghê gớm. Phải, ta phải đánh giặc bằng mọi phương cách. Nhớ hồi đi kinh dinh biên thủy trước khi chiến tranh nổ ra, Lý Kế Nguyên có nói một ý mà ta nhớ mãi.

- Xin quan thái tể cho nghe cao ý của Chiêu thảo sứ đồng hải đô tổng quản.

- Không có gì là cao kiến lắm đâu, nhưng nó là sự thực. Lý Kế Nguyên báo với ta rằng: “Lần này đánh

Tống, không chỉ là cuộc đấu lực mà còn là cuộc đấu trí khốc liệt". Càng đi sâu vào cuộc chiến, lời tiên đoán ấy càng đúng.

- Dạ đúng như vậy. Ví như trận vừa qua, nếu quan thái tử không phán đoán chính xác và bố trí binh lực kịp thời, có khi Quách Quý đã đưa được hết hai quân mã bộ sang sông, đẩy ta vào tình thế cực kỳ khó khăn.

- Đúng thế, trong chiến tranh, sai một ly đi một dặm.

Ngừng lại giây lát, Lý Thường Kiệt nói:

- Ta luôn coi Quách Quý, Triệu Tiết, Yên Đạt là những tướng cầm quân rất giỏi, nên lúc nào ta cũng phải canh chừng họ. Nói thật với ông, ông là người học nhiều, biết rộng ta mới thổ lộ với ông điều này: Cầm quân của một nước, không chỉ là việc nắm sinh mệnh của binh lính trong tay mà chính là nắm sinh mệnh cả quốc gia đấy. Bởi thế ta lo lắng. Ông thấy ta cứ luôn luôn hỏi kế các ông, nhiều khi các ông cứ bảo ta vờ nhún. Không phải thế đâu, một người nghĩ sao bằng nhiều người cùng nghĩ. Nghe được ý của các ông là cần lắm, nhưng quan trọng nhất là ở chỗ quyết như thế nào kia. Đột ngột ông quay về phía Lê Văn Thịnh nói rành rọt: - Ông lo ngay giúp ta cái kế đánh vào tâm trạng giặc như ban nãy ông đã hé lộ, để ta rảnh tay lo việc đánh tiếp đám giặc này cho chóng kết thúc cuộc chiến đi.

- Xin lĩnh ý quan Thái tử, - Lê Văn Thịnh đáp lời rồi ông cáo lui.

Tại Thăng Long, nhiếp chính hoàng thái hậu Ý Lan nhận được tin báo tiếp, bà cho triệu thỉnh các quan vào triều hội.

Trước bá quan, hoàng thái hậu cho tuyên đọc biểu dâng thảng trận của quan Đô thống nguyên súy Lý Thường Kiệt.

Trăm quan đều vui mừng hể hả. Mọi người đều có lời chúc mừng hoàng thái hậu, chúc mừng hoàng thượng rồi cất tiếng hô to:

- Hoàng thái hậu thiên tuế!
- Hoàng thượng thiên tuế!
- Đại Việt vạn vạn tuế!

Chờ cho mọi người ngồi vào chỗ, hoàng thái hậu liền ban ý:

- Giặc tràn vào cõi, lòng ta lo khôn xiết, may nhờ hồng phúc của tổ phụ, hồn thiêng sông núi cùng Trời Phật độ trì, quân ta không những cầm cự được, còn được bước chân giặc mà còn thắng chúng liên tiếp mấy keo. Ta muốn lập một đoàn thay mặt triều đình ra mặt trận úy lạo binh sĩ, và đem chiếu thư của ta khen quan Thái tử nguyên súy đô tổng quản.

Quan Bình chương Lý Đạo Thành xuất bân tâu:

- Xin hoàng thái hậu nhiếp chính cho thân đứng ra lập đoàn úy lạo của triều đình.

- Ông Bình chương, ta biết ông thay mặt triều đình

là hợp lẽ, nhưng ngặt vì quyền đại chính trong nước, ông là trụ cột, tuổi lại cao, cần phải bảo trọng, vả lại các lần trước ông đã đi nhiều rồi, nay ông ở nhà cầm trịch.

- Thần tuân chỉ. - Lý Đạo Thành nói rồi lui về chỗ.

- Vậy ông Bình chương cứ tự nhiên chọn người vào đoàn úy lạo. Còn quan Hữu nhai tâng thống bàn ngay với quốc sư Hoài Tín lập trai đàn tạ ơn Phật tổ đã độ cho dân nước thắng giặc. Ta với hoàng thượng sẽ tham dự trai đàn.

Các quan ngơ ngác hỏi nhau: “Cả nước đánh giặc, máu xương sĩ tốt đổ ra biết cơ man nào, sao lại quy công cho Phật”. Nhưng nhiếp chính quyền cao tối thượng đã quyết, còn biết nói sao.

Trao quyền coi sóc mặt trận cho các tướng dưới quyền, nửa đêm Lý Thường Kiệt lên ngựa về Thăng Long.

Sớm hôm sau ông vào thẳng điện Nhật Quang ra mắt hoàng thái hậu nhiếp chính Ý Lan và vua Càn Đức, tâu báo mọi việc ông dự định đánh quân Tống sắp tới.

Nhiếp chính Ý Lan lấy làm cảm động nói:

- Ông đã vì ta, vì sự nghiệp của nhà Lý, vì non sông Đại Việt mà làm bao việc không tiếc cả sức mình, cả thân mình xông pha chinh chiến bình bắc dẹp nam, nay quyền thái tổ nguyên suý đô tổng quản ở trong tay, tướng ở ngoài biên thấy việc cần làm ông cứ làm, ta là đàn bà, nhà vua thì thơ đại, có hỏi cũng chỉ biết vậy thôi. Việc chinh chiến quan hệ đến xã tắc, ta đâu dám

lam quyết.

Nhìn Lý Thường Kiệt già yếu, Ý Lan nói thật là xúc động:

- Ông tuổi cũng đã cao, việc chiến trận hao tổn trí lực lắm, ông nên bảo trọng, mà ta cũng nói thật, các đại thần, các hoàng thúc nhiều người học nhiều hiểu rộng lắm, nếu cần sao ông không tham bác họ.

Thấy người trên biết đến nỗi cực nhọc của mình, chỉ riêng điều ấy với Lý Thường Kiệt cũng đã mãn nguyện. Ông nói:

- Thần nguyện hiến trọn tấm thân của cha mẹ cho để báo đền ơn nước, nay được hoàng thái hậu cùng bề hạ tin dùng, dầu có phải lấy da ngựa bọc thây ngoài trận địa khi quyết chiến với quân thù, thì cái chết ấy chẳng phải là vinh quang của người lính sao. Nước đang có giặc, sinh mệnh quốc gia đang bị quân thù đe dọa, thần cảm vì tấm lòng của hoàng thái hậu chứ quả thực thần chưa dám nghĩ đến bản thân mình.

Còn như cái quyền tự quyết của tướng ở ngoài biên sao thần không biết. Nhưng thần không muốn mình là kẻ tự phụ, chuyên chế trong khi còn có thể cầu kiến mọi người được kia mà. Có những chuyện phải làm trước tiên sau, nếu không sẽ lỡ mất thời cơ, như chuyện đem quân phạt Tống năm trước. Việc ấy nếu đem ra bàn trong triều đình vừa khó quyết, vừa dễ lọt tin tức, quân thù có thể ra tay trước. Việc bàn của thần trong

lúc này nói cho cùng kỳ lý là buộc chặt mọi người vào một trách phận tối thượng là cứu nước. Và lại khi kết thúc chiến tranh công việc bộn bề lắm, lúc đó lại phải cần đến những người quen thạo cương chính, dẻo mềm mà lý sự trong bang giao, chứ bộn võ biên như lũ thần sao có thể gánh vác được. Vì vậy, lúc này phải kéo mọi người vào cuộc trước đi.

- Ông quả là người sáng suốt, vừa thận trọng vừa sâu sắc, biết sự việc từ khi nó chưa manh nha, đức Thái tông chọn ông cho tiên đế từ khi hai người còn tấm bé, phải nói ngài có con mắt của bậc minh vương thánh đế.

- Hoàng thái hậu quá khen.

Lý Thường Kiệt xin hoàng thái hậu cho triệu thỉnh ngay một số đại thần trong Hội đồng cơ mật đến ngay điện Nhật Quang đề bàn việc nước, vì ông không muốn lộ diện trên đường phố Thăng Long, lỡ tai mắt quân thù ngó thấy.

Chừng nửa canh giờ, mọi người đã tề tựu đủ. Vẫn những gương mặt quen thuộc như Thái phó bình chương quân quốc trọng sự Lý Đạo Thành, Công bộ Đoàn Văn Khâm, Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, Binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh, viên ngoại lang Kiều Văn Ứng...

Vào việc Lý Thường Kiệt nói tất cả những khó khăn trong nội bộ địch như tướng lĩnh bất hoà, quân thì nhát sợ hay cãi cộ gây ẩu đả giữa lính miền bắc với lính miền nam. Lương thực thiếu, cỏ ngựa thiếu, quân

ốm chết bệnh ngày một nhiều. Gắn dây phò mã Thân Cảnh Phúc chia nhỏ quân về các động, sách phối với quân của các tù trưởng thường phục kích, tập kích đánh bọn binh phu tải lương gây tổn thất về người và lương thảo của chúng khá nhiều. Quách Quý, Triệu Tiết đang bị hãm trong vùng đất không thể kiếm nổi cho quân một ngày lương. Rừng thì nhiều mà cỏ không có, ngựa thuần ăn cỏ khô chờ từ phương bắc về. Một vạn con ngựa vùng thảo nguyên, mỗi ngày nó tung vó một vài trăm dặm là bình thường, nay dồn vào trong xó rừng, khe núi tù cẳng chẳng khác chi một lũ bò. Chúng uống nước suối có nhiều lá rừng độc, ngựa cứ gầy đi, loáng thoáng đã có con chết.

Việc chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên hãm không cho quân thủy của Tống vào cõi, khiến hai quân thủy bộ của giặc không ứng hợp với nhau được đẩy giặc vào thế đại bất lợi. Muốn sang sông không có thuyền, không có quân thủy hỗ trợ. Hai lần giặc vượt sông là hai lần đại bại. Giặc hiện trong thế co cụm lại chờ thời. Vì vậy tôi muốn đưa binh qua sông đánh cho nó một trận táng đờm để xem nó có phải lui binh không. Vậy xin hoàng thái hậu và hoàng thượng cho ý chỉ, xin chức vị cho thêm kẻ sách.

Nhà vua chú ý lắng nghe những điều ngoài tầm nghĩ hiểu của một cậu bé mười một, mười hai tuổi. Bà thái hậu Ý Lan như khi trước đã bọc bạch chân thành,

nên sự có mặt của bà và nhà vua chỉ là sự tượng trưng của quyền uy tối thượng, còn công việc vẫn phải cậy trông và các đình thần.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung mở lời:

- Đúng như ông Đô thống nguyên súy nói, quân Tống hiện đang lâm vào thế thất lợi về mọi mặt. Lực lượng chúng tuy có suy giảm nhưng còn khá mạnh. Hiện chúng chủ trương co cụm, cũng tức là chúng giăng bẫy chờ ta đến. Thử xem có nên đánh kẻ địch khi nó còn đang mạnh, khi nó chủ tâm mai phục chờ ta đến không. Thiết tưởng nán lại thêm một tháng nữa, khi mùa hè lên bức bối, bọn lính phương bắc nếu không mắc bệnh thời khí hàng loạt cũng bại hoại không muốn động cựa chân tay. Người ốm, ngựa ốm, lương thảo ngày một cạn kiệt. Hiện nay “Thất Diệu Sơn Thần” là nỗi ám ảnh tâm linh, nỗi khiếp sợ của quân Tống. Vậy ta có nên nán một thời gian nữa để nhờ vào thiên thời, tức trời giúp thêm cho, có nên chăng?

Quan công bộ Đoàn Văn Khâm tiếp lời:

- Bữa trước quan thái tử đô thống nguyên súy có nói bộ Công làm ngay ba vạn mũi tên bụi nhùi diêm tiêu, quân đã làm quá lên năm vạn, có đầy đủ trong kho rồi. Tôi chắc đô thống nguyên súy đã có chủ kiến trong việc phá giặc. Nhưng đã đưa ra bàn thì mỗi người mỗi ý. Tôi là tôi thấy nên nán lại một thời gian nữa như lời của Phụng Càn vương là xác đáng. Tại sao ta lại không nhờ Trời để tiết kiệm máu xương sĩ tốt. Tôi nghĩ nếu

nán lại một thời gian nữa, là ta dùng sức của một võ sĩ thượng thừa đấu với một võ sĩ dã tầu hoả nhập ma. Chắc thắng!

Công bộ vừa dứt lời, mọi người đều cười sáng khoái thật là vui vẻ.

Chờ mọi người ngớt tiếng cười, Binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh nói:

- Thật ra thì Trời đã giúp ta từ khi quân Tống về hội tại thành Ung Châu từ tháng chín năm ngoái. Bệnh thời khí đã cướp sinh mạng của hơn năm nghìn đứa trước khi chúng vào cõi ta. Lại gần một chục trận Dương Tùng Tiên bị Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên đánh cho đại bại, hai lần Quách Quy, Miêu Lý vượt sông cũng bị ta đánh cho đại bại. Thế chẳng phải là Trời đã giúp ta sao?

- Đúng là Trời thương dân ta nên đã giúp quân ta đuổi đánh giặc bắc cho chúng sớm rút về bắc. Nhưng ta cũng phải mau mau chớp lấy thời cơ Trời đang muốn giúp mà đuổi giặc ra khỏi cõi. Tôi nghĩ, để cho quân ngoại bang đóng trên đất nước mình, nó tức anh ách như chuyện cái cây đang xanh tốt bị mấy cành tâm gửi mọc bám vào, vừa xấu vừa nguy hiểm cho cây chủ.

Với vẻ phấn chấn, viên ngoại lang Kiều Văn Ứng tiếp lời:

- Quan Binh bộ thị lang, tôi rất thích cách ví von của tiên sinh. Ở đây chắc chư vị đều đã nhìn thấy ở cuối đường hòe, cây hòe to nhất, đẹp nhất của đường hòe

cách đây hơn ba chục năm, ngày ấy tôi còn nhỏ, thấy có một nhánh si mọc trên một cành hòe to nhất, rậm lá nhất. Suốt từ ấy tới nay nhánh si ấy đã ôm gọn cây hòe vào trong thân nó. Cây hòe chỉ còn thoi thóp mỗi cái ngọn khố khố như một cành củi, còn cây si bây giờ sum xuê cành lá, các thân mới mọc choán cả một vùng đất. Chính cái cành tầm gửi ấy, cái cây phụ sinh ấy nó đã bóp cổ chết cây chủ rồi. Cho nên việc để quân ngoại bang trên đất mình, thì sớm muộn nó cũng tác yêu tác quái với dân tộc mình y hệt thân phận cây hòe ở cuối đường hòe mà nay đang là cây si to tướng đấy. Vậy nên tôi cũng nghĩ, đuổi giặc ra khỏi cõi bờ ta sớm ngày nào hay ngày ấy.

- Phải đấy! Phải đấy! - Tự nhiên nhà vua nhảy dựng lên phán:

- Ông sư phó máy ông thị lang nói hay quá, phải đuổi giặc đi thôi! Chính ta cũng biết cái cây si ở cuối đường hòe, ai ngờ trước đó lại là cây hòe bị cây si bóp cổ. Quân Tống chính là cây si. Hay quá! Hay quá!

Thấy con có chiều phán khích thái quá, hoàng thái hậu Ý Lan vội kéo vai nhà vua ngồi xuống và nhẹ nhàng nhắc:

- Hoàng nhi!

Các quan đều vui vẻ, ai cũng cho lời nói hồn nhiên của nhà vua tựa như là chân lý. Đúng vậy, chân lý bao giờ cũng hồn nhiên và giản dị.

XV

Trở lại quân doanh, Lý Thường Kiệt từng ngày đau đầu lo kế đuổi giặc. Không phải ông không lưu tâm đến lời khuyên của Phụng Càn vương rằng hãy nán để sang hè, thời tiết thuận cho ta mà khó cho giặc. Như vậy, việc đuổi giặc sẽ nhàn sức quân hơn. Mưu ấy là của tướng giỏi, trên thông thiên văn dưới tường địa lý và thấu đạt nhân tình, phi các con của Lý Thái tông đời ít người có được tri kiến ấy và tấm lòng nhân ấy. Cũng như trước đây, vương từng khuyên ta không nên vì đường đèo hiểm trở nẻo Bắc Sơn, mà nghĩ rằng giặc không dám vượt. Quả nhiên sự việc diễn ra đúng như ý vương.

Việc dời sang hè sao ta không biết. Nhưng ở đời biết thế nào mà lường được. Liệu số quân Tống chỉ đóng khung như hiện có hay tới lúc ấy nó tăng lên gấp

hai, gấp ba lần, thì việc kháng giặc của ta không còn ở thế thượng phong như bây giờ nữa.

Tống Thần tông vốn tham lam và hiếu thắng, ông ta và Vương An Thạch đã tính nước cờ Giao Chỉ lợi đủ mọi đường, vì vậy mới cất bảy trăm dặm đất Hà Đông dâng theo yêu sách của nước Liêu, để đặt mọi hy vọng vào cuộc nam chinh này, kể như là một nước bạc cháy túi. Vương An Thạch từng thuyết phục vua Tống: “Lúc quân ta diệt được Giao Chỉ, uy ta sẽ có. Rồi ta báo cho Thiểm Tây biết, quân dân Thiểm Tây sẽ có thắng khí. Với thắng khí ấy, ta sẽ nuốt tươi nước Hạ. Mà nếu nuốt được Hạ, thì ai dám quấy nhiễu Trung Quốc nữa”. Còn Tống Thần tông thì hí hửng: “Sau khi bình được Giao Chỉ, ta sẽ đặt châu huyện như nội địa”, và: “Nghe nói vùng khe động có nhiều của quý. Sau khi Giao Chỉ thua, hãy đặt thành quận, huyện mà cai trị rồi hãy sung công của cải”.

Với tham vọng như thế, để gì vua Tống chịu cho Quách Quỳ lui quân mà không cứu. Đành rằng Vương An Thạch đã bị bãi chức từ tháng mười năm ngoái do sự vùng lên của cựu phái, khiến Tống Thần tông như bị chặt đứt một cánh tay.

Vậy sao ta không nhân lợi thế này mà tiêu hao sinh lực giặc, đánh cho chúng vừa thua thiệt về binh lực vừa rã rời ý chí, tới khi Tống Thần tông có muốn cứu vẫn cũng không còn gì mà cứu nữa. Còn như cứ

hãm quân chờ trời biết đâu lại không rơi vào hạ sách, lúc ấy có muốn đánh cũng không còn thời cơ nữa.

Lý Thường Kiệt sức nhớ đến cái ý ví von về một loài tầm gửi của Lê Văn Thịnh. Ông cho đó là một cao ý, nhằm thức tỉnh mọi người rằng, việc đuổi quân thù ra khỏi cõi không thể trừ trừ được. Lại như Kiều Văn Ứng đem cây hoè ở cuối “Đường Hoè” ra làm ví dụ, về cái loài phụ sinh bóp cổ này để minh chứng rằng không thể chung sống với giặc được. Chung sống với giặc, trước sau rồi cũng bị giặc hại. Nhanh thì như Trọng Thủy, chậm thì như nhánh tầm gửi si trên cây hoè ở cuối “Đường Hoè” kia. Hơn ba mươi năm sau từ một nhánh tầm gửi biến thành một cây cổ thụ toả nhánh cành về tứ phía.

Phải chớp lấy thời cơ! Lý Thường Kiệt đoán quyết như vậy và ông vạch kế tiến binh. Tới đây thì ông không bàn và cũng không cho ai bàn thảo gì nữa.

Ba ngày sau ông triệu Binh bộ thị lang Lê Văn Thịnh tới nói cho biết:

- Ta phải vất vả lắm mới hãm được quân Tống vào cảnh thất lợi khiến nó phải lui vào thủ thế. Ta cho đây là cơ hội không thể bỏ qua. Lỡ Tống Thần tông cho thêm viện binh sang nữa, thời cuộc chiến không biết đến bao giờ mới kết thúc được. Vì vậy ta đã hoàn tất kế sách, và đang lo chuẩn bị gấp để khai triển. Vậy chờ cái kế “làm cho quân Tống tan rã từ trong tim, trong

óc” nhờ vào siêu lực “Thất Diệu Sơn Thần” của ông đến đâu rồi, ông thử nói xem liệu ta với ông có thể kết hợp với nhau thành một thể liên hoàn không. Phải biến được siêu lực thành thực lực ta mới sớm đuổi được quân thù ra khỏi cõi.

- Bẩm Đô thống nguyên súy, tôi đã nghĩ kỹ rồi, không kế nào hay hơn kế hoàng đế Lê Hoàn đã dùng kháng Tống năm Tân Ty (981).

Lý Thường Kiệt cảm như khó hiểu, ông hỏi lại:

- Binh bộ thị lang nói rõ ta nghe, cuộc kháng Tống năm đó Lê vương dùng nhiều kế lắm: đánh bộ, đánh thủy, đánh quân phục, trá hàng.

Lê Văn Thịnh vẻ hơi lúng túng:

- Xin được thứ lỗi, hạ cấp chỉ nghĩ đến cái kế đánh vào tâm linh u tối của giặc nên nói năng không thấu đáo. Vậy chớ quan Thái tử đô thống nguyên súy có nhớ chuyện đang đêm thần tử trên cao mắng giặc cũng ở trên sông Như Nguyệt này, khiến quân giặc hoảng sợ tự tan. Chuyện xảy ra kể đã ngót trăm năm rồi.

- Ta là võ tướng nên chỉ xem xét thuật dùng binh của các đời chứ không để tâm việc khác. Vậy ông thử nói ta nghe sự tích thần mắng giặc ngày xưa và cái kế ông định dùng với ta ngày nay.

Lê Văn Thịnh thuật lại tỉ mỉ sự tích đã xảy ra như thế nào, hoàng đế Lê Hoàn cư xử với thần ra sao và các đại sư Pháp Thuận, Khuông Việt đã trợ giúp nhà vua

trong cuộc kháng Tống ra sao.

Lý Thường Kiệt chăm chú lắng nghe nhưng ông vẫn chưa hình dung việc sử dụng kế ấy như thế nào. Bởi trước đây ngót trăm năm là việc của thần, nay lại là việc của người.

Tiếp phần nguồn gốc sự tích, Lê Văn Thịnh nói rất tỉ mỉ sẽ vận vào việc quân sắp tới. Nghe tới đâu Lý Thường Kiệt đều tấm tắc khen. Cuối cùng ông phải thốt lên:

- Tự trung cũng là thần giúp cả thôi, ta xem ông như là một sứ giả tiếp nhận cái uy của thần để đem dùng vào việc quân. Được! Được lắm! Điều kế đấy! Ông cứ thế mà làm. Nếu kết hợp được cái oai thần lực với mãnh lực của ba quân, ta sẽ tạo ra được sức mạnh siêu thần nhập hoá, thắng lợi chưa biết đâu mà lường hết được.

- Nhưng có một việc quan Thái tử phải đích thân làm mới được.

- Làm bất cứ điều gì có lợi cho việc đuổi giặc, ta chẳng thể từ nan.

- Dạ thế thì ngay đêm nay hạ cấp cho sửa lễ đúng giờ Tí, quan Thái tử ra đền thờ Khước Dịch Đại Vương (Trương Hồng) ở ngay trên bờ nam sông Như Nguyệt nhìn chếch sang phía trại Quách Quỳ bên bắc ngạn.

- Lễ thì ta biết, nhưng còn khẩn thần thì khẩn như thế nào? - Lý Thường Kiệt loay hoay hỏi.

- Bẩm, cứ lòng thành, mình xin việc cho nước chứ có phải cho riêng mình đâu. Và lại trọng trách của thần là “hộ quốc tì dân”¹. Xưa kia hoàng đế Lê Hoàn cũng chỉ khẩn nôm, mộc mạc: “...Thần nhân có thể giúp ta thành được công nghiệp (kháng Tống) này thì việc phong thưởng và cúng đơm muôn đời sẽ không hết”.

- Phải, thế thì ta hiểu rồi. Ngay thần cũng phải có trách phận giữ nước. Ông nói đúng. Chính cái đó người ta gọi là hồn thiêng sông núi đấy. Vậy ông phải biện cho ta thêm một lễ nữa để lễ “Thất Diệu Sơn Thần”, nếu không chỉ có mượn oai ngài mà không tạ ngài ta cũng áy náy.

- Dạ đúng như quan thái tử nói đó. Bởi *âm dương đồng nhất lý*²

Đúng vào dịp hạ tuần tháng hai, đêm đêm mưa dầm gió bắc, trời tối như mực, người ta lại thấy bảy vị thần núi, mỗi vị to như cái đó khổng lồ, lù lù đi thành một hàng dọc trên bờ nam sông Như Nguyệt. Có lúc dừng lại và cùng nhìn sang bắc ngạn, đôi từng cặp mắt đỏ như máu về phía trại giặc. Cùng đêm thần không chỉ xuất hiện ở một nơi, mà rất nhiều nơi. Hai trại quân Quách Quỳ, Triệu Tiết ở về hai phía đông tây, cách nhau non sáu chục dặm mà quân Tống đều nhìn thấy thần.

1 “Hộ quốc tì dân” từ Hán – Việt nghĩa là: Bảo vệ đất nước, che chở cho dân.

2 *Âm dương đồng nhất lý*: nghĩa là cõi người và cõi âm đều có một cái lý chung (tức là nguyên tắc chung)

Trong quân Tống xôn xao bàn tán:

- Đã một thời gian bật vắng thần.
- Sao đạo này thần xuất hiện nhiều vậy?
- Có khi một đêm thần xuất hiện tới vài ba lần.
- Liệu sắp có sự trách phạt gì chăng?
- Việc thần bí hiểm, người sao biết được.

- Nghe nói trước khi cho quân qua nam ngạn, chinh thảo chánh sứ đô tổng quản Quách tướng quân đã đích thân làm lễ tạ thần.

- Ấy, thế mà năm, sáu ngàn quân qua sông đều mất tiêu. Chẳng nhẽ thần không độ sao?

- Ngu vậy, làm gì có chuyện thần của người Đại Việt lại độ cho quân Tống vào cướp nước của thần.

- Đúng vậy, coi chừng thần còn trừng phạt nặng hơn.

Và chúng sợ, phải kết với nhau thành từng nhóm lơ dêm dêm một đứa nào đó mót đá, mót ia không nhìn được thì phải đánh thức cả nhóm ra ngoài.

Đám quan tướng Tống một phần biết lính sợ ma, sợ thần núi Thất Diệu, một phần lo quân Việt đột kích, nên chúng cất cử quân canh gác rất đông. Mỗi lần đổi phiên canh ở một trạm phải tới nửa đô quân.

Lý Thường Kiệt tự mình đem quân đi đường thượng đạo qua chân núi Tam Đảo rồi vòng về vây trại Triệu Tiết ở phía Tây. Phụng Càn vương lĩnh một đạo đối ngạn

với trại Quách Quy, đề phòng bất chợt nó lại vượt sông.

Lý Thường Hiến lĩnh một đạo quân vượt sang bắc ngạn phía chân dãy núi Nham Biền có quân thủy của Hoảng Chân vương từ Vạn Xuân tiến lên tiếp ứng. Cùng hẹn nhau tới một ngày giờ cả hai phía cùng xuất quân, khiến các trại giặc đông, tây không ứng cứu cho nhau được.

Băng di hai đêm không thấy “Thất Diệu Sơn Thần” xuất hiện. Quân Tống vừa mừng vừa lo. Bỗng nửa đêm thứ ba, gió đông nam thổi mạnh, bầu trời sáng đục màu sương. Đàn vạc ăn đêm thả những tiếng kêu thanh bình suốt dọc triền sông. Đó đây trong rừng khuya tiếng cú rúc. Tiếng chim bìm bịp kêu vang ồm. Tiếng gà rừng gáy te te báo hiệu sang canh. Tất cả những thanh âm quen thuộc ấy tựa như một bản nhạc sâu xứ cứ dội vào óc não những người lính viễn chinh đang thao thức nghĩ về một ngày mai vô vọng.

Từ đâu đó, như từ đỉnh ngôi đền bên kia “dòng sông chết”, quân Tống gọi khúc sông Như Nguyệt mà chúng đang ngày đêm đối mặt là “sông chết”, bỗng vang lên một giọng nói khác thường như từ thình không xa thăm dội xuống, nghe lạnh buốt thấu xương. Quân tướng Tống đều như bị dựng dậy bởi một thứ thanh âm đầy uy lực như là tiếng nói của siêu nhiên thần thánh. Chúng căng tai lắng nghe rõ ràng từng chữ, từng lời. Và lời thần cứ nhắc đi, nhắc lại với một giọng lạnh lạnh

nghiêm khắc, tựa như lời quở mắng:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Nghe lời thần trách mắng, quân Tống hoảng sợ rã rời. Vì rằng không tuân sự phân định của trời tức là trái thiên mệnh. Trái thiên mệnh tức là giặc nên thần vặn hỏi: “Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm” (Cớ sao lũ giặc sang xâm lấn). Và nhất định thần sẽ trừng phạt những đòn sấm sét: “Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư” (Chúng bay sẽ bị đánh tới bời).

Quân Tống sợ hãi ngồi co dúm lại với nhau bàn tán:

- Đúng là giang san nào chủ nhân ấy.
- Trời đã định thế rồi mà nước mình lại kéo quân sang xâm phạm.
- Vì thế mấy lần đô quân sang nam ngạn đều chết hết.
- Thì thần ngăn lại, thần trừng phạt chứ còn sao nữa.
- Tháo nào đêm đêm thần tuần du khiếp thế.
- Đến bây giờ thần mới nói hẳn ra cái ý của thần,

1 Dịch thơ: *Sông núi nước Nam vua Nam ở
Cõi bờ phân định tại sách Trời
Lũ giặc cớ sao sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tới bời*

nếu chúng ta nghe lời thần, cảnh tỉnh, mau mau bỏ trốn đi, may còn được sống.

Thế là binh lính Tống rủ nhau đi trốn. Một không khí hoảng loạn bao trùm khắp các trại quân.

Thấy có hiện tượng tan rã trong quân, Quách Quỳ triệu Yên Đạt vào trưng hỏi:

- Đêm qua ông có nghe “Thất Diệu Sơn Thần” mắng quân ta chứ?

- Trời! Giọng Thần cứ lạnh lạnh như tiếng chuông rót vào tai, lại được gió đông nam nâng lời Thần bay bổng còn ai mà không nghe. Yên Đạt vốn là tướng gan lì bạo trợn, đánh nhau hàng trăm trận ở bắc thủy, tây thủy với quân Liêu, quân Hạ, thế mà khi nói đến thần núi Thất Diệu, mặt cũng biến sắc.

Quách Quỳ gạn hỏi:

- Ông có tin đúng là thần núi Thất Diệu mắng ta hay là mưu mẹo của Lý Thường Kiệt, ta nghi lắm.

- Lý Thường Kiệt quả là một tướng xảo quyệt, tôi biết. - Yên Đạt nói - Nhưng y chỉ có cơ mưu thôi chứ chưa thể đạt tới thần mưu. Ngay Trung Quốc ta, tài năng nhiều như cây rừng, thế mà tựu trung mấy ngàn năm cũng chỉ được Gia Cát Lượng là có thần mưu. Vả lại thần hiện lên như thế còn nghi gì nữa.

- Ta cũng bán tín bán nghi, nhưng ông nói thế thì ta tin. Đất này quả là đất linh, xưa Cao vương còn phải chùn tay. Nhưng trong quân hiện nay dao động lắm,

quân tuần tra đã bắt được mấy dám chúng nó bỏ trốn. Tra hỏi chúng chỉ nói là sợ thần linh nổi giận trách phạt. Chúng còn lý sự sao đánh nhau với Tây Hạ chúng tôi không sợ, là vì Hạ phạm vào cõi của ta. Đúng như lời thần phán: “Tiệt nhiên định phận tại thiên thư” (Cõi bờ phân định tại sách Trời).

- Nói thật với chủ tướng đến mình còn sợ, nghe mà lạnh buốt cả sống lưng, dựng cả tóc gáy, trách chi bọn lính vốn đã nhát.

- Ta muốn hỏi ông có kế gì để ngăn chúng, nếu không thì tan rã hết. Quách Quỳ ngửa mặt than: - Chẳng lẽ đây lại là trận Cai Hạ của Hàn Tín khiến quân Sở tan rã, Sở bá vương Hạng Võ bỏ mình trên sông Ô Giang sao? Chẳng lẽ Trời lại hại ta trên mảnh đất man di này sao?

Yên Đạt an ủi:

- Chủ tướng, có thiên mệnh nhưng cũng có cả nhân mệnh nữa chứ, nếu không Trời ở với ai, Trời hành hoá đạo Trời ở đâu. Cho nên nói về “thiên mệnh”, Mạnh Tử đã viết: “Thiên – Nhân hợp nhất”. Tức là Trời với người chỉ là một.

Quách Quỳ đưa tay ra ngăn lời nói của Yên Đạt:

- Bàn đến các học thuyết ở đây vô ích, ta chỉ muốn hỏi ông có kế gì đưa quân thoát khỏi tình cảnh này.

- Đạt này không chia sẻ với ông còn ai chia sẻ được. Có điều rằng việc đời đã được các thánh nhân đúc kết, ta phải soi vào đó mà làm thôi. Cái trí của ta

sao vượt được trí của các bậc tiền nhân. Tình trạng trong quân sao Yên Đạt không biết, thử đưa một kế nhỏ để chủ tướng tham bác.

- Ông nói đi, ta đang nghe.

Yên Đạt chậm rãi:

- Một là khoan giảm hình phạt.

Hai là cho quân ăn tăng khẩu phần.

Ba là cho quân luyện tập và thi đấu để tăng tinh thần, tăng sức khoẻ, vực sĩ khí lên.

Quách Quỳ nhân mũi nói:

- Quân mà hình phạt không nghiêm làm sao có thể điều hành. Việc này ta thấy khó đấy.

Cho quân ăn tăng khẩu phần trong khi ta chỉ còn chưa đủ hai chục ngày lương, cũng là việc khó thực hiện. Duy có điều thứ ba, ta thấy có thể làm ngay được.

Yên Đạt cười miệng méo xệch, vẻ đau khổ nói:

- Chủ tướng chỉ nghĩ đến điều lợi cho mình, không nghĩ đến điều lợi cho quân, sao có thể điều khiển chúng được. Nuôi quân tựa như nuôi con. Nuôi con mà cho ăn ít, bắt làm nhiều, lại luôn mắng chửi, ngay đến cả con mình nó cũng chẳng chịu, huống chi lính.

Hạ cấp nói khoan nói hình phạt không có nghĩa là bỏ hết quân kỷ. Ví như tội bỏ trốn, trước đây phạt rất nặng. Nay vì chúng hoảng sợ trước sự mắng trách của thần linh. Tội ấy không trị, không bàn, coi như đây chỉ là cơn ác mộng thoáng qua. Chỉ riêng điều đó thôi,

quân đã nghĩ chủ tướng có lòng nhân. Trong lúc thiếu thốn ai chẳng biết, thế mà chủ tướng cho ăn no hơn, ngon hơn, quân sẽ kháo nhau chủ tướng có lòng từ ái. Nói nghìn điều tốt không bằng làm một việc tốt. Khi mà trong quân đều coi chủ tướng là người nhân, chủ tướng là người từ ái thì lúc ấy mới sai khiến được họ. Tức là ta làm điều thứ ba. Việc luyện quân chính là rèn quân đi vào quân kỷ lại nâng cao tinh thần và thể lực của người lính lên. Luyện quân chính là ta sẵn sàng ý chí nghênh địch.

Làm được như vậy ta có hai điều lợi. Một là đưa lính thoát khỏi nỗi sợ hãi vì sự ám ảnh của thần linh. Hai là quân lấy lại được sức chiến đấu.

Nghe xong Quách Quỳ đứng lên vái Yên Đạt một vái:

- Chính ông đã khai thị cho ta, nếu không ta sẽ là kẻ thù của lính, kẻ của ông hay lắm. Ta sẽ làm theo ý ông.

Rủi thay, kẻ của Yên Đạt chưa kịp đem ra thì thốt thì ngay đêm đó quân Đại Việt nhất loạt tiến công cả hai phía đông, tây. Nghĩa là cả hai đại trại của Quách Quỳ, Triệu Tiết đều bị tiến công.

Lại nói đến Lý Thường Kiệt tự dẫn quân đi theo đường thượng đạo, tức đường rừng núi phía tây rồi đóng lại ba ngày cho quân dưỡng sức, và cũng là để quân thám về báo lại xem giặc có thay đổi gì trong việc sắp xếp doanh trại, bố trí quân lực.

Đúng giờ Tí như đã hẹn với các tướng đánh vào trại Quách Quỳ, hai đầu cùng nhất tể khai trận.

Lý Thường Kiệt chọn ba ngàn quân cực khoẻ mở một đường chọc thẳng vào trung tâm, tức đại bản doanh của Triệu Tiết. Quân ta nã mấy vạn mũi tên diêm tiêu bụi nhùi đốt cháy trung quân của giặc khiến giặc hoảng loạn ngay từ phút đầu. Trong khi đó hàng vạn quân từ vành ngoài đánh vào chia cắt giặc ra từng mảnh nhỏ.

Đánh nhau từ giờ Tí đến giờ Thìn, quân ta đã dồn hàng vạn quân giặc về một bãi đất vừa là cánh đồng vừa là bãi cỏ khá bằng phẳng. Giặc chống đỡ quyết liệt, nhưng vì xa nhà lâu ngày tinh thần sa sút, lại còn nỗi lo sợ về thân linh gieo tai trách phạt, nên càng đánh sức giặc càng suy giảm. Quân ta càng đánh càng hăng hái dũng mãnh chém quân thù như chém chuối. Tới giờ Ngọ thì xác giặc đã phủ kín cả cánh đồng rộng mênh mông, máu chảy lút bàn chân. Sau, dân trong vùng gọi khu đất ấy là “Cánh Đồng Xác”.

Trận này quân Tống mười phần chết đến năm, sáu phần. Triệu Tiết may được bộ tướng mở đường máu chạy thoát về với một cánh quân ở phía đông gần với khu vực của Quách Quỳ.

Về cánh quân phía đông của ta do Lý Thường Hiến tổng quản dẫn một vạn năm ngàn quân bộ qua sông bằng thuyền bè của Hoảng Chân vương.

Bốn trăm chiến thuyền với hai vạn quân dưới sự

chỉ huy của Hoǎng Chân, Chiêu Văn từ Vạn Xuân ngược lên kịp phối hợp với Lý Thường Hiến. Khi gần tới nơi, cả vạn quân của Hoǎng Chân reo hò, chửi mắng, quát tháo ầm ĩ.

Như phần trên đã nói, Yên Đạt chủ trương làm ra không phòng bị để dụ quân ta đến, kỳ thực là y phòng bị rất kỹ. Vì vậy, quân ta mới cập thuyền vào mạn sông đã bị giặc cản đánh quyết liệt.

Bên ta thuyền nhiều, quân đông lại đổ quân ở nhiều chỗ, giặc cản không xuể.

Khi quân ta đã đổ bộ lên bờ hết, tiến đánh như vũ bão. Tiền quân của giặc thua to. Quân ta truy đuổi giết vô số kể. Quách Quỳnh phải tung thân quân ra ứng cứu. Quân giặc lùi dần. Quân ta đánh vào tới đại bản doanh của Quách Quỳnh, hai bên kịch chiến ngang ngửa.

Cuộc chiến giằng co đẫm máu, đánh nhau từ giờ Tí đến giờ Tị thì quân giặc bắt đầu giữ vững được thế trận. Thấy tình hình có vẻ bất lợi, Phụng Càn vương Lý Nhật Trung tung nốt một vạn quân ứng trực ào ạt qua sông đánh thốc vào trại giặc. Quân tiến đến đâu đều hô lớn: “Phụng Càn vương tiếp ứng!”, “Quân tăng viện đã tới!”.

Thấy có viện binh, quân ta khí thế càng hăng, dồn ép quân giặc lại mà đánh. Tướng giặc có vẻ kiên cường nhưng quân chúng đã núng, từng đám giặc đã quy hàng hoặc bỏ chạy.

Hai bên đánh nhau mãi tới giờ Thân, giặc lùi sâu về phía bắc, sợ tiến mãi vào vùng đất trống phẳng phiu giặc cho quân kỵ mai phục, Phụng Càn vương và Lý Thường Hiến cho lệnh lấy tiền quân làm hậu quân vừa đánh vừa lui ra bờ sông đã có thuyền chờ đón.

Hai tướng vừa đánh vừa lui vẫn giữ khoảng cách với giặc. Quân ta lần lượt xuống thuyền lui về bờ nam.

Quách Quỳ thấy không nỡ được quân ta vào kế, liền sai các tướng Trương Thế Cự, Vương Mẫn tung kỵ binh ra truy đuổi. Lúc đó quân ta đã xuống thuyền gần hết. Hoàng Chân vương đoạn hậu, khi thuyền quân ta ra đến giữa sông, giặc từ bờ bắc bắn như vãi tên đuổi theo. Yên Đạt lại sai quân mang kịp ít cỗ máy bắn đá. Quân ta vừa trúng tên vừa trúng đạn đá nhốn nháo khiến tự làm đắm một số thuyền gây nhiều cái chết thảm thương. Hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn đoạn hậu không may trúng đạn đá của giặc nên thọ tử. Tá lang tướng Nguyễn Căn vừa bước được một chân xuống thuyền, liền bị tướng giặc là Đặng Trung từ trên mình ngựa quăng dây thòng lọng kéo lại bắt sống.

Trận này quân ta chết cũng nhiều, mười phần chết mất hai, ba phần. Bên quân Quách Quỳ, mười phần chết mất bốn, năm phần.

Sau đại bại, Quách Quỳ cho quân đóng gọn lại. Vẫn chia làm hai trại với thế ỷ dốc, tức là nương tựa vào nhau và hạ lệnh: “Nếu ai bàn đến việc đánh sẽ chém”.

Quân giặc hoang mang cực độ, tướng giặc nhiều đứa than vãn: “Chỉ còn cách Thăng Long vài chục dặm mà phải khoanh tay đứng nhìn qua dải sông hẹp”.

Lý Thường Kiệt thu quân từ hai mặt trận về, mai táng các tử sĩ, đưa các chiến sĩ bị thương về tuyến sau chữa trị, ban bố tin đại thắng và xuống từng đơn vị uỷ lạo ba quân, lại sai lập danh sách các liệt sĩ để làm tiền tuất đưa về tận các gia đình. Sau đó tự ông thân dẫn một số tướng lĩnh về Thăng Long báo tiếp.

Cả triều đình phấn chấn reo vui không ngớt. Hoàng thái hậu nhiếp chính Ý Lan cùng hoàng thượng bước xuống ngai vàng cùng nâng một vòng kim cúc với bảy mươi bông quàng vào cổ đô thống nguyên súy Lý Thường Kiệt tựa vòng nguyệt quế. Đoạn bà nói:

- Nhờ có khanh cùng chư tướng và quân sĩ cộng với sức dân cả nước không những cản được chân giặc dữ mà còn đánh thắng chúng, thế nước vững như bàn thạch, khanh lập công đầu, triều đình biết ơn, dân nước biết ơn, lưu danh sử sách muôn đời.

Lý Thường Kiệt vô cùng xúc động, hai khoé mắt vì tướng già rơm rớm lệ. Ông vái hoàng thái hậu hai vái, vái nhà vua hai vái:

- Tạ ơn hoàng thái hậu.
- Tạ ơn hoàng thượng.

Rồi ông quay lại vái triều quan cũng hai vái.

Hoàng thái hậu Ý Lan ban lệnh:

- Phủ thái sư lo việc khao quân.

Kinh sư đại doãn cho dân chúng Thăng Long khánh hội ba ngày.

Quan hữu nhai tể tướng bàn với quốc sư làm lễ đại cầu siêu cho các tử sĩ và thần dân của ta đã bỏ mình vì nước.

Triều quan hô lớn:

- Hoàng thái hậu thiên tuế!

- Hoàng thượng thiên tuế!

Các quan ngơ ngác hỏi nhau: “Chiến cuộc đã kết thúc đâu mà hoàng thái hậu ban các lệnh này”. Có người đáp: “Giặc thua đến vậy cũng coi như chiến cuộc đã mãn rồi”.

Theo khẩu dụ của hoàng thái hậu, Lý Đạo Thành cho trích ngân khố khao quân thưởng tướng ngay trong tuần lễ võ về công trạng. Sau đó là lễ đại cầu siêu diễn ra trong ba ngày. Dân chúng Thăng Long và cả nước đều tỏ lòng tiếc thương và tri ân các chiến sĩ cùng dân chúng đã bỏ mình vì nước.

Tuy vậy, còn việc cho Thăng Long khánh hạ ba ngày thì kinh sư đại doãn có sớ tâu lên xin tạm hoãn tới khi nào đuổi hết giặc ra khỏi bờ cõi, lúc đó mở hội vẫn chưa muộn. Và lại vừa qua lễ cầu siêu, không khí tang tóc còn nặng nề mà mở hội e lòng dân không thuận. Hoàng thái hậu y chuẩn.

Xong các việc, Đô thống nguyên suý Lý Thường Kiệt được phép hoàng thái hậu nhiếp chính và hoàng thượng triệu thỉnh các trọng thần để bàn quốc sự.

Mở đầu Lý Thường Kiệt nói:

- Hiện nay quân Tống đang ở vào tình thế khốn đốn. Thực lực chúng chỉ còn chưa đầy ba vạn quân so với hơn mười vạn lúc mới qua biên thủy. Nhưng tinh thần chúng suy sụp nghiêm trọng. Trong đó lại có khoảng một phần ba số quân đang ốm yếu. Một vạn ngựa chiến khoẻ mạnh, nay cũng chỉ còn hơn ba ngàn con gầy yếu. Đó là chưa kể hiện nay giặc đang khốn đốn về lương thực cho người và cỏ cho ngựa. Có thể nói lương thực trong kho quân Tống chỉ tính từng ngày thôi.

Tôi xin thỉnh cầu nhiếp chính hoàng thái hậu và hoàng thượng nếu cho phép, quân ta chỉ đánh một trận nữa là tiêu diệt sạch sành sanh quân Tống, hoặc mở lương hải hà thì xua cho nó chạy về nước, chấm dứt can qua để thiên hạ thái bình, dân chúng an cư lạc nghiệp.

Có những ý bàn riêng: “Nếu quả ta mạnh, giặc yếu thì đánh nốt một trận cho xong đi chứ để làm gì nữa”; – “Chưa hẳn đã như ý mình mong muốn đâu. Diệt gần ba vạn quân khi nó co cụm lại là chuyện không dễ”, – “Lỡ bất ngờ nó đưa viện binh sang thì còn giằng co chưa biết đến bao giờ mới kết liễu được chiến tranh”.

Nhiếp chính lúc mới nghe Lý Thường Kiệt nói thì muốn đánh để thị uy lâu dài. Nhưng khi nghe các lời

bàn tán xâm xì lại ngãng ra. Chờ lâu chưa thấy ai xin nói, bà bèn chỉ vào Lê Văn Thịnh rồi phán:

- Ông Bình bộ thị lang, mấy tháng nay ông ăn ở ngoài mặt trận, gánh vác công việc với Đô thống nguyên súy, nên như thế nào ông nói ta nghe.

Lê Văn Thịnh đang muốn nghe các bậc cố lão đại thần hoặc các thân vương nói trước, nay hoàng thái hậu đã dụ, ông đành phải nói:

- Tâu hoàng thái hậu, tâu hoàng thượng, thưa chư liệt vị, quá là Thịnh tôi có được theo dưới trướng của Đô thống nguyên súy. Mọi việc đúng như quan ông đã nói. Tình cảnh quân Tống hiện nay lâm vào khốn đốn mọi bề, quân ta dư sức quét sạch giặc chỉ một hai trận nữa. Tướng ở ngoài biên, lại đã được trao toàn quyền định đoạt, nhẽ ra Đô thống nguyên súy cứ việc hành động mà không sợ bị trách phạt.

Thế nhưng tại sao quan Đô thống lại phải cầu kiến hoàng thái hậu, cầu kiến hoàng thượng và chư liệt vị? Theo sự phán đoán của riêng tôi, chắc quan Đô thống không muốn xử cạn tài ráo máng để hận cho vua tôi nhà Tống, rồi từ đấy lại oán thù chồng chất, nên quan ông muốn kết liễu chiến cuộc bằng cách khác chăng? Vâng, đó là thiện ý của tôi. Nói xong Lê Văn Thịnh ngồi thu mình lại, dường như ông hơi lo về lời nói của mình liệu có vượt chức phận của mình không.

Nghe đến “oán thù chồng chất” bà thái hậu giật

thột bèn lên tiếng:

- Phải đấy, ông Bình bộ thị lang nói đúng đấy. Bằng cách nào kết thúc chiến cuộc càng sớm càng tốt, chứ ta cứ trông thấy các thiếu phụ chút khăn tang, lòng ta đau xót lắm. Vả lại không muốn kết oán với nước láng giềng để hận thù chồng chất sẽ là cái hoạ lâu dài. Vậy các ông đã giữ trọng trách triều đình tin cậy giao phó, các ông bàn cho rốt ráo đi.

Nhiếp chính Ý Lan nói như thúc giục các đại thần bàn thảo, nhưng bà lại hướng cái nhìn về phía Lý Đạo Thành.

Biết bề trên có ý nhắc nhở, quan Bình chương liền nói:

- Tâu, chỉ riêng cuộc phạt Tống năm Ất Mão (1075) là việc làm vô tiền khoáng hậu của nước ta đối với nước Tàu. Nay lại đánh tiêu diệt tới sáu, bảy phần mười số quân Tống vào cõi, binh uy ấy, chiến tích ấy không phải đời nào cũng làm được như vậy. Đúng như ý của quan Bình bộ thị lang vừa nói, rằng quan Thái tử đô thống nguyên súy muốn tìm một kết cục khác để kết liễu chiến cuộc chứ đánh thêm một trận nữa, việc ấy tưởng có khó gì. Lại nữa cái ý rất chi là nhân ái của hoàng thái hậu, thương xót các goá phụ và các con cô bởi các chiến binh đã bỏ mình vì bảo vệ giang san nòi giống. Người cũng lại nói: “Không nên kết oán với nước láng giềng để hận thù chồng chất sẽ là cái hoạ lâu dài”. Vả lại, cũng như là cái diềm báo trước từ các việc hoàng

thái hậu sai làm. Nào là khao quân thưởng tướng, tuyên dương công trạng. Nào là làm đại lễ cầu siêu cho binh sĩ cùng nhân chúng đã bỏ mình vì nước. Các việc đó thông thường chỉ làm sau khi chiến tranh đã kết liễu. Thế mà ta lại làm trước, coi như là một điềm triệu rằng chiến tranh đã hết rồi. Đó vừa là nguyện vọng của người, vừa là ý của Phật, Thánh xui nên.

Làm để giữ gìn thể diện cho thiên triều. Ấy cái nước này họ kỳ cục lắm, cái gì họ cũng đòi nhất thiên hạ cơ. Dân thì là dân “Hoa Hạ”, vua thì phải là “thiên tử” (con trời), triều đình cũng là “thiên triều”. Thế mà nay để thiên tử mất mặt, thiên triều mất mặt thì họ oán mình lắm lắm, họ sẽ thù mình đến muôn đời muôn kiếp. Thì từ trước mình có làm gì họ đâu, đã chịu nhún làm nước phen giậu, tu cống thường niên, thế mà có lúc nào, có triều đại nào họ không muốn thôn tính ta đâu.

Lý Đạo Thành dừng lại giây lâu, dường như ông còn đang cân nhắc cái ý sắp nói. Đoạn ông hơi cao giọng một tí: - Tôi cứ mạnh dạn đưa ra một kế mọn, thôi thì ta lại nhún một lần nữa để rửa mặt cho thiên tử và thiên triều, nên cử biện sĩ sang trại quân Tống để bàn hoà với Quách Quy. Theo tôi, đây là ta cứu hãn, mà cũng trừ được mối họa kết oán về sau.

Quan Công bộ Đoàn Văn Khâm nói:

- Việc ấy chưa dễ đâu, bởi người Trung Quốc họ kiêu ngạo lắm. Khi họ đánh thua phải rút quân, họ nói

với bên thắng: “Ta tha cho các người để mở đường hiếu sinh”, tựa như hai kẻ đánh vật, anh thua trắng bụng nằm thót dưới, đang bị anh thót trên nó đè cho gần chết, lại còn la lớn: “Ông sẽ đánh chết mày!”. Nay ta sang bàn hoà với họ. Chắc họ sẽ hiểu “hoà” tức là ta “hàng” họ, tựa như anh đô vật thua nằm thót dưới ấy. Tôi nghĩ như ý quan bình chương là đúng. Vì vậy người đi bàn hoà phải hết sức kiên nhẫn, để nghe được những lời mạn xược, và các điều kiện lố bịch họ đưa ra.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung nói:

- Trận vừa qua ta thắng lớn, đẩy quân Tống vào thế bị tiêu diệt hoàn toàn nếu như chúng còn muốn kéo dài cuộc chiến. Nhưng trong hoàng gia chúng tôi lại bị thua thiệt lớn, hai hoàng đệ của tôi đem thân mình hy sinh cho nước. Điều đó đau xót nhưng không có gì phải ân hận. Tuy nhiên lòng tôi vẫn muốn đánh một trận báo thù, bắt hai tướng giặc Quách Quy, Yên Đạt về chém đầu tế sống hai vương cho hả. Nhưng suy đi nghĩ lại như ý nhiếp chính hoàng thái hậu, hiền tâu của tôi cũng như các vị đã nói, tôi cũng chấp nhận bàn hoà với tướng giặc để tránh oán thù chồng chất. Song ta phải bàn cho kỹ, tức là phải vạch cho được các mốc giới của sự bàn hoà.

Giặc tuy ở thế thua, nhưng nó chưa ở thế phải đầu hàng, nên có cũng có quyền đòi hỏi.

Ta ở thế thắng, nhưng chưa thắng hoàn toàn, nên không thể bắt giặc theo ý mình được.

Tôi thấy quan Công bộ nói có lý, ta phải cử biện sĩ ăn nói giỏi, lý sự giỏi, nhưng phải biết biến thông, cương nhu tùy lúc và biết bền bỉ thuyết phục, biết lắng nghe và cũng phải biết nhẫn nại và chấp nhận những lời nói xách mé, kiêu ngạo của kẻ đã nằm thốt dưới vãn hô to: “Ông đánh bỏ mẹ mày”.

Lời kết của Phụng Càn vương làm mọi người cười ồ và cũng hiểu thêm bản chất cố hữu của quân thù.

- Ta nên bàn tiếp, nhưng quy về chỉ có hai việc, Lý Thường Kiệt nói: - Việc thứ nhất là chọn biện sĩ cho đoàn đi thương thảo bàn hoà. Việc thứ hai là phải vạch sẵn cái hạn giới ta có thể đòi giặc cũng như điều ta có thể tạm nhượng giặc.

Nhưng các việc đều phải tiến hành nhanh chóng, chớ cho giặc lợi dụng bàn hoà để tránh bị tiêu diệt, trong khi nó lại cấp tốc xin viện binh sang.

Quay về phía Lý Đạo Thành, Lý Thường Kiệt nói với cả sự trân trọng:

- Là một người tính khí ôn hoà và thông sáng, lại lâu năm coi sóc việc đại chính, tôi muốn quan bình chương chọn cho một số người trong phái đoàn đi thương thảo bàn hoà. Sau khi đại nhân đưa ra cái danh sách đó thì ta lại bàn tiếp để có thể chấp nhận ai, thay thế ai.

Trong khi Lý Đạo Thành còn suy nghĩ, bà nhiếp chính Ý Lan lại hướng về phía quốc sư Hoài Tín, với vẻ kính ngưỡng bà nói:

- Các đại thần bàn như vậy, nên như thế nào xin

trưởng lão cho đôi lời chỉ giáo.

Với vẻ khiêm nhường, đại sư Hoài Tín chậm rãi:

- Sư tôi không có cao kiến gì. Các bậc đại thần đã bàn như thế là cạn nhẽ và cũng thể tình. Nếu được như vậy thì hay lắm, không tổn thêm máu xương binh sĩ lại đỡ nhọc sức dân. Tôi chắc quan thái tử giữ quyền đô thống nguyên suý không đánh tiếp mà ngưng lại để triều đình bàn thảo cũng là khởi từ cái tâm thiện, muốn ngưng việc đổ máu, lại cũng muốn đoạn diệt thù hận. Dù sao thì nước lớn họ cũng có cái sĩ diện của nước lớn, ta nên thể tất, không nên dồn ép họ vào con đường cùng. Hơn nữa, người Trung Quốc họ nặng lòng về việc báo thù lắm. Câu nói cửa miệng của họ là: “Giang sơn tận cựu thù bất tận”. Tức là giang sơn có thể mất chứ thù cũ quyết không quên. Cho nên triều đình hành xử như thế, cũng là theo con đường từ ái của nhà Phật.

Mọi người lấy làm hài lòng về những lời nhắc nhủ của quốc sư¹.

Tiếp đó Lý Đạo Thành lại nói:

- Được chứ vị uỷ cho làm một việc quá sức. Trong triều ta nhiều người tài quá nên cũng khó chọn.

Mọi người “ồ” lên một tiếng rồi cười nói thật là vui vẻ. Yên lặng trở lại, quan bình chương nói:

¹ Quốc sư không phải là một tước trật do triều đình ban. Các nhà tu hành chân chính đều khước từ quyền lực của thế tục. Quốc sư chỉ có nghĩa triều đình với các bậc đạo cao đức trọng cùng bàn việc quan trọng của nước. Có khi bàn, có khi hỏi kế.

- Trước hết tôi phải nói, ta chọn người đi thương thảo nên phải hội được các điều sau đây:

- Am hiểu về lịch sử giữa hai nước.

Học vấn tinh thuần, hiểu thông tam giáo.

Thông minh lanh lợi, nói năng khúc triết, biện bác giỏi.

Thông thạo văn tự và nói được tiếng Tàu.

Khiêm nhường, vị tha và tự tin.

Giữ thể diện quốc gia mình, tự tôn dân tộc mình, nhưng không tự phụ hạ thấp người.

Kết thúc thương thảo phải đem lại tình hoà hiếu và không gây thiệt hại cho quốc gia về bất cứ mặt nào.

Trên các chuẩn mực đó, tôi tạm cử các vị sau đây:

- Viên ngoại lang Kiều Văn Ứng.

Viên ngoại lang Đào Tông Nguyễn.

Khu mật viện phó sứ Nguyễn Sĩ Thoại.

Lý Đạo Thành vừa xưng tên ba người đó lên mọi người đều cho là được cả. Người ta nhìn quanh quất không thấy Nguyễn Sĩ Thoại. Hỏi ra mới biết ông không được triệu thỉnh tham dự cuộc bàn thảo này. Điều đó càng tỏ rõ Lý Đạo Thành là người có con mắt bao quát, và có tấm lòng chính trực.

Hoàng thái hậu và nhà vua hỏi ý các quan:

- Ông Bình chương đã xưng xuất danh xưng của ba vị, trong chúng ta đây, ai cũng biết họ cả. Vậy ý các quan thế nào?

Mọi người đều vui vẻ chấp thuận.

Lý Đạo Thành lại nói:

- Tâu, xin hoàng thái hậu và hoàng thượng uỷ cho ai là Chánh, ai là phó sứ đoàn.

- Theo ta nên cử Đào Tông Nguyên làm Chánh sứ đoàn, vì Tông Nguyên đã từng đi thương thảo hồi tiên đế còn tại vị. Phó đoàn thì ai nhỉ? Hoàng thái hậu tự hỏi. Liền đó bà lại nói: - Phó đoàn Kiều Văn Ứng. Thời thế là được, hai ông đều chức viên ngoại lang cả.

Hai vị viên ngoại lang đều đứng lên vái hoàng thái hậu và nhà vua:

- Tạ ơn hoàng thái hậu.

- Tạ ơn hoàng thượng.

Liền đó Đào Tông Nguyên nói luôn:

- Xin hoàng thái hậu, hoàng thượng và các quan cho biết nội dung giới hạn việc bàn hoà, chúng tôi đâu dám tự đặt ra được.

Không khí lại rơi vào yên lặng.

Lý Đạo Thành nói:

- Gọi là bàn hoà thì trước hết phải bàn đến việc không đánh nhau nữa. Hai là quân chiếm đóng phải rút hết về nước, trả lại đất đai mà họ đã chiếm của ta. Chắc rằng vào cuộc nó mới nảy sinh nhiều chuyện, các vị phải bàn bạc với nhau để gỡ. Việc nào khó quá phải tâu ngay về triều.

Ai cũng cho các điều gợi ý của Lý Đạo Thành là được. Tất cả đều hy vọng hoà bình đang trong tầm tay.

XVI

Trước khi đoàn thương thảo bàn hoà sang trại giặc đã có sứ giả đưa thư sang hẹn trước.

Quách Quỳ suy nghĩ giây lâu rồi viết thư phúc đáp: “Các người sang trại ta phải đi thuyền nhỏ, không được chở quá mười người. Không được đem theo bất cứ một loại khí cụ nào. Mũi thuyền phải treo cờ hiệu màu trắng”.

Nhận được xức thư của Quách Quỳ, các quan đều cười khẩy: “Đúng là cà cuống chết đến dít vẫn còn cay”. Phái bộ của ta không sang. Đào Tông Nguyên lại có thư tiếp: “Chúng tôi muốn thể hiện sự hiếu hoà nên không câu nệ vào ngôn từ. Nhưng chúng tôi không thể treo cờ trắng đến thương thảo với các ngài được. Bởi đây là cuộc thương thảo có lợi cho cả hai bên chứ không phải là cuộc đầu hàng. Để nhân nhượng, chúng tôi có thể chấp nhận không treo cờ Đại Việt. Hơn nữa phái bộ của

chúng tôi không quá năm người”.

Quách Quỳ hẹn trả lời sau. Y cho triệu các tướng đến hội. Và cho xem lá thư của Đào Tông Nguyên.

Các tướng Tống sau những trận thua liên tiếp đều thoái chí nên khi được xem thư trong lòng ngậm vui. Họ biết quá rõ hoàn cảnh của mình và rất sợ quân Đại Việt tiếp tục đánh thêm một vài trận nữa thì quân Tống nguy to. Vì vậy họ xúm vào gây sức ép.

Triệu Tiết nói:

- Chúng ta đóng quân chỉ cách Thăng Long vài chục dặm ngăn cách bởi một dải sông hẹp mà suốt mấy tháng trước không thể vượt qua được. Liệu kéo dài lâu hơn nữa quân ta có vào được Thăng Long không, ông là chiêu thảo chánh sứ kiêm đô tổng quản, ông tự biết và tự quyết lấy.

Yên Đạt dè dặt góp vào:

- Đã sắp bước vào mùa nóng, quân ốm nhiều quá. Nay mai nắng hè gay gắt chắc quân miền bắc không chịu nổi.

Viên coi quân lương xin được nói sự thực:

- Lương ăn của chín đạo quân ta đã cạn lắm rồi. Lúc ra đi quân có hơn mười vạn, phu có hơn hai mươi vạn. Vì nóng nực và lam chướng, binh phu đã chết mất quá nửa rồi. Còn non nửa cũng đều ốm cả.

Quân thì ốm yếu nhất sợ vì chết quá nhiều, lương

thảo cung cấp không đủ, khẩu phần ăn hằng ngày cứ bớt dần, tướng thì nán lòng thoái chí, trước tình hình đó Quách Quy thấy khó xử. Y thuyết phục các tướng: - Trong lúc khó khăn này, các ông hãy cùng ta tính xem có cách nào khác. Ta thực không muốn thương thảo với đám người man này. Chẳng nhẽ chúng lại được ngang hàng với ta mà đàm luận, mà bàn thảo ư. Ta biết trong quân đang có khó khăn. Song nếu các ông thấy còn có lòng muốn đánh, ta sẽ xin hoàng thượng tăng viện. Bởi việc chinh thảo này hoàng thượng đặt nhiều hy vọng vào chúng ta. Trước lúc xuất quân, hoàng thượng ân cần khẩu dụ: "Bốn phương nhìn về, nếu không vạn toàn thắng hẳn thì bất tiện cho nước nhà".

Triệu Tiết thủng thủng đáp:

- Sao ta không biết hoàng thượng và Vương Tế tướng đặt nhiều kỳ vọng vào cuộc nam chinh này. Ta lấy làm lạ, không hiểu tại sao hoàng thượng lại yêu cái mảnh đất xa xôi này đến thế. Ta nhớ hồi ngài mới trao cho ta chức An Nam chinh thảo hành doanh chánh sứ đô tổng quản, ngài liền mở bản đồ xứ Giao Chỉ ra nói với ta như một vị đô thống nguyên suý. Tay chỉ vào bản đồ, ngài phán: "Đi đường Tư Minh vào Quang Lang, qua ải Giáp Khâu theo đường thiên lý mà tới Thăng Long là gần nhất, dễ đi nhất, chỉ ngại giặc đặt phục binh tại ải Giáp Khâu thì khó cho đại quân của ta. Ngài lại chỉ sang các đường tắt. Rồi châu Quảng Nguyên chỗ nào có

mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng ngài biết hết. Ngay cả việc chiêu dụ các đầu mục người man Tống cũng như man Giao Chỉ tại các vùng khô, động, nhà vua đều bảo phải lấy lợi mà như, lấy uy mà đe. Hai cách ấy đều không được thì phải giết cả họ nó đi.

Vì vậy đánh Giao Chỉ và phải thắng Giao Chỉ là một nước cờ trong cả cuộc cờ hưng thế nước của hoàng thượng và Vương Tử tướng. Nếu không thì vua ta đại gì trước khi đánh Giao Chỉ lại phải chấp nhận cắt bảy trăm dặm đất Hà Đông cho nước Liêu.

Đánh Giao Chỉ tức là thế cờ bức Liêu, thoái Hạ, hoàng thượng kỳ vọng lắm, sao ta không biết.

Tiếc rằng quân chưa ra khỏi cõi thì cựu phái đã vùng lên thắng thế, Vương tử tướng lại phải một lần nữa thoái chức. Cái điềm thất lợi đã được báo trước, đã được bày ra từ trước lúc xuất quân.

Triệu Tiết ngậm ngùi: - Nói thật với ông, không chỉ ông thấy đau lòng là không thực hiện được lời ủy thác của vương thượng, mà ta còn thấy nhục cả một đời làm tướng phải chịu lép với một thằng nhóc con mới hơn mười tuổi xưng là hoàng đế, một con mẹ nhà quê leo lên ngài nhiếp chính và một thằng quan hoạn cầm quân.

Thời thế nó vậy, Liêu, Hạ hơn gì Giao Chỉ mà vẫn cứ phải chịu mất đất cho chúng nó, rồi hàng năm phải cho nó bao nhiêu là tiền, là bạc cùng các thứ hàng hoá khác do dân chúng Trung Nguyên nai lưng đóng thuế.

Ngừng một lát, Triệu Tiết nói thẳng: - Nếu ông tiên liệu thấy thắng được thì xin thêm viện binh. Nhưng ta thấy sức dân đã kiệt. Lương thực chỉ trông mong vào các tỉnh phía nam. Nhưng mấy năm nay các tỉnh Giang Tô, Triết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây mất mấy vụ liền, dân đói lảm. Còn ta thân làm tướng được chết ở chiến trường vì mệnh vua, ta chẳng có gì phải ân hận. Ông không lo bọn ta không muốn đánh. Còn ta chỉ lo muốn đánh mà không có quân, không có lương.

Cả Quách Quỳ và các tướng đều nhận ra lời nói của Triệu Tiết về tình cảnh nước Tống và cái thế chung chiêng của quân Tống hiện nay là có lý. Và ông ta thành thật.

Đào Bật, một viên tướng văn võ kiêm thông liền an ủi:

- Chủ tướng chớ băn khoăn vì lòng trung vua, cũng không phải áy náy vì các tướng của ta kém mưu, kém dũng. Kém mưu, kém dũng sao ta chiêu dụ được bọn Nùng Tông Đán, Hoàng Kim Mãn, Vi Thủ An lại ép và lừa được Lưu Kỳ một tướng cầm cương binh và mưu lược chẳng kém Nùng Tông Đán, khiến ta vào nước nó như vào chỗ không người. Thế mà trước đó cũng chính bọn này khuấy đảo vùng Tả, Hữu giang, lôi kéo không biết bao nhiêu dân man của ta theo nó. Cũng lại chính bọn này vây hãm thành Ung Châu chứ còn ai.

Đào Bật nhìn mọi người rồi hạ thấp giọng:

- Chẳng qua là thời vận thôi. Thời vận đã qua hoặc chưa tới thì tài như Gia Cát Khổng Minh cũng phải bó tay.

Nghe các tướng nói có vẻ ngãng ra cả. Nhưng đó cũng là thực trạng của nước Tống, thực trạng của đoàn quân nam chinh, Quách Quỷ than:

- Thôi ta cũng đành chấp thuận việc bàn hoà với đám man mọi này. Đoạn y thảo thư rồi sai quân đem qua nam ngạn sông Như Nguyệt.

Tiếp được thư Quách Quỷ mời, phái bộ của ta nhóm họp:

Khu mật viện phó sứ ngập ngừng nói:

- Tôi chân học trò mà lên, chưa có công tích gì, lại cũng chưa quen thương thảo như Đào đại nhân và Kiều đại nhân. Tôi cứ nghĩ trong đoàn ta mà có được Chiêu thảo sứ Lý Kế Nguyên đại nhân thay vì tôi thì đẹp biết chừng nào.

Cả hai vị viên ngoại lang Đào Tông Nguyên, Kiều Văn Ứng đều cười phá lên, Đào Tông Nguyên nói:

- Trời ơi! Lý Kế Nguyên đang đánh cho quân thủy của người Tống đại bại, ngăn không cho nó nhích lên được một bước, khiến đại quân Quách Quỷ phải cô lập bên bắc ngạn rồi đẩy nó vào thế có nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Quách Quỷ còn thiếu nước muốn ăn gan Lý Kế Nguyên mà ông lại có mặt trong đoàn đi bàn hoà, bằng chọc tức con chó sói đang bị thương này à.

Nguyễn Sĩ Thoại nói chữa thẹn:

- Ngay điều đó cũng tỏ rằng mọi việc thương thảo tôi còn rất bờ ngõ.

Kiểu Văn Ứng vui vẻ nói:

- Thế mà chúng tôi lại coi ông là linh hồn của cả phái bộ đấy.

Sau khi đã bàn bạc kỹ, phái bộ bàn hoà xem ngày giờ rồi sang bắc ngạn sông Như Nguyệt để vào trại Quách Quỳ.

Phó tướng Yên Đạt ra đón đoàn vào ngôi lều vải ngôi chờ để y cho người tâu lên chủ tướng.

Ngôi lều nhỏ bằng gian nhà, xung quanh kín mít chỉ có một cửa ra vào. Nom ngôi lều như còn mới, chắc Quách Quỳ cho căng để đón khách. Nhìn xung quanh trại quân chỉ thấy các nếp nhà tranh dựng tạm cho quân ở, bốn mặt đều trống hoác, mỗi nhà hai dãy sào cho quân nằm ngủ, nghỉ, giữa là lối đi.

Ngồi một lúc có làn gió thoảng qua đưa về mùi nước đá ngựa khai nồng nặc, các quan đều phải bịt mũi. Yên Đạt bèn hỏi:

- Nước các ông chắc không có ngựa, nên không quen mùi ngựa.

- Mời ông qua sông để xem trại ngựa của quân tôi. Có điều rằng chuồng trại của chúng tôi lúc nào cũng được dọn sạch và để xa chỗ người ở, - Đào Tông Nguyên đáp.

- Ngựa của các ông chắc phải to cao bằng con la?

- Yên tướng quân có vẻ am hiểu về đất nước chúng tôi, thật quý hoá. Nguyễn Sĩ Thoại đáp. Ông lại tiếp: - Trước đây thì đúng như ông nói, nước chúng tôi chỉ có loài ngựa ré. Loại này chỉ nhỉnh hơn con la một chút nhưng dai sức và không kén ăn. Nhưng bây giờ thì khác rồi tướng quân ạ, ngựa của chúng tôi cao to như ngựa phương bắc vậy.

- Chắc các ông lại mới kiếm đâu được vài con để khoe thôi, hoặc là các ông mua của trại Đặc Ma.

- Đặc Ma làm gì đủ ngựa cung cấp cho chúng tôi nhiều thế. Ngựa của chúng tôi là ngựa nòi Hồ thuần chủng. Việc lâu rồi chắc ông cũng không quan tâm. Chẳng là năm Giáp Dần (1014) nhằm năm Đại Trung tướng phù thứ bảy bên quý quốc, đám giặc cỏ Dương Trường Huệ, Đoàn Kính Chí vùng Tả, Hữu giang đông tới hai chục vạn tên, trong đó có một vạn ngựa Hồ vào cướp. Tiên quân của chúng tôi là đức Thái tổ chỉ một trận quét sạch giặc, thu gọn một vạn con ngựa quý. Hồi đó Đại Việt có đem biếu thiên tử một trăm con gọi là dâng quà báo tiếp. Số còn lại chín ngàn chín trăm con chúng tôi cho vào trại gây giống hết. Một số thuần chủng, một số lai giữa giống ngựa ré trong nước và giống ngựa nòi Hồ. Giống ngựa lai có cái ưu trội là ăn tạp chứ không kén ăn như ngựa Hồ và có sức chạy dẻo dai hơn ngựa Hồ thuần chủng.

Yên Đạt buông một câu rất chi là khiêu khích:

- À ra thế bây giờ người nam các ông đã biết cười ngựa.

Vừa lúc đó thì quân hầu ra mời sứ đoàn An Nam vào dinh thương nghị.

Gọi là dinh chứ thực chỉ là ngôi nhà sàn của dân trong vùng, giặc khiêng về làm nơi hội họp.

Gặp mặt, Quách Quỳ thăm hỏi với giọng vừa lạnh lùng vừa khiêu khích. Chẳng hạn y hỏi:

- Thế nào, vua của các ông đã tự và được cơm ăn chưa? - Rồi chúng cười với nhau rất là khả ố.

Phái bộ của ta đã biết trước các trò tiểu nhân này nên chỉ cảnh cáo:

- Việc riêng của một nước, các ông chớ có chọc vào. Ngôi vua là biểu tượng tôn quý của một quốc gia, nếu chúng tôi không kim chế mà lại nói về thiên tử của các ông như vậy thì sao.

Đào Tông Nguyên đi thẳng vào các phép tắc thương thảo:

- Như năm Canh Tý (1060) hai phái bộ Đại Việt và Đại Tống thương thảo ở thành Ung Châu đã đặt ra các phép tắc, cuộc thương thảo này cũng nên theo lệ cũ.

Quách Quỳ nói ngay:

- Ta không dự cuộc thương nghị đó nên không biết.

- Tôi sẽ nói lại để các ông biết. Đào Tông Nguyên cắt lời Quách Quỳ và ông nói liền một mạch:

- Số đại biểu thương nghị hai bên bằng nhau.

Mỗi bên nói một lần lại đến bên kia nói, không ngắt lời khi người khác đang nói.

Người nước nào nói tiếng nước đó, mỗi bên phải có thông dịch của mình.

Quan chức tham gia thương nghị ngồi trên dãy bàn chính đối diện với nhau.

Đưa việc gì ra bàn, hai bên thống nhất với nhau từ trước.

Việc nào khó khăn chưa đi đến thoả thuận được thì bỏ lại để bàn sau.

Kiên nhẫn bàn bạc để đi đến thoả ước, tránh dùng các ngôn từ của đám tiểu nhân hoặc người khiếm học.

Không khạc nhổ âm ĩ khi người khác nói.

Quách Quỳ hơi nhũu mà y tỏ vẻ khó chịu một điều gì đó rồi y cho gọi cả bộ sậu các tướng kéo vào tới ba chục người. Họ nhìn phái bộ Đại Việt xét nét từng li từng tí một từ đầu đến chân, rồi dường như tất cả bọn họ đều nói và cười hô hố, khạc nhổ lung tung.

Tới lúc này các vị trong đoàn ta mới hiểu vì sao Đào Tông Nguyên lại tự ý đưa thêm vào cái mục cấm khạc nhổ.

Một lát không khí đã lắng xuống, Quách Quỳ nói lại các điều Đào Tông Nguyên vừa nêu theo phép tắc nghị bàn.

Phía bên kia phản đối lung tung, họ đòi số đại

biểu của họ phải gấp đôi số đại biểu của ta.

Đào Tông Nguyên nói đồng dạc:

- Chúng tôi chủ động bàn hoà và chúng tôi tự sang trại các ngài để bàn thảo, như vậy là chúng tôi mang thiện chí đến với các ngài. Đã gọi là thương thảo thì phải lấy sự công bằng làm thước đo. Để nhanh chóng đi vào công việc, tôi xin báo với quý ngài đoàn chúng tôi có năm người, ba người là đại biểu chính, hai người là tùy phái ghi chép và kiêm thông dịch. Tôi là chánh sứ đoàn.

Xin quý ngài cử một trưởng đoàn để cùng tôi bàn bạc cho hai bên cùng thống nhất một số điều mang tính quy ước thì mới có thể đi vào thương thảo các việc chính.

Cuối cùng hai bên đi đến thoả thuận như các điều Đào Tông Nguyên xướng xuất, duy có việc thông dịch thì phía Tống nói rằng họ có một số thông dịch đi theo quân, nhưng tiếng An Nam cũng không được thông thạo lắm, nên trong bàn thảo chỉ dùng ngôn ngữ Trung Hoa cho tiện và đỡ mất thì giờ nói đi nói lại.

Phía phái bộ của ta mọi người đều thông thạo ngôn ngữ, văn tự Trung Hoa nên cũng dễ chấp thuận, mặc dù ta thừa biết đó là thái độ kỳ thị các ngôn ngữ khác ngoài Trung Hoa của đám “con trời” quen thói ngạo mạn.

Khi hai phái bộ đã ngồi vào chỗ đầy đủ, Quách Quý giới thiệu:

- Ta là Quách Quỷ, An Nam chinh thảo chánh sứ đô tổng quản làm chánh sứ đoàn.

Chỉ vào người ngồi bên cạnh, y nói: - Đại nhân đây là Triệu Tiết, An Nam chinh thảo phó sứ, phó chánh trưởng đoàn. Lại thêm người bên cạnh nữa - Đại nhân này là Đào Bật, Đô soái coi quân tả dực.

Quách Quỷ chỉ về phía bàn bên cạnh nơi hai viên tùy phái đang mở sổ sách để ghi chép - Người ngồi bên tả là tướng Khúc Chấn, người ngồi bên hữu là tướng Diêu Tự.

Phái bộ bên ta gồm có:

Viên ngoại lang Đào Tông Nguyên chánh sứ đoàn.

Viên ngoại lang Kiều Văn Ứng phó chánh sứ đoàn.

Trung thư thị lang Nguyễn Sĩ Thoại thành viên.

(Bên ta không muốn nói thật chức Khu mật viện phó sứ của Sĩ Thoại để bên Tống khởi nghi ngại).

Hai tùy phái làm thư ký đoàn là Lý Hoài Hương trọng trấn châu Nghệ An và Lê Kim Thái châu mục châu Vĩnh An.

Khi đã an tọa, Đào Tông Nguyên nói:

- Chúng tôi rất vinh hạnh được bàn thảo với các đại nhân, những nhân vật kiệt xuất của nhà nước đại Tống. Ví như Quách tướng quân đây đã lừng lẫy chốn biên thùý giáp Hạ từng coi phủ Thái Nguyên, người

đương thời ví tướng quân với Dịch Thanh.

Nhìn vào Triệu Tiết, Đào Tông Nguyên nói lớn: - Các vị cứ khiêm tốn thái quá, không chịu phô cái mình có, như Triệu tướng quân đây còn có chân tiến sĩ, từng coi Đàm Châu. Ngay cả Đào tướng quân cũng có chân tiến sĩ, coi thành Ung Châu và có biệt tài chiêu dụ các khê, động, các vị đều là tướng văn võ toàn tài.

Các tướng thiên triều tỏ vẻ hài lòng vì người An Nam đã biết đến tiếng tăm của mình, lại cũng ngạc nhiên vì sao họ lại biết. Nói chung khi Đào Tông Nguyên nói mấy lời xã giao không khí bớt căng thẳng.

Vào cuộc Quách Quỷ hỏi luôn:

- Mục đích của cuộc bàn hoà này là gì? Do phía quý ngài xướng xuất, vậy các ngài nên nói rõ.

- Vâng đúng thế, Đào Tông Nguyên đáp. Chúng tôi xướng xuất việc bàn hoà là để chấm dứt chiến tranh, văn hồi hoà bình.

- Phải có điều kiện gì kèm theo nữa chứ? - Triệu Tiết hỏi.

- Xin các ngài nói rõ cái mà các ngài gọi là điều kiện. Kiều Văn Ứng hỏi.

Quách Quỷ đáp:

- Một văn bản xin quy hàng do quốc vương của các ông thỉnh nguyện lên thiên tử. Phía An Nam phải bồi thường chiến phí cho nước đại Tống. Các vùng đất quân Tống chiếm được từ bắc ngạn sông Nam Định

(người Tống tự gọi sông Như Nguyệt của ta là sông Nam Định) tới biên thủy từ nay thuộc về nước Tống. Hằng năm An Nam phải tu cống cho thiên triều. Phải giao nộp Lý Thường Kiệt cho Tống xử vì tội dám đem quân xâm phạm đất đai của thiên tử, tàn sát và bắt đi hơn mười vạn người.

Nguyễn Sĩ Thoại mỉm cười nói:

- Quách tướng quân vui tính thật đấy.

Quách Quỳ nghiêm mặt nạt:

- Đây là thương thảo chứ không phải chuyện nói đùa.

Sĩ Thoại vẫn tươi cười và bình thản đáp:

- Vâng, nếu đã gọi là bàn thảo một cách nghiêm túc thì phải nhìn thẳng vào sự thực. Cái mà quý vị không đạt được trên chiến trường, các vị lại đòi có trên bàn thương thảo. Chúng tôi đâu phải bên thua trận. Các vị đòi quốc vương tôi phải có đơn xin quy hàng coi như một thỉnh nguyện thư gửi lên thiên tử. Đó là một đòi hỏi thậm vô lý nếu không muốn nói là các vị đã xúc phạm đến nước tôi.

- Nếu không chấp nhận hoà bình với các điều đó thì phải chấp nhận chiến tranh. Lại tiếp tục đánh nhau nữa.

- Thì các vị chẳng đánh chúng tôi mãi rồi sao. Nếu các vị muốn đánh nữa, buộc chúng tôi lại phải tự vệ.

Thấy không khí tranh biện có vẻ hơi căng, Kiều Văn Ứng bèn nói:

- Tôi nghĩ chúng ta nên bình tĩnh và nên nhìn thẳng vào thực tế, thì sự bàn hoà mới có ý nghĩa và mới mong đạt được một cái gì đó. Còn như chỉ để nói cho hả giận và cho bỏ ghét, thì chúng ta sẽ biến cuộc bàn hoà thành một cuộc cãi vã, một cuộc tranh biện hơn thua kéo dài đến vô tận. Điều đó xét cho cùng chúng tôi cũng như quý ngài đều không mong đợi.

Với giọng nói tựa như ôn hoà, Triệu Tiết lên tiếng:

- Hãy coi như các điều kiện cho cuộc văn hồi hoà bình do chánh sứ đoàn của chúng tôi đặt ra là quá đáng. Nhưng đó mới là đặt ra để bàn thảo chứ có phải chúng tôi áp đặt hoàn toàn như thế đâu. Vậy chứ điều kiện các ngài đặt ra trong cuộc bàn hoà này là thế nào, chúng tôi đang mong được biết.

Không khí tranh biện có vẻ bớt căng cứng, Đào Tông Nguyên nói:

- Để chấm dứt chiến tranh văn hồi hoà bình, trước hết chúng ta phải bàn bằng cách nào cho cuộc chiến ấy không tiếp diễn nữa. Và rồi khống chế nó bằng cách nào để nó không có thể phát tái trở lại nữa. Cho nên trước hết quân hai bên phải cách ly nhau một khoảng khả dĩ an toàn. Khoảng cách đó chừng năm chục dặm chẳng hạn. Mọi sự tuần tra cảnh giới của hai bên không được vượt qua đường ranh giới quy ước.

Bước thứ hai là thời gian rút quân của các ngài

kể từ khi hai bên thoả thuận đến người lính Trung Hoa cuối cùng ra khỏi đất nước tôi từ ba mươi đến bốn mươi lăm ngày.

Trong thời gian quân thiên triều còn lưu trú bên đất Đại Việt, nếu các ngài cần được giúp đỡ về lương thảo, thuốc men chúng tôi sẽ đáp ứng.

Việc trao đổi tù binh thông qua một danh sách mà hai bên trao cho nhau sau mười lăm ngày. Thường dân bị bắt phải được thả không điều kiện và không nằm trong danh sách trao đổi tù binh.

Phía Tống trao trả cho Đại Việt các thủ lĩnh trong các vùng khô động mà Tống buộc họ phải theo cùng dân chúng và đất đai thuộc các khô động đó.

Nếu các điều kiện trên được hoàn tất thì quốc vương Đại Việt sẽ có thư khánh chúc với thiên tử vì hoà bình đã vẫn hồi. Đại Việt vẫn chấp nhận là một nước phen giậu và tu cống thường niên.

Phía Tống bác bỏ các yêu sách của ta. Quách Quỷ nói:

- Hàng chục vạn quân thiên triều đi hàng vạn dặm tới đây không phải là cuộc đi dạo mát để về tay không.

Đào Bật nói:

- Đầu mục các khô động đã theo về đại Tống thì đất đai đó cũng thuộc về nhà Tống, vì thực chất các đất này từ xưa tới nay vẫn thuộc về nước Tống.

Nguyễn Sĩ Thoại bác lại:

Đất Tả, Hữu giang cho tới nay vẫn là đất ki mi, đó là sự thật, còn như đất các khê động do bọn Lưu Kỳ, Nùng Tông Đán, Hoàng Kim Mãn, Sầm Khánh Tân, Vi Thủ An... được triều đình cho tạm quản là đất đai Đại Việt. Nguyễn Sĩ Thoại bèn mở bản đồ trải rộng ra bàn nói tiếp: - Cương vực này đã được nhà đại Tống xác nhận sau cuộc xâm phạm bất thành của các tướng Hầu Nhân Báo, Tôn Toàn Hưng, Trần Khâm Tộ, Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân từ năm Tân Tỵ (981). Nếu các vị nói đây là vùng đất thuộc Tống, do nhà Tống cai quản, vậy các ngài chỉ giúp cho từ thời Tống Thái tổ tới nay đã có một viên quan người Tống nào đến trị nhậm ở vùng này. Xin các vị kể ra, dù chỉ một người thôi chúng tôi sẽ chấp nhận đó là đất Tống.

Tiếp đó Nguyễn Sĩ Thoại đưa ra danh sách các quan người Việt, các đầu mục người man trấn trị các vùng đất này khoảng một trăm năm trở lại đây.

Phía Tống cứng họng không có gì để cãi lại. Bỗng từ phía bàn các tùy phái, Khúc Chấn lên tiếng:

- Đất đai của thiên tử gồm bốn bể, rộng mênh mông, chưa cai quản hết thì cứ để đấy lo gì.

Sĩ Thoại mắng ngay:

- Tùy phái không được phép nói.

Đào Bật nhẹ nhàng nói:

- Dù sao thì đất ấy vẫn thuộc về Tống, rõ ràng là quân Tống đã chiếm được nó.

- Nhưng nó vốn là của Đại Việt trong khi quân Tống tràn qua tạm chiếm lấy, nay quân Tống lui về phải trả lại cho chủ cũ chứ. - Sĩ Thoại nói.

Đào Bật lên giọng:

- Nếu các ông muốn đòi lại đất ấy, chắc không thể đòi bằng nước bọt được đâu. Nói xong y ho khò khụ khạc đờm nhỏ ngay sau chỗ ngồi.

Kiều Văn Ứng vội nói:

- Ngay từ đầu chúng ta đã nói với nhau rằng hai bên gặp gỡ để bàn hoà. Cho nên ta gắng giữ lấy chữ hoà. Hoà vi quý, thánh nhân từng nói vậy.

Việc bàn hoà, mỗi bên đều có quyền đưa yêu sách. Đương nhiên mỗi bên đều nâng mức lên hơi quá, vì vậy bên kia không thể chấp nhận được. Bây giờ tôi xin xướng xuất một ý như sau. Ta tạm nghỉ ít ngày để mỗi bên về suy nghĩ và tâu báo các điều lên thượng cấp của nhau, xem cái gì có thể chấp nhận, cái gì phải bàn tiếp. Lờ qua tiếng lại có căng thẳng, nhưng chung quy ai vị chủ ấy không có gì đáng trách nhau cả. Duy có một điều, cái gì đã thuộc về chân lý đều phải tôn trọng.

Quách Quỷ vui vẻ trở lại, y nói to:

- Nghỉ thương thảo năm ngày.

Phái bộ ta vừa ra khỏi trại Tống, Quách Quỷ liền nói:

- Ta đòi giặc hơi quá, mà giặc đòi ta cũng thái quá. Nay ta muốn hỏi các ông, nếu giặc không nhượng bộ,

ta tính sao.

Triệu Tiết nói:

- Chuyện ấy chắc phải bàn kỹ và rồi còn phải tâu về triều xin được hoàng thượng ân chuẩn. Thương nghị với bọn này căng đầu óc quá di các ông. Ta cứ coi thường nam man, chứ bọn đến đây tôi thấy đứa nào cũng giỏi cả. Ngay mấy đứa tuy phái, tôi liếc qua thấy chữ chúng tốt quá. Tên Lê Kim Thái nó viết nhanh kỳ lạ, hầu như nó ghi không thiếu một lời, còn tên Lý Hoài Hương, không hiểu thằng này sao lại mang cái tên ấy, có thể cha mẹ nó bị đầy biệt xứ chăng. Tên này thông tuệ, nó viết ít chữ thôi, nhưng không thiếu một ý nào.

Đào Bật nói:

- Kiều Văn Ứng, Đào Tông Nguyên đúng là những tên cáo già trên bàn thương nghị.

Quách Quỳ để thêm:

- Nguyễn Sĩ Thoại, tên giặc này đầy nguy hiểm, nói năng khúc triết, lý lẽ rõ ràng, chứng cứ đầy đủ không những không bắt bẻ được nó, mà cũng không cãi được với nó nữa. Ta nghi tên này làm ở viện cơ mật lắm.

Triệu Tiết:

- Năm Ất Mão (1075) nước nó mở khoa thi Minh kinh bác sĩ, lấy đỗ hơn chục người, chẳng biết bọn này có đứa nào đỗ đạt.

Đào Bật:

- Chúng còn hơn cả đồ đạc, tên nào cũng học vấn cùng mình mà nó hiểu ta có nhẽ còn hơn ta hiểu ta nữa.

Triệu Tiết:

- Ta nghe có người đi sứ về nói, có kẻ bên nước nó nói: “Ta với Trung Quốc là kẻ thù tri kỷ, kẻ thù truyền kiếp”.

Diêu Tự kêu to:

- Chúng nó nói đúng. Thử hỏi còn cái gì của ta mà nó không biết. Xin chủ tướng cho nghỉ, mệt lắm rồi. Việc lớn không thể bàn vội vã được đâu.

Phái bộ của ta về tâu báo lại các việc xảy ra trên bàn thương thảo và những yêu sách phía Tống đòi hỏi.

Lý Thường Kiệt nghe xong có vẻ giận lắm. Ông nói:

- Ta chỉ lo con cháu sau này không đủ sức đỡ đòn thù, chứ thả ra ta đánh một trận nữa thì bọn này vừa chết vừa phải quy hàng tất cả. Hoặc nếu không, ta chỉ phái một đạo quân tăng viện cho phò mã Thân Cảnh Phúc triệt nguồn tiếp tế từ bên Tàu sang, mười lăm ngày sau bọn này chỉ ngáp mà chết. Ta biết, bọn tướng Tống chỉ giỏi võ mồm thôi chứ quân nó thì tan rã từ trong tim trong óc rồi, đánh đấm gì được nữa.

Phụng Càn vương Lý Nhật Trung nói như đồ dành:

- Đang thừa thắng mà dừng lại được, ông thuộc loại trí tướng vì tính đến cả thực họa cho đời sau. Lại còn một thực trạng nữa cần phải tính đến rằng hoàng

thượng còn nhỏ chưa quyết được việc gì, nhất nhất đều do nơi nhiếp chính cả, mà hoàng thái hậu bây giờ đã “ngắm Phật” rồi, bà không muốn chiến tranh chết chóc nữa đâu. Giáo hội thì khởi nói. Nhà Phật vừa hiếu thiện vừa hiếu hoà. Sự tham gia của quốc sư Hoài Tín vào công việc giữ nước như thế cũng là muôn quý rồi. Có thể ta phải tạm nhượng cho chúng một ít đất để thiên triều đỡ mất mặt.

- Vương nói sao? Lý Thường Kiệt có vẻ bức dọc hỏi lại. Một đội quân ốm yếu, đói khát, lính không còn một chút nhuệ khí, chỉ còn mấy viên tướng lẻo mép, tha mạng cho chúng nó đã là may, lại còn cắt đất cho nó nữa à? Vương có nhớ trong chuyến đi Vĩnh An trở về bằng đường biển, đức Thái tông có nói lại di ngôn của Thái tổ thế nào không?

- Sao ta không nhớ? Người dạy rằng: “Một thước núi một tấc sông cũng không được để lọt vào tay quân thù. Đất nước này có được là do máu xương nghìn đời của cha ông ta vun đắp nên mới có. Kẻ nào đem đất đai của tổ phụ trao cho giặc, nó chính là kẻ thù của dân nước”. Ngài dạy thế có đúng không?

- Đúng vậy! Thế tại sao vương lại nghĩ đến chuyện nhân nhượng mà cắt đất cho nó.

- Thì đã bảo là tạm nhượng thôi mà. Điều căn bản lúc này là phải đuổi quân giặc ra khỏi cõi bờ vừa nhân sức dân vừa đỡ tổn máu xương sĩ tốt. Ta chi ngại để sự

việc kéo dài, quân Tống đem thêm binh sang nữa thì nhọc sức dân lắm. Chi bằng trong lúc nó ở vào thế bí, ta cho nó con đường thoát trong danh dự, vua tôi nó đỡ bễ. Còn đất của ta, trước sau ta cũng tìm được cách đòi lại, lo gì.

Lý Đạo Thành nói:

- Phụng Càn vương nói có lý. Ta tạm chấp nhận cho nó giữ lại mấy châu, động chứ ta không ký nhận với nó rằng đất ấy thuộc về nhà Tống. Sau này mưa tạnh gió tan, ta sẽ lấy lý mà đòi lại, lấy lẽ mà thương thuyết, mặt khác binh ta cứ áp sát rồi xúi dân man nổi dậy đuổi đánh đám quan quân nhà Tống đi. Tự trung đất ta lại về ta thôi.

Lê Văn Thịnh cũng nói hòa vào:

- Cứ xem cái thế của nhà Tống chắc không thể đứng vững được. Cắt đất hoà hoãn với bắc Liêu, cho thêm vàng lụa để yên tây Hạ. Tập trung nhân tài vật lực của cả nước đổ vào canh bạc Giao Chi. Kết cục trắng tay. Vậy thời Liêu, Hạ nó lại ép chứ. Trong khi họ lo mặt bắc, mặt tây thì ta cứ lặng lẽ thu đất về. Tới lúc ấy, nước Tống lo giữ lấy Biện Kinh còn chưa xong, sao dám tính chuyện nam chinh nữa. Cho nên để vài ngàn tên giặc ở trợ mấy châu, động trong ít tháng, xin quan Thái tử khỏi bận tâm.

- Thôi được, ta tạm nghe các vị. Lý Thường Kiệt miễn cưỡng chấp nhận. – Nhưng ta nói trước, khi nào

bảo chúng rút mà chúng không rút là ta ra tay đấy.

Quay về phía Đào Tông Nguyên và mấy người trong phái bộ bàn hoà, Lý Thường Kiệt gơ tay đe:

- Nếu để mất thêm đất là ta lấy đầu các ông đó. Vả lại các ông cứ phải bóc mẽ lũ Quách Quỳ, Triệu Tiết và cho chúng biết rằng chúng chẳng còn gì để mặc cả đâu. Sở dĩ ta cho bàn hoà lại cho rút quân là để vớt vát thể diện cho vua tôi Tống Thần tông. Nếu chúng không biết điều mà cứ huênh hoang, chọc tức, chắc ta không tha mạng sống cho lũ chúng đâu.

Lại nói bên phía quân Tống, các tướng trên đường về trại nói riêng với nhau:

- Cũng may giặc không biết rõ thực lực của ta nên nó mới nhận bàn hoà, chứ nếu nó biết đích xác, nó chỉ đánh mình thêm một trận nữa, chắc quân ta khó mà trụ được.

- Chủ tướng mình cứ nói cứng, ép nó quá, tức khí nó mà kéo quân qua bắc ngạn lần nữa không biết lấy gì mà chống cự.

- Đám quân ta từ bữa nghe thân trách mắng, lại nếm một trận trời bời, bây giờ chúng ngơ ngác như một lũ gà bị cáo vồ hụt, giặc có đến chỉ chạy dài chứ đánh chác gì.

- Chủ tướng có biết điều ấy không nhỉ.

- Chúng ta không nói sao chủ tướng biết được.

- Các ngài ấy chỉ giả vờ thôi, tinh như ma ấy,

chuyện gì các ngài ấy chẳng biết.

- Biết thực trạng quân mình như thế, lương ăn tính từng ngày mà lại ra giá cao, lỗ bên kia nó lại đánh thì sao.

- Thế các ông bảo chủ tướng còn biết tính sao nữa. Sang nam ngạn đề tiến vào Thăng Long, đến trong mơ cũng không dám ước nữa. Rút quân về với hai bàn tay trắng sao. Thiên tử sẽ chém đầu.

- Như thế có nghĩa rằng tiến lên cũng chết, quay lại thì rơi đầu, đành liều làm găng để kiếm chác tí lạng vốn trở về chứ gì.

- Đúng thế đấy.

- Nhưng nếu phía An Nam không chấp thuận, nó đánh tiếp thì sao?

- Đã bảo liều mà lại.

Nói rằng nghỉ chứ Quách Quỳ còn lòng dạ nào để nghỉ, sớm hôm sau Quì lại cho vời Triệu Tiết, Yên Đạt, Đào Bật đến dinh nghị bàn.

Đông đủ các tướng, Quỳ hỏi luôn:

- Các điều ta đặt ra cho giặc liệu nó có nuốt được không?

Triệu Tiết hỏi lại:

- Vậy còn các điều giặc đòi ta, liệu ta có chịu không? - Chắc là không. Tiết tự trả lời. Và tiếp: - Ta biết ông làm căng là để giặc không nhòm được vào chỗ yếu của ta. Nhưng giặc không khờ như ta tưởng đâu. Ta nhớ

khi Quách tướng quân de: “Nếu không chấp nhận hoà bình với các điều đó thì phải chấp nhận chiến tranh. Lại tiếp tục đánh nhau nữa”. Lập tức Nguyễn Sĩ Thoại đáp lại: “Thì các vị chẳng đánh chúng tôi mãi rồi sao. Nếu các vị muốn đánh nữa, buộc chúng tôi phải tự vệ”. Như thế có nghĩa là giặc sẵn sàng đánh nhau nữa. Chúng cũng tính cả rồi. Chúng ta tưởng họ không biết gì về ta sao? - Nhầm đấy. Trái lại nó biết quá rõ. Và đúng như Đào Tông Nguyên nói: “Thương thảo để tìm ra một kết cục cả hai bên cùng có lợi”. Tôi nghĩ như thế là hợp lý. Vì rằng chúng ta không đủ sức đè bẹp giặc. Mà giặc có lợi thế cuộc chiến diễn ra trên đất nó. Núi sông hiểm trở đã là một lợi thế. Lợi thế thứ hai là thời tiết nóng ẩm, người phương bắc chúng ta không chịu nổi. Lợi thế thứ ba là chúng có hậu cần tại chỗ, còn ta binh phu phải công trên lưng đi mấy ngàn dặm, vận chuyển tới nơi mười phần nó tự ăn hết bảy tám. Ấy là chưa nói đến thuỷ binh tượng binh của nó mạnh lắm đấy. Cho nên bây giờ ta phải bàn với nhau xem ép nó tới mức nào, và như thế nào để cả hai bên cùng chấp nhận. Đừng tưởng nó không biết mình thiếu lương. Không nghe nó nói “cần lương thực, thuốc men bao nhiêu” nó sẽ cung ứng, tức là nó biết đến tận ruột gan ta thiếu cái gì rồi.

Triệu Tiết phơi bày cái thực trạng của quân Tống, thực chất đó ai cũng biết, song đều không dám thừa nhận, nay có người vạch ra, thày đều choáng váng.

Nghe Triệu Tiết nói, Quách Quỳ mặt sầm tối lại, nhưng không thể bắt bẻ. lát sau, Quỳ gặng hỏi:

- Vậy các ông thử bàn tới rốt ráo xem sao.

Đào Bật xin nói:

- Có nhẽ trước hết Càn Đức phải có biểu tạ lỗi với vua ta. Sau đó phải nhận làm một nước phiên thần, phải tu cống thường niên.

- Các điều ấy thì Đào Tông Nguyên đã tự nêu ra rồi. - Triệu Tiết nhắc.

Phó tướng Yên Đạt tiếp lời:

- Nếu có biểu tạ lỗi của Càn Đức ta gửi sớm về để thiên tử bớt giận, vì thực chất nhà vua đặt nhiều hy vọng vào việc quân ta bình Giao Chỉ.

Về yêu sách đất đai, nếu ta chiếm từ bắc ngạn sông Nam Định (Như Nguyệt) chắc giặc không nghe. Nhưng theo tôi ta phải giữ cho bằng được hai châu Quang Lang và Quảng Nguyên. Quang Lang là yết hầu để quân ta từ Ung Châu kéo sang nẻo Tư Minh về Thăng Long là gần nhất. Còn Quảng Nguyên lắm mỏ quý, thiên tử cũng dặn: "Bình xong Giao Chỉ chia thành quận huyện như trong nước, rồi tiến hành khai thác của cải". Ngay hỏi quân ta mới chiếm Quảng Nguyên, Quách tướng quân đã định mộ đám tù nhân từ bên nước cho qua khai mỏ vàng, mỏ bạc. Cho nên hai châu này cùng các động sách mà các thủ lĩnh người man ta đã dụ được, đều phải giữ lấy. Tôi nghĩ như thế là được, chứ ta căng quá, nó tiếp

tục đánh, chắc ta bị hãm vào thế bất lợi.

Các tướng đều cho như thế là phải. Quách Quý than: “Ta không đập đổ được sào huyết giặc, bắt được Càn Đức để báo mệnh vua. Thôi ta đành liều một thân ta, chịu tội với triều đình, đó là bởi trời! Thôi ta đành liều một thân ta, chịu tội với triều đình, để mong cứu hơn mười vạn nhân mạng.”¹

Cuộc thương nghị tiếp theo cũng không dễ dàng. Tống chỉ chấp nhận lui quân mười lăm dặm thay vì ba mươi dặm như phía Đại Việt xướng xuất. Tống đòi chiếm tất cả đất đai mà quân Tống đang kiểm soát. Đại Việt đòi Tống phải rút tất cả quân đội về nước, trả lại toàn bộ đất đai như trước khi chiến tranh nổ ra.

Tống vặn hỏi phía Đại Việt nhiều điều. Ví như Quách Quý hỏi:

- Các ông bảo trước sau An Nam vẫn giữ phận phiên thần, tại sao các ông dám đánh lại quân thiên triều?

Sĩ Thoại bác ngay:

- Các ông nhầm rồi, chúng tôi đánh quân xâm lược chứ đâu phải đánh binh thiên triều. Vì rằng một nước vô cơ đem quân qua biên giới xâm phạm vào chủ quyền của nước kia, quân ấy dù của ai đi nữa vẫn cứ là quân xâm lược.

¹ Hơn mười vạn đây chắc Quách Quý nói cả binh lính lẫn binh phu. Bởi theo Tống sử nói số binh lính (hơn 10 vạn) lúc rút về chỉ còn ba, bốn phần. Và số binh phu hơn 20 vạn cũng chết quá nửa.

- Nhưng trước đó Giao Chi vô cớ đem quân vào tàn sát, cướp bóc ba châu Ung, Khâm, Liêm của đại Tống, hiện nay Giao Chi còn giữ hàng mấy ngàn quan chức và thường dân của ba thành ấy mà vẫn chưa chịu trao trả - Đào Bất nói.

Kiều Văn Ứng phân bua:

- Không đúng không bao giờ chúng tôi dám đem quân xâm phạm đất đai quý quốc.

Thoạt tiên nhà Tống đặt năm trại quân lớn áp sát biên thủy nước tôi là Hoàn An, Thái Bình, Vĩnh Bình, Cổ Vạn, Thiên Long ngày đêm uy hiếp dân tôi. Chúng tôi đã có cáo thư đệ lên thiên tử gửi qua viên tri Quế Châu lúc ấy là Thẩm Khi, y không đệ trình cáo thư của chúng tôi về Biện Kinh. Không những thế còn dụ dỗ dân tôi và lừa họ về đất Tống tới hơn ba ngàn người. Quốc vương tôi lại gửi cáo thư lên thiên tử, lần này nhờ viên tri Quảng Châu chuyển tiếp. Không những Quảng Châu không chuyển mà phía quý quốc đưa lương thảo, khí cụ chiến tranh và quân lính chuyển về Ung Châu ngày một đông. Hai nơi tập trung quân thủy đông nhất là Khâm Châu, Liêm Châu. Bên Tống ráo riết tập trận thủy bộ, thậm chí còn trưng dụng cả thuyền chài, thuyền muối làm thuyền chiến.

Vậy là hai mặt thủy, bộ uy hiếp chúng tôi nặng nề cùng với năm trại quân áp sát đường biên khiến chúng tôi lo lắng. Không những thế các công trường đóng tàu

thuyền chiến làm việc suốt ngày đêm, rồi đột ngột ra lệnh cấm giao thương chợ búa giữa hai nước. Ngay viên coi Ung Châu là Tô Giàm cũng thấy việc đó gây nguy hiểm nên có sớ tâu về triều: “Phải bỏ ngay ba việc đang làm: tập lính, đóng tàu, cấm chợ, để người Giao Chỉ không có danh nghĩa cất quân”. Nhưng Biện Kinh đã lờ đi và việc xâm lăng đất tời chỉ còn trong sớm tối. Vì vậy, như người Trung Hoa các ngài thường nói: “Thà ta phụ người còn hơn để người phụ ta”. Vậy là buộc chúng tời phải tiến công để tự vệ chứ chúng tời đâu có tham vọng đất đai của quý quốc.

Triệu Tiết cau mày nói như quát:

- Nước đại Tống có quyền tập trận, có quyền điều binh đến khắp mọi miền đất nước. Ai cho các ông cái quyền ngăn cấm thiên triều làm việc đó. Rõ ràng là các ông nghịch mệnh thiên tử. Thiên tử thế thiên hành đạo cho nên làm như thế nào là ở như thiên tử tuân theo mệnh trời chứ.

Sĩ Thoại đáp trả:

- Đạo trời là trung chính, là công bằng, là bênh vực kẻ yếu. Trung Quốc tự coi An Nam là một nước phiên thần, nhẽ ra Trung Quốc phải che chở chúng tời chứ. Thế mà thiên tử lại có lòng thôn tính An Nam. Chính đương kim thiên tử nhà đại Tống đã nói trước triều quan rằng: “Giao Chỉ bị thua ở Chiêm Thành, quân không còn nổi một vạn, có thể tính ngày lấy được”. Vì

thế Thẩm Khí hồi đó tri Quế Châu mới ra sức lo gấp việc đánh nước tôi. Tình hình căng thẳng tới mức Tô Giâm coi Ung Châu phải tâu báo về triều như quan phó chánh sứ đoàn của tôi vừa nói. Cho nên người làm sai mệnh trời lại chính là thiên tử. Theo như các bậc thánh nho của quý quốc dạy: “Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong”¹. Rõ ràng gây ra hiểm họa là ở Trung Quốc chớ đâu phải chúng tôi nghịch mệnh. Nước chúng tôi có câu thành ngữ, từ già tới trẻ ai cũng biết, đó là: “Bề trên ở chẳng chính ngôi, để cho kẻ dưới chúng tôi hỗn hào”. Đại khái nó cũng giống như nhời của các bậc thánh nho vậy thôi. Hơn thế nữa quý quốc còn xúi Chiêm Thành đánh chúng tôi. Ai đã ban cho Chiêm Thành năm vạn mũi tên đồng và được phép cập thuyền vào Quảng Châu mua ngựa cùng các khí cụ chiến tranh không hạn chế? Chính là thiên tử đấy.

Đào Bật giơ tay ngăn lại và cao giọng nói:

- Các ông không được xúc phạm tới thiên tử. Bằng cớ nào mà dám nói thiên tử bảo: “Có thể tính ngày lấy được Giao Chỉ”?

Kiều Văn Ứng đáp lời:

- Các ông không phải là quan tị triều nên không rõ đó thôi. Để biết có phải thiên tử nói vậy không, ông

¹ Lời Mạnh Tử đại ý: Thuận theo mệnh trời thì tồn tại. Trái với mệnh trời ắt bị huỷ diệt. (Mệnh ở đây hiểu như quy luật tự nhiên).

về xin mở sổ “Thực lục” của quan nội sử ra mà xem, nếu sai chúng tôi chịu trách nhiệm. Lại nữa sau này việc chuẩn bị đánh nước tôi không kịp, Thảm Khi đã bị khiển trách và bị đày đi coi Đầm Châu và đổi Lưu Di về coi Quế Châu. Cho nên việc chúng tôi buộc phải đánh Ung, Khâm, Liêm là thể hiện quyền tự vệ mà việc khơi nguồn từ quý quốc. Nay các ngài vô cơ cất quân sang xâm lấn nước tôi thời việc rút quân về là hợp thiên mệnh đấy. Các ngài lại bảo “không thể trắng tay ra về”, chẳng phải các ngài đã tự nhận mình là kẻ xâm lăng ư?

Đại khái cuộc tranh biện giữa hai bên cực kỳ gay gắt, có lúc tưởng có nguy cơ tan vỡ. Nhưng cuối cùng rồi cũng đi tới thoả hiệp:

Quân Tống phải rút toàn bộ ra khỏi Đại Việt, nhưng tạm quản hai châu Quang Lang và Quảng Nguyên và sáu động.

Tống Thần tông được tin Quách Quý nhận lời đình chiến với An Nam và đã lui quân, đã thôi không tìm cách vượt mấy chục dặm cuối cùng để vào chiếm Thăng Long nữa. Tuy nhận được biểu tạ của vua Càn Đức với lời lẽ khiêm nhường lại chịu tu cống như xưa, nhưng Thần tông vẫn còn giận lắm. Bởi nhà vua đặt nhiều hy vọng vào cuộc nam chinh. Ngày quân Tống ra khỏi cõi, vua Tống sai đặt “Khu mật cấp tốc văn tự” để chạy qua các trạm không phải dừng, nhằm cung cấp tin tức mặt trận nhanh nhất cho nhà vua. Khi được tin Nhâm Khi

chiếm được trại Ngọc Sơn thuộc châu Vĩnh An, từ tháng bảy (1076) Tống Thần tông lập tức xuống chiếu: “Nhâm Khi đánh được trại Ngọc Sơn. Công tuy không to, nhưng cũng đã lần đầu làm phấn khích sĩ tốt...”. Tới khi quân Tống lấy được Quảng Nguyên, Quang Lang, Môn, Tô Mậu... và kéo quân tới bờ bắc sông Như Nguyệt, vua Tống đã bàn tới việc chia đất Giao Chỉ thành quận, huyện như trong nước và nghĩ ngay tới việc khai các mỏ quý của Quảng Nguyên, thế mà bây giờ Quách Quỳ phải chấp nhận đình chiến, rút quân về nước. Lòng đầy tức bực, Tống Thần tông phán trước triều quan: - Hãy cấp tốc báo tin cho Quách Quỳ không được lui quân, ta sẽ cho quân tiếp viện để găng qua sông.

Các quan sợ hãi xúm vào can. Trong đó có viên Giám sát ngự sử là Thái Phụng Hy sau khi đã có lời can gián trước triều đình còn viết sớ dâng lên:

“... Trộm nghĩ, từ khi Giao Chỉ chưa hàng (người Trung Hoa sī diện không chấp nhận thua trận, coi hoà ước giữa hai bên là hàng ước của bên ta), ta đem quân đánh, thì chỉ mới đánh một góc, mà binh phu đã chết dọc đường nối tiếp nhau, phí của nước kể hàng ức, hàng vạn. Trong hai năm nay thật là lao khổ. Thế mà chỉ được đất vài châu. Đất ấy cũng chỉ là chỗ sơn cùng thuỷ tận đầy ác thú và lam chướng. Người ấy, đất ấy, nếu có được cũng chẳng có ích gì cho thiên hạ...”

Tể tướng Ngô Sung người vốn chủ hoà thấy tình

thế đã đến, vội dâng biểu mừng nhà vua: “Đã dẹp yên An Nam, và đã lấy được Quảng Nguyên”.

Thấy tình thế không thuận, Tống Thần tông xuống chiếu bãi binh và sai đổi châu Quảng Nguyên thành Thuận Châu, và thăng Quang Lang lên hàng huyện, tức là sáp nhập hai châu của Đại Việt vào đất Tống.

Lại nói Quách Quỳ sau khi đã cho quân lui về đường biên quy ước, lại báo cho bên ta biết ngày chính thức rút quân.

Lý Thường Kiệt hội các tướng lại cho biết:

- Giặc sẽ bất ngờ rút quân vì sợ ta chặn đánh. Ta không có chủ đích ấy. Nhưng các tướng phải sẵn sàng, giặc rút tới đâu, áp quân tới đó. Tuy nói cho giặc quân hai châu Quang Lang và Quảng Nguyên, song quả thực Quang Lang là yết hầu của ta, nếu giặc đóng tại Quang Lang thì việc chúng trở lại Thăng Long vẫn nằm trong mưu nó. Do vậy, ta phải lấy lại Quang Lang ngay sau khi đại quân Tống đã rút qua biên thủy. Cho dù nếu vì việc ta lấy Quang Lang quân Tống quay lại, ta đã có cách trị chúng.

Quả như Lý Thường Kiệt dự đoán, Quách Quỳ không báo cho quân chúng biết ngày nào rút quân. Vào một đêm bất chợt, Quách Quỳ ra lệnh lập tức rút quân. Quân bộ, quân kỵ không kịp sắp xếp hoảng hốt đạp xéo lên nhau tranh lấy đường đi tựa như một cuộc chạy trốn.

Lý Thường Kiệt theo dõi thấy Quách Quỳ đã đưa

quân ra khỏi Lạng Châu, liền cho quân tiến lên đóng giữ động Giáp (Chi Lăng) rồi kéo quân đánh úp chiếm lại Quang Lang. Hai viên trị huyện là Hồ Thanh và tuần phòng là Trần Tung đều hoảng hốt bỏ chạy.

Như vậy quân ta lấy lại Quang Lang không tốn một mũi tên, không mất một giọt máu. Thế nhưng tin này mãi năm tháng sau, tức tháng bảy năm Đinh Ty (1077) ty chuyển vận Quảng Tây mới tâu về triều: “Có dò được tin quân Giao Chỉ hiện đóng ở ngoài huyện Quang Lang”.

Tống Thần tông tỏ ra thất vọng hạ chiếu: “Huyện Quang Lang đã bị Giao Chỉ đánh úp và chiếm mất rồi. Chưa thấy lộ Quảng Tây xử trí làm sao. Từ đó qua ải Quyết Lý đến Thuận Châu (Quảng Nguyên) không xa. Coi khéo lại không thể cố thủ được. Phải làm sao cho không tổn quốc uy...”. Liền đó trị tội hai quan chức đã bỏ thành Quang Lang trốn chạy, trong đó Trần Tung bị án chém, Hồ Thanh bị đẩy ra đảo Sa Môn.

Tiếp đó Lý Thường Kiệt phao tin sắp đưa quân chiếm lại Quảng Nguyên. Nhà Tống cho quân phòng bị và cai trị chặt chẽ, kể cả việc đưa tù phạm đến đào vàng.

Lại nói Dương Tùng Tiên đã nhiều lần đưa quân thủy tiến vào bị Lý Kế Nguyên đánh bại, sau y đành quay về cố thủ tại cửa sông Đông Kinh, mãi khi chiến tranh kết thúc rồi vẫn chưa biết, vua Tống phải sai người đi gọi về.

Sau chiến tranh, Tống Thần tông sai kiểm điểm số quân và số ngựa còn lại, cả thấy chỉ còn 23.400 lính và 3.174 con ngựa so với binh uy lúc ra đi hơn mười vạn (100.000) và số ngựa là một vạn con (10.000). Tính ra tổn phí cho cuộc chiến tranh hết năm triệu một trăm chín mươi ngàn (5.190.000) lượng vàng.

Thời gian quân Tống vào xâm lược nước ta từ cuối năm Ất Mão (1075) đến gần hết mùa xuân năm Đinh Ty (1077) cộng là mười lăm tháng thì chấm dứt.

Nhờ sự đoàn kết muôn người như một từ triều đình đến dân chúng, nên cuộc chiến đã kết thúc thắng lợi, cả nước đều hân hoan. Triều đình ban chiếu khải hoàn và tha tô thuế cho các vùng bị quân giặc tàn phá.

Quân Tống đã thua phải rút quân về, nhưng người Tống cứ huyênh hoang: “Giao Chỉ đã hàng” hoặc “Bình xong Giao Chỉ”.

Sau này trong sách “*Tống – Lý bang giao*” của hai ông họ Trình là Trình Di và Trình Hạo đánh giá về cuộc chiến tranh này có đoạn viết: “May được lời giặc nói nhưn, liền nhân đó giảng hoà. Nếu không có lời quy thuận ấy của giặc thì làm thế nào”.

XVII

Chiến tranh kết liễu, mọi công việc trở lại bình thường. Bữa nọ sư phó Lê Văn Thịnh sang dinh quan thái tử Lý Thường Kiệt định bàn đôi việc.

Vừa trông thấy Binh bộ thị lang quan thái tử đã reo lên: - May quá, ta có việc đang muốn gặp ông.

- Bẩm quan Thái tử có điều gì cần sai bảo?

- Vừa qua triều hội, nhân kháng Tống thắng lợi, các quan xin nhiếp chính hoàng thái hậu và hoàng thượng cải niên hiệu. Bên văn ban dâng bốn chữ "Anh Vũ chiêu thắng", nghe được đấy.

- Dạ, các quan bàn mãi mới bật ra được cái danh đó. Bẩm, chiến tranh đã mãn, công việc bên Binh bộ cũng không đến nỗi căng lắm, hạ cấp muốn xin quan thái tử cho bớt việc bên Binh bộ để có thì giờ chuyên lo việc học cho nhà vua.

- Việc học hành của hoàng thượng thế nào? Nghe

nói ngài siêng học và thông tuệ lắm, có phải vậy?

- Dạ đúng như thế, nếu hạ cấp không chuyên nhất e rằng không đủ sức hầu giảng nhà vua trong một hai năm tới.

- Việc học là phải đi đôi với hành, nếu chỉ chuyên chú vào kinh văn, ta ngại sẽ biến đầu óc con người trở nên trì bệ, yếm thế.

- Quan Thái tử dạy rất đúng, hạ cấp vẫn cố gắng đi theo hướng đó.

- Vậy chờ ông muốn thôi hẳn công việc bên Binh bộ chăng? Không thôi được đâu. Ông có tư chất của một bậc trí tướng, đời nào ta thả ông ra. Nhưng có một việc này ông phải giúp ta. Đành rằng phải dành nhiều thì giờ hầu giảng hoàng thượng. Tuy nhiên việc cải cách bộ máy trong triều lúc này cần lắm. Các quan đến tuổi về hưu mà người thay thế chưa có. Không thể lấy chân tập tước cha truyền con nối cho vào bộ máy được. Đành rằng tập tước mà có tài vẫn cho thi tuyển, đậu thì lấy, không đậu thì chỉ cho ăn lộc và giữ cái tước hờ thôi. Phải chọn người tài trong nước. Mở khoa thi để chọn cũng là một cách. Nhưng trong dân còn tàng ẩn nhiều bậc kỳ tài lắm, phải làm sao kiếm tìm cho ra những người như thế để đưa vào bộ máy cai trị thì nước mới có cơ hưng vượng lên được. Vì vậy ta muốn ông giúp thêm một tay với ông bình chương. Ta trọng ông ấy vừa có tâm vừa có tài, nhưng tuổi cao, sức lực có hạn. Cho nên

ông thử bàn với ông cụ xem có cách nào tuyển dụng được nhiều nhân tài. Cả việc thi cử cũng phải đưa vào quy củ. Chẳng lẽ thi được một khoa rồi bỏ lửng sao.

- Dạ, việc thi cử thì đã có đôi lần quan Bình chương bàn kỹ với hạ cấp. Tuy vậy phải chờ lớp học trong quốc tử viện đủ sức đã thì mở khoa thi mới có thí sinh ạ.

- À thì ra ông Bình chương với ông đã tính cả rồi, vậy ta yên tâm. Thật ra con người phải lấy cái trí làm đầu. Trí mà không khai được sẽ luẩn quẩn chẳng biết đầu cuối nào mà mò.

Lý Thường Kiệt tự nhiên vui hẳn lên, ông báo Lê Văn Thịnh: - Cứ ngồi chờ một lát, ta đi tìm cái này, ra ngay đây. Thoáng ông bê ra một chiếc lọ sành men màu ngọc bích, hoa văn lá đề. Chiếc lọ chỉ to bằng hai vốc tay. Ông nâng nó bằng hai tay đặt lên kỷ và nói: - Đây là lọ rượu tiên đế ban cho ta hồi đi đánh Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069), khi ta truy đuổi đến giáp biên thủy Chân Lạp mới bắt được Chế Củ đem về nộp hoàng thượng. Dận ấy Chế Củ chuộc mạng bằng ba châu: Địa Lý, Bố Chánh, Ma Linh. Sau lễ hiến phù ban thưởng công trạng, ta được hoàng thượng phong Phụ quốc thái uý đao thụ chư trấn tiết độ đồng trung thư môn hạ thượng trụ quốc thiên tử nghĩa đệ, và ban cho vò ngự tửu này.

Vì là rượu quý nên ta cứ để dành, nhân bữa nay

có ông, ta khai ra uống với nhau để mừng công cuộc kháng Tống thắng lợi. Nói xong, Lý Thường Kiệt mở nắp vò. Mùi rượu thơm ngon khác lạ khiến cánh mũi hai người cứ phập phồng.

Lý Thường Kiệt rót đầy vào hai chiếc bát trắng, chân đế thấp, nom như một chiếc nấm màu thanh thiên.

Ông đưa tận tay mời Lê Văn Thịnh một bát và cùng nâng bát lên, ông nói:

- Chúc anh linh tiên đế siêu thoát phù hộ cho dân nước.

- Chúc dương kim hoàng thượng chóng trưởng thành, nối được chí cha ông.

- Chúc nước Đại Việt hùng cường.

Nhìn vào tận mắt Lê Văn Thịnh, ông tiếp:

- Ta chúc ông mãi mãi là trụ thủ đắc lực của hoàng thượng.

Lê Văn Thịnh vô cùng xúc động, ông thật không ngờ lại được quan thái tử dành cho đặc ân này. Lê Văn Thịnh hai tay nâng bát rượu lên ngang trán nói:

- Kính chúc quan Thái tử sức khoẻ dẻo dai, để mãi mãi là cột trụ vững chắc cho nước nhà, để không kẻ thù nào dám nhòm ngó núi sông ta.

Hai người uống cạn. Không khí thật là ấm áp.

Lát sau Lý Thường Kiệt lên tiếng:

- Đây cái câu nói tương như đùa của Phụng Càn vương rằng: “Giặc sợ ma sao ta không đem ma ra mà nạt”. Sau đó quốc sư Hoài Tín bảo: “Tại sao không mượn oai Thất Diệu Sơn Thần ra mà dọa giặc”. Rồi sư cho biết cách để làm như là thần xuất hiện, và được ông thực hiện thật là mãn ý. Ta cho đó cũng là một kỳ mưu. Vì rằng có được chứng kiến tinh thần binh lính giặc rã rời thế nào mới hiểu được giá trị của kế đánh giặc bằng tâm linh của đại sư.

Chao ôi, trận ta tập kích vào trại quân Triệu Tiết, binh nó cứ ngỡ quân ta là quân của Thần Núi, nên chúng rụng rời hết cả. Quân ta chém đầu giặc như chém chuối. Khắp một cánh đồng bao la, ngập xác giặc. Khi đập lên những thi thể giặc còn nóng hồi cứ trải dài dưới chân, đến như ta mà còn dựng cả tóc gáy.

Lại rót thêm bát nữa, Lý Thường Kiệt cười vui thoải mái, lại còn uống tới bát rượu thứ hai nữa chứ, đây quả là một ngoại lệ đối với một võ tướng vốn chín chu, nghiêm cẩn và kiệm lời.

Như là một sự thăng hoa, ông hỏi Lê Văn Thịnh:

- Vậy chớ ông nói lại cho ta hay về lai lịch vị thần mà ông bảo ta cầu xin bữa đó, để rồi còn phải có biểu xin nhà vua ban tước cho thần và đích thân ta với ông phải đến tạ thần nữa chứ.

Lê Văn Thịnh tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Hôm đó hạ cấp đã thừa với quan Thái tể rồi cơ mà.

- Đầu óc ta lúc ấy để hết vào việc phá giặc, ta chỉ nhớ ông bảo cầu thần mà vị thần này ngày xưa trong cuộc kháng Tống năm Tân Ty (981) hoàng đế Lê Hoàn đã cầu và được thần giúp thắng giặc mỹ mãn. Ta cứ nghe đến thắng giặc là bằng lòng ngay thôi chứ chẳng để tâm đến điều gì khác nữa.

- Ra thế, hạ cấp lại có duyên được hầu kể cho quan thái tể nghe một lần nữa.

Dạ, theo thế truyền¹ thì năm Tân Ty (981) hoàng đế Lê Hoàn cùng tướng quân Phạm Cự Lượng chống nhau với tướng giặc là Hầu Nhân Báo, Tôn Toàn Hưng tại cửa sông Đồ Lỗ, hai bên đối luy căng lắm.

Đêm vua ngủ mơ thấy bóng dáng hai người từ trên sông, cùng vái và nói: “Hai anh em thần, anh là Trương Hống, em là Trương Hát, trước kia là bộ tướng của Triệu Việt vương lẫn lộn đánh dẹp giặc dữ bốn phương mới có được thiên hạ. Sau vì Lý Phật Tử dùng mưu gian chiếm mất nước rồi xưng đế. Lại biết anh em thần là tướng cũ của Triệu vương nên cho vờ. Anh em thần vì nghĩa không thể thờ kẻ đã giết chủ cũ của mình nên cùng uống thuốc độc mà chết. Thượng đế khen hai

1 Thế truyền có nghĩa là do thế gian truyền lại. Ngày nay ta gọi là truyền dân gian. Các truyện dân gian truy tìm tác giả rất khó, nhưng đều có nguồn gốc xã hội.

anh em là kẻ trung thần ban cho chức Tướng quan thân bộ, thống lĩnh kỳ binh. Nay thấy quân Tống vô cớ xâm phạm bờ cõi, anh em thân đến xin giúp nhà vua cùng đánh giặc để giữ nước, cứu sinh linh”.

Vua thức dậy gọi tả hữu đến kể lại chuyện thân muốn giúp đánh giặc. Các quan đều lấy làm mừng, lập tức thiết lập lễ cầu thần phù hộ.

Thế rồi vào nửa đêm hôm sau trời bỗng nổi gió mưa sấm chớp, cây đổ ầm ầm, trại giặc bị gió lôi cuốn đi, quân Tống chết ngổn ngang. Mưa chợt tạnh, gió ngừng thổi, tự nhiên nghe tiếng thần tử trên trời cao ngâm bài thơ như quan thái tử đã biết.

Nghe lời thần mắng trách sau khi vừa quở phạt, trại giặc còn sót dứa nào đều hồn bay phách lạc trốn chạy tan vỡ hết.

Phá giặc xong, hoàng đế Lê Hoàn nhớ công hai anh em thân liền phong cho người anh Trương Hống là Khuất Dịch Đại Vương, lập đền thờ ở sông Như Nguyệt, chính là ngôi đền quan thái tử đã vào lễ cầu thắng trận đó. Còn người em Trương Hát được phong là Uy Dịch Đại Vương lập đền thờ tại cửa Tam Giang. Hai ngôi đền tới nay vẫn còn linh lắm, dân trong vùng cầu gì được nấy.

Lý Thường Kiệt gật gật đầu nói:

- Nhưng mà đêm ấy ta nghe giọng thơ ngâm cứ văng vẳng như từ trời cao vọng xuống, mà cái giọng

ông ngâm nghe nó linh dị như giọng của thần vậy.

Lê Văn Thịnh vội phân bua:

- Bẩm không phải hạ cấp đọc. Đó là giọng của Hoài Hương hầu mà quan Thái tể đưa từ Nghệ An về đó. Hạ cấp đã thử giọng tới hơn chục người vẫn không được. Tới lúc nghe cái giọng của hầu này thấy là lạ, cho đọc thử mấy lần, uốn mãi dần dần thấy được, bấy giờ mới cho hầu học thuộc bài thơ thần để ngâm vào đêm đó. Thật không ngờ hầu ấy ngâm lại xuất thần, đạt tới sự linh dị ghê gớm.

- Ông cho ta hỏi thật, tại sao ông lại chọn bài thơ thần này để ngâm?

- Dạ bởi nghe nó thiêng liêng lắm, nó xác định chủ quyền của một nước, mà cái quyền ấy đã do trời phân định không người nào có thể cãi được. Nếu kẻ nào chống lại mệnh trời ắt phải gánh lấy di họa như thần cảnh tỉnh, nó cũng đúng với thuyết thiên mệnh của Nho giáo. Ấy là “thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong”.

- Hay! Hay lắm. Nếu vậy ông không sợ dám tương giặc gặp những đứa có học nó biết, thì mưu mình bắt thành sao, bởi bài thơ này thần đã đọc một lần vào năm Tân Tỵ khiến quân Tống tan rã, hấn người Tống phải nhớ đời chứ?

- Bẩm cái đó quan Thái tể khỏi lo. Người Trung

Hoa vốn tự phụ và kỳ thị lắm. Những cái gì ngoài Trung Hoa họ không để tai để mắt tới đâu. Dưới gầm trời này chỉ có họ là nhất, chỉ có họ là đúng. Ví như họ đem quân vào xâm lấn cõi bờ mình thì đích thị họ là giặc rồi, nhưng họ lại cứ gọi ta là giặc. Ta đánh lại kẻ xâm lược thì họ ta bảo là nghịch mệnh, dám chống lại quân của thiên tử.

Lý Thường Kiệt cười vui hỏi lại:

- Nhưng ta ngờ rằng thần năm Tân Ty (981) cũng tựa tựa như thần năm Đinh Ty (1077) vậy.

- Bẩm, nếu đúng như thế cũng là do thần xui nên vậy.

- Như thế thì bài thơ trên cũng phải do người làm ra chứ.

- Vâng đúng thế, nhưng cái tứ kia chắc là xuất thần, tức là mượn ý của thần mà tác vào đó thôi.

- Xét định lịch sử một trăm năm trước, ông có đoán là ai làm ra bài thơ linh dị này không?

- Dạ thời đó có hai bậc đại lão thiên sư mà hoàng đế Lê Hoàn nhất nhất các việc lớn đều tham vấn.

- Ai vậy?

- Dạ, đó là sư Đỗ Pháp Thuận và sư Khuông Việt. Đáng lưu ý là đại sư Pháp Thuận rất tinh thông về lý số và sấm ký.

Đại sư Pháp Thuận cùng người Châu Ái với hoàng đế Lê Hoàn, chắc hai người gần gũi nhau lắm.

Chẳng hạn khi hoàng đế Lê Hoàn hỏi về sự vững

bên của ngôi nước, sư liền đọc cho vua nghe bài: *Quốc tộ*¹. Bài kệ đó vẫn còn truyền tới ngày nay. Xét khẩu khí bài này với bài thơ thần ngâm ở sông Như Nguyệt, khí vẫn na ná nhau lắm.

Bẩm, đó là sự suy đoán của kẻ hậu sinh thôi còn thế truyền đã nói là của thần, ta cứ để cho thần làm sở hữu chủ. Dù của thần hay của người làm ra, bây giờ nó đều thuộc về hương hoả của Đại Việt rồi, lo gì ạ.

- Phái! Phái! Ông nói chí phải.

Lý Thường Kiệt bỗng cười vang lên, lại nói:

- Cứ như kiểu ông suy đoán, khéo hậu thế vài trăm năm nữa lại gán cho ta làm bài thơ này không chừng.

- Bẩm, có thể lắm chứ. Bởi tất cả đều là do ý dân

1 Lê Hoàn khi mới lấy được nước từ nhà Đinh, ông ban khoản không hiểu làm thế nào để giữ ngôi nước được trường cửu, bèn đem ý đó đến hỏi thiền sư Đỗ Pháp Thuận. Sư không trả lời mà đọc luôn bài kệ:

Quốc tộ như đằng lạc,

Nam thiên lý thái bình.

Vô vi cư điện các,

Xử xử tức đao binh.

Dịch:

Ngôi nước như mây cuốn,

Trời Nam mở thái bình.

Vô vi trên điện gác,

Chốn chốn tất đao binh.

Ý nghĩa sâu xa của bài kệ, thiền sư muốn khuyên vua, muốn giữ vững được ngôi nước thì phải giữ được sự đoàn kết chặt chẽ muôn người như một như những dây mây trong bụi mây cứ xoắn xuýt vào nhau. Thế thì ngàn dặm trời Nam sẽ được thái bình an lạc. Và hô mấy triệu đình từ trên cao phải giữ được sự trong sạch. Cứ như thế thì còn phải lo gì chuyện loạn lạc bất an nữa.

thời. Ý thần nói cho cùng cũng đều là ý dân cá.

Chợt Lê Văn Thịnh dẫn đo:

- Hạ cấp xin được nói một điều rất công bằng xin quan Thái tử chờ cho là xu nịnh.

- Ông cứ nói đi, biết đâu ta chẳng là kẻ ưa nịnh.

- Bẩm, trong cuộc phạt Tống năm Ất Mão (1075) và cuộc kháng Tống năm Bính Thìn (1076) – Đinh Tỵ (1077), quan Thái tử đã làm cho tể tướng Vương An Thạch phải ra đi, Tống Thần tông lo đến bạc tóc, cả triều Tống chao đảo bất hoà, sinh lực của nước Tống suy giảm ghê gớm.

Khi ra tay thì kéo quân đến tận sào huyệt nó, đánh đâu thắng đó, quân thù không kịp trở tay. Lúc trở về đã biết ngay địch sẽ tới, lập luôn phòng tuyến ngăn giặc, không nghỉ lấy một ngày. Giặc vào cõi bắt dừng ở đâu phải dừng ở đó, đánh cho bại hoại đuổi cút về là phải kéo nhau về. Nghe nói tuổi trẻ quan thái tử có cái chí muốn theo “Vệ Thanh, Hoắc Khứ¹”, lo đi xa vạn dặm để lập công, lấy được ấn phong hầu, để làm vẻ vang cho cha mẹ”.

Kẻ hậu sinh này xin nói Vệ Thanh, Hoắc Khứ so làm sao được với ngài. Ngài là bậc thiên cổ kỳ tướng.

¹ Vệ Thanh là một danh tướng đời Hán, bảy lần đánh thắng Hung Nô. Hoắc Khứ là con của người em gái Vệ Thanh cũng là một tướng giỏi đời Hán, đánh Hung Nô nhiều lần.

Lý Thường Kiệt hơi nghiêm sắc mặt:

- Thế là ông hại ta rồi. Công lao là của muôn người, của cả nước. Thử hỏi nếu không có ông Bình chương Lý Đạo Thành nắm quyền đại chính vững vàng thời sao ta có hậu phương yên ổn. Thử hỏi nếu không có hàng triệu người đắp lũy ải sông Như Nguyệt thì kế của ta sao thực hiện được. Thử hỏi Lý Kế Nguyên và quân thủy của ta không bại được quân thủy Tống để chúng tràn vào phối hợp được với nhau, sao ta giam được đại quân chúng tại bắc ngạn sông Như Nguyệt. Và nữa không có sự chiến đấu gan dạ của mỗi người lính, sao ta dám xông thẳng vào đồn trại giặc mà đánh nó. Với biết bao nhiêu thứ gộp lại, kẻ sao xiết. Nhưng trên hết, nếu nhiếp chính hoàng thái hậu và hoàng thượng không gan góc y chuẩn mà lại nhát sợ thoái lui, thì sức mấy mà ta đánh bại được quân Tống.

Ta nói điều này ông nên nhớ, nếu ông còn có lòng quý mến ta thì từ nay ông đừng nói các điều vừa rồi với ai cả. Quy công về cho một người, chính là hại người đó.

Lê Văn Thịnh hơi ngượng, ông nói nhỏ:

- Hạ cấp thực lòng và rất công tâm. Nếu quan Tthái tử đã dạy thế, hạ cấp xin vâng. Nhưng một lần cuối chúc quan thái tử đã đuổi được giặc ra khỏi bờ cõi.

- Ông lại nói sai rồi. Trách phận của ta chưa xong đâu. Bao giờ ta phải thu hồi lại toàn bộ đất đai mà quân thù đang tạm chiếm, khi ấy ta mới dám nhận lời chúc của

ông. Lý Thường Kiệt cười xoa: - Thế thì, ông để nhiều thì giờ hầu giáng hoàng thượng, nhưng cũng để nhiều thì giờ làm việc với quan bình chương bên trung thư sảnh, kén cho được người tài đức vào bộ máy quốc gia.

Lê Văn Thịnh ra về lòng đầy cảm kích, vừa đi vừa tự nhủ: “Ông ta mới thật sự là một bậc anh hùng chân chính, lập công không biết chán nhưng lại không bám lấy chiến công. Các vĩ nhân xưa nay đều như vậy”.

Từ ngày kháng Tống kết thúc thắng lợi, trong nước chỗ nào cũng chỉ bàn tán về chuyện đánh bại Tống. Vua Càn Đức tuổi tuy nhỏ, nhưng hai mẹ con nắm giữ cực quyền, nên nhà vua cũng vỡ vạc ra được nhiều điều.

Vua thường đem các tích sử ra hỏi thầy Lê Văn Thịnh. Ví như tại sao tổ tiên ta lại phải chịu lệ thuộc nước Tàu lâu thế, kể tới hơn ngàn năm? Hoặc tại sao mãi tới năm Canh Tý (40 sau Công nguyên) mới có người nổi dậy chống quân đô hộ. Tại sao người ấy lại là đàn bà? Vậy đàn ông nước ta thuở ấy không có tài cán gì chẳng? Và tại sao hai Bà Trưng lại thua nhanh đến thế...

Quan sư phó rất mừng là nhà vua đã quan tâm đến lịch sử, tìm hiểu đến rất ráo của sự thắng, bại. Và tình cảm nhà vua vui buồn cùng với sự thắng bại của tổ tiên. Nhân đà này, ông sư phó muốn vun đắp cho nhà vua cái ý chí quật cường, ham học hỏi gương sáng các đời, tránh xa những thú vui dục lạc tầm thường. Vì vậy,

ông đã đem kinh Xuân Thu của Khổng Tử ra giảng thử đôi bài, thấy nhà vua ham tìm hỏi lắm, Lê Văn Thịnh lấy đó làm hài lòng.

Nhớ lời quan Thái tử dặn phải phối với quan Bình chương để tuyển người tài đức vào bộ máy quốc gia, Lê Văn Thịnh liền sang Trung thư sảnh. Chưa kịp ngỏ lời, Lý Đạo Thành đã don dả:

- May quá, ta đang có việc muốn nhờ ông, bữa trước ta có nói ông thái tử để ông giúp ta một tay, đúng lúc đang cần thì ông tới.

- Bẩm quan Bình chương, chính tôi sang để cụ sai bảo đây. Công việc bên Binh bộ đã đỡ, quan thái tử có nói thời bình phải chăm lo kỹ cho bộ máy cai trị, phải kén người tài đức.

- Đúng thế, đúng thế! Bộ máy của ta thật sự thiếu rất nhiều người tài đức. Cái tài là cần lắm ông sư phó ạ, nhưng cái đức cần hơn nhiều. Nếu chỉ có tài mà thiếu đức, thì nó đem cái tài ấy vào sự đục khoét, tương chẳng mấy mà nước ruỗng mọt. Cái đó mới thật sự đáng sợ. Kẻ có tài mà thiếu đức nó trí xảo lắm, lừa dân mà dân vẫn tin hết lòng. Đến mức ấy thì đến trời cũng bó tay. Cho nên kỳ này thi lại viên, ta muốn bàn kỹ với ông về cách thi cử, chấm chọn thế nào để khi lấy được ai vào bộ máy cai trị thì yên tâm về người đó.

- Thưa cụ, nếu được thế thì phúc cho nước.

- Vì thế mới phải chọn kỹ. Ví như khoa thi Minh

kinh năm Ất Mão (1075) lấy đỗ có hơn chục người. Tới nay các vị tân khoa đều giữ trọng trách xứng đáng cả. Ông đỗ đầu, ông Sĩ Thoại đứng thứ hai. Nghe nói kỳ vừa rồi ông Sĩ Thoại đi bàn hoà với dóm tướng Tống, lý lẽ sắc bén lắm khiến các tướng Triệu Tiết, Đào Bật dù có chân tiến sĩ cũng phải cứng họng. Thế đấy, dùng người tài mà có đức nó yên tâm lắm.

- Thưa cụ, có tài, có đức nhưng cũng phải trải đời, trải việc, chứ không cũng dễ vấp vấp lắm.

- Cái ấy thì không nói mạnh được, ngay trải đời vẫn cứ bị vấp vấp. Tuy vậy người có đức khi biết mình sai thì tìm mọi cách để sửa sai, còn người thất đức biết sai lại tìm mọi cách để che bịt hoặc đổ vấy cho người khác.

- Nhưng thưa cụ với lớp trẻ chưa từng trải như chúng tôi, cho dù có đức có tài nhưng dễ gì đã biết được việc làm của mình là sai quấy.

- Điều ông hỏi khó mà dễ. Ta là người trong bộ máy cai trị của triều đình, mỗi việc làm của ta đều va đập đến miếng cơm manh áo của người dân, va đập đến thân phận của họ, thậm chí cả sinh mạng của họ nữa. Nếu lòng dạ ta ngay thẳng, thương dân như con, coi việc của dân như việc của nhà mình chắc ít khi vấp vấp sai quấy. Dù có sai quấy rồi cũng tự mình nhận ra, vì con người một khi tâm đã thiện thì cái lương tri nó hiển lộ, nó mách bảo ta khiến ta áy náy. Từ chỗ

áy này do lương tri mách bảo, ta tự biết cách phải gỡ nó ra như thế nào. Còn đối với người vô tâm, mọi việc đối với họ đều lạnh tanh, vô cảm, đôi khi có những việc vô tình mà họ làm đúng thì cũng như những việc họ cố tình làm sai vậy thôi. Đám người này thuộc loại “kiến lý bất chân”. Có thể họ nhận biết ra cái lý nhưng không biết đâu là chân lý cả.

- Dạ thưa cụ thế thì cụ đã lựa ra những điều gì ta cần phải sát hạch trong kỳ thi lại viên này chưa ạ?

- Đây, có mấy điều ta mới dự nghĩ để còn phải hỏi ý ông nữa chứ.

Lý Đạo Thành với tay lấy cuốn sổ đóng bìa phết nước cật đã lên màu nâu cháy, ông run run lật mở tìm nơi mình đã ghi chép.

Lê Văn Thịnh để ý thấy da mặt và đôi tay ông cụ đã lên đồi mồi hết cả. Tóc, râu, kể cả lông mày đều bạc trắng, duy có đôi mắt vẫn tinh tường. Đầu óc cụ tuy minh mẫn, nhưng đúng là không cưỡng lại được với cái tuổi ngoài bảy mươi của cụ.

Một lát tìm thấy trang ghi chép, ông cụ đọc rành rọt từng phần mục:

- Trước hết là thi viết ám tả. Muốn gì thì gì quan chức là phải thông văn tự ông ạ, phải biết đọc, biết viết thông thạo.

Thứ nhì là thi toán pháp. Bởi quan chức có nhiều việc liên quan đến tính toán lắm. Nào thu tô, thu thuế,

nào kê biên hộ tịch rồi kho dựn nhiều thứ lắm.

Thứ ba là phải thi về hình luật. Vì quan chức mà không biết luật pháp, sẽ xáo tung trật tự xã hội lên mất. Thuộc luật chưa đủ mà còn phải biết phép xử. Tôi đang nghĩ có cách nào để khảo được khả năng xét xử của họ.

Đấy, ta mới tạm đưa ra ba môn thi trong kỳ tuyển lại viên lần này. Ông xem còn thiếu phần nào nữa cứ tùy tiện bổ khuyết cho.

Lê Văn Thịnh suy đi nghĩ lại thấy nội dung thi tuyển lại viên thế là đủ. Chợt có một ý mới nảy ở trong đầu, ông liền nói:

- Bẩm cụ, cuộc thi này nhằm kiếm tìm những người có khả năng đáp ứng vào các chân lại viên của bộ máy triều đình, tức là ta tìm chọn cỡ tài năng bậc trung, nhưng lỡ có những bậc anh tài xuất chúng, bất chợt họ muốn ra giúp đời, nhân chuyện thi lại viên họ cũng vào thử sức thì ta lấy gì để minh xác được.

- Ý ông hay đấy. Các bậc anh tài có khi muốn lánh đời, có khi lại muốn cợt đời. Vậy theo ý ông bằng cách nào để ta nhận ra họ.

- Thưa cụ, tôi trộm nghĩ hay ta thử cho thêm một đầu đề văn sách.

- Ông ơi, bậc lại viên không đủ sức với tới đâu. Cái đó phải dành cho những tay đại nho, những người có chí khí giấu mình đọc sách ngẫm đời lâu năm, có tài

kinh bang tế thể nhưng không chịu bước chân ra khỏi chốn lều tranh.

- Thưa cụ, ý tôi muốn nói cái đề thi kèm ấy là không bắt buộc. Ai muốn làm mà có tứ hay thì cho cộng điểm, dở cũng không trừ điểm. Thưa cụ, chính cái đó mới làm cho bậc chân tài ngựa mất mà ra tay múa bút. Và từ đó họ mới chịu lộ diện.

- Hay! Hay lắm! Thật là một cao ý. Cụ bình chương ngắm nhìn Lê Văn Thịnh mỉm cười, vẻ thân tình, cụ bộc lộ: - Nói thật với ông, cái năm thi Minh kinh ấy, chấm văn ông, tôi khắp khởi mừng. Văn hàm súc, không rườm, lời văn tao nhã. Tới khi chấm văn sách, thấy cùng một nét chữ, lại thêm vui. Nhưng đọc cách lập luận và các lời bình của ông tôi bủn rủn cả người vì sung sướng. Kiến văn uyên bác, phẩm bình tỏ rõ khẩu khí của một người có nhân cách cao thượng, tự tin đến gan góc, buộc tôi phải xếp vào loại thượng cách, tức là trên cả hạng ưu.

Sau xem các vị trùng chấm, có vị còn phê "thần cú". Tức là văn của thần. Khoa ấy ông đỗ đầu, nhưng bỏ xa những người kế tiếp nhiều lắm.

Nghe nói hồi sáu tuổi, cụ thân sinh mới cho ông học *Tam tự kinh* thể mà ông đã đọc trộm, nhập tâm cả bộ *Mạnh Tử*. Khiếp quá!

- Cụ hỏi điều đó làm tôi thêm ngưỡng. Chẳng là thầy tôi dạy học. Thấy các anh lớn tuổi cứ học sà sã

không thuộc, trong khi chỉ nghe lỏm thầy tôi giảng, tôi đã nhập tâm cả. Tới lúc cầm lấy sách đọc thông từ đầu đến cuối và nhớ được. Thưa cụ, cái đó có gì lạ đâu. Dầu óc trẻ thơ trống rỗng, cứ chợt nghe một lần là nhớ. Tôi vì nghe thầy tôi giảng, nghe các anh lớn học như cuộc kê, tựa như họ nhồi hết vào đầu cho tôi chứ tôi có thông tuệ gì đâu mà đời cứ ngoa truyền.

- Hiếm lắm đấy. Nếu bản tính không thiện, trẻ chỉ nhập các điều nhảm nhí vào trí nhớ thôi chứ nhập làm sao được kinh văn. Tuy không được làm việc với ông, nhưng tôi coi ông như một người tri kỷ. Nhân đây tôi nói rộng ra một tẹo. Nước mình tuy có nhiều người giỏi từ các bậc thiền sư, đạo sư đến nho sĩ. Nhưng về học thuật nước ta còn yếu lắm. Tôi mới nghĩ đến việc này nhưng không làm được. Bởi cái vũ trụ luận của mình không khai mở được, lại vùi đầu vào công việc, còn thì giờ đâu để trừ tác. Bây giờ thì tuổi già bóng xế, không làm gì được nữa. Không nói ra thì đau lòng mà nói ra lại sượng mặt. Tôi trộm nghĩ, trọng trách quốc gia sau này sẽ rơi vào tay ông.

Lê Văn Thịnh vội xua tay đỡ lời:

- Thưa cụ, tôi xuất thân là anh học trò, các bậc bề trên thương, giao cho đôi việc, chứ đã biết gì đâu. Trọng trách quốc gia đang trong tay các bậc bề trên như cụ, như quan Thái tử và nhiều người khác nắm giữ. Cụ dạy thế khiến tôi tổn thọ. Nguy hiểm lắm, thưa cụ.

- Dã bảo tôi coi ông như người tri kỷ, ông lại sợ tôi là kẻ tri bì¹ chăng? - Lý Đạo Thành chột buồn.

- Thưa cụ, tôi vì sợ ý mà sàm ngôn, xin cụ tha thứ và vui lòng chỉ bảo tiếp.

- Vậy thì tôi lại nói nốt cái ý của mình. Tức là học thuật của nước ta còn yếu. Vì sao yếu? Là bởi mặt bằng dân trí của nước ta thấp. Có một số người chuyên tâm đọc sách tự bồi bổ cho mình đạt tới mức siêu tuyệt. Nhưng cũng chỉ là một vài người thôi chứ không tạo thành được đội ngũ, không lập được môn phái riêng của mình. Như nước Tàu từ thời tiên Tần họ đã có cả trăm phái (Bách gia chư tử). Cho nên sau này ông giúp hoàng thượng là phải lo mở mang nhiều cái sự học để khai thông dân trí. Bây giờ ta lập quốc học viện, chủ yếu là các hoàng tử, hoàng tôn và con em các đại thần. Số này ít lắm. Mà con cái các nhà quyền quý, giàu có lại hay lười nhác, ham thụ hưởng các lạc thú hơn là ham làm, ham học hỏi. Bởi thế phải nhắm vào con em các nhà trong nước. Họ muốn học nhưng không có trường. Muốn học cao hơn nữa lại không được phép vào quốc học viện. Hoặc muốn tìm thầy giỏi để học lại vì nghèo mà không thoát ra khỏi nơi hương ấp được. Cho nên nhà nước phải khuyến khích bằng chế độ học điền để

¹ Tri kỷ là người tâm huyết, kính quý nhau, có thể nói bèn với nhau mọi việc, mọi sự ở đời và tin nhau tuyệt đối. Còn tri bì là kẻ xấu xa, đê tiện, phản phúc.

cấp cho những người hiếu học, người giỏi muốn học cao. Ngay Quốc tử viện cũng phải mở rộng cửa đón học trò giỏi bốn phương vào học. Có thể sự học mới đua nhau mà nảy nở. Phải quân bình ông ạ, hiện nay tôi thấy ruộng đất đưa vào các chùa hơi nhiều mà dành cho sự học lại quá ít. Việc này phải từ từ và phải khôn khéo tế vi, chớ để cho giáo hội nghĩ là ta bài Phật. Cho nên ý tứ phải từ nhà vua mà ra, rồi đến các vị quốc sư, các vị tăng thống cùng các bậc thượng trí trong tam giáo đồng tình thì mới làm được. Tôi trông cậy nơi ông, nhưng đây là việc muôn khó, ông phải cẩn trọng lắm đấy.

Tôi lưu ý ông, đây là việc lớn quốc gia chứ không phải việc của riêng ai, nhưng nếu khinh suất không những mất sự nghiệp mà có khi còn mất cả mạng sống nữa. Đành rằng ai rồi cũng phải chết cả thôi. Vào các thời mạt, ngay người trung chính nhất cũng có thể bị giết oan lắm. Có thể họ giết được người trung chính, nhưng người trung chính lại không bao giờ chết đâu ông ạ. Tôi có vài lời cũng như là vừa tâm sự vừa ký thác với người tri âm, tri kỷ, điều nào được thì ông để, điều nào trái tai thì ông xoá, xin không chấp với người già.

Lê Văn Thịnh vô cùng xúc động, ông đứng dậy vái Lý Đạo Thành hai vái:

- Xin trưởng lão nhận ở kẻ hậu sinh hai lạy này, và xin ghi lòng tạc dạ lời trưởng lão răn dạy.

Lý Đạo Thành run run đáp lễ lại một lạy, rồi ông nói:

- Vậy ta bàn tiếp việc thi lại viên di nào. Cái ý đưa thêm đề văn sách của ông vào là đẹp lắm. Ta làm một công đôi việc. Thứ nữa là khi chấm, ta cũng xếp các hạng từ ưu, bình, thứ và liệt. Liệt coi như bỏ.

Kỳ này có khi phải lấy hơi nhiều, vì các dài, đô, sánh, viện... họ đệ xin tổng cộng tới hơn trăm người. Tôi đang lo không tuyển đủ. Không phải nước mình thiếu người đâu. Là bởi cái khoa Minh kinh tôi lấy ngặt quá, thành thử bây giờ động đến thi cử là người ta ngại. Cái lỗi là ở chỗ tôi câu toàn quá.

Vậy ta hẹn với nhau thế này, khi chấm không nới quá, cũng đừng chặt quá.

- Thưa vâng.

- Còn một điều băn khoăn nữa, ông xem có cách nào gỡ giùm tôi. Ấy là khi chấm, ta sở cứ trên văn bài để cho điểm. Tức là ta mới chọn được cái tài của người ta thôi chứ còn cái tâm tức cái phân về đức ấy sao biết được.

- Thưa cụ, ban nãy cụ nói, tôi đã chợt nghĩ, vậy cứ mạnh dạn trình cụ cái ý mọn.

Thứ nhất là căn cứ vào chữ viết của từng người. Vì tự dạng của mỗi người cũng thể hiện được một phần cái tính cách của người đó.

Thứ hai là việc vận dụng các điều của hình luật vào trong các vụ việc mà đề thi giả định, cũng một phần nhận biết được tính thiện hoặc bất thiện của người đó.

Và thưa cụ nên có một câu hỏi vấn đáp. Phần này cũng không tính điểm. Điều cốt yếu là đề giáp mặt họ, ta vận dụng cái nhãn quan của nhân tướng học để quan trắc. Hẹn các phân ấy lại với nhau, chắc ta sẽ tuyển được các lại viên có thể vừa ý được tới sáu, bảy phân.

- Hay lắm. Ông quả xứng đáng là đệ nhất giáp, đệ nhất danh. Tiếc rằng việc thi cử của ta mới bắt đầu nên tôi không dám đặt mức lấy tam khôi. Nếu như khoa thi ấy lấy tam khôi, dứt khoát ông phải là vị trạng nguyên khai khoa của nước ta.

Tôi định cho thông bạch ngay rồi tháng sau thi luôn tại Thăng Long, ông thấy thế nào.

- Thưa cụ kịp đấy ạ.

- Vậy ông thảo giúp tôi cái đề thi rồi mấy ngày nữa ta lại gặp nhau.

- Thưa vâng.

Gần cuối năm, Lý Thường Kiệt bàn với Lý Đạo Thành đánh một đòn thăm dò với nhà Tống để đòi đất.

Kế hoạch xong xuôi, triều đình nhóm họp, Linh nhân hoàng thái hậu nhiếp chính cử Lý Kế Nguyên làm Chánh sứ đoàn đem thư của vua Càn Đức gửi vua Tống, xin thông sứ và trở lại tu cống như xưa.

Lý Kế Nguyên dẫn đầu sứ đoàn cùng vật tu cống đến thành Ung Châu. Hồi đó Quách Quỳ bị đẩy đi an trí ở Tây Kinh còn Triệu Tiết được phái về coi Quế

Châu mà Ung Châu thuộc quyền Quế Châu. Viên coi Ung Châu đệ trình sơ điệp và danh sách đoàn sứ giả An Nam lên Triệu Tiết. Đường từ Ung Châu đến Quế Châu đi về hết mười hai ngày. Nhưng sứ giả Đại Việt phải nằm chờ tại Ung Châu mất một tháng. May mà thời gian lưu tại Ung Châu, người Tổng không ai nhận ra ông đã từng đón đánh quân tiếp viện cho Ung Châu tại ải Côn Lôn giết tướng Tổng là Trương Thủ Tiết.

Thấy viên Chánh sứ lại là Lý Kế Nguyên, Triệu Tiết nghĩ ngay tới viên Chiêu thảo sứ đông hải đô tổng quản này đã ngăn trở Dương Tùng Tiên không cho quân thủy của Tổng vào nội địa, khiến hai quân mã bộ bị hãm bên bắc ngạn sông Như Nguyệt, đẩy quân Tổng vào thế thất lợi, suýt bị tiêu diệt hoàn toàn. Khí uất bốc lên, Triệu Tiết nghiêng răng nhìn vào cái tên đứng đầu sứ bộ quát: “Nhẽ ra tao phải xé xác mày, ăn gan, uống máu mày mới hả”. Nhưng vì hai nước vừa giảng hòa, không nhẽ vô cớ giết sứ giả. Tuy nhiên, không thể để cho kẻ thù nguy hiểm này vào Biện Kinh để gặp thiên tử nhà đại Tống được.

Triệu Tiết bèn nghĩ mẹo đuổi sứ giả về. Hấn đọc đi đọc lại sơ điệp thấy lời lẽ Càn Đức ôn nhu không có gì để bắt bẻ. Danh sách các cống vật đều là của trân quý phương nam không có gì chê trách được. Cuối cùng hấn bịa ra một chữ trong điệp văn là chữ ky miếu huý của nhà Tống, nên hấn viết thư ra Ung Châu bảo sứ quay về

sửa lại diệp văn, sang năm tới cống cũng chưa muộn.

Lý Kế Nguyên cùng đoàn cống sứ quay về lòng thăm nghĩ: “Vây là thiên triều chưa nuốt trôi được cái thất bại cay đắng từ Ung – Khâm – Liêm đến Như Nguyệt”.

Lý Kế Nguyên về triều, tâu báo lại các việc. Triều đình nghị bàn:

- Đây là Triệu Tiết nhỏ nhen cố ý ngăn cản không cho sứ ta sớm được thông hiếu. Triệu Tiết chỉ lấy cơ là phạm miếu kỵ, tức là tên ông cha tổ tiên của Tống Thần tông chứ y không chỉ ra đích xác một chữ một tên nào.

Bàn tới bàn lui, triều đình đi tới xác quyết:

- Phải kiên nhẫn tranh đấu qua đường bang giao để đòi lại toàn bộ phần đất hiện quân Tống còn tạm chiếm. Trong khi đó Lý Thường Kiệt ngầm cho quân lên đóng gần Quảng Nguyên làm thanh viện cho quân các khê động vào sâu trong các vùng quân Tống chiếm đóng để phục đánh. Nhà Tống bối rối, sợ quân ta lại tràn sang đánh Ung Châu, nên điều quân tăng viện cho Thuận Châu (chính là châu Quảng Nguyên nhà Tống mới đổi), lại cho Đào Bật là viên tướng lão luyện biên sự từng đối phó với quân Liêu ở phía bắc về trọng nhậm Thuận Châu để đối phó với ta.

Lại nói về vua Càn Đức khi vào điện Hội Tiên thấy có một chiếc tráp nhỏ của vua cha để lại, mặt tráp khảm ba chữ: “Tam bảo vật” tức là ba vật quý. Ốc tò

mò của tuổi thiếu niên tự hỏi: “Những ba vật quý mà để trong tráp nhỏ này là vật gì đấy”.

Tuy vậy, nhà vua cũng không dám tự tiện mở, liền trở về cung Tuyên Đức hỏi mẹ:

- Mẫu hậu, con thấy bên điện Hội Tiên có một tráp nhỏ của phụ hoàng để lại, trên đề ba chữ “Tam bảo vật”. Vậy nó là những vật gì đó, mẫu hậu đã xem chưa.

Bà Ý Lan tỏ vẻ ngạc nhiên:

- Mẹ còn chưa cả nhìn thấy chiếc tráp đó, nói gì các vật bên trong. Nếu con muốn biết, sai quân sang lấy về đây mở ra hai mẹ con cùng xem.

- Tự con sẽ đi lấy về. Nhà vua nói và lên kiệu đi liền. lát sau hai mẹ con cùng vái chiếc hộp và thăm khám vong linh nhà vua để xin phép được xem bảo vật. Ngắm nhìn chiếc hộp với các chữ ghi trên nắp, Ý Lan chợt nhớ sinh thời đã đôi lần nhà vua kể cho bà nghe về thứ trân bảo này. Nhìn Càn Đức như là một sự đo tính, đoạn hoàng thái hậu bảo con:

- Hoàng nhi tự mở xem, có thể trong đó có các bảo vật phụ vương để lại cho con đó.

Vua Càn Đức run run bóc niêm phong mở tráp. Vừa bật nắp tráp lại thấy một chiếc tráp nhỏ làm bằng gỗ hoàng đàn màu vàng dụ, toả hương thơm phức. Lại một lần niêm phong nữa mới lấy ra được một tờ giấy to bằng hai bàn tay, bốn mép có vẽ hoa văn gợn sóng trùm lên đường viền bằng những chấm lá đề rất tinh tế.

Dòng trên cùng của trang giấy viết ba chữ rất chân phương: Tam bảo vật (ba vật quý).

Dòng dưới viết từ trái sang phải ba chữ lớn: TỬ KIỆM KHIÊM chữ nào cũng có vòng khuyên đỏ. Góc dưới lại có ba chữ viết theo lối thảo thường: “Lưu tử tôn” (để lại cho con cháu). Và dòng dưới cùng ghi: “Thuận Thiên thập bát niên” (Triều Thuận Thiên năm thứ mười tám).

Nhà vua dường như không hiểu sự thế ra sao, mặt bưng đỏ, hỏi mẹ:

- Mẫu hậu, sao lại thế này. Sao vật quý lại chỉ có ba chữ, để lại từ thời Thái tổ đến giờ mà các tiên đế vẫn không mở ra ư. Ba chữ này ẩn ý gì đây?

Nhìn ba chữ “Tử - Kiệm - Khiêm” để lưu lại cho con cháu của vua Lý Thái tổ, lòng bồi hồi xúc động, bà Ý Lan nhỏ nhẹ nói với con:

- Hoàng nhi, con có hiểu đây là một tài sản vô giá mà đức Thái tổ đã để lại cho con cháu dòng họ Lý nhà ta không. Con còn nhỏ chưa biết tường tận được nguồn gốc họ nhà mình, của cải như núi mà chỉ để lại cho con cháu có ba chữ, lại kêu là bảo vật nữa.

Hoàng nhi, tới lúc này mẹ mới thật sự hiểu về sự nghiệp cũng như tấm lòng cao cả của người khởi nghiệp cho dòng họ Lý.

Ba chữ kia chắc con đã hiểu nghĩa đen của nó, nhưng mẹ vẫn cứ muốn nhắc lại: Tử, có nghĩa là lòng từ

ái. Người có lòng từ ái là người có lòng yêu người, yêu vật và biết động tâm tới cảnh ngộ éo le của người khác, biết chia sẻ và giúp đỡ không phân biệt người đó là ai. Kể cả với muông thú và thảo mộc cũng vậy thôi.

Còn “Kiệm” tức là cần kiệm đấy. Khi làm việc thì chuyên chú hết lòng. Khi chi tiêu thì dè sẻn, không hoang phí. Người cần kiệm là người sống có trách phận rõ ràng không chỉ với bản thân mà còn với cả xã hội nữa.

Và “Khiêm” tức là đức khiêm cung, khiêm nhường. Người có đức khiêm, thường gần gũi mọi người và được mọi người gần gũi mến yêu.

Hoàng nhi con, nghĩa đen là vậy đó, còn nghĩa bóng thì lớn vô cùng con ạ. Đức Thái tổ để lại cho con cháu ba báu vật này chính là quốc sách để giữ nước đó con. Người làm vua mà có ba báu vật này trong tay là phúc cho dân đấy. Nếu vua thương dân thì dân sẽ vì vua mà làm hết trách phận để cho nước mạnh, khi cần thì đến tính mạng họ cũng không tiếc chứ đừng nói công sức nữa. Con hãy xem cuộc kháng Tống vừa qua. Ai đã đắp lên lũy ải trường thành dài suốt mấy trăm dặm tại nam ngân sông Như Nguyệt để ngăn bước chân quân thù không cho nó giày xéo lên lăng miếu của tổ tông, không cho nó đặt bước chân như bần lên kinh thành Thăng Long? Ai xung quân đông đến cả chục, cả mấy chục vạn người? Ai xông vào trại giặc, hy sinh xương máu, bỏ lại cha mẹ già yếu, vợ góa con cô? –

Chính là dân đó!

Thử hỏi, nếu triều đình hà khắc, bạc đãi với dân thì sao có thể quy tụ được lòng dân nhất tâm kháng giặc đến cùng vậy con. Lại nữa con nên nhớ, từ cái ăn cái mặc của hoàng gia ta đến xe kiệu lâu đài đình tạ đều lấy từ tiền, từ lúa của dân nộp thuế, nộp tô đó con. Kể cả nuôi hàng chục vạn binh lính và mua sắm khí cụ chiến tranh tốn kém đến cơ man nào của nả, thấy đều do người dân nai lưng ra làm để cung phụng cho triều đình chi tiêu.

Vậy đó, nếu vua không thương dân, không cần kiệm mà chỉ lao vào xa hoa hưởng lạc thì dân khổ biết dường nào. Và vua kiêu ngạo, hiếu thắng thì quần thần ai còn muốn gần nữa. Người có tài, có đức sẽ xa lánh chẳng ai còn muốn bày mưu hiến kế nữa.

Nếu thay từ ái bằng tàn bạo, cần kiệm bằng xa xỉ, khiêm nhường bằng kiêu ngạo thì ta được một đứa ác vương như Lê Ngọa triều đó. Và phút chốc cơ nghiệp tổ tông sập đổ, dân oán ghét căm giận, lưu tiếng xấu tới muôn đời.

Bà Ý Lan để ý thấy gương mặt con dăm chiêu suy nghĩ. Bà mừng thầm vì con tuy nhỏ tuổi mà đã sớm ý thức được các điều to lớn của đạo trị nước. Bà gắng hỏi:

- Hoàng nhi, con đã thấy ba chữ đó có xứng đáng là báu vật lưu tử tôn không? Ba chữ đó có đúng là cái đức cần có của người làm vua và cũng là quốc sách để

giữ nước không?

- Mẫu hậu, con hiểu rồi. Nhưng sao đức Thái tổ để lại mà từ đó tới nay vẫn niêm phong kín mít?

- Cái đó thì ta biết. Các đời đều có mở ra coi như một pháp bảo, cứ noi vào đó để tự sửa mình. Tới khi biết mệnh mình sắp dứt lại niêm phong lại cho đời sau tự mở.

Bà Ý Lan nhìn nhà vua với vẻ vừa ân cần triu mến lại vừa nghiêm cẩn, bà nói:

- Hoàng nhi! Báu vật đó từ nay thuộc về con. Ta định tới khi con trưởng thành, tự con điều hành được việc nước, ta mới trao cho con. Nhưng như thế này cũng có nghĩa là tổ phụ muốn con được tối luyện từ nhỏ nên xui khiến ra như vậy.

Bà nhiếp chính gấp tờ giấy bỏ vào hai lần tráp rồi đặt vào tay Càn Đức.

Nhà vua đưa hai tay kính cẩn đỡ lấy báu vật và nói như một người đã trưởng thành:

- Tạ ơn mẫu hậu, con nguyện sẽ noi gương tổ phụ.

- Được thế thì phúc cho dân nước mà cũng phúc cho nhà Lý. Vậy ta hỏi, con có biết vì sao đức Thái tổ không răn dạy con cháu giữ nước là phải có quân nhiều, binh mạnh, khí cụ bén nhọn mà lại đặt lòng từ ái lên hàng đầu không. Vì rằng đức Thái tổ ta xuất thân từ cửa Phật. Thân một chú tiểu phải lao tác cật thực. Vì trong

chùa rất coi trọng việc lao tác, bất tác bất lực. Không làm thì không được ăn. Cũng từ đó rèn cho người đức cần kiệm. Bởi thuở đó, chùa còn nghèo, sư tăng cũng phải khai hoang vỡ hoá, cấy cấy lấy lúa gạo vừa nuôi sống bản thân vừa nuôi dưỡng sự tu tập. Cho nên các sư đều ham làm mà tư biện lại rất sơ sài, vì còn để dư dả cấp dưỡng cho những người sơ cơ thiếu dỏi.

- Và trong tu tập, không chỉ công phu hàm dưỡng mà còn phải biết khiêm cung để học hỏi. Có khiêm cung thì tâm hồn mới trong lặng. Tâm hồn trong lặng thì tuệ giác mới được khai mở, và mới tiếp nhận được giáo pháp. Cũng chính nhờ đức khiêm cung mà Thái tổ mới được các bậc đại sư ưu ái rèn dạy cho thành tài và khi duyên khởi thì ngôi nước vào tay. Do cuộc đời trải nghiệm như thế nên đức Thái tổ ta mới nhận biết cái gì là báu vật đích thực.

Bà Thái hậu âu yếm vỗ vào vai con nói như dỗ dành: - Hoàng nhi, còn điều này con nên nhớ. Các tiên đế rất coi trọng việc để cho các hoàng tử, nhất là hoàng thái tử phải gần dân, phải sống như người dân sống. Tức là cho hoàng thái tử về các miền quê mở phủ. Gọi là mở phủ, nhưng thực chất là đi khai phá đất đai, tự cấy trồng lấy mà sống và cũng phải chịu tô thuế như người dân thường. Chính đức Thái tông về Tam Sơn mở phủ gặp một cô gái hái dâu sau cho rước vào cung lập làm hoàng hậu. Đó là Mai thái thái của con đó. Còn phụ

hoàng con trông thấy ta đứng tựa gốc dâu cũng cho vờ vào cung lập làm thân phi.

Những đồ mặc như gấm vóc ngày nay là do đức Thái tông tự tìm biết cách dệt, sau dạy cho cung nữ rồi trở thành nghề cho dân nước. Những thứ hàng sang trọng ta mặc ngày nay là tự ta làm được chứ không phải mua của người Tàu như trước nữa. Bây giờ tàu buôn các nước vào ra tấp nập ngoài cảng Vân Đồn đón mua hàng dệt của ta cùng nhiều thứ khác.

- Lại nữa các tiên đế thường cày cấy lấy vài thửa ruộng để trồng nếp thơm, rồi đem đúng loại gạo đó đồ xôi dâng cúng tổ tiên vào các ngày giỗ tết.

- Như thế dù biết các tiên đế của nhà Lý ta không xem việc ở ngôi vua nắm quyền chủ tể để hưởng thu trước thiên hạ đâu, mà là để lo lắng cho thiên hạ đấy. Ta mong mai đây con khôn lớn, tự cầm lấy kỷ cương rường mối hãy noi cái đức trị quốc của các bậc tiền nhân.

Nghe mẹ nói dứt, vua Càn Đức ý tứ đứng dậy vái mẹ hai vái:

- Con xin nghiêm giữ lời răn của mẫu hậu.

Vừa thắng giặc xong lại được mùa to. Một vụ mùa bội thu, dân nước khắp nơi mở hội.

Các quan dân số xin nhà vua cho sửa thành Đại La, tu bổ các cung điện, nhất là điện Thiên An, nơi coi châu và điện Thiên Khánh là nơi nhà vua nghe chính sự.

Tháng hai, triều đình lại sai Đào Tông Nguyên đi sứ, cống phẩm gồm năm con voi đã thuần hoá. Đào Tông Nguyên còn đem theo tờ biểu của vua ta xin lại các đất Quảng Nguyên và Quang Lang. Trên thực tế Lý Thường Kiệt đã cho đánh chiếm lại Quang Lang từ sau khi Quách Quỳ rút quân. Nhưng trên phương diện hành chính, nhà Tống vẫn coi Quang Lang là một huyện của họ.

Biểu của vua Càn Đức, lời lẽ rất ôn nhu. Chuyên vận sứ Quảng Tây cho chạy ngựa trạm đem biểu về Biện Kinh dâng lên vua Tống.

Xem biểu xong, Tống Thần tông phán: “Sẽ đợi sứ tới kinh để phân xử về biên giới”.

Mãi tháng chín, sứ bộ của ta mới tới được Biện Kinh để dâng cống vật.

Trước đó Triệu Tiết đã có biểu về triều khuyên Tống Thần tông không trả ta hai châu đó.

Vua Tống tra xét từ khi Thuận Châu về đất Tống đã thu được những điều gì có lợi, còn những điều gì bất cập.

Đào Bật cứ thực tình viết trong lời biểu:

“... Thuận Châu cách xa Biện Kinh hơn hai ngàn dặm, khí hậu lại độc. Quân thú mười phần chết mất bảy, tám. Mỗi lúc đến phiên đi thú ở đó, lính từ biệt vợ con như là sắp đi vào chỗ chết. Cả nhà khóc lóc thảm thiết. Quân thú đào ngũ hàng đoàn. Có lúc có tới hai

quân¹ bỏ ngũ trốn về nhà. Tra hỏi vì sao bỏ ngũ. Chúng đều trả lời: “Đi thú lâu ngày ở nơi nước độc, cho nên nhớ nhà”. Kỳ dư chúng sợ chết vì nước độc. Có nơi nước suối chảy ra đen như bùn, lại có nơi nước suối chảy ra trắng như nước vo gạo...”

Tống Thần tông nhớ lại trước đó trong biểu can của Giám sát ngự sử Thái Phụng Hỷ, y đã nói Giao Châu là xứ: “... Chướng hải cùng sơn, độc vụ chi uyên tẩu, phi diên truy, độc khí thượng, ôn phong tác lệ, kỳ gian đại chi nhân cảnh, tuy tận đắc chi, cố hà ích cơ thiên hạ...” (Giao Châu là nơi núi cùng biển độc, hơi độc xông lên làm cho điều quạ đang bay bị rơi xuống, khí âm thấp theo gió tràn lan làm cho người sinh bệnh, cơ hồ không phải một cảnh giới có người. Tuy có lấy được toàn cõi, cũng chẳng có ích gì cho thiên hạ...)”.

Ngày đó, ta cứ nghĩ Thái Phụng Hỷ vì muốn cau ngãn ta nên nói quá đi. Bây giờ xem biểu của Đào Bật mới thấy lời nói ấy là đúng.

Triều đình nhà Tống đều cho đất Quảng Nguyên là vô dụng, nhưng Tống Thần tông vì giữ thể diện nên chưa muốn trả, và đòi ta phải trao trả trước hơn hai ngàn quan lại và binh lính bị Lý Thường Kiệt đánh ba châu Ung, Khâm, Liêm mấy năm trước bắt làm tù binh.

Đào Tông Nguyên về nước tâu lại mọi việc, triều

¹ Mỗi quân có 30 đò, mỗi đò có 80 người. Vậy mỗi quân có 2 400 lính.

đình bàn bạc lại gửi điệp văn sang xin trá trước một ngàn người và xin cho hạn kỳ nhận đất, trả người cùng một lúc.

Tống Thần tông lại có chiếu sang đòi ta: "Phải đem các thú linh đã gây loạn đến biên giới xử".

Vua ta lại gửi biểu sang khước từ. Vì vậy một bên đòi tù binh, một bên đòi đất vẫn chưa đi tới một thoả hiệp nào.

Lý Thường Kiệt nói với tả hữu: "Giặc còn đóng một ngày trên đất ta thì ta còn chưa ăn ngon ngủ yên được". Đúng lúc quân thám của ta từ Trung Quốc đưa tin về: "Quân Liêu vừa đánh một trận, quân Tống thua to. Bắc thủy nước Tống đang bị quân Liêu uy hiếp mạnh". Lại có tin dân An Hoá ở đất Nghi Châu nổi loạn, Tống Thần tông đang lo lắng.

Lý Thường Kiệt cho rằng thời cơ đòi đất của ta đang thuận. Ông cho quân đi xui người các châu cướp phá, quấy nhiễu quan quân nhà Tống đóng ở Thuận Châu (tức châu Quảng Nguyên của ta). Lại tự nhiên các đồn trại, kho, trạm ở các trại thuộc Ung Châu, Liêm Châu, Vĩnh Bình, Thái Bình gần sát biên thủy nước ta cùng lúc bị cháy, nhiều lương thực, khí giới tích trữ bị thiêu huỷ.

Tống Thần tông lòng dạ bất an. Bắc thủy đang rồi lại nam thủy lâm nạn nữa thì rất khó gỡ. Ông sai Triệu Tiết đi xem xét thấy các quan, các tướng và lính chết vì

sốt rét ngày một nhiều. Ví như viên quyền phát Vương Cảnh Nhân, viên đô giám Trương Cát, đô giám Đường Nguyên Khanh, viên tuần phân Lưu Tử Dân, viên kiểm hạt Trương Thuật, viên đồng tuần kiểm Ngô Hạo đều chết vì sốt rét ngã nước. Tướng Đào Bật ốm cũng có đơn xin chuyển hạt, chẳng bao lâu sau cũng chết. Còn lính thú thì mỗi năm phải tới ba nghìn, số chết tới năm sáu phần. Vua Tống ngán ngảm chẳng muốn giữ hai châu Quang Lang và Quảng Nguyên của ta nữa, nhưng chưa tìm ra được cái cơ để dỡ bễ mặt.

Lý Thường Kiệt dò biết bèn cho chở hơn hai trăm tù binh đang giữ ở Nghệ An trao trả nhà Tống. Tuy nhiên đàn ông thì thích ba chữ vào mặt "Đầu Nam triều", đàn bà xăm hai chữ "Quan khách". Có nghĩa, những người đàn ông này đã quy hàng nước Nam, còn các đàn bà chỉ đến làm khách.

Việc tàu lên, Tống Thần tông dụ rằng: "Hãy nhận lấy người và ban Thuận Châu cho Giao Chỉ".

Liền đó Tống trả cho ta đất tất cả bốn châu và một huyện mà Quách Quỳ đã chiếm gồm Quảng Nguyên, Lư Lang, Môn, Tô Mậu và Quang Lang.

Như vậy là tình thế khiến Tống Thần tông không thể chiếm nổi đất ta nên phải trả và không còn khả năng ra giá cao hơn nữa. Ví như đòi ta trả hai ngàn người, ta chỉ trả hơn hai trăm người. Tống đòi xử người đã gây ra cuộc xâm phạm đất Tống (ý nói Lý Thường

Kiệt), ta cứ tuyệt.

Tuy vậy, ta cứ xử rất nhũn, nào biểu tạ lỗi của vua Càn Đức, nào xin chịu nhận là nước phiên thần, việc tu cống trở về chế độ cũ.

Giới nho sĩ Trung Hoa không nắm được tình thế của nước mình nên đã làm thơ tỏ ý chê trách Tống Thần tông.

Nhân tham Giao Chỉ tượng,

Khuếch thất Quảng Nguyên kim.

(Vì tham voi Giao Chỉ, nên dẽ mất vàng Quảng Nguyên).

Thật sự là người Tống đã cố nuốt, nhưng nuốt không trôi, đành phải nhả ra trả các vùng đất đã chiếm về cho chủ cũ.

XVIII

Tư bửu được mẹ nói cho hay về lòng thương dân, gần dân của các tiên đế, vua Càn Đức cũng nuôi chí để không phụ lòng các bậc tiền bối.

Vì vậy nhà vua đã tìm mọi cách để gần dân, nào là đi xem nông phu gặt lúa ở Phù Nhân¹, nào là ra vùng Long Thủy² xem ngư dân đánh bắt cá. Cái ý thức trở thành một vị vua hiền của nhà vua đang được mẹ và những bậc đại trí nuôi vỗ như Lý Đạo Thành, Lê Văn Thịnh và đại sư Hoài Tín...

Nhà vua được Lê Văn Thịnh kèm dạy cả văn lẫn võ nên không chỉ phát triển về đầu óc mà ngay cả thể lực cũng được rắn rỏi, hứa hẹn một cơ thể cường tráng. Mới mười bốn tuổi đã cao hơn mẹ, lông mép đã mọc dài có sắc đậm như là ria. Các cung nữ hầu hạ mỗi khi thay áo quần

1 Lý Nhân, Hà Nam ngày nay.

2 Giao Thủy, Nam Định ngày nay.

hoặc tấm táp, kỳ cọ cho, vua đã thấy người rạo rức.

Bữa nọ vua hỏi quan sư phó Lê Văn Thịnh:

- Cứ bảo người nông phu làm ăn vất vả khổ cực, có khi còn bị đói khát nữa. Sao có thể bị đói được, lúa ở ngoài đồng cứ lấy về mà ăn, cứ chi còn đói. Ta thấy họ làm lưng vui vẻ lắm. Lại cá mấy ngư phủ cũng vậy, ta xem họ kéo lưới, mỗi mẻ được bao nhiêu là cá, con to bằng bắp đùi, con nhỏ cũng bằng cổ tay, có cả những con cua to bằng cả bàn tay xòe, lại tôm nữa. Thế đấy, cá ở biển chỉ việc quăng lưới xuống rồi kéo lên là được. Cá ấy bán đi, mua được gạo chứ. Sao lại bảo ngư dân đói, khổ. Ta nghe sứ, điệp các nơi tâu báo về với việc ta nhìn thấy, nó khác nhau nhiều lắm, liệu có phải các quan man tấu.

Lê Văn Thịnh mỉm cười đáp:

- Tâu bệ hạ, quan nào mà dám nói nơi mình trị nhậm dân còn đói, khổ thì quan ấy là người trung thực, có lòng thương dân, bệ hạ nên xem xét để cấp đỡ dân, cho vị quan đó giữ được lòng ái dân, có như thế thì giữa quan và dân mới thân thiện được, triều đình vì thế mà được gần dân. Còn như bệ hạ bảo người nông phu và ngư phủ làm ăn nhàn nhã, sao lại bảo họ thiếu đói. Đó là bệ hạ mới nhìn thấy cái ngọn chứ chưa thấy được cái gốc. Bệ hạ có biết từ khi gieo hạt thóc giống xuống đã lo từ cây mạ lo đi. Rồi phải cày xới đất biết bao nhiêu lần. Nhà khá giả có trâu cày, kéo còn đỡ. Nhà nghèo phải

lấy sức người thay trâu mà làm đất cực lắm. Lại còn bón phân, nhổ cỏ, nước non, sâu bệnh, bão lụt đủ thứ. Đứng đẳng sáu tháng giời theo cây lúa mới tới ngày gặt hái. Năm nay được mùa to, nên bệ hạ đi xem gặt thấy lúa sai bông, chắc hạt, mặt mũi người nông dân phờ phơ như hạt thóc mẩy. Gặp năm mất mùa công lao bỏ ra mất trắng, bệ hạ mà nhìn thấy gương mặt người nông phu vào năm mất mùa mới thấy nó thiếu nảo, y hệt chiếc lá héo quắt queo.

Hạt thóc thu về phải công trên mình nó biết bao nhiêu là khoản. Nào tô, thuế, nào tiền giấy bút cho con đi học, tiền đóng góp nuôi thầy, tiền lương gạo bị cho chồng, cho con đi làm lính tập mỗi năm một, hai tháng, giỗ tết, ma chay, cưới hỏi, ốm đau bệnh tật, tấm áo manh quần, hàng trăm thứ đều chỉ trông vào hạt thóc.

Tâu bệ hạ, nếu chỉ có thể thôi người nông phu cũng đã cực khổ lắm rồi, chẳng may gặp đám quan xã quan châu tham bản hà lạm, chúng hành hạ người dân đủ thứ. Thuế thì phụ thu lạm bổ cao, tô thì triều đình lấy một nó thu hai. Gặp đám quan lại tham nhũng ấy, người dân sẽ chỉ ước ao được chết còn hơn là phải sống. Nếu muốn biết về người dân, bệ hạ phải được biết từ cái gốc kia.

Nhà vua như thất vọng về cái sự gần dân của mình. Chợt vua lại hỏi:

- Thế còn những ngư phủ kia thì sao, họ chỉ có việc

bắt cả ở biển lên chứ họ có phải nuôi thả cá dâu mà kêu họ vất vả.

- Tâu bệ hạ, dân ngư phủ còn khổ hơn nông phu nhiều. Bệ hạ xem cái thuyền của họ bé tẹo teo, lưới chỉ là một mảnh ngắn ngắn so với biển cả bao la. Cho nên việc đánh bắt của họ chỉ ben khoen gần bờ. Đánh bắt như bữa bệ hạ xem đó gặp ngày trời ấm, lại gặp được đàn cá ăn nông, nên bệ hạ xem họ đánh bắt nhàn nhàn và vui mắt lắm. Thế nhưng có ngày thả cả chục mẻ lưới chỉ được vài niêu kho cá lẹp. Hoặc gặp kỳ động biển dài ngày, chẳng kiếm dâu ra gạo mà đổ vào nồi. Lại có khi đang đánh bắt ngoài biển, gặp một cơn dông bất chợt, thế là cả người và thuyền, lưới đều chìm trong lòng biển. Nhưng thưa bệ hạ, con cá đối với ngư phủ tựa như hạt thóc đối với người nông phu vậy.

Nhà vua tỏ vẻ ngạc nhiên hỏi:

- Vậy chớ họ có phải nộp tô thuế gì dâu?

Lê Văn Thịnh cười đến méo cả mặt đáp:

- Tâu, triều đình thương mà tha không bắt họ phải nộp khoản nào, nhưng các quan xã quan châu lại không tha cho họ. Thần xin kể bệ hạ nghe câu chuyện sau đây về dân ngư phủ. Ngày ấy thần còn nhỏ lắm, khoảng tám, chín tuổi được cha cho theo về thăm một người bạn của cha thân ở vùng bể Càn Hải. Đây là một làng ven bể, gần như cả làng làm ruộng, chỉ có hơn chục nhà làm nghề chài lưới. Thấy kể lại, một bữa nọ nhà chài kia

dánh lưới được con cá song to lắm, chiều dài gần một sải tay. Cá to vậy chẳng ai đủ tiền mua, người ta bèn xả ra làm nhiều khúc, chặt ra làm nhiều miếng để bán. Vì là cá ngon nổi tiếng, nhưng đã xả nhỏ ra nên mua một miếng cũng không đắt lắm. Nhà chài kia bán chỉ một khắc canh giờ đã hết sạch.

Nhưng những người mua được cá ngon đều đem đến biếu nhà xã trưởng. Bà mẹ xã trưởng thấy ngon ngon một đồng cá liền sai gia nhân đem sắp xếp lại đúng hình con cá. Vậy là từ khúc đầu, khúc mình đến khúc đuôi của con cá song to kia đủ hết, không thiếu một miếng nào. Bà sầm tối mặt lại rồi khóc hu hu như một đứa trẻ.

Xã trưởng đi đâu vừa về đến đầu ngõ đã hỏi gia nhân: - Ta nghe nói xóm ngư phủ kia bắt được con cá song to lắm, nó có đem biếu ta khúc nào không.

Gia nhân lặng lẽ chỉ vào chiếc nong giữa sân, con cá nằm ngang đuôi còn thò ra ngoài. Xã trưởng tấm tắc khen: - Dân có hiếu với ta thật.

Vào nhà thấy mẹ đang khóc, xã trưởng hỏi: - Vì sao mẹ khóc.

Bà mẹ lau nước mắt, giọng thều thào đáp.

- Con ơi nhà mình vô phúc rồi.

- Sao mẹ lại nói thế. Nhà mình giàu có, dân làng kính trọng, có miếng ngon đều đem biếu.

- Con nhìn kia, bà cụ chỉ ra phía con cá nằm chật nong: - Con ăn hết lộc của nhân gian rồi, đời con đời cháu con chúng nó lấy gì mà ăn, sẽ lụn bại thôi con ạ.

Xã trưởng phẩy tay nói:

- Mẹ cứ nghĩ vợ nghĩ vẩn. Rồi ông ta quát hỏi gia nhân: - Ta chắc đây là dân làng mua biểu ta, thế tên nào bắt được con cá này đã đem tiền đến nộp chưa?

Đấy, bệ hạ đã thấy cái cội nguồn gốc gác sự khổ ải của người dân chưa.

Nhà vua vẻ mặt buồn rười:

- Vậy là ta biết mà coi như chưa biết được gì cả. Nghe nói các tiên đế ngày xưa ở cùng với dân. Ngay cung Long Đức xây cho hoàng thái tử ở cũng rất xa hoàng thành, nằm giữa khu vực dân chúng ở phía tây. Vậy tại sao không cho ta ở cung Long Đức, ông sư phó?

- Bệ hạ về ở cung Long Đức thì ai coi sóc việc thiết triều tại điện Thiên An. Nay bệ hạ đang ở ngôi chủ tể, không thể về nơi chỉ dành cho hoàng thái tử được. Bệ hạ sẵn lòng thương dân thì việc gặt dân dâu có khó. Sau này lớn lên, tự cầm quyền đại chính, bệ hạ sẽ đi khắp nước cùng non thi ân đức cho thần dân của bệ hạ, lo gì.

Sắc mặt nhà vua tươi hẳn lên, ngài hỏi:

- Vậy chờ bao giờ ta được nắm quyền đó?

- Tới khi bệ hạ thấy tự mình có thể làm được, ắt

hoàng thái hậu sẽ trao lại.

- À, ta quên hỏi ông, thế cái người xā trưởng mà bà mẹ bảo ăn hết lộc của đời sau, liệu có đúng không.

‘ - Tâu, Phật đã dạy, gieo trồng cái gì thì gặt hái cái đó. Tức nhân nào, quả ấy. Cha thần có kể lại, mấy năm sau nhà ông ta bị cướp tan tành. Bọn cướp ném cả ông ta vào ngôi nhà chúng đang đốt. Bà mẹ đau lòng sau đó cũng qua đời, con cháu quả nhiên lụn bại.

- Khiếp thật, đúng là nhân quả nhơn tiền.

Hoàng thái hậu nhiếp chính Ý Lan từ sau cuộc kháng Tống toàn thắng lại vừa thu hồi được các châu, động mà nhà Tống mưu chiếm, bà thấy nhẹ cả người. Trong nước thì từ dân thường đến kẻ sĩ và các bậc tâng, đạo đều ngợi ca ân trạch của triều đình. Vậy là không còn gì phải lo lắng nữa. Đạo này bà đã để cho nhà vua tập sự việc nước. Các sổ, biểu và cả những thỉnh nguyện thư của các tâng, đạo, các chùa chiền và cả của dân chúng, bà đưa một số việc có nội dung không quá lớn để nhà vua đọc. Sau đó vua suy nghĩ cách khu xử như thế nào rồi viết lời phê ra bên lề, hoặc viết hẳn từng việc vào một cuốn sổ rồi đưa lại cho bà.

Thấy nhiều việc nhà vua làm đúng và tỏ phong thái của một bậc đế vương, bà mừng lắm. Bà phát nguyện trước Phật đài sau buổi lễ Vu lan sám hối do các nhà sư giải hạ đã phát Bồ đề tâm cầu nguyện cho bà được giải nghiệp. Cuộc đời bà từ nay sẽ quả đực, một lòng hướng

thiện tu tập, và sẽ làm hết sức mình để trợ giúp giáo hội hoàng dương Phật pháp.

Nhân nhà vua đã biết việc và ham mãi công việc, bà nói bên trung thư sảnh cứ đệ thẳng lên nhà vua những việc bình thường để nhà vua xem xét. Bà lại dặn Lý Đạo Thành: “Những việc nhà vua đã châu phê, ông cứ xem lại, nếu thấy được thì cho thi hành, nếu thấy chưa được, ông nói lại để hoàng thượng thấy chỗ chưa được ấy. Ta nhờ ông kèm cặp để nhà vua sớm trưởng thành. Gặp việc khó, trong khi ta đi vắng mà ông thấy ngại, ông cứ đệ lên ông thái tử hoặc hai ông bàn bạc để khu xử kịp thời, chớ vì ta đi vắng mà để việc nước bê trễ. Ta sắp làm một cuộc vân du qua các danh lam trong cả nước”.

Sau đó bà lại dặn Lê Văn Thịnh: “Ông cứ dạy cho nhà vua cái đạo trị nước, đạo của người quân tử. Và kiểm chứng sự thấu nhận của nhà vua qua các việc nhà vua tự quyết trong công việc hằng ngày. Ông chớ có gợi ý trong khi nhà vua đang tự nghĩ. Chỉ nói để nhà vua biết cái được hoặc cái chưa được sau khi nhà vua đã châu phê.”

Ủy thác nhà vua cho những người tin cậy, Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan để tâm chuyên nhất vào việc Phật. Bà đi khắp các nơi trong nước, tới chỗ nào dân cư đông đúc mà chưa có chùa, bà xuất của kho ra xây chùa cho dân, lại kêu gọi các nhà giàu có hảo tâm

công đức để đắp tượng Phật, đúc chuông rồi lấy ruộng quốc điền cấp cho chùa. Tới nơi nào thấy chùa dột nát, tồi tàn bà cho đòi các quan xã đến trách cứ và bắt phải đền tâm tu bổ. Tính từ ngày lập trai đàn sám hối tới nay mới có ba năm, bà đã cho tạo dựng được bảy mươi ba ngôi chùa lớn nhỏ. Dân nước cứ đồn đại đó là bà đền tội vì đã bức hại hoàng hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ. Thật ra không phải vậy, bà đã phát nguyện dứt bỏ quá khứ lỗi lầm để quy về nghiệp thiện, hết lòng tạo tác phước thiện như xây chùa, mở đạo tràng, cúng dường chư tăng để giáo hội hoàng dương chính pháp. Tới lúc này, bà mới kịp cho dựng được bảy mươi ba ngôi chùa, chứ thực trong đời bà làm tới cả trăm ngôi và làm không biết bao nhiêu là Phật sự.

Thân bà còn bị ràng buộc biết bao công việc thế gian nhưng tâm thì đã gửi trọn cửa tử bi. Mỗi tháng vào ngày mùng một và ngày rằm bà ăn chay ba ngày liền. Công việc hằng ngày dù bận rộn đến mấy bà cũng không bỏ hai khoá lễ sớm, chiều và hai thì sám hối. Tất cả những gì bà có được như ngày nay bà nhớ lại đều có Phật dẫn dắt. Nhớ tuổi thiếu nữ, cha mẹ mất sớm ở với dì, người vợ kế của cha như một cái cây hết nhựa. Nỗi buồn cô quạnh chẳng biết ngỏ cùng ai, hằng ngày sau mỗi buổi hái dâu, cắt cỏ trên đường về, cô bé Lê Thị Khiết ngày ấy đều rẽ vào chùa kể lễ trước Phật đài và xin Phật tử bi cứu khổ cứu nạn. Rồi được vị thiền sư trụ trì chỉ dạy cho. Phải nói, ngài đã an tâm cho, ngài

chỉ con đường đi vào nghiệp thiện. Thế rồi cơ may trong ngày hội, được nhà vua dè mắt tới và cho vào cung. Một bước đổi đời như từ dưới chín tầng địa ngục nhảy lên chín tầng trời. Phép Phật nhiệm màu là vậy đó. Nay nhớ ơn bậc thánh tăng đã khai thị cho từ ngôi chùa làng, cô bé Khiết ngày xưa – hoàng thái hậu nhiếp chính Ý Lan ngày nay xa giá về thăm.

Thoắt đã gần hai chục năm, cánh vật không khác là mấy. Duy có ngôi chùa thì vắng vẻ, và dưới con mắt của bà dường như nó bé đi, nó nghèo nàn và hoang vắng. Vị thiền sư xưa, bậc thánh tăng, bậc đại ân nhân của bà, nhục thân đang nằm trong tháp mộ vườn chùa, còn tinh anh của ngài chắc đã về cõi trời Đâu Xuất¹.

Lòng rưng rưng cảm động, bà ra mộ tháp của thiền sư thấp ba nén nhang và lẩm rầm khấn vái. Bà xin với anh linh của ngài rằng bà sẽ xây lại ngôi chùa cho thật khang trang, biến nơi đây thành một danh lam đệ nhất, nếu ngài cho phép thì xin thị hiện. Bà ngồi bệt xuống sân tháp trong thế kiết già. Mắt khép hờ, tâm tĩnh lặng. Tự nhiên thấy trên đầu dịu mát, bà ngược nhìn lên thấy trên đỉnh đầu có đám mây vàng và chính vị đại ân nhân, bậc thánh tăng xưa đang ngự trên tòa sen nhìn xuống. Bà nghe như có tiếng nói như rót vào tai: “Con đã có thiện nguyện, con cứ phát tâm, hãy vững bước trên con

¹ Một trong những cảnh giới Niết Bàn

đường tiên tu”. Bà nhắm mắt chấp tay niệm Phật, lúc ngược nhìn lên chỉ thấy bầu trời trong xanh, cao vời vợi. Chợt nhìn xuống, thấy mấy chân hương đang hoá, cháy ngậm từ dưới cháy lên và biến thành ngọn lửa.

Ý Lan biết lời cầu xin của bà đã được chứng đắc. Ngôi chùa làng Siêu Loại lập tức được khởi công làm lại. Cũng từ đấy dân làng gọi ngôi chùa thân yêu của làng mình là “Chùa Bà Tấm”.

Lại nói về sự học của vua Càn Đức, nhân chuyện được hoàng thái hậu giáo hoá cho việc phải gần dân, phải thương dân. Vua liền ngự giá đi xem dân gặt lúa, xem dân đánh cá. Lê Văn Thịnh nhân đó mà giảng lại cho vua về những điều vua biết ấy nhưng chưa phải là biết. Và ông ý tứ cho vua học một bài trích lời của Khổng Tử trong “Lễ ký”

Bữa nay hầu giảng, ông nói nhà vua đọc lại. Vua đồng đọc: *“Tử viết: “Dân dĩ quân vi tâm, quân dĩ dân vi thể; tâm trang tắc thể thư, tâm túc tắc dung kính. Tâm hiếu chi, thân tất an chi; quân hiếu chi, dân tất dực chi. Tâm dĩ thế toàn, diệc dĩ thế thương; quân dĩ dân tôn, diệc dĩ dân vong”*

Đọc xong nhà vua đặt sách xuống nhìn Lê Văn Thịnh như có ý chờ thầy cất nghĩa.

Sư phó bèn hỏi:

- Bệ hạ thử nghĩ xem, ý đức Khổng Tử muốn răn ta điều gì đây. Để thần cất nghĩa xong, bệ hạ sẽ nói. Rồi với giọng ấm áp, quan sư phó giảng: - Đức Khổng Tử

nói rằng: “Dân lấy vua làm tâm, vua lấy dân làm thân thể, tâm trang chính thì thân thể thư thái, tâm nghiêm túc thì dung mạo cung kính. Tâm thích cái gì, thân thể ắt là yên vui cái ấy; vua thích cái gì, dân ắt muốn cái đó. Tâm nhờ thân thể mà được vẹn toàn, và cũng vì thân thể mà nguy; vua nhờ dân mà còn, lại cũng vì dân mà mất”.

Lê Văn Thịnh vừa giảng xong chưa kịp hỏi, nhà vua đã tươi tỉnh nói ngay:

- Hay quá ông sư phó. Thảo nào từ đức Thái tổ tới nay, các tiên đế đều răn dạy, trị nước là phải ái dân (yêu dân); trị nước là phải cận dân (gần dân). Ở đây đức Khổng Tử dạy một cách rõ ràng về ngôi thứ của vua và dân hợp lại như một cơ thể sống, không thể cắt chia ra được. Nếu vua không có dân thì lấy gì hợp quần lại cho thành một nước. Còn dân không có vua thì lấy ai dẫn dắt. Có thể ví vua như cá, dân như nước. Vua như thuyền dân như nước. Cá không có nước thì cá chết. Thuyền không có nước thuyền cũng không đi được. Nước có thể đẩy thuyền đi, nước cũng có thể lật thuyền chìm. Chính là cái ý Khổng Tử đã nói: “Quân dĩ dân tồn, diệc dĩ dân vong” là vậy đó, có đúng không ông sư phó.

Quan sư phó Lê Văn Thịnh vô cùng kinh ngạc về tầm nghĩ hiểu của người học trò mười bốn tuổi này. Ông nói:

- Bệ hạ có cái tâm trong sáng nên tiếp nhận đạo học thật là mãn nguyện. Thân cảm nhận giữa bậc thánh nho với bệ hạ có cái duyên như là “đĩ tâm truyền tâm” vậy.

- Hiểu từ lời dạy ấy mà ta nói ra thôi, chứ ta có biết gì hơn đâu ông sư phó.

Thấy nhà vua có lòng hiếu học và thông sáng, Lê Văn Thịnh nhấn sâu vào cái thuật trị nước yên dân hầu mong giúp ngài trở thành bậc minh quân. Ông nói:

- Nhân đây thân xin hầu giảng tiếp bệ hạ về cái thuyết “*quân dân tương thân*” (vua với dân phải yêu thương lẫn nhau) của Khổng Tử. Ngài nói: “*Dân chi sở hiếu, hiếu chi; dân chi sở ố, ố chi*”. Tức là người làm vua phải biết thích cái thích của dân, phải biết ghét cái ghét của dân. Thế mới gọi là cha mẹ dân”.

Vua Càn Đức gật đầu có vẻ thích thú. Chợt nhà vua mỉm cười hỏi:

- Nếu ông vua chỉ yêu cái dân ghét và ghét cái dân yêu thì sao?

- Trị dân mà như thế có nghĩa là vua làm trái lòng dân, cũng tức là trái mệnh trời. Vua như thế gọi là bạo chúa. Trái mệnh trời, trái lòng dân thì người khác có quyền “điều dân trừ bạo” tức là cứu dân mà trừ kẻ bạo ngược như vua Thành Thang đánh vua Kiệt, vua Vũ Vương đánh vua Trụ.

Vậy nên làm vua phải biết thương dân, vua phải lo làm lợi cho dân thì ngôi vị của mình mới vững, nước

mới yên. Vì dân không sợ cái gì bằng sợ các chính sách hà khắc tàn bạo của nhà vua. Ngoại triều Lê Long Đình ở nước ta có thể liệt vào hàng Kiệt, Trụ được.

Nhìn sắc mặt nhà vua hơi ửng đỏ, Lê Văn Thịnh biết trong lòng nhà vua đang suy nghĩ lung lăm. Ông thấy nên để nhà vua được nhận biết qua các bài học cổ xưa mà trưởng thành. Vì vậy ông muốn đi đến tận cùng của sự việc.

- Bệ hạ, nhân đây thần xin kể bệ hạ nghe một câu chuyện cổ.

- Ông kể đi.

- Khổng Tử cùng các học trò bữa nọ có việc đi đến gần núi Thái Sơn ở Sơn Đông, chợt trông thấy một người đàn bà ngồi khóc ở bên mồ. Nghe tiếng khóc ai oán xót thương mà ra bộ sợ hãi lắm. Ngài sai thầy Tử Lộ hỏi xem vì sao người ấy khóc. Người đàn bà kia nói rằng: "Ngày trước bố chồng tôi bị cọp ăn, chồng tôi cũng bị cọp ăn, nay con tôi cũng lại bị cọp ăn nữa. Ngồi mộ mới này là mộ con tôi, cho nên tôi thương khóc mà cũng sợ lắm". - Ngài bảo: "Đã thế sao không dời nhà đi chỗ khác mà ở?". - Người đàn bà kia đáp rằng: "Ở đây không có hà chính". - Khổng Tử ngoảnh lại bảo các học trò: Các con nhớ lấy - "*hà chính mãnh ư hổ giã*" - (cái hà chính còn đáng sợ hơn cả cọp dữ).

Nhà vua gật đầu: - Ta nhớ rồi. Ta nhớ lời dạy của Khổng Tử, ta cũng biết ông có dụng ý tốt với ta. Chắc

sau này ta phải luôn kiểm xét lại các chính sách và luật lệ của triều đình, có điều gì khất khe, hà khắc là phải bỏ dẽ nuôi dưỡng sức dân, nuôi vỗ lòng dân.

Theo lời dặn của bà thái hậu nhiếp chính Ý Lan phải để nhà vua tập dần công việc triều chính; vì vậy thái phó Lý Đạo Thành có đệ trình nhà vua một biểu tấu và thỉnh nguyện của viên coi châu Nghệ An. Khi nhà vua châu phê và trả lại cho ông, thấy cách y tấu của nhà vua xét về mọi mặt đều không được, ông bèn lật đật sang cung Tuyên Đức xin được diện kiến.

Thấy nói có quan bình chương xin gặp, vua ra tận thêm đón. Lý Đạo Thành vốn người hiếu lễ, tuy tuổi cao ông vẫn phục lạy rồi cung tay:

- Tâu bệ hạ, thần có việc xin được phép bày tỏ.

Nhìn ông cụ già đầu râu trắng toát, da mặt nhăn nheo, đầu gối run run nằm phú phục, vua Càn Đức thấy bối rối, vội ra nâng ông cụ dậy, dắt tay vào ghế ngồi. Vua hỏi:

- Năm nay cụ bao nhiêu tuổi rồi?

- Tâu bệ hạ, thần đã bảy mươi ba tuổi rồi ạ.

- Cụ già thế sao không nghỉ để con cháu làm cho có được không?

Lý Đạo Thành lấy làm đau lòng, ông tự nghĩ: "Nhà vua cho ta là kẻ tham quyền cố vị chăng". Ông liền đáp:

- Thần đã ba lần dâng sớ xin nghỉ việc kể từ sau cuộc kháng Tống, vì sức thần đã xuống lắm rồi. Nhưng nhiếp chính hoàng thái hậu có hỏi ý quan thái tử rồi nài thần ở lại để còn tìm người thay thế, chớ thần đâu dám ở lì để nghịch mắt hoàng thượng.

Thấy ông già đối đáp kháng khái, lại thường nghe ông sư phó nói ở nước ta người thông kim bác vật thì Lý Đạo Thành là đệ nhất, vừa có đức vừa có tài, nhà vua cảm như mình có lỗi, liền hỏi lảng sang chuyện khác:

- Cụ ơi, tôi nghe nói cụ cũng là người trong hoàng tộc. Vậy chứ về thế thứ giữa tôi với cụ như thế nào.

Lý Đạo Thành chấp tay vái nhà vua hai vái:

- Bệ hạ, không thể kể thế thứ ra đây được. Bởi trong một nước bậc quân trưởng là đứng trên hết thảy. Mọi người, kể cả người trong họ với vua, kể cả là anh em ruột với vua đều là thần tử hết. Thần đã yên phận bề tôi, yên phận thần tử, xin bệ hạ tha tội.

- Cụ già, chẳng nhẽ tôi làm vua thì tôi không được phép biết thế thứ trong họ ra sao ư. Chẳng lẽ tôi từ trên trời rơi xuống hay từ dưới đất chui lên chứ không phải con cái của dòng họ Lý sao?

Thấy nhà vua nặng lòng muốn biết, Lý Đạo Thành liền hỏi lại:

- Tâu, thế hoàng thái hậu không nói rõ tông chi, tộc phả để bệ hạ rõ sao.

- Mỗi khi hỏi thì mẫu hậu tôi đều bảo bao giờ con lớn, xem trong tộc phá hoàng gia khác biết. Về cụ thì mẫu hậu bảo: “Ông ấy là bậc trên”.

- Tâu, hoàng thái hậu nói thế là phải lắm.

- Vậy về vai vế, nếu tôi không là “hoàng thượng”, không là “bệ hạ” mà chỉ là dân thường thì tôi gọi cụ bằng gì? - Nói xong nhà vua nhìn Lý Đạo Thành chòng chọc như đòi ông phải nói cho rõ ngọn ngành.

- Tâu, bệ hạ đã muốn biết thần xin được bệ hạ tha tội. Thần đúng là người trong nội tộc hoàng gia, nhưng thuộc về ngành thứ. Bệ hạ thuộc ngành trưởng. Còn về thứ bậc xin bệ hạ tha tội, thần ngang với đức Thái tông đấy ạ.

Nhà vua tròn xoe mắt:

- Thế ông cụ ngang bậc với ông nội cháu. Cháu phải gọi cụ bằng ông chứ.

- Bệ hạ, không được đâu. Bệ hạ biết thì để trong bụng thôi. Nước phải có phép nước, không thể quân thần lộn đảo thế được.

- Thôi được, cháu nghe ông cụ, nhưng cụ sang đây có việc gì đấy?

- Tâu, trước hết bệ hạ không nên gọi thần như thế. Cứ gọi thần là “khanh” cũng được. Còn về công việc, ông cảm thấy hơi khó nói... Tâu, chẳng là bệ hạ có châu phê cho châu Nghệ An được tất cả những lời thỉnh cầu

đó, chắc phải xem lại.

Ông mở tờ tấu của châu mục Nghệ An rồi nói:

- Cứ như trong biểu tấu thì năm ngoái Nghệ An được mùa, năm nay mới mất có một vụ dân đã đói. Dân đói không xin cứu lại xin phép lấy công khố ra xây chùa.

Quan chức làm việc thế là vô tâm, là nhẫn tâm, dấu chùa có được dựng lên Phật cũng không độ.

Tâu bệ hạ, việc này xin bệ hạ cho phép thần làm lại. Tức là phải khiển trách viên châu mục, và nếu dân đói, trước hết phải cứu đói cho dân đã. Việc xây chùa hãy nán tới khi mùa màng sung mãn. Nhà nước chỉ cấp một phần tiền bạc thôi, còn lại phải kêu gọi những người hảo tâm công đức.

Nghe Lý Đạo Thành nói, nhà vua cười vui vẻ và đọc luôn lời của Khổng Tử: “Quân dĩ dân tồn, diệc dĩ dân vong” – Bài này ông sư phó vừa mới dạy cháu học đấy. Vua thở dài: - Thế mới biết học với hành khác nhau xa lắm. Cái bài ông vừa dạy cháu đấy nghe ra gần hơn bài của ông Khổng Tử.

- Bệ hạ, không thể so sánh thế được. Khổng Tử nói về đạo, nên ngài nói cái chung nhất. Còn việc thần vừa nói là việc đời, nó thiết thực đến từng thân phận con người hằng ngày kia.

- Từ nay thái phó truyền cho cháu những bài học thiết thực như vậy nhé.

- Được! Được lắm. Nếu bệ hạ có cái tâm ái nhân ái vật mà lắng nghe bề tôi, thì lo gì cơ nghiệp của bệ hạ không theo kịp các tiên đế.

Và từ bữa ấy, nhà vua hay lui tới bên trung thư sảnh để gặp gỡ hỏi han và cả thăm viếng bậc lão thần. Hình như nhà vua đem lòng yêu kính bậc đại lão vừa có nhân cách cao thượng vừa có trí tuệ hơn đời, nhưng lại giản dị và dễ gần làm sao.

Bữa nọ Lý Đạo Thành thấy trong người khó ở không đến nhiệm sở. Nhà vua ghé trung thư sảnh mới biết quan thái phó bị cảm hàn liền đến thăm tại tư dinh.

Lý Đạo Thành thấy nhà vua đến quên cả tuổi già, quên cả mình đang ốm, vội sốc áo chạy ra đầu hè vái:

- Thần không hay bệ hạ tới nên không kịp mặc triều phục để cung nghinh, xin bệ hạ tha tội.

Nhà vua dặt tay Lý Đạo Thành vào nhà, bàn tay Lý Đạo Thành nóng ran, vua nói:

- Ông ơi, ông đang sốt nóng rồi. Đây là nhà ông chớ đâu phải diện Thiên An. Ông cứ nằm nghỉ đi, ông cháu mình nói chuyện. Cháu chỉ muốn là một đứa trẻ bình thường như mọi trẻ khác thôi. Ai lại trẻ nhỏ như cháu mà đi đến đâu mọi người cũng quỳ cũng lạy. Muốn chơi không có bạn. Muốn hỏi han ai cũng giữ ý giữ lễ, thành ra cháu tuy ngồi vị thì ở trên thiên hạ, nhưng rốt lại chẳng hiểu gì về thiên hạ. Ông ơi, hay là cứ phải như thế mới được làm vua làm chúa. Mà đã là

vua, là chúa thì phải tù mù.

- Phì thui! Phì thui! Lý Đạo Thành “suyt” một tiếng.
- Bệ hạ, lễ thì không bỏ được đâu. Còn việc muốn biết thiên hạ thì phải gần thiên hạ, phải sống với cái thiên hạ sống. Các tiên đế hiểu dân lắm chứ. Biết dân đói thì mở cửa kho lấy thóc cứu dân. Thấy dân phải vay nợ lãi bán lúa non khi giáp hạt, thì lập kho thóc ở những nơi dân cạn lương, khi giáp hạt thì cho vay dôi hạt, khiến người dân thoát nạn bị nhà giàu bóc lột. Muốn gần dân, bệ hạ phải nghe bằng nhiều tai. Nghe các quan trong triều tâu báo, nghe các quan ngoài châu lộ tâu báo. Rồi kiểm lại xem các sự tâu báo ấy là trung thực hay man sai, vua lại phải cải dạng vi hành trong dân để mà nghe ngóng. Mai đây bệ hạ nắm quyền đại chính, chắc sẽ lập tả hữu phúc tâm, tức những người thân tín trung thực để làm chân tay, tai mắt cho mình. Nhưng bệ hạ đừng quên chọn người trung chính mà đưa vào tả hữu gián nghị.

Nếu bệ hạ chỉ nghe được những điều hay, điều tốt, điều ngon ngọt nơi các tả hữu phúc tâm, mà bên tả hữu gián nghị đều dâng những lời nói trái tai, ra sức can ngăn việc này, bãi bỏ việc kia thì bệ hạ phải lập tức cảnh tỉnh, kéo mấy người gọi là phúc tâm ấy nó đang ngầm phản bệ hạ đấy.

Nhà vua cau vừng trán, nhúu mày cảm thấy sự đời sao mà rối rắm vậy.

- Ông ơi, ông mệt rồi, nghỉ đi thôi. Nhà vua dẫn Lý

Đạo Thành vào giường. – Ông nằm nghỉ, thỉnh thoảng nói vài lời thôi, cháu sợ ông mệt.

- Bệ hạ, có nhiều điều cứ để mãi trong tâm, được nói mà không biết nói với bệ hạ vào lúc nào. Nay bệ hạ quá bộ đáo gia, lại có lòng cầu tiến, có ý muốn nghe, thần xin bệ hạ để rồi có nhắm mắt cũng không phải ân hận nữa.

Nhà vua cảm động nắm tay Lý Đạo Thành:

- Cháu đang nghe ông nói đây.

- Thần thấy trong người khó ở quá, nên nói với mấy việc bệ hạ cứu xét về sau.

Việc trị nước thì điều quan trọng nhất là phải giữ được nước. Muốn giữ được nước thì phải chăm sóc dân để toàn dân cùng giữ nước. Đúng như thiền sư Pháp Thuận khuyên hoàng đế Lê Hoàn: “Quốc tộ như đằng lạc”.

Một nước mạnh hay yếu là ở bộ máy có đủ năng lực đảm trách công việc và phải trong sạch. Bậc quân trưởng phải sáng suốt biết dùng người có tài, trọng người có đức. Điều đó thì ai cũng biết nhưng thực hiện được nó mới là việc khó. Bệ hạ phải chăm lo hơn nữa đến việc khai mở dân trí. Muốn thế phải phát triển sự học cho đều khắp. Việc mở các khoa thi Minh kinh hoặc thi tiến sĩ để chọn nhân tài phải được ổn định theo một hạn kỳ quy ước, để khuyến khích người dân chuyên chú vào sự học.

Riêng điều thần sắp nói, bệ hạ phải để bụng tới

lúc nào đủ lực tự mình làm thì làm, bệ hạ mà hé lộ với bất kỳ ai lúc này, không những nguy cho bệ hạ mà còn nguy cho nước. Ấy là việc binh. Việc binh sau này bệ hạ phải tự nắm lấy. Tướng có thể chọn cử người này người khác, nhưng quyền thống lĩnh toàn quân phải thuộc về bệ hạ. Người nắm cường binh mà không có lòng trung tín dễ nguy cho xã tắc. Việc này các tiên đế đã làm, cứ thế mà theo. Thái tổ ta xưa nếu không nắm trong tay năm ngàn quân tùy long, thì đâu có người phù giúp cũng khó mà được nước. Đức Thái tông nếu không tự mình cầm quân, không có tướng giỏi để sai khiến chắc đã bỏ mạng vì ba vương khởi loạn. Công việc thì chia ra, chớ trao vào tay một người quyền hành lớn quá họ dễ chuyên chế, mà các người khác thì chia lòng.

Việc bang giao với lân bang, quan yếu nhất vẫn là đối với nước Tàu, bệ hạ chớ có khinh suất. Cứ giữ phận thiên thần, cứ tu cố gắng để giữ yên bờ cõi, nhún di một tí để dân chúng được an cư lạc nghiệp. Muốn thế phải có binh mạnh và dư dả lương thực.

Còn một điều nữa thân muốn lưu ý bệ hạ để mai đây bệ hạ còn tỉnh giấc. Ấy là hiện nay có một số người đã kết hợp giữa Mật giáo với đám Vu Hích của Đạo giáo do người Tống đem vào để mê hoặc dân. Việc tưởng như không có hại nhưng thực nó đang ẩn chứa một đại họa, vì nó làm cho người dân trở nên mê muội đắm chìm trong những ma thuật, tới lúc ấy họ chỉ còn

tin theo vào những điều nhảm nhí, không phân biệt được chính tà nữa.

Nói tới đây Lý Đạo Thành mệt quá, ông khép mi như người thiếp ngủ.

Nhà vua cảm động rơm rớm nước mắt nắm lấy tay Lý Đạo Thành nói nhỏ:

- Ông ơi những điều kỳ diệu thế sao bây giờ cháu mới được nghe, bây giờ cháu mới được biết hử ông.

Ghé sát tai quan thái phó nhà vua nói nhỏ: - Ông ơi ông đừng bỏ cháu nhé.

Vua Càn Đức ra về, lòng đầy bịn rịn. Một lát sau tỉnh dậy, Lý Đạo Thành hỏi phu nhân:

- Hoàng thượng về lúc nào?

- Ông thiếp đi được một lúc thì hoàng thượng ra về.

- Bà thấy nét mặt hoàng thượng thế nào?

- Nom hoàng thượng có vẻ buồn, nhưng bịn rịn lắm.

Lúc sắp ra về cứ hai ba lần nắm tay, sờ trán ông, lại ghé tai nói với ông điều gì nhỏ lắm, tôi không nghe được.

Lý Đạo Thành cảm thấy yên tâm, ông tự nghĩ: “Chắc nhà vua tiếp nhận được những điều ta căn dặn. Người có tâm thiện đón nhận việc thiện như lúa gặp hạn được mưa”.

Thấy trong lòng vui vui, người khoẻ trở lại, vài ba ngày sau ông tới trung thư sảnh làm việc, nhưng xem ra sức cứ xuống dần.

Nhà vua từ sau buổi được Lý Đạo Thành nói cho những điều tâm phúc, vua hiểu được cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng mà bậc cố lão đại thần, bậc quốc sĩ, bậc tồ phụ truyền dạy. Vua vẫn ém các lời tâm huyết đó vào trong tim trong óc để thực hiện nó vào lúc mình đã đủ lông đủ cánh. Còn nay, ta như một con chim mới ra ràng, hãy cứ lắng nghe và học hỏi đã. Từ đó nhà vua chăm chỉ học hành hơn, miệt mài đọc sách và luôn đòi sư phó Lê Văn Thịnh phải giải đáp cho điều này điều nọ. Nhiều lúc Lê Văn Thịnh đã phải thốt lên: “Thần rất mừng là bệ hạ chịu khó học lại thông tuệ, học một biết mười, nhưng thần lo tới lúc nào đó không còn đủ tri thức để hầu giảng bệ hạ nữa”.

Cho đến một hôm nhà vua vừa đọc xong một số trước tác của Bách gia chư tử, đầu óc nhà vua vui buồn lẫn lộn đến hỏi Lê Văn Thịnh:

- Nay ông sư phó, sao nước Tàu họ lắm người tài thế?

- Tâu, nước họ lớn, họ thu tóm hàng trăm quốc gia khác vào trong lòng, kinh tế họ sung mãn, học thuật đua nhau nảy nở. Các nước tranh nhau làm vương làm bá, nước nào cũng chuộng kẻ sĩ để làm lợi cho nước mình. Vì thế kẻ sĩ vừa được trọng vọng vừa có chỗ để đua tài. Lại cũng vì thế mà các học thuyết ra đời. Nước này không dùng đã có nước kia mời đón. Nước nào vua chúa chuyên chế, kẻ sĩ bỏ đi hết, thế nước rơi vào suy

yếu ngay. Vì thế không nước nào dám bạc đãi kẻ sĩ.

- Ta xem như vậy, nước mình nhiều thứ phải học của người Tàu lắm. Vậy chớ ta có cái gì để họ học được không, ông sư phó?

- Tàu bệ hạ, về học thuyết thì ít nhưng về phương vật cũng như các đồ chế tác thì nhiều.

- Ông nói thử ta nghe.

- Tàu, từ đời Bắc nguy trong sách *Tề dân yếu thuật* của Giả Tư Tư đã liệt kê có tới hơn ba mươi loài là sản vật lấy giống và lấy cả kỹ năng canh tác từ Giao Chỉ, trong đó có giống lúa nước tức Đạo Mễ là lương thực chủ yếu của người Trung Quốc bây giờ. Sách đó nói Đạo Mễ được truyền vào Trung Quốc có nhẽ từ đời Thần Nông.

Khoai lang người Trung Quốc đang dùng rộng rãi ở các tỉnh miền nam cũng lấy giống từ Giao Châu. Người đem giống khoai lang từ nước ta về Tàu là Lâm Hoài Lan được trồng đầu tiên ở Quảng Đông. Hiện nay ở huyện Điện Bạch còn có đền thờ Lâm Hoài Lan gọi là "Phiên thờ Lâm công miếu" để ghi nhớ về ông.

Cây mía của ta cũng được người Trung Quốc đưa về trồng tại các tỉnh miền nam. Tôn Lương, chúa nhà Ngô dùng đường phèn kết tinh lấy từ Giao Châu gọi là "mật đá". Nhãn, vải, cam, quýt, chuối cũng là những sản vật thơm ngon của Giao Chỉ tu cống, người Trung Quốc thấy ngon, đẹp liền bắt dân ta phải đem giống cây hoặc

hạt sang dó ươm trồng. Hán Vũ đế đã từng lập “phù lệ cung” ở Trường An, sai trồng một trăm gốc vải và cam, quýt của Giao Chi.

Mã Viện sang đánh Giao Chi đã đem hột cây bo bo (ý dĩ) lấy từ nước ta về trồng.

Thời Tam quốc, Sĩ Nhiếp thường đem sang Đông Ngô biểu Tôn Quyền những thứ đặc sản lấy từ Giao Châu như trầm hương, ngà voi, sừng tê giác, đồi mồi, lông chim chả, ngọc trai cùng nhiều hoa quả thơm ngon nổi tiếng.

Về công nghiệp thì từ đời Đông Hán đã có trống đồng lấy về từ Giao Chi, kỹ thuật chế tác hết sức tinh vi. Kỹ thuật chế tác đó sau người Trung Quốc lấy về Tàu, cho nên các tỉnh miền nam Trung Quốc lát dác cũng đúc được trống đồng, nhưng nó vừa nhỏ bé, vừa đại chứ không được khôn như mặt trống của ta. Đặc biệt trống đồng của họ âm nó rè và bẹt chứ không danh gọn và vang như trống đồng của ta.

Tâu bệ hạ, đây không phải là chuyện ngộ nhận, mà nó được ghi trong *Ngô thư Tôn Hưu truyện* từ thời Tam quốc. Cũng thời Tam quốc, Tôn Tư nhà Đông Ngô đã chọn mộ từ Giao Chi hơn một ngàn thợ giỏi các nghề đem về kinh đô Kiến Nghiệp (Nam Kinh) để tạo tác nhiều sản phẩm thời đó chỉ người Giao Chi làm được như dùng tơ chuối dệt thành lụa mỏng gọi là “tiêu cát” hoặc “Giao Chi cát” hoặc nấu pha lê (thủy tinh) từ cát.

Gần đây trong đời Tống Chân tông (1006 - 1028) Triệu Hằng thấy vùng Giang Hoài hạn hán liên tiếp bị mất mùa, ông đã đem giống lúa chịu hạn từ nước ta có nguồn gốc từ Chiêm Thành, gọi là lúa Chiêm về Phúc Kiến chia cho ba lộ gieo trồng thử, thấy được thu hoạch khá. Vì vậy hiện nay các tỉnh phía nam Trung Quốc như Quảng Đông, Phúc Kiến, Hồ Nam... đều có trồng giống lúa đó.

Về học thuyết thi đấu đời Tống Thần tông (1068 - 1084) có Thái Diên Khánh làm quan ở đất Hoạc, nghiên cứu về chế độ tổ chức quân đội của Đại Việt, viết thành sách gọi là *An Nam hành binh quân pháp* dâng lên được Thần tông khen.

Tâu bệ hạ, kể ra còn nhiều thứ lắm. Và lại ở đời phải học hỏi lẫn nhau, thu nhận của nhau để mà tiến hoá. Chẳng có nước nào thuần giỏi, cũng chẳng có nước nào thuần dở, duy có phần học thuật của nước nhà tới nay vẫn còn kém lắm.

Suy nghĩ giây lâu, vua Càn Đức liền hỏi:

- Người như ông về đường nho học đã được coi là người giỏi chưa?

- Tâu, về lớp lúa của thần, tạm thời ở nước ta chưa ai bằng thần.

- So ông với các nhà nho bên Tàu thế nào?

- Tâu, người như thần ở bên đó chắc cũng không có nhiều đâu.

- Vậy sao ông vẫn chưa được liệt vào các hàng gọi là chư tử như ở bên Tàu?

- Tâu, ở nước ta “nhất” còn chưa có lấy đâu ra “chư” ạ? Những người như thế họ phải có học thuyết. Về mặt này người mình còn kém lắm. Trông chờ ở bề hạ sau này có giúp cho những người có khiếu năng đi sâu vào triết tác chăng.

- Trông chờ vào ta khác nào trông vào cái giỏ thủng cả hai đầu, bởi ta đã biết gì đâu để mà nâng đỡ người được.

- Tâu bề hạ, dù là bậc quân trưởng không nhất thiết cái gì cũng phải biết, nhưng phải biết cách dùng cái biết của thiên hạ trở thành cái biết của mình, rồi dùng nó vào các việc ích quốc lợi dân. Còn như việc tạo ra các học giả rồi từ đó có học phái, nó đòi hỏi nhiều thứ lắm ạ, trong đó có nhân tố xã hội. Tâu, không nên bàn đến việc này nữa, vì với nước ta nó còn xa vời lắm.

Lý Đạo Thành trở lại làm việc được mấy bữa thì đổ bệnh.

Được tin, nhà vua và Lý Thường Kiệt đến tận nhà thăm. Lý Đạo Thành chỉ nhìn hai người thôi chứ không nói điều gì. Không biết ông không nói được hay ông không muốn nói. Bởi lẽ với nhà vua, có gì cần nói, ông đã nói. Còn với Lý Thường Kiệt ông lại không cần nói. Và từ sau sự biến năm Quý Sửu (1073) ông bị biếm ra coi châu Nghệ An rồi hoàng thái hậu Ý Lan và Lý

Thường Kiệt gọi ông về trao cho chức thái phó, sau lại giao bình chương quân quốc trọng sự, nhằm vào uy tín của ông để gỡ rối thế nước. Từ đấy ông chỉ lặng lẽ làm việc, nhất cử nhất động việc gì có lợi cho dân, cho nước khó mấy ông cũng làm. Ông hành xử theo đúng cái đạo của người quân tử khiến Lý Thường Kiệt tự ngượng. Còn bà Ý Lan vì khát khao quyền lực mà hành động mù quáng, sau này đã hối. Dù sao ông cũng không để bụng, không chấp.

Khi nhà vua và Lý Thường Kiệt ra về, ông khẽ nói với phu nhân:

- Bà cho gọi Lý Kế Nguyên về gặp, tôi thấy trong người khác lắm rồi.

Phu nhân òa khóc.

Vừa lúc ấy Lý Kế Nguyên ào vào nhà thấy mẹ khóc, cha nằm dính xuống giường. Chàng vội nắm tay cha hỏi:

- Cha! Bệnh cha thế nào? Lại quay hỏi mẹ: - Mẹ, thuốc thang cho cha con thế nào rồi ạ. Đúng là linh cảm đã mách bảo, con thấy ruột cứ nóng sôi lên, đầu óc thì căng thẳng. Con nghĩ chắc cha có việc gì đây, thế là con lên ngựa đi suốt ngày đêm. May quá!

Phu nhân nhẹ nhàng nói:

- Cha vừa bảo mẹ sai người đi tìm con về, vì trong người cha thấy khác. Không kìm nén được mẹ bật khóc. Con ơi nếu cha có mệnh hệ nào thì chỉ tại cái vụ năm

Quý Sửu nó gây ra thôi.

Lý Đạo Thành vẫy hai mẹ con lại gần, ông nói nhỏ, giọng thều thào:

- Phu nhân không nên nghĩ vậy. Sống chết đều do mệnh trời cả. Nếu không do mệnh trời thì họ đã giết tôi năm Quý Sửu (1073) rồi. Và lại trời để cho sống đến tuổi này là phúc lắm rồi. Ông Đỗ Phủ đời nhà Đường chẳng từng nói: “Nhân sinh thất thập cổ lai hy”¹ đó sao?

Chợt cơn ho đến. Ho thất cả người. Lý Kế Nguyên nâng cha ngồi dậy. Chàng lấy thân mình để cha tựa lưng. Phu nhân rót chén nước sấm cho ông uống. Một lát, người hơi dễ chịu, ông lại nói:

- Nếu chẳng may cha chết cũng là mệnh thời. Đời cha không có gì phải ân hận. Cha mẹ tuy không sinh ra con. Nhưng cha đẻ của con lại là em ruột của cha. Thấy anh chị không sinh được con, thế là em của cha, tức cha đẻ của con bảo: “Vợ chồng em cho thằng bé này làm con của hai bác”. Hồi đó con mới hơn một tuổi. Chuyện này thì con biết lâu rồi. Con vẫn thường bảo đời con hơn người, có được hai cha, hai mẹ. Cha mừng vì ta nghiêm dạy con mà không một lúc nào con oán cha. Nay con đủ lớn khôn, cha mừng lắm. Cha dặn lại điều này con nên nhớ. Sau khi cha chết, con không được có thù oán gì với thái úy, tể tướng Lý Thường Kiệt và bà Linh nhân

¹ Nghĩa là con người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay đều hiếm.

Ý Lan nhé. Ông ta tự thấy việc xử với cha như thế là không phải, nên đã tự hoá giải rồi. Chính ông ta tin con và trọng con lắm. Ta nhớ hồi quân Tống phao tin “Tý Kế Nguyên đầu Tống”. Chuyện rộn kinh kỳ. Họp các đại thần, nhiếp chính Ý Lan hỏi việc ấy thế nào. Lý Thường Kiệt cam đoan đây là tin giặc tung ra thôi. Ông ta đi nước cờ cao tay, xin Hoàng thái hậu có chiếu khen, còn ông ta thì trao cờ súy và cho khao đám quân thủy của con.

- Cha nói thế để con thánh thời mà phụng sự quốc gia, không có chấp tâm vào các chuyện cũ.

- Còn về phần hoàng thượng, chắc sẽ trở thành vị vua hiền đấy. Nếu con được cất nhắc vào các chức trọng yếu mà không thể từ được, thì cứ con đường trung chính mà làm. Chớ có kết bè kết đảng với ai. Nhưng con phải tránh xa đám trung quan. Cái đám thái giám ấy họ vừa thiếu năng trí tuệ vừa thiếu năng nhân cách, không thể giao du với họ được, nhưng cũng chớ có gây thù chuốc oán với họ. Nguy hiểm lắm đấy. Bà Thượng Dương chỉ vì không cho tên Đỗ Khánh Thập mấy đồng tiền thưởng hàng tháng, thế mà nó nuôi chí báo thù để đến nỗi bảy mươi ba nhân mạng hàm oan. Đành rằng nó không phải là thủ phạm, nhưng nó dẫn dắt sự việc đi đến kết cục đó.

Nghi một lát, uống vài ngụm sâm rồi ông cầm tay phu nhân nói:

- Phu nhân tha lỗi cho tôi, suốt mấy chục năm phu nhân làm bạn với tôi, phu nhân phải sống lặng lẽ như một chiếc bóng. Còn tôi thì để hết tâm lực vào các công việc mà đến lúc này mới nhận ra nó là hư ảo. Tất cả đều là hư ảo, chỉ có nỗi cô đơn của phu nhân là thực thôi. Phu nhân cho tôi được tạ lỗi. Ông chấp hai tay lễ phu nhân hai lễ. Nước mắt ông tự nhiên chảy nhòe cả gương mặt già nua.

Phu nhân níu vào vai ông nức nở.

Lý Kế Nguyên lặng lẽ nhìn cha mẹ vĩnh biệt nhau, lòng chàng đau như cắt, nước mắt cứ thế trào ra.

Được tin Lý Đạo Thành lâm trọng bệnh, các quan trong triều nườm nượp kéo đến thăm hỏi. Vua sai các thái y giỏi nhất đến chữa trị. Các quan ngoài trấn, lộ được tin cũng mau chóng về thăm. Các sĩ tử trong quốc học viện còn xin phép được túc trực chăm sóc thầy. Vì ông dành khá nhiều thời gian cho việc giảng dạy. Các bậc tăng thống, thiên sư, đạo sĩ trong kinh thành đều qua lại viếng thăm. Bà Ý Lan đang vân du các đại danh lam thắng cảnh nghe tin Lý Đạo Thành lâm bệnh cũng tức tốc về triều. Bà nhớ lại hai người thầy đầu tiên dạy bà ở Thăng Long là thái sư Lý Đạo Thành và tăng thống Lâm Huệ Sinh. Vừa về tới Thăng Long bà được biết Lý Đạo Thành đã qua đời cách đó một giờ. Lòng bà bồi rối, vừa xúc động vừa ân hận.

Nhiếp chính Ý Lan với nhà vua và Lý Thường Kiệt

bàn phải làm ma cho ông thật to. Ông trải thờ ba triều, lòng trung với nước vằng vặc, công lao trùm thiên hạ, suốt đời thanh bạch, không đòi hỏi cái gì cho riêng mình.

Nhà vua sai sứ đến báo tin cho phu nhân và công tử Lý Kế Nguyên, triều đình tri ân như vậy.

Lý Kế Nguyên tạ sứ và đưa cho sứ xem di chúc của người quá cố. Trong đó Lý Đạo Thành viết: *"Xin cho tôi được chôn cất như một người bình thường. Hãy đặt xác tôi nằm trong một cỗ quan tài gỗ nhẹ để những người phu kiện đỡ đau vai."*

Con cháu không được bày vẽ lễ tế phiến hà hoặc dờ dỏi làm ma.

Bà con thân hữu, các bạn đồng liêu và xóm làng phường phố ai có lòng đưa tiễn tôi dẫm bước chân xin được gửi lời cảm tạ".

Sứ giả đem di chúc về trình.

Đọc xong, hoàng thái hậu Ý Lan hỏi:

- Thế này là thế nào? Ông ấy vốn là người cần kiệm khiêm cung, hay là triều đình cứ phái người đến cử ai và tế ông ấy ba tuần.

Lý Thường Kiệt lắc đầu:

- Tâu, không thế thế được. Di chúc là nguyện vọng cuối cùng của người quá cố, phải được tôn trọng.

- Công lao của ông ấy với đất nước lớn thế, triều đình cứ xử như vậy các đại thần khác tủi thân.

Cứ dùng dâng mãi nhà vua bèn phán:

- Sao mẫu hậu không triệu ông sư phó cùng những người am hiểu về lễ mà hỏi thêm.

Lý Thường Kiệt cho đó là phải. Lập tức cho triệu thỉnh đại sư Hoài Tín, sư phó Lê Văn Thịnh, công bộ Đoàn Văn Khâm, viên ngoại lang Đào Tông Nguyên.

Mọi người tề tựu đầy đủ, thái hậu nói lại cái ý của triều đình muốn tri ân đối với Lý Đạo Thành nhưng lại vướng lời di chúc của ông. Vậy nên làm như thế nào để triều đình không mang tiếng xử bạc với người có công.

Quan Công bộ Đoàn Văn Khâm nói:

- Cụ ấy là người nhân cách cao thượng, kẻ sĩ cả nước hướng về. Vậy mà đám tang của một vị quan đầu triều, trải thờ ba đời vua không có một tì vết gì, lúc chết lại không được một tuần tế, tôi thấy áy náy lắm. Vả lại tang lễ là thể hiện cái văn chất của một nước có văn hiến. Hơn nữa tang lễ chính là việc làm cho người sống đầy chứ không phải làm cho người chết đau.

Đào Tông Nguyên nói: - Theo như sách *Chu lễ* thì đại thần chết, vua đến viếng tại nhà rồi sai đại thần tế một tuần rượu.

Lê Văn Thịnh nói:

- Tôn trọng nguyện vọng của người quá cố, ấy là lễ đối với họ vậy. Một nước có văn hiến không thể làm trái di chúc của người quá cố. Vả lại Lý Đạo Thành là bậc thượng trí, những lời ông viết lại đủ chứng tỏ một

nhân cách cao thượng, ta không thể không tôn trọng.

Đây là trường hợp riêng của quan bình chương. Còn với các quan khác khi qua đời cứ chiều quy chế tang lễ của triều đình đã phân theo phẩm cấp mà làm.

Mọi người đều nhìn về phía quốc sư Hoài Tín như muốn cầu kiến.

Sư biết ý liền nói:

- Nhà Phật coi sự tử cũng như sự sinh. Hễ đã có sinh là có tử. Cụ bình chương viết lời di chúc đó chứng tỏ cụ đã hiểu đạo và cũng đạt đạo. Tôi thấy ông sư phò nói có lý, ta nên theo.

Hơn nữa để tỏ lòng quý kính đối với người quá cố thì cả hoàng thái hậu và hoàng thượng cùng các đại thần đến viếng tại nhà, sau đó nếu đưa tiễn cụ ấy ra huyệt mộ được thì càng tốt, nếu không thì như nhờ cụ dẫn lại: "ai có lòng đưa tiễn tôi vài bước chân..."

Mọi người đều cho ý sư là đúng đắn và có tình.

Đám tang của Lý Đạo Thành không giống với bất cứ một đám tang nào của các đại thần trước đây, nào xe tứ mã kéo quan tài, nào phường nhạc bát âm rên rí, nào tàn, lọng hai bên che rợp xe tang, nào cờ thần, phướn Phật, nào các thầy phù thủy đi trước tung ấn, quyết trừ tà, nào các sư tăng đi sau linh cữu đọc kinh Dược sư cầu cho vong hồn người quá cố siêu thoát, nào con cháu khóc lóc huyên náo.

Đám tang của Lý Đạo Thành diễn ra khác hẳn bởi

triều đình đã chấp nhận lời di chúc của ông.

Một cỗ quan tài gỗ tạp sơn đỏ đặt trên một giá kiệu bốn đòn khiêng do tám người trai khỏe mạnh, vận áo nẹp nâu màu đen. Một hàng cờ tang đi trước kiệu quan tài. Theo sau quan tài là các con cháu trong gia đình, nội tộc.

Hoàng thái hậu Ý Lan đi cạnh quan tài về phía bên tả, vua Càn Đức đi cạnh quan tài về bên hữu. Lý Thường Kiệt đi sau hoàng thái hậu, Lê Văn Thịnh đi sau nhà vua. Các đại thần nối theo hai hàng tả hữu đó để tiễn biệt người quá cố. Các bậc thiên sư đạo cao đức trọng cùng các tăng đoàn nối sau lớp con cháu. Các đạo sĩ của đạo Lão xếp nối sau các tăng đoàn. Dân chúng kính kỳ đi sau rốt kéo thành một đoàn dài tưởng như là vô tận. Mọi người lặng lẽ vừa đi vừa suy nghĩ về cái người nằm trong quan tài kia, vì sao lúc chết đi vẫn còn để lại một hành vi cao thượng của một nhân cách cao thượng. Thì ra các bậc đại nhân, đại trí tự bản thân họ và sự nghiệp của họ đã là một vinh quang bất diệt, không cần phải phết phủ lên đó bất cứ một lớp sơn nào.

Hầu như tất cả các quan trong triều đều có mặt trong buổi tiễn đưa Lý Đạo Thành. Với họ, ông vẫn là một bậc tể tướng trí nhân ngời sáng, với họ ông là một bậc đại nho nêu gương tiết tháo của người quân tử cho tới cả sau khi nhắm mắt, tắt thở. Các quan trong ngoài triều đưa tiễn ông về nơi an nghỉ cuối cùng, có phải tất

cả bọn họ đều yêu kính ông không? Không phải vậy, trong đó có rất nhiều người ưa ông, nhưng cũng không phải không có người không ưa ông. Họ không ưa ông vì nhiều lẽ, nhưng không có ai ghét ông. Vì vậy trong đám những người đi vĩnh biệt ông đông đúc tới hàng vạn, nhưng tuyệt nhiên không có ai là kẻ thù của ông cả. Ông trải lòng ra với mọi người và vì mọi người. Có ai đó không ưa ông là bởi có lúc nào đó các yêu sách của họ không được thoả mãn hoặc bị ông cản trở, bởi cái tính của ông là thẳng ngay, là chí công vô tư.

Dân chúng kính thành nối đuôi nhau đi tiễn biệt ông như một dòng sông đang lặng lẽ chảy giữa hai bờ đường phố buồn hiu. Các cửa hàng đều đóng cửa, người người đổ hết ra đường, họ khóc lóc sụt sùi như chính người nằm trong quan tài kia là cha sinh của họ vậy. Họ thương tiếc ông thật lòng, nhưng họ không được bám bầu vào quan tài dù chỉ chút xíu thôi như bám bầu vào thần linh để lấy khước. Lẽ đơn giản, thân phận họ chỉ là những người dân bé mọn.

Một hồi ba tiếng chiêng báo hiệu giờ hạ huyệt. Các thiền sư và cả sa môn đoàn lẫm rậm đọc kinh. Dân chúng oà khóc nức nở như cố níu giữ lại một con người chân chính, một bậc đại nhân đại trí tiêu biểu cho cái thiện. Dân chúng không muốn và hoàn toàn không muốn liệm chôn cái thiện, bởi đó là chỗ bầu vùi của cuộc đời họ. Chính vì thế mà họ khóc.

Đám tang như một sự lưu dấu trong lòng người về một nhân cách có thật của một bậc sĩ quân tử. Từ thuở có Thăng Long, chưa ai được chứng kiến tang lễ của một bậc đại thần lại giản dị đến như vậy. Sự đồng đúc và lòng ái mộ của dân chúng Thăng Long có lẽ nó chẳng chịu thua kém đám tang của Lý Thái tông năm Giáp Ngọ (1054). Sự thật đám tang nhà vua năm Giáp Ngọ dân chúng đổ ra đường đồng đúc ngoài lòng yêu kính còn có sự hiếu kỳ của người dân nữa.

Sau đám tang của Lý Đạo Thành, vua Càn Đức buồn mãi tới mấy tuần. Nhà vua có cảm giác như vừa mất đi một người ông theo cái nghĩa của huyết thống, nhưng sự trống vắng lại gây cho vua như vừa mất đi một người bạn tri kỷ và một người thầy siêu việt. Nhà vua tự hẹn với lòng mình: “Cuộc đời ta sẽ theo lời ông khuyên dạy, sẽ noi gương ông để hành hoá”.

XIX

Sau cuộc xâm lăng Đại Việt thất bại, lại bị nước Liêu giáng một đòn bất ngờ tại biên thủy phía bắc mà xem ra sức mạnh của Đại Việt cũng chẳng thua kém gì nước Liêu, Tống Thần tông bàn thay đổi đối sách. Các quan coi lộ Quảng Tây, ai đã có hiềm khích với Đại Việt đều bị dời đổi đi nơi khác hoặc biếm, bãi.

Việc biên sự Tống Thần tông dụ rằng: “Nếu có xảy ra điều gì thì hai bên biên quan, biên tướng gặp nhau bàn thảo, chớ để các việc nhỏ nơi biên cương trở thành biên hấn”. Tiếp đó vua Tống lại bãi chức tể tướng Ngô Sung.

Thế là cuộc xâm lăng Đại Việt ngoài thiệt hại không biết cơ man nào về người và của, thì nhà Tống còn bị mất thêm hai viên tể tướng và hàng loạt các tướng khác người bị ốm, chết như Đào Bất, người bị biếm, bị bãi như Quách Quý, Triệu Tiết kể cả một số phải đi đày hoặc uất mà tự tử. Vương An Thạch và Ngô Sung bị bãi chức, ít lâu sau các ông cũng lần lượt qua đời.

Về phía nước ta, dù hai lần đánh bại quân Tống, nhưng triều đình vẫn muốn hoà hiếu trở lại.

Sau khi Lý Đạo Thành mất ít lâu, triều đình bàn nên cử một đoàn sứ bộ và cả cống vật thật là đặc sắc để sang Tống kết hiếu, cũng là một sự ngầm giải hoà. Có người còn nói: - Ta với Trung Quốc cùng theo một tông giáo, sao không mượn cơ xin một bộ kinh Đại Tạng để tỏ thân tình. Mọi người đều khen đó là một cao ý.

Tránh phía Tống làm khó dễ như lần trước, sứ bộ Lý Kế Nguyên đã đến Ung Châu còn không được chấp nhận vào Biện Kinh. Lần này vua Nhân tông gửi biểu trước, kèm cả danh sách sứ đoàn và liệt kê các cống phẩm để ty kinh lược Quảng Tây đệ trình lên Tống Thần tông và chỉ khi có thư phúc đáp sứ giả mới lên đường. Trong biểu gửi Tống Thần tông có đoạn viết: "Trước đây tôi có sai sứ vào triều cống, nhưng bị quan Quảng Tây cấm chế, ngăn cản, nên các thú vật đem cống không cùng tới một lần được. Nay tôi lại sai viên ngoại lang Lương Dũng Luật và Nguyễn Văn Bội đi thuyền tới cống. Xin giáng chỉ cho phép theo lệ cũ mà vào kinh".

Vua Tống xem xong bảo viên coi Quảng Tây: "Không được ngăn cản, phải theo lệ cũ mà nhận sứ". Tống Thần tông còn dặn thêm: "Các người phải cử một viên nhập nội sứ thân hộ tống sứ Giao Chỉ tới kinh".

Viên chuyển vận sứ Quảng Đông lại tâu lên: "Sứ An Nam xin đi đường Kinh Hồ". Vua Tống dụ rằng:

“Nếu người Giao thích di đường thủy, thì ty kinh lược Quảng Tây cứ theo đường cũ mà dẫn sứ đi”.

Sau đó Kinh lược Quảng Tây lại tâu về Biện Kinh: “Giao Chỉ vào cống, số người đông tới một trăm năm mươi sáu (156) người. Chiếu lệ cũ thì thừa ra năm mươi sáu (56) người”. Tống Thần tông phê: “Ai đã đến cứ để cho vào kinh”. Vua Tống lại xét hỏi các việc ngăn cấm giao thương dọc biên thủy hai nước đã bãi bỏ chưa.

Ty kinh lược Quảng Tây tâu về: “Sự giao dịch dọc biên thủy từ tháng năm Kỷ Mùi (1079) đã trở lại bình thường. Các châu Khâm, Liêm đã lập lại các trạm, các bến dò để người Giao Chỉ sang buôn bán”.

Cách cư xử của Tống Thần tông với nước ta đã thay đổi hoàn toàn, từ xâm lăng thù địch sang ưu ái vô về. Hẳn nhà Tống muốn được yên mặt nam, rảnh tay đối phó mặt bắc.

Nước ta tuy hai trận thắng, nhưng dân ta cũng quá mệt mỏi, vì vậy triều đình cũng nhân sự thay đổi của nhà Tống mà chủ động hoà hiếu.

Tuy vậy chính sách phen giậu chốn biên thủy khởi từ Lý Thái tổ vẫn được duy trì. Vua đem công chúa Khâm Thánh⁽¹⁾ gả cho châu mục châu Vị Long⁽²⁾ là Hà Di Khánh.

1 Công chúa Khâm Thánh chắc là con gái của Lý Thánh tông với các bà khác, vào hàng chi của vua Nhân tông.

2 Châu Vị Long tương đương với vùng đất huyện Chiêm Hoá ngày nay.

Mặc dù quan hệ Tống - Việt đã hoà dịu, nhưng vẫn còn hai động Vật Dương, Vật Ấc bị người Tống chiếm. Các biên quan của Tống khăng khăng không chịu trả. Bởi hai động này tù trưởng bị người Tống dụ qua hàng rồi đem nộp luôn cho nhà Tống trước khi chiến tranh hai nước nổ ra. Lấy cớ không phải đất chiếm trong chiến tranh, nên phía Tống không chịu trả.

Lý Thường Kiệt một mặt sai các tù trưởng ở các châu lân cận xua quân qua quấy phá đất ấy, một mặt vua Nhân tông gửi biểu sang Tống Thần tông để đòi lại.

Bên Tống vẫn không chịu trả, Lý Thường Kiệt sai châu mục châu Thượng Nguyên¹ là Dương Thọ Vân đem quân đánh Nùng Trí Hội ở châu Quy Hoá. Trí Hội thua phải chạy vào Hữu giang cầu cứu.

Hùng Bản, viên coi Quế Châu gửi thư trách ta. Nhưng thấy bên ta vẫn căng, nên một mặt y tâu báo về triều xin Tống Thần tông trả cho ta tám động đất hoang rồi hẹn với ta cứ người đến Vĩnh Bình bàn việc biên sự.

Bên ta cử Đào Tông Nguyên một mình sang phó hội. Bên Tống cử viên tuần kiểm Tả giang là Thành Trạc và viên coi việc khai mỏ vàng là Đặng Khuyết đến cùng bàn.

Tới Vĩnh Bình, viên ngoại lang Đào Tông Nguyên

¹ Tương ứng với vùng Bắc Can ngày nay.

không thấy mặt Hùng Bản là viên coi Quế Châu mà chỉ có hai kẻ quan chức địa phương cấp thấp, ông đã bực mình.

Khi vào bàn việc Thành Trạc vẫn cố cãi bừa.

Đào Tông Nguyên vẫn giữ thái độ cương quyết đòi phía Tống phải trả lại đất hai động Vật Dương, Vật Ác mà bọn Nùng Trí Hội, Nùng Tông Đán bị Tống dụ dỗ mà đem đất của triều đình đi nộp cho người Tống.

Cuối cùng Đào Tông Nguyên tỏ thái độ dứt khoát: “Đất thuộc Quảng Nguyên này chỉ là vùng đất nhỏ, thật khó lòng mà phân chia. Tôi muốn tự làm bài tâu, để rồi triều đình có định bằng lòng hay không”. Ý của Đào Tông Nguyên là dứt khoát không nhượng bộ. Nói xong ông bỏ hội nghị ra về.

Lời nói đõng dạc của Đào Tông Nguyên như là một tời hậu thư khiến Thành Trạc phật ý. Ý đệ trình việc nghị bàn thất bại lên Hùng Bản. Hùng Bản tâu về triều. Tống Thần tông khuyên không nên để căng việc nam thùy.

Từ sau đám tang của Lý Đạo Thành, bà Ý Lan thấy nhà vua rất chăm chỉ công việc triều chính, lại hỏi Lê Văn Thịnh và các quan giám sát thì thấy nhà vua trưởng thành thực sự. Bà mừng lắm. Vì vậy càng ngày bà càng chuyên tâm vào việc trì tụng kinh bốn và sám hối. Lại đọc rộng cả ra phần kinh luận để mở mang nhãn giới.

Một bữa vừa xong khoá lễ chiều, bà Ý Lan thả bộ quanh đám vườn hoa và hồ nước trong cung, tựa như

là một sự thiên hành cho tâm trí an tịnh. Bỗng một thị nữ te tái chạy đến phủ phục dưới chân bà khóc lóc xin tha tội.

Hoàng thái hậu ân cần nâng thiếu nữ dậy và ôn tồn hỏi:

- Vậy chứ con có tội gì? Sao giờ này còn chưa hầu hoàng thượng tắm tấp di con.

- Tâu hoàng thái hậu con vừa hầu hoàng thượng tắm xong. Nhưng Nói đến đây thì thiếu nữ òa khóc.

Thái hậu đỡ dành mãi y thị mới chịu kể lại đầu đuôi sự việc.

Thị đỏ mặt lên kể ấp a ấp úng.... Trước đây, lữ a hoàn chúng con vẫn thay nhau mỗi ngày hai người hầu tắm cho hoàng thượng. Người vẫn cởi hết quần áo cho chúng con kỳ cọ khắp cả cơ thể. Sau đó lau khô rồi lại mặc áo hầu ngài.

- Thế thì làm sao? - Thái hậu hỏi xen vào.

- Dạ, nhưng độ gần một tháng nay, cứ hễ con kỳ cọ đến "chỗ ấy" thì ngài cười khăng khặc và cái vật kia nó cứ dựng đứng lên. Rồi mấy hôm nay hoàng thượng chỉ cho một mình con hầu ngài tắm. Ngài thích con tắm và thích kỳ cọ thật lâu cái "vật ấy". Hôm nay ngài bắt con cũng phải cởi hết quần áo ra tắm cùng ngài. Rồi ngài xỏ cái "vật ấy" vào người con. Con đau quá nhưng cắn răng chịu. Lúc ngài rút cái "vật ấy" ra thì eo ới máu me nhuộm đỏ "cái cửa ngài". Con đã quỳ lạy nhà vua

tha tội chết vì không phải con “cố ý hại” ngài đâu.

Bà thái hậu mỉm cười, trong lòng bà vui khắp khởi: “Thế là con ta đã lớn, đã trở thành một gã đàn ông rồi”. Bà cúi hỏi thiếu nữ:

- Con bao nhiêu tuổi rồi?

- Tâu hoàng thái hậu con sắp mười ba tuổi ạ.

- Con xin tha tội, hoàng thượng bảo con sao?

- Tâu, hoàng thượng chỉ cười và bảo con, ngài sẽ “làm lại”, ngài không bắt tội đâu mà sợ.

Thấy con trưởng thành, hoàng thái hậu mừng khôn xiết tả. Bà sẽ lo cho con để sớm sinh được hoàng nam, có người nối dõi sớm, cứ như tiên đế, lúc băng hà con chưa đủ sức cáng đáng công việc triều chính thì rồi không biết điều gì sẽ xảy ra nữa. Hoàng thái hậu quay lại đỡ dành thiếu nữ:

- Con cứ về cung đi, ta sẽ sai người đến săn sóc con.

- Vâng ạ. Con xin vâng lời hoàng thái hậu.

Sở dĩ a hoàn kia phải tâu báo cái chuyện khó nói, là bởi thái hậu ra lệnh cho đám tì nữ, hằng ngày thấy có gì khác lạ khi hầu hoàng thượng phải lập tức tâu báo. Bà vốn nghiêm khắc, nên kẻ dưới cứ rằm rắp tuân lời.

Ngay trong tháng đó triều đình ban lệnh tuyển các mỹ nữ làm cung nữ cho vào ở cung Vạn Diên hầu vua.

Các quan giám thấy vua đã lớn, đã tuyển cung nữ, họ hí hửng vì đã có việc làm. Họ chia nhau ra huấn hồ các ngón nghề gợi dục và kích dục cho các cung nữ để

họ hầu hạ hoàng thượng được viên mãn. Và nếu như hoàng thượng đắm say chốn lầu son thì họ ối công việc làm ăn, tha hồ mà lĩnh thưởng, có khi còn được thăng tiến cất nhắc ra làm quan tại triều nữa. Ôi, từ khi có mười hai người đẹp vào cung, các quan giám cứ lăng xăng bận mãi chạy ra chạy vào, tựa như một lũ khi nháy nhót trước một bãi ngô chín vàng mà chúng vừa tinh cờ phát hiện ra.

Lại bên hoá đầu phụng ngự cũng đang kê cứu thực đơn sao cho vừa bổ béo vừa lợi chân dương, để việc phòng the của nhà vua được sung mãn.

Vua Càn Đức như một con dê non vừa lớn, vừa đến độ phát dục, lại được người ta chăm sóc nuôi vỗ cho vượng chân dương, và có cả hàng đàn cũng nữ xinh đẹp, được dạy đủ các ngón nghề hầu hạ nhà vua trong chốn phòng the, để mỗi lần giao hoan là một lần cực khoái. Cái thế giới thần tiên ấy khiến con người luôn khát thèm và không có ngoại lệ.

Chính sự phong tình một cách thái quá từ thuở mới phát dục khiến chân âm của nhà vua mau hao tổn, lại rất khó cho việc sinh con, nó trái với sự mong đợi của bà thái hậu Ý Lan muốn nhà vua sớm sinh hoàng nam để có người nối dõi.

Lại nói việc biên sự, sau hội nghị Vĩnh Bình thất bại, Đào Tông Nguyên làm căng bó vể. Lý Thường Kiệt gây sức ép bằng cách sai Dương Văn Thọ, châu mục

châu Thượng Nguyên đem quân đánh Nùng Trí Hội ở châu Quy Hoá. Nùng Trí Hội thua chạy vào Hữu giang làm rung động đến cả Biện Kinh.

Tống Thần tông sai phải đề phòng nhưng không được đề người Giao Chỉ ngờ. Lại sai Hùng Bản cùng viên biên quan là Thành Trạc nên nhóm họp đề thương nghị với người Giao, chớ để việc nhỏ chốn biên cương trở thành rắc rối khó gỡ. Ý tứ này Tống Thần tông đã dụ báo các biên quan nhiều lần.

Bên Tống ngờ lời, thế là hội nghị Vĩnh Bình lần thứ hai lại nhóm họp. Lần này phái bộ Đại Việt do Lê Văn Thịnh dẫn đầu làm chánh sứ đoàn, Nguyễn Bồi làm phó sứ đoàn.

Bên Tống do Miêu Thì Trung vừa được bổ coi Quế Châu thay Hùng Bản, vẫn cử Thành Trạc thương nghị với ta.

Hai bên tranh cãi rất căng. Lê Văn Thịnh quyết đòi hai động Vật Dương, Vật Ác phải trả lại bên ta, vì nó là đất của Quảng Nguyên.

Thành Trạc bèn bác:

- Động Vật Dương là đất Nùng Trí Hội đã dâng Tống và nộp Tống vào năm Giáp Thìn (1064). Còn động Vật Ác lại là đất của Nùng Tông Đán đã dâng Tống và nộp từ năm Đinh Dậu (1057). Hai động đó đã thuộc về đất nhà Tống từ trước khi có cuộc bất hoà xảy ra giữa hai nước Tống - Việt vào các năm Bính Ngọ (1076) và

Đinh Ty (1077). Vậy tại sao nhà Tống lại phải đem đất đai của mình trả cho Giao Chi. Còn những phần đất quân Tống chiếm giữ trong chiến tranh, nay thiên tử đã ban hết cho Giao Chi rồi, các ông còn đòi đất nào nữa.

Lê Văn Thịnh bình tĩnh trả lời Thành Trạc:

- Các ông nên biết đất thì phải có chủ. Hai động Vật Dương, Vật Ác trước vốn thuộc châu Quảng Nguyên trao cho hai viên đầu mục Nùng Tông Đán và Nùng Trí Hội coi giữ. Chúng tự ý đem nộp rồi trốn đi, thì đất ấy thành vật ăn trộm của chủ. Sự chủ trao cho coi giữ mà tự lấy trộm đã không thể tha thứ được, mà trộm của hay tàng trữ của ăn trộm thì pháp luật nước nào cũng không cho phép. Huống chi nay chúng lại đem đất trộm mà dâng lên, để làm đơ bản sổ sách nhà đại Tống sao?

Hai bên tranh biện kịch liệt, có lúc tưởng như sắp rơi vào tan vỡ như lần trước mà Đào Tông Nguyên đã bỏ về. Lần này phía Tống cố níu giữ đoàn ta để còn chờ chiếu dụ của Tống Thần tông, bởi đường từ Vinh Bình tới Biện Kinh phải đi tới một tháng.

Lê Văn Thịnh lại viết thư tâu lên vua Tống gửi qua Hùng Bản đệ về Biện Kinh. Trong thư, Lê Văn Thịnh đã dùng lời lẽ hết sức ôn nhu, nhưng vẫn giữ nguyên tắc hai động Vật Dương, Vật Ác là đất của ta. Thư có đoạn nói: "... Thành Trạc nói sẽ vạch địa giới ở phía nam mười tám xứ... và nói những xứ ấy đều thuộc Trung Quốc. Bồi thần tiêu tử này chỉ biết nghe mệnh, không

dám cãi lại. Nhưng quá thực những đất ấy mà họ Nùng đã nộp, đều thuộc đất Quảng Nguyên cả.

Nay may gặp Thánh triều ban bố hàng vạn chính lệnh khoan hồng. Sao lại chuộng miếng đất đầy sỏi đá, lam chướng này, mà không cho lại nước tôi, để giúp kẻ ngoại thần...”

Xem qua xét lại các bản tấu của các biên thân, lại cả thư của Lê Văn Thịnh, vua Tống cân nhắc rồi phê rằng: “An Nam đã bằng lòng thì hãy đem đất sáu huyện Bảo Lạc, Luyện, Miêu, Đinh, Phòng, Cạn và hai động Túc, Tang ở ngoài ải Khẩu Nhạc giao cho Giao Chi thủ lĩnh... Còn như bọn Lê Văn Thịnh thì ban vài vốc để may áo: Cho Lê Văn Thịnh hai trăm tấm, Nguyễn Bồi một trăm tấm”. Lại cảm vì tính khiêm tốn tự xưng là bồi thân¹, Tống Thần tông ban cho Lê Văn Thịnh chức “Long đồ các đãi chế”.

Cuộc tranh luận, phải nói là cuộc hùng biện của Lê Văn Thịnh đã đem thắng lợi từ trên bàn thương thảo trở về. Lê Văn Thịnh được vua khen, tiếng tăm nổi khắp triều đình.

Tuy nhiên, Lý Thường Kiệt chưa thoả mãn, ông nói:

- Vẫn còn hai động Vật Dương, Vật Ác phải đòi kỳ được, nếu người Tống không chịu trả, tôi sẽ đem quân

¹ Bồi thân: Ở đây Lê Văn Thịnh nói nhưn. tức tự coi mình như bầy tôi của cả hai vua Lý và Tống.

lấy lại. Nhà Tống thế cùng lực kiệt lại còn lên mặt làm già với ta nữa sao. Đây là cơ hội ngàn năm có một, bỏ qua rồi sẽ hối đó.

Lời nói của Lý Thường Kiệt khiến nhiều người lo sợ rồi sẽ có chuyện biên hấn.

Vua Càn Đức cũng đã lớn, đã nhận biết được công việc và đang từng bước điều hành triều chính. Bữa nọ nhà vua vừa nói với bà Ý Lan lại có cả Lê Văn Thịnh cùng dự:

- Mẫu hậu, con thấy việc biên thùi thế là tạm ổn. Chỉ còn hai động Vật Dương, Vật Ác sẽ thương nghị đòi lại sau, không nên đem quân lên biên thuỳ làm gì nữa. Việc tranh chiến thế là đủ rồi.

- Con nghĩ vậy thật sao? - Bà Ý Lan hỏi lại. Rồi bà tự trả lời: - Sự thật ta vừa ngấy vừa sợ chiến tranh lắm rồi. Bên ta thắng mà sao ta cũng thấy nhiều goá phụ lắm. Ta là một bà vua goá mà còn thấy khổ, vậy những người goá phụ nơi thôn ấp họ khổ biết chừng nào. Lại còn biết bao đứa trẻ không cha, liệu chúng có được nuôi dạy trở thành người tử tế. Ta nghe nói bên Tống tới mấy chục vạn người chết, nỗi thương đau của họ còn lớn gấp mấy lần mình. Nếu dứt được chuyện binh đao thì thật là phúc lớn.

Bà quay hỏi Lê Văn Thịnh:

- Ý hoàng thượng như vậy, ta cũng cho là phải, theo ông nên như thế nào.

- Tâu, ý của hoàng thái hậu và hoàng thượng cũng chính là ý dân lúc này. Đúng là không có dân thì ta sao thắng nổi giặc. Cứ nhìn cái ải luỹ tại nam ngạn sông Như Nguyệt lừng lững như một dãy núi dài mấy trăm dặm, kéo suốt từ ngã ba sông Cà Lồ về tận Vạn Xuân mới thấy được sức dân đổ vào đấy nhiều như nước. Nay dứt tuyệt chiến tranh đi để cho dân lại sức, khôi phục lại các ngành nghề đi vào sản xuất lâu dài, ổn định đời sống cho người dân, ấy là thượng sách.

- Nhưng quân quyền vẫn còn nằm trong tay ông ấy, tướng hiệu triều đình ban cho ông ấy vẫn còn giá trị thì làm sao mà ngăn được ông ấy đem quân đi đây đi đó. – Bà Ý Lan than vãn.

Hai mẹ con nhà vua dẫn do suy nghĩ, giầy lát vua Càn Đức hỏi Lê Văn Thịnh:

- Vậy chớ có cách nào bảo được ông Thái tể không, ông sư phó.

Lê Văn Thịnh thấy nhà vua hỏi một việc thật ra là đơn giản, nhưng với ông lại rất khó xử. Ông nói:

- Tâu hoàng thượng, việc ấy không khó, nhưng quan Thái tể đang là trụ cột của triều đình, công lao vào hàng đệ nhất. Nếu quan thái tể còn nắm việc quân thì phía bắc người Tống, phía nam người Chiêm đều phải sợ oai mà không dám quấy nhiễu biên cương. Nếu có đưa quan thái tể giữ cương vị khác xin bệ hạ hãy cân nhắc cho thật kỹ. Và lại các việc quan thái tể làm đều

vì lợi quyền của dân nước chứ chứ ngài có mưu lợi cho riêng mình đâu.

Chợt nảy ra một ý, bà Ý Lan liền nói:

- Giả dụ ta đưa ông ấy đi trấn trị mấy châu nào đấy nhưng phẩm hàm chức tước không thay đổi, liệu có được không.

- Tâu, cái đó là quyền ở hoàng thái hậu và hoàng thượng.

- Đành rằng thế, nhưng ta muốn hỏi ông nếu ta xử như vậy liệu có thuận không? Lý Thường Kiệt có kháng mệnh ta không?

- Tâu, như chỗ thần được biết thì quan thái tử là người rất mực trung chính, nếu hoàng thái hậu giao phó công việc mà ông không yêu thích, khiến ông phải chuyển từ sở trường sang sở đoản, ông vẫn vui vẻ nhận mệnh. Vậy chớ hoàng thái hậu định chuyển quan ông đi coi châu nào?

- Thật ra việc này ta cũng rất phân vân. Ông ấy là thiên tử nghĩa đệ của thượng hoàng, lại được đức Thái tông yêu mà ban quốc tính từ khi mới vào châu. Suốt một đời tận tụy binh bác dẹp nam, hiểm nguy không chùn bước. Công tích ấy tưởng có thăng thưởng đến mức nào cũng chưa xứng đáng. Thế mà bỗng nhiên lại đẩy ông ra khỏi Thăng Long để đi coi một châu nào đó, khác gì sai đại tướng đem đại đao đi giết ruồi. Ta cảm như là một sự nhẫn tâm.

Nhà vua:

- Ở kia mầu hậu, đây không phải là sự bạc đãi mà chỉ để cách ly ông ấy cho việc biên sự đỡ căng thẳng thôi. Mầu hậu chẳng nhớ trước đây Tống Thần tông còn đòi ta phải đưa những người gây sự ở ba châu Ung, Khâm, Liêm ra xử thì mới bàn đến chuyện trả đất cho ta sao. Việc ấy chẳng có nghĩa nhà Tống đòi xử quan thái tử của ta như là một tội nhân chiến tranh sao. Nay nếu ta điều ông đi coi một châu nào đó, hẳn nhà Tống xem như ta đã nể mặt họ. Vì vậy việc đòi hai động Vật Dương, Vật Ác bằng con đường thương nghị chẳng thuận hơn sao. Như thế việc bắc thù lo gì không yên ôn.

Thấy nhà vua nói có lý, bà Ý Lan tỏ vẻ hài lòng:

- Hoàng nhi, ta không ngờ con sớm trưởng thành đến thế. Vậy quan sư phó thử nghĩ giùm ta xem để ông thái tử coi châu nào thì thuận hơn.

- Tâu, nếu hoàng thái hậu và hoàng thượng đã quyết, thần xin thử xướng xuất một ý mọn xem sao. Trước hết phải để quan thái tử ở một nơi nào đó, nếu bắc thù hoặc nam thù có biến thì việc triệu ông về không xa quá, vì rằng muốn nói gì thì nói, vạn nhất nếu có chuyện gì xảy ra, trong nước hiện nay chưa tướng nào có thể thay thế được ông. Vả lại cái uy của ông khiến phía bắc thì người Tống phải nể, phía nam thì người Chiêm phải sợ. Vì vậy mời ông về coi châu Thanh Hoá là hợp hơn cả. Thanh Hoá sẽ là trung lộ đối với cả

bắc thủy và nam thủy.

Khi ông đã trị nhậm ở nơi mới, nên chọn một người có vũ uy coi quân cấm vệ để bảo vệ cung cấm, coi sóc kinh thành.

- Ông sứ phó nói có lý, vậy mẫu hậu nên ra phán quyết trong phiên châu sớm nhất.

- Được! - Bà thái hậu Ý Lan đáp.

Việc điều động này cũng có ý ngầm là điệu hổ ly sơn của mẹ con nhà vua, khiến Lê Văn Thịnh cũng thấy gờn gợn. Và ông thầm nghĩ đến thân phận của các đại công thần thường phải trả giá, tựa như sau cuộc đi săn, đã bắt được con mồi rồi thì người ta thịt luôn cả chó săn. Ngẫm nghĩ giây lát, Lê Văn Thịnh xin nói:

- Tâu hoàng thái hậu, tâu bệ hạ, kết thúc cuộc hội nghị Vinh Bình, vua Tống có ban cho thần hai trăm tấm gấm, phó sứ Nguyễn Bồi một trăm tấm, lữ thần xin được nộp vào công khố. Vậy xin thái hậu và bệ hạ ân chuẩn.

- Vua Tống đã ban cho các ông thì các ông cứ dùng. - Bà thái hậu đáp.

- Tâu, đây là Tống Thần tông ban cho sứ giả Đại Việt chứ vua Tống có biết Lê Văn Thịnh và Nguyễn Bồi là ai. Cho nên theo ý thần, bệ hạ cứ cho phép nhập vào quốc khố rồi tùy theo công sức của mỗi người, bệ hạ ban cho một hai tấm là đủ. Số còn lại có thể bệ hạ ban cho các quan mỗi người một tấm áo để tỏ rằng người Tống

đánh ta không những phải trắng tay rút về, lại còn ban thêm đất, ban thêm vải vóc. Mỗi đại thần được mặc một chiếc áo, coi như là niềm tự hào về chiến thắng của Đại Việt, mà chiếc áo là biểu tượng của chiến thắng đó.

- Ông sư phó giỏi quá. Vừa không tham, vừa biến được một vật tầm thường trở thành một biểu trưng của công tích. Thế mà có người đi sứ về được người ta tặng biểu lại giấu giấu giếm giếm, khi có người vạch ra, tố giác ra, thì lại trả lời một cách trắng trợn rằng: "Nó cho tôi thì tôi lấy chứ", có biết đâu rằng, anh không mang cái danh nghĩa của Đại Việt được triều đình cử đi, thì người ta biết anh là thằng cha cặng chú kiết nào. Nhân việc quan binh bộ thị lang đi thương thảo được quà biểu tặng về nộp lại quốc khố, vua ban chiếu, việc đó từ nay trở thành luật lệ, không ai được phép coi những quà biểu đó là của riêng mình. Tuy nhiên những vật nhỏ mang tính lưu niệm như một vài cây bút lông, dăm phiến mực, hoặc tặng nhau đôi ba bài thơ, một hai bức tranh đều được quyền giữ lại cho riêng mình.

Sau đó vài hôm, trong buổi thiết triều, hoàng thái hậu tuyên chiếu sai Lý Thường Kiệt ra coi châu Thanh Hoá, các chức tước không có gì thay đổi. Về quyền lợi thì ban thêm một quận Thanh Hoá thuộc Ái Châu làm phong ấp. Bà chỉ nói cái cơ điều ông đi trấn Thanh Hoá là để nhà Tống khỏi lo sợ mà điều quân đến biên ải, hai bên đối lưỵ lại lâm vào tình trạng căng thẳng. Các quan

đều cho đó là một cao ý của hoàng thái hậu và hoàng thượng.

Lý Thường Kiệt vui vẻ nhận mệnh. Ba ngày sau ông dời khỏi Thăng Long, tự mình trao lại ấn thái sư. Còn ấn thống soái đô tổng quản ông tạm đem theo, không phải ông tham quyền cố vị mà thực lòng lo cho nước. Ông nói vài lời sau khi nhận mệnh:

- Tôi chỉ ân hận còn hai đẻo đất cuối cùng là hai động Vật Dương, Vật Ác vẫn chưa đòi lại được, dù nó chỉ là những mảnh đất cằn đầy sỏi đá. Nhưng như nhời dạy của các tiên đế: “Một tác đất một thước sông đều đã thấm máu tổ tiên mới có được, không được phép để lọt vào tay quân thù”. Còn như vừa rồi, Tống Thần tông ban chiếu cho ta sáu huyện ba động và thêm hai động Túc, động Tang đều là đất của ta, hiện ta đang quản thủ. Cái bọn giảo quyệt này ra vẻ hào phóng, nó cho ta cái không phải của nó. Tôi nói thật, binh ta thừa sức lấy lại hai động đó mà nhà Tống chỉ có trơ mắt ếch ra mà nhìn thôi chứ có nỡ kẻo quân Tống cũng không dám bước qua biên ải nữa. Nó đã kéo binh hùng tướng mạnh sang đánh ta, chỉ còn cách có một dải sông hẹp với mấy chục dặm nữa là vào tới Thăng Long, thế mà phải bị chết tới sáu bảy phần mười rồi lủi thủi quay về. Chẳng phải nó nể nang gì ta đâu, chẳng qua chỉ là sức của con ếch ương, phồng to cái bụng đầy hơi ra về ta là lực sĩ đây, chứ có làm nên trò trống gì. Tôi chỉ tiếc rồi

dây ta sẽ phải hối vì đã bỏ qua một cơ hội. Mà cơ hội ấy không bao giờ có được nữa đâu.

Vào Thanh Hoá, Lý Thường Kiệt bắt tay ngay vào việc xem xét dân tình từ đồng bằng tới miền núi non hiểm trở, tới tận nơi mà ngày xưa từ thời Lê Đại Hành dân chúng thường nổi dậy chống lại quan quân mà sử thường gọi là “đi dẹp giặc Cự Long⁽¹⁾”. Tới đâu ông cũng cho vẽ bản đồ, kiểm kê số dân, xem họ có những nghề gì sinh sống, hằng năm có đủ ăn, có bị thiếu đói vào các kỳ giáp hạt. Rồi nơi nào bị hạn hán, úng lụt, núi chằm, bờ biển chỗ nào sạt lở. Lại kiểm tra sổ sách chi tiêu của các quan tiền nhiệm. Và xem số liệu gạo hiện tồn trong kho và tiền bạc của châu còn được bao nhiêu. Cuối cùng ông kiểm điểm số quân trong châu, cho họ diễn tập để đo lường sức quân.

Việc đầu tiên của ông là giảm số quân xuống chỉ còn một nửa, nhưng huấn dạy cho số quân còn lại trở nên tinh nhuệ. Việc thứ hai là giảm tô thuế cho những vùng khó khăn. Việc thứ ba là khơi sông, đào ngòi tránh việc hạn hoặc ngập úng. Việc thứ tư là khuyến khích nhà nhà khai hoang vỡ hoá, miễn tô thuế từ năm đến bảy năm và cho làm chủ luôn đất ấy. Việc thứ năm là xem xét các nơi đền chùa thờ tự, nơi nào cũ nát tồi tàn thì nhà nước cho một phần tiền, phần còn lại hô hào

¹ Cự Long đất thuộc huyện Cẩm Thủy ngày nay do người dân tộc Thái cư trú. Số dĩ họ chống lại vì chế độ bức bách hà khắc của quan quân.

các nhà hảo tâm đóng góp. Với các chính sách mới, chỉ trong ba năm ông coi châu Thanh Hoá, mọi sự đã khác hẳn. Nạn đói không còn. Nạn trộm cướp mất hẳn. Dân chúng an cư lạc nghiệp đúng là thiên hạ thái bình. Lý Thường Kiệt vui vì đi tới đâu cũng thấy sắc mặt người dân tươi tỉnh, họ có vẻ thân thiện với ông chứ không xa lánh, sợ hãi. Họ thường vào dinh để biếu ông những bó chè xanh hái cả những cành nhỏ bó thành từng bó như người Thăng Long bó những mớ rau muống. Có nhà rở lạc, hoặc rở khoai môn, khoai sọ cũng đem đến biếu ông một nồi luộc, thân tình như một thứ nghĩa xóm giềng. Nhưng ông cũng chỉ cho phép sự biếu tặng thân tình nho nhỏ thế thôi. Tết nhất, ông cấm ngặt dân xa gần không được đem đồ biếu tặng đến. Vì vậy dân vừa mến cái đức của ông vừa trọng tình thương của ông giành cho dân như cha mẹ thương con vậy. Với ông quả xứng đáng là bậc phụ mẫu chi dân.

Do ông cần cù, liêm khiết và ái dân, nên các quan cấp dưới quyền ông cũng dần dần đi vào cương kỷ, nạn tham nhũng, hà lạm cứ bớt dần, người dân ngày càng thấy dễ thở hơn.

Thấy biên thủy nam bắc đã yên, nhà Tống ngày càng suy yếu, ông đem ấn đô thống nguyên suý về triều trả lại nhà vua.

Vua Càn Đức đã lớn, mọi việc triều chính tự ngài điều hành. Hoàng thái hậu Ý Lan bây giờ không tham

dự triều chính mà dành trọn thì giờ cho việc tu tập và tìm hiểu về nội điển¹. Tuy nhiên, trong khi vân du đây đó, thấy việc gì cần làm lợi cho dân, bà đều nhắc nhà vua phải làm.

Tháng chín năm Quý Hợi (1083), tức một năm sau khi cử Lý Thường Kiệt vào coi châu Thanh Hoá, có tin báo về, chúa động Ma Sa² làm phản, kéo quân đi cướp phá nhiều nơi khiến dân tình bất an. Vua Càn Đức tự đem quân đi đánh dẹp. Bắt được chúa động đó giáo hoá rồi cho về, từ đó Ma Sa trở nên yên trị.

Việc học của nhà vua như vậy đã tạm đủ. Từ nay nhà vua tự đọc sách, chỗ nào chưa hiểu rõ thì ghi lại, hằng tháng cứ đến ngày sóc thì Lê Văn Thịnh cùng một số người thông bác được chỉ định trước đến toà Kinh Diên để hầu giảng nhà vua. Những cuộc vua tôi gặp gỡ như vậy vừa là bàn luận về kinh điển, vừa là bàn bạc về thời cuộc. Đôi khi các việc lớn quốc gia cũng đem ra đàm đạo, vua tôi thật là tâm đắc.

Tình hình trong nước có thể nói là yên trị. Biên cương phía bắc, nhà Tống cho quân lui sâu vào nội địa, các trại Vĩnh Bình, Thái Bình, Thiên Long, Cổ Vạn gần sát biên thủy, trước người Tống thường cho quân đóng tại đó, nay cũng bỏ trống. Vua Tống từ sau khi đem hết

1 Các sa môn gọi các kinh sách về nhà Phật là nội điển. Với các tôn giáo khác gọi là ngoại điển.

2 Vùng Mai Đà. Hoà Bình ngày nay.

nỗ lực ra xâm lăng Đại Việt thất bại, nay lại hết sức võ về. Có thể nói là thoả mãn đầy đủ các yêu sách của phía Đại Việt. Ngày trước văn thư của biên quan ta gửi cho biên quan nhà Tống phải có dấu của nhà vua thì phía Tống mới nhận. Nay lệ đó đã bãi bỏ. Biên quan hai nước trao đổi ngang hàng. Hoặc sứ ta qua đưa cống vật hàng năm đều phải nằm chờ ở Bằng Tường đợi tàu về Biện Kinh cho phép mới được vào. Nay lệ đó cũng đã bãi bỏ. Theo tuế cống thường niên, sứ bộ quá cảnh được các biên quan nhà Tống tiếp rước rất long trọng, không những thế còn cử người hộ tống sứ đoàn để dọc đường có ngăn trở gì thì kịp thời giải quyết. Có thể nói chưa bao giờ việc bang giao hai nước lại trở nên thân thiện hữu hảo như thế.

Thái phó Lý Đạo Thành mất, chân đó vẫn để khuyết. Lý Thường Kiệt ra coi Thanh Hoá kể đã hai năm, chức thái sư cũng bỏ trống. Vua Càn Đức thấy cần phải có một vị Thái sư để đứng đầu nội các coi sóc công việc điều hành nền đại chính trong nước, cứ như hiện nay công việc đều đọng lại ở trung thư sảnh rồi đệ trình thẳng lên nhà vua xét không xuể.

Vua bèn nghĩ đến Lê Văn Thịnh. Thịnh là người thông bác, lại giỏi việc bang giao, có khiếu năng về việc binh đã được Lý Thường Kiệt vời làm binh bộ thị lang. Người này văn võ kiêm thông, miệng nói tay làm. Và lại cả chục năm hầu giáng nhà vua, kinh điển đều lâu

thông, hỏi chỗ nào cũng giảng giải đến rốt ráo.

Nghĩ vậy, nhà vua bèn đem theo ý đó hỏi lại hoàng thái hậu tới hai ba lần.

Bà Ý Lan sau nhiều lần cân nhắc liền nói:

- Người này về học thức thì khỏi bàn. Những khiếu năng của ông ta đã bộc lộ thì đúng như con nói. Chỉ có điều con nên xem trong từng ấy năm làm sư phó hầu giảng, con có hợp với ông ta không. Nếu vua tôi hoà hợp mà ông ta lại là người trung tín thì còn chờ gì mà không trao công việc vào tay. Nhưng ta lưu ý, con thử xem ông ta có hiểu Phật không, ta ngại đám nhà nho hay bài Phật lắm. Ở nước Tàu đời nhà Đường đã có ông Hàn Dũ là kẻ xiển Phật đến tệ hại.

- Thưa mẫu hậu, nhưng cuối đời ông ta đã sám hối, lại trở thành người sùng Phật đến thái quá. Còn sư phó, mẫu hậu khỏi lo.

- Nếu được thế thì ta yên tâm.

Thế là chức Thái sư được vua trao cho Lê Văn Thịnh.

Lê Văn Thịnh nhậm chức liền bắt tay ngay vào các việc nội chính. Ông chia công việc tại trung thư sảnh cho từng bộ phận rõ ràng. Những việc nào các cấp dưới được quyền giải quyết thì không phải trình lên thái sư nữa. Các việc quan trọng lắm ông mới xin chỉ dụ của nhà vua. Vì vậy hằng tháng ông chỉ tóm tắt các công việc đáng kể trong nước tâu lên để vua được biết, còn

việc đến tay vua chỉ thi thoảng.

Như thế, vua không phải nhúng tay vào các việc vụn vặt, nhưng tình hình trong nước vua lại nắm được kỹ hơn.

Sau khi chấn chỉnh nội các, Lê Văn Thịnh thấy có hai việc phải làm ngay. Một là tổ chức khoa thi. Hai là phải qua đường bang giao để đòi lại hai động Vật Dương, Vật Ác mà nhà Tống chưa chịu trả.

Năm ấy nhân việc Tống Thần tông băng hà, con là Triệu Hủ mười tuổi lên nối ngôi, Lê Văn Thịnh tâu vua cử sứ sang điếu tang vua cũ và mừng vua mới lên ngôi, tiện thể gửi biểu đòi lại đất hai động.

Vua Càn Đức cho là phải, sai Lê Văn Thịnh thảo biểu.

Thỉnh hoàn Vật Dương, Vật Ác nhị động biểu. (Biểu đòi hai động Vật Dương, Vật Ác): “Nước tôi có đất Vật Dương, Vật Ác gồm hai động và tám huyện, vẫn tiếp liền với phần đất tỉnh Quảng Tây. Những đất ấy trước sau đều bị bọn đầu mục thổ dân làm mất bỏ đi, đem theo về với Trung Quốc. Đất Vật Dương thì năm Bính Thìn (1076) bị sáp nhập vào đất quý tỉnh; đất Vật Ác thì năm Nhâm Tuất (1082) cũng bị sáp nhập và đặt thành ải Thông Khang.

Mặc dầu đấy chỉ là mảnh đất nhỏ, nhưng vẫn khiến lòng tôi đau xót, luôn luôn nghĩ đến cả trong giấc mộng. Quả thực tổ tiên tôi xưa kia đã phải đánh dẹp phương tiếm nghịch, xông pha gian nguy, không tiếc tính mạng mới có được đất ấy. Nay tôi phận con cháu, đã không kế tục được cơ nghiệp

cha ông thì dám dậu dự vào hàng nước phen dậu, cầu lấy cái sống tạm bợ trong chốc lát.

Năm Giáp Tý (1094) ty kinh lược Quảng Tây đã vì nước tôi mà tâu bày về triều. Tiên triều đã đem đất Túc, Tang gồm hai động và sáu huyện trả lại cho tôi chủ lĩnh. Các đất Túc, Tang ấy hiện thuộc nước tôi rồi, chẳng phải là đất mà tôi bày tỏ ở đây. Bởi vậy, tôi không dám vâng mệnh.

Nhưng gặp khi bệ hạ lên ngôi, khắp bờ cõi thấy đều đổi mới. Vậy kính cần nêu đây đủ trong tờ biểu này để quý quốc nghe biết”.

Nhà Tống lấy cơ vua mới lên ngôi nên không dám đổi pháp độ của triều trước, nên từ chối việc trao trả hai động Vật Dương, Vật Ác.

Lý Nhân tông liền sai tướng Đàm An đánh cảnh cáo vào đất Tống. Vua Tống lại đưa thư trách vua Lý và có chiếu phong “Giao Chỉ quân vương Lý Càn Đức tước Nam Bình vương”. Tuy không nổ ra đối đầu về biên quân hai nước, nhưng cuộc đấu tranh của Lý Nhân tông đòi hai động này còn kéo dài dai dẳng.

Tạm thời xếp việc biên cương lại, Lê Văn Thịnh lo mở khoa thi, chọn những người có tài năng văn học trong nước để bổ khuyết vào chỗ các quan đã hồi hưu và bổ vào các chức quan trong Hàn lâm viện. Và đây cũng là ý nguyện của Lý Đạo Thành mà đã có lần ông bàn thảo với Lê Văn Thịnh.

Cuộc thi năm ấy lấy đỗ được hơn mười người. Mạc Hiến Tích đỗ cao được bổ ngay làm Hàn lâm học sĩ.

Thế là sau mười một năm mới lại có được thêm một khoa thi nữa. Cùng với khoa thi trước, số quan cấp có chân khoa bảng, cũng tức là những người có học vấn tinh thuần vẫn còn lèo tèo lắm. Lê Văn Thịnh ý thức được rằng, chỉ khi nào nho học thịnh hành và những người có thực tài chen chân được vào bộ máy quốc gia, thì mới mong có sự canh cải đất nước. Và lại từ xưa tới nay, ai cũng biết một nước thịnh hay suy đều do bộ máy điều hành giỏi hoặc dở. Thế mà trong suốt tám chục năm qua kể từ Thái tổ khởi nghiệp đã là một vị vua sáng. Nếu so với triều trước của Lê Long Đĩnh hoặc ngược về nhà Đinh cũng là một trời một vực. Các đời vua tiếp theo như Thái tông, Thánh tông cũng đều là các bậc đại minh, đại trí vừa thương dân, vừa lo mở mang các ngành nghề để dân giàu nước mạnh. Thế nước đã vững vàng, cương thổ đã mở mang. Phía nam thì Chiêm Thành, Chân Lạp sợ uy, phía tây thì Lão Qua yên bề đều không dám quấy nhiễu chốn biên thùy mà còn tới cống. Phía bắc ta đã ra đòn sấm sét với nhà Tống rửa cái hận ngàn năm Bắc thuộc.

Tuy nhiên, xã hội dường như đang di dân tới sự trì bề. Nếu như cái thế mạnh của đạo Phật từ khi trở thành quốc giáo, nhà chùa đã làm được các việc lớn mà các đời trước không thể làm được. Ấy là khai dân trí, định dân tâm, hướng con người vào nghiệp thiện.

Thế nhưng gần đây đạo Hoàng Lão¹ có xu hướng phát triển theo chiều không lành mạnh do đám vu², hích³ từ nhà Tống chạy sang, nó đã kết hợp với phái Mật giáo ở trong nước để đi tìm kiếm những phép lạ, những ma thuật đẩy con người vào chỗ u mê tăm tối, thật khác xa với thứ ban đầu là giúp con người từ bỏ tham, sân, si lấy từ ái làm đạo đức giác ngộ để đi vào giải thoát. Mà lạ, các bậc tu hành theo Tịnh độ tông hoặc Thiền tông cũng không thiếu người đi tìm cái thế lực của một thứ đạo giáo đã suy đồi.

Hoàng thái hậu vì có dính líu đến tội ác, nay một lòng sám hối, nên ai bảo làm thế nào cũng làm theo khiến trở thành người chuộng sự mê tín đã đành. Đến như hoàng thượng đã được ta hầu giảng, ta nói rất rõ về quan niệm thần linh của Khổng Tử, rằng ông chỉ bàn đến việc của người chứ ông không bàn đến việc của quỷ thần. Vì rằng chuyện của con người còn chưa hiểu biết được thấu đáo, thế thì hiểu làm sao được chuyện của quỷ thần mà bàn kia chứ. Ấy thế mà hoàng thượng

1 Hoàng Đế và Lão Tử là hai vị tổ của đạo giáo nên gọi là đạo Hoàng Lão. Còn một cỡ nữa ở nước ta thời đó các đạo sĩ theo đạo Lão thường đội khăn vàng, nên dân gian gọi họ là những người theo đạo Hoàng Lão.

2 Vu là những người đàn ông làm nghề bói toán đồng bóng.

3 Hích là những người đàn bà làm nghề bói toán đồng bóng. Đám người này du nhập từ Trung Quốc sang và truyền bá cho một số người bản xứ với các thuật lừa mị như đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm người nhà, miêng phun ra lửa, dùng dùi nung đỏ xiên vào hai bên má hoặc hai chân xỏ vào hai lưỡi cây nung đỏ đi như người mang guốc vậy. Tất cả các ngón nghề đó chỉ là ma thuật có thể bóc trần nó một cách dễ dàng.

cũng lại tin vào những điều kỳ quặc, ham nghe chuyện về pháp thuật ma quỷ. Hay tin vào những điềm triệu, khiến thiên hạ đua nhau mà tiến vua những thứ quái đản. Nào là rùa năm sắc, cây cau một gốc chín ngọn, một gốc mười một ngọn, nào là voi trắng, hổ trắng có cựa, chim phượng chín mắt, sắc lông ngũ sắc... Thế nhưng các quan lại a dua suy tẩn tới mức không còn liêm sỉ, và đua nhau tìm những thứ dị biệt tựa như những quái thai dâng vua để lấy thưởng. Bởi cái gì nhà vua đã ưa thích, chắc rồi cả nước sẽ đua nhau mà theo. Cứ cái đà này, có nhẽ đến ta rồi cũng phải tìm cái vật gì lạ hoặc cái trò gì lạ để tiến vua kéo lại mang tiếng là kẻ hờ hững.

Gần đây thấy nói nhà sư Khô Đầu có phép lạ, thế là vua phong làm quốc sư, lại còn định trao cho quyền cùng tế tướng xét đoán công việc, kể cả các vụ kiện khó xử mà bên đô hộ phủ sĩ sư đệ lên. May mà các quan xúm vào can, nếu không thì còn ra thế thống gì nữa. Tuy không trao quyền dự quyết, nhưng sư Khô Đầu cũng được dự bàn các việc lớn quốc gia.

Có một điều mà Lê Văn Thịnh thấy rất khó nói là nhiều chùa chiền số ruộng quá lớn, kho khố vật chẳng kém gì kho của nhà nước, lại số điền nô phải làm việc quần quật cho nhà chùa cũng không ít. Nếu quyền lợi của giáo hội và quyền lợi của các nhà chùa cứ mãi gia tăng thì số người xuất gia sẽ ngày một nhiều thêm, sức sản xuất của xã hội ắt hẳn suy giảm.

Lê Văn Thịnh đang định soạn một đạo luật để phân chia chùa làm ba loại: đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Trong đó quy ước mỗi loại được chiếm hữu ruộng đất và điền nô đến hạn mức nào. Tiểu danh lam thuộc về các chùa làng không được phép có điền nô. Những chùa này ở sát dân, có công việc dân trong làng sẽ ra làm công quả giúp.

Tới nay, cả nước đâu đâu cũng có chùa, có khi một làng có tới hai chùa, chùa nào cũng có sư, có tiểu. Vì vậy, nhà nước phải hạn bớt việc cấp độ điệp cho người xuất gia. Tuy nhiên Thái sư mới chỉ dám công bố để liệt hạng chứ chưa dám đưa ra phần hạn chế chiếm hữu đất đai, tài sản và điền nô.

Lê Văn Thịnh chưa dám ngỏ lời với nhà vua, vì rằng vua mới cầm quyền, muốn tự khẳng định mình để ra oai. Và lại tuổi trẻ vừa cương nghị, vừa hiếu thắng lại ở ngôi chúa tể dễ gì vua đã chịu nghe ta.

Bản khoản mãi Lê Văn Thịnh tìm đến Sĩ Thoại để nói ra cái ý mình muốn làm.

Suy nghĩ giây lâu, Sĩ Thoại đáp:

- Việc Lê huynh định làm là việc cực lớn. Nếu được vậy sẽ thúc đẩy sự tiến bộ xã hội rất nhanh. Nhưng huynh hãy thận trọng. Bởi đụng chạm đến quyền lợi của một tông giáo lớn được tôn vinh làm quốc giáo là việc khó đấy, có khi thân bại danh liệt đấy. Huynh nên nhớ nhà Lý gốc ở Phật mà ra. Từ Thái tổ, Thái tông, Thánh tông tuy các ngài không xuống tóc xuất gia,

nhưng hành xử thật chẳng khác một thiên sư. Nếu ý của huynh được chấp nhận thì xã hội sẽ trọng nho hơn và dần dần nho giáo giữ vai trò thống trị xã hội. Huynh thử nghĩ xem, liệu các vị đại lão thiên sư có chấp nhận không, giáo hội Phật giáo có chấp nhận không. Ngay nhà vua và hoàng thái hậu cũng không chấp nhận bởi cả hai người đều sùng đạo. Ngừng một lát, Sĩ Thoại lại tiếp: Suy cho cùng thì đạo cũng như đời thôi, một khi quyền và lợi đã ở trong tay không bao giờ chịu để tuột khỏi tay mình đâu. Huynh nên nhớ, các biến pháp của Vương An Thạch chẳng là một đại mưu để đưa nước Tống trở nên hùng cường sao, ông lại được Tống Thần tông là một vị vua trẻ ham canh cải, có thể nói vua tôi nắm tay nhau cùng tiến, tưởng như sẽ đạt được thành tựu lớn lắm vì còn ai dám cản trở nữa. Thế mà rồi sập đổ tan tành, Vương An Thạch hai lần được vua vời, mỗi lần trụ được không quá một năm.

Sự thật vua và Vương An Thạch tưởng là mạnh, thế nhưng cựu phái mạnh hơn, và cùng với cựu phái còn có bà Cao Thái hậu cũng rất ghét sự canh cải, huynh phải biến được ý của huynh thành chủ trương của hoàng thượng, còn huynh chỉ làm các việc do hoàng thượng sai bảo. May ra huynh mới thực hiện được ý đồ. Huynh nên nhớ, nếu việc này huynh tự ý áp đặt, sẽ là một cuộc tranh đấu quyết liệt tới mức một mất một còn đấy.

Lê Văn Thịnh thở dài:

- Đến cả huynh cũng không đồng tình với ta nữa,

thử hỏi còn ai hiểu ta.

Nguyễn Sĩ Thoại đang hai tay vẻ buồn bã:

- Huynh hiểu sai ta rồi. Ta vì huynh mà phân giải cho cạn nhẽ, để huynh thử biện giải xem cái thời nó đã đến chưa. Huynh là người thông kim bác vật, huynh thừa biết nếu thời vận đã qua hoặc chưa tới, thì mọi sự xoay chuyển chỉ đề mà chuyển xoay thôi, chớ làm sao mà di tới đích được.

- Ta có thể bàn điều này với hoàng thái hậu được không? – Lê Văn Thịnh hỏi - Nếu bà ấy đồng tình việc chắc thành.

- Huynh nhầm rồi, Sĩ Thoại đáp. – Đó là một việc nguy hiểm, huynh chớ có hé răng bàn việc này với bà thái hậu. Và chớ đánh giá sai bà ấy. Thái sư Lý Đạo Thành đức trùm thiên hạ, tay cầm đại chính khó ai bì kịp, chỉ vì trái ý, cất luôn chức Tể tướng cho đi coi châu Nghệ An. Thái tử Lý Thường Kiệt oai phong lẫm liệt đánh đâu thắng đó, mưu lược như thần, chỉ vì bà ngại quyền lực trong tay ông có nguy cơ chiến tranh hoặc có thể khuyh đảo bà, thế là lại cất luôn chức Tể tướng cho ra coi châu Thanh Hoá. Đành rằng việc cư xử với Lý Thường Kiệt có nơi tay hơn. Và ngôi Tể tướng để trống tới mấy năm rồi mới trao cho huynh, mặc dù hoàng thượng đã mấy lần nài ní trao cho huynh chức này.

Sau buổi trò chuyện với Sĩ Thoại, Lê Văn Thịnh thấy những lời huynh ấy nói quả cũng có lý. Nhưng chẳng lẽ nhà vua sắp đặt ta vào ngôi vị đầu triều mà

không giúp ngài canh cải được gì sao. Chẳng lẽ tất cả việc lớn trong thiên hạ đều do ý muốn của một bà vua không ngài (tró thái hậu Ý Lan) sao. Quyền hành nay đã thuộc về nhà vua, vả lại hoàng thượng cũng là một người mẫn nhuệ lắm. Để rồi ta thử dò thăm xem ngài có cái chí canh cải đất nước.

Tự nhiên tin bay về triều, thiên sư Quảng Trí viên tịch trên am nhỏ núi Không Lộ.

Nhà vua phái vị Hữu nhai tể tướng về viếng. Bà thái hậu Ý Lan cũng lên kiệu về tận nơi, trước là viếng, sau là tạ sự. Vì chính thiên sư là người đã khai ngộ cho bà làm lễ Vu lan sám hối nhân kỳ giải hạ của cả ngàn sư tăng. Nhờ có sự thành tâm cầu khẩn của cả một lớp kiết hạ có nhiều bậc đạo cao đức trọng cùng với lòng thành sám hối của bà, nên đã giải được ác nghiệp. Bà coi sư như là bậc đã sinh thành ra bà lần thứ hai. Vì thế, bà sai phải lập trai đàn cực lớn làm lễ cầu siêu cho sư.

Thượng thư công bộ Đoàn Văn Khâm là bạn giao tình với thiên sư cũng lên tận núi Không Lộ, ông khóc lóc thảm thiết và có làm bài thơ vĩnh biệt, ý tứ thật là sâu sắc:

*Lánh chợ vào rừng tóc bạc phơ,
Non cao rữ áo ngát hương thừa.
Trùm dếp những muốn hầu bên chiếu,
Treo giáp đà nghe khép cửa chùa.
Trăng dọi sân trai, chim khắc khối
Tháp không bia chữ, mộ thờ ơ.*

*Bạn thiên thời cũng đừng thương xót,
Non nước ngoài am, đó đáng xua¹.*

Quảng Trí là bậc đạo cao đức trọng, sư viên tịch làm cho rừng thiền như quang vợi.

Lê Văn Thịnh là người trọng nho, nhưng không bài Phật, trái lại ông rất chuộng các học thuyết nguyên thủy của Phật. Bởi nó lấy bình đẳng, bác ái làm cái đích để quy tụ dân chúng, trong nó không có nhân tố tư hữu, dị đoan và huyền hoặc. Nhưng bây giờ người ta đã làm cho nó khác đi nhiều so với giáo lý uyên nguyên của đức Cồ Đàm². Bằng cứ là các chùa đua nhau chiếm hữu ruộng đất. Có chùa chiếm tới mấy trăm mẫu ruộng tốt với cả trăm điền nô, lại có cả kho khố vật nữa. Chùa như vậy thì có khác gì thế tục. Sao có thể gọi là giác ngộ, là từ bỏ tham, sân. Nhất định phải canh cải, Lê Văn Thịnh tự hện với mình như vậy. Bởi thế ông kiên định với con đường đã dự nghĩ, nhưng cần phải có nhiều tiếng nói của những người được nhiều người kính trọng trợ giúp vào. Vì thế ông nghĩ ngay tới Thái úy Lý Thường Kiệt - người mà ông hằng tôn quý và ông lên đường vào Châu Ái.

1 Ngô Tất Tố dịch từ nguyên văn chữ Hán.

2 Cồ Đàm tức Phật Thích Ca Mâu Ni.

XX

Lê Văn Thịnh đi kinh dinh Châu Ái, như là một sự tình cờ ghé thăm Lý Thường Kiệt, một bậc huân tướng đã từng lấy ông về dưới trướng, và được làm việc cùng vị Đô thống nguyên súy trong những ngày tháng phá Tống.

Lê Văn Thịnh đã từng nghiên ngẫm binh pháp các nhà. Chắc chắn Lý Thường Kiệt còn để tâm xem xét kỹ hơn ông nhiều. Bởi cuộc đời ông là cuộc đời binh nghiệp. Nhưng có một điều kỳ lạ, ông không phụ thuộc vào binh thư. Từ bày trận đến phá trận, ông đều làm theo cách của ông. Ông luôn tạo được sự bất ngờ và luôn ở thế chủ động khi đánh giặc. Phải chăng đã có một thứ “Thường Kiệt trận đồ binh pháp” mà Thái Diên Khánh đã sao chép được đệ lên vua Thần tông nhà Tống.

Và người Tống vốn tự phụ cho mình là cả thiên hạ rồi nên không thèm để mắt tới. Cho nên đối trận, người Tống luôn luôn ở thế bị hãm. Trong cuộc đời làm tướng

từ thuở mười sáu tuổi theo đức Thái tông đi đánh dẹp các khê, động cho tới nay đã mấy lần cầm quân viên chinh bình Chiêm phạt Tống, phải nói ông là một tướng bách chiến, bách thắng.

Xem xét lịch sử cổ kim của đất nước, Lê Văn Thịnh chưa thấy một vị tướng nào về mặt chiến công lại toàn bích như Đô thống nguyên súy Lý Thường Kiệt. Nghe nói, ông là dòng dõi của Ngô tiên chúa. Nếu đúng vậy thì quả là trứng rồng lại nở ra rồng.

Ghé thuyền vào dinh, được biết quan ông đã đi du ngoạn với đại sư Hoài Tín.

Vào dinh, gặp ngay đại sư Pháp Bảo Hải Chiếu. Sư từng có duyên với Lý Thường Kiệt khi ông còn làm Thái sư kiêm Thái úy. Nay ông vào trấn Ái Châu có mời đại sư đi cùng. Và ông phong cho sư chức “Cửu chân quận Thanh Hóa trấn Phúc Diên tự Thánh tự truyền pháp sa môn kiêm Tri bản quận giáo môn cộng sự”.

Lại nghe nói Lý Thường Kiệt và Pháp Bảo Hải Chiếu đã chọn được thế đất để xây chùa. Thấy bảo bữa nọ Thường Kiệt và sư qua núi Ngưỡng Sơn hai người đều dừng lại ngắm và cùng ưng ý. Lý Thường Kiệt bèn nói: “Kẻ nhân trí vui là vui với núi sông. Đời đời truyền lại danh với đạo. Nếu không dựng chùa ở nơi này để mở đạo, thì danh núi đâu là đủ quý.

Trò chuyện với đại sư, Lê Văn Thịnh được biết, Lý Thường Kiệt mới giúp phục dựng lại chùa Hương

Nghiêm đã bị đổ nát do sư Đạo Dung có lời cầu kiến rằng: “Chùa Hương Nghiêm là do tiên tổ tôi sửa chữa. Nay đã đổ nát. Ông cùng tôi, chúng ta hãy tu bổ lại”. Vì vậy ngôi chùa này đã khang trang có thể liệt vào hàng danh lam trong nước.

Đại sư hết lời khen ngợi lòng hiếu Đạo của quan Thái úy. Thiền sư Pháp Bảo Hải Chiếu nói: “Thái úy tuy thân còn vướng tục, nhưng lòng đã quy y. Ấy cũng bởi vì vua và hoàng thái hậu tôn sùng đạo Phù Đồ, nên ông vâng ý hai thánh giúp đỡ đạo trời rất nhiều”.

Nghe sư nói xong, Lê Văn Thịnh liền hỏi:

- Vậy chớ bao giờ thì đại sư và quan Thái úy khởi công ngôi chùa trên núi Ngưỡng Sơn?

Thiền sư Pháp Bảo Hải Chiếu mỉm cười đáp:

- Ấy là mới coi được thế đất, và quan Thái úy mới phát tâm thôi chứ chưa bắt tay vào việc ngay được. Chắc còn phải tìm người vẽ kiểu chùa, phải trù liệu gạch, đá, thợ thuyền, tượng Phật, chuông cùng các đồ thờ tự rồi quy ra tiền bạc. Lại phải xem kiếm nguồn tiền bạc đó ở đâu ra nữa chứ quan Thái sư.

Lê Văn Thịnh xem chiều hướng Lý Thường Kiệt tâm đã quyến vào Phật rồi. Nhất là câu nói của Pháp Bảo Hải Chiếu: “Thái úy tuy thân còn vướng tục, nhưng lòng đã quy y”, Lê Văn Thịnh tự biết không thể trông chờ gì vào con người này nữa. Ông gửi lời nhắn chào Lý Thường Kiệt và chấp tay từ biệt đại sư rồi xuống thuyền

lũn thúi ra đi, tựa như một người lữ hành cô độc.

Trên đường trở về Thăng Long, ngẫm nghĩ lời nói của Nguyễn Sĩ Thoại mới thấy huynh ấy tinh táo và có lý, thế mà ta đã vội trách.

Lê Văn Thịnh lại tự nghĩ: Nếu bằng lòng với hiện tình đất nước thì cứ thỏa sức mà hưởng nhàn chứ có gì phải lo âu. Vua thích điều gì thì hòa vào mà làm theo điều đó, tựa như “phu xướng phụ tùy”¹ để vua hài lòng thì ta muốn cái gì mà chẳng được, xin cái gì mà vua chẳng ban. Suy cho cùng thì vua ban phát tài lộc rất nhiều, nhưng tựu trung ngài chỉ ban cho cái không phải của ngài, hoặc ban cho cái mà ngài không mất.

Vua Càn Đức đã hai mươi lăm tuổi mà vẫn chưa sinh được con đầu lòng, khiến hoàng thái hậu Ý Lan vô cùng bức dứt. Bà đi lễ bái cầu xin khắp các cửa. Nhờ các bậc thiên sư, các đạo sĩ đạo cao đức trọng lập trai đàn cầu tự vẫn chưa thấy có dấu hiệu của sự sinh sôi.

Hai ngôi hoàng hậu một do Thượng Dương thái hậu lập, một do Thái phi Ý Lan lập, nhà vua đã cho giải cung trở về quê quán từ năm ngài mười sáu tuổi. Bởi hai người đó đều hơn hoàng thượng tới hơn mười tuổi, nhan sắc lại chẳng có gì khiến ngài phải để mắt.

Mới đây bà thái hậu lại hối thúc nhà vua lập ba hoàng hậu trẻ đẹp, mơn mớn dào dạt. Và lứa mười hai

¹ Nghĩa là chồng nói vợ nghe, kiểu gia đình hòa thuận.

cung nữ hầu hạ chân gối cho nhà vua, ả nào tới mười tám, mười chín tuổi vẫn chưa có dấu hiệu gì sinh nở, thì các quan giám lập tức cho thay, và lại tuyển lớp mới trẻ, đẹp phốp pháp thay vào. Bây giờ việc tuyển chọn cung nữ không chỉ có các thái giám mà còn có các thái y cùng xem xét, khám hở, khám kín. Chọn từ sợi tóc chọn đi. Chân tóc phải dày, sợi tóc mềm mại đen nhưc, đầu sợi tóc không bị chẻ. Lông mày phải rậm thì lông ở chỗ kín mới rậm. Bởi sách tướng đã dạy: “Âm hộ vô mao bản chi tử”. Tức cái chỗ ấy mà không có lông hoặc lông thưa thớt thì hiếm con hoặc không có con. Lại nữa bầu vú phải gọn tựa như cặp bánh dày trên ngực, đầu vú phải hồng hào thì mới nhiều sữa, mới dễ nuôi con. Ngược lại, cô nào tuy gương mặt xinh tươi nhưng vú trẽ xuôi, khi có con nó sẽ dài thông như quả mướp, đầu vú lại thâm nữa thì sữa sẽ loãng, vú dài có khi dè vào mũi khiến đứa bé ngạt thở.

Chao ôi vừa quan thái giám vừa quan thái y khám tuyển một đứa bé gái mười hai mười ba tuổi, vạch vọi tìm tòi từ chân tơ kẽ tóc, đến cả hơi thở, mùi mồ hôi, mùi nách, mùi bẹn không chỗ nào là các quan không để mắt, sờ tay hoặc ghé mũi vào khiến đứa bé sợ hãi đến ghệt thở. Lúc được tuyển vào cung lại còn phải học hỏi đủ thứ mà thứ nào các quan thái giám cũng đe nẹt “sẽ mất đầu” khiến chúng sợ hãi. Ngay cả khi được hầu hạ chân gối ngài ngự thì nỗi sợ hãi vẫn canh cánh bên lòng khiến cuộc giao hoan không phải là một cuộc

dâng hiến hài hòa mà nó tựa tựa như một cuộc cưỡng dâm. Thứ hỏi, sự phối hợp như thế thì làm sao lại có thể đơm hoa kết trái được. Nhà vua đang tuổi cường tráng lại được nuôi dưỡng tẩm bổ thuần những đồ kích dương kích dục, nên việc ân ái với cái tuổi của ngài thì chuyện mây mưa dường như không biết chán. Lại cũng vì vậy mà chân âm cứ hao kiệt dần. Các thái y không phải không biết điều đó. Nhưng làm sao có thể khuyên bảo con người vào hoàn cảnh như nhà vua tiết dục được. Và lại, lũ thái giám như một bầy ma quỷ, chúng bày ra đủ trò dẫn nhà vua vào con đường mà chỉ có những bậc thánh may ra mới tỉnh giác được. Vua Nhân tông bản tính nhân ái, cư xử với bề dưới đều có tình, lại có lòng thương dân. Nhưng đến tuổi này vẫn chưa thấy dấu hiệu có con, lại bị bọn người có đầu óc mê tín cuồng nhiệt nay hối thúc kiểu này, mai bày đặt kiểu kia, hết kêu cầu thần Phật, lại yểm trừ tà ma, tất cả những thứ đó cứ diễn ra hàng ngày khiến đầu óc nhà vua lúc đầu còn bán tín bán nghi, nhưng lâu dần vua cũng tin theo các điềm triệu dị đoan và tự mình dẫn vào con đường đó, lại được bà thái hậu Ý Lan dẫn dắt, và hậu thuẫn thêm là cả một đội ngũ đông đảo các thiên sư, đạo sĩ. Các thiên sư, đạo sĩ đua nhau trở tài phù phép. Có lần vua vời thiên sư Giác Hải và đạo sĩ chân nhân Thông Huyền cùng vào cung chơi để bàn về sự đạo.

Vua tiếp hai nhà tu hành ngoài hiên điện cho mát, lại tiện ngắm hoa bên vườn ngự. Trong khi trà nước và

đang trò chuyện say mùi đạo, chợt nghe tiếng tắc kè gieo lạc lõng. Nhà vua chợt nhìn thấy một đôi tắc kè đang đậu trên gót kè mái hiên gần đó, liền bảo Thông Huyền chân nhân: - Chân nhân, ngài xua mấy con tắc kè nó đang quấy chúng ta đi. Thông Huyền lặng lẽ niệm chú, liền đó một con rớt ngay xuống thềm nằm dờ dãn như đã bị thu mất hồn.

Thông Huyền nhìn con tắc kè nằm đó, mỉm cười bảo với thiền sư Giác Hải:

- Còn một con nữa xin nhường hòa thượng.

Giác Hải im lặng phóng nhãn quang lên trần nhà, con tắc kè kia liền rơi đề lên con vừa rơi lúc trước.

Nhà vua lấy làm kinh ngạc, rất phục tài hai bậc chân tu và ứng khẩu đọc luôn bài thơ tán thán:

Giác Hải tâm như hải,

Thông Huyền đạo hựu huyền.

Thần tông kiêm biến hóa,

Nhất Phật, nhất Thần tiên¹

Nhân sự lạ này vua Nhân tông đem tuyên cáo trước triều quan. Ai cũng cho là kỳ diệu, do đó tên tuổi của thiền sư Giác Hải và đạo sĩ Thông Huyền nổi khắp

¹ Giác Hải tâm như biển.

Thông Huyền đạo càng huyền.

Thần tông lại biến hóa.

Một Phật một Thần tiên.

gần xa. Cũng vì thế mà Mật giáo liên kết với Hoàng Lão làm cho đời sống tâm linh con người trở nên mờ mịt, rối rắm.

Lê Văn Thịnh tuy chỉ căn cứ vào sự chiếm hữu ruộng đất của các chùa và số điền nô phục dịch trong mỗi chùa mà phân ra thứ hạng để công bố nằm trong giới hạn nào thì được gọi là đại, trung hoặc tiểu danh lam. Việc ấy nhà vua sẵn sàng chấp nhận và đã ban chiếu.

Giới Phật giáo thừa biết sự phân hạng này sẽ tiến tới quy định hạn chế các chùa chỉ được chiếm hữu ruộng đất và điền nô tới mức nào. Đây là mưu toan nhằm đưa Nho giáo lên chiếm địa vị tối hậu.

Tuy chưa đụng chạm gì tới quyền lợi, địa vị của giáo hội Phật giáo, nhưng các bậc thiền sư bằng linh cảm đã thấy có dấu hiệu bất tường và đã có những cảnh báo trong nội giới để canh chừng.

Nhân việc quan điện tiền có sớ cáo xin về hưu vì tuổi đã cao, nhà vua bèn cho Hà Ứ giữ chức thiếu úy tri điện tiền chư quân sự. Nhân nhớ lại tháng mười năm Quý Hợi (1083) vua đi đánh động Ma Sa có cho Hà Ứ theo dưới trướng. Y tỏ ra một tướng mưu lược và dũng cảm. Thấy việc nguy xông lên trước che chắn cho vua. Từ đó vua đem lòng mến và nay cất nhắc vào chỗ khuyết.

Lê Văn Thịnh thấy nhà vua dường như ngày một xa dần các tôn chỉ của thánh nho mà chỉ chuyên chú vào Phật nay lại có sự cảm mến nữa đối với đạo Hoàng

Lão, ông chưa tìm được cách nào thuyết phục nhà vua để cho nho học có vị trí xã hội cao hơn, mặc dù số nho sĩ ngày một đông, và ngay cả việc tổ chức và điều hành bộ máy nhà nước hiện nay cũng đều dựa trên các tôn chỉ của Nho giáo.

Lê Văn Thịnh đang tìm cách dẫn nhà vua nghiên ngẫm các học thuyết của phái Bách gia chư tử. Bởi chỉ có tiếp nhận được các học thuyết mới thì mới mạnh dạn cải đổi được nếp nghĩ, nếp làm trì bé.

Đọc xong Thương Ưởng vua phán:

- Người này tàn bạo, không có chỗ đứng trong xã hội của ta.

Lê Văn Thịnh liền hỏi:

- Tâu thế Quán Trọng thì sao ạ?

- Ta đã chẳng làm như Quán Trọng đó sao. Trao việc quan trọng cho người giỏi, người hiền. Dùng người thì tin người. Suy từ khanh ra thì biết.

Lê Văn Thịnh không còn biết nói sao nữa. Đúng lúc đó thì có một tin đồn rộn khắp kinh thành ở vùng Chí Linh có một bé gái sáu tuổi, con một nhà nông phu nghèo tự nhiên nói với cha mẹ: "Tôi chẳng may vào rừng hái măng gặp nước lũ cuốn trôi nên bị chết. Trời thương hiền lành cho vào cửa ông bà. Bây giờ nhớ lại, tôi chết mới có hơn sáu năm, nhà tôi chắc cũng không xa đây lắm. Tôi đã có chồng, sinh bảy mặt con, nay chỉ còn ba đứa. Chắc chúng cũng đã có vợ có chồng cả rồi.

Ông bà là người nhân đức, con cái cũng đông đúc, trai có gái có. Ông bà nên giúp tôi trở về với chồng với con. Kiếp sau nếu có duyên xin được làm con ông bà để đền đáp tới mãn đời”.

Nghe con nói, bố mẹ hoảng sợ nghĩ rằng ma nhập vào đứa bé, bèn đi mời thầy phù thủy tới.

Vừa trông thấy vị pháp sư, cô bé đã cất tiếng chào:

- Kia, ông pháp Cẩm, ông có nhận ra tôi không?

Vị pháp sư ngơ con ma này ranh mãnh, ông bèn lấy bùa ném vào cô bé rồi bất quyết giữ ẩn khiến mặt ông đỏ phừng phừng.

Cô bé nhặt chiếc bùa đưa tận tay trả thầy pháp, và nói:

- Tôi có nói việc của tôi với ông bà đây, nhưng chắc ông bà cho tôi bị ma làm nên đi mời thầy pháp tới. Để tôi nói xem ông có tin không nhé. Nhà ông ở xóm Trại. Xóm chỉ có ba nhà. Nhà ông, nhà bà Mền vì ông Mền mất lâu lắm rồi, phía sau nhà ông là nhà ông Tố. Làng ta có năm ngôi điện với năm ông pháp sư, nhưng chỉ có điện thờ của nhà ông là to nhất, ông là pháp sư cao tay nhất cả mấy hương ấp quanh đây. Tôi nói vậy có đúng không.

- Đúng! Pháp sư xác nhận. - Con ma này thật ghê gớm, có khi nó đã thành tinh.

- Gia chủ đâu! Ông pháp Cẩm gọi, đi chặt cho tôi bó roi dâu dập nước dãi đem vào đây.

- Ấy đừng, ông pháp Cẩm, tôi nói thế sao ông còn không tin à? Thế ông có biết nhà ông Cây không?

- Biết, ta biết, ông ấy là người trong nội tộc nhà ta. Ta còn phải gọi ông ấy là chú đấy.

- Phải rồi, ông ở ngành dưới. Thế ông có biết bà Cây không?

- Bà ấy là thím họ của ta, sao ta lại không biết.

- Vậy thì tôi chính là bà Cây, là thím của ông đây. Sau khi chết được vài tháng thì tôi tái kiếp sinh vào cửa ông bà Đãi đây.

Ông pháp Cẩm cũng đã từng nghe nói chuyện tái kiếp nhưng vẫn còn bán tín bán nghi. Ông hỏi:

- Vậy hồn thử nói hồn chết như thế nào vào ngày nào, sau đó chôn cất ở đâu, con cái của hồn có mấy người tên là gì?

- Giời ơi, tôi đã bảo tôi tái kiếp sinh vào cửa ông bà Đãi mà ông lại cứ nghĩ tôi là hồn ma. Chẳng có ma quỷ nào ở đây cả, để tôi nói ông nghe. Hôm ấy là ngày hai mươi hai tháng sáu, tôi vào rừng hái măng. Đang hái thì nghe có tiếng thác đổ ào ào rồi mưa xối xả, tôi cầm đầu cúi cổ chạy về nhà. Ai ngờ mưa từ nguồn, nước lũ đổ về nhanh quá. Tôi vừa lội ra mép suối định băng vội về nhà thì bị nước cuốn đi. Dầu va vào đá chết

ngất chẳng biết gì. Mưa tạnh, nước suối rút nhanh. Làng xóm đổ đi tìm tôi. Các người cứ đi tìm theo dòng nước. Nhưng thân tôi đã mắc vướng vào bụi cây. Mãi hai ngày sau các người mới tìm thấy xác tôi rồi đem chôn ở khu Đồng Cốc, có đúng không nào.

- Nếu đúng là thím Cây thì nói tên các con xem nào.

- Giời ạ, con tôi sao tôi không nhớ. Sinh bảy mặt con chết bốn chỉ còn ba đứa, hai trai một gái. Thằng cả tên là Cành, thằng thứ hai tên là Cội, con gái út tên là Rễ.

- Thế vợ con chúng nó bây giờ ra sao?

- Hồi tôi chết thằng cả mới mười bảy tuổi, chưa lấy vợ. Từ ấy tới nay đã hơn sáu năm, mọi việc ở nhà sao tôi biết được.

- Nếu đúng là thím Cây thì tại sao thím chết ngày hai mươi hai tháng sáu mà đến mồng năm tháng tám ông bà Đãi đây đã sinh con. Người ta mang thai phải đủ chín tháng mười ngày, thế mà thím sinh ra chỉ có một tháng mười lăm ngày.

Cô bé tự xưng là bà Cây cười chun cả mũi:

- Đúng là ông chưa chết nên ông không biết được cái chuyện đầu thai, tái kiếp là thế nào. Để tôi nói ông nghe, tinh cha huyết mẹ thì chỉ sinh ra được cái thân tứ đại này thôi, còn cái thần thái của một con người thì cha mẹ nào sinh ra được. Tôi sợ dĩ được đầu thai sớm, là phúc nhà tôi tu từ nhiều đời rồi, khi lâm nạn tôi cố

chống chọi vì thương chồng thương con quá. Lúc mê man bất tỉnh tôi cứ mơ mơ cầu khẩn đức Quán Thế Âm cho tôi được sống trở về với chồng với con. Tôi thương nhất là ông ấy bị hen, công việc trong nhà vẫn một mình tôi quán xuyến cả. Đến khi biết là mình chết rồi, tôi vẫn cầu đức Quán Thế Âm.

Lúc bà Đãi đây sắp sinh thì có biết bao nhiêu âm hồn chen chúc nhau định vào, tôi phải đứng mãi tit phía xa, muốn vào mà không thể vào được. Bỗng như có phép lạ, dòng người cứ dẫn ra và như có ai đó đẩy vào lưng tôi đùn đi. Thế là đúng lúc con bé vừa chui ra khỏi bụng mẹ cất tiếng khóc, tôi liền nhập vào.

Ông pháp Cẩm lại hỏi:

- Thím nói căn kē thế thì tôi tin thím là thím Cây rồi. Vậy chứ tôi hỏi thím, sao có người nhà nghèo túng đến quẫn bách, cha mẹ xấu như ma, lại sinh ra con mặt sáng như gương, sau làm rạng danh cho cha mẹ. Lại cũng có người là cửa quyền quý, con sinh ra mặt mũi cũng sáng sủa chẳng kém cha mẹ, nhưng chỉ ăn tàn phá hại làm tiêu tan cả cơ nghiệp, thế là thế nào.

- Đấy là nhân quả hết ông pháp Cẩm ạ.

Cái nhà giàu kia bị phá tán là ăn ở ác độc, ăn hết cả lộc của thiên hạ rồi phải trả nghiệp chứ sao. Còn nhà nghèo sinh con quý tử, làm rạng danh tổ tiên cũng là tu tạo từ các đời các kiếp trước cả đấy.

Còn tôi với ông bà Đãi đây cũng là có thiện duyên.

Tôi nguyện kiếp sau sẽ đầu thai làm con ông bà để báo hiếu. Còn bây giờ cho phép tôi theo ông pháp Cẩm về với ông nhà tôi và các cháu.

Vợ chồng ông bà Đãi ôm lấy con gái khóc nức.

- Ông pháp sư ơi làm thế nào bây giờ. Từ khi chúng tôi sinh cháu ra cứ lớn thui thui, mà ngoan ngoãn.

Khi đã cất chân cất tay làm được việc là sáng dạ không cần sai bảo. Chúng tôi cứ ngỡ sinh được đứa con hiếu thảo, ai ngờ người ta chỉ mượn cửa tôi mà vào...

Câu chuyện cứ thế loang ra khắp nước, cuối cùng cũng đến tai nhà vua. Vua đòi về tận Chí Linh để xem chuyện hư thực thế nào.

Trở về triều, vua nói với quần thần:

- Vậy có còn ai hoài nghi về thuyết nhân quả, thuyết đầu thai tái kiếp của nhà Phật nữa không. Mà rồi việc cư xử ở đời cốt phải giữ lấy cái đức. Làm quan, chăn dân chớ có ác hiểm, vợ vét, tham bẩn, là phải trả nghiệp chứ chẳng trốn chạy được đâu. Các Khanh nghĩ sao?

Và trong dân gian lại âm ỉ bàn tán về cái chết của Nguyễn Bông được nhà sư chùa Thánh Chúa dạy cho cái thuật đầu thai thác hóa. Liệu vua Càn Đức bây giờ có phải là Nguyễn Bông thoát xác không? Tuy vậy, đây là chuyện nguy hiểm, ai hở môi ra sẽ mất đầu. Do đó chuyện cũng cứ nhạt dần đi.

Lê Văn Thịnh thấy nhà vua ngày càng đắm chìm

vào các chuyện pháp thuật hư ảo, khiến từ người dân trong nước đến các đại thần đều đua nhau dâng biểu các vật lạ để được tiếng hoặc cầu tiến.

Ông đã xoay xỏa hết cách, biết vua không ưa sự cạnh mạnh mẽ của phái Pháp gia, ông đành quay về với học thuyết nhân nghĩa tri hành hợp nhất của Mạnh Tử.

Song có lẽ các nhà Mật giáo và Hoàng Lão đã hút hồn nhà vua. Cái khó không phải là vua không có hiểu biết, mà sức hiểu về Phật, Lão, Nho của nhà vua khá sâu sắc. Tuy nhiên, đây là sự chọn lựa có chủ đích của ngài rồi.

Lê Văn Thịnh trần trở mãi, cuối cùng ông đi tới quyết định: “Ta đã hết lòng thuyết phục vua, nhưng vua không nghe. Phận thần tử ta không thể không nghe vua, không chiều theo ý vua, ắt có ngày mất mạng”.

Nghĩ vậy, Lê Văn Thịnh cũng ra sức cho thủ hạ đi bốn phương kiếm tìm vật lạ về tiến vua. Và ông cũng mưu toan học lấy một vài môn pháp thuật để thi thố với phái Mật giáo và các đạo sĩ Hoàng Lão rồi từ đó mà tỉnh thức vua.

Một hôm tự nhiên có kẻ lạ mặt xin được vào gặp Thái sư. Lê Văn Thịnh cho vào. Hỏi quê quán, nghề nghiệp, y nói:

- Tiểu tử quê nước Đại Lý (Vân Nam, Trung Quốc) nghe danh Thái sư học rộng tài cao, vì mến đức nên xin vào hầu hạ, mong được sai bảo.

- Vậy người có tài gì?

- Bẩm thập bát ban võ nghệ, không mặt nào tiểu tử không lâu thông, tinh diệu.

Lê Văn Thịnh cười đáp:

- Ta tuy là quan văn, nhưng những thứ đó đối với ta không lạ. Vậy chớ người còn tài cán gì dị biệt không?

- Bẩm thượng quan, tiểu tử còn một tài lạ bí truyền.

- Là cái gì vậy?

- Bẩm, đó là thuật hóa hổ.

- Người biến thành hổ?

- Dạ đúng như vậy.

- Có thể biến lại thành người được không?

- Dạ được chứ ạ. Đã nói đây là thuật thôi mà.

- Vậy người làm thử ta coi.

- Xin đại nhân cho tiểu tử sang phòng bên, rồi chùng một khắc canh giờ, tiểu tử sẽ quay lại đây với hình dáng đúng là một con hổ, xin đại nhân chớ sợ.

- Được! Người làm ngay đi.

Nói xong Lê Văn Thịnh dẫn người khách lạ sang phòng bên. Vừa toan khép cửa, ông liền hỏi: - Vậy chớ tên người là gì?

- Bẩm đại quan, tiểu tử có tên cha mẹ đặt cho là "Tiểu Quý", vì thuở nhỏ tiểu tử nghịch như quý. Khi lớn lên bôn ba giang hồ, thấy cái tên đó nó nghịch nhĩ (trái tai, tức là khó nghe) quá, tiểu tử bèn cải làm "Tiểu Quỷ".

- Thôi được, ta chờ người ở bên này. Lê Văn Thịnh nói xong về phòng tân khách, ông ngồi chờ tên “quý con” này xem nó nói thật hay chỉ ba hoa như cánh Sơn Đông mãi võ¹. Chờ đã thấy hơi lâu, ông bèn đem cuốn Kinh Dịch ra đọc, thuận tay ông bốc được quẻ “Đại Tráng”. Thoán từ khuyên đây là thời của quân tử, nhưng phải hành theo đại đạo, chớ để cho tiểu nhân xen vào, nếu không sẽ hối.

Ông đang suy nghĩ chợt nghe thấy một tiếng gầm hung dữ, rồi một con hổ nhảy thượng lên án thư giờ hai chân trước dầy móng nhọn như định vồ lấy ông mà xé.

Lê Văn Thịnh quên phất tên “Tiểu Quý” mà chỉ thấy mình sắp bị hổ hại, người run bắn, mặt tái mét, muốn chạy mà hai chân cứ khựng lại không bước được.

Vừa lúc con hổ rụt hai chân trước lại, đầu cúi xuống nói khê:

- Bẩm Thái sư, Tiểu Quý đây mà.

Lúc ấy Lê Văn Thịnh mới hoàn hồn.

Y lột xác ra chỉ có một chiếc mặt nạ hổ, một chiếc áo lột hổ trên mình và bộ móng vuốt lấp vào hai bàn tay.

Lê Văn Thịnh chợt nghĩ đến phép lạ của thiên sư

¹ Những người có võ thuật liên kết với nhau thành một gánh võ đi biểu diễn khắp thiên hạ để kiếm tiền. Phần lớn các gánh võ này đều ở Sơn Đông, quê hương Thủy Hử.

Trước chiến tranh thế giới thứ hai, họ vẫn thường qua Việt Nam biểu diễn để kiếm sống.

Giác Hải và Thông Huyền chân nhân mà nhà vua cảm phục phải làm thơ khen tặng, không thể so với “phép hóa hổ” của tên Tiểu Quý này được.

Ông tự nghĩ: Có nhẽ ta phải bảo tên này nó truyền bí mật cho rồi sẽ có dịp trở tài để hoàng thượng phải khâm phục. Khi hoàng thượng đã bị cuốn vào rồi ắt tau báo các việc cạnh tranh cãi với ngài chắc sẽ dễ hơn.

Ông liền hỏi Tiểu Quý:

- Các đồ nghề này không có gì bí hiểm, nhưng bí thuật ở chỗ nào mà ta thấy người như một con hổ thật.

- Bẩm, bí thuật là ở tiếng gầm, ở những động thái nháy nhót và tư thế giơ móng vuốt ra oai. Dạ bẩm Thái sư sợ là do xuất kỳ bất ý, không kịp đề phòng, chứ nếu Thái sư được xem tiểu tử mặc áo, đeo mặt nạ, lấp móng giả thì tiểu tử dẫu có gầm đến sập nhà, cũng chỉ làm trò cười cho thái sư thôi chứ có gì đáng sợ. Vì rằng lúc đó Thái sư không nghĩ đến con hổ thật mà chỉ nghĩ đến thằng Tiểu Quý đang làm trò.

- Đúng thế! Đúng thế, Lê Văn Thịnh khen. Rồi ông hỏi

- Liệu người có truyền cho ta được bí thuật này không?

- Bẩm, dễ lắm ạ. Vì Thái sư đã thông bát ban võ nghệ, chỉ cần có một chút nội công để gầm và để nháy, luyện độ một tuần là được. Nhưng nếu muốn cho thuần thục thì Thái sư phải luyện tới cả năm.

- Được, ta sẽ thâu người vào phủ, nhưng ta cấm người không được lộ thuật này ra với ai. Nếu người sai

lời sẽ mất mạng. Ta cho người làm phó đô hộ vệ, hầu cận bên ta như một gia nô.

- Đa tạ thái sư gia ân, tiểu tử nguyện hết lòng trung.

Từ đó, hễ có lúc nào rảnh việc, Thái sư Lê Văn Thịnh lại kéo tên gia nô vào rừng để đi săn, kỳ thực là đi luyện thuật hóa hổ.

Thấy các nơi tới tấp dâng vua các vật lạ như Kiến quan Lê Toàn Nghĩa dâng con rùa năm sắc. Lại có người dâng rùa ba chân, sáu mắt, bụng có chữ “Thiện Đế” (vua hiền). Châu Tư Nông còn dâng con ngựa đỏ, chân sau có cựa. Tất cả đều làm vua hài lòng. Bởi ngài cho rằng dưới triều ngài trị vì, nhiều vật quý lạ xuất hiện. Ấy là điềm báo của thời thịnh.

Thái sư cho người đi tìm kiếm mãi mới mua được một con voi lạ, dã thuần dưỡng. Voi phần lớn có màu da nâu, nhưng voi này lại có màu da trắng, lông trắng, nom như một con cừu trắng khổng lồ. Voi thể hiện cho sự vững chãi, bền chắc và hùng mạnh. Hơn nữa voi còn là một biểu tượng thiêng. Bạch tượng (voi trắng).

Ở nước ta cực hiếm, nên giá một con voi trắng bằng mấy chục voi thường, Lê Văn Thịnh đem con voi đó dâng vua.

Hoàng thượng khen Thái sư có lòng trung.

Nhân đó Lê Văn Thịnh xin vua cho mở khoa thi để kén người tài.

Vua hỏi:

- Việc học hành của con cái các vương, các hầu và các công tử trong Quốc học viện thế nào?

Lê Văn Thịnh đáp:

- Tâu hoàng thượng, thần thường đến giảng dạy tại đó, thấy sức học của các vị ấy cũng vào loại khá.

- Trong đó có con em các nhà thường dân vào học không?

- Tâu, từ khi có chiếu của hoàng thượng cho tuyển con em thường dân vào, thần đã thông tri cho các bộ, trấn gửi danh sách những người mà địa phương cho là giỏi lên để gọi về kinh khảo hạch, nếu quả họ giỏi thì cho vào quốc học viện. Thế nhưng suốt mấy năm trời các nơi gửi về phần nhiều là tư tình, lấy con em các nhà gia thế, thành thử mười phần chọn không được một hai. Cách đây ba năm, thần lại thông tri cho cả nước ai có tài tự về kinh thi tuyển không phải qua cửa các quan xã, quan châu, quan lộ nữa, nên số người được lấy vào tăng lên rõ rệt. Hiện con nhà dân thường đã chiếm một phần ba số sĩ tử trong quốc học viện. Đám người này con nhà nghèo lại không có thần thế, nên chịu học lắm.

- So họ với con cái các vương, hầu, các nhà thế phiệt bên nào hơn.

- Tâu cũng khó nói. Bên các vương, hầu cũng có người xuất chúng, nhưng đám con cháu nhà thường dân họ học chắc hơn, đều hơn?

- Vậy chờ khanh định năm nào lại mở khoa thi?

- Tâu bệ hạ, khoa đầu tiên ta mở vào năm Ất Mão (1075), khoa thứ hai triều đình mở vào năm Bính Dần (1086), khoa sắp tới, thân đình mở vào năm Bính Tý (1096). Và từ nay xin bệ hạ cho phép cứ mười năm mở một khoa thi, nếu không kẻ sĩ phải chờ đợi lâu quá.

- Ta chấp nhận mười năm mở một khoa thi, nhưng thực tế khi tuyển người vào trong bộ máy, ta lại coi người có thực tài không kém người có bằng cấp. Miễn là người làm quan phải thông chữ nghĩa. Và lại cái quý của người làm quan là ở chỗ biết làm lợi cho dân, cho nước chứ không phải quý ở chỗ múa bút khoe văn mà rồi ra sức đục khoét dân như những con mọt gỗ thì ta đâu cần lũ người ấy.

- Tâu, đúng như hoàng thượng dụ bảo.

- Vậy chớ kỳ này, khanh định thi tuyển ra sao?

- Tâu, lại thi Minh kinh bác sĩ như khoa đầu thái sư Lý Đạo Thành đã xác lập.

- Đại Việt ta thâm nạp cả tam giáo. Phật, Nho, Lão mỗi đạo đều có chỗ sở đắc và đều có diệu dụng. Triều đình ưu biệt chọn Phật giáo làm quốc giáo, song không vì thế mà các đạo khác không được coi trọng.

- Tâu, ý hoàng thượng thật là sáng suốt. Vậy thân cho thi Minh kinh vào năm Ất Hợi (1095), ai đỗ khoa Minh kinh mới được tham dự khoa tam giáo vào năm sau tức năm Bính Tý (1096). Như vậy bảo đảm các quan ra trị nhậm có đủ kiến văn để hành xử mọi việc trong

một xã hội tam giáo hài hòa.

- Phái! Nếu khanh làm được điều đó thì trình độ quan lại sẽ ngày một quen thạo, ngày một giỏi giang, dân chúng nhờ thế mà bớt phiến hà, ân trạch của trăm đến với thần dân ngày một nhiều thêm.

- Thần xin tuân chỉ.

Từ đó, Thái sư Lê Văn Thịnh lo cho hai khoa thi sắp tới sao cho có kết quả tốt nhất nhằm làm đẹp ý hoàng thượng. Nhưng không biết từ đâu đó có tin Thái sư Lê Văn Thịnh pháp thuật cao cường chẳng kém gì các bậc cao tăng, các bậc chân nhân Hoàng Lão. Rằng ông có thể lắc mình một cái vụt biến thành hổ ngay.

Không hiểu lời đồn đại đó có lợi hay có hại cho quan Thái sư. Và ông cũng không biết vì sao ông học thuật hóa hổ trong rừng sâu chỉ có hai thầy trò mà có kẻ nào rình biết. Ông đã định khi luyện thành thạo rồi sẽ có một dịp nào đấy xin hoàng thượng cho thi tài với các bậc thiên sư, đạo sĩ ngỗ hầu làm tăng vị thế của nho học. Lời đồn đại nhỏ to ấy rồi cũng đến tai vua. Nhà vua chưa kịp hỏi còn Lê Văn Thịnh thì vùi đầu vào công việc chưa có dịp nào rảnh rỗi để xin vua được thi thố.

Nghe tâu báo, cuối mùa thu này sẽ mở khoa thi Minh kinh nên đầu mùa hạ vua xuống chiếu đòi con các vương, hầu vào châu tại cung Cảnh Linh.

Cảnh Linh là một cung điện nguy nga mới được xây cất và khánh thành vào cuối năm Mậu Thìn (1088).

Con cái các vương, hầu được đòi vào châu hiện đang theo học tại Quốc học viện.

Vua hỏi han về sức học của từng người, lại hỏi sự giảng dạy kinh sách của các thầy có điều gì chưa hiểu, vua cho phép nói để ngài giảng lại cho.

Sau đó vua ban ý:

- Các người là con cháu các bậc vương hầu, phải chịu khó học hành cho xứng đáng để khỏi thua kém con nhà thường dân. Triều đình cho tập tước là để ăn lộc, nếu muốn làm quan phải qua thi tuyển chớ không có chuyện cha truyền con nối đâu. Nhưng sẽ có ưu biệt, nếu thi tuyển người có tập tước với dân chân trắng mà bằng điểm nhau thì sẽ lấy người có tập tước. Hoặc lấy cả hai người cùng đậu thì người có tập tước vẫn được xếp trên một bậc. Ưu biệt đến thế là cùng, các người phải gắng gỏi lên để làm đẹp gia phong.

Mọi người đều rãm rắp vâng dạ.

Lại nói về Linh nhân hoàng thái hậu Ý Lan từ khi vua Càn Đức đủ sức leo lái việc triều chính, bà trao trọn việc nước cho con mà lui về nghiên ngẫm Phật điển cũng như lịch sử Phật giáo nước nhà. Sự thấu nhận về giáo lý của bà kể như đã là sâu sắc, nhưng còn phần lịch sử Phật giáo nước nhà, sự hiểu biết của bà chưa đến chỗ rốt ráo, nên bà vẫn cố ý tìm tòi. Bà thường qua lại thăm viếng các đại danh lam, nơi có các bậc túc tăng thường trụ để tham vấn. Bữa nọ nhằm ngày rằm tháng hai năm

Bính Tý (1096) bà đến chùa Khai Quốc thiết lễ trai tăng. Thiền sư Trí Không trụ trì tại chùa này.

Trong lúc đàm đạo với các bậc túc tăng, kỳ lão, thái hậu hỏi:

- «Phật với Tổ nghĩa là thế nào? Ai hơn ai kém? Phật trụ phương nào? Tổ ở thành nào? Đến nước ta từ bao giờ? Việc truyền đạo ai trước ai sau? Còn người niệm danh Phật đạt tâm ấn của Tổ chưa rõ là những ai?»

Bấy giờ mọi người đều im lặng cả, thiền sư Trí Không bèn đáp rằng:

«Thường trụ ở thế gian, không sinh không diệt thì gọi là Phật. Hiểu rõ tâm tông của Phật, giảng và làm đi đôi với nhau thì gọi là Tổ. Phật với Tổ là một vậy. Chỉ vì những kẻ kém học nói bậy là có bên hơn bên kém mà thôi. Vả lại Phật có nghĩa là giác ngộ, là hiểu biết vốn lặng lẽ, thường trụ. Hết thấy chúng sinh đều có cùng nguyên lý ấy. Chỉ vì tính trần che lấp, trôi nổi theo nghiệp báo mà phân ly ra các cõi. Phật vì lòng từ bi mà thị sinh ở đất Thiên Trúc, là vì xứ ấy ở vào khoảng chính giữa của trời đất. Phật mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo. Ở đời thuyết pháp bốn mươi chín năm, mở ra các pháp môn để giác ngộ cho người đời. Đây là thời đại hưng giáo vậy. Khi sắp nhập Niết Bàn, lại sớ người ta hiểu lầm ý mình, Phật bèn bảo Văn Thù Sư Lợi:

1 Vị Bồ tát. đệ tử của Phật Thích Ca.

“Ta bốn mươi chín năm chưa từng nói một lời, sao lại bảo rằng ta có thuyết giáo ư?”. Nhân đó Phật cầm một cành hoa giơ lên. Mọi người đều ngơ ngác chưa hiểu ý Phật nói gì. Chỉ một mình Ca Diếp tôn giả mỉm cười. Phật biết Ca Diếp đã lĩnh ngộ, bèn đem chánh pháp nhân tạng¹ truyền cho. Đó là vị Tổ thứ nhất của dòng Tâm tông được trao truyền bên ngoài giáo điển².

Sau đó Ma Đằng³ đem pháp ấy vào đất Hán. Rồi Đạt Ma đem tông chỉ sang các nước Lương, Ngụy. Việc truyền pháp đến Thiên Thai trí giả⁴ là thịnh, gọi là Giáo tông. Về tôn chỉ của Đạt Ma thì đến Tào Khuê Huệ Năng là sáng tỏ, gọi là Thiền tông. Hai Tông này truyền vào nước ta đã lâu năm. Về Giáo tông thì có Mậu Bác⁵,

1 Bên ngoài giáo điển: Tương truyền Tổ Đạt Ma khi qua Trung Quốc có nói bốn câu thơ, sau này thành tông chỉ của Thiền tông Trung Hoa:

*Bất lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật*

Nghĩa là: Không bày đặt chữ nghĩa - Trao truyền ngoài giáo điển - Chỉ thẳng vào tâm người - Thấy được tánh mà thành Phật,

2 Chánh pháp nhân tạng, bao hàm muôn đức tạng, như con mắt trí tuệ nhìn thấu khắp cả mọi sự vật, hiện tượng.

3 Nhiếp Ma Đằng một trong hai nhà sư Ấn Độ đầu tiên đến Trung Quốc (năm 68 đời Hán Minh đế).

4 Thiên Thai trí giả tức sư Trí Khải (đời nhà Tùy), tổ thứ ba của Thiên Thai tông.

5 Mậu Bác người đời Hán sang Giao Châu thời Sĩ Nhiếp (187-226) có tác phẩm Lý hoặc luận.

Khương Tăng Hội¹. Thiên tông thì có Tì Ni Đa Lưu Chi² vào trước, phái Vô Ngôn Thông vào sau. Đó là Tổ của hai phái.

Thái hậu hỏi tiếp:

- Về Giáo tông thì chưa nói tới, nhưng còn hai phái Thiên tông thì có gì chứng thực không?

Sư đáp:

- Xét truyền Đàm Thiên pháp sư thấy chép rằng: Vua Tùy Cao tổ (581-604) gọi pháp sư tới và bảo: “Trẫm nghĩ đến đạo từ bi của Điều Ngự³ mà không biết làm sao để báo đáp ân đức. Trộm ở ngôi vua, trẫm đã hỗ trợ Tam bảo⁴ khắp nơi: trong nước thì thu xá lợi xây bốn mươi chín bảo tháp; ngoài nước thì dựng một trăm năm mươi chùa tháp để tiêu biểu cho đời. Ở các xứ ngoài như Giao Châu cũng đã nhiều lần cho làm chùa để ơn phúc nhuần thấm khắp cõi đại thiên. Nhưng xứ ấy tuy nội thuộc mà sự ràng buộc còn lỏng lẻo tựa như còn là đất kì mi⁵. Vậy pháp sư nên chọn những vị sa môn có danh đức đưa sang để giáo hóa, khiến cho tất cả đều

1 Khương Tăng Hội nhà sư gốc người nước Khương Lư (Sogdiane nay thuộc nước cộng hòa Uzbêch) sinh ra và xuất gia ở Giao Châu rồi sang Trung Quốc truyền giáo.

2 Tì Ni Đa Lưu Chi tức Vinitaruci người miền nam nước Thiên Trúc (Ấn Độ) sang nước ta năm 580 trụ trì tại chùa Pháp Vân.

3 Điều Ngự: một trong mười pháp hiệu của Phật Thích ca.

4 Tam bảo: Chỉ ba thứ quý nhất của đạo Phật là: Phật - Pháp - Tăng.

5 Kì mi: nghĩa là còn lỏng lẻo chưa chịu ràng buộc hẳn.

được hưởng đạo Bồ Đề¹.

Pháp sư Đàm Thiên tâu: “Xứ Giao Châu có đường thông với Thiên Trúc. Khi Phật pháp mới đến Giang Đông chưa khắp thì ở Luy Lâu² đã có tới hai mươi ngôi bảo tháp, độ được hơn năm trăm vị tăng và dịch được mười lăm quyển kinh rồi”. Như vậy là Phật giáo đã truyền đến Giao Châu trước nước ta. Hồi ấy đã có các vị tăng như Ma Ha Kỳ Vực³, Khương Tăng Hội, Chi Cương Lương⁴, Mâu Bác cùng nhiều vị khác cư trú tại đó. Nay lại có Pháp Hiền đắc pháp với Tì Ni Đa Lưu Chi truyền bá tông phái của Tổ thứ ba Tăng Xán. Pháp Hiền là vị Bồ tát sống, hiện trụ trì ở chùa Chúng Thiện, giáo hóa không dưới ba trăm môn đồ, không thua kém gì ở Trung Quốc. Bệ hạ là bậc cha hiền của khắp thiên hạ, muốn bố thí bình đẳng nên định đưa chư tăng sang giáo hóa. Nhưng họ đã có người rồi, ta không phải cho người sang nữa.

Lại có chứng cứ nữa: tướng quốc đời Đường là Quyền Đức Dư viết trong lời tựa sách Truyền pháp rằng: “Lại sau khi Tào Khê (Huệ Năng) mất, thiền pháp thịnh

1 Gốc từ chữ Boudha có nghĩa là giác ngộ.

2 Luy Lâu: thủ phủ Giao Châu thời Bắc thuộc, nay thuộc địa phận huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

3 Ma Ha Kỳ Vực (Mahajivaka): nhà sư Ấn Độ đến Luy Lâu khoảng năm 168-169.

4 Chi Cương Lương (Kalaruci): nhà sư người Trung Á đến nước ta đầu thế kỷ thứ ba.

hành, các dòng đều có kẻ nối, thiền sư Chương Kính Huy đem những điều tâm pháp quan yếu của Mã Tổ đi thi hành giáo hóa ở miền Ngô, Việt. Vô Ngôn Thông đại sư đem tông chỉ của Bách Trượng Hoài Hải đi khai ngộ ở Giao Châu". Đó là chứng cứ vậy.

Thái hậu lại hỏi:

- Sự truyền thừa của hai tông phái ấy như thế nào?

Sư đáp:

- Phái Tì Ni Đa Lưu Chi thì nay có Lâm Huệ Sinh, Vương Chân Không. Phái Vô Ngôn Thông thì nay có Viên Chiếu, Nhan Quảng Trí. Dòng của Khương Tăng Hội thì nay có Lôi Hà Trạch. Ngoài ra những phái phụ thì nhiều không kể xiết¹.

Nghe xong thái hậu cả mừng phong sư làm Tăng thống, ban áo cà sa màu tía, lại ban hiệu là Thông Biện đại sư để tỏ rõ vinh sủng.

Các đại sư khác cũng để thêm:

- Thiền sư Trí Không tâu cùng thái hậu những bước đường phát triển Phật giáo của nước nhà, là dựa trên các cứ liệu lịch sử, chứ thực ra từ khi nước ta chưa phụ thuộc vào Trung Quốc thì đạo Phật đã truyền vào từ thời các vua Hùng, nay chứng tích vẫn còn ở vùng Tây

1 Trích theo Thiền uyển tập anh (Anh tú vườn thiền), đây là cuốn sách cổ của Phật giáo Việt Nam, ghi lại các tông phái thiền học và sự tích các thiền sư nổi tiếng vào cuối thời Bắc thuộc cho đến Đinh, Lê, Lý và một số ít về đời Trần. Tác phẩm có giá trị lịch sử vô cùng quý báu.

Thiên. Có điều rằng không có văn tự ghi chép thành hệ thống nên hậu thế khó minh định chữ thực ra theo thế truyền thì rõ ràng lắm.

Cuộc tìm hiểu về lịch sử Phật giáo nước nhà khiến thái hậu như được khai thị, sau bà thỉnh thiên sư Thông Biện vào đại nội, phong làm quốc sư để tham vấn. Cũng nhờ đó bà hiểu sâu về tôn chỉ của Thiên tông và càng đi sâu vào tìm hiểu nội điển, chuyên tâm tu tập.

Tháng tám năm ấy triều đình lại mở khoa thi Minh kinh bác sĩ, lấy đỗ hơn ba mươi người. Khoa này có hai người đỗ xuất sắc là Đỗ Đô người Hoàng Giang và Nguyễn Nguyên Úc người huyện Nam Định¹. Nguyên Úc năm ấy mới mười bảy tuổi, bẩm tính thông minh, có cha là Huệ Dực làm quan tới chức Tả hữu nhai tể lục dưới triều Lý Nhân tông.

Thái sư Lê Văn Thịnh thỏa mãn với kết quả cuộc thi, ông vào tâu báo với nhà vua xin đến mùa thu sang năm sẽ lại mở cuộc thi tam giáo.

Lê Văn Thịnh đệ trình danh sách Ban giám khảo gồm đại sư Hoài Tín, quốc sư Thông Biện, đạo sĩ Thông Huyền chân nhân và Lê Văn Thịnh cùng một số thiên sư đạo sĩ và mấy người trong Hàn lâm viện. Vua y cho.

¹ Nam Định là tên huyện đặt từ năm Tân Ty (621), kỹ thuộc Đường Cao tổ (Lý Uyên) bao gồm phần đất Bắc Ninh từ phía nam sông Đuống đến sông Lục Đầu. Vì vậy sông Như Nguyệt mãi đến đời Tống vẫn gọi là sông Nam Định.

Công việc đang trôi chảy thì đầu tháng mười một vua đi xem đánh cá ở hồ Dâm Đàm trong một chiếc thuyền nhỏ, thị vệ đi theo có mười người. Vua cũng cho Thái sư đi cùng, Lê Văn Thịnh đi trong một chiếc thuyền nhỏ khác, có dăm người hầu đi theo. Thuyền Thái sư đi cách thuyền ngự vài chục con sào.

Dâm Đàm vốn là hồ sương mù, ngay cả giữa trưa mùa hè, ánh mặt trời rơi xuống mặt hồ vẫn mang một màu trắng đục như màu sữa. Mùa này đang mùa sương mù mà trong hồ lại có nhiều đảo. Đảo là những rừng cây rậm rạp, khói mù xông nghi ngút.

Thuyền ngự đang đi về phía có đông thuyền chài lưới. Thuyền của thái sư vẫn giữ một khoảng cách vừa phải và theo sát ở phía sau.

Thình lình có một tiếng sét làm vua giật bản mình. Vì vua cho đây là điềm gở, bởi đang là tháng trọng đông. Và rồi khí mù đáp xuống dày đặc, cách một sải tay không còn nhìn rõ mặt người nữa. Lê Văn Thịnh nói đám quân hầu chèo thuyền nhanh bám sát thuyền vua để hộ giá, lỡ trong khói mù dày đặc sợ va vào đảo hoặc cọc đáy thuyền chài. Giữa lúc ấy vua nhìn sang thấy thuyền bên cạnh đang vút đi và hình một con hổ vươn dài, như nó đang chồm về phía thuyền ngự. Vua hốt hoảng kêu cứu: “Hổ, hổ hại người cứu với!”. Vua vội rút thanh đoản đao phi về phía mà vua cho là có hổ ấy.

Thấy tiếng kêu cứu, các thuyền chài đều chèo nhanh

đến chỗ có tiếng kêu. Mục Thận lúc ấy đang ở gần, nhanh tay ngư phủ tung vành lưới trùm lên chiếc thuyền phía trước rồi hai ba người cùng kéo lại. Vừa lúc mù loăng dần thấy thuyền đó chính là thuyền của Thái sư Lê Văn Thịnh, và trong đó có ông và vài ba đứa hầu cận.

Sự thật mà vua trông thấy “con hổ” nhòai về phía thuyền ngư, chính là tên Tiểu Quý mặc bộ đồ người hầu kiêu nước Đại Lý bằng một thứ vải hoa, nền trắng, hoa màu sẫm và nó soãi người như cái thế hổ vượn mình quen thuộc của nó để chèo cho thuyền đi nhanh, bởi Thái sư bảo phải theo kịp hộ giá thuyền vua. Trong lúc tâm thần bất định vua nom đúng là một con hổ. Hoặc giả vua đã bị ám ảnh rằng Lê Văn Thịnh có phép hóa hổ, nay nhân cơ hội muốn hại vua chăng.

Vua sai bắt trói tất cả đưa về trị tội mà không xét hỏi. Lê Văn Thịnh không biết bày tỏ cùng ai. Vì rằng vua đã bảo là hổ, tức thị phải là hổ.

Vua đâu cần xét lại xem mình có trông gà hóa cuốc trong lúc trời mù đặc thế đâu. Vả lại từ đời Hán, Đường người Tàu xem những lúc hồ Dâm Đàm dẫm khói sương đã phải thốt lên: “Độc vụ chi uyển tẩu, phi diên trụ”. Nghĩa là hơi độc xông lên làm cho điều qua đang bay phải rơi xuống.

Tất cả những người theo hầu Lê Văn Thịnh đều bị chém đầu. Riêng Lê Văn Thịnh được đặc ân tha chết vì ông là thầy dạy của vua, nhưng phải đầy biệt xứ tại

vùng Lương Giang đầu¹. Ngự phủ Mục Thận được ban quan tước, lại cho đất Tây Hồ làm thực ấp.

Thương thay Lê Văn Thịnh một con người tài hoa lỗi lạc, đang ấp ủ trong đầu những cải cách ích nước lợi dân. Ông không có một âm mưu nào hại vua, bởi đang sống trong một thời yên trị, được vua tin dùng. Trong triều không nảy sinh một bè đảng nào. Và lại từ khi cho Lý Thường Kiệt ra trấn trị Châu Ái, việc quân đều do vua nắm, Lê Văn Thịnh cũng không còn kiêm chức binh bộ thị lang nữa, thử hỏi nếu có mưu toan thì lấy đâu ra lực lượng, và ai sẽ theo ông. Về phía vua Nhân tông, quả nhà vua cũng không cố ý trừ bỏ Lê Văn Thịnh vì ông không có lỗi gì. Tuy nhiên, vua đã hô hoán rằng có hổ, hổ ấy lại hóa ra Lê Văn Thịnh thì đích thị Lê Văn Thịnh mưu hại vua. Bởi từ xưa đã thế, chỉ có dân sai, thậm chí quan lại sai chứ vua không bao giờ sai cả. Lê Văn Thịnh được tha mạng kẻ cũng đã là một đặc ân.

Mặc dù Lê Văn Thịnh khi làm sư phó, đã lấy lời các bậc thánh nho dạy rất kỹ người học trò vĩ đại của mình rằng: “Kiến thiện tác thiện, hữu quá tắc cải”. Nghĩa là thấy điều thiện thì tập làm theo điều thiện, thấy mình có lỗi thì phải sửa lỗi ngay. Đã bảo vua không có bao

1 Đại Việt sử ký và Việt điện u linh đều nói Lê Văn Thịnh bị đày đi Thao Giang. Riêng Việt sử lược thế kỷ 14 viết là đày đi Lương Giang tức sông Chu ở Thanh Hoá. Vì vùng đó sau có Lê Quát đầu Trạng nguyên đời Trần Minh tông thuộc dòng dõi Lê Văn Thịnh.

giờ sai mà ngài tha mạng cho Lê Văn Thịnh chính là ngài đã tác thiện rồi đó.

Việc xảy ra khiến Nguyễn Sĩ Thoại đau lòng. Ông không tin Lê Văn Thịnh mưu hại vua, mà ông tin rằng có người ngầm hại Lê Văn Thịnh do những ý đồ muốn tranh cãi của Thái sư.

Nguyễn Sĩ Thoại chợt nhớ lời cụ đồ Đông Cứu, thầy học của ông và là cha đẻ của Lê Văn Thịnh, cụ từng dặn đi dặn lại con rằng: ‘Nếu triều đình có mở khoa thi, con muốn đi thi để biết sức mình cũng được, nhưng chớ có làm quan. Con chỉ nên chọn một trong hai nghề: dạy học hoặc bốc thuốc. Hoặc giả không cưỡng lại được con phải từ quan trước tuổi bốn mươi lăm’.

Lê Văn Thịnh chắc quên lời cha dạy. Năm nay Thịnh đúng bốn mươi chín tuổi. Nguyễn Sĩ Thoại thấy run sợ ở trong lòng. Để bình tình lắng xuống, ba tháng sau ông dâng sớ xin từ quan về phụng dưỡng mẹ già.

Năm Hội Phong thứ năm (1096) này sao mà lắm điều hay và cũng không ít điều rủi ro bất hạnh. Đầu năm, hoàng thái hậu có cuộc tiếp kiến và đối thoại với các bậc túc thiên, kể như là một sự hy hữu trong lịch sử nước nhà. Tới mùa thu, cuộc thi Minh kinh, một chàng trai mười bảy tuổi với một ông già gần chín mươi tuổi (chính là Đỗ Đố) cùng đỗ xuất sắc. Nhưng tới đầu tháng mười một xảy ra vụ hồ Dâm Đàm, quan Thái sư mắc nạn, bị đày biệt xứ. Và đúng ngày ba mươi tháng mười

một đại sư Hoài Tín lâm bệnh. Biết mệnh tận, sư gọi đệ tử đến đọc kệ. Lời rằng:

*Xuân ruổi, trãm hoa rụng,
Xuân tới, trãm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước: một cành mai¹.*

Đọc kệ xong, sư ngồi kiết già mà tịch, thọ bốn mươi lăm tuổi.

Bà Ý Lan thái hậu đến tận chùa viếng sư. Lý Nhân tông ban lễ hậu, lại ban cho sư tên thụy là MÃN GIÁC.

Lễ hỏa táng sư, các công khanh trong triều đến dâng hương đông đủ. Các sư tăng, đạo tràng cùng Phật tử và dân chúng kính thành tới dâng hương vòng trong vòng ngoài. Ai cũng tỏ lòng tôn kính và thương tiếc đại sư.

1 Nguyên văn âm Hán-Việt:

*Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân lai bách hoa khai.
Sự trực nhân tiền quá,
Lão tông đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Trong Văn thơ Lý - Trần, bài kệ này có tựa đề Cáo tật thị chúng tức là có bệnh báo cho mọi người hay. Bản dịch thơ trên là của Ngô Tất Tố.

XXI

Chuyện Lê Văn Thịnh định hại vua rồi bị đi đày loang khắp kinh thành, loang khắp nước.

Dân chúng thì chẳng nói làm gì, họ đâu biết việc của triều đình. Khi có tin tức loang ra, họ chỉ xì xèo, bàn tán qua loa. Điều người dân quan tâm nhất là hòa cốc phong đăng, thời tiết thuận hòa, mùa vụ tốt tươi, sưu thuế khoan nới. Còn chuyện vua, chuyện quan là việc của triều đình.

Tuy nhiên, trong giới quan lại có học vấn, có tư cách và trong giới sĩ lâm thì không một ai tin điều đó là sự thật cả. Vì rằng việc hại vua phải đi đôi với việc soán ngôi. Muốn làm được việc đó thì phải có đảng chúng. Đảng này, tịnh không có một ai là tông phạm, là bè đảng mưu mô. Giả dụ việc này xảy ra ngay sau khi Lý Thánh tông băng, mà người đứng đầu là các hoàng thúc như Phụng Càn vương Lý Nhật Trung, Lý Hiển Minh dấy lên có Lý Thường Kiệt hoặc Lý Đạo Thành đứng

đăng sau thì còn có lý.

Bây giờ vua đã hơn ba mươi tuổi, tự mình nắm trọn việc quân, động sách nào nổi lên vua tự cầm quân đánh dẹp. Ai có thể lay động nổi chiếc ngai vàng đang vững như bàn thạch của vua lúc này.

Người có học thức cao lại có đầu óc canh cải như Thái sư Lê Văn Thịnh, không ngu gì lại có hành động đại đột giữa lúc đất nước yên trị, vua tôi một lòng. Hơn nữa Lê Văn Thịnh chưa có một hành vi nào làm vua phải bận tâm, và nhà vua cũng chưa có điều gì bạc đãi với người thầy học hết sức tận tình trong việc hầu giảng cả chục năm ròng. Vậy đằng sau vụ này hẳn phải có một cái gì đó rất mờ ám. Ngay hoàng thái hậu Ý Lan là người biết rõ Lê Văn Thịnh hơn ai hết. Cha Lê Văn Thịnh và cha của Ý Lan đều là hai ông đồ, nhà chỉ cách nhau một con sông, hai cụ là bạn thân của nhau. Sau khi cha mẹ Lê Thị Khiết (tức Ý Lan) đều khuất núi, gia cảnh lâm khó khăn, ông đồ Đông Cửu (cha Lê Văn Thịnh) vẫn đi lại săn sóc. Chính bà Ý Lan thấy Lê Văn Thịnh đỗ đầu khoa Minh kinh bác sĩ, bà hết sức vui mừng và nhận ngay Lê Văn Thịnh vào cung làm sư phó để dạy dỗ vua Càn Đức lúc ấy mới sáu tuổi.

Lê Văn Thịnh kém Ý Lan hai tuổi, thuở nhỏ hai người vẫn coi nhau như tình chị em.

Vậy mà chuyện xảy ra như thế, bà lại không hề có một lời hỏi han hoặc can gián nhà vua.

Cả Lý Thường Kiệt trong thời kỳ kháng Tống, do biết tài Lê Văn Thịnh nên đã cho ông chức Bình bộ thị lang, lấy về làm việc dưới trướng, cùng bàn bạc biết bao kế hay, bao điều tâm đắc. Thế mà chuyện xảy ra lớn như vậy, vô lý đến như vậy, ông cũng không về triều, không một lời can gián.

Chuyện bang giao trong phó hội Vĩnh Bình, chỉ ba tactic đập tan các lý lẽ mơ hồ của Thành Trạc và các tay thương nghị cáo già người Tống. Tay không mà lấy lại cả sáu huyện ba động mà người Tống định chiếm. Lại còn được Tống Thần tông khen, không chỉ ban tước mà còn ban lộc tới hai trăm tấm gấm. Gấm đem về nộp hết vào kho, không máy may tơ hào.

Một tài năng như thế, một nhân cách như thế, sao có thể có hành vi của đứa vũ phu vô học. Chuyện này thật khó tin, hẳn có mưu ngầm gì đây. Đó chính là sự hoài nghi trong giới sĩ phu và sĩ lâm cả nước.

Thật khác xa Lý Thánh tông, với những người tù đã thành án rồi mà ông vẫn còn nghi tới sự oan, sai. Hoặc là người dân vì ít học không biết luật nên vô tình phạm tội, hoặc quan án xử nghiệt quá, nên ngài nhất loạt khoan giảm một bậc, vào tận nhà tù kiểm tra sự ăn ở của tù nhân. Trời rét, nhà vua động lòng, sai ngục lại phải phát chăn ấm và cho tù nhân ăn ngày hai bữa cơm no. Ngài còn cấm các ngục lại không được bắt tù làm việc riêng cho nhà mình.

Nhân tông nổi tiếng là vị vua nhân từ, nhưng qua vụ án phát vãng thầy học của mình mà không đưa ra xét xử, giới sĩ phu thấy có chỗ đáng ngờ về nhân cách của nhà vua.

Tuy nhiên, mọi chuyện rồi cũng sẽ qua thôi, vì thời gian là người thầy thuốc vĩ đại làm cho ai nấy đều dịu bớt nỗi đau và dần quên cả nỗi giận, buồn. Ngay cả vụ tàn sát động trời năm Quý Sửu (1073), bảy mươi ba người vô tội, trong đó có cả đương kim hoàng thái hậu Thượng Dương bị chôn sống mà đời cũng bỏ qua.

Cho nên ở đời chuyện gì cũng có thể xảy ra, và người đời cũng dễ quên cả điều thiện lẫn điều ác. Duy có các quan chép sử là những người rất thận trọng, và chép ghi lại thật tỉ mỉ các sự kiện xảy ra nhưng đôi khi lại thể hiện nó một cách thiếu trung thực.

Tháng tám, cuộc thi tam giáo lại bắt đầu. Những ai trúng tuyển khoa Minh kinh bác sĩ năm trước mới được dự thi khoa này.

Khoa thi năm nay Mạc Hiến Tích được ngồi ghế chủ khảo. Các bậc đạo cao đức trọng trong giới thiên sư, đạo sĩ được mời vào ban giám khảo. Có điều nhiều người ngại vì cái dớp năm trước. Sau kỳ thi vài tháng thì Chánh chủ khảo Lê Văn Thịnh bị nạn phải đi đày. Mãn Giác đại sư thì viên tịch.

Cuộc đua tài năm nay chỉ vốn vẹn có hơn ba chục người nhưng không kém phần quyết liệt.

Chung cuộc, số thí sinh bị loại gần hai phần ba, chỉ còn mười hai người trúng cách. Đáng nói là ngôi đầu báng lại vẫn thuộc về hai người, một già một trẻ. Cụ Đỗ Đỗ trải thờ tới ba triều vua từ đời đức Thái tông tới nay. Đáng chú ý trong bài văn sách, bình về sự hội tụ của ba dòng đạo được vận hành trong chính thể của nhà nước Đại Việt, Đỗ Đỗ lý giải rất hay. Phần kết, ông khái quát bằng hai câu thơ:

Phật, Nho, Lão thị tam gia nhất trụ,
Quân, sư, phụ nữ ngũ luân chi yếu.

Ý nói tuy phân chia làm ba dòng tách biệt, kỳ dư lại có chung một nguồn gốc (một bếp). Nghĩa là có chung một cái đích, ấy là tính nhân văn cao thượng.

Còn chia ra cái đạo của vua, thầy, cha nhưng đều bị chi phối bởi năm tính chất chung ấy là nhân, lễ, nghĩa, trí, tín.

Còn Nguyễn Nguyên Úc đặc biệt là một người có tư chất mẫn tiệp, từ nhỏ đã có chí xuất gia, thường đến chùa An Quốc học đạo với thiền sư Viên Học, nhờ đó mà hiểu sâu yếu chỉ của Thiền tông.

Sau cuộc thi này Nguyễn Nguyên Úc vẫn tiếp tục tu học và lấy đạo hiệu là Viên Thông.

Năm Mậu Tý (1108) triều đình mở khoa thi Hoàn tài để chọn người giữ chức quan tãng, đạo còn khuyết, thiền sư Viên Thông (Nguyễn Nguyên Úc) lại đỗ đầu. Vua Lý Nhân tông cho sư là bậc kỳ tài, định phong

quan tước, sứ cố tử. Chỉ nhận chức nội cung phụng truyền pháp để tùy cơ giảng hóa.

Lại năm Nhâm Thìn (1112) nhân vừa hoàn thành việc trùng tu chùa Diên Thọ, thiền sư vâng mệnh vua soạn văn bia. Vua ưng ý lắm, vẫn cho sư là bậc chân tài, thăng cho sư chức Tả nhai tể lục.

Thiền sư thường dâng vua những lời khuyên về các việc nên làm và các việc nên bỏ xét theo sự có lợi hoặc không có lợi cho trăm họ.

Vua Nhân tông rất hài lòng về những lời khuyên bổ ích của thiền sư Viên Thông, bèn gia phong sư chức Hữu nhai tể thống trông coi việc của bản đạo. Lại tôn sư vào hàng quốc sư để vấn kế. Từ đó sư được tùy ý ra vào cung cấm dâng lời khuyên can.

Sau sự ra đi của thiền sư Mãn Giác và Lê Văn Thịnh thụ án đi đày, vua Nhân tông cảm thấy trong lòng trống vắng, thường sai ban nhạc cung đình hát những bài hát theo điệu Tây Thiên¹. Đó là những ca khúc do các đức Thái tông và Thánh tông đặt lời và chế nhạc rồi dạy cho các ca công hát. Sinh thời hai bậc tiền đế mỗi lần chinh phạt Chiêm Thành thường bắt các nhạc sư, các ca công vũ nữ đem về để mua vui. Và dường như nền âm nhạc Chiêm Thành có một điều gì huyền bí, đã cuốn hút cả hai vua phải để tâm xem xét cho thấu đáo tới mức sâu

1 Nền nghệ thuật Champa ảnh hưởng rất sâu đậm từ nền nghệ thuật Ấn Độ mà thời đó nước ta thường gọi là Tây Trúc hoặc Tây Thiên.

sắc, và tự mình đặt được lời ca và chế được cả nhạc mang đậm sắc thái của người Chiêm.

Nghe đi nghe lại những khúc nhạc từ mấy chục năm nay của các bậc tiền nhân, đành rằng nó vẫn còn hay, vẫn còn làm người nghe say đắm đến chau mày rơi lệ, thế nhưng lớp ca sĩ đã già, giọng hát đã xuống, và đám vũ nữ có thể múa được các điệu Tây Thiên nay cũng đã quá già. Đương nhiên họ vẫn còn múa được, nhưng họ không thể hiện được cái hồn Chiêm và nom họ xộc xệch đến là nghịch mắt. Nhà vua nghĩ đến các làng mà trước đây vua Thái tông, vua Thánh tông đem cả vạn người Chiêm về an trí ở khắp nơi. Phần đông trong số họ là những người có nghề như tạc tượng, xây cất đền tháp, làm gạch ngói, chế tác các đồ gốm.

Nghĩ đến họ, vua nảy ra ý đi thăm. Các sở an trí người Chiêm thì có nhiều nhưng vua nghĩ đến vùng Châu Ái; Châu Hoan tức Thanh Hóa, Nghệ An. Vừa muốn nhân thể ghé thăm Lý Thường Kiệt và Hoài Hương hầu. Bởi Lý Hoài Hương sau khi đuổi xong giặc Tống, ông lại xin vua cho về Nghệ An. Vì dù sao thì dòng dõi nhà ông từ khi hoàng tử Uy Minh vương Lý Nhật Quang được ra trấn vùng Nghệ An tới nay cũng đã tới ba đời kế tiếp, kể như Nghệ An là quê hương thứ hai của ông vậy.

Thuyền vua ghé vào bờ rồi có kiệu rước ngài vào dinh tổng trấn.

Quân vào bắm có hoàng thượng ngự giá. Lý Thường Kiệt dang ngồi trên dinh hỏi han công việc các thuộc cấp, nghe tin vua đến vội chạy ra nghênh đón, chân không kịp xỏ vào dép.

Kiều vừa hạ, hai viên Đô tướng và Phó Đô tướng đô Tuy long vội vén rèm đỡ vua xuống kiệu.

Lý Thường Kiệt vái lạy:

- Hoàng thượng giá lâm mà thần không kịp làm lễ cung nghinh, xin bệ hạ tha tội.

Vua Nhân tông đỡ Lý Thường Kiệt dậy nói lời vỗ về:

- Triều đình đã gia ân cho các bậc cố lão từ trên bảy mươi tuổi dự thiết triều không phải quỳ lạy, được ngồi ghế, ông đã trên tám mươi tuổi, trải thờ ba triều, công lao lừng lẫy khó có người sánh kịp, sao ông cứ phải đa lễ vậy.

- Bệ hạ thương mà gia ân, chữ lễ là đầu mối của kỷ cương, phận bề tôi không thể sao nhãng, vả lại thần tuy tuổi cao nhưng sức lực vẫn còn sung mãn, bệ hạ có thể sai bảo bất cứ việc gì.

Nhà vua cười bảo:

- Nếu lại làm một cuộc binh Chiêm, phạt Tống nữa liệu ông có đủ sức?

- Tâu, nếu vì sự tồn vong của đất nước, bệ hạ sai bảo thì việc đó cũng vẫn là trách phận của thần. Nói xong ông cười và lại tiếp: - Tâu bệ hạ Chiêm Thành chắc chẳng dám gây sự với ta nữa. Còn nhà Tống thì bây giờ

đang khốn đốn với Liêu, Hạ, sao còn dám ho he gì.

- Ấy là ta muốn thử sức ông đó thôi. Nhà Lý ta trước có tướng Lê Phụng Hiểu, nay có ông, quả là những bậc tướng cổ kim hy hữu.

Vua hỏi han công việc trong châu quận. Được biết dân chúng an cư lạc nghiệp, đời sống ngày một khấm khá, không có nạn trộm cướp. Nhà giàu không trốn tô, nhà buôn không trốn thuế. Vua bằng lòng lắm. Chợt vua hỏi:

- Ta nghe nói ông mới cho xây cất một ngôi chùa trên núi Ngưỡng Sơn to đẹp lắm. Có phải đại sư Mãn Giác đã giúp ông chọn thế đất không?

- Tâu, thần trộm phép bệ hạ gom góp lộc các tiên đế và bệ hạ ban cho để xây cất một ngôi chùa thờ Phật cho dân chúng trong vùng có nơi lễ bái và gửi gắm tâm linh. Các nhà tu hành có nơi chốn tu tập, đó cũng là hạnh nguyên của thần, xin bệ hạ tha tội.

Tâu, còn chọn thế đất thì thần và sư Pháp Bảo đã có xem ngắm và đều ưng ý. Tới khi đại sư Mãn Giác ghé thăm, hỏi thần về công việc. Thần có nói ý định cất một ngôi chùa, sư hết lòng cổ vũ và ngỏ ý muốn xem nơi định xây cất. Đi xem xong sư nói, khắp vùng này không có chỗ nào đáng dựng chùa hơn chỗ này. Tiếc rằng chùa xây chưa xong đại sư đã viên tịch.

Nghe xong, vua nói:

- Đại sư Hoài Tín với ta vừa có tình bằng hữu, vừa

có nghĩa thầy trò. Ngài về với Phật tổ khiến ta hằng huyệt. Ông xuất của tư ra xây chùa thờ Phật, phát triển sự đạo, đó là một thiện duyên, công đức lớn lắm, đời mấy ai bì kịp. Ta muốn ông cho đi thăm chùa, lễ Phật có được không?

Lý Thường Kiệt bèn mời vua xuống thuyền, đi chừng một canh giờ thì tới. Vừa bước chân lên bờ, cổng tam quan uy nghi. Chính giữa là lầu chuông, trên cùng có năm chữ “NGŨƠNG SƠN LINH XỨNG TỰ” chữ ghép bằng mảnh sành, mảnh sứ theo lối thảo thường rất đẹp. Con đường từ bến sông dẫn lên chùa thẳng tắp, hai bên đường trồng hai hàng muỗm, cây đã lên quá đầu người.

Chùa làm theo lối chữ môn nhìn thẳng xuống sông là chùa chính, bên tả là trai đường và nhà tân khách, bên hữu là tăng thất.

Trong chùa tượng Phật thếp vàng, hoành phi câu đối sơn thếp rực rỡ. Tượng Cửu Long với hình đức Phật Thích Ca mới dần sinh được đúc bằng vàng ròng. Một bức đại tự vắt ngang trên nền vóc¹ đồ thếp bốn chữ “ẨM HÀ TƯ NGUYÊN”² bằng vàng quý. Nơi thờ tự bày biện tượng Phật và các đồ thờ tất cả đều tỏ lộ một cái tâm thành kính, vừa uy nghiêm vừa sang quý mà thân thiện, ấm cúng. Khắp trong chùa, mùi hương trầm

1 Vóc là tên gọi một tấm gỗ đã được sơn và mài kỹ chờ vẽ tranh hoặc khắc chữ.

2 Ẩm hà tư nguyên: nghĩa là uống nước nhớ nguồn. Ở đây muốn nói đến sự tri ân đức Thích Ca Mâu Ni.

thoang thoảng, tiếng mõ nhịp nhàng với lời kinh tụng, nghe vừa thâm u huyền bí vừa dịu dịu êm êm như tiếng mẹ ru hời.

Phía sau chùa dựng một bảo tháp chín tầng có tên là “Chiêu Ân”. Bốn mặt tháp đều trở cửa, xung quanh có bao lơn. Bốn góc treo chuông vàng, khánh ngọc gió hơi phơ phất chuông, khánh đã rung và phát ra một thứ âm thanh dịu dịu đa cung bậc, nghe thoang thoảng như một thứ nhạc tiên từ trên chín tầng trời thả xuống cõi nhân gian.

Xung quanh vườn chùa thuần trồng những giống cây lớn lên sẽ cho bóng mát như nhãn, vải, đu đủ, mít. Trong khuôn viên đều trồng rải rác các loại cây cho hoa để bốn mùa dâng cúng Phật như mộc, ngâu, ngọc lan, hoa hồng, hoa huệ... còn cau thì cả một vườn kể tới trăm cây, trầu không leo thành giàn trên dây tường bao nom như một bức tường xanh. Quanh vườn chùa, đi về nẻo nào cũng sức nức mùi hương. Hương mộc đậm thắm, hương ngâu thì thoảng như chợt có chợt không, hương cau sắc ngọt, hương huệ ngan ngát, hương ngọc lan đài các, hương bưởi thơm nồng ấm, ong bướm theo về làm dậy lên sức sống của mùa xuân. Trước chùa lại có ao “Liên Trì”, tức ao sen, mùa hè hương sen ngào ngạt trùm phủ khắp khuôn viên và nội tự.

Vua Nhân tông rất hài lòng với ngôi chùa và cảnh trí. Vua nói:

- Ông và các bậc tước thiên quả có con mắt tinh đời, chọn được thế đất thật là tuyệt hảo. Giao thông thuận lợi.

Vua chỉ xuống dòng sông trước cửa chùa hỏi:

- Có phải từ phía nam ra thuyền phải qua sông Mã, sông Lèn rồi tới đây. Còn từ đây qua sông Hội Thủy, sông Tống Giang, ra cửa Thần Phù để tới Thăng Long?

- Tâu đúng như vậy. Bệ hạ thuộc sông núi nước nhà như các đường chỉ trong lòng bàn tay vậy.

Vua cười thân thiện bảo:

- Đến người dân thường cũng phải biết đất nước mình hình thế núi sông thế nào để còn đi lại giao thương, hướng chỉ kẻ làm vua mà không biết núi sông đất đai rừng biển của nước mình thế nào thì việc giữ gìn cương thổ sẽ ra sao. Ta biết cũng chẳng thiếu gì kẻ làm vua ngay đường đi lối lại trong cung cấm cũng không thuộc hết, nhưng đường đến các lầu ca viện kỹ thì đang đêm cứ nhắm mắt mà bước tới đó cũng không chệch một li.

- Tâu, nước mà có vị vua như vậy là điềm triệu của sự vong quốc.

- Chính thế, - vua đáp.

Nhìn dòng nước nao nao chảy về đông, như chạnh nhớ đến một việc gì đó, vua hỏi giọng hơi nhỏ như đang nén giấu một cái gì về như u ẩn ở trong lòng.

- Vùng Lương Giang đầu bây giờ thế nào? Câu hỏi của vua như một sự tình cờ, kỳ thực Lý Thường Kiệt biết ý vua muốn hỏi việc Lê Văn Thịnh bị đày ra đó

sống như thế nào. Lê Văn Thịnh bị đày ra đó từ mấy năm nay, chính Lý Thường Kiệt cũng tránh mặt, nhưng ông sai dựng nhà cửa cho Thịnh cũng tạm gọi là khang trang, lại cung dưỡng chu đáo. Lê Văn Thịnh có đem theo một người thiếp. Về Lương Giang chừng một năm sau, chắc ông đã bớt giận, bớt buồn và chấp nhận một cuộc lưu đày trọn kiếp. Thấy dân trí trong vùng còn ngu muội, ông mở trường dạy lũ trẻ và khuyến cáo cha mẹ chúng cho con đến học, không tốn phí một xu nào. Trẻ nào nhà nghèo quá, ông còn sên kiệm để chu cấp giấy bút cho chúng.

Một ông già trong hương ấp nghe nói cái người mới đến cư ngụ lại có ý mở trường dạy trẻ, liền đến hỏi một cách thật thà:

- Ông có nhiều chữ không mà định làm thầy?

Lê Văn Thịnh mỉm cười đáp:

- Ta đủ chữ dạy cho lũ trẻ học đến một trăm năm.

Mấy ông già cười nghiêng ngả đáp lời:

- Học làm gì nhiều thế, ngộ chữ đấy.

Lê Văn Thịnh thấy những người dân chân chất, ông đem lòng mến họ. Bèn lấy rượu ngon ra thết. Và từ đấy ông có thật nhiều những người bạn quê, một chữ nhất¹ còn chẳng đọc nổi, nhưng lòng họ đôn hậu thật thà chứ không như bọn người nhiều chữ mà trong lòng

¹ Chữ nhất chỉ có một nét ngang (-).

thường tích chứa những mưu đồ ma quái.

Ngẫm nghĩ một lát, Lý Thường Kiệt đáp lời vua:

- Tâu bệ hạ, Lương Giang cả dân cũ, dân mới mấy năm nay đều khá giả. Không còn bị đói nữa và họ cũng đã có trường cho trẻ học.

Vua hiểu ý tứ Lý Thường Kiệt nói đến “dân mới” tức ám chỉ Lê Văn Thịnh. Còn dân đã có trường học, chắc là Lê Văn Thịnh lấy việc gõ đầu trẻ để tiêu sấu.

Chợt vua lại hỏi:

- Hồi các tiên đế chinh phạt Chiêm Thành có di một số dân Chiêm có nghề đưa về nước, lập sở riêng cho họ cư ngụ. Chẳng hay ở châu của ông có mấy sở người Chiêm và họ làm ăn sinh sống thế nào?

- Tâu bệ hạ, riêng Châu Ái có tới chín sở của người Chiêm. Bây giờ trên đường bệ hạ đi, cứ thấy chỗ nào có nhiều cây dừa chứ không có tre trúc bao quanh làng thì đích thị đó là làng của người Chiêm đấy.

- Vậy chớ họ sinh sống thế nào, có hợp thổ nghi không, dân họ có bị đói không. Quan hệ giữa họ với người mình thế nào?

- Tâu bệ hạ, số dân Chiêm từ năm Giáp Thân (1044) do đức Thái tông đưa về, tới nay đã trên năm chục năm, họ đã gần như người mình cả. Sinh con đẻ cái tới mấy đời. Họ vẫn giữ được các tập tục và tôn giáo của xứ sở họ. Dân mình và dân họ sống chan hòa. Cũng đã có sự kết hôn giữa người Chiêm và người Việt chứ không như những năm

đầu. Những ngày hội của họ hoặc ngày hội của ta, dân các làng đều qua lại chơi bởi thân thiện. Dạ còn số người Chiêm do tiên đế đưa về từ năm Kỷ Dậu (1069) lại cho họ ở làm nhiều sở như bên Luy Iâu, Quốc Oai, kể cả vùng Chèm, Về cũng có một sở người Chiêm.

Tâu bệ hạ, người Chiêm cần cù và tháo vát, nên đời sống của họ khá giả lắm. Và lại họ cũng có nhiều nghề mà người mình cần như tạc tượng thần, tượng Phật, làm gạch, ngói, xây cất nhà cửa, chùa chiền...

Bệ hạ thử nhìn các tàu bẫy và đầu đao với các bức trạm vũ nữ múa, cảnh đánh cá có người úp nơm, người câu cá, người cất vó hoặc các bức thuận họ chạm cả một đám rước vua khi kia nó sống động biết dường nào.

Tâu bệ hạ, hai hàng tượng đá về các loài vật trước sân chùa đây như trâu, dê, cừu, voi thần, chim thần đầu voi, đầu chim mà thân người, tất cả đều do các tay thợ người Chiêm, thần đem về làm mấy năm ròng rã mới xong đấy ạ.

- Vậy chớ ngôi chùa này ông làm trong mấy năm? vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, mất hơn bốn năm kể từ ngày hưng công.

- Vài mươi năm nữa cây cối trong vườn chùa lớn lên, chùa này phải xếp vào hàng đại danh lam.

- Tâu bệ hạ, nhưng chùa ít ruộng lắm lại không có điền nô, sao có thể gọi là đại danh lam được. Dạ, thần chỉ đề có ba mẫu ruộng cho chùa vừa đủ đèn nhang và

cho vài sứ trụ trì đủ sống.

- Ta đâu nói đến của cải tài sản làm gì. Ta chỉ muốn nói đến ngôi chùa đẹp một cách mỹ mãn và phong cảnh thì hữu tình, thật là một chốn đệ nhất danh lam.

- Tạ ơn bệ hạ có lời khen.

- Ông có thể cho ta đi thăm một vài sở của người Chiêm được chứ?

- Tâu bệ hạ, việc ấy đâu có khó khăn gì, bệ hạ cần đi lúc nào thần xin theo hầu.

- Ta muốn đi ngay đêm nay và muốn được xem họ hát múa. Ta vẫn còn lưu giữ mấy khúc nhạc do tiên đế đặt lời và chế nhạc, nhưng dạy cho đám vũ nữ, ca công của ta múa hát nó không có hồn. Nay ta muốn được nghe, được xem chính người Chiêm thể hiện.

Vua cải dạng làm một vị quan lớn đi với quan Thái úy tới thăm sở ấp của người Chiêm. Đây là một sở lớn dân đông đúc, giàu có, tập tục còn được giữ nguyên nếp như bên xứ Chiêm. Trong hương ấp có nhiều người giỏi cả chữ nghĩa và nghề nghiệp.

Tối đến, đèn đuốc thấp sáng cả một vùng sân bãi giữa làng. Thoạt tiên là một hồi kèn Saranaí như báo hiệu cho dân làng có cuộc vui. Rồi tiếng trống Paranưng bập bùng. Chỉ mới nghe tiếng kèn, tiếng trống nổi, trái tim nhà vua đã hồi hộp.

Lát sau một đoàn gồm tám vũ nữ Chiêm và năm nhạc công trong đó có ba tay trống, hai tay kèn. Ba

trống có một trống đại, một trống trung và một trống tiêu. Trống của người Chiêm có hình gần giống như quả trám, hai đầu bịt da dê. Trống đại có chiều cao tới ngang ngực, nhạc công - người điều khiển đặt trống hơi nghiêng rồi đứng xoay quanh thân trống mà vỗ. Trống nhỏ cao bằng hai phần trống đại cũng kê nghiêng, nhạc công vừa múa vừa nháy quanh thân trống vỗ, trống tiêu thì đeo trước ngực, hai tay nhạc công vỗ cá hai mặt trống. Khi các vũ công và nhạc công vừa bước ra, Lý Thường Kiệt giạt mình tưởng như năm nào ở kinh đô Trà Bàn khi ông vừa bắt được Chế Củ về nộp, vua Thánh tông sai các vũ công và ca công, nhạc công múa hát, nom giống hệt như thế này đây. Chỉ có điều khác là năm đó diễn ra tại cung vua Chiêm rất sang trọng, còn năm nay là trên một bãi cỏ, sân khấu được lát bằng các tấm ván phẳng phiu. Ông không thể ngờ người Chiêm lại gìn giữ phong hóa của dân tộc họ nổi truyền nguyên vẹn đến thế.

Vua Nhân tông nghe các giai điệu kèn trống phối với nhau như những lời than van bất hạnh. Những giai điệu ai oán cứ xối vào lòng ngài như những mũi kim châm buốt nhói. Trong đó các vũ nữ thể hiện những vũ điệu rất tài tình. Những vũ điệu cùng với những giai điệu âm nhạc do kèn, trống tạo nên. Nhà vua là người rất rành về âm luật nên ngài nhận ra ngay đây là tiếng rên xiết của nỗi lòng sầu xứ.

Vua vừa cảm thông với nỗi buồn xa xứ của người dân Chiêm quốc, dù đây chỉ là hậu duệ của những người bị đưa về Đại Việt cách đây trên năm chục năm, vừa cảm phục khiếu năng nghệ thuật của người Chiêm và còn có phần quý trọng vì ý họ đã gìn giữ được bản sắc văn hóa của riêng mình. Vua quay ra nói với Lý Thường Kiệt:

- Ta nghe nói người Chiêm còn có một vũ điệu rất sôi nổi và vui tươi, đó là điệu Tamane Hơrung, ông thử hỏi xem liệu họ có biết và có thể trình diễn được không.

Lý Thường Kiệt bèn cho vời người chủ phường hát, chính là người lớn tuổi điều khiển chiếc trống đại paranưng. Ông ta cho biết:

- Bẩm đại quan, Tamane Hơrung là điệu múa hoan ca mừng chiến thắng. Chúng tôi có được nghe nói tới. Điệu múa này với người Champa của chúng tôi linh thiêng lắm. Nó được múa trước đền tháp để dâng lên thần Shiva bất diệt mỗi khi quân Champa đánh bại quân xâm lược. Chúng tôi là con cháu của những người bại trận bị bắt làm tù binh truyền kiếp. Đầu óc chúng tôi lúc nào cũng đau đáu nỗi sầu ly hương, làm sao có thể múa nổi cái điệu múa thần thánh ấy của nhà nước Champa khi nó còn đang hùng mạnh.

Nghe những điều người chủ phường nói, nhà vua không những không giận mà còn cảm phục lòng tự tôn dân tộc dù họ đang ở vào cảnh ngộ bất hạnh. Vua có ý

định về triều sē ban chiếu tha hẳn tô thuế cho tất cả các sớ của người Chiêm cư ngụ trên đất Đại Việt. Vua ngó ý mời phường nhạc và múa về Thăng Long truyền dạy nhạc, vũ của người Chiêm cho phường nhạc cung đình.

Chủ phường nhạc không hề biết người nói với ông ta điều đó là dương kim thiên tử, nhưng ông cảm nhận được lòng nhân ái toát ra từ đôi mắt và gương mặt kia, và ông biết dù thế nào thì thân phận những người Champa đang sống trên đất Đại Việt đều không có quyền từ chối bất cứ điều gì mà các quan lớn Đại Việt sai khiến.

Đêm ấy nhà vua nghỉ lại dinh của Lý Thường Kiệt. Ông sai bày tiệc yến thết vua.

Trong lúc chén tạc chén thù, nhà vua nhìn những nếp nhăn ngang dọc trên gương mặt Lý Thường Kiệt chẳng khác nào mặt ruộng nứt nẻ vì khô hanh. Lòng bứt dứt thương vị tướng già tận tụy suốt một cuộc đời chinh chiến, suốt một cuộc đời rộng mở lòng trung để gìn giữ giang sơn, mà rồi ông có giữ được cái gì cho riêng mình đâu. Cuộc đời đẹp nhất là tuổi thanh xuân và khát vọng dục tình, thế mà chỉ một lời khuyên của thái thượng hoàng tức là đức Thái tông của ta, ông vâng mệnh đoạn diệt hết. Bỏ cả người vợ trẻ đẹp mới cưới, bỏ tất cả và xông pha làm tướng đánh giặc suốt từ năm mười sáu tuổi, nay ông đã ở vào tuổi tám mươi ba, nhẽ nào còn để ông đi trấn trị tại châu quận mãi.

Vua chợt hỏi:

- Quan thái úy ra nhận Châu Ái được bao năm rồi nhỉ?

Lý Thường Kiệt cười khà khà, ông tính đốt ngón tay:

- Tâu, bệ hạ sai thân vào Thanh Hóa từ năm Nhâm Tuất (1082), nay là năm Tân Ty (1101), dạ như vậy năm nay là năm thứ hai mươi ạ.

Vẻ hơi rầu rầu, vua nói:

- Ta vô tâm, để ông đi lâu quá khiến tuổi già thêm vất vả.

- Tâu, phận thân tử được vua yêu sai vào chỗ muôn khó, ấy là điều hãnh diện cho kẻ làm quan, làm tướng, can gì bệ hạ phải bận tâm.

- Hỏi thực chứ, ông có lúc nào oán gì ta không?

- Bệ hạ đã hỏi, thần không dám không nói thật. Tức là ngày ấy thần cứ tự hỏi, không hiểu tại sao bệ hạ và hoàng thái hậu lại cho thần dời Thăng Long, trong khi thần đang muốn lập tức đuổi hết đám quan quân nhà Tống ra khỏi cõi, để thu hồi các châu, quận, động, sách mà chúng muốn chiếm đoạt của ta.

Nhà vua cười cười mới:

- Cái chính là ở chỗ đó. Mẫu hậu ta sợ ông mạnh tay quá đối với nhà Tống, dù đất đai có thu hồi về nhanh chóng, nhưng oán thù lại chồng chất thêm. Chi bằng ta dùng phương lược dẻo mềm để thu lại sau vậy. Vả lại mẫu hậu ta đã chứng kiến ba cuộc chiến tranh.

Cuộc thứ nhất là bình Chiêm năm Kỷ Dậu (1069), cuộc thứ hai là phạt Tống năm Ất Mão (1075), cuộc thứ ba là kháng Tống năm Bính Thìn, Đinh Tỵ (1076-1077). Cả ba cuộc ta đều đại thắng, nhưng quân ta tàn sát người Chiêm, người Tống nhiều quá. Ta tuy thắng lớn, nhưng gộp cả ba cuộc chiến ấy lại thì phía ta thiệt hại về người và của cũng không phải là ít. Mẫu hậu ta thật sự lo lắng nếu dất nước rơi vào những cuộc chiến triền miên thì người khổ đau nhiều nhất vẫn là đàn bà, con trẻ. Và lớp đàn ông mất đi trong chiến tranh sẽ làm suy yếu sinh lực đất nước.

- Thần chỉ tiếc là thời cơ đang thuận mà bỏ lỡ sẽ không bao giờ quay trở lại nữa. Giả dụ hồi đó mà ta mạnh tay không chỉ đòi được đất mà còn có thể lấy thêm vì đất của người man ở hai vùng Tá, Hữu giang tới lúc đó vẫn còn là đất ki mi, bệ hạ chẳng thấy năm Ất Mão (1075) khi ta đánh sang Trung Quốc thì các tù trưởng của họ theo ta, một số ít bỏ chạy vào rừng. Khi quân ta rút về rồi họ vẫn chưa chịu quay lại theo Tống. Mãi tới khi quân Tống kéo về đóng cả chục vạn ở Ung Châu và Tống Thần tông tìm mọi cách mua chuộc, dụ dỗ họ mới lại theo Tống.

- Mọi chuyện dù sao cũng đã qua rồi. Và lại, tuổi ông cũng đã cao, phải được dưỡng nhàn. Ông thu xếp bàn giao công việc để vài ngày nữa có mặt tại Thăng Long.

Thật lòng lúc này Lý Thường Kiệt lại không muốn

về Thăng Long nữa. Bởi suốt hai chục năm ông đã gắn bó với con người và cảnh vật ở đây, quen thuộc như chính cái phượng Thái Hòa nơi ông đã sinh ra và lớn lên nhưng chưa làm được điều gì nhiều lắm cho quê hương. Vâng mệnh, Lý Thường Kiệt ra Thăng Long, vua cho thái úy kiêm chức nội thị phán thủ đô áp nha hành diện nội ngoại đô tri sự.

Trở lại Thăng Long, nhà vua rất say sưa thưởng ngoạn nền vũ nhạc của người Chiêm qua ban nhạc vũ nhà vua mới vời về qua chuyến đi Thanh Hóa. Vua chăm chú soạn lời rồi chế nhạc cho họ hát, múa. Vua cũng bắt các nhạc công, vũ công của ta học lấy một số điệu vũ và nhạc công cũng nên biết sử dụng các nhạc khí của người Chiêm.

Tuy vậy trong lòng nhà vua thường không được yên ổn, vì tuổi đã cao mà con nối chưa sinh. Chưa một bà hoàng hậu hoặc một cung nữ nào sinh được một người con với nhà vua. Trong lòng lo lắng, đôi khi nhà vua nghĩ tới việc các tiên đế và ngay cả mẫu hậu cũng can dự vào việc sát hại nhiều người, cái cộng nghiệp của các bậc tiền bối khiến nhà vua cũng có phần phải trả. Vì vậy nhà vua thường nhờ các thiền sư, đạo sĩ lập đàn, trai giới cúng cầu đề giải nghiệp. Cũng vì vậy nhà vua rất nhiệt thành trong việc tu bổ hoặc xây cất chùa tháp.

Đầu năm Tân Ty (1101) vua ra lễ chùa Diên Hựu, đây là ngôi chùa do tổ nội (Lý Thái tông) dựng từ năm

Kỷ Sửu (1049). Kiều chùa được tạo theo một giấc mộng của ngài, tới nay đã trên năm chục năm vẫn chưa trùng tu tôn tạo. Nhân đó vua cho làm lại chùa ở phía tây Vườn Cấm. Kiều cách vẫn giữ nguyên như cũ, chỉ thêm vào các ý mới của nhà vua như mở rộng thêm nền cũ. Khơi sâu và mở rộng hồ Liên Hoa Đài gọi là hồ Linh Chiểu. Trên hồ dựng một cột đá lớn, đỉnh cột tạc một bông sen nghìn cánh. Trên hoa đặt một tòa điện. Trong điện đặt một pho tượng Phật bằng vàng. Xung quanh hồ có hành lang bao bọc, tường vẽ hoa lá, chim muông. Ngoài hành lang lại đào hồ Khang Bích bọc lấy hồ Linh Chiểu. Mỗi mặt đều có cầu vượt cong cong như nửa vầng trăng để tiện việc đi lại. Trong sân, kê với đầu cầu ở trước cửa chùa, có dựng hai tháp lợp ngói sứ.

Trước đó vua và hoàng thái hậu cũng cho xây cất nhiều chùa. Nhưng có nhẽ chùa Diên Hựu không chỉ là nơi thờ tự mà còn là một công trình nghệ thuật độc đáo nom như một viên ngọc nổi lên giữa kinh thành Thăng Long hoa lệ.

Khánh thành chùa Diên Hựu xong, vua còn xuất của kho cho dựng ba quán Khai Nguyên, Thái Dương và Bắc Đẩu cho những người theo đạo Ihoàng Lão có thêm nhiều nơi lễ bái, tu tập.

Trong hoàn cảnh vua thì muộn con, hoàng thái hậu thì hiếm cháu, nên hai mẹ con ra sức xây dựng chùa, quán, siêng năng lễ bái. Và bất cứ việc gì lợi cho

nghiệp thiện, đem lại phúc hạnh cho người đời thì nhà vua và thái hậu đều không tiếc của, tiếc công. Như việc đắp đê ngăn nước lụt chẳng hạn, trước đây chỉ đắp đê giữ không cho nước tràn vào trong hoàng thành và các cung điện. Năm nay mới đầu giêng vua đã xuống chiếu cho trong ngoài kinh thành đều đắp đê ngăn nước. Chắc vua không thể ngờ đây là khởi đầu một công trình trị thủy lớn nhất của nhà nước Đại Việt do vua khởi xướng. Các công trình tiếp theo vào các năm sau như đắp đê ở phường Cơ Xá¹, tức là đê ngăn nước lũ cho từng tiểu vùng. Có lẽ công trình đắp đê lớn nhất triều Lý còn phải kể đến con đê ở nam ngạn sông Như Nguyệt được tạo như một bức tường thành dài hơn hai trăm dặm. Và ngay sau khi đuổi quân Tống khỏi cõi vào tháng hai năm Đinh Tỵ (1077) thì tháng chín, triều đình sai đắp và bồi trúc con đê này dài tới sáu mươi bảy ngàn ba trăm tám mươi bộ. Công trình trị thủy này sau được nhà Trần nối tiếp đắp đê ngăn lụt từ nguồn tới biển, thật là một công trình trị thủy vĩ đại nhất trong lịch sử nước nhà.

Thái hậu còn cải dạng như người dân thường đi vào các làng xóm, chợ búa, cầu, quán² hoặc các hàng nước nơi bên sông bãi chợ, nơi gốc đa gốc muỗm để

1 Cơ Xá nay thuộc phường Bắc Biên xã Long Biên, Gia Lâm, Hà Nội.

2 Về đời cổ người ta làm cầu bắc qua sông thường có mái che, có chỗ ngồi nghỉ cho khách bỏ hành.

Quán thường dựng ở giữa cánh đồng để người làm đồng có chỗ trú mưa trú nắng hoặc nghỉ trưa ăn cơm. Vì ngày xưa dân cư thưa thớt.

nghe ngóng xem trong dân chúng có điều gì trái ý với triều đình. Bởi xuất thân từ một cô gái quê lam lũ, nên việc cải dạng của bà chẳng mấy khó khăn và cũng dễ nhập vào với câu chuyện của mọi người.

Có lần bà ngồi lán ở một quán nước đầu làng thấy có một cô gái vào tuổi lữ thì, người héo quắt lại bế một đứa trẻ nhỏ, nom rõ không phải con của cô, thái hậu liền hỏi bà hàng nước:

- Bà lão à, tôi xem cô gái với đứa bé kia như không phải là hai mẹ con thì phải.

Bà hàng nước vội nhả miếng bã trầu cầm tay, miệng nhỏ phì phì những vụn cau, vò rồi dùng hai ngón tay cái và tay trở tém vội vành môi ngoen quết trầu, bà đáp:

- Bà khách tinh mắt thật đấy. Nhà cô ấy bị cha mẹ bán đợ¹, nhưng hết hạn không có tiền chuộc, nay cứ phải ở cho nhà chủ hầu hạ người ta hết đời thôi. Rồi bà than: - Cứ bảo ông giới ông Phật có mắt, nhưng tôi thấy giới Phật cứ nhìn đi đâu ấy chứ có nhìn vào người cùng khổ đâu.

- Sao bà lão lại nói vậy? - thái hậu gắt lời.

- Thì ở vùng tôi đây nhiều con gái nhà nghèo phải đem gán nợ, cha mẹ không có tiền chuộc về coi như

¹ Bán đợ là bán có thời hạn. Hết hạn người bán không chuộc lại coi như mất của. Khác với bán đơan là mua bán chỉ diễn ra có một lần.

cái cây đang tươi tốt bị chết đứng giữa giờ chứ còn gì nữa. Lại cũng nhiều người đàn ông vợ chết sớm, sống góa bụa chẳng đủ tiền bạc mà cưới xin lần thứ hai nữa. Chẳng riêng gì đàn ông góa dâu bà khách ạ, còn nhiều anh con trai nhà nghèo cũng chẳng có ai lấy, sống lay lắt như cái cây khô nhựa.

- Vậy chớ chỉ vùng ta đây có vài người như lão bà nói thôi chứ các vùng khác đâu đến nỗi.

Bà lão ném miếng bã trầu ra xa, với vẻ bực dọc, bà nói:

- Bà khách chắc là ở cửa quyền quý nên chẳng biết mấy cuộc sống cơ cực nơi hương ấp. Hương tôi có đến cả chục ấp, chẳng ấp nào không có người nghèo khó bất hạnh như vậy. Còn các nơi khác có hơn gì nơi tôi. Tôi ngồi bán nước cho khách qua đường ở đây kể tới hơn ba chục năm rồi, cứ gọi là nom mặt khách tôi cũng biết họ ở thứ bậc nào trong xã hội.

Thái hậu thấy nhói buốt ở trong lòng. Bà có cảm nhận như trong việc này bà có lỗi với người dân. Bà lấy một quan tiền ra trả cho bà hàng nước.

Bà lão hàng nước giật thót tay lại và với vẻ kinh ngạc:

- Quý khách ơi, bà là người hay là Phật đấy. Tôi rót mời bà bát nước, bà chưa nhấp môi mà bà trả tôi cả một quan tiền. Mười cái quán của tôi cũng không đáng nửa quan tiền đâu quý khách ạ, người nhận lại tiền đi, tôi không dám lấy của người đâu.

Thái hậu cười vui vẻ, cầm quan tiền đặt vào tay bà lão:

- Thì bà lão cứ cầm lấy, coi như tôi biểu bà, trong đời mỗi người cũng phải có một lần gặp may chứ. Nói xong thái hậu cất bước. Phía xa mấy người theo hầu đang thấp thoáng chờ.

Bà lão hàng nước nắm cả một quan tiền trong tay, người bà tự nhiên bủn rủn, muốn cất lời cảm tạ mà không sao mở miệng được. Chao ôi, cuộc đời bà có bao giờ dám ước mơ có được một quan tiền. Bà vội phi thúc: Thế mà cái mồm này đã vội trách gười Phật cứ nhìn đi dâu.

Về triều, thái hậu nói vua Càn Đức xuống chiếu cho thiên hạ biết, làng xã nào có con gái phải đi ở đợ, phải đi gán nợ, làng xã nào có người chết vợ mà không lấy được vợ, hoặc những người đàn ông đứng tuổi mà không lấy được vợ, triều đình sẽ xuất tiền chuộc lại những người con gái kia và gả cho những người đàn ông nợ.

Chính lệnh ban ra, những người đàn bà đàn ông bất hạnh tự nhiên được sống có đôi mà trước đây họ không dám mơ ước. Ai cũng bảo bà thái hậu Ý Lan có cái tâm Bồ tát.

Chuyện đến tai bà hàng nước rằng triều đình bỏ tiền ra làm cái việc chưa một triều đại nào làm được. Và quả thực trong hương ấp của bà những người con gái ở đợ đã thoát kiếp và những người đàn ông góa bụa, cô

đơn, bất hạnh đã sống với những người con gái kia như dũa có đôi. Bà nghĩ, câu chuyện chắc là bắt đầu từ quán nước của bà, và cái bà khách kia chính là bà Ý Lan thái hậu, mẹ vua. Nhưng bà vẫn câm như hến không dám nói, sợ đến tai chức dịch trong hương áp họ lại bảo mình phạm thượng, có khi còn bị trị tội nữa.

Đất nước đang yên bình, bỗng nhiên Lý Giác học được phép phù thủy gây rối loạn chống lại với quan quân của triều đình. Bị đánh bại, y trốn sang Chiêm Thành. Lý Giác tâu báo với vua Chiêm bấy giờ là Chế Ma Na rằng: “Từ khi Lý Nhân tông thân chinh, tức tự mình nắm trọn việc triều chính, chỉ say sưa với đạo Phật và đạo Hoàng Lão. Suốt ngày chơi núi ngắm cảnh làm thơ thù ứng với các thiền sư, đạo sĩ rồi lễ bái cầu cúng, vì đang lo phạt tự¹, cho nên biếng trễ việc quân. Lý Thường Kiệt đã già quá rồi, ông ta đã trên tám chục tuổi, bây giờ cũng theo vua vào con đường mê tín. Các quan trong triều đua nhau xu nịnh, tìm kiếm các vật quái đản như rùa sáu mắt, hươu đen, chim sẻ trắng, ngựa có cựa như gà chọi... Nước Tống hiện đang suy yếu, nên mặt bắc, mặt nam Đại Việt đều sơ hở, nhà vua sao không nhân cơ hội này mà chiếm lại đất ba châu², rồi thừa thắng đánh thốc ra mà chiếm cả vùng Hoan, Ái”.

1 Phạt tự là không có con trai nối dõi.

2 Đất ba châu: Địa lý, Bố Chánh, Ma Linh do Chế Củ dâng để được tha từ hồi Lý Thánh tông bình Chiêm năm Kỷ Dậu (1069).

Chế Ma Na từ khi Đại Việt đánh bại được nhà Tống, và trận Tống xui Chiêm Thành tiến đánh mặt nam, nước Chiêm đã đưa tới bảy ngàn quân đón lõng ở biên thùý, nhưng thấy Tống không làm nên trò trống gì, người Chiêm bèn rút quân. Vẫn nơm nớp lo Đại Việt hỏi tội, nên sau khi quân Tống thua phải rút về thì từ bấy tới nay Chiêm Thành giữ phận nước phiên thần, tuế cống thường niên không dám lơ là.

Nay nghe Lý Giác nói, người Chiêm thấy thời cơ dòm đất dã đến. Chế Ma Na liền sai đô tổng quản thượng tướng quân đem hai vạn quân chiếm lại miền đất ba châu.

Bất ngờ bị một lực lượng lớn tiến công, biên quân của ta chống cự không nổi phải rút hết về Nghệ An.

Tin cấp báo về triều, vua Nhân tông giận lắm, hỏi quần thần:

- Ai vì trẫm đi bắt Lý Giác về trị tội, hạch Chế Ma Na đòi lại đất ba châu?

Các quan còn đang cân nhắc, bỗng Lý Thường Kiệt xuất ban quỳ tâu:

- Thần xin bệ hạ cho đảm nhận việc này.

Triều quan hết sức ngỡ ngác, nhiều người cảm như hổ thẹn.

Vua Lý Nhân tông rời long ngai bước xuống nâng Lý Thường Kiệt dậy, nhà vua xúc động nói:

- Thường Kiệt là một vũ tướng trải thờ ba triều, công lao trùm thiên hạ. Lòng trung của lão tướng khỏi

phải nghĩ bàn, nhưng nay ông đã ở tuổi tám mươi sáu rồi, ta không nỡ để ông ra trận, thế chẳng hóa ra ta bạc đãi lão thần sao? Nếu cần ta tự thân chinh bắt Lý Giác, quét sạch bọn người Chiêm tráo trở.

Lý Thường Kiệt cứ khăng khăng:

- Đây là một vinh hạnh cuối cùng, nếu bệ hạ không trao cho thần thì xin cứ quỳ mãi ở đây cho đến chết. Thân làm tướng nếu được chết ở chiến trường thì có gì làm tủi hổ. Vả lại quân Chiêm sao so được với quân Tống, tướng Chiêm hiện nay không có mặt nào đáng phải dè chừng. Quân Chiêm đem hai vạn sang xâm đất ta, thần chỉ xin bệ hạ cho một vạn là đủ đuổi quân Chiêm chạy xa ngàn dặm.

Không thể nào ngăn được, vua đành phải để Lý Thường Kiệt xuất chinh. Và ông cũng chỉ đem theo đúng có một vạn quân.

Ông cho đóng đại quân trên đất Nghệ An rồi cho thám báo di dò thăm các trại thủy bộ của quân Chiêm, lại biết chắc chắn trung quân của người Chiêm đóng ở chỗ nào. Hôm sau ông vẫn án binh bất động cho quân nghỉ ngơi làm như chưa biết gì về phía quân Chiêm. Trong năm ngày đêm liền quân thám về báo các vị trí đồn đóng của quân Chiêm vẫn không có gì thay đổi.

Lý Thường Kiệt liền cho quân vượt đèo sang đất Bố Chánh hạ trại. Quân Chiêm thấy phía quân Việt không đông lắm, nhưng các trại quân đóng đều liên kết với nhau lại tựa lưng vào sườn núi. Quân kỹ rất

nghiêm, cả vạn quân mà không hề có sự huyền não, ngay cả việc quân Việt đặt bếp ăn ở chỗ nào quân Chiêm cũng không dò được. Bởi cả vùng quân đóng san sát mà không hề thấy khói bếp bốc lên ở chỗ nào. Người Chiêm ngờ rằng quân Việt đem theo cơm nắm hoặc gạo rang. Họ biết đích thân Lý Thường Kiệt cầm quân đối trận, nhưng không dò biết được đại bản doanh ông đóng ở đâu.

Sự thật, các tướng Chiêm khi nghe danh Lý Thường Kiệt họ đã nản. Và thường nhớ đến trận ông truy đuổi nhà vua Chế Củ đến tận biên thùy Chân Lạp bắt sống đem về Thăng Long. Để được tha mạng sống, Chế Củ đã cắt dâng ba châu này cho Đại Việt từ năm Kỷ Dậu (1069), tới nay họ đã cai quản đúng ba mươi lăm năm, dân họ đã sinh sống ở đây và việc giao hảo giữa dân chúng hai nước trong các vùng biên địa như mua bán trao đổi hàng hóa, vẫn diễn ra bình thường. Nay người Chiêm đã chiếm lại được cả ba châu, nhưng không biết có giữ nổi? Vì rằng các tướng Chiêm khi nghe danh Lý Thường Kiệt đã run sợ. Trong khi các tướng Chiêm nhận định, Lý Thường Kiệt hẳn vừa đóng quân vừa nghe ngóng chứ không dám khinh động thì nửa đêm, quân Việt lặng lẽ đột kích vào đại bản doanh của quân Chiêm.

Quân Chiêm bị đánh bất ngờ, chống đỡ luống cuống, thầy chết ngón ngang. Các tướng Chiêm có đội cảm tử hộ tống chạy thục mạng đến gần sáng mới dám

dừng lại. Phía doanh trại quân Chiêm lửa cháy rừng rực, khói bốc cao đến tận trời. Các tướng hốt hoảng xuống thuyền tháo chạy về Trà Bàn bỏ mặc đội quân mấy vạn tan tác, phần ra đầu hàng, phần lẫn trốn vào rừng sâu rồi vượt rừng, vượt núi sang nước Lão Qua.

Thu lại đất đai, Lý Thường Kiệt cho quân đi gọi mọi người ai ở đâu lại về vùng đó làm ăn sinh sống. Trong mấy chục năm di dân vào giữ đất, triều đình không những kiên trì tha tô thuế mà còn cấp dưỡng lúa gạo hoặc hạt giống cho dân vào những năm lũ lụt, hạn hán.

Yên dân xong, Lý Thường Kiệt đưa thư trách Chế Ma Na bội tín. Ông đòi phải trao trả Lý Giác và phải có cam kết từ nay không xâm phạm vào đất đai Đại Việt, nếu không ông sẽ đem quân vào tận Trà Bàn hỏi tội.

Chế Ma Na phúc đáp với lời lẽ tỏ ra hối hận vì đã nghe Lý Giác xúi giục. Từ nay không dám phạm oai nữa và xin giữ phận biên thân, tu cống thường năm. Riêng tên Lý Giác khi nghe tin quân Đại Việt tới, y đã trốn chạy sang nước Lão Qua, nay không biết y ở đâu mà truy bắt.

Đuổi quân Chiêm, đòi lại đất, yên dân xong Lý Thường Kiệt dẫn binh về Thăng Long, tâu báo việc thắng trận.

Tám mươi sáu tuổi vẫn còn ra trận, đuổi giặc nhân nhả như cho tay vào túi lấy đồ vật, vũ uy của Lý Thường Kiệt làm khiếp đảm cả người Tống lẫn người Chiêm. Từ

trong triều đến người dân trong cả nước thấy đều tỏ lòng ngưỡng mộ ông. Vua Lý Nhân tông rất hài lòng về vũ công của ông bèn chế ra khúc hát đề tán dương công trạng bậc huân tướng hiếm hoi trong các hàng tướng tài của Đại Việt, lại ban ông các chức: “*Triều quốc thái úy, thủ thượng thư lệnh, khai phủ nghi đồng tam ti, kiêm ngự sử đại phu, dao thụ chư trấn tiết độ sứ*”.

Chức tước vua ban cho ông vào hàng tột bậc. Tuổi cao, ông không có bệnh mà mất vào tháng sáu năm Ất sửu (1105) tức là đúng một năm sau trận đuổi quân Chiêm thu lại vùng đất ba châu. Ông sinh năm Kỷ mùi (1019), hưởng thọ tám mươi bảy¹ tuổi.

Lý Thường Kiệt mất tại tư dinh ở phường Thái Hòa, vua Nhân tông thương tiếc khôn nguôi, sai sứ đến tế ông tại nhà.

Bà thái hậu Ý Lan bù ngùi nhớ lại công lao của ông phù giúp. “Nếu không có ông ấy sao ta có được ngày nay”. Nghĩ vậy, bà sai quốc sư Viên Thông lo việc làm lễ cầu siêu cực lớn cho ông sau khi đã an táng.

Sau khi Lý Thường Kiệt mất, vua lại ban tặng thêm tước lộc: *Nhập nội điện đô trì kiểm hiệu thái úy, bình chương quân quốc trọng sự, Việt quốc công*, thực ấp một vạn hộ và ban tên thụy là Mục Uyên và ban cho người em là Lý Thường Hiến được nối tước hầu. Nhờ hồi Lý Thường

¹ Theo cách tính của phương Đông thì Lý Thường Kiệt hưởng thọ 87 tuổi.

Kiệt theo hầu Lý Thánh tông đi đánh Chiêm Thành năm Kỷ Dậu (1069) được cử làm tướng tiên phong, ông lập công lớn, truy đuổi vua Chiêm là Chế Củ đến tận biên thùy Chân Lạp thì bắt được.

Khi bình công, ông dự hàng đệ nhất. Vua Thánh tông phong: *“Phụ quốc thái úy dao thụ chư trấn tiết độ đồng trung thư môn hạ thượng trụ quốc, thiên tử nghĩa đệ, phụ quốc thượng tướng quân Khai quốc công”*.

Nay ông mất cả nước đều thương tiếc. Đám tang của ông, hầu hết các quan trong triều, kể cả các bậc tước nho đều thành kính đưa tiễn. Mặc dù ông xuất thân từ thái giám, nhưng chỉ có ông là biệt lệ, ngoài võ công chói lọi, nhân cách ông ít người bì kịp. Khác với các quan thái giám khác thường bị các đồng僚 miệt khinh, nhất là các bậc nho giả coi các thái giám vào hàng “bất cổ liêm sĩ”.

Nhớ ơn ông, người trong kinh thành đưa tiễn ông đông nghìn nghịt. Dân nước nhớ ơn ông lập đền miếu thờ.

Các bậc thiền sư trong hàng giáo phẩm không một ai vắng mặt trong buổi tiễn biệt ông. Nói cho công bằng, ông cũng là người có công với Phật giáo. Cuối đời, ông rất sùng Phật. Vì vậy thiền sư Pháp Bảo Hải Chiếu mới nói về ông: “Thân tuy vương tặc, nhưng lòng đã quy y”.

XXII

Sau cái chết của Lý Thường Kiệt, nhà vua băng khuâng buồn bã tới cả tháng trời. Nhớ lại các chuyện xưa, vua thầm nghĩ: “Nếu không có Thường Kiệt phù trợ, ngôi nước chắc gì đã về ta”. Hơn nữa, sau khi tiên quân ta mất đi, một mình ông chèo chống với nội tình trong nước rồi bình Chiêm, phạt Tống, vào nam lên bắc đều nhờ ở ông cả.

Các thiên sư, đạo sĩ biết vua còn có nỗi buồn sâu sắc khác là lo phiền về nỗi con nối vẫn chưa sinh nên thường rủ vua đi chơi các chùa, quán lập đàn cầu tự cho nhà vua. Vì thế vua cũng vợ bớt nỗi cô đơn, nhưng lại sa vào các mê lộ của các tay theo đạo Hoàng Lão nhưng đã biến thành các phù thủy bẻm mép chuyên chuyện dối lừa khoác lác, ngay cả các nhà sư theo phái Mật tông chuyên trì chú ma thuật để dối đời, lừa người cũng không còn là chuyện hiếm nữa. Thêm vào đó lại mới có một vài người tìm đường sang tận Tây Trúc học đạo, khi

về thường huỳnh hoang chuyện đầu thai thác hóa cùng biết bao pháp thuật tinh diệu khác. Vì thế, số người tu Phật tìm học phái Mật tông ngày một nhiều thêm. Đạo Hoàng Lão ít ai để tâm nghiên ngẫm kinh điển của Lão Tử nữa mà nó chia thành nhiều hệ phái. Phái thì chán đời tìm vào rừng thẳm hang sâu luyện đan cầu tìm sự trường sinh bất lão, phái thì khinh đời dựng lầu đọc sách chủ cho cái sự nhàn tâm. Nhưng phần đông họ theo về dòng vu hích, tức là các pháp sư theo đạo phù thủy, luyện âm binh, phù chú, yểm đảo. Đạo phù thủy lại kết hợp với tục thờ mẫu theo tín ngưỡng dân gian trở thành một thứ đồng cô, bóng cậu, gọi hồn người chết hoặc đánh đồng thiếp xuống âm phủ tìm người thân, kiện cáo các việc trần gian bị bắt công oan khuất.

Thời của Lý Nhân tông trị vì là thời yên bình, bắc thù, nam thù hai nước Trung Hoa và Chiêm Thành đang suy yếu nên biên sự không có điều gì đáng lo ngại. Trong nước thì trộm cướp cũng ít bởi người dân đã bớt đói khổ, mùa màng liền năm bội thu, thế mà dân tâm lại trở nên xáo trộn bởi sự thao túng của bọn tà giáo.

Nha vua buồn nổi buồn vô sinh, các cung nữ thay hết lớp ấy đến lớp khác cũng chẳng có một ai thai nghén được với nhà vua. Mặc dù vua đã tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ dẫn của thái y từ thuốc men, ăn uống đến nhập phòng. Và dám các thái giám theo dõi từng ngày kinh nguyệt của từng cung nữ. Lại có sổ biên chép riêng cho

từng hoàng hậu, từng cung nữ về giờ giấc hành lạc của nhà vua, kể cả ngày tháng theo con nước, theo tuần trăng.

Không những không sinh nở mà năm Ất Hợi hoàng hậu Thánh Cực chi ốm có vài ngày đã bỏ ta mà đi. Lại năm Mậu Tý tức là chỉ bảy năm sau hoàng hậu Chiêu Thành cũng bỏ ta đi nữa.

Càng nghĩ, nhà vua càng như quẩn bách, ngài tự đến chùa Thánh Chúa nhờ nhà sư trụ trì cầu tự. Sư này tuy là đệ tử của Đại Diên, nhưng không có phép thuật như sư Đại Diên, nên chỉ lập đàn trai giới để cầu phúc, cầu tự, thành thử vua tuy có tâm thành mà sự thỉnh cầu lại không thành.

Sau các pháp sư theo đạo Hoàng Lão lập đàn bảy tầng cầu cúng bảy ngày, nhà vua phải đích thân đội lễ đảo đồng đúng bảy lần. Tới ngày giải đàn, đại pháp chủ rải một cuộn giấy trắng dài tới bảy sải tay, thư hương phù chú đúng bảy lần. Tự tay ông lấy mấy nắm rượu cúng, ném bùa vào trong lọ rượu rồi thư hương phù chú, đoạn đổ rượu ra bát. Đại pháp chủ hụm từng hụm rượu phun tựa mưa bụi bay lên mặt giấy. Rùng rợn thay, pháp chủ phun rượu đến đâu thì hiện rõ nào những chiếc bàn chân trẻ nhỏ súa tiếp nối thành một vạch dài rồi biến mất, tựa như đứa trẻ đi mất hút, rồi hình những đứa bé cúi gục xuống hai tay kẹp vào hai má, ôm lấy đầu tựa như những thai nhi chết yểu, lại

xây chùa, cúng dàng chư tăng, cứu vớt người cô quả, cô đơn. May nữa là gặp được đại sư Quảng Trí, người bày cho con đường sám hối nhờ vào khóa an cư kết hạ¹ tới gần một ngàn sư tăng và giải hạ vào đúng mùa Vu Lan. Ta thành tâm nên các sư chứng cho và nhất tâm kêu cầu trở thành một cộng lực giúp ta giải thoát. Phải nói từ đó tới nay không một việc thiện nào nhìn thấy mà ta lại bỏ qua. Với mọi người, ta không phân biệt đối đãi. Càng nghĩ càng ân hận. Chính Nhật Tôn (Lý Thánh tông) đã vớt cuộc đời ta từ vực thẳm lên chín tầng trời quang đấng. Vậy mà ta lại gieo họa cho dòng họ của nhà vua. Phải nói, thái hậu Ý Lan tuy đã nhất tâm sám hối, nhưng lương tâm vẫn bị giày vò đến nhàu nát. Một lần vi hành về tới miền quê heo hút, nghe thấy tiếng thiếu phụ khóc nức nở, lại có cả tiếng ồn ào như cãi cọ, quát tháo, bà liền ghé vào hỏi cho ra đầu đuôi.

Mọi người vẫn chưa hết bức dọc, thiếu phụ ngừng khóc nhưng vẫn còn tiếng nấc. Họ nhìn khách vẻ nghi ngờ, liền hỏi:

- Quý khách từ đâu tới. Chẳng nhẽ lại tò mò muốn biết chúng tôi to tiếng vì sao ư?

1 Mùa kết hạ của các sư tăng bắt đầu từ rằm tháng tư âm lịch. Chư tăng tập hợp để thực hành yết ma kết giới, quy định ranh giới cư trú trong ba tháng, đánh dấu các góc Đông nam, Tây nam, Tây bắc, Đông bắc. Khi đã chỉ định sư an trú rồi không ai có quyền đi ra khỏi ranh giới ấy. Trong trường hợp có sự cố bất khả kháng vì tăng chỉ được ra khỏi nơi an trú khi đã được yết ma giải giới. Kết thúc mùa kết hạ vào rằm tháng bảy đúng dịp lễ Vu Lan.

Được tin vua lập các hoàng hậu mới, các đại thần đua nhau dâng con cái. Tú lâm cục kết liên với các pháp sư và thái giám chọn được ba người, vua bèn phong tất cả đều là hoàng hậu. Đó là các hoàng hậu: Lan Anh, Khâm Thiên, Chấn Bảo. Liên đó tuyển thêm được ba mươi sáu cung nhân. Đây là một sự phá luật lệ đã quy ước từ đời Lý Thái tông, mỗi lần chỉ được phép tuyển mười hai cung nữ mà thôi. Lý Nhân tông vì hiếm muộn nên các pháp sư nói thế nào đều tin nghe.

Lại nói về bà Ý Lan thái hậu đi khắp nước, không một nơi thờ tự tổ hào nào bà không tới kêu cầu để xin cho nhà vua được có con nối. Năm nay bà đã bảy mươi tuổi, nhà vua đã vào tuổi năm mươi, mọi hy vọng sinh con dường như đã bị dập tắt. Lòng bà đau xót, đôi khi nghĩ lại tội ác gây nên một cách bất ngờ do lòng tham sân si không kim chế được từ hồi năm Quý Sửu (1073) khiến bà đau đớn. Và đây chính là nghiệp báo, là phải trả nghiệp theo thuyết nhân quả mà thôi. Bà nhớ lại lời nguyện trong một giấc mơ gặp lại bà Thượng Dương. Từng lời còn rành rõ: *"Ta và bảy mươi hai cung nữ vô tội bị người chôn sống, chúng ta sẽ ngày ngày kêu trước Phật tổ, đòi trả lại sự công bằng. Người phải trả nghiệp luân hồi trái bảy mươi ba kiếp bắt đầu từ côn trùng, sâu bọ, rắn rết, trâu, lợn... sau đó mới được trở lại làm một thứ người không tiến hóa, đời đời làm tôi tớ cho người"*.

May thay ta đã sám hối tự tâm, bắc cầu, làm quán,

nữa hàng trăm những đầu lâu trơ ra những hốc mắt đen ngòm. Nghĩa là toàn những cảnh ghê rợn, chết chóc¹.

Nhà vua nhìn những hình thù quái dị hiện lên, trong lòng hết dỗi lo lắng. Vua hỏi:

- Phải chăng đây là tiên oan nghiệp chướng?

- Tâu bệ hạ, đúng như vậy, - đại pháp chủ đáp.

Sau đó ông niệm thần chú, bắt ấn quyết rồi cầm cả một bó nhang đang cháy dùng dùng hươ trên nền tám giấy dài như một chiếc phướn hai chữ: “giải thoát”. Đoạn ông sai đem ra giữa sân tưới rượu vào đốt.

Một lát, đại pháp chủ quay lại nói với nhà vua:

- Tâu bệ hạ đúng là tiên oan nghiệp chướng, các hồn ma đòi báo oán. Thần đã sai âm binh đuổi chúng đi hết rồi, thần cũng chỉ cho chúng con đường giải thoát, chúng không dám quay lại quấy nhiễu nữa. Bệ hạ từ nay nên gắng bế tinh, xa lánh đàn bà. Lập hoàng hậu mới, tuyên cung nữ mới rồi tuần tự nhập phòng theo chỉ dẫn, nhất định thánh thai² sẽ đậu.

Nghe đại pháp chủ nói, vua tin lắm, niềm vui làm mặt rồng thêm rạng rỡ.

1 Thủ thuật bịp bợm của lũ phù thủy là chúng lấy các hạt cau bánh giầy già nhỏ ra lọc lấy nước làm mực, rồi lấy bút lông vẽ các hình ma quỷ trên giấy bản. Phơi khô giấy, các hình đó lặn đi hết. Khi phun rượu làm cho giấy ẩm các nét vẽ lập tức hiện lên, người lương thiện tin đó là ma quỷ thật.

2 Thất ra cũng chỉ là một thai nhi, vì là dòng máu vua nên gọi để tôn vinh: Thánh thai.

- Chính thế, ta muốn biết điều đó. Giọng nói của bà nghiêm lạnh như toát ra một thứ thân uy, tự nhiên ai nấy đều khép nép. Một người già nhất đứng ra nói:

- Thưa, nếu quý khách muốn biết chúng tôi cũng chẳng cần giấu làm gì nữa. Chẳng là tám nhà chúng tôi đây chung nhau một con trâu để cày ruộng. Mỗi nhà nhận chăn dắt một ngày. Hôm qua đến phiên gia chủ đây, buổi tối mới nhận trâu thì đêm trộm bắt mất. Bảy nhà chúng tôi bắt chị ta phải đền, chị ta còn khóc lóc kêu rằng trộm nó bắt chứ có phải chị ta làm mất trâu đâu.

Một người khác nói xen vào:

- Vô lý, trâu ở chuồng nhà chị ta bị mất, tức là chị ta đánh mất trâu thì phải đền, lại còn đổ tại kẻ trộm. Người đó nhìn thẳng vào gương mặt thái hậu định nói điều gì, nhưng thấy ánh mắt khách có vẻ nghiêm khắc, ông ta không nói nữa.

Nghe rõ đầu đuôi, thái hậu bèn lên tiếng:

- Gia chủ, thế chồng chị đâu mà không ra nói chuyện với các ông đây.

Nghe khách hỏi, thiếu phụ tủi thân òa khóc. Một lát, nỗi đau dường như đã thoát được một phần theo dòng lệ, thiếu phụ nhẹ nhàng thưa:

- Cảm tạ tấm lòng bà hỏi. Chồng con chết trận từ hồi đánh giặc Tống năm Đinh Tỵ (1077) kia. Con một nách nuôi ba đứa trẻ, thân góa bụa vừa làm mẹ vừa phải làm cha, cày cuốc đều ở một tay con. Nay phải đền cả con

trâu, đến bán hết cơ nghiệp cũng không mua nổi trâu, lấy gì mà đền đây. Nói xong thiếu phụ lại òa khóc.

Thái hậu nhìn khắp mặt bảy người đàn ông rồi hỏi:

- Con trâu vừa mất giá bao tiền?

- Ba quan, - thưa quý khách, một người đáp.

- Ở vùng này từ trước tới nay có hay bị mất trộm trâu không, - thái hậu lại hỏi.

- Trước kia thì không. Chỉ mấy năm nay nổi lên một lò mổ, nên nạn trộm trâu thường xảy ra nay làng này, mai làng khác.

Một người khác để thêm:

- Quý khách không biết chứ với nhà nông chúng tôi, con trâu làm đầu cơ nghiệp, nghèo quá, tám nhà mới mua nổi một con trâu, nay mất đi lấy gì mà cày cấy đây.

- Còn là mất nữa, nếu không triệt được cái lò mổ kia, một người bực dọc nói.

Thái hậu lại hỏi:

- Lò mổ, thuần mổ trâu do kẻ trộm bắt về mà quan xã, quan châu lại để nó yên à?

Mọi người cười phá lên, vẻ như giấu cợt khách chẳng hiểu gì về đám quan lại.

Thái hậu có vẻ bực dọc nhắc lại:

- Vậy chớ ta hỏi các ông, quan xã, quan châu không ngăn cấm lò mổ, không truy tìm kẻ trộm trâu trị tội.

Một người đứng tuổi nhất trong bọn trả lời:

- Thưa quý khách, cái lò mổ kia nếu không được quan xã, quan châu bảo trợ sao nó dám ngang nhiên tồn tại. Dân chúng mất trâu trình quan. Quan quát hỏi:

- Người có nghi cho kẻ nào bắt trộm trâu của nhà người không? Nếu bảo có, quan lại hỏi tiếp:

- Họ tên quê quán nó ở đâu?

Khi nói rõ người mình nghi, quan liền quát:

- Người có tang chứng vật chứng gì không?

Dân chúng đành cứng họng. Quan lại đe:

- Nếu từ nay các người dám thưa trình mà không đủ tang chứng vật chứng, ta sẽ trị các người về tội: “Vu oan giá họa, gấp lửa bỏ tay người”.

- Dạ, thưa quý khách, các quan lớn quan bé ở vùng chúng tôi đều như thế cả.

- Chẳng riêng gì ở vùng ta đâu. Đã là quan thì ở vùng nào mà chẳng vậy, một người khác đế theo.

Thái hậu cảm như có gì đổ vỡ ở trong lòng, ta cứ ngỡ triều đình ái dân như vậy, nuôi vỗ dân như vậy, luật pháp nghiêm như vậy thì dân chúng được nường nhờ, hóa ra lũ sâu dân một nước luôn ngóc đầu dậy mà triều đình vẫn như những kẻ diếc, dui. Càng nghĩ bà càng thấm thía phép trị nước của đức Thái tông là nhân nghĩa và sâu sắc. Đặt ra luật nhưng cũng theo đó mà đặt chức xuất nạp quan. Xuất nạp quan vào dân nghe ngóng nếu luật triều đình ban ra điều gì không có lợi cho dân

chúng mà chỉ có lợi cho người cầm quyền, dân chúng ta oán, lập tức xuất nạp quan về tâu lại. Vua cùng các quan làm luật xem xét và sửa đổi tức thì. Hoặc luật tuy được lòng dân, nhưng quan chức các cấp không chịu thi hành đúng luật, khiến người dân không được hưởng lợi, xuất nạp quan liền dâng sớ cáo giác, kẻ phạm luật tức khắc bị trị tội. Cách làm ấy, triều đình tuy ở xa mà vẫn nghe được tiếng nói của dân, hiểu được lòng dân. Vì thế mà nạn quan lại nhũng nhiễu tham tàn bớt hẳn. Sang đời Thánh tông vẫn gìn giữ nếp cũ của triều trước và cũng có nhiều canh cải có lợi cho người dân vì nhà vua là người ái thiện. Rủi tới khi mẹ con ta nắm quyền đại thống thì trong nước có nhiều điều trắc trở, bê bối, lại liên tiếp mấy cuộc chiến tranh nên việc chăn dân có phần sao nhãng. Sức nhớ mấy người đang tranh chấp về sự bồi hoàn con trâu mất trộm, thái hậu liền hỏi:

- Vậy chớ ý của bầy các ông bây giờ thế nào?

Nghe giọng nói biết người khách là kẻ quyền uy, nên lời nói của họ trở nên mềm mại hơn:

- Thưa quý khách, bà chỉ là người qua đường mà cũng có lòng quan tâm đến người dân khốn khó. Kẻ tình gia chủ đây thật cũng nên thương, nhưng hoàn cảnh chúng tôi cũng chẳng hơn gì, nếu không bắt đền chị ta thì chúng tôi cũng không biết trông mong vào đâu để có sức kéo.

Nghe họ nói thật cũng thương tình, thái hậu lại hỏi:

- Gia cảnh góa phụ các ông đều biết cả, lấy gì mà dền cho các ông?

- Dạ không, phải dền chứ ạ, chúng tôi thương là thương cùng cảnh ngộ thôi chứ dân cùng dinh chẳng có gì mà san sẻ cho nhau được.

- Phải đấy!

- Phải đấy! Tất cả mọi người đều hùa theo người vừa nói.

- Các ông nghe ta hỏi đây, thái hậu nói với tất cả sự uy nghiêm vốn có. - Vậy chớ khi mua chung trâu các ông có làm văn tự cam kết, ai để mất trộm hoặc để trâu chết do phải kéo cày kiệt sức hoặc không được chăm sóc thì phải bồi thường không?

Mọi người ngơ ngác nhìn nhau, quá là chưa ai nghĩ ra điều đó.

Thái hậu biết người dân không hiểu luật lệ, đúng như hồi Thánh tông còn sống khi đi soát tù người đã nói: - "Có người vô tình phạm tội, có người không hiểu luật mà phạm tội, nên nhà vua đã nhất loạt giảm cho mỗi loại án một bậc". Với lòng thương cảm đối với người dân cùng khổ, họ biết cảnh ngộ của nhau nhưng lại không thể chia sẻ lợi quyền, bởi họ chẳng có gì để sẻ chia nên đành xử với nhau đến cạn tàu ráo máng. Thái hậu lên tiếng:

- Các ông nghe ta nói đây. Ta chỉ là khách qua đường, nhưng ta xem các ông có vẻ bức bách góa phụ

này quá lắm. Theo đúng bộ Hình luật ban hành năm Nhâm Ngọ (1042) thì góa phụ này không phải bồi thường các ông. Trâu mất ở nhà này hay nhà khác là điều gia chủ bất khả kháng, không ai phải bồi hoàn, bởi không có cam kết ràng buộc. Nhưng ta thương tình các ông đều cùng túng cả, ta cho các ông ba quan mua trâu mới, nhưng phải kết liên lại mà giữ nhà, giữ cửa. Luật tam gia liên bảo ban hành từ lâu sao các ông không thực hiện. Ngoài ra ta còn thấy các ông vô tình tới nhẫn tâm. Chồng góa phụ đây vì đánh giặc giữ nước bị thiệt mạng để các ông có cuộc sống yên bình ngày nay, thế mà các ông không biết ơn, không giúp đỡ cảnh mẹ góa con côi lại còn hùa nhau vào bắt chẹt người ta. Các ông làm tờ cam kết, mua trâu mới vẫn tám người chung nhau như cũ, nhưng việc bảo vệ trâu không thuộc về người góa phụ này. Ta biết một con trâu mộng được cũng chưa đến ba quan, mua bán trâu phải có văn tự minh bạch, số tiền còn dư ra bao nhiêu sẽ đưa về cho góa phụ nuôi con.

Xem tờ cam kết xong, thái hậu quay ra gọi mấy người lính hộ giá cái trang theo hầu đang lảng vảng phía cổng ngoài đem tiền vào. Bà xia ra ba quan và cầm lấy tờ cam kết. Đoạn bà đuổi bảy người kia ra khỏi nhà, hỏi han gia cảnh góa phụ, bà cho thêm một quan tiền nữa và hứa sẽ cất thêm ruộng quốc điền cho mấy mẹ con.

Góa phụ không biết thái hậu là ai, nhưng trong lòng tự nghĩ: “Chắc là Bụt hiện xuống cứu người lành

đây” liền sụp quỳ lạy:

- Con lạy đức Quán Thế Âm Bồ tát tâm thanh cứu khổ, cứu nạn. Đúng là Phật đã nghe thấu lời con kêu cầu nên thị hiện giúp cho. Mẹ con con cần có tạ ơn, con nguyện suốt đời theo nghiệp thiện mà Phật đã chỉ cho mọi người. Và chị ta cứ vái lạy lia lịa.

Bà thái hậu Ý Lan giúp thêm được một người, trong lòng thấy mát mẻ. An ủi góa phụ đôi điều rồi bà về lại Thăng Long.

Hôm sau rời nhà vua đến, hoàng thái hậu cho biết hiện tình nạn trộm trâu và giết mổ trâu đang diễn ra trắng trợn khiến người nông phu lâm vào cảnh khốn đốn. Thái hậu nhắc nhà vua: “Trước đây ta đã từng nói trăm họ đang rơi vào chỗ cùng quẫn, mấy nhà mới chung nhau được một con trâu cùng cày ruộng, nhưng có nhiều kẻ trộm trâu hoặc giết mổ trâu nên sức kéo ngày một khan hiếm, người dân phải kéo cày thật là cơ cực. Nhà nước đã có lệnh cấm. Nay nạn trộm trâu và giết mổ trâu lại nhiều hơn trước. Nhà vua nên cấp kỳ ban chiếu, trừng phạt cho nghiêm, nếu không nền kinh tế nước nhà sẽ rơi vào khốn đốn”.

Lý Nhân tông tuân lời mẹ, nhà vua xuống chiếu: “Từ nay kẻ nào bắt trộm trâu, mổ trộm trâu thì xử tám mươi trượng, đồ làm binh khao giáp, vợ cũng bị xử tám mươi trượng, đồ làm tang thất phụ và phải đền trâu. Nhà láng giềng biết mà không tố cáo thì xử tám mươi trượng”.

Ít lâu sau vua lại ban chiếu nhắc: “Trâu là một vật quan trọng cho việc cày cấy, lợi cho người không ít. Từ nay về sau ba nhà làm một bảo¹, không được giết trâu ăn thịt, ai làm trái thì nghiêm trị theo pháp luật”.

Từ đó nạn trộm trâu và mổ thịt trâu bớt hẳn, quan lại không dám lộng hành như trước nữa, sức cày kéo của nhà nông dần dần hồi phục.

Bữa nọ hoàng thái hậu Ý Lan thấy trong người khó ở, gọi nhà vua vào bày tỏ:

- Năm nay ta bảy mươi ba tuổi, nhà vua cũng đã năm mươi hai tuổi. Ta không ngờ số nhà vua lại hiếm muộn đến thế. Nếu người đời gọi “phúc đức tại mẫu” thì ta là kẻ vô phúc. Ta mong con hãy tha thứ cho mẹ. Mọi việc mẹ làm từ trước đến nay cả cái ác lẫn cái thiện đều vì con, vì đế nghiệp của nhà Lý. Ta đã dốc lòng sám hối, nhiếp tâm theo đạo Bồ Đề. Nay dù có thác cũng không có điều gì ân hận. Trong những năm con còn nhỏ, ta giữ quyền nhiếp chính, thù trong giặc ngoài quét sạch, dân cư an lạc, đời có thể gọi là thái bình thịnh trị. Nay ta ra đi chỉ có mỗi điều ân hận vì nhà vua chưa có con nối. Việc ấy sau này sắp đặt thế nào là tùy con. Nên nhớ, đó cũng là việc nước, tìm người nối dòng đại thống là đặt cả xã tắc lên vai họ, chớ có coi thường mà

¹ Chế độ “tam gia liên bảo” tức là ba nhà làm một bảo để giám sát lẫn nhau. Một nhà phạm pháp hai nhà kia cũng bị liên đới.

mang tội với đất nước, hậu thế sẽ vì đó mà cười chê.

Nhà vua cảm động không cầm được nước mắt, lúc ngừng lên thái hậu đã qua đời.

Nghe nói bà có để lại một bài kệ Ngô Đạo:

Sắc thị không, không tức sắc,

Không thị sắc, sắc tức không.

Sắc, không câu bất quản,

Phương đắc kế chân tông.

(Sắc là không, không tức sắc,

Không là sắc, sắc tức không.

Sắc, không đều chẳng quản,

Mới kế hợp chân tông).

Sau khi thái hậu qua đời, đám các pháp sư, phù thủy và bọn đồng cốt không ngớt lập đàn cầu cúng cho nhà vua sinh dựng hoàng nam. Chúng moi quốc khố không biết bao nhiêu mà kể. Dân nước dị nghị đàm tiếu đến là rác tai.

Một hôm quốc sư Viên Thông vào hãn tiện diện¹ gặp nhà vua. Sư nói:

- Mọi việc ở trên đời đều không qua mệnh số, cũng tức là duyên nghiệp, bệ hạ là người am hiểu Phật pháp sao lại để cho đám đồng cốt lộng hành làm vậy.

¹ Ngồi nhà để vua nghỉ tam trước hoặc giữa buổi thiết triều.

Nay bệ hạ tuổi đã cao mà không sinh được con nối, ắt là số trời đã định. Cho nên không cố theo đuổi cái không thể có mà làm gì. Sao bệ hạ không chọn con cháu trong hàng tôn thất, ai có đức tốt, có uy nghi cốt cách có thể nối nghiệp, lập làm hoàng thái tử, đưa vào cung nuôi dạy dần di, để lúc bệ hạ quy Phật thì người kế tục đủ sức đủ tài lèo lái con thuyền quốc gia. Tưởng đó là việc nên làm ngay, nếu không bệ hạ sẽ phải hối.

Nghe sứ nói, vua suy nghĩ lung lăm. Phải một lúc lâu sau vua mới đáp:

- Đúng như quốc sư nói. Vận số cũng như mệnh số xưa nay đều do thiên định, người không thể cưỡng lại được. Đa tạ quốc sư, ta sẽ cho kê cứu trong hàng tôn thất để chọn ra một đứa ưng ý mà lập vậy.

Quốc sư Viên Thông ra về, trong lòng vua lại phân vân tự hỏi: “Lạ thật, suốt cuộc đời ta đều hành theo nghiệp thiện, chẳng lẽ trời Phật lại phạt tự ta thật sao. Lập di lập lại tới cả chục hoàng hậu, thay đi thay lại tới cả trăm cung nữ mà không đậu một cái thai nào. Khi cho giải cung, ta đã sai theo xem thì người nào cũng sinh nở đều đặn. Như vậy có nhẽ cái lỗi vô sinh thuộc về ta chứ không thể đổ cho ai được nữa. Đúng như quốc sư nói là do “số trời định”.

Trong khi nhà vua còn đang phân tâm, một hôm thiền sư Pháp Thông ghé thăm. Sư cũng khuyên vua cái điều như quốc sư Viên Thông từng nói. Từ đó vua mới

dứt khoát nghe theo. Một bữa thiết triều nhằm ngày sóc, vua ngự long ngai, mặc áo hoàng bào, đội mũ phốc dát vàng điểm những hạt kim cương lấp lánh, tay cầm kim hốt, nom vua uy nghi dường bệ dứng là một bậc thánh thiên tử. Trước trăm quan, vua nói giọng dướm buồn:

- Trẫm trị muôn dân mà đến già vẫn không có con nối, ngôi báu của thiên hạ biết truyền cho ai đây. Các bậc quốc sư, thiền sư, tăng thống đều khuyên ta nên chọn con cháu trong dòng tôn thất, xem ai tỏ rõ đức độ nhất thì lập. Ta cho những lời khuyên đó là hữu lý. Vậy nay ta dụ báo các hầu Sùng Hiền, Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Chiêu, Thành Hưng¹ mỗi hầu hãy chọn một người con ưng ý nhất đưa vào cung để ta nuôi dạy rồi xem ai tỏ lộ đức lớn sẽ được lập làm hoàng thái tử.

Có lời vua dụ báo, các hầu về nhà soạn sửa đưa những người con xinh xắn nhất, thông tuệ nhất và biết vâng lời, lại dạy báo các điều cần thiết về phép tắc để vừa lòng hoàng thượng, sau đó dẫn vào cung.

Sống giữa một đám các cháu, đứa nhiều tuổi nhất chỉ mười hai mười ba, đứa bé nhất lại mới có hai tuổi. Đó là cậu bé Lý Dương Hoán, con của Sùng Hiền hầu.

- Thật khó chọn lựa, bởi cậu trai nào cũng đẹp như thiên thần, nói năng lễ độ, phép tắc trên dưới đều phân

¹ Các hầu này là con của các bà hầu, bà phi khác của Lý Thánh tông. Vua Nhân tông chỉ có một người em cùng mẹ được phong tước vương từ lúc mới sinh đó là hoàng tử Minh Nhân vương. Chắc ông này cũng không có con trai nên không thấy nói tới.

biệt rõ ràng mà sự thông tuệ chắc khó phân biệt ai hơn ai kém. Nhà vua để ý theo dõi các cậu bé từ nếp ăn, nếp ở, đi đứng, nói năng và cả trong khi ngủ nữa. Vua để ý nghe từng hơi thở xem có bị trống hơi, có nói mê không. Có lần vua sai đem đến một thứ đồ chơi lạ, trong tuổi niên thiếu không cậu bé nào là không thích. Đó là một con ngựa gỗ biết đi. Con ngựa to bằng đứa bé ba tuổi, sơn màu đỏ tía, dưới bụng ngựa có một cái lẫy, chỉ cần gạt cái lẫy đó là ngựa thủng thẳng bước đi nhịp nhàng cùng với cái đầu cúi, ngừng theo từng bước đi.

Một a hoàn đem vào hướng dẫn cho các cậu bé cách chơi rồi cô bỏ ra ngoài, vua nấp một chỗ dõi nhìn. Các hầu tử thích quá tranh nhau giữ con ngựa chẳng ai chịu nhường ai, đến nỗi xô nhau ngã lăn cả ra sàn. Trong khi đó cậu bé Dương Hoán đứng nhìn mọi người tranh cướp, xô đẩy nhau, bỗng cậu nghiêm sắc mặt quát:

- Không được đánh nhau!

Vua cho đó là một sự lạ, đem lòng yêu. Lại một lần khác vua sai đem trước vào phòng sách vở, bút lông thỏ, nghiên mài mực cùng một số cung, kiếm, dao, búa, trùy... làm bằng gỗ dẽ thu nhỏ kích thước rồi sơn bóng đẹp như một thứ đồ chơi, sau đó thả lũ trẻ vào phòng. Chúng tranh nhau các đồ vũ khí, chỉ có Dương Hoán sà ngay vào lấy một cuốn sách, một cây bút lông và một chiếc nghiên mực.

Vua Nhân tông mỉm cười sung sướng, và ngay hôm đó xuống chiếu lập Lý Dương Hoán làm hoàng

thái tử. Đó là vào đầu mùa đông năm Đinh Dậu (1117), sau khi thái hậu Ý Lan quy Phật đạo đầu mùa thu.

Sau khi lập xong được hoàng thái tử trong lòng vua đã yên, tự nhiên muốn đi xem ngắm núi sông. Đến đâu vua cũng để lại lưu bút.

Thường là vua hay ghé thăm các đại danh lam, đàm đạo với các bậc túc thiền. Lúc này vua đã sáu mươi tuổi, trải đời, trải việc tham bác không biết bao nhiêu kinh sách của cả ba nhà: Thích, Nho, Đạo. Nhưng cái mà vua tâm đắc nhất vẫn là đạo giác ngộ và giải thoát của đức Thích Ca Mâu Ni. Nếu con người ta không giác ngộ thì không thể đạt tới sự giải thoát. Mà muốn giác ngộ trước hết phải từ bỏ tham, sân, si. Vua đã đem cái nhận thức ấy vào đạo trị nước. Tới tuổi này nhìn lại trên năm mươi năm ở ngôi, nghĩ lại thấy nhiều điều mong muốn mà vẫn chưa làm được. Tuy nhiên điều gì đã thi thố đều phát xuất từ cái tâm thiện mà ra. Đi khắp nơi, lúc về Thăng Long vua vào chùa Khai quốc thăm quốc sư Thông Biện.

Lúc này thiền sư đã già lắm, tai đã nghễnh ngãng, phải nói như quát ngài mới nghe được. Đôi lúc sợ làm kinh động chốn thiền môn, vua phải bút đàm với sư.

Nhân việc nhà vua tỏ lòng cảm tạ các bậc túc thiền cũng như các sa môn, Phật tử đều hết lòng giúp rập trong công cuộc trị bình của đất nước.

Sư cười vui đáp lời:

- Nhà vua không phải khách sáo thế, người tu hành

chúng tôi coi việc đạo với việc nước là một. Muốn giữ được đạo trước hết phải giữ được nước. Nước đã mất, thân làm nô lệ thì còn hoằng pháp với ai.

Sư lại cười: - Không phải đến bây giờ mới thế, mà từ đời Đinh, đời Lê các bậc tiên bối như Pháp Thuận, Khuông Việt, Vạn Hạnh, Đa Bảo... đã giúp rập nhiều cho các triều đại. Như nhà Lý ta đức Thái tổ chẳng xuất thân từ cửa Phật sao. Đức Vạn Hạnh và các bậc đại trí trong giới thiền môn chẳng phải là những người khai mở ra vương triều Lý ta sao. Cho nên không thể tách đạo ra khỏi đời hoặc đời ra khỏi đạo được. Lại như Phật tổ có vì chúng sinh nên ngài mới thị hiện. Thế thì đạo Phật nhập vào nước ta chẳng vì dân ta, vì nước ta còn vì ai nữa. Bệ hạ chẳng nên nói lời cảm ơn mà trở nên khách khí.

Nhân đại lão thiền sư nói về công đức của Vạn Hạnh, tiện bút mực, thuận tay nhà vua viết luôn bài truy tán, bởi tứ thơ chợt đến dâng lên ứ nghẹn ở trong đầu:

*Vạn Hạnh dung tam tổ,
Chân phù cổ sấm thi.
Hương quan danh cổ Pháp,
Trụ tích trấn vương kỳ¹.*

¹ Dịch nghĩa: Vạn Hạnh là bậc học rộng thông suốt cả ba cõi.
Lời sư nói quả phù hợp với những câu thơ sấm cổ.
Quê hương ngài chính là làng Cổ Pháp.
Ngài đã dùng cây thiền trượng để trấn vững kinh kỳ.

Viết xong vua đưa cho thiên sư coi.

Quốc sư Viên Thông đọc xong cười lớn:

- Phải! Nhà vua truy tán công đức của thầy Vạn Hạnh thế này là xác đáng. Đúng là ngài đã: “Lấy gậy nhà Phật giữ thành nhà vua”. Giới, bản tạng không ngờ. Thật không ngờ.

Nhớ cách đây đúng hai mươi năm vào ngày rằm tháng hai hoàng thái hậu đến thiết lễ trai tăng tại chùa này, và đã có một cuộc pháp thoại thật là sâu sắc với chư tăng. Theo bản tạng, thái hậu không chỉ là người mộ đạo, kỳ dư ngài còn là người ngộ đạo.

Thấy một bậc túc thiên đánh giá cao về mẹ mình, nhà vua vui lắm. Từ đó nhà vua vừa coi việc nước vừa chú tâm trì tụng kinh Pháp Hoa và kinh Dược Sư, ngài thờ ơ rời xa lánh chốn phòng the. Tuy nhiên vẫn chưa dứt ra khỏi các điềm triệu mang tính dị đoan. Thiên hạ đua nhau moi tìm các thứ từ viên đá, con rùa, con chim, con hươu, con ngựa... có tính kỳ dị đến dâng biểu được nhà vua ban thưởng, đôi khi rất hậu, nên chúng càng ra sức truy tìm rồi bịa tạc thêm vào.

Gần đây có một nhà sư tên là Vương Ái đem dâng vua cây cau một gốc bảy ngọn.

Quan Thái sử Trần Độ bức giận mắng nhà sư dám làm điều huyền hoặc và nói vật này là thứ không bình thường, sao lại cho là điềm tốt được. Vua không nhận.

Nhân việc đó quan Thái sử bèn tâu:

- Hoàng thượng anh minh nổi tiếng là người mộ Phật, hẳn biết Phật rất ghét những điều dị đoan làm mê hoặc lòng người. Chỉ có gạt bỏ các tệ đoan thì con người mới định được cái tâm. Tâm có định thì tuệ mới khai.

Định, tuệ có rồi mới nhận chân được sự vật, từ đó mới giác ngộ rồi dần đi vào giải thoát.

Nay bệ hạ tin vào các điều huyền hoặc khiến thiên hạ đổ xô đi tìm vật lạ, nào chim sẻ trắng, hươu trắng, hươu đen, rùa vàng, rùa ba chân, sáu mắt ngựa có hai chữ “thiện đế” do chúng bịa ra. Nào là phượng có lông sáu sắc, voi trắng, hổ trắng, ngựa trắng, ngựa đỏ mọc cựa như cựa gà, lúa một gốc chín bông, cau một gốc mười hai ngọn... Vậy là cả thiên hạ săn đón ý bệ hạ, tiếng đồn vượt cả biên cương khiến nước Chiêm Thành cũng đem dâng con voi lạ, đứng ở đâu thì phát ra ánh sáng. Kẻ xu nịnh còn gọi là ánh sáng thần.

Vô liêm sĩ như trung thừa Mâu Du Đô còn dám xưng xưng nói có rồng vàng hiện trong bí điện¹ chỉ có cung nữ và hoạn quan trông thấy.

Lại chuyện đứa bé ở Thanh Hóa tự xưng là Giác Hoàng² rồi chết yếu cũng làm náo loạn nhân tâm cả nước. Thiền sư Từ Đạo Hạnh thành đạo thì bịa ra chuyện ông đầu thai thác hóa.

¹ Bí điện là phòng kín, phòng ngủ ở trong cung.

² Giác Hoàng là một trong nhiều danh hiệu của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thử hỏi nếu thiên sư Đạo Hạnh không phát nguyện để lại nhục thân¹ mà không nhập thất đại định đủ một trăm ngày, thì sau khi chết độ mười ngày là thân kia sẽ lúc nhúc đòi bọ, chứ sao có thể ngồi nguyên như một pho tượng theo thể kiết già tới mấy năm rồi vẫn cứ thơm tho. Nếu đầu thai thác hóa thì phải chấp nhận cái chết đột ngột, sao còn có thể phát nguyện và đại định được.

Tâu bệ hạ, nên coi các vật lạ như là một thứ quái dị, quái thai, là những vật bất tường, là điềm gở, và phải trị tội những kẻ cố tình dâng vật lạ để cầu tài, cầu quan lộc.

Quan Thái sử Trần Độ ngần ngừ một lát, lại tiếp:

- Tâu bệ hạ, lũ thần rất phân vân không biết có nên ghi những điềm triệu, những vật gở lạ này vào quốc sử không? Nếu bỏ đi thì không trung thực mà ghi lại thì hậu thế sẽ minh định sao đây? - Nói xong ông vái lạy nhà vua rồi ngồi xuống.

Nghe quan Thái sử nói, nhà vua giận tới bầm ruột đã toan quát đuổi. Chợt nhớ lời đại sư Mãn Giác thường khuyên: “Người dám nói thẳng là người trung, người yêu bệ hạ, hãy cứ nén tâm nghe họ nói hết rồi hãy phân định phải trái. Nếu họ nói đúng, bệ hạ sửa ngay thì

¹ Nhục thân của Từ Đạo Hạnh còn nguyên vẹn cho tới thế kỷ 15, quân Minh xâm lược đốt chùa và thiêu hủy cả tượng của ngài.

triều quan sẽ đua nhau dâng lời nói thẳng. Trái lại, nếu bệ hạ trị tội người nói thẳng thì các bầy tôi của bệ hạ sẽ trở thành một lũ đối trá, xu nịnh luôn sẵn đón ý của bệ hạ để dâng những lời nói vừa lòng. Đó chính là mầm mống của sự suy vong”.

Nhờ nhớ lại lời khuyên của thiên sư Mãn Giác nên nhà vua đã lắng được chân tâm, ngài vui vẻ nói:

- Khá khen Thái sử Trần Độ dám táo tợn vạch ra lỗi lầm của trẫm. Khanh thực đáng mặt một trung thần. Nhân đây ta ban cho khanh tước hai tư. Còn công việc của nhà chép sử, khanh cứ làm theo đúng thiên chức. Ta không thể dùng bàn tay quyền uy mà che bịt lịch sử được. Hơn nữa những gì đã diễn ra trên đất nước thì dân nước đều biết. Ta có thể khiến các ông không được chép cả lỗi lầm của ta vào quốc sử, nhưng ta không thể cấm hàng trăm các nho sĩ cùng các bậc trí giả ghi chép những điều mà họ thấy để lưu giữ trong nhà họ. Rồi cả triệu người dân họ sẽ kể lại cho con cháu họ thành một thứ sử truyền miệng - sử ngôn. Cái thứ bia miệng ấy còn chắc bền hơn cả bia đá. Nhờ có Thái sử Trần Độ to gan khiến ta ngộ ra một điều, muốn hậu thế không chê trách thì mỗi việc làm hôm nay đều phải nghĩ suy cho kỹ để không mắc phải lỗi lầm.

Nhà vua đứng trước long ngai tay cầm cây kim hốt huơ một vòng trước bá quan rồi nói:

- Chư khanh, hãy noi gương Thái sử Trần Độ, từ

nay thấy ta làm bất cứ việc gì không thuận lòng người nên tâu báo lại ngay. Hẳn nhiên sau khi nghe, ta còn phải biện biệt cái gì đáng nghe ta mới nghe. Nhưng cũng đừng nhân việc ta khuyên cáo mà thấy ta làm bất cứ việc gì cũng ngăn thời sẽ bị trị tội chứ chẳng được khen dẫu.

Các quan hết sức vui mừng đồng thanh hô:

- Thánh thượng anh minh!
- Thánh thượng anh minh!

Đất nước thanh bình, nam bắc thùy yên ổn, nhà vua thường đi lại thăm thú các nơi trong nước, mùa thu xem hội đua thuyền tại hồ Dâm Đàm, mùa đông tháng mười vua ngự đến hành cung Ứng Phong để xem dân gặt lúa. Đầu năm sau vua xuống chiếu cấm người dân trong nước mùa xuân không được chặt cây mà phải trông cây. Mùa cá đẻ tháng ba, tháng tám hàng năm phải treo gác các đồ đánh cá, cấm ngặt việc đánh bắt cá trong các mùa này.

Trở về cung vua nhận được biểu dâng ngọc cau của phiên chỉ tác¹. Vua xuống chiếu không nhận.

Tới đây các quan đều kính sợ, phục vua là người dôi lỗi nghiêm chính, người ái thiện.

Để đáp lễ nhà Tống nhân năm trước tiêu thủ lĩnh

¹ Xưởng chế tác thủ công.

châu Quảng Nguyên là Mạc Hiền cùng các bộ thuộc trốn sang đông Cống thuộc địa giới Ung Châu nước Tống; nhà Tống bắt giữ và trao trả lại cho ta. Năm nay vua sai sứ sang tạ. Lệnh thư gia Nghiêm Thường, ngự khố thư gia Từ Diên làm chánh, phó sứ đoàn đem mười con voi và vàng bạc, sừng tê cùng các đồ trân quý sang cống. Đoàn sứ giả tới Quế Châu thì viên kinh lược sứ châu ấy nói rằng: “Năm nay ở Đông Kinh và các xứ Hồ Nam đều đã đem binh mã đi đánh nước Kim, chưa biết lúc nào về. Trong lúc này thì phu trạm, ngựa trạm đều thiếu lắm, xin sứ giả đem lễ vật về”.

Vì sao nước Tống lại đi đánh nước Kim? Ấy là ở phía bắc vẫn có nước Liêu làm khổ nước Tống đã bao nhiêu năm rồi. Nay nước Liêu bị bộ tộc Nữ Chân nổi dậy đánh đổ từ năm Ất Mùi (1115). A Cốt Đả chính thức lên ngôi hoàng đế ở Hội Ninh (nay thuộc tỉnh Hắc Long giang), lấy quốc hiệu là Đại Kim. Mười năm sau nước Kim đã hùng mạnh, diệt xong triều Liêu, quyền thống lĩnh nước Kim lúc này nằm trong tay Oa Khoát Đài tức Kim Thái tông (em ruột A Cốt Đả tức Kim Thái tổ) và đang tiến binh xuống phía nam chinh phục nước Tống.

Lúc sứ giả ta phải đem cống phẩm quay về chính là lúc sứ giả của Kim Thái tông đến Đông Kinh đòi triều Tống phải dâng đất và xưng thần. Cũng lúc đó quân Kim đang trên đường tiến xuống Đông Kinh.

Được tin Tống Huy tông sợ quá ngất đi, lúc tỉnh

dậy nhà vua sai vị cận thân đem giấy bút đến, vua chỉ viết được năm chữ: “Truyền ngôi cho Đông cung” rồi tuyên bố thoái vị. Ít lâu sau, ông mang theo hai vạn thân binh chạy đi An Huy lánh nạn. Con là Triệu Hoán lên ngôi, hiệu là Tống Khâm tông.

Tống Khâm tông thay cha cầm quyền, ông cũng giống cha mình chỉ thiếu lòng dũng cảm và chí khí của bậc hảo hán, còn như tính bạc nhược và hèn nhát thì cha con ông có thể liệt vào hàng đệ nhất của các triều đại Trung Hoa suy tàn.

Khi Triệu Hoán lên cầm quyền thì quân Kim tiến quân xuống đe dọa sẽ lấy Đông Kinh. Tống Khâm tông sợ quá sai sứ đi cầu hòa. Tướng Kim Tôn Vọng đòi các điều kiện hết sức khắt khe: “Ngoài việc bồi thường nhiều khoản, Tống phải cắt đất Thái Nguyên, Trung Sơn, Hà Giang nộp cho nước Kim. Tống Khâm tông phải tôn xưng hoàng đế Kim là bá phụ, phải cử các thân vương tể tướng sang Kim làm con tin”.

Tống Khâm tông run sợ, một lòng cầu hòa đã toan tiếp nhận toàn bộ các yêu sách của người Kim.

Nghe sứ về tâu báo lại việc nước Tống đại loạn, Lý Nhân tông suy nghĩ lung lắm.

Lát sau vua nói với quần thần:

- Thọ, yếu là do mệnh số, còn như việc mạnh yếu, thịnh suy lại ở như con người cả. Ta xem nhà Tống rối nát tiến tới hèn yếu như hiện nay đều do chính lệnh của

triều đình luẩn quẩn, u tối. Bỏ người tài, dùng nước dờ, chính sách thuế khóa thì nghiệt ngã với dân. Bắt nạt nước yếu, qùy gối trước nước mạnh mà không biết biến sức dân thành thế nước. Một nước như thế thì làm sao mà ngóc đầu lên được.

Có người nói:

- Tâu bệ hạ, sao không nhân lúc nhà Tống yếu suy, ta mở mang cương thổ lên phía bắc.

- Sao ta không biết điều đó. Vì nó không phải là cái đức của sự trường tồn nên ta không làm đó thôi. Tình thế này ta có thể lấy Lương Quảng dễ như thò tay vào túi lấy đồ vật. Nhưng sẽ để di họa cho con cháu. Vì rằng nước Trung Hoa sẽ không mãi mãi hèn yếu như thế này. Tới lúc họ hùng cường ắt họ sẽ đòi lại các vùng đất đã mất, còn dân trong các nơi bị ta thôn tính nhân thời cơ họ sẽ nổi lên. Thế là tham vọng của ta sẽ trắng tay và cái mà ta còn giữ được chỉ là hận thù.

Các khanh có biết vì sao sau cuộc ta kháng Tống thắng lợi, nước Tống ngày một suy yếu mà ta vẫn giữ phận một nước phiên thần, việc tu cống không sao nhãng. Họ càng suy yếu, cống vật ta sai đem sang càng hậu hĩnh. Sự thật trong mấy chục năm qua giả dụ ta bỏ tu cống, đòi Tống phải cư xử với ta như một nước ngang hàng, hoặc đòi triều Tống phải cống nạp, ta chắc nhà Tống cũng phải cay đắng mà chấp nhận. Nhưng ta đã không làm thế. Và nước Tống không thể không biết

chính sách của ta và vị thế của họ đang ở chỗ nào. Vì vậy từ Đinh Ty (1077) tới nay họ không dám mua chuộc các thủ lĩnh người man của ta, không dụ dỗ dân ta sang đất họ. Trái lại các đầu mục ở biên thùy có điều gì bất như ý với triều đình, họ bỏ nước, đem dân trốn sang đất Tống, liền bị người Tống bắt giữ và mời ta sang trao trả. Lại như giấy tờ bang giao, ngày trước khi các sứ của ta đến giao thiệp để báo số người đi trong đoàn tu cống và lễ vật đều phải có dấu ấn và chữ ký của triều đình thì mấy chục năm nay chỉ một viên quan giữ ả ký trình là đủ. Ngay sứ của ta vào Biện Kinh gặp khi có sứ Chiêm Thành cùng qua thì họ mời sứ ta vào ở điện Thù Củng còn sứ Chiêm Thành cho ở điện Tử Thần là vì họ muốn tránh không cho hai sứ đoàn gặp nhau, bởi Chiêm Thành là nước phiên thuộc của ta. Hoặc khi vua Tống thất yến cũng vậy, bao giờ cũng trân trọng cho sứ ta được ngồi gần vua Tống. Lúc tiễn sứ thì quà cáp chu đáo, lời lẽ ân cần.

Vậy đó, cho nên ta không muốn khoe cái mạnh nhất thời để chuốc lấy cái hận muôn đời.

- Tâu bệ hạ, nhưng Trung Quốc đối với ta lại không thế. Không triều đại nào của Trung Hoa lại bỏ qua chuyện thôn tính nước ta. Không triều đại nào của Trung Hoa lại không có từ một đến hai lần đem quân sang xâm lược nước ta. Như nhà Tống tới nay đã có tới hai cuộc xâm lăng nước ta rồi.

- Đó là việc của họ, về phần ta đã biết vậy thì phải luôn luôn cảnh giới, việc binh cho tốt, việc biên cương không được lơ là. Hễ họ sang thì đánh cho đại bại để bảo vệ quốc thổ, bảo tồn phong hóa. Và lại khi nước họ đã lớn thì lòng tham còn lớn hơn nhiều. Nhưng ở đời tham thì thâm. Có nhẽ nước Kim sẽ còn làm cho nước Tống khốn đốn đến kiệt cùng, đúng như lời Phật dạy: “Kẻ nào muốn có tất cả, kẻ đó sẽ mất hết”.

- Bệ hạ đúng là bậc thức giả, bậc nhân giả ở đời nay vậy.

- Ta không cầu là bậc gì hết, chỉ mong sao đức thiện của nhà Phật ngày càng rộng mở thì lòng tham, sân của con người sẽ bớt đi, từ đó con người dù là khác gốc nguồn vẫn có thể sống hòa hợp, yêu thương nhau được, con người sẽ không chém giết nhau vì lòng tham nữa.

- Bệ hạ là bậc trí huệ nên nhìn xa. Lũ thần thấy cái ngày đó còn mờ mịt lắm.

- Các khanh đừng quá lo. Đành rằng thế gian hiện đang còn chìm đắm trong mê mờ dục lạc và tham sân hận, nhưng tới một ngày nào đó loài người sẽ bừng tỉnh, sẽ ngộ ra, và điều ta nói nhất định sẽ hiện hữu trong cõi thế nhân gian chứ không phải nó chỉ có ở cõi Niết Bàn đâu.

Cả triều đình đều cảm phục tấm lòng nhân ái và trí huệ của nhà vua, nhưng quả thực ít ai đã dám tin vào điều ngài nói sẽ có ngày hiện hữu trên cái thế gian

ngập lụt hạn thù này.

Vào một ngày đẹp trời của tháng tư đầu mùa hạ, vua ngự ra hành cung Ứng Phong xem dân thu hoạch một vụ lúa chiêm tốt chưa từng thấy. Trên đường về gặp một trận cuồng phong, rồi trời mưa ra từng đồng thóc. Vua vui lắm.

Gặp mưa gió bất thường, về cung, vua bị cảm lạnh. Các thái y chăm sóc thuốc thang vài ngày sau thì đỡ hẳn. Tướng đã khỏi, thế mà nó cứ trở đi trở lại mãi. Bệnh không lớn nhưng không dứt được hẳn, làm sức nhà vua cứ suy kiệt dần. Các thái y đã tìm đủ mọi phương thuốc mà vẫn không triệt được bệnh. Vua tự biết mệnh mình sớm tối khó toàn bèn gọi thái tử Dương Hoán châu chực bên mình để tâm truyền cho các yếu chỉ về đạo trị nước.

Dương Hoán có tư chất thông minh lại được cha đẻ là Sùng Hiền hầu thường căn dặn, phải biết khiêm cung, vâng theo lời dạy của hoàng thượng.

Sùng Hiền hầu thường nói với con: “Nếu con vâng theo các phép tắc hoàng thượng truyền dạy, ngôi báu ắt về con. Ngược lại thì việc phế truất chỉ là một cái phẩy tay. Con nên nhớ các anh em con, con của các hầu Thành Khánh, Thành Quảng, Thành Hưng... đã từng vào cung ở với con để hoàng thượng xem xét rồi lựa tuyển. Con là đứa bé nhất mới hai tuổi đã lọt mắt ngài. Nhưng nếu bây giờ con tỏ ra biếng trễ hoặc không tuân theo phép

tắc thì ngôi tôn sẽ về tay người khác...". Tuy mới hơn mười tuổi nhưng Dương Hoán đã ý thức được điều cha dạy. Chàng hết sức mẫn cảm với những điều nhà vua căn dặn, bởi nó chính là cái ngai vàng mà người cha đã vỡ lòng cho chàng rất thấu đáo.

Một bữa nhà vua cho gọi hoàng thái tử vào hậu đường, căn dặn những điều mà ngài hằng đau đầu muốn truyền bảo cho người sẽ kế vị ngài được thấu hiểu tới cận kề.

Hoàng thái tử cố gương mặt rất khả ái đang ngược nhìn nhà vua như chờ đón những lời răn dạy mà chàng chắc là hệ trọng lắm.

Vua Nhân tông nhẹ nhàng nói:

- Này con! Mai đây con sẽ thay ta ngồi vào chiếc ngai vàng ta vẫn ngồi để trị vì đất nước. Gọi là ngai vàng chứ thực ra nó chỉ là chiếc ghế gỗ sơn phủ màu vàng dó thôi. Nó cũng có thể mọc, gãy như mọi chiếc ghế khác. Nhưng nó là tượng trưng cho quyền uy tối thượng của một quốc gia. Ai được ngồi vào chiếc ghế ấy ắt có cái quyền lực ấy. Cả đất nước ta có tới mấy triệu người mà chỉ duy nhất có một người được ngồi vào chiếc ghế đó. Vậy chớ con có biết ngồi vào chiếc ngai vàng đó để làm gì không? - Nhà vua hỏi và nhìn thẳng vào mắt Dương Hoán nhằm dò thăm sức hiểu biết của chàng thiếu niên mười hai tuổi về một việc quá lớn so với tầm nghĩ hiểu của cậu bé.

Nhà vua chợt nhớ ngày mình mới sáu tuổi được hai mẹ dìu lên ngồi lọt thỏm trong chiếc ngai to tướng và được các quan hô vang:

- Thánh thượng vạn tuế!

- Thánh thượng vạn tuế!

Nghe đến nhức cả tai mà chẳng hiểu gì. Lúc về hỏi mẫu hậu mới biết đó là lời chúc của các đại thần. Và thánh thượng tức là nhà vua, là cậu bé sáu tuổi như ta được làm vua, ở trên hết mọi người, trên cả hai mẹ. Thấy nói quyền hành lớn lắm, vua muốn cho ai sống được sống, bắt ai chết phải chết. Và có một việc đến bây giờ ta vẫn còn ân hận. Cái quyền lực tối thượng ấy lần đầu tiên ta đem ra sử dụng, chính là lời phán quyết sai giam mẹ đích của ta vào nhà ngục. Ấy là nghe lời xui của mẹ sinh (tức bà Ý Lan). Và rồi mẹ sinh của ta đã bức tử mẹ đích (bà Thượng Dương) cùng bảy mươi hai cung nữ. Tuổi của ta lúc ấy còn quá nhỏ để có thể hiểu được hậu quả của lời mình nói. Bởi vậy ta muốn Dương Hoán khi cầm cương chính phải hiểu được giá trị của mỗi lời mình nói và phải chịu trách nhiệm về nó.

Nhà vua nhìn vào mắt rồi lại nhìn vào cái miệng xinh xinh của Dương Hoán đang mấp máy đôi môi rồi bật ra lời:

- Tâu phụ hoàng, ngồi vào chiếc ngai vàng đó là...
Chàng ngập ngừng.

- Là gì nào con nói thử ta nghe, - vua Nhân tôn giục và chờ đợi.

Dương Hoán nghĩ mãi mới nhờ nhờ cha dặn, chàng mạnh dạn nói tiếp:

- Tâu phụ hoàng là... là để nối dòng đại thống, chặn dất muôn dân, làm rạng tỏ sự nghiệp của tổ tông ạ.

Lời nói của Dương Hoán làm nhà vua mãn nguyện, rằng ngài đã đặt trọn niềm tin vào đứa bé khi nó mới vừa tròn hai tuổi, quá đã không lầm. Một cái gì đó tựa như một thứ hạnh phúc đang dâng lên ứ nghẹn cả lồng ngực. Vua nắm chặt tay Dương Hoán và nói nhỏ:

- Con nhớ kỹ những lời con vừa nói với ta để khi quyền lực vào tay con sẽ làm đúng như con nói nhé.

- Tâu phụ hoàng, con xin ghi lòng tạc dạ.

- Còn một điều nữa ta muốn dặn con, nếu chẳng may ta ra đi mà con chưa đến tuổi trưởng thành, việc nước sẽ do các phụ chính bàn bạc rồi họ bảo con ký vào chiếu hoặc con phải tuyên cáo trước bá quan, nếu các việc có liên quan đến sự đánh dẹp các kẻ nổi loạn, hoặc bắt bớ xử giảo, hoặc biếm truất các quan trong ngoài triều, hoặc việc rắc rối chốn biên thùy, con phải hỏi lại các người phụ chính cho cặn kẽ, hoặc khi lòng con còn nghi hoặc, con nhóm cả triều đình lại mà hỏi: “Việc này có nên chăng?”. Nếu mọi người đều nói nên, con hãy quyết. Nhớ chưa?

- Tâu phụ hoàng con nhớ. Nhưng... Dương Hoán ấp úng.

- Con bảo “nhưng” cái gì đó?

- Tâu, con chỉ muốn nói, phụ hoàng “đi” rồi phụ

hoàng lại về, con cứ chờ phụ hoàng về để phụ hoàng quyết có hơn không.

Nhà vua cười rơi cả nước mắt. Vua kéo Dương Hoán vào lòng vỗ về:

- Con ta còn thơ ngây quá. Lớn rồi con sẽ hiểu. Nhưng con nhớ lời ta dặn chứ?

- Tâu, con nhớ rồi ạ.

Nhà vua còn định răn dạy hoàng thái tử Dương Hoán nhiều điều nhưng mệt quá. Vua bảo:

- Con đỡ ta nằm xuống. Lại bảo Dương Hoán: - con lui ra để ta yên tĩnh. Từ bữa đó, sức nhà vua ngày càng suy kiệt. Đầu tháng chạp vua sai đưa ngài về tỉnh dưỡng tại điện Vĩnh Quang. Đây là một ngôi điện nhỏ, bốn bề thoáng dăng, mặt nam nhìn ra hồ nước, quanh hồ có liễu rủ, hai đầu đông tây đều có vườn hoa, có cửa sổ mở ra xem ngắm. Sau nhà là hướng bắc trồng một rặng thông, cây đã cao vượt nóc nhà, thân thẳng đứng, mùi nhựa thông hơi hăng hắc phá vào bầu không khí trong lành.

Vài ngày sau về điện Vĩnh Quang, vua thấy sức xuống hẳn. Biết mệnh đã sắp dứt, sự ra đi chỉ còn trong sớm tối liền cho triệu thái úy Lưu Khánh Đàm vào nhận di chiếu.

Đọc lời di chiếu, Lưu Khánh Đàm thăm phục nhà vua là bậc cao minh, hiểu rõ lẽ hằng sinh tử. Mọi việc để lại đều rõ ràng khúc triết. Ngay cả việc “sửa sang giáo mác đề phòng chuyện bất ngờ” vua cũng không quên răn dạy.

Việc tang chế vua dặn: “Sau ba ngày thì bó khăn áo trở, nên thôi thương khóc; việc chôn cất cốt phải kiệm ước, không xây lăng mộ riêng, nên chôn ngay bên cạnh tiên đế. Than ôi! Mặt trời đã xế, tấc bóng khó dừng, một đời từ già, vĩnh quyết nghìn năm...”. Đọc đến đây Lưu Khánh Đàm bật khóc quỳ xuống bên giường nói:

- Bệ hạ công đức như trời biển, sự nghiệp đã làm rạng tỏ tổ tông thế mà bệ hạ lại không cho dân nước được tang trở, trăm họ sao yên lòng?

Vua gươngng nói:

- Khanh chớ nhiều lời. Ta đã ít đức, không lấy gì làm cho trăm họ được yên vui, đến khi chết đi lại để cho nhân dân mình mặc áo sô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, tuyệt cúng tế, làm cho lỗi ta thêm nặng thì thiên hạ bảo ta là người thế nào.

Từ đó vua bỏ ăn và không nói gì thêm nữa. Các cận thần luôn túc trực sẵn sóc. Vài ngày sau vua băng tại điện Vĩnh Quang.

Vũ vệ Lê Bá Ngọc cho cấm quân canh gác nghiêm ngặt các cửa thành nội bất xuất ngoại bất nhập. Lại triệu các quan đến đông đủ tuyên đọc di chiếu rồi tôn hoàng thái tử Lý Dương Hoán lên ngôi trước linh cữu, tức vua Thần tông lấy hiệu là Thiên Thuận.

Linh cữu của Lý Nhân tông quàn lại ba ngày cho các quan để tang. Sau ba ngày vua xuống chiếu bỏ hết khăn, áo tang trở rồi đưa linh cữu của thượng hoàng về quàn tại điện Hội Tiên.

XXIII

Trong khi linh cữu vua Nhân tông còn đang quàn, chờ người đi chọn đất ở phủ Thiên Đức, nên việc an táng chưa định được ngày thì Đông tây thượng cấp môn sử¹ chọn ba cung nữ được vua yêu nhất đưa về Nà Ngạn² cho lên giàn thiêu để chết theo nhằm tiếp tục hầu hạ Đại hành³ hoàng đế. Vua mới liền đi theo. Có thể nói đây là cuộc xuất du đầu tiên của Lý Thần tông, mang tính hiếu kỳ của đứa trẻ thơ vừa được nắm trong tay một quyền lực tối thượng. Trong khi đó linh cữu của vua Nhân tông vẫn còn quàn tới tháng sáu mới đưa đi chôn cất.

Từ Nà Ngạn trở về, lòng vua vui phơi phơi liền cho hội triều quan, vua tuyên chiếu: “Cho nội vụ Lê Bá

1 Cơ quan giữ việc lễ nghi trong triều.

2 Vùng Lục Ngạn thuộc tỉnh Bắc Giang ngày nay.

3 Đại hành có nghĩa là đi xa. Đại hành hoàng đế tức là nhà vua đi xa - đi vào cõi chết. Đây là một cách dùng mỹ từ của người xưa.

Ngọc làm Thái úy, thăng tước hầu; nội nhân hóa đầu Lưu Ba và Dương Anh Nhĩ làm Thái phó, tước đại liêu ban; trung thừa Mâu Du Đô làm Giám nghị đại phu, thăng trật chư vệ; nội nhân hóa đầu Lý Khánh, Nguyễn Phúc, Cao Y làm Thái bảo, tước nội thượng chế; nội chi hậu quán giáp Lý Sơn làm Điện tiền chỉ huy sứ tước đại liêu ban; kép hát Ngô Toái làm thượng chế; ngự khố thư gia Từ Đình làm viên ngoại lang. Đó là vua đền ơn cho những người có công phò tá khi lên ngôi. Thật ra đây là những người mà Sùng Hiền Hầu đã kết thân từ lâu, nhằm giúp rập con mình là Lý Dương Hoán từ khi được chọn lập làm hoàng thái tử.

Lập con gái của Điện tiền chỉ huy sứ Lý Sơn làm Lê Thiên hoàng hậu; lập cháu ruột của Thái úy Lê Bá Ngọc tức con gái của Lê Xương làm Minh Bảo phu nhân.

Vua kiểm xem những việc gì cần làm lợi cho dân như lời tiên đế (Lý Nhân tông) căn dặn: “Các việc của triều trước xem việc gì còn hữu ích, có lợi cho dân thì làm. Còn việc gì triều trước làm mà triều này thấy không còn có lợi cho dân nữa cứ bỏ đi, chớ câu nệ, bởi mọi việc ở đời đều thay đổi, chớ đâu cứ đứng nguyên như cũ”. Nghĩ vậy, vua bèn xuống chiếu cho sáu quân thay phiên nhau về nhà làm ruộng theo như chế độ đặt ra từ đời Thái tổ cao hoàng đế. Nhưng các đời sau không còn được nghiêm giữ. Gần đây trước khi đi xa, tiên đế căn dặn phải khôi phục lại. Bởi ngụ binh ư nông tức là

ngụ quân ngũ ở nơi tình điền, giấu một việc hiểm yếu vào nơi nhàn nhã. Chế độ này rất tiện lợi cho việc dùng binh lại bớt hao tổn trong việc nuôi binh.

Khi nhà vua cho ban bố chính lệnh này cả nước đều hoan hỉ, nhà nhà đều yên vui. Từ các bậc đại trí đến dân thường đều hy vọng Dương Hoán sẽ nối được chí của các vua sáng triều trước.

Tiếp đó vua đòi vào nhà Kinh Diên học. Kinh Diên là nơi để giảng giải kinh nghi, tức là những điều mà nhà vua học hoặc đọc các sách Tứ thư, Ngũ kinh, các sách về Nội điển cũng như sách của Bách gia chư tử, chỗ nào còn hồ nghi, ngài sẽ hỏi lại. Những người được mời giải đáp ở đây phải là các bậc túc nho, túc thiên không chỉ thông kinh sách mà còn phải có đạo đức và trí huệ bạt quần.

Bữa nọ vua hỏi:

- Ta đọc sách thấy Tuân Tử bàn về “Nhân quân”. Vậy thế nào là một đáng “Nhân quân”?

Quan Tư nghiệp ở nhà Quốc học viện bèn thưa:

- Tâu bệ hạ, đáng nhân quân là người chuyên lo việc tu đức cho mình để sai khiến thiên hạ. Cho nên đáng nhân quân chỉ lo không có đức mà không lo không có sức mạnh. Vì rằng có đức tất có sức mạnh. Bởi vậy mới nói: “Quân tử dĩ đức, tiểu nhân dĩ lực. Lực giả đức chi địch giả...”. Tức là người quân tử lấy đức làm đầu, kẻ tiểu nhân thì chỉ chuyên chú về đường sức mạnh. Nhưng thực ra cái sức mạnh ấy là để cho cái đức kia

sai khiến...

Vì vậy thiên hạ trọng bậc nhân quân tức là trọng cái đẹp chung và cái lợi chung của mình, mà bậc nhân quân giữ cái ngôi mình là giữ cái chung của cả thiên hạ, chứ không phải của riêng một nhà, một họ nào. Đó chính là cái ý tưởng rất trọng yếu của Nho giáo.

Vua tỏ vẻ bằng lòng, liền khen:

- Ông nói hay lắm. Đúng như tiên đế từng dạy ta. Cái ngai vàng chính là ngôi nước, thiên hạ cho ta ngồi vào đấy để nắm lấy quyền uy tối thượng. Và đem cái quyền uy ấy ra mà điều hành thiên hạ, làm lợi cho thiên hạ chứ không được phép lợi dụng nó để hành thiên hạ làm lợi riêng cho một người hoặc một nhà ắt có ngày sẽ gãy nát, sập đổ.

Các quan ai cũng vui vì nhà vua vừa thông tuệ vừa có lòng cầu thị.

Nhân đấy vua bảo các quan rằng:

- Trẫm còn trẻ thơ, nối nghiệp lớn của tiên thánh mà thiên hạ yên tĩnh, trong cõi sợ uy đều là nhờ sức của các khanh, các khanh nên thận trọng chức vụ, chớ có biếng trễ để giúp trẫm những chỗ còn thiếu sót.

Các quan đều cảm phục và hô lớn:

- Bệ hạ anh minh!

Có mấy việc vua làm khi vừa ở ngôi quân trưởng được ít lâu đều là những việc đáng khen. Ví như xuống

chiếu cho những ai trong dân bị tịch thu ruộng đất vào nhà quan cũng là bị tội làm diên nhi¹ thì đều được trả về cả. Các tăng đạo và người dân mắc tội bị đẩy làm lộ ông² cũng đều được tha. Lại dụ bảo, những việc kiện tụng từ xa xưa do tổ tông mà đã xử đoán rồi, nay không được bới ra mà tâu báo, kiện cáo. Ai cố ý làm trái sẽ trị tội.

Thế nhưng sang đầu năm sau, năm nhà vua vừa mười lăm tuổi lại xuống chiếu rằng con gái các quan không được lấy chồng trước, phải đợi sau khi chọn sung vào hậu cung người nào bị loại mới được lấy chồng. Đây lại là một việc mà các đảng nhân quân không làm. Và đó cũng là điều nhà vua đòi các bậc đại trí phải hầu giảng trong điện Kinh Diên đã làm ngài vô cùng hăm mộ. Thế nhưng việc làm này của vua lại trái với điều vua vừa học được nơi tòa Kinh Diên. Rõ ràng là tính cách của nhà vua chưa ổn định và việc tu đức chưa đủ để kìm chế lòng háo sắc, háo dục của một thiếu niên mới lớn. Và lại các việc làm này đều do các quan tả hữu phụ bật và lũ thái giám bày xếp cả.

Việc chính sự trong nước vẫn diễn ra êm thuận, hẳn nhiên phải dựa vào cả một hệ thống triều chính và nhờ vào các bậc tể thần lương đống do triều trước để lại không phải là ít. Tự nhiên nhà vua như có lần tiên đế

1 ² Diên nhi, lộ ông đều chỉ những người mắc tội đồ phải đẩy đi xa.

(Lý Nhân tông) căn dặn: “Quốc sư Viên Thông tuy tuổi chưa cao, nhưng lại là một bậc túc thiên, trí tuệ hơn đời, ta vẫn cho là bậc kỳ tài, nếu có việc gì cần cầu kiến, con cứ thỉnh sư vào cung mà hỏi”.

Vì vậy vua bèn thỉnh sư vào điện Sùng Khải để hỏi kế hưng vong trị loạn.

Nghe vua hỏi, sư thấy hơi ấm lòng vì với tuổi của nhà vua thì đây là những việc quá lớn. Nếu quả thực đây là những mong muốn tự tâm thì đó sẽ là phúc lớn cho nước. Nghĩ vậy, sư bèn đáp:

- Thiên hạ cũng ví như đồ dùng, đặt vào chỗ yên thì nó được yên, đặt vào chỗ nguy thì tất bị nguy. Xin bệ hạ hành xử đức hiếu sinh cho hợp với lòng dân thì dân sẽ kính yêu như cha mẹ, ngưỡng mộ như mặt trăng mặt trời. Ấy là đặt thiên hạ vào chỗ yên vậy.

Giây lâu sư lại nói:

- Trị hay loạn đều là ở dân cả. Quan lại được lòng người thì trị mà mất lòng người thì loạn. Thần trải xem các bậc đế vương đời trước, chưa từng có triều đại nào không dùng các bậc chính nhân quân tử mà hưng thịnh, lại cũng chưa thấy triều đại nào không dùng tiểu nhân mà suy vong. Nguồn gốc dẫn tới điều đó đâu phải chỉ diễn ra một sớm một chiều, mà đã âm ỉ manh nha tích tụ từ trước. Tức là sự sụp đổ là do có sự tự chuẩn bị mà người cầm quyền không hề biết. Ấy là yêu kẻ nịnh, ghét người trung. Bỏ người tốt dùng kẻ xấu. Bỏ người

tài đức dùng kẻ bất tài vô hạnh. Yêu cái dân ghét, ghét cái dân yêu. Sống xa xỉ, dâm loạn. Tất cả những thứ đó đều phát sinh từ trong lòng chế độ chứ kẻ thù nào đem đến được. Cái đó gọi là họa từ trong, từ chính mình tự chuẩn bị cho sự sụp đổ. Đó chính là cơ hội để mời gọi kẻ thù từ ngoài vào và nước mất cũng từ đó.

Tâu bệ hạ, bậc nhân quân chỉ trong một lúc được hoặc mất thiên hạ, tất là do đức thiện hay ác đã tích tụ từ lâu. Như đức Thái tổ triều ta được nước là như vậy đó. Lê Ngọa triều mất nước cũng là như vậy đó. Cho nên các bậc thánh vương không ngừng tu đức để yên dân. Sửa mình thì trong lòng thận trọng như đi trên lớp băng mỏng, yên dân thì kính sợ như người cưỡi ngựa thiên lý mà giông dây cương mục nát. Làm được như thế thì nước không thể không hưng thịnh, không làm được như thế thì nước không thể không suy vong. Việc hưng vong của một triều đại chỉ đơn giản có vậy thôi, bản tể nói có điều gì trái tai xin bệ hạ tha tội.

Những lời sư nói quả làm đẹp ý vua. Vì vậy vua liền gia phong sư chức Hữu nhai tể thống, trông coi việc của bản đạo. Từ đó sư được mặc nhiên ra vào cung cấm mỗi khi thấy có việc gì cần tâu báo. Và sự thực nhà vua không chỉ cần thiên sư giúp coi sóc về việc đạo mà cả những việc đời nữa.

Từ ngày nhà vua sai tuyển con các quan và người đẹp khắp trong nước được ba mươi sáu người vào cung,

vua đi xem mặt khắp lượt, nhưng ưng ý chỉ được vài người. Trong đó có một thiếu nữ con nhà thứ dân, tên là Gái, cha mẹ đều là hạng nông phu chân lấm tay bùn. Vì con nhà thường dân nên vào cung không được tiến phong gì cả. Thế nhưng nàng có sắc đẹp tiềm ẩn, và nhất là khi tuyển khám cơ thể, các thái y nhận thấy cô bé nhà quê này có tướng vượng phu ích tử, còn các thái giám khi xem xét lại thấy đứa bé này có khả năng tiềm ẩn về đường tình dục khá dồi dào. Cô bé có nước da hơi ngăm ngăm, cơ thể nhỏ nhắn nhưng săn chắc một cách kỳ lạ. Bụng thon, ngực nở, hông to, hơi thở thơm tho, môi tươi tắn, hai hàm răng nhỏ, trắng muốt, hai bên má đều có núm đồng tiền, mỗi khi cô hé cười nom xinh như một đóa hoa hàm tiếu. Đáng kể nhất là cặp đùi mập chắc và đôi chân dài. Đây là loại trường túc bất chi lao, có thể hầu hạ nhà vua thâu ngày đêm vẫn không biết mệt mỏi là gì. Các quan giám bảo nhau: “Đây mới là thứ hàng triều đình cần”.

Tuy xinh đẹp và tiềm ẩn những khả năng có thể thỏa mãn cho nhà vua, nhưng lại sinh trưởng trong một gia đình nông phu nghèo ở nơi sơn cùng thủy tận nên không có học thức, không biết lễ nghi là gì cả. Vì vậy khi vào triều, cô như một con nai lạc rừng đang ngỡ ngàng giữa chốn đồng bằng trơ trụi.

Đám thái giám thì huấn dạy cho cô từ cách ăn ở, tắm rửa, chăm chút từng bộ phận trong cơ thể. Dạy

cho cô cái thuật hầu hạ nhà vua khi chẵn gối. Họ dạy cô một cách nghiêm túc, phải đi dần từng bước trong chuyện hầu hạ hoàng thượng. Cô bé mười ba tuổi chậm hiểu chuyện chẵn gối, nên các quan giám phải vạch vọi chỉ dẫn từng li từng tí. Lúc đầu cô thấy ngượng, sau thấy nó có gì bỉ ổi kỳ quặc cô bật cười, liền bị các quan lột hết áo quần ra đánh cho một trận thật đau. Từ đó cô không dám xem thường “việc học” này nữa.

Còn việc học chữ, học các phép tắc lễ nghi từ đi đứng, ăn mặc đến chào hỏi, bệ bậc lại do các vị lễ nghi học sĩ truyền dạy. Chỉ riêng việc phân biệt đẳng cấp các quan bằng những biểu hiện bên ngoài như mũ, áo hoặc màu sắc cũng đủ mệt óc cô bé nhà quê rồi. Ngay trong hàng phi tần cũng lại phân làm chín bậc, và cũng phải nhận diện thứ bậc qua khăn áo, màu sắc. Nếu không thuộc thứ bậc thì việc chào hỏi cũng không phù hợp. Ví như không biết mà chào bậc đứng đầu hàng phi như chào một bậc đứng đầu hàng tần thì không những bị đánh đòn mà còn suốt đời không góc đầu lên được.

Đối với các phi, tần đã khó, nhưng đối với các bậc đại thần còn khó hơn nhiều, ngoài phân biệt thứ bậc lại còn phải biết phân biệt ra hai ban văn võ. Cũng màu sắc áo mũ đó nhưng lại có những dấu hiệu phân biệt văn quan, võ quan. Tuy giống nhau về mũ áo, nhưng bên võ ban thường kém bên văn ban một bậc.

Càng học cô bé Gái càng thấy các quan giám tuy

hay đánh đập, ăn nói cục cằn, song các bài học của họ đơn giản, dễ nhớ, dễ thuộc. Nhập tâm đã nhanh lại còn gây sự thích thú ngẫm. Còn các bài học của các học quan nghe ra thì ngọt ngào nhưng lại rất khó học, khó thuộc. Mỗi khi các quan bắt thực hành bằng ngôn ngữ, cử chỉ, đầu óc cô cứ rối tung lên.

Có lần một học quan đã mắng cô:

- Người phải nhìn biết xem quan lớn đó ở hàng nhất, nhị phẩm hay thất, bát phẩm rồi mới cúi lạy. Quan nhất phẩm phải lạy đủ năm lạy. Còn quan bát, cửu phẩm chỉ phải đứng cúi đầu vái thôi chứ không phải quỳ lạy, thế mà người cứ hễ trông thấy các quan là cúi đầu xuống y hệt con ngựa bị hổ đuổi cùng đường cắm đầu vào bụi rậm lẫn trốn. Đây mới chỉ là bài học thôi chứ mai đây hằng ngày chạm trán các quan mà người hành xử thế là mắc tội đó.

Một quan khác lại dặn:

- Người phải nhớ lấy tên của mình, quên cái tên Gái nhà quê của người đi nhé.

- Bẩm quan vâng ạ. Bẩm quan, thế tên con bây giờ là gì ạ?

Các quan bật cười:

- Con này vô tâm thật đấy, có cái tên của mình mà suốt ba ngày nay vẫn không nhớ.

- Bẩm quan nhưng cả ngày phải học biết bao nhiêu

thứ chữ đâu chỉ học có một cái tên. Bẩm các quan cho con về quê cày ruộng thì việc gì con cũng biết làm mà có cần phải học đâu. Quê con sung sướng lắm ạ. Dạ vì không một ai phải đi học cả.

Các quan đều không nhìn được cười.

Một học quan nói dần từng tiếng:

- Tên nhà ngươi là Nguyễn Thu Hằng Nga nhớ chưa. Ấy thế mà rồi chỉ ba tháng sau cái cô Gái nhà quê nay là Nguyễn Thu Hằng Nga ấy cũng nhập tâm được tất cả những điều về lễ nghi cần thiết trong cung cấm. Và nom cô đẹp xinh thơ trẻ như một thiên thần.

Trước khi dâng Hằng Nga cho nhà vua, viên đô thái giám gọi cô ra dặn bảo:

- Ta ưu ái con như con cháu trong nhà nên cho con đặc ân được hầu hạ hoàng thượng. Ta chắc con sẽ được hoàng thượng sủng ái hơn các phi, các hậu khác. Nếu may con sớm sinh được hoàng nam lại được nhà vua lập thì con nên nhớ đến lư ta. Nếu ta không tuyển con vào cung, lại không dạy dỗ cho các ngón nghề thì rốt cục con cũng chỉ là một đứa gái quê suốt đời lam lũ.

Hằng Nga ở trong cung mấy tháng tuy có trải qua học hành bỡ ngỡ, nhưng nay đã quen việc ăn trắng mặc trơn nhàn nhã, suốt ngày chỉ điểm trang rồi dạo quanh các hồ nước, các vườn thượng uyển để khoe nhan sắc, khoe áo quần, nếu chẳng may mà bị giải cung chắc cô phải tự vẫn. Nay thấy quan đô thái giám ngó lời như

vậy, cô vội đáp:

- Trăm điều con trông cậy nơi quan đô thái giám, nếu may được như quan nói, con đâu dám quên ơn. Nói xong cô quỳ xuống lạy hai lạy.

Đô thái giám đỡ dậy và thân mật hỏi:

- Tháng này con đã thấy kinh chưa.

- Tâu, con mới sạch được ba ngày. Đại quan cứ xem trong sổ sách, các quan giám hỏi han ghi từng ngày không sót một tí gì.

- Sao ta không biết điều đó. Tiện đây ta hỏi con để xem nay mai ta tiến con với hoàng thượng.

Quả nhiên ba ngày sau Hằng Nga được chọn vào bộ kiến thiên tử.

Dưới ánh bạch lạp lung linh trong một căn phòng lộng lẫy, hương thơm sực nức, bốn mặt tường đều gắn bốn tấm gương đồng lớn mài sáng bóng. Giữa phòng kê giường thất bảo, trải nệm gấm. Hằng Nga được dẫn vào ngồi trên một chiếc ghế gỗ thơm bên chiếc bàn mặt nguyệt, giữa bàn có một lọ hoa cắm những bông mẫu đơn đỏ rực. Lửa nến bập bùng lấp lóa sắc hoa ánh lên một màu hồng trên má thiếu nữ, nom cô đẹp gấp nhiều lần những đóa hoa kia. Nàng ngồi chờ thiên tử, vừa rạo rức vừa hãi sợ. Thực tình nàng lo sợ hơn là đón đợi chuyện ái ân. Nàng đang hình dung thiên tử là một người oai phong lẫm liệt, có phần hung dữ nữa. Bởi ai cũng nói mặt thiên tử là mặt rồng. Mà rồng theo như

nàng hiểu lúc ở quê, mỗi khi có trận cuồng phong, mây đen phủ kín bầu trời thì rồng thò một cái vòi nhọn hoắt từ trên không trung xoáy xuống nhân gian, làm cho cát bụi mù trời, cửa nhà siêu đổ, có khi bốc cả cây cối thụ đem ném tới mãi đâu đâu, sau đó nước đổ xuống ào ào như vỡ đê trời. Đây là loại rồng đen. Còn rồng trắng chỉ có gió xoáy đem cát bụi vãi khắp trời rồi trả lại sự quang dăng chứ không mưa. Vì thế trong dân gian có câu ca rằng:

Rồng đen lấy nước được mùa

Rồng trắng lấy nước thì vua di cày.

Có nghĩa là rồng trắng xuất hiện thì gây hạn hán, mất mùa.

Trong đầu óc của Hằng Nga lúc này hết sức mông lung, cô cứ vẽ ra những nét dữ tợn trên gương mặt nhà vua.

Dang tĩnh lặng tự nhiên vang lên một tiếng “boong” khe khe rồi thả đều từng tiếng một, Hằng Nga đếm được mười một tiếng. Nàng dần nhận ra đó là tiếng đồng hồ nước rơi trên li đồng. Và lúc này đã vào giờ Tuất.

Bỗng từ sau lá màn nơi cửa ngạch có tiếng sột soạt rồi một chàng trai (thực ra là một thiếu niên, vì năm nay nhà vua mới mười sáu tuổi) bước vào với tấm nhung khoác ngoài màu đỏ tía, trên đầu chàng đội một vành khăn màu đỏ, giữa gắn một viên kim cương to bằng đầu ngón tay phản chiếu ánh nến tỏa ra những tia sáng rực

rõ nom như hào quang từ người chàng phát ra. Gương mặt chàng nom khôi ngô, tuấn tú, đôi mắt sáng rực, mũi thẳng, da trắng, môi đỏ như tô son, cặp mắt chàng lơ lảo như kiếm tìm một cái gì đó.

Hằng Nga chưa từng nom thấy một chàng trai nào có diện mạo khôi vĩ như vậy, nàng như bị thôi miên và trong đầu óc nàng không hình dung đó lại là thiên tử.

Vua Thần tông nhìn xéo vào phía trong bắt gặp một gương mặt thiếu nữ. Và nơi nàng như có một ma lực kéo nhà vua ào đến ôm chặt lấy nàng. Vua đặt lên má lên môi lên cổ nàng những nụ hôn đắm thắm. Nhà vua tung tấm nhung dài quét đất trên lưng ra, trên thân ngài đeo một bộ áo quần may bằng một thứ lụa mỏng dính nom rõ cơ thể ngài trắng hồng, chắc nịch căng tràn sức sống.

Vua nói nhỏ:

- Nàng cởi hết xiêm y ra hầu trăm chứ còn đứng làm gì đây?

Lúc này Hằng Nga mới biết đó chính là thiên tử. Nàng vội quỳ xuống vái lạy:

- Tâu bệ hạ, quả thần thiếp ngu muội không nhận ra bệ hạ. Xin bệ hạ tha tội.

Nhà vua đỡ Hằng Nga dậy và nói:

- Ta rất vui khi vừa nom thấy nàng. Thôi bỏ hết lễ nghi đi, trút hết xiêm y ra và hãy làm theo ý trăm.

Hằng Nga ngưỡng nghịu trút xiêm y và e ấp nhìn thiên tử. Lúc này nhà vua cũng đã trút hết áo quần và chỉ còn hai tấm thân lồ lộ hiện ra trên bốn mặt gương. Vua áp sát hai thân lại rồi kéo nàng di khắp căn phòng rộng. Sau đó dìu nàng lên giường. Nàng ngoan ngoãn làm theo ý vua muốn và cũng lặng lẽ khiến vua theo ý mình như ngón nghề mà các quan giám đã truyền dạy.

Tuy mới mười sáu tuổi, nhưng nhà vua đã ân ái với cả trăm cung tần mỹ nữ, song chưa một người con gái nào lại làm cho nhà vua sung sướng đến mê man trong khi giao phối như với ả Hằng Nga này. Suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau nhà vua mê man quẩn luyến Hằng Nga như hai con rắn thần quấn chặt lấy nhau.

Ba ngày sau vua mới ra thiết triều, việc đầu tiên là vua ban cho đô thái giám tước bốn tư. Đô thái giám ngầm biết là vua trả công cho việc tiến dâng Hằng Nga.

Cũng từ sau đêm ân ái với Hằng Nga, nhà vua dường như không lui tới cung của các hậu, các phi khác nữa. Vua ra lệnh cho nội thường thị đưa Hằng Nga về ở hẳn điện Nguyệt Minh, còn nhà vua cũng dời về ở cung Cảnh Linh gần đó. Cảnh Linh là một cung điện đẹp nhất mới xây cất vào cuối năm Mậu Thân (1088). Và cho đến tháng 5 năm sau thì cung nữ Hằng Nga sinh hoàng thứ trưởng tử đặt tên là Thiên Lộc. Sở dĩ gọi là hoàng thứ trưởng tử là bởi cung nữ Hằng Nga chỉ dự vào hàng người hầu chứ không thuộc hàng hậu hoặc phi.

Thấy nhà vua sinh được hoàng nam, các quan trong ngoài triều tới tấp tìm các vật lạ gọi là sự báo hiệu của các điềm lành để dâng, khiến thiên hạ rối lòng. Ví như có kẻ trong quân tên là Vương Cửu dâng con rùa mắt có sáu con người, trên ức có nét chữ triện. Vua xuống chiếu ban cho các học sĩ và tăng, đạo biện rõ ra thành tám chữ: “Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế”. Có nghĩa rằng sách Trời ban xuống cho biết rằng nhà vua sẽ sống lâu muôn tuổi. Cũng như trước đó viên hỏa đầu là Tô Vũ dâng con rùa trên ức có các chấm đen, trắng, các tăng đạo cũng biện được thành bốn chữ: “Nhất thiên vĩnh khánh”. Nghĩa là ông thánh sống mãi trong bầu trời. Chuyện tương tự thì có tên Lý Tử Khắc tâu ở rừng Đé Giang¹ có hươu trắng. Vua sai Thái úy Lưu Khánh Đàm đi bắt. Thái úy thuê mấy phường săn bắt được về nộp.

Hoàng thượng thích lắm, ngài liền cho Lý Tử Khắc làm Khu mật sứ. Rõ ràng tính vua vẫn còn trẻ thơ, coi quan tước như một thứ tiền bạc có sẵn trong túi cứ đem ra ban thưởng tùy ý. Không những thế, nhà vua còn có tính hiếu thắng nữa. Ví như vua đang đá cầu chơi ở sân sau được các quan xúm vào khen, cũng vừa lúc có người tâu: “Sứ Chiêm Thành tới cống”. Vua sai cho sứ thần vào xem mình đá cầu.

¹ Tên vùng đất cũ nay thuộc huyện Sơn Dương, tỉnh Hòa Bình.

Nghe được nhiều điều trái tai từ các việc vua làm, thiển sư Viên Thông vội vào triều nhằm can ngăn nhà vua.

Thấy sư đến, vua vui lắm. Bởi vua vừa mộ đạo vừa kính sư như một người thầy. Mời sư ngồi xong, vua hỏi:

- Quốc sư lâu lắm không vào triều, nay đến chắc có việc gì răn dạy trăm chãng?

- Nghe nói hoàng thượng sinh hoàng thứ trưởng tử, bữa nay bản tểng mới đến chúc mừng được, xin đại xá.

- Không sao! Không sao! Đại sư đến dạy bảo là quý lắm rồi, trăm sẵn lòng nghe lời chỉ dẫn.

- Tâu bệ hạ, thần từng nói, lời thẳng ngay thường khó nghe. Vậy chớ nếu bệ hạ cho phép, bữa nay thần thuận nói về các điều trái tai, khó nghe lắm đấy.

- Có gì dẫu đại sư, trăm thường nghe nói thuốc đắng già tật kia mà.

- Đã thế, thần đi ngay vào việc cần nói. Thật ra đây cũng là những điều thần đã từng nói với nhà vua. Bữa đó bệ hạ tâm đắc lắm, nhưng sao bệ hạ lại cứ tin theo các điều dị đoan. Thử hỏi từ thượng cổ tới nay làm gì có những chuyện kỳ dị ở dưới bụng rùa có chữ "Thiên thư hạ thị thánh nhân vạn tuế" rồi lại "Nhất thiên vĩnh khánh". Chẳng qua bọn người ấy thấy bệ hạ thích các điềm lạ nên họ sẵn đón ý vua đề dâng vật rồi bịa tạc ra như vậy để lấy thưởng. Hoặc giả như Lý Lộc,

Lý Tử Khắc báo có hươu trắng trên núi Tản Viên, bệ hạ sai Thái úy Dương Anh Nhĩ đến bắt được hươu thì Lộc được chức đại liêu ban, Tử Khắc được trật minh tự, Thái úy Dương Anh Nhĩ cũng được tước đại liêu ban.

Chỉ một việc bắt con hươu mà ba người được tước trật lớn vậy, thử hỏi khi các tướng lập được công cao ngoài mặt trận, bệ hạ lấy gì ban thưởng cho họ đây. Nếu bệ hạ thích một con hươu lạ, bệ hạ có thể lấy bạc quốc khố để mua, để thưởng, còn như quan tước nó thuộc về bộ máy cai trị phải trao cho người có đức, có tài chớ đâu có thể đem ra ban phát như một thứ đồ vật được. Và lại, nó sẽ làm cho những người được giữ các chức tương tự từ trước cảm thấy tủi thân, rằng tài năng của mình cũng chỉ ngang tầm người trông thấy con vật lạ đi mách bảo, hoặc chẳng hơn gì anh thợ săn, do đấy người ở chức dâm nản không muốn thiết tha với công việc nữa.

Thiên sư nom gương mặt nhà vua rực đỏ, không hiểu vua ngượng hay căm ta đây. Nếu vua căm tức mà ta nói nữa chắc sẽ gây đổ vỡ. Nghĩ vậy, sư bèn dịu giọng:

- Tâu bệ hạ, liệu thần có quá lời không. Bữa nay làm bệ hạ mất vui, thần can tội nhiều lời, xin bệ hạ đại xá.

Vua Thân tông giật mình như người vừa tỉnh mộng, liền nói:

- Nghe những lời chỉ trích mình ai mà không buồn. Nhưng đây lại là điều bổ ích. Trẫm lên ngôi tuổi còn thơ

dại đã được ở trên thiên hạ, nhất hô bá ứng cứ tưởng mình là giỏi. Nay đại sư nói cho nghe những điều lầm lỗi chợt thấy sợ hãi. Tới nay tuổi vẫn còn non mà giang sơn thì nặng gánh, xin đại sư đừng bỏ trầm.

Nghe những lời vua bày tỏ vừa chân tình vừa cảm động, thiền sư Viên Thông lại nói:

- Việc bệ hạ đá cầu giỏi để rèn luyện thân thể là việc đáng nên khen. Nhưng nó có gì hay đâu mà bệ hạ phải gọi sứ thần Chiêm Thành vào xem như là một thứ trò biểu diễn. Việc đó không có hại gì cho quốc thể nhưng cũng chẳng có lợi gì cho một vị quốc vương đối với sứ thần của một nước phiên thuộc. Nhân đây thần xin kể hầu bệ hạ một câu chuyện cách đây chừng ba, bốn trăm năm về đời nhà Đường bên Tàu. Vua Đường Hy tông là một người rất giỏi đá cầu. Một hôm vua biểu diễn trước sự khâm phục của bá quan. Chợt vua nói: “Nếu như có cuộc thi tiến sĩ về đá cầu mà trầm tham gia ứng thí, ắt trầm phải đỗ trạng nguyên”. Người hèn vẫn làm trò vui cho vua trong triều cũng có mặt ở đó liền nói: “Nếu bệ hạ gặp phải vua Nghiêu¹, vua Thuấn² mà làm lễ bộ thị lang thì sợ không tránh khỏi bị đuổi”.

Ngừng nhìn, thấy vẻ mặt nhà vua hơi ủ buồn, thiền sư nói tiếp:

- Bệ hạ ở ngôi chủ tể trị vì trên toàn cõi thì mọi

¹ Nghiêu, ² Thuấn là hai vị vua giỏi theo huyền thoại của Trung Quốc.

thứ từ rừng đến biển, từ mặt đất đến cả bầu trời, mọi thứ đều thuộc quyền của bệ hạ. Con thú của bệ hạ đang ở trong rừng của bệ hạ, sao phải bắt nó về nhốt trong chuồng làm của riêng. Nếu người giữ ngôi nước có ý vun vén cho riêng mình thì cả bộ máy cai trị này từ hương thôn đến phường phố, châu lộ và cả triều đình sẽ lập tức trở thành một bầy cuồng khấu, chúng sẽ đua nhau xẻ thịt đất nước tươi tắn như một tàu lá chuối bị bão đánh cho xơ tướp chẳng ai còn nhận ra hình thù đất nước nữa. Và rồi chúng hút máu hút mỡ người dân đến kiệt cùng. Bệ hạ nên bỏ ngay cái ý thích thơ trẻ của mình đi. Và chớ nên quên khi mình đã là đấng nhân chủ thì mỗi lời mình nói, mỗi việc mình làm nhất cử nhất động đều không qua được con mắt của trăm họ. Bởi thế, dù bệ hạ còn nhỏ tuổi, nhưng ngôi nước lại không nhỏ. Bệ hạ nắm sinh mệnh cả một quốc gia trong tay chớ không phải nắm một thứ đồ chơi. Cho nên mỗi việc làm dù nhỏ cũng đều phải cân nhắc tính toán, phải dò thăm ý tứ của quần thần và của bách tính. Thần chỉ lạ một điều rằng trong triều có nhiều người giỏi, học thức tinh thuần thế mà tất cả đều ngậm miệng, không ai can bệ hạ được một lời, thần không tin tất cả bọn họ đều trở thành những kẻ xu nịnh. Nhưng sao họ vẫn đua nhau đi tìm vật lạ để tiến dâng bệ hạ mong cầu lộc, cầu quan.

Thiên sư ngừng lời như muốn dò thăm ý tứ nhà vua.

Im lặng một lát, vua nói:

- Về việc can trảm cũng có một người đấy. Đó là viên đông tây thượng cấp môn sứ Lý Phụng Ân, khi thấy viên tả vũ trập Đỗ Khánh dâng con cá xương công sắc vàng, Phụng Ân bèn gạt đi và râu rằng:

- Con cá là vật nhỏ mọn tầm thường mà bệ hạ đã cho là diễm lành, nếu có lân phụng đến nữa thì bệ hạ cho là vật gì, diễm gì.

Trẫm nghe Lý Phụng Ân nói thế cũng phải, liền xuống chiếu không nhận con cá ấy nữa. Như thế không phải là trẫm không biết nghe mà chỉ vì không có người can gián.

- Tâu, thế thì phúc cho nước. Nhưng bệ hạ có khen lao gì quan cấp môn sứ Lý Phụng Ân không?

- Không! Trẫm nghe là đủ rồi. Một lời can có được mất gì mà phải ban khen.

Thiền sư Viên Thông cảm thấy đau lòng và không kìm nén được, ngài nói:

- Một kẻ chỉ trông thấy con hươu xuất hiện ở trong rừng về báo thế mà người được chức đại liêu ban, người được tước minh tự, còn người dám đứng ra can vua không bước vào đường lầm lỡ mà bệ hạ lại bảo không có công gì nên không được khen. Như thế bọn săn đón ý vua biết là vua vẫn ưa thích các vật lạ, các diễm triệu và vua không thích ai can gián. Do vậy, tệ nạn dị đoan này thần chắc là sẽ vẫn còn tiếp diễn.

Tâu, nếu bệ hạ vì nể thần mà cho nói, hoặc nghe

thần nói cho sướng tai mà bệ hạ không sửa, không canh cải công việc triều chính thì từ nay thần không dám tâu báo điều gì nữa, và bệ hạ cũng không nên đặt thần vào hàng quốc sư nữa.

Nhà vua có vẻ bối rối. Một lát ngài nói:

- Trẫm vẫn nghe đại sư chứ. Đại sư vẫn trong hàng quốc sư để trẫm còn cầu kiến chứ! Sửa! Trẫm sẽ sửa theo lời quốc sư dạy.

- Đa tạ hoàng thượng mong ân! Nói xong thiền sư Viên Thông cáo biệt. Ra khỏi cung, thiền sư có vẻ lo lắng. Bởi vận mệnh đất nước trao vào tay một gã thiếu niên ham chơi ít học, triều quan là một bầy xu nịnh, chẳng biết rồi họ sẽ đưa trẫm họ về đâu, đạo của ta về đâu?

Lại nói khi cung nữ Hằng Nga sinh được hoàng nam các bà hậu bà phi cứ lỏng lộn lên. Bữa nọ hoàng hậu Lệ Thiên sang cung của Minh Bảo phu nhân bàn bạc.

Hoàng hậu hỏi:

- Lâu nay hoàng thượng có lui tới cung này không?

Minh Bảo phu nhân buồn bã đáp:

- Tâu hoàng hậu, cả năm nay, có khi hơn một năm rồi, từ khi ả Hằng Nga được tiến cung, hoàng thượng không lui tới cung của em nữa. Vậy thế bên cung hoàng hậu thì sao ạ?

Hoàng hậu Lệ Thiên thở dài:

- Sân rêu cỏ mọc, tường vách nhện giăng, từ hơn một năm nay ta cũng có nom thấy mặt hoàng thượng dàu. Có lúc đã muốn tới thăm lại giận không đến nữa. Còn cái ả mà em gọi là Hằng Nga ấy, nó chính danh là Gái, thấy nói da dẻ đen sì sì, chẳng biết nó có bùa mê thuốc lú gì mà nó giữ được hoàng thượng lâu vậy.

Phu nhân bèn đáp:

- Vậy chớ ý hoàng hậu thế nào, em xin theo.

- Ta nghĩ, nếu hoàng thượng không lui tới cung chị em mình thì sao có thể sinh nở được. Nếu cứ để con yêu nghiệt nó giữ rịt lấy hoàng thượng, biết đâu nó chẳng làm hoàng thượng mềm lòng mà lập con nó. Một khi con nó đã được lập ắt mẹ nó cũng có phận. Khi ấy chị em mình sẽ ra rìa.

Nghe hoàng hậu nói, trong lòng phu nhân cũng thấy lo. Minh Bảo liền hỏi:

- Tâu, thế hoàng hậu đã có kế sách gì chưa? Hay là hoàng hậu kêu việc này với phụ thân, vì người giữ chức điện tiền đô chỉ huy sứ, hét ra lửa chứ có phải thường đâu.

- Còn em thì nói với bá phụ Lê Bá Ngọc chứ gì?
- Hoàng hậu Lệ Thiên hỏi lại rồi buông một tiếng thở dài. - Đây là chuyện tế vi trong chốn buồng the không thể đem ra bàn bạc giữa triều đình được. Vả lại, cũng không thể ép. Càng ép hoàng thượng càng xa lánh chị em mình. Ta nghĩ chỉ có một cách mà ta cho là hữu hiệu nhất. Nói tới đây hoàng hậu im bật.

Minh Báo phu nhân sốt ruột quá liền hỏi:

- Tâu, hoàng hậu có kế gì chia sẻ cho em với.

- Theo ta, việc đêm đêm dẫn hoàng thượng vào cung nào hoặc dẫn cung nữ nào vào hầu vua đều ở như lũ thái giám cả. Bởi vậy, chị em mình phải bàn với lão đô thái giám rồi cho nó một ít vàng bạc. Lũ này tham như chó, thấy vàng là tối mắt lại, đổ mà cưỡng được.

- Hoàng hậu nói chí phải, thế mà bấy lâu nay chị em mình không nghĩ ra, cứ chịu mãi cảnh phòng không gói chiếu.

- Không phải ta không biết, nhưng cứ nghĩ đến việc phải hạ mình đi cầu cạnh lũ thái giám, ta thấy phẩm giá của mình bị xúc phạm nên lại thôi.

- Tâu hoàng hậu, nhưng đây là chuyện đế nghiệp lớn lắm, và rồi còn cả hậu vận của chị em mình nữa, em nghĩ, cứ như ý hoàng hậu vừa nói, bữa nào hoàng hậu cứ gọi đô thái giám vào cung, hoàng hậu ban ý, rồi chị em mình thí cho nó một ít vàng bạc. Vả lại công việc nằm trong tay hấn, hấn biến báo thế nào hoàng thượng chẳng phải nghe.

- Thôi được, đành vậy chứ còn biết làm thế nào nữa. Hoàng hậu Lệ Thiên thở dài. Một lát sau lại nói: - Ta chúa ghét lũ thái giám. Đáng tiếc, hoàng thượng lại tin cậy chúng. Vậy thế này nhé, ta sai gọi nó sang cung của em, rồi ta sang đó cùng với em. Cả hai chị em mình cùng nói bàn rồi cho nó ít thỏi bạc.

- Vâng ạ, nếu hoàng hậu đã không muốn cho bọn họ tới cung thì em đành phải nhận vậy.

Bữa nọ đô thái giám được lời tuyên triệu của Lệ Thiên hoàng hậu tới cung của phu nhân Minh Bảo.

Trong giấy nói phải có mặt vào đầu giờ Thìn, nhưng ông ta đã đến gõ cửa từ gần cuối giờ Mão.

Phu nhân sai đem nước ra tiếp.

Đô thái giám liền hỏi:

- Bẩm phu nhân, có việc gì mà hoàng hậu cho gọi bản chức đến hầu tại cung phu nhân?

- Việc gì lát nữa hoàng hậu tới rồi sẽ rõ. Nhân đây ta có chút quà biếu ông. - Vừa nói phu nhân vừa mở bọc đặt lên mặt kỷ ba đỉnh vàng. Đây là ta biếu riêng ông, giấu ngay đi, lát nữa hoàng hậu sang sẽ hay. Bây giờ ông chịu khó ngồi chờ, khi nào hoàng hậu sang, cả hai chị em ta cùng tiếp ông. Nói xong phu nhân lui gót về phòng. Cửa phòng khách mở toang để một mình đô thái giám chờ đó.

Phu nhân vừa ra khỏi cửa, đô thái giám loay hoay giấu ba đỉnh vàng vào trong người. Đặt ở túi nách hay để trong ống tay áo, y đều không yên tâm. Giấu trong ống tay áo dễ bị rơi ra ngoài. Để trong túi nách lại cộm, vướng. Sau y nghĩ ra cách buộc vào đầu chiếc bao thắt lưng rồi bó lủng lẳng vào trong cặp quần. Giấu xong ba đỉnh vàng y mới tự hỏi: "Vậy chớ có điều gì mà hoàng hậu và phu nhân phải triệu ta đến đây. Lại cho vàng

một cách lén vụng. Chợt nghĩ ra, y tự cười thầm. Chắc hẳn đây là chuyện ả Hằng Nga sinh hoàng nam, và cả chuyện hơn một năm nay hoàng thượng mê đắm Hằng Nga, không ngó tới một cung nào khác. Ra thế, bây giờ hậu và phu nhân đã biết đến ta. Ta có giá lắm chứ đâu như mọi người tưởng. Kẻ nào dám coi thường các quan giám, sẽ có ngày phải ăn đòn của quan giám". Y mỉm cười tự tưởng thưởng cho giá trị của mình.

Đúng đầu giờ thìn, kiệu của Lệ Thiên hoàng hậu vừa hạ xuống cổng ngoài đã thấy phu nhân Minh Bảo đứng đón.

Hậu tỏ vẻ hài lòng hỏi ngay:

- Vậy chớ y đã tới chưa em?

- Tâu, y vừa tới, em sai ngồi chờ để em xuống đón hoàng hậu.

Lệ Thiên mỉm cười tươi như một bông hoa rồi xăm xăm bước vào ngôi điện. Phu nhân ý tứ đi lùi lại phía sau chừng một bước. Hai người vừa đi vừa nói những lời băng quơ thật là vui vẻ.

Cuộc trò chuyện giữa hoàng hậu Lệ Thiên, phu nhân Minh Bảo cùng viên đô thái giám thật là cởi mở. Cũng có thể nói đây là một cuộc mặc cả.

Hoàng hậu và phu nhân đều nói rõ điều mình cần, đô thái giám khẹp nép vâng lời. Tuy vậy, y thừa biết cái giá của mình. Sau cuộc trò chuyện, hoàng hậu xĩa ra cho đô thái giám hai đĩnh vàng, mười lăm thỏi bạc. Phu

nhân cũng nhẹ nhàng đưa ra một đĩnh vàng với mười thỏi bạc.

Đô thái giám vợ vội số vàng bạc gọn túm trong chiếc khăn bọc trầu rồi kẹp chặt vào nách áo trong. Y nhanh nhẹn đi ra khỏi cung với niềm vui chấp chới. Ngay trong đêm đó, đô thái giám đã nghĩ cách phải thực hiện theo lời hứa với hoàng hậu và phu nhân. Y đặt lên bàn cân về số tiền thưởng đưa trước. Hoàng hậu Lệ Thiên hai đĩnh vàng, mười lăm cối bạc. Phu nhân Minh Bảo trước sau là bốn đĩnh vàng, mười cối bạc. Nếu tính giá mỗi đĩnh vàng bằng năm cối bạc thì phu nhân cho ta cả thảy ba chục cối bạc so với hoàng hậu cho ta chỉ bằng hai mươi lăm cối.

Suy đi tính lại với lá bài Hằng Nga. Ấy cung nữ này chính là vốn liếng của ta. Đúng là ta đã nhìn nó có sức gợi dục tiềm ẩn từ hồi mới đi kén tuyển, nom nó còn như con ma mới mọc từ dưới hố lên. Thế mà nay nó hợp hồn hoàng thượng tới mức chẳng còn thiết tới một người đàn bà nào khác nữa. Nhắm tính số vàng bạc thu được từ nó không phải ít. Cứ mỗi lần hoàng thượng cho nó trừ đồ trang sức còn các thứ vàng bạc khác đều phải chia đôi. Tính ra trong mấy năm cũng được năm, sáu đĩnh vàng với gần ba chục cối bạc.

Suy đi tính lại, hoàng hậu Lệ Thiên là chính cung, phu nhân Minh Bảo chỉ kém hoàng hậu có một bậc. Hai người ấy đều dòng dõi cành vàng lá ngọc, lại là con cháu các bậc thế gia dương quyền, một khi họ đã phải

hạ cố cầu cạnh, nếu ta tham một bát bỏ một mâm khiến cha chú họ phải nổi giận mà ra tay ắt mạng ta cũng khó toàn, nói chi đến quyền hành và của cải. Ngay nhà vua, nói cho cùng tuổi còn thơ trẻ, nghĩ suy nông cạn sao có thể quán xuyên nổi việc nước. Nhưng ai cũng bảo quyền uy tối thượng trong tay ngài. Thực đâu phải như vậy, tất cả đều ở trong tay mấy vị như thái sư Lê Bá Ngọc, thái úy Lưu Khánh Đàm, điện tiền đô chỉ huy sứ Lý Sơn cùng vài ba người khác. Những người này tuy không áp chế vua nhưng thường sẵn đón ý vua để làm vừa lòng.

Suy đi xét lại, đô thái giám tìm cách để vua gần gũi hai bà hoàng hậu và phu nhân. Đúng dịp nhà vua đi xem cày ruộng tịch điền về. Đêm ấy ngài dòi đô thái giám phải đưa Hằng Nga đến hầu.

Đô thái giám ấp úng như có điều khó nói.

Vua gặng hỏi:

- Vậy chớ có điều gì mà khanh không nói ra?

- Tâu bệ hạ, chẳng là cung nữ Hằng Nga đang bị đau.

- Đau cái gì?

- Dạ đau nhọt ạ.

- Vậy đưa nàng đến cho ta thăm, mà nhọt mọc ở chỗ nào.

- Tâu hoàng thượng tha tội, nàng cho biết nhọt mọc ở chỗ kín, đau lắm. Vả lại nàng không muốn hoàng thượng trông thấy nàng trong lúc đau phải nhân nhỏ

khó coi, sợ sau này hoàng thượng không còn ban ân sủng nữa.

- Chà, nàng chu đáo vậy ư? Nói xong nhà vua sai lấy hai đỉnh vàng trao cho đô thái giám, lại dặn: - Người phải gọi bên thái y sang coi mạch săn sóc nàng, khi nào khỏi bệnh ta sẽ tới thăm.

Đô thái giám khép nép vâng lời rồi sai nội thị mời hoàng thượng lên xe. Vua chẳng cần biết đêm nay ngài ngự tại cung nào. Bởi khi không ăn nằm với Hằng Nga nữa thì với ai cũng thế thôi.

Lấy cố Hằng Nga đang bệnh, đô thái giám cho vua ngự một đêm với hoàng hậu Lê Thiên, lại một đêm với phu nhân Minh Bảo.

Kể tới cả năm vua không tới cung này, nay trở lại cũng thấy thương tình. Hai nàng đều trong độ tuổi non tơ, thân hình óng ả lại được đô thái giám sai người đến truyền dạy các ngón nghề gợi dục, khiến vua thấy cũng hơi hơi thỏa mãn. Ăn uống thuần những thứ ngon bổ lại sức lực đang độ cường tráng, chẳng mấy lúc giọt máu rồng đã động lại khiến hai bà đều thụ thai.

Hai cung mừng rỡ. Vua sai mời các thiền sư, đạo sĩ vào hai cung lập trai đàn làm lễ “bảo thánh thai” tức là lễ cầu bảo vệ thai vua.

Trong nước yên ổn, dân khang vật thịnh biên cương hai đầu nam bắc đều hữu hảo. Hoàng thứ trưởng tử đã sinh từ năm Nhâm Tý (1132), nay hoàng hậu và phu nhân đều đang mang thai, hoàng gia đề huề hạnh phúc.

Nhân có niềm vui lớn, nhà vua đi du ngoạn xem ngắm núi sông thấy hương Lãn Kinh có địa thế đẹp sai mở vườn Diên Quang. Đầu xuân vua tới khánh thành, cảnh sắc núi sông, hoa cỏ, cây cối thật là ngoạn mục, tưởng sẽ mở ra một năm đại hỷ. Ai ngờ sang tháng hai Thành Hưng hầu là bạc bá phụ của vua mất. Sang tháng ba, thái úy Lưu Khánh Đàm tuổi cao mà qua đời. Tiếp đó nhà vua tự nhiên mang trọng bệnh. Các thái y đã hợp sức nhau lại mà không tìm ra được là bệnh gì, và cũng chẳng có thuốc thang nào làm cho bệnh vua thuyên giảm. Ấy là vào khoảng cuối tháng ba đầu tháng tư năm Bính Thìn (1136), đúng vào năm nhà vua hai mươi tuổi. Bệnh vua ngày càng trầm trọng, lông lá mọc đầy người. Mở tấm áo ra nhìn lưng ngài, tựa như ngài đang mặc tấm áo lông cừu. Ai cũng bảo vua khó qua khỏi. Các thầy thuốc đều bó tay.

Bữa nọ, thấy tiếng âm ào từ ngoài phường phố vọng vào trong cung.

Mọi người đều im lặng, lắng nghe. Hóa ra đó là tiếng trẻ hát đồng dao:

Tập tầm vông

Muốn vua khỏi bệnh

Phải triệu Nguyễn Minh Không.

Thiền sư Nguyễn Minh Không là một cao tăng đã cùng sư Giác Hải và Từ Đạo Hạnh rủ nhau sang học pháp mật tông từ Tây Trúc trở về.

Thái hậu liền sai sứ về thỉnh chùa Nghiêm Quang

hương Hải Thanh¹ thỉnh sư về triều.

Tới triều, thiền sư xin vào thăm bệnh cho nhà vua ngay. Sau khi nhìn thân sắc, sư vạch mắt vua ra xem rồi chẩn mạch, lại mở áo quần của vua để coi lông lá mọc ra sao.

Trong khi thiền sư xem mạch thì các bà thái hậu, hoàng hậu, phu nhân căng mắt ra nhìn xem thiền sư chẩn đoán, liệu có chữa trị được không. Còn các thái y đều len lét cúi đầu chờ sự phán bảo của sư.

Mọi người đang nóng lòng chờ sư nói. Bỗng nhiên sư hỏi:

- Nhờ các quan thái y cho xem sổ ghi chép về tình trạng bệnh của hoàng thượng cùng các đơn thuốc đã uống. Nhìn sổ ghi chép thấy nhà vua bắt đầu bị cảm từ ngày... sốt nhẹ ba ngày liền, kinh cơn, chỉ uống các đồ lỏng và mát. Ba ngày liền sốt cứ cao dần, tiếp ba ngày nữa sốt cao bình ổn, tức là giữ yên cùng một độ nóng. Tiếp đó nhiệt sốt quay lại như ban đầu, nghĩa là cứ hạ dần theo từng ba ngày một cho tới hôm qua thì cất cơn sốt². Xem xong thiền sư nhìn mọi người nói:

- Bệnh của hoàng thượng chữa được. Mọi người cứ

1 Chùa này sau đổi là Thần Quang Tự thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định ngày nay.

2 Thất ra đây là bệnh thương hàn, người xưa gọi là bệnh đậu lã. Bệnh này thường mọc các lông tơ dài trên lưng. Vì thế người ta bịa ra chuyện nhà vua hóa hổ và có cả một câu chuyện ly kỳ giữa ba vị thiền sư Giác Hải, Không Lộ, Minh Không.

ra hết cả ngoài để mặc tôi với nhà vua.

Ai nấy đều lục tục ra ngoài theo lệnh sư.

Thiền sư nhìn khắp mọi nơi trong cung cấm rồi ghé miệng sát vành tai nhà vua nói điều gì khiến vua giật nảy người lên. Sư đọc thần chú rồi vừa bắt ấn quyết vừa viết chữ triện, chữ bùa lại đốt nhang thư phù trên nền giấy rồi vê nó lại thành chiếc bùa nhỏ nom giống hình một đứa bé.

Từ lúc mới vào, sư sai nhà bếp nấu ngay cho ông một niêu cơm nếp thật dẻo. Lúc này sai bê vào. Ông đóng kín các cửa cho gió khỏi lọt vào phòng rồi bắt đầu trị bệnh bằng pháp thuật. Thiền sư khéo nắm cơm nếp thành từng nắm chim chim rồi cởi áo nhà vua ra lấy cơm nếp lăn trên lưng và những chỗ da thịt đã mọc lông. Thiền sư cứ lăn miết nắm cơm đến đâu thì lông trên người nhà vua bám theo đến đó và để lộ ra từng mảng da trắng hồng. Sư làm như thế chừng một nửa canh giờ thì lông lá trên mình nhà vua đã biến hết.

Nhà vua trở mình mở mắt nhìn thiền sư với vẻ ngạc nhiên. Bởi vua chưa hề biết và gặp thiền sư lần nào.

Sư nói nhỏ vừa đủ nghe:

- Thần đến trị bệnh cho bệ hạ, pháp danh của thần là Không Lộ. Bệ hạ thấy trong người bây giờ thế nào?

Vua đáp:

- Tạ ơn đại lão thiền sư đã cứu mạng, trong người trăm cảm như vô bệnh.

Thiền sư mở túi dây lấy ra một gói thuốc trong đó có ba viên, một viên màu đen, một viên màu đỏ, một viên màu trắng. Sư đổ nước vào trong một cái chén rồi mài tan đưa mời vua uống. Uống xong một lúc chừng nhai tàn miếng trầu, vua vùng dậy chạy ngay ra trước gương soi. Không tin ở mắt mình nữa, vua bèn cởi áo soi ngực, soi lưng thấy hiện ra màu da trắng hồng, thân thể nở nang, da thịt căng chắc.

Vua đến trước thiền sư cúi đầu vái hai vái:

- Đại lão thiền sư quả có pháp thuật siêu phàm, trị bệnh cho trăm nhẹ nhàng quá. Thuốc uống vào là khỏe ngay, thực là thần y, tiên dược. Trăm lúc đang trọng bệnh, người hôn trầm nghe nói loáng thoáng lông lá mọc đầy người như một con hổ có đúng không?

- Tâu, quả trên ngọc thể có mọc một ít lông, nhưng không đến nổi dày như lông hổ.

- Vậy chớ đại lão trị bằng cách nào mà thần diệu thế?

- Tâu, nhờ vào hồng phúc của bệ hạ và vận nước thôi chớ thần có tài cán pháp thuật gì đâu.

Vua khen:

- Các bậc chân tài xưa nay vẫn có đức khiêm nhường là vậy. Đại lão nên biết, cả thái y viện và danh y trong nước đều được triệu về trị bệnh cho trăm mà không khỏi, thậm chí còn không biết trăm mắc bệnh gì nữa. Vậy mà chỉ một mình đại sư, chữa trị trong giây lát khiến trăm khỏe trở lại như chưa bao giờ ốm đau bệnh

tật cá. Biết lấy gì trả ơn đại sư đây.

- Tâu bệ hạ, người nhà Phật chỉ lo cứu nhân độ thế chứ không giữ bất cứ một thứ của cải gì cho riêng mình, nên không nghĩ tới việc lấy vật đền ơn. Nếu bệ hạ có lòng nghĩ đến bản tằng thì nên khoan nói hình phạt, giảm nhẹ tô thuế, tạp dịch cho bách tính.

- Ôi lòng đại sư như trời biển, trăm sẽ lưu tâm việc này.

Mọi người đang rình ngoài cửa xem sư trị bệnh cho vua thế nào, bỗng nghe thấy tiếng rì rầm trò chuyện khá lâu. Thái hậu bèn xô cánh cửa. Cửa vừa mở thấy cảnh tượng lạ lùng, ai nấy không khỏi kinh ngạc. Tất cả đều quỳ xuống vái sư để tạ ơn.

Thiền sư vái chào đáp lễ mọi người rồi khoác tay nái lên vai cáo từ.

Vua hai ba lần lưu sư tại triều, sư cố từ:

- Việc của bản tằng là ở chùa chớ đâu phải chốn cung đình, mong bệ hạ tha cho.

- Vậy thời trăm ban đại sư vào hàng quốc sư, nếu có việc sẽ thỉnh về triều tham vấn, xin đừng từ khước nữa mà phụ lòng trăm.

Sư cảm tạ rồi trở về bản tự, vua ban vàng bạc, châu báu gì cũng không chịu nhận.

Vua khỏi bệnh chưa kịp ăn mừng thì sang đầu tháng năm phu nhân Minh Bảo họ Lê sinh hoàng trưởng tử Lý Thiên Tộ. Các quan dâng biểu mừng, nhiều người trong ngoài triều tiến dâng vàng, bạc và các đồ trân quý.

Vài tháng sau thì hoàng hậu Lệ Thiên sinh trưởng công chúa. Sang năm sau hoàng hậu Lệ Thiên lại sinh hoàng tử thứ nữ và phu nhân Minh Bảo lại sinh thêm hoàng tử nữa. Vậy là Thần tông có phúc, còn ít tuổi mà đã sinh nhiều hoàng nam, hoàng nữ, chẳng phải lo việc con nối như đức Nhân tông ngày trước.

Ít lâu nay vua hay vờ chi hậu nội nhân Từ Văn Thông để sai bảo. Có lần vua hỏi Thông:

- Ta thấy Thiên Lộc có tư chất đế vương nên muốn lập làm hoàng thái tử, Khanh thấy thế nào?

Từ Văn Thông liền đón ý vua:

- Tâu bệ hạ, việc phế lập là quyền của bệ hạ.

Bệ hạ sáng suốt lựa trong các hoàng tử cho nối ngôi, một trong các vị đó ai chẳng là con của bệ hạ. Chẳng qua ai có đức thì cho nối nghiệp, kể gì trưởng với thứ.

- Khanh là kẻ ít học mà lời nói lại giống ý ta. Ta vừa yêu Thiên Lộc vừa yêu mẹ nó. Nhưng vừa nghĩ ý ấy ra các quan đã phản bác âm âm. Nào Thiên Lộc chỉ là hoàng thứ trưởng tử. Nào mẹ của Thiên Lộc thân phận chỉ là cung nữ khác chi người hầu sao có thể đặt lên ngôi thiên tử. Nào hoàng trưởng tử Thiên Tộ con Lê Thị phu nhân vốn dòng thế gia vọng tộc của thái sư Lê Bá Ngọc sao không bàn đến. Ta đến đau cả đầu. Chẳng lẽ việc lớn thế mà không hỏi các quan.

Từ Văn Thông lại nói:

- Nếu ý bệ hạ đã quyết thì còn hỏi các quan làm gì. Bao giờ họ cũng bàn lùi để tỏ ý rằng mình là người miễn cán.

- Ờ, ờ để ta xem lại, khanh về đi. Vua đuổi Từ Văn Thông rồi vào hậu tẩm. Từ bữa đó trong người vua ngày càng mỏi mệt, các thái y không tìm ra chứng bệnh gì.

Vua có ý muốn làm di chiếu, Từ Văn Thông liền lộ ý đó ra. Các phu nhân Cẩm Thánh, Nhật Phong, Phụng Thánh bèn bảo nhau đến gặp Từ Văn Thông rút lót cho y khá nhiều vàng bạc để khi y được chọn viết di chiếu thì đổi lập từ Thiên Lộc sang Thiên Tộ.

Từ Văn Thông nể lời các phu nhân nhận một đồng vàng bạc nhưng trong lòng vẫn thấy run sợ. Vì rằng có tự ý thay tên khi thảo di chiếu, nhưng việc lập di chiếu đâu chỉ có một người, lỡ khi ký chứng các đại thần phát giác thì chỉ có lên đoạn đầu đài.

Bệnh nhà vua ngày một nặng, ngài đã nghĩ tới việc ủy thác con cô, nhưng xét trong triều chẳng còn ai đáng mặt mà gửi con. Thái úy Lưu Khánh Đàm trải thờ tới ba triều vua là người có nhân cách đã ra đi vì tuổi hạc quá cao. Thái sư Lê Bá Ngọc cũng bỏ ta đi rồi, thái úy Dương Anh Nhĩ cũng ra đi cách đây ba năm. Vậy trông nhờ vào ai đây, chẳng nhẽ lại vờl mấy vị thiền sư.

Bữa nọ vua gọi Từ Văn Thông vào thảo di chiếu. Văn Thông cầm bút mới viết được mấy chữ:

Thiên Chương bảo tư lục niên, cửu nguyệt, nhị thập tam nhật, hoàng đế chiếu viết¹:

Tới đây Từ Văn Thông cứ ngồi cắn bút. Các phu nhân lấp ló ở ngoài chờ xem chẳng thấy động tĩnh gì bèn xô cửa ủa vào. Nhìn tờ di chiếu chỉ có mấy chữ mào đầu, nội dung còn để giấy trắng. Các phu nhân đều òa khóc nức nở rồi quỳ bên ngự tẩm nghẹn ngào kêu xin:

„Lũ thiếp từng nghe nói các đời lập con nối dòng đại thống thì lập con đích chứ không lập con thứ. Thiên Lộc là con người nàng hầu yêu, nếu cho nối ngôi thì người mẹ tất tiếm lấn, sinh lòng ghen ghét mà làm hại; như thế thì mẹ con lũ thiếp tránh sao khỏi tai họa. Vả chẳng các đại thần sao có thể cam chịu, xin bệ hạ cao minh hãy đổi lập hoàng tử Thiên Tộ cho lũ thiếp còn được sống”.

Vua thấy mủi lòng, vả như thế các quan trong triều cũng dễ chấp thuận. Vì thế vua xuống chiếu rằng: *Hoàng thái tử Thiên Tộ tuy tuổi còn thơ ấu, nhưng là con đích, thiên hạ đều biết cả, nên cho nối nghiệp của trẫm, còn thái tử Thiên Lộc thì phong làm Minh Đạo vương”.*

Sau đó ba ngày vua băng. Mười một năm ở ngôi, vua thừa hưởng ân lộc của triều trước chứ không tạo lập được công tích nào đáng được lưu dấu, thọ hai mươi ba tuổi.

¹ Thiên Chương bảo tự năm thứ sáu, tháng chín, ngày hai mươi ba, hoàng đế viết rằng:

XXIV

Anh tông lên ngôi trước linh cữu vua cha năm ba tuổi, tôn mẹ là phu nhân Cẩm Thành Lê thị làm hoàng thái hậu giữ quyền nhiếp chính.

Thái hậu cho thái úy Đỗ Anh Vũ là em thái hoàng thái hậu họ Đỗ, người sinh ra vua Thần tông làm cung điện lệnh tri nội ngoại sự, tựa như là người phụ chính vậy.

Lại cho Vũ Cát Đái làm điện tiền đô chỉ huy sứ. Việc triều chính không có gì cản ngại sau khi Thần tông băng. Trong nước vô sự, biên thùy yên tĩnh.

Tuy nhiên chỉ ba năm sau khi Anh tông lên ngôi, có người thầy bói tên là Thân Lợi, tự xưng là con của vua Nhân tông, chiêu tập đồ đảng khá đông đem quân theo đường thủy vào chiếm châu Thất Nguyên¹ sang Tây Nông² qua Lục Lệnh³ vào chiếm các châu Thượng

¹ Châu Thất Nguyên gồm hai châu Thạch Lâm và Thạch An thuộc tỉnh Cao Bằng ngày nay.

^{2,3,4,5} Tây Nông, Lục Lệnh, Thượng Nguyên, Hạ Nông nay thuộc đất hai tỉnh Bắc Can, Thái Nguyên.

Nguyên⁴, Hạ Nông⁵. Thân Lợi tới đâu chiêu mộ thổ binh và những kẻ có tội trốn tránh thanh thế càng ngày càng lớn. Sang đầu năm sau đất đai chiếm được khá rộng, quân theo có tới mấy ngàn, Thân Lợi tự tiến xưng là Nam Bình vương, phong vợ cả làm hoàng hậu, vợ thứ ba là phu nhân, các con đều cho tước vương, tước hầu. Đồ đảng được phong quan tước từ cao xuống thấp tựa như một vương triều. Nam Bình vương tuyên cáo sẽ về Thăng Long đòi lại ngôi vua. Người các khê, động giáp biên thùi đều khiếp sợ không một nơi nào dám trái lệnh chống cự.

Các quan biên trấn khẩn cấp tâu báo về triều. Triều đình cử quan gián nghị đại phu Lưu Vũ Xứng và thái phó Hứa Viêm cầm quân đi đánh dẹp.

Trước lúc ra quân, thái hậu Lê thị dặn các tướng:

- Các ông nhận mệnh đi đánh dẹp phải nghiêm cẩn chớ để cho binh uy của triều đình bị tổn thương.

Cung điện lệnh tri nội ngoại thái úy Đỗ Anh Vũ gạt đi:

- Ba tên giặc cỏ ấy lo gì. Các ông cứ kéo quân đến, giặc không ra hàng cũng trốn chạy.

Thân Lợi cho quân về Thăng Long do thám biết triều đình cử hai quan văn đi đánh dẹp.

Gián nghị đại phu Lưu Vũ Xứng đem ba ngàn quân tiến theo đường bộ; thái phó Hứa Viêm đem hai ngàn quân theo đường thủy, hẹn nhau hai mặt thủy bộ

cùng đánh nhằm tiêu diệt quân của Thân Lợi và bắt sống y về triều trị tội.

Thân Lợi họp các bộ tướng lại bàn:

- Triều đình coi ta như một đám giặc cỏ nên coi thường chỉ cử hai người ở văn ban làm tướng đánh dẹp. Họ tiến theo hai đường thủy bộ hầu mong kẹp quân ta lại mà đánh. Ta muốn phá trận này, bắt hai tướng của triều đình, các ông có vì ta mà hiến kế chăng.

Viên Tả vũ vệ liền nói:

- Thưa chủ tướng!

Thân Lợi đập tay xuống án quát:

- Sao còn gọi ta là chủ tướng. Ta đã nói ta là con đích của đức Nhân tông hoàng đế, nay nổi lên đòi lại ngôi nước, bất kể tiếm nghịch trị tội. Nay mai ta sẽ dẫn các ông vào Thăng Long, khi ấy vua tôi sẽ cùng hưởng phú quý.

- Dạ! Dạ tâu Nam Bình vương, Tả vũ vệ nói lại: - Theo ý thần muốn đánh được bọn này là phải nhằm vào chỗ xuất kỳ bất ý thì ta mới thắng được, bởi hiện nay binh của triều đình đông hơn binh của ta, nên ta phải nhằm vào chỗ yếu của nó mà đánh.

- Đúng vậy! Đúng vậy đó! Thân Lợi cười hà hà. - Thế thì các ông dâng kế đi. Thế nào là đánh vào chỗ xuất kỳ bất ý, tức là đánh vào chỗ quân giặc không ngờ tới. Lại thế nào là chỗ yếu của nó, các ông nói thử ta coi.

Hữu vũ vệ liên thưa:

- Tâu Nam Bình vương, quan Tả vũ vệ nói có lý đó. Nay quân ta ít hơn quân triều đình, cho nên phải dùng mưu mà thắng nó cho nhàn sức quân. Chỗ yếu của nó là gì ư? Là đường đi lối lại, là địa hình địa vật. Quân triều đình chỉ biết sông lớn, đường to chứ làm sao mà biết được đầm ngòi khe lạch, biết làm sao được đường ngang lối tắt, cho nên ta phải dụ địch vào đường hiểm, phục quân ở đó mà đánh, tất quân triều đình phải thua. Còn thế nào là bất kỳ xuất ý, tức là ta đánh vào chỗ địch không thể ngờ tới. Ví như Gián nghị đại phu Lưu Vũ Xưng dẫn quân bộ tìm đánh ta, tất ông ta không để ý đến mặt sông thì ta đem quân thủy bất chợt đổ bộ lên đón lõng đánh chặn đầu, chặn đuôi, địch tất phải chạy vào rừng, ở đó ta đặt sẵn quân phục. Còn như quân thủy của thái phó Hứa Viêm trong khi tiến quân thường chỉ lưu ý xem mặt sông có an toàn. Với đám này, ta cho quân bộ mai phục, chặt chúng ra từng khúc một mà đánh. Giả dụ cả một đoàn tới trăm lá thuyền đang phẳng phẳng rẽ nước, chợt những chiếc đi đầu bị đánh, chiếc thì đâm chiếc thì quay ngang, lập tức các chiếc đi sau không kịp trở tay cứ thế tự đâm vào nhau mà đắm. Trong khi đó quân ta nỗ lực, tên nhọn nấp trong những bờ bụi ven sông nã xuống, giặc có phép thân cũng khó mà tẩu thoát.

- Hay! Hay lắm! Thân Lợi đập tay xuống kỷ khen

rồi cười ha hả. Tả, hữu của ta đúng là các bậc tướng phi phàm. Kế của các ông hay lắm, để ta sẽ bàn riêng với các ông về phép lập trận, ém quân phục. Nhất định ta phải bắt sống hai tướng văn lẫn đầu cầm quân ra trận để triều đình trơ mắt ếch ra.

Quả nhiên quân của triều đình cứ thẳng đường tiến không nghĩ đến việc Thân Lợi đặt quân phục. Tới khi tiền quân của Lưu Vũ Xứng vấp phải quân thủy của Thân Lợi đổ lên bờ chặn đánh.

Lưu Vũ Xứng sai thị vệ đô là Tô Tiệm làm tướng tiên phong nghênh địch có chủ đô trại Tuyên Minh là Trần Thiêm cùng đem quân ra giao chiến.

Tô Tiệm và Trần Thiêm bị lừa vào ổ quân phục của Thân Lợi nên đánh không lại. Quân triều đình chết không thoát ra được, Tô Tiệm trúng tên chết tại trận, Trần Thiêm lẩn vào rừng trốn thoát. Quân triều đình tan vỡ.

Thân Lợi đem quân về châu Thượng Nguyên đắp đồn ải ở huyện Bắc Như để chống lại quan quân. Trong khi đó quân của Hứa Viêm cũng bị chặn đánh tan tác. Hứa Viêm đem tàn quân về hợp với quân của Lưu Vũ Xứng.

Thu gom quân lực, Lưu Vũ Xứng, Hứa Viêm cùng tiến đánh ải Bắc Như. Thân Lợi giả thua bỏ Bắc Như kéo quân chạy. Lưu Vũ Xứng cho quân đuổi đến trại Bồ Đinh thì gặp quân thủy của Thiên Lộc chặn lại, còn quân bộ

của Thân Lợi lấy hậu quân làm tiền quân đối mặt với quân của triều đình. Thế là Lưu Vũ Xứng, Hứa Viêm bị dồn đánh từ hai mặt phải căng sức ra chống đỡ.

Lưu Vũ Xứng cho quân mở đường máu tháo chạy. Quân triều đình thiệt hại tới quá nửa không còn đủ sức đánh nhau với Thân Lợi nữa, đành phải đưa tàn quân chạy về Thăng Long.

Quân triều đình thua là bởi coi thường sức quân của giặc khiến quân lính cũng lơ là. Vả lại quân của triều đình phần lớn lấy từ đám điền binh ra trận, hơn nữa đã gần bảy chục năm nay trong nước cũng như biên thùy đều yên ả, nên quân không được rèn luyện, không va chạm chiến đấu lại coi thường giặc nên cái nhẽ của việc bại trận đã bày ra từ trước khi lâm chiến.

Thân Lợi thắng quân triều đình khí thế đang lên, bắt người từ các châu Thượng Nguyên, Tuyên Hóa, Cảm Hóa, Vĩnh Thông bổ sung cho quân. Quân của Lợi đông đến hàng vạn kéo về chiếm phủ Phú Lương¹.

Đất đai đã rộng, quân lính đã đông, của cải thu về đã nhiều Thân Lợi ngày đêm bàn với bộ hạ lập kế cướp kinh sư.

Tháng năm, Thân Lợi làm lễ phát thệ trước khi cho quân tiến về Thăng Long. Quân đi rầm rập, khí thế ngất trời. Trống chiêng rầm rĩ, kèn sáo om sòm. Vì sao Thân

¹ Phú Lương tức Thái Nguyên ngày nay.

Lợi dám ngang nhiên như vậy? Bởi vì qua mấy trận ra quân, y đều thắng một cách dễ dàng. Y tự cho mình là một tướng giỏi, bộ hạ mưu lược, quân lính thiện chiến và dũng cảm. Tất cả quân, tướng của triều đình đều là lũ nhát sợ, vô mưu. Cho nên việc tiến về kinh sư y nắm chắc phần thắng. Và ngôi vua đòi lại chỉ là việc trong sớm tối.

Thân Lợi đang cho quân tiến về kinh sư, tin ấy làm rung động cả triều đình.

Lê thái hậu họp bá quan hỏi:

- Thân Lợi là kẻ nào mà dám mạo xưng Nam Bình vương? Tại sao Lưu Vũ Xứng, Hứa Viêm không nhớ nhời ta dặn lúc xuất quân để làm tổn thương đến binh uy của triều đình?

Thiếu sư Lý Công Tín bèn tâu:

- Việc này phải cho hỏi đô thái giám mới rõ được, xin thái hậu cho triệu đô thái giám vào triều kiến.

Được hỏi tới việc Thân Lợi, đô thái giám liền quỳ nói:

- Tâu thái hậu, về đời thượng hoàng Nhân tông, người cung thiếp có sinh được một đứa con trai nhưng đức Nhân tông không nhận. Bởi tất cả các hậu, các phi đã chung dụng với vua không một ai sinh được con, sao người này lại có con. Vì lòng nhân, ngài không trị tội. Kịp khi Nhân tông băng, Thần tông được lập, người này chạy sang nước Đại Lý, đổi làm họ Triệu, tên Trí Chí.

Y mai danh ẩn tích chờ thời. Khi Thần tông hoàng đế băng, y vào đất Tống, xin với vua Tống giúp cho việc trở về nước lấy ngôi. Tống Cao tông xuống chiếu không nhận, lại cấm các biên quan không được ngầm giúp Triệu Trí Chi.

Tâu, bọn Thân Lợi ngày nay với Triệu Trí Chi chỉ là một, xin thái hậu anh minh bắt nó về trị tội.

Nghe rõ đầu đuôi, Lê thái hậu không khỏi giạt mình. Bà tự nghĩ: „Nếu không trừ bỏ được Thân Lợi thì mẹ con bà sẽ như người ngồi trên đống lửa“.

Thái hậu nhìn khắp triều quan rồi dừng mắt lại nơi thái úy Đỗ Anh Vũ.

Anh Vũ có đôi mắt to, lông mày rậm hơi xếch, trán vuông, mặt chữ điền, mũi thẳng, da trắng hồng hào, tóc xoắn người to cao đầy dà. Nom tướng mạo thật là khôi vĩ. Lê thái hậu nhìn Anh Vũ với vẻ đăm đõi, một lát sau liền phán:

- Thái úy Đỗ Anh Vũ, ta phen ông ra tay trừ giặc Thân Lợi để tránh hậu họa cho nước.

Đỗ Anh Vũ bèn xuất ban nói:

- Tâu hoàng thái hậu, thần tuân chỉ.

Đỗ Anh Vũ đem năm vạn quân chia làm nhiều ngả để chặn quân của Thân Lợi đang băng băng tiến về Thăng Long. Quân của Anh Vũ tới Quảng Dịch thì gặp quân của Thân Lợi. Hai bên giao tranh kịch liệt. Quân

của Thân Lợi không địch lại được với tượng binh, kỵ binh và đội quân thần nô của triều đình nên bị chém giết thây nằm ngổn ngang đầy đường.

Thái úy Đỗ Anh Vũ sai chặt hết đầu quân giặc bêu dọc đường suốt từ cửa Bình Lỗ đến sông Nam Hàn cho mọi người qua lại thấy, ngầm ý răn đe kẻ nào dám manh tâm nổi loạn. Lại bắt được thủ lĩnh châu Vạn Nhai là Dương Mục, thủ lĩnh động Kim Kê là Chu Ái, tập hợp đám quân tan vỡ của Thân Lợi. Kẻ nào bị cưỡng ép bức bách phải theo Lợi thì dụ bảo rồi cho về nhà làm ăn. Các đầu mục bị bắt sai đưa về châu, phủ cũ chiêu dụ rồi tha tội, lại cho muối, vải và các đồ cần thiết để chúng tâm phục triều đình.

Anh Vũ báo tiếp về triều. Nhưng chưa bắt được Thân Lợi, thái hậu vẫn chưa yên lòng, liền hạ chiếu dụ cho Anh Vũ: „Phải diệt tận gốc bọn giặc, bắt Thân Lợi đem về kinh sư trị tội“.

Anh Vũ tuân chỉ đem quân vào châu Lục Lệnh truy đuổi Thân Lợi. Quân Lợi tan tác hơn hai ngàn đứa ra hàng. Một mình Thân Lợi luôn rừng chạy tới Châu Lạng định tìm đường sang nước Tống trú ngụ.

Thái phó Tô Hiến Thành đang trấn giữ Lạng Châu biết tin cho quân phục các nẻo đường bắt được Thân Lợi, giao cho Đỗ Anh Vũ giải về kinh sư.

Anh Vũ sai nhốt Thân Lợi vào cũi đưa về kinh. Vua sai đình úy xử tội Lợi và hai mươi kẻ đồng đảng

chủ mưu đều bị chém bêu đầu.

Từ khi Anh Vũ trừ được đảng gian Thân Lợi, thái hậu không chỉ yên tâm mà còn đem lòng thầm yêu Anh Vũ, ngày đêm mơ khát chiếm đoạt người đàn ông có sức lay động mọi trái tim đàn bà này.

Anh Vũ từ nhỏ đã là một cậu bé mập mập, xinh đẹp, thông minh hát hay, múa giỏi có khả năng hòa nhập rất cao. Vũ là cháu của Đỗ thái hậu nên được ra vào cung cấm khác với người thường. Phải nói, ai trông thấy cậu bé ngoan ngoãn xinh đẹp này cũng phải đem lòng quý mến. Năm Vũ tám tuổi theo cô là Đỗ thái hậu vào cung, Dương Hoán tức Thần tông vừa nom thấy đã gọi lại hỏi han, trò chuyện. Vua tỏ ra yêu mến Anh Vũ không muốn cho về. Sau được tuyển vào đội Thượng lâm đệ tử¹.

Năm Đỗ Anh Vũ mười sáu tuổi nhà vua đã vào tuổi hai mươi được vua cho vào hầu nơi màn trướng, được yêu hơn cả các quan lục thượng².

Lê hậu thích sắc đẹp của Đỗ Anh Vũ là một phần, nhưng phần thầm kín hậu thích tính đàn ông mạnh mẽ của Vũ.

Lấy cơ là quan phụ chính, Lê hậu thường cho đòi

1 Thượng lâm đệ tử là đội ca múa trong vườn ngự uyển để mua vui cho vua.

2 Quan lục thượng tức là quan hầu các việc sinh hoạt của vua như: hầu ăn, hầu áo, hầu tắm, hầu chiếu, hầu xe, hầu ngựa... Sự quyến luyến đó như ngày nay gọi là một thứ "tình trai", theo từ ngữ hiện đại đó là đồng tính luyến ái.

Anh Vũ vào cung để bàn việc quốc sự.

Kỳ thực Vũ vào cung, hoàng thái hậu đuổi hết bọn nội thị ra ngoài để bàn việc cơ mật. Khi cửa cung đã đóng kín, Lê thị ôm lấy cổ Anh Vũ vít đầu xuống mà nũng nịu:

- Chàng có biết em yêu chàng thế nào không?

Anh Vũ vờ run sợ, tay vuốt má, tay đỡ ngực Lê thị, nói:

- Kia, hoàng thái hậu, xin thái hậu tha tội cho thần. Vừa nói Vũ vừa nhìn vào đáy mắt Lê thị.

Lê thị cứng người ra níu Anh Vũ xuống cắn vào môi chàng. Nàng nấn rờ khắp cơ thể Anh Vũ, người nàng cứ run lên, bỗng mở toang y phục của Anh Vũ ra ngắm nhìn và nàng cũng tụt xiêm y ôm chặt lấy Anh Vũ đẩy chàng vào lòng nàng. Hai cơ thể đang hừng hực sức xuân dồn trút sinh lực vào nhau. Với Anh Vũ đây là chuyện thường tình, nhưng đối với Lê thị coi như lần đầu tiên nàng mới cảm nhận được thiên đường của sự ân ái mà bấy lâu nàng khao khát. Nhớ lại vài lần được nhà vua ban ân sủng, cái thân hình còm cõi của nhà vua với sức mảnh lả, ôm vua vào lòng như ôm một con nhái bén. Chưa tới bến vua đã rời thuyền, bởi thế cơn hưng phấn vừa chớm, lứa dục vừa nhen liền bị dập tắt khiến mỗi lần ăn nằm với vua là một lần căm hận. Nay mới chỉ nếm với chàng trai này có một lần nhưng nàng lại suốt đời ghi nhớ. Suốt đời mong ước, suốt đời khao khát.

Lê thái hậu sau một lần được ân ái với Đỗ Anh Vũ lửa dục trong lòng nàng như vừa được thức dậy. Chưa bao giờ nàng khao khát yêu như lúc này. Quyền lực tối thượng ở trong tay, nàng bắt chấp cả tai mắt của đám quan nội thị hầu và đám thái giám dòm ngó. Ban ngày, các buổi thiết triều, nàng luôn bắt Đỗ Anh Vũ ngồi gần phía sau ngai vàng cùng với nàng để bàn việc và còn nói lại để nhà vua nói các lời như: „Y tấu“, „Nghiêm cấm!“, „Đình hoãn!“... hay „Bãi chầu“. Vì rằng Anh tông lúc này đã chín, mười tuổi có thể ra coi chầu. Công việc là do Lê thái hậu và Đỗ Anh Vũ ngồi phía sau rèm ngay dưới chân long ngai của hoàng thượng xúi nói.

Lạ thay là quyền lực, các việc dù nhỏ, dù lớn đến đâu nhưng được nói qua miệng nhà vua, dù nhà vua đó là một cậu bé sáu tuổi như vua Lý Nhân tông ngồi trên ngai vàng tuyên phán, sẽ được lập tức thi hành, dù nó trái đạo lý, nó trái lương tâm và cực kỳ tàn bạo như việc Nhân tông ra lệnh giam hoàng thái hậu Thượng Dương và bảy mươi hai cung nữ vào ngục và sau đó là chôn sống. Chiếu mệnh tàn sát hàng loạt mạng sống con người từ miệng đứa bé sáu tuổi được gọi là vua ấy đã được cả triều đình cúi đầu tuân phục. Thế thì bây giờ cái quyền ấy đang ở trong tay Lê thái hậu và người tình của bà là Thái úy Đỗ Anh Vũ, kẻ đang nắm toàn bộ việc quân, do đó sự thao túng, sự lộng hành là mặc sức.

Nếu trước kia sự đi lại giữa hai người chỉ lên vụng

sau cái cơ bàn việc quốc sự, thỉnh thoảng mới diễn ra một hai buổi trong tuần, thì nay bất kể lúc nào Lê thị muốn là cho triệu, lập tức Thái úy phi ngựa đến cung thái hậu „bàn quốc sự“ ngay lập tức.

Đôi khi, Lê thị khát dục tới mức điên cuồng, nàng giữ Đỗ Anh Vũ ở lại trong cung „bàn quốc sự“ tới hai ba ngày đêm liền.

Đỗ Anh Vũ là một trang thanh niên phong độ hào hoa có phần phóng túng, sức lực tráng kiện lại được Lê thái hậu hết sức yêu vì. Bà hoàng thái hậu họ Đỗ là bà nội của vua Anh tông, mẹ đẻ ra Dương Hoán tức vua Thần tông có biết việc Lê thái hậu (con dâu bà) tư thông với Đỗ Anh Vũ là cháu ruột của bà. Chính bà dắt díu Anh Vũ vào cung từ năm tám tuổi.

Việc hoàng thái hậu tư thông với thái úy Đỗ Anh Vũ trong triều không ai không biết. Tiếng đồn rác tai. Thái hoàng thái hậu gọi Đỗ Anh Vũ đến răn:

- Ta với ngươi là cô cháu, ta chăm bẵm dìu dắt ngươi từ thuở nứt mắt, nay ngươi với thái hậu làm các việc càn rỡ, thái quá, triều quan dị nghị, dân nước cười chê. Các ngươi không sớm thôi đi, ta e rằng có ngày búa rìu giáng xuống đến mệnh cũng khó toàn mà danh thì ô uế.

Đỗ Anh Vũ cúi đầu không dám cãi, miệng chỉ lí nhí vài lời:

- Nhưng sự việc đâu phải tại cháu. Nói xong y cúi lạy thái hoàng thái hậu rồi trở lui.

Đêm ấy khi vào hầu Lê thị, Anh Vũ làm ra vẻ ủ ê, buồn bã.

Lê thị tra xét mãi, Anh Vũ mới chịu nói:

- Việc của nàng với ta cả triều đình đều biết, tai tiếng đồn khắp Thăng Long. Chiều nay bà cô ta (Đỗ thái thái) đòi ta đến mắng, bắt từ giờ phải thôi chuyện lén lút với nàng.

Lê thị làm mặt giận:

- Kẻ nào có quyền xía vào chuyện giữa ta với chàng, ta chém cổ ngay.

- À, thế có nghĩa nàng định giết cô ta chăng? - Anh Vũ hỏi, giọng hơi nghiêm.

- Làm gì có chuyện đó. Cô chàng cũng tức là mẹ chồng ta. Ý ta muốn nói dám các quan trong triều, kẻ nào dám động đến chuyện hai ta, ta sẽ lấy đầu.

- Nàng nghĩ lại xem, cung thái hậu nằm kề với các cung khác, nhất là bọn nội thị, chúng đi lại nườm nượp, ta vào ra lúc nào chúng chẳng biết. Nếu cứ đi lại mãi thế này tự ta cũng thấy chướng. Bà cô ta nói có lý đấy. Ta muốn bàn với nàng, hay là thôi hẳn cái chuyện ta đi lại cung thái hậu kéo có ngày mang họa.

Lê thái hậu mỉm cười:

- Chuyện đó bàn sau. Các đồ dương dương tẩm bổ cho chàng ta đã sai nội thị dọn sẵn, chàng đi tẩm táp rồi tự ta chúc rượu hầu chàng.

Đỗ Anh Vũ vâng lời Lê thị như một đứa trẻ có

giáo dục. Chàng vào phòng tắm, trong đó sẵn có chum nước ấm xông hương thơm phức. Tắm xong chàng chỉ khoác trên người một chiếc khăn mỏng ra đứng trước gương để lau khô tóc tai, thân thể. Ấy là Lê thị muốn vậy và bắt chàng phải vậy.

Lê thị nấp sau rèm nhìn chàng lột tắm khăn che người để lau thân thể. Nàng nom rõ mọi bộ phận trong cơ thể chàng in trong chiếc gương. Trái với lệ thường, khi chàng trút tắm khăn trên mình ra thì nàng chạy ủa tới ôm ngang lưng chàng từ phía sau, lần này nàng không làm như vậy mà chỉ chú ý ngắm nhìn. Có thể nói lòng nàng lúc này thật là trong lặng, không bị tà dục nổi lên sấn sổ chiếm đoạt chàng như mọi lần. Trái lại nàng thấy hiện ra trước mắt mình vẻ đẹp hoàn thiện của dáng thiên thần và sự chắc khỏe của một bức tượng. Tất cả các đường nét, các cơ bắp và khuôn mặt chàng đều đẹp một cách hài hòa, nhất là bộ phận sinh dục của người đàn ông mà người Chiêm Thành đặt lên đỉnh tháp thờ như một vật tổ. Chính cái ấy của chàng nó cũng đẹp tựa gương mặt chàng vậy. Không hiểu vì sao nàng lại nghĩ như thế. Nhớ có lần nhìn bộ da các con vật treo trong phòng săn của nhà vua (Thần tông) lúc này coi như là những di vật, nàng hỏi:

- Trong các giống vật, theo chàng loài nào đẹp nhất?

Không cần suy nghĩ, chàng đáp:

- Chỉ có loài ngựa.

- Vì sao? - Nàng hỏi.

- Bởi vì thân thể con ngựa rất hài hòa, săn chắc. Nó đẹp một cách khỏe khoắn lạ thường. Hơn nữa ngựa cũng là loài vật thông minh nhất và trung thành với chủ nhất.

Lúc đó ta thấy chàng nói đúng. Nhưng bây giờ ta phải sửa lại rằng, trong muôn loài, kể cả vật và người chỉ có người đàn ông khỏe mạnh và cân đối như chàng là đẹp nhất. Phải, chỉ có đàn ông là đẹp nhất trong muôn loài.

Lau khô cả đầu tóc và cơ thể, Đỗ Anh Vũ có ý chờ nàng chạy ủa ra ôm ngang lưng lôi tuột vào long sàng hoặc khoác lên người chàng bộ áo quần mỏng nhẹ.

Nhìn trước nhìn sau không thấy Lê thị, Đỗ Anh Vũ cứ lỏa thể như thế đi khắp các phòng trong cung kiểm tìm nàng. Chợt thấy nàng từ trong một phòng nhỏ đi ra, Anh Vũ ôm chặt lấy nàng cắn vào má, vào môi.

Lê thị nói giọng hơi nghiêm:

- Mặc áo quần vào.

Anh Vũ hơi chột dạ. Và chàng lấy làm lạ về sự thay đổi đột ngột của nàng. Chàng tự hỏi: „Liệu có phải nàng đã bắt đầu biết sợ khi ta nói lại lời của Đỗ thái thái. Và quan hệ giữa ta và nàng từ nay là kết thúc“. Anh Vũ có ý hơi tiếc nếu như Lê thị không muốn tiếp nối sự vụng trộm này nữa. Vì nếu không có sự lên vụng

này sao ta có thể khiến được nàng nữa, mà khiến được nàng cũng có nghĩa là cả cái triều đình này nằm trong lòng bàn tay ta, kẻ nào dám ho hoe là ta bóp chết.

Nhìn vào tận mắt Anh Vũ để dò thăm, Lê thị hỏi:

- Sợ rồi sao? Đồ hèn! Nam nhi gì mà hèn thế. Ta đã cho chàng nắm hết việc quân. Sáu quân đều dưới quyền sai khiến mà vẫn còn run sợ sao? Nàng trở tay vào hạ bộ Anh Vũ nhoen cười:

- Chàng thử sờ xem nó còn nằm đó hay đã chạy đến yết hầu rồi.

- Nàng thật là quái đản. Anh Vũ vừa nói vừa kéo nàng vào lòng hôn chùn chụt.

Sau cuộc ân ái, quá nửa đêm nàng mới lay gọi Anh Vũ:

- Chàng! Chàng ơi! Em vừa nảy ra một ý định, đây di em bàn.

- Ý định gì, nàng lại bắt ta hầu nàng nữa sao. Mệt rồi để ta nghỉ.

- Không! Không bắt chàng phải hầu hạ gì đâu, em có ý định thật mà.

Anh Vũ ôm chặt Lê thị, tay gối đầu, chân bỏ vào lòng, chàng vỗ nhẹ vào lưng nàng nói nhỏ:

- Ngủ, ngủ đi ta yêu nàng mà.

- Đã bảo em có ý định hay lắm, phải bàn thật nghiêm cẩn kia.

- Ừ thì nàng nói đi, ta nghe đây.

- Em định xây một cung khác thật đẹp chỉ dành riêng cho em với chàng.

- Cung này chẳng là cung riêng của hoàng thái hậu sao? - Anh Vũ vuốt má nàng âu yếm.

- Đành rằng nó là cung riêng của ta, nhưng nó nằm chênh ềnh giữa đường đi lối lại, nối với bao nhiêu cung khác. Nhất là bọn quan nội hầu, lũ thái giám, chẳng việc gì qua mắt chúng được, hơi một tí là cả triều đình biết, cả kinh thành đều biết.

Chàng thử nghĩ giùm em xem có mảnh đất nào trong hoàng thành vừa thuận tiện đi lại, vừa kín đáo để em sai dựng một cung cho riêng chàng và em thôi.

- Ôi, nàng thật là khôn ngoan, Anh Vũ ghì chặt Lê thị vào lòng. Được, ta sẽ vì nàng ngay ngày mai đi tìm đất. Nhưng nếu ở xa vậy thì lấy đâu ra kẻ hầu hạ.

- Sao mà chàng ngốc thế, em sẽ chọn một số kẻ tâm phúc, cho chúng một số bạc tiền khiến chúng phải mù mắt và câm miệng hến, kẻ nào hở chuyện ra thì giết luôn một vài đứa, thử hỏi còn đứa nào dám chọc tức bà hoàng này nữa. Ngay chàng, em nói thật, cái này là của em, chỉ của riêng em thôi nhé, nếu chàng chia sẻ với ai, kể cả vợ chàng, em sẽ cắt nó và cắt cả cổ chàng. Vừa nói nàng vừa túm lấy hạ bộ của Anh Vũ.

Anh Vũ vội thốt người lại. Trong đêm tối không biết mặt chàng có biến sắc, nhưng trong lòng chàng cũng thấy hơi gờn gợn về người đàn bà táo tợn này. Quyền

lực nghiêng trời, chỉ phật ý bà ta là mất quyền hành và mất cả mạng sống như chơi. Vậy là từ nay ta phải biến thành một con dê đực nhưng dưới sự sở hữu chỉ riêng của một con dê cái, chứ không như thông thường con dê đực được sở hữu cả đàn dê cái. Và trong suốt đêm ấy Anh Vũ ngủ rất chập chờn, vì cứ mỗi lần vừa thiếp ngủ lại bị hoàng thái hậu đánh thức dậy một cách âu yếm và sai phải „hầu hạ“. Đố Anh Vũ là một cận thân được sủng ái, vì vậy y luôn luôn tỏ lộ lòng trung, „hầu hạ“ hoàng thái hậu, bặc mầu nghi thiên hạ, người đàn sinh ra đức đương kim hoàng đế Lý Anh tông.

Hôm sau Thái úy Anh Vũ sai triệu một thầy địa lý theo mình đi chọn đất. Tới ba ngày mới chọn được một khoảnh đất mà cả thầy địa lý phong thủy và quan Thái úy đều hài lòng.

Cung điện được khởi công xây dựng sau đó ít ngày. Nhà vua xuống chiếu cho công bộ phải lo liệu việc xây cất để làm vừa lòng hoàng thái hậu, bởi đây là sự báo hiếu của hoàng thượng.

Cung điện xây dựng hết sức nhộn nhịp từ năm này qua năm khác, thợ giỏi trong khắp nước được triệu về, kể cả những thợ khéo lấy từ các làng Chiêm Thành. Việc soi, chạm những điển tích bò thần, vua khỉ được người Chiêm thực hiện một cách khá điêu luyện trên các khung cửa, hoặc các vũ nữ múa được trạm vào các xà ngang, các gót kèo nom sống động như người đang

múa vậy.

Trên lối đi vào một chiếc sân khá rộng có hai hàng tượng đá được xem như những tuyệt tác nghệ thuật mà trong nước không nơi nào có. Hai bức tượng đầu tiên của hai hàng tượng đá xen kẽ giữa tượng người và tượng vật, ta thấy phía bên tả là tượng... nữ thần múa Apsara với vũ điệu uốn lượn khiến các đường cong cơ thể thật là mềm mại, bức tượng bên hữu tạc thần Krisna đang ngồi trên lưng bò thần Nadin thổi ống tiêu vàng. Các tượng tiếp theo là voi, khí, chim thần Naruda, cừu, sư tử... Chốt ở cuối hai hàng tượng, bên tả là tượng Phạm Thiên, bên hữu là tượng thần Shiva.

Nếu như trước đây các đời dựng điện Thiên Khánh, lầu Bát Giác, gác Long Đồ, điện Trường Xuân, cung Hợp Hoan là những ngôi điện cực kỳ mỹ lệ thì gần đây cung Cảnh Linh đã vượt lên tất cả. Tuy vậy sự xa hoa lộng lẫy có nhẽ các cung điện nổi tiếng từ xưa phải nhường cho cung Quảng Từ của hoàng thái hậu Lê thị vừa mới được khánh thành sau bốn năm xây cất. Đó là công trình báo hiếu cho mẹ của vua Lý Anh tông.

Ấy là người ta lấy danh nghĩa nhà vua để sai khiến thiên hạ và rút tiền quốc khố, chứ thực Anh tông mới mười ba mươi bốn tuổi, sao đã nghĩ được việc báo hiếu hoặc phụng dưỡng đáng sinh thành.

Từ ngày có cung Quảng Từ vừa mỹ lệ vừa khuất nẻo Lê thị và Anh Vũ gần như chung sống với nhau tại

đó một cách không kiêng dè gì nữa. Khi di thiết triều kiệu thái hậu Lê thị đi trước, kiệu thái úy phụ chính đi sau và cùng ra từ cổng cung Quảng Từ, hai kiệu điếu tới cửa điện Long An chờ kiệu vua nhập vào và cùng đến điện Thiên An thiết triều.

Ba kiệu cùng hạ trước thềm rồng, ba người thông dong tiến vào nội điện giữa tiếng hô vang:

- Thái hậu thiên tuế!

- Hoàng thượng thiên, thiên tuế!

Nếu chỉ có hai mẹ con nhà vua, theo lễ quân thần đương nhiên các quan phải tuân phục, thế nhưng Đỗ Anh Vũ vác cái mặt dày lấp ló phía sau như là một cái đuôi, đã thế lại còn vênh vác khiến các quan hết sức bực giận. Cho nên sau vua và thái hậu, hết thấy các quan đều ngoảnh mặt quay đi, tỏ cho Anh Vũ biết, bọn ta không chào nhà người đâu.

Đỗ Anh Vũ sao chẳng biết điều đó, nhưng thái úy còn biết cái thế của mình lúc này mạnh hơn bao giờ hết. Ngoài việc nắm nội ngoại chư quân sự, còn một số tay chân, bè đảng khá đông. Hơn nữa Lê thái hậu vốn dòng dõi thái sư Lê Bá Ngọc, vây cánh còn án ngữ trong triều ngoài nội đâu chẳng có, lại ngôi nước nằm trong tay mẹ con bà. Còn mẹ con bà lại ở trong tay ta điều hành. Vậy kẻ nào dám chống lại ta tức là chống lại mệnh vua. Thực ra cái thế của Lê thị và ta lúc này còn mạnh hơn cả thế của bà Ý Lan và Lý Thường Kiệt, Ý Lan còn vấp phải

trái núi lù lù trước mặt là Lý Đạo Thành được người trong nước kính trọng từ triều trước, nên chỉ hạ bệ ông cho ra coi châu Nghệ An chưa được một năm lại phải triệu về trao tận tay ông nắm lại quyền đại chính. Còn như hiện nay xem ra chỉ có vài người gọi là có tài năng và trí lực thời ta đã cho ra trấn ngoài biên hết. Trong số đó, đáng gờm nhất, ta chỉ thấy có Tô Hiến Thành. Hiến Thành đang trọng trấn Lạng Châu, nếu không có lệnh ta gọi hoặc chiếu vua vời sao dám tự ý bỏ nơi biên trấn mà về triều. Ấy là tướng ngoài. Còn tướng bên trong, ta hơi nghi tên diện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái coi quân cấm vệ. Ta đã đôi lần thu phục, sai bảo, y tỏ ra tuân phục chứ không có vẻ gì dám khảng táng. Thế nhưng y lại không năng lui tới cửa ta tâu báo hoặc cậy nhờ việc này việc nọ. Đấy cũng là điều làm ta ngờ lắm.

Nghĩ vậy thôi chứ Anh Vũ nắm sinh mệnh các quan trong tay chẳng coi ai ra gì.

Bữa nọ đang buổi thiết triều có quan hỏi việc biên sự. Lại có quan hỏi năm nay đã chuẩn bị việc tu cống nhà Tống thế nào. Đỗ Anh Vũ tức lắm, thái úy bèn quát: - Người lấy quyền gì mà dám hỏi ta việc biên sự. Nếu biên sự có việc gì ta sẽ tâu báo với thái hậu nhiếp chính và hoàng thượng chớ sao ta phải nói với người.

Người kia bèn vặc lại:

- Biên sự là việc lớn quốc gia, triều đình phải chung lo. Các triều trước thường thông báo việc biên sự đầu

tiên trong mỗi buổi thiết triều, thế mà nay thái úy lại bảo các quan không được biết, không cần biết, thử hỏi làm như vậy có trái với điển lệ của tiền triều không?

Thái úy Đỗ Anh Vũ nổi nóng vạch lại:

- Ta không cho các người hay tin biên sự đấy đã làm gì ta nào. Viên ngoại lang dám chống lại ta chẳng.

Triều đình im phăng phắc không ai nói thêm điều gì nữa. Chẳng biết các quan khinh Đỗ Anh Vũ không thèm nói nữa, hay vì sợ thái úy mà không dám nói thêm.

Đây không phải lần đầu tiên Đỗ Anh Vũ tỏ ra khinh miệt các quan mà điều này diễn ra ở mọi nơi mọi lúc. Đỗ Anh Vũ không những không thèm trả lời mà còn tỏ vẻ khinh bỉ như nhếch mép cười mỉa, quay mặt đi hoặc nhổ nước bọt ngay trước mặt người hỏi. Và nữa nó đi lại ăn nằm với Lê thái hậu một cách ngang nhiên, coi triều đình không bằng nửa con mắt khiến các quan tức giận. Một số người bèn họp nhau lại bàn kế trừ Đỗ Anh Vũ.

Người đứng ra tập hợp là phò mã lang Dương Tự Minh và Trí Minh vương lôi kéo được Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái; quảng vũ đô hỏa đầu Lương Thượng Cả; ngọc giai đô hỏa đầu Đông Lợi. Đây là những người trực tiếp nắm các vệ cấm quân. Nội thị là Đỗ Ất cũng xin được tham gia, vì rằng Đỗ Anh Vũ khinh rẻ các quan nội hầu quá lắm.

Bàn tính xong, điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái cùng những người mưu việc đem quân cấm vệ vây cửa Việt Thành và cùng hô lớn:

“Anh Vũ tự tiện ra vào chốn cung cấm, làm nhiều điều ô uế, tội ác tày trời, tiếng xấu đồn ra ngoài làm thương tổn uy danh của bệ hạ. Lũ thần quyết vì bệ hạ mà sớm trừ kẻ loạn thần tránh mối hoạ về sau, xin bệ hạ xuống chiếu”.

Cậu bé Thiên Tộ tức vua Lý Anh tông thấy quân vây bốn phía hết sức lo lắng cứ chạy ra chạy vào, tả hữu chẳng có ai mà nhờ cậy. Tuy mới mười bốn tuổi, việc nước chưa biết nhưng việc phòng the đã thạo, và cũng có nghe phong thanh tiếng đồn giữa Anh Vũ với mẹ mình song chưa lấy gì làm bằng cứ. Nay các quan cho quân đến ép biết làm thế nào. Nhà vua đứng trên lầu ngó xuống thấy có cả các bậc bề trên như phò mã lang Dương Tự Minh và Trí Minh vương liền hỏi xuống:

- Vậy các ông cần ở ta cái gì?

Phía dưới đồng thanh hô:

- Bệ hạ anh minh, xin lập tức xuống chiếu bắt Đỗ Anh Vũ lột hết quan tước để trị tội.

- Được rồi, các người đừng có làm ồn lên nữa. Nói xong vua vào ngự thư phòng viết mấy chữ:

“Đỗ Anh Vũ có tội. Cấm quân bắt lấy nó giam lại để đình úy ty tra xét”. Viết xong, vua đứng trên lầu thả xuống.

Quân lập tức phái đi bắt. Đỗ Anh Vũ vừa ra khỏi cung Quảng Từ độ non một dặm đường liền bị quân cấm vệ vây lại. Quân theo hầu kiệu của Đỗ Anh Vũ toan chống lại.

Vũ Cát Đái bèn xông lên quát:

- Quân kia chớ hỗn khiến chủ các người mất đầu đấy. Đoạn ông gọi:

- Đỗ Anh Vũ mau xuống kiệu nghe hoàng thượng có chiếu. Anh Vũ vừa xuống kiệu, quân cấm vệ toan xông vào bắt trời. Vũ Cát Đái ngăn lại:

- Khoan, để Anh Vũ thụ chiếu đã. Anh Vũ, người quý xuống nghe chiếu đây.

Đỗ Anh Vũ nhìn bốn mặt thấy quân cấm vệ vây kín. Vài tên quân theo kiệu của y khó bề chống lại. Liệu tình thế không thể khác được Anh Vũ bèn quỳ xuống, hai bàn tay đan vào nhau nâng lên ngang trán, tỏ ý đã sẵn sàng. Vũ Cát Đái tuyên đọc xong. Anh Vũ phủ phục nói:

- Thần xin tuân chỉ.

Ngồi trong nhà giam, Anh Vũ hoàn toàn kinh ngạc trước những đối thủ không ngờ. Chỉ riêng Vũ Cát Đái trước đây ta hơi nghi vì y không qua cửa cầu cạnh điều gì. Ai ngờ cái linh giác ấy lại hóa thành sự thực mau làm vậy. Còn những kẻ kia, quả ta chưa có bức bách gì chúng. Tại sao chúng lại hại ta. Những kẻ kia là ai, Đỗ Anh Vũ hoàn toàn chưa biết, nhưng trong vụ này không thể chỉ một mình Vũ Cát Đái mà dám đương đầu với ta.

Thế còn tờ chiếu của hoàng thượng thì sao? Mắt ta trông rõ chữ của nhà vua và ấn đó không thể sai một ly. Anh Vũ đau lòng: Ta không thể ngờ hoàng thượng lại xuống chiếu bắt ta. Trong chiếu nói ta có tội. Nhưng không nói rõ tội gì. Anh Vũ nóng lòng mong sao hoàng thái hậu Lê thị biết được tin này.

Suy đi tính lại, Anh Vũ tự thấy quả mình cũng khinh thường bọn nó thật. Đây là sự trả thù độc ác trong lúc ta không ngờ nhất. Nếu thái hậu không mau cứu, chắc bọn này sẽ sớm giết ta mất.

Nội thị tâm phúc của thái hậu biết tin vội về loan báo. Khen thay Lê thị nghe tin dữ mà mặt không đổi sắc, còn bình tĩnh hỏi lại:

- Người có biết thái úy hiện bị giam ở đâu không?

- Tâu thái hậu, nghe nói thái úy bị tạm giam trong Tả hưng thánh lang, dưới quyền coi sóc của quan đô diện tiền chỉ huy sứ. Thoáng một âm mưu nảy sinh trong đầu, bà liền sai nội thị:

- Người đi nấu cho ta một nồi cơm, sắp các thứ thức ăn để đem vào cho thái úy. Cơm chín thì đem lên đây nắm trước mặt ta. Nội thị đi rồi bà thái hậu lục tìm vàng bạc và các đồ ngọc quý. Bà lấy ra mười hai cối vàng, một ít thỏi ngọc, khi nội thị đem cơm lên bà sai bỏ năm cối vàng, bảy thỏi ngọc nắm vào ruột mo cơm. Số còn lại sai vùi xuống dưới các thứ đồ ăn. Lại sai y đem

vào trong nhà giam đưa tất cả cho Anh Vũ và dặn:

- Lừa lúc nào có thể nói được thì người nói nhỏ cho thái úy biết trong cơm và thức ăn có đồ quý lấy ra mà dùng. Nội thị đi rồi, Lê thái hậu ngồi ủ rũ nghĩ kế cứu Anh Vũ. Nàng tự nghĩ: “Có nhẽ Anh Vũ gây hiềm thù với nhiều người chằng. Nếu phen này chúng giết mất chàng thì ta sống sao nổi đây. Cuộc đời ta chỉ cảm thấy đáng sống từ khi có chàng. Nếu chàng phải chết ắt một lần nữa ta phải ở góa. Ba mươi ba tuổi đời chứ đã già nua gì đâu mà ta phải chịu cảnh phòng không gối lẻ. Chàng là niềm vui, là hơi thở là cuộc sống của ta. Nhất định ta phải cứu chàng. Vả lại chàng đã già nua gì cho cam chàng cũng chỉ hơn ta bốn, năm tuổi thôi. Chàng đang ở độ sung mãn khí huyết của một người đàn ông. Cứ mỗi đêm được ở bên chàng, ta cảm nhận như ta được sống thêm một kiếp nữa. Ôi, những kẻ độc ác kia, nhất định các người phải chết”. Anh Vũ nhận được đồ ăn và rượu thịt khá nhiều, nhưng vàng, ngọc còn nhiều hơn cả đồ ăn. Anh Vũ tự biết đây là mưu của Lê thái hậu, nàng muốn ta đem số vàng này đút lót cho bọn cai ngục, bọn Vũ Cát Đái để chúng khởi đánh đập trả thù, và ngăn chặn chúng có thể lên giết ta. Ôi, cái người đàn bà này mới giỏi giang thông tuệ làm sao. Ôn này ta lấy gì báo đáp nàng đây. Ngoài tấm thân ra, ta còn có gì đâu. Mà thân ta hiện đang là một kẻ tù tội chẳng đáng giá một mảy lông.

Suy nghĩ mông lung rồi Anh Vũ tính chuyện hành động. Vũ gọi viên cai ngục tới bảo:

- Người giúp ta một việc, ta sẽ cho người một cối vàng.

Cai ngục sáng mắt hỏi:

- Vàng đâu?

Anh Vũ giơ lên một cối vàng to bằng chiếc chén mắt trâu. Màu vàng lóa lên làm mắt viên cai ngục như mờ đi. Y nói mà lưỡi cứ lú lại:

- Quan Thái úy sai bảo điều gì con xin vâng?

- Người tìm quan Điện tiền đô chỉ huy sứ, nói ta muốn gặp ông ấy. Sau khi gặp được ông ấy, ta sẽ cho người khối vàng này.

Viên cai ngục tiu nghỉu quay đi:

- Vậy thì người cứ giữ lấy vàng. Bọn ta phải đi tìm roi quất bọn tù mới đây.

Biết bọn này muốn ăn chắc và không cần thận chúng đánh cho tan xác ở trong ngục, làm gì được chúng. Nghĩ vậy, Đổ Anh Vũ gọi to:

- Cai ngục lại đây.

- Ông gọi ta hả? Hồn, thân tù mà dám gọi cai ngục như quan lớn gọi công sai. Gọi ta làm gì, muốn ăn roi hả?

Đổ Anh Vũ cười giàn hòa:

- Ta thử người đó. Thôi được, ta vẫn cho người cối vàng này, cầm lấy, nhưng người phải tìm bằng được Vũ Cát Đái, nói lại lời ta đã dặn, nhớ chưa.

Cai ngục vội chộp lấy cối vàng từ tay Đỗ Anh Vũ kẹp chặt vào nách rồi phủ phục vái lia lịa:

- Con tạ ơn quan Thái úy, nhất định con sẽ tìm quan điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái đến hầu thái úy ngay bây giờ. Trong khi đó tại cung Quảng Từ, hoàng thái hậu Lê thị đã sai triệu Vũ Cát Đái đến hỏi việc.

Đái phải ngồi ở phòng khách sảnh chờ tới nửa canh giờ vẫn không thấy thái hậu ra bàn việc. Trong khi đó bọn lính hồ bồn canh giữ cung Quảng Từ cứ lượn lờ ở bên ngoài, hết tốp ấy đến tốp khác, chúng cứ chăm chăm nhìn như muốn ăn thịt ta không bằng. Vũ Cát Đái hơi chột dạ. Bỗng có hai cung nhân từ phía cửa ngách đi vào. Mùi hương sạ thơm lừng, nom các cô đẹp như chim sa cá lặn, mỗi cô trạc tuổi chừng mười tám, đôi mươi. Cả hai nàng nhìn Vũ Cát Đái mỉm cười và nói:

- Bẩm quan Điện tiền đô chỉ huy sứ, thái hậu sai mời quan vào hậu đường gặp ngài.

- Tuân chỉ.

Vũ Cát Đái vội đi theo hai người cung nữ. Qua một hành lang dài lại đi tiếp vào dãy xuyên đường, mới tới nhà hậu đường.

Tới cửa một căn phòng rộng, hai cung nữ chấp tay:

- Bẩm, thái hậu đang chờ ngài ở trong đó. Một nàng kéo cánh cửa khép hờ.

Thái hậu ngồi trước ký nhìn ra mỉm cười:

- Ta cho triệu ông tới bàn quốc sự.

Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái vội quỳ xuống nói lời kính chúc rồi bắm:

- Tâu hoàng thái hậu, thần xin tuân chỉ.

Lê thị chỉ vào chiếc ghế thấp hơn ghế hậu đang ngồi tới hai gang tay rồi phán:

- Ông ngồi vào đó, ta miễn lễ.

Trước mặt Vũ Cát Đái có chiếc mâm đồng chân quỳ, trên phủ vuông vóc đỏ. Cạnh đó là chén trà thơm đang bốc khói. Lê thái hậu chỉ vào chén trà mời:

- Ông nhấp với ta một chung trà cho ấm bụng.

Vũ Cát Đái bê lấy chung trà, trong lòng do dự: “Chẳng biết bà thái hậu định sai bảo hoặc bắt bẻ gì ta đây”.

Cát Đái vừa đặt chén xuống thì thái hậu vươn tay kéo tấm vóc đỏ ra, khê đẩy vào vành mâm, bà nói:

- Ta có chút quà biếu ông vừa lập được công với hoàng thượng. Vũ Cát Đái sợ tái mặt, ông không còn hiểu ra sao nữa. Ông cùng một số người lập mưu ép hoàng thượng phải ban chiếu để trừ Đỗ Anh Vũ dám ngang nhiên đi lại làm ô uest chốn cung cấm, gây tiếng xấu cho triều đình. Song việc này lại động đến bà thái hậu. Khấp Thăng Long còn ai không biết Lê thái hậu tư thông với Đỗ Anh Vũ. Còn Anh Vũ dựa thế thái hậu mà ngông cuồng phỉ báng các quan, làm mưa làm gió giữa chốn triều trung không còn coi ai ra gì nữa. Các quan đang nói, y quát tháo bắt phải “im mồm”. Sai bảo ai điều gì thì chỉ tay, liếc mắt chứ y không thềm nói. Nổi

phần uất đến cùng cực nên các quan mới phải họp nhau lại để trừ nó. Từ xưa thái hậu vẫn chăm chăm bênh che cho nó, và luôn cặp kè với nó như hai đứa nhân tình. Nay bắt nó, lũ ta là kẻ thù của bà. Cớ sao bà lại còn gọi ta đến thưởng cả một mâm vàng. Vũ Cát Đái liếc thấy có mười cối vàng, mỗi cối ấy đúng năm lạng và hai đôi vòng ngọc. Một đôi hồng ngọc, một đôi huyền ngọc.

Thấy Vũ Cát Đái có vẻ nghi ngại, Lê thái hậu vội an ủi:

- Ta không lừa ông đâu mà sợ. Ta thật lòng ban cho ông phần thưởng đó. Đôi huyền ngọc kia quý lắm đấy, năm ngoái thuyền buôn Trảo Oa qua Vân Đồn có gửi biếu ta đôi vòng đó. Ta muốn ban cho phu nhân. Còn đôi hồng ngọc kia lại do thuyền buôn La Hộc² biếu, ta ban cho tiểu thư. Da trắng như tiểu thư mà đeo hồng ngọc nó tôn vẻ đẹp lên nhiều đấy. Suýt ta quên dặn ông là đôi huyền ấy phu nhân đeo vào là kỵ gió, tránh được cả cảm hàn, cảm nhiệt đấy. Còn số vàng này ta ban cho ông để dưỡng già, gọi là một chút tưởng thưởng công lao ông đã giúp rập ta và vua nhỏ.

Nói đoạn hoàng thái hậu đưa cho ông ta một chiếc tay nải và giục:

- Ông xếp vào túi đi kẻo có người trông thấy không tiện. Ông cứ cất đi rồi ta sẽ nói chuyện.

Vũ Cát Đái làm theo lời thái hậu, lòng ngậm hiều: “Ắt là việc Đỗ Anh Vũ đây”.

Lê thị thấy Vũ Cát Đái cho tất cả vào lòng dẫy, bà

vội nói:

- Hai đôi vòng ngọc ông phải gói riêng đút ngay vào túi, chớ có bọc lẫn với vàng, bị cọ xát nó không còn bóng đẹp nữa, có khi còn bị gãy đấy. Ta nói để ông biết, giá trị của một đôi huyền ngọc ấy, bằng cả chỗ vàng này. Bà đưa cho Vũ Cát Đái hai vuông khăn nhiễu và bảo:

Ông gói hai đôi vòng ấy vào đây.

Vũ Cát Đái lặng lẽ làm theo. Gói xong, ông bỏ hai đôi vòng ngọc vào hai bên túi nách.

La Hộc là một quốc gia thời trung đại nằm ở phía bắc Thái Lan bây giờ..

Sau đó Lê thái hậu nhẹ nhàng hỏi:

- Vua hạ chiếu, các ông làm theo chiếu vua, đủ biết các ông sẵn có lòng trung. Các ông không có lỗi gì đâu mà phải e dè. Vậy ông nói thử ta nghe, những ai chủ trương việc này. Ta muốn biết để còn có một chút quà cho mỗi người.

Vũ Cát Đái không phải không biết đây là mưu mẹo của Lê thái hậu nhằm đút lót cho mọi người để xoa dịu. Vả lại những ai mưu sự việc này đều đã rõ, chẳng phải việc làm lén lút gì mà phải giấu. Hơn nữa Anh Vũ đang bị nhốt, nay mai Đinh úy ty sẽ xét xử, nhất định y phải bị buộc tội và phải đầy làm điền binh¹, lo

¹ *Điền binh* là những người có tội phải vào các trại làm ruộng do quân đội quản chế.

gì. Nghĩ vậy, Vũ Cát Đái bèn thưa:

- Tâu thái hậu, chẳng qua thái úy ngang ngược quá, xúc phạm đến nhiều người khiến các quan không còn chịu đựng được nữa nên thúc giục lữ thần phải đứng ra thu xếp việc này. Trong số đó gồm có thân cùng các ông Quảng vũ đô hỏa đầu¹ Lương Thượng Cả, Ngọc giai đô hỏa đầu Đồng Lợi; Tả hưng thánh hỏa đầu Nguyễn Dương; nội thị Đô Ất, thêm nữa có Trí Minh vương; Bảo Ninh hầu; phò mã lang Dương Tự Minh.

Biết được những ai là người cầm đầu vụ bắt Đỗ Anh Vũ, Lê thị rất hài lòng vỗ về:

- Ông là một vị quan mẫn cán, trung thực, đáng tin cậy lắm thay. Nhưng việc của Thái úy, theo ta, ông nên nổi tay để lưu chút tình với nhau. Ta thấy ông và thái úy có hiềm gì với nhau đâu. Và lại thái úy là phụ chính của hoàng thượng từ ngày nhà vua mới ba tuổi, chẳng lẽ các ông không nể mặt hoàng thượng sao.

Nghe Lê thái hậu răn, Vũ Cát Đái vừa hài lòng lại vừa chột dạ. Vừa ra khỏi cung Quảng Từ đang trên đường về phủ thì gặp viên quản ngục hấp tấp ngăn lại bấm báo công việc. Vũ Cát Đái giắt một bọc vàng, ngọc to tướng trong người liền gất:

- Bấm việc tại công đường chớ sao dám cản xe của ta lại mà người lắm nhảm cái gì vậy?

¹ Hỏa đầu là một chức quan trông coi một đội quân cấm vệ để bảo vệ vua, bảo vệ kinh thành

- Bẩm quan diện tiền đô chỉ huy sứ, người tù Đỗ Anh Vũ xin được gặp quan lớn có việc cần lắm ạ.

Vũ Cát Đái tự nghĩ: “Chắc bà thái hậu đã sai người mớm nhời cho y”. Cát Đái có vẻ dương dương tự đắc: “Anh Vũ, sao người đã chừa cái thói ngạo mạn chưa. Gió đổi chiều rồi đấy. Bây giờ là lúc người phải cầu cạnh ta đấy. Nói cho cùng thì cả thái hậu, người tình của người còn phải dứt lốt ta kia. Được, ta sẽ gặp xem người muốn xin xỏ ta điều gì”. Vừa dứt mạch suy tư, Vũ Cát Đái liền vẫy tên quản ngục lại nói:

- Người về bảo với người tù đó, sáng mai ta sẽ gặp y. Nói xong ông giơ tay ra hiệu cho xà ích ruổi ngựa.

Trong khi chờ gặp Vũ Cát Đái, Đỗ Anh Vũ đã dứt lốt mua chuộc hết bọn ngục lại khiến không kẻ nào dám động đến chân lông y. Ngay cả việc cơm rượu, y chẳng thiếu thốn một tí gì so với khi còn ở ngoài, bởi các việc đó đều do lũ nội thị trong cung Quảng Từ đưa đến hằng ngày.

Sớm hôm sau Vũ Cát Đái đến ngay chái Tả hưng thánh, nơi giam giữ Đỗ Anh Vũ và cũng là nơi do quan hỏa đầu Nguyễn Dương cai quản.

Vừa trông thấy Vũ Cát Đái, Đỗ Anh Vũ đã cười lấy lòng và nói:

- Ta mong gặp ông quá.

- Có việc gì vậy? - Cát Đái hỏi.

- Còn có việc gì nữa khi thân đã ở trong tù. Ta chỉ muốn tạ ơn ông, gọi là lưu với nhau một chút tình. Nói xong y dúi vào tay Vũ Cát Đái một bọc nặng trĩu, trong

đó có năm cối vàng cùng mấy viên ngọc quý.

Tả hưng thánh Nguyễn Dương cho người theo dõi biết hầu hết đám ngục lại đã ăn phải bả của Anh Vũ, nay lại đến lượt quan diện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái ngậm phải cứt rồi. Ông đau lòng thốt lên: “Bọn các người tham ăn của dút. Ta với các người tất không thoát khỏi tay Anh Vũ đâu. Chi bằng ta trừ trước nó đi để dút cái hoạ về sau”. Nói xong ông cầm lấy cây giáo chạy về phía Anh Vũ toan đâm chết nó. Tả hưng thánh đô Đàm Dĩ Mộng vội chạy theo ôm lấy ngang lưng Nguyễn Dương, giằng lấy giáo và nói:

- Điện tiền nói rằng Anh Vũ tội đáng chết, nhưng phải đợi đình úy xét xử, đợi mệnh vua, chứ không thể tự tiện giết người.

Nguyễn Dương giận dữ giậm chân nói lớn:

- Điện tiền Vũ Cát Đái là đồ cứt dái, sao tham của dút mà không tiếc cái thân mình. Hãy nhớ nhờ ta, bọn các ông sẽ bị Đỗ Anh Vũ sát hại cho bằng hết. Các ông sẽ thân bại danh liệt một cách nhục nhã. Nói xong, ông nhảy xuống giếng sâu tự vẫn.

Sau đó vua sai Đình úy ty xử Đỗ Anh Vũ, đây y làm cáo diên nhi¹.

Án đó là quá nhẹ so với tội làm loạn chốn hậu cung, tiếng xấu không thể nào gột rửa. Nhưng Lê thái hậu lại rất đau buồn. Xa người tình, nhớ về những đêm ân ái, lửa

¹ Đây đi làm ruộng, có người quản thúc.

dục lại hững hục bốc lên trong lòng người đàn bà hơn ba chục tuổi. Bà ta đau khổ nghĩ xem có phương kế gì cho Đỗ Anh Vũ sớm được thoát nạn, được phục chức như xưa, được đi lại ăn ở với nhau cho thỏa lòng dục.

Trong đám quan nội hầu tâm phúc, có kẻ lên dâng thái hậu kế gỡ tội. Y nói:

- Thần có kế mọn có thể gỡ tội cho Thái úy.

- Kế gì vậy, người nói thử ta nghe.

- Tâu, bệ hạ cho mở hội để xá các tội nhân trong nước, lấy cơ là cầu phúc cho lão thái thái và hoàng thượng. Cứ mỗi lần hội lại ân giảm một bậc. Hai, ba lần hội thì Thái úy được tha, lo gì.

- Hay! Kế của người hay lắm mà lại kín kẽ. Ta ban cho người tước hai tư và ba cối vàng.

- Đa tạ hoàng thái hậu ban trọng ân.

- Nhưng hội mở phải vào dịp lễ lạt nào chứ? - Thái hậu Lê thị hỏi.

- Tâu thái hậu, thiếu gì lễ. Rằm tháng Giêng lễ Thượng nguyên, dâng sao giải hạn, cầu phúc có thể mở hội. Mồng tám tháng tư ngày đản sinh đức Phật, có thể mở hội. Rằm tháng bảy lễ Vu lan bồn báo hiếu, xá tội vong nhân, có thể mở hội...

Ngoài ra hoàng thượng có thể mông ân cho những người chẳng may mắc vào vòng tù tội, nhà vua cho mở hội bất thường để xá hoặc ân giảm. Cầu cho đất nước thịnh vượng, hòa cốc phong đăng có thể mở hội. Cầu

cho đất nước không có tai ách, dịch bệnh vẫn có thể mở hội. Nhiều dịp lễ lớn thái hậu.

Lê thị cười như nắc nẻ mắng khen:

- Ông thật là một kẻ khôn ngoan tinh quái. Ta sẽ còn ban thưởng nữa, chỉ cần ông trung thành, tận tụy với ta.

- Thần thờ hoàng thái hậu còn hơn cả một con chó trung thành với chủ nó, xin thái hậu chớ lo.

Và thế là các hội ân xá, ân giảm liên tiếp được mở trong vòng ba tháng, mỗi tháng một hội. Sau ba lần ân giảm, Đỗ Anh Vũ hết tội.

Lê thái hậu nói với con:

- Hoàng nhi, con chưa tự mình nắm quyền đại chính được, suốt từ khi con ba tuổi, mẹ phải giữ quyền nhiếp chính thay con. Nhưng việc nước bộn bề trăm thứ, may có thái úy Đỗ Anh Vũ là người có tài, có đức giúp mẹ giữ quyền phụ chính. Gọi là phụ thôi chứ mọi việc mẹ đều phải nhờ cậy ông ta. Vừa qua chẳng may thái úy lâm nạn. May nhờ hồng phúc nhà vua, ông ta đã được về nhà. Để cho việc nước trôi chảy, cũng là cho mẹ đỡ vất vả mà con thì có người tận tâm diu dắt, chi bằng ta lại trao cho Đỗ Anh Vũ các chức xưa: Thái úy phụ chính.

Ngừng lại một lát xem nhà vua có nói gì không. Xem ra nhà vua chỉ ngoan ngoãn lắng nghe. Lê thái hậu nhấn hỏi:

- Vậy chớ ý con thế nào hoàng nhi?

- Mẫu hậu thấy thế nào là phải cứ quyết. Con sẽ sai thảo chiếu.

- Hoàng nhi, con đúng là một bậc minh vương, là người con chí hiếu. Ta mong con khôn lớn để sớm trao lại quyền trị nước cho con.

- Mẫu hậu, ngoài việc cho ông ta phục đủ các chức cũ có phải cho thêm ông ta cái gì nữa không ạ?

- Hãy tạm thế đã con.

XXV

Anh Vũ được phục lại tất cả các chức tước cũ. Hoàng thượng đã lớn, vào tuổi mười lăm đã nạp phi, lập hậu, kén tuyển cung nữ, nên việc chăn gối, chốn buồng the không dễ gì qua mặt nhà vua. Vì vậy, Anh Vũ năng lui tới cung Tuyên Đức hoặc điện Văn Minh là các cung điện vua thường ngự để gần gũi bàn bạc việc quốc sự. Vua vui lắm và sự tin yêu lại càng gia tăng hơn trước. Còn việc hầu hạ hoàng thái hậu Lê thị, Anh Vũ chỉ thăm lén khi đêm về. Ấy là thời gian đầu sau khi vừa được phục chức. Nhưng chỉ ít lâu sau, mọi sự mọi việc Anh Vũ đã thấm tóat trong tay thì sự lộng hành của y càng ngày càng nguy hiểm hơn.

Anh Vũ tự thấy đội quân phụng ngự thường phái đi làm các việc như bắt người, khám xét nhà người mắc tội làm việc không được như ý. Ví như khám xét chỉ khám qua loa. Bắt người thì trừng trình để người bị bắt có thể tẩu thoát. Binh uy không toát ra được nên không

làm cho mọi người khiếp nhợc. Vì vậy Anh Vũ tự tay tuyển lấy một trăm đứa, phần nhiều là bọn đầu trâu mặt ngựa, đầu trộm đuôi cướp, làm việc gì cũng thể hiện sự tàn bạo để thị uy. Chúng mà vào khám xét nhà ai thì lục tung mọi xó xỉnh đến một cây kim cũng không giấu nổi, và của cải chúng vét đi sạch sành sanh như một lũ chó rừng ngấu đói vừa vớ được một con mồi.

Thái úy Đỗ Anh Vũ đem đội quân ấy dâng vua gọi là phụng quốc vệ đô để thay thế cho đội phụng ngự có tính thân dân cũ của vua. Thấy y nói các điều tiện ích và sự lợi hại của đội quân này, vua ưng ý ngay.

Anh Vũ cho người đi sưu tầm của lạ trong thiên hạ đem về dâng vua cây cau một gốc hai mươi tám ngọn và một con hươu trắng. Đám nịnh thần suy tán thật hay ho khiến vua càng tin yêu Anh Vũ.

Thấy việc trả thù đã đến lúc phải ra tay, bữa nọ thái úy hầu giáng nhà vua về lòng trung quân thờ vua kính chúa của các bề tôi là phải dứt mực trung thành. Như các bậc thánh nho đã dạy: “Quân xử thần tử”, tức là vua đã sai bậy tôi làm việc gì là phải làm ngay, kể cả vua bảo chết cũng phải chết ngay trước mặt vua.

Nghe Đỗ Anh Vũ nói, nhà vua lấy làm thích thú:

- Phải, thế mới gọi là tôi trung. Các bậc thánh học nói điều gì cũng chí lý cả.

- Tâu bệ hạ thế mà Vũ Cát Đái được bệ hạ tin dùng trao cho coi tất cả cấm quân, vậy mà y dám tự tiện

đem quân ấy đến vây cửa Việt Thành bức bệ hạ phải xuống chiếu bắt thần. Nếu quả việc làm của thần có điều gì chưa khả đắc thì y phải hặc tâu để bệ hạ minh xét. Thế nhưng y ý thế nắm cầm quân đã dám làm một việc đại nghịch, bức bách bệ hạ, tội ấy không gì to bằng, theo thần nên sớm trừ bỏ Vũ Cát Đái để khỏi nuôi mối họa về sau.

Vua Anh tông gật gù khen:

- Phải! Khanh nói chí phải, nếu khanh không tâu báo, việc ấy ta đã bỏ qua. Rồi vua xuống chiếu sai bắt Vũ Cát Đái và các người đồng mưu trị tội.

Đỗ Anh Vũ liền sai đội phụng quốc vệ đô di bắt Vũ Cát Đái và các đồng phạm giam lại. Vua ban chiếu giáng Trí Minh vương xuống tước hầu, giáng Bảo Minh hầu xuống tước minh tự, giáng Bảo Thắng hầu xuống phụng chức. Nội thị là bọn Đỗ Ất năm người bị chém bêu đầu ở chợ Tây Giai. Điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái và những người cùng tham gia vụ bắt Đỗ Anh Vũ gồm hai mươi người bị chém bêu đầu ở các bến sông để thị uy răn chúng. Phò mã lang Dương Tự Minh và những người theo giúp trong vụ bắt giam Đỗ Anh Vũ gồm ba mươi người phải đẩy đi miền sơn cước ma thiêng nước độc.

Tới đây mới thấy lời tiên đoán của tá hưng thành hòa đầu Nguyễn Dương là đúng đắn, và việc ông nhẩy xuống giếng tự tử để cảnh tỉnh Vũ Cát Đái và những kẻ

ham ăn của dút không lo đến tính mạng sống để đến nỗi bây giờ tất cả đều bị chết về tay Anh Vũ, quả sự cảnh tình ấy là trí, là dưng. Chỉ biết bọn Vũ Cát Đái tối mất lại vì vàng nên mắc nạn. Trừ hết kẻ thù cũ và cả những người manh nha chống đối, Lê thái hậu và Đỗ Anh Vũ hết sức hả hê và ngang nhiên đi lại với nhau suốt cả ngày đêm chẳng còn coi ai ra gì. Vua thì còn nhỏ sao biết được các mách lới của mẹ mình cùng với kẻ thông gian Đỗ Anh Vũ.

Để che bớt sự ngó dòm của nội thị và sự dị nghị của đình thần, mượn oai của nhà vua và lấy quyền nhiếp chính, Lê thái hậu ban chiếu: “Cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào cung, ai phạm thì bị tội chết. Nếu dung túng cho người khác vào cung cũng bị tội như vậy.

Cấm các quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu. Ở trong cung, cấm không được tụ họp nhau năm ba người cùng bàn luận, chê bai, kể nào làm trái thì phải chịu tội...”.

Công việc của bọn hoạn quan từ xưa là hầu hạ chốn cung cấm, chúng được tự do đi lại không hạn chế. Bởi chúng có trách phận phải giám sát các cung nữ, hầu hạ các phi, hậu, theo dõi và sắp xếp cho việc ân ái của nhà vua sát sao từng giờ để xem xét cho chính xác giọt máu rồng kết tụ tại cung nào, diện nào khiến không một ai dám manh tâm gian dối. Ấy thế mà bây giờ Lê

thái hậu cấm ngặt việc đi lại của họ trong cung cấm, chẳng qua sợ sự gian dâm của mình lọt mắt bọn quan thị và các người hầu hạ trong cung.

Việc cấm các quan trong triều không được đi lại nhà các vương hầu, là sợ các quan đem các chuyện lộng hiểm trong triều, xấu xa trong cung Quảng Từ cáo giác với các bậc hoàng thân quốc thích đó thôi.

Và ở trong cung thì cấm tụ họp tùm năm tùm ba, cấm bàn bạc, chê bai các chuyện đã được nghe, được thấy là thái hậu Lê thị bắt mọi người trong cung phải mù, phải điếc và phải câm.

Quả thật đây là dấu hiệu đồi bại của một vương triều đang trên đà suy thoái.

Tuy vậy công việc của các bộ, các khoa việc nào việc ấy vẫn tiến hành bình thường. Như cuộc thi Minh kinh bác sĩ đầu tiên từ năm Ất Mão (1075), Lê Văn Thịnh đỗ đầu vẫn tiếp tục từ ấy tới nay, nó chưa được ấn định theo hạn kỳ, nhưng cứ mười hoặc mười lăm năm triều đình lại mở một khoa thi. Vì hai nhẽ, một là triều đình cần lấy thêm người có học thức cao, nhẽ thứ hai là số nho sĩ học hành khá giả trong nước ngày một nhiều đòi hỏi phải có nơi thi thố tài năng. Vì vậy năm nay triều đình mở khoa điện thí. Khoa này nhà vua trực tiếp ra đề và chọn đỗ. Những khoa điện thí thường lấy đỗ rất ít.

Nói rằng nhà vua trực tiếp ra đề và chọn đỗ, ấy

là luật lệ quy ước làm vậy chứ thực vua Anh tông năm nay mới bước vào tuổi mười lăm đâu đã đủ kiến văn để đứng đầu kẻ sĩ. Khác với bà Ý Lan chăm chút việc học hành cho Lý Nhân tông, chọn ngay Lê Văn Thịnh bổ làm sư phó để dạy vua lúc ấy đã sáu tuổi. Nhân tông cũng là người ham học và ái thiện. Trái lại Lê thái hậu ngày nay thường bỏ mặc con với các ông sư phó, bà chỉ chăm lo đến mối tình thâm lén với thái úy Đỗ Anh Vũ là kẻ đẹp mã và đa tình. Kẻ sĩ trong nước biết hết chuyện đồi bại chốn cung đình, người có nhân cách cao thượng không muốn làm tôi kẻ cầm quyền như vậy nên không ra ứng thí. Đương nhiên không phải người có nhân cách cao thượng, người có tài năng đích thực không tham dự mà cuộc thi không thành. Trái lại, bọn bất tài vô hạnh nhưng nhúc kéo đến thi tài lại đông như một bầy dòi.

Nhà vua ngày một lớn và cũng có vẻ khôn ra, tự mình dần dần nắm lấy việc điều hành đất nước. Năm ngoài nhà vua tròn hai mươi tuổi, Tống Cao tông sai sứ mang sắc phong Lý Anh tông là Nam Bình vương lại ban áo, đai và yên ngựa.

Lại nói về Tống Cao tông. Ông là vị vua đầu tiên của nhà nam Tống. Tức là từ năm Đinh Mùi (1127) quân Kim vây Biện Kinh bắt sống hai vua cha và vua con là Tống Huy tông, Tống Khâm tông cùng vài ba ngàn người trong hoàng tộc với các cửa cải lấy được đem về

phía Bắc, thế là vương triều Bắc Tống kể từ khi Triệu Khuông Dẫn xưng đế năm Canh Thân (960) tới nay vừa đúng một trăm sáu mươi bảy năm thì chấm dứt.

Sau khi Bắc Tống bị diệt vong, Khang vương Triệu Cấu từ Tương Châu chạy xuống phía nam. Tháng năm năm ấy (1127) Triệu Cấu lên ngôi hoàng đế, tức là Tống Cao tông. Cao tông liền dời đô về Lâm An (nay là thành phố Hàng Châu tỉnh Triết Giang).

Lúc này trong nước đang dấy lên phong trào Bắc phạt, tức là đánh quân Kim để giải phóng Trung nguyên. Những danh tướng bất hủ như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung đang mở đầu cho một cao trào giải phóng đất nước. Thế nhưng Tống Cao tông còn vượt xa các bậc tiền bối về sự cầu an và hèn nhát. Vì vậy năm Kỷ Mùi (1139) Cao tông ký một hòa ước hết sức nhục nhã với triều Kim. Nước Tống phải xưng thần với nước Kim, hằng năm phải triều cống hai mươi lăm vạn lượng bạc và hai mươi lăm vạn tám lạng. Và phải gọi vua Kim là bá phụ. Đường lối chống ngoại xâm của các vua nhà Nam Tống là cắt đất cầu hòa, chịu triều cống cho ngoại bang và trừng trị những ai có lòng yêu nước mang ý đồ đánh lại quân Kim.

Nước ta từ khi Lý Thường Kiệt mất và cả sau khi Lý Nhân tông mất, các vua nối lên ngôi tuổi còn thơ ấu, nội bộ triều đình lục đục, việc quân biếng trễ, không đặt ngoại gián để dò biết tình hình bên ngoài nên không

biết nội tình nước Tống, nên vẫn cúi đầu xưng thần và giữ nghiêm việc triều cống.

Để đáp lễ năm trước Tống Cao tông phong cho Lý Anh tông làm Nam Bình vương lại ban áo, đai và yên cương, năm nay (Bính Tý 1156), Lý Anh tông cử một đoàn cống sứ gồm một trăm người do Nguyễn Quốc cầm đầu. Đồ dẫn cống gồm nhiều vật quý có giá trị cao nhất trong lịch sử triều cống của các thời đại. Đó là những đồ kim khí nặng hơn một ngàn hai trăm cân, nạm châu báu nặng tới phân nửa. Một trăm hạt trân châu đựng trong bình vàng, trong đó có ba hạt lớn như quả cà, sáu hạt lớn như hạt mít, hai mươi bốn hạt lớn như hạt đào, mười bảy hạt lớn như hạt mận, năm mươi hạt lớn như hạt táo. Thêm nữa là một nghìn cân hương trầm, năm mươi đôi lông chim thúy, tám trăm năm mươi tám đoạn màu vàng thắm, hoa văn rồng cuốn, sáu con ngựa tốt và cả yên cương nạm vàng cho nhà vua cưỡi, tám con ngựa thường và năm con voi đã thuần dưỡng.

Cống vật của Đại Việt dâng lên, vua Tống Cao tông thật không ngờ, một nước Giao Chỉ hùng mạnh ở phương nam, đã từng hai lần đánh bại quân Tống mà bây giờ lại trung thành với nhà Nam Tống đến như vậy.

Vua Tống cảm động sai tiếp sứ nước ta thật là trọng hậu, Tống Cao tông thân gặp để an ủi và có lời thăm hỏi vua ta. Khi sứ đoàn về nước, vua Tống tặng rất nhiều quà cáp lại ban áo và đai ngọc cho vua Lý

Anh tống.

Về nước, Nguyễn Quốc có làm sớ tâu lên:

“Thần đến nước Tống thấy ở giữa sân có cái hòm bằng đồng để thu nạp tấu chương của bốn phương. Thần xin bệ hạ phỏng theo cách làm đó để thấu rõ được dân tình”. Vua lấy làm phải, sai làm hòm để ở trước sân rồng và xuống chiếu rằng: “Ai muốn nói việc gì thì làm giấy bỏ vào hòm đó”.

Chỉ một tháng sau thì giấy đã bỏ đầy hòm. Vua sai mở ra kiểm, quả có nhiều việc dân kêu triều đình phải quan tâm. Ngay kẻ sĩ cũng có nhiều điều bất như ý về đám quan lại địa phương nhưng nhiều dân lành. Trong các tấu chương kêu cầu đó, người viết đều ghi rõ tên họ, quê quán. Riêng có một tờ thư cáo giác Đỗ Anh Vũ là không có tên và quê quán người viết. Thư nói rằng: “Thái úy Đỗ Anh Vũ đem binh vào cung làm loạn”.

Người kiểm thư thấy tờ thư đó liền giấu để đưa riêng cho Đỗ Anh Vũ.

Anh Vũ nói: “Ông hãy vì ta tâu vua xem xét việc đó”. Vua sai tìm cho ra người tố giác nặc danh ấy. Qua một tháng chẳng thấy tung tích gì, Anh Vũ bèn tâu vua: “Thư ấy tất do người xướng xuất ra việc làm hòm viết”. Vua không suy nghĩ gì cho cơ ấy là phải. Anh Vũ liền cho đội quốc vệ đó đi bắt Nguyễn Quốc về xét xử. Buộc cho Quốc tội vu cáo đại thần làm loạn chính pháp, đầy Quốc đi trại Quy Hóa.

Ít ngày sau vua nghĩ lại, có ý định triệu Nguyễn Quốc về triều. Đỗ Anh Vũ dò biết việc ấy sai người đem thuốc độc lên đưa cho Quốc và dặn đây là thuốc bổ. Nguyễn Quốc biết Anh Vũ cố tình hại mình bèn uống thuốc ấy mà chết.

Nguyễn Quốc bị bức chết, nhưng một tháng sau Đỗ Anh Vũ cũng lăn ra chết. Thái hậu Lê thị buồn thương vật vã nhưng không dám ra mặt, ngầm sai làm ma to. Nhưng đám tang của Anh Vũ thật là thảm hại. Vòn vẹn chỉ có vài chục kẻ là con cháu trong nhà với mấy người phu đòn và kèn trống inh ỏi. Các quan trong triều tuyệt nhiên không một ai đưa tiễn. Các bậc thiên sư, đạo sĩ cũng chẳng ai ngó dòm tới. Tang chủ thuê được một pháp sư đi trước khua khoắng cây gậy gõ lủng lẳng cả chùm bùa chú, thỉnh thoảng ông ta lại làm nhảm đọc một vài câu thần chú, hai tay bắt quyết kêu bôm bốp rồi gỡ bùa trên đầu gậy ra ném về bốn hướng để trừ tà.

Khi hạ huyết, pháp sư sai chôn xuống đáy huyết một chiếc niêu đất trong đó chứa một con rùa con nặn bằng đất sét, trên mình rùa vẽ các chữ triện, miệng rùa ngậm một lá bùa. Bốn góc niêu đất là bốn quẻ: cần, chấn, khôn, đoài. Trên mỗi quẻ đặt một đồng xu, trung cung cũng đặt một đồng xu gói trong lá bùa. Chiếc niêu dậy vung kín, vành vung trét đất sét. Pháp sư nói nhỏ: “Cho mày nằm đây không được trở về làm điều bạo nghịch”.

Theo vị pháp sư, đó là phép yểm trừ thần trùng. Tống táng xong, tang chủ và con cháu lại núp sau pháp sư để trở về nhà.

Thông thường, pháp sư chỉ làm việc dẫn vong, xua đuổi tà ma quấy nhiễu từ nhà tới huyệt. Nhưng vì kẻ dưới huyệt mộ kia gây nhiều tội ác khi còn sống, nên con cháu sợ các oan hồn theo bắt người nhà.

Nhìn đám tang rời rạc, tang chủ lại có vẻ lo sợ, đủ biết nhân cách người nằm trong quan tài khi còn sống.

Đỗ Anh Vũ chết, thái hậu Lê thị buồn nhớ rồi đổ bệnh ốm dai dẳng hơn một năm sau cũng chết theo.

Anh Vũ chết khiến nhiều người hả hê mừng rỡ. Thái hậu Lê thị chết, kẻ sĩ trong nước mỉa mai: “Kẻ che chở cho đứ đũa bạo hành làm các điều thương luân bại lý cuối cùng đã chết. Nếu không thế thì sao đường đường là bậc mẫu nghi thiên hạ, địa vị tôn quý làm vậy lại đem cơm rượu cho một thằng tù, hối lộ cho kẻ coi ngục vô số bạc vàng không kiêng dè gì. Mở hội xá tội một cách bừa bãi để mong khôi phục quyền vị cho nó...”.

Lý Anh tông đã trưởng thành, lúc này nhà vua đã ở vào tuổi hai mươi ba, hai mươi bốn. Vua gặng hỏi các quan tả hữu phúc tâm, tả hữu gián nghị đại phu, các quan chép sử từ thái sử đến sử biên niên, sử thực lục... họ nói cho nhà vua biết nhiều điều về cố thái úy Đỗ Anh Vũ và Lê Thái hậu.

Vua thờ dài ngao ngán hỏi:

- Vậy sao lúc trước các khanh không nói các việc ấy để ta trừ bỏ sớm?

- Tâu, lúc ấy bệ hạ còn nhỏ, mọi việc đều ở trong tay thái hậu nhiếp chính và thái úy Anh Vũ giữ quyền phụ chính. Lũ thần có nói, bệ hạ nói lại, thái hậu gạt đi là xong, còn lũ thần sẽ bị Anh Vũ lấy đầu.

- Bệ hạ chẳng thấy vụ năm Canh Ngọ (1150) do quan điện tiền đô chỉ huy sứ Vũ Cát Đái, phò mã lang Dương Tự Minh cùng một số thân vương nổi lên bắt Anh Vũ toan giết nó. Sau đình úy ty xử nó vào tội đồ, thái hậu liền tiếp mở hội ân xá, chỉ mấy tháng nó được tha, nó lật ngược vụ án khiến cả trăm người vừa bị giết vừa bị đầy đi miền ma thiêng nước độc.

Sau đó lại đến vụ giết Nguyễn Quốc đi sứ Tống về. Tâu bệ hạ, những cuộc tàn sát đẫm máu ấy khiến người ngay phải sợ kẻ gian, người chính sợ kẻ tà, người trung thực lép một bệ để kẻ nịnh thao túng việc triều chính.

Vua Anh tông mặt sầm tối lại vẻ buồn bã. Phải chăng nhà vua hối hận vì sự bông bột của mình hay nỗi tiếc Anh Vũ và thái hậu ra đi quá sớm.

Lát sau vua nặng nề cất tiếng:

- Thực ra hồi đó ta đã biết gì đâu. Thái hậu nhiếp chính bảo sao ta nghe vậy. Anh Vũ lại tí tê khéo nói, ta chưa đủ trí khôn để phân biệt phải quấy nên không biết nó ẩn chứa mưu ngầm trong mỗi lời nói. Các khanh nói lại các việc cũ khiến ta đau lòng. Tuy ta chỉ nghe lời mà

ra phán quyết, nhưng lỗi ấy lại thuộc về ta. Ngừng một lát, vua nhìn các cận thần rồi nói tiếp:

- Các việc đau lòng đã qua, bây giờ ta muốn chấn hưng đất nước, theo gương các tiên đế, các khanh hãy vì ta mà tiến cử sao cho được nhiều người tài đức.

Nghe vua nói, các quan tả hữu phúc tâm, tả hữu gián nghị đại phu biết nhà vua thực tâm cầu thị. Vả lại đảng nghịch không còn, kẻ bạo ngược và kẻ lạm dụng quyền hành là Đỗ Anh Vũ và Lê thái hậu đều đã yên phận dưới mồ, nên các quan cũng có lòng muốn giúp vua. Quan hữu phúc tâm nói:

- Bây giờ bệ hạ phải lược định xem nước ta cái gì còn tạm được, cái gì phải cấp kỳ bổ cứu để tìm người cho thích hợp.

Quan Tả gián nghị đại phu nói:

- Tâu, nếu so với các thời do đức Thái tông, Thánh tông, Nhân tông trị vì nước ta đã suy yếu nhiều lắm. Thần cứ nghĩ, nếu như bây giờ quân Tống lại ồ ạt kéo sang xâm lấn như hồi năm Đinh Ty (1077) thời chúng ta biết xoay xỏa sao đây.

- Thật vậy sao? - Vua hỏi.

Quan Tả phúc tâm đỡ lời:

- Tâu bệ hạ, sức quân của ta xuống lắm rồi. Chỉ một tên giặc cỏ Thân Lợi nổi lên từ vùng biên viễn hồi năm Kỷ Mùi (1139) đã làm cho quân triều đình lao đao. Chúng đánh bại mấy tướng của triều đình rồi định kéo

quân về chiếm kinh sư. Đỗ Anh Vũ phải đem hết quân tinh nhuệ ra dốc sức mới dẹp được nó. Từ ấy tới nay đã trên hai mươi năm, sức quân ta bây giờ chắc không bằng lúc đó.

Vua Anh tông thở dài:

- Chỉ vì ta thơ dại quá mà thái hậu lại buông tuồng quá khiến thế nước ngày một suy giảm. Các khanh thử điểm diện các quan trong triều xem ai có tài đức, ai có lòng trung có thể giúp trăm làm hưng thế nước.

Quan Hữu gián nghị đại phu nói:

- Tâu, cứ như sự thấy biết của thần, người mà bệ hạ cần lúc này chính là quan Thái phó Tô Hiến Thành. Cả triều đình không ai hơn ông ta, cả về tài năng, đức độ và nhân cách.

- Hồi trước cũng đã có người tiến cử Tô Hiến Thành với ta nhưng cả thái hậu và Anh Vũ đều gạt đi.

- Tâu bệ hạ tha tội, hồi đó các người tài nếu không bị hãm hại thì cũng bị đẩy đi trấn biên thùy.

- Vậy chớ Tô Hiến Thành là người như thế nào? -
Vua hỏi.

Quan Tả gián nghị đại phu đáp:

- Tâu bệ hạ, Tô Hiến Thành con nhà gia thế, học thức dồi dào, hiểu thông tam giáo, có cậu ruột là thiئن sư Trí Bảo người châu Ô Diên, quận Vĩnh Khang. Ông là người cương trực làm tướng cũng giỏi mà nắm quyền đại chính chắc không thua Lý Đạo Thành thời Thánh

tông, Nhân tông.

- Được! Người như thế được lắm, - vua nói: - Hiểu thông tam giáo, làm tướng cũng giỏi, trị nước cũng giỏi, lại là cháu của thiền sư Trí Bảo, chắc là người sùng Phật. Hay lắm. Vua không ngớt lời khen.

Quan Tả phúc tâm còn để thêm:

- Tâu bệ hạ, hồi dẹp Thân Lợi, Đỗ Anh Vũ chỉ xua cho nó chạy chứ có bắt nổi đâu. Chính Tô Hiến Thành hồi đó trấn ở Lạng Châu, cho quân phục các ngả thông sang đất Tống nên bắt được nó trên đường chạy trốn. Ông trao nó cho Đỗ Anh Vũ đem Thân Lợi về Thăng Long báo tiếp.

- Sao ta không biết việc này nhỉ? - Vua hỏi.

- Tâu, hồi ấy bệ hạ mới ba tuổi sao biết được. Bây giờ bệ hạ muốn biết phải đọc trong ký sự bản mật, tất cả đều được các quan chép sử ghi lại đầy đủ.

- Thì ra vậy. Ngày mai các khanh triệu Tô Hiến Thành vào cung Cảnh Linh gặp ta.

Quan tả phúc tâm nói:

- Tâu, bệ hạ là bậc quân trưởng, quyền nghiêng thiên hạ, bệ hạ sai bảo điều gì ai dám cưỡng. Nhưng sao bệ hạ không học người xưa đi cầu hiền. Chỉ cần một lần bệ hạ ghé vào phủ của Tô Hiến Thành thì suốt đời ông ta sẽ vì bệ hạ mà tận trung với nước.

- Được! Ta sẽ nghe các khanh. Nhưng phải báo trước, lỡ ta đến mà ông ta đi vắng thì sao.

- Tâu, không cần phải báo trước. Nếu Tô Hiến Thành đi vắng thì lần khác bệ hạ lại đến. Bệ hạ chẳng nghe Lưu Bị phải “tam cố thảo lư” mới cầu được Gia Cát Khổng Minh đó sao.

- Vậy thì ngày mai tự ta sẽ đến phủ Tô Hiến Thành. Các khanh có cùng đi với ta không?

- Tâu, được đi theo hầu bệ hạ là ơn phúc cho lũ thần. Nhưng cuộc gặp giữa bệ hạ với quan Thái phó mà có lũ thần sẽ trở nên nhạt tẻ.

- Vậy ta đi một mình cũng được.

Biết nhà vua tính không kiên định, các quan ngầm báo trước cho Tô Hiến Thành ngày mai ở nhà, nhưng vẫn giấu tin vua ngự giá.

Quá nhiên sớm hôm sau Lý Anh tông đi kiệu tới dinh phủ của Tô Hiến Thành.

Thấy nhà vua xuất hiện trước cổng phủ, Tô Hiến Thành hết sức lúng túng. Ông không kịp quay vào nhà vận lễ phục và đội mũ đại thần, trên người vẫn chỉ có bộ thường phục may bằng vải thanh cát của dân thường, đầu trần, chân đi guốc gộc tre.

Tô Hiến Thành chạy ra mở cổng vừa lúc vua xuống kiệu. Ông quỳ lạy:

- Xin bệ hạ tha tội, thần thật bất ngờ nên không kịp làm lễ cung nghinh.

- Miễn lễ! - Vua Anh tông vừa nói vừa kéo tay Tô Hiến Thành đứng dậy. Vừa đi vào nhà vua vừa nói: - Ta đến thăm khanh nhân thể có chút việc.

Thấy nhà vua đã lớn vồng lên, đã chững chạc lại có vẻ gần gũi thân mật, Tô Hiến Thành vừa mừng vừa xúc động. Ông nói:

- Để bệ hạ phải hạ cố, thần thật dắc tội.

Tô Hiến Thành loay hoay mãi mới thu xếp được một chỗ ngồi tạm vừa ý để hầu vua.

Vua Anh tông nhìn trước nhìn sau thấy đồ đạc trong nhà cái gì cũng cũ kỹ xấu xí, xem ra không có cái nào đáng giá. Nhà vua liền hỏi:

- Khanh tư biện sơ sài thế này sao? Ta không ngờ dinh quan thái phó lại đến nỗi này. Vậy chớ khanh sống ra sao?

Tô Hiến Thành cảm động trước những lời vua thăm hỏi. Ông thành thật đáp:

- Tâu bệ hạ, thần chỉ dùng trong số lương bổng bệ hạ ban cho, xét thấy cũng không cần gì hơn nữa. Vả lại, tâu bệ hạ “tri túc tri chí”.

- Ta sẽ tăng số lương bổng để khanh có thể dư dả chút ít mà mua sắm đồ dùng và còn có thứ mà để dành cho con cái.

- Thần đội ơn bệ hạ doái thương nhưng thần không thể nhận thêm số lương bổng hơn được.

- Sao vậy? - Vua hỏi.

- Tâu, nếu bệ hạ tăng lương bổng cho thần thì bệ hạ phải tăng hàng loạt cho các quan. Nước ta hiện còn nghèo, trăm thứ phải chi tiêu chưa có khả năng tăng

lượng bổng cho quan lại vào lúc này. Tâu bệ hạ, nếu có tăng thì nên tăng khẩu phần ăn cho lính. Dạ, quân ăn chưa đủ no là điều đáng lo lắm ạ.

- Vậy à? - sao ta không được biết.

- Tâu, có phải người ta thuận dâng lên bệ hạ những điều tốt đẹp, như được mùa, dân no đủ, lương nhiều, quân mạnh, có phải thế không ạ?

- Đúng thế. Ta chỉ được nghe các điều đúng như khanh nói. Nhà vua dẫn giọng. - Thôi được, khanh đã nói vậy để ta nói thẳng ý định của ta đến gặp khanh hôm nay. Phải nói là bữa nay ta đến cầu kiến khanh một việc.

Nghe vậy, Tô Hiến Thành hoảng sợ vội quỳ xuống vái nhà vua hai vái:

- Tâu bệ hạ, có điều gì xin bệ hạ cứ dụ bảo, thần xin phụng mệnh.

- Đến nay ta mới biết đất nước đang sa sút. Dù do ai gây ra, nhưng lỗi ấy thuộc về ta, bởi ta được trời trao cho ở ngôi báu. Nay ta muốn chấn hưng đất nước, cần phải có người giúp ta xoay trở để có thể chuyển từ yếu sang mạnh, từ nguy sang an. Ai cũng bảo ta, chỉ có khanh làm được việc đó. Vậy chớ khanh có chịu giúp ta chăng?

- Tâu, nếu bệ hạ đã sai bảo, dù có nhảy ào nước hoặc vào lửa, thần đâu dám từ nan.

- Bắt đầu từ việc gì đây? - Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, phải hoạch định được việc phục hưng đất nước trong một giới hạn nào đó, về một phương diện nào đó. Tức là phải tập trung vào một khâu yếu. Tựa như phải điểm nó vào cái huyết quan trọng nhất kích thích cho toàn bộ cơ thể phải hoạt động.

- Theo khanh, ở nước ta khâu nào là yếu nhất, việc gì cần phải làm trước nhất?

- Tâu bệ hạ nước ta có hai việc cần phải làm cùng một lúc đó là việc binh và việc lương. Thần xin nói rõ để bệ hạ biết, sức quân bây giờ yếu lắm. Trước hết là tinh thần binh lính sa sút, kỹ xảo chiến đấu thấp, khí giới vừa cũ nát vừa không theo kịp với các nước. Khẩu phần ăn của lính thấp quá, nếu bị ăn bớt chắc lính sẽ bị đói. Nhưng nạn ăn cắp, bớt xén khẩu phần của lính thì chẳng thể nào ngăn chặn được.

Việc thứ hai là việc lương. Ý thần muốn nói đến lương thực cho cả dân chúng lẫn quân lính. Mấy năm nay hạn hán rồi bão lụt xảy ra liên tiếp, mùa màng thất bát, bệnh dịch xuất hiện, người ốm, người chết hơi nhiều, thế mà triều đình không khoan giảm tô thuế. Sức dân kiệt lắm rồi. Nhiều người bị đói. Dân chúng căm ghét bọn quan lại tham nhũng đã làm cho họ thêm điêu đứng.

Tâu bệ hạ, thần dân của bệ hạ là những người làm ra tất cả của cải cho đất nước này, họ cũng là những người lính hầu hạ bệ hạ, chiến đấu chống ngoại xâm để giữ gìn non sông gấm vóc cho bệ hạ. Nhưng cũng chính

những người dân đó sẽ trở thành giặc cướp chống lại quan quân của triều đình, nếu một khi họ bị bóc lột tàn nhẫn, đói rét cơ cực khiến họ không chịu nổi.

- Khanh nói chí phải, đã làm người ai mà chịu nổi đói, rét. Trẫm vẫn tưởng dân chúng trong nước được quanh năm no đủ.

- Tâu, bệ hạ phái sát dân thì mới biết người dân cần gì.

- Hằng năm, ta vẫn đi xem gặt, xem cày ruộng, xem đánh cá. Đến đâu cũng thấy lúa tốt, ruộng đồng màu mỡ, nom gương mặt người dân đều béo tốt, phớn phơ.

- Tâu, bệ hạ đi như thế là đi vào các vùng trù phú do quan lại địa phương họ sắp đặt cốt làm đẹp mắt, đẹp lòng bệ hạ, khiến bệ hạ thấy dân mà vẫn không biết được lòng dân. Các bậc tiên đế đời Thái tổ, Thái tông cho các hoàng tử về sống trong dân, đi làm lụng cùng với dân để biết dân cần cái gì không cần cái gì mà điều hòa các chính lệnh cho hợp lòng dân.

- Vậy sao các khanh không tâu báo để ta biết sự thật?

- Thần không được gần bệ hạ sao dám tâu báo. Chỗ của thần thường là các vùng biên ải xa xôi. Và lại bệ hạ có lòng yêu dân chắc là sẽ tìm được cách gặt bỏ đám người xu nịnh lúc nào cũng muốn làm cho bệ hạ vui, nên họ bất chấp cả sự đói khổ của người dân mà che bịt đi tất cả. Nhân bệ hạ có lòng ái dân, thần xin

mạnh dạn nói một điều, mong bệ hạ tha tội.

- Điều gì vậy? - Khanh nói thử ta nghe.

- Tâu, mấy năm nay bệ hạ xây cất cung điện, đền đài, chùa tháp hơi nhiều. Tâu, việc xây cất gây tốn kém cho quốc khố không biết bao nhiêu mà kể.

- Ta nghĩ việc xây đền thờ thần Tản Viên Sơn, thờ Nhị nữ Trưng vương vào năm Ất Sửu (1145) là cần lắm chứ. Đến bây giờ mới xây, theo ta là quá muộn. Còn như dựng chùa Chân giáo năm Mậu Dần (1158) là để các quan trong triều ngày sóc, ngày vọng trước khi triều hội vào làm lễ Phật cho gần là ta nghĩ đến mọi người chứ có phải cho ta đâu. Lại như việc xây cất tới mười cung điện gần đây, là bởi các cung điện cũ xây từ đời Thái tổ, Thái tông tới nay nhiều cung đã đổ nát không còn có chỗ ở nữa. Như thế là ta đã phải tiết chế nhiều lắm theo tinh thần kiệm ước của tổ tiên di ngôn lại. Khanh nói là đúng, nhưng việc này ta đâu có lỗi.

Tô Hiến Thành biết nhà vua chỉ nghe được các điều xa chứ không nghe được các việc gần, và chưa biết tự sửa mình nên không muốn nói nữa. Và để giữ được đạo thần tử, ông liền tâu:

- Xin bệ hạ tha tội, thần hồ đồ quá.

Vua vội xua tay:

- Không sao, không sao. Hai điều Khanh nói về việc binh, việc lương ấy cuối cùng đều quy về việc dân cả phải không.

- Tàu bệ hạ đúng như vậy. Bệ hạ thật là sáng suốt.

- Mía mai thay, nếu ta sáng suốt đã chẳng để sức quân suy yếu, lòng dân chán nản như thế này. Ta nghe khanh sẽ kịp thời tu chính ngay các việc đó. Khanh vốn giữ chức thái phó nhưng nhiều năm Đổ Anh Vũ tâu xin cho khanh đi trấn ngoài biên. Nay vẫn cho giữ chức đó để điều hành việc hình chính trong nước nhưng khanh phải kiêm thêm chức thái úy đặc trách việc quân. Khanh có toàn quyền trong việc vực thế quân lên. Còn việc dân chính khanh tham bác sáu bộ, sáu khoa cùng các đài, đô, sảnh, viện để biết rõ dân tình, điều gì có thể tha giảm phải tha giảm ngay, việc chi tiêu cái gì cần gạt bỏ phải gạt bỏ ngay. Đối với riêng ta, việc gì cần phải làm khanh chớ ngại tâu báo. Việc lấy người phụ giúp, khanh được tùy ý chọn lựa.

Vừa nói xong, vua liền đứng dậy. Và như sự nhớ, vua nói tiếp:

- Các việc ta vừa nói với khanh, ngày mai ta sẽ ban chiếu để các quan trong ngoài đều biết.

Tô Hiến Thành chấp tay vái:

- Đa tạ hoàng thượng ban trọng ân.

Ra tới cổng nhà vua còn nắm tay Tô Hiến Thành nói:

- Để khanh sống đạm bạc quá, ta thật có lỗi.

Tô Hiến Thành hết sức xúc động, kiệu đi khuất rồi mà ông vẫn cứ đứng nhìn theo hút bóng nhà vua.

Công việc được bắt tay ngay lập tức. Thái úy Tô

Hiến Thành và thái bảo Phí Công Tín đi khắp nước tuyển lựa dân đinh khỏe mạnh trong độ tuổi trẻ trung lựa tầm hoàng nam và đại hoàng nam cho sung quân ngũ. Chọn các tướng hiệu, người nào thông hiểu binh pháp, thạo võ nghệ cho về cai quản các quân. Loại các quân già yếu, các đô tướng lười nhác chỉ quen rượu chè, cờ bạc cho về quê quán. Kiểm tra chặt chẽ các khẩu phần ăn của lính, kẻ nào bớt xén phạt đủ tám mươi trượng, bắt bồi hoàn từ khi chúng nhậm chức hỏa đầu rồi đẩy đi làm binh khao giáp. Cấm ngặt các đô tướng, tướng quân kể cả đô thượng tướng quân không được bắt lính làm việc riêng cho nhà mình, ai phạm sẽ bị tội đánh trượng cách quan chức, đẩy làm binh khao giáp.

Nhờ sự chấn chỉnh nghiêm túc, số quân tuy giảm nhưng sức quân tăng lên rõ rệt, binh uy nhờ thế mà tăng. Để thị uy, cuối năm vua sai Tô Hiến Thành làm đô tướng, Đỗ An Di làm phó đô tướng đem hai vạn quân tuần thú các nơi miền ven biển phía tây nam để trấn an bờ cõi. Vua thân tiễn đại quân đến cửa biển Thần Đầu huyện Đại An¹ mới trở về. Trên đường về vua sức nhớ Tô Hiến Thành cho biết, hiện nay trong dân nhiều người muốn tiến thân bằng con đường tự hoạn để được vào hầu hạ chốn cung cấm, mưu cầu tài lộc. Hiến Thành còn nói: “Hoạn quan xưa nay đều là đầu mối của sự lộn xộn chốn hậu cung, mong triều đình tiết giảm việc dùng và

¹ Địa điểm này nay thuộc huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

tin cần đảm người thiếu năng nhân cách này”.

Vì vậy vua hạ chiếu: “Trong dân gian kẻ nào vì mưu cầu danh lợi mà tự hoạn thì xử phạt tám mươi trượng, thích vào cánh tay trái hai mươi ba chữ, bắt phải trở về thứ hạng cũ”.

Kể từ đó vua chăm chỉ việc triều chính, xét đoán các việc đâu ra đấy. Ngoài ra vua còn ham luyện tập cưỡi ngựa bắn cung, hàng ngày cùng các tướng luyện tập phép đánh giặc, bày trận, phá trận. Đôi khi vua còn bắt hoàng tử Long Xưởng phải ra học cùng các tướng.

Long Xưởng có tướng mạo khôi ngô, thân hình đầy đà, lập phi từ tuổi mười bốn. Hoàng tử là người ham chơi, háo sắc. Năm nay đã vào tuổi mười chín. Long Xưởng thường trốn các thầy sư phó dạy văn dạy võ ra ngoài thành chơi với bọn du dương, hay ra vào các ca lâu tửu quán. Có khi ngủ lại mấy đêm liền với các ả đào tại ca lâu ngoài phố nhưng vẫn được mẹ bao che. Năm nay Long Xưởng đã vào tuổi mười chín, sự chơi bời càng phóng túng hơn, và cũng có phần dâm dăng hơn.

Bữa nọ vua triệu Tô Hiến Thành vào cung, thiết yến riêng Thái úy. Vua bày tỏ sự hài lòng vì người vừa đi úy lạo một vài chủng quân như tượng binh, thủy binh. Xem ra việc quân kỷ đã được giữ nghiêm, sự nuôi võ quân lính đã chu đáo hơn, tướng sĩ một lòng chăm lo tập luyện.

Vua hỏi:

- Vậy chớ bằng cách nào mà Thái úy vực sức quân lên nhanh thế?

Tô Hiến Thành vui vẻ đáp:

- Tâu bệ hạ thần không có phép lạ nào hết, chỉ dùng lại cách mà người xưa đã làm. Tức là trong quân, người tướng phải gương mẫu như cha mẹ trong nhà đối với con cái. Với mọi người phải công bằng không được vị tình riêng, dù trong quân có người là con của các bậc quyền cao chức trọng cũng không được phép ưu biệt. Quân kỷ phải nghiêm minh, không bỏ qua một lỗi dù nhỏ, nhưng khi xử nên khoan nới chứ không nên hà khắc quá.

Tuy nhiên việc nuôi quân phải chu đáo từ cái ăn cái mặc; người lính đã xa nhà phải chịu biết bao thiệt thòi mà còn phải chịu đói, chịu rét nữa sẽ khiến họ bất bình và luôn tìm cách trốn khỏi chốn quân ngũ. Vì vậy, các chế độ chu cấp cho họ phải công khai minh bạch, phải nghiêm trị những kẻ dám ăn chặn khẩu phần của họ.

Tâu bệ hạ đó là việc nuôi quân, còn việc dạy quân cũng phải theo phép thân giáo. Tức là chớ có đứng đó mà chỉ tay bắt họ phải vượt sông giữa trời lạnh giá, hoặc băng rừng vượt núi khi trời nắng nóng. Gặp lúc gian khó hoặc hiểm nguy, người làm tướng bao giờ cũng phải tiến lên hàng đầu. Nếu nuôi quân và dạy quân được như vậy thì sức quân sẽ mạnh khôn lường.

- Ta rất hài lòng từ khi giao trọn việc quân vào tay

ông. Nay ta muốn cùng ông tuần du vùng biển và hải đảo để xem hình thế núi sông, sau đó lại đi trên bộ để thấy tận mắt núi sông ta, và thấy được cả sự khổ đau của người dân trên khắp mọi miền đất nước, rồi từ đó sẽ lập ra kế sách để nâng đỡ họ.

- Ta nhớ năm Kỷ Ty (1149) từ Hải Đông tâu về, thuyền buôn các nước Trao Oa, La Hộc, Xiêm¹, Tống² vào Vân Đồn xin để người ở lại cư trú, buôn bán với các nước, triều đình đã y cho, không biết bây giờ ở ngoài đó họ làm ăn thế nào, người mình làm ăn thế nào.

- Tàu kỳ này ra ngoài đó, bệ hạ sẽ thấy tất cả. Bệ hạ cho biết bao giờ cuộc tuần du sẽ bắt đầu để thần còn lo soạn sửa.

- Ta muốn đi sớm. Mà đi tới đâu phải ghi chép được phong cảnh, núi sông, sản vật rồi vẽ bản đồ³ địa giới của nước ta với các phiên bang, lân quốc nam bắc để lưu lại cho con cháu biết được hình hài đất nước.

- Tàu bệ hạ, quả thật đó là việc cần thế mà từ xưa chưa có ai nghĩ ra. Để thực hiện được mong muốn của bệ hạ chắc phải lấy thêm người của trung thư sảnh, người của tư thiên giám, người của hàn lâm viện và cả

1 Xiêm là nước thuộc miền nam Thái Lan ngày nay. Sau La Hộc mạnh thôn tính Xiêm lập thành quốc gia Xiêm La tức Thái Lan ngày nay.

2 Tống tức Trung Hoa.

3 Có thể nói đây là tấm bản đồ đầu tiên về địa lý nước ta. Đáng tiếc không còn thấy lưu hành vào các thế kỷ sau.

một vài sử quan bên sử quán nữa.

- Được, được! Khanh cứ thảo dụ rồi ta ký. Ta muốn chuyến đi này sẽ gây dấu ấn khó quên cho tất cả mọi người, và hậu thế sẽ biết triều đại của ta đã để lại cái gì đó cho con cháu. Sự nhớ ra một điều, vua hỏi ngay: - Năm trước khanh có xin lại đặt ngoại gián bên Tống, bên Chiêm, chẳng hay việc đó đã làm chưa?

- Tâu bệ hạ, các việc đã xong cả. Nhưng các ngoại gián của ta còn đang trong thời kỳ gây dựng chưa có các tin tức sâu kín của các nước đó.

- Vậy tin tức thông thường có gì mới không?

- Tâu bệ hạ cách đây vài năm tức năm Nhâm Ngọ (1163) Tống Cao tông nhường ngôi cho Triệu Vĩ.

Cao tông không có con, nuôi Triệu Vĩ là con của người tông thất làm con thừa tự rồi cho ngôi nước. Triệu Vĩ tức Tống Hiếu tông.

Tâu bệ hạ, có điều nước ta nên biết, Hiếu tông cũng chẳng hơn gì Cao tông.

Hiện nay vua chúa và các vương tôn quý tộc kéo nhau về Lâm An đua nhau hưởng lạc, họ sống đến cùng xa cực xỉ bỏ mặc dân chúng đói khổ. Dân chúng liền năm mất mùa, người chết đói đầy đường mà triều đình không ngừng tăng tô thuế. Trước đây tưởng chỉ có một Tống Huy tông ham mê chơi tranh và vẽ tranh, nhưng sau có tên Thái Kinh kiếm được những hoạ phẩm độc đáo đem dâng, Tống Huy tông thích lắm bèn phong cho

Thái Kinh làm tể tướng. Từ khi Thái Kinh được làm tể tướng y loại tất cả những người có học thức, có tài kinh bang tế thế ra khỏi triều đình và ghép họ vào đảng gian gồm một trăm hai mươi người, làm bia đá, tạc tên họ vào đó. Trong số ấy có các bậc từng nổi tiếng như Tư Mã Quang, Văn Ngạn Bắc, Tố Thức, Tô Triệt...

Nghe đến chuyện được vài bức tranh mà cất nhắc lên Tể tướng, Lý Anh tông hơi chột dạ, nhà vua nhớ lại năm Nhâm Tuất (1142) Đỗ Anh Vũ dâng ta con rùa trắng được ta tin dùng, Mâu Đô Du dâng ta con chim sẻ trắng ta cho làm thái sư. Vua tự ngượng, mặt đỏ lựng. Ngài lại nghĩ: Hồi đó ta còn là một đứa trẻ đã biết gì đâu. Mà lạ, tại sao các triều quan không ai can ta được một lời kể cả các gián nghị đại phu. Thế mới biết dám xu nịnh luôn sẵn đón ý vua để được cất nhắc mà hưởng lộc, đám này luôn vị kỷ chứ không vị nhân. Quả là Tô Hiến Thành đã làm ta tỉnh ngộ.

- Rồi sao nữa?, cái ông Tống Huy tông ấy, vua hỏi.

Tô Hiến Thành nói tiếp:

- Tàu bệ hạ, thần chỉ muốn nói các vua nhà Tống kể từ Bắc Tống tới Nam Tống cứ triều đại sau lại dở hơn triều đại trước. Nhưng chưa triều đại nào nhu nhược, hèn yếu như thời Tống Huy tông và sau đó là Tống Cao tông và Tống Hiếu tông bây giờ. Nhà vua làm tất cả mọi điều chỉ để làm vừa lòng quân giặc, dù có phải chịu nhục nhã như xưng thần rồi phái gọi vua Kim là bá phụ

và triều cống người Kim. Nay thì Hiếu tông, không chỉ nhận các điều kiện nhục nhã do người Kim đã áp đặt từ đời Tống Cao tông mà còn sẵn sàng ngăn các đại thần, đàn áp các nhóm dân khởi nghĩa đánh lại giặc Kim và còn giết cả tướng tài vào bậc nhất của mình như Nhạc Phi chỉ cốt để cho Lâm An (Hàng Châu) được yên ổn.

Tô Hiến Thành như cố ý nhấn giọng: – Tâu bệ hạ, con đường diệt vong của nhà Tống là không thể tránh khỏi. Cái họa ấy là tự các vua nhà Tống gây ra chớ đâu phải do quân giặc đưa đến.

Vì vậy không những họ để di họa cho đất nước Trung Hoa mà còn để di hận cho những nhà ái quốc. Ví như thi hào Lục Du trước khi chết còn gọi con cháu đọc lời “Thị nhị” (Dặn con):

*Tử khứ nguyên tri vạn sự không,
Đãn bi bất kiến Cửu châu đồng.
Vương sư bắc định Trung Nguyên nhật,*

Gia tể vô vọng cáo nãi ông.

(Chết đi là hết còn đâu,

Đau lòng chẳng thấy Chín châu một nhà.

Khi nào khôi phục sơn hà,

Các con nhớ khẩn cho ta biết cùng).

Nghe xong Lý Anh tông ngâm ngùi nói:

- Quả là nỗi hận nghìn thu của một người ái quốc. Nhưng ta tin nước Trung Hoa vĩ đại không dễ gì chịu

cúi đầu trước ngoại bang.

- Thần cũng tin như vậy, nhưng cái ngày ấy của người Trung Hoa vẫn còn đang mờ mịt lắm. Thế mới biết công tu tạo thì lâu chứ phá tán thì chẳng mấy chốc.

Cuộc tuần du biển, đảo, núi, sông của Lý Anh tông đã để lại trong lòng nhà vua tình yêu thương máu thịt với giang sơn đất nước. Đến bây giờ nhà vua mới thấm thía di ngôn của các tiên đế rằng: “Một tấc núi, một thước sông của tổ tiên để lại cũng không được để lọt vào tay quân thù...”.

Trong khi nhà vua còn chưa kịp chia sẻ niềm vui với bá quan thì nguyên phi Từ thị tới cung vua vật mình khóc lóc xin chết.

Vua Anh tông không còn hiểu đầu đuôi sự việc ra sao nữa, bởi Từ thị là người đang được vua sủng ái. Vua đổ dành mãi nàng mới chịu thổ lộ:

- Thiếp trước sau vẫn một lòng thờ bệ hạ, ấy thế mà... Nói tới đây Từ thị lại òa khóc.

Vua đổ mãi nàng mới chịu nín. Sau đó vua nhẹ hỏi:

- Vậy chớ có điều gì mà nàng không nói được với ta?

- Tâu bệ hạ việc xấu xa lắm bệ hạ chẳng nên nghe làm gì, cứ để thiếp chết đi cho rảnh.

- Giời ơi, nàng có tội gì mà cứ đòi chết. Cứ nói tất cả những điều nàng đang mắc mớ ta nghe.

- Bệ hạ có tha tội thân mới dám nói.

- Dù nàng có phạm bất cứ điều gì ta cũng tha.

- Tâu, thần thiếp được bệ hạ đoái thương nên hết lòng kính cẩn, thế mà trong khi bệ hạ đi tuần du, ở nhà thái tử Long Xưởng dám trơ trên vào gạ gẫm thần thiếp về chuyện đòi bại. Thiếp đã khuyên can thái tử không được vô lễ...

Vừa nói tới đây Từ thị ngừng nhìn thấy gương mặt hồng khí uất bốc lên bừng bừng, nàng sợ quá lịm ngắt đi. Trong lúc tâm thần bất định lại hiện ra hình ảnh thái tử Long Xưởng lững lững bước vào cung vừa lúc lên đèn. Ta liền chào và hỏi:

- Dám thưa thái tử có biết đây là cung của thần thiếp?

- Sao ta không biết. Ta đến đây là vì nàng đó.

Trong lòng ta run sợ, không biết có chuyện gì sắp xảy ra, mà sao hoàng tử lại xưng hô với ta như thế. Ta liền sụp xuống vái thái tử và nói:

- Nếu có chuyện gì không may đến với thiếp, xin thái tử chờ vài bữa nữa hoàng thượng về sẽ tâu báo. Đêm xuống rồi, xin thái tử ra khỏi cung kéo thiên hạ biết, thiếp sẽ mang trọng tội.

- Ta đã bảo vì nàng mà ta đến. Chẳng lẽ nàng lại không thích ta sao?

Hoảng sợ quá, ta thưa với thái tử:

- Thái tử quên thiếp là phi của hoàng thượng, phụ vương của thái tử sao?

- Sao ta chẳng biết nàng là ái phi của cha ta. Nhưng phụ vương ta có cả trăm ái phi như nàng. Nàng nên nhớ,

cha ta già rồi, sao còn đủ sức cho các nàng. Vì thương nàng cô đơn, đêm nay ta đến và sẽ ở lại đây cùng nàng chăn gối. Nói xong Long Xưởng ào tới ôm chặt lấy ta. Vì Long Xưởng đã ấp ủ sẵn lòng tà, nên chàng chỉ mặc độc một chiếc áo dài trùm kín toàn thân chứ không mặc quần. Chàng đè ta xuống. May thay ta túm được và bóp thật chặt. Chàng đau quá van lạy. Ta vội buông rồi bỏ chạy ra ngoài, trốn biệt vào góc xó chuồng tiêu.

Từ thị vừa tỉnh lại thấy mình đang nằm trong long sàng, nhà vua âu yếm vuốt ve:

- Nàng yên tâm. Ta sẽ trị tội thằng khốn đó.

Vua sai tra xét mới biết Long Xưởng không chỉ có lòng tà dục với Từ thị đã bị nàng cưỡng chống lại mà Xưởng đã từng thông dâm với nhiều cung nữ khác được vua yêu. Lũ thái giám đã khai ra và dám cung nữ đều nói bị thái tử ép. Nhà vua dùng dùng nỗi giận đã toan ghép Long Xưởng vào tội khi quân và buộc phải nhận án tam ban¹. Nhưng hoàng hậu khóc lóc van lạy:

- Con dại cái mang, xin bệ hạ trị tội thần thiếp mà tha cho Long Xưởng. Nhờ hồng phúc của bệ hạ thiếp chỉ sinh được một mụn con. Bệ hạ có nhiều con, còn thiếp chỉ có một, thiếp xin bệ hạ hãy giết thiếp để cho Long Xưởng được sống.

1 Ba cách chết được chọn một: giày thừng (treo cổ), thanh gươm (chém cổ), chén thuốc độc (tự tử).

Vua giận dữ quát:

- Đúng là con hư tại mẹ. Nàng nuông chiều nó thái quá để nó dám làm việc đốn mạt. Nó là đồ cầu tử không đáng được sống.

Các quan xúm lại can. Khi đã nguôi giận, vua giáng thái tử Long Xưởng xuống làm dân thường.

Long Xưởng thoát chết nhưng mất quyền được nối ngôi vua; không còn một thứ quyền lợi gì nữa, buộc phải sống như dân thường. Các quan xin mãi vua mới cho hàm Bảo Quốc vương. Long Xưởng oán trách mẹ:

- Chỉ tại mẫu hậu nổi lòng ghen với Từ thị vì nàng được vua cha sủng ái, nên xui con làm việc càn bậy với nàng. Việc xảy đến thế này là hết đường rồi, con bắt đền mẫu hậu đấy.

Hoàng hậu nghiêm mặt nạt lại:

- Đường đường là một đấng nam nhi, đẹp mã như công như phượng mà không làm siêu đố được một đứa con gái còn không biết ngược. Nếu nói tại ta xui, vậy cả chục đứa cung nữ của phụ hoàng bị con cưỡng bức thì ai xui.

Long Xưởng cúi mặt xuống không dám cãi nữa.

Lát sau hoàng hậu nói nhỏ nhẹ như là một sự răn dạy:

- Ta mới chỉ xin được phụ hoàng con tha mạng sống. Các quan xin cho được hàm Bảo Quốc vương. Thế là may lắm rồi. Từ nay phải tu chí, nếu con thật tâm hối

cải, phải rèn đức, làm được nhiều việc tốt, tiếng lành ắt sẽ đồn đến tai hoàng thượng, may ra ta mới xin được phụ hoàng con cho nối lại ngôi Đông cung.

- Được rồi, từ nay con chẳng thềm đụng đến mấy cái đồ thừa của phụ hoàng nữa. Con cứ ra ca lâu chỉ một cái vẫy tay cho mục chủ viện thì một lúc có cả chục đứa gái tơ, trẻ đẹp gấp mấy lần đám cung nữ xấu xí lúc nào mặt cũng ủ buồn như sắp lên máy chém.

- Giời ạ, con định tu chí như thế sao Long Xưởng? Hoàng hậu hỏi con với một niềm thất vọng tràn trề.

Mấy hôm sau Lý Anh tông cho triệu các đại thần thân tín tới cung, tuyên sách lập Lý Long Trát mới một tuổi làm Đông cung thái tử. Vua phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu thái phó, bình chương quân quốc trọng sự, tước vương đặc trách việc coi sóc giúp đỡ Đông cung.

Năm sau (Ất Mùi 1175) đoàn sứ thần của ta đi cống nhà Tống về do viên ngoại lang Đoàn Tử Tư làm đại sứ, thừa nghị lang Lý Bang Chính làm Chánh sứ, trung dực lang Nguyễn Văn Hiếu làm phó sứ nói Tống Hiếu tông rất ưu đãi đoàn sứ nước ta. Chưa bao giờ nhà Tống chấp nhận cống sứ của ta với cả ba chức danh như vậy. Thường chỉ có Chánh phó sứ đoàn chứ không cho chức đại sứ vào nước Tống. Vua Tống thân mở tiệc yến đãi sứ. Ban những lời thăm hỏi ân cần. Lại sai hữu ty bàn bạc việc đặt tên nước cho ta.

Hữu ty đặt tên cho nước ta là An Nam quốc. Vua Tống bằng lòng, liền phong cho vua ta là An Nam quốc vương. Việc tâu lên cả triều đình đều lấy làm hãnh diện. Lý Anh tông không khỏi tự hào vì ngài là vị vua nước Nam đầu tiên được nhà Tống thừa nhận vị thế là quốc vương. “An Nam quốc vương”, thay vì các triều trước họ chỉ phong vua ta là “Giao Chỉ quận vương”.

Hôm sau vua triệu Tô Hiến Thành vào nội điện dụ bảo:

- Khanh có thấy địa vị của nước ta đã nổi thế nào không. Mấy ngàn năm lập quốc chưa bao giờ người Tàu chịu thừa nhận ta là một quốc gia và vai trò người đứng đầu là một quốc vương. Tống Hiếu tông là một hoàng đế Trung Hoa đầu tiên phải thừa nhận danh vị của nước ta như một nước ngang hàng. Khanh thử nghĩ, ta nên đáp lễ nhà Tống thế nào cho phải đạo đây.

- Tâu bệ hạ, năm Bính Tý (1156) bệ hạ đã có lễ cống đưa sang Lâm An (Hàng Châu) lớn chưa từng thấy. Tới nay nhà Tống mới đáp lễ coi như hoà, không cần phải lễ lạt gì nữa.

- Sao khanh lại nghĩ thế, đây là một biệt lệ nhà Tống dành cho nước ta. Vả lại cái lễ hậu năm đó đã cách nay hai mươi năm rồi, nó thuộc về triều trước.

- Tâu bệ hạ, Tống Cao tông nhận lễ, Tống Hiếu tông là con cháu thì phải đáp lễ có sao đâu.

- Khanh thật là quá đáng, nếu không tạ, họ lại bảo

ta không biết giữ lễ.

- Tâu bệ hạ, ta giữ lễ với họ cả ngàn năm rồi, đây mới là lần đầu tiên họ đáp lễ, bệ hạ không cần phải áy náy.

- Nhưng ta thấy nó thế nào ấy.

- Bệ hạ khởi phải bản khoãn, từ lâu rồi ngoài nước ta, không còn một nước nào giữ lễ phiên thần với nước Tống. Bệ hạ cảm kích vì họ cho ta cái tên nước, thì đây cũng là một sự trịch thượng. Họ đặt chữ An lên trước chữ Nam cũng có ý răn đe ta nên yên phận. Nếu đã gọi là thừa nhận nhau ở vị thế ngang hàng, tại sao họ không công nhận ta là nước Đại Việt mà vua ta đã đặt từ năm Giáp Ngọ (1054). Còn như họ gọi bệ hạ là An Nam quốc vương. Dương nhiên, nếu họ không tôn vinh thì bệ hạ vẫn là quốc vương của Đại Việt. Suy cho cùng họ chỉ cho ta cái mà họ không mất, và cái đó vốn đã là của ta. Vả lại tình thế và cá vị thế của họ không còn gì nữa để vênh vang cao giá. Bây giờ họ bầu vùi vào ta tựa như kẻ sắp chết đuối vớ được chiếc cọc. Bệ hạ thử xem, nhỏ như nước Chiêm Thành, yếu như nước Lão Qua hoặc các nước Trảo Oa, La Hộc, Chân Lạp... có còn nước nào giữ lễ phiên thần hoặc bang giao với họ nữa đâu.

- Vậy nước Tống thảm bại và suy sụp đến thế rồi sao? - Vua hỏi.

Tô Hiến Thành vội đáp:

- Tâu bệ hạ, còn hơn cả sự suy sụp mà phải nói nó sắp sập đổ, nó sắp bị diệt vong đến nơi rồi. Thần xin bệ

hạ tha tội khi nói ra điều này. - Tức là nếu như bây giờ bệ hạ có ý chinh phục nhà Nam Tống, thần chỉ xin đem năm vạn quân đi một mạch đến thẳng Lâm An bắt Tống Hiếu tông và cả triều đình nhà Tống về cho bệ hạ hỏi tội. Và nếu như bệ hạ đòi phải xưng thần, phải tôn bệ hạ làm bá phụ, chắc chắn Tống Hiếu tông sẽ nhận hết để được tha mạng sống. Đây chỉ là điều thần giả định thôi. Vả lại, tâu bệ hạ, thôn tính một nước sắp bị diệt vong thì có vinh quang gì cho kẻ đi chinh phục. Nhưng thần cam đoan với bệ hạ, nếu chẳng may nước ta rơi vào cảnh ngộ như nhà Tống hiện nay, chắc chắn người Trung Hoa sẽ không bao giờ bỏ qua mà không đánh lấy nước ta.

Việc lập đoàn cống sứ Tô Hiến Thành không nghe, vua cũng thôi không bàn đến nữa.

Ít lâu sau vua thấy trong người không được khỏe nhưng vẫn cố gượng sai bệ thái tử Long Trát vào châu, lại sai triệu Tô Hiến Thành tới.

Khi Tô Hiến Thành vào nội điện, vua tự tay ẵm thái tử rồi nói nhỏ vào tai đứa bé: *"Nước ta non sông gấm vóc, nhân tài tuấn kiệt, đất thiêng, châu ngọc bảo bối không cái gì không có, nước khác không thể ví được. Con hãy nên giữ nước cẩn thận"*. Đoạn trao con cho Tô Hiến Thành. Vua nói:

- Nếu chẳng may ta về châu tiên đế, khanh là người nắm quyền nhiếp chính, giúp thái tử cho đến lúc trưởng thành có thể tự điều hành được đất nước. Nếu

khánh nhận lời thì ta chết cũng yên tâm, bằng không dù ta có chết cũng không nhắm được mắt.

Tô Hiến Thành nhỏ nước mắt thề rằng:

- Bệ hạ đã tin thần mà úy thác con côi. Thần dù gan nát óc lầy quyết thực hiện bằng được điều bệ hạ trông cậy, nếu không chẳng còn mặt mũi nào mà nom thấy bệ hạ ở dưới suối vàng. Và ông tự nhủ: “Những lời nhà vua giáo huấn hoàng thái tử cũng chính là nhà vua nói với ta, nhà vua trao trọng trách cho ta phải bảo vệ giang san đất nước chứ một đứa bé mới hai tuổi đã biết gì”.

Chứng thấy nhà vua đã mệt nặng, thái hậu đến bên giường năn nỉ xin cho lập lại Long Xưởng.

Vua đã mệt lắm nhưng vẫn còn đủ minh mẫn đáp lời hậu: “Làm con mà không kính trọng cha mẹ thì làm vua yêu dân sao được. Việc trong một nhà còn không biết cư xử, việc nước ắt sẽ hỏng. Nhân cách của nó (ý nói Long Xưởng) sao có thể ngồi trên thiên hạ mà sai khiến được”. Hôm sau vua băng ở điện Thụy Quang, thọ bốn mươi một tuổi, ở ngôi ba mươi chín năm.

XXVI

Anh tông vừa băng, Thái úy bình chương quân quốc trọng sự được vua ủy quyền nhiếp chính bèn triệu các quan đến trước linh cữu nhà vua, tay ẩm thái tử, miệng tuyên đọc di chiếu tôn thái tử Lý Long Trát lên ngôi hoàng đế. Đó là năm Thiên Cảm chí bảo (1176). Cao tông mới hai tuổi là con thứ sáu của Lý Anh tông. Mẹ đích là hoàng hậu Thụy Châu họ Đỗ, nay tôn làm Chiêu Thiên chí lý hoàng thái hậu. Vua còn nhỏ, chính sự trong nước đều một tay Tô Hiến Thành lấy mệnh vua mà cai quản.

Đỗ Thái hậu vẫn có ý lập Long Xưởng. Vì Long Xưởng năm nay đã hai mươi sáu tuổi, nếu được lập quyền bính sẽ thuộc về tay mẹ con bà. Nhưng Tô Hiến Thành là một người khó lay chuyển, thái hậu bèn tức tốc đến gặp phu nhân Tô Hiến Thành là Lữ thị, hậu nói:

- Ta đến thăm phu nhân muốn nhờ phu nhân giúp cho một việc, nhưng cũng là đến giúp phu nhân đây.

Thái hậu đảo mắt khắp nhà thấy đồ đạc mọi thứ đều cũ nát và thuộc hàng chỉ thứ dân mới dùng. Thái hậu thở dài nói:

- Ai lại để một vị phu nhân quan đầu triều phải sống đạm bạc thế này, ta thật xấu hổ. Hiến Thành đức thì liêm chính mà công lao trùm thiên hạ, ta không muốn để thiên hạ nhìn vào gia cảnh quan thái úy mà chê trách triều đình bạc đãi ông. Phu nhân hãy vì ta cho gia nhân đi mua sắm đồ đạc, tu sửa dinh phủ cho khang trang. Nói đoạn thái hậu sai bê vào một chiếc hộp sơn, chiều rộng chừng một gang rưỡi tay, chiều sâu đáy hộp hơn một ngón tay, trong chứa đầy vàng thỏi. Đẩy chiếc hộp nặng về phía phu nhân Lữ thị, thái hậu ân cần nói:

- Gọi là một chút quà của triều đình đền đáp công lao của thái úy, phu nhân cất đi làm của chi dùng. Nói xong thái hậu liền mở nắp hộp, một màu vàng chói làm lóa cả mắt phu nhân.

Không thể nói là Lữ thị không muốn có số vàng kia. Bà ao ước nữa là khác. Vì trong đời bà chưa từng được ngó chữ dùng nói sở hữu cả một đồng vàng như thế. Bà cũng thương thái úy tận tình với công việc, hàng ngày vẫn thức khuya dậy sớm mà tư biện quá sơ sài. Cả đời ông chỉ uống rượu trắng, bà mơ ước có tiền sẽ ngâm cho ông một vò rượu thuốc mà vẫn chưa thực hiện được.

Tuy vậy Lữ thị rất biết tính chồng, bà liền thưa lại:

- Tâu, thái hậu thương quan phụ chính mà ban lộc, xin thái hậu ban thẳng cho ông ấy, tiện thiếp không có tư cách gì mà dám thay thái úy để nhận ân trạch của bề trên.

Thái hậu cố nài, Lữ thị cố từ. Dùng dằng mãi phu nhân đành phải thưa:

- Tâu thái hậu, phu quân của tiện thiếp tính tình bộc trực lắm, nếu tiện thiếp nhận của thái hậu số vàng này chắc phu quân sẽ từ thiếp. Xin thái hậu mở lượng mà tha cho.

Nài ép mãi không được, thái hậu buộc phải thu lại số vàng đó, bà bực tức nói:

- Đúng là chồng nào vợ ấy.

Khi Tô Hiến Thành từ triều đình về nhà, phu nhân nói lại các việc vừa xảy ra.

Hiến Thành khen:

- Phu nhân xử như thế là phải lắm. Ta biết ơn nàng đã vì ta mà phải chịu đựng thiếu thốn, lại cũng vì ta mà khước từ sự giàu sang bất chính. Ta là đại thần nhận mệnh của tiên đế để lại, giúp đỡ vua nhỏ tuổi, nay vì tham của đút mà bỏ vua nọ lập vua kia thì còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới suối vàng.

Thái hậu biết việc lung lạc Tô Hiến Thành thật không dễ, nhưng bà vẫn cố đeo đuổi. Bữa nọ bà cho triệu Tô Hiến Thành vào cung để bàn việc quốc sự.

Hiến Thành vào, bà hỏi han qua loa công việc rồi

lại trở về chuyện phế, lập. Bà nói:

- Ông đối xử với nước đúng là bậc trung thân. Song tuổi ông cũng đã xế chiều mà lại thờ vua còn thơ dại, các việc ông làm lũi làm cho nước ai biết cho. Và đến bao giờ vua mới tự cầm quyền binh được. Chi bằng lập trưởng quân (Long Xưởng), thì người đó sẽ mang ơn ông, mà cho ông được giàu sang phú quý há có phải hay không?

Tô Hiến Thành bèn ung dung tâu lại:

- Hoàng thái hậu thương thân mà răn bảo, nhưng thân trộm nghĩ, bất nghĩa mà được giàu sang đó không phải là điều người trung thân nghĩa sĩ vui làm. Hướng hồ di chiếu của tiên vương, và cá lời ủy thác con cô còn vắng vắng bên tai thì đối với công nghị sẽ ra sao, thần không dám phụng chiếu. Nói xong ông vội dời khỏi cung.

Thái hậu bèn sai người vời gấp Bảo Quốc vương (Long Xưởng) nhanh chóng vào cung.

Bảo Quốc vương nửa mừng nửa lo liền lấy thuyền nhỏ đi theo sông Tô Lịch mà vào cung.

Tô Hiến Thành dự liệu biết thái hậu cố tình lập Long Xưởng, nếu sơ hở một chút sẽ có biến, ông liền triệu các quan chức tả hữu đến khuyên bảo:

- Tiên vương thấy ta và các ông hết lòng phò ấu chúa, không ở hai lòng nên mới phó thác con cô. Nay Bảo Quốc vương nghe lời thái hậu, muốn phế chúa thượng mà tự lập, các ông nên hết lòng gắng sức nghe

ta truyền bảo thì vừa được tiếng trung ở đời, vừa được vinh hoa phú quý, nhưng bằng kẻ nào trái mệnh, ắt sẽ bị chém, đầu phơi nơi chợ búa đường sá. Ta mong các ông hãy gắng sức.

Các quan đều răm rắp nghe theo. lát sau Bảo Quốc vương dừng thuyền tại cửa Ngân Hà mà đi vào.

Vừa nhìn thấy Long Xưởng, thái hậu càng vội gập. Bảo Quốc vương toan bước vào cung. Các quan ngăn lại nói cho biết:

- Chúng tôi chưa được nghe chiếu chỉ nên không dám phụng mệnh. Nếu vương cố tình vào cung thì kẻ phạm đến vương không phải là chúng tôi mà là quân lính đấy. Chúng đã được lệnh phục chờ từ lâu rồi.

Bảo Quốc vương nghe nói then đỏ cả mặt rồi lùi xuống thuyền ra ngoài hoàng thành.

Tô Hiến Thành là người trung chính, công bằng và mưu lược khiến chốn hậu cung dần dần yên ổn, tính mệnh vua nhỏ được bảo trọng, ngôi vua không có kẻ nào dám nhòm ngó. Trong nước được yên ổn, biên thùy nam bắc đều vô sự. Tuy nhiên bà Đỗ thái hậu vẫn chưa từ bỏ ý định tái lập Long Xưởng là con cả của mình. Còn như Long Trát ở ngôi thì quyền hành vẫn thuộc về tay người khác, mặc dù Long Trát cũng là con của bà. Sở dĩ Đỗ thái hậu không lập được bè đảng để nổi lên là vì Tô Hiến Thành cai quản việc triều chính cực kỳ nghiêm minh. Tuy nhiên vào năm Mậu Tuất (1178) khi vừa hết quốc tang, Đỗ thái hậu sai bày tiệc ở điện riêng

mời các quan đến ban yến.

Tiệc đang râm ran vui vẻ, thái hậu liền nói:

- Tiên đế về châu trời đã gần bốn năm, vua nổi còn thơ ấu, nước Chiêm Thành vô lễ, mấy năm nay bỏ phận sự nước phiên thần không cho sứ cống nạp, người man quấy rối chốn biên thùý, các ông là đại thần chịu ơn nặng của nước nên lo việc của nhà nước. Diệu kế ngày nay không gì bằng lập lại thái tử để cho thế nước được lâu dài, lòng người được yên ổn. Vậy ý các ông thế nào? - Đỗ thái hậu gặng hỏi.

Các quan tâu rằng:

- Thái phó nhận mệnh lệnh sáng suốt của tiên đế, hoàng thượng đã yên vị, chúng thần không dám trái mệnh. Các quan đều lay tạ bỏ tiệc yến mà về. Từ đó dập tắt được lòng tham của Đỗ thái hậu.

Đỗ thái hậu vẫn bảo lưu các chức vụ cũ của Tô Hiến Thành là thái phó bình chương quân quốc trọng sự kiêm thái úy coi hết thấy việc binh, nhưng để kiểm chế ông, Đỗ thái hậu cho em trai là Đỗ An Di làm thái sư đồng bình chương sự. Nghĩa là quyền đại chính thì Đỗ An Di trên Hiến Thành một bậc, nhưng “đồng bình chương sự” có nghĩa là cùng coi việc nước.

Chùa Chân Giáo lại được tu bổ và mở rộng, đây là lần tu bổ thứ hai kể từ khi mới tạo dựng vào năm Mậu Dần (1158). Xướng chiếu từ nay lấy chùa Chân Giáo làm nơi hành hương ngày kỵ vua Lý Anh tông.

Tô Hiến Thành tuổi cao, lãnh nhiệm nhiều trọng trách quốc gia, nhưng nặng nhất vẫn là việc phò ấu chúa, trong khi bà thái hậu lúc nào cũng rình rập việc phế Long Trát để lập đứa con hư hỏng của mình là Long Xưởng. Do gắng gượng hết năm này qua năm khác lại giữ theo nếp sống thanh bạch kiệm cần nên Thái úy đổ bệnh. Các thái y tận tình săn sóc.

Bà thái hậu vẫn có lòng phù giúp Tham tri chính sự Vũ Tán Đường, chờ có cơ hội sẽ cất nhắc. Nhân việc Thái úy ốm ngày một nặng, thái hậu sai Vũ Tán Đường săn sóc hầu hạ thuốc men, cơm nước để lấy lòng mong sao khi thái hậu cất nhắc sẽ được Thái úy vun vào.

Tuy vậy bệnh tình Thái úy ngày một nặng thêm, có nguy cơ không qua khỏi. Vũ Tán Đường tâu về, thái hậu tức tốc đến thăm. Thái hậu tỏ vẻ ái ngại về sức khỏe của Tô Hiến Thành. Dùng dằng mãi bà đánh bạo hỏi:

- Nếu như không may thì ai có thể thay ông được?

- Tô Hiến Thành cố giương đôi mắt lơ lơ lên nhìn thái hậu, xem lời nói kia là chân thực hay chỉ là sự dò thăm. Thấy thái hậu có vẻ ngóng chờ lời đáp, Tô Hiến Thành liền nói:

- Tâu, người có thể thay tôi là quan giám nghị đại phu Trần Trung Tá.

Thái hậu hết sức ngạc nhiên, bà nhìn trước nhìn sau xem có thấy Trần Trung Tá ở đâu không. Đoạn bà quay lại nói với Tô Hiến Thành:

- Vũ Tán Đường ngày nào cũng gần gũi hầu hạ thuốc thang cơm cháo cho ông, sao không thấy nói đến là thế nào. Còn Trần Trung Tá, ta có thấy mặt y ở đây bao giờ đâu.

Thật ra Trần Trung Tá có việc phải ra khỏi kinh thành, nên không thể ghé thăm Thái úy khi ông lâm bệnh.

Tô Hiến Thành khó khăn lắm mới nở được nụ cười, ông đáp: - Vì thái hậu hỏi người nào có thể thay tôi, nên tôi nói Trần Trung Tá. Còn nếu như thái hậu hỏi người hầu hạ thuốc thang, cơm nước chẳng phải Vũ Tán Đường thì còn ai vào đây nữa.

Thái hậu khen:

- Ông quả là một bậc trung thần và là người trung thực hiếm thấy.

- Đa tạ thái hậu quá khen. Trong lòng Tô Hiến Thành thầm nghĩ: "Ta vì trung trực mà nói ra ý đó. Nhưng ta chắc thái hậu không dùng Trần Trung Tá, vì người này tuy giỏi việc nước nhưng không biết xu nịnh".

Thấy mệnh mình sắp dứt, Tô Hiến Thành đòi vực ông vào cung để châu hoàng thượng một lần cuối.

Nội thị tâu Tô Hiến Thành ốm nặng, vua đòi đến thăm. Vừa thấy nhà vua tới, Tô Hiến Thành gượng ngồi dậy mà không đủ sức, mọi người nâng ông ngồi và kê sát lưng cho ông tựa.

Tô Hiến Thành chấp tay vái nhà vua. Năm nay vua đã bảy tuổi, người có vẻ phổng phao, đã biết chữ, tuy

vậy sức đọc và hiểu còn chưa được là bao. Thế nhưng vua lại có khiếu năng âm nhạc, thích hát, thích nghe ban nhạc trình tấu và thích xem các vũ nữ múa.

Vua kéo chiếc ghế ngồi sát lại chỗ Tô Hiến Thành, đưa tay rờ rờ lên vai thái úy, mắt long lanh xúc động. Nhìn cảnh này cho ta một cảm giác về đứa cháu hiếu thảo đang hỏi han săn sóc người ông nội.

Nhìn vào gương mặt già nua hốc hác của Tô Hiến Thành, vua hỏi một cách thật ngây thơ:

- Bao giờ thì ông khỏi ốm?

Tô Hiến Thành lại vái nhà vua hai vái rồi nói giọng thều thào:

- Thần bạc đức không được hầu hạ hoàng thượng đến tuổi trưởng thành. Nhưng những gì tiên đế ủy thác, thần đều nghiêm giữ. Nay sắp phải đi xa chỉ xin nhắc lại lời tiên đế căn dặn bề hạ trước lúc lâm chung. Ngày ấy bề hạ mới hơn một tuổi, nên không thể nhớ biết.

Thấy Thái úy nói sẽ nhắc lại lời của vua cha, mắt nhà vua hau háu, ngồi nhích gần hơn nữa với Tô Hiến Thành.

Thái úy cố lấy sức nói lại cho thật rành rõ. Ông cất giọng:

- Tiên đế dặn bề hạ như sau: “Nước ta non sông gấm vóc, nhân tài tuấn kiệt, đất thiêng, châu ngọc bảo bối không cái gì không có, nước khác không thể ví được. Con hãy nên giữ nước cẩn thận”.

Giương cặp mắt lơ dờ cùi nhân găng nhìn vào gương mặt nhà vua. Nhưng có nhẽ ông cố nhìn mà chẳng thấy, nên lại nói thêu thào: – Bệ hạ nên nhớ, đây không chỉ là lời di huấn của tiên đế, mà còn là lời của thiêng liêng sông núi, lời của sơn hà xā tắc đó! Bệ hạ hãy cùng quốc dân giữ lấy nước cho cẩn thận.

Nói xong mọi người chờ cho Tô Hiến Thành ngả lưng xuống giường. Liền đó ông tắt thở và qua đời. Nhà vua oà khóc nức nở.

Vua thương nhớ cho bãi châu báu ngày, tự mình ăn chay ba ngày, sai các quan đến tận nhà tế ba tuần rượu lại sai làm ma thật to.

Tô Hiến Thành mất, dân nước tiếc thương vô hạn. Các chùa, quán các vị thiền sư, đạo sĩ đều làm lễ cầu siêu và cúng kiếng cho ông.

Lại nói Bảo Quốc vương Long Xưởng, hoàng trưởng tử của vua Anh tông vì bất hiếu bất mục nên bị phế. Và bà mẹ tức hoàng thái hậu Đỗ thị tìm mọi cách để tái lập, kể cả việc ép hoặc mua chuộc các quan, nhưng vì có Tô Hiến Thành là người giữ quyền nhiếp chính hết sức trung chính và nghiêm minh nên thái hậu đành bó tay. Khi thấy không còn hy vọng gì nữa Long Xưởng sống hết sức buông tuồng. Suốt ngày thâu đêm lê la nơi lầu ca viện kỹ, nơi quán sá ăn uống, hút hít. Lâu nay Long Xưởng ở lỳ trong quán Thiên Thai ngoài phố Cầu Đông. Cầu Đông là một phố sầm uất trên bến dưới thuyền, khách thương tứ xứ tìm về, kể cả người ngoại quốc buôn bán ngoài cảng

Vân Đồn nay cũng về Thăng Long mở thêm thương điếm và thường đặt tại phố Cầu Đông.

Phái nói, Thiên Thai là một động hút ngày đêm không lúc nào vắng khách. Gọi là động hút, nhưng thực chẳng thiếu một thứ gì từ ăn uống, rượu chè, cờ bạc, hút sách đến ca hát và cả gái hầu ngủ qua đêm.

Giới giang hồ thấy có một ông hoàng ăn chơi khét tiếng mà xem ra cũng dễ gần nên lân la bắt chuyện làm quen. Long Xưởng dang cô đơn và bất mãn. Giới quan lại không đại gì mà gần gũi Xưởng để rồi mang họa. Các người trong hoàng gia và hoàng tộc đều biết Xưởng là kẻ loạn luân, bất hiếu cũng kiếm cơ xa lánh. Nên khi giới giang hồ tìm đến, Long Xưởng cảm như đã tìm được bạn cùng hội cùng thuyền.

Ăn chơi phá tán một thời gian của cải trong nhà gần cạn, Xưởng không còn gì để bao lữ bạn du thủ du thực nữa. Ngay cả bà thái hậu không phải lúc nào cũng sẵn sàng dốc hầu bao cho đứa con phá gia này. Vả lại của cải bà có được đâu phải là vô tận. Bây giờ bà cũng phải thừa nhận việc Anh tông phế Long Xưởng là đúng đắn.

Long Xưởng không còn chỗ dựa trong hoàng gia và hoàng tộc nữa thì dựa vào giới giang hồ.

Giới giang hồ tìm được Long Xưởng như tìm ra một thế lực che chở. Vì vậy chúng bèn lập một đội quân gồm những kẻ giang hồ và gia thuộc cùng nô lệ của Long Xưởng chuyên đi cướp của nhà giàu về tiêu xài. Lỡ có xảy ra điều gì đã có Long Xưởng đứng ra che chắn.

Long Xưởng từ đó trở thành một kẻ đầu trộm đuôi cướp, trước còn hạn chế việc làm ăn tức, là việc cướp bóc chỉ ở những nơi xa kinh thành. Sau lân la tính chuyện làm ăn ngay tại kinh thành. Vì vậy tiếng tăm không còn được giữ kín nữa.

Nhân việc đứng đầu một đảng cướp do ông hoàng Bảo Quốc vương cầm đầu khiến người có học thức đều nhớ lại ông hoàng Khai Quốc vương trấn giữ Trường Yên cũng thường giấu mặt đi cướp bóc người dân trong vùng mình cai quản, mãi tới năm Kỷ Tý (1029), Lý Thái tông đi đánh Trường Yên mới bắt về Thăng Long quản thúc. Cho nên những hành vi xấu xa của con cái các bậc vua chúa và quan lại cầm quyền, không chỉ diễn ra khi nó suy tàn mà ngay trong lúc đang hưng thịnh đã manh nha trong lòng nó những nhân tố đòi bại để dẫn tới suy vong.

Chẳng hiểu sao trời lại giáng nhiều tai họa đến như vậy, hết sâu bệnh, dông bão đến lũ lụt khiến mùa màng mất trắng, dân đói khổ nhưng triều đình vẫn không tha giảm tô thuế. Khắp nơi nạn trộm cướp nổi lên như ong, triều đình dẹp được chỗ nọ thì chỗ kia lại nổi. Dân chúng bỏ quê hương kéo nhau lên rừng tìm củ quả để sống, tới cuối năm Tân Sửu (1181) thì sức dân đã kiệt, nạn đói kinh hoàng làm chết tới non nửa số dân trong cả nước.

Dân chết nhiều quá, triều đình gần như mất chỗ dựa trở nên hoang mang. Vua nhỏ chưa biết gì, thái hậu

thì thiên cận và chuyên quyền, để thoát ra khỏi tình trạng nguy cấp, các quan dân sợ xin nhà vua xuống chiếu cầu hiền. Thật chẳng ai có thể tin được, một nước Đại Việt giàu mạnh như thế, cường thịnh như thế mà lại sa sút nhanh đến thế.

Vua ban chiếu tìm được vài chục người, nổi nhất trong số đó có Lý Kính Tu.

Thăng bổ Lý Kính Tu làm đế sư. Kính Tu là người có học vấn tinh thuần, hiểu thông tam giáo, giỏi việc trị nước vừa nghiêm khắc vừa khoan dung. Từ khi Kính Tu vào triều trong thì hầu giảng kinh sách cho nhà vua ngoài thì dạy dân trung hiếu. Kỷ cương chốn triều đường dần được tái lập, bà Chiêu linh thái hậu cũng dứt bỏ manh tâm lấy lại ngôi nước về cho Long Xưởng. Và lại lúc này Long Xưởng đã lộ mặt là một tên lưu manh đầu trộm đuôi cướp, người trong nước không ai là không biết.

Qua một vài năm được mùa, sức dân dần dần hồi phục, Lý Kính Tu xin vua cho mở khoa thi sĩ nhân để kén người tài bổ sung cho bộ máy của triều đình. Lấy đỗ các ông Bùi Quốc Khải, Đặng Nghiêm được ba mươi người. Những người không đỗ, ai muốn học cho vào nhà quốc học học tiếp, lại tuyển trong dân người nào tuổi từ mười lăm mà thông thi thư thì cho vào hầu học ở ngự diên cùng với nhà vua. Bởi vua lúc này đã vào tuổi mười ba, sức học đã khá, thi thư kinh sách đã vỡ

vạc ra nhiều. Có điều việc buông the vua cũng đã chớm biết. Ấy là do lũ thái giám bắt các a hoàn hầu vua vui chơi và tắm tấp phải giúp vua biết được các điều sâu kín chốn buông the để khi vào tuổi phát dục vua không còn bỡ ngỡ.

Quá vậy, sang năm sau vào tuổi mười bốn vua đòi lập phi. Tướng quân Đàm Thi Phụng dâng con gái là Đàm thị. Vua nhận và phong cho Đàm thị là An Toàn nguyên phi.

Từ khi lập phi, được nếm mùi buông the chán gối, vua thích lắm. Sai kén cung nữ. Vua vừa ham sắc, ham dục lại ham cả âm nhạc. Được nghe nhạc Chiêm Thành một lần, vua Cao tông không thể nào dứt ra được nữa. Vì vậy, vua sai đi tìm khắp các trại của người Chiêm từ Thao Giang đến Như Nguyệt và cả sông Mã hầu mong kiếm được những người Chiêm sành về âm luật, lập thành một ban nhạc, vũ để hát múa cho vua xem.

Triều thần dón ý chiều vua chứ không ai dám can gián. Thái sư phụ chính Đỗ An Di là một kẻ tham tàn. Người dân không thể tin cậy. Trong dân nếu có hai người kiện nhau, không bao giờ thái sư xem đến án tích mà chỉ chờ xem bên nào dứt lót nhiều tiền bạc thì xử cho bên đó thắng. Nếu kiện nhau tranh chấp một khối tài sản lớn thì Thái sư liền tịch thu xung vào tài sản của riêng mình. Vì thế dân không còn tin vào công lý nữa, hễ có tranh chấp là đánh nhau, án mạng nhan nhản.

Lòng dân phần uất, các động sách người man cũng nổi dậy chống lại quan quân.

Năm Giáp Thìn (1184) vua sai hoạn quan là Thái phó Vương Nhân Từ cầm quân đi đánh dẹp người ở các sách Tư Mông, Ô Mễ.

Khốn nổi khiếu nạng của các quan giám là ở chốn hậu cung, là ở cái lười dẽo mềm uốn éo xui nguyên giục bị chớ đầu phải ở chiến trường. Vì vậy quan Thái phó vừa lò dò đến trại La Biều bị người Khả Lão phục binh đánh úp. Quân triều đình tháo chạy. Thái phó bị hãm trong bùn lầy, người Khả Lão đâm chết ông ta rồi kéo xác lên bờ lột quần áo ra toan đem phơi thây ngoài đường. Nhưng bọn chúng đều sợ hãi bỏ chạy khi thấy “tướng của triều đình là một con đàn bà”¹.

Người Khả Lão thắng trận các động, sách đều giết trâu, mổ lợn ăn mừng. Họ bảo nhau: “Không sợ quân triều đình. Quân triều đình nhát như thỏ, tướng của triều đình là đàn bà không biết đánh trận”. Vì vậy sự bất tuân thượng lệnh, bất tuân triều đình lan nhanh trong các động, sách.

Các tướng của triều đình càng được thể công kích dám hoạn quan bất tài, vô dụng đã làm tổn thương đến binh uy của nhà nước. Vì vậy các tướng đòi được đem quân đi chinh phạt các động sách dám ngang ngược chống lại quan quân.

¹ Quan hoạn bỏ phân sinh dục bị teo nên người Khả Lão tưởng ông là đàn bà.

Năm sau triều đình cử Kiến Ninh vương Long Ích đem một vạn hai ngàn quân đi đánh báo thù trận thất bại của quân triều đình ở La Biều năm trước.

Kiến Ninh vương là một vị tướng biết phép cầm quân bày trận, phá trận. Ông cho quân làm quen với địa hình vùng La Biều vẽ trên cát, lại cho tập dượt nhiều lần, tỏ ra rất coi trọng đối phương.

Trước lúc hành binh, Kiến Ninh vương phủ dụ ba quân:

- Người man vì chống lại triều đình nên ta mới phải đi đánh dẹp. Chỉ bọn đầu mục ngang bướng là có tội, chứ những người nông phu bị chúng ép cầm binh khí chống lại triều đình đều là những nạn nhân đáng thương. Vì vậy khi đã bắt được bọn đầu mục rồi thì không được chém giết quân họ. Ta sẽ thay mặt triều đình vỗ về họ rồi tha cho về. Lần này ta kéo quân đi, cốt là để khôi phục binh uy của triều đình, bắt bọn đầu mục về trị tội. Cho nên quân lệnh phải nghiêm, không được để sơ sót, ai trái quân lệnh ta sẽ chém đầu chứ không tha. Nghiêm cấm việc tràn vào động sách cướp của giết người.

Quân đông, binh khí tốt, tướng chỉ huy tinh thông binh pháp, lại thận trọng chứ không coi thường địch nên tinh thần binh sĩ rất vững vàng và tự tin.

Về phía người man trong trại La Biều, khi nghe tin quân triều đình đến thì cười khẩy. Họ bảo nhau: "Tướng

của triều đình là đàn bà, quân của triều đình là một lũ thỏ. Phen này ta sẽ bắt thỏ nấu củ chuối nhấm rượu, bắt đám tướng đàn bà làm vợ bé”. Nói cười rất là thoải mái rồi đem rượu ra uống. Uống say mới sai quân ra phục các ngả vào động. Khi ấy quân triều đình đã bao vây bốn mặt, một cánh chim cũng khó bay ra thoát.

Dân trong động La Biều về báo quân triều đình đông như kiến, voi, ngựa vây kín các nẻo đường. Động chủ La Biều do Đinh Vũ cầm đầu lấy làm lo sợ.

Kiến Ninh vương Long Ích đóng quân ngoài động cho người dụ hàng, nói rõ phải trái.

Viên quan lang là Đinh Sáng liền hỏi sứ giả:

- Nếu chúng tôi hàng, triều đình có bắt tội không?

Sứ đáp:

- Nếu đã hàng thì không bắt tội nữa.

Đinh Sáng lại hỏi:

- Thế có bắt vợ con chúng tôi, có vào phá động cướp của bắt người nữa không?

- Đã hàng quan quân thì còn phải đánh ai nữa mà phá động, bắt người lấy của. Nếu các ông ra hàng thì quan quân tha hết.

Động trưởng Đinh Vũ nói mạnh:

- Vậy các ông làm tờ cam kết đi.

Sứ đáp:

- Bọn ta làm cam kết thì khó gì, nhưng các ông có

biết chữ không?

Đinh Vũ nhìn quan lang Đinh Sáng như dò hỏi.

Đinh Sáng lắc đầu.

Đinh Vũ lại nói:

- Thôi không làm tờ cam kết nữa nhưng các ông phải giữ nhời đấy.

- Được rồi! - Sứ đáp.

Thương thảo xong, Kiến Ninh vương cho quân tràn vào trong động không có ai chống cự, không mất một mũi tên.

Kiến Ninh vương sai trói bọn Đinh Vũ, Đinh Sáng cả thảy hơn chục đứa cầm đầu. Quân lính không động đến một cái tơ cái tóc của dân.

Tức vì năm ngoái bọn Đinh Vũ, Đinh Sáng ngoan cố đánh bại quân triều đình lại làm nhục thái phó Vương Nhân Tử, một mệnh quan của triều đình, bọn tòng sự là Nguyễn Đa Cẩm sai trói đám đầu mục rất chặt để giải về kinh trị tội. Bọn Đinh Vũ, Đinh Sáng thấy quân triều đình tráo trở, không những không tha mạng như đã hứa liền kêu la ỉnh ỏi, khóc than thảm thiết.

Nguyễn Đa Cẩm lấy làm tức giận liền vả vào mặt Đinh Vũ, lại lấy tay bóp miệng Vũ phải há ra rồi y vén quần dái vào mồm Vũ. Vũ tức quá nghiến răng cắn gần đứt dương vật của Đa Cẩm. Cẩm kêu thét lên, mọi người đánh mạnh vào mặt vào cổ Đinh Vũ.

Bị đánh đau, Đinh Vũ phải nhả ra. Đa Cẩm nằm

vật xuống đất gần chết. Đinh Vũ cũng gục xuống.

Kiến Ninh vương Long Ích dùng dùng nổi giận sai đánh chết bọn Đinh Vũ, Đinh Sáng hơn chục người và đem phơi thây rồi rút quân về.

Vua Cao tông tuy còn nhỏ tuổi nhưng lại rất ham chơi còn việc học hành thì biếng trễ. Công việc triều chính mạnh ai nấy làm. Ai tâu xin việc gì vua cũng cho. Những người thay vua chấp chính thì thiếu cận, tư kỷ. Thái sư Đỗ An Di là người như vậy. Năm trước An Di chết, lấy Ngô Lý Tín là thái phó phụ chính. Lý Tín là kẻ nhu nhược và tham bản khiến công việc triều chính càng rối nát. Ngô Lý Tín ở chức được hai năm thì chết. Lại cũng đúng dịp hoàng thái hậu Đỗ thị vừa băng, nội cung không còn ai dây vào việc triều chính nữa, các quan bàn nên trao chức thái phó phụ chính cho tướng quân Đàm Dĩ Mông. Vì Mông là bà con với nguyên phi Đàm thị. Vua bằng lòng, ấy là vào đầu mùa thu năm Canh Tuất (1190), lúc này vua đã ở tuổi mười chín, tự mình điều hành phần lớn công việc triều chính, tuy vậy vua chẳng làm được việc gì ra hồn. Các điềm triệu xấu luôn xảy ra như mùa đông năm trước cung Nghênh Thiềm bị cháy, mùa đông năm sau lại có mưa đá khủng khiếp, những tảng đá rơi xuống to bằng cả cái đầu ngựa, dân chúng chết rất nhiều, nhà cửa, hoa màu mất vô số kể. Tháng năm năm sau lại có động đất, tiếp đến là nạn dịch lớn làm chết nhiều người. Rồi người ở Diễn Châu, ở châu Chân Đẳng, ở giáp Cổ Hoàng... nổi loạn. Quan

quân triều đình luôn luôn phải đi đánh dẹp thế mà vua vẫn cứ thản nhiên, ca nhạc và yến tiệc không ngày nào không có. Cung vua lúc nào cũng nhộn nhịp tiếng đàn, tiếng sênh phách cứ như ngày hội.

Năm Giáp Dần (1194) An Toàn nguyên phi là Đàm thị sinh hoàng tử Sảm, vua phong làm An Toàn hoàng hậu. Đại xá cho thiên hạ. Ban cho người già lão từ bảy mươi tuổi trở lên mỗi người một tấm lụa, cho mở tiệc lớn hai ngày liền ở nhà thái miếu. Nhà thái miếu vừa được tu bổ sửa sang thật là mỹ lệ sau vụ sét đánh sạt một góc từ năm Đinh Mùi. Nhân việc nhà vua hai mươi hai tuổi mới sinh được hoàng tử, triều quan đều cho là muôn sinh bèn dâng sớ chúc mừng, lại xin vua lập ngôi Đông cung để yên lòng thiên hạ và sau này không còn ai dám nhòm ngó ngôi vị ấy nữa. Vua bằng lòng ngay. Ai cũng biết việc này là do Đàm Dĩ Mông ngầm vận động ở bên trong để cho em gái được yên vị.

Từ khi sinh được hoàng tử lại lập ngôi Đông cung, nhà vua lấy làm mãn nguyện bèn nảy ra ý đi xem ngắm khắp núi sông. Vua đem theo cả ban nhạc Chăm. Người quản giáp của đội nhạc là một người Chăm được sinh ra trên đất Đại Việt, hơn vua đúng năm tuổi tên là In Đác Ma (In Dharma).

In Dharma có gương mặt đẹp như thần Vishnou (một vị thần phụ trách về nghệ thuật trong tôn giáo của người Chăm). In Dharma có đôi mắt sáng như phát ra

hào quang, chiếc mũi thẳng, nước da hơi ngăm đen và mái tóc xoăn, đen nhức. Chàng chơi được tất cả các loại nhạc cụ của người Chăm và có giọng hát thiết tha mê đắm. In Dharma coi sóc cả ban nhạc và luôn làm vừa lòng vua Cao tông.

Vua đi khắp nơi, cứ ở đâu có cảnh đẹp là ghé thăm, gặp đền thờ thần thì vào lễ. Nơi nào nghe nói có thần thiêng mà chưa có nơi thờ tự, vua cho lập miếu thờ. Tất cả những đền miếu thờ thần vua ghé thăm đều ban hiệu và cả mỹ danh cho thần.

Trong suốt chuyến đi vua còn được biết In Dharma ngoài giỏi về âm nhạc, y còn giỏi cả về kiến trúc nữa. Ngôi nghỉ bất cứ ở đâu dù là trên nền gạch hoặc nền đất, cát chỉ một mẫu gạch non hoặc một mẫu que là y vẽ ngay được một ngôi đền hoặc một ngôi tháp thật là nguy nga tráng lệ. Không những thế In Dharma còn có tài chạm khắc vào gỗ những hình thần hoặc hình muông thú rất sống động. Và y cũng có thể biến một khối đá thành một pho tượng rất đẹp chỉ bằng đôi tay và chiếc búa, chiếc đục.

Vua bảo In Dharma:

- Ta có cảm giác, ngươi là kẻ nắm giữ chìa khóa của lâu đài nghệ thuật Champa, ngươi là hiện thân của thần Vishnou.

In Dharma mỉm cười và với vẻ bên lên, y đáp:

- Bệ hạ quá khen, nền nghệ thuật Champa giàu có

và mệnh mông vô tận. Kẻ vong quốc này chỉ nhặt được các mảnh vãi rơi của các bậc tiền bối bị lưu đầy trên đất của bệ hạ, sao dám nhận đó là tiêu biểu cho nền nghệ thuật của cố quốc được.

Vua ướm hỏi:

- Ta thấy người vẽ những đền tháp thật là đẹp và có hồn. Vậy ta muốn xây độ một trăm cung điện, người có thể vẽ kiểu cho ta được không?

- Tâu được ạ, nhưng bệ hạ muốn xây dựng theo lối của người Chăm hay của người Việt?

- Ta muốn người kết hợp những nét ưu tú nhất của cả hai nền kiến trúc đó mà tạo lập, nhưng phải giữ phần chủ thể cho kiến trúc Đại Việt, tuy nhiên trong cả một trăm cung điện và lâu đài đó, không cái nào được giống hệt cái nào, mà mỗi lâu đài, mỗi cung điện phải có một nét riêng của nó. Liệu người có làm được không? - Vua nhấn mạnh.

- Tâu bệ hạ, nếu thần nói không làm được vì nó ngoài tầm với của thần, liệu bệ hạ có giết thần không?

Vua Cao tông cười ngặt nghẽo:

- Sao người lại hỏi ta điều ngu xuẩn đó. Nghệ thuật là trông đợi vào sự thăng hoa của người nghệ sĩ. Một khi người nghệ sĩ bị ép buộc may ra có thể vẽ được vài cái nhà tù xấu xí thô bạo chứ làm sao có thể vươn tới cái đẹp của nghệ thuật.

In Dharma nhận ra một điều, các ông vua nhà Lý, vị nào bước chân vào đất Champa cũng bị nền nghệ

thuật Champa hợp hồn. Trước hết là âm nhạc, tiếp đến là điêu khắc và kiến trúc. Họ đã lấy đi của Champa biết bao là tượng thần vô giá và bắt về Đại Việt vô số các nghệ sĩ tài năng. Tuy nhiên, vị vua này cũng là người yêu nghệ thuật và biết tôn trọng người nghệ sĩ. Dường như In Dharma bắt đầu có cảm tình với vị vua trẻ tuổi này. Y đáp:

- Thần có thể làm được việc bệ hạ mong muốn với hai điều kiện.

Lý Cao tông sung sướng đến ngạc nhiên. Vua hỏi:

- Một công việc to lớn biết dường nào, khó khăn biết dường nào mà người lại chỉ đòi có hai điều kiện. Vậy đó là những điều kiện gì, ta đang nóng lòng muốn biết đây.

- Tâu, người nghệ sĩ chân chính sáng tạo nghệ thuật là vì cái đẹp, cho cái đẹp chứ không phải vì mình và cho mình, do đó mọi sự đều trở nên hết sức đơn giản.

Điều kiện thứ nhất là bệ hạ cho người dẫn thần đi xem ngắm những kiến trúc đền đài, cung điện, chùa tháp, lăng tẩm nổi tiếng của Đại Việt.

- Việc đó quá dễ, người có thể thực hiện bất cứ lúc nào. Vậy còn điều kiện thứ hai?

- Điều kiện thứ hai là tất cả các kiểu lâu đài, cung điện thần đã vẽ ra, bệ hạ ưng cái nào thì ưng, mà không ưng thì bỏ luôn để vẽ cái khác, cho tới khi bệ hạ bằng lòng, chứ thần không sửa chữa theo ý của bệ hạ hay bất kỳ người nào khác.

- Được ta bằng lòng. - Vua Cao tông đáp, và hỏi lại: - Vậy chớ người đòi công bằng những vật gì? Quan tước, ấp phong hoặc vàng bạc? Người muốn ra giá bao nhiêu cũng được, ta là vua của một nước chứ không phải một tên thương lái keo kiệt.

In Dharma cười sung sướng:

- Thần không lấy bất cứ một vật báu nào của bệ hạ, chỉ xin bệ hạ cho thần được về sống tại cố quốc. Nhưng phải cho người dẫn tới tận kinh đô Trà Bàn chứ không phải đem thần ra ngoài biển rồi chìm chết.

Vua Cao tông cười đến chảy cả nước mắt:

- Ôi cái tên người Chăm tinh quái này. Sao người lại đánh giá người Đại Việt ta tiểu tâm tới mức ấy. Có điều rằng, dù người đã vẽ cho ta cả trăm lâu đài, cung điện đẹp nhất thế gian đi chăng nữa, nhưng lại đòi ta thả người về lại nước Chiêm Thành thì điều đó ta còn phải suy nghĩ. Bởi người là cả một kho tàng nghệ thuật vô giá. Nếu như trước khi được biết người là người tài mà người xin về lại đất Chiêm, chắc ta không cần phải suy nghĩ.

- Nhưng nếu bệ hạ không cho thần về lại cố quốc thì chỉ một lâu đài thôi thần cũng không thể vẽ.

- Ta biết người không làm thế. Vì nhu cầu của người nghệ sĩ là được bộc lộ tài năng nghệ thuật mà không kể đó là miền đất nào. Tại sao người lại đi khoanh vùng địa lý cho nghệ thuật. Điều đó thật là phi lý.

In Dharma thầm nghĩ: "Lão vua này thật là quý

quyệt. Đáng tiếc, y nói rất đúng: - Tổ quốc của nghệ thuật chính là cái đẹp và người nghệ sĩ sẽ vì nó mà sáng tạo”.

Từ đó vua đắm đuối vào việc xây cất cung điện và sáng tác nhạc Chăm, rong chơi không chừng mực. Hằng ngày dạo chơi cùng cung nữ lấy thú ca xang làm lẽ sống. Để có tiền chi tiêu vào việc xây cất, vua không từ một thủ đoạn kiếm tiền nào. Thoạt tiên là việc bán quan tước, bán bằng cấp, ai cần mua thứ gì, vua bán thứ đó. Thứ đến là các vụ kiện tụng. Xử kiện, vua lấy thái sư Đỗ An Di làm hình mẫu. Đỗ An Di chính là bà con với Đỗ thái hậu. Tức là hai kẻ kiện nhau, kẻ nào muốn thắng phải dứt lót cho vua nhiều tiền. Hai kẻ cùng muốn thắng cùng nhau phải dứt lót. Hai bên dứt lót ngang nhau, vua lấy tiền của cả hai bên rồi xử hòa, vật tranh chấp vua tịch thu. Vì vậy trong dân thì xơ xác nhưng kho riêng của vua của cải nhiều không biết đâu mà kể.

Vua ham xây cất như một thứ bệnh hoạn, chỉ riêng hành cung xây tới một trăm nơi. Nhiều hành cung trong đời vua chưa một lần đặt chân đến.

Tháng mười năm Nhâm Tuất (1202), vua ngự hành cung Hải Thanh, đêm nào cũng sai chơi nhạc Chiêm hoặc những khúc hát do vua đặt lời rồi chế theo kiểu nhạc Chiêm, bắt các ca nữ hát. Tiếng hát nghe ai oán thảm sầu đến rơi nước mắt. Tăng phó Nguyễn Thường có ý can vua rằng: *“Tôi thấy bài tựa của Kinh Thi có nói: Âm nhạc của nước loạn nghe như oán như giận, vì chính sự*

nước ấy chất chúa sai trái. Âm nhạc của nước bị mất nghe như thương như nhớ, vì người nước ấy bị khốn cùng. Nay chúa thương rong chơi vô độ, chính sự, giáo hóa sai trái lìa tan. Dân chúng lầm than cực khổ đến thế là cùng. Ngày nay nghe âm nhạc sâu thẳm, ai oán, đó chẳng là điềm dân loạn, nước mất sao? Tôi biết rằng xa giá chuyến này trở về tất không có ngày quay lại cung này nữa”.

Nghe lời sư can, vua có vẻ áy náy liền hỏi:

- Vậy chớ ta phải làm gì đây? Chẳng nhẽ ta là chúa tể của một nước mà ta muốn gì không được ư?

- Bệ hạ là chúa tể của một nước đương nhiên bệ hạ có quyền hưởng các lạc thú trần gian. Nhưng người làm vua không chỉ có một việc hưởng lạc, mà vua còn phải biết làm theo điều dân muốn, và vua phải có trách phận lo cho dân cho nước ngày một giàu thịnh chứ sao lại để cho dân đói, nước suy.

- Dân đói là do trời làm cho mất mùa chớ sao lại đổ lỗi cho ta. Còn nước suy là bởi bọn giặc cướp nó nổi lên cướp phá dân chúng chứ triều đình có cho quân cướp của dân đâu mà sư quy lỗi cho trẫm.

Tăng phó Nguyễn Thường giơ hai tay lên trời với vẻ thất vọng, đoạn tăng nói:

- Nếu bệ hạ không thu hết của dân thì họ sẽ có chút đỉnh dự trữ dành dụm cho những năm mất mùa. Và người dân không lâm vào cảnh đói khát thì họ lập bè lập đảng cướp của giết người làm gì.

Với vẻ bực dọc vua hỏi:

- Vậy chớ các lỗi ấy đều thuộc về ta cả sao?

- Bệ hạ đứng đầu trăm họ mà ăn chơi xa xỉ, hoang hủy không có giới hạn. Một mình bệ hạ xây cất biết bao cung điện trong hoàng thành chưa đủ, lại còn xây cả một trăm hành cung xung quanh hồ Dâm Đàm và rải rác khắp các lộ. Vậy chớ của nả ấy có phải bắt dân nai lưng gánh chịu hay bệ hạ tự làm ra.

Sao bệ hạ không thấy từ đời Thái tổ triều ta tiếp giang sơn từ Ngọa triều Lê Long Đĩnh nó hoang rỗng nghèo xác như thế nào. Vậy mà chỉ qua hai đời Thái tổ, Thái tông đã làm cho dân nước giàu thịnh như thế nào. Và các đời sau cứ thế bồi đắp làm cho Đại Việt trở thành một nước cường thịnh. Thế mà vẫn giang sơn ấy, vẫn người dân ấy khi vào tay bệ hạ thì bệ hạ làm cho dân đói, nước suy. Liệu trách phận ấy có thuộc về bệ hạ hay thuộc về người dân?

Nghe tăng nói vua không khỏi suy nghĩ, cho dừng ngay hát múa và vua có vẻ buồn tới gần nửa ngày rồi sự việc lại diễn ra như cũ.

Trở về cung, vua sai đốc thúc việc xây cất các cung thất sao cho sớm hoàn tất. Ít lâu sau các điện Thiên Thụy, Dương Minh, Thiềm Quang, Chính Nghi, Kính Thiên, Thăng Thọ... đã hoàn thành. Các cung điện đều có hành lang lộng lẫy và nhà xuyên đường nối liền nhau cực kỳ tốn kém. Ngoài ra còn dựng nhiều lầu, đình, tạ, ao, hồ và các vườn hoa, cây cảnh, chim, thú không thiếu một thứ gì.

Khi điện Kính Thiên vừa hoàn tất có con chim thước đến làm tổ đã đẻ trứng và nở ra được mấy con chim non. Các quan nhân việc đó can vua rằng: “Xưa Ngụy Minh đế¹ mới xây gác Lăng Tiêu có con chim thước đến làm tổ, Cao Đường Long² nói Kinh thi có câu:

Chim thước³ làm tổ

Chim cưu⁴ đến ở

Nay cung thất vừa làm xong mà chim thước đã đến làm tổ, thần ngu muội nghĩ rằng rồi sẽ có họ khác đến ở đó.

Thần kính xin bệ hạ xét lời nói của Cao Đường Long, trước chăm sửa mình, tu đức sau hãy khởi công xây dựng mới là phải”.

Vua nghe nín lặng hồi lâu, vẻ mặt hơi buồn liền hắt hàm hỏi viên hoạn quan Phạm Bình Di:

- Tâu bệ hạ, gác mới làm mà chim thước đến làm tổ, lại đẻ con nữa, đó là điềm trời ban cho bệ hạ được dòng dõi trăm đời.

Vua lấy làm đẹp lòng, sai đốc thúc xây cất các cung điện đang còn dở dang sao cho thật nhanh chóng.

1 Ngụy Minh đế tên là Tào Duê, vua đời thứ hai của nước Ngụy thời Tam quốc, làm vua từ 227 đến 240.

2 Cao Đường Long làm thái sử lệnh dưới triều Ngụy Minh đế nhiều lần được nhà vua hỏi về những tai dị, đều khuyên vua kiếm ước chờ có ham trang sức lâu dài, cung thất để trăm họ đỡ khổn cùng.

3 Chim thước là chim bồ câu.

4 Chim cưu là chim tu hú.

Trăm họ vì thế càng lâm than. Mùa màng luôn luôn thất bát, dẫn tới năm Mậu Thìn (1208) cả nước đói to. Xác người chết đói nằm gối lên nhau ngoài đường sá, nơi quán chợ. Dân oán trăm bề. Giặc cướp nổi lên khắp nơi, lính triều đình không dẹp nổi.

Khắp nơi trong nước dâng sớ về xin nhà vua tu đức, sửa mình, tạ trời, Phật.

Các bậc cao tăng nói nhà vua nên sám hối.

Trước sức thúc ép của giới sĩ phu, tăng thống, quan lại và dân chúng, Lý Cao tông thấy mình như đang ngồi trên đồng lửa bèn xuống “Chiếu hối lỗi”.

Trong lúc bất chợt, lương tâm tỉnh thức, khiến lời chiếu có vẻ thành thật. Chiếu rằng: *“Trăm còn trong độ ấu thơ đã phải gánh vác nghiệp lớn ở trong chốn cửu trùng sâu thẳm, không biết nỗi gian nan cực nhọc của đời sống muôn dân, lại nghe lời bọn tiểu nhân mà gây oán với người dưới.*

Dân đã oán giận thì trăm còn biết dựa vào ai?

Nay trăm sẽ sửa đổi lỗi lầm cùng trăm họ bắt đầu canh tân. Ai có ruộng đất, sản nghiệp bị sung công sẽ được hoàn lại”¹.

Lời chiếu ban ra, dân chúng mũi lòng thương vua. Người có học thức bảo nhau: “Hãy cứ chờ xem các công việc vua làm sắp tới thì biết, chớ nên mừng vội”.

¹ Đây là những đất đai tài sản do dân chúng kiên tụng, triều đình sung công trắng trợn, nay vì hối lỗi nên hứa trả lại.

XXVII

Thái úy Đàm Dĩ Mông mới được nhà vua cho tiến tước là liệt hầu đang muốn lập công. Nhân vua vừa có chiếu hồi lỗi, lại trước đây vua ngự khắp núi sông, xem chỗ nào có miếu, đền thờ thánh đều có phong tước và ban cả mỹ danh cho thần, điều đó cũng có nghĩa rằng vua mộ thánh hơn mộ Phật. Chiếu lại đã chẳng viết: “Kim kỳ cải quá tự tân, dĩ dân canh thủy” (Nay trẫm sẽ sửa đổi lỗi lầm, cùng trăm họ bắt đầu canh tân).

Đàm Dĩ Mông nghĩ việc canh cải này phải bắt đầu từ cái hoạ do bọn lười biếng, bọn du thủ du thực trốn tránh phu phen, lính tráng hoặc trộm cướp nay phải đào tầu khỏi quê quán mà tới nơi chùa tháp tá túc kiếm ăn rồi gây xáo trộn xã hội. Vì thế dân gian đã ta oán và nho sĩ làm thành ca vè về tình trạng sư tăng và chùa Phật hiện nay rằng:

Tăng ni dân gian bán,

Phật tự thiên hạ mần.

(Tăng, ni chiếm nửa dân gian,
Chùa Phật đầy tràn thiên hạ)

Nếu nhà vua muốn canh cải phải lấy đây làm việc mở đầu. Do đấy Đàm Di Mộng tâu với vua rằng: “Hiện nay số tăng đồ và số dịch phu ngang nhau. Chúng tự kết thành bè lũ, lập càn người chủ, tụ họp ở với nhau thành từng bọn, làm nhiều điều ô uế. Hoặc ở nơi giới trường, tịnh xá mà công nhiên rượu thịt, hoặc ở chốn tăng phòng tịnh viện mà riêng tư gian dâm. Ngày ẩn tối ra như đàn cáo chuột. Chúng làm bại tục thương giáo, dần dần thành thói quen, nếu không cấm đi, để lâu tất ngày càng thêm tệ”.

Nghe xong vua phán:

- Nếu khanh biết đích xác chuyện đó sao không ngăn cấm sớm đi.

- Tâu bệ hạ thần không dám tự ý, biết đâu kẻ xấu chẳng lợi dụng để cáo giác thần là người phá đạo. Tựa như thời đức Nhân tông, thái sư Lê Văn Thịnh mới chỉ phân chùa ra làm ba loại: đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Chắc Lê Văn Thịnh nhận thấy việc phi lý rằng nhà chùa chiếm hữu nhiều ruộng đất quá. Chùa mà có cả điền nô, khố vật thật trái với giáo lý Phật. Đương thời đức Phật bỏ cả ngai vàng điện ngọc, bỏ ngôi báu di giáo hóa cho dân, không giữ gì cho riêng mình ngoài cái bát đi khất thực. Thế mà trên một trăm năm trước đây giới tăng đồ nước ta đã chiếm hữu của cải

của xã hội thật là quá đáng. Lê Văn Thịnh mới chỉ phân loại thôi chứ chưa đả động gì đến tài sản nhà chùa. Ấy thế mà giới tăng đồ đã lên tiếng cho rằng Thịnh muốn giương Nho ức Phật. Thật là quá đáng. Cái án lưu đầy của ông biết đâu chẳng có nguồn gốc từ việc này. Từ ấy tới nay, lâu ngày dày kén lắm rồi, trong giới tu hành hiện nay có rất nhiều lữ sâu bọ khoác áo cà sa, cho nên phải loại bỏ lữ hôi tanh ấy ra để làm trong sạch nền đạo. Đây là việc lớn quốc gia, thần không thể tự ý mà làm được.

- Sự đã rõ như thế, khanh cứ làm đi đã có trẫm, lo gì.

Đàm Dĩ Mộng bèn triệu các tăng đồ trong xứ lại, chọn những bậc chân tu có danh tiếng vẫn để làm tăng, số còn lại đánh dấu vào tay bắt hoàn tục.

Tuy thái bốt bọn du thủ du thực đội lột tăng đồ nhưng không vì thế mà xã hội trở nên yên trị. Bởi lẽ rằng nhà vua tuy xuống “Chiếu hối lỗi” vì tình thế bức bách để làm yên lòng dân chứ thực lòng vua không đổi lỗi. Hằng ngày vua vẫn cùng cung nữ dong chơi múa hát; lâu dài, cung điện vẫn tiếp tục xây cất. Việc buôn quan bán tước và hối lộ vẫn nhan nhản khắp nước. Dân chúng bị đẩy vào đường cùng khốn. Kẻ có học thức có lương tri hoặc lánh đời đi ở ẩn, hoặc tập hợp dân chúng chống lại triều đình. Thế mà vua vẫn coi như không biết. Ngay việc diễn ra trước mắt trong khi vua đạo

chơi ngoài thành, có người bị cướp ngay lấy mất tiền bạc hô hoán lên, vua giả vờ như không nghe thấy. Lúc này vua ngoài ba mươi tuổi là độ tuổi đã chín trong cuộc đời. Vậy mà không hề nghĩ đến trăm họ, không hề nghĩ đến vận mệnh quốc gia. Sự suy nghĩ nghiêm chỉnh nhất của nhà vua là nghĩ về ăn chơi. Giặc cướp nổi lên chiếm cứ từng vùng, như mạn tây thì ở châu Quốc Oai các đầu mục câu kết, thế lực lớn lắm, quân triều đình đánh không được, họ kéo quân về đóng đồn ở Tây Kết, vì thế đường sá không đi lại được. Mặt nam thì người châu Đại Hoàng do Phí Lang và Bảo Lương cầm đầu. Chẳng là trước đây hai người này đã có sớ cáo giác Đàm Dĩ Mông là kẻ sâu dân một nước nên trừ đi. Vua cho Dĩ Mông biết nên Dĩ Mông nọc hai người kia ra đánh trượng, nay thanh thế to lắm. Vua sai chi hậu Trần Lệnh Hình làm nguyên soái đem quân từ Thanh Hóa ra phối đánh Phí Lang.

Đối trận, quân của triều đình không chống đỡ nổi phải bỏ chạy. Hai tướng của triều đình là Nguyên soái Trần Lệnh Hình và Thượng thư Từ Anh Nhi đều bị quân nổi dậy giết chết.

Mặc cho loạn lạc đường sá đi lại bị ách tắc, nhà vua không lo việc nước chỉ lo việc chơi. Không đi chơi xa được vua chơi gần. Chọn chỗ ao hồ to rộng lấy thuyền lớn làm thuyền ngự, thuyền nhỏ chia làm hai đội, một đội do cung nữ, một đội do phường chèo chèo thuyền theo thuyền ngự. Tựa như hai đội đó là hai bên tả hữu

như nghi vệ khi vua đi ra ngoài thành vậy. Lại sai lấy sập ong bọc những tấm lụa và các đồ quý thả xuống đáy ao, rồi sai người lặn xuống mò lên, và nói đó là những đồ dưới Long cung tiến dâng nhà vua.

Đang chơi bời thì đông gió nổi lên, sấm chớp ùng ùng. Vua vốn sợ tiếng sấm nên núp trong thuyền ngự người run bắn lên, mắt nhắm nghiền. Nội thị Nguyễn Dư bèn ôm lấy vua bảo:

- Bệ hạ chớ sợ, thần có phép giáng sấm.

Vua mừng rỡ mở mắt nhìn Nguyễn Dư nói:

- Thế thì khanh giáng phép đi, ta sợ lắm rồi. Dư bèn ngửa mặt lên trời làm nhảm đọc kiếu như người đọc thần chú. Sấm càng nổ âm âm.

Vua sợ quá, vít đầu Nguyễn Dư xuống nói thều thào:

- Pháp thuật của người thế nào mà không bảo được sấm.

Dư đáp:

- Thường lúc trời quang mây tạnh thần xua đuổi, sấm nghe ngay. Nhưng bữa nay mưa to gió lớn trời lại ở cao quá sấm không nghe rõ lời thần nên vẫn cứ ra uy cường bạo. Bệ hạ cứ bình tĩnh đừng có sợ.

- Vậy thì người giáng phép lại đi.

- Bữa nay nó đã cưỡng lời thần, để lần khác thần sẽ trừng trị nó.

Vua là một đấng ngu hèn nên dân dối mặt dân, giặc cướp nổi lên mặc giặc cướp, việc của vua là chơi bởi hưởng lạc. Vì vậy mà bầy tôi của vua như Phạm Du cũng chiêu mộ bọn vong mệnh, bọn trai tráng kể cả bọn giặc cướp tập hợp lại thành một đội quân đi cướp bóc không kiêng dè gì hết.

Các nơi cáo giác về triều, vua sai thượng phẩm phụng ngự Phạm Bình Di đi đánh dẹp.

Phạm Bình Di lấy quân chiêu mộ từ Đằng Châu, Khoái Châu đánh Phạm Du đôi ba phen mới được. Du thua chạy. Bình Di sai tịch biên gia sản của Du rồi đốt hết nhà cửa mới rút quân đi.

Thế là Phạm Du, Phạm Bình Di đều là bầy tôi thân tín của vua Cao tông, bỗng chốc trở thành kẻ thù của nhau.

Phạm Du vốn là tay quý quyết, trong khi Bình Di đang còn phải đi đánh dẹp nơi xa, Du đưa vàng bạc cùng các đồ trân quý vào biếu vua, xin được vua cho vào tàu nơi cửa khuyết.

Vua Cao tông thấy vàng bạc và đồ lễ thì tối mắt lại, cho Phạm Du vào triều kiến.

Du dập đầu khóc lóc thảm thiết.

Vua hỏi:

- Cớ gì khanh phải khóc lóc vậy?

- Tâu, thần được bệ hạ cho phép mộ quân để đi đánh dẹp giặc cướp, và phòng khi kinh sư có biến thì về ứng cứu. Thế mà vô cớ Phạm Bình Di ngang nhiên

đem người Đằng Châu, Khoái Châu đến vây đánh thần. Thần đã phân trần đến cạn nhẽ rằng chúng ta đều là bề tôi của thiên tử. Nếu tôi có lỗi, ông cứ tâu về triều, hoàng thượng sẽ phân xử. Bình Di nhất định không nghe cứ truy đánh thần đến cùng.

Bình Di lấy danh nghĩa triều đình, thần không dám chống cự. Thấy thần bỏ chạy, Bình Di tràn vào nhà thần nhặt nhanh mọi thứ của cải mà cả cuộc đời thần dành dụm mới có được. Lấy hết của cải rồi Bình Di sai quân đốt cháy nhà thần, đến một cái cũi chó cũng không còn.

Phạm Du lại lăn khóc kêu gào. – Bây giờ nếu bệ hạ thương mà cho về, thần biết ở vào đâu.

Vua mỉm lòng vỗ về an ủi:

- Khanh không phải khóc lóc nữa, để ta triệu Bình Di về kinh trị tội.

- Tâu bệ hạ, cái tội lớn nhất của Bình Di là dám mạo danh triều đình đem quân đi đánh bầy tôi trung của bệ hạ, tàn sát lương dân gây cảnh nổi da xáo thịt thật là thảm thương, khiến dân không còn tin vào triều đình nữa.

Vua nghe lời xúc xiểm của Phạm Du nên rất giận Phạm Bình Di dám lợi dụng danh nghĩa triều đình làm bậy. Trong khi đó chính vua quên rằng mình đã sai Bình Di đem quân đi dẹp Phạm Du làm loạn. Liền đó vua sai chi hậu phụng ngự Trần Hình đem chiếu triệu Bình Di về kinh sư.

Nhận chiếu vua gọi, Phạm Bình Di tức tốc về kinh. Vừa tới Thăng Long, Bình Di toan vào chầu vua. Có người ngăn lại cho biết:

- Phạm Du đã về trước ông, tâu báo ông làm phản. Vua nghe lời Du, hiện còn đang giận ông lắm đấy. Nếu ông vào chầu vua lúc này e bất lợi.

Bình Di thẳng thắn nói:

- Ta thờ vua hết lòng chẳng lẽ vua không biết sao mà phải sợ kẻ khác dèm pha. Hơn nữa đã có mệnh vua triệu, sao ta còn dám bỏ trốn đi đâu.

Bình Di vừa ló mặt vào cung, vua sai bắt Bình Di và con¹ là Phụ giam lại chờ xử tội.

Phụ nhìn cha hỏi:

- Thưa cha sao lại thế này ạ?

Bình Di khuyên con:

- Ta chắc đây chỉ là sự hiểu nhầm, hoàng thượng sẽ nghĩ lại. Sao hoàng thượng chẳng biết ta thờ hoàng thượng trung thành như một con chó.

Quách Bốc là bộ tướng của Phạm Bình Di. Bốc là một người to lớn, tay không có thể cự lại cả chục người, tính tình bộc trực nhưng có phần hung hãn. Quách Bốc cũng là tay võ nghệ cao cường, hằng năm có tham gia thi đấu với các môn phái võ. Giới võ lâm không thể

¹ Phạm Bình Di là một quan hoạn thế mà lại có con. Chắc ông khi đã có gia thất lâu rồi mới hoạn để được tin dùng hơn.

không xem trọng Quách Bốc và thường liệt y vào hàng cao thủ.

Tuy vậy, trong giới tướng lĩnh cầm quân lại xem Quách Bốc chỉ là một tên võ biên, hữu dũng vô mưu. Ấy là người ta chỉ nhìn vào học vấn và tướng mạo của Quách Bốc mà định giá, chứ thực Quách Bốc là một kẻ dứt mực trung thành với chủ. Vì vậy khi nghe tin chủ tướng vô cơ bị vua tống giam, Quách Bốc nổi giận bèn triệu tả hữu đến nói:

- Chúng ta phải đi cứu chủ tướng. Vua triệu chủ tướng và đại công tử về kinh liền tống giam ngay.

Quân chúng đều ủa reo:

- Đi cứu chủ tướng!

- Đi cứu chủ tướng!

Quách Bốc dẫn tất cả quân bộ hiện y đang thống lĩnh kéo vào cửa Việt Thành hò reo đòi mở cửa.

Quân cấm vệ thấy quân của Quách Bốc đông quá liền sập cửa thành xuống để ngăn lại.

Khí thế đang hăng, ba quân hò nhau khiêng những cây gỗ to làm đòn thúc liên tiếp vào cửa, chẳng mấy chốc cánh cửa gãy then cài, cửa bật tung ra. Quân tràn vào như lũ quét.

Quân tùy long cuống cuống vào tâu vua. Vua hốt hoảng hỏi các cận thần:

- Làm thế nào bây giờ đây?

Trong khi đó ở phía ngoài quân Quách Bốc hô như vỡ trời:

- Thương phẩm phụng ngự vô tội!
- Thả thương phẩm phụng ngự ra ngay!
- Lấy đầu tên đại gian đại ác Phạm Du!

Thấy khí thế quân nổi loạn đang hùng hực, lại sợ để quân nổi loạn cứu được Phạm Bình Di ắt mình phải rơi đầu, Phạm Du liền tâu vua:

- Bệ hạ phải giết ngay cha con Phạm Bình Di, nếu không xā tắc khó toàn.

Vua vốn là kẻ chỉ rành thú ăn chơi hơn việc trị nước, thấy Phạm Du nói vậy bèn phán:

- Vậy khanh hãy vì ta trừ tên phản nghịch ấy ngay đi.

Phạm Du rắp tâm báo thù Bình Di, nay thời cơ đã đến. Vì vậy khi vua vừa phán xong, Du đáp lời ngay:

- Thần phụng chỉ.

Nói xong ba tiếng đó Phạm Du chạy ngay ra hành lang đại điện, ở đó Du đã sai em là Kính cùng bộ hạ võ khí lăm lăm chờ sẵn. Du vẫy tay, lũ kia chạy theo tới chỗ tạm giam Bình Di liền xông vào đâm chết cả hai cha con ông.

Thương thay cha con Phạm Bình Di thờ vua quên cả thân mình, tin vua như tin cha đẻ của mình. Vậy mà vua sai kẻ loạn thân giết cả hai cha con, và cho đến lúc chết cũng không biết mình có tội gì với vua, với nước.

Lúc này quân Quách Bốc hò reo rất gấp, sục sạo khắp nơi, Phạm Du quay lại kéo vua mở cổng hậu chạy ra ngoài thành.

Quân tùy long chạy theo hộ giá, đưa vua xuống thuyền chạy một mạch lên tận Quy Hóa giang¹.

Trong khi đó quân của Quách Bốc phá cửa cung tràn vào thấy xác cha con Bình Di gục trên vũng máu còn chưa đông. Quách Bốc ôm xác chủ tướng khóc nức nở chỉ tay lên trời nói: “Ta thế phải giết đứa hôn quân để trả thù cho chủ tướng”. Bốc sai lấy tấm gấm che cửa bọc xác Phạm Bình Di rồi lấy xe của vua thường ngự chở xác của công tử Phụ rồi theo cửa Việt Thành mà ra bến Triều Đông². Tới bến, Quách Bốc sai chở xác hai cha con chủ tướng về doanh rồi tự mình đem một số quân quay lại lòng bắt vua.

Thấy cung điện tan hoang, mọi người trong hoàng gia đã chạy hết, chỉ còn hoàng tử Thầm ở lại.

Hoàng tử Thầm cùng hai vị sư phó, vài bà nữ hầu, bảo mẫu cùng đám nữ tì ở trong cung Vạn Diên sâu trong cửa Tường Phù ở phía đông, nên không biết các chuyện vừa xảy ra ở cửa Việt Thành mãi tận phía nam cấm thành.

Quách Bốc không tìm thấy vua Cao tông định tìm

1 Quý Hóa giang tức Đà Giang, thuộc vùng Phú Thọ ngày nay.

2 Bến Triều Đông có lẽ là bến Đông Bộ Đầu, các nhà khoa học cho rằng ở quãng phố Hàng Than Hà Nội ngày nay, ngỡ rằng không chính xác.

hoàng thái tử Sảm để tôn lên ngôi, phế Cao tông vô đạo. Nhưng hoàng thái tử Sảm đã được Lưu Thiệu, Tô Trung Từ và các cận thần đưa ra khỏi cung từ khi nghe tin của Việt Thành có biến.

Không bắt được vua Cao tông, không tìm thấy hoàng thái tử Sảm, Quách Bốc kéo theo tả hữu trở lại cung Vạn Diên lập hoàng tử Thầm lên làm vua.

Đàm Dĩ Mộng, Nguyễn Chính Lại cùng hai mươi tám cựu thần của vua Cao tông đều nhận chức của vua mới do Quách Bốc lập nên.

Hoàng tử Thầm là con thứ hai của Cao tông sinh năm Nhâm tuất (1202), nay mới có tám tuổi chưa biết gì, cho nên mọi việc đều ở trong tay Quách Bốc và Đàm Dĩ Mộng cả.

Lại nói Tô Trung Từ đưa hoàng tử Sảm lánh nạn về quê mình ở Hải Ấp¹.

Những ngày lánh nạn ở vùng quê biển mênh mông trời nước, trên đất liền dân vừa cấy lúa, trồng cói vừa làm nghề chài lưới đánh cá quanh vùng cửa sông và ven biển, chơi bời vài ngày hoàng thái tử thấy buồn chán vì không có gì giải khuây. Bởi trong tình thế nguy cấp, Tô Trung Từ và các cận thần chỉ vội vã rước hoàng thái tử lên kiệu chạy ra bến sông rồi lấy thuyền xuôi sông Cái về thẳng Hải Ấp; do vậy không một đứa a hoàn nào kịp

¹ Phía chân cầu Triều Dương xưa là đất Hải Ấp. Tức là làng ven biển. Nay là đất xã Tân Lễ, huyện Hưng Nhân (Hưng Hà), Thái Bình.

theo hầu việc chăn gối cho hoàng thái tử.

Thấu hiểu nỗi buồn của hoàng thái tử, Tô Trung Từ bèn nghĩ đến đưa cháu gái gọi bằng cậu của mình là con nhà Trần Lý ở thôn Lưu Gia. Trần Thị có sắc đẹp chim sa cá lặn đang trong độ tuổi dậy thì, đã có nhiều đám ướm hỏi nhưng Trần Lý đều chê không phải chỗ môn đăng hộ đối nên không gả. Theo kế ấy, Tô Trung Từ ngầm báo với Trần Lý soạn sửa nhà cửa, lo yến tiệc thết đãi và cho con gái ra hầu hoàng thái tử.

Bữa nọ Tô Trung Từ sai lấy kiệu sửa soạn rước hoàng thái tử đi chơi quanh vùng, bỗng có tiếng nhạc leng keng của chiếc xe song mã đang tiến vào cổng. Xà ích vừa dừng cương thì từ trên xe bước xuống một người to, cao mặt vuông chữ điền, mắt sáng da rám nắng, đầu quấn khăn nhiễu màu nâu, áo quần bằng một thứ lụa đắt tiền. Trái với phục sức có vẻ sang trọng, người này đi có dáng hơi khòng khòng, chân tay to bè, toát ra vẻ thô thô của người ưa làm việc nặng chứ không có cốt cách của một bậc nho giả hoặc trí giả. Người ấy bước thẳng vào sân nhà nơi sát cổng kiệu có Tô Trung Từ và hoàng thái tử đang xem gia nhân sắp kiệu.

Tới chỗ hai người đang đứng, Tô Trung Từ quay ra vội reo lên:

- A, bác cả! Bác sang chơi.

Đoạn ông chấp tay nói:

- Tâu hoàng thái tử, đây là anh rể của thân, tên là Trần Lý, nhà phú hộ giàu có nhất trong vùng.

Nghe nói hoàng thái tử, Trần Lý làm ra vẻ run sợ liền quỳ xuống vái:

- Tâu hoàng thái tử, kẻ quê hèn này có mắt như đui, xin hoàng thái tử tha tội.

Thái tử Sám cười tươi tấn liền đáp:

- Ông có tội gì đâu, đứng lên kéo lăm hết áo quần rồi.

Trần Lý đứng dậy lại hỏi:

- Tâu, hoàng thái tử đi kinh dinh hay đi vi hành?

- Vi hành gì đâu, ở kinh đang có loạn, ông diện tiền đưa ta về đây tạm lánh ít ngày, dẹp xong giặc ta lại về kinh.

Trần Lý liền soãn suốt:

- Tâu hoàng thái tử, được ngài giá lâm thực là đại hạnh cho dân chúng vùng này. Nếu hoàng thái tử không chê nơi thôn ấp nghèo hèn, xin hoàng thái tử ghé chơi bên hương ấp. May quá bữa nay kẻ quê hèn này ghé thăm Hải Ấp một cách vô tình lại được diện kiến long nhan và cả Tô đại nhân, Trần Lý cười lấy lòng, hai bàn tay xoa xoa vào nhau, lại nói: - Tiện xe, xin rước hoàng thái tử. Vừa nói ông vừa chỉ về phía chiếc xe hai ngựa kéo đang đứng chờ ngoài cổng. Đoạn ông nói tới Tô Trung Từ:

- Đại nhân, xin ông mời hoàng thái tử giúp tôi một câu.

Tô Trung Từ nhìn thẳng vào hoàng thái tử nói:

- Tâu thái tử, chủ nhân của Lưu Gia¹ thôn đây là một bậc hào kiệt, thái tử nên ghé chơi, biết đâu chẳng chiêu mộ thêm được những người phù giúp đáng tin.

Nghe Tô Trung Từ nói, hoàng thái tử tự nghĩ: “Trong lúc ta lánh nạn lại gặp người hào kiệt, nếu thu dụng được chắc sẽ có ích cho việc phục hưng đất nước, chi bằng ta cứ nhận lời y xem sao”. Đoạn thái tử quay ra nói với cả Trần Lý và Tô Trung Từ:

- Đa tạ ông có lời mời, nhưng Trung Từ có đi ta mới an tâm.

Tô Trung Từ vội nói:

- Tâu hoàng thái tử, thần theo hầu hoàng thái tử sao lại có chuyện không cùng đi.

Nói đoạn ông xăm xăm bước ra xe. Cả hai người cùng nhường bước mời hoàng thái tử lên xe.

Ngựa vừa sai vó được một lát thấy cờ quạt cấm đầy đường, trống chiêng thúc inh ỏi.

Thái tử Sảm hỏi Trần Lý:

- Làng ông có hội à?

- Tâu hoàng thái tử, đó là lũ gia tướng của thần đang cho quân tập luyện.

Thái tử hơi nghi ngại tự hỏi: “Nhà hào phú lại có gia binh sao? Từ xưa tới nay triều đình có thời nào cho phép dân chúng được lập gia binh. Vậy mà nhà hào

¹ Lưu Gia nay là thôn Lưu Xá, huyện Hưng Nhân (Hưng Hà). Thái Bình.

này vừa có gia binh lại có cả gia tướng”.

Như đọc được nổi niềm băn khoăn của hoàng thái tử, Trần Lý bèn phân trần:

- Tâu hoàng thái tử, đúng là phép nước triều ta cấm các nhà dân không được tàng trữ các đồ hung khí, các triều trước còn cấm người dân khi đánh nhau không được dùng các đồ nhọn, kể cả những vật ấy làm bằng tre, gỗ. Dân chúng răm rắp nghe theo. Vì sao vậy? – Tâu hoàng thái tử, là bởi triều đình giữ gìn an ninh từ chốn biên thùy đến phường phố, cả những nơi thôn cùng xóm vắng đều không có trộm cướp. Vậy thời người dân sao còn phải dùng các thứ vũ khí, kể cả hung khí để tự vệ nữa. Còn như bây giờ, vô phép thái tử, giặc cướp nổi lên như rươi, quân triều đình không đủ sức đánh dẹp. Dẫu có đánh cũng không dẹp được, là vì quân của triều đình không mạnh bằng quân của các đảng cướp.

Thái tử chùng như đã hiểu. Ngài cho điều người chủ ấp Lưu Gia này nói thật có lý. Ngay ở kinh thành, quân Thánh đức, quân Tứ sương cũng có bảo vệ nổi hoàng thành dẫu, vì vậy ta mới phải di lánh nạn. Cũng chẳng biết vua cha phiêu dạt về đâu hay đã lọt vào tay đảng cướp rồi. Bởi vậy Lưu gia thôn có gia binh hoặc gia tướng cũng là việc do thời thế tạo nên.

Xe càng đi vào trong ấp càng thấy tiếng chiêng, trống rộn rã, lại nghe cả tiếng hô quân “bắn” hoặc hô “chạy”, hô “dừng” đủ biết đang có nhiều bãi luyện

quân. Và đây đó từng toán quân vài ba chục người quần áo gọn gàng, bước đi nghiêm chỉnh, cung tên, giáo mác đầy đủ tỏ là một đội quân có kỷ cương.

Khi xe dẫn vào cổng ngõ nhà Trần Lý, hàng trăm quân đứng thành hai hàng chào đón, pháo nổ đi đùng, xác pháo đỏ rợp lối đi, khói pháo phủ mờ như một màn sương đùng đục. Xe dừng trước bậu sân, Trần Lý và Tô Trung Từ xuống xe đỡ hoàng thái tử. Đi qua chiếc sân rộng tới bốn năm sào lát gạch đỏ au. Nhà cửa san sát tòa ngang dãy dọc nom như một tiểu triều đình.

Trần Lý mời hoàng thái tử vào gian đại sảnh. Giữa nhà đặt một đỉnh trầm bằng đồng đen cao bằng đầu người, khói trầm tỏa nhẹ, mùi hương trầm dịu ấm. Đối diện với đỉnh trầm phía gần sát tường có một giá cắm binh khí làm bằng bạc, cán bằng đồng sáng lóa như: qua, trùy, đao, kiếm, kích, bát sà mâu, giáo, thuẫn. Phía trên treo bức đại tự sơn son thếp vàng năm chữ: "TỨ HẢI GIAI HUYNH ĐỆ". Các cột đều ốp câu đối sơn mạ vàng son lộng lẫy.

Nhà vua hết ngó nhìn chiếc sân rộng lại nhìn sang các dãy nhà làm theo hình nội công ngoại quốc lớp lang quy củ gọn gàng, thênh thang sạch đẹp. Ngược nhìn bức đại tự hoàng thái tử đọc và suy ngẫm về năm chữ này. Nghĩa của nó thật đơn giản: "Bốn bề đều là anh em". Chứng tỏ chủ nhân là người có bụng quảng giao. Đành là vậy, nhưng ở đây còn ngẫm một ý khác, tức là các đảng mà chủ nhân đây chủ trương sẽ thâu nhận người

tứ xứ, khách giang hồ, dân mã thượng, những kẻ đào vong, đầu trộm đuôi cướp... tất tạt đều được dung nạp và coi nhau như tình huynh đệ. Cái ý sâu xa ấy hoàng thái tử Sảm với cái tuổi mười bảy non nớt như một chú nai lạc rừng kia sao mà hiểu nổi.

Chủ nhân kính cẩn mời hoàng thái tử ngự trên một chiếc sập gỗ hoàng đàn thơm phức, còn Trần Lý và Tô Trung Từ đứng hầu bên cạnh bộ tràng kỷ kê trước sập.

Hoàng thái tử phẩy tay nói:

- Các ông ngồi xuống cho đỡ mỏi, không cần phải đứng hầu ta như vậy.

Gia nhân bê lên một chậu nước thơm còn ấm nóng, mấy sợi khói chậm chạp bay trên miệng chiếc thau đồng. Một thiếu nữ bê chậu nước thơm, một thiếu nữ bê một chiếc khay với cả một xấp khăn khô mới tinh.

Thái tử lấy một chiếc khăn tự rửa mặt. Và ngài lau tay đúng bảy lần, mỗi lần một chiếc khăn.

Thái tử liếc nhìn hai thiếu nữ xinh đẹp, lòng ngài đã chọn rợn. Bởi mấy bữa nay xa kinh thành, đêm nằm không có một a hoàn nào xoa bóp chân tay, cũng không có một cung nữ nào hầu chần gối qua đêm khiến giấc ngủ cứ băng khuâng, chập chờn.

Thái tử vừa ngồi vào sập, mấy trà đồng liền tới dâng hầu một chén trà sen thơm phức. Lúc này Tô Trung Từ và chú nhân Trần Lý đã ngồi vào hai bên ghế tràng kỷ cùng uống nước hầu thái tử.

Tô Trung Từ đưa mắt ra hiệu cho Trần Lý xong lại

liếc nhìn về phía nhà ngang. Chủ nhân hiểu ý, ông vẫy tay gọi một tên gia nhân tới ghé tai nói nhỏ.

Gia nhân cơ cẳng chạy thẳng xuống khu nhà ngang. Một lát sau Tô thị tức phu nhân của Trần Lý dắt tay tiểu thư dáng e lệ nép vào sau vai bà. Hai mẹ con đều vận áo dài nom đến là duyên. Phu nhân vận chiếc áo dài gấm màu đồng, bên ngoài phủ bằng chiếc áo dài the bóng, váy nhiễu tím, thắt lưng lụa sồi màu đen, các tua dóc sấn mềm mại, cổ đeo vòng ngọc, khuyên tai bạc, thắt lưng đeo bộ dây xà tích bạc dài tới gần đầu gối, mắc chùm chìa khóa, chiếc dây lưng đeo quá đào là ống đựng vôi ăn trầu, chân đi dép da trấu. Tiểu thư vận áo dài lụa mềm màu thiên thanh, dây lưng lụa mỏng màu hoa lý, di hài cườm, trên đầu chít một dải khăn nhung màu huyết dụ, quăng giữa trán đính một miếng bích ngọc to bằng ngón tay cái, giữa miếng ngọc lại khảm vào đấy một viên kim cương to bằng đầu ngón tay út. Viên kim cương bắt sáng cứ lóa lên từng chùm tia sáng soi tỏ gương mặt kiều diễm của tiểu thư. Nàng bước đi yếu điệu như con nhà khuê các chứ không phải con của lão phú hào làm ruộng và đánh cá. Nàng có đôi mắt đen lúng liếng, đôi má lúm đồng tiền, chiếc mũi thẳng, cặp môi mọng đỏ như tô son, da trắng hồng. Thật không ai có thể ngờ ở cái vùng dân cư làm ăn lam lũ này lại sản sinh ra một người con gái đẹp làm vậy. Không phải cha mẹ nàng chăm sóc nàng như các tiểu thư của các nhà thế gia vọng tộc như ở Thăng Long, suốt ngày chỉ

quanh quẩn trong khuê phòng học hành chữ nghĩa, thêu thùa và đàn địch; trái lại tiểu thư của nhà Trần Lý lại lam làm đủ mọi việc từ chăn trâu cắt cỏ đến đánh chất, đánh chuyền cũng lam lũ như con cái các nhà khác. Tuy nhiên cô bé không phải vất vả như con các nông phu hoặc ngư phủ nghèo hèn mà cô làm các việc cũng như cô tham gia một thứ trò chơi chứ không phải vì cuộc mưu sinh. Trong vùng người ta cứ gọi cô là tiểu thư vì cô có nhan sắc, lại là con của một phú hào chứ thực đồng giống nhà này chưa được dự vào thứ bậc đó.

Hai mẹ con vừa bước vào gian đại sảnh đã khiến hoàng thái tử chú mục nhìn cô gái một cách đắm đuối. Tô thị dẫn con gái tới gần mép sập rồi hai mẹ con cùng cúi đầu vái hoàng thái tử.

Hoàng thái tử cứ ngây mắt nhìn cô bé mà không để ý đến việc đáp lễ.

Trần Lý thật không ngờ con mình đã ngay lập tức lọt mắt xanh của thái tử, người sẽ được kế vị vua cha trị vì ngôi báu. Trong đầu óc lão rộn lên biết bao ý nghĩ tốt đẹp cho một tương lai rực sáng của cánh họ Trần.

Hầu hạ thái tử đã lâu, chưa bao giờ Tô Trung Từ thấy người tỏ ra háu gái như lúc này. Thực tình ông hơi ngưỡng nhưng ông mạnh dạn nói:

- Tâu hoàng thái tử.

Nghe tiếng nói của Tô Trung Từ, thái tử Sảm mới giật mình rời mắt khỏi cô gái.

- Gì đó? - thái tử hỏi.

- Thần chỉ muốn nói, nếu thái tử thực bằng lòng cô bé này, muốn đưa về cung lập nàng làm phi thì xin thái tử ban chỉ, phú ông đây sẽ tiến dâng.

Đoạn ông quay sang nói với Trần Lý:

- Nếu hoàng thái tử có lòng, ắt phú ông không dám cưỡng mệnh, có phải không?

- Dạ phải! Phận thần tử chúng tôi được bề trên đoái đến sao chẳng vâng lời.

- Vậy há? - Hoàng thái tử nói. Vậy thì các người hãy nghe ta nói: - Ta bằng lòng lập nàng này làm phi tử bây giờ. Chờ khi ta được vua cha truyền ngôi sẽ chính danh vị.

Hai vợ chồng nhà Trần Lý bèn phủ phục:

- Chúng thần xin tuân chỉ!

Tô thị vít đầu con gái xuống: - Kia con tạ ơn hoàng thái tử đi.

Cô gái ngoan ngoãn làm theo lời mẹ vội quỳ lạy:
- Tạ ơn hoàng thái tử.

Mọi người đều an tọa trên hai chiếc ghế tràng kỷ như hai hàng văn võ châu hoàng thái tử đang ngồi chễm chệ trên mặt sập.

Cuộc hôn nhân ngẫu nhiên mà thành. Nhẽ ra theo trình tự, phải có người tiến dâng, tức các đại thần tiến dâng ái nữ. Phải có đủ ngày tháng năm sinh để các quan lấy số so tuổi, khi thấy hợp rồi hẹn ngày tốt, đông tây thượng cấp môn sứ biện lễ rồi mới rước về cung.

Nay vì thời loạn nên mọi sự đều châm chước. Nhà Trần Lý được hoàng thái tử đáo gia lại được tiến dâng ái nữ coi như phúc đáo trùng lai, thật không còn mong ước gì hơn nữa.

Trần Lý bèn sai gia nhân lập tức dọn dẹp phòng ốc để đêm nay cho hoàng thái tử động phòng hoa chúc.

Thái tử liền khoát tay rồi chỉ vào ái nữ của nhà Trần Lý hỏi:

- Ta chưa biết danh tính và niên kỷ của người này?

Trần Lý cung tay thưa:

- Tâu hoàng thái tử, con gái của thân họ Trần tên thường gọi là Dung, tức Trần Thị Dung, hạ thân sinh cháu năm Bính Thìn (1196). Hoàng thái tử gạt đầu thềm nghi: “Vậ nàng kém ta hai tuổi”.

Vừa lúc đó đám con cháu nhà Trần Lý từ bãi tập về. Nghe tin có hoàng thái tử đến nhà vội lên nhà đại bái xem mặt. Thật tình mấy chàng trai vùng biển này hiếu kỳ hơn là sự kính ngưỡng.

Ba người trai cao to, khỏe mạnh bước vào nhà nhìn thấy cảnh cha mẹ, cậu và em gái đang có vẻ từng phục một người con trai mảnh mai ngồi chễm chệ giữa sập, đều đoán người này hẳn là hoàng thái tử Sâm.

Ông Trần Lý vội nói to:

- Tâu hoàng thái tử, mấy đứa này là con, cháu của thân.

Ông quay ra bảo các con, cháu:

- Sao còn chưa quỳ lạy hoàng thái tử.

Ba chàng trai có vẻ miễn cưỡng cúi thấp đầu vái hoàng thái tử hai vái.

Đoạn Trần Lý nói:

- Tâu hoàng thái tử, hai đứa này là con của thần. Đứa lớn tên Trần Thừa, ông chỉ vào người đứng đầu có dáng người to, cao, nước da đỏ hồng hào vì nắng gió miền biển. Lại chỉ vào người đứng kế bên: - Đây là đứa thứ hai tên Trần Tự Khánh, người này có cặp mắt sáng, trán cao, mũi nhỏ, cằm hơi thót, nước da ngăm ngăm. Trần Tự Khánh tỏ là một người thủ đoạn, mưu lược chứ không có vẻ chân chất như người anh Trần Thừa. Đoạn ông lại chỉ vào người thứ ba: - Đây là Trần Thủ Độ, cháu gọi thần bằng bác. Thủ Độ mới lớn, nó sinh năm Quý Sửu (1193) năm nay đã vào tuổi mười tám, tuy nhỏ nhưng có khiếu năng làm tướng nên theo miết hai anh. Trần Thủ Độ trán rộng, mắt to, lông mày xéch, tam đình ngũ nhạc nở nang, tóc xoăn rẽ tre, người có dáng còn đang lớn. Tướng mạo có phần sắc sảo, hùng dũng hơn hai người anh họ.

Hoàng thái tử để ý cả ba người, thấy hai người có tên Trần Thừa, Trần Tự Khánh có vẻ điềm đạm vì đã ở tuổi trưởng thành, còn tên Trần Thủ Độ, y hơn ta một tuổi, nhưng sao y cứ quàu quạu cái mắt nhìn ta.

Thật ra thì Trần Thủ Độ đâu dám mạn xược với hoàng thái tử, chẳng qua y quàu quạu đôi mắt nhìn về phía thái tử là vì cạnh thái tử là cô chị họ Trần Thị Dung

cứ đứng sát vào thái tử, mà Thủ Độ từ ít lâu nay đã để ý đến người chị họ xinh đẹp này tuy chàng chưa dám tỏ tình, nhưng trong lòng đã thâm yêu.

Ngày chiều hôm đó nhà Trần Lý cho mổ tới cả chục con trâu bò, gọi cả làng đến cho ăn, lại thông báo cho mọi người biết người con gái út của ông đã thành thân với hoàng thái tử.

Đêm ấy, ngoài sân lớn các gánh chèo đua nhau đến hát mừng thâu đêm. Dân làng được xem hát thả cửa, ăn thả cửa. Trong khi đó tại ngôi nhà biệt lập thường dành làm nơi hội họp hoặc tiếp đãi tân khách ở phía sau, Trần Lý sai dọn dẹp rồi kê giường trải nệm, đốt trầm, thấp bạch lạp cùng các đồ trang trí thật lộng lẫy để hoàng thái tử động phòng cùng với con gái mình là Trần Thị Dung.

Hoàng thái tử Sảm từ khi mới nhìn thấy Trần Thị Dung đã như bị hấp hồn. Và từ hôm chạy giặc tới nay đã gần một tuần chỉ ngủ một mình không có người con gái nào ưng ý để cùng chung chăn gối, thái tử thấy trong người bức bối khó chịu. May thay sớm nay Trần Lý lại đến mời và dâng con gái. Ấu cũng là duyên trời dun dùi. Mới chưa quá giờ tuất, hoàng thái tử đã sai tắt bạch lạp lên giường cùng người đẹp ân ái.

Việc chăn gối chung đặng với con gái, hoàng thái tử chẳng có gì xa lạ. Từ năm mười ba mười bốn tuổi lữ thái giám và đám cung nữ đã dạy cho, nên thái tử đã thành thạo từ tuổi mười lăm. Năm nay thái tử vào tuổi

mười bảy, cái tuổi làm gì cũng hăm hớ, cả thềm chóng chán. Ấy là với các công việc như học hành, đọc sách hoặc phải xử lý một vài điều rắc rối trong việc đánh dẹp giặc cướp mà các quan hỏi đến, chứ còn việc chặn gổì chung đụng với đám cung nhân thì hầu như thái tử không biết chán.

Trái lại Trần Thị Dung, cô gái mới lớn thì đây là lần đầu tiên tiếp xúc với đàn ông, nàng tỏ ra lúng túng và có phần sợ hãi hơn là thích thú. Được hoàng thái tử là người tuy hám dục nhưng không phải là kẻ bạo dâm, nên mọi việc trở nên êm thuận. Và hầu hạ thái tử đến lần thứ hai, thứ ba trong đêm nàng cảm thấy sung sướng đến mê mê, tuy không còn sợ nữa nhưng sau mỗi lần giao hoan vẫn thấy hơi đau đau ran rát, nhưng niềm vui sướng thì tràn ngập. Và mỗi khi ánh ngày lên, nàng cảm thấy vô vị và chỉ mong sao cho mặt trời đừng có mọc.

Tô Trung Tử thấy cảnh diễn ra mau chóng quá. Trong thâm tâm ông không vui mà cũng chẳng buồn. Ông gọi Trần Lý ra nói:

- Bác phải cho đám gia binh thân tín nhất bảo trọng hoàng thái tử. Phúc nhà bác lớn lắm đó. Nhưng nếu để xảy ra điều gì sơ suất thì hoạ cũng lớn lắm đấy. Thôi, tôi về đây. Mai sớm tôi lại sang hầu thái tử.

Trần Lý gật gù:

- Mặt biển, mặt sông, các ngã đường tôi đều cho trấn cả. Trong hương ấp và tư gia tôi và Trần Tự Khánh

dảm nhiệm. Vòng ngoài thì giao cho Trần Thừa, Trần Thủ Độ cảnh giới.

- Thôi được, bác cẩn thận như vậy tôi rất yên tâm.

Tô Trung Tử về rồi, Trần Lý cho gọi các con và cả Trần Thủ Độ đến, ông nói:

- Việc hoàng thái tử nhận con Dung nhà ta làm phi, bước đầu như thế là thuận lợi cho họ Trần nhà mình lắm. Mai đây hoàng thái tử nắm giữ ngôi tôn ắt con Dung sẽ trở thành chánh cung hoàng hậu thời việc đưa người nhà mình vào trong triều không phải là việc khó.

Cho nên việc bảo trọng hoàng thái tử, cha con ta phải hết sức cẩn thận. Vậy ý các con thế nào?

Trần Thừa nói:

- Con nghe sau khi nhà vua và thái tử mỗi người chạy một nơi thì Quách Bốc đã lập hoàng tử Thẩm lên nắm giữ ngôi tôn rồi. Vậy thái tử Sảm và cả vua cha, hai cha con đều bị phế, mình phò thái tử Sảm liệu có mang họa không?

Trần Thủ Độ cũng bộp chộp nói luôn:

- Bác ạ, theo cháu, bác cứ lấy đầu thái tử Sảm đem về kinh nộp cho vua mới để được công lớn có hơn không. Thật ra Thủ Độ đã đem lòng thầm yêu Trần Thị Dung, nên rất ghét kẻ chiếm đoạt mất người mà mình yêu.

Trần Tự Khánh trừng mắt nhìn Trần Thủ Độ mắng:

- Chú cứ xử như một đứa võ phu. Hoàng tử Thẩm là do Quách Bốc lập nên. Vua đang tại vị phải bỏ kinh

thành chạy, thế thì Quách Bốc là giặc của nước chứ. Hoàng tử Thẩm năm nay mới tám tuổi bị ép lên ngôi thì cái triều đình ấy là nguy triều, sao có thể sai khiến được thiên hạ. Việc cha phò hoàng thái tử Sảm là danh chính ngôn thuận, vì Sảm đã được lập làm Đông cung chờ vua cha truyền ngôi hoặc khi đương kim hoàng thượng băng thì nối ngôi. – Thưa cha, Trần Tự Khánh quay ra nói với Trần Lý: – Thưa cha, việc cần làm của ta trong lúc này là không nên tiếc sản nghiệp, phải tung của nả ra mà chiêu tập anh tài, chiêu mộ đám nông phu có sức khỏe để ta có được một đội quân mạnh. Chỉ có nhiều quân thì mới giữ được hoàng thái tử Sảm để sai khiến thiên hạ.

Trần Lý gật gù khen:

- Tự Khánh nói rất hợp ý cha. Thiên hạ lúc này đang đại loạn. Chính lệnh triều đình không còn có hiệu lực nữa. Các đầu mục nổi lên như nấm mà triều đình gọi là giặc. Nhưng triều đình không có đủ quân chia đi các ngả mà dẹp giặc. Hoặc không dẹp được vì quân triều đình yếu hơn quân các đầu mục. Thiên hạ đại loạn, lòng dân phân tán chưa biết hướng về đâu. Cho nên thế lực nào mạnh mà lại kéo được nhà vua về phía mình, thế lực ấy sẽ thắng.

Trần Thừa hỏi:

- Thưa cha, nếu như cha nói vậy thì việc cha con mình nổi lên đây cũng là giặc cả sao.

- Đúng thế con ạ. Nếu ta theo triều đình thì là

thuận. Ta chống lại triều đình thì là giặc. Các đầu mục nổi lên lúc này đều có ý tranh thiên hạ. Ai tranh được thì làm vua. Ai không tranh được thế tất bị coi là giặc. Cha con ta buộc phải tổ chức binh lực trước hết để tự vệ, nếu không các thế lực khác họ cũng thôn tính ta. Bây giờ ta đã mạnh lên rồi, không những ta có thể chống được cướp mà còn đi cướp của thiên hạ. Còn tại sao thiên hạ lại nổi dậy chống lại triều đình là bởi Cao tông coi thiên hạ là của riêng mình, chỉ biết bòn rút máu xương dân lành xây dựng đền đài cung điện và rong chơi cho thỏa. Dân chết đói tới quá nửa mà vua vẫn thân nhiên ăn chơi đến cùng xa cực xỉ. Pháp luật không còn là chuẩn mực để phân biệt phải trái, ngay gian mà nếu xảy ra kiện tụng thì vua cho các quan xử kiện, bên nào đút lót nhiều bên ấy thắng kiện. Hai bên cùng tranh chấp khối tài sản lớn thì cả hai bên đều thi nhau đút lót. Quan nhận của cả hai bên rồi tịch thu khối tài sản đó sung công. Tất cả các của đút lót và tài sản tịch thu được đều phải nộp về kho nhà vua hoặc thuộc quyền nhà vua. Như thế có khác gì vua là một tên cướp có thế lực lớn nhất nước. Đó chính là đầu mối của việc thiên hạ đại loạn. Để lấy lòng dân, năm Đinh Mão (1207) nhà vua ban: “Truy hối tiền quá chiếu” (Chiếu hối lỗi). Nhưng tới nay đã ba năm, xét ra nhà vua không đổi một lỗi nào. “Chiếu hối lỗi”, thực ra chỉ là một trò xảo trá, nhằm xoa dịu đám dân ngu, chứ lừa sao được người trí. Thử hỏi vì sao Quách Bốc dám đánh vào tận

cung vua. Ấy bởi chủ của y là Phạm Bình Di được vua phái đi đánh Phạm Du đang cầm đầu đảng cướp khiến dân chúng ta oán. Phạm Du là quan của triều đình sai đi trấn trị châu Nghệ An mà công nhiên chiêu mộ đám giang hồ tứ xứ đi giết người cướp của.

Phạm Bình Di dồn ép mãi Phạm Du thua chạy về triều dứt lót vàng bạc cho vua. Vua sai triệu Phạm Bình Di về cho Phạm Du giết.

Tướng của Phạm Bình Di là Quách Bốc bất bình đem quân phá cửa Việt Thành định giết vua. Vua chạy mất thì Quách Bốc lập hoàng tử Thẩm là con nhỏ của Cao tông lên nối.

Cho nên lúc này ai khéo lời kéo dân chúng, ai chiêu mộ được nhiều quân lực mà lại nắm được nhà vua hoặc hoàng thái tử trong tay, tức là nắm được ngọn cờ chính thống lại có cơ mưu hành động nữa tất sẽ sai khiến được thiên hạ.

Trần Tự Khánh nói:

- Thưa cha, nếu làm được như cha nói thì không những sai khiến được thiên hạ mà còn được thiên hạ nữa chứ.

- Phái, nhưng tùy cơ ứng biến con ạ. Lúc này thế lực của nhà Lý còn nhiều lắm, nếu kẻ nào định giương ngọn cờ phất Lý cũng tức là xui các thế lực, vây cánh của nhà Lý liên kết lại với nhau, anh tài lại xuất hiện thì nhà Lý có thể chấn hưng được lắm mà các lực lượng nổi dậy sẽ lần lượt bị dập tắt.

- Thưa bác, tại sao ta không chiêu mộ thật nhiều dân tứ xứ để huấn hõ cho chúng thành quân lính, rồi ta phải đánh ra tứ phía, cướp lấy đất đai, của cải và dân chúng để tăng thế lực của ta.

- Thủ Độ giỏi lắm! - Trần Lý khen. Chính bác cháu ta đang làm việc đó, lại thêm có trời giúp nên Tô Trung Từ mới dẫn hoàng thái tử Sâm về đây. Nếu ta kiên tâm và dũng lược, việc lớn chắc thành.

Lại nói hoàng thái tử Sâm được chỗ nương nấu yên thân lại được gia chủ dâng con gái đẹp, hầu hạ chẳng kém gì ở trong cung liền phong cho Tô Trung Từ tức là người cậu của Trần Thị Dung chức diện tiền chỉ huy sứ. Phong cho cha của Trần Thị Dung tức Trần Lý tước minh tự.

Lực lượng của cánh họ Trần đã nổi, bèn đưa binh đi dẹp loạn rồi đón vua Cao tông về Thăng Long bắt được bọn Quách Bốc đem trừng trị, khôi phục chính đạo.

Về tới cung được vài ngày, vua sai thượng phẩm phụng ngự Đỗ Quảng đem quân đến nhà Tô Trung Từ đón hoàng thái tử Sâm về kinh sư. Vua cũng tha tội cho những người trót theo Quách Bốc.

Trong khi dẹp loạn, nhà phú hộ, tướng quân Trần Lý đã bị bọn giặc bắn lén giết chết, con thứ là Trần Tự Khánh lên thay cha cầm quân được hoàng thái tử Sâm phong tước Thuận lưu bá.

Trước trăm quan, Dàm Dĩ Mộng cùng hai mươi tám người theo Quách Bốc lập hoàng tử Thẩm đến châu

vua, tạ tội.

Đỗ Anh Triệt chỉ mặt Đàm Dĩ Mộng mắng: “Người làm đại thần đã chứa lòng không vua, chịu chức tước của giặc, nay lại đứng ngang hàng với ta, ta dù bất tài, nhưng mặt mũi nào đối diện với người”.

Đàm Dĩ Mộng vừa sợ vừa hổ thẹn bèn lui ra. Vua thấy trong người không khỏe, gọi hoàng thái tử Sâm đến phân trần: “Đất nước hiện đang lâm vào rối ren, lỗi tại cha. Suốt mấy chục năm cầm quyền cha sao lãng lời răn của tiên đế. Mệnh cha chưa biết thế nào, nhưng cha ra đi gánh nặng xã tắc đặt lên vai con, mà con cũng chưa được trưởng thành. Bấy tôi thì không thấy có người nào xuất chúng để ta ký thác cho con nương tựa. Vậy con hãy ráng sức tu đức cho nghiêm cẩn, dùng lấy người tốt, người có tài, sèn kiệm, tiết dục, xa lánh bọn siểm nịnh chắc rồi sẽ chấn hưng được đất nước. Cha không có lời khuyên nào khác để lại cho con, cha chỉ muốn nhắc lại lời của tổ nội (Anh tông) khuyên cha lúc lâm chung, nay ta để lại cho con. Người dạy ta rằng: *“Nước ta non sông gấm vóc, nhân tài tuấn kiệt, đất thiêng, châu ngọc bảo bối không cái gì không có, nước khác không thể nào ví được. Con hãy giữ nước cẩn thận”*.

Cả cuộc đời Lý Cao tông chỉ có ăn chơi sa đọa, thông thạo đủ các ngón nghề trác táng, lại ham xây cất cung điện, bỏ mặc dân chúng lâm than, chết đói tới quá nửa nước mà vua vẫn không tỉnh ngộ. Khi giặc cướp nổi

khắp nơi, dân rú nhau làm loạn, vua vờ xuống “Chiếu hối lỗi”, nhưng chứng nào vẫn tạt đó đến nỗi Quách Bốc đem quân vào phá kinh thành làm loạn kỷ cương, phép tắc.

Trong thiên “Ngũ từ thi ca” của Kinh Thi có câu: “Bên trong thì mê gái đẹp, bên ngoài thì mê săn bắn, ham rượu thích nhạc, nhà cao tường vờ, người nào phạm một trong những điều ấy thì chưa bao giờ không bị diệt vong”. Thế mà vua Cao tông kiêm đủ các điều ấy thì còn gì để nói nữa.

Cuối tháng mười năm Canh Ngọ (1210) vua băng ở cung Thánh Thọ, ở ngôi ba mươi sáu năm, thọ ba mươi tám tuổi. Hoàng thái tử Sảm lên ngôi ở trước linh cữu, năm ấy nhà vua mới mười bảy tuổi.

XXVIII

Quách Bốc đánh vào cung thất, Lý Cao tông và thái hậu chạy một nơi, hoàng thái tử chạy một nơi. Lúc trở về triều, hoàng thái tử đã có vợ. Đó là Trần thị (Dung) con gái nhà Trần Lý ở thôn Lưu Gia, phủ Long Hưng.

Thái tử Sảm lên ngôi tức Lý Huệ tông. Nhà vua người mảnh mai, sức yếu, tinh thần lại càng yếu đuối, gặp lúc thế nước suy vi, các thế lực đua nhau nổi lên tranh thiên hạ, dân đói tụ nhau đi cướp của giết người. Khắp nước không một nơi nào được bình yên, kể cả cung vua. Dân đói khát lam lũ lưu tán kiếm ăn, từng dòng người ly hương lưu chuyển như quân đèn cù.

Vua mới chưa làm điều gì hại dân, hại nước nhưng phải gánh chịu hậu quả đau đớn do vua cha để lại. Nhà vua không đủ tài năng và thiên uy để điều hành đất nước, yên định trăm họ.

Vua sai người về Lưu Gia đón Trần thị, Trần Tự Khánh lấy cơ kinh sư chưa yên nên không cho em gái về kinh.

Vua lấy Tô Trung Từ làm Chiêu thảo sứ, Đàm Dĩ Mông làm Thái úy. Sau lại cho Trung Từ chức quan nội hầu.

Chưa đón được Trần thị về cung, lòng vua vẫn chưa yên, lại sai Phùng Tá Chu đi đón.

Vì đã dặn dò dạy dỗ em gái rất kỹ lưỡng, lần này Trần Tự Khánh mới cho Trần thị về cung, lại sai các tướng Phan Lân và Nguyễn Ngạnh đem quân hộ tống.

Nhìn thấy Trần thị, vua vui lắm liền phong làm nguyên phi, lấy Tô Trung Từ làm Thái úy phụ chính, cho Trần Tự Khánh làm Chương thành hầu.

Đoàn Thượng đem binh về kinh sư châu vua và phòng có biến thì hộ giá. Đoàn Thượng và vua trước sau cùng bú một vú của nhũ mẫu nên vẫn có chút tình. Vua xuống chiếu ban cho Đoàn Thượng tước hầu lại sai ra trấn châu Hồng. Vua nói:

- Châu Hồng là kho của kho người, người ra đó thay triều đình chặn đất cho lương dân đỡ đói khổ và làm thế ý dộc cho kinh sư.

Đoàn Thượng vâng mệnh ra trấn châu Hồng, trước khi đi nói riêng với vua rằng:

- Bệ hạ nên canh chừng Trần Tự Khánh, thần nghe tin y sắp đem binh về kinh sư mưu việc cái lập. Thần ra đi mà vẫn không an tâm, nếu có biến, bệ hạ cho sứ triệu gấp, thần sẽ đem quân về hỏi tội anh em nhà nó.

Nói xong, Đoàn Thượng kéo quân đi.

Trong khi Huệ tông còn đang phân vân chưa hiểu

lòng dạ Trần Tự Khánh thế nào nên chưa doan quyết thì Đàm thái hậu được tin liền nói với vua:

- Hoàng nhi, con định xử thằng giặc đó thế nào?

- Tâu mẫu hậu, Đoàn Thượng nói thế thôi chứ đã có chứng cứ gì đâu. - Huệ tông đáp.

- Con thật ngu ngơ quá chừng, chờ có chứng cứ thì nó đã vào cung thất, mẹ con ta lên đoạn đầu dài.

Nhìn Huệ tông dăm dăm một lúc, thái hậu lại nói:

- Theo ta, con nên đuổi đưa con gái con nhà Trần Lý ấy ra khỏi cung ngay. Nó chui vào đây cốt làm nội gián cho anh em nhà nó đấy. Rồi con kíp sai các tướng đi bắt Trần Tự Khánh về trị tội.

Thấy nhà vua còn trù trừ, thái hậu lại giục:

- Nếu con không nghe ta, cơ nghiệp tiên đế để lại khó mà vẹn toàn được.

Huệ tông đành xuống chiếu giáng nguyên phi xuống hàng ngự nữ và sai các đạo đem binh đi dẹp Trần Tự Khánh.

Các đạo nhận chiếu nhưng đều án binh bất động. Vì lộ nào cũng để quân thủ thế, và lại thế lực của Trần Tự Khánh lúc này đã lớn lắm. Trần Tự Khánh từ khi cha con tụ binh đã thôn tính các vùng lân cận cướp không biết bao nhiêu của cải của thiên hạ, lại có lương thực, vũ khí, mộ được nhiều người theo về. Vì rằng dân đói, chỉ cần được ăn no thì mộ bao nhiêu chẳng được. Hơn nữa Trần Tự Khánh là người mưu mô đờm lược lại được

người em họ là Trần Thủ Độ cũng là một tướng trí dũng mà gan dạ đến li lợm, y tuy còn trẻ nhưng có tài hễ ra quân là thủ thắng.

Đàm thái hậu không phải là người có tài vương tướng nhưng là người có linh giác bén nhạy. Vì thế bên ngoài bà nhận thấy Trần Tự Khánh sẽ là mối nguy cho nhà Lý nên bà xui Huệ tông trừ bỏ Trần Tự Khánh, đuổi Trần thị ra khỏi cung, bên trong bà ngầm sai bắt Nhâm Quốc vương và hai con trai của ông, đem xuống đem chìm chết ở giếng nhà ngự đường. Nhâm Quốc vương chính là con của Anh tông, anh em với Cao tông.

Vì rằng bà nghe phong thanh Trần Tự Khánh có mưu toan cải lập nên bà muốn dứt cái mầm ấy đi. Giết xong ba cha con Nhâm Quốc vương, Đàm thái hậu sai vớt xác phơi khô ngoài cửa cung Lâm Quang để răn các người trong hàng tôn thất chớ có manh tâm ngấp nghé ngôi báu của con bà.

Các quan đều sợ không dám nhìn và cũng không muốn nhìn mặt Đàm thái hậu, duy có tiểu quan là Trịnh Đạo dám tỏ lòng thương xót. Ông đã khóc và khóc rất ai oán: *“Tiên quân đi đâu mà để cho con cho cháu chết thảm như thế này”*.

Đàm thái hậu vờ như không nghe thấy và bỏ đi nơi khác. Liền đó thái hậu lấy em mình là Đàm Kinh Bang cho dự bàn việc triều chính.

Đất nước loạn lạc trăm bề điêu hạo, triều chính nát

mục siêu đồ, quân của triều đình vừa ít vừa yếu, quốc khố cạn kiệt, nhà vua thì nhu nhược bất tài nên không điều khiển được trăm quan, không sai khiến được thiên hạ. Các đầu mục nổi lên cát cứ mỗi kẻ một phương, Duy có cánh họ Trần là mạnh nhất, họ vừa giúp vua, vừa khống chế vua. Lý Huệ tông tựa như một con rối trong tay anh em Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ.

Bà Đàm thái hậu vừa thiên cận vừa tư kỹ thái quá, nhẽ ra phải dựa vào các người tài đảm trong nước và trong hàng tôn thất để vực thế nước hưng lên; nhưng bà đã làm ngược lại, chỉ vì bà sợ các hoàng thúc, hoàng tôn cướp mất ngôi vị của con bà. Vì vậy bà đã cấu kết với những kẻ ngoại thích vừa ngấm ngấm vừa công khai trừ khử cho bằng hết những người trong hoàng gia và hoàng tộc, bởi vậy thế lực của Lý Huệ tông ngày càng suy yếu và cô độc. Người trong nước ai cũng biết kẻ vật hết vây cánh của triều đình làm suy yếu thế nước một cách hung hãn nhất không ai khác ngoài mẹ nhà vua, tức bà Đàm thái hậu.

Chán cánh đất nước suy vong, nhân tài bỏ xó, các bậc trí giả, thức giả, hiền giả cũng thay họ đổi tên ẩn tàng nơi sơn lâm, chùa quán hoặc làm nhà tu hành, hoặc làm người buôn bán, hoặc làm thầy đồ, thầy lang nơi góc rừng xó núi để được yên thân chứ không chịu khuất thân phù giúp kẻ vô đạo.

Lại như việc bà Đàm thái hậu giết ba cha con Nhâm Quốc vương một cách tàn bạo khiến những người trong

hoàng thân quốc thích vừa cảm phần vừa chột dạ. Họ không chỉ lo đối phó với vây cánh họ Trần mà chính là phải chống lại tai mắt của phe đảng thái hậu. Vì vậy, những người có máu mặt trong tôn thất phải lo cao chạy xa bay. Có người dạt lên miền ngược, có người về các miền quê nghèo khuất lấp để mai danh ẩn tích. Trong đó có những người có chí lớn như Lý Quang Bật, Lý Long Tường thì toan tính vượt biển di tá túc ở nước ngoài để chờ thời mưu đại sự. Các ông bí mật cho người nhà ra Vân Đồn mua sắm thuyền bè, lương thực và các thứ cần thiết cho một cuộc vượt trùng dương. Một mặt sao lục ngọc phá, chuyển dân một số đồ thờ gia tiên xuống thuyền, cải dạng làm thuyền buôn ngoại quốc. Các ông ra đi trong âm thầm lặng lẽ vào những thời khắc khác nhau và đều hiểu rằng vận hội nhà Lý đã tới hồi chung cực. Lý Quang Bật, Lý Long Tường đều là những người có tri lực siêu tuyệt, hiểu thời thế. Suy ngẫm sự hành hoá của các đảng tiên liệt thì thấy nhà Lý có dấu hiệu suy vong từ thời Lý Thần tông và các triều đại sau đó ngày càng trượt dài vào con đường u tối. Nhân tài ngày một cạn kiệt, các vua lên ngôi trong tuổi ấu thơ, quyền binh nằm trong tay mấy bà thái hậu ngu hèn, tham ó chuyên tâm cố kết bè đảng cứng cố quyền lực, mê đắm dục lạc. Các vua lớn lên đều là những kẻ yếu hèn, ngu muội coi đất nước như vật sở hữu của riêng mình. Tới đời Cao tông và Huệ tông, hai cha con nhà vua điều hành đất nước tựa như một người xà ích mù giông cổ

xe chở nặng đang lao xuống dốc với con ngựa dữ cùng chiếc dây cương mục trong tay.

Lý Quang Bát giọng thuyền ra khơi được vài ngày thì gặp bão, không biết ông và cả trăm gia nhân trôi dạt về đâu! Lý Long Tường và liêu thuộc cùng con cháu đi trên một chiếc thuyền lớn vào một đêm lặng gió, trời tối đen như mực. Ông ra đi với nỗi buồn ly hương và giữ trong tâm một ký ức hào hùng về các bậc tiên đế anh minh như Thái tổ, Thái tông, Thánh tông... và tự hẹn sẽ có ngày quay trở lại cố hương².

Kinh sư vẫn rối loạn, Trần Tự Khánh và Nguyễn Tự họp nhau ở bến Triều Đông thề làm bạn sống chết có nhau và tận trung với nước. Hai người hoạch định phân chia địa giới cai quản không bên nào xâm phạm bên nào.

Tướng rằng Nguyễn Tự đã thề bồi như thế thì có thể sai khiến, vì vậy vua sai người đến vỗ về quân của Tự liền bị phó tướng của Nguyễn Tự là Nguyễn Cuộc nghi ngờ giết chết.

Vua giận lắm tự đem quân đi bắt Nguyễn Cuộc ở phía ngoài thành bị Cuộc đánh cho đại bại. Vua tháo chạy trong lúc hoảng hốt để rơi thanh kiếm báu thường đeo.

1 Nghe nói Lý Quang Bát gặp bão, thuyền ông phải dạt vào đảo Đài Loan rồi sau đó ông có đi tiếp hay định cư ở đó.

2 Lý Long Tường tới được nước Cao Ly, con cháu sau này hiển hách và đã tìm về quê hương Đình Bảng.

Vua võ ngựa chạy về đến ngô Giao Tác mới thoát hiểm.

Kinh thành trống trải, quân cấm vệ không còn đủ sức bảo vệ nữa. Vua và thái hậu chạy ra nhà đại liệu ban Đồ Thường ở Đông Ngàn tạm lánh, định tìm đường đi Lạng Châu.

Ngự nữ (Trần Thị Dung) mật báo cho Trần Tự Khánh biết. Trần Tự Khánh đến bến Đông Ngàn đón vua. Đỗ dành mời mọc mãi vua và thái hậu mới quay về. Thật ra thái hậu luôn có bụng nghi ngờ Trần Tự Khánh phản phúc, vì tình thế không còn kíp nữa thái hậu mới phải quay về kinh sư.

Trần Tự Khánh cho quân dọn dẹp cung Thánh Nghị rồi rước xa giá vào ngự tại cung đó.

Thái hậu vào lễ trước bàn thờ Phật, thấp hương kêu xin Phật độ cho hoàng triều bền vững, quốc thái dân an. Bà khấn to như để cho Trần Tự Khánh nghe biết: “Xin Phật sai âm binh thần tướng Bát bộ kim cương bóp cổ nổ đầu, học máu tháo tiết lủ gian thần mặt người dạ thú giúp bản triều khôi phục kỷ cương thể thống...”

Đoạn nhà vua đến trước Phật đài vái lạy rồi khấn rằng: “Trẫm là người bạc đức, thẹn nỗi cơ đồ quý báu đến nỗi gặp loạn ly gần sụp đổ cơ nghiệp của người xưa, để cho cung giá phải nhiều lần dời đổi. Nay trẫm muốn thoái vị nhường ngôi trời cho người hiền đức”.

Ai nghe lời khấn cũng đau lòng vì nhà vua chấp chính mới được hơn hai năm nhưng chưa có một ngày được ở yên.

Khẩn xong vua cầm dao định cắt tóc để xuất gia (di tu). Trần Tự Khánh cùng quần thần đều khóc lóc, can mãi vua mới thôi.

Lại nói Đoàn Thượng được phái về Châu Hồng thay vì rèn quân, võ về dân chúng như lời Huệ tông căn dặn, Đoàn Thượng thấy tứ xứ các đầu mục đều tích lũy của cải, chiêu mộ quân lính để tranh thiên hạ, thế là Thượng ra sức vợ vét bóc lột dân lành. Khấp một dải Châu Hồng đất rộng, người đông chẳng mấy chốc thế lực của Thượng cũng ngang ngửa với các đầu mục khác.

Tiếng đồn khắp trong ngoài, các quan đàn hặc Thượng. Vua cho triệu về triều, sai tống giam chờ hỏi tội.

Đoàn Thượng tức giận chạy ra ngoài rút gươm thét lớn rồi mình trần chạy về Châu Hồng hội quân, họp bè đảng, đắp thành, xưng vương, từ đấy triều đình không còn sai khiến được Thượng nữa.

Trần Tự Khánh vẫn tìm được cách thông tin tức qua em gái mình để giữ được nhà vua trong tay, mặt khác thôn tính các thế lực nhỏ, kìm chế các thế lực lớn hoặc thoả thuận phân chia ranh giới như đã làm với Nguyễn Tự.

Tuy nhiên, Trần Tự Khánh có những hành vi khiến không chỉ thái hậu mà cả nhà vua cũng nghi ngờ. Như tự ý đem quân đột nhập cấm thành đốt cầu Ngoạn Thiềm rồi đem quân về chốt ở bến Đại Thông.

Vua sai Đàm Dĩ Mông đem quân đi đánh Trần Tự

Khánh. Đàm Dĩ Mông đánh không nổi bèn rút quân về bảo vệ cấm thành. Ít lâu sau nhà vua tự cầm quân đi đánh Trần Tự Khánh ở Mê Sở.

Trần Tự Khánh không ra mặt đánh nhau với vua, nhưng sai các tướng ngăn quân triều đình không cho tiến vào khu vực Tự Khánh đang làm chủ.

Đã mấy lần vua đốc thúc nhưng quân triều đình không dám tiến. Vua bực tức cho quân quay về. Sau đó vua sai Đàm Dĩ Mông lên vùng Tam Đái Giang để lấy quân các lộ về diệt Trần Tự Khánh.

Sang đầu năm sau Trần Tự Khánh họp binh các đạo tiến đánh kinh sư. Quân chia làm hai đường thủy bộ. Tướng Phan Lân lấy quân ở Quốc Oai tiến theo đường bộ. Trần Tự Khánh, Trần Thừa lấy thủy quân đánh bên hữu ngạn sông Cái (sông Hồng ngày nay). Trần Thủ Độ, Trần Hiến Sâm, Nguyễn Ngạn đánh bên tả ngạn sông Cái. Vương Lê, Nguyễn Cải đánh cầu Phù Lương ở bến Triều Đông.

Vua Lý Huệ tông tự làm tướng cầm quân đi dẹp anh em Trần Tự Khánh.

Quân của nhà vua đang tiến về phía Mê Sở tự nhiên gặp sương mù dày đặc khiến binh lính chèo thuyền không biết đường nào mà đi.

Giữa lúc đó quân của Tự Khánh đã án ngữ kín mặt sông, nghe thấy tiếng chèo thuyền và tiếng người xôn xao, quân chúng bèn hò reo thúc trống như thể có hàng

vạn quân đang xốc tới. Quân triều đình hốt hoảng bỏ thuyền chạy trốn vào bờ. Quân của Tự Khánh bắt được cả thuyền rồng.

Trần Thừa đánh bên hữu ngạn tiến đến An Diên thì gặp Đàm Dĩ Mộng và An Nhân vương mới đem quân các đạo về liền tung hết quân ra đánh.

Hai bên đánh nhau kịch liệt nhưng rồi Đàm Dĩ Mộng và An Nhân vương không đánh lại với quân Trần Thừa đành phải tháo chạy. Bên tả ngạn, Trần Thủ Độ cũng đánh tan các cánh quân của triều đình tiến thẳng về bến Triều Đông.

Lúc ấy vua đang ở phía sau nghe tin các cánh quân đều tan vỡ, vua hốt hoảng sai xa giá vào cấm thành rước thái hậu cùng xuống thuyền sang Đông Ngàn định chạy thẳng đi Lạng Châu.

Khi xa giá đến phủ Thiên Đức, Đàm Dĩ Mộng và những người phò giá xúm vào can vua và thái hậu. Dĩ Mộng nói:

- Đường đi Lạng Châu xa xôi, đất nhiều chướng khí, không phải là nơi yên ổn. Nay bệ hạ tị nạn mà đến nơi ấy, khác nào tránh nóng mà lại chạy vào lửa, tưởng có ích gì đâu? Xin bệ hạ lưu lại đây ít lâu, sai bọn thần thống suất Đoàn Thượng ở Châu Hồng, khi có lực lượng rồi ta lại sẽ đánh dẹp anh em nhà Trần Tự Khánh để mưu việc về sau. Vạn nhất có điều gì bất lợi, lúc đó hãy dời đi Lạng Châu cũng chưa muộn.

Trong khi vua còn đang phân vân, Đàm thái hậu

nghiến răng chỉ vào mặt ngự nữ Trần thị mắng:

- Chung quy chỉ tại cái con quỉ này chui vào triều, chính nó làm nội gián phá ta từ trong. Chỉ có giết nó đi thì mới yên được giấc Khánh.

Trần thị sợ dúm người lại, qùy khóc van lạy:

- Xin thái hậu đèn giới soi xét, con thân gái được hoàng thượng thương cho theo hầu nâng khăn sửa túi, suốt ngày quanh quẩn không dám ra ngoài nửa bước, sao lại bảo con là nội gián, oan cho con quá.

Thái hậu dí ngón tay vào trán Trần thị mắng:

- Người còn oan ức lắm sao. Nếu không có người làm sao xa giá đi về nẻo nào tên giặc kia cũng biết mà đón chặn. Nếu không có người thì sao hoàng thượng xuất quân đi lúc nào giặc cũng biết mà phòng, mấy phen con ta suýt mất mạng.

Thái hậu thét:

- Quân đầu! Lôi con giặc này ra chém bêu đầu cho ta.

Mọi người đều sợ hãi. Lý Huệ tông phải đứng ra can:

- Con xin mẫu hậu nguôi giận. Nhà vua đẩy ngự nữ lui về phía sau.

Các quan cũng xúm vào kêu xin.

Đàm Di Mộng nói:

- Xin thái hậu rộng lượng để hoàng thượng bớt đau lòng. Vả lại đang lúc lãnh nạn không nên làm gì để

có thể kinh động đến dân chúng.

Thái hậu giận dữ nói:

- Nếu các người không nghe ta rồi sẽ phải hối. Bà chỉ tay về phía ngự nữ vừa đi ra nói tiếp: - Chính cái con yêu quái hai mang này sẽ làm sụp đổ cơ đồ nhà Lý chứ không phải ai khác. Đời còn đây, các người cứ ngấm lời ta mà xem.

Đàm Dĩ Mộng lấy chiếu vua với Đoàn Thượng đem quân Châu Hồng đi đánh Trần Tự Khánh. Đoàn Thượng không đến. Vua lo lắng. Vì số quân đi theo hộ giá chẳng đáng là bao, nếu Tự Khánh biết mà truy đuổi thì nguy to. Liền bảo xa giá phải lập tức dời đi. Tới nhà Nguyễn Thuận ở hương Nhuế Duệ. Nghỉ một lát thấy không yên tâm, vua lại giục xa giá kíp lên đường tới hương Đa Cầm vào tạm trú trong nhà của Trịnh Nông.

Chiều đó Trịnh Nông dâng cơm thường vì vua không cho mổ lợn, mổ bò vì sợ làm náo động chốn hương thôn. Định ngủ lại nhà Trịnh Nông nhưng thấy nóng ruột, vua lại báo lên đường, quá nửa đêm mới tới động Chu Ma, nghỉ lại ở nhà của Đào Niên.

Đường xa dặm thẳng với biết bao nhiêu hiểm nguy rình rập, thái hậu đổ mọi tội lỗi lên đầu ngự nữ và bà quyết trừ khử.

Sáng sớm Đào Niên dâng trà. Đàm thái hậu bỏ thuốc độc vào chén trà sai người đưa cho ngự nữ. Trần thị bê chén trà lên đến chân nhà vua quỹ xuống khóc nức

nở, lạy vua hai lạy rồi nói:

- Tâu bệ hạ, mẫu hậu quyết loại bỏ thân thiếp. Nếu quá thiếp có tội, xin bệ hạ nói cho một lời để tiện thiếp biết trước khi uống, kéo xuống dưới suối vàng vẫn tức tưởi việc hàm oan.

Trần thị hai tay nâng chén thuốc độc lên, dường như chỉ chờ nhà vua phán tội là nâng uống.

Vua Huệ tông hết sức đau lòng. Một đằng thì mẹ quyết loại bỏ ngự nữ, một đằng thì vua vẫn không dứt được lòng yêu. Vả lại vua không thấy nàng có tội lỗi gì. Vua vội đứng dậy đỡ lấy chén nước đổ xuống thêm nhà. Nước sủi lên, khói bốc mùi ngọt ngào.

Cơm nước xong, xa giá lại lên đường, nhà vua và thái hậu chạy đến đất Mục, ngụ tại nhà châu mục Lạng Châu là Vương Thượng.

Nghe tin xe vua vừa đi khỏi hương Nhuế Duệ, Nguyễn Nộn đóng ở hương Phù Đồng bèn kéo quân sang Nhuế Duệ lùng sục.

Lúc ấy có tướng An Thiết đến châu và báo tin Nguyễn Nộn. Vua sai An Thiết đem quân đánh Nguyễn Nộn. Hai tướng Thân Trường, Thân Cải là dòng dõi của Thân Thiệu Thái với công chúa Bình Dương từ đời Thái tông vâng chiếu đi dẹp Nguyễn Nộn.

Quân kéo tới Nhuế Duệ thì gặp Nguyễn Nộn đã bày trận đón đợi. Trận đánh đẫm máu nhưng không cân sức. Các tướng Thân Trường, Thân Cải cùng ba

quân đều tử trận cả. Được tin, vua khóc chảy cả máu mắt. Thật ra vua thương khóc các tướng và ba quân chỉ một phần, còn phần lớn là vua khóc cho thân phận của chính mình. Khóc cho tình nhà, thế nước, khóc cho sự cô đơn. Nghe nói các đời trước trung thân, nghĩa sĩ, người tài đức nhiều lắm, thế mà từ khi nhà vua chấp chính tới nay quần thần cứ quang vợ, cứ tự bỏ mà đi. Quân lính thì tan rã. Giặc cướp nổi khắp nơi, thế giặc mạnh hơn cả triều đình. Tình thế đất nước rối ren đến ghê tởm, biết tính sao đây.

Châu mục Lạng Châu cùng với Thái úy Đàm Dĩ Mông đang bàn nhau kế hưng binh để giúp vua dẹp loạn.

Châu mục Vương Thượng hỏi:

- Thái úy cho biết hiện nay thế lực nào đang chiếm Thăng Long?

Đàm Dĩ Mông gật gù nói:

- Chưa thế lực nào chiếm được cả. Duy có anh em Trần Tự Khánh lấp lối cửa khuyết xin được đưa quân vào thành hộ giá, vua không nghe. Nên chúng rút ra đóng áp sát Thăng Long.

- Vậy tại sao xa giá phải ly cung?

- Chẳng là y cho quân đến đóng tại cầu Tây Dương, hoàng thượng đích thân cầm quân đánh dẹp. Chúng đánh lại hoàng thượng suýt nguy tới tính mạng. Sợ ở lại trong cung sẽ sinh biến, nên hoàng thượng tạm lánh.

- Vậy sao chúng không vào chiếm hoàng cung?

- Ta chắc chúng còn đang gằm ghè nhau. Nếu lúc này Trần Tự Khánh dám chiếm cung thất mà tự lập, chắc Đoàn Thượng, Nguyễn Nộn sẽ liên kết với nhau cùng vây đánh. Tự Khánh tuy đã mạnh nhưng không thể áp đảo được hai kẻ kia. Vả lại nếu Trần Tự Khánh chiếm cung thất mà tự lập, hoàng thượng xuống chiếu cần vương chắc là Khánh sẽ bị diệt một sớm một chiều. Vì thế mà hiện nay Thăng Long vẫn bỏ ngỏ. Có điều rằng Trần Tự Khánh nhờ có ngự nữ tay trong nên vẫn muốn được vua vờ. Mà trong cuộc tranh hung này kẻ nào núp được bóng vua, kẻ ấy sẽ thắng.

Châu mục Lạng Châu ngẫm nghĩ một lát rồi đáp:

- Ông nói có lý. Vì thế mà Trần Tự Khánh cứ bám đuổi hoàng thượng một cách hết sức dai dẳng.

Đàm Dĩ Mộng lại hỏi:

- Hiện nay số quân trong châu ông được bao nhiêu, liệu có bớt được dăm đô phò giá.

Châu mục lắc đầu:

- Hiện trong châu tôi chỉ có vốn vẹn ba đô quân. Chẳng làm được trò trống gì. Nhiều lúc nghe dân báo chỗ này chỗ kia có cướp mà vẫn cứ phải lờ đi không dám đưa quân đi đánh cướp. Một phần phải lo giữ bản châu, sợ nó đánh lừa, mình đưa quân đi, nó vào cướp ngay châu lỵ. Mấy lại thái úy biết đấy, quân triều đình còn không đánh nổi mấy thằng giặc Trần Tự Khánh, Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng... thử hỏi chúng tôi sao đủ

sức mà trừ được lũ giặc cướp đo. Cai chính là không có tiền có gạo nuôi quân thì làm sao mà mộ được lính.

Đàm Dĩ Mộng thở dài:

- Triều đình cũng chẳng hơn tử trấn dẫu, kho tàng trống rỗng hết cả rồi. Bây giờ có muốn hưng binh cũng không lấy đâu ra tiền của nữa.

Hai người đang trò chuyện thì có sứ của Trần Tự Khánh xin vào gặp vua.

Đàm Dĩ Mộng hát hàm nói với châu mục:

- Ông xem, hoàng thượng luôn đổi hành trình, đi đêm đi hôm thế mà vừa đến đây được hai ngày nó đã tìm thấy rồi. Hèn gì mà thái hậu chẳng giận, chẳng nghi.

Trần Tự Khánh cắt tóc bỏ trong túi gấm dâng vua cùng với biểu tạ tội. Lời biểu thiết tha: "...Thần thấy bọn tiểu nhân ở cạnh bệ hạ, lấn át người trung lương, bưng tai bịt mắt bệ hạ khiến dân tình uất ức không thấu được lên trên. Cho nên, nhân lòng giận dữ của người trong nước, thần khởi binh dẹp bỏ lũ đó, cắt trừ gốc họa để yên lòng dân mà thôi. Còn như phận vua tôi, thần không dám mảy may phạm đến. Ngờ dẫu phải gánh lấy tội chuyên quyền đánh dẹp, khiến cho xa giá phải long đong. Tự xét tội của thần, thật đáng vạn lần chết. Xin bệ hạ người con thịnh nộ, hãy quay xa giá về kinh sư để thoả lòng dân trông đợi."

Đọc hết lời biểu, vua càng thấy sự giả dối đến đê tiện. Ném tờ biểu vào mặt sứ giả của Trần Tự Khánh, vua bỏ vào trong nhà.

Chiều hôm đó, Đàm thái hậu lại đưa cho ngự nữ

một gói thuốc độc và bảo:

- Người hãy tự xử lấy.

Trần thị khóc đến chảy cả máu mắt. Vua thương lắm, giăng lấy gói độc được rồi vỗ về yên ủi.

Nha vua vào quỳ trước thái hậu nói:

- Con xin mẫu hậu mở lượng cho ngự nữ được sống.

Đàm thái hậu gạt nước mắt nói:

- Ta không muốn mang tiếng ác. Nhưng nếu con tiện tì này được sống ắt mẹ con ta phải chết, cơ đồ nhà Lý sẽ nghiêng đổ. Nói rồi bà bỏ vào nhà trong.

Ngay bữa ăn tối hôm đó, thái hậu sai trộn thuốc độc vào thức ăn của ngự nữ.

Dường như linh tính mách bảo, Trần thị chịu nhịn đói chứ không dám ăn. Và cũng từ các bữa sau đó, nhà vua phải xẻ đôi phần cơm của mình cho ngự nữ một nửa.

Hôm sau Trần Tự Khánh sai Đàm Kinh Bang đem theo một số quan từ Thăng Long và xe kiệu rước vua về kinh. Mọi người xúm vào khuyên giải, vua đã xiêu lòng, phần thấy xa giá ra ngoài mọi bề thiếu thốn khổ cực, không đành để mẹ vất vả, phần thì ngự nữ đêm đêm thồn thức, lòng vua ngổn ngang trăm mối.

Thấy mọi sự như là sắp êm thuận, Tín Dực bèn lên vào nhà trong tâu với Đàm thái hậu:

- Kề kia lòng dạ hiểm độc khôn lường. Coi chừng đây là quí kế nó lừa bắt đấy thôi chứ chẳng phải thật

ình đón rước gì đâu, xin thái hậu hãy nghĩ kỹ đi.

Thái hậu cho lời Tín Dực nói là phải.

Sáng hôm sau cơm nước xong, vua cho xa giá trở về kinh sư liền vào mời thái hậu ra xe. Thái hậu buồn bã nói:

- Nhà vua phải lấy quốc gia làm trọng, không thể bỏ kinh sư mà đi mãi được. Vậy con cứ về, ta đi đâu mặc ta.

Vua biết thái hậu không muốn về kinh sư lúc này nên sai xa giá đi Cổ Lộng.

Bọn Kinh Bang và các quan đứng chắn đầu ngựa khóc lóc nói với vua rằng:

- Kinh sư là nơi muôn dân trông ngóng, sao bệ hạ lại bỏ cái thế nhân chủ định đi đâu?

Kinh Bang cũng nói:

- Thần thấy Trần Tự Khánh đã giải bày gan ruột của một kẻ tôi trung chứ không có ý gì khác, sao bệ hạ còn nghi ngại điều gì nữa?

Với vẻ đau khổ, vua bước xuống xe nói với các quan rằng:

- Đất nước chẳng may gặp buổi nhiều nhưong. Nay thái hậu phải lặn lội tránh giặc nơi xa xôi nguy hiểm, lẽ nào trăm dám bỏ đạo sớm hôm thăm hỏi. Nói xong vua lên xe giục đi.

Các quan ngỡ ngác đứng nhìn, quân hộ vệ nhiều kẻ bỏ trốn. Duy có nội thị phán thủ Trần Hân và ba chục người hầu cận theo xa giá.

Vua phải luôn đánh lạc hướng, nói đi néo này nhưng lại đi néo khác, ba bốn lần dừng lại nơi này nơi kia sau đó mới về núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh ở một tuần, rồi xa giá lại lên đường về châu Nam Sách.

Không đón được vua, anh em nhà Trần Thừa, Trần Tự Khánh tức lắm, bèn họp nhau lại. Trần Tự Khánh nói:

- Ta đã nhún mình đến hết nước rồi. Biểu tạ lỗi ta đã nhận hết về mình lại cắt tóc làm tin thế mà nó còn không tin ta, mà thực ra ta có lỗi gì đâu. Mọi nơi đều nổi dậy tranh thiên hạ chứ riêng gì họ Trần ta. Nhưng chỉ có cánh họ Trần ta là leo đeo theo sau xa giá mà họ còn chẳng biết điều. Vậy ta phải làm gì đây anh cả?

Trần Thừa có ý cảm thông với Trần Tự Khánh nhưng ông vẫn điềm đạm khuyên can:

- Chú Hai phải nhẫn nhịn nữa đi. Việc tranh thiên hạ là việc lớn. Phải chi nếu là việc trừ bỏ một người Sảm thì có khó khăn gì. Ông ta bầy bót trói gà chẳng nổi, gan dạ của bậc anh hùng không có, tài cầm quân chẳng khác gì bọn trẻ chơi trò trận giả, lại không có khả năng thu phục và sai khiến người tài nhưng ông ta lại đang nắm giữ ngôi thiên tử. Vì vậy ông ta đứng về phía nào, phía ấy sẽ cầm đầu thiên hạ. Hơn nữa chúng ta lại có cô Dung làm tay trong rồi. Cứ kiên định, ắt có ngày thành tựu.

Trần Tự Khánh đáp:

- Tôi nghe nói bà thái hậu đang ép cô Dung nhà mình phải uống thuốc độc tự tử, may được Huệ tông

bệnh che, nếu không thì em gái đã mất mạng lâu rồi. Anh Cả thử nghĩ xem, liệu ta có nên phế Huệ tông, lập con khác của Anh tông lên không. Nếu phế Huệ tông, lập tức phải giết ngay Đàm thái hậu để bảo đảm tính mệnh cho em gái.

Trần Thủ Độ cũng nói:

- Anh Hai thật là cao kiến. Các con khác của Anh tông đều đã trưởng thành, đã biết suy nghĩ. Ta phế Huệ tông rồi giết cả hai mẹ con, bắt chị Dung về có hơn không.

Trần Thừa nghiêm mặt nói:

- Các chú phải bỏ ngay cái ý phế lập. Chẳng xem gương Quách Bốc bị treo cổ đó sao. Còn Thủ Độ, chú phải bỏ ngay cái ý định giết vua đi. Đó là ý nghĩ càn rỡ, ngông cuồng. Dù Huệ tông không ra gì nhưng là người đang giữ ngôi nước. Kẻ nào đụng đến ông ta sẽ là thảm bại, sẽ là kẻ thù của cả nước. Chỉ cần một đạo hịch càn vương thì cả nước sẽ đứng lên, các phe phái sẽ kết liên lại dù có tài thánh cũng không thoát được cảnh rơi dầu. Cho nên, theo tôi lúc này ta vừa phải kiên nhẫn chờ đợi vừa phải mau chóng phát triển lực lượng. Các chú nên biết, trong tình thế đất nước rối ren, kẻ nào có lực lượng mạnh lại giương cao ngọn cờ nghĩa, kẻ ấy sẽ thắng. Muốn làm được các việc đó ngoài lực ra phải có trí mưu. Việc lớn thiên hạ vừa phải lựa thế, vừa phải chờ thời chứ không thể nôn nóng làm theo ý mình được đâu.

Vì vậy quân của anh em Trần Tự Khánh rút ra trấn

các ngả đê phòng Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng về chiếm kinh sư.

Thật ra đây là các thế lực còn nghe ngóng nhau, kiềm chế nhau nên dù vua có ra khỏi kinh thành cũng không phe nào dám đưa quân vào độc chiếm kinh sư.

Trần Tự Khánh lại nghe nói thời Lý Cao tông vơ vét vàng bạc của cải của thiên hạ đem về chứa chậ trong các kho nhiều vô kể, muốn vào cướp nhưng không biết ở kho nào. Một mặt cho quân đi dò xét, mặt khác ngự nữ tìm cách khéo léo dò hỏi Huệ tông nên biết được. Vì vậy Trần Tự Khánh dang đêm cho quân đột nhập vào các kho chứa hoá vật vét nhẵn như chùi, thậm chí còn dám lấy cả mũ bình thiên và kim ý (ngai thép vàng) của vua nữa. Lúc rút đi đốt cả cung thất tới mười chín nơi bị cháy mà không có ai đến cứu chữa.

Ít lâu sau Trần Tự Khánh lại biết vua còn mấy kho nữa chưa bị phát giác liền cho quân vào cướp sạch. Lấy hết của cải mang đi, quân của Tự Khánh còn phóng hoả đốt các cung thất, đốt cả nhà cửa của dân ngoài phố, lửa cháy tới ba ngày vẫn chưa tắt.

Khi thái hậu và nhà vua về kinh sư thì không còn chỗ nào để ở nữa bèn đi ra phía cầu Thái Hoà cạnh đền Chúc Thánh, sai dựng mấy nếp thảo điện¹.

Vua giận uất đến bầm tím ruột gan, lần đầu tiên vua có cảm giác ghét cả ngự nữ.

¹ Nhà tre nữa, lớp cỏ tranh.

Dàm thái hậu thì khởi nói, bà chỉ mặt ngự nữ thét lên:

- Chung quy chỉ tại con quý này chui vào triều để tiếp tay cho giặc. Bà quay sang mắng cả nhà vua. – Hoàng nhi, đến bây giờ con vẫn chưa chịu mở mắt ra sao. Nếu còn để con quý này ám mãi hoàng cung thì mẹ con ta chẳng chóng thì chầy cũng bị lũ giặc Khánh treo cổ.

Huệ tông vừa đau lòng vừa căm giận anh em Trần Tự Khánh, nhà vua luôn mơ ước ở trong đầu rằng tới một lúc nào đó trời sẽ ban cho phép thuật hô phong hoán vũ có thể sai khiến sỏi đá, biến cả lá cây thành những đội cường binh đi dẹp yên bốn cõi, bắt sống anh em Trần Tự Khánh về trị tội. Vua mơ đến một ngày nào đó sẽ treo cả Trần Thừa, Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ và phe cánh họ Trần lên tất cả các chạc cây ngoài đường phố cho muôn dân ném đất ném đá và nguyện rũa chúng.

Vào đầu xuân năm Ất Hợi (1215) vua ngự ở thảo điện, các quan đến lạy mừng. Có người đề xuất: “Nên sớm dẹp Trần Tự Khánh, chớ để cho quân nó đóng áp sát kinh thành, gây mối lo trong sớm tối”.

Vua cho là phải nên ban chiếu rằng: “*Trần Tự Khánh nhóm họp hung đảng, cướp nhiều kinh sư, vợ vét sạch sanh của kho nhà nước, đánh thủy đánh bộ, làm đau đớn tông miếu, xā tắc. Mùa đông năm ngoái lửa bạo ngược lại càng bốc cháy, nó đem quân lính, càn rỡ tham ngược, cướp bóc của cải của ta, đốt phá cung thất của ta, đến như ngô ngách kinh*

thành cũng bị biến thành tro bụi! Trăm nhân sự nổi giận của ức triệu thần dân, nhờ cậy anh linh của nhất tổ lục tôn¹, đem cả sáu quân thân hành đánh dẹp.

Hỡi tướng sĩ! Hãy nghe lời chiếu của trăm, ai nấy đều đốc lòng gắng sức cho xứng với ý trăm!”

Vua thân làm tướng dẫn đầu, thái úy Đàm Dĩ Mộng cùng chư tướng phò tá. Binh uy tập hợp cũng được tới năm, bảy ngàn quân, thủy bộ cùng tiến.

Trần Tự Khánh cho quân đến đóng ở Cửu Liên² chia quân đồn đóng ở Cửu Ông³ đề phòng Nguyễn Nộn. Tự Khánh còn sai các tướng ở lộ Khoái⁴ là Nguyễn Đường, Nguyễn Thử cùng giữ phòng tuyến.

Trần Tự Khánh cũng sai Lại Linh giữ An Diên⁵, Phù Liệt⁶. Như vậy là hai bên tả, hữu ngạn sông Cái, Trần Tự Khánh đều có quân đóng áp sát kinh sư.

Vừa chia quân đi các ngả lại được tin Nguyễn Đường, Nguyễn Thử đã về với Nguyễn Nộn. Bực vì hai tướng Nguyễn Đường, Nguyễn Thử phản trắc, Trần Tự Khánh đem đại binh đi đánh Nguyễn Nộn, Nguyễn Đường, Nguyễn Thử nhưng không đánh được.

Lập tức vua sai tướng đi đánh An Diên, Phù Liệt đuổi được quân của Tự Khánh chạy khỏi hai nơi này.

1 Nhất tổ, ý nói Lý Thái tổ. Lục tôn truyền tới sáu đời con cháu

2,3,4 Địa danh thuộc Văn Giang và Khoái Châu (Hưng Yên) ngày nay.

5 Vùng đất thuộc huyện Thanh Trì ngày nay.

6 Vùng đất thuộc huyện Thanh Trì ngày nay. Hiện vẫn còn tên xã Phù Liệt.

Triều đình cũng được tin Nguyễn Nộn đã quay lại đánh nhau với Trần Tự Khánh và đã có hai tướng của Khánh bỏ y về với Nguyễn Nộn, vua liền tiến phong cho Nguyễn Nộn từ tước hầu lên tước vương. Nộn thích lắm, hứa sẽ giúp vua đánh dẹp Trần Tự Khánh.

Thấy thanh thế của Nguyễn Nộn đã nổi, Đàm thái hậu cùng một vài tả hữu đến An Xương với Nguyễn Nộn đến phủ dụ. Lúc này Nguyễn Nộn lại được tướng của Đoàn Thượng là Đoàn Xuân Lôi và tướng Hà Cao ở Quy Hoá cũng dẫn quân về hội với Nguyễn Nộn để cùng đánh Trần Tự Khánh.

Thanh thế đã nổi, Nguyễn Nộn lấy chiếu lệnh của thái hậu kéo quân đi đánh An Diên, Phù Liệt đều thắng cả.

Tình hình ngày càng hỗn loạn, giặc cướp khuấy đảo kinh thành, quân triều đình không sao dẹp nổi, sợ có biến, vua liền bỏ kinh thành đến trú tại nhà một đại thần là Đặng Lão ở Trường Canh, sau xa giá lại hồi về nhà Đỗ An ở ngô Chi Tác¹ tại cầu Tây Dương².

Vừa mệt mỏi vừa chán nản, vua nói với tả hữu: “Trẫm muốn thoái vị, các khanh thấy thế nào?”. Các quan đều khóc lóc can gián vua.

Trong lúc mọi sự đều làm vua rối ruột thì đêm đến ngự nữ lại trần trọc nằm ngời không yên. Vua hỏi, nàng òa khóc. Giỗ mãi ngự nữ mới nói: “Thiếp sắp sinh

1 Ngô Chi Tác tức là xóm làm giấy, tức là nghề thủ công.

2 Cầu Giấy ngày nay.

con rồi mà không có chỗ nào ngụ được yên ổn thì biết làm sao đây”.

Vua nghĩ mãi không ra mới vuốt nhẹ vào vai nàng hỏi: “Theo nàng thì làm thế nào bây giờ”?

Trần thị nhìn trước nhìn sau xem có ai ngó dòm không rồi khẽ nói: “Thiếp chỉ sợ nói ra bệ hạ lại bảo thiếp là kẻ phản bội, chui vào triều làm siêu đồ cơ nghiệp của bệ hạ”.

- Nàng không nên nói vậy. Theo ta, lúc này phải nghĩ đến việc cứu đứa bé kia làm thượng sách. Vậy kế của nàng thế nào nói thử ta nghe.

- Thiếp nghĩ, hay là ta tạm về nương nhờ Thuận Lưu bá (Trần Tự Khánh).

Không biết trời xui đất khiến thế nào mà nhà vua quên hết mọi điều đau khổ do Trần Tự Khánh đã gây ra như đốt cung vua, cướp kho vật của vua, tàn sát lương dân, thậm chí lấy cả mũ và ngai của vua, tệt hại hơn y còn đốt cả cung Động Nhân, nơi thờ Linh Nhân hoàng thái hậu (Ỗ Lan), vua phải rước thần chủ của Linh Nhân về thờ phối tại đền Chúc Thánh. Nghĩa là vua không nhớ đến bất cứ một thù hận nào mà chỉ nghĩ đến đứa bé sắp sinh. Vì vậy, vua ghé tai nói nhỏ với Trần thị: “Đi! Đi ngay bây giờ không thì không bao giờ đi được đâu”.

Thế là dang dêm vua và ngự nữ với cái bụng chứa vượt mặt lẫn mò đến trại quân của Trần Tự Khánh.

Mờ sáng thì vua gặp tướng của Khánh đi tuần tra là Vương Lê. Vương Lê mừng rỡ đi lấy thuyền rước vua

và ngự nữ chở về trại quân.

Trông thấy vua và ngự nữ, Trần Tự Khánh hết đổi vui mừng, tướng sĩ cũng hò reo don tiếp.

Chờ một hai ngày cho vua và ngự nữ lại sức, Trần Tự Khánh xin vua hạ chiếu cho quân đi đánh Nguyễn Nộn. Thế là Đàm thái hậu xuống chiếu cho Nguyễn Nộn đi đánh Trần Tự Khánh, còn nhà vua lại hạ chiếu cho Trần Tự Khánh đi đánh Nguyễn Nộn.

Ngự nữ từ khi dụ được nhà vua về với các anh em nhà mình, thì thấy yên tâm như khi còn ở Lưu Gia với cha mẹ. Nhớ lại những ngày sống cùng Đàm thái hậu ở trong cung, cũng như những ngày long đong chạy giặc, sợ giặc thì ít nhưng sợ thái hậu nhiều hơn. Cảm giác sợ hãi đến nay vẫn còn ám ảnh trong tâm não Trần thị. Không chỉ là cái chết rình rập mà cái sợ nhất là sự nặng nề, day nghiền, rửa sả, nghi kỵ khiến đầu óc lúc nào cũng căng thẳng như muốn vỡ tung. Nhiều lúc Trần thị đã nán lòng muốn chết. Mà nếu được chết chắc sung sướng hơn nhiều khi phải sống bên cạnh một người mẹ chồng như Đàm thái hậu. Thế nhưng Trần Tự Khánh sai người đến căn dặn rất kỹ: “Em phải cẩn rắng chịu đựng. Bám chặt lấy nhà vua. Em chỉ rời nhà vua nửa bước ắt bị hại. Nếu em chết lúc này thì coi như em giết các anh, giết cả họ Trần nhà ta. Ngay cả mồ má tổ tiên cũng sẽ bị đào bới chứ đừng nói đến sản nghiệp và sự nghiệp của anh em mình”. Vì trách nhiệm lớn lao ấy nên

Trần thị đã vượt qua được tất cả. Và bây giờ mới tạm yên thân.

Nghi ngơi được vài ngày lại sức, nom Trần thị đã phớt phơ tươi tỉnh. Tuy nhiên, nhà vua lại cảm như mình là một con nai lạc đàn và đang phải sống với một bầy sói rừng hung bạo. Vua vẫn nung nấu ý nghĩ kỳ quặc, rằng tới một lúc nào đó trời thương sẽ ban cho phép lạ. Vua sẽ trở thành một vị thiên tướng ra tay dẹp yên bốn cõi, trừ khử cường thần để thực hiện lời dặn của tiên đế trước phút lâm chung. Mà tiên đế cũng chỉ nghe lại lời kể rằng trước khi tổ phụ lâm chung có ghé tai người căn dặn, khi ấy tiên đế còn chưa đầy hai tuổi nằm trong tay ẵm của thái úy phụ chính Tô Hiến Thành. Nghĩ đến Tô Hiến Thành, nhà vua thầm mơ ước có được một bậc công thần đảm lược như Tô Thái úy, như Lý Thường Kiệt. Vua lại mơ có được Lý Thường Kiệt thì những loại giặc như Đoàn Thượng, như lu anh em nhà Trần Tư Khanh... chỉ là những thứ cỏ rác, tép tôm dưới tay của bậc danh tướng này. Vua lại quay về với ý nghĩ, chẳng cần các vị ấy phải sống lại phò giúp, chỉ cần trời ban cho ta một quyền phép ví như chiếc “gậy như ý” của Tôn Ngộ Không là quá đủ.

Hằng ngày nhà vua chẳng có việc gì làm chỉ quán quanh với ý nghĩ trở thành thiên tướng. Nhưng vua có cảm nhận đầy đủ rằng mình đang bị anh em Trần Thừa, Trần Tự Khánh giam lỏng. Hằng ngày lữ y có vào tâu báo một vài điều chiếu lệ hoặc đưa ký vài ba đạo

chiếu, dụ, hoặc giết kẻ này trừ kẻ khác. Chúng vẫn có vẻ khúm núm thưa gửi để che tai bịt mắt thiên hạ rằng ta vẫn điều hành việc triều chính, anh em nhà họ chỉ là một lũ đại khờ, phá tán sản nghiệp để chiêu mộ quân lính phò vua dẹp giặc. Chao ôi, cái bọn mặt người mà tâm địa lang sói này chúng sẽ ăn thịt ta lúc nào đây. Không thể nói là vua không có ý lo sợ. Lại nữa cả một bày quan lại theo ta kỳ thực là theo anh em nhà nó. Chúng vâng vâng dạ dạ râu râu bầm bầm chẳng qua là ở cái lỗ mồm thôi chứ tâm não chúng đã ngầm thờ kẻ không vua rồi.

Bữa nọ vua đang ngồi tụng một biển kinh trước tượng Phật, vì vua vẫn cầu mong được ban phép lạ thì có tin báo ngự nữ đã sinh ngay trong túp lều che tạm, giữa bãi Cửu Liên¹. Lòng vua xiết bao vui sướng, không kịp xô hài, vua chạy chân trần ra bãi, trong lòng mong mỏi có chút hoàng nam nối dõi. Vua thầm nghĩ, vậy là hai mươi hai tuổi ta mới sinh con đầu lòng. Vua chạy nhanh đến nỗi mấy cận thần theo không kịp. Tới nơi đã thấy bà mẹ đưa một gói bọc trao vào tay nhà vua.

Vua ấm vào lòng, nhìn ngắm gương mặt con, mắt ngài không hề chớp. Tự nhiên nước mắt trào ra chảy cả xuống gương mặt đỏ hồng của bé sơ sinh. Vua thầm nghĩ: may mà Trần thị ngộ ý về nương náu tại đây, nếu không cứ rong ruổi tối ngày trên đường tị nạn, chắc gì

¹ Nay tương đương với vùng Man Trù thuộc đất Hưng Yên.

con ta đã được chào đời. Mãi lúc lâu sau Trần thị mở mắt nhìn nhà vua mỉm cười nói:

- Tâu bệ hạ, thiếp ít đức nên sinh con là hoàng nữ, xin bệ hạ tha tội.

- Không sao! Ta và nàng đều còn trẻ. Đừng ngại!

Hôm sau các quan đến lạy mừng và xin nhà vua đặt tên cho công chúa.

Vua nghĩ đến việc hợp lòng người, thuận đạo trời, muôn dân yên trị. Tự nhiên vua bật ra hai tiếng: Thuận Thiên.

Các quan hô:

- Vạn tuế!

- Vạn vạn tuế!

Nhân đó vua phong Trần Thừa tước liệt hầu lại cho chức Nội thị phán thủ; Trần Tự Khánh chức Thái úy; Phùng Tá Chu, Lại Linh đều được tước quan Nội hầu; con cả Trần Thừa là Trần Liễu cũng được tước quan Nội hầu; con cả của Trần Tự Khánh là Trần Hải được tước vương...

Cái triều đình mà nhà vua phong chức tước đó, thực ra cũng là do Trần Tự Khánh đã cho người nói với vua từ trước, nên việc tưởng như là ý vua nhưng thực là ý của Tự Khánh muốn vậy. Và người điều hành bộ máy cũng chính là Trần Tự Khánh, vua chỉ quản quanh bên vợ, bên con vừa tủi nỗi mình vừa thương mẹ (Đàm thái hậu) và em gái (công chúa) đang nương náu bên trại của Nguyễn Nộn. Vua chỉ muốn thoát ra khỏi cảnh cá chậu

chim lồng để tự mình điều hành đất nước. Muốn thế phải có pháp thuật cao cường, và chỉ có pháp thuật cao cường như một thiên tướng thì mới sai được thiên binh dẹp loạn. Trong đầu vua hình dung ra không biết bao nhiêu là phù phép là quân binh thiên biến vạn hoá.

Thêm vào đó là Trần Thủ Độ thỉnh thoảng về triều thì mặt mày vênh vác, lúc nào cũng thanh trường kiếm đeo trễ bên hông, đi đi lại lại sục sạo, cứ như là nó sắp lòi ta ra chém bất cứ lúc nào. Đủ mọi điều ức chế nén ghìm làm đầu óc nhà vua như muốn vỡ tung ra.

Vào một buổi chiều nắng dội như đổ lửa, vua nằm nghỉ trên chiếc chõng tre mơ thấy có người đội mũ trụ vàng trao vào tận tay nhà vua chiếc giáo vàng, cây cung và mũi tên vàng cùng một lá cờ và nói rằng: "Tất cả quyền phép trừ nghịch thần và giặc cướp cường bạo đều ở trong các vật báu này. Ngọc hoàng thượng đế thương nhà vua thành tâm cầu khẩn nên ban cho. Yên định xong đất nước phải đem lên đỉnh Tản Viên Sơn trả lại để thiên sứ đến lấy." Vua sung sướng quá cầm lấy các đồ binh khí rồi chạy ra giữa sân hét toáng lên:

- Ta là thiên tướng đây. Trời ban cho ta đầy đủ quyền phép để dẹp yên bốn cõi. Bọn đối vua hại nước phen này ta trừ khử hết!

Vua xé áo làm cờ, chặt gậy làm giáo, lấy chiếc nón lá làm mộc cứ đứng ở giữa sân múa gậy, la hét, bỏ ăn bỏ ngủ. Có khi hét lác cả ngày, mồ hôi ướt đầm đìa

cả tóc tai, quần áo rách tả rách tơi, ỉa đái tại chỗ cũng không hay biết.

Trần thị tức hoàng hậu lúc đầu còn sấn sóc hỏi han, sau thấy nhà vua không hề nhận ra mình là ai mà chỉ thấy ngài hét lác, giơ giáo (gậy) dọa dâm. Rồi vua lùi lại giương hai mắt đờ đẫn nhìn Trần thị, sau đó lại cười sằng sặc mắng:

- Trần Tự Khánh, mày chính là kẻ đứng đầu đảng giặc mưu mô quỷ quyệt nhất. Mày toan thoán đoạt ngôi nước. Mày lấy cắp cả mũ bình thiên của ta, lấy cả kim ý của ta, đốt hết cung thất, vét sạch của kho của ta. A ha, mày biết tội rồi hả? Biết tội nên dẫn xác về đây cho ta lấy đầu. Mày nhất định phải đền tội ác. Kể lẽ vừa dứt, vua giơ cao chiếc gậy nhằm thẳng đầu Trần thị bổ xuống.

Hoàng hậu sợ quá vừa chạy vừa hét:

- Cứu mạng! Cứu mạng!

Quân cấm vệ đổ ra thấy nhà vua ngã nằm sấp, ngực đè lên chiếc mộc (nón), ngọn giáo (chiếc gậy) văng khỏi chỗ nằm chừng hai bước chân.

Từ bữa đó, hoàng hậu ở lì trong cung không dám ra vào thăm hỏi nhà vua nữa.

Các thái y hết lòng cứu chữa mà chưa tìm ra được bệnh. Người báo: “Vua bị cảm hàn”. Người bác lại: “Bệnh phát ra như thế là cảm nhiệt. Nhiệt bốc thành hoả, hoá loạn nên phát ra cuồng”. Người lại bàn: “Có thể đây là bệnh phát từ tâm. Tâm bị nén dồn, trầm uất

tích chứa lâu ngày nay bùng phát ra...". Các quan thái y không quan nào chịu quan nào nên không thể có được toa thuốc thống nhất mà phải uống riêng theo cách của mỗi danh y.

Trị theo cách nào thì bệnh của vua cũng không thuyên giảm.

Anh em nhà Trần Tự Khánh nói:

- Phải nghiêm cấm các thái y không được nói về bệnh tật của nhà vua. Cấm ngặt các quan không được lộ tin này ra, nếu kẻ nào đưa tin ra ngoài sẽ chém bêu đầu.

Trần Thủ Độ nói:

- Muốn giữ kín, phải giam ông ta vào biệt cung, chứ không thể thả lỏng cho ông ta chạy nhảy lung tung, nói năng bừa bãi như một thằng điên như thế này được.

Trần Thừa nói:

- Nhà vua quả là điên thật rồi. Nhưng phải giữ kín. Nếu tin này lọt ra ngoài thì loạn to. Các thế lực sẽ liên kết nhau lại kéo về kinh hỏi tội anh em mình thì không thể nào chống nhau với họ được đâu. Mấy năm nay lực lượng của Nguyễn Nộn, Đoàn Thượng đều ghé gớm cả. Nhưng đáng sợ hơn vẫn là Thượng.

Giữ nhà vua trong một khu riêng biệt, kín đáo để chăm sóc thuốc thang thì được, chứ nói như chú Thủ Độ là quá đáng. Thủ Độ thường ý vào sức mình mà khinh suất lắm đấy. Chú làm tướng đánh trận coi tạm được, vì chú được cái dũng. Nhưng dũng chưa đủ, cần phải

có mưu nữa, nếu kém mưu dễ bị bại lăm. Chú nên nhớ trong lúc đảng chúng khắp nơi nổi dậy tranh thiên hạ, đảng nào đa mưu túc trí mà có thêm quân mạnh, đảng ấy sẽ thắng.

Cũng từ đây vua Huệ tông được giữ kín trong một khu biệt lập. Nhà vua vẫn múa may quay cuồng, vẫn tự xưng là thiên tướng xuống trần dẹp loạn. Vua đã tự may được một lá cờ có hai màu đỏ, đen to bằng bàn tay luồn cán bằng chiếc đũa ăn cơm cài vào búi tóc sau gáy. Vua chạy chỗ nọ nhảy sang chỗ kia nghiêng nghiêng ngó ngó quân giặc rồi leo thốc lên cây muỗm hét toáng: “Ba quân hãy nghe lệnh ta truyền. Giặc Khánh vừa chui vào kho khố vật lấy hết của nả của ta rồi. Bắt lấy nó về cho ta trị tội. Không có gì nhốt nó à? Đây, nhốt nó vào đây!”. Vua vội tụt nhanh xuống đất cởi quần dài ra, hai tay mở rộng cạp quần miệng nói: - Nhốt ba anh em nhà chúng nó vào đây!

Vua liền thất dải rút lại buộc thật chặt rồi nắm hai đầu ống quần quay tít, miệng hét:

- Trần Tự Khánh, mày chết chưa? Vua đập mạnh chiếc quần vào bức bình phong xây trước nhà. Đoạn nhà vua nhảy tâng tâng quanh sân reo hò âm ỉ, áo đứt hết các dải khuy, phanh trần bộ ngực dùm dó và phía dưới không một mảnh vải che.

- Quyền phép trong tay trời đã ban. Ta phải trả mối thù hiếp vua của anh em nhà ngươi. À, à... ngươi là

ai? Mắt vua nhìn xoáy vào một điểm mờ hồ, con người đời dân vô hồn, miệng vua mấp máy: - A! A... ta nhớ ra người rồi cái thằng tóc rẽ tre lông mày xéch chúa là tàn bạo và da dâm. Ta nhớ ra người rồi. Người là cái thằng Trần Thủ Độ. Ta phải đánh cho người lòi mắt ra thì thôi, để người khỏi nhìn ta vừa xỏ xiên vừa căm tức. Vua hét: Mày phải chết! Rồi chạy tể ra một góc sân, giang thẳng cánh quạt chiếc quần trong tay vào cạnh tường. Nhà vua định nhìn trong đó đã nhốt cả ba anh em nhà Trần Tự Khánh.

Trời nắng như đổ lửa, vua vẫn lông nhông chạy va gào thét trong khuôn viên ngôi điện nằm ở góc xó hoàng thành mà xưa gọi là lãnh cung để giam cầm các cung nữ, các thái giám có tội chưa tới mức lĩnh án rơi đầu hoặc đầy làm tang thất phụ¹, làm binh khao giáp². Vì vậy mặc sức cho vua hò la hét lác, chẳng ai cần biết và cần nghe nữa. Gào thét chán, mồ hôi chảy ra ướt đầm cả tóc tai mình mẩy, mệt quá vua ngã lăn ra như một thân cây mục. Chỉ tới lúc đó, vài kẻ được cất cử hầu nhà vua mới ló vào vực vua dậy lau chùi, mặc quần áo.

Vua cứ bệnh tật diên diên dờ dờ như thế không thuốc thang nào chữa trị được, mãi về sau các thái y mới đồng lòng đưa ra căn bệnh của vua là “loạn tâm”, sau lại cải là “loạn trí”.

1 Những người phu nữ lãnh án khổ sai phải đi làm việc trồng dâu chăn tằm.

2 Những người bị đầy đi phục dịch binh lính.

Độ một năm sau thì việc lên cơn diên thừa dần và bệnh có chiều hướng thuyên giảm, nhưng tinh thần nhà vua trở nên bạc nhược và thân thể gầy yếu, còm nhom. Vua vẫn chưa ra coi châu được.

Để yên lòng dân và lấy cơ phò chính thống, thỉnh thoảng anh em nhà Trần Tự Khánh đưa vua đi xem đánh bắt cá ở Đới Sơn¹, đi xem gặt ở Mễ Sở²...

Bốn phương vẫn chưa yên định, Trần Thừa giữ việc phụ chính, cũng có nghĩa là điều hành việc triều chính thay nhà vua, còn hai anh em Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ phải chia nhau trấn các ngả để giữ cho kinh sư được yên ổn và đôi phen phải cất quân đi đánh dẹp khi thắng khi thua, bởi các thế lực tranh chấp nhau vẫn đang còn mạnh.

Ngày tháng cứ trôi dần và tới tháng chín năm Mậu Dần (1218) hoàng hậu Trần thị lại sinh tiếp hoàng nữ. Ấy là công chúa Phât Kim.

Thế lực của anh em nhà Trần Tự Khánh vừa không ngừng lớn mạnh vừa giữ được nhà vua ở trong tay như là nắm được chìa khóa để sai khiến thiên hạ, nên mọi việc đều trở nên sáng sủa. Tuy nhiên, nếu các đầu mục nhỏ, dần dần bị thôn tính thì các đầu mục lớn lại nổi lên.

Ví như Nguyễn Nộn trước đây tưởng như đã nằm

1 Thuộc tỉnh Hà Nam ngày nay và vẫn giữ tên "núi Đới".

2 Mễ Sở thuộc Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội.

trong vòng kiểm soát của họ Trần, thế mà lúc này y đã nắm trọn cả vùng Bắc Giang thượng hạ, thế lực ngày càng lớn, đại quân đồn đóng tại Phù Đổng, nhưng kiểm soát cả bên tả ngạn sông Cái. Vì vậy quân của Trần Tự Khánh chưa đặt chân lên đất Bồ Đề¹ đã bị đánh hất trở lại và chưa dám nghĩ tới việc sang sông.

Xa hơn một chút, Đoàn Thượng nắm giữ cả một dải Châu Hồng bao la, kho người kho của khiến anh em Trần Thừa khát khao mà không dám đụng đến.

Vậy là thiên hạ đã hình thành thế chân vạc: Trần Tự Khánh - Nguyễn Nộn. – Đoàn Thượng.

Đang giữa lúc cần có nhiều nhân tài, vật lực để thôn tính các đối thủ thì Trần Tự Khánh chết bất đắc kỳ tử. Tướng sĩ dưới quyền đều cho là Tự Khánh bị thần linh vật chết. Chẳng là trước đây ít lâu khi đi đánh Nguyễn Nộn, đem quân đến trạm Nỗ² thì cho quân nghỉ chân chốc lát. Nhân ngồi trong quán trông ra thấy một cây cổ thụ sum sê cành lá. Dưới gốc cây la liệt những bình vôi và bát hương. Thân cây già mốc, rêu phủ kín từ gốc, thân tới các cành, tầm gửi mọc từng chùm rậm rạp, giầy leo quấn quít um tùm. Hầu hết các cành cây đều mọc ngang hoặc ngồng lên trời thì lại có một cành mọc chúc xuống đất, nom có vẻ nghịch mắt, Trần Tự Khánh

1 Bồ Đề tức bên kia bên Giang Biên thuộc Gia Lâm ngày nay.

2 Tức là Uy Nỗ thuộc huyện Đông Anh ngày nay.

chi tay về phía cành cây đó bảo thuộc hạ:

- Ta sẽ bắn gãy cành cây kia cho các người xem. Và TỰ KHÁNH giương cung bắn, quả nỏ trúng và cành cây kêu rảng rắc rồi gãy gục xuống. TỰ KHÁNH bắn thêm một phát tên nữa tiện đứt, cành cây rớt xuống.

Trần TỰ KHÁNH vẫn ngồi một mình trong quán nhìn ra, mỉm cười tự khen tài thiên xạ của mình.

Và thật là kỳ lạ, ngôi quán ngói chắc chắn là thể tự nhiên đổ ụp xuống đầu Trần TỰ KHÁNH.

Tả hữu hốt hoảng sai quân gỡ gạch ngói, kéo xà ra cứu chủ. May, Trần TỰ KHÁNH chỉ bị sây sát, nhưng trong lòng cũng hơi run sợ.

Đến đây Trần TỰ KHÁNH chết, ai cũng bảo vị tướng quân tài ba, cương dũng như vậy chỉ vì thị tài mà thần linh vật chết.

Trần TỰ KHÁNH chết, anh là Trần Thừa lên thay chức phụ quốc thái uy. Trần Thủ ĐỘ tổng quản việc quân kiêm chỉ huy sứ, coi các quân điện tiền hộ vệ cấm dinh. Ấy là vào đầu tháng chạp năm Quý Mùi (1223).

Khi Trần Thủ ĐỘ nắm trọn việc quân vào lúc ông ba mươi mốt tuổi, cái tuổi đang độ chín. Thủ ĐỘ là một người tuy ít học nhưng mưu mô thủ đoạn và cả tính quyết liệt, tàn bạo thật chẳng nhường ai. Vừa nắm việc quân, Thủ ĐỘ một mặt chấn chỉnh quân ngũ, tập luyện cho đến độ tinh thông, mặt khác gia tăng việc bắt lính để có thêm quân số, nhằm thời cơ úp Nguyễn Nộn,

Đoàn Thượng trong một thế cờ liên thủ.

Thủ Độ lấy danh nghĩa Huệ tông xuống chiếu phong cho Nguyễn Nộn làm Hoài Đạo vương trị nhậm vùng Bắc Giang thượng hạ¹ và Đông Ngàn², tuy nhiên đây là vùng đất Nộn đã chiếm giữ và xưng vương. Thế lực của Nộn hiện nay khá lớn.

Chiếu cũng thừa nhận Đoàn Thượng trị nhậm Hồng Châu³ và hẹn ngày về hội thề để phong vương. Tới hạn kỳ, Nộn lấy cớ đã thụ chiếu rồi không về nữa, còn Đoàn Thượng thừa biết thủ đoạn của Trần Thủ Độ, vì thế không những không đến mà cũng không thềm trả lời.

Thủ Độ nghĩ đã đến lúc phải dần dần thay thế nhà Lý, ông bèn đến gặp Lý Huệ tông bày tỏ:

- Bệ hạ, bệnh tình của ngài kéo dài mãi thế này chẳng nhẽ cứ ở mãi ngôi tôn sao?

Nom bộ mặt viên tướng có vẻ dằng dằng sát khí, thanh trường kiếm lúc nào cũng đeo trễ bên hông, vua đã thấy ngại, bèn buông một câu:

- Phải ta ốm yếu, nên việc nước đều ở cả trong tay anh em ông, vậy ông còn cần gì nữa. Hay là ông tự lấy lấy nước, để ta hoặc giết ta đều được cả, đều ở trong tay ông cả.

1 Bắc Giang ha gồm cả Bắc Ninh, Bắc Giang ngày nay.

2 Đông Ngàn nay thuộc Đông Anh

3 Hồng Châu xưa gồm cả đất Hưng Yên. Hải Dương bấy giờ.

Trần Thủ Độ giậm chân xuống thềm điện nói như hét:

- Bệ hạ nói thế mà nghe được à. Như thế có khác nào bệ hạ coi tôi như một tên giặc của nhà Lý. Tôi chỉ muốn nói, bệ hạ ốm yếu thì nên sai người khác nắm giữ ngôi tôn để điều hành đất nước, thế mà bệ hạ lại bảo tôi lấy lấy nước.

Lý Huệ tông gượng cười đến méo cả mặt:

- Vậy ta cứ ngỡ rằng anh em ông theo giúp ta bao năm nay là nhằm cái đích đó.

Nhìn thẳng vào gương mặt gầy guộc thảm hại của nhà vua, Trần Thủ Độ nói như là một sự quở mắng:

- Tôi không ngờ bệ hạ lại là người bạc bẽo vô ơn đến vậy. Nhà Trần tôi vì bệ hạ mà tiêu tán cả sản nghiệp. Bác tôi vì dẹp loạn để đưa bệ hạ về kinh sau khi Quách Bốc làm loạn nên bị giặc bắn hạ mà qua đời. Anh tôi vì bệ hạ phải bỏn đốn tấu tây đánh dẹp cũng mới qua đời. Nay lại đến lượt tôi cúc cung tận tụy với cơ đồ nhà Lý của bệ hạ, thế mà bệ hạ nở lòng nào lại đổ tội chết cho tôi.

Lý Huệ tông thật sự hoang mang, nhà vua tự nghĩ: "Ta chẳng biết cái thằng giặc hung hăng táo tợn này còn muốn gì nữa. Ta chỉ nói đúng sự thật nó lại bảo ta vô ơn". Cuối cùng nhà vua nói:

- Nếu ông đã có lòng thế thì ta sẽ tìm trong đám anh em, con cháu của hoàng gia, chọn lấy một người kế vị.

- Không được! Trần Thủ Độ gạt phất. Ké kia co công

lao gi, không đứng lại đặt lên đầu lên cổ trăm họ sao?

- Vậy ông hãy thư cho ít ngày để ta bàn với hoàng hậu xem sao.

- Phải, đây là việc lớn, bệ hạ nên bàn kỹ với hoàng hậu, mà phải giữ kín không được tiết lộ ra ngoài kẻo nguy cho bệ hạ đấy! - Trần Thủ Độ đe.

Mưu mô sắp đặt như thế nào Trần Thủ Độ đã bàn kỹ với hoàng hậu Trần Thị Dung nên khi vua hỏi, Trần thị nói ngay:

- Vậy chứ bệ hạ không còn đủ sức chống đáng ngôi nước nữa sao?

- Muốn cũng không được nữa. Ta đã bảo Trần Thủ Độ tự lấy lấy nước mà y còn không nghe.

- Bệ hạ không nên nói phẫn như thế. Điện tiền đã khó nhọc vì bệ hạ.

- Ta nghe chị em hậu nói năng sao mà giống nhau vậy. Nào, hậu thử nói ta nghe ngôi nước bây giờ tính sao.

Hoàng hậu sau một phút ngập ngừng liền nói:

- Thiếp là phận đàn bà, nhưng bệ hạ đã đoái hỏi, xin cứ nói rõ ý mình, còn dinh đoạt là quyền của bệ hạ. Theo thiếp, bệ hạ nên nhường ngôi cho thứ nữ Chiêu Thánh.

- Nếu phải nhường ngôi cho con gái sao không để con Thuận Thiên, nó vừa lớn hơn con Chiêu Thánh, lại cũng đã võ võ học hành, năm nay đã mười tuổi rồi, Chiêu Thánh còn nhỏ quá, chữ nhất (-) chữ nhị (=) còn

chưa đọc nổi, đã biết gì mà đặt nó lên ngôi.

- Bệ hạ, con Thuận Thiên bệ hạ đã chẳng hứa gả cho Trần Liễu, trưởng tử của phụ quốc Thái úy (Trần Thừa) rồi sao.

Như sự nhớ ra, nhà vua nói:

- Phải, ta đã hứa gả theo ý của Trần Tự Khánh từ mấy năm trước, việc đó ai cũng biết. Ta chỉ băn khoăn con Chiêu Thánh sức nó bấy bót quá, tuổi cũng còn ít quá.

Trần thị vội đỡ lời:

- Bệ hạ nhầm rồi! Bệ hạ chẳng nhớ hai đức Anh tông, Cao tông khi lên ngôi mới có hai, ba tuổi nhờ sự phù giúp của các đại thần mà nước vẫn yên thịnh đó sao. Cái chính là nhờ vào hồng phúc của tổ phụ. Vả lại Chiêu Thánh cũng sắp tám tuổi rồi, đức Nhân tông xưa lên ngôi mới có sáu tuổi, vậy mà hai phen đánh Tống thật là oanh liệt, làm rạng tỏ sự nghiệp tổ tông.

Nhà vua đầu óc mơ mơ hồ hồ thấy hoàng hậu viện dẫn gương các tiên đế tiền triều khiến vua cứng họng không cãi vào đâu được, liền nói:

- Ừ thì cho Chiêu Thánh làm vua.

Trần thị cười nịnh:

- Đàn bà không thể làm vua được.

- Sao hậu nhiều lời thế. Hậu chẳng xin ta cho con Chiêu Thánh nối ngôi sao.

- Tâu, đúng vậy. Nhưng bệ hạ phải phong cho Chiêu

Thánh làm hoàng thái tử, cho nó ra ở Đông cung đã.

- À! À! Hậu giỏi quá! Tức là phải biến hoàng nữ thành hoàng nam rồi sau đó mới truyền ngôi.

- Tâu, đúng như vậy.

Nhà vua cười nửa miệng:

- Khá khen, hậu mưu lược như thần, ta chắc Trần Tự Khánh, Trần Thủ Độ cũng không hơn được.

Liền đó vua xuống chiếu lập công chúa Phật Kim làm hoàng thái tử Chiêu Thanh. Lại kèm thêm một chiếu nữa: Chiếu nhường ngôi.

Hoang thai tư Chiêu Thánh tức công chúa Phật Kim lên ngôi lấy vi hiệu là Lý Chiêu Hoàng.

Trần Thủ Độ sai tuyển con em các quan để sung vào các chi hậu nội nhân, thay phiên nhau vào chầu hầu nữ chúa. Lấy Trần Bất Cập là cháu họ Trần Thủ Độ làm cận thị thự lục cục chi hậu; Trần Thiêm làm chi hậu cục; Trần Cảnh làm chi hậu cục chánh thu (Cảnh con Trần Thừa mới tám tuổi).

Trần Cảnh vào chầu, nữ chúa vờ vào hậu cung chơi bởi cho có bạn. Thấy hai kẻ thân nhau, Trần Thủ Độ bàn với Trần Thừa, Trần Thị Dung rằng: "Cho hai trẻ lấy nhau". Lúc đầu thấy tình lý khó xuôi nên rất ngại. Sau Trần Thủ Độ ép phải nhận. Thế là hai trẻ thành thân. Được mấy tháng sau ngày cưới, Trần Thủ Độ lại bày ra chuyện nhường ngôi.

Vậy là nhà Lý mất ngôi nước, nhà Trần tự nhiên được ngôi nước mà không hao tổn máu xương.

Lý Huệ tông sau khi nhường ngôi cho con xin xuất gia tại một ngôi chùa ven Dâm Đàm như chùa Khai Quốc hoặc chùa Thiên Phúc, nhưng Trần Thủ Độ không nghe:

- Bệ hạ sức yếu, ra các nơi đó sương giá chịu sao nổi. Vả lại bệ hạ ở gần trong thành để nữ chúa còn hôm sớm viếng thăm. Cho nên bệ hạ nên xuất gia tại chùa Chân Giáo trong đại nội là ngôi chùa do đức Anh tông dựng, qua tu bổ và mở rộng nhiều lần, nay thuộc hàng đệ nhất danh lam, bệ hạ ngại gì không tới đó.

Huệ tông im lặng không đáp. Vua tự biết Trần Thủ Độ tuy được nước rồi nhưng vẫn còn muốn giam lỏng ta. Y sợ ta lọt vào tay của thế lực khác.

Vua xuống tóc, vận áo cà sa, chăm chú việc kinh kệ để quên bớt sự đời và ngài lấy pháp danh là Huệ Quang thiền sư.

Một hôm trời ấm áp, Huệ Quang ra nhật cỏ nơi vườn chùa quanh mấy gốc cây lan, cây mộc, nhân Trần Thủ Độ đi qua nom thấy, sai dừng kiệu. Trần Thủ Độ nghiêng đầu nói qua hàng rào: "Nhớ cỏ thì phải nhổ hết cả rễ sâu thì mới triệt được nó tái sinh".

Chăng la trước do cơ bừa Huệ tông lưng thưng đi dao ra tân chợ Cầu Đông. Thầy vua xuống tóc, vận áo cà sa, dân chung xum đông lai ngo dom va đều to long thương xot.

Trần Thu Đô sơ tha long nha vua se cơ biên, y muôn trư bo ngai di, vầy mơi cơ nơih bong gio ấy.

Huệ Quang phất tay áo đáp lời:

- Ta hiểu ý người muốn nói gì rồi. Việc này ta sẽ tự xử.

Trần Cảnh lên ngôi hiệu là Kiến Trung, sách phong Chiêu Hoàng là hoàng hậu, đổi gọi là Chiêu. Thánh. Phong Trần Thủ Độ làm Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sứ. Giáng hoàng hậu của Huệ tông làm Thiên Cực công chúa, lấy cơ nhà vua đã xuất gia; lại gả Thiên Cực cho Trần Thủ Độ.

Vậy là từ nay Trần Thủ Độ và Trần Thị Dung (vốn là hai chị em họ) thoả sức mây mưa chứ không phải len vụng tư thông với nhau như hồi Huệ tông đau ốm.

Sau buổi nói lời sát nhân của Trần Thủ Độ, Huệ Quang biết Thủ Độ đã lấy xong cơ nghiệp nhà Lý, việc cuối cùng của y là phải nhổ tận gốc, tức giết nốt ta nữa thì chúng mới thật sự yên tâm.

Ít lâu sau nhà vua đã hết bệnh, đầu óc hoàn toàn tỉnh táo, vua tự kiểm xét lại cuộc đời mình và tự thấy chính mình đã tạo đà cho anh em nhà Trần Tự Khánh xô đổ cơ nghiệp của nhà Lý mà sự việc bắt đầu từ khi chạy giặc về Hải Ấp rồi sang thôn Lưu Xá vào nhà Trần Lý, kết ngãi vợ chồng với Trần thị.

Trần thị chính là kẻ chui vào nhà Lý và phá nát cơ đồ do tổ tông tạo dựng. Tiếc thay ta đã không nghe lời

mẫu hậu đề đến nông nỗi này.

Suốt mấy ngày liền nhà vua không ngớt sám hối. Và khi kíp nhận chân sự việc thì đã quá muộn. Có lúc Huệ Quang muốn gặp lại Trần thị, nói cho y đôi lời trước giờ vĩnh biệt, nhưng nghĩ lại thấy ghê tởm, nên ngài lại thôi. Nhưng quả là ngài khao khát gặp lại các con, song không có kẻ nào chịu thông tin tức giúp ngài tới Thuận Thiên và Phạt Kim cả.

Một sớm, Trần Thủ Độ sai người đến chùa bày biện hương hoa dưới một gốc cây, lại treo lên chạc cây một dây thòng lọng rồi vào nói với Huệ Quang thiền sư:

- Thượng phụ sai thân đến mời...

Huệ Quang (tức vua Lý Huệ tông) nói:

- Người cút về nói với tên thuyền chài cứ yên tâm, ta khắc biết tự xử.

Nhà vua bình thân tụng xong vài biến kinh rồi đem chiếc ghế ra bắc để đứng cho vừa tầm với dây thòng lọng đang đung đưa. Vua lấy tay giật thử vài ba lần chiếc dây thừng xem có chắc. Trước khi chui cổ vào thòng lọng vua nói: *"Thiên hạ của nhà ta đã về tay người, người lại còn rắp tâm giết ta. Ngày nay ta chết, đến lượt con cháu người sẽ bị kẻ khác soán đoạt và giết chết! thảm thương. Hãy chờ xem quả báo!"*.

Huệ tông chui cổ vào tròng, chân đạp cho chiếc ghế đổ. Đang nửa chiều, tự nhiên trời tối đen lại. Một tiếng sấm nổ vang giữa trời.

Huệ tông mất ở tuổi ba mươi ba, kết thúc sự nghiệp của nhà Lý khởi từ năm Canh Tuất (1010) và đoạn ở năm Ất Dậu (1225) cộng lại là hai trăm mười sáu năm.

Thật ra sự mất còn của một triều đại tựa như sự chuyển xoay của thời tiết, với lịch sử nó chẳng có ý nghĩa gì. Duy có điều đáng bàn là khi tồn tại nó đã làm được gì cho dân, cho nước, nó đóng góp được những gì cho tiến trình tiến hoá của dân tộc hay nó kéo lùi tiến trình đó lại khiến cho lịch sử phải bận tâm chê trách.

*Bộ tiểu thuyết này được khởi công từ tháng 10 năm 1990
tại Giảng Võ- Hà Nội.*

*Hoàn thành vào tháng 12 năm 2007
tại Nhà sáng tác Đà Lạt.*

*Hoàn chỉnh vào tháng 12 năm 2009
tại Lăng Thượng – Hà Nội.*

HQH

CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI QUỲNH GIAO

Biên tập: **HOA PHƯỢNG - THÚY HÀ**

Bìa: **VĂN SÁNG**

Sửa bản in: **Tác giả**

NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ

39 Hàng Chuối – Hà Nội

ĐT: 04.39710717 – 39717979 – 39717980 – 39716727 – 39712832

Fax: 04.39712830

Email: nxbphunu@vnn.vn

Chi nhánh: 16 Alexandre De Rhodes – Quận 1 – TP.Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38234806

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

Chi nhánh **Công ty CP Xây dựng & DVTM Vạn Niên** tại Hà Nội

34 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: 04.37566647

Email: nhasachvannien@gmail.com

In 3000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại Công ty CP in SAVINA.
Số đăng ký KHXB: 648-2010/CXB/47-36/PN, ký ngày 02/07/2010.
QDXB số: 141/QD-PN. In xong và nộp lưu chuyển quý IV năm 2010.



TÁM TRIỀU VUA LÝ cho ta biết vì sao
Lý Công Uẩn đã quyết định dời đô và biến
nước Đại Việt từ nghèo nàn, thô phác trở thành
một nước phú cường, văn thịnh, võ trị.

Một nước văn hiến vào loại sớm so với trình độ
chung của nhân loại.

TÁM TRIỀU VUA LÝ còn cho ta biết lễ nghi,
phong tục, hội hè từ làng xã đến cung đình.

TÁM TRIỀU VUA LÝ cũng cho ta biết võ công
oanh liệt trong công cuộc phá Tống, bình Chiêm
đề bảo vệ nền độc lập, mở mang bờ cõi...



NGÂN HÀNG BẮC Á
BAC A BANK

TRỌN BỘ TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ TÁM TRIỀU VUA LÝ

THIỆN SƯ DỤNG NƯỚC
CON NGỰA NHÀ PHẬT
BÌNH BẮC ĐẸP NAM
CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH



NHÀ SÁCH VẠN NIÊN

ĐỊA CHỈ: 34 HOÀNG QUỐC VIỆT, NGHĨA ĐỒ, CẦU GIẤY, HÀ NỘI

ĐT: 04.39927062 - FAX: 04.37566647

Con đường định mệnh (Tập 4)



8 935069 1911566

Giá: 186.000đ